Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

HX
9
.H68B

# Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

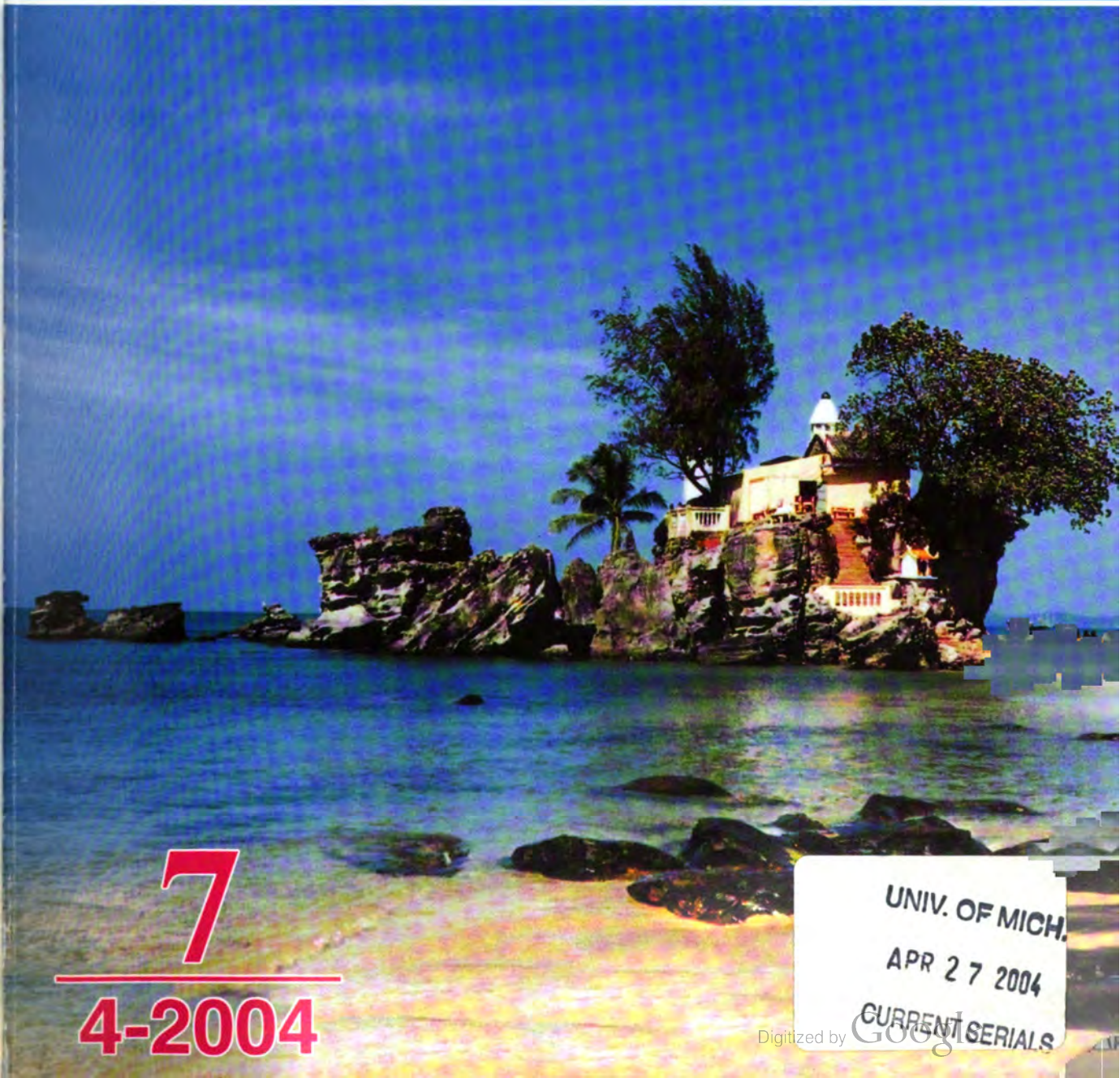

7
4-2004

UNIV. OF MICH.
APR 27 2004
CURRENT SERIALS

Digitized by Google

## СОДЕРЖАНИЕ

ФАМ ЗА ХИЕМ – Продвигать курс спорта и физкультуры по направлению крепкого развития, поощряя спортивные успехи в XXII Спортивных Играх. ХУН ДАМ – Цели обновления работы Отечественного Фронта Вьетнама: прислушиваться к мнению народа, произвести речи доступные к пониманию народа, совершить дела, заслуживающие доверия народа. ХОНГ ВИНЬ – Повышать привлекательность, убедительность каждого журнала в изучении и пропаганде идей Хо Ши Мина о культуре. ДАНГ НГОК ЛОЙ – НГУЕН ВАН ХУНГ – Применение и развитие идей Хо Ши Мина во внешнеэкономической деятельности. ЛЕ КЫОНГ – Президент Хо Ши Мин выбирал талантливого генерала для «Самой ужасной битвы». ЛЕ ХЫУ НГИА: Вводный доклад к Научно-практическому семинару: «Мировая экономическая интеграция – теоретические и практические проблемы» ***** Обзор семинара.** ФАМ ВАН ДАТ – Некоторые основные взгляды об усиленном выполнении социальных функций государством в настоящее время. ФАМ ТХАНГ – Усиление развития экономических компонентов во Вьетнаме. ЧАН ХЫУ ФАТ – Обновление высшего образования во имя успешного выполнения модернизации, индустриализации и интеграции. НГУЕН ДЫК ТХАНГ – Работа по планированию кадров в провинции Лаокай. НГУЕН ВАН ЗУ – Развивающиеся страны в борьбе за установление нового мирового порядка на данном этапе. ДЫК ЗАНГ – Перспективы социализма на Кубе в начале XXI$^{ого}$ века.

## CONTENTS

PHẠM GIA KHIÊM – Urging sport and gymnastic matters to develop steadily with promotion of SEA Games 22's achievements. HUỲNH ĐẢM – The aims of work renovation of Vietnamese Fatherland Front: attending to the people's opinions, making speeches be accessible to the people's comprehension, and accomplishing trustworthy matters. HỒNG VINH – Enhancing attractiveness, persuasiveness of each review in study and propaganda of Hồ Chí Minh's ideas on culture. ĐẶNG NGOC LỢI - NGUYỄN VĂN HÙNG – Applying and developing Hồ Chí Minh's ideas in foreign economic activities. LÊ CƯỜNG – President Hồ Chí Minh selected a talented general for "the most terrible battle". LÊ HỮU NGHĨA – Introduction report to the Scientific – practical seminar: "World economic integration – theoretical and practical problems". ***** Overview of the seminar.** PHẠM VĂN ĐẠT – Some principal viewpoints on increased fulfillment of social functions by the state at the present. PHẠM THẮNG – Speeding up the development of economic components in Vietnam. TRẦN HỮU PHÁT – Renovating higher education to fulfill successfully modernization, industrialization and integration. NGUYỄN ĐỨC THẮNG – Cadres – planning works in Lao Cai province. NGUYỄN VĂN DU – Developing countries in the struggle for establishing a new World order nowadays. ĐỨC GIANG – Prospects of socialism in Cuba in the early XXI$^{th}$ century.

## SOMMAIRE

PHẠM GIA KHIÊM: Valoriser les performances obtenues aux 22e Jeux de l'ASEAN, accélérer l'œuvre de la gymnastique et du sport pour un solide développement. HUỲNH ĐẢM: "Ecouter le peuple, dire de telle manière qu'il comprenne, agir de manière à obtenir sa confiance" – objectif de rénovation du Front de la Patrie vietnamienne. HỒNG VINH: Rendre les revues plus attirantes, plus convaincantes en matière de recherche et de propagation de la pensée de la culture du président Hồ Chí Minh. ĐẶNG NGỌC LỢI – NGUYỄN VĂN HÙNG: Application et valorisation de la pensée de Hồ Chí Minh dans les activités économiques extérieures. LÊ CƯỜNG: Le choix d'un commandant talent pour "la bataille la plus acharnée" par le président Hồ Chí Minh. LÊ HỮU NGHĨA: Le rapport d'introduction du colloque Science-Pratique « Intégration à l'économie internationale – théorie et pratique ». ***** Aperçus du colloque.** PHẠM VĂN ĐẠT: Des points de vue essentiels sur l'exécution vigoureuse de la fonction sociale de l'Etat de l'heure. PHẠM THẮNG: Avancer le développement des composantes économiques au Vietnam. TRẦN HỮU PHÁT: Renouveler l'enseignement supérieure en vue de mener à bonne fin l'œuvre d'industrialisation, de modernisation et l'intégration internationale. NGUYỄN ĐỨC THẮNG: La planification des cadres de la province de Lào Cai. NGUYỄN VĂN DU: Les pays en développement en cours de la lutte pour l'établissement du nouvel ordre mondial à l'heure actuelle. ĐỨC GIANG: La perspective du socialisme à Cuba au début du XXIe siècle.

## SOMMAIRE

PHẠM GIA KHIÊM: Poniendo en juego los éxitos logrados en los SEA Games 22 para impulsar el firme desarrollo deportivo de Vietnam. HUỲNH ĐẢM: Escuchar las palabras del pueblo, decir para que el pueblo comprenda y hacer para que el pueblo crea – metas de renovación del trabajo de Frente de la Patria de Vietnam. HỒNG VINH: Elevar la atracción y la persuasión de cada número de la revista en el estudio y la propaganda del pensamiento de Hồ Chí Minh. ĐẶNG NGỌC LỢI-NGUYỄN VĂN HÙNG: Aplicar y desarrollar el pensamiento de Hồ Chí Minh en las actividades de economía exterior. LÊ CƯỜNG: El presidente Hồ Chí Minh selecciona al jefe talentoso para "la batalla más encarnizada". LÊ HỮU NGHĨA: Informe de introducción del Seminario de ciencia y realidad "Integración económica internacional – cuestiones de teoría y realidad". ***** Panorama del Seminario.** PHẠM VĂN ĐẠT: Algunos principales puntos de vista sobre el fortalecimiento de función social de nuestro Estado en la actualidad. PHẠM THẮNG: Impulsar el desarrollo de los sectores económicos en Vietnam. TRẦN HỮU PHÁT: Renovar la enseñanza universitaria a fin de cumplir existosamente la industrialización, la modernización y la integridad. NGUYỄN ĐỨC THẮNG: El trabajo de planificación de cuadros en la provincia de Lào Cai. NGUYỄN VĂN DU: Los países en vías de desarrollo en la lucha por establecer el nuevo orden mundial en la actualidad. ĐỨC GIANG: Perspectivas del socialismo en Cuba a comienzos del siglo XXI.

## 目 录

• 范家谦：发挥第22次东南亚运动会的成绩，促进越南体育运动事业的稳固发展 • 黄担：听民讲、所讲的让民懂、让民信是越南祖国战线革新工作的目标 • 鸿荣：每个杂志在有关文化胡志明思想研究及宣传中，提高其吸引性及收复性 • 邓玉利、阮文雄：在对外经济活动中运用及发展胡志明思想 • 黎强：胡志明主席为“最激烈的一战”选拔将才 • 黎友义：《科学——实践》研讨会的提要报告：《融入国际经济——理论及实践的问题》 ***** 研讨会综述** • 范文达：关于加强落实目前我国政府的社会职能的一些基本观点 • 范胜：大力发展越南各经济成分 • 陈友发：革新大学教育为成功地实现工业化、现代化及融入国际 • 阮德升：越南老街省规划干部的工作 • 阮文喻：发展中国家在目前设立新世界秩序斗争中 • 德江：22世纪初古巴的社会主义展望

Digitized by Google

# PHÁT HUY THÀNH TÍCH THỂ THAO TẠI SEA GAMES 22, THÚC ĐẨY SỰ NGHIỆP THỂ DỤC - THỂ THAO PHÁT TRIỂN VỮNG CHẮC

**PHẠM GIA KHIÊM***

NĂM 2003, lần đầu tiên nước ta đăng cai và tổ chức thành công Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games 22) và Đại hội Thể thao Người khuyết tật Đông Nam Á (ASEAN Para Games 2).

Thông qua SEA Games 22 và ASEAN Para Games 2, bạn bè quốc tế một lần nữa ca ngợi những giá trị tốt đẹp, chân thực về đất nước và con người Việt Nam. Thành công của SEA Games 22 và ASEAN Para Games 2 trước hết thuộc về nhân dân ta. Đồng bào cả nước và kiều bào ta ở nước ngoài đã hết sức ủng hộ, cổ vũ nhiệt thành, tham gia tích cực và hiệu quả các hoạt động thể thao - văn hóa trong quá trình chuẩn bị và tiến hành các đại hội.

Thành công tổ chức SEA Games 22 và ASEAN Para Games 2 thể hiện ở việc bảo đảm thực hiện 3 nhiệm vụ chủ yếu mà Đảng, Chính phủ và nhân dân ta đã xác định.

**1 - Về xây dựng cơ sở vật chất**

Ngay từ khi tiếp nhận chính thức lá cờ SEA Games 22 từ Đại hội lần thứ 21, Việt Nam đã có bước chuẩn bị tích cực xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật cần thiết đáp ứng cho thi đấu thể thao SEA Games 22 và ASEAN Para Games 2. Được sự quan tâm chỉ đạo, tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất về mọi mặt của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, với tinh thần trách nhiệm cao của các bộ, các ngành, của Ban Chỉ đạo quốc gia chuẩn bị SEA Games 22, của chính quyền và nhân dân các địa phương, chúng ta đã đầu tư, xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp 74 công trình, trong đó có 57 công trình trực tiếp phục vụ thi đấu và tập luyện, 9 công trình hạ tầng và dịch vụ. Tuy có khó khăn, nhưng toàn bộ các công trình đã hoàn thành đúng thời hạn, được vận hành thử nghiệm trước khi đưa vào sử dụng. Các công trình phục vụ luyện tập, thi đấu và điều hành Đại hội khá khang trang, hầu hết các công trình đều đạt tiêu chuẩn quốc tế có uy tín về kỹ thuật thể thao kiểm chứng công nhận. Nhờ đó, Đại hội đã được khai mạc đúng thời gian do các nước ASEAN thỏa thuận ấn định trước.

Nhiều bộ, ngành, đoàn thể ở trung ương và các địa phương nơi diễn ra các nội dung thi đấu thể thao, đặc biệt là Ủy ban Thể dục - Thể thao, chính quyền và nhân dân Thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh đã tập trung trí tuệ và nguồn lực làm tất cả những gì tốt nhất vì sự thành công của Đại hội. Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam đã đảm nhiệm việc nâng cấp, mở rộng và hiện đại hóa hệ thống dẫn truyền phục vụ Đại hội. Trung tâm báo chí chính tại Hà Nội và 3 trung tâm báo chí

* Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ


Digitized by Google

đặt tại thành phố Hồ Chí Minh được kết nối trực tiếp với tất cả các địa điểm thi đấu. 2 000 phần mềm tin học thuộc các phân hệ đăng ký và xử lý kết quả thi đấu được đưa vào khai thác. Mạng điện thoại (cố định và di động), in-tơ-nét và các dịch vụ bưu chính khác đã được triển khai đồng bộ đến tất cả các điểm thi đấu, các nơi ở của các đoàn vận động viên và khu vực dịch vụ công cộng. Việc tra cứu, cập nhật thông tin, theo dõi trực tiếp toàn bộ diễn biến của Đại hội đều diễn ra đồng thời, thuận tiện. Trong thời gian diễn ra Đại hội đã có trên 45 triệu lượt người truy cập trang Web của Đại hội.

Bộ Giao thông vận tải đã phối hợp với các tỉnh, thành phố cải tạo nâng cấp các tuyến đường, mở rộng các nút giao thông trọng điểm, mở thêm đường mới, phân luồng và điều hành giao thông hợp lý. Mặc dù SEA Games 22 là một trong những kỳ Đại hội Thể thao có quy mô lớn nhất của khu vực, được tổ chức lần đầu tiên ở nước ta, lại được tổ chức ở 11 tỉnh, thành phố, với 32 môn thi đấu gồm 442 nội dung, nhưng giao thông thông suốt trong cả quá trình diễn ra Đại hội.

Bộ Công an, Bộ Quốc phòng đã thành lập các đơn vị chuyên trách và huy động một lực lượng lớn gồm hàng vạn cán bộ, sĩ quan, chiến sĩ tham gia công tác giữ gìn trật tự an toàn, bảo đảm an ninh, an toàn xã hội. SEA Games 22 và ASEAN Para Games 2 đã được tổ chức tuyệt đối an toàn.

**2 - Về chuẩn bị lực lượng Đoàn Thể thao Việt Nam**

Chúng ta đề ra một trong những mục tiêu của SEA Games 22 là tăng cường tình đoàn kết và hữu nghị giữa các dân tộc, không ngừng nâng cao thành tích các môn thể thao, tạo điều kiện để vận động viên nước ta và vận động viên các nước Đông Nam Á rèn luyện kỹ năng thi đấu thể thao nhằm tham gia và giành thành tích cao tại các đại hội thể thao châu lục và thế giới. Để thực hiện mục tiêu đó, Đoàn Việt Nam đã được chuẩn bị kỹ lưỡng từ nhiều năm trước theo chương trình mục tiêu quốc gia đào tạo tài năng, đã có kế hoạch cụ thể, tăng cường đầu tư cho công tác tập huấn của các đội tuyển, nhằm mục tiêu giành vị trí một trong ba đoàn dẫn đầu SEA Games.

Tại SEA Games 22, Đoàn Thể thao Việt Nam đã ra quân với một lực lượng vận động viên hùng hậu nhất, thi đấu xuất sắc, đạt được thành tích vượt trội, đứng đầu các đoàn thể thao dự SEA Games 22, giành được 346 huy chương, trong đó có 158 huy chương vàng, 97 huy chương bạc, 91 huy chương đồng - một kỷ lục chưa từng có trong lịch sử thể thao nước nhà. Đó là thắng lợi chung của các cán bộ, huấn luyện viên, vận động viên ưu tú nước ta, nổi bật là các vận động viên nữ. Họ đã vượt qua mọi khó khăn, kiên trì luyện tập; đã đổ bao mồ hôi, thậm chí gánh chịu mất mát sức lực để chuẩn bị tham dự thắng lợi SEA Games 22. Họ đã thi đấu hết mình vì màu cờ, sắc áo của đội tuyển quốc gia, vì sự cao thượng của thể thao với truyền thống văn hiến và tinh thần thượng võ của dân tộc.

Tiếp theo SEA Games 22, tại ASEAN Para Games 2, Đoàn Thể thao Người khuyết tật Việt Nam như được tiếp thêm sức mạnh nên đã thi đấu thành công, giành 82 huy chương vàng, 78 huy chương bạc, 84 huy chương đồng, xếp thứ hai sau Đoàn Thái Lan.

**3 - Về công tác tổ chức Đại hội**

Lễ khai mạc, cũng như Lễ bế mạc SEA Games 22, ASEAN Para Games 2 đã được tổ chức quy mô, hoành tráng, vừa thể hiện đầy đủ những tư tưởng và chủ đề của hai Đại hội, vừa độc đáo về những ý tưởng, cách thức thể hiện và trình diễn hiện đại. Gần 2 vạn nghệ sĩ, diễn viên, sinh viên các trường nghệ thuật và Đại học Thể dục thể thao I cùng hàng nghìn em thiếu nhi tham gia các màn đồng diễn của các nghi lễ. Lễ khai mạc và lễ bế mạc SEA Games 22, ASEAN Para Games 2 là một trong những thành công chính của hai Đại hội, gây ấn tượng mạnh đối với mọi người.

Tham dự Đại hội có 11 Đoàn thể thao của tất cả các nước trong khu vực với 3 726 vận động viên, 1 058 huấn luyện viên, 2 209 trọng tài, 142 quan chức kỹ thuật. Ngoài ra, tham dự


Digitized by Google

Đại hội còn có 200 khách mời quốc tế, hơn 1 100 phóng viên nước ngoài và 2 300 phóng viên trong nước trực tiếp theo dõi và hoạt động nghiệp vụ tại Đại hội, tuyên truyền và quảng bá rộng rãi không chỉ về thể thao, mà còn về đất nước, con người Việt Nam giàu bản sắc văn hóa dân tộc, hào hiệp, mến khách và đạt được nhiều thành tựu trong sự nghiệp đổi mới.

Chúng ta đã huy động một lực lượng lớn phương tiện và nhân lực tham gia đón tiếp, phục vụ khách quốc tế, các đoàn vận động viên và phóng viên nước ngoài. Công tác lễ tân, đón tiếp khách đến, trong suốt thời gian khách lưu trú ở nước ta, tiễn khách đã được phục vụ lịch sự, cởi mở, tận tình, từ khâu ăn, ở, đi lại, thi đấu, tham quan, du lịch... cho đến đáp ứng nhu cầu riêng rất phong phú về tập quán dân tộc, nghi thức tôn giáo của cá nhân người nước ngoài và các đoàn khách quốc tế. Các vị khách quốc tế, các vận động viên, phóng viên nước ngoài ca ngợi tinh thần phục vụ, hâm mộ các món ăn Việt Nam, đặc biệt là họ hoàn toàn an tâm về chất lượng và an toàn thực phẩm. Họ ca ngợi tinh thần và thái độ phục vụ của đội ngũ tình nguyện viên SEA Games 22 và ASEAN Para Games 2. Các thanh niên Việt Nam nhanh nhẹn, tháo vát, có kiến thức, nhiệt tình và mến khách, đã góp phần vào thắng lợi chung của SEA Games 22 và ASEAN Para Games 2.

Thành công xuyên suốt các đại hội trên là tinh thần đoàn kết và hợp tác vì hòa bình và phát triển giữa nhân dân ta với nhân dân các nước Đông Nam Á. Chính phủ và nhân dân Việt Nam chân thành cảm ơn bạn bè quốc tế và vận động viên các nước ASEAN đã thi đấu tích cực góp phần vào thành công chung của SEA Games 22 và ASEAN Para Games 2.

Thành công của SEA Games 22 và ASEAN Para Games 2 được tổ chức, thực hiện đầy đủ, trọn vẹn trên tất cả các mặt chính trị, ngoại giao, văn hóa và kinh tế - xã hội, làm cho vị thế của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao, đúng như tinh thần và tư tưởng lãnh đạo của Đảng và sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ. Thắng lợi của các đại hội cho ta những bài học quý về công tác chỉ đạo, tổ chức, điều hành đại hội thể thao lớn tầm cỡ khu vực và châu lục.

Lần đầu tiên chúng ta tổ chức đại hội thể thao lớn nhất khu vực nên khó tránh khỏi thiếu sót nhất định, do những nguyên nhân khách quan và chủ quan; cần phải rút ra những bài học và kinh nghiệm một cách nghiêm túc để chuẩn bị cho những đại hội tới.

Những thành tích trên đây biểu hiện sinh động sự tiến bộ, đánh dấu mốc quan trọng có tính bước ngoặt trong quá trình xây dựng, trưởng thành và phát triển của thể thao nước ta trong những năm đầu của thế kỷ XXI.

Để phát huy hơn nữa thành tích thể thao Việt Nam tại SEA Games 22 và ASEAN Para Games 2, trước mắt cần có chủ trương, chính sách và kế hoạch cụ thể chăm lo cho các vận động viên đã hoàn thành nhiệm vụ, đạt thành tích cao sẽ không thi đấu để họ có một cuộc sống được bảo đảm, ổn định.

Mặt khác, phải có kế hoạch cơ bản, khoa học, cụ thể, thường xuyên phát hiện và đào tạo tài năng thể thao thành tích cao cho đất nước. Chuẩn bị ngay cho việc tham gia SEA Games 23. Đồng thời tiếp tục theo dõi về chất lượng các công trình thể thao hiện có; có một đề án cụ thể về giữ gìn, bảo dưỡng, chống xuống cấp, sử dụng và phát huy hiệu quả cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện có phục vụ hoạt động thể thao, văn hóa của nhân dân. Chúng ta tin tưởng rằng, trong tương lai không xa, thể thao Việt Nam sẽ tiếp tục khởi sắc, vươn tới thành tích cao hơn, nhanh hơn, xa hơn và phát triển vững chắc.

Âm hưởng vang vọng sau các đại hội thắp sáng thêm niềm tự hào, lòng yêu nước và tự tôn dân tộc của mỗi người dân nước ta, thắt chặt thêm khối đại đoàn kết toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng; nêu cao ý chí tự cường với tinh thần và khí thế của SEA Games 22 và ASEAN Para Games 2, nhân dân ta sẽ phấn đấu thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu mà Đại hội IX của Đảng đã đề ra, sớm đưa nước ta về cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020, làm nền tảng cho thể thao Việt Nam phát triển vững chắc. ❑


Digitized by Google

# NGHE DÂN NÓI, NÓI DÂN HIỂU, LÀM DÂN TIN – MỤC TIÊU ĐỔI MỚI CÔNG TÁC CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM

**HUỲNH ĐẢM** *

TRONG hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước, nhất là từ thời kỳ đổi mới, khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức ngày càng được mở rộng, củng cố, tập hợp ngày càng đông đảo các giai tầng xã hội, các dân tộc, các tôn giáo, các cá nhân trong và ngoài nước; là nhân tố quan trọng để ổn định và phát triển, củng cố niềm tin của nhân dân vào chủ trương, đường lối của Đảng, tích cực ủng hộ các chính sách và pháp luật của Nhà nước, tham gia có hiệu quả vào các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Cùng với các đoàn thể, các tổ chức chính trị, xã hội khác, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã và đang có những đóng góp tích cực. Công tác Mặt trận trong giai đoạn mới đã cụ thể hóa thành ***5 nội dung***, được triển khai đồng loạt trong cả nước, đến từng cơ sở, từng khu dân cư. Cụ thể là:

1 - Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, đưa nhanh Nghị quyết của Đảng vào cuộc sống, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

2 - Mở rộng, nâng cao hiệu quả Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư", các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước.

3 - Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tham gia xây dựng Nhà nước, cùng Nhà nước chăm lo và bảo vệ quyền lợi chính đáng của nhân dân.

4 - Đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận; cải cách việc điều hành, chỉ đạo của cơ quan chuyên trách; hướng mạnh các hoạt động về cơ sở, khu dân cư.

5 - Tăng cường hoạt động đối ngoại nhân dân, góp phần cùng Đảng và Nhà nước thực hiện tốt phương châm: "Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế".

Những khó khăn về kinh tế - xã hội, trật tự, trị an, thiên tai, bệnh dịch... cùng với những yếu kém trong công tác quản lý, công tác cán bộ... đã tác động đến tâm lý của một bộ phận nhân dân, *gây những diễn biến không có lợi về tư tưởng*. Thêm vào đó, các thế lực thù địch ở trong và ngoài nước cũng ráo riết hoạt động phá hoại nhằm *cản trở sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội* ở nước ta.

---

* Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam



Digitized by Google

Khối đại đoàn kết toàn dân tộc vẫn chưa thật bền chặt và đang đứng trước những thách thức mới. Công tác của Mặt trận Tổ quốc vẫn còn *không ít những yếu kém, thiếu sót,* chưa thực sự phát huy được tính chủ động, tích cực của quần chúng; chưa coi trọng công tác tuyên truyền ở địa bàn nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng tôn giáo, dân tộc; chưa có những biện pháp kịp thời, hiệu quả, phù hợp trong vận động nhân dân; chưa phản ánh đầy đủ và tổng kết kịp thời những bài học rút ra từ thực tiễn và đề xuất những bài học mang tính chiến lược, lâu dài; thiếu sự phối hợp thường xuyên, chặt chẽ giữa các tổ chức thành viên trong hệ thống chính trị với Ủy ban Mặt trận các cấp...

Nghị quyết Trung ương 7 (phần II) (khóa IX) về ***Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc*** vì *dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*; Nghị quyết về ***Công tác Dân tộc***; Nghị quyết về ***Công tác Tôn giáo*** đã tạo thêm không khí phấn khởi, tin tưởng trong các tầng lớp nhân dân, góp phần nâng cao sự đồng thuận trong xã hội. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tất cả các tỉnh, thành phố đều phối hợp với các cơ quan hữu quan của Đảng, chính quyền tổ chức phổ biến sâu, rộng các nghị quyết đó của Đảng tới các tầng lớp nhân dân. Nhiều tổ chức thành viên đã sớm triển khai xây dựng chương trình hành động phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của mình bằng nhiều nội dung phong phú, thiết thực, gắn với các phong trào thi đua.

Năm 2003 - năm "bản lề" thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2001 - 2005) - đánh dấu bước tiến mới trong việc khắc phục những thiếu sót, yếu kém của công tác mặt trận từ các giai đoạn trước. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã chỉ đạo các cấp phải thấu triệt thật đầy đủ vị trí, vai trò, chức năng và nhiệm vụ của Mặt trận; có sự phối hợp ngày càng chặt chẽ, đồng bộ của các tổ chức thành viên (bao gồm 32 tổ chức) tiến hành triển khai sâu rộng tiến trình ***đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động, thật sự hướng về cơ sở.*** Do đó, công tác của Mặt trận Tổ quốc đã có những chuyển biến tích cực, *lấy trọng tâm là địa bàn dân cư,* không chỉ dừng lại ở hô hào, kêu gọi mà không ngừng phát động hành động trên *toàn quốc, toàn dân, toàn diện, đi vào chiều sâu* bằng các phong trào thi đua yêu nước, phong trào bảo vệ an ninh, quốc phòng. Để các nghị quyết nhanh đi vào cuộc sống, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã chủ động kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước thể chế hóa các nghị quyết của Hội nghị Trung ương 7 (phần II), khóa IX, bằng việc ban hành các văn bản pháp luật, nhất là Pháp lệnh về Tôn giáo, Luật Đất đai (sửa đổi), Luật Thi đua, Khen thưởng...

Tháng 2-2003, Hội nghị lần thứ 5 Ủy Ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (khóa V) đã tiếp tục làm sâu sắc thêm 5 nội dung chương trình phối hợp thống nhất hành động nêu trong Báo cáo tổng kết công tác Mặt trận năm 2002 và 6 nội dung Mặt trận các cấp cần tập trung chỉ đạo năm 2003, trong đó nhấn mạnh việc "triển khai thực hiện có kết quả Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng". Nhằm từng bước cụ thể hóa Nghị quyết, Mặt trận Tổ quốc các cấp cùng các tổ chức thành viên chỉ đạo triển khai các hoạt động thiết thực: tổ chức tốt Đại hội các cấp của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; đổi mới phương thức hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả công tác của Mặt trận trong tình hình mới; tiếp tục tổ chức thật tốt các phong trào thi đua yêu nước, nhất là các cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" và "Ngày vì người nghèo"*; làm cho Đại hội Mặt trận Tổ quốc các cấp thực sự là đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn, sâu sắc trong toàn dân.

Tháng 5-2003, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần đầu tiên đã tổ chức 2 hội nghị lớn tại Hà Nội


Digitized by Google

và Thành phố Hồ Chí Minh để phổ biến Nghị quyết Trung ương 7 với sự tham gia của hơn 400 đại biểu là nhân sĩ, trí thức, chức sắc, tôn giáo, đồng bào các dân tộc thiểu số, người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Đây là việc làm thể hiện *tính chủ động, tinh thần trách nhiệm* cao của Mặt trận trong việc tuyên truyền, phổ biến nghị quyết của Đảng, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Hầu hết các đại biểu dự Hội nghị đều vui mừng, phấn khởi nghiên cứu Nghị quyết của Đảng; bày tỏ sự nhất trí cao về nội dung của các Nghị quyết; đánh giá cao sự nỗ lực của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Nhiều ý kiến thể hiện rõ quan điểm và trách nhiệm cao đối với tình hình đất nước; đánh giá đúng sự thật về sự phát triển và tự do tôn giáo ở Việt Nam; đánh giá đúng thực tế khối đại đoàn kết dân tộc hiện nay, thấy được trách nhiệm của mỗi cá nhân trong việc quán triệt đường lối của Đảng nhất là các tín đồ và nhân dân địa phương. Nhiều đại biểu đã phân tích và phê phán âm mưu, thủ đoạn của kẻ xấu đã xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng, lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phá hoại công cuộc xây dựng đất nước.

Nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng thông tin, tuyên truyền về đại đoàn kết toàn dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trương tiếp tục đổi mới hệ thống báo chí của mình, trước hết là báo *Đại đoàn kết* và tờ *Thông tin Công tác Mặt trận*, tổ chức giải báo chí *Vì sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc*.

Sau Hội nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ 5 (khóa V) tháng 2-2003, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã ra văn bản hướng dẫn các địa phương về những nội dung của Đại hội các cấp. Theo báo cáo chưa đầy đủ từ các địa phương, có 18 tỉnh thành phố tổ chức tiến hành Đại hội trong năm 2003. Nhìn chung, các tỉnh, thành phố đã tiến hành Đại hội đều quán triệt và thể hiện khá đầy đủ các nội dung, yêu cầu đổi mới công tác của Mặt trận trong quá trình chuẩn bị về dự thảo báo cáo và nhân sự khóa mới. Công tác tuyên truyền cho Đại hội được các cấp chú ý hơn và chuẩn bị khá chu đáo. Không khí Đại hội cởi mở, dân chủ, thiết thực hơn. Việc tham gia ý kiến vào các văn kiện của Đại hội khá nghiêm túc, chặt chẽ, các ý kiến đóng góp được tổng hợp bằng văn bản để xem xét, bổ sung, hoàn chỉnh trình Đại hội. Việc chuẩn bị nhân sự của Ủy ban và Ban Thường trực khóa mới nhìn chung tăng về số lượng; cơ cấu tỷ lệ người ngoài Đảng có sự cải thiện đáng kể cả về số lượng và chất lượng; chú ý hơn về tỷ lệ đại biểu nữ, thành phần cá nhân tiêu biểu, thành phần chuyên gia... Các tỉnh, thành phố còn lại đã hoàn tất việc chuẩn bị và dự kiến sẽ tổ chức Đại hội trong năm 2004. Nhiều tỉnh, thành phố đã tổ chức xong Đại hội và Hội nghị cấp xã.

Nhân kỷ niệm 73 năm ngày thành lập Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam (18-11-2003), *"Ngày hội Đại đoàn kết các dân tộc"* đã được phát động. Để thực hiện tốt chủ trương này, ngay từ tháng 8-2003, đã chỉ đạo biên soạn tài liệu hướng dẫn và tổ chức tập huấn cho cán bộ chủ chốt. Ngày Hội đã được tổ chức ở các khu dân cư trong cả nước và thu được những kết quả rất đáng khích lệ. Tính đến ngày 14-12-2003, theo báo cáo của 51 tỉnh, thành phố, đã có 65 591/74 085 (88,5%) khu dân cư tổ chức Ngày hội Đại đoàn kết với gần 85 nghìn lượt người tham gia. Các địa phương đã tổ chức khởi công hàng chục nghìn công trình xây dựng ngôi nhà Đại đoàn kết; 46 tỉnh, thành phố tổ chức trao tặng hơn 3 200 ngôi nhà Đại đoàn kết cho người nghèo; biểu dương, khen thưởng gần 100 nghìn hộ gia đình và hàng vạn cá nhân tiêu biểu.

Cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư"* tiếp tục đi vào chiều sâu. Việc tổng kết và phát huy cuộc vận động không chỉ động viên được phong trào thi đua yêu nước mà còn phát huy


Digitized by Google

được các nguồn lực và trí tuệ của nhân dân tham gia xây dựng chương trình hành động cho năm 2004. Nhiều chương trình kinh tế - xã hội của Nhà nước có liên quan trực tiếp đến đời sống nhân dân như: xóa đói, giảm nghèo; đền ơn, đáp nghĩa; phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, an toàn giao thông; chăm sóc sức khỏe nhân dân... được lồng ghép vào các nội dung của cuộc vận động làm tăng thêm tính hiệu quả, khẳng định tính bền vững, góp phần tập hợp đoàn kết nhân dân.

Bước sang năm thứ 3, Cuộc vận động *"Ngày Vì người nghèo"* có nhiều chuyển biến về chất. Với ý nghĩa nhân văn cao cả, cuộc vận động đã thu hút sự quan tâm và đóng góp của hầu như toàn bộ hệ thống chính trị từ trung ương đến cơ sở, cả đồng bào trong nước và ở nước ngoài, bạn bè quốc tế, các doanh nghiệp... Trong 3 năm qua, *"Quỹ Vì người nghèo"* đã có đóng góp đáng kể cho sự nghiệp xóa đói, giảm nghèo trên phạm vi cả nước, đã chi hàng tỉ đồng, hàng chục triệu ngày công hỗ trợ sản xuất, khám chữa bệnh cho người nghèo. Tính từ khi phát động cuộc vận động đến tháng 12-2003, trên toàn quốc đã có *494 tổ chức và cá nhân* tham gia đóng góp, được trên 12,862 tỉ đồng; hơn 15 nghìn USD; 2 650 ơ-rô; 2 930 bảng Anh và 700 CAD.

Cuộc vận động *"Toàn dân hướng về Điện Biên Phủ"* được phát động từ tháng 8-2003. Mặc dù cùng lúc triển khai nhiều cuộc vận động lớn, nhưng cuộc vận động này đã thu hút sự hưởng ứng của tất cả Mặt trận các cấp, các tổ chức thành viên và đông đảo các tầng lớp nhân dân. Tính đến ngày 10-12-2003, có 13 tỉnh, thành phố ủng hộ trực tiếp cho Lai Châu 775 triệu đồng; 29 tỉnh, thành phố chính thức đăng ký ủng hộ tiền mặt và xây dựng nhà Đại đoàn kết cho Lai châu với số tiền gần 4,3 tỉ đồng.

Thực hiện chủ trương của Ban Bí thư về tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 30/CT của Bộ Chính trị và hướng dẫn của Ban chỉ đạo Trung ương về kế hoạch tổng kết thực hiện Quy chế Dân chủ gắn với xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở, từ năm 1999 đến nay, nội dung công tác của Mặt trận tham gia thực hiện Quy chế Dân chủ đã được đưa vào chương trình hành động hằng năm của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Từng năm đều có kiểm tra, đánh giá việc thực hiện những nội dung đã đề ra. Ban Thường trực đã tổ chức nhiều hội nghị chuyên đề trao đổi kinh nghiệm tổ chức thực hiện của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các tỉnh, thành phố. Sau Hội nghị sơ kết 3 năm thực hiện Quy chế Dân chủ sẽ tiến hành đề tài khoa học cấp bộ để nghiên cứu, tổng kết về lý luận và thực tiễn hoạt động của Mặt trận Tổ quốc tham gia thực hiện Quy chế Dân chủ ở xã, phường. Cùng với các bộ, ngành ban hành các văn bản pháp luật hướng dẫn thực hiện những nội dung liên quan đến trách nhiệm của Mặt trận; đưa thành chỉ tiêu thi đua để xét khen thưởng hằng năm ở các cấp. Công tác tuyên truyền, phổ biến, học tập Chỉ thị 30/CT của Bộ Chính trị và Nghị định 29/CP của Chính phủ đã thấm sâu trong cán bộ của Mặt trận và trở thành ý thức thường xuyên trong chỉ đạo và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở, phát huy quyền làm chủ của nhân dân theo phương châm: *"Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra"*.

Năm 2003 đánh dấu một bước tiến của Mặt trận trong việc chủ động phối hợp với các cơ quan nhà nước tổ chức các *hoạt động mang tính nhân dân rộng rãi* bày tỏ thái độ phản đối sự can thiệp của các thế lực thù địch vào công việc nội bộ của nước ta; triển khai *Đề án về công tác đối ngoại nhân dân* của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Lần đầu tiên, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã tổ chức tập huấn toàn diện, trên quy mô lớn công tác của Mặt trận cho cán bộ là Chủ tịch,

*(Xem tiếp trang 13)*


Digitized by Google

# NÂNG CAO TÍNH HẤP DẪN, TÍNH THUYẾT PHỤC CỦA TỪNG TẠP CHÍ TRONG NGHIÊN CỨU, TUYÊN TRUYỀN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA

**HỒNG VINH** *

VĂN hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, mang một nội hàm phong phú, gắn liền với cuộc sống và sự phát triển xã hội. Nhận thức sâu sắc về vị trí, vai trò lớn lao của văn hóa, Đảng ta đã khẳng định: Công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc vì mục tiêu: "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" đòi hỏi chúng ta phải xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Văn hóa tiếp tục vừa là nền tảng tinh thần của dân tộc ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội. Mục tiêu đó bắt nguồn từ tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa được Đảng Cộng sản Việt Nam thể hiện trong *Đề cương văn hóa Việt Nam* năm 1943. Vì vậy, tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa có ý nghĩa hết sức thiết thực và sâu sắc đối với nhiệm vụ xây dựng, bảo tồn và phát huy nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, góp sức đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay. Tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, tư tưởng của Người về văn hóa nói riêng là "một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại".

1 - Cấp ủy và chính quyền các cấp đang triển khai tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về văn hóa theo chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Để thực hiện tốt nhiệm vụ này, các đồng chí lãnh đạo Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương và Bộ Văn hóa - Thông tin đã và đang đi khảo sát thực tế ở một số địa phương trên cả nước. Cuộc tọa đàm này tuy diễn ra trong phạm vi hẹp, thời gian ngắn, song có tác dụng cụ thể đối với hoạt động nghiệp vụ của các tạp chí; và ở một số chừng mực nào đó còn góp phần cùng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương và Bộ Văn hóa - Thông tin, các cơ quan chức năng nhìn nhận đánh giá sâu sắc, toàn diện hơn về tình hình thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII). Trên cơ sở thống nhất nhận định tình hình, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương và Bộ Văn hóa - Thông tin sẽ soạn thảo văn bản trình Hội nghị Trung ương 10 (khóa IX). Đây là Hội nghị Trung ương bàn chuyên đề văn hóa. Trong thời gian qua, các tạp chí đã góp phần thực hiện tốt Chỉ thị 23 CT/TW của Ban Bí thư về nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong toàn Đảng, toàn quân và toàn

* Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương



Digitized by Google

dân ta. 64 tỉnh, thành phố, tất cả các ban, ngành ở Trung ương đang triển khai sâu rộng nhiệm vụ quan trọng này. Mới đây, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương báo cáo Ban Bí thư về kết quả bước đầu triển khai Chỉ thị 23 CT/TW. Tổng hợp tình hình từ các địa phương, ban, ngành và Trung tâm Dư luận xã hội của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, có thể rút ra một số nhận xét bước đầu như sau:

*Một là,* nhiều ý kiến cho rằng, đây là một trong những đợt học tập lý luận dài ngày nhất (3 ngày), có đông người tham gia nhất và nội dung các bài giảng có tính thuyết phục nhất. Đặc biệt là, hầu hết cán bộ chủ chốt lãnh đạo cấp tỉnh (từ Bí thư, Chủ tịch tỉnh, thành phố đến các đồng chí thường vụ, trưởng phó các ban ngành, giám đốc các sở...) đến dự trọn vẹn nội dung lớp học.

Từ thực tế ấy, chúng ta càng thấm thía một điều: nội dung tuyên truyền về chủ đề này trên tạp chí đã trở nên sống động và hấp dẫn một khi các báo viết, báo nói bắt nhịp cuộc sống. Hơi thở của xã hội, của cộng đồng đã và đang được hòa vào trong mỗi trang viết. Tạp chí Cộng sản, Tạp chí Thanh niên, Tạp chí Văn học, Tạp chí Tư tưởng - Văn hóa... và rất nhiều tạp chí khác thời gian qua trong hoạt động tuyên truyền đã chú trọng việc nghiên cứu, tìm cách thể hiện phù hợp đối tượng bạn đọc của mình. Người đọc thật sự phấn chấn và tăng thêm niềm tin khi được cung cấp nhiều thông tin thời sự, có hệ thống và rất thiết thực về Chủ tịch Hồ Chí Minh.

*Hai là,* chưa có đợt thi báo cáo viên giỏi nào lại thu hút đông số người tham gia dự thi và đến dự động viên cổ vũ như Hội thi về tuyên truyền tư tưởng Hồ Chí Minh. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương phối hợp với Thành ủy Hà Nội tổ chức cuộc thi ở phường Cống Vị, Ba Đình đúng dịp kỷ niệm 113 năm Ngày sinh Bác Hồ (19-5-2003). Đây là cuộc thi mở màn để rồi mở rộng ra toàn quốc, ở các tỉnh, kể cả ở miền núi. Cuộc thi ở nhiều địa phương đã thu được kết quả tốt đẹp. Dự kiến cuộc thi Chung khảo toàn quốc sẽ được tổ chức vào ngày 19-5-2004, nhân kỷ niệm 114 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh. Các cuộc thi nói trên đã thu hút sự tham gia của nhiều tầng lớp từ các em nhỏ tuổi cho đến các cụ cao tuổi (có cụ 80 tuổi). Điều ấy chứng tỏ sức sống vĩ đại của tư tưởng Hồ Chí Minh trong lòng lớp lớp thế hệ người Việt Nam. Trong thành công ấy có sự đóng góp không nhỏ của báo chí, trong đó có tạp chí - nơi cung cấp nguồn tư liệu, tài liệu phong phú dồi dào, tin cậy để các báo cáo viên hình thành nội dung tham gia cuộc thi.

Trung tuần tháng 12-2003, sau khi nghe Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương báo cáo, Ban Bí thư đã nhấn mạnh: cần duy trì thường xuyên việc giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh, trước mắt phát động một đợt giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức, lối sống... trong toàn Đảng, toàn quân và toàn dân.

Các tham luận đã trình bày tại cuộc tọa đàm này đều trúng với nhận định và sự chỉ đạo của Ban Bí thư. Có thể coi đó là những định hướng cơ bản, làm cơ sở để các tạp chí tuyên truyền đa dạng hơn, dài hạn hơn. Những ý kiến tham gia góp ý của các tạp chí mang ý nghĩa thiết thực đối với việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị 23.

2 - Thông qua nội dung tuyên truyền trên các tạp chí, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương ghi nhận những đóng góp bước đầu của nhiều tạp chí đã thực hiện tốt Chỉ thị 23 CT/TW bằng việc xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền ngắn hạn, dài hạn, được cụ thể hóa bằng những chuyên mục cụ thể (như: các Tạp chí Cộng sản, Quốc phòng toàn dân, Tư tưởng - Văn hóa...). Nhiều tạp chí đã thu hút được những cây bút có uy tín trong xã hội viết bài cho tạp chí, trong đó có những bài gây ấn tượng sâu sắc về tư tưởng Hồ Chí Minh, văn hóa Hồ Chí Minh. Một số tạp chí đã tổ chức bước đầu những cuộc tọa đàm, trao đổi ý kiến ở phạm vi hẹp; qua đó, rút kinh nghiệm để khắc phục hạn chế, phát huy ưu điểm, nâng cao hiệu quả tuyên truyền. Những nội dung được đề cập trong các tham luận hôm nay thể hiện sinh động trách nhiệm và hiệu quả trong việc triển khai tuyên truyền tư tưởng Hồ Chí Minh trên các tạp chí.


Digitized by Google

3 - Để phát huy và nâng cao hiệu quả tuyên truyền, giáo dục tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, các tạp chí cần tiếp tục làm gì?

*Thứ nhất,* cần phát huy triệt để lợi thế, sức mạnh vốn có của các tạp chí so với các báo, như tính nghiên cứu, dung lượng lớn, có thể đăng các bài nghiên cứu dài và chuyên sâu mang tính hệ thống. Các tạp chí không chỉ tham gia phân tích, lý giải, chứng minh sâu sắc nội dung tư tưởng văn hóa Hồ Chí Minh, mà còn tham gia tuyên truyền, nâng cao nhận thức, phát triển những giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh, thực hiện tốt tư tưởng học đi đôi với hành, nói đi đôi với làm...

*Thứ hai,* tham gia phân tích làm sáng tỏ hơn nữa những luận điểm được ghi trong văn kiện các Đại hội VII, VIII và IX của Đảng. Đó là: Tư tưởng Hồ Chí Minh là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện cụ thể ở Việt Nam; tư tưởng Hồ Chí Minh là sự tổng kết sâu sắc những vấn đề cơ bản của cách mạng nước ta (tập trung vào vấn đề văn hóa); tìm hiểu, phân tích làm rõ nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa trong Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) với ba luận điểm rất cơ bản: Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội; văn hóa là tầm cao trí tuệ của dân tộc; và, văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển kinh tế - xã hội.

*Thứ ba,* phân tích sâu sắc và làm sáng tỏ hơn nữa những vấn đề sau:

- Vì sao ngay từ ngày lập nước Bác Hồ đã nhấn mạnh: "Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi".

- Vì sao khi gặp các văn nghệ sĩ, Bác nói: Văn hóa nghệ thuật là một mặt trận, người nghệ sĩ cũng là người chiến sĩ trên mặt trận ấy.

- Vì sao UNESCO công nhận Chủ tịch Hồ Chí Minh là anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới.

- Vì sao nguyên Thủ tướng Phạm Văn Đồng nhận xét: Đổi mới và văn hóa ở Hồ Chí Minh có quan hệ như hình với bóng?, v.v và v.v..

4 - Các tạp chí cần tích cực tham gia tổng kết thực tiễn 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII). Các bài viết trên tạp chí cần chứng minh Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) là sự cụ thể hóa sinh động tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa Việt Nam. Nghị quyết đã đi vào cuộc sống như thế nào? Hoạt động văn hóa ở từng địa phương, thôn ấp như thế nào? Tạp chí phải là công cụ tuyên truyền đắc lực, lý giải những vấn đề nổi cộm do thực tế cuộc sống đặt ra. Chẳng hạn, vấn đề giáo dục trong năm qua đã thu hút sự quan tâm đặc biệt của dư luận. Các tạp chí, trong đó có tạp chí chuyên ngành cần tập trung làm rõ mối quan hệ giữa số lượng và chất lượng giáo dục, giữa dạy chữ và dạy người ra sao? Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đề cập vấn đề chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa giáo dục cũng chính là từ điều mong muốn của Bác Hồ: mong đồng bào ta "Ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành". Nhưng trên thực tế thì việc tạo điều kiện cho con em nông dân, nhất là ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa... đặt ra nhiều điều bất cập. Vậy các tạp chí lý giải điều này và đề xuất các giải pháp thế nào?

Để tiếp tục phát triển Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII), các tạp chí cần tập trung vào những vấn đề lý luận, như thế nào là nền văn hóa tiên tiến (Văn kiện Đại hội IX của Đảng đã nói nhưng ở dạng khái quát); tính tiên tiến của nền văn hóa gồm nội dung nào? Mối quan hệ giữa tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc ra sao? Nó bổ sung lẫn nhau hay triệt tiêu nhau? Cần phê phán những người lợi dụng việc đề cao bản sắc văn hóa dân tộc để phục hồi các hoạt động mê tín dị đoan bằng cách nào? ...

5- Phải coi trọng việc nghiên cứu, tuyên truyền tư tưởng Hồ Chí Minh là việc làm thường xuyên, lâu dài của Đảng cũng như của tất cả hệ thống thông tin đại chúng. Cụ thể là, các tạp chí duy trì đều đặn chuyên mục nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh và có điều kiện thực hiện nhiệm vụ


Digitized by Google

này một cách toàn diện và hệ thống (như tạp chí Quốc phòng toàn dân đề cập văn hóa quân sự Hồ Chí Minh, tạp chí Giáo dục đề cập tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục, tạp chí Tư tưởng - Văn hóa đề cập sâu tư tưởng văn hóa Hồ Chí Minh...). Các tạp chí cố gắng khai thác khía cạnh mới trong nội dung văn hóa Hồ Chí Minh; thông tin phát hiện những vấn đề mới trong văn hóa Hồ Chí Minh. Tham gia tổng kết thực tiễn đợt học tập tư tưởng Hồ Chí Minh, nhất là với thế hệ trẻ. Nên mở chuyên mục riêng để đăng tải rộng rãi nhiều bài viết của các đối tượng. Đó không phải là kết luận chính thức về văn hóa Hồ Chí Minh, lý luận Hồ Chí Minh mà thông qua chuyên mục đó gợi mở cách tiếp cận để nghiên cứu sâu sắc hơn nữa văn hóa Hồ Chí Minh.

6 - Thông qua thực tiễn, nội dung tuyên truyền về tư tưởng Hồ Chí Minh cần chú ý khắc phục một số khuynh hướng sau: không thần thánh hóa Bác vì Bác Hồ cũng là con người bằng xương, bằng thịt. Bác đã hiến dâng sức lực, trí tuệ cho cách mạng; đồng thời, mang tình yêu nhân dân sâu sắc từ em thơ đến các cụ già. Không được tách rời giữa Bác với Đảng ta vì Bác lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam nhưng Bác cũng trưởng thành từ Đảng; và Bác cùng Đảng đã tập trung trí tuệ chỉ đạo cách mạng Việt Nam thành công.

Cuối cùng, các tạp chí cần tìm mọi cách *nâng cao tính hấp dẫn, tính thuyết phục* của các bài viết. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương đánh giá cao sự tìm tòi, sáng tạo trong xây dựng nội dung và cách thể hiện của từng tạp chí. Mỗi tạp chí có tôn chỉ, mục đích, đối tượng riêng, nhưng chúng ta cũng tìm thấy sự đa dạng trong khi tuyên truyền về văn hóa Hồ Chí Minh. Chính vì vậy, điều quyết định hiệu quả tuyên truyền của từng tạp chí phụ thuộc chủ yếu vào năng lực tổ chức, phong cách làm báo và sự nhạy bén của Ban Biên tập, trước hết là của đồng chí Tổng Biên tập. ❑

# NGHE DÂN NÓI...

*(Tiếp theo trang 9)*

Phó Chủ tịch, Trưởng ban của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh. Chủ động triển khai nhiều hoạt động rộng lớn và thiết thực nhằm hưởng ứng các chương trình kinh tế - xã hội do Chính phủ đề ra. Nhiều văn bản được ký kết với các cơ quan trung ương tạo cơ sở pháp lý cho việc tham gia của Mặt trận vào các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, hành chính, tư pháp ở cấp vĩ mô và tạo cơ chế cho nhiều hoạt động ở cấp cơ sở. Công tác thi đua, khen thưởng ngày càng được Mặt trận các cấp quan tâm.

Tuy đã thu được những kết quả khả quan, song cần nhấn mạnh công tác của Mặt trận trong năm qua vẫn còn nhiều thiếu sót, bắt đầu ngay từ nhận thức chưa sâu về công tác mặt trận trong hệ thống chính trị và trong xã hội. Việc phối hợp và thống nhất hành động giữa Ủy ban Mặt trận Tổ quốc với các tổ chức thành viên ở nhiều nơi, nhiều lúc còn hình thức, kém hiệu quả và chưa chủ động. Công tác tham gia xây dựng chính quyền, nhất là công tác giám sát chậm đổi mới, thiếu sự đồng đều ở các địa phương. Chất lượng đội ngũ cán bộ tuy đã từng bước được nâng lên nhưng nhìn chung vẫn chưa đáp ứng yêu cầu; trong khi đó, công tác đào tạo bồi dưỡng chưa được tiến hành thường xuyên và có hệ thống; chế độ đãi ngộ chưa bình đẳng so với nhiều cơ quan khác trong hệ thống chính trị.

Đa dạng hóa và mở rộng các hình thức tập hợp nhân dân, thể hiện *tính tiêu biểu, đại chúng, thiết thực*, phù hợp với lòng dân, hướng tới mục tiêu ***nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin*** - đó là những công việc mà trong năm 2004 và các giai đoạn tiếp theo Mặt trận Tổ quốc các cấp và các tổ chức thành viên đang phấn đấu thực hiện. ❑


Digitized by Google

# VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG HOẠT ĐỘNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

ĐẶNG NGỌC LỢI* - NGUYỄN VĂN HÙNG**

ĐẠI hội IX của Đảng khẳng định: *"Tư tưởng Hồ Chí Minh* là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại..."(1). Đó là sự tổng kết sâu sắc thực tiễn cách mạng và là bước phát triển quan trọng trong nhận thức và tư duy lý luận của Đảng. Việc bổ sung và đặt đúng vị trí của tư tưởng Hồ Chí Minh trong nền tảng tư tưởng của Đảng có ý nghĩa to lớn đối với sự nghiệp cách mạng của nước ta.

Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh, nhiều người thường dành sự chú ý tới những vấn đề về con đường cách mạng, về độc lập và giải phóng dân tộc, về xây dựng Đảng, về đại đoàn kết dân tộc và sức mạnh của nhân dân, về đạo đức cách mạng, về văn hóa,... mà chưa nghiên cứu một cách ngang tầm và xứng đáng tư tưởng của Người về kinh tế nói chung và kinh tế đối ngoại nói riêng. Đó là một hạn chế lớn. Để góp phần làm sáng tỏ tư tưởng của Người trên lĩnh vực này, bước đầu chúng tôi trình bày một số suy nghĩ và kiến nghị việc vận dụng những chỉ dẫn của Người trên bình diện phát triển và quản lý kinh tế, nhất là kinh tế đối ngoại trong bối cảnh toàn cầu hóa và chúng ta chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế được hình thành từ rất sớm. Khi chúng ta giành được chính quyền, bắt tay vào công cuộc kiến thiết và bảo vệ Tổ quốc, tư tưởng đó thể hiện ngày càng toàn diện và rõ hơn trong việc xây dựng và phát triển một nền kinh tế của nước Việt Nam độc lập. Người không dừng lại ở tư duy kinh tế đơn thuần, mà đòi hỏi một sự kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế với những vấn đề chính trị, xã hội, với độc lập dân tộc, với đoàn kết quốc tế vì sự phồn vinh và phát triển mạnh mẽ của dân tộc. Ngay tại cuộc họp đầu tiên của Ủy ban Nghiên cứu Kế hoạch kiến quốc, ngày 10-1-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phân tích thấu đáo mối quan hệ giữa kháng chiến và kiến quốc. Thực chất đó là mối quan hệ giữa chính trị và kinh tế, giữa bảo vệ độc lập dân tộc và xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc của mọi người dân Việt Nam trong xã hội mới. Bác nói: "Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói chết rét, thì tự do,

---

* TS Kinh tế, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

** ThS Kinh tế, Ban Đối ngoại Trung ương

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 83



Digitized by Google

độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ. Chúng ta phải thực hiện ngay: 1 - Làm cho dân có ăn. 2 - Làm cho dân có mặc. 3 - Làm cho dân có chỗ ở. 4 - Làm cho dân có học hành"(2). Đó chính là mục tiêu của việc xây dựng và phát triển kinh tế của chúng ta.

Để thực hiện mục tiêu đó, Người chỉ rõ phải phát triển toàn diện kinh tế từ nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp tới phát triển dịch vụ, mở rộng giao lưu kinh tế với các nước khác, trước hết là các nước anh em. Theo Người, chỉ có như thế, chúng ta mới phát triển một cách chắc chắn được, sự nghiệp kháng chiến kiến quốc của chúng ta thắng lợi mới càng thêm tin tưởng.

Những quan điểm của Người về phát triển kinh tế, mà ở đây là mở cửa, hội nhập, về việc các dân tộc phải có quan hệ hữu nghị và giao lưu trong phát triển, đã hình thành từ rất sớm, ngay từ khi còn bôn ba trên khắp thế giới, tìm con đường cách mạng đúng đắn cho dân tộc Việt Nam. Khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, tư tưởng đó của Người được hiện thực hóa, một cách cụ thể, sinh động, khi Người viết thư gửi Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, Giêm Biếc-nơ, trong đó đề nghị "được gửi một phái đoàn khoảng năm mươi thanh niên Việt Nam sang Mỹ... xúc tiến việc tiếp tục nghiên cứu về kỹ thuật, nông nghiệp cũng như các lĩnh vực chuyên môn khác" (3). Trong điều kiện khó khăn, gian khổ, và xiết bao công việc cần kíp của một quốc gia mới giành được độc lập, ý tưởng ấy của Người là sự thể hiện sinh động tầm vóc của một lãnh tụ thiên tài, có tầm nhìn xa trông rộng.

Chỉ sau đó ít lâu, trong *Lời kêu gọi Liên hợp quốc* (1946), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã công khai chính sách mở cửa hợp tác của Chính phủ Việt Nam trong nhiều lĩnh vực, trong đó vấn đề mở cửa về kinh tế được đặt lên hàng đầu. Người viết: "Đối với các nước dân chủ, nước Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực: a) Nước Việt Nam dành sự tiếp nhận thuận lợi cho đầu tư của các nhà tư bản, nhà kỹ thuật nước ngoài trong tất cả các ngành kỹ nghệ của mình. b) Nước Việt Nam sẵn sàng mở rộng các cảng, sân bay và đường sá giao thông cho việc buôn bán và quá cảnh quốc tế. c) Nước Việt Nam chấp nhận tham gia mọi tổ chức hợp tác kinh tế quốc tế dưới sự lãnh đạo của Liên hợp quốc..."(4) Sau thành công của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, với đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ, một nửa nước Việt Nam đi vào xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, góp sức cùng nửa nước vẫn còn bị chia cắt sớm đi tới thống nhất. Thời kỳ này, các nước xã hội chủ nghĩa và dân chủ nhân dân lần lượt đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam, giúp đỡ chúng ta rất nhiều về của cải vật chất cũng như đội ngũ chuyên gia cho công cuộc xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Chủ tịch Hồ Chí Minh trang trọng ghi công những đóng góp to lớn đó của các nước anh em: "Quan hệ giữa Liên Xô, Trung Quốc và Việt Nam cũng như giữa các nước trong phe xã hội chủ nghĩa là dựa trên nguyên tắc bình đẳng và tôn trọng chủ quyền của nhau, trên sự hợp tác anh em theo tinh thần quốc tế vô sản, cùng chung một lý tưởng hòa bình, dân chủ và xã hội chủ nghĩa... Nhân dân Việt Nam rất quý trọng tình hữu nghị của Liên Xô, Trung Quốc và các nước anh em khác, vì nó góp phần đảm bảo thắng lợi cho nhân dân Việt Nam trong công cuộc xây dựng một đời sống mới và đấu tranh cho thống nhất Tổ quốc của mình".(5)

Với quốc gia từng là kẻ thù, Người tỏ rõ truyền thống hòa hiếu của dân tộc Việt Nam, khi nêu lên thiện chí: "Đối với nước Pháp, chúng tôi tiếp tục chủ trương rằng trong những điều kiện bình đẳng tuyệt đối và cùng có lợi, trước hết là tin cậy lẫn nhau và hợp tác thẳng thắn, chúng tôi

(2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t 4, tr 152

(3) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 4, tr 80

(4) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 4, tr 470

(5) Hồ Chí Minh: *Sđd*, Hà Nội, 1996, t 8, tr 359-360


Digitized by Google

có thể thiết lập những quan hệ đặc biệt về kinh tế và văn hóa với nước Pháp"[6]. Sau đó, khi trả lời phóng viên người Anh, R. Xen-xpô, của báo *Tin nhanh hằng ngày* về việc liệu Việt Nam *có định mở rộng quan hệ ngoại giao và nhất là thương mại đối với phương Tây không*, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhất quán với các chủ trương đối ngoại mở rộng của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, và nhấn mạnh: "Trên nguyên tắc bình đẳng và hai bên cùng có lợi, chúng tôi sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao và thương mại với tất cả các nước".[7]

Như vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến lược kinh tế mở được hình thành từ rất sớm. Cùng với thời gian và trước những thử thách khắc nghiệt của công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước suốt mấy chục năm, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn giữ vững quan điểm nhất quán, xử lý linh hoạt, đúng đắn mối quan hệ giữa chính trị và kinh tế trong chính sách đối ngoại. Cuối những năm 60, lúc sinh thời, khi đánh giá về nguyên nhân những thắng lợi quan trọng của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Người viết: "Nước ta: ở về xứ nóng, khí hậu tốt, Rừng vàng biển bạc, đất phì nhiêu. Nhân dân dũng cảm và cần kiệm. Các nước anh em giúp đỡ nhiều"[8]. Những quan điểm đó đã giúp cho Việt Nam tranh thủ được sự ủng hộ rất lớn của các nước và nhân dân tiến bộ trên thế giới không chỉ về mặt chính trị, tinh thần, mà còn về kinh tế trong hai cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc ta chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Để việc học tập, quán triệt và đặc biệt là vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong chính sách đối ngoại trong lĩnh vực kinh tế nói chung, ở đây là phương diện kinh tế đối ngoại nói riêng một cách hiệu quả, cần chú ý một số vấn đề chính sau:

***Thứ nhất,*** *xác định đúng mối quan hệ giữa chính sách đối ngoại và chính sách kinh tế đối ngoại.*

Chính sách đối ngoại đúng đắn, rõ ràng là cơ sở chính trị để từ đó xây dựng chính sách kinh tế đối ngoại có hiệu quả. Do vậy, cần có sự gắn bó giữa chính sách đối ngoại với mục tiêu và chiến lược phát triển kinh tế. Với tinh thần đó, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng đã đề ra nhiệm vụ: *"Tạo ra môi trường quốc tế thuận lợi, mở rộng và tăng cường quan hệ quốc tế* về chính trị, kinh tế, văn hóa và khoa học, kỹ thuật..."[9]. Sự đúng đắn của những quan điểm đó đã được thực tiễn kiểm nghiệm, và tiếp tục được khẳng định và phát triển ở Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ (khóa VII), ở Đại hội VIII. Nhờ có những bước đi sáng suốt của Đảng, Việt Nam đã thành công trong quá trình đổi mới, phá được thế cô lập. Từ chỗ bị bao vây cấm vận, đến nay Việt Nam đã có quan hệ chính thức với gần hai trăm quốc gia trên thế giới, đã có tiếng nói trên các diễn đàn quốc tế đa phương và song phương, cả về chính trị cũng như về kinh tế. Đến Đại hội IX, Đảng ta tiếp tục khẳng định: "Mở rộng quan hệ nhiều mặt, song phương và đa phương với các nước và vùng lãnh thổ, các trung tâm chính trị, kinh tế quốc tế lớn, các tổ chức quốc tế và khu vực... *Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực* theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường"[10].

Trên thực tế, chủ trương và thực hiện đường lối đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ và chủ động hội nhập quốc tế, trước hết là về kinh tế, nhằm tranh thủ cao độ ngoại lực để phát huy tối đa nội lực. Hai vấn đề này bổ sung cho nhau một cách biện chứng. Trong bối cảnh mới hiện nay, toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế đang diễn ra một cách mạnh mẽ, đan xen lẫn nhau, vừa có điều kiện thuận lợi, nhưng cũng vừa có

---

(6), (7) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 8, tr 58-59, 160

(8) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 10, tr 543

(9) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr 61-62

(10) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 120


Digitized by Google

nhiều mặt phức tạp, nên đòi hỏi cả hai mặt chính trị và kinh tế trong chính sách đối ngoại của Việt Nam phải được gắn chặt và xử lý một cách linh hoạt hơn nữa trên cơ sở giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa. Những thắng lợi về chính trị trong chính sách đối ngoại sẽ tạo cho chúng ta có tiếng nói riêng trên trường quốc tế và những thành quả đó suy cho cùng là để mở rộng quan hệ kinh tế, thu hút các nguồn lực từ bên ngoài, khai thác lợi thế so sánh của Việt Nam nhằm phục vụ sự phát triển kinh tế của đất nước. Có thể nói, việc xây dựng một chính sách đối ngoại đúng đắn, kết hợp hài hòa được cả hai mặt chính trị và kinh tế sẽ giúp Việt Nam khai thác tối đa được tiềm năng của đất nước, góp phần sớm hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vào năm 2020 như Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã chỉ ra.

***Thứ hai,** hoạt động đối ngoại có vai trò quan trọng phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế.*

Nghị quyết số 07/NQ-TW của Bộ Chính trị (khóa IX) *Về hội nhập kinh tế quốc tế* chỉ rõ: Các cơ quan đại diện ngoại giao ở nước ngoài cần coi việc phục vụ công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế của đất nước là một nhiệm vụ hàng đầu. Hoạt động đối ngoại phục vụ phát triển kinh tế cần được hiểu theo nghĩa rộng, tức là phát huy những thế mạnh riêng của toàn ngành đối ngoại vào công cuộc đổi mới và phát triển kinh tế ở Việt Nam. Đối ngoại phục vụ kinh tế có nghĩa là định hướng hoạt động đối ngoại vào việc khai thác triệt để những thuận lợi và điều kiện từ các mối quan hệ quốc tế để làm lợi cho công cuộc phát triển kinh tế của đất nước.

Vì thế, hoạt động đối ngoại cần quan tâm tới mặt hiệu quả kinh tế và coi đây vừa là một nhiệm vụ trọng tâm, vừa là mục tiêu ưu tiên hàng đầu của toàn ngành ngoại giao trong giai đoạn hiện nay. Phải lấy kết quả thiết thực trong việc phục vụ phát triển kinh tế làm thước đo và tiêu chuẩn để đánh giá hiệu quả của hoạt động đối ngoại. Đối ngoại phục vụ phát triển kinh tế thể hiện ở việc tranh thủ mọi nguồn ngoại lực cho quốc gia. Đây có thể được coi là một nhiệm vụ mới, rất quan trọng và nặng nề đặt ra đối với ngành đối ngoại Việt Nam. Mọi hoạt động đối ngoại cần phải nhằm phục vụ thiết thực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển nền kinh tế nhanh và vững chắc. Hoạt động đối ngoại phải không ngừng quảng bá, cải thiện hình ảnh, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, nhằm thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam; bên cạnh đó, cần tăng cường các hoạt động có hiệu quả thiết thực trong các cơ chế, diễn đàn đa phương và song phương nhằm tìm kiếm đối tác và thị trường xuất khẩu, làm tốt vai trò trung gian, môi giới và làm cầu nối trong các hoạt động kinh tế, thúc đẩy hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khoa học, công nghệ, giáo dục. Tìm kiếm và mở rộng thị trường cũng là vấn đề quan trọng, bởi thị trường quyết định đến việc tiêu thụ sản phẩm cho mọi lĩnh vực sản xuất, kinh doanh dịch vụ, từ đó quyết định hướng đầu tư, góp phần thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế chung. Để phát triển kinh tế đối ngoại, Việt Nam cần coi trọng và mở rộng cả thị trường trong nước và thị trường nước ngoài.

***Thứ ba,** đa dạng hóa chính sách kinh tế đối ngoại là để phát huy tiềm năng kinh tế của đất nước.*

Quan điểm cơ bản của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc mở rộng quan hệ kinh tế với các nước không phải chỉ nhằm nhận sự giúp đỡ của bạn bè quốc tế để bù đắp sự thiếu hụt ở trong nước, mà chính là thông qua sự giúp đỡ đó để phát huy những tiềm năng, lợi thế của Việt Nam. Đó là quan điểm thu hút ngoại lực để phát huy nội lực của Người. Phát triển và vận dụng quan điểm đó, Đảng ta đã xác định rõ mục tiêu của hội nhập kinh tế quốc tế: Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế nhằm mở rộng thị trường, tranh thủ thêm vốn, công nghệ, kiến thức quản lý để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Vì thế, Việt Nam cần tạo lập, hoàn thiện môi trường để tạo những điều kiện thuận lợi cho việc


Digitized by Google

mở cửa nền kinh tế trên các lĩnh vực và nhanh chóng hình thành đồng bộ hệ thống huy động vốn từ trong nước, cũng như thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư nước ngoài. Nguồn vốn trong nước tạo ra nội lực làm cho nền kinh tế Việt Nam ổn định trước những biến động của thị trường thế giới và khu vực. Nhưng rất tiếc cho đến nay, chúng ta chưa có nhiều biện pháp cụ thể để huy động số vốn còn "nhàn rỗi" khá lớn trong dân cư một cách có hiệu quả.

***Thứ tư,** tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách kinh tế đối ngoại theo xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế.*

Xu hướng quản lý hiện đại đòi hỏi hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách phải được xây dựng theo hướng chi tiết, cụ thể hóa, có thể điều chỉnh được các hành vi của xã hội. Mọi lĩnh vực hoạt động đều phải tuân theo pháp luật, tránh tình trạng luật pháp chỉ quy định chung chung, do đó phải kéo theo rất nhiều văn bản hướng dẫn thi hành luật khiến cho tình hình càng thêm phức tạp. Trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại cũng vậy, nếu những quy định trong các bộ luật và luật vẫn cứ chung chung sẽ không những gây khó khăn cho các cơ quan quản lý của Nhà nước mà còn làm ảnh hưởng cả đến hoạt động đầu tư, thương mại, từ đó sẽ dẫn đến ách tắc trong hoạt động kinh doanh, làm mất thời gian, chi phí và cơ hội, dễ tạo điều kiện cho các hiện tượng tiêu cực phát triển. Cùng với việc có một bộ luật hoàn chỉnh, thông thoáng, bình đẳng, chặt chẽ, đồng bộ, nhất quán, minh bạch và phù hợp với thông lệ quốc tế cho cả đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài; cần tiếp tục cải cách thể chế, bộ máy và thủ tục hành chính theo hướng gọn nhẹ, có hiệu lực, hiệu quả là những việc cấp bách để thu hút đầu tư nước ngoài trong bối cảnh hiện nay.

***Thứ năm,** tiếp tục nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng quy hoạch thu hút đầu tư nước ngoài.*

Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng tốt là điều kiện cần thiết để thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Hệ thống giao thông, cầu cảng, hệ thống chuyển tải điện, hệ thống bưu chính, viễn thông, những khu công nghiệp tập trung đầy đủ điều kiện thuận lợi cho sản xuất sẽ hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài. Quy hoạch thu hút đầu tư phải xuất phát từ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quán triệt các quan điểm và định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế để hình thành ngành kinh tế trọng điểm và mũi nhọn. Từ đó, quy hoạch chi tiết giữa vốn đầu tư nước ngoài và đầu tư trong nước, trên cơ sở đó xây dựng những danh mục sản phẩm gọi vốn đầu tư nước ngoài theo nhu cầu thực sự của đất nước. Công tác quy hoạch đúng đắn và hợp lý sẽ giúp chúng ta đầu tư đúng chỗ, tránh dàn trải, lãng phí và nâng cao chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế.

***Thứ sáu,** xây dựng đội ngũ cán bộ kinh tế đối ngoại có phẩm chất chính trị vững vàng và trình độ chuyên môn giỏi đáp ứng lộ trình chủ động hội nhập kinh tế quốc tế nhằm bảo vệ lợi ích của đất nước.*

Nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý và đội ngũ công nhân lành nghề đủ sức đáp ứng nhu cầu hợp tác với nước ngoài đang là vấn đề cấp bách trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay. Cần chú trọng đào tạo đội ngũ các chuyên gia giỏi về kinh tế, kỹ thuật; có năng lực thẩm định; có khả năng thương thuyết với đối tác nước ngoài và am hiểu sâu sắc về luật pháp quốc tế. Nhanh chóng đào tạo cho được đội ngũ công nhân lành nghề trên nhiều lĩnh vực, đáp ứng được đòi hỏi của công nghệ mới rất đa dạng với nhiều nguồn gốc khác nhau. Ngoài năng lực chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp tốt, đội ngũ chuyên gia, cán bộ, công nhân phải có phẩm chất chính trị vững vàng, kiên định với đường lối lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ta.

Tư tưởng Chủ tịch Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế và trực tiếp là kinh tế đối ngoại đã, đang và sẽ là điểm tựa quan trọng để Đảng và Nhà nước ta hoạch định đường lối chiến lược phát triển kinh tế đất nước trong bối cảnh quốc tế mới. Lịch sử không ngừng đổi thay, nhưng tư tưởng Hồ Chí Minh vẫn sống mãi và tiếp tục dẫn dắt dân tộc ta tiến bước cùng thời đại trên con đường phát triển và tiến bộ xã hội. ❑


Digitized by Google

# CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
## CHỌN TƯỚNG TÀI CHO "TRẬN KHỦNG KHIẾP NHẤT"

LÊ CƯỜNG*

Dự báo về trận Điện Biên Phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: "Con rắn thực dân đã bị ta đánh gãy lưng, song nó chưa bị đánh giập đầu. Còn đầu thì nó còn có thể cắn. Vì vậy, ta cần phải cẩn thận hơn, đề phòng hơn, chuẩn bị hơn nữa, để đánh cho giập đầu nó. Khi đó ta mới hoàn toàn thắng lợi!" Chủ tịch Hồ Chí Minh còn tiên lượng: *"Theo kế hoạch của giặc, thì trận ấy phải là một trận khủng khiếp nhất. Kết quả trận ấy khủng khiếp thật, nhưng khủng khiếp cho giặc chứ không phải khủng khiếp cho ta".* (1)

Chuẩn bị cho *"trận khủng khiếp nhất"*, một mặt Chủ tịch Hồ Chí Minh ra sức động viên toàn dân, toàn quân đoàn kết cố gắng vượt qua mọi khó khăn, thiếu thốn gian khổ, mưu trí cướp súng đạn, giết giặc lập nhiều chiến công; mặt khác, Người thấy phải chọn một danh tướng có mưu lược để người đó, cùng các vị tướng lĩnh khác lãnh đạo toàn quân, toàn dân ta đi đến thắng lợi cuối cùng: giành độc lập cho dân tộc. Người đã sớm nhìn nhận và trao trọng trách cao cả đó cho đồng chí Võ Nguyên Giáp.

Tại buổi lễ phong hàm Đại tướng cho đồng chí Võ Nguyên Giáp, trước bàn thờ Tổ quốc và các thành viên Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh nghẹn ngào lau nước mắt nói: *"... việc phong tướng cho chú Giáp và các chú khác cũng là kết quả của bao nhiêu hy sinh, chiến đấu của đồng bào, đồng chí. Chúng ta phải cố gắng, phải quyết giành được độc lập, tự do cho thỏa lòng những người đã mất..."* (2).

Cố Bộ trưởng Lê Văn Hiến nhớ lại trong buổi họp Hội đồng Chính phủ năm 1948, tin tưởng tài cầm quân và trí tuệ của Võ Nguyên Giáp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra câu đối dự báo: *"Giáp phải giải Pháp"*, khẳng định niềm tin tấm lòng yêu mến của Người khi giao trọng trách cho vị tướng trẻ tài danh.

Năm 1950, các lực lượng vũ trang quân đội nhân dân Việt Nam liên tục giành nhiều chiến thắng quyết định, chuyển sang thế tổng phản công. Đánh giá vai trò quan trọng của Người anh cả quân đội, ngày 19-12-1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 477-SL, tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh hạng Ba cho Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

Trên cương vị Chủ tịch, Người thường xuyên theo dõi sát sao, nhắc nhở Hội đồng Chính phủ, các tướng lĩnh, các ban ngành đặc biệt chú ý tới việc xây dựng lực lượng vũ trang ngày càng lớn mạnh, nhằm chuẩn bị chiến thắng kẻ thù mạnh hơn gấp bội.

Năm 1950, trong khi trực tiếp thị sát, theo dõi và chỉ đạo chiến dịch biên giới, một trận đánh quan trọng nhằm khai thông biên giới tiếp nhận vũ khí, đạn dược và viện trợ ủng hộ của các nước bạn cho ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết truyện

---

* Trưởng Ban Nghiên cứu, Viện Mỹ thuật, Bộ Văn hóa - Thông tin

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, t 5, tr 618, 619

(2) *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, t 4, tr 203



Digitized by Google

và ký *Vừa đi đường vừa kể chuyện*. Đây là câu chuyện thú vị và những dự báo khá chính xác của Người về thời gian giành thắng lợi cuối cùng, *"cuộc kháng chiến của chúng ta tuy rất gian khổ, nó có thể kéo dài bốn, năm năm nữa nhưng cuối cùng chúng ta nhất định thắng lợi"*. Quả đúng như dự cảm của Người, nếu tính từ chiến dịch Biên giới (9-1950) đến ngày giải phóng Thủ đô (10-1954) vừa tròn bốn năm.

Trong các tác phẩm *Giấc ngủ mười năm, Vừa đi đường vừa kể chuyện*, Bác Hồ không chỉ ghi lại một giai đoạn lịch sử hào hùng, trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc với nhiều tình tiết sát thực cụ thể, hấp dẫn, mà còn ghi nhận những dự cảm tinh tế, lập luận xúc tích, nâng tầm luận giải triết lý, vươn tới ước vọng tốt đẹp, tư duy mẫn cảm siêu việt, dự báo trước từng bước đi chiến lược của sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

Chiến tranh Đông Dương làm nước Pháp sa lầy, hao tiền, tốn của, nội các rối ren, nhiều tướng giỏi lần lượt thất bại thảm hại. Nước Pháp lâm vào tình trạng khó khăn về kinh tế, quân sự, mất ổn định về xã hội... Hòng tìm chiến thắng trên thế mạnh, Chính phủ Pháp đã xin viện trợ của đế quốc Mỹ nhằm tiếp tục cuộc chiến tranh ở Việt Nam.

Đầu năm 1950, nước Mỹ chấm dứt quan điểm nước đôi trong vấn đề Đông Dương, Ngoại trưởng Mỹ, Ngài A-chê-sơn cho biết: *"Mùa xuân năm 1950, sau một thời gian lưỡng lự, chúng tôi ở trong Bộ Ngoại giao đã đề nghị viện trợ cho Pháp và các quốc gia liên kết để chiến đấu chống lại cuộc kháng chiến của cụ Hồ Chí Minh"* (3).

Tháng 7-1950, Phái đoàn Cố vấn viện trợ quân sự Mỹ (MAAG) sang Việt Nam mang theo ngân sách giúp đỡ khoảng 10 triệu USD cho Chính phủ Pháp và Chính phủ Bảo Đại. Đến năm 1954, có hơn 1 tỷ USD viện trợ cho chiến trường Đông Dương, chiếm 80% chi phí để Chính phủ Pháp theo đuổi chiến tranh.

Trang bị vũ khí chiến tranh của Pháp ngày càng tối tân và có sức tàn phá dữ dội. Cuộc chiến diễn ra ác liệt, tàn bạo.

Chủ tịch Hồ Chí Minh thấy trước *"trận khủng khiếp"*. Để có sự tương quan lực lượng vũ khí, khí tài và quân số chiến thắng kẻ thù, đầu năm 1950, Người trực tiếp sang Liên Xô, Trung Quốc đề nghị các nước bạn viện trợ thêm súng đạn, vũ khí. Mặc dù, chưa đáp ứng đủ theo đề nghị của chúng ta nhưng hàng loạt trang bị, quân trang, quân dụng của các nước bạn đã giúp quân đội nhân dân Việt Nam được tăng thêm hỏa lực, có lợi trên các chiến trường.

Liên tiếp thất bại, Chính phủ Pháp quyết định điều viên tướng trẻ đầy tham vọng H.Na-va, sang làm Tổng Chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp tại chiến trường Đông Dương.

Sau khi thị sát và nghiên cứu tình hình, ngày 3-7-1953, tướng H.Na-va trình bày kế hoạch tổng thể giành chiến thắng quân sự trước Hội đồng Tham mưu trưởng và Hội đồng Quốc phòng tối cao Pháp. Trong bản kế hoạch đó, chiến trường Tây Bắc và đặc biệt tên gọi Điện Biên Phủ chưa được đặt ra.

Về phía ta, Đại tướng Võ Nguyên Giáp cho biết: *"Một buổi sáng đầu tháng 10 năm 1953, tôi từ cơ quan Bộ Tổng tư lệnh đi dự cuộc họp bàn về kế hoạch tác chiến Đông - Xuân 1953 - 1954 do Bộ Chính trị triệu tập...Tôi bắt đầu trình bày tình hình địch... Bác ngồi họp, thái độ bình thản... Đôi mắt Người chợt lộ vẻ chăm chú. Bàn tay Bác đặt trên bàn, bỗng giơ lên và nắm lại. Người nói:*

*- Địch tập trung quân cơ động để tạo nên sức mạnh... không sợ? Ta buộc chúng phải phân tán binh lực thì sức mạnh đó không còn.*

*Bàn tay Bác mở ra, mỗi ngón tay trỏ về một hướng... Bác hỏi:*

*- Dự kiến đưa quân lên Tây Bắc thì địch sẽ phản ứng ra sao*

*- Chúng có thể tăng cường lực lượng giữ Tây Bắc...*

*Bác nói khi kết thúc hội nghị:*

*Về hướng hoạt động lấy Tây Bắc là hướng chính, các hướng khác là phối hợp. Hướng chính hiện nay không thay đổi..."*

---

(3) Pi-tơ A.Pu-lơ: *Nước Mỹ và Đông Dương...*, Nxb Thông tin lý luận, Hà Nội, năm 1986, tr 32


Digitized by Google

*"Trung tuần tháng 11 năm 1953, theo kế hoạch, Đại đoàn 316 từ địa điểm trú quân tại Thanh Hóa tiến lên Tây Bắc..."* (4).

Chuyển quân lên Tây bắc, Bộ Chỉ huy chiến dịch đã tạo thế trận có lợi, làm xoay chuyển tình hình trên chiến trường Đông Dương.

*Về phía quân đội Pháp*, Thư ký của tướng H.Na-va cho biết: "cuộc họp ngày 16-11-1953, tướng H.Na-va nêu rõ ý kiến: Bây giờ thì các ngài đều đã được nghe báo cáo rõ về tình hình miền Tây Bắc Việt Nam. Để chống lại kế hoạch của Việt Minh, tôi nghĩ cần phải chiếm đóng thung lũng lòng chảo Điện Biên Phủ... Xin các ngài cho biết ý kiến...

Suốt cuộc họp, tướng H.Na-va im lặng nghe mọi người phát biểu...". Trong cuộc họp, nhiều tướng lĩnh Pháp phân vân lo ngại và có ý kiến phản đối nhưng. "Cuối cùng ông kết luận:

- Tôi quyết định, nếu thời tiết thuận lợi thì kế hoạch Ca-tơ sẽ tiến hành vào ngày 20-11. Tướng Gi-lét chỉ huy cuộc hành quân..."(5).

Hoàn toàn khác với chiến lược và từng bước đi tiến hành trong giai đoạn Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Chính Người - Chủ tịch Hồ Chí Minh - trong cuộc họp quan trọng cuối cùng của Bộ Chính trị đã gợi mở phương hướng và quyết định thế trận, dẫn dụ quân Pháp tiến đến trận huyết chiến lịch sử Điện Biên Phủ. Về vấn đề này, ngay từ năm 1946, khi buộc phải tiến hành chiến tranh, Hồ Chí Minh đã vạch rõ: *"Phải dụ quân địch vào sâu để trừ diệt chúng"*.

Nhà báo người Ốt-trây-li-a, U.Bóc-séc, trong cuộc đời làm báo, luôn tìm đến những điểm nóng trên thế giới, ghi nhận sự kiện, khi đến Việt Nam gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh (trước khi diễn ra trận đánh Điện Biên Phủ), đã có ấn tượng sâu sắc khi tiếp cận, phỏng vấn Người. Ông viết: *"Từ trong cánh rừng bước ra, gậy cầm tay, áo vắt vai, không phải ai khác mà chính là cụ Hồ Chí Minh truyền thuyết... Bác nói: "Đây là rừng núi, nơi có các lực lượng của chúng ta. Dưới kia là thung lũng Điện Biên Phủ, ở đó là người Pháp với những đội quân tinh nhuệ nhất. Họ sẽ không bao giờ ra được. Tuy có thể mất một ít thời gian..."*

*Một Xta-lin-grát Đông Dương?*

*Trên một phạm vi khiêm tốn, Vâng hơi giống như Xta-lin-grát"*.(6)

Đồng chí Phạm Văn Đồng, nguyên Thủ tướng Chính phủ, gần trọn cuộc đời sống và làm việc bên Hồ Chí Minh đã kể lại một sự kiện đặc biệt khó quên và lý giải:

*"... Trước khi bắt đầu trận Điện Biên Phủ, tôi phải đi Giơ-ne-vơ dự cuộc họp hội nghị quốc tế về Việt Nam. Lúc ra đi, Bác nói với tôi: "Mình có một món quà rất quý tặng chú". Đúng, món quà đó thật là vô giá ở chỗ chiến thắng Điện Biên Phủ diễn ra ngày 7 tháng 5 năm 1954, và hôm sau ngày 8 tháng 5 năm 1954, Hội nghị Giơ-ne-vơ khai mạc. Đây là ngẫu nhiên hay tất yếu? Trong lịch sử lắm khi ngẫu nhiên là tất yếu, và Bác Hồ là người cực kỳ nhạy cảm với cái ngẫu nhiên là tất yếu và cái tất yếu là ngẫu nhiên này"* (7)

Nhà báo U.Bóc-séc, sau khi rời Việt Nam, liền đến dự Hội nghị Giơ-ne-vơ, vui mừng viết về sự kiện đặc biệt này: *"Người đồng chí thân thiết của ông Phạm Văn Đồng, ông Võ Nguyên Giáp, đã đưa lại cho ông một vũ khí hiệu nghiệm nhất, mà không phải bất kỳ nhà thương lượng nào cũng có thể dám nghĩ đến để đánh dấu sự bắt đầu của một hội nghị như vậy: Điện Biên Phủ thắng lợi hoàn toàn một ngày trước khi hội nghị đó khai mạc. Nhờ thời điểm tuyệt diệu của ông Giáp..."* (8)

Là người được Chủ tịch Hồ Chí Minh *"chọn mặt gửi vàng"*, giao cho trọng trách ở thời điểm bắt đầu *"trận khủng khiếp nhất"*, Đại tướng Võ Nguyên Giáp nhớ lại :

*"Tôi lên Khuổi Tát chào Bác trước khi lên đường đi chiến dịch. Bác hỏi:*

*- Chú đi xa như vậy, chỉ đạo các chiến trường có gì trở ngại không?*

---

(4) Võ Nguyên Giáp: *Điện Biên Phủ điểm hẹn lịch sử*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, t 4, tr 26 - 27 - 29

(5) Báo *Văn Nghệ*: "Tướng H. Na-va với trận Điện Biên Phủ", số ngày 17-5-2003

(6) U. Bớt-sét: *Hồi ký*, Nxb Thông tin Lý luận, Hà Nội, 1987, tr 255

(7) Báo *Quân đội Nhân dân*,ngày 17-5-1990

(8) U.Bóc-séc: *Sđd*, tr 262


Digitized by Google

*... Chỉ trở ngại là ở xa, khi có vấn đề quan trọng và cấp thiết, khó xin ý kiến của Bác và Bộ Chính trị.*

*- Tổng tư lệnh ra mặt trận "tướng quân tại ngoại" trao cho chú toàn quyền... Trận này rất quan trọng, phải đánh cho thắng. Chắc thắng mới đánh, không chắc thắng không đánh.*

*Tôi cảm thấy trách nhiệm lần này rất nặng... Tôi cảm thấy như cả tháng trôi qua...*

*Mỗi ngày, tôi càng nhận thấy rõ là không thể đánh nhanh được. Lời Bác dặn trước lúc lên đường và nghị quyết Trung ương hồi đầu năm lại văng vẳng bên tai: "Chỉ được thắng không được bại, vì bại thì hết vốn!".*

*Đêm ngày 25 tháng 1 năm 1954, tôi không sao chợp mắt. Đầu đau nhức... và....*

*Văn phòng thông báo cuộc họp Đảng ủy mặt trận... Tôi trình bày những suy nghĩ đã có từ lâu... Đánh chắc thắng. Trước khi tôi ra đi, Bác trao nhiệm vụ... "*

Mặc dù trong buổi họp nhiều ý kiến chưa thông suốt với cách chuyển hướng chiến lược trận đánh, nhưng trước lời dạy của Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp quyết định:

*"Tôi kết luận:*

*... "Đánh chắc thắng", cần chuyển phương châm tiêu diệt địch từ "đánh nhanh thắng nhanh" sang "đánh chắc, tiến chắc". Nay quyết định hoãn cuộc tiến công...*

*Trong ngày hôm đó, tôi đã thực hiện được một quyết định khó khăn nhất trong cuộc đời chỉ huy của mình"* (9)

So sánh tương quan lực lượng, quân đội Pháp được trang bị vũ khí tối tân, luôn có máy bay, xe tăng và đặc biệt pháo binh Pháp là binh chủng hàng thế kỷ thiện chiến dạn dày kinh nghiệm. Họ khảo sát tính toán kỹ sơ đồ, địa hình từng khoảng đất vùng núi lòng chảo Điện Biên Phủ. Pháo binh Pháp luôn thách thức quân đội Việt Nam và thường trực tác chiến với tinh thần chiến đấu cao nhất.

Về phía ta, Đại tướng Võ Nguyên Giáp trăn trở tính toán kỹ nhiều phương án, mặc dù được các nước bạn giúp đỡ vũ khí đạn dược, nhưng vẫn còn nhiều hạn chế, không thể so sánh với xe tăng, máy bay, pháo binh... của quân đội Pháp thường xuyên tăng viện cho Điện Biên Phủ. Những thuận lợi và khó khăn dần dần hiển hiện, sự thành công và thất bại của chiến dịch, tính mạng từng người lính, chiến sỹ trên chiến trường, không thể mạo hiểm, dại dột dốc toàn lực lượng quân đội *"đánh nhanh, thắng nhanh"*, phơi lưng, lao vào làn đạn, hỏa lực trong thế trận pháo đài chiến lũy kiên cố được tính toán đến từng chi tiết của kẻ thù.

Giờ phút hệ trọng đi đến quyết định khai chiến, Võ Nguyên Giáp linh giác và tâm niệm lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: *"tướng quân tại ngoại"*, *"trao cho chú toàn quyền quyết định"* và Đại tướng sáng suốt đưa ra *"quyết định khó khăn nhất trong cuộc đời chỉ huy"*.

Nhìn lại lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc, chúng ta luôn phải chống lại các cuộc chiến tranh xâm lược của kẻ thù đông hơn gấp bội, ở vào địa thế đất không rộng, người không đông, các danh tướng lỗi lạc tài ba, các nhà tư tưởng, chính trị của chúng ta đều không hề có tư tưởng quân sự *"đánh nhanh, thắng nhanh"*. Danh tướng thiên tài Trần Hưng Đạo từng chỉ dạy và đúc kết tư tưởng chiến lược quân sự: *"quân quý tinh, không quý nhiều"*, *"dĩ đoản binh chế trường trận"*. Trong nhiều năm chỉ huy chiến trận, Võ Nguyên Giáp không hề giải quyết trận đánh nào mang tư duy mạo hiểm trước xương máu của chiến sỹ, đồng đội mà quyết định *"đánh nhanh, thắng nhanh"*.

Hồ Chí Minh đánh giá cao vai trò của người tướng giỏi cầm quân trong trận đánh, quyết định xuất thần của Võ Nguyên Giáp không nằm ngoài tầm dự tính của Người.

Đánh giá quyết định sáng suốt của danh tướng chỉ huy Võ Nguyên Giáp, cố Đại tướng Lê Trọng Tấn ca ngợi: "Nếu không có quyết định chuyển phương châm ngày đó thì phần lớn chúng tôi sẽ không có mặt trong kháng chiến chống Mỹ". Cố Tướng quân Vương Thừa Vũ nhận định: "... Nghe phổ biến pháo binh của ta sẽ bắn hai ngàn viên đạn pháo 105... với một tập đoàn cứ điểm rộng

(9) Võ Nguyên Giáp: *Sđd*, tr 65 - 105 - 111 - 112


Digitized by Google

nhiều cây số vuông như Điện Biên Phủ có là bao!... Nếu lần đó cứ "đánh nhanh giải quyết nhanh" thì cuộc kháng chiến có thể lùi lại mười năm".

Thủ tướng Pháp La-ni-en cay đắng thú nhận: *"... Kẻ địch với việc điều quân cơ động tài tình, đã buộc chúng ta phải giao chiến ở Điện Biên Phủ, một cuộc giao tranh với tầm quan trọng như vậy... Chính đối phương đã lựa chọn địa thế đó..."* (10)

Nhận định về cách đánh chắc tiến chắc cùng hoạch định thế trận mạng lưới giao thông hào, hầm ngầm dày đặc, tiến dần, từng bước thắt chặt, bao vây các đồn, pháo đài chiến lũy, đột phá từng cụm cứ điểm đối phương của Quân đội nhân dân Việt Nam, Tư lệnh quân đội Pháp ở Đông Dương, tướng Pôn ê-li viết: *"... Đối phương áp dụng những phương pháp chiến đấu khá khôn ngoan: Họ ưa vận động tiến lên tiếp cận trong một mạng lưới hầm hào dày đặc chưa từng thấy bao giờ"* (11).

Sau này, Tổng thống Pháp Đờ Gôn đã nhận ra sai lầm, gửi lá thư ngày 8-2-1966 đến Chủ tịch Hồ Chí Minh với lời lẽ chân tình, hối hận:

*"Một sự hiểu biết nhau nhiều hơn giữa người Việt Nam và người Pháp khi chiến tranh thế giới kết thúc, có lẽ đã ngăn ngừa được những biến cố cay đắng đã tàn phá nước ngài".*

Tổng thống Mỹ, G.Ken-nơ-đi, gián tiếp thừa nhận: *"Qua nghiên cứu, chúng ta thấy rằng cách mạng giải phóng dân tộc là một sự kiện cơ bản của thời đại chúng ta. Sức mạnh to lớn nhất trên thế giới, đó là lòng khao khát vươn lên độc lập dân tộc... Ai-xen-hao đã phải chịu những hậu quả chính trị của Điện Biên Phủ và sự tống cổ những người phương Tây khỏi Việt Nam năm 1954".*

Chiến thắng Điện Biên Phủ của nhân dân Việt Nam là một cống hiến to lớn cổ vũ và thức tỉnh nhân dân các nước thuộc địa, nửa thuộc địa vùng lên đấu tranh đòi độc lập, làm sụp đổ hoàn toàn chủ nghĩa thực dân cũ, đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dự báo từ năm 1949, Người viết: *"Bạo lực của thực dân đã tan nát".*

Bốn năm sau, chiến thắng Điện Biên Phủ lịch sử, Liên hiệp quốc đã ra Nghị quyết về phi thực dân hóa trên toàn thế giới, đây chính là phần đóng góp to lớn của Cách mạng Việt Nam vào sự nghiệp hòa bình thế giới.

Thế kỷ XX được đánh giá là thời kỳ của phát minh khoa học - kỹ thuật phục vụ cuộc sống con người, nhưng cũng là thế kỷ đầy biến động, bởi các cuộc chiến tranh, xung đột mang tính toàn cầu. Chiến tranh Việt Nam được tính đến như một sự kiện có tác động ảnh hưởng qua lại giữa các quốc gia, nhà báo nổi tiếng người Mỹ Mai-cơn Mac-lia, viết: *"Đây là cuộc chiến tranh dài hơn tất cả mọi cuộc chiến tranh lớn trong thế kỷ cộng lại, một cuộc chiến tranh đẫm máu nhất so với bất cứ cuộc chiến tranh nào khác"* (12)

Dưới sự lãnh đạo sáng suốt, tài tình của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân ta đã giành thắng lợi "lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu" và Người đã được các tổ chức quốc tế ca ngợi, suy tôn là ***"Danh nhân văn hóa" "Anh hùng giải phóng dân tộc"***. Đồng thời Danh tướng Võ Nguyên Giáp đã đi vào lịch sử bách chiến bách thắng của dân tộc Việt Nam. Ông là một trong số ít tướng trên hành tinh được nhân loại ca ngợi với đủ nhân cách, tài năng, đức độ ngay khi còn sống.

Tháng 8-1992, ghi nhận và đánh giá công lao, Nhà nước Việt Nam tặng phần thưởng cao quý nhất cho Đại tướng Võ Nguyên Giáp: ***Huân chương Sao vàng.***

Cách đây 20 năm, nhân kỷ niệm 30 năm chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, trên tờ *"Người quan sát"* hai tác giả G.Bu-đa-ren và F.Ca-vi.Giô-li-ô-li hết lời ca ngợi và nhận thức: *"Điện Biên Phủ là một trong những trận giao chiến đã làm thay đổi số phận thế giới"*. Chiến thắng Điện Biên Phủ không tách rời sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Chủ tịch Hồ Chí Minh. ***Người là linh hồn của trận đánh mang tính quyết định này.*** ❑

---

(10),(11) *Chiến thắng Điện Biên Phủ sức mạnh dân tộc tầm vóc thời đại*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1994, tr 69, 73

(12) Mai-cơn Mac-lia: *Việt Nam cuộc chiến tranh mười nghìn ngày*, Nxb Sự thật, Hà Nội 1990, tr 6


Digitized by Google

# VẪN CÒN ĐÓ, MỘT ĐIỆN BIÊN THỜI TRAI TRẺ

**NGÔ VĨNH BÌNH** *

CHIỀU ngày 7-5-1954, khi lá cờ *Quyết chiến quyết thắng* của các chiến sĩ quân đội ta kiêu hãnh tung bay trên nóc hầm của tướng Pháp Đờ-cát-tơ-ri báo hiệu chiến dịch Điện Biên Phủ đã toàn thắng thì tuổi đời của họ còn rất trẻ. Người nhiều tuổi nhất mới 28 mà đã làm đến chức chính trị viên tiểu đoàn, người út ít nhất thì vừa mới bước vào tuổi 20, nhưng đã chỉ huy một trung đội xung kích... Năm tháng trôi qua, bây giờ tất cả đã "treo ấn từ quan", trở thành những tướng tá về hưu. Nhưng cứ mỗi dịp tháng 5 về, khi hoa ban, hoa mận thôi nở trắng cả núi rừng Tây Bắc, trong họ lại trào dâng những kỷ niệm về một thời trai trẻ, trận mạc, về những ngày tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ oai hùng chưa xa. Điều đặc biệt thú vị không phải chỉ ở họ là những thiếu tướng, đại tá mà họ còn là những nhà văn khoác áo lính, nhà văn - chiến sĩ có tên trong sách *Nhà văn Việt Nam* do Hội Nhà văn Việt Nam xuất bản, thậm chí nhiều người trong số họ còn từng là thành viên trong ban lãnh đạo Hội, đứng đầu một cơ quan, một tờ báo văn học lớn. Họ là các nhà văn: Chính Hữu, Hữu Mai, Dũng Hà, Hồ Phương và Chu Phác.

*Chính Hữu*, tên thật là Trần Đình Đắc sinh năm 1926, năm nay đã bước vào tuổi 78. Ông nổi tiếng với những bài thơ *Đồng chí, Ngọn đèn đứng gác, Ngày về, Đêm Hà Nội, Giá từng thước đất*... Ông là Đại tá, từng giữ các chức vụ Trưởng Phòng Văn hóa - Văn nghệ quân đội, Cục phó Cục Tuyên huấn Tổng cục Chính trị, sau chuyển ngành tham gia Ban Thư ký Hội Nhà văn Việt Nam khóa IV, làm Phó Tổng Thư ký Thường trực khóa II, và được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học đợt 2 (9-2000).

Khi tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ, Chính Hữu là chính trị viên Tiểu đoàn 322, Trung đoàn 88, Đại đoàn Quân tiên phong. Lúc đó, ông đã có bằng tú tài phần 2 Ban Triết học, Trường Lu-i Pa-xtơ (Hà Nội) và đã khá nổi tiếng với các bài: *Ngày về, Đêm Hà Nội, Đồng chí*... Là cán bộ cấp tiểu đoàn bận trăm công ngàn việc, luôn luôn đứng giữa sự sống và cái chết ở chảo lửa Điện Biên suốt 56 ngày đêm nhưng ông vẫn không thể nào xa được thơ. Ông kể: "Những ngày và đêm liên tục, chúng tôi vừa giữ đất vừa đánh địch để tiến vào trung tâm Mường Thanh. Mệt mỏi và căng thẳng. Là chính trị viên hàng ngày tôi phải chăm nom chôn cất đồng đội của tôi hy sinh. Và tôi có một nhận xét: Bạn tôi không có một người nào chết trong tư thế nằm ngủ, trong tư thế nghỉ ngơi. Họ hy sinh trong khi đang bắn hoặc ôm bộc phá xông lên... Sau giờ chiến thắng, đứng trên nóc Sở Chỉ huy quân Pháp nằm ở trung tâm Mường Thanh, phóng tầm mắt ra xa thấy thấp thoáng những nấm mồ đồng đội, tôi nghĩ về cái giá phải trả cho từng thước đất:

*Bạn đã lấy thân mình đo bước*
*Chiến hào đi*
*Ta mới hiểu giá từng thước đất*

* Tạp chí Văn nghệ quân đội



Digitized by Google

Ông cho biết thêm những câu thơ trong bài *Giá từng thước đất* như:

*Bạn ta đó, ngã trên dây thép ba tầng*
*Một bàn tay chưa dời báng súng*
*Chân lưng chừng nửa bước xung phong*
*Ôi những con người mỗi khi nằm xuống*
*Vẫn nằm trong tư thế tấn công*

Là những hình ảnh đeo đuổi suốt đời ông. Bài thơ ấy Chính Hữu làm từ năm 1954 và phải đến năm 1961 mới viết xong và công bố.

Cùng đơn vị với Chính Hữu, *Đại tá - Nhà văn Hữu Mai* tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ khi tuổi đời còn chưa đến 30. Trước khi tham gia chiến dịch, ông đã là Tổng Biên tập báo *Quân tiên phong* (báo của Đại đoàn 308) và được đông đảo bộ đội biết tới với những truyện ngắn, ký sự và cả thơ viết về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Ông từng được giải thưởng Hội Nhà văn, là thành viên của Hiệp hội Quốc tế những nhà văn viết truyện trinh thám (AIEP) bởi bộ tiểu thuyết trứ danh *Ông cố vấn*; ông từng là biên tập viên sáng lập của tạp chí *Văn nghệ quân đội*, là thành viên trong lãnh đạo Hội Nhà văn Việt Nam khóa III, khóa IV. Nhưng nhắc tới ông, bạn đọc không thể không nhắc tới những trang viết về Điện Biên Phủ của ông như: *Một vài hồi ức về Điện Biên Phủ, Đường tới Điện Biên Phủ, Điện Biên Phủ - Điểm hẹn lịch sử* (thực hiện hồi ký của Đại tướng Võ Nguyên Giáp), *Cao điểm cuối cùng* (tiểu thuyết, 1960) cùng các bộ phim *Hoa ban đỏ, Cao điểm cuối cùng*...

Nhân kỷ niệm 50 năm chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, ông đang bắt tay vào viết cuốn tiểu thuyết *Khoảnh khắc lịch sử*. Ông cho biết, có thể đây sẽ là một tập sách bề thế, với cái nhìn toàn diện về chiến dịch Điện Biên phủ sau 50 năm.

*Nhà văn - Thiếu tướng Dũng Hà*, nguyên Tổng Biên tập tạp chí *Văn nghệ quân đội*, trong chiến dịch Điện Biên Phủ là chính trị viên tiểu đoàn thuộc Trung đoàn 174, Sư đoàn 316. Ông trực tiếp chỉ huy bộ đội tham gia đánh chiếm đồi A1, sau đó được phân công áp giải tù binh Pháp từ Điện Biên Phủ về Hải Thôn (Thanh Hóa). Ông là một người lính, một cán bộ chỉ huy thực sự, từng tham gia nhiều chiến dịch lớn trong cả hai cuộc kháng chiến, nhưng với ông, Điện Biên Phủ là một chiến dịch, một mảnh đất không bao giờ quên trong cuộc đời chiến đấu của ông. Ngay từ những ngày Điện Biên mới được giải phóng, ông đã có truyện ngắn *Đêm chiến hào* viết về những ngày đêm "đánh lấn" trong chiến dịch Điện Biên Phủ (in trong tập *Gió bắc*, 1963), sau đó là *Theo chồng*, một truyện ngắn viết về bộ đội làm kinh tế ở Điện Biên, được giải thưởng của Tạp chí Văn nghệ quân đội năm 1959... Tác phẩm dày dặn nhất của ông viết về Điện Biên Phủ có lẽ là tiểu thuyết *Mảnh đất yêu thương*, 400 trang kể về phong trào trở lại Điện Biên Phủ, lấy Tây Bắc làm quê hương thứ hai của bộ đội ta những năm cuối thập niên 50, đầu 60. Ông tâm sự: Với những người lính Điện Biên, mảnh đất Mường Thanh không chỉ là một "vựa lúa" nổi tiếng (Tây Bắc có câu: *Nhất Thanh, nhì Lò, tam Than, tứ Tấc* để chỉ 4 vựa lúa lớn ở Tây Tổ quốc) mà còn là một mảnh đất yêu thương". Tướng Dũng Hà còn viết truyện ngắn *Cây số 42* kể về những ngày dẫn đến giải tù binh Pháp từ mặt trận Điện Biên Phủ về xuôi, chuẩn bị cho chúng xuống tàu về nước. Ông bảo, hơn một tháng trời dẫn giải những kẻ thất trận thuộc 24 quốc tịch thật là những ngày "bi tráng". Nó cũng vất vả không kém gì việc đánh chiếm đồi A1 - 38 ngày đêm! *Cây số 42* là một truyện ngắn xuất sắc, sau được dựng thành phim. Và, nói tới tướng Dũng Hà, người đọc nhớ ngay đến tiểu thuyết *Sao mai* và truyện ngắn *Cây số 42*.

Khác với tướng Dũng Hà, *tướng Hồ Phương* khi tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ không ở đơn vị bộ binh, không làm báo mặc dù đã nổi tiếng với các truyện ngắn *Lưỡi mác xung kích* và *Thư nhà*. Ông đến Điện Biên với tư cách là chính trị viên một đại đội pháo phòng không thuộc sư đoàn 308, đơn vị ông có nhiệm vụ bảo vệ bến phà Tạ Khoa - một nút giao thông trên con đường huyết mạch tới Tuần Giáo, Mường Thanh. Vào chiến dịch, đơn vị pháo phòng không của Hồ Phương làm nhiệm vụ bắn máy


Digitized by Google

bay Pháp, hỗ trợ cho pháo binh và bộ binh ta đánh chiếm Him Lam, Mường Thanh.

Tướng Hồ Phương từng làm "quan văn nghệ" (Phó Tổng Biên tập tạp chí *Văn nghệ Quân đội*, Tổng Biên tập tờ *Diễn đàn Văn nghệ Việt Nam*) nhưng nói tới ông người ta nghĩ tới một nhà văn quân đội thành đạt sớm (19 tuổi đã viết *Thư nhà)* và viết khỏe (hơn 50 tác phẩm). Chỉ riêng đề tài Điện Biên Phủ ông đã viết cả chục cuốn. Ông kể: "Ngay sau chiến dịch Điện Biên Phủ, tôi đã viết một số ký sự chiến đấu về đơn vị tôi. Năm 1957, tôi viết *Chuyện tây ở Điện Biên Phủ* và *Lá cờ chuẩn đỏ thắm*. Tiếp đó, tôi viết mấy hồi ký liền cho các vị tướng Điện Biên nào tôi mến phục như: Vương Thừa Vũ, Vũ Lăng, Vũ Yên... Rồi năm 1984, nhân kỷ niệm 30 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, tôi viết *Điện Biên ấm sáng*. Mười năm sau, 1994, tôi viết tiểu thuyết 300 trang mang tựa đề *Cánh đồng phía Tây*. Cuốn sách này viết về trận đánh cuối cùng kết thúc một cuộc chiến tranh lâu dài và gian khổ của quân và dân ta. Nhân vật là những chiến sĩ, những cán bộ trong đại đoàn thân yêu của tôi. Họ vào trận với những hoàn cảnh, tâm trạng khác nhau, nhưng tinh thần và phẩm giá thì thật tuyệt vời... Năm 1994, cuốn *Cánh đồng phía Tây* của ông được trao giải thưởng Bộ Quốc phòng.

Tướng Hồ Phương tâm sự: là người chiến sĩ Điện Biên tôi sẽ tiếp tục viết về Điện Biên bởi mảnh đất này còn vơi đầy kỷ niệm... Ông vừa cùng Thiếu tướng Dũng Hà, Đại tá Hữu Mai và đoàn làm phim thuộc Hãng phim Hội Nhà văn trở lại Điện Biên Phủ. Hy vọng rằng, không chỉ tham gia làm phim, ông cùng những người bạn của ông sẽ có những trang viết mới về Điện Biên.

*Nhà văn - Thiếu tướng Nguyễn Chu Phác* theo đơn vị hành quân lên chiến trường Điện Biên từ cuối năm 1953. Năm ấy, ông mới 20 tuổi. Ông được bổ nhiệm làm Trung đội trưởng xung kích thuộc Trung đoàn 57, Đại đoàn chủ lực 304. Đơn vị ông được giao nhiệm vụ đánh chia cắt địch không cho bọn ở trung tâm Mường Thanh liên hệ với đồng bọn ở Hồng Cúm, phía Nam. Không chỉ là người chỉ huy bộ đội ôm bộc phá mở đột phá khẩu đánh địch. Chu Phác còn cùng anh em làm công tác vận động quần chúng, khắc phục hậu quả sau trận máy bay giặc Pháp ném bom giết 444 người dân ở bản Noọng Nhai chiều 25-4-1954. Được hỏi về những ấn tượng khi tham gia chiến dịch, tướng Chu Phác kể: Lính đơn vị tôi rất trẻ, đa số là người thành phố, là dân học sinh, sinh viên nên rất tếu và cả lãng mạn nữa. Họ đặt tên cho từng đoạn hào mới đào, những Hàng Ngang, Hàng Đào, Đồng Xuân, Hàng Cỏ... Họ chiến đấu ngày đêm, không sợ hy sinh và họ diễn kịch, chơi đàn khi ngưng chiến.

Ở chiến trường 56 ngày đêm ác liệt, tướng Chu Phác cho rằng, cái đáng quý nhất của bộ đội ta là tình đồng đội. Ông kể: "Đơn vị tôi là đơn vị xung kích. Đã là xung kích thì không thể không có hy sinh. Có hôm khi đi cả chục anh em mà lúc về chỉ còn hai ba người, nhưng không ai nguyên vẹn! Cuộc chiến đã qua 50 năm rồi mà hình ảnh những chiến sĩ trẻ trung, tươi roi rói vẫn còn trong tôi. Ôi những Giá, Chân, Sằn, Nghiệm, Vân, Thoàng, Tùng... giờ các bạn nằm đâu? Biết bao chàng trai trẻ ra đi từ đó không về!". Trên sân thượng nhà tướng Chu Phác ở 38, Lý Nam Đế - Hà Nội, ông có dựng một cái am nhỏ để tưởng nhớ đồng đội của mình. Bên bát hương là hai chữ "đồng đội", dưới bát hương là tên những đồng đội của ông đã bỏ lại máu xương, bỏ lại tuổi trẻ của mình ở Điện Biên. Ông lặng lẽ tâm sự: "Không có những con người ấy làm sao có chiến thắng Điện Biên Phủ năm xưa, làm gì có một thành phố Điện Biên tươi đẹp, có đất nước từng ngày đổi mới hôm nay... Và làm gì có những "ông tướng, ông tá" như chúng tôi". Để tưởng nhớ các chiến sĩ đã hy sinh trên chiến trường Điện Biên năm xưa, Chu Phác viết nhiều trang về họ, trong đó có tập *Trong chiến hào Điện Biên* (1994). Và tôi tin chắc đây không phải là tác phẩm sau chót về Điện Biên Phủ của riêng ông. Lạ thế, có thể nói, đề tài về Điện Biên Phủ mãi mãi không bao giờ cạn, không bao giờ cũ trong lòng các nhà văn từng là chiến sĩ Điện Biên năm xưa.

Với họ, mãi mãi còn đó một Điện Biên oai hùng của một thời trai trẻ. ❑


Digitized by Google

# HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ - NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

**Lời Bộ Biên tập:** *Ngày 11-3-2004, Tạp chí Cộng sản phối hợp với Ủy ban Quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế, Bộ Thương mại và Dự án Hợp tác kinh tế đa biên (MUTRAP) tổ chức Hội thảo khoa học với chủ đề:* ***"Hội nhập kinh tế quốc tế - những vấn đề lý luận và thực tiễn".***

***GS,TS Lê Hữu Nghĩa,*** *Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương và đồng chí* ***Lương Văn Tự,*** *Thứ trưởng Bộ Thương mại, Tổng Thư ký Ủy ban Quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế, chủ trì Hội thảo.*

*Tới dự Hội thảo có các đồng chí lãnh đạo và đại diện cho các bộ, ban, ngành ở trung ương, các nhà khoa học và nhà doanh nghiệp quan tâm đến lĩnh vực này. Hội thảo đã nhận được trên 30 báo cáo tham luận.*

## BÁO CÁO ĐỀ DẪN

***LÊ HỮU NGHĨA***

NGÀY nay, toàn cầu hóa mà cốt lõi là toàn cầu hóa kinh tế đã trở thành một thực tế khách quan của thế giới đương đại, đang tác động mạnh mẽ đến tất cả các khu vực và các quốc gia trên thế giới.

Toàn cầu hóa kinh tế, xét về bản chất, là quá trình gia tăng mạnh mẽ của những mối liên hệ, sự phụ thuộc lẫn nhau, tác động qua lại của các quốc gia, khu vực trên lĩnh vực kinh tế. Toàn cầu hóa kinh tế bắt nguồn từ sự phát triển mạnh mẽ của các nền kinh tế của các nước, của các khu vực, vượt ra khỏi biên giới quốc gia, khu vực hướng tới phạm vi toàn thế giới; từ tính xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất trên phạm vi quốc gia và quốc tế; từ nền kinh tế thị trường thế giới cũng như từ sự tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ trong quá trình khoa học trở


Digitized by Google

thành lực lượng sản xuất trực tiếp trong điều kiện phát triển của phân công lao động quốc tế và kinh tế tri thức.

Toàn cầu hóa kinh tế là một quá trình phức tạp, mang *tính hai mặt*. Nó chứa đựng cả mặt tích cực xen lẫn mặt tiêu cực, tạo ra không chỉ thời cơ mà còn cả thách thức đan xen nhau đối với nền kinh tế thế giới và các quốc gia tham dự quá trình này, trong đó các quốc gia đang phát triển chịu tác động của thách thức nặng nề hơn.

Mặt tích cực của toàn cầu hóa kinh tế thể hiện ở chỗ: *trước hết*, thông qua sự tự do hóa thương mại, sự thu hút đầu tư và chuyển giao công nghệ, nó tạo cơ hội cho sự phát triển của kinh tế toàn cầu nói chung và từng quốc gia nói riêng; *thứ hai*, nó thúc đẩy quá trình cạnh tranh của hàng hóa, dịch vụ, buộc các nền kinh tế phải chuyển dịch cơ cấu kinh tế cho phù hợp, mở rộng nền kinh tế thị trường, cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất lao động, hiệu quả kinh doanh; *thứ ba*, nó tạo ra một môi trường thuận lợi trong việc nắm bắt thông tin, tri thức mới, giao lưu văn hóa thế giới, trên cơ sở đó các quốc gia buộc phải cải cách hệ thống tài chính, ngân hàng, chuẩn hóa nền tài chính quốc gia để nâng cao năng lực cạnh tranh; *thứ tư*, nó làm gia tăng sự tùy thuộc lẫn nhau, thúc đẩy sự phát triển và tính xã hội hóa của lực lượng sản xuất, đưa nền kinh tế toàn cầu phát triển ở mức ngày càng cao hơn.

Tuy nhiên, bên cạnh mặt tích cực, toàn cầu hóa kinh tế cũng bộc lộ những mặt tiêu cực. *Thứ nhất*, nó khiến cho sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nước ngày càng tăng, dễ dẫn tới tình trạng chủ quyền quốc gia từng bước bị suy giảm không chỉ ở lĩnh vực kinh tế mà cả trên lĩnh vực chính trị, văn hóa, đặc biệt là đối với những nước chậm hoặc đang phát triển; đồng thời, cũng làm gia tăng tính phụ thuộc về vốn và công nghệ... của các nền kinh tế với bên ngoài, mà sự phụ thuộc này dễ gây ra những tác động dây chuyền tiêu cực trong nền kinh tế thế giới (tính lan truyền nhanh và mạnh của khủng hoảng kinh tế); *thứ hai*, nó tạo ra sự phân hóa xã hội ngày một sâu sắc hơn, khoảng cách giàu nghèo ngày một tăng, các tệ nạn xã hội, tội phạm và buôn lậu quốc tế có cơ hội và môi trường để gia tăng; *thứ ba*, nó kéo theo tình trạng suy giảm môi trường sinh thái, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống của nhân loại; *thứ tư*, sự phân phối không đều lợi ích thu được từ quá trình toàn cầu hóa kinh tế tất yếu đưa tới sự mâu thuẫn giữa các quốc gia. Với ưu thế vượt trội hơn hẳn về tiềm lực tài chính và trình độ khoa học - công nghệ so với các nước đang phát triển, các nước tư bản phát triển khống chế cục diện kinh tế toàn cầu. Mâu thuẫn này thể hiện rõ qua những cuộc biểu tình rầm rộ, thậm chí dẫn đến bạo loạn đẫm máu trên đường phố ở một số nước nhằm phản đối sự bất bình đẳng trong quá trình toàn cầu hóa kinh tế.

Như vậy, toàn cầu hóa kinh tế là một quá trình phức tạp, đầy những mâu thuẫn: giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển, giữa trung tâm và ngoại vi, giữa Bắc và Nam, giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, giữa toàn cầu hóa với giữ gìn bản sắc dân tộc, v.v.. Hiện nay, toàn cầu hóa kinh tế đang diễn ra trên những chiều hướng trái ngược nhau: xu hướng tự do hóa kinh tế đồng hành với xu hướng bảo hộ mậu dịch, toàn cầu hóa đi liền với phản toàn cầu hóa, phát triển song hành với những nhân tố phản phát triển...

Đúng như Văn kiện Đại hội IX của Đảng ta khẳng định: "Toàn cầu hóa kinh tế là xu thế khách quan lôi cuốn ngày càng nhiều các nước tham gia; xu thế này đang bị một số nước phát triển và các tập đoàn kinh tế tư bản xuyên quốc gia chi phối, chứa đựng nhiều mâu thuẫn, vừa có mặt tích cực, vừa có mặt tiêu cực, vừa có hợp tác vừa có đấu tranh". Xu thế toàn cầu hóa kinh tế tạo điều kiện cho quá trình hội nhập


Digitized by Google

kinh tế quốc tế. Hiểu theo nghĩa đơn giản nhất, hội nhập kinh tế quốc tế là tiến trình tham gia của các nền kinh tế các nước vào quá trình toàn cầu hóa kinh tế. Toàn cầu hóa kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế có mối quan hệ hữu cơ: toàn cầu hóa kinh tế là một xu thế khách quan, kéo theo nó, hội nhập kinh tế quốc tế cũng là một nhu cầu, một xu thế tất yếu.

Sớm nhận thức được xu thế toàn cầu hóa kinh tế đồng thời cũng ý thức được những thách thức và cơ hội của nó, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã thực hiện đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực. Văn kiện Đại hội IX của Đảng ta khẳng định: "Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, bảo vệ môi trường". Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết số 07-NQ/TW, ngày 27-11-2001, *Về hội nhập kinh tế quốc tế* và Chính phủ đã cụ thể hóa nghị quyết này bằng chương trình hành động cụ thể. Nghị quyết số 07 của Bộ Chính trị nêu rõ: "Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế nhằm mở rộng thị trường, tranh thủ thêm vốn, công nghệ, kiến thức quản lý để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa...".

Trong những năm qua, thực hiện chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước, Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng trong việc mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập ngày càng sâu hơn vào kinh tế quốc tế và khu vực.

Đến cuối năm 2002, Việt Nam đã có quan hệ ngoại giao với 170 nước, đã ký Hiệp định Thương mại song phương với 86 quốc gia, có quan hệ đầu tư với 70 nước và vùng lãnh thổ, tranh thủ nguồn tài trợ ODA của 45 nước và các định chế tài chính quốc tế; đã gia nhập Khu vực Mậu dịch tự do ASEAN (AFTA), đã tham gia sáng lập Diễn đàn Hợp tác Á - Âu (ASEM), gia nhập Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), tiến hành 7 vòng đàm phán trên lộ trình gia nhập WTO, đã ký Hiệp định khung Về hợp tác kinh tế với Liên minh châu Âu (EU) và ký Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa kỳ (có hiệu lực từ ngày 10-12-2001).

Nhờ có đường lối, chính sách đúng đắn trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế nên Việt Nam đã đẩy mạnh xuất nhập khẩu, phát triển thị trường trong nước, mở rộng thị trường ngoài nước, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài (vốn FDI và ODA), phát huy nội lực, làm cho tốc độ tăng trưởng GDP của nền kinh tế những năm qua tương đối cao và ổn định, nâng cao tiềm lực kinh tế đất nước, nâng vị thế Việt Nam trên trường quốc tế.

Tuy nhiên, trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế chúng ta vẫn còn những yếu kém cần khắc phục. Hội nghị Trung ương 9, Khóa IX, chỉ rõ: "Nhiều nguồn lực và tiềm năng trong nước để phát triển kinh tế chưa được huy động và sử dụng tốt. Chất lượng, hiệu quả của sự phát triển kinh tế - xã hội còn thấp và chưa có chuyển biến rõ rệt" và "Những nhược điểm trong chính sách kinh tế và cơ chế quản lý cũng khiến chúng ta chưa tận dụng được lợi thế về ổn định chính trị - xã hội để thu hút mạnh mẽ nguồn đầu tư của nước ngoài.". Cụ thể là, năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp còn rất thấp, giá thành của nhiều sản phẩm cao hơn so với các nước trong khu vực. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, nhất là theo hướng hiện đại hóa còn chậm. Việc thực hiện chính sách phát triển các thành phần kinh tế, tuy đã có tiến bộ nhưng thiếu nhất quán, chưa khai thác tốt các nguồn nội lực, nhất là trong dân. Còn thiếu chủ động trong việc chuẩn bị để đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế: Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài còn gặp khó khăn do môi trường đầu tư chưa


Digitized by Google

đủ thông thoáng; việc xúc tiến các công đoạn theo lịch trình hội nhập, việc thực hiện các cam kết song phương, đa phương còn chậm và chưa bảo đảm độ tin cậy. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chậm được hình thành đồng bộ. Hiệu quả quản lý kinh tế của Nhà nước còn thấp, chức năng của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn chậm được xác định rõ.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến những yếu kém đó của chúng ta, nhưng trước hết là, một bộ phận cán bộ đảng viên chưa có sự thống nhất cao và thấu suốt về chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế nên việc tổ chức triển khai thực hiện còn chậm, lúng túng, chưa kiên quyết và nhất quán, nhiều doanh nghiệp chưa sẵn sàng cho hội nhập kinh tế quốc tế. Thêm vào đó, chúng ta chưa đánh giá hết tác động phức tạp của những biến động chính trị trên thế giới, cũng như chưa lường hết được những tác động tiêu cực của kinh tế thị trường, của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và sự phát triển của thông tin...

Trên cơ sở phân tích kỹ các nguyên nhân dẫn đến những yếu kém trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, Hội nghị Trung ương 9 đã đề ra mục tiêu cho nửa nhiệm kỳ còn lại trên lĩnh vực này: "Chủ động và khẩn trương hơn trong hội nhập kinh tế quốc tế, chuẩn bị tốt các điều kiện trong nước để thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế đa phương và song phương mà nước ta đã ký và sớm gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), tăng tính cạnh tranh của môi trường đầu tư so với khu vực và thu hút mạnh đầu tư nước ngoài."

Chủ đề Hội thảo *"Hội nhập kinh tế quốc tế - những vấn đề lý luận và thực tiễn"* rất rộng và phức tạp. Để góp phần làm rõ hơn một số vấn đề về lý luận và thực tiễn, góp phần thực hiện những yêu cầu mà Hội nghị Trung ương 9 đặt ra trên lĩnh vực hội nhập kinh tế quốc tế, trong khuôn khổ cuộc Hội thảo này, chúng ta cần tập trung vào một số vấn đề sau:

*1 - Về mặt lý luận,* cần làm sáng tỏ hơn nhận thức về hội nhập kinh tế quốc tế, nội dung và bản chất của nó; mối quan hệ giữa hội nhập kinh tế quốc tế với việc xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ theo định hướng xã hội chủ nghĩa; những cơ hội và thách thức mà chúng ta sẽ đối mặt trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế; vấn đề giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong quá trình hội nhập; vai trò của tổ chức đảng, chính quyền các cấp trong việc thực hiện chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế...

*2 - Về mặt thực tiễn,* cần đi sâu trao đổi các vấn đề: Vai trò của Nhà nước, phạm vi can thiệp của Chính phủ, tác động của chính sách tài khóa; vai trò của tài chính trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, những đổi mới cần thiết và thích ứng trong quá trình này; xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ quá trình hội nhập: số lượng và chất lượng hệ thống giao thông vận tải, các công trình xây dựng, bến bãi, kho tàng đáp ứng cho hội nhập,...; hệ thống ngân hàng trong tiến trình hội nhập; những vấn đề pháp lý trong quá trình hội nhập: hệ thống luật pháp và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; nguồn nhân lực: quản lý và đào tạo nguồn nhân lực, thị trường sức lao động; nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ (năng lực công nghệ nội sinh, công nghệ chuyển giao qua FDI hoặc từ nước ngoài).

Tất cả những vấn đề nêu trên đều có liên quan trực tiếp đến năng lực cạnh tranh quốc gia - một trong những yếu tố quyết định sự thành bại của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Và, giải quyết những vấn đề trên là trách nhiệm của các tổ chức đảng, chính quyền, các đoàn thể chính trị - xã hội, các cấp, các ngành, các doanh nghiệp và của toàn dân.

Tôi hy vọng rằng, các đồng chí và các bạn sẽ đóng góp nhiều ý kiến quý báu, bổ ích cho chủ đề mà chúng ta cùng quan tâm. ❑


Digitized by Google

# TỔNG THUẬT HỘI THẢO

**I - Một số vấn đề lý luận**

Nói đến hội nhập kinh tế quốc tế, không thể không đề cập đến toàn cầu hóa, trước hết là toàn cầu hóa kinh tế. Hội nhập kinh tế quốc tế có liên quan trực tiếp và là quá trình đồng hành với quá trình toàn cầu hóa kinh tế. Không thể có toàn cầu hóa kinh tế nếu không có sự tham gia ngày càng đông của các quốc gia, dân tộc. Nếu toàn cầu hóa kinh tế là tất yếu thì hội nhập kinh tế cũng là một đòi hỏi khách quan. Theo **PGS, TS Vũ Văn Hiền** (Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam): Dưới sự tác động của xu thế toàn cầu hóa kinh tế, thì nhu cầu hội nhập kinh tế quốc tế cũng xuất hiện. Có thể coi hội nhập kinh tế quốc tế và toàn cầu hóa kinh tế là hai mặt của một quá trình.

Từ xuất phát điểm đó, tất cả các tham luận và các ý kiến phát biểu tại Hội thảo, dù hướng vào chủ đề chính là hội nhập kinh tế quốc tế, thì ở mức độ khác nhau, đều dành nhiều chú ý đến việc lý giải về toàn cầu hóa kinh tế - một hiện thực kinh tế khách quan đang tác động mạnh mẽ đến tất cả các khu vực và các quốc gia trên thế giới. Vậy, toàn cầu hóa kinh tế là gì? **GS, TS Lê Hữu Nghĩa** quan niệm: Toàn cầu hóa kinh tế, xét về bản chất, là quá trình gia tăng mạnh mẽ của những mối liên hệ, sự phụ thuộc lẫn nhau, tác động qua lại của các quốc gia, khu vực ở lĩnh vực kinh tế trên thế giới. Tập hợp những quan niệm chung nhất về toàn cầu hóa kinh tế, **PGS, TS Vũ Văn Hiền** khẳng định: Toàn cầu hóa kinh tế là một quá trình phát triển kinh tế của các nước trên thế giới và các quan hệ kinh tế quốc tế vượt khỏi biên giới quốc gia, hướng tới phạm vi toàn cầu, trong đó hàng hóa, vốn, tiền tệ, thông tin, lao động... vận động thông thoáng; mối quan hệ kinh tế giữa các quốc gia và khu vực được vận hành theo "luật chơi" chung được xác lập qua hợp tác và đấu tranh giữa các thành viên trong cộng đồng quốc tế; sự phân công hợp tác quốc tế ngày càng sâu rộng; các nền kinh tế ngày càng có quan hệ mật thiết với nhau và tùy thuộc lẫn nhau; tính xã hội hóa của sản xuất ngày càng tăng. **TS Trần Đình Hiền** và **TS Hoàng Xuân Hòa** (Ban Kinh tế Trung ương) cho rằng: Toàn cầu hóa kinh tế là giai đoạn phát triển cao của quá trình quốc tế hóa đời sống kinh tế. Nó đưa tới sự hình thành một thị trường thế giới thống nhất và một hệ thống tín dụng toàn cầu, là sự phân công lao động quốc tế theo chiều sâu, là sự mở rộng giao lưu kinh tế và khoa học - công nghệ giữa các quốc gia trên phạm vi thế giới, là giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội có tính toàn cầu, như vấn đề dân số, tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường sinh thái...

Nhận định về toàn cầu hóa kinh tế như một quá trình khách quan phức tạp, chứa đựng nhiều mâu thuẫn, vừa có mặt tích cực vừa có mặt tiêu cực, tạo ra vừa thời cơ vừa thách thức, vừa hợp tác vừa đấu tranh đã được phản ánh trong nhiều tham luận. Đặc biệt, những khía cạnh tích cực và tiêu cực của toàn


Digitized by Google

cầu hóa kinh tế được phân tích rất kỹ. Những khía cạnh tích cực là: Thúc đẩy rất nhanh, rất mạnh sự phát triển và xã hội hóa lực lượng sản xuất, đưa tới sự tăng trưởng kinh tế nói chung ngày càng cao; làm tăng thêm sự tùy thuộc, tác động và thúc đẩy lẫn nhau của các nền kinh tế các nước; mỗi nước phải tự điều chỉnh chính sách và các phương thức phát triển kinh tế, hình thành các mối quan tâm chung trong quan hệ quốc tế; thúc đẩy quá trình cạnh tranh đối với mỗi nước và với từng doanh nghiệp trên thương trường, đòi hỏi phải cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả sản xuất, kinh doanh; mở ra những địa bàn và thị trường mới, những đối tác mới cho tất cả các nước. Và những tác động tiêu cực của toàn cầu hóa kinh tế có thể nhìn nhận theo những góc độ sau: Quá trình toàn cầu hóa kinh tế càng được tăng cường thì chủ quyền quốc gia của mỗi nước càng bị hạn chế và thu hẹp một cách tương đối; thúc đẩy các nguồn vốn đầu cơ tăng nhanh, hình thành các "bong bóng xà phòng" - nguyên nhân gây ra các cuộc khủng hoảng tài chính trên phạm vi rộng lớn; khoảng cách giàu nghèo trên thế giới và trong mỗi quốc gia ngày càng mở rộng hơn; môi trường toàn cầu hóa là điều kiện thuận lợi cho các nước phương Tây tiến hành chiến tranh kinh tế, chiến tranh tâm lý, "diễn biến hòa bình" hòng buộc các nước đang và chậm phát triển theo sự áp đặt của họ; môi trường sinh thái suy giảm, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống của nhân loại.

Đề cập mối quan hệ biện chứng, đan xen, chuyển hóa lẫn nhau giữa thời cơ và thách thức, giữa mặt tích cực và tiêu cực mà quá trình toàn cầu hóa đưa lại, **GS, TS Lê Hữu Nghĩa** nhấn mạnh: Nếu thách thức được vượt qua, tự nó sẽ trở thành thời cơ. Thời cơ không nắm bắt được sẽ trở thành thách thức. Tác động của mặt tích cực và tiêu cực đến đâu, điều đó phụ thuộc vào nhân tố chủ quan, tức sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và vai trò của quần chúng nhân dân. Phân tích những thách thức của toàn cầu hóa đối với các nước đang phát triển, **ThS Nguyễn Thị Hoa** (Tạp chí Cộng sản) cho rằng: Toàn cầu hóa kinh tế là con dao hai lưỡi, vừa có mặt tích cực vừa có mặt tiêu cực. Vấn đề là các nước đang phát triển phải chủ động nắm bắt cơ hội, tận dụng những thành quả khoa học - kỹ thuật tiên tiến trên thế giới, tăng cường nội lực trên cơ sở độc lập, tự chủ, sáng tạo.

Chung quanh chủ đề chính của Hội thảo, các ý kiến đều nhấn mạnh: Hội nhập kinh tế quốc tế không những là một nội dung quan trọng của quá trình toàn cầu hóa kinh tế, mà còn cùng với toàn cầu hóa kinh tế, tự do hóa thương mại tạo thành những vấn đề nổi bật của kinh tế thế giới hiện nay.

Có nhiều cách tiếp cận khác nhau về khái niệm hội nhập kinh tế quốc tế. Hiểu theo nghĩa đơn giản nhất, hội nhập kinh tế quốc tế là tiến trình tham gia quá trình toàn cầu hóa kinh tế. **TS Phạm Tất Thắng** (Ủy viên Ban Biên tập Tạp chí Cộng sản) quan niệm: Hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình hợp tác trên cơ sở có đi có lại, trong đó các quốc gia dành cho nhau sự đối xử ưu đãi trên cơ sở tôn trọng, chấp nhận các luật lệ và tập quán quốc tế. Bản chất của hội nhập kinh tế quốc tế, theo sự khái quát của **TS Trần Đình Hiền** và **TS Hoàng Xuân Hòa,** là một quá trình liên kết các nền kinh tế với nhau mà các đặc điểm cơ bản của quá trình này thể hiện: *Thứ nhất,* tính thống nhất biện chứng giữa yếu tố chủ quan (sự chủ động tham gia của các chính phủ, các quốc gia) và yếu tố khách quan (xu thế toàn cầu hóa kinh tế); *thứ hai,* sự chủ động


Digitized by Google

điều chỉnh đường lối, chính sách kinh tế đối ngoại của các chính phủ theo hướng mở cửa, thúc đẩy quá trình tự do hóa thương mại, dịch vụ và đầu tư, thực hiện sự luân chuyển vốn, kỹ thuật, công nghệ, lao động giữa các nền kinh tế nhằm nâng cao sức cạnh tranh, phát huy tối đa lợi thế của từng nền kinh tế trong môi trường sản xuất kinh doanh bình đẳng, thống nhất; *thứ ba*, sự hợp tác và cạnh tranh giữa các chủ thể kinh tế trên mọi lĩnh vực dưới tác động của các quy luật xã hội và phản ánh lợi ích của các giai cấp, dân tộc, đồng thời mang đậm những dấu ấn văn hóa - xã hội đa dạng; *thứ tư*, tính không đồng nhất, gián đoạn và diễn ra trong từng hoàn cảnh lịch sử cụ thể.

Tổng hợp những quan điểm của các nhà khoa học trong và ngoài nước về hội nhập kinh tế quốc tế, **PGS, TS Vũ Văn Hiền** cho rằng: Hội nhập kinh tế quốc tế là một quá trình đi liền với toàn cầu hóa kinh tế mà trọng tâm là mở cửa kinh tế, tham dự phân công, hợp tác quốc tế tạo điều kiện kết hợp có hiệu quả nguồn lực trong nước với bên ngoài, mở rộng không gian và môi trường để phát triển và chiếm lĩnh vị trí phù hợp nhất có thể được trong quan hệ kinh tế quốc tế.

Xuất phát từ đặc điểm cơ bản của nền kinh tế thế giới hiện nay, đồng chí **Lương Văn Tự** (Thứ trưởng Bộ Thương mại, Tổng Thư ký Ủy ban Quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế) đã đề cập đến các xu hướng chính của toàn cầu hóa kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế: Xu hướng tăng cường hợp tác đa phương mà Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) ngày càng có vai trò hấp dẫn hơn đối với các nền kinh tế đang phát triển trong bối cảnh toàn cầu hóa; xu hướng tự do hóa và khu vực hóa được biểu hiện ở sự hình thành và gia tăng nhanh chóng của các khu vực thương mại tự do (FTAs) và các thỏa thuận thương mại khu vực (RTAs); sự phát triển của thương mại dịch vụ; sự tăng cường chính sách bảo hộ với các rào cản thương mại hiện đại.

Mối quan hệ giữa hội nhập kinh tế quốc tế với xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ cũng là nội dung quan trọng được bàn tới trong nhiều tham luận. Theo **ThS Nguyễn Thúy Anh** (Phó Vụ trưởng Vụ Thông tin - Tư liệu, Tạp chí Cộng sản) đó là mối quan hệ tương hỗ, có tính biện chứng. Hội nhập càng chất lượng thì tính độc lập tự chủ càng cao. Độc lập tự chủ càng cao thì càng có điều kiện để chủ động, tích cực hội nhập. Việc xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ hiện nay không hề mâu thuẫn với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và xu thế toàn cầu hóa kinh tế.

Về khái niệm nền kinh tế độc lập tự chủ, các ý kiến đều thống nhất cho rằng, nó phải được xây dựng theo tiêu chí, một mặt, xuất phát từ điều kiện lịch sử cụ thể trong nước; mặt khác, phù hợp với xu thế phát triển chung của thế giới. Nhưng, xét cho cùng, điều quan trọng nhất của độc lập tự chủ về kinh tế chính là quyền tự quyết của quốc gia, dân tộc về đường lối phát triển kinh tế, cơ chế vận hành, chính sách phát triển kinh tế đối ngoại. Bổ sung thêm về nhận định này, **TS Đỗ Nhật Tân** (Vụ trưởng Vụ Chính trị, Tạp chí Cộng sản) nhấn mạnh: Tư tưởng độc lập tự chủ trong hội nhập cần được thể hiện trước hết trong việc đất nước phải tự quyết định đường lối phát triển kinh tế - xã hội của mình. Điều đó không đồng nghĩa với chủ nghĩa biệt lập. Trái lại, trong quá trình hội nhập, việc nghiên cứu, học tập những bài học kinh nghiệm, bổ ích của các nước khác là vô cùng cần thiết. Theo **PGS Hoàng Thế Liên** (Thứ trưởng Bộ Tư pháp): Các quốc gia, tùy thuộc vào thái độ đối với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế mà điều chỉnh hệ thống pháp luật của mình cho


Digitized by Google

phù hợp. Tuy nhiên, cho dù thế nào thì chủ quyền quốc gia và tính độc lập của hệ thống pháp luật vẫn là những vấn đề mà các quốc gia phải đặc biệt quan tâm trong quá trình hội nhập. Đó là cách để "hòa nhập mà không hòa tan". Tiếp tục ý kiến này, **GS, TS Đặng Văn Thanh** (Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế và Ngân sách Quốc hội) nêu rõ: Đổi mới và hoàn thiện hệ thống pháp luật phù hợp với yêu cầu của hội nhập không có nghĩa là xây dựng luật pháp nước mình theo pháp luật nước người. Hệ thống pháp luật phải là công cụ đắc lực để thực thi cơ chế quản lý, giúp nhà nước kiểm soát và điều tiết nền kinh tế trong quá trình hội nhập. Trong báo cáo *Một số vấn đề đặt ra trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế*, **TS Hoàng Hải** (Phó Vụ trưởng Vụ Kinh tế, Tạp chí Cộng sản) đã phân tích đến chính sách thuế, đầu tư, quy hoạch vùng kinh tế... Bàn về vai trò của văn hóa trong quá trình hội nhập quốc tế, **TS Phạm Quang Nghị** (Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin) khẳng định: Hội nhập kinh tế quốc tế phải gắn liền với việc bảo vệ và phát huy những giá trị bản sắc văn hóa dân tộc; đồng thời, tiếp thu những giá trị của văn hóa, văn minh nhân loại làm cho văn hóa mỗi dân tộc càng giàu có, phong phú hơn. Đó chính là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của mỗi quốc gia, của mỗi nền văn hóa trong thời đại ngày nay.

Vấn đề chủ động hội nhập kinh tế quốc tế phải luôn được đặt trong mối quan hệ biện chứng với độc lập tự chủ về chính trị, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa cũng được bàn tới trong nhiều tham luận.

**II - Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam: Thực tiễn và giải pháp**

Các tham luận và ý kiến tại Hội thảo dù hướng nội dung vào những vấn đề thực tiễn khác nhau của từng lĩnh vực, từng ngành cụ thể nhưng đều khẳng định tính tất yếu khách quan của hội nhập, tính đúng đắn của đường lối đổi mới và chủ động hội nhập kinh tế của Đảng ta; đồng thời, góp phần khái quát bức tranh toàn cảnh về quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam trong hơn 17 năm qua.

Những thành tựu cơ bản và những nhân tố hạn chế của tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam được nêu rõ trong tham luận *Đẩy nhanh tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế: Vấn đề và giải pháp* của Thứ trưởng **Lương Văn Tự** và trong một số tham luận khác. Những thành tựu đó là: Việt Nam đã ra khỏi tình trạng bị bao vây cấm vận, cô lập, tạo dựng được môi trường quốc tế, khu vực thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nâng cao được vị thế trên chính trường và thương trường thế giới; *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội 1991 - 2000* được thực hiện thành công, cơ cấu kinh tế được chuyển dịch một cách tích cực theo hướng tăng dần tỷ trọng giá trị công nghiệp và dịch vụ, giảm dần tỷ trọng giá trị nông nghiệp trong cơ cấu tổng thu nhập quốc dân; thị trường xuất nhập khẩu được mở rộng; đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và nguồn viện trợ phát triển chính thức (ODA) được thu hút và tranh thủ ngày càng lớn, nợ nước ngoài giảm đáng kể; từng bước tiếp thu khoa học và công nghệ; đào tạo được đội ngũ cán bộ và nhiều nhà quản lý doanh nghiệp nắm được nghiệp vụ, ngoại ngữ tham gia hội nhập.

Bên cạnh những thành tựu đó, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam cũng bộc lộ nhiều điểm yếu kém. Đó là: Nhận thức tư tưởng và kiến thức về nội dung, lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế của nhiều ngành, nhiều cấp và doanh nghiệp chưa đầy đủ, sự phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương và doanh


Digitized by Google

nghiệp trong tiến trình hội nhập thiếu chặt chẽ, nhịp nhàng và đồng bộ; chưa xây dựng được một chiến lược tổng thể về hội nhập kinh tế quốc tế cho cả giai đoạn dài với các lộ trình mở cửa trong từng lĩnh vực cụ thể; hệ thống pháp luật, chính sách quản lý nền kinh tế thị trường thiếu đồng bộ, chưa phù hợp với thông lệ quốc tế; năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp còn yếu, chính sách vĩ mô chưa tạo được động lực khuyến khích doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh; trình độ của đội ngũ cán bộ ở công tác này còn yếu, việc chỉ đạo và thực hiện quá trình hội nhập còn bất cập; công tác đào tạo, tuyên truyền, phổ biến thông tin kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế và giáo dục đội ngũ lao động thích ứng điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập chưa ngang tầm yêu cầu thực tiễn.

Những thành tựu cơ bản và những yếu kém khái quát trên đây đã được phản ánh một cách cụ thể hơn qua các tham luận của các đại biểu đến từ một số bộ, ngành, như tham luận *Ngành xây dựng với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế* của đồng chí **Nguyễn Hồng Quân** (Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng), tham luận *Ngành giao thông vận tải trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế* của **TS Đào Đình Bình** (Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải), tham luận *Định hướng phát triển công nghiệp Việt Nam trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế* của **TS Nguyễn Xuân Chuẩn** (Thứ trưởng Bộ Công nghiệp), tham luận *Một số vấn đề về tài nguyên và môi trường trong hội nhập kinh tế quốc tế* của **TS Phạm Khôi Nguyên** (Thứ trưởng Thường trực Bộ Tài nguyên và Môi trường), tham luận *Đổi mới chính sách tài chính thích ứng với yêu cầu hội nhập quốc tế* của **TSKH Lê Thị Băng Tâm** (Thứ trưởng Bộ Tài chính), tham luận *Công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên cơ sở phát huy nội lực và chủ động hội nhập* của **TS Đinh Văn Ân** (Viện trưởng Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương), tham luận *Nông nghiệp Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế* của **TS Vũ Minh Mão** (Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học - Công nghệ của Quốc hội) và **TS Vũ Đình Ngọc** (Vụ trưởng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) và nhiều tham luận khác.

Đánh giá đúng thực trạng tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta là vô cùng quan trọng. Nhưng vấn đề quan trọng hơn là làm sao để phát huy những thành tựu và khắc phục những yếu kém. Trên cơ sở thực trạng đó và căn cứ vào những tác động của bối cảnh quốc tế đến tiến trình hội nhập của Việt Nam, các tham luận dù mức độ và cách tiếp cận khác nhau, đều đề xuất những giải pháp mang tính tập trung, cụ thể, thiết thực nhằm góp phần đẩy nhanh, hiệu quả quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam nói chung và của từng ngành nói riêng trong thời gian tới. Phát biểu tại Hội thảo, **TS Nguyễn Khắc Thanh** (Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh) cho rằng, để hội nhập thành công, chúng ta phải giải được ít nhất cũng là các bài toán lớn sau: *một là*, lợi ích của quốc gia và của đại đa số nhân dân; *hai là*, chuẩn bị dư luận xã hội cho tiến trình hội nhập; *ba là*, phát huy nội lực của các ngành trong hội nhập.

Tuy nhiên, tại Hội thảo, ngoài những giải pháp trên, nhiều giải pháp lớn khác cũng được đề xuất. Tựu trung, có thể nhóm lại: *Thứ nhất*, là vấn đề nâng cao nhận thức về hội nhập kinh tế quốc tế, mà trước hết, theo **TS Trần Đình Hiền** và **TS Hoàng Xuân Hòa**, là thống nhất nhận thức trong toàn Đảng, toàn dân về đường lối, chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng được thể hiện qua các văn kiện Đại hội Đảng, đặc biệt là


Digitized by Google

những quan điểm chỉ đạo trong Nghị quyết 07- NQ/TW, ngày 27-11-2001, của Bộ Chính trị *Về hội nhập kinh tế quốc tế. Thứ hai,* xây dựng Chiến lược tổng thể về hội nhập kinh tế quốc tế nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam, một nền kinh tế, theo đánh giá của Thứ trưởng **Lương Văn Tự,** còn đang hội nhập ở mức độ thấp, sức cạnh tranh của cả nền kinh tế còn yếu kém. Nâng cao năng lực cạnh tranh bằng cách tăng cường đổi mới kinh tế hướng vào xuất khẩu, đầu tư thiết bị và công nghệ tiên tiến, khai thác các ngành có lợi thế trước mắt và lâu dài; coi trọng phát triển thị trường trong nước đi đôi với mở rộng thị trường xuất khẩu; phát triển thương mại dịch vụ. *Thứ ba,* đẩy mạnh cải cách các doanh nghiệp nhà nước theo hướng nâng cao tính chủ động, hiệu quả và khả năng cạnh tranh đi đôi với việc giải quyết vấn đề việc làm và thay đổi ngành nghề của người lao động. Theo nhận xét của **TS Phạm Tất Thắng,** các doanh nghiệp Việt Nam hiện đang bị tụt hậu khá xa trong việc tạo cho mình các thế mạnh về cạnh tranh và cách tiếp cận thị trường; nội lực của các doanh nghiệp còn thấp, tiềm lực về vốn và nhân lực rất hạn chế, mức độ công nghệ hóa còn lạc hậu, hiệu quả sản xuất thấp. *Thứ tư,* Hoàn thiện và nâng cao hiệu quả của hệ thống văn bản pháp luật phục vụ phát triển kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế. Vì hệ thống pháp luật của Việt Nam, như ý kiến đánh giá của **PGS Hoàng Thế Liên,** hiện đang trong tình trạng "vừa thiếu, vừa thừa", thiếu những quy định tương đồng với cái chung được thừa nhận, áp dụng rộng rãi và thừa những quy định về thuế quan và phi thuế quan phức tạp, thay đổi thất thường dễ gây tâm lý dè dặt, thiếu tin tưởng của giới kinh doanh trong và ngoài nước. *Thứ năm,* tập trung đàm phán để có thể sớm gia nhập WTO. *Thứ sáu,* đào tạo nguồn nhân lực có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, phong cách làm việc, phẩm chất đạo đức đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của tiến trình hội nhập. **PGS Hoàng Thế Liên** đã dẫn số liệu điều tra của Vụ Đào tạo (Bộ Nội vụ) tại 23 bộ, ngành trung ương và 48 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Trong tổng số 2 012 cán bộ làm công tác hội nhập ở các cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương và địa phương thì chỉ có 9,4% đã qua đào tạo về hội nhập, 3,5% qua bồi dưỡng. Dẫn chứng này cùng với nhiều ví dụ khác được đưa ra trong một số tham luận của các đại biểu đến từ các bộ, ngành khác nhau đủ cho thấy sự cấp thiết của công tác chuẩn bị nguồn nhân lực cho tiến trình hội nhập. Nhấn mạnh tầm quan trọng của vấn đề này, **TS Nguyễn Xuân Thông** (Vụ trưởng Vụ Xây dựng Đảng, Tạp chí Cộng sản) khẳng định: Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, cũng như mọi lĩnh vực khác, vấn đề quy hoạch, đào tạo, bố trí và sử dụng cán bộ, nói một cách ngắn gọn là công tác cán bộ, có ý nghĩa quyết định hiệu quả hội nhập.

Tổng kết Hội thảo, **GS, TS Lê Hữu Nghĩa** kết luận: Hội thảo đã thành công tốt đẹp, nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn về hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam đã được bàn thảo sôi nổi và đi đến những nhận định thống nhất. Tuy nhiên, nhằm khắc phục những bất cập, chưa triệt để trong công tác nghiên cứu lý luận, tình trạng lúng túng, lừng chừng trong triển khai Nghị quyết của Đảng và nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị về hội nhập kinh tế quốc tế, thì một số vấn đề lý luận về hội nhập kinh tế quốc tế phải được tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu sâu hơn nữa. ❑

**NGUYỄN TIẾN NGHĨA**
*(Tổng thuật)*


Digitized by Google

# MỘT SỐ QUAN ĐIỂM CƠ BẢN VỀ TĂNG CƯỜNG THỰC HIỆN CHỨC NĂNG XÃ HỘI CỦA NHÀ NƯỚC TA HIỆN NAY

PHẠM VĂN ĐẠT*

ĐẾN nay, có nhiều cách phân chia khác nhau về chức năng của nhà nước. Chẳng hạn, người ta có thể phân chia chức năng của nhà nước thành chức năng đối nội, chức năng đối ngoại, chức năng kinh tế, chức năng xã hội, chức năng giai cấp,... Hiểu một cách chung nhất, chức năng xã hội của nhà nước là việc nhà nước sử dụng những công cụ của mình trên những phương diện hoạt động chủ yếu của đời sống xã hội, nhằm mục đích quản lý xã hội.

Chức năng xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là những phương diện hoạt động chủ yếu của Nhà nước tác động tới các lĩnh vực xã hội của đời sống xã hội, nhằm định hướng và giải quyết các nhiệm vụ xã hội đặt ra trước Nhà nước và xã hội. Theo cách hiểu này, Nhà nước ta thực hiện chức năng xã hội là nhằm giải quyết các vấn đề xã hội ở tầm vĩ mô, vì lợi ích chung của toàn xã hội. Nội dung chức năng xã hội của Nhà nước ta bao gồm: 1- Quản lý và khuyến khích phát triển giáo dục - đào tạo nhằm xóa nạn mù chữ, nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và nhân tài cho đất nước; 2- Quản lý, sử dụng và khuyến khích phát triển khoa học, công nghệ để phát huy vai trò then chốt của nó trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội đất nước; 3- Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của nhân dân, đặc biệt là sức khỏe của người già, phụ nữ, trẻ em và những người khuyết tật, thương tật do chiến tranh, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp...; 4- Giải quyết công ăn việc làm cho nhân dân để nhân dân thực hiện quyền lao động; 5- Thực hiện chính sách phân phối hợp lý bằng các biện pháp tài chính như đánh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao, giúp đỡ những đối tượng xã hội; 6- Chăm lo đời sống của người về hưu, người già cô đơn, trẻ em lang thang, người thất nghiệp; 7- Chăm lo các đối tượng chính sách như thương binh, thân nhân liệt sĩ, người có công...

Về bản chất, chức năng xã hội của Nhà nước ta mang bản chất giai cấp công nhân và mang tính nhân văn cao cả. Từ khi thành lập nước đến nay, tùy từng giai đoạn cách mạng mà bản chất đó thể hiện ở những mức độ, trình độ khác nhau. Đặc biệt, từ khi thực hiện công cuộc đổi mới, chức năng xã hội của Nhà nước ta ngày càng thể hiện rõ vai trò, ý nghĩa to lớn của mình đối với công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, trước tình hình biến đổi nhanh chóng của tất cả các

* ThS, Phân viện Báo chí và Tuyên truyền, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh


Digitized by Google

lĩnh vực đời sống xã hội ở nước ta hiện nay, việc thực hiện chức năng xã hội của Nhà nước nhiều khi tỏ ra lúng túng, bất cập do những nguyên nhân chủ yếu sau:

*1- Những vướng mắc, thiếu sót của hệ thống pháp luật.* Hệ thống các văn bản pháp luật điều chỉnh những quan hệ xã hội, nhất là trên các lĩnh vực bảo hiểm xã hội, cứu trợ xã hội và ưu đãi xã hội, tuy đã được quan tâm nhưng vẫn còn một số bất cập. Chẳng hạn, về hình thức văn bản, phần lớn các văn bản pháp luật thể hiện chức năng xã hội của Nhà nước là những văn bản dưới luật có giá trị pháp lý không cao. Không những thế, số lượng văn bản pháp luật về vấn đề này vừa "thừa" lại vừa "thiếu". "Thừa" là do tình trạng nhiều văn bản pháp luật cùng điều chỉnh một vấn đề. Ví dụ, vấn đề người tàn tật, vừa có các văn bản thuộc lĩnh vực cứu trợ xã hội điều chỉnh (Pháp lệnh về Người tàn tật và các văn bản khác), vừa có các văn bản thuộc lĩnh vực ưu đãi xã hội điều chỉnh (Pháp lệnh Ưu đãi người hoạt động cách mạng, liệt sĩ và gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng...). "Thừa" là do có những vấn đề thuộc lĩnh vực xã hội mà không có hoặc rất ít văn bản pháp luật điều chỉnh, gây ra tình trạng thiếu cơ sở pháp lý để thực hiện chúng trong thực tiễn. Ví dụ, vấn đề người nghèo, người thất nghiệp. Về phạm vi điều chỉnh văn bản pháp luật, hầu hết các văn bản pháp luật bảo đảm xã hội còn hẹp, chưa khái quát được hết các vấn đề xã hội, các đối tượng xã hội; đồng thời, mới chỉ chú trọng tới đời sống vật chất mà chưa chú trọng tới đời sống tinh thần của các đối tượng xã hội.

*2- Những vướng mắc, thiếu sót từ phía các cơ quan nhà nước và cơ chế thực hiện.* Các cơ quan nhà nước có chức năng, nhiệm vụ thực hiện những quy định của pháp luật về bảo đảm xã hội hiện nay còn rất phân tán, trực thuộc nhiều cơ quan, nhiều ngành nghề, lĩnh vực khác nhau. Ví dụ, Cơ sở Bảo trợ xã hội, Ban Chỉ đạo phòng, chống lụt, bão các cấp, Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình 135... không được tổ chức trong cùng một hệ thống. Bên cạnh đó, một số cơ quan lại ở vào tình trạng quá tải do thiếu thốn về cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ, nhân viên, nên chưa làm tốt chức năng xã hội của mình.

Trên thực tế, các cơ quan nhà nước chưa có những hình thức, phương pháp tối ưu trong hoạt động của mình để thực hiện pháp luật về bảo đảm xã hội, thực hiện chức năng xã hội của Nhà nước. Cơ chế quản lý và thực hiện chức năng xã hội của Nhà nước còn lỏng lẻo, phân tán và chưa có các công cụ thực hiện hữu hiệu, nên hiệu quả thu được chưa cao. Việc huy động nguồn kinh phí để thực hiện chức năng xã hội của Nhà nước đã có sự xã hội hóa, nhưng chưa thu hút được đông đảo nhân dân tham gia nên nguồn kinh phí vẫn dựa vào ngân sách nhà nước là chính. Việc giúp đỡ các đối tượng xã hội còn mang nặng tính bình quân chủ nghĩa và chủ yếu là cứu trợ đột xuất, mặc dù đã có những chương trình quốc gia giúp đỡ các đối tượng xã hội theo hướng giúp họ hòa nhập cộng đồng, không những để duy trì cuộc sống thường nhật mà còn để ổn định, phát triển.

Để thực hiện tốt hơn nữa chức năng xã hội của Nhà nước ta hiện nay, theo chúng tôi, cần quán triệt một số quan điểm cơ bản sau:

***Thứ nhất,** tăng cường thực hiện chức năng xã hội của Nhà nước ta trên cơ sở nhận thức một cách khách quan, toàn diện và đúng đắn nội dung, ý nghĩa và tầm quan trọng của chức năng xã hội của Nhà nước trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.*

Chức năng xã hội là một trong những chức năng quan trọng nhất của Nhà nước ta. Cùng với chức năng giai cấp và chức năng đối ngoại, nó góp phần làm ổn định chính trị, xã hội, tạo điều kiện cho Nhà nước thực hiện chức năng kinh tế, thúc đẩy kinh tế phát triển. Thực hiện


Digitized by Google

chức năng xã hội là một việc làm thường xuyên của Nhà nước. Xu thế hoạt động của các nhà nước hiện đại, trong đó có cả Nhà nước ta, là ngày càng thực hiện sâu rộng hơn nữa các hoạt động thể hiện chức năng xã hội của mình, ngày càng có những hoạt động can thiệp mạnh hơn nữa vào lĩnh vực xã hội. Nội dung chức năng xã hội của Nhà nước ta đặc biệt chú trọng đến những mặt, những hướng của các lĩnh vực xã hội thuộc chính sách xã hội (bảo hiểm xã hội, cứu trợ xã hội và ưu đãi xã hội). Điều này được thể hiện trong những quy định của pháp luật, trong chức năng, nhiệm vụ hoạt động của các cơ quan nhà nước và trong những chương trình hành động cụ thể của Nhà nước.

Chức năng xã hội là một chức năng không thể thiếu trong hoạt động của Nhà nước. Nó hỗ trợ cho chức năng giai cấp để Nhà nước giữ vững được bản chất giai cấp công nhân và thật sự trở thành nhà nước của dân, do dân và vì dân. Bởi vì, chức năng xã hội được thực hiện sẽ hạn chế được những bất công và bất bình đẳng trong xã hội. Khi chức năng xã hội được Nhà nước thực hiện tốt thì ngay cả những thành viên yếu thế nhất của xã hội, những người do hoàn cảnh khách quan hoặc điều kiện chủ quan không tự lo cho cuộc sống của mình, cũng được bảo đảm một cuộc sống tối thiểu về vật chất và tinh thần để có thể tồn tại và phát triển. Đồng thời, nó cũng tạo ra môi trường thuận lợi để kích thích tất cả các thành viên trong xã hội chủ động hướng tới mục tiêu chăm sóc con người, vì con người và vì cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn của mỗi con người. Chức năng xã hội được thực hiện tốt cũng có nghĩa là Nhà nước đã hiện thực hóa một số quyền cơ bản của con người, mà những quyền này đã được nhân loại thừa nhận, được ghi nhận tại Điều 82 Tuyên ngôn về nhân quyền của Liên hợp quốc (năm 1948): "Mọi người đều có quyền hưởng một mức sống đủ bảo đảm sức khỏe và nhu cầu thiết yếu của mình và gia đình, nhất là về ăn uống, nhà ở, thuốc men. Mọi người đều có quyền hưởng bảo đảm xã hội trong các trường hợp thất nghiệp, ốm đau, tàn tật, góa bụa, tuổi già hoặc những trường hợp mất kế sinh nhai vì những sự kiện xảy ra ngoài ý muốn"(1).

***Thứ hai,*** *tăng cường thực hiện chức năng xã hội của Nhà nước ta trên cơ sở mối quan hệ biện chứng giữa quá trình thực hiện chức năng xã hội với quá trình thực hiện các chức năng khác của Nhà nước và đặc biệt là với cơ sở kinh tế - xã hội để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững.*

Chức năng xã hội có mối quan hệ hữu cơ, tác động qua lại với các chức năng khác của Nhà nước như chức năng giai cấp, chức năng đối ngoại và đặc biệt là chức năng kinh tế. Do vậy, Nhà nước phải thực hiện đồng bộ, nhịp nhàng các chức năng này để điều chỉnh các vấn đề thuộc các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội của đời sống xã hội. Tất nhiên, trong từng giai đoạn nhất định, Nhà nước có thể ưu tiên, chú trọng thực hiện một vài chức năng này so với những chức năng khác. Trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hiện nay, chúng ta phải kiên trì quan điểm tăng trưởng kinh tế đi đôi với giải quyết các vấn đề xã hội để thực hiện mục tiêu tiến bộ xã hội, công bằng xã hội và phát triển bền vững.

Chúng ta thấy rõ rằng, nền kinh tế đất nước càng phát triển thì cũng có nghĩa là sẽ luôn luôn tạo ra những tiền đề về vật chất để Nhà nước có thể thực hiện tốt chức năng xã hội của mình. Khi đó, Nhà nước sẽ có điều kiện để khuyến khích phát triển giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ, cũng như có điều kiện để giúp đỡ nhiều hơn cho các đối tượng xã hội với các hình thức đa dạng và nội dung sâu

(1) Dẫn theo: Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia: *Luận cứ khoa học cho việc đổi mới chính sách xã hội*, Chương trình khoa học - công nghệ cấp Nhà nước KX 04 xuất bản, Hà Nội, 1994, tr 176


Digitized by Google

rộng. Đồng thời, một khi chức năng xã hội của Nhà nước được thực hiện tốt sẽ góp phần ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, và do đó, sẽ tạo ra những động lực và những nhân tố mới thúc đẩy nền kinh tế phát triển. Song, nếu Nhà nước quá chú ý tới việc thực hiện chức năng xã hội, bằng cách ban hành nhiều văn bản pháp luật bảo hộ lao động vượt quá điều kiện cho phép, tổ chức thực hiện các nội dung bảo đảm xã hội và các chương trình bảo trợ xã hội tốn kém về kinh phí, thì sẽ ảnh hưởng xấu đến việc đầu tư phát triển kinh tế, và đến một lúc nào đó, Nhà nước cũng sẽ không còn đủ kinh phí để thực hiện các nội dung của chức năng xã hội. Và, khi đó, không những mục tiêu của chức năng xã hội của Nhà nước hướng tới không đạt được, mà còn phát sinh nhiều vấn đề xã hội như nạn đói, thất nghiệp... do kinh tế kém phát triển, và như thế, sự phát triển nói chung của xã hội không đạt được sự hài hòa, bền vững, thậm chí bị thụt lùi.

***Thứ ba,** tăng cường thực hiện chức năng xã hội của Nhà nước ta trên cơ sở xã hội hóa chức năng xã hội của Nhà nước.*

Chức năng xã hội của Nhà nước với ý nghĩa là bảo đảm xã hội thì việc xã hội hóa nó là công việc rất cần thiết. Bảo đảm xã hội sẽ được thực hiện tốt hơn nếu nó được thực hiện không chỉ bởi Nhà nước, mà còn bởi cộng đồng xã hội và các cá nhân. Ở đây, Nhà nước đóng vai trò chủ đạo. Nhà nước đề ra các chính sách xã hội, ban hành các văn bản pháp luật, điều chỉnh các quan hệ xã hội thuộc lĩnh vực xã hội; thực hiện các chương trình bảo đảm xã hội lớn; tạo ra môi trường, khuyến khích và định hướng thực hiện bảo đảm xã hội; các cơ quan nhà nước điều tiết các hoạt động bảo đảm xã hội. Các tổ chức, đoàn thể xã hội có tính chất nghề nghiệp, sở thích, lứa tuổi, giới tính, tương trợ, từ thiện... và các cá nhân có lòng hảo tâm đóng góp về vật chất và công sức cho công tác bảo đảm xã hội; giúp đỡ những đối tượng xã hội trong những hoạt động cụ thể, trên những lĩnh vực cụ thể, trong những trường hợp cụ thể... Các tổ chức và hoạt động này đều được Nhà nước thừa nhận hoặc cho phép vì không trái với những quy định của pháp luật.

Ở nước ta hiện nay, công tác bảo đảm xã hội vẫn do Nhà nước thực hiện là chính. Bởi vì các hoạt động này hầu như không đem lại lợi nhuận và chỉ có Nhà nước mới có đủ khả năng về kinh tế, tổ chức và phương tiện để giải quyết những vấn đề xã hội lớn như ưu đãi những người có công; giúp xóa đói giảm nghèo đối với những người ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, những người có thu nhập thấp, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Các hoạt động của cộng đồng và cá nhân trong việc thực hiện công tác bảo đảm xã hội ở nước ta hiện nay còn rất yếu, chỉ có ý nghĩa hỗ trợ Nhà nước mà thôi. Chính vì vậy, chủ trương xã hội hóa công tác bảo đảm xã hội là một chủ trương đúng đắn, hợp lý để thông qua đó, Nhà nước huy động sức dân thực hiện chức năng xã hội trong điều kiện ngân sách còn hạn hẹp; đồng thời, khơi gợi lòng yêu nước, tình đồng bào, truyền thống tương thân, tương ái tốt đẹp của dân tộc ta.

***Thứ tư,** tăng cường việc thực hiện chức năng xã hội của Nhà nước ta trên cơ sở bảo đảm quyền con người và công bằng xã hội.*

Việc Nhà nước ta thực hiện chức năng xã hội, đặc biệt là việc tiến hành các hoạt động giúp đỡ các đối tượng xã hội, rõ ràng là xuất phát từ con người và vì con người, nhất là đối với những người nghèo khổ, khuyết tật. Quyền được sống, quyền được lao động và quyền được hưởng thụ những thành quả xã hội là những quyền cơ bản của mỗi thành viên trong xã hội. Do đó, cộng đồng xã hội và Nhà nước phải tạo điều kiện cho mỗi cá nhân vươn lên, thực hiện các quyền đó của họ. Sự giúp đỡ của Nhà nước đối với các đối tượng xã hội không phải là sự ban ơn, mà là nghĩa vụ của Nhà nước và hơn thế, là trách nhiệm của mỗi cá nhân, của toàn thể cộng đồng.


Digitized by Google

Xét ở góc độ chính sách xã hội, việc Nhà nước thực hiện chức năng xã hội cũng chính là thực hiện việc phân phối đúng đắn sản phẩm xã hội và qua đó, thực hiện công bằng xã hội. Thông qua những quy định pháp luật, những hoạt động của các cơ quan nhà nước và việc tổ chức thực hiện các chương trình quốc gia, Nhà nước thực hiện việc phân phối sản phẩm xã hội cho tất cả mọi người, từ những người có việc làm, khỏe mạnh, đến những người nghỉ hưu, già cả, ốm đau, tai nạn... Có hai hình thức phân phối sản phẩm lao động xã hội: hình thức phân phối theo chiều ngang và hình thức phân phối theo chiều dọc. Hình thức phân phối theo chiều ngang (như chế độ bảo hiểm xã hội) thể hiện sự tương trợ, công bằng. Tuy nhiên, hình thức phân phối này còn ở trong diện rất hẹp so với hình thức phân phối theo chiều dọc. Hình thức phân phối theo chiều dọc là việc Nhà nước dùng những biện pháp kỹ thuật khác nhau, một cách trực tiếp hay gián tiếp (thuế thu nhập, trợ cấp xã hội, dịch vụ xã hội), để san sẻ tài sản hoặc sức mua của người có thu nhập cao cho người có thu nhập thấp. Đây không phải là hình thức cân bằng thu nhập, lại càng không phải là sự tước đoạt của người giàu chia cho người nghèo, mà là sự tương trợ giữa nhóm người có lợi thế và những người yếu thế trong xã hội. Bởi vì, đôi khi những người có lợi thế là những người gặp may mắn hơn so với những người yếu thế mà thôi, chứ về trí tuệ và sức lực, chắc gì họ đã hơn những người yếu thế. Cho nên, thực hiện phân phối lại sản phẩm xã hội theo chiều dọc cũng có nghĩa là Nhà nước đã thực hiện công bằng xã hội, hay nói cách khác, Nhà nước đã thực hiện đúng nguyên tắc ai đóng góp nhiều cho xã hội thì hưởng nhiều, ai đóng góp ít cho xã hội thì hưởng ít, và có chú ý tới những người thuộc diện chính sách xã hội.

Khuynh hướng phân phối sản phẩm xã hội ở nước ta hiện nay là khuynh hướng phân phối tích cực. Nhờ đó, Nhà nước không chỉ giúp đỡ các đối tượng xã hội duy trì cuộc sống, mà còn tạo điều kiện cho họ vươn lên, để khi có điều kiện thì họ lại giúp đỡ những người khác còn khó khăn hơn mình.

***Thứ năm,*** *tăng cường thực hiện chức năng xã hội của Nhà nước ta trên cơ sở phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhưng không làm mất đi bản chất của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.*

Nền kinh tế thị trường là một nền kinh tế mà ở đó quá trình sản xuất, kinh doanh vận hành theo những quy luật vốn có của nó, như quy luật cạnh tranh, quy luật giá trị, quy luật cung - cầu... Chúng ta vận hành nền kinh tế đất nước theo cơ chế thị trường nhưng có sự điều tiết vĩ mô của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đảng và Nhà nước ta chủ trương vận hành nền kinh tế theo các quy luật của kinh tế thị trường nhằm giải phóng mọi tiềm năng đang tiềm ẩn trong nhân dân, khuyến khích người dân làm giàu chính đáng. Dân có giàu thì nước mới mạnh, muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì cơ sở kinh tế - xã hội phải đạt đến cấp độ phát triển rất cao. Đó là quy luật tất yếu. Nhưng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta có những đặc thù riêng, không hoàn toàn giống nền kinh tế thị trường của các nước tư bản chủ nghĩa. Đó là việc Nhà nước nắm giữ những ngành kinh tế cơ bản, chủ đạo như giao thông, bưu chính - viễn thông, năng lượng và những tài nguyên khoáng sản quan trọng... để có khả năng chi phối và hoạch định, điều tiết nền kinh tế thị trường. Đây vừa là chức năng kinh tế của Nhà nước, vừa là giải pháp quan trọng hỗ trợ chức năng xã hội của Nhà nước. Nhờ vậy, Nhà nước ta không chỉ giữ vững được bản chất giai cấp công nhân, mà còn có đủ thế mạnh và thực lực để thực hiện tốt chức năng xã hội.

*(Xem tiếp trang 47)*


Digitized by Google

# ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ Ở VIỆT NAM

PHẠM THẮNG

**1- Những kết quả khả quan**

Từ năm 1986, nhất là vào đầu những năm 1990 đến nay, thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, các thành phần kinh tế ở Việt Nam phát triển ngày càng mạnh mẽ. Đặc biệt, nhờ có Luật Doanh nghiệp nhà nước, Luật Hợp tác xã, Luật Doanh nghiệp và các văn bản, quy định của Chính phủ... nên khuôn khổ pháp lý, môi trường thuận lợi cho các thành phần kinh tế được thiết lập và từng bước được hoàn thiện. Các thành phần kinh tế đã đạt được những thành tựu quan trọng và khẳng định vai trò của mình trong việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Có thể khái quát như sau:

***Thứ nhất,*** *về quy mô vốn đầu tư của các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế*

Phát triển nền kinh tế nhiều thành phần là giải pháp chính giải phóng lực lượng sản xuất toàn xã hội, thu hút được các nguồn lực trong dân cư vào sản xuất, kinh doanh. Điều này thể hiện ở quy mô vốn đầu tư của các thành phần kinh tế đều tăng trong những năm qua.

*Bảng 1: Quy mô, cơ cấu vốn đầu tư phát triển*

| Chỉ tiêu | Quy mô vốn đầu tư thực hiện (Nghìn tỉ đồng) | | | | | Tỷ trọng (%) | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | 1999 | 2000 | 2001 | 2002 | 2003 | 1999 | 2000 | 2001 | 2002 | 2003 |
| Tổng số | 131,2 | 145,3 | 163,5 | 183,8 | 217,6 | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 |
| Vốn nhà nước | 77 | 83,6 | 95 | 103,3 | 123,0 | 58,7 | 57,5 | 58,1 | 56,2 | 56,5 |
| Vốn ngoài quốc doanh | 31,5 | 34,6 | 38,5 | 46,5 | 58,1 | 24,0 | 23,8 | 23,5 | 25,3 | 26,7 |
| Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài | 22,7 | 27,1 | 30 | 34 | 36,5 | 17,3 | 18,7 | 18,4 | 18,5 | 16,8 |

*Nguồn: Niên giám thống kê năm 2002, Tổng cục Thống kê năm 2003*

Qua bảng số liệu trên, có thể thấy quy mô vốn đầu tư thực hiện của các thành phần kinh tế tăng khá, năm sau cao hơn năm trước; riêng thành phần kinh tế nhà nước vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng vốn đầu tư của nền kinh tế. Đặc biệt, sau khi Luật Doanh nghiệp có hiệu lực và sau các Nghị quyết Trung ương 3, khóa IX, ngày 18-3-2002, *Về phát triển kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân,* thì kinh tế hợp tác xã đã lấy lại đà phát triển của mình sau một thời gian dài suy giảm (quy mô vốn đầu tư tăng khoảng 12% năm); kinh tế tư nhân phát triển mạnh chưa từng có: quy mô vốn đầu tư tăng 23% năm 2001, tăng 28% năm 2002 và tăng 24% trong 9 tháng đầu năm 2003. Tỷ trọng vốn đầu tư của thành phần kinh tế ngoài quốc doanh đang ngày càng lớn và chiếm vị trí quan trọng trong nền kinh tế. Năm 2003, trong tổng số vốn đầu tư phát triển, vốn trong nước chiếm 83,2% (vốn Nhà nước chiếm 56,5% và vốn ngoài quốc doanh chiếm 26,7%), vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài chỉ chiếm 16,8% (năm 2002 chiếm 18,5%). Điều đó chứng tỏ rằng, đường lối, chủ trương phát triển kinh tế nhiều thành phần của Đảng và các biện pháp thực hiện của Nhà nước là rất đúng đắn. Cụ thể là đã giải phóng lực lượng sản xuất, thu hút được nhiều nguồn lực trong dân cư để phát triển đất nước.

***Thứ hai,*** *về sự tăng trưởng của các thành phần kinh tế*

Trong những năm qua, tỷ lệ tăng trưởng của các thành phần kinh tế đạt tốc độ khá cao.



Digitized by Google

*Bảng 2: Chỉ số phát triển tổng sản phẩm trong nước theo các thành phần kinh tế*

*Đơn vị: %*

| Thành phần kinh tế | 1995 | 1999 | 2000 | 2001 | 2002 |
|---|---|---|---|---|---|
| Kinh tế nhà nước | 109,4 | 102,6 | 107,7 | 107,4 | 106,9 |
| Kinh tế tập thể | 104,5 | 106,0 | 105,5 | 103,2 | 104,9 |
| Kinh tế tư nhân | 109,3 | 103,2 | 108,1 | 113,2 | 113,9 |
| Kinh tế cá thể | 109,8 | 103,6 | 103,9 | 105,5 | 105,7 |
| Kinh tế hỗn hợp | 112,7 | 106,2 | 110,9 | 113,6 | 114,4 |
| Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài | 114,9 | 117,6 | 111,4 | 107,2 | 107,9 |
| ***Chung*** | ***109,5*** | ***104,8*** | ***106,8*** | ***106,9*** | ***107,04*** |

*Nguồn: Niên giám thống kê 2002*

Thực tiễn cho thấy, các thành phần kinh tế của Việt Nam có mức tăng trưởng khá. Trong đó, giá trị sản xuất công nghiệp tăng mạnh: năm 1995 tăng 114,2%, năm 2001 tăng 114,6%, năm 2002 tăng 111,6%, năm 2003 tăng 116,0% (khu vực doanh nghiệp nhà nước:112,4%, khu vực ngoài quốc doanh: 118,7%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài: 118,3%). Đây là tín hiệu tốt lành trong thực hiện chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam.

Nổi bật là sự tăng trưởng mạnh của kinh tế tư nhân và kinh tế tư bản nhà nước: tổng sản phẩm của kinh tế tư nhân tăng 113,2% năm 2001 và tăng 113,9% năm 2002; tổng sản phẩm của kinh tế tư bản nhà nước tăng tương ứng là 113,6% và 114,5%. Đây là một kết quả rất hợp lý trong phát triển nền kinh tế nhiều thành phần ở Việt Nam. Thành phần kinh tế tư nhân phát triển mạnh, chứng tỏ chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước đã phát huy được sức mạnh tổng hợp trong nhân dân. Thành phần kinh tế tư bản nhà nước phát triển mạnh, cho thấy nó tương xứng với vai trò là "cầu nối" lên chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ.

***Thứ ba,*** *về đóng góp của các thành phần kinh tế*

*Bảng 3: Cơ cấu tổng sản phẩm trong nước theo giá trị thực tế*

*Đơn vị: %*

| Thành phần kinh tế | 1995 | 2000 | 2001 | 2002 |
|---|---|---|---|---|
| Tổng số | 100 | 100 | 100 | 100 |
| Kinh tế nhà nước | 40,18 | 38,53 | 38,40 | 38,31 |
| Kinh tế tập thể | 10,06 | 8,58 | 8,06 | 7,98 |
| Kinh tế tư nhân | 3,12 | 3,38 | 3,73 | 3,93 |
| Kinh tế cá thể | 36,02 | 32,31 | 31,84 | 31,42 |
| Kinh tế hỗn hợp | 4,32 | 3,92 | 4,22 | 4,45 |
| Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài | 6,30 | 13,28 | 13,75 | 13,91 |

*Nguồn: Niên giám thống kê năm 2002*

Các thành phần kinh tế đã góp phần tích cực vào việc giải quyết việc làm trong xã hội trong những năm vừa qua. Đáng chú ý là, trong 3 năm (2001 - 2003), lực lượng lao động trong khu vực kinh tế nhà nước và tập thể không tăng, trong khi ở các thành phần kinh tế khác tăng khá. Chẳng hạn như, các doanh nghiệp dân doanh đã tạo thêm được trên 1,5 triệu chỗ làm mới kể từ khi Luật Doanh nghiệp được ban hành và có hiệu lực (năm 2000) đến nay.

Quá trình mở rộng hội nhập kinh tế quốc tế, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam tăng đáng kể. Kim ngạch xuất khẩu năm 2001 đạt 15,03 tỉ USD; năm 2002: 16,06 tỉ USD; năm 2003: 19,9 tỉ USD (trong đó, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài xuất khẩu tăng 27,2%; khu vực kinh tế trong nước xuất khẩu tăng 11,7%). Đặc biệt, khu vực kinh tế dân doanh (kinh tế cá thể, tiểu chủ và kinh tế tư nhân) đóng góp tích cực trong việc tăng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam, nhất là các mặt hàng thủ công nghiệp, chế biến nông sản, thủy sản.

Các thành phần kinh tế phát triển đã góp phần tăng thu cho ngân sách của Nhà nước. Chẳng hạn, trong tổng thu ngân sách nhà nước năm 2000 và 2002, thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 5,22% và 5,49%, thu từ doanh nghiệp nhà nước là 21,7% và 22,28%, thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài


Digitized by Google

quốc doanh là 6,39% và 6,47%. Đóng góp của các thành phần kinh tế tăng lên trong những năm gần đây đã chứng tỏ, sức sản xuất của các doanh nghiệp được giải phóng; hiệu quả quản lý, điều hành của Chính phủ, các ngành, các cấp đối với các thành phần kinh tế được nâng cao.

**2- Một số hạn chế, yếu kém**

Nhìn chung, các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế ở Việt Nam có quy mô còn khá khiêm tốn, cơ sở vật chất hạn chế, công nghệ lạc hậu, thô sơ, sản xuất thủ công là phổ biến; hạn chế trong tiếp cận nguồn vốn để sản xuất, kinh doanh; thị trường và thông tin về thị trường còn yếu; lao động phần lớn chưa qua đào tạo; trình độ quản lý doanh nghiệp kém... Cụ thể là:

- Tốc độ và chất lượng tăng trưởng chưa tương xứng với tiềm năng. Các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh có mức tăng trưởng cao và hoạt động có hiệu quả nhất; nhưng vẫn chưa khai thác hết tiềm năng. Chẳng hạn, vẫn chưa huy động một cách triệt để, có hiệu quả nguồn vốn trong dân. Phần lớn các doanh nghiệp thuộc các thành phần này còn nhỏ lẻ, kém bền vững. Doanh nghiệp nhà nước có nguồn vốn lớn, đội ngũ cán bộ, lao động có trình độ tay nghề cao (trình độ từ đại học trở lên chiếm gần 80% số lao động có trình độ của cả nước), nhưng hiệu quả sản xuất kinh doanh thấp, tốc độ tăng trưởng chưa cao, chưa tương xứng với nguồn vốn và lao động mà Nhà nước đầu tư. Kinh tế tập thể mặc dù đã được cải tổ, và có nhiều khởi sắc sau Nghị quyết Trung ương 3, khóa IX, nhưng lực lượng sản xuất còn yếu, số hợp tác xã làm ăn khá còn ít, số làm ăn trung bình và yếu lại chiếm tỷ lệ lớn.

- Số lượng doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế chưa nhiều và chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Cả nước chỉ có trên 5 000 doanh nghiệp nhà nước, khoảng 14 207 hợp tác xã, 120 000 doanh nghiệp tư nhân, hơn 3 000 dự án đầu tư nước ngoài. Sự phân bổ doanh nghiệp theo vùng lãnh thổ vẫn chưa có nhiều thay đổi. Các doanh nghiệp vẫn chủ yếu tập trung ở Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và một số ít địa phương khác có mức độ đô thị hóa cao. Tại từng địa phương, đại đa số doanh nghiệp thường tập trung ở thị xã hay thành phố; số doanh nghiệp ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa chưa nhiều.

- Quy mô vốn của các thành phần kinh tế còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng và cơ chế đổi mới kinh tế của Nhà nước. Theo kết quả điều tra của Tổng cục Thống kê, tính đến ngày 1-7-2002, tổng nguồn vốn của các doanh nghiệp có khoảng 1066,7 nghìn tỉ đồng; trong đó, doanh nghiệp nhà nước có 625,1 nghìn tỉ đồng, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là 274,5 nghìn tỉ đồng, doanh nghiệp tư nhân có khoảng 168,1 nghìn tỉ đồng. Với quy mô vốn như vậy, các doanh nghiệp không thể có đủ sức mạnh cần thiết để đẩy mạnh phát triển kinh tế và hội nhập có hiệu quả.

- Cơ cấu ngành nghề kinh doanh của các thành phần kinh tế còn nhiều bất hợp lý. Các thành phần kinh tế làm ăn có hiệu quả kinh tế cao như kinh tế tư nhân, kinh tế cá thể, tiểu chủ thường tập trung ở các ngành thương mại, dịch vụ, ít quan tâm đến các ngành sản xuất vật chất. Điều đó chứng tỏ rằng, nền kinh tế nước ta còn nhiều biểu hiện của lối làm ăn nhỏ lẻ, thời vụ, chưa thu hút được hết các nguồn lực để làm ăn lớn, lâu dài và ổn định.

- Khả năng tiếp cận nguồn vốn của các thành phần kinh tế còn chưa bình đẳng. Doanh nghiệp nhà nước được Nhà nước bảo trợ, cấp vốn đầu tư, và được ưu ái trong vay vốn tín dụng ở ngân hàng; trong khi các thành phần kinh tế khác, nhất là kinh tế dân doanh, rất khó có thể tiếp cận vốn vay từ các tổ chức tín dụng chính thức, mà thường phải vay từ các nguồn phi chính thức.

- Hầu hết các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đều đang phải đối mặt với sự yếu kém, cũ kỹ, lạc hậu của thiết bị và công nghệ. Phần lớn công nghệ mà các doanh nghiệp đang sử dụng có nguồn gốc từ những năm 60 - 70 của thế kỷ XX, thậm chí có cả công nghệ từ những năm đầu thế kỷ XX vẫn còn được sử dụng.

- Trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ quản lý, kinh doanh còn nhiều hạn chế. Phần lớn


Digitized by Google

giám đốc, cán bộ quản lý trong các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế nhà nước được trưởng thành từ cán bộ kỹ thuật. Giám đốc doanh nghiệp của các thành phần kinh tế khác phần lớn là những người có khả năng kinh doanh nhưng chưa được đào tạo cơ bản.

- Khả năng liên doanh liên kết của các thành phần kinh tế còn thấp. Phần lớn các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế hoạt động độc lập, ít có sự liên doanh, liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp cùng hiệp hội. Việc liên kết giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau rất hạn chế, thậm chí hầu như chưa có. Điều đó phần nào làm giảm bớt sức mạnh của cả cộng đồng doanh nghiệp, cũng như vai trò chủ đạo của thành phần kinh tế nhà nước trong nền kinh tế nhiều thành phần ở Việt Nam.

Tóm lại, sau hơn 17 năm đổi mới, kiên trì thực hiện chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các thành phần kinh tế đã hình thành và phát triển khá mạnh, nhưng vẫn mang dấu ấn tự phát. Thành phần kinh tế nhà nước được giao nhiệm vụ giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế và được ưu đãi lớn, nhưng chưa hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình. Việc sắp xếp và đổi mới doanh nghiệp nhà nước chưa đạt hiệu quả cao. Một số doanh nghiệp nhà nước đã lợi dụng sự ưu đãi của Nhà nước để độc quyền, hoặc độc quyền nhóm. Thành phần kinh tế tập thể, sau một thời gian dài chuyển đổi, đang phát triển trở lại, nhưng chưa thể hiện một cách vững chắc vai trò nền tảng của mình. Kinh tế ngoài quốc doanh phát triển theo kiểu tự phát, chủ yếu phát triển dựa theo tín hiệu "bong bóng" của thị trường chứ không dựa vào chiến lược, định hướng phát triển cụ thể.

Nguyên nhân của tình trạng trên là do nhận thức về các thành phần kinh tế chưa được quán triệt sâu sắc và thống nhất; vẫn còn tâm lý cũng như hành động phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế; quản lý nhà nước về kinh tế đối với các thành phần kinh tế còn nhiều lúng túng, bất cập; và năng lực của bản thân các doanh nghiệp còn hạn chế về nhiều mặt.

**3- Một số vấn đề đặt ra hiện nay**

Để đẩy mạnh phát triển các thành phần kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần to lớn vào việc thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, chúng ta tiếp tục giải quyết một số vấn đề cấp bách sau:

***Một là,*** *nắm vững xu hướng vận động của các thành phần kinh tế.* Xây dựng nền kinh tế trong thời kỳ quá độ tất yếu phải thực hiện nhất quán chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần. Bởi vậy, chúng ta cần quán triệt sâu sắc và kiên trì quan điểm của Đại hội IX, Nghị quyết Trung ương 9, khóa IX. Các thành phần kinh tế là những bộ phận cấu thành của nền kinh tế thống nhất, được phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh với nhau. Trong xu hướng vận động chung, thành phần kinh tế nhà nước phải giữ vai trò chủ đạo, hỗ trợ các thành phần kinh tế khác phát triển; thành phần kinh tế tập thể cần được phát triển mạnh và cùng với thành phần kinh tế nhà nước trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân; các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh được khuyến khích phát triển, đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh vì mục đích kinh tế, không hạn chế quy mô, hoạt động theo pháp luật và theo định hướng của Nhà nước. Vì vậy, phải tiếp tục tháo gỡ những khó khăn, cản trở hiện nay, xóa bỏ sự phân biệt đối xử, tạo điều kiện và môi trường kinh doanh lành mạnh cho các thành phần kinh tế.

***Hai là,*** *nâng cao vai trò chủ đạo của thành phần kinh tế nhà nước.* Chúng ta cần phải thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 3, khóa IX, *Về đổi mới, sắp xếp và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước.* Cụ thể, tập trung giải quyết tốt một số việc sau đây: 1- Đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và mở rộng việc mua bán cổ phiếu công khai trên thị trường; 2- Tổng kết việc chuyển các tổng công ty nhà nước sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con; hình thành mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; 3- Đổi mới việc quản lý đối với doanh nghiệp nhà nước;


Digitized by Google

xóa bỏ bao cấp và những bảo hộ bất hợp lý; thực hiện đầu tư vốn thông qua công ty tài chính, đưa các doanh nghiệp nhà nước thực sự đối mặt với các yêu cầu của thị trường và cạnh tranh bình đẳng trên thị trường; 4- Tăng quyền tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước; nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổng công ty mạnh, hình thành các tập đoàn kinh tế lớn; 5- Kiểm soát chặt chẽ các doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực độc quyền; điều tiết lợi nhuận độc quyền do Nhà nước mang lại.

***Ba là,*** *tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách của Nhà nước.* Để đẩy mạnh phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, chúng ta tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đồng thời phù hợp với điều kiện kinh tế quốc tế hiện nay. Cụ thể, cần tập trung nghiên cứu và giải quyết một số vấn đề sau:

a- Tiếp tục tạo hành lang pháp lý, điều kiện, môi trường thuận lợi, bình đẳng để các thành phần kinh tế phát huy hết tiềm năng. Cần tiếp tục rà soát, phát hiện sự chồng chéo, sự bất hợp lý giữa các văn bản đã ban hành để bổ sung chỉnh sửa; đồng thời, tiếp tục ban hành một số đạo luật mới để tạo môi trường thuận lợi cho các thành phần kinh tế hoạt động sản xuất, kinh doanh có hiệu quả hơn. Trước mắt, chúng ta cần sớm thực hiện một số công việc sau: 1- Hướng tới thống nhất việc ban hành các đạo luật theo hành vi cần điều chỉnh chứ không phải theo chủ thể cần điều chỉnh. Sớm tạo lập một hệ thống pháp luật theo hướng chỉ có một luật áp dụng chung, bình đẳng cho tất cả các doanh nghiệp, không phân biệt hình thức sở hữu, hoặc giữa các luật cần có sự thống nhất chung. Nghĩa là, chúng ta phải đặt các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế hoạt động trong cùng một "luật chơi" thật sự công bằng. Có như vậy mới tạo ra cạnh tranh thực sự lành mạnh giữa các loại hình doanh nghiệp. 2- Sớm ban hành Luật Cạnh tranh và Kiểm soát độc quyền, Luật Chống bán phá giá,... nhằm hình thành khung pháp luật cho việc bảo đảm cạnh tranh lành mạnh và kiểm soát độc quyền, hạn chế các tiêu cực trong kinh doanh. 3- Chú trọng công tác xúc tiến thương mại và đầu tư, đẩy nhanh tiến độ tiếp cận với thế giới trong quá trình hội nhập.

b- Đẩy mạnh tiến độ cải cách hành chính nhà nước. Hiện nay, thái độ, tâm lý làm việc và phương thức, công cụ quản lý của hầu hết các cơ quan nhà nước có liên quan chưa có sự thay đổi rõ nét, và do đó, chưa thật sự phù hợp với cơ chế, chính sách mới về phát triển kinh tế. Tính khoa học, chuyên môn, chuyên nghiệp theo cơ chế thị trường trong các công việc của các cơ quan quản lý nhà nước còn thấp. Trước mắt, cần hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các tổ chức, đơn vị quản lý hành chính các cấp để nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước với các thành phần kinh tế. Khắc phục và tiến tới xóa bỏ tình trạng trùng lắp trong quản lý, điều hành; làm rõ trách nhiệm và có chế độ thưởng, phạt nghiêm minh đối với người đứng đầu tổ chức, đơn vị. Đẩy nhanh tiến độ xóa bỏ chế độ chủ quản để các doanh nghiệp tự chủ hơn trong việc sản xuất, kinh doanh.

c- Hoàn thiện các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô nền kinh tế. Trước hết, cần hoàn thiện một số chính sách sau: 1- Có chính sách tạo điều kiện cho các doanh nghiệp dân doanh tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng bằng cách: đơn giản hóa thủ tục vay vốn, đa dạng hóa các hình thức cho vay vốn như bảo lãnh tín dụng, thuê mua tài chính. 2- Hoàn thiện chính sách thuế, khắc phục tình trạng vừa bất hợp lý, vừa sơ hở, lại vừa bất bình đẳng hiện nay... Để khắc phục tình trạng trốn lậu thuế, khai khống hóa đơn liên tục xảy ra trong thời gian qua, cần thực hiện nguyên tắc bình đẳng về thuế giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; xác định mức thuế hợp lý để vừa bảo đảm thu đủ cho ngân sách nhà nước, vừa bảo đảm cho doanh nghiệp tích lũy vốn đầu tư phát triển, và vừa hạn chế tình trạng trốn thuế; nhanh chóng khắc phục những sơ hở trong hệ thống thuế, tiến tới hoàn thiện hệ thống thuế một cách hợp lý.

***Bốn là,*** *nâng cao vai trò quản lý kinh tế của chính quyền các cấp.* Mặc dù có nhiều chuyển biến, nhưng vai trò quản lý các thành phần kinh tế

của các bộ, chính quyền các cấp vẫn còn bất cập, vừa lấn sân nhau vừa có nhiều sơ hở. Thời gian tới, cần hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và nâng cao vai trò quản lý nhà nước về kinh tế nói chung và quản lý các thành phần kinh tế nói riêng của các bộ, các ngành, và các địa phương. Tăng cường chỉ đạo, kiểm tra đôn đốc các bộ, ngành thể chế hóa, hoàn thiện một số công cụ, chính sách như chính sách tín dụng, chính sách thuế... Hình thành các tổ chức phù hợp, thống nhất với nhiệm vụ cụ thể để thực hiện có hiệu quả chức năng đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước đầu tư vào các ngành, lĩnh vực, các thành phần kinh tế.

***Năm là,*** *nâng cao tính chủ động và hiệu quả hoạt động của các thành phần kinh tế.* Các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế cần nhanh chóng nâng cao trình độ quản trị kinh doanh của cán bộ quản lý doanh nghiệp; coi trọng công tác xây dựng chiến lược và kế hoạch kinh doanh để nâng cao sức cạnh tranh, mở rộng thị trường, cũng như đối phó có hiệu quả với sự biến động của thị trường; nghiêm chỉnh thực hiện chế độ báo cáo tài chính, bảo đảm tài chính chính xác và minh bạch.

***Sáu là,*** *nâng cao vai trò của các hiệp hội doanh nghiệp.* Trong những năm qua, các hiệp hội doanh nghiệp phát triển khá mạnh, nhưng sự liên kết giữa các doanh nghiệp trong các hiệp hội vẫn còn lỏng lẻo, chưa chặt chẽ; sự liên kết kinh tế giữa các thành phần kinh tế chưa nhiều. Trong thời gian tới, các hiệp hội doanh nghiệp cần nâng cao vai trò của mình trên các mặt sau: 1- Thường xuyên tập hợp kiến nghị của các doanh nghiệp về pháp luật, cơ chế, chính sách, về cách thức quản lý, điều hành của cơ quan quản lý các cấp để tổng hợp, phân tích và đề đạt các kiến nghị đó đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết; 2- Nâng cao chất lượng cung cấp thông tin; nâng cao chất lượng và đa dạng hóa hình thức trao đổi kinh nghiệm và cơ hội kinh doanh; hỗ trợ lẫn nhau trong phát triển kinh doanh; 3-Tích cực bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các thành viên trước những can thiệp hành chính trái pháp luật cũng như trước những biến động của thị trường.❑

# MỘT SỐ QUAN ĐIỂM CƠ BẢN...

*(Tiếp theo trang 41)*

Có thể nói, trong nền kinh tế thị trường, hầu hết các chủ thể tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh đều coi lợi nhuận là mục đích tối cao. Ở đây thường nảy sinh nhiều vấn đề xã hội phức tạp: phân hóa giàu nghèo, thất nghiệp, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp... Đó là chưa kể đến sự song hành của các đối tượng xã hội như người già cô đơn, trẻ em mồ côi, người tàn tật, đặc biệt là những người có công với nước... Giờ đây, nếu Đảng và Nhà nước ta chỉ quan tâm tới mục tiêu kinh tế mà không quan tâm tới nhóm đối tượng xã hội trên đây, không chăm sóc, giúp đỡ họ, thì quả là không giữ được bản chất tốt đẹp của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Quan điểm tăng cường thực hiện chức năng xã hội của Nhà nước trên cơ sở phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhưng không làm mất đi bản chất tốt đẹp của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là muốn nói lên rằng, kinh tế thị trường chỉ là bàn đạp, là phương tiện để dân tộc ta tiến lên chủ nghĩa xã hội, chỉ là điều kiện vật chất để Nhà nước ta thực hiện tốt hơn nữa chức năng xã hội của mình. Và như vậy, Nhà nước ta không những không đánh mất bản chất của mình, mà còn giữ vững, khẳng định bản chất tốt đẹp của mình.

Trên đây là những quan điểm cơ bản về tăng cường thực hiện chức năng xã hội của Nhà nước ta trong giai đoạn hiện nay. Những quan điểm này có thể được coi như là những tư tưởng xuyên suốt quá trình thực hiện chức năng xã hội của Nhà nước ta. Đồng thời, đó cũng chính là cơ sở để chúng ta đề ra các giải pháp cụ thể nhằm tăng cường thực hiện các chức năng xã hội của Nhà nước ta trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hiện nay.❑


Digitized by Google

# Những vấn đề về phát triển khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

HOÀNG HẢI

Từ năm 1986, thực hiện chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, cơ cấu các thành phần kinh tế ở Việt Nam đã có những chuyển biến lớn. Đặc biệt từ sau Đại hội IX của Đảng, khi xác định khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là một thành phần kinh tế, nhằm khai thác những tiềm năng, lợi thế so sánh và các nguồn ngoại lực từ phía các đối tác bên ngoài để thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế đất nước.

**I - Khái quát về sự phát triển của khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài**

Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là một thành phần kinh tế mới, gắn kết ngày càng chặt chẽ với các thành phần kinh tế khác trong nền kinh tế nhiều thành phần ở Việt Nam. Khu vực kinh tế này chỉ phát triển và có vai trò ngày càng quan trọng khi có sự gia tăng số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và các dự án FDI tăng tính hiệu quả trong nền kinh tế. Thực tế cho thấy, sau hơn 17 năm thực hiện đường lối đổi mới và hơn 15 năm thực hiện Luật Đầu tư nước ngoài, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ở Việt Nam đã có tốc độ phát triển nhanh, đóng góp ngày càng lớn cho tổng sản phẩm trong nước và khẳng định rõ vai trò quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam.

Tính đến ngày 30-6-2003, cả nước đã có 4 341 dự án FDI được cấp phép với tổng số vốn đăng ký 42,94 tỉ USD, bình quân mỗi năm thu hút được 290 dự án, với số vốn đăng ký 2,86 tỉ USD. Đây là những con số không nhỏ đối với một quốc gia vừa mới chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường. Các dự án FDI được cấp phép đã tạo ra 3 449 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang hoạt động, trong đó có khoảng 2 889 doanh nghiệp thuộc ngành công nghiệp (chiếm 83,7% tổng số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài). Giá trị sản xuất công nghiệp của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng từ 25% trong năm 1995 lên 37% trong 8 tháng đầu năm 2003. Đây là lần đầu tiên, công nghiệp của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đã vươn lên chiếm tỷ trọng lớn nhất trong toàn ngành công nghiệp - vị trí mà từ trước tới nay thường là thuộc khu vực doanh nghiệp công nghiệp quốc doanh. Ở một số địa bàn, một số sản phẩm chủ yếu đã có tỷ trọng cao hơn khu vực quốc doanh như: Vĩnh Phúc 87,5%, Bà Rịa - Vũng Tàu 82,1%, Đồng Nai 66,8%, Bình Dương 64%, Hải Phòng 42,6%, Hà Nội 38,3%...; dầu thô 100%, bột ngọt 100%, ô-tô lắp ráp 93,4%, ti-vi lắp ráp 89,8%, xe gắn máy lắp ráp 85,4%, xe đạp hoàn chỉnh 84%, xút 79,8%, xà phòng 51,6%, sứ vệ sinh 44,9%...

Năm 2003, vốn đầu tư của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 16,8 % tổng số vốn đầu tư toàn xã hội. Tỷ trọng GDP của khu vực này đã tăng gấp trên 2 lần, từ 6,3% (năm 1995) lên 13,91% (năm 2002) và dự kiến vượt 14% trong năm 2003. Khu vực này cùng với khu vực ngoài quốc doanh đã chiếm gần 62% GDP. Năm 2003, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm khoảng 50% tổng kim ngạch xuất khẩu


Digitized by Google

của cả nước. Đáng lưu ý là năm 2003, trong khi khu vực kinh tế trong nước nhập siêu lớn lên đến 6,4 tỉ USD, thì khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, kể cả dầu thô, lại xuất siêu 2,49 tỉ USD.

Trong 8 tháng đầu năm 2003, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài thu hút thêm khoảng 40 000 lao động, đưa tổng số lao động đang trực tiếp làm việc trong khu vực này lên 640 000 người. Ngoài ra, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài cũng tạo việc làm cho hàng vạn lao động gián tiếp, góp phần nâng cao thu nhập và ổn định đời sống cho người lao động. Nhìn chung, thu nhập (tiền lương, thưởng và các khoản có tính chất lương) bình quân của người lao động trong các doanh nghiệp có vốn FDI cao gấp 1,75 - 2 lần so với doanh nghiệp nhà nước và 2,8 - 3,9 lần so với doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Tiền lương của người lao động trong khu vực doanh nghiệp có vốn FDI được trả theo cơ chế thoả thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động thông qua hợp đồng lao động và thoả ước lao động tập thể. Các yếu tố chi phối sự khác biệt tiền lương ở khu vực FDI và khu vực khác là: Vốn đầu tư trên lao động, trình độ công nghệ, trình độ quản lý, khả năng ma-ket-ting, chất lượng lao động, cường độ lao động, năng suất lao động. Các chỉ số này ở doanh nghiệp FDI thường cao hơn ở doanh nghiệp các khu vực khác. Tương quan tiền lương giữa các loại lao động phụ thuộc vào các yếu tố; trình độ chuyên môn kỹ thuật của người lao động, ngành nghề, đối tác đầu tư. Thực tế cho thấy, sự chênh lệch tiền lương giữa lao động quản lý và lao động nhân viên ở doanh nghiệp FDI là cao nhất, trong lĩnh vực thương mại: 4,78 lần, công nghiệp nặng: 3,18 lần, công nghiệp nhẹ: 3,23 lần, dịch vụ: 2,42 lần, điện tử: 3,11 lần và xây dựng: 3,05 lần.

Rõ ràng, với lợi thế về vốn, thiết bị, công nghệ, trình độ quản lý, khả năng tiêu thụ... khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đang phát triển. Đó là cơ sở để nâng cao vị thế của thành phần kinh tế này trong nền kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, vai trò của khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài còn chưa tương xứng với khả năng vốn có của nó là do ở Việt Nam còn khá nhiều hạn chế trong thu hút và sử dụng vốn đầu tư nước ngoài. *Có thể nhận thấy ở một số vấn đề như:*

- Tốc độ đầu tư nước ngoài vào Việt Nam những năm gần đây có sự giảm sút về số vốn đăng ký (năm 2002, mặc dù số dự án được cấp phép cao hơn năm 2001 và mấy năm trước, nhưng số vốn đăng ký giảm đi 46,8% so với cùng kỳ 2001 ); về quy mô bình quân mỗi dự án từ năm 2001 đến nay chỉ thu hút được 3,31 triệu USD so với 12,2 triệu USD của thời kỳ 1988 - 2000.

- Nhiều dự án đầu tư nước ngoài đã được cấp giấy phép đầu tư nhưng triển khai thực hiện chậm, có thể bị mất cơ hội kinh doanh và giảm hiệu quả đầu tư.

- Số dự án đầu tư bị giải thể hoặc rút giấy phép trước thời hạn có xu hướng gia tăng, làm cho vốn đầu tư nước ngoài đã ít lại càng ít hơn. Một số doanh nghiệp đầu tư nước ngoài do gặp một số khó khăn trong quá trình hoạt động nên hiệu quả kinh doanh chưa cao, thậm chí còn thua lỗ, làm ảnh hưởng không tốt đến các nhà đầu tư.

- Các dự án đầu tư nước ngoài đang hoạt động sản xuất kinh doanh thường gặp một số vướng mắc về thuế thu nhập cá nhân, quy định của Nhà nước về mức chi trong thuế thu nhập doanh nghiệp, sự thiếu nhất quán và không minh bạch giữa các văn bản luật và dưới luật.

Những hạn chế, vướng mắc trong thu hút và sử dụng vốn đầu tư nước ngoài ở Việt Nam thời gian qua là do tác động tổng hợp của nhiều nguyên nhân, cả chủ quan lẫn khách quan, trong đó cơ bản là xuất phát từ các nguyên nhân chủ quan.

*Thứ nhất*, tuy trong luật, nghị định, nghị quyết của Chính phủ liên quan đến đầu tư nước ngoài đã nêu rõ những định hướng cơ bản thu hút đầu tư nước ngoài theo ngành, lĩnh vực, nhưng trên thực tế các định hướng cơ bản này


Digitized by Google

chưa được cụ thể hóa thành chính sách một cách toàn diện.

*Thứ hai*, sự cần thiết lâu dài và vai trò của đầu tư nước ngoài đã được khẳng định, nhưng chưa quán triệt tốt nên cách hiểu còn chưa thống nhất, dẫn đến cách xử lý nhiều vấn đề về đầu tư nước ngoài còn khác nhau, gây khó khăn cho hoạt động đầu tư nước ngoài.

*Thứ ba*, công tác quy hoạch còn chậm, chất lượng chưa cao, thiếu cụ thể, còn coi nhẹ yếu tố đầu tư nước ngoài. Một số quy hoạch ngành đã được phê duyệt chỉ đề cập đến kế hoạch phát triển của một số tổng công ty và sử dụng nguồn vốn trong nước là chủ yếu, chẳng hạn như quy hoạch ngành thép, xi-măng, viễn thông, nước giải khát...

Cơ chế điều hành của Việt Nam thiếu nhất quán, hay thay đổi, tính dự báo không cao đã làm cho các doanh nghiệp bị động trong sản xuất, tăng rủi ro trong kinh doanh, dẫn đến hiệu quả kinh doanh thấp, thậm chí bị thua lỗ.

Thủ tục hành chính chưa thông thoáng và cũng là nguyên nhân làm cho chi phí đầu tư cao, đồng thời làm nản lòng không ít các nhà đầu tư nước ngoài đã và đang tiến hành các dự án đầu tư nước ngoài ở Việt Nam.

*Thứ tư*, chi phí "đầu vào" của hàng hóa, dịch vụ rất cao như chi phí cảng biển, cước viễn thông, giá điện, phí đăng kiểm, thuế thu nhập và đặc biệt là chi phí giải phóng mặt bằng.

*Thứ năm*, hình thức đầu tư nước ngoài chưa phong phú, khả năng góp vốn của bên Việt Nam còn hạn chế. Cơ cấu vốn đầu tư nước ngoài vẫn còn bất hợp lý, hiệu quả kinh tế xã hội của khu vực kinh tế có vốn FDI chưa cao.

*Thứ sáu*, công tác quản lý nhà nước đối với FDI còn nhiều mặt yếu kém, vừa buông lỏng, vừa can thiệp sâu vào hoạt động của các doanh nghiệp có vốn FDI. Đặc biệt là việc ban hành thêm một số quy định tạm dừng hoặc không cấp giấy phép đầu tư đối với các dự án (sản xuất thép, xi-măng, cấp nước theo hình thức BOT, xây dựng nhà máy đường, lắp ráp xe gắn máy 2 bánh...) và công tác quản lý các dự án FDI sau khi cấp phép.

*Tóm lại*, tuy môi trường đầu tư ở Việt Nam từng bước được cải thiện, nhưng so với một số nước trong khu vực, lợi thế cạnh tranh ở Việt Nam đang giảm dần do chi phí "đầu vào" cao, chính sách đi vào cuộc sống chậm, thủ tục hành chính còn rườm rà, kết cấu hạ tầng nhìn chung còn lạc hậu, sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước với các nhà đầu tư nước ngoài chưa tốt, thậm chí nhiều khi còn mâu thuẫn, chồng chéo với nhau, gây khó khăn cho hoạt động của các doanh nghiệp có vốn FDI, làm giảm sút sự tăng trưởng và phát triển của thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

**II - Những giải pháp nâng cao vai trò của thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài**

Nhằm tiếp tục tạo điều kiện cho khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đóng góp nhiều hơn vào sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế của Việt Nam, *cần tập trung vào các vấn đề chủ yếu sau:*

***1 - Giải quyết cơ bản vấn đề nhận thức khác nhau về thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài***

Cần có một chương trình tổng thể để tuyên truyền cho mọi người hiểu đúng và thống nhất về hoạt động đầu tư nước ngoài, nhằm hạn chế những nhận thức lệch lạc về đầu tư nước ngoài. Đây là việc làm thường xuyên và là cơ sở để thống nhất trong điều hành và hạn chế các xử lý không đúng đối với hoạt động đầu tư nước ngoài. Chương trình này bao gồm cả việc ấn hành các sách báo, phát các chương trình phát thanh và truyền hình, mở các lớp bồi dưỡng chuyên đề để truyền đạt các thông tin chính thức về hoạt động đầu tư nước ngoài.

***2 - Khẩn trương cải thiện môi trường đầu tư nhằm tạo sức cạnh tranh cao so với các nước trong khu vực và trên thế giới***

*Tiếp tục hoàn thiện hệ thống luật pháp:* Hủy bỏ các luật và các nghị định không còn tác dụng. Làm rõ các lĩnh vực được đầu tư 100%


Digitized by Google

vốn nước ngoài, xóa bỏ quy định hạn chế đầu tư ở một số ngành nghề. Mở rộng lĩnh vực và điều kiện đăng ký cấp giấy phép đầu tư, đồng thời thu hẹp hơn nữa danh mục dự án đầu tư nước ngoài phải qua thẩm định. Giảm thiểu hoặc công khai các tiêu chí xét duyệt và cấp giấy phép đầu tư. Giảm nội dung hoặc phạm vi của cấp giấy phép cho bất cứ lĩnh vực nào vẫn đòi hỏi phải có giấy phép đầu tư. Cho phép một số giấy tờ "đăng ký lại" được tiến hành bằng cách gửi thư mà không phải trực tiếp đến cơ quan quản lý nhà nước để đăng ký lại. Bãi bỏ yêu cầu xét duyệt các giấy phép sau khi dự án được cấp giấy phép đầu tư. Vấn đề này nên được quy định cụ thể trong các chỉ thị và thay vào đó là việc điền vào các mẫu đơn giản những thông tin của dự án. Xúc tiến ngay việc xây dựng đề án tạo lập mặt bằng thống nhất về pháp luật và chính sách chủ yếu đối với đầu tư nước ngoài và trong nước.

*Nghiêm túc thực hiện lộ trình giảm chi phí đầu tư:* Rỡ bỏ rào cản phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn FDI, tiến tới áp dụng thống nhất chế độ một giá cho cả đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài. Trước hết, cần giảm hơn nữa giá điện đối với các doanh nghiệp sản xuất, áp dụng một giá dịch vụ thống nhất. Giảm các loại cước phí dịch vụ hiện đang cao hơn các nước trong khu vực như: cước viễn thông quốc tế, phí vận tải đường biển, hàng không, bưu chính.

Đẩy mạnh tiến độ xây dựng đề án cải cách hệ thống thuế và chính sách tài chính tiền tệ liên quan đến đầu tư nước ngoài. Trong đó, sớm điều chỉnh các loại thuế bất hợp lý so với thông lệ quốc tế, như: thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân... Các việc góp phần giảm chi phí đầu tư cần giải quyết tốt là: giảm bớt thủ tục hành chính trước và sau khi cấp giấy phép; đơn giản hóa và công khai các quy định; kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc về đất đai, giải phóng mặt bằng và đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án đầu tư nước ngoài. Bên cạnh đó, cần ban hành các quy định về bảo đảm và vay vốn, cầm cố, thế chấp, thanh lý và phá sản doanh nghiệp.

***3 - Cụ thể hóa các định hướng toàn diện về thu hút đầu tư nước ngoài, bổ sung kịp thời và nâng cao chất lượng của các quy hoạch***

Đẩy nhanh tiến độ cụ thể hóa các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và nghị định của Chính phủ thành chương trình thu hút đầu tư nước ngoài. Cần công bố mức ưu tiên đối với từng ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực trong mỗi giai đoạn một cách rõ ràng cho các nhà đầu tư nước ngoài.

Hoàn thiện, nâng cao chất lượng các quy hoạch đã có và bổ sung quy hoạch chi tiết còn thiếu ở một số địa phương.

***4 - Mở rộng hình thức và lĩnh vực thu hút vốn đầu tư nước ngoài, tiếp tục đẩy mạnh hoạt động vận động và xúc tiến đầu tư***

Nghiên cứu và cho phép các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư dưới các hình thức khác đang được áp dụng phổ biến ở các nước như: mua lại và sáp nhập trong một lĩnh vực, công ty cổ phần FDI, công ty quản lý vốn, công ty mẹ - công ty con hoạt động theo hình thức đa mục tiêu, đa chức năng, mua cổ phần của các doanh nghiệp nhà nước đã được cổ phần hóa, được nhận khoán quản lý hoặc thuê các doanh nghiệp đủ điều kiện, phát triển các khu kinh tế đặc biệt (khu chế xuất, khu thương mại tự do...).

Rà soát lại các quyết định tạm dừng và hạn chế cấp giấy phép đầu tư cho các dự án đầu tư nước ngoài không phù hợp với quy định của luật đầu tư nước ngoài và của quá trình hội nhập để mở rộng thêm các lĩnh vực đầu tư nước ngoài mới.

Xây dựng định hướng chiến lược thu hút đầu tư nước ngoài từ Nhật Bản, EU, Hoa Kỳ, Đài Loan, Hàn Quốc...

Bố trí nguồn tài chính cho hoạt động xúc tiến đầu tư, kể cả việc in ấn tài liệu phát miễn phí cho các nhà đầu tư nước ngoài. Phối hợp xúc tiến đầu tư với xúc tiến thương mại -


Digitized by Google

du lịch và hoạt động ngoại giao của lãnh đạo cơ quan nhà nước các cấp.

***5 - Phát triển thị trường lao động trong doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài***

Nghiên cứu, xây dựng và ban hành quy định tiền lương tối thiểu theo ngành hoặc nhóm ngành kinh tế - kỹ thuật. Tiền lương tối thiểu theo ngành phải được thiết kế trên cơ sở: năng suất lao động, điều kiện lao động đặc thù, khả năng thu hút lao động, hệ số sử dụng thời gian lao động trong ngành và các yêu cầu khác.

Xây dựng cơ chế điều chỉnh tiền lương tối thiểu theo mức sống tối thiểu và chỉ số giá cả linh hoạt để bảo đảm thu nhập, mức sống của người lao động. Trong đó, đặc biệt quan tâm đến thời gian và tần suất điều chỉnh, tiêu chuẩn điều chỉnh (giá sinh hoạt, khả năng trả lương của các doanh nghiệp, điều kiện kinh tế như năng suất lao động, mức lương trung bình, cạnh tranh quốc tế, đầu tư ).

Xác định thang, bảng lương cụ thể phù hợp với cơ chế thị trường. Tổng kết các mô hình, tổ chức hướng dẫn cho cán bộ lao động, tiền lương của các doanh nghiệp FDI về phương pháp xây dựng thang lương, bảng lương có tính khoa học và thực tiễn cao .

Ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể hơn về xây dựng và áp dụng quy chế tiền thưởng trong các doanh nghiệp FDI căn cứ vào kết quả sản xuất, kinh doanh và mức độ hoàn thành của người lao động (theo như quy định của Bộ luật Lao động bổ sung, sửa đổi).

Xây dựng định mức lao động phải có sự tham gia của đại diện người lao động; công bố công khai và làm thử trong thời gian từ 1 đến 3 tháng trước khi áp dụng chính thức. Các doanh nghiệp phải định kỳ rà soát, sửa đổi định mức lao động khi có sự thay đổi về công nghệ, tổ chức và quản lý sản xuất, kinh doanh.

Vai trò của tổ chức công đoàn trong doanh nghiệp FDI là rất quan trọng, liên quan đến quá trình quan hệ lao động, bao gồm từ ký kết thỏa ước lao động tập thể, xây dựng nội quy doanh nghiệp, quy chế trả lương, trả thưởng, tham gia vào giải quyết các vấn đề quan hệ lao động liên quan đến quyền lợi ích của người lao động... Tuy nhiên, hiện có 8,2% số doanh nghiệp chưa có tổ chức công đoàn và 25,3% số lao động trong các doanh nghiệp FDI được điều tra chưa phải là đoàn viên công đoàn. Cán bộ công đoàn còn nhiều hạn chế. Vì vậy, phải phát huy hơn nữa vai trò của tổ chức công đoàn trong bảo vệ các quyền lợi của người lao động.

Tăng cường công tác hướng dẫn và bồi dưỡng pháp luật, chuyên môn, nghiệp vụ về các vấn đề tiền lương cho người sử dụng lao động và cán bộ làm công tác lao động tiền lương tại các doanh nghiệp FDI.

***6 - Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với khu vực có vốn đầu tư nước ngoài***

Chú trọng việc quản lý dự án sau giấy phép, nắm chắc tình hình thực hiện dự án, xử lý kịp thời những vướng mắc phát sinh để các dự án triển khai thuận lợi. Quản lý, điều chỉnh hoạt động đầu tư nước ngoài theo nguyên tắc tập trung, thống nhất quản lý về quy hoạch, cơ cấu, chính sách và cơ chế, tiếp tục thực hiện chủ trương phân cấp quản lý nhà nước về đầu tư nước ngoài cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Tăng cường sự quản lý, điều hành thống nhất của Chính phủ, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý hoạt động đầu tư nước ngoài. Thực hiện chế độ giao ban định kỳ giữa các bộ, ngành trung ương với các địa phương có nhiều dự án đầu tư nước ngoài. Đẩy mạnh công tác hướng dẫn, kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật, chính sách, quy hoạch.

Có thể đánh giá chung là, thành phần có vốn đầu tư nước ngoài có vai trò tích cực trong phát triển kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, để thành phần kinh tế này có đóng góp nhiều hơn, nhất là thúc đẩy tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam, rất cần có những điều chỉnh về cơ chế nói riêng và môi trường đầu tư nói chung thích hợp với xu hướng phát triển ở châu Á.❑


Digitized by Google

# Đổi mới giáo dục đại học để thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và tham gia hội nhập

TRẦN HỮU PHÁT *

Từ lâu ông, cha ta đã coi việc đào tạo và bồi dưỡng gắn bó chặt chẽ với sử dụng nhân tài và đó là việc quan trọng đầu tiên phải làm vì nó quyết định sự tồn, vong và hưng, thịnh của giang sơn, xã tắc. Vì, *"Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, nguyên khí vững thì thế nước mạnh và thịnh, nguyên khí kém thì thế nước yếu và suy. Vậy nên các đấng thánh đế, minh vương không ai không coi việc bồi dưỡng nhân tài, tin dùng kẻ sỹ, vun đắp nguyên khí là việc nên làm trước tiên"* (1).

Ngay sau ngày Cách mạng Tháng Tám thành công, Chủ tịch Hồ Chủ tịch ra lời kêu gọi: "Diệt giặc đói, diệt giặc dốt và diệt giặc ngoại xâm"; vừa chủ trương tin dùng những người trí thức Việt Nam yêu nước ở trong và ngoài nước tham gia kiến quốc và bảo vệ nền độc lập của nước nhà. Đáp lại lời hiệu triệu của Người, nhiều trí thức Việt kiều như Trần Đại Nghĩa, Lê Văn Thiêm, Trần Đức Thảo, Trần Hữu Tước, v.v.. đã rời bỏ cuộc sống hoa lệ phương Tây, trở về đất nước cùng đồng bào và các nhà trí thức trong nước (như: Tạ Quang Bửu, Nguyễn Văn Huyên, Phạm Ngọc Thạch, Tôn Thất Tùng, v.v..) tham gia cuộc kháng chiến chín năm chống thực dân Pháp đầy gian khổ. Chính sách đúng đắn của Đảng và Hồ Chí Minh đã thổi bùng ngọn lửa yêu nước trong họ, tạo cho họ cơ hội và điều kiện cần thiết để cống hiến nhiều nhất cho kháng chiến và kiến quốc.

Những năm tháng ác liệt của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, song song với chiến dịch "diệt giặc dốt" Chính phủ kháng chiến đã cho triển khai suốt từ Bắc tới Nam hệ thống giáo dục phổ thông; rồi tiếp theo, mở trường đại học y, dược khoa ở Chiêm Hóa (Tuyên Quang), Khu học xá Trung ương ở Nam Ninh trên đất Trung Quốc, v.v.. Đội ngũ trí thức kháng chiến, gồm ba nguồn: từ nước ngoài về, được đào tạo dưới thời Pháp thuộc và được đào tạo ngay trong kháng chiến, đã hoàn thành sứ mạng lịch sử của họ đối với cuộc kháng chiến "thần thánh" của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ. Và những trí thức lớn như: Trần Đại Nghĩa, Tạ Quang Bửu, Nguyễn Văn Huyên, Phạm Ngọc Thạch, Tôn Thất Tùng, Lê Văn Thiêm v.v.. đã trở thành những cây đại thụ "huyền thoại" của nền khoa học và giáo dục nước nhà. Nhiều trí thức được đào tạo trong kháng chiến đã trở thành những cán bộ khoa học đầu ngành của các trường và viện sau này, đóng vai trò chủ đạo trong hệ thống giáo dục đại học của nước ta trong suốt thời gian dài.

Để xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa và đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, năm 1956 Chính phủ thành lập hệ thống các trường đại học và trung học chuyên nghiệp, việc giảng dạy chủ yếu dựa vào chương trình và giáo trình của các trường đại học nổi tiếng của Liên Xô. Tiếng Nga

---

* GS,TSKH, Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam

(1) Trích văn bia Khoa Nhâm Tuất, triều Lê Thánh Tông, niên hiệu Đại bảo thứ ba (1442), tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội



Digitized by Google

trở thành ngoại ngữ số 1 trong hầu hết các trường đại học và cao đẳng. Sau năm 1960, hầu như các trường đại học đều xuất bản sách giáo trình cho sinh viên tất cả các năm học, thêm vào đó là hàng loạt sách tham khảo, dịch chủ yếu từ tiếng Nga cũng được xuất bản. Công ty Xuất nhập khẩu sách báo ngoại văn (Xunhasaba) đã nhập hàng triệu cuốn sách các loại, chủ yếu từ Liên Xô, và bán với giá rẻ tại tất cả các hiệu sách ngoại văn trên toàn quốc. Thư viện Khoa học Trung ương được thành lập và mở cửa cho đông đảo cán bộ khoa học với rất nhiều loại sách và tạp chí từ các nước khác nhau. Song song với việc đào tạo trong nước, Chính phủ đã cử mỗi năm hàng trăm nghiên cứu sinh, thực tập sinh và sinh viên sang học tập, nghiên cứu tại Liên Xô, Trung Quốc và các nước *xã hội chủ nghĩa* Đông Âu. *Đã bước đầu hình thành trên miền Bắc xã hội chủ nghĩa một xã hội học tập* với nhiều buổi xê-mi-na, nói chuyện khoa học đầy ắp thính giả (chưa có khái niệm nhận "phong bì" như hiện nay). Trong vòng 20 năm, từ 1956 đến 1976, chúng ta đã đào tạo được một nguồn nhân lực mạnh mẽ và chất lượng cao, họ không những đã đóng góp xứng đáng cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và giải phóng miền Nam, mà còn là nguồn nhân lực chủ yếu trong việc tái thiết một nước Việt nam thống nhất. Sau ngày giải phóng miền Nam cho đến đầu những năm 90 của thế kỷ XX, nước ta rất tự hào đã đào tạo được một đội ngũ trí thức hùng hậu so với các nước trong khu vực. Hai cố Bộ trưởng Nguyễn Văn Huyên và Tạ Quang Bửu là những "tổng công trình sư" của ngành giáo dục và đào tạo nước ta trong giai đoạn ấy.

Trong những năm qua, nhất là từ sau 1991 đến nay, trong lĩnh vực giáo dục phổ thông cũng như đại học có rất nhiều vấn đề cần bàn và giải quyết như: chất lượng giảm sút nghiêm trọng, các hiện tượng tiêu cực gia tăng, v.v.. Nhiều bài báo đã phản ánh, phê phán và phân tích về những vấn đề này và đến nay, theo tôi, chúng ta vẫn chưa thực sự tìm thấy lối ra.

Trong bài viết này tôi không có ý định lại đi sâu vào mổ xẻ hay phê phán những thực trạng tiêu cực trên vì tôi cho rằng đó là một hiện tượng xã hội, phát sinh và tồn tại trong một giai đoạn chuyển tiếp nhất định, từ nền kinh tế tập trung bao cấp sang nền kinh tế thị trường, trong một thể chế chưa hoàn chỉnh và còn nhiều khiếm khuyết. Vì vậy, không nên quy toàn bộ trách nhiệm cho ngành giáo dục và đào tạo. Để loại trừ những tiêu cực đó một cách cơ bản và lâu dài, một mặt ta phải cải tổ và đổi mới toàn diện ngành giáo dục; mặt khác Đảng và Nhà nước cần xây dựng một thể chế sao cho mọi công dân đều có chỗ đứng bình đẳng trong xã hội để thực hiện phương châm "nhất nghệ tinh, nhất thân vinh".

Cải cách giáo dục đại học hiện nay không chỉ là đòi hỏi cấp bách của nước ta, mà còn là yêu cầu bức xúc của nhiều nước trên thế giới. Năm 1998, Bộ trưởng Giáo dục của 29 nước châu Âu đã gặp nhau ở Xoóc-bon nhân kỷ niệm lần thứ 800 ngày thành lập trường Đại học Pa-ri nổi tiếng này để thảo luận về cải cách giáo dục đại học trên lục địa châu Âu và đã thống nhất sẽ họp lại vào năm sau tại Bô-lô-nha (I-ta-li-a), để ra Tuyên ngôn Bô-lô-nha với mục tiêu là tạo ra một hệ thống đại học linh hoạt hơn trên toàn bộ châu Âu; trong khi đó, nước Đức đang trong quá trình cải cách to lớn mà đa phần là tiếp nhận các bài học từ giáo dục đại học Mỹ. Trên lục địa châu Á, giáo dục đại học ở Nhật Bản cũng bắt đầu cải cách và Hàn Quốc đang bộc lộ nhiều bất cập lớn, còn hệ thống đại học ở Trung Quốc đã tỏ ra quá cứng nhắc ngay từ việc trả học phí, việc chọn lớp học v.v.. Nói chung, *ở hầu hết các nước, nhu cầu nghiên cứu và phát triển công nghệ trong quá trình toàn cầu hóa đã đòi hỏi phải cải cách giáo dục đại học.* Xây dựng một nền giáo dục đại học đáp ứng được những thách thức của thời đại là một vấn đề cốt tử của mỗi quốc gia. Xuất phát từ những luận điểm cơ bản các nghị quyết của Trung ương về giáo dục đào tạo, tôi xin nêu một số nội dụng cơ bản về đổi mới giáo dục đại học ở Việt Nam nhằm thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

*1- Chuẩn hóa chương trình và giáo trình là xương sống của giáo dục đại học tại tất cả các nước trên thế giới, không phân biệt giàu, nghèo và phát triển hay đang phát triển.* Điểm mấu chốt ở đây là, chương trình và giáo trình phải được xây dựng theo định hướng mà ngành giáo dục đại học nước ta hướng tới. Đó là đào tạo để phục vụ sự nghiệp


Digitized by Google

phát triển kinh tế - xã hội. Điều đó không có nghĩa là chúng ta chỉ dạy cái gì mà sản xuất và dịch vụ cần; ngược lại, phải xây dựng chương trình với một tỷ lệ thích hợp giữa kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu gắn liền với nhu cầu của các ngành kinh tế và kiến thức hiện đại, nhằm tạo cho sinh viên, sau khi ra trường, không những chỉ có khả năng tiếp thu tốt sự chuyển giao công nghệ, mà còn có thể cải tiến công nghệ và tiến tới sáng tạo công nghệ mới. Đây cũng là nét chủ đạo của giáo dục đại học Mỹ. Trên 80% số sinh viên tốt nghiệp các trường đại học Hoa Kỳ có đủ kiến thức và kỹ năng làm việc trong các ngành công nghiệp hiện đại cũng như các lĩnh vực sản xuất, dịch vụ tiên tiến khác. Bộ Giáo dục và Đào tạo cần định sớm một lịch trình cho các trường đại học và cao đẳng xây dựng chương trình tổng thể của từng trường, từng ngành và từng môn học cùng với lịch trình tiếp theo là biên soạn (hoặc biên dịch) và xuất bản sách giáo khoa cho những môn học chủ yếu. Đó là việc cần làm ngay và tiếp tục huy động tổng lực các nhà khoa học, công nghệ trong cả nước tham gia. Tôi đề nghị tham khảo chủ yếu chương trình và sách giáo khoa của các trường đại học có tiếng của Hoa Kỳ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ (tôi xin nêu ra đây 11 trường nổi tiếng nhất trong các trường đã thu hút 582 996 sinh viên nước ngoài theo học trong năm qua: Ha-vớt, Xtan-phót, Nam Ca-li-pho-ni-a, Niu Oóc, Cô-lôm-bi-a, Bô-xtơn, Pơ-đin, Tếch-dát ở Au-xtin, Ô-hai-ô, I-li-noi, Pít-xbớc.

Tôi cũng xin nhấn mạnh là ***cần chuẩn hóa chương trình dạy tiếng Anh và tin học cho tất cả các ngành học không chuyên về ngoại ngữ và tin học.*** Vì đây là những công cụ chủ yếu để sinh viên tự đào tạo mình ngay trong khi còn đang ngồi trên ghế nhà trường và sau khi tốt nghiệp.

*2- Chuẩn hóa đội ngũ thày và trò đóng vai trò quyết định đến sự thành, bại **của sự nghiệp giáo dục**. Thày giáo là "kỹ sư tâm hồn", thày giáo không những chỉ truyền thụ kiến thức cho sinh viên, mà điều quan trọng hơn là giúp các em hình thành phương pháp tư duy khoa học, nhân cách và tâm huyết với nghề nghiệp.* Trong thời đại mà nhiều nước công nghiệp tiên tiến đang chuyển dần sang kinh tế trí thức thì việc chuẩn hóa đội ngũ thày dạy đại học theo các tiêu chí: kiến thức, phương pháp giảng dạy, đạo đức - tư cách và khả năng nghiên cứu, là hòn đá tảng trong cải cách giáo dục đại học.

*Thày giáo phải nắm vững kiến thức cơ bản, chuyên sâu và hiện đại trong lĩnh vực giảng dạy và nghiên cứu của mình; có khả năng truyền thụ kiến thức trên cơ sở bồi dưỡng được năng lực độc lập suy nghĩ của sinh viên; biết dẫn dắt sinh viên đi vào con đường nghiên cứu để tìm tòi cái mới và chủ động sáng tạo.* Việc chuẩn hóa đội ngũ thày giáo đi kèm với việc chuẩn hóa tỷ lệ giữa số sinh viên và số thày dạy, với việc xây dựng các bộ môn mạnh. Chuẩn hóa đội ngũ thày giáo là mối quan tâm hàng đầu tại nhiều trường đại học lớn trên thế giới.

Bộ Giáo dục và Đào tạo cần sớm có lịch trình triển khai việc chuẩn hóa đội ngũ thày giáo tại tất cả các trường đại học và cao đẳng; đồng thời, kiến nghị với Chính phủ về một chế độ lương thích hợp để người thày giáo chỉ chuyên tâm làm tốt nhiệm vụ "kỹ sư tâm hồn" của mình. Việc làm này tuy rất khó, nhưng trước sau cũng phải làm nếu chúng ta không muốn tụt hậu ngày càng xa.

Nếu thiếu thày giáo đủ tiêu chuẩn, chúng ta cần huy động các thày giáo làm việc tại nhiều viện nghiên cứu trong nước và mạnh dạn mời thày giáo ở nước ngoài, bao gồm cả Việt kiều, đến dạy tại các trường đại học Việt Nam.

Trong nhiều năm ở bậc đại học - thực chất là "trường phổ thông cấp 4" - đại bộ phận thày và trò vẫn dạy và học theo phương pháp ở các trường phổ thông. Nghĩa là "nhồi nhét kiến thức và học vẹt, học tủ". Chúng ta không thể chấp nhận hiện tượng thày giáo lên lớp như một cái "máy dạy", dạy hết nơi này đến nơi khác để lo kiếm sống.

Trong vòng 10 năm tới cần xây dựng được một số trung tâm đào tạo chất lượng cao với những bộ môn mạnh, được dẫn dắt bởi những nhà khoa học tầm cỡ quốc tế. Những trung tâm ấy sẽ đóng vai trò trụ cột trong nền giáo dục đại học Việt Nam.

Song song với cải cách giáo dục bậc phổ thông việc chuẩn hóa đầu vào các trường đại học là hết sức quan trọng. *Chỉ tuyển vào đại học những học sinh vừa nắm chắc kiến thức bậc phổ thông vừa có*


Digitized by Google

*khả năng tư duy độc lập.* Cần duy trì quan điểm này một cách nhất quán trong tất cả các kỳ tuyển sinh đại học: tuyển không đủ số lượng thì thôi, nhất thiết không hạ chất lượng. Được trang bị đầy đủ về khoa học, công nghệ, tiếng Anh và tin học, nếu có khả năng tư duy độc lập sinh viên có thể tự "chắp cánh" cho mình bay vào bầu trời bao la của khoa học, công nghệ hiện đại thông qua mạng in-tơ-nét.

Việc cử lưu học sinh đi học nước ngoài dưới nhiều hình thức là hết sức quan trọng. Ta cần có chính sách và biện pháp cụ thể để tăng cường nhanh chóng số lượng lưu học sinh Việt Nam ở nước ngoài. Trong vòng 20 năm qua đã có hơn 580 000 lưu học sinh Trung Quốc theo học tại các trường đại học Hoa Kỳ, nhiều người trong số họ đã trở thành chuyên gia trình độ cao trong những ngành khoa học, công nghệ mũi nhọn.

*3- Chuẩn hóa cơ sở vật chất của các trường đại học, từ giảng đường, phòng thí nghiệm cho đến thư viện... đóng một vai trò hết sức quan trọng.* Giảng đường chật chội, phòng thí nghiệm lạc hậu và thư viện nghèo nàn không thể là nơi đào tạo với chất lượng cao, nhất là những ngành khoa học tự nhiên hiện đại và công nghệ cao. Vì vậy, *cần có một kế hoạch dài hạn từ nay đến năm 2020, nỗ lực chuẩn hóa cơ sở vật chất của tất cả các trường đại học và cao đẳng với mục tiêu là một số trường đại học trọng điểm của Việt Nam (Đại học Quốc gia, Đại học Bách khoa, v.v..) có cơ sở vật chất thí nghiệm thuộc loại tốt nhất khu vực.*

*4- **Nghiên cứu khoa học, công nghệ là yêu cầu bắt buộc** đối với tất cả các thày giáo dạy đại học cũng như đối với sinh viên khi làm luận văn tốt nghiệp. Vì chỉ có nghiên cứu mới nâng cao chất lượng đào tạo, gắn đào tạo với sản xuất và phát triển công nghệ.* Nhà nước sớm ban hành những văn bản pháp quy và tạo lập một thị trường khoa học - công nghệ để từ đó hình thành các tổ hợp đào tạo - nghiên cứu - sản xuất, dịch vụ. Nước Mỹ đã đi đầu trong lĩnh vực này với Thung lũng Si-li-côn nổi tiếng. Học tập kinh nghiệm này, các nước châu Âu đã tạo lập Thung lũng Si-li-côn châu Âu, lấy Cam-brít làm trung tâm. Tại Ấn Độ, Bin Ghết đã gọi bảy viện công nghệ Ấn Độ là tinh hoa của nền khoa học - công nghệ, từ đây đã tạo nên nền công nghiệp high-tech (kỹ thuật cao) của Ấn Độ. Nhật Bản đang đẩy mạnh việc liên kết giữa trường đại học với doanh nghiệp để tăng cường số lượng và chất lượng các công trình nghiên cứu ở khu vực đại học.

*5- Quản lý giáo dục cần được đổi mới nhanh chóng theo hướng tăng cường tối đa quyền tự chủ (autonomy) cho các trường đại học song song với tăng cường quản lý nhà nước theo hướng đã được nêu trong bài viết của đồng chí Lê Khả Phiêu* (2). Với quyền tự chủ cao các trường đại học có điều kiện liên kết cùng với các viện nghiên cứu và các ngành công nghiệp, dịch vụ tiến hành các nghiên cứu cải tiến và đổi mới công nghệ, tạo điều kiện cho sinh viên trưởng thành ngay trong quá trình học tập. Thông qua các liên kết đó các trường có nguồn kinh phí bổ sung, ngoài kinh phí do Nhà nước cấp. Trường đại học có quyền tự chủ cao trong việc hợp tác quốc tế về đào tạo, về nghiên cứu khoa học và trao đổi cán bộ, sinh viên. Ngoài ra, cần tạo quyền bình đẳng giữa các trường quốc lập và ngoài quốc lập. Hầu như tất cả 68 trường đại học Đức đang được cải tổ theo hướng này và đang gặt hái được thành công. Hệ thống giáo dục đại học ở Nhật Bản cũng đang bắt đầu khởi động cải tổ theo hướng tự chủ hơn, linh hoạt hơn và đa dạng hơn để đáp ứng những thách thức mới của thế kỷ XXI trong quá trình cạnh tranh quốc tế.

*6- Sự cam kết của Nhà nước là nhân tố bảo đảm cho cải cách thành công*

Để thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, một trong những nhiệm vụ đầu tiên phải làm là kiểm tra xem có đào tạo đủ nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hay không. Với tình trạng như hiện nay, các trường đại học Việt Nam chỉ cho ra những "sản phẩm kém chất lượng" mà thôi; trong khi đó, tiền đầu tư của Nhà nước dưới nhiều hình thức cho ngành giáo dục và đào tạo không phải nhỏ. Vì vậy, bên cạnh những cải tổ được thực hiện trong ngành giáo dục và đào tạo như đã nêu trên, Nhà nước cần có những biện

(2) Xem: Báo *Nhân dân*, số 17162, ngày 17-7-2002


Digitized by Google

pháp hữu hiệu, được thể chế hóa thành các văn bản luật và dưới luật, bảo đảm thực hiện thành công cải cách giáo dục đại học. *Một số biện pháp chính sau đây được thực hiện càng sớm càng tốt:*

*Một:* Khuyến khích các nhà khoa học giảng dạy đại học bằng chế độ thù lao thỏa đáng, lương của hệ thống đại học cao hơn lương của các hệ khác hoặc ít nhất ngang lương của hệ an ninh, quốc phòng hiện nay.

*Hai:* Kinh phí đầu tư cho giáo dục và đào tạo không thấp hơn 2% GDP hằng năm. Một trong những biện pháp trong cải tổ giáo dục đại học ở các nước là tăng dần phần đầu tư của Nhà nước cho giáo dục theo mức mà Mỹ và Ca-na-đa đang làm. Số liệu năm 1999 cho thấy Ca-na-đa là 2,5%, Pháp là 1,1%, Đức là 1,1%, I-ta-li-a là 0,8%, Nhật Bản là 1%, Anh là 1,1% và Mỹ là 2,35%.

*Ba:* Bảo đảm về mặt pháp lý quyền tự chủ cao cho các trường đại học trong việc liên kết với các ngành công nghiệp, dịch vụ và trong việc thương mại hóa các sản phẩm nghiên cứu của mình và trong hợp tác quốc tế. Đó cũng là một biện pháp quan trọng để tăng dần nguồn đầu tư cho giáo dục từ các doanh nghiệp. Ngoài ra, Nhà nước cần xây dựng quỹ hỗ trợ cho việc nghiên cứu chuyển giao và đổi mới công nghệ.

*Bốn:* Nhà nước sớm ban hành các văn bản pháp quy và chế độ, chính sách để hình thành ở nước ta một thị trường khoa học - công nghệ.

*Năm:* Thành lập và đưa vào hoạt động rộng rãi Chương trình Cho vay và Trợ giúp quốc gia về giáo dục nhằm hỗ trợ sinh viên nghèo và những gia đình khó khăn trong việc cho con em họ theo học đại học. Ngoài sự đóng góp của Chính phủ, các doanh nghiệp cũng có trách nhiệm đóng góp tiền vào chương trình này. Một chương trình tương tự ở Mỹ đã được thành lập từ năm 1965, và cho đến nay, nó đã hỗ trợ trên 74 triệu sinh viên với tổng số tiền là 180 tỉ USD. Nhật Bản thực hiện Quỹ Học bổng trên cơ sở kinh phí nhà nước, kết hợp với kinh phí đóng góp của các địa phương và các doanh nghiệp. Năm 2002, Quỹ Tài trợ cho những sinh viên nghèo học giỏi đã cấp học bổng cho gần 798 000 sinh viên, với tổng số tiền lên đến 4,5 tỉ USD.

*Sáu:* Quốc hội ban hành pháp lệnh cho phép các trường học được cấp đất hoặc thuê đất trong thời hạn dài với giá ưu đãi. Từ năm 1862 Quốc hội Hoa Kỳ đã ban hành một đạo luật tương tự nhằm phổ cập giáo dục cho toàn dân (education for the masses). Nhờ đó, hàng loạt trường đại học tư và cộng đồng đã ra đời. Trường Đại học Y khoa Chi-ca-gô (tư thục) được thuê 100 ha với giá 1 USD trong thời hạn 99 năm là một thí dụ.

*Bảy:* Triển khai rộng rãi việc sử dụng in-tơ-nét với chất lượng cao và giá hạ trong khu vực giảng dạy và nghiên cứu. Chính phủ cần trợ giá và không đánh thuế đối với việc nhập sách khoa học, công nghệ.

*Tám:* Xây dựng thư viện điện tử quốc gia mạnh trên cơ sở Thư viện Khoa học - Kỹ thuật Hà Nội. Tại đây cần có đủ các tạp chí chuyên ngành quốc tế và sách do những nhà xuất bản có uy tín phát hành.

Bài học kinh nghiệm được rút ra từ thành công của sự nghiệp giáo dục ở nước ta trong giai đoạn 1956-1976 là, Nhà nước có quyết tâm cao, thể hiện ở các chủ trương và chính sách cụ thể. Đây là khâu quyết định. Cử được "tổng công trình sư" đúng với tầm mà sự nghiệp giáo dục yêu cầu. Ngoài trình độ chuyên môn và khả năng sư phạm, người thày giáo còn tạo ra trong sinh viên những hoài bão, những ham mê trong tìm tòi cái mới, trong cống hiến cho sự nghiệp khoa học, công nghệ của đất nước.

Đó cũng là bài học của Nhật Bản trong quá trình phục hưng đất nước từ đống tro tàn sau Chiến tranh thế giới thứ II. Sự phát triển của nền giáo dục Ấn Độ trong gần 60 năm qua càng khẳng định bài học đúng đắn đó.

Trong điều kiện của nước ta hiện nay, tổng thu nhập quốc dân (GDP) thuộc vào loại rất thấp trong khu vực và thế giới, nên chúng ta không thể đầu tư cho giáo dục và đào tạo về vật chất ngang với nhiều nước khác. Nhưng chúng ta hoàn toàn có thể đầu tư cho sự nghiệp giáo dục nhiều hơn nước khác về quyết tâm của lãnh đạo được thể hiện trong các chính sách vĩ mô cụ thể, về sự quan tâm, đóng góp của xã hội, về tâm huyết của thày và trò, và về tài, trí của người "tổng công trình sư". Có lẽ đó là con đường hy vọng duy nhất để chúng ta tiến lên sát cánh cùng khu vực và thế giới trong thế kỷ XXI.❑


Digitized by Google

# CÔNG TÁC QUY HOẠCH CÁN BỘ CỦA TỈNH LÀO CAI

NGUYỄN ĐỨC THĂNG *

Là tỉnh vùng cao, biên giới; Lào Cai có số dân trên 63 vạn người cư trú ở 9 huyện và 1 thị xã với 180 xã, phường..., trong đó đồng bào các dân tộc thiểu số chiếm 67%. Khi mới tái lập (ngày 01-10-1991), Lào Cai gặp rất nhiều khó khăn do lịch sử để lại. Một trong những khó khăn lớn nhất là đội ngũ cán bộ vừa thiếu, vừa yếu. Toàn tỉnh có trên 8 000 cán bộ, công nhân viên; trong đó, 12% có trình độ đại học, 11% tốt nghiệp tiểu học, 48,2 % tốt nghiệp trung học cơ sở, 40,8% tốt nghiệp trung học phổ thông, cán bộ có trình độ cử nhân và cao cấp lý luận chỉ chiếm 0,8%. Đội ngũ cán bộ cơ sở gần 3 700 người, hầu hết chưa qua đào tạo, năng lực lãnh đạo, điều hành nhìn chung chưa ngang tầm được yêu cầu nhiệm vụ.

Thấm nhuần quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, coi "Cán bộ là cái gốc của mọi công việc", xuất phát từ tình hình thực tế của địa phương, Tỉnh ủy Lào Cai xác định công tác cán bộ là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu vừa mang tính cấp bách, vừa mang tính chiến lược lâu dài, đó là chìa khóa để giải quyết vấn đề phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn hiện nay. Muốn có đội ngũ cán bộ đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ, trước hết phải làm tốt công tác quy hoạch cán bộ. Từ nhận thức đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai đã chỉ đạo các cấp ủy đảng tiến hành quy hoạch cán bộ trên cơ sở tiêu chuẩn hóa chức danh cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học - kỹ thuật và nghiệp vụ... đồng thời, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và bố trí sử dụng cán bộ một cách hợp lý. Trong công tác quy hoạch cán bộ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai rất chú trọng tính kế thừa, thực hiện trẻ hóa đội ngũ, chú trọng đào tạo cán bộ là người dân tộc thiểu số, cán bộ nữ... Vì vậy, chỉ sau hơn 10 năm tái lập tỉnh, đội ngũ cán bộ của tỉnh đã có chuyển biến đáng kể cả về số lượng và chất lượng. Toàn tỉnh đã có trên 13 nghìn cán bộ, công nhân, viên chức; trong đó, có 48 người có trình độ chuyên môn trên đại học, số người có trình độ đại học, cao đẳng tăng gấp 4 lần so với năm 1991. Đội ngũ cán bộ cấp ủy tỉnh, huyện, thị xã và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy có trình độ đại học và cao đẳng chuyên ngành chiếm 70,2%, cử nhân và cao cấp lý luận chính trị chiếm 98,4%.

Từ khi thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng bộ tỉnh đến nay, công tác quy hoạch cán bộ của Lào Cai đã có chuyển biến tích cực và thu được nhiều kết quả đáng khích lệ. Quy hoạch cán bộ từng bước đi dần vào nền nếp, trở thành căn cứ để đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng và luân chuyển cán bộ. Đến nay, tỷ lệ cán bộ là người dân tộc thiểu số, cán bộ nữ ở các cấp, các ngành tăng

* TS, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Lào Cai



Digitized by Google

đáng kể. Cán bộ là người dân tộc thiểu số ở các ban, ngành, đoàn thể của tỉnh chiếm 18%, và chiếm 37% trong Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Cán bộ nữ chiếm 8,9% trong Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh; 14,2% trong Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, thị xã, đảng ủy trực thuộc và 15% trong Ban Chấp hành Đảng bộ xã, phường, thị trấn. Có 53 sở, ban, ngành, 10 huyện thị, đảng ủy trực thuộc và 20 doanh nghiệp xây dựng được quy hoạch cán bộ. Cán bộ từ cấp trưởng phòng, phó phòng huyện, thị xã và tương đương trở lên được quy hoạch là gần 1 000 đồng chí; trong đó, tỷ lệ nữ chiếm 13,2% và tỷ lệ là người dân tộc thiểu số là 22,2 %. Đặc biệt, việc quy hoạch Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2005 - 2010 được Ban Thường vụ Tỉnh ủy chuẩn bị rất công phu, đúng quy trình và bảo đảm chất lượng, cơ cấu hợp lý. Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức lấy phiếu thăm dò tới các đồng chí lãnh đạo các ban, ngành, đoàn thể của tỉnh, các huyện, thị xã, đảng ủy trực thuộc. Những đồng chí có từ 50% số phiếu tín nhiệm trở lên và một số đồng chí thuộc người dân tộc thiểu số là nữ có số phiếu tín nhiệm từ 30% đến 49 % được xem xét đưa vào danh sách tiếp tục lấy phiếu thăm dò trong Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Sau đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thảo luận một cách công tâm, đánh giá và đi tới kết luận cuối cùng.

Do làm tốt khâu quy hoạch cán bộ nên các cấp ủy, các ban, ngành, đoàn thể của tỉnh đã xác định đúng đối tượng cần đào tạo, bồi dưỡng nâng cao về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, quản lý nhà nước và văn hóa. Từ năm 2001 đến nay, đội ngũ cán bộ của toàn tỉnh được đào tạo và kết quả là 135 cán bộ có trình độ thạc sỹ, cử nhân lý luận chính trị; 139 cán bộ có trình độ cao cấp lý luận chính trị; 1 349 cán bộ có trình độ đại học, cao đẳng chuyên ngành; 1 542 cán bộ có trình độ trung cấp chuyên ngành; 6 595 cán bộ được đào tạo văn hóa và trên 40 nghìn lượt cán bộ được bồi dưỡng lý luận chính trị, trình độ quản lý nhà nước và nghiệp vụ.

Thực hiện Nghị quyết số 11 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 10 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, đầu năm 2002, Lào Cai đã luân chuyển, tăng cường 193 cán bộ cho cấp huyện, xã, trong đó cán bộ thuộc diện luân chuyển là 87 đồng chí. Luân chuyển (diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý) từ huyện lên tỉnh là 5 đồng chí, từ tỉnh về huyện là 4 đồng chí. Các đồng chí thuộc diện luân chuyển đều có trình độ đại học về chuyên môn, có phẩm chất đạo đức tốt và có năng lực công tác và đều nằm trong diện quy hoạch. Các cấp ủy, đảng đoàn, ban cán sự đảng rà soát lại cán bộ được quy hoạch, hoàn chỉnh nhận xét, đánh giá cán bộ dự bị của đơn vị, đề xuất hướng luân chuyển, dự kiến chức danh được đề bạt sau thời gian luân chuyển, tăng cường từ 3 đến 4 năm nếu hoàn thành nhiệm vụ. Ban Chỉ đạo luân chuyển, tăng cường cán bộ (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo) của tỉnh căn cứ vào nhu cầu thực tế của cơ sở và khả năng của cán bộ để bố trí luân chuyển, tăng cường cho phù hợp. Trước khi về cơ sở, số cán bộ luân chuyển, tăng cường được tập huấn 25 chuyên đề có liên quan trực tiếp đến công việc của cán bộ ở cơ sở.

Để giải quyết một phần khó khăn cho số cán bộ được luân chuyển, tăng cường, tỉnh hỗ trợ từ 300 đến 500 nghìn đồng/ người/ tháng tùy theo khu vực. Vì vậy, họ đều yên tâm, phấn khởi khi thực hiện nhiệm vụ. Qua gần 2 năm, có thể khẳng định, việc luân chuyển, tăng cường cán bộ đi huyện, xã ở Lào Cai đã đạt kết quả tương đối tốt, tạo điều kiện cho cán bộ rèn luyện, bồi dưỡng, thử thách, nhất là những cán bộ trẻ, có triển vọng, giúp họ có thêm kinh nghiệm thực tiễn và trưởng thành nhanh hơn. Nhiều cán bộ thể hiện năng lực đáp ứng yêu cầu công việc, tạo được uy tín ở nơi công tác. Trong số cán bộ luân chuyển, tăng cường, có 47 đồng chí được chỉ định hoặc bầu giữ các chức danh chủ chốt ở cơ sở, trong đó có 65% hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 30% hoàn thành nhiệm vụ, chỉ có 5% không hoàn thành nhiệm vụ.


Digitized by Google

Công tác đánh giá, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý được thực hiện nghiêm túc, và dân chủ đã góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp và tăng cường đoàn kết nội bộ, tạo sự phấn khởi trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Căn cứ vào tiêu chuẩn cho từng chức danh lãnh đạo, các cấp ủy đã tổ chức lấy phiếu tín nhiệm, Ban Chỉ đạo đánh giá, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý của tỉnh xét duyệt từng trường hợp cụ thể: Nếu cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý thì Ban Chỉ đạo tiếp tục trình Ban Thường vụ xem xét quyết định. Đến nay, tất cả các đầu mối tổ chức từ huyện đến tỉnh đã đánh giá và thực hiện xong việc bổ nhiệm lại và không bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý với tổng số 769 đồng chí (diện tỉnh quản lý là 70 đồng chí, huyện, ngành quản lý là 699 đồng chí). Kết quả là, bổ nhiệm lại 522 đồng chí, chiếm 67,8%; kéo dài đến khi nghỉ hưu và kéo dài 1 năm, hoặc thông báo nghỉ chế độ 166 đồng chí, chiếm 21,5%; không bổ nhiệm lại 81 đồng chí, chiếm 10,7%.

Trên cơ sở những chính sách, chế độ do Nhà nước quy định, Lào Cai còn vận dụng và ban hành một số chế độ nhằm khuyến khích, động viên cán bộ, như chế độ phụ cấp bí thư chi bộ ở cơ sở, tổ trưởng đảng, khu phố; tăng thêm phụ cấp cho trưởng thôn, cho giáo viên mẫu giáo vùng cao, cán bộ khuyến nông, chế độ hỗ trợ đi học cho cán bộ xã, phường, chính sách thu hút nhân tài và công nhân lành nghề mỗi năm hàng chục tỉ đồng được trích từ ngân sách địa phương. Cán bộ, công chức được cử đi đào tạo sau đại học, khi làm luận án tiến sỹ được hỗ trợ 15 triệu đồng (cán bộ là người dân tộc thiểu số được 17 triệu đồng), thạc sỹ là 7 triệu đồng (cán bộ là người dân tộc thiểu số được 8 triệu đồng). Cán bộ công chức được cử đi đào tạo dài hạn tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh hoặc Học viện Hành chính Quốc gia được hỗ trợ 200 nghìn đồng/ tháng (cán bộ là người dân tộc thiểu số được 250 nghìn đồng/tháng)... Thông qua việc động viên bằng vật chất và tinh thần, đồng thời, tỉnh quy định rõ tiêu chuẩn cho mỗi chức danh cán bộ ở từng cấp đến năm 2005 và những năm tiếp theo, nên cán bộ, đặc biệt là cán bộ ở cơ sở và cán bộ là người dân tộc thiểu số, cán bộ nữ đều xác định được nhiệm vụ phải học tập, bồi dưỡng mọi mặt, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của sự phát triển trong giai đoạn mới.

Mặc dù đã đạt được những thành tựu bước đầu rất đáng khích lệ, nhưng công tác quy hoạch cán bộ của tỉnh Lào Cai trong thời gian qua vẫn còn một số mặt hạn chế, yếu kém: Ở một số nơi vẫn còn mang tính hình thức, một số cấp ủy chưa coi quy hoạch cán bộ là khâu trọng yếu trong công tác cán bộ, quy hoạch đối với cán bộ cơ sở còn lúng túng... Đào tạo chưa gắn với bố trí và sử dụng cán bộ. Đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số còn chiếm tỷ lệ thấp, chưa đồng đều giữa các dân tộc, một số dân tộc chưa có người tham gia công tác trong hệ thống chính trị. Đội ngũ cán bộ ở cơ sở nhìn chung trình độ chuyên môn, nghiệp vụ còn thấp (6,7% có trình độ trung cấp chuyên ngành, 0,6% có trình độ đại học chuyên ngành, 32% có trình độ trung cấp chính trị, 0,6% có trình độ cao cấp, cử nhân chính trị), chưa chủ động được trong lãnh đạo, điều hành công việc của địa phương. Tình trạng cục bộ, khép kín trong bố trí và sử dụng cán bộ vẫn còn tồn tại ở một số nơi...

Để công tác cán bộ thực sự có hiệu quả, trong thời gian tới các cấp ủy, các đảng đoàn, ban cán sự đảng của tỉnh tiếp tục rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ và kiên trì thực hiện nghiêm túc công tác quy hoạch cán bộ. Cần nhận thức đúng đắn công tác quy hoạch cán bộ là một nội dung trọng yếu của công tác cán bộ, bảo đảm cho công tác quy hoạch cán bộ đi vào nền nếp, chủ động, có tầm nhìn xa, đáp ứng nhiệm vụ trước mắt và lâu dài. Mục tiêu của quy hoạch cán bộ là phải lựa chọn được những cán bộ thực sự có đầy đủ các tiêu chuẩn theo quy định và phù hợp với tình hình của địa phương để đưa vào nguồn kế cận,


Digitized by Google

dự bị; từng bước thử thách, giao nhiệm vụ từ thấp đến cao, có kế hoạch cụ thể về đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện ở trường, lớp và trong thực tiễn nhằm tạo nguồn bổ sung cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp có đủ phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Quy hoạch cán bộ phải bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, nhưng trước khi thực hiện tập trung thì cấp ủy có thẩm quyền phải thực sự mở rộng dân chủ công khai, minh bạch trong việc đánh giá cán bộ; quy hoạch vừa "động" vừa "mở", không khép kín trong một cơ quan, đơn vị; đồng thời, phải quy hoạch một chức danh cho nhiều người và một người cho nhiều chức danh. Nói cách khác là phải tạo ra những "sân chơi nhỏ" bình đẳng cho những người có cùng khả năng, từng người phấn đấu tự hoàn thiện mình; thường xuyên nhận xét, đánh giá để điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp. Phân định rõ giữa quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý và quy hoạch cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ. Gắn công tác quy hoạch với công tác đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng và luân chuyển cán bộ. Thông qua hoạt động thực tiễn, thông qua đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển để nhận xét, đánh giá, phát hiện cán bộ có năng lực, từ đó chủ động bổ sung lực lượng cán bộ quy hoạch.

Chủ động tạo nguồn cán bộ, trong đó chú trọng cán bộ là người dân tộc thiểu số, cán bộ nữ và cán bộ trẻ, bảo đảm cơ cấu hợp lý để tăng dần tỷ lệ cán bộ là người dân tộc thiểu số, cán bộ nữ ở các cấp, các ngành. Làm tốt công tác phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng những người có khả năng phát triển để bổ sung nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Trước hết, phải nâng cao trình độ dân trí, thực hiện tốt chương trình phổ cập giáo dục đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở giai đoạn 2000 - 2005 và đến năm 2010; quan tâm mở rộng quy mô, số lượng, nâng cao chất lượng các trường dân tộc nội trú ở tỉnh và huyện, xây dựng các trường bán trú ở các xã vùng III và trường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Quan tâm, phát hiện những học sinh có năng khiếu để có kế hoạch đào tạo và sử dụng lâu dài. Hiện tại, Lào Cai có 11 trường dân tộc nội trú, hằng năm có gần 400 em học sinh là người dân tộc thiểu số tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông; trong đó, có nhiều em tiếp tục được đào tạo trình độ đại học, cao đẳng thông qua thi tuyển và cử tuyển, bình quân mỗi năm có 28 em là người dân tộc thiểu số vào đại học. Đây chính là nguồn quan trọng để bổ sung cán bộ là người dân tộc thiểu số của tỉnh trong những năm tới.

Tiếp tục thực hiện tốt chính sách ưu tiên tuyển dụng cán bộ là con em các dân tộc thiểu số. Năm 2002, toàn tỉnh tuyển dụng 1 493 em tốt nghiệp đại học, trong đó, người dân tộc thiểu số chiếm 29%. Hằng năm, các cơ quan chức năng nắm vững số học sinh vào học và số học sinh người dân tộc thiểu số đã tốt nghiệp các trường đại học và cao đẳng, các trường chuyên nghiệp để có kế hoạch tuyển dụng. Đối với một số ngành, ban của tỉnh và một số phòng, ban của huyện, thị xã, năm 2003 chỉ ưu tiên tuyển dụng cán bộ là người dân tộc thiểu số. Tạo nguồn cán bộ người dân tộc thiểu số từ cán bộ, chiến sỹ các lực lượng vũ trang hoàn thành nghĩa vụ, hoặc chuyển ngành. Thực tế những năm qua ở Lào Cai cho thấy, những cán bộ là người dân tộc thiểu số đã qua rèn luyện trong các lực lượng vũ trang đều có trình độ văn hóa, chuyên môn nhất định và hiểu biết các lĩnh vực văn hóa - xã hội nên cơ bản hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Công tác quy hoạch cán bộ phải gắn chặt với công tác đào tạo, bồi dưỡng và luân chuyển cán bộ; đào tạo bồi dưỡng cán bộ theo quy hoạch và tiêu chuẩn xác định cho mỗi chức danh. Kiện toàn tổ chức, đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của Trường Chính trị tỉnh, các trung tâm bồi dưỡng chính trị các huyện, thị. Đa dạng hóa các hình thức đào tạo, đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy, gắn lý luận với thực tiễn nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành của

*(Xem tiếp trang 80)*


Digitized by Google

# Về xuất khẩu gạo hiện nay của Việt Nam

ĐỖ MAI THÀNH

GẠO là một sản phẩm quan trọng bậc nhất của nền nông nghiệp Việt Nam. Vì thế, trong mọi thời kỳ phát triển của đất nước, Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm. Từ khi đất nước thực hiện công cuộc đổi mới, nhất là từ năm 1989 đến nay, sản xuất lúa gạo của Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn, không những bảo đảm an ninh lương thực quốc gia mà còn tăng xuất khẩu, đưa Việt Nam từ một nước nhập khẩu lương thực trở thành nước xuất khẩu gạo đứng thứ hai trên thế giới. Song, để việc xuất khẩu gạo của đất nước tiếp tục tăng trưởng bền vững và thực sự có hiệu quả cần có sự tổng kết, đánh giá tình hình trong những năm qua, giải quyết những vấn đề còn hạn chế cũng như những khó khăn, vướng mắc cần tháo gỡ cho xuất khẩu gạo trong thời gian tới.

**1 - Tình hình sản xuất và xuất khẩu gạo hiện nay**

Hiện tại, diện tích trồng lúa cả năm của Việt Nam là 7,485 triệu ha, năng suất trung bình đạt 45,5 tạ/ha. Lúa của Việt Nam được trồng hầu hết ở các vùng trong cả nước, nhưng tập trung chủ yếu ở hai vùng: đồng bằng sông Cửu Long (chiếm 50,52% tổng diện tích và 49,95% sản lượng) và đồng bằng sông Hồng (chiếm 16,07% diện tích và 20,11% sản lượng). Các vùng khác có diện tích và sản lượng nhỏ hơn với các tỷ lệ tương ứng như miền núi phía Bắc: 9,33% và 8,32%; vùng Bắc Trung Bộ: 9,35% và 8,18%; vùng Đông Nam Bộ: 6,79% và 5,16%; vùng Nam Trung Bộ: 5,52% và 5,34%; vùng Tây Nguyên: 2,42% và 1,92%. Lúa được trồng quanh năm, trong đó hai vụ chính là vụ đông - xuân (chiếm 40,48% diện tích lúa cả năm), vụ mùa (chiếm 30,3%), còn vụ hè - thu chủ yếu được trồng từ vùng Bắc Trung Bộ trở vào (chiếm 29,12%).

Những năm qua, sản lượng lúa của Việt Nam tăng nhanh do gia tăng diện tích gieo trồng, nhưng chủ yếu vẫn là do tăng năng suất. Nếu trong giai đoạn 1992 - 1997 diện tích trồng lúa tăng trung bình 1,85%/năm, năng suất tăng trung bình 3,1%/năm dẫn đến sản lượng tăng trung bình 4,97%/năm thì ở giai đoạn tiếp theo (1997 - 2002), mặc dù diện tích trồng lúa chỉ tăng 1,05%/năm, nhưng nhờ tăng năng suất (3,25%/năm), nên sản lượng cả năm tăng với tốc độ 4,3%/năm. Năm 2002, sản lượng thóc của Việt Nam đã đạt 34 triệu tấn, tăng 15,1 tấn so với năm 1989, đạt tốc độ tăng 6,43%/năm. Nếu so mức sản lượng này với mức tiêu dùng gạo bình quân khoảng 156 kg /người /năm (tương đương với 240 kg thóc) thì sản xuất lúa gạo không những đã đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, mà còn dành được một khối lượng lớn cho xuất khẩu. Có thể khẳng định, sản xuất lúa gạo của Việt Nam thời gian qua đã đạt được một số thành tựu cơ bản trên những khía cạnh sau:

- Sản xuất lúa gạo phát triển ổn định, theo hướng tăng năng suất, chất lượng, có tỷ suất hàng hóa ngày càng cao.



Digitized by Google

- Nhiều tiến bộ khoa học - kỹ thuật được ứng dụng trong sản xuất, đặc biệt các tiến bộ về giống (giống lúa cho năng suất, chất lượng cao, lúa đặc sản), chuyển đổi được cơ cấu mùa vụ, tăng hệ số sử dụng đất...

- Hình thành một số vùng lúa hàng hóa chất lượng cao ở đồng bằng sông Cửu Long (tạo ra khối lượng thóc hàng hóa lên tới hàng chục triệu tấn/năm).

- Tỷ trọng gạo dành cho xuất khẩu ngày một tăng (giai đoạn 1991 - 1995 tỷ lệ gạo xuất khẩu chiếm dưới 10% trong tổng sản lượng; giai đoạn 1996 - 2000 tăng lên gần 20%; năm 1999 tăng trên 22%).

Cùng với sự tăng nhanh của sản lượng thóc, việc xuất khẩu gạo Việt Nam cũng không ngừng tăng. Thị trường xuất khẩu gạo ngày càng được mở rộng. Năm 1991, Việt Nam mới xuất khẩu gạo sang hơn 20 nước, đến năm 1994 tăng lên hơn 50 nước và hiện nay gạo Việt Nam đã có mặt ở trên 80 nước, khắp 5 châu lục (trong đó châu Á: 29 nước, châu Âu: 29 nước, châu Mỹ: 17 nước, châu Phi: 16 nước, châu Đại Dương: 3 nước). Châu Á và châu Phi là hai khu vực nhập khẩu gạo lớn nhất của Việt Nam. Những thị trường nhập khẩu lớn và ổn định là Phi-líp-pin, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a và I-rắc.

Khối lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam tăng khá nhanh. Trong suốt 14 năm liên tục (từ năm 1989 đến nay), Việt Nam luôn được coi là nước cung cấp gạo chủ yếu trên thị trường thế giới. Trong giai đoạn 1992 - 1997, gạo xuất khẩu của Việt Nam tăng trung bình 12,94%/năm về lượng và 15,8%/năm về giá trị. Giai đoạn 1997 - 2002, giá trị xuất khẩu có dấu hiệu tăng chậm hơn do nguyên nhân khách quan là giá trên thị trường thế giới giảm. Song, năm 1999, Việt Nam cũng đã xuất khẩu được 4,5 triệu tấn gạo, đạt kim ngạch xuất khẩu 1,02 tỉ USD; năm 2000: 3,5 triệu tấn (do khó khăn về thị trường và giá gạo giảm ); năm 2001: 3,7 triệu tấn; năm 2002: 3,2 triệu tấn. Tính chung trong 14 năm, Việt Nam đã xuất khẩu 37 triệu tấn (trung bình 2,64 triệu tấn/năm), đạt tổng kim ngạch xuất khẩu 8 tỉ USD (bình quân 572 triệu USD/năm). Việt Nam hiện đứng thứ 2 trên thế giới về khối lượng gạo xuất khẩu (sau Thái Lan - nước đạt khối lượng xuất khẩu khoảng 6 triệu tấn/ năm). Kim ngạch xuất khẩu gạo chiếm tỷ lệ khá trong tổng giá trị xuất khẩu của Việt Nam tuy tỷ lệ này đang có xu hướng giảm dần cùng với sự gia tăng xuất khẩu của những mặt hàng khác (năm 1992 xuất khẩu gạo chiếm 16,2%, năm 1995: 9,73%, năm 1999: 8,88% và năm 2002: trên 4%). Gạo xuất khẩu của Việt Nam cũng đạt được chất lượng ngày càng cao. Nếu trong những năm đầu xuất khẩu, gạo chất lượng trung bình (có tỷ lệ tấm trên 25%) chiếm tới 80 - 90% khối lượng gạo xuất khẩu, thì đến nay loại gạo hạt dài, ít bạc bụng, tỷ lệ tấm thấp (5 - 10%) đã chiếm tỷ trọng lớn và có xu hướng tăng dần. Vì vậy, sức cạnh tranh của gạo tăng, giá cả xuất khẩu tăng, thu hẹp dần khoảng cách giữa giá gạo xuất khẩu của Việt Nam với giá gạo xuất khẩu của Thái Lan (từ 40 - 55 USD/tấn ở những năm 1989 - 1994 xuống còn 20 - 25 USD/tấn vào những năm 1995 - 2000). Những thành quả này là rất đáng khích lệ, song nếu xét trong bối cảnh của hội nhập kinh tế quốc tế và thị trường gạo thế giới luôn có nhiều biến động thì về lâu dài sản xuất lúa gạo cho xuất khẩu của Việt Nam vẫn cần có nhiều cố gắng hơn nữa mới có thể có sức cạnh tranh cao và tăng được giá trị xuất khẩu cho đất nước.

**2 - Một số hạn chế trong sản xuất và xuất khẩu gạo**

Hiện nay, chi phí sản xuất lúa ở Việt Nam thấp nhất trong khu vực Đông Nam Á. Chi phí sản xuất lúa tại đồng bằng sông Cửu Long còn ở mức thấp nhất thế giới. Có được điều này, một phần do chi phí lao động tại Việt Nam thấp (bằng 1/3 so với Thái Lan), tỷ lệ diện tích tưới tiêu, hệ số quay vòng đất, năng


Digitized by Google

suất đều cao (theo thứ tự gấp 2 lần, 1,33 lần, 1,5 lần so với Thái Lan).

Tuy vậy, còn rất nhiều yếu tố làm tăng chi phí sản xuất lúa gạo và làm giảm giá bán gạo xuất khẩu. Đó là: công nghệ xử lý sau thu hoạch thiếu và yếu kém làm cho mức tổn thất sau thu hoạch khá cao (khoảng 13 - 16%). Con số này ở Thái Lan chỉ khoảng 7 - 10%; ở Nhật Bản là 3,9 - 5,6%. Tổn thất đó thực tế đồng nghĩa với giá thành đã bị đẩy lên tới 12 - 15%. Mặt khác, kết cấu hạ tầng phục vụ bốc xếp, vận chuyển... tại các cảng chưa tốt cũng làm tăng chi phí dịch vụ xuất khẩu (gấp 2 lần so với Thái Lan), trong khi đó tốc độ bốc dỡ lại rất chậm. Ví dụ, tại cảng Sài Gòn, các chi phí khác và chi phí bốc dỡ chiếm tới 1,6% giá xuất khẩu, nhưng tốc độ bốc dỡ lại chậm 6 lần so với Thái Lan. Sự chậm trễ này đã kéo theo những khoản chi phí khác không đáng có làm nhà nhập khẩu phải chịu. Chính vì vậy, các nhà nhập khẩu thường muốn mua gạo Thái Lan hơn và chỉ mua gạo Việt Nam khi giá giao tại cảng thấp hơn Thái Lan để bù đắp cho những chi phí khác.

Thực tế cho thấy, do một số yếu kém khác đã khiến cho giá thành sản xuất gạo bị đẩy lên cao, trong khi đó, Việt Nam lại phải bán với giá thấp hơn nước khác.

Về chất lượng gạo xuất khẩu, mặc dù đã được cải thiện khá ấn tượng trong thập kỷ qua (với lượng gạo tỷ lệ 5% tấm tăng nhanh và hiện chiếm 25,56% tổng lượng gạo xuất khẩu), nhưng nhìn chung gạo xuất khẩu của Việt Nam vẫn còn nhiều nhược điểm như không đồng đều, tạp chất nhiều, tỷ lệ gạo đặc sản thấp.

Có nhiều nguyên nhân của tình trạng trên: Nông dân trồng quá nhiều giống lúa khác nhau. Hiện có 140 giống lúa được Hội đồng giống lúa quốc gia công nhận. Do phong trào sản xuất hướng tới năng suất, sản lượng nên đã làm mất đi nhiều giống lúa đặc sản. Việt Nam chưa quy hoạch vùng sản xuất gạo để xuất khẩu nên khó đảm bảo gạo có chất lượng và hình thức đồng bộ. Sản xuất lúa gạo theo phương thức hộ gia đình, áp dụng những phương pháp kỹ thuật trồng, chăm sóc khác nhau, không đúng kỹ thuật cũng góp phần làm ảnh hưởng đến chất lượng và tính đồng bộ của gạo. Chất lượng gạo xuất khẩu còn chịu tác động không nhỏ của khâu bảo quản, chế biến. Phần lớn kho dự trữ, bảo quản gạo của Việt Nam chưa bảo đảm các tiêu chuẩn kỹ thuật nên có tỷ lệ hư hao do nấm mốc, côn trùng... Độ ẩm của gạo cũng khó giữ được ở dưới mức cho phép là 14%. Trong khâu chế biến, những cơ sở chế biến quốc doanh được trang bị kỹ thuật hiện đại còn chưa nhiều (cả nước hiện chỉ có 10/625 cơ sở), thiếu nhiều thiết bị phân loại, đánh bóng, tách tấm... do vậy, tỷ lệ tấm, tạp chất, hạt vỡ, độ đục cao so với gạo của các nước khác. Yếu tố khác ảnh hưởng đến hiệu quả xuất khẩu gạo là vấn đề mùa vụ. Gạo của Việt Nam chủ yếu được xuất khẩu trong khoảng thời gian từ tháng 4 đến tháng 9 (đồng thời với thời điểm thu hoạch vụ đông - xuân và hè - thu). Nhưng đây lại là thời điểm giá gạo xuất khẩu thường xuống thấp, cho nên vấn đề đặt ra là cần tăng dự trữ gạo xuất khẩu để đưa ra thị trường khi có nhu cầu nhập khẩu cao.

Bao bì, bao gói, mẫu mã sản phẩm của Việt Nam cũng chưa thực đáp ứng yêu cầu xuất khẩu. Chất lượng bao bì của Việt Nam thường thấp, không đều, dễ bị vỡ, không bảo đảm chức năng bảo quản hàng trong quá trình vận chuyển. Những yêu cầu cơ bản của gạo xuất khẩu như chiều dài hạt, độ trong, tỷ lệ hạt đỏ, bạc bụng, tỷ lệ thóc, độ bóng... nhìn chung đều chưa đạt yêu cầu.

Công tác tiếp cận thị trường đóng vai trò rất quan trọng trong hoạt động xuất khẩu gạo. Song, các doanh nghiệp xuất khẩu hiện nay chưa chủ động trong việc tìm kiếm thị trường. Phần lớn giao dịch buôn bán bắt đầu từ phía


Digitized by Google

người mua ở nước ngoài. Hoạt động cung cấp thông tin về giá cả, thị trường của Hiệp hội Xuất nhập khẩu lương thực còn yếu.

Việc quản lý xuất khẩu gạo bằng hạn ngạch (để bảo đảm an ninh lương thực quốc gia) đã làm các doanh nghiệp không chủ động trong việc ký kết hợp đồng xuất khẩu. Nhà nước còn thiếu chính sách tín dụng để hỗ trợ thanh toán khi Việt Nam có thể đáp ứng nhu cầu gạo lớn, không đòi hỏi chất lượng cao của một số thị trường, nhưng khả năng thanh toán của họ hạn chế (như châu Phi).

Những yếu kém trên đây làm giảm hiệu quả xuất khẩu gạo và khiến cho Việt Nam chưa khai thác hết tiềm năng và xứng đáng với vị trí là nước xuất khẩu gạo thứ 2 trên thế giới.

**3 - Một số giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu gạo trong thời gian tới**

Trong thời gian tới, cơ hội đẩy mạnh xuất khẩu gạo của chúng ta còn rất lớn: Khả năng huy động cao ngay cả khi sản lượng thấp hơn giai đoạn trước; xu hướng tự do hóa thương mại tác động buộc các nước phải đưa ra các cam kết mở cửa thị trường lương thực; chính sách cắt giảm viện trợ lương thực của các nước phát triển cho các nước kém phát triển đang làm tăng nhu cầu nhập khẩu lương thực theo những điều kiện thương mại thông thường của các nước này (nhất là các nước châu Phi); nhu cầu về gạo chất lượng cao đang có xu hướng tăng lên trên thị trường thế giới.

Tuy nhiên, hoạt động xuất khẩu gạo cũng gặp nhiều thách thức như: cung và cầu trên thị trường không chênh lệch lớn; không có biến động lớn về nhu cầu gạo trên thị trường nếu không có đột biến về thiên tai hay khủng khoảng kinh tế (theo dự báo của Bộ Nông nghiệp Mỹ, mức buôn bán gạo thế giới cho cả giai đoạn 2000 - 2009 chỉ tăng với tốc độ 2%/năm). Do vậy, sự cạnh tranh giữa các nước xuất khẩu sẽ diễn ra rất gay gắt. Hơn nữa, cuộc cạnh tranh giữa Việt Nam với một số nước khác sẽ càng mạnh hơn do các nước xuất khẩu gạo đầy tiềm năng như Trung Quốc, Pa-ki-xtan, Mi-an-ma, Cam-pu-chia... sẽ tham gia vào thị trường gạo thế giới. Trong khi đó, một số nước nhập khẩu lớn gạo của Việt Nam như In-đô-nê-xi-a, Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a tuy thực hiện những cam kết theo lịch trình cắt giảm thuế của Khu vực Mậu dịch tự do ASEAN, nhưng đều xếp gạo vào danh mục hàng nông sản nhạy cảm và nhạy cảm cao và vẫn duy trì mức thuế nhập khẩu cao, thời hạn cắt giảm thuế chậm.

Từ sự phân tích những cơ hội và thách thức đó, có thể khẳng định, nếu Việt Nam cố gắng phát huy thế mạnh, khắc phục những yếu kém; đồng thời, chuyển dịch cơ cấu sản xuất lúa gạo theo hướng tăng tỷ lệ gạo có chất lượng cao thì vẫn có khả năng duy trì thị phần như hiện nay và tăng giá trị xuất khẩu gạo trong thời gian tới.

Để làm được điều này, cần nghiên cứu và thực hiện một số giải pháp chủ yếu và cụ thể sau:

*Một là*, tăng lượng gạo xuất khẩu trên cơ sở vẫn bảo đảm an ninh lương thực quốc gia và có lãi cho người sản xuất. Lượng gạo xuất khẩu sẽ tăng theo hướng tăng năng suất và chất lượng bởi Việt Nam không còn khả năng tăng diện tích sản xuất lúa. Nhưng để tăng năng suất và chất lượng gạo, nhất thiết phải thực hiện quy hoạch vùng lúa cho xuất khẩu nhằm tạo thuận lợi cho đầu tư, ứng dụng khoa học - kỹ thuật đồng bộ và tránh sự lai tạp giữa các loại giống lúa khác nhau. Việc quy hoạch từng vùng lúa để xuất khẩu cho từng thị trường khác nhau có thể là một hướng tốt cần nghiên cứu, áp dụng. Đồng thời, đất để sản xuất lúa gạo nên được dồn điền, dồn thửa để đạt quy mô sản xuất lớn, góp phần giảm chi phí phân loại và tăng khả năng kiểm soát chất lượng gạo xuất khẩu.

Để có được gạo chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu thị trường thế giới, nên giảm diện tích trồng lúa gạo chất lượng thấp, mở rộng diện tích trồng lúa gạo có chất lượng cao, các loại


Digitized by Google

gạo đặc sản; tăng cường nghiên cứu, sử dụng các giống lúa mới cho năng suất, chất lượng cao để từ đó có điều kiện mở rộng thị trường, nâng cao giá gạo xuất khẩu.

Trong các khâu vận chuyển, chế biến (là những khâu ảnh hưởng nhiều đến chất lượng gạo), phải có sự quan tâm đầu tư thỏa đáng, nâng cấp, hoàn thiện công nghệ thu hoạch, bảo quản sau thu hoạch (như dùng máy sấy thay phơi thóc bằng ánh sáng mặt trời...), tăng đầu tư cho công nghiệp xay xát, chế biến gạo. Toàn bộ hệ thống cơ sở vật chất phục vụ việc bảo quản, cất trữ, vận chuyển phải được xây dựng theo tiêu chuẩn ISO (Tổ chức Tiêu chuẩn quốc tế). Ngoài ra, cần tăng cường quản lý chất lượng gạo xuất khẩu theo một quy trình phù hợp với yêu cầu của thế giới, tức là quản lý chất lượng gạo từ khâu trồng, thu hoạch tới bảo quản, chế biến và đóng gói.

*Hai là*, tăng đầu tư xây dựng hệ thống kho dự trữ, phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn và bến cảng phục vụ công tác xuất khẩu gạo, nhất là hệ thống kho dự trữ nhằm giảm thiểu những biến động bất lợi của thị trường thế giới, đồng thời tạo thuận lợi cho việc thu gom hàng để đưa ra thị trường vào những thời điểm giá cao. Tuy nhiên, hệ thống kho cần đạt được những tiêu chuẩn cần thiết và có quy mô nhất định mới giảm được tỷ lệ hư hao, bảo đảm chất lượng gạo, trữ đủ lượng hàng cần thiết để giảm chi phí cho mỗi chuyến hàng xuất khẩu.

Kết cấu hạ tầng tại các bến cảng (nhất là cảng Cần Thơ - cảng quan trọng trong xuất khẩu gạo của Việt Nam) phải được đầu tư nâng cấp và mở rộng mới có thể đáp ứng được yêu cầu xuất khẩu, giảm các chi phí hiện đang làm cho gạo Việt Nam mất khả năng cạnh tranh so với gạo của nước khác.

*Ba là*, làm tốt công tác phát triển thị trường bằng cách duy trì, phát triển những thị trường truyền thống như SNG, Đông Âu; đồng thời, đa phương hóa thị trường tiêu thụ gạo để ngày càng có nhiều nước trên thế giới tiêu thụ gạo Việt Nam. Cần tăng cường hỗ trợ, cung cấp thông tin thị trường và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiếp cận được với thị trường xuất khẩu. Đăng ký nhãn mác cho gạo xuất khẩu để bảo vệ thương hiệu gạo Việt Nam trên thị trường thế giới. Tích cực tham gia đàm phán, ký kết ở cấp Nhà nước để mở rộng thị trường xuất khẩu gạo vì buôn bán giữa các chính phủ hiện đang là phương thức chủ yếu trong buôn bán gạo trên thế giới.

*Bốn là*, đổi mới một số cơ chế, chính sách nhằm phục vụ có hiệu quả hoạt động sản xuất và xuất khẩu lúa gạo. Ví dụ, hiện nay, chính sách tín dụng vẫn chưa thực sự tạo điều kiện cho việc xuất khẩu vì các cơ quan cấp phát tín dụng. Khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng của nông dân, doanh nghiệp cũng còn rất hạn chế (thông thường ngân hàng chỉ đáp ứng đủ 1/3 nhu cầu vay của doanh nghiệp).

*Năm là*, có biện pháp đúng đắn trong công tác quản lý và điều hành hoạt động xuất khẩu gạo. Hiện nay, Chính phủ đã ban hành Quyết định 46/2000/QĐ-TTg về xuất khẩu - nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2001 - 2005. Theo tinh thần của quyết định này, cơ chế hạn ngạch xuất khẩu và việc quy định doanh nghiệp đầu mối xuất khẩu được xóa bỏ, tạo thuận lợi cho các thành phần kinh tế xuất khẩu gạo chỉ cần có đăng ký kinh doanh ngành hàng lương thực hoặc nông sản là có thể xuất khẩu. Song việc khuyến khích tự do xuất khẩu lại rất dễ phát sinh sự cạnh tranh không lành mạnh giữa một số doanh nghiệp xuất khẩu. Vì lẽ đó, phải có những biện pháp quản lý, điều hành để giảm thiểu tình trạng trên, nhưng vẫn phải bảo đảm phát huy khả năng chủ động cao nhất của các doanh nghiệp. Đồng thời, cần luôn có những biện pháp đủ mạnh, kịp thời can thiệp thị trường lúa gạo nhằm bảo đảm lợi ích của nông dân, ổn định sản xuất nông nghiệp và thị trường trong nước, giảm bớt những khó khăn trong sản xuất và lưu thông lúa gạo. ❑


Digitized by Google

# Nâng cao hiệu quả quản lý đô thị ở Thành phố Hồ Chí Minh

NGUYỄN TIẾN VŨNG*
ĐOÀN NGỌC PHÚC**

Ở nước ta, đô thị hóa là xu thế tất yếu trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Cùng với quá trình này, quy mô đô thị không ngừng tăng lên và cấu trúc đô thị cũng có sự thay đổi mạnh mẽ. Vì vậy, quản lý đô thị là một vấn đề hết sức quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước ta. Cả về lý luận và thực tiễn trong quá trình quản lý đô thị đã chỉ rõ, sự thành công trong quản lý đô thị gắn liền với sự thành công trong đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội.

Quản lý đô thị là vấn đề rộng lớn, bao gồm cả quản lý kinh tế và quản lý xã hội. Đó là quá trình hoạch định chiến lược phát triển, dựa trên mục tiêu xây dựng đô thị văn minh, hiện đại và quá trình tổ chức thực hiện, dựa trên các văn bản pháp lý nhằm đạt được mục tiêu đề ra, trên cơ sở ứng dụng những tri thức về khoa học quản lý có tính đến điều kiện cụ thể của từng loại đô thị. Quản lý đô thị cũng là thực hiện chức năng kiểm tra và giám sát về mặt nhà nước đối với quá trình đô thị hóa.

Thành phố Hồ Chí Minh là một trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học - công nghệ; một đầu mối giao lưu quốc tế lớn của cả nước. Trong những năm gần đây, tốc độ đô thị hóa ở Thành phố Hồ Chí Minh diễn ra hết sức mạnh mẽ nhưng còn mang tính tự phát nên chưa phát huy hiệu quả của chiến lược phát triển đô thị.

Có thể nói, vấn đề quy hoạch xây dựng và quản lý đô thị là một vấn đề vô cùng quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Để nâng cao hiệu quả quản lý đô thị ở Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay, theo chúng tôi, trước hết cần tập trung vào một số vấn đề sau đây.

***1 - Về quản lý quy hoạch xây dựng đô thị***

Quản lý quy hoạch xây dựng đô thị là một trong những nội dung hàng đầu của quản lý đô thị. Nó bao gồm các việc như: ban hành các quy định về quản lý quy hoạch đô thị; lập và xét duyệt các đồ án quy hoạch và xây dựng đô thị; quản lý việc cải tạo, xây dựng các công trình đô thị theo quy hoạch được duyệt; bảo vệ cảnh quan và môi trường sống đô thị; quản lý việc sử dụng và khai thác các kết cấu hạ tầng - kỹ thuật đô thị; giải quyết tranh chấp, thanh tra và xử lý vi phạm những quy định về quản lý đô thị. Đối với Thành phố Hồ Chí Minh, việc quản lý quy hoạch xây dựng đô thị luôn trở thành chương trình nghị sự, bàn luận sôi nổi trong các kỳ họp quan trọng của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân; của các cơ quan, ban, ngành chức năng có liên quan. Hầu như ở tất cả các quận mới thành lập đều có sự điều chỉnh, sửa chữa, bổ sung về quy hoạch đô thị. Các dự án cải tạo, nâng cấp, xây dựng đô thị mới đều phải điều chỉnh, bổ sung. Mặc dù quy hoạch chỉ là dự kiến, nhưng trên thực tế hễ có quy hoạch thì có điều chỉnh, bổ sung; quy trình đó coi như phải làm lại từ đầu. Khi quy hoạch được điều chỉnh, bổ sung xong yêu cầu

* ThS, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Phân viện Thành phố Hồ Chí Minh
** Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Phân viện Thành phố Hồ Chí Minh


Digitized by Google

thực tế lại khác trước và lại phải điều chỉnh bổ sung tiếp. Rõ ràng, đối với một thành phố lớn như Thành phố Hồ Chí Minh, với tốc độ đô thị hóa nhanh chóng, với các luồng nhập cư tự do đổ về ngày càng lớn; với nhiều dự án, khu chế xuất, khu công nghiệp ra đời,... thì việc quy hoạch đô thị, quản lý đô thị ngày càng khó khăn. Cụm từ "hậu quy hoạch" xuất hiện ngày càng nhiều trong các dự án chỉnh trang, cải tạo, nâng cấp đô thị. Các vấn đề thường nảy sinh là: ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường sống, xóa nhà ổ chuột, nạo vét kênh mương, điều chỉnh hoặc xây dựng mới hệ thống cấp nước, thoát nước thải, bảo vệ các di sản văn hóa, các công trình kiến trúc, hình thành mạng lưới cây xanh, điều chỉnh dự án đường cao tốc, cầu vượt, đường hầm qua sông Sài Gòn, xe lửa trên không... Với sự phát triển tự phát như hiện nay, trong vòng 10 hoặc 20 năm tới, việc "xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh thành một thành phố tiêu biểu và vững chắc" như yêu cầu nêu trong Nghị quyết 01-NQ/TW, ngày 14-9-1992, của Bộ Chính trị về xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh quả thật không dễ dàng. Do đó, trong định hướng quy hoạch đô thị phải có sự tính toán, cân nhắc; có điều tra, khảo sát, bàn bạc kỹ trước khi đi đến quyết định quy hoạch. Việc quy hoạch xây dựng Thành phố cần đặt trong mối quan hệ với khu vực, với cả nước (và quốc tế) một cách chiến lược vừa đảm bảo tính chất đặc trưng của một địa bàn "hạt nhân" của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; vừa tính đến sự phân công hợp lý và hỗ trợ lẫn nhau. Mặt khác, việc quy hoạch thành phố phải tính đến bối cảnh của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ đang phát triển hiện nay. Định hướng xây dựng đô thị và quản lý đô thị của Thành phố phải mang tính đón đầu, phát huy tối đa tiềm năng và vị trí của Thành phố đối với cả nước và quốc tế. Phải biết tận dụng lợi thế của nước đi sau để tránh những hậu quả mà nhiều nước công nghiệp đi trước đã gặp phải trong chiến lược đô thị hóa tập trung. Quy hoạch tổng thể và các giải pháp kiến trúc của Thành phố cần thể hiện được tính dân tộc, tính nhân dân, tính thời đại; kết hợp các yếu tố về văn hóa, xã hội phù hợp với tổ chức lao động và tổ chức sinh hoạt, nghỉ ngơi, giải trí của nhân dân; bảo đảm tốt điều kiện môi sinh môi trường; đồng thời, đáp ứng những yêu cầu về mặt an ninh, quốc phòng. Trong quy hoạch xây dựng đô thị, cần chú ý những yếu tố trực tiếp như: mật độ quy mô dân số, hướng phát triển không gian đô thị, hướng bố trí dân cư, bố trí khu vực sản xuất công nghiệp, kết cấu hạ tầng...

***2 - Về quản lý hệ thống giao thông đô thị***

Sự phát triển giao thông đô thị ở một thành phố lớn như Thành phố Hồ Chí Minh không những là yêu cầu khách quan, mà còn thể hiện trình độ quản lý đô thị, trình độ văn minh đô thị. Theo số liệu của Bộ Công nghiệp, tính đến năm 2002, cả nước có khoảng 9,87 triệu xe gắn máy và riêng ở Thành phố Hồ Chí Minh, đã hơn 2,3 triệu chiếc. Tính ra, cứ 1 000 người dân thì có 500 xe gắn máy... Ngoài xe gắn máy và xe đạp, ở Thành phố Hồ Chí Minh còn phải kể đến hàng chục nghìn xe tải, xe khách, xe công-tai-nơ, xe chuyên dụng khác. Với mật độ giao thông quá tải như hiện nay, cộng với ý thức trách nhiệm về chấp hành luật lệ của người tham gia giao thông còn hạn chế là những nguyên nhân chính gây ra tai nạn giao thông trên địa bàn. Chỉ riêng năm 2001, Thành phố Hồ Chí Minh xảy ra 2 500 vụ tai nạn, làm chết 1 200 người và làm bị thương 2 700 người (trong đó có 1 900 trường hợp bị thương nghiêm trọng).

Giải quyết thực trạng giao thông Thành phố nêu trên không thể chỉ bằng những biện pháp tình thế như vừa qua (kiểu phân tuyến, phân luồng cho xe cơ giới, quy định thời gian lưu hành, bố trí thời gian lệch giờ làm việc đối với các cơ quan, ban, ngành, các trường học đóng trên địa bàn...). Vấn đề cơ bản là, cần có một chiến lược giao thông đô thị lâu dài chuẩn bị tốt cho tiến trình hội nhập và phát triển của Thành phố. Chú trọng phát triển mạng lưới giao thông đường thủy, đường bộ, đường hàng không. Tiếp tục phát triển mạng lưới đường bộ theo hướng


Digitized by Google

mở và nâng cấp đường vành đai, các tuyến giao thông nối với các khu công nghiệp, khu chế xuất; xây dựng các nút giao thông và các bãi đậu xe; nâng cấp các trục giao thông chính; xây dựng mạng lưới nhà ga, đường sắt vận tải hàng hóa nối kết với hệ thống đường sắt quốc gia; xây dựng quy hoạch phát triển hệ thống cảng sông, cảng biển, cảng chuyên dụng, nâng cấp sân bay Tân Sơn Nhất hiện đại, đạt tiêu chuẩn quốc tế. Bên cạnh đó, phát triển các phương tiện vận tải công cộng như: đầu tư trang bị thêm và mở rộng các tuyến xe buýt, lập dự án các tuyến xe bánh sắt trên cao, xe điện ngầm... Theo Sở Giao thông - Công chính, Thành phố Hồ Chí Minh hiện có 4 dự án liên quan đến việc quản lý mạng lưới giao thông: Dự án phát triển và cải thiện môi trường vận tải hành khách công cộng (đầu tư mới 1 700 xe buýt loại 50 chỗ ngồi với kinh phí khoảng 70 triệu USD theo nguồn vốn vay ODA của Nhật Bản); dự án phát triển hai tuyến mê-trô cho khu vực trung tâm Thành phố (với kinh phí khoảng 400 đến 600 triệu USD, bằng vốn đầu tư nước ngoài, dạng BOT); dự án xây dựng tuyến đường sắt Trảng Bom - Hòa Hưng (ước tính 8 000 tỉ đồng); đề án chi tiết mạng lưới hành khách công cộng đô thị đến năm 2010. Trong chiến lược giao thông, một dự án cải tạo môi trường giao thông đô thị do Trường Đại học Đrét-xđen phối hợp với Viện Khoa học Kinh tế giao thông vận tải thực hiện (dựa vào nguồn vốn tài trợ của bang Sach-xen - Cộng hòa Liên bang Đức): sẽ xây dựng hệ thống giao thông bánh sắt (gồm tàu điện ngầm, tàu điện chạy trên mặt đất và tàu điện chạy trên cao). Hai tuyến tàu điện ngầm chính với tổng chiều dài 117,6 km: tuyến một, theo trục Đông - Tây Thành phố từ Phú Lâm qua Chợ Lớn, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, vượt sông Sài Gòn sang Thủ Thiêm; tuyến hai, từ Quang Trung, qua khu vực sân bay Tân Sơn Nhất về ga Sài Gòn, qua Hàm Nghi, Nguyễn Tất Thành, đến Nam Sài Gòn (vành đai phía Tây nam). Dự án trên mở ra nhiều triển vọng và cơ hội cho việc khắc phục sự ùn tắc giao thông, cũng như sẽ làm thay đổi quan trọng bộ mặt của Thành phố.

***3 - Về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý đô thị***

Một trong những vấn đề mấu chốt trong quản lý đô thị là vấn đề cán bộ. Tất cả mọi hoạt động đều phụ thuộc vào con người. Vì vậy, trình độ phát triển đô thị và văn minh đô thị một phần cơ bản phụ thuộc vào trình độ của cán bộ quản lý đô thị. Ở Việt Nam nói chung, ở Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng, việc quản lý đô thị vẫn là một vấn đề mới mẻ. Đến nay, vẫn chưa có nơi nào chuyên đào tạo nghề quản lý đô thị chuyên ngành mà chỉ lác đác có một số khóa học bồi dưỡng về kiến trúc, về sinh vật cảnh, về môi trường... Do trình độ quản lý yếu kém, tình trạng vi phạm pháp luật, vi phạm quy hoạch đô thị ở Thành phố Hồ Chí Minh liên tục xảy ra. Việc xây dựng không phép, sai quy hoạch không được xử lý, hoặc xử lý không đến nơi đến chốn, không đúng, không công bằng đã dẫn tới hiện tượng lộn xộn (nhiều hộ xây bít cả đường đi, hệ thống cấp thoát nước, xây lấn cả kênh rạch, đường hẻm...) gây trở ngại lớn cho việc phòng chống hỏa hoạn, đi lại, bảo đảm môi trường sinh sống... Theo báo cáo của Sở Xây dựng Thành phố, có 81% số nhà dân xây dựng không phép, 19% xây dựng sai phép; cá biệt có địa phương số nhà xây dựng không phép chiếm tới 91%... Rõ ràng, theo phân cấp quản lý thì việc xử lý vi phạm thuộc thẩm quyền địa phương (cấp quận, huyện), nhưng thực tế hầu hết các địa phương đều chấp nhận giải pháp "phạt cho tồn tại". Đây cũng là nguyên nhân để các khu dân cư tự phát mọc lên ngày càng nhiều bất chấp pháp luật. Sự yếu kém đó ở địa phương có nhiều nguyên nhân. Có thể do tâm lý "dễ làm khó bỏ", có thể do quan hệ cá nhân (bà con, họ hàng, bạn bè, đồng nghiệp), nhưng cũng có nguyên nhân từ trình độ, năng lực yếu kém, trách nhiệm thấp của chính đội ngũ cán bộ đô thị. Một ý kiến đánh giá khá xác đáng rằng: Đội ngũ cán bộ các cấp hiện nay tuy có tiến bộ về số lượng và chất lượng, nhưng vẫn thiếu và còn nhiều hạn chế về năng lực, trình độ so với yêu cầu nhiệm vụ của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Phần lớn được đào tạo tại chức, một tỷ lệ khá lớn chưa đạt chuẩn


Digitized by Google

các chức danh theo quy định; tuổi cao, lực lượng dự bị hạn chế về kiến thức và năng lực; đặc biệt đội ngũ cán bộ phường, xã, nơi bổ sung nguồn cho cán bộ quận, huyện ngày càng bị hụt hẫng.

Vì vậy, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở là khâu quan trọng trong công tác đô thị. Để phát triển nguồn nhân lực quản lý đô thị Thành phố, cần tiến hành đồng bộ những biện pháp thiết thực. Chẳng hạn, từng bước nâng cao chất lượng tuyển dụng cán bộ; thực hiện định hướng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dài hạn theo quy hoạch; chú ý các đối tượng là lực lượng trẻ trong công nhân, lực lượng vũ trang, xã viên hợp tác xã, viên chức trẻ, sinh viên, học sinh ưu tú. Phát hiện và lựa chọn cán bộ cấp cơ sở có thành tích xuất sắc, có phẩm chất đạo đức tốt để đưa đi học, tạo nguồn cán bộ cho Thành phố. Cần xây dựng chương trình đào tạo cán bộ ngắn hạn và dài hạn theo các chuẩn chức danh; tăng cường đầu tư đổi mới nội dung, phương pháp nâng cao chất lượng dạy và học của Trường Đào tạo cán bộ Thành phố. Thực hiện biện pháp sàng lọc, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ bằng cách kiểm tra, đánh giá, thay thế những cán bộ yếu kém, sa sút phẩm chất đạo đức; kiểm tra chặt chẽ việc nâng ngạch, bậc, chuyển ngạch; bố trí công việc phù hợp với trình độ năng lực và phẩm chất đạo đức của cán bộ. Cần thực hiện công tác luân chuyển cán bộ, bổ nhiệm cán bộ có thời hạn, hình thành quy chế điều phối, luân chuyển cán bộ trong phạm vi toàn Thành phố.

***4 - Về cải cách thủ tục hành chính trong quản lý đô thị***

Đi liền với công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, cần đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong quản lý, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước. Trong xu thế phát triển hiện nay, với khối lượng công việc ngày càng nhiều, thì hình thức quản lý hành chính kiểu thủ công khó đem lại hiệu quả trong công tác quản lý đô thị. Vừa qua, mô hình cải cách thủ tục hành chính ở Thành phố Hồ Chí Minh đã thu được những thành công đáng kể. Các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố giảm từ 58 xuống 41 cơ quan; ở cấp quận, huyện từ 21 xuống 11 cơ quan. Thành phố đã tổ chức các khu hành chính tập trung theo mô hình "một cửa, một dấu" ở Ủy ban nhân dân quận, huyện. Trong cải cách thủ tục hành chính, Thành phố chú ý rà soát, bãi bỏ văn bản không hợp lý và ban hành công khai các văn bản mới; phân cấp tăng thêm quyền hạn cho quận, huyện về xây dựng cơ bản, nhà đất; thu, chi ngân sách...

Hiện nay, trong công tác quản lý đô thị hiện đại, nhiều nước áp dụng mô hình "chính phủ điện tử", đã đưa các hệ thống thông tin viễn thông hiện đại vào công tác quản lý hành chính... và thu được kết quả tích cực. Ở Thành phố Hồ Chí Minh, quận 1 là nơi đi tiên phong trong khâu đột phá về cải cách thủ tục hành chính. Từ bài học cải cách thủ tục hành chính "một cửa một dấu", hiện nay quận 1 đã áp dụng những tiêu chuẩn cao hơn. Bài học áp dụng tiêu chuẩn ISO-9000 vào 5 lĩnh vực nhạy cảm của dịch vụ hành chính công vừa qua ở quận Một (về chứng thực y sao, cấp giấy phép xây dựng, chứng nhận đăng ký kinh doanh, chứng nhận giấy đủ điều kiện hành nghề, cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất đai trên địa bàn...) là kinh nghiệm tốt để Thành phố tiếp tục nhân rộng mô hình này.

Trong cải cách thủ tục hành chính, cần rà soát, kiểm tra để loại bỏ những văn bản pháp quy đã lỗi thời; mạnh dạn thực hiện mô hình "một cửa, một dấu", nâng cao hiệu lực thi hành các văn bản pháp quy; tuyên truyền, giáo dục để thay đổi nhận thức, thái độ của người dân trong việc tiếp nhận mô hình quản lý "chính phủ điện tử". Điều cuối cùng là, cần đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ (trực tiếp hay gián tiếp) liên quan đến bộ phận hành chính công, để nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng tốt các yêu cầu công tác hành chính trong xã hội hiện đại, mà Thành phố Hồ Chí Minh là một địa bàn tiêu biểu. ❑


Digitized by Google

# CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN TRONG CUỘC ĐẤU TRANH THIẾT LẬP TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI HIỆN NAY

NGUYỄN VĂN DU *

TIẾN trình lịch sử thế kỷ XX đã để lại nhiều biến động to lớn, đặt nhiều cột mốc quan trọng trong sự phát triển của nhân loại. Bước ngoặt vĩ đại nhất là sự ra đời của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của phong trào giải phóng dân tộc đã đưa đến sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, xóa bỏ chủ nghĩa thực dân, đưa hàng loạt quốc gia từ địa vị nô lệ trở thành những quốc gia độc lập và là những chủ thể trong quan hệ quốc tế.

**Thế giới vẫn còn nhiều bất công và nghịch lý**

Bước sang thế kỷ XXI, bên cạnh những kỳ tích lớn lao, thế giới vẫn còn tồn tại nhiều bất công và nghịch lý. Hơn mười năm sau "chiến tranh lạnh", thế giới vẫn bị chi phối bởi các nước lớn mà nổi lên hàng đầu là vai trò của Mỹ với mưu đồ thiết lập một trật tự thế giới đơn cực do Mỹ lãnh đạo. Nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của các nước có độc lập chủ quyền, tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ của các nước hiện đang bị đe dọa bởi các cuộc can thiệp thô bạo, độc đoán và công khai dưới chiêu bài bảo vệ "dân chủ", "nhân quyền", "quyền của các dân tộc thiểu số", hoặc lấy cớ chống chủ nghĩa khủng bố để tấn công những quốc gia được coi là không thân thiện với Mỹ. Đây là những hành động bộc lộ rõ bản chất "sen đầm quốc tế", coi thường chủ quyền của các quốc gia, vi phạm nghiêm trọng luật pháp quốc tế và Hiến chương Liên hợp quốc. Trong bối cảnh đó, các nước đang phát triển đứng trước nhiều khó khăn, thách thức lớn. Độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia và các giá trị dân chủ bị vi phạm hoặc bị can thiệp thô bạo. Mâu thuẫn giữa chủ nghĩa bá quyền Mỹ với các lực lượng dân chủ tiến bộ, lực lượng bảo vệ hòa bình thế giới chống chính sách cường quyền nước lớn ngày càng sâu sắc. Nó phản ánh tính phức tạp, gay go, quyết liệt của cuộc đấu tranh giai cấp, dân tộc hiện nay.

Sự bất bình đẳng trong quan hệ quốc tế được biểu hiện trên nhiều bình diện, mức độ ngày càng sâu sắc. Đó là việc thực thi những nguyên tắc, chế định, hiệp định, những cam kết của các tổ chức tài chính - tiền tệ quốc tế theo hướng có lợi cho các nước phát triển; sự can thiệp thô bạo, áp đặt và bắt rập khuôn theo mô hình kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa. Sự bất bình đẳng còn thể hiện ở việc trao đổi không ngang giá hoặc ép giá, áp đặt điều kiện trong chuyển giao công nghệ, v.v..

Ngày nay toàn cầu hóa kinh tế đang diễn ra mạnh mẽ và tác động, làm thay đổi sâu sắc mọi lĩnh vực của đời sống quốc tế, lôi cuốn

* TS, Ban Tổ chức Trung ương


Digitized by Google

hầu hết các quốc gia tham gia. Toàn cầu hóa đang tạo ra cơ hội để các nước đang phát triển hội nhập nhanh chóng vào nền kinh tế thế giới và khu vực.

Tuy nhiên, quá trình toàn cầu hóa kinh tế đang bị chủ nghĩa tư bản và các tập đoàn xuyên quốc gia, đứng đầu là Mỹ chi phối. Toàn cầu hóa hiện nay gắn chặt với ý đồ bá quyền thế giới về kinh tế của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn quốc tế, đúng như Đại hội VI Đảng Cộng sản Liên bang Nga kết luận: "Thế giới đang nằm trong nanh vuốt của toàn cầu hóa đế quốc chủ nghĩa". Toàn cầu hóa đang làm tăng khoảng cách chênh lệch giữa giàu và nghèo, giữa các nước công nghiệp phát triển và các nước đang phát triển, giữa các khu vực và trong nội bộ mỗi quốc gia. Những món nợ chồng chất đổ lên đầu các nước đang phát triển ngày càng lớn. Toàn cầu hóa đang làm cho nền kinh tế các nước đang phát triển mất cân đối, tính độc lập tự chủ của các nước độc lập trẻ tuổi bị xâm hại, những đặc thù dân tộc có nguy cơ bị hòa tan. Dưới nhiều hình thức khác nhau, các nước tư bản phát triển áp dụng chủ nghĩa bảo hộ và phân biệt đối xử, tạo nên hàng rào ngăn chặn hàng hóa của các nước đang phát triển vào thị trường của họ. Hội nghị cấp cao Thiên niên kỷ năm 2000 cho biết, các rào chắn thương mại phần lớn do các nước phát triển dựng lên gây thiệt hại tới 650 tỉ USD đối với các nước đang phát triển và hạn chế các nước này tiếp cận thị trường thế giới. Thị trường nông nghiệp bị tác động mạnh nhất do 3/4 người nghèo trên thế giới sống ở nông thôn tập trung chủ yếu ở các nước đang phát triển làm nghề nông.

Một số nước lớn tự cho mình quyền áp đặt các điều kiện lên các dân tộc nhỏ yếu thông qua hợp tác, đầu tư, cho vay, chuyển giao công nghệ, hô hào tự do hóa thương mại, v.v.. Các luật lệ, chế định, những cam kết của các tổ chức tài chính - tiền tệ quốc tế đang dựa trên lợi ích của thiểu số nước lớn mà không hề tính đến lợi ích của các nước nghèo và chậm phát triển. Toàn cầu hóa đang đi liền với trật tự thế giới do Mỹ chi phối và làm trầm trọng thêm tình trạng đói nghèo, bất công, môi trường bị tàn phá nặng nề và làm gay gắt thêm các mâu thuẫn trên thế giới.

Các công ty đa quốc gia hàng đầu thế giới là lực lượng đóng vai trò quyết định trong sự vận hành của nền kinh tế thế giới. Chúng bành trướng thế lực với quy mô, địa bàn hoạt động rộng lớn từ thương mại, tài chính, tín dụng, đầu tư, chuyển giao công nghệ đến việc thâu tóm và chi phối các nền kinh tế nhỏ yếu, đặt các nước đang phát triển trong cuộc cạnh tranh không cân sức và tạo ra nguy cơ đánh mất bản sắc dân tộc và độc lập tự chủ của các quốc gia; đồng thời đẩy các hiện tượng tiêu cực của đời sống xã hội như tội phạm quốc tế, chủ nghĩa khủng bố, mại dâm, ma túy, bệnh tật, v.v.. mang tính quốc tế.

Sự thi hành chủ nghĩa tự do mới ở các nước Mỹ La-tinh đã đưa đến khủng hoảng kinh tế, chính trị - xã hội, điển hình là Ác-hen-ti-na. Chủ nghĩa tự do mới là một sự áp đặt của chủ nghĩa hiện đại do Mỹ đứng đầu, phục vụ cho các lợi ích của các tập đoàn tư bản độc quyền quốc tế, mà những tập đoàn này đang củng cố địa vị thống trị thông qua việc sử dụng xu thế tự do hóa. Với hai nội dung then chốt là tư nhân hóa và giảm vai trò can thiệp của nhà nước, chủ nghĩa tự do mới về kinh tế đã tạo cho Mỹ La-tinh hơn một thập kỷ ổn định tương đối trên lĩnh vực kinh tế vĩ mô nhưng cũng làm cho khu vực này xuất hiện nhiều vấn đề bất ổn. Sự trầm trọng hóa hàng loạt vấn đề xã hội, môi sinh, dân số, sự phân hóa giàu nghèo... đã làm xuất hiện nguy cơ bùng nổ xã hội. Đời sống dân chủ đất nước bị vi phạm bởi sự can thiệp của các thế lực cầm quyền có sự trợ giúp bên ngoài nhằm bảo vệ cho tầng lớp trên, đẩy nhân dân lao động vào bước đường


Digitized by Google

cơ cực. Phúc lợi xã hội bị cắt xén, bị thủ tiêu, lương công nhân và người lao động suy giảm, mức sống thấp kém, gần như bị đặt ra ngoài lề của sự phát triển.

Rõ ràng, chủ nghĩa tự do mới về kinh tế đã chưa thể giải quyết được các mâu thuẫn kinh tế, xã hội, không thể dung hòa với các mục tiêu phát triển, dân chủ và công bằng xã hội không chỉ ở Mỹ La-tinh mà cả trên phạm vi thế giới. Đây thực chất là những biểu hiện của chủ nghĩa thực dân mới trong xu thế toàn cầu hóa sau "chiến tranh lạnh". Hen Đai-trích, chuyên gia nghiên cứu chiến lược thuộc Trung tâm Nghiên cứu quốc tế Hoa Kỳ cho rằng: Nhu cầu bành trướng của xã hội tư sản ở thế kỷ XIX được thể hiện thông qua chủ nghĩa thực dân, ở thế kỷ XX thông qua chủ nghĩa đế quốc và hiện nay nó núp bóng dưới cái gọi là toàn cầu hóa. Điều đó hoàn toàn đúng.

Những vấn đề trên đang trở nên bức xúc trong một trật tự thế giới còn nhiều bất công, nghịch lý. Đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội vẫn là mục tiêu vừa cấp bách vừa lâu dài của các nước đang phát triển nói riêng và nhân loại tiến bộ nói chung hiện nay.

**Đấu tranh hướng tới một trật tự thế giới hòa bình, bình đẳng, dân chủ và tiến bộ xã hội**

Trong mấy thập niên gần đây, nội dung, hình thức đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội có nhiều thay đổi do những biến động to lớn và sự thay đổi tương quan lực lượng trên thế giới. Phong trào đấu tranh ở các nước đang phát triển ngày nay diễn ra sôi động dưới nhiều hình thức, nội dung phong phú, đa dạng và đưa lại nhiều kết quả khả quan. Đây là ba mặt có quan hệ gắn bó nhau. Không thể có dân chủ và tiến bộ xã hội khi độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia bị xâm phạm, bị lệ thuộc. Hướng tới một trật tự thế giới mới hòa bình, bình đẳng, dân chủ, hợp tác và phát triển là nguyện vọng tha thiết của nhân loại tiến bộ. Nổi bật nhất vẫn là phong trào đòi bình đẳng trong quan hệ kinh tế quốc tế, đòi được tự do lựa chọn con đường phát triển của mỗi dân tộc, chống áp đặt các điều kiện và can thiệp thô bạo vào công việc nội bộ của các nước nhỏ yếu. Đấu tranh chống đói nghèo, bệnh tật, giải quyết vấn đề nợ, từng bước rút ngắn khoảng cách giàu nghèo cách biệt trên thế giới, bảo vệ môi trường sinh thái v.v.. là những vấn đề cấp bách, nóng bỏng hiện nay trong các chương trình nghị sự của các hội nghị quốc tế lớn.

Các nước đang phát triển ở Á - Phi - Mỹ La-tinh đang tăng cường đoàn kết, tập hợp lực lượng trên các diễn đàn quốc tế, đấu tranh mạnh mẽ đòi các nước lớn, các thế lực tài chính - tiền tệ quốc tế phải có những điều chỉnh và chính sách cụ thể để giải quyết các vấn đề trên. Phong trào đấu tranh diễn ra sôi động trên nhiều diễn đàn quốc tế lớn những năm gần đây như Hội nghị thượng đỉnh Liên hợp quốc (9-2000), Diễn đàn của các nước G77 tổ chức tại La Ha-ba-na (Cu-ba, 2000). Nhiều vấn đề gay gắt được đặt ra trong chương trình nghị sự của Hội nghị toàn cầu ở Xi-a-tơn (12-1999), Hội nghị Thương mại và Phát triển lần thứ 10 của Liên hợp quốc tại Băng-cốc (Thái Lan, 2-2000), ở Giơ-noa (I-ta-li-a, 2001) và Hội nghị Phát triển bền vững ở Giô-han-ne-xbớc (Nam Phi, 2002), Hội nghị cấp cao Phong trào Không liên kết tại Ma-lai-xi-a (2003). Nhiều vấn đề nóng bỏng đã được đề cập tại hội nghị cấp cao G8 ở Pháp (2003) và gần đây tại vòng đàm phán thương mại toàn cầu ở Mê-hi-cô (2003)... Những diễn biến trên cho thấy, mục tiêu giải quyết vấn đề đói nghèo, bệnh tật, bảo vệ môi trường sinh thái, chống bất bình đẳng đang nổi lên thành những chủ đề chính trong đời sống quốc tế hiện đại, được cộng đồng quốc tế quan tâm sâu sắc.


Digitized by Google

Thông qua các diễn đàn lớn trên, các nước đang phát triển đã tập hợp lực lượng tạo thành đối trọng với chủ nghĩa tư bản độc quyền, đối phó với những mặt trái của quá trình toàn cầu hóa đang bị chủ nghĩa tư bản thao túng. Ngày nay, phong trào chống toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ, làm rung chuyển nhiều nước châu Âu. Họ lên án các nước tư bản phát triển lợi dụng toàn cầu hóa, sự giàu có và thế nước lớn để chi phối đời sống kinh tế - chính trị thế giới, làm trầm trọng thêm tình trạng đói nghèo, bất công và đòi hỏi các nước lớn phải có những nỗ lực để khắc phục tình trạng trên. Cuộc đấu tranh nhằm thiết lập một trật tự thế giới mà ở đó lợi ích của những nước đang phát triển, các nước nghèo phải được tôn trọng, được bảo vệ và bình đẳng dâng lên mạnh mẽ.

Đây là cuộc đấu tranh lâu dài, đầy khó khăn, đòi hỏi phải có những bước đi thích hợp, giành thắng lợi từng bước và có sự nỗ lực hợp tác giữa các nước đang phát triển với các lực lượng tiến bộ trên thế giới mới mang lại hiệu quả. Trước những thời cơ và thách thức của quá trình toàn cầu hóa, các nước đang phát triển một mặt chủ động tận dụng những cơ hội thuận lợi, mặt khác tìm mọi cách để khắc phục những mặt trái của quá trình toàn cầu hóa, phá bỏ mọi hàng rào ngăn cản, những yếu kém của mình để vươn lên.

Đối với những nước đang có khủng hoảng xung đột, phải giải quyết khủng hoảng bằng con đường hòa bình, thực hiện hòa hợp dân tộc, giữ vững ổn định chính trị, tránh để xảy ra các điểm nóng đưa đến việc quốc tế hóa vấn đề, tạo cớ để các thế lực bên ngoài lợi dụng, can thiệp, vi phạm nền độc lập chủ quyền dân tộc. Phải xây dựng một nhà nước dân chủ tiến bộ, quan tâm đến lợi ích của đại đa số nhân dân lao động; đấu tranh xóa bỏ các chế độ độc tài, quan liêu, tham nhũng, mất dân chủ đang còn tồn tại ở nhiều nơi; đấu tranh chống "diễn biến hòa bình" của chủ nghĩa đế quốc muốn lợi dụng vấn đề dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo để gây sức ép, can thiệp, chống phá các nước xã hội chủ nghĩa còn lại và những nước dân chủ khác.

Độc lập dân tộc ngày nay bao hàm cả độc lập về kinh tế. Đấu tranh thiết lập trật tự kinh tế thế giới mới bình đẳng là tiêu chí quan trọng của các nước đang phát triển hiện nay. Họ đòi được tự do lựa chọn mô hình kinh tế, không bị áp đặt điều kiện bởi các luật lệ, chế định, các hiệp định bất bình đẳng của các tổ chức chính trị, thương mại quốc tế do các nước phương Tây đặt ra. Đấu tranh đòi được trao đổi hàng hóa, giá cả bình đẳng v.v.. Ở phương diện chủ quan, các nước đang phát triển cần xây dựng chiến lược phát triển kinh tế đúng đắn, tích cực cải cách cơ cấu kinh tế, cải cách dân chủ; xây dựng và phát triển một nền kinh tế độc lập tự chủ; đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế phù hợp với trình độ phát triển, đặc điểm lịch sử - văn hóa của từng quốc gia; tăng trưởng kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường bền vững, có chính sách công bằng xã hội v.v..

Các nước đang phát triển hiện đang tích cực đấu tranh nhằm xây dựng các mối quan hệ kinh tế - thương mại - tài chính quốc tế lành mạnh, dân chủ. Họ yêu cầu cải tổ về tổ chức, sửa đổi và điều chỉnh những luật lệ bất bình đẳng trong các tổ chức tài chính, tiền tệ, thương mại quốc tế như IMF, WB, WTO... Xây dựng hệ thống quy tắc ứng xử đa phương theo hướng dân chủ, bình đẳng với tất cả các nước, không phân biệt đối xử giàu nghèo, góp phần làm lành mạnh hóa nền kinh tế - tài chính toàn cầu.

Tăng cường đối thoại và hợp tác Bắc - Nam, đoàn kết Nam - Nam để giải quyết hàng loạt vấn đề mang tính toàn cầu mà nổi bật là vấn đề nghèo đói và nợ nần. Đây là chủ đề được nhiều nước quan tâm trong các chương trình nghị sự của các hội nghị quốc tế lớn. Một


Digitized by Google

phong trào đòi các nước giàu có, các chủ nợ thuộc câu lạc bộ Pa-ri giảm nợ cho các nước đang phát triển diễn ra rầm rộ. Họ đấu tranh đòi giảm lãi suất các dịch vụ nợ, đòi hoàn trả nợ và được vay nợ mới, v.v.. Những nỗ lực đấu tranh đó đã phần nào gây được sức ép buộc các nước phát triển phải xem xét và nhượng bộ. Tại Hội nghị Thượng đỉnh G8 (1999) ở Bon, các nước này cam kết xóa 90% số nợ cho các nước nghèo nhất. Đến Hội nghị các nước G8 ở Ô-ki-na-oa (7-2000), họ tuyên bố kế hoạch cắt giảm 100 tỉ USD cho 41 nước nghèo nhất. Ngân hàng thế giới (WB) cam kết giảm 29 tỉ USD cho 35 nước nghèo nhất và mắc nợ nhiều nhất trong 5 năm tới. Đồng thời, với những cam kết trên, các nước phát triển như Pháp, Ca-na-đa, Anh v.v.. đã có những chương trình hứa hẹn cắt giảm hoặc xóa nợ cho những nước nghèo có liên quan...

Các nước đang phát triển đòi các nước phát triển thực hiện chính sách trợ giúp họ nâng cao khả năng thích nghi đầy đủ trong quan hệ quốc tế như giúp đỡ phát triển nguồn nhân lực, nâng cao trình độ và kinh nghiệm quản lý, chuyển giao công nghệ, sử dụng hiệu quả các công nghệ mới, tăng nguồn vốn đầu tư, kể cả ODA (các nước trong tổ chức OECD cam kết dành 0,7% của tổng GDP cho ODA); giúp các nước đang phát triển có khả năng tiếp cận và mở rộng thị trường, giúp đỡ có hiệu quả trong các chương trình quốc gia xóa đói giảm nghèo, nâng cao dân trí (Hội nghị Lương thực thế giới cam kết giảm số người nghèo đói xuống còn 1/2 so với hiện nay vào năm 2015, số người mù chữ giảm còn 50%); loại trừ các căn bệnh hiểm nghèo như đại dịch HIV/AIDS ; nâng cao tuổi thọ và mức sống, v.v..

Gần đây Ủy ban châu Âu đã phát động chương trình toàn cầu hóa không có nghèo khổ. Chương trình này kết hợp các chính phủ quốc gia, các tổ chức liên kết chính phủ, phi chính phủ, các nghị sĩ, quan chức địa phương và các cơ quan truyền thông đại chúng trong một nỗ lực chung nhằm đổi mới các cam kết của châu Âu đối với việc xóa bỏ nghèo đói toàn cầu.

Mục tiêu phấn đấu vì sự tiến bộ xã hội phải gắn với phong trào chống mặt trái của toàn cầu hóa và đấu tranh hạn chế bớt quyền lực của các công ty đa quốc gia đang ngày càng bành trướng thu nhập và nắm giữ nhiều huyết mạch kinh tế của các nước nghèo. Toàn cầu hóa phải theo hướng quan tâm hơn đến các vấn đề xã hội - con người, bảo vệ môi trường sinh thái; gắn tăng trưởng với phát triển bền vững, giải quyết vấn đề nghèo đói; tình trạng mất cân đối trong thu nhập giữa các nước giàu và nước nghèo cũng như trong nội bộ mỗi nước. Ngày nay, lực lượng tham gia phong trào ngày càng đông đảo, nhiều thành phần, tầng lớp, nhiều tổ chức chính trị, xã hội tiến bộ, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức công đoàn, bảo vệ môi trường, lực lượng cánh tả, một số tổ chức tôn giáo, các nhóm bảo vệ nhân quyền, các lực lượng đối lập, v.v.. tạo thành một tập hợp lực lượng to lớn có chung mục tiêu chống chủ nghĩa tư bản và mô hình chủ nghĩa tự do mới về kinh tế; về những hậu quả tiêu cực đối với nền kinh tế thế giới do toàn cầu hóa gây ra; đòi hỏi một xã hội công bằng dân chủ, kiểm soát chặt chẽ hơn quyền lực vô hạn của các công ty đa quốc gia; dân chủ hóa các tổ chức kinh tế thế giới và phân phối của cải thu nhập công bằng hơn... Điển hình của phong trào là cuộc biểu tình của 50 nghìn người tham gia trước Hội nghị Thượng đỉnh của WTO tại Xi-a-tơn (Mỹ), tháng 11-1999. Tới Hội nghị Thượng đỉnh G8 ở Giơ-noa (I-ta-li-a), tháng 7-2001, phong trào đã huy động hơn 150 nghìn người tham gia. Hội nghị Cấp cao G8 tại Pháp 6-2003 đã tạo nên bầu không khí nóng bỏng ở châu Âu. Những phong trào trên thực sự đã trở thành một làn sóng đấu tranh mạnh mẽ với


Digitized by Google

mục tiêu hướng tới một toàn cầu hóa chân chính, xóa bỏ sự bất bình đẳng trên thế giới... buộc các nước lớn phải chú ý và đồng thời có những nhượng bộ đáng kể.

Đấu tranh bảo vệ môi trường là một trong những vấn đề cấp bách hiện nay. Nhiều nhà khoa học kết luận chủ nghĩa tư bản là kẻ gây ra 80% số thảm họa môi trường và các nước đang phát triển phải gánh chịu hậu quả nặng nề nhất. Các nước đang phát triển chỉ trích các nước phát triển cố tình lảng tránh trách nhiệm về tình trạng xuống cấp của môi trường và đòi hỏi các nước này cùng các tổ chức quốc tế lớn phải có trách nhiệm khắc phục những hậu quả do họ gây ra. Từ Hội nghị Thượng đỉnh về môi trường ở Ri-ô đờ Gia-nê-rô (Bra-xin) năm 1992 đến nay, vấn đề môi trường luôn được coi là chủ đề quan trọng liên quan đến sự sống còn của nhân loại.

Vấn đề cải tổ và dân chủ hóa Liên hợp quốc là chủ đề được các nước đang phát triển quan tâm. Từ năm 1993, Liên hợp quốc đã thành lập Ủy ban cải tổ với mục đích làm cho Liên hợp quốc thực sự là tổ chức quốc tế lớn nhất, hành động vì hòa bình và phát triển trên thế giới. Liên hợp quốc quan tâm hơn đến vận mệnh của các quốc gia nhỏ yếu để những nước này có tiếng nói bình đẳng thực sự trong các vấn đề hệ trọng của thế giới và khu vực. Mặt khác, Liên hợp quốc cần đóng vai trò hiệu quả hơn trong quá trình thiết lập trật tự thế giới mới bình đẳng, dân chủ, tạo ra một diễn đàn cho sự lãnh đạo toàn cầu; khắc phục tình trạng mất cân đối trong cơ cấu quản lý toàn cầu; quan tâm và giải quyết có hiệu quả cuộc chiến chống đói nghèo được coi là bức xúc hiện nay. Trong phiên họp Đại Hội đồng Liên hợp quốc lần thứ 58 tại Niu Oóc (9-2003) đã nhấn mạnh đặc biệt đến vấn đề cải tổ Liên hợp quốc, đồng thời ngăn chặn sự gia tăng việc sử dụng vũ lực đơn phương và bất hợp pháp trong tương lai; mở rộng Hội đồng Bảo an bao gồm đại diện của các nước đang phát triển ở Á, Phi, Mỹ La-tinh.

Ngày nay, uy tín và vị thế của các nước đang phát triển không ngừng được nâng cao trên trường quốc tế. Sự trỗi dậy của ý thức độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia (bao hàm chủ quyền kinh tế) và sự đòi hỏi có tiếng nói bình đẳng trong quan hệ quốc tế đang làm cho các thế lực đế quốc, thực dân không thể lúc nào cũng tùy tiện áp đặt các điều kiện hay đơn phương giải quyết các vấn đề mang tính toàn cầu mà không có sự tham gia của các nước đang phát triển. Đấu tranh bảo vệ các nguyên tắc cơ bản của quan hệ quốc tế, tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, tôn trọng quyền tự quyết, quyền tự do lựa chọn con đường phát triển của mỗi dân tộc đang trở thành xu hướng nổi trội ngày nay.

Trong thế kỷ XXI, với sự nỗ lực hợp tác toàn cầu, nhân loại có mở ra bước đột phá để đạt được các tiêu chí trên hay không còn đòi hỏi các nước đang phát triển phải đoàn kết lực lượng, đấu tranh giải quyết được những mâu thuẫn cơ bản của thời đại.Trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế và toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ hiện nay, các nước đang phát triển chưa vượt ra khỏi hoàn cảnh khó khăn, phải đối mặt với sự cạnh tranh không cân sức, chịu nhiều áp lực từ phía các nước lớn. Do vậy, các nước cần xây dựng một chiến lược phát triển kinh tế đúng đắn với tinh thần giữ vững độc lập tự chủ, tự lực tự cường; có lộ trình và bước đi thích hợp; thực hiện những bước cải cách sâu rộng, phát huy sức mạnh nội lực kết hợp với nguồn lực bên ngoài nhằm tạo ra động lực phát triển kinh tế - xã hội bền vững... Đây sẽ là những nhân tố rất quan trọng góp phần tạo thành sức mạnh trong cuộc đấu tranh chung của nhân loại tiến bộ vì một trật tự thế giới hòa bình, độc lập dân tộc, bình đẳng, dân chủ, hợp tác và phát triển trong thời đại ngày nay. ❑


Digitized by Google

# Triển vọng của chủ nghĩa xã hội ở Cu-ba đầu thế kỷ XXI

ĐỨC GIANG

HƠN 80 năm tồn tại và phát triển, chủ nghĩa xã hội đã thực sự tạo nên những kỳ tích làm đổi thay số phận của nhiều dân tộc, mở ra kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập, dân chủ và quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Những thành tựu mà chủ nghĩa xã hội đạt được là ngọn đèn pha soi sáng con đường đấu tranh cho các dân tộc bị áp bức tự giải phóng mình khỏi ách đô hộ của chủ nghĩa thực dân cũ và mới. Công lao to lớn của chủ nghĩa xã hội là không thể phủ định. Giai đoạn thoái trào tạm thời và sự sụp đổ của một số chế độ xã hội chủ nghĩa không làm cho chủ nghĩa xã hội mất đi vị thế và lòng tin trong lòng nhân loại tiến bộ. Cùng với các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, Cu-ba vẫn vững vàng trước mọi thử thách. Sự đứng vững, trưởng thành và ngày càng phát triển của xã hội xã hội chủ nghĩa ở Cu-ba trước sức ép của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch càng chứng tỏ ưu thế vượt trội của chủ nghĩa xã hội. Nỗ lực của những người cộng sản ở Cu-ba là rất đáng trân trọng. Công cuộc chuyển đổi đang thực sự tạo ra triển vọng mới cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân Cu-ba. Chúng ta có đủ cơ sở để tin tưởng rằng, chủ nghĩa xã hội trên đất nước Cu-ba tiếp tục là một hiện thực, nhưng đó là một hiện thực đang đương đầu với nhiều thách thức. Thế và lực của Cu-ba trên con đường phát triển không chỉ tùy thuộc vào sự vận động tự thân của riêng Cu-ba. Bên cạnh những nhân tố chủ quan, áp lực quốc tế không phải nhỏ. Bước vào những thập niên đầu của thế kỷ XXI có thể nhận định, cách mạng Cu-ba đan xen cả những thuận lợi và khó khăn.

*1* - Sau một thời kỳ khủng hoảng, thậm chí có giai đoạn khủng hoảng sâu sắc đến mức tưởng chừng không thể vượt qua (1990 - 1993), Cu-ba vẫn đứng vững, từng bước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, và đã bắt đầu tìm được con đường đi riêng phù hợp với điều kiện đặc thù của dân tộc và đất nước mình. Tốc độ tăng trưởng kinh tế trong những năm cuối cùng của thế kỷ XX đều đạt ở mức khoảng 4,7%, những năm đầu của thế kỷ XXI, do hậu quả của cơn bão "Mi-sen", tác động của "sự kiện ngày 11-9-2001" và sự suy thoái kinh tế chung trong khu vực, khiến tốc độ tăng trưởng kinh tế của Cu-ba không cao, nhưng vẫn đạt ở mức 1,5% (1), thâm hụt ngân sách giảm từ 33,5% GDP (năm 1993) xuống còn 3% (năm 2002), tỷ lệ thất nghiệp giảm từ 6% (năm 2000) xuống còn 3,5% (năm 2002) (2). Mặc cho sức ép của chủ nghĩa đế quốc dù có tạo cho cách mạng Cu-ba những khó khăn nhất định, nhưng những thành tựu to lớn mà nhân dân Cu-ba đạt được sau những năm chuyển

(1) Xem Tạp chí *Mỹ La-tinh*, số 1-2003, tr 9 (tiếng Nga)
(2) Xem *Tạp chí Cộng sản*, số 1 (1-2004), tr 71


Digitized by Google

đổi đã khẳng định xu thế phát triển của cách mạng Cu-ba trên con đường quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội là điều không thể đảo ngược.

*2* - Đảng Cộng sản Cu-ba là chính đảng cách mạng lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin, lý luận khoa học của thời đại làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động cách mạng của mình. Đảng trưởng thành từ thực tiễn đấu tranh giải phóng dân tộc, gắn bó máu thịt với nhân dân; lấy mục tiêu phục vụ vô điều kiện lợi ích của nhân dân làm định hướng và mục tiêu phấn đấu, làm cơ sở để quy tụ và tập hợp mọi lực lượng cách mạng. Qua thử thách trong quá trình điều chỉnh và chuyển đổi, Đảng Cộng sản Cu-ba đã tỏ rõ bản lĩnh và trí tuệ của một đảng cách mạng dày dạn kinh nghiệm, đủ sức lãnh đạo dân tộc mình đương đầu với mọi thách thức. Với tư cách một đảng mác - xít chân chính, Đảng Cộng sản Cu-ba đang anh dũng tiến hành một cuộc cách mạng thực sự nhằm trẻ hóa, trí tuệ hóa, đổi mới và chỉnh đốn Đảng, loại ra khỏi Đảng những người thoái hóa biến chất, lấy lại niềm tin trong nhân dân sau một giai đoạn suy thoái và trì trệ, nâng cao sức mạnh chiến đấu của Đảng. Thành tựu mà cách mạng Cu-ba đạt được là bằng chứng nói lên điều đó. Một chính đảng thực sự cách mạng, có trí tuệ, có bản lĩnh, trung thành với lợi ích của nhân dân, đứng vững trên lập trường thế giới quan khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin nhất định sẽ vững vàng trước mọi thử thách.

*3* - Cách mạng Cu-ba đang vững bước tiến về phía trước trong xu thế khác về chất so với những năm cuối thế kỷ XX. Chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Việt Nam và Trung Quốc đã thoát ra khỏi khủng hoảng và đạt được những thành tựu trên con đường phát triển. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chính quyền của nhân dân, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của các chính đảng mác - xít chân chính, thực sự mở ra một giai đoạn mới. Con đường quá độ để các dân tộc bị áp bức tiếp tục đi lên chủ nghĩa xã hội từ thực tiễn của đổi mới và cải cách đang là một hiện thực. Nếu cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 là cột mốc đánh dấu giai đoạn mở đầu của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới thì thành công của đổi mới và cải cách ở các nước xã hội chủ nghĩa chắc chắn sẽ là một dấu son ghi nhận sự khám phá, cải cách và đổi mới của chủ nghĩa xã hội trên con đường đổi mới, phát triển. Từ trong thực tiễn đổi mới, chúng ta đã nhận thấy con đường quá độ ở một tầm cao mới đang được hình thành. Cách mạng Cu-ba nhất định không thể tách rời xu thế phát triển chung của sự nghiệp đổi mới. Bài học và những kinh nghiệm thành công của đổi mới chủ nghĩa xã hội sẽ lan tỏa, tạo ra động lực thúc đẩy phong trào cách mạng toàn thế giới. Khủng hoảng về mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội từng bước đang có lời giải đáp. Chỗ dựa tin cậy cả về mặt lý luận và thực tiễn đối với cách mạng Cu-ba đang ngày càng được củng cố vững chắc.

*4* - Mặc dù còn nhiều khiếm khuyết trong quá trình phát triển, nhưng thành tựu mà sự nghiệp cách mạng của nhân dân Cu-ba đạt được trong những năm qua là rất quan trọng. Hơn ai hết, nhân dân Cu-ba hiểu rất rõ giá trị độc lập tự do mà họ giành được. Chỉ có những ai đã từng phải chịu tủi nhục của kẻ nô lệ mới thấm hết ý nghĩa của tự do. Trên thực tế, có lúc dời sống của nhân dân Cu-ba chưa cao bằng các quốc gia có nền kinh tế phát triển. Nhưng, họ được hưởng những quyền lợi mà trước đó họ chưa từng biết đến. Lần đầu tiên trong lịch sử, họ đã có một chính đảng tuyệt đối trung thành với lợi ích của những người lao động. Qua thử thách Đảng Cộng sản Cu-ba tỏ rõ, ngoài việc phục vụ vô điều kiện lợi ích của nhân dân, Đảng không có lợi ích nào khác. Đảng đã đem đến cho nhân dân quyền làm chủ vận mệnh của đất nước, làm chủ bản thân, quyền tự do công dân, quyền bình đẳng


Digitized by Google

dân tộc. Nhân dân Cu-ba được hưởng chế độ chăm sóc y tế miễn phí và một nền giáo dục ưu việt. Bình quân 180 người dân có một bác sĩ chăm sóc, tỷ lệ tử vong của trẻ sơ sinh là 6,2‰. Đến cuối những năm 1990 trong nước có 37 trường đại học và gần 9 500 trường phổ thông cơ sở, bình quân cứ 100 người lao động có 7 người tốt nghiệp đại học và 13 người có trình độ trung cấp kỹ thuật. Phụ nữ ngày càng đóng vai trò quan trọng trong đời sống xã hội Cu-ba, chiếm 66% tổng số chuyên gia trong lĩnh vực kinh tế quốc gia, 30% tổng số cán bộ nghiên cứu khoa học, 60% tổng số sinh viên các trường đại học và cao đẳng (3). Mặc dù kinh tế đất nước còn khó khăn, nhưng Chính phủ Cu-ba vẫn dành 11,4% GDP cho giáo dục và 17,6% GDP cho y tế (4). Đó chính là nền tảng tạo nên gốc rễ sâu bền trong lòng các thế hệ công dân ý thức giác ngộ chính trị, tinh thần dân tộc và chủ nghĩa yêu nước. Nhờ có những tố chất gắn bó như máu thịt ấy mà Đảng và nhân dân đã tạo thành một khối vững chắc. Sức mạnh của lòng tự hào dân tộc được nâng cao. Kẻ thù không thể chia rẽ, lôi kéo, xuyên tạc và phá hoại những thành quả của cách mạng. Qua thử thách trong sóng gió và bão táp của thời kỳ khủng hoảng, chuyển đổi và cải cách vừa qua, có thể khẳng định, kết cấu hạ tầng về mặt xã hội ở Cu-ba là rất vững chắc. Lý tưởng cộng sản, tinh thần độc lập dân tộc và chủ nghĩa yêu nước đã trở thành pháo đài khó có thể phá vỡ. Sức sống của chủ nghĩa xã hội trên "Hòn đảo Tự do" này vẫn sẽ là tiền đồn của sự nghiệp đấu tranh vì chính nghĩa ở Tây bán cầu.

*5* - Đành rằng chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ, hiện đang tạm thời thắng thế, nhưng lịch sử của những thập niên đầu thế kỷ XXI chắc chắn sẽ không diễn ra như những thập niên cuối thế kỷ XX. Chủ nghĩa xã hội và phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, đấu tranh vì dân chủ và tiến bộ xã hội không còn ở thế bị động. Công cuộc đổi mới và cải cách ở Trung Quốc, Việt Nam và một số nước khác khác đang mở ra con đường mới đi lên chủ nghĩa xã hội. Cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân Pa-le-xtin, Áp-ga-ni-xtan, I-rắc... tuy tính tự giác và sự liên kết chưa cao, nhưng tính chất phản kháng của nó đã ngày càng gay gắt và quyết liệt. Người lao động ở nhiều nước tư bản và ngay cả các nước đồng minh thân cận của Mỹ, như Đức và Pháp, cũng tỏ rõ thái độ bất hợp tác với hành động của Mỹ đối với các nước này. Điều đó cho thấy, xu thế của phong trào cách mạng ở những thập niên đầu thế kỷ XXI đang có những chuyển động tích cực. Nó chứng tỏ sự áp đặt cường quyền kiểu Mỹ không thể tồn tại lâu bền. Khủng bố và chủ nghĩa khủng bố chính là hệ quả tiêu cực của chính sách áp đặt do Mỹ khởi xướng. Chưa bao giờ nước Mỹ phải đối phó với những thách thức nghiêm trọng như hiện nay. Sự bất ổn và mất an ninh đối với Mỹ diễn ra ở ngay chính trong lòng nước Mỹ và nhiều nơi khác trên thế giới. Bộ mặt thật về dân chủ và nhân quyền kiểu Mỹ ngày càng bị bóc trần. Từ ở vị thế của kẻ chủ động sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, nay Mỹ đang rơi vào thế thụ động. Càng hô hào quốc tế hóa vấn đề Áp-ga-ni-xtan, I-rắc... bao nhiêu, Mỹ càng bộc lộ sự thiển cận và phá sản của tham vọng hiếu chiến bấy nhiêu. Những diễn biến của tình hình quốc tế đang diễn ra ngay từ những năm đầu thế kỷ XXI cho phép chúng ta dự báo, chủ nghĩa đơn cực và sự áp đặt kiểu Mỹ trong quan hệ quốc tế nhất định sẽ bị phá sản. Phong trào cách mạng của nhân dân thế giới và chủ nghĩa xã hội sẽ ngày càng phát triển. Đó chính là chỗ dựa và là hậu thuẫn vững chắc của cách mạng Cu-ba.

---

(3) Xem Tạp chí *Mỹ La-tinh*, số 1-2003, tr 12 (tiếng Nga)

(4) Xem *Tạp chí Cộng sản*, số 1 (1-2004), tr 73


Digitized by Google

*6* - Thế giới đang chứng kiến những đổi thay kỳ diệu do cuộc cách mạng khoa học - công nghệ mang lại. Trong những thập niên vừa qua, lợi thế của sự phát triển dựa vào những thành tựu khoa học và công nghệ đa phần thuộc về các tập đoàn tư bản xuyên quốc gia và những nước tư bản phát triển. Bước sang thế kỷ XXI, toàn cầu hóa kinh tế và những tác động đa chiều của nền kinh tế thị trường mang tính quốc tế hóa, đang từng bước phá vỡ sự độc quyền về khoa học - công nghệ. Đối với các nước đi sau và các nước chậm phát triển, đó vừa là thách thức, nhưng đồng thời cũng là lợi thế, cơ hội chưa từng có trong lịch sử. Mặc dù chưa mạnh về khoa học - công nghệ, nhưng nếu biết đầu tư có trọng điểm, biết khai thác tốt những thành quả của khoa học - công nghệ, biết "đi tắt, đi đón đầu"... Cu-ba hoàn toàn có thể tận dụng được những cơ hội tốt để phát triển. Khai thác thành quả của cách mạng khoa học - công nghệ nhất định còn khó khăn, nhưng chắc chắn là điều sẽ làm được. Chủ động sử dụng thành quả của khoa học - công nghệ đang là cơ hội tốt để phát triển của không riêng quốc gia nào, trong đó có Cu-ba.

Như vậy, bước sang thế kỷ XXI, cách mạng Cu-ba có nhiều ưu thế hơn so với giai đoạn chủ nghĩa xã hội lâm vào khủng hoảng. Đổi mới đã giúp những người cộng sản Cu-ba tìm ra con đường vượt qua khủng hoảng. Trong đó, nhờ đổi mới đã thực sự trưởng thành về nhận thức lý luận, về năng lực tổ chức điều hành và cả về bản lĩnh chính trị. Sức sống của chủ nghĩa xã hội và phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa đơn cực, vì độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội đang hồi sinh. Trong bối cảnh ấy, nếu biết đoàn kết và khai thác tất cả mọi nguồn lực trong nước, kết hợp chủ nghĩa yêu nước, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, với chủ nghĩa xã hội... Cách mạng Cu-ba nhất định sẽ phát triển ở một tầm cao mới. Chủ nghĩa xã hội vẫn tỏa sáng ở phía Tây bán cầu đầy sóng gió trước mọi thách thức từ chủ nghĩa đế quốc.❑

## CÔNG TÁC QUY HOẠCH CÁN BỘ...

*(Tiếp theo trang 61)*

cán bộ, nhất là đối với cán bộ ở cơ sở. Đào tạo cán bộ vừa phải coi trọng trang bị kiến thức chuyên môn, chính trị, vừa phải kết hợp rèn luyện trong thực tiễn, trong phong trào quần chúng. Chính vì vậy, phải tiếp tục thực hiện tốt việc luân chuyển, tăng cường cán bộ xuống các địa bàn huyện, xã vừa là để tăng cường sức mạnh cho cơ sở, vừa để cán bộ được rèn luyện, thử thách, qua đó mà trưởng thành hơn. Đồng thời, cũng phải thực hiện tốt việc đánh giá, bổ nhiệm lại nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, các ngành.

Thực hiện tốt chế độ, chính sách cán bộ như: thu hút cán bộ đến làm việc ở Lào Cai, bố trí, sắp xếp học sinh là con em các dân tộc của Lào Cai đã tốt nghiệp các trường cao đẳng, đại học phù hợp với điều kiện của tỉnh; chính sách hỗ trợ kinh phí đào tạo cho cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ nữ. Khẩn trương xây dựng nhà công vụ ở các xã giúp cho cán bộ có điều kiện thuận lợi hoàn thành tốt nhiệm vụ. Các cơ quan chức năng cần rà soát lại một số chế độ của tỉnh để kịp thời điều chỉnh, bổ sung bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.

Các cấp ủy phải quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và thường xuyên kiểm tra thực hiện công tác cán bộ nói chung và công tác quy hoạch cán bộ nói riêng. Trước mắt, cần chuẩn bị tốt nhân sự cho việc bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân 3 cấp năm 2004 bảo đảm chất lượng, cơ cấu hợp lý giữa các lĩnh vực phù hợp với một tỉnh có nhiều dân tộc... tạo ra sự bình đẳng và cùng phát triển.

Làm tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí sử dụng cán bộ, chắc chắn trong những năm tới, Lào Cai sẽ có đội ngũ cán bộ đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn tỉnh.❑



Digitized by Google

# CÔNG TY DỊCH VỤ
# TRUYỀN THANH - TRUYỀN HÌNH HÀ NỘI
## HANOI BROADCASTING & TELEVISION SEVICES COMPANY

Địa chỉ: 30 Trung Liệt - Quận Đống Đa - Hà Nội * ĐT:84.4. 5 735 374 - Fax: 84.4. 5 735 374

Công ty Dịch vụ Truyền thanh - Truyền hình Hà Nội (BTS) được UBND Thành phố giao nhiệm vụ làm chủ Dự án Xây dựng hệ thống ***Truyền hình cáp hữu tuyến*** ( **CATV**) và hệ thống ***truyền thanh không dây*** tại Thành phố Hà Nội và có nhiệm vụ thực hiện các hoạt động kinh doanh, dịch vụ như:

- Kinh doanh thiết bị truyền thanh, phát thanh, truyền hình, thiết bị ngành văn hóa - viễn thông, thiết bị vật tư phục vụ sản xuất, dịch vụ vận tải.
- Tư vấn, thiết kế, thi công các công trình mạng nội bộ, truyền hình cáp, các công trình truyền thanh có dây và không dây.
- Sản xuất, khai thác chương trình và bản quyền truyền hình.
- Dịch vụ quảng cáo trên các đài phát thanh, truyền hình cả nước.

***Truyền hình Cáp Hà Nội*** với thiết kế theo tiêu chuẩn kỹ thuật và công nghệ Châu Âu có thể truyền tải từ ***40*** đến ***60 kênh*** chương trình. Dự kiến đến năm 2005 sẽ có 120 - 150 000 thuê bao trên mạng và đến năm 2010 có 500 000 thuê bao CATV và nhiều dịch vụ khác. Hiện, đang phát 16 kênh chương trình đặc sắc, trong đó có HCTV (kênh phim truyện, thể thao sản xuất riêng cho CATV), StarMovie, Discovery, MTV, Starport, CartoonNetwork... Trong thời gian tới, phát triển nhiều dịch vụ trên mạng. Đặc biệt, ***Dịch vụ in-tơ-nét*** tốc độ cao trên mạng CATV đã tiến hành thử nghiệm, sẽ được đưa vào khai thác trên mạng truyền hình cáp Hà Nội, với những ưu điểm nổi trội như ***tốc độ truy cập cao, cước phí rẻ*** và đặc biệt là ***không phát sinh*** các cuộc gọi điện thoại quốc tế.

Đến tháng 2/2004, đã có ***30 568*** thuê bao CATV- Hà Nội được lắp đặt trên hầu khắp địa bàn Thành phố. Năm 2004 dự kiến lắp đặt ***60 000*** thuê bao CATV và ***20*** Trạm Truyền thanh không dây.

**NHỮNG ĐỊA CHỈ ĐĂNG KÝ LẮP ĐẶT CATV:**

**TẠI QUẬN ĐỐNG ĐA, HÀ NỘI:**

Số 4 Chùa Bộc, Đống Đa, Hà Nội * Tel: (04) 573 5371; 573 5372

**TẠI QUẬN HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI:**

Số 4 Đồng Nhân, Hai Bà Trưng, Hà Nội * Tel: (04) 821 6219

**TẠI QUẬN THANH XUÂN, HÀ NỘI:**

Số 183 Nguyễn Ngọc Nại, Thanh Xuân, Hà Nội * Tel: (04) 565 738

5 Tô Vĩnh Diện, Thanh Xuân, Hà Nội * Tel: (04) 565 7024

**TẠI QUẬN LONG BIÊN, HÀ NỘI:**

Số 86 Ngõ 154 Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội * Tel: (04) 650 1204

Digitized by Google

# CÔNG TY CẤP NƯỚC LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 3, Đinh Tiên Hoàng, TP. Đà Lạt, Lâm Đồng * ĐT: (063) 826 836; 822 240; 821 831 * Fax: (84-63) 824 050

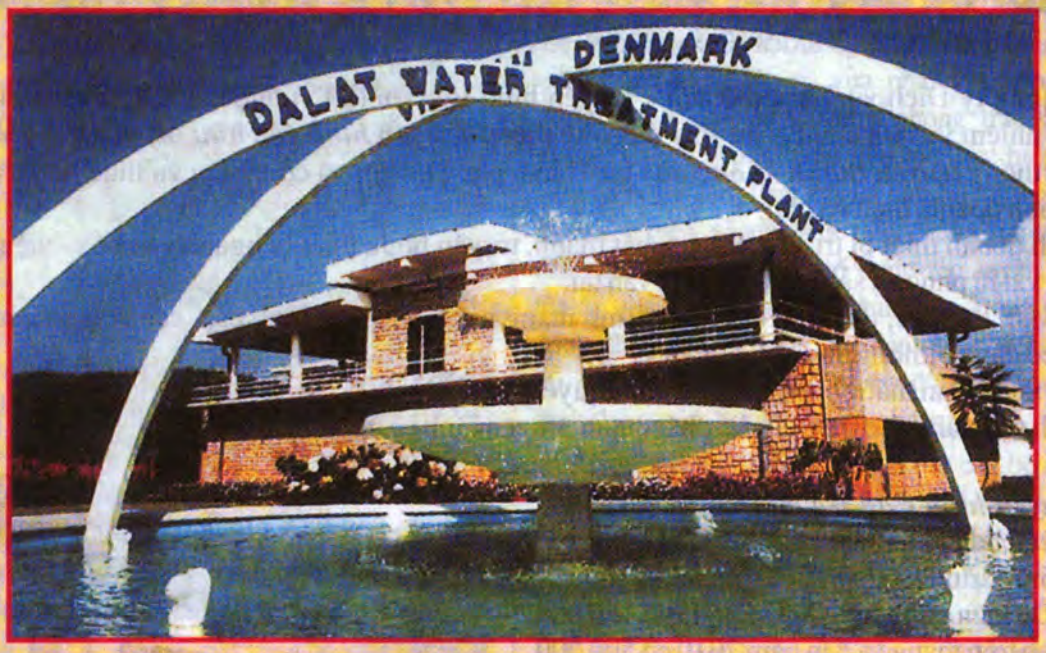


## SẢN XUẤT - KINH DOANH

☆ Là DNNN hoạt động công ích với chức năng sản xuất - kinh doanh nước máy.

☆ Những năm qua, đơn vị luôn hoàn thành kế hoạch, mặc dù còn nhiều khó khăn, nhất là thiếu vốn đầu tư

☆ Năm 2003, Cty đã hoàn thành dự án xây dựng Nhà máy nước Đà Lạt, mở rộng sản xuất, triển khai Dự án xây dựng nâng cấp mở rộng Nhà máy nước ở thị xã Bảo Lộc từ 3 000$m^3$ / ngày đêm lên 5 000$m^3$ / ngày đêm.

☆ Sản lượng nước máy năm sau tăng hơn năm trước 10% và vượt kế hoạch tỉnh giao từ 5 - 7%.

☆ Tỉ lệ thất thoát nước ở mức 18 - 20% giảm so với chỉ tiêu từ 3,5 - 6%.

☆ Mức doanh thu từ 19,9 tỉ đồng (năm 2000) nâng lên 24,7 tỉ đồng (năm 2002).

☆ Mục tiêu 80% dân số đô thị được sử dụng nước máy, từ năm 2000, tăng thêm 3 000 hộ dùng nước máy mỗi năm, đưa số khách hàng lên 36 300 hộ vào tháng 6-2003, tăng 8 870 hộ so với năm 2000.

## CÔNG TÁC ĐẢNG

☆ Công ty Cấp nước Lâm Đồng coi trọng công tác xây dựng Đảng trong đơn vị. Đã tổ chức cho 100% số đảng viên và 85% số công nhân viên học Nghị quyết của Đảng.

☆ Công tác phát triển Đảng đã được làm tốt từ chi bộ. Nhiệm kỳ vừa qua đơn vị đã kết nạp được 20 đảng viên mới trong đó có 9 đoàn viên Đoàn Thanh niên Cộng sản, đưa tổng số đảng viên từ 35 ở đầu nhiệm kỳ lên 55 đảng viên.

☆ Trình độ của đảng viên cũng được nâng lên về chuyên môn và về lý luận. Hầu hết đảng viên mới kết nạp đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

*Trong nhiệm kỳ 2003 - 2005, để phát huy những thành quả đã đạt được, toàn thể đảng viên, CB - CNV Cty Cấp nước Lâm Đồng cố gắng tiếp tục đạt hiệu quả cao trong sản xuất - kinh doanh và công tác xã hội; quyết tâm xây dựng Đảng bộ và doanh nghiệp cũng như các tổ chức chính trị mạnh về tư tưởng, vững về tổ chức, để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.*

Digitized by Google

FICO

TỔNG CÔNG TY VLXD SỐ 1

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

# thanh thanh

THANH THANH GLAZED TILE JOINT - STOCK COMPANY

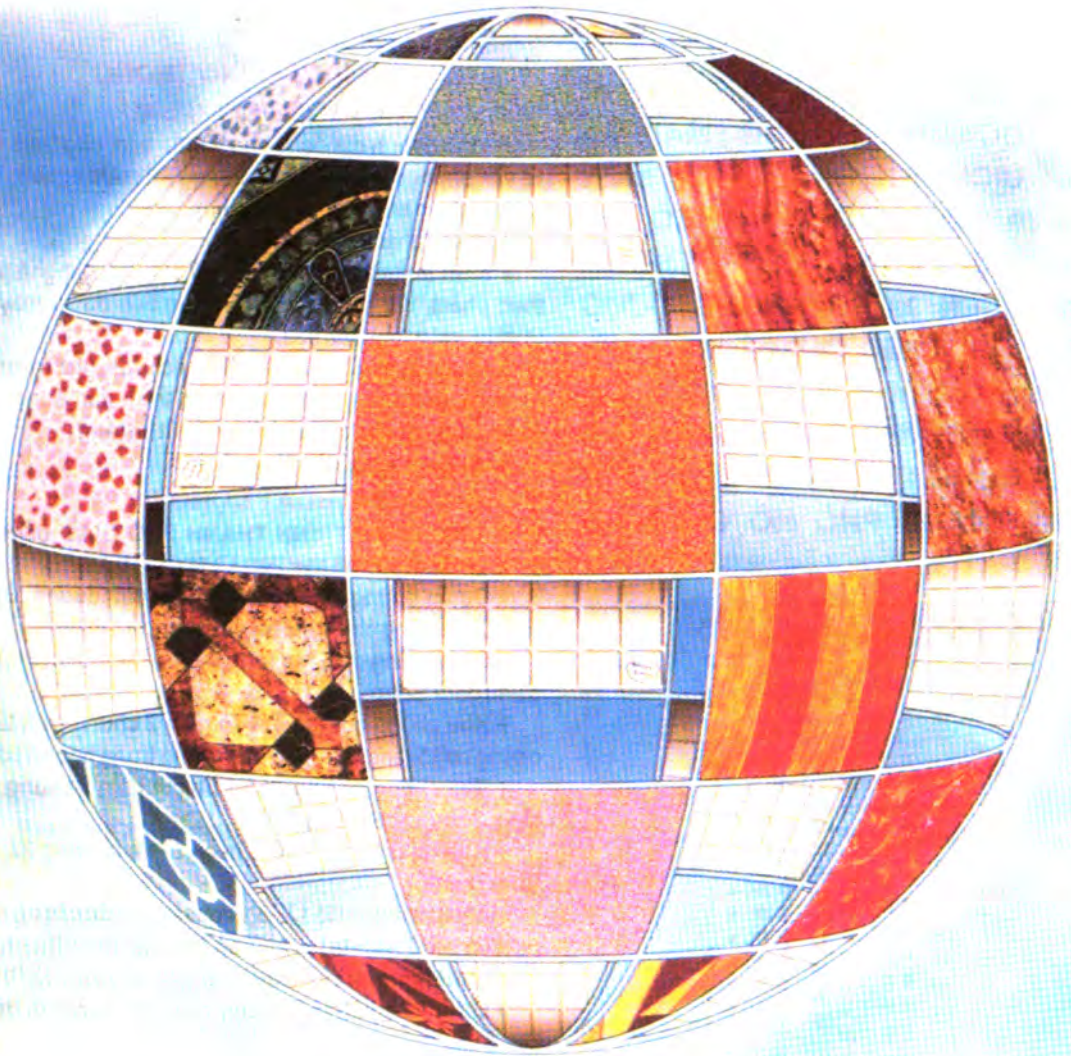

đem vẻ đẹp đến tương lai

ĐỊA CHỈ: KCN BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI - ĐT: 061 836 066; 836 550 - FAX: 061 836 305

Digitized by Google

# CÔNG TY SẢN XUẤT KINH DOANH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ XNK THANH NIÊN XUNG PHONG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

## HO CHI MINH CITY VOLUNTARY YOUTH COMPANY (V.Y.C)

TRỤ SỞ CHÍNH: 922 NGUYỄN TRÃI, QUẬN 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH * ĐT: (84.8) 8 558 643 - 8 554 800 * FAX: (84.8) 8 550 776

GIÁM ĐỐC: TRƯƠNG VĂN HỌC

**CÔNG TY SẢN XUẤT KINH DOANH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ XNK THANH NIÊN XUNG PHONG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRỰC THUỘC LỰC LƯỢNG THANH NIÊN XUNG PHONG ĐƯỢC THÀNH LẬP THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: 01/QĐ.UB NGÀY 10 - 2 - 1995 CỦA UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (GỌI TẮT LÀ CÔNG TY THANH NIÊN XUNG PHONG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (V.Y.C)).**

### A. HOẠT ĐỘNG TRONG CÁC LĨNH VỰC SAU:

+ Kinh doanh địa ốc, dịch vụ mua bán, cho thuê nhà ở và văn phòng làm việc (kể cả cho người nước ngoài).

+ Kinh doanh dịch vụ xuất nhập khẩu.

+ Đầu tư phát triển đô thị.

+ Kinh doanh nông - lâm - hải sản, công nghệ phẩm, thực phẩm, vật liệu xây dựng, hàng tiêu dùng, máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu.

+ Kinh doanh dịch vụ du lịch, khách sạn, nhà hàng.

+ Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình kỹ thuật hạ tầng.

+ Mua bán xăng, dầu nhớt các loại.

### B. CÁC HOẠT ĐỘNG CỤ THỂ:

**1. CÁC CÔNG TRÌNH THÀNH PHỐ GIAO CÔNG TY THANH NIÊN XUNG PHONG LÀM CHỦ ĐẦU TƯ:**

+ Dự án đường Lê Thánh Tôn nối dài (đường Nguyễn Hữu Cảnh) tổng chiều dài tuyến đường là 3 690m.

+ Dự án nâng cấp, mở rộng đường Điện Biên Phủ tổng chiều dài 2 529m.

+ Khu chung cư Ngô Tất Tố gồm 2 chung cư 6 tầng, 1 chung cư 15 tầng, 1 trường phổ thông trung học cơ sở.

+ Khu chung cư Phạm Viết Chánh gồm 2 chung cư 15 tầng, 2 chung cư 6 tầng.

+ Khu tái định cư ABC 4 héc - ta tại phường 22, quận Bình Thạnh.

+ Khu tái định cư lô 13, lô 14 phân nền các căn hộ chung cư diện tích 3 héc - ta tại phường 22, quận Bình Thạnh.

+ Khu chung cư Lý Chiêu Hoàng tại quận 6, 3 lô 10 tầng.

+ Dự án liên tỉnh lộ 25, tổng chiều dài tuyến đường 7,2 km; 2 cầu.

**2. KINH DOANH ĐỊA ỐC:**

+ Đầu tư xây dựng kinh doanh và cho thuê các căn hộ biệt thự, căn hộ chung cư cao tầng, văn phòng làm việc, cửa hàng....

**3. KINH DOANH XĂNG DẦU:** Cửa hàng xăng dầu 153 Trường Chinh.

**4. DỊCH VỤ DU LỊCH:**

+ Du lịch TNXP ( VYC) - 178 - 180 Nguyễn Cư Trinh, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, tổ chức các tour du lịch trong và ngoài nước.

+ Khách sạn LaVy - 2B Lữ Gia, thành phố Đà Lạt.

+ Khu Reson Sơn Thủy, thành phố Vũng Tàu.

Digitized by Google

# TỔNG CÔNG TY CAO SU VIỆT NAM

## CÔNG TY CAO - SU KRÔNG BUK

Địa chỉ: Xã EaHố - huyện Krông Năng - tỉnh Đắk Lắk * Điện thoại: (050) 675 151- 675 138 * Fax: (050) 675 251

- Với diện tích 2 629 héc-ta cao-su, trong đó có 1 665 héc-ta đã được khai thác và một nhà máy chế biến mủ cao-su có công suất từ 1 500 đến 2 000 tấn/năm, chất lượng hàng đạt chứng chỉ kiểm phẩm.
- Với diện tích 600 héc-ta cà phê Ca-ti-mo, trong đó 390 héc-ta đã đưa vào kinh doanh vườn cây đạt chất lượng tốt. Hiện nay, Công ty đang triển khai xây dựng Nhà máy Chế cà phê Ca-ti-mo công nghệ nước ngoài, có công suất 1 500 - 2 000 tấn/năm.
- Dự án chăn nuôi đàn bò thịt từ 800 đến 1 000 con, hiện nay đã có 200 con bò giống lai sin.

**Công ty Cao - su Krông Buk sẵn sàng liên doanh và quan hệ hợp tác với các thành phần kinh tế trong và ngoài nước trên các lĩnh vực.**

# CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN

## CHOLON INVESTMENT & IMPORT EXPORT COMPANY

## CHOLIMEX

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi P.11 Q.5 TP. Hồ Chí Minh * Tel: (08) 8551 829; 8575 753; 8547 100; 8547 101; 8547 102 * FAX: 8555 682

Website: www.cholimex-vn.com-www.cholimex.com.vn-Email:cholimex-tpd@hcm.vnn.vn-cholonco@hcm.vnn.vn

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

- XÍ NGHIỆP CHẾ BIẾN HẢI SẢN & THỰC PHẨM XUẤT KHẨU
- XÍ NGHIỆP MAY CHOLIMEX
- XÍ NGHIỆP CƠ ĐIỆN VÀ TIN HỌC
- XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG CHOLIMEX
- TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI CHỢ LỚN
- TRUNG TÂM GIAO DỊCH THỦY SẢN CẦN GIỜ
- TRUNG TÂM GIAO DỊCH ĐỊA ỐC
- TRUNG TÂM GIỐNG THỦY SẢN CHOLIMEX (NINH THUẬN)
- XƯỞNG CHẾ BIẾN NÔNG SẢN XUẤT KHẨU
- KHU CÔNG NGHIỆP VĨNH LỘC
- NÔNG TRƯỜNG CHOLIMEX
- TRẠI TÔM CHOLIMEX
- CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU CHỢ LỚN

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BÌNH ĐỊNH

**BINH DINH SUGAR JOINT STOCK COMPANY**

**Địa chỉ: Km 52 - quốc lộ 19 - Tây Giang - Tây Sơn - Bình Định Việt Nam**

**Điện thoại: 056.884375 - 884378 * Fax: 056.884380 * Email: bisuco@dng.vnn.vn**

Tổng Giám đốc: KS. **PHẠM NGỌC LIÊN**

## LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Sản xuất đường cát trắng: 30 000 - 35 000 tấn sản phẩm/năm.
- Sản xuất các sản phẩm sau đường:
  + Phân vi sinh: 5 000 tấn/năm.
  + Ván ép: 5 000 $m^3$/năm.
  + Cồn công nghiệp: 6 000 000 lít/năm.
- Sản xuất bao bì, nhựa PE, PP và các loại bao bì khác phục vụ công nghiệp, chế biến nông sản...
- Sản xuất đồ mộc dân dụng.
- Mua bán hàng nông sản, thực phẩm, nước có ga, bia, rượu các loại.
- Mua bán thuốc trừ sâu, phân bón.
- Hỗ trợ đầu tư và phát triển nguyên liệu phục vụ sản xuất, chế biến đường, nông lâm sản.
- Kinh doanh xăng dầu, vật tư kỹ thuật ngành mía đường.
- Sản phẩm của Công ty đã được các đơn vị, các nhà thương mại và người tiêu dùng trong nước hoan nghênh, uy tín sản phẩm ngày càng nâng cao, hàng hóa được tiêu thụ trong cả nước. Riêng sản phẩm đường cát trắng được, trao Giải thưởng Vàng tại Hội chợ Triển lãm quốc tế về thực phẩm công nghệ chế biến, vệ sinh an toàn thực phẩm VietFood 2000 tổ chức tại Hà Nội, Giải thưởng Chất lượng Việt Nam 2002, được chứng nhận nhãn hiệu có uy tín tại Việt Nam năm 2003.

*Văn phòng Công ty*

*Biểu tượng SP của Công ty*

*Nhà máy Ván ép 5 000 $m^3$/năm*

# VIỆN CHIẾN LƯỢC VÀ CHÍNH SÁCH Y TẾ

**Địa chỉ: 138 Giảng Võ - Đống Đa - Hà Nội : Điện thoại: (04).845 5055 * Viện trưởng: GS.TSKH NGUYỄN VĂN THƯỜNG**

**VIỆN CHIẾN LƯỢC VÀ CHÍNH SÁCH Y TẾ ĐƯỢC THÀNH LẬP THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 203/1998/QĐ-TTG, NGÀY 30 - 11 - 1998**

## QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN VIỆN CHIẾN LƯỢC CHÍNH SÁCH Y TẾ ĐẾN NĂM 2010

### 1 - MỤC TIÊU CHUNG:

Viện Chiến lược và Chính sách y tế trở thành viện đầu ngành trong việc nghiên cứu, giúp lãnh đạo Bộ Y tế hoạch định chiến lược chính sách y tế. Viện có cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật đồng bộ, có đội ngũ nghiên cứu viên giỏi, nhiều kinh nghiệm về lĩnh vực nghiên cứu, đánh giá chính sách, cung cấp luận cứ khoa học và thực tiễn nhằm bổ sung, sửa đổi, hủy bỏ hoặc đề xuất mới những chiến lược chính sách chăm sóc bảo vệ sức khỏe nhân dân.

### 2 - MỤC TIÊU CỤ THỂ:

- Xây dựng cơ cấu tổ chức bao gồm các khoa học, phòng, trung tâm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Viện, đáp ứng cho việc nghiên cứu các lĩnh vực thuộc về chiến lược chính sách của ngành y trong thời kỳ mới.
- Tuyển chọn, đào tạo lại, đào tạo mới đội ngũ nghiên cứu viên đủ về số lượng, giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, có đội ngũ cộng tác viên về chiến lược chính sách của ngành y tế.
- Xây dựng kết cấu hạ tầng, trang thiết bị của Viện đáp ứng nhu cầu phát triển trong 10 năm tới.

### 3 - CÁC GIẢI PHÁP CHÍNH, BƯỚC ĐI THỰC HIỆN

**- Những giải pháp chính:**

+ Xây dựng chức năng, nhiệm vụ từng khoa, nhanh chóng đưa Viện đạt trình độ nghiên cứu đứng đầu về chiến lược và chính sách của ngành y tế.

+ Tăng cường đội ngũ cộng tác viên là các chuyên gia của ngành y tế thuộc các lĩnh vực khác nhau.

+ Đẩy nhanh tiến độ xây dựng nơi làm việc của Viện.

+ Tăng cường hợp tác quốc tế trên lĩnh vực nghiên cứu, đào tạo, huy động nguồn vốn cho sự phát triển của Viện.

**- Giai đoạn 2002 - 2005:**

+ Tuyển chọn bồi dưỡng nhân lực chuẩn bị cho sự ra đời các khoa và các trung tâm.

+ Xây dựng dựng trụ sở làm việc của Viện ở địa điểm mới với trang thiết bị đồng bộ kèm theo.

Digitized by Google

# CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT
## TỈNH TÂY NINH

Địa chỉ: 167 Đại lộ 30/4-Thị xã Tây Ninh ĐT: 822327 - 827536

KINH CHÚC QUÝ ĐỒNG BÀO
THAM GIA XỔ SỐ KIẾN THIẾT
TỈNH TÂY NINH
*May Mắn Và Hạnh Phúc*

**Giám đốc**
**Nguyễn Hữu Tài**

Digitized by Google

Bí thư: **BÙI NGỌC LÂM**
ỦY VIÊN BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

# THỊ XÃ HÒA BÌNH

**Địa chỉ: Đường Cù Chính Lan - thị xã Hòa Bình - tỉnh Hòa Bình * Điện Thoại: 018 852 114 * Fax: 018 853 828**

**Lãnh đạo thị xã tặng quà cho các đồng chí tân binh**

*Năm 2003, năm "bản lề" thực hiện Nghị quyết Đại hội XIX Đảng bộ thị xã, Nghị quyết Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, sự quản lý điều hành của chính quyền và công tác vận động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, nhân dân các dân tộc thị xã Hòa Bình đoàn kết, năng động, sáng tạo, phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu KT-XH, an ninh, quốc phòng năm 2003. Cụ thể là:*

** Về Kinh tế: Đạt mức tăng trưởng kinh tế 12%, trong đó:*

*+ Thương mại-dịch vụ tăng 25,8%, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ tăng 20,5%*

*+ Nông - Lâm nghiệp, tiếp tục phát triển, đạt mức tăng trưởng 5%.*

*+ Cơ cấu kinh tế từng bước chuyển dịch theo hướng tăng nhanh tỷ trọng thương mại, dịch vụ và công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, giảm tỷ trọng nông lâm nghiệp, kinh tế đô thị đang hình thành.*

** Về xây dựng cơ bản: Thị xã Hòa Bình đã có 98% số hộ dân có điện tiêu dùng, 100% trường học được xây dựng kiên cố, hàng chục ki-lô-mét đường giao thông nông thôn được bê-tông hóa bằng phương châm: "Nhà nước và nhân dân cùng làm".*

** Về Giáo dục- Y tế:*

*+ Tỷ lệ học sinh giỏi, giáo viên giỏi, học sinh trúng tuyển vào các trường đại học, cao đẳng, trung học dạy nghề ngày càng tăng. Thị xã hoàn thành và được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học cơ sở.*

*+ Công tác y tế cộng đồng được đẩy mạnh, hiện có 12/14 trạm y tế xã, phường có bác sĩ. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm nhanh từ 54% xuống còn 24%; tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên ở mức 0,75%.*

** Về Văn hóa- Xã hội:*

*+ Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, có 57,1% số gia đình văn hóa; 18 xóm, khối phố đạt tiêu chuẩn văn hóa; 96% số hộ có phương tiện nghe nhìn, 14/14% số xã phường có trạm truyền thanh cơ sở. Đặc biệt năm 2003, thị xã đã phối hợp tổ chức thành công các nội dung đua xe đạp tại SEA Games 22.*

*+ Các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, cứu trợ nhân đạo thu hút đông đảo quần chúng nhân dân hưởng ứng, thể hiện truyền thống tốt đẹp của dân tộc.*

*+ Chương trình quốc gia về xóa đói giảm nghèo được thực hiện có hiệu quả, giải quyết việc làm cho 3 856 lao động (trong đó xuất khẩu 227 lao động).*

** Tổng thu ngân sách nhà nước thực hiện 23 320 triệu đồng, tăng 120% so với năm 2002.*

**NĂM 2004, ĐẢNG BỘ, CHÍNH QUYỀN VÀ NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA BÌNH TIẾP TỤC PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG ANH HÙNG , KHAI THÁC MỌI NGUỒN LỰC, TIỀM NĂNG, TẬP TRUNG SỨC MẠNH ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI MỘT CÁCH BỀN VỮNG, XỨNG ĐÁNG LÀ TRUNG TÂM CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI CỦA TỈNH HÒA BÌNH.**

Digitized by Google

# CÔNG TY NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

ĐC: Vườn Đào - Bãi Cháy - Hạ Long - Quảng Ninh * ĐT: 033.846 711; 847 038; 846 887; 862 018 * Fax: 033.847 311

CÔNG TY NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

*Công ty Nước khoáng Quảng Ninh là một trong những doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh nước khoáng thiên nhiên đã được Nhà nước cho phép công bố về chất lượng sản phẩm hàng hóa. Trong nhiều năm qua, các sản phẩm của Công ty luôn ổn định về chất lượng, cùng với phong cách phục vụ tận tình, chu đáo, hợp lý vì vậy các sản phẩm của Công ty đang là mặt hàng đáng tin cậy cho nhiều khách hàng trong và ngoài nước.*

*Qua 15 năm nỗ lực phấn đấu, Công ty Nước khoáng Quảng Ninh đã liên tục tăng trưởng, với tốc độ tăng trưởng hàng năm từ 15%- 20%, lãi thực hiện trên 6% mỗi năm; năm 2003, Công ty đã sản xuất và tiêu thụ được 13 140 000 lít nước khoáng đóng chai các loại (đạt 190% kế hoạch, tăng 150% so với cùng kỳ năm trước), 680 000 lít nước khoáng thô, 72 116 000 lít nước siêu sạch; doanh thu đạt 138,5% kế hoạch cấp trên giao, thu nhập bình quân người lao động đạt 1 350 000 đ/ người/ tháng.*

Lễ đón nhận Huân chương Lao động, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và Cúp Vàng Chất lượng Việt Nam

Cúp Vàng Giải thưởng Chất lượng Việt Nam 2002

Cúp Vàng Giải thưởng Chất lượng Việt Nam 2003

Hàng Việt Nam Chất lượng cao 2003 do người tiêu dùng bình chọn

## SẢN PHẨM CỦA CÔNG TY BAO GỒM

### NƯỚC KHOÁNG THIÊN NHIÊN SUỐI MƠ:

*Được khai thác và sản xuất từ giếng khoan số 45, có độ sâu140m trên một ngọn núi ở khu vực Bãi Cháy, bên bờ Vịnh Hạ Long kỳ thú và xinh đẹp. Đây là nguồn nước quý hiếm mà thiên nhiên ban tặng. Sản phẩm được sản xuất theo công nghệ USA do Cơ quan Nghiên cứu vũ trụ hàng không NASA sáng chế, có tác dụng tốt đến sức khỏe mọi người.*

### NƯỚC KHOÁNG THIÊN NHIÊN QUANG HANH CÓ GA:

*Được khai thác và sản xuất từ giếng khoan số 4 Quang Hanh- Cẩm Phả - Quảng Ninh. Sản phẩm giàu chất khoáng (nồng độ muối khoáng trên 4000 mg/lit). Có tác dụng: Giải khát, lợi tiểu, điều hòa chức năng tiêu hóa, chống say nắng, say sóng, viêm gan, mật, dạ dày, có thành phần i-ốt phòng chống bướu cổ.*

**Với quan điểm : Chất lượng là sự sống còn và phát triển của doanh nghiệp. Công ty đã chú trọng đầu tư hiện đại hóa công nghệ - thiết bị , đào tạo, nâng cao trình độ kỹ thuật cho người lao động, áp dụng triệt để, nghiêm túc hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001: 2000, Với phương châm ngày càng phục vụ tốt hơn các nhu cầu thiết yếu của người tiêu dùng.**

**Hiện tại, Công ty có khoảng gần 1000 đại lý và hộ tiêu thụ tham gia lưu thông, phân phối sản phẩm của Công ty đến tận tay người sử dụng.**

*LIÊN KẾT VÀ HỢP TÁC VỚI CÁC BẠN HÀNG TRONG LĨNH VỰC SX-KD ĐANG LÀ SỰ HƯỚNG PHÁT TRIỂN RỘNG MỞ, THIẾT THỰC CỦA CÔNG TY!*

# Công ty

# DƯỢC VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ QUÂN ĐỘI

Trụ sở chính: Số 1 Trần Thánh Tông - Hai Bà Trưng - Hà Nội * Điện thoại:(069) 555 015 - 555 081 - (04) 821 087- 971 5826
Fax: (04) 971 0839 * E-mail: amephaco@hn.vnn.vn
Phòng Kinh doanh Xuất nhập khẩu: (04) 971 7439 * Fax: (04) 971 7436
Chi nhánh tại Tp.Hồ Chí Minh: Số 112 Trần Hưng Đạo Q1 Tp.Hồ Chí Minh
Điện thoại: (069) 667 282 - (08) 837 9138 * Fax: (08) 920 3341

*Bộ trưởng Bộ Quốc phòng kiểm tra hoạt động sản xuất của Công ty*

*Sản xuất thuốc bằng máy ép vỉ*

*Sản xuất thiết bị y tế máy tự động CNC*

*Sản xuất bơm tiêm dùng một lần*

**CÔNG TY DƯỢC VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ QUÂN ĐỘI LÀ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC TRỰC THUỘC TỔNG CỤC HẬU CẦN - BỘ QUỐC PHÒNG, ĐƯỢC THÀNH LẬP THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 470/QĐ-QP NGÀY 17-4-1996 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG.**

## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH, DỊCH VỤ CHÍNH:

- Sản xuất, kinh doanh dược phẩm, thuốc thực phẩm, tẩy rửa tiệt trùng môi trường, diệt khuẩn trong y tế và gia dụng, thuốc phòng dịch bệnh.
- Sản xuất, kinh doanh thiết bị môi trường trong y tế và dân dụng.
- Sản xuất các loại mỹ phẩm
- Xuất nhập khẩu nguyên liệu, thành phẩm, phụ liệu, bao bì về dược và trang thiết bị y tế.

## CÔNG TY GỒM 3 XÍ NGHIỆP THÀNH VIÊN:

**- XÍ NGHIỆP DƯỢC PHẨM 120:**

Đang xây dựng GMP-ASEAN
Số 1 Trần Thánh Tông - Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại: (069) 555 300
Fax: (04) 971 0839

**- XÍ NGHIỆP DƯỢC PHẨM 150:**

Đang xây dựng GMP ASEAN
Số 112 Trần Hưng Đạo - Q1 - Tp.Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 836 7413.
Fax: (08) 836 8437

**- XÍ NGHIỆP THIẾT BỊ Y TẾ 130:**

Xã Ngọc Hồi - Thanh Trì - Hà Nội
Điện thoại: (04) 861 5303; (04) 861 4173
Năm 2000 đạt ISO 9002; Năm 2002 đạt ISO 9001:2000
Đầu tư tài chính lập công ty liên doanh với Hàn Quốc: VINAHAKOOK MEDICAL SUPPLIES Co.,Ltd chuyên sản xuất bơm tiêm dùng 1 lần và dụng cụ y tế.

*Giường chăm sóc bệnh nhân nặng chạy điện - Huy chương Vàng Hội chợ Quốc tế Hàng công nghiệp Việt Nam 2003*

*Một số sản phẩm thuốc của Công ty*

Digitized by Google

# THỊ XÃ HÀ ĐÔNG

**Trụ sở Thị ủy Đường Bà triệu, TX. Hà Đông, Hà Tây * Điện thoại: (034) 521 412, 821 176 * Bí thư Thị ủy: ĐỖ VĂN THÂN**

Năm 2003, mặc dù còn nhiều khó khăn, nhưng bằng sự nỗ lực phấn đấu Đảng bộ và nhân dân thị xã Hà Đông đã đạt được những thành tích sau:

KINH TẾ

+Tổng sản phẩm GDP tăng 14,5%, GDP bình quân đầu người đạt 1 075 USD.

+ Cơ cấu kinh tế: Công nghiệp xây dựng chiếm 53%; thương mại - dịch vụ - du lịch chiếm 43%; nông nghiệp chiếm 4%.

+ Giá trị tổng sản lượng sản xuất công nghiệp tiểu thủ công nghiệp ngoài quốc doanh: Tăng 30,65% so với năm 2002 và tăng 11,45% so với kế hoạch; trong đó, giá trị hàng xuất khẩu đạt 47,614 tỉ đồng, tăng 70,14% so với cùng kỳ năm 2002 và tăng 19,03% so với kế hoạch.

+ Giá trị tổng sảng lượng nông nghiệp: Tăng 0,86% so với cùng kỳ năm trước, tăng 0,14% so với kế hoạch tỉnh giao. Tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt 7 614 tấn, đạt 91,7% so với kế hoạch.

+ Kinh doanh dịch vụ, thương mại: Phát triển khá ở tất cả các thành phần kinh tế.

+ Công tác thu chi ngân sách: Đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển kinh tế- xã hội và quốc phòng an ninh.

CÔNG TÁC XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ ĐÔ THỊ

+ Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo cương quyết, dứt điểm việc giải phóng mặt bằng Khu Đô thị mới Văn Quán - Yên phúc bàn giao cho chủ đầu tư xây dựng.

+ Thực hiện xong các dự án đường 6, đường Ngô Thì Nhậm, các dự án kịp thời phục vụ Sea Games 22...

VĂN HÓA - XÃ HỘI, AN NINH QUỐC PHÒNG

+ Sự nghiệp giáo dục - đào tạo phát triển.

+ Công tác y tế, văn hóa-thông tin truyền thanh, thể dục thể thao hoạt động có hiệu quả.

+ Quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG

+ Triển khai thực hiện và sơ kết kịp thời các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương.

+ Có nhiều biện pháp nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng.

NĂM 2004 LÀ NĂM ĐÁNH DẤU NHỮNG MỐC SON QUAN TRỌNG TRONG LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN CỦA THỊ XÃ HÀ ĐÔNG

+ Ngày 1-12-2003 thực hiện Nghị định 107/2003/NĐ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính, thị xã đã chính thức thành lập thêm 2 phường: Hà Cầu, Vạn Phúc và tiếp nhận 3 xã: Phú Lương, Phú Lãm (huyện Thanh Oai), xã Yên Nghĩa (huyện Hoài Đức).

+ Kỷ niệm 100 năm thành lập thị xã và 50 năm Ngày Giải phóng thị xã (06-10-1954 - 06-10-2004).

+ Đảng bộ và nhân dân thị xã Hà Đông quyết tâm thực hiện tốt những nhiệm vụ, mục tiêu đã đặt ra trong năm.

Digitized by Google

SI 30

LOGÔ NHÀ MÁY GẠCH SAO ĐỎ

# TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM

# CÔNG TY VẬT LIỆU CHỊU LỬA VÀ KHAI THÁC ĐẤT SÉT TRÚC THÔN

## VIETNAM STEEL CORPORATION

## TRUCTHON REFRACTORY & CLAY EXPLOITATION COMPANY

Địa chỉ: Xã Cộng Hòa - huyện Chí Linh - tỉnh Hải Dương
Add: Cong hoa commune - Chi Linh district- Hai Dương Province- S.R. Of Vietnam
Tel:(+84)0320.882 243 * Fax :(+84)0320.883 163 * Email: Tructhon@hn.vnn.vn

## LỜI GIỚI THIỆU

**Công ty VLCL và KTĐS Trúc Thôn là doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Thép Việt Nam. Trải qua hơn 40 năm sản xuất và xây dựng, Công ty được Nhà nước tặng nhiều huân chương lao động, bằng khen. Công ty có đội ngũ công nhân và cán bộ có bề dày kinh nghiệm.**

## INTRODUCTISON

**Tructhon Refactory and Clay Exploitation Company is State Company under Vietnam Stell Corpation. Spending 40 years of production and construction, the company has been awarded many Labour Decorations and Congratulatory Certificates by the Government. The Company leadership and workers are of proven experience.**

## TRỤ SỞ CÔNG TY

THE COMPANYS HEADQUARTERS

## SẢN PHẨM CHÍNH CỦA CÔNG TY:

**1. Gạch men ốp lát cao cấp nhãn hiệu Sao Đỏ được sản xuất trên dây chuyền thiết bị và công nghệ I-TA-LI-A, TÂY BAN NHA. Sản phẩm đa dạng về chủng loại, tiêu chuẩn kỹ thuật châu Âu, quản lý chất lượng ISO 9001: 2000.**

**2. Khai thác chế biến đất sét trắng Trúc Thôn và đất chịu lửa Trúc Thôn.**

**3. Sản xuất vật liệu chịu lửa Sa mốt và bột vữa chịu lửa các loại.**

**4. Sản xuất đất đèn các loại.**

**5. Khai thác và chế biến Đolomit Thanh Hóa**

**Các sản phẩm trên được đăng ký chất lượng theo tiêu chuẩn Việt Nam.**

*Chúng tôi hân hạnh được phục vụ Quý Khách !*

**1: High quality floor and wall tiles with its trademark "RedStar"have been produced on the synchronous equipment lines system and technology of Italy and Spain. The products are diversified of types and produced under technical Europenan Standard, quality management ISO 9001: 2000**

**2: Expliting, processing Tructhon white clay and Tructhon refactory clay.**

**3: Producing Samod refractory material and Refactory mortar powder or every type.**

**5: Exploiting and processing Thanhhoa dolomite.**

**All the above products have been issued quality registers according to Vietnamese Standards by the Government.**

*We are pleased to serve everyone !*

## MỘT SỐ SẢN PHẨM CỦA CÔNG TY

## SOME PRODUCTS OF THE COPANY

**GẠCH ỐP LÁT CERAMIC** | **KHAI THÁC ĐẤT SÉT TRẮNG** | **GẠCH DẪN RÓT THÉP** | **GẠCH SAMỐT A**

Digitized by Google

HX
9
H68B

# Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

25-4-2004

UNIV. OF MICH.
JUN 07 2004
CURRENT SERIALS

8
4-2004

TẤT CẢ CỬ TRI HĂNG HÁI THAM GIA BẦU CỬ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP

Digitized by Google

UNFPA

# DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN

Digitized by Google

**THÁNG RA 2 KỲ**

RA NGÀY 1 VÀ 16 HẰNG THÁNG

SỐ 707

8

4-2004



- **BỘ BIÊN TẬP :**
  52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
  Điện thoại : (04) 7 753 605
  Fax : (04) 7 753 633
  Email: bbttccs@hn.vnn.vn
- **Cơ quan thường trú tại miền Trung :**
  26 Trần Phú,
  Thành phố Đà Nẵng
  Điện thoại : (080) 51301
  Fax : (080) 51303
- **Cơ quan thường trú tại miền Nam :**
  19 Phạm Ngọc Thạch,
  Thành phố Hồ Chí Minh
  Điện thoại : (08) 8 274 638
  Fax : (08) 8 231 664
- **Tạp chí Cộng sản điện tử :**
  http://www.tapchicongsan.org.vn
- **Tổng Biên tập :**
  **LÊ HỮU NGHĨA**

*Bìa 1: Ngày hội bầu cử 2004*
*Tranh: **Nguyễn Mạnh Hùng***


# Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM


## MỤC LỤC


*** Chỉ thị số 37-CT/TW, ngày 18-3-2004, của Ban Bí thư *Về tiếp tục nâng cao vai trò, chất lượng hoạt động của Hội Nhà báo Việt Nam trong thời kỳ mới* 3

**NHÂN KỶ NIỆM 100 NĂM NGÀY SINH ĐỒNG CHÍ TỔNG BÍ THƯ TRẦN PHÚ (1-5-1904 - 1-5-2004)**

NÔNG ĐỨC MẠNH - Một tấm gương sáng mẫu mực về chí khí chiến đấu của người cộng sản 6

ĐỖ MƯỜI - Noi gương Anh Trần Phú - giữ vững chí khí cách mạng chiến đấu 7

**XÃ LUẬN**

*** Thực hiện quyền và nghĩa vụ của cử tri trong bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp 10

**ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG**

NGUYỄN KHOA ĐIỀM - Công tác tư tưởng là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân 13

HỒ XUÂN HÙNG - Thực hiện thắng lợi chủ trương của Đảng về nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước 18

**NHÂN KỶ NIỆM 50 NĂM CHIẾN THẮNG LỊCH SỬ ĐIỆN BIÊN PHỦ (7-5-1954 - 7-5-2004) VÀ 29 NĂM GIẢI PHÓNG MIỀN NAM (30-4-1975 - 30-4-2004)**

NGUYỄN KIM THÀNH - Chiến thắng Điện Biên Phủ: Nhìn từ nhiều góc độ 23

LÊ XUÂN LỰU - Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử 27

DƯƠNG VIẾT Á - Đỗ Nhuận với bộ ba ca khúc về Điện Biên Phủ 32

**NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI**

BÙI THẾ ĐỨC - Vận dụng đúng đắn, sáng tạo tư tưởng của V.I Lê-nin vào sự nghiệp cách mạng Việt Nam 35

NGUYỄN HỮU KHIỂN - Cơ hội lựa chọn dân chủ bộ máy chính quyền địa phương 39

ĐINH VĂN ÂN - Phát triển các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế nhiều thành phần 42

MAI HẢI OANH - Văn nghệ - một phương cách xây dựng đạo đức xã hội 48

**THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM**

ĐẶNG DUY BẦU - Phát huy truyền thống cách mạng, xứng đáng với quê hương đồng chí Trần Phú 54

NHƯ HÙNG - Một quyết sách hợp lòng dân trên vùng bán đảo Cà Mau 58

**THƯ GỬI BỘ BIÊN TẬP**

TÔ CÔNG - Để chính quyền sát dân, dân gần chính quyền 62

**DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN**

TRẦN QUANG NHIẾP - Dân số và phát triển cộng đồng 65

TRẦN QUYẾT THẮNG - Công tác dân số, gia đình ở Hà Tĩnh 69

**THẾ GIỚI: VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN**

NGUYỄN XUÂN THẮNG - Về hiệp định thương mại tự do song phương 73

**TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN**

*** Hội nghị dân vận toàn quốc 78

*** Hội nghị tổng kết công tác xây dựng, củng cố hệ thống chính trị xã, phường, thị trấn ở Thái Bình 79



Digitized by Google

## СОДЕРЖАНИЕ

*** **Указ Секретариата** *О дальнейшем повышении роли и качества деятельности Ассоциации Вьетнамских Журналистов в новом периоде.* НОНГ ДЫК МАНЬ: Яркий пример боевой воли коммунистов. ДО МЫОЙ: Крепко сохранять боевую революционную волю, следуя примеру молодого Чан Фу. Передовая: Выполнение прав и обязанностей избирателей на выборах в народные комитеты разных уровней. НГУЕН КХОА ДИЕМ: Идеологическая работа является делом всей Партии, всей Армии и всего народа. ХО СУАН ХУНГ: Выполнять успешно Партийные установки, касающиеся повышения эффективности государственных предприятий. НГУЕН КИМ ТХАНЬ: Победа под Диен Биен Фу: Взгляды на неё под многими точками зрения. ЛЕ СУАН ЛЫУ: Историческая военная кампания имени Хо Ши Мина. НГУЕН ХЫУ КХИЕН: Возможность для демократического выбора аппарата местной власти. ДИНЬ ВАН АН: Развитие типов предприятий в многоукладной экономике. МАЙ ХАЙ ОАНЬ: Литература и искусства – метод для формирования социальной морали. ДАНГ ЗУЙ БАУ: Быть достойным звания «родной край товарища Чан Фу», поощряя революционные традиции. ЧАН КУАНГ НИЕП: Население и развитие сообщества. НГУЕН СУАН ТХАНГ: О двустороннем свободном торговом соглашении.

## CONTENTS

*** **Instruction of the Secretariat** Regarding continuous enhancement of role and operation quality of the Association of Vietnamese Reporters in the new period. NÔNG ĐỨC MẠNH: A bright example of communists' strong fighting will. ĐỖ MƯỜI: Holding fast revolutionary fighting spirit, following the young Trần Phú's example. ***Editorial***: Fulfillment of the voters' right and duties in the elections of people's councils of different levels. NGUYỄN KHOA ĐIỂM: Ideological works are the matter of the whole Party, Army and People. HỒ XUÂN HÙNG: Implementing successfully the Party's lines on enhancement of state enterprises' efficiency. NGUYỄN KIM THÀNH: Điện Biên Phủ victory: looks at it from different perspectives. LÊ XUÂN LƯU: The historic Hồ Chí Minh military campaign. NGUYỄN HỮU KHIỂN: An opportunity of democratic choice of the local authority apparatus. ĐINH VĂN ÂN: Development of kinds of enterprises in multi-sectored economy. MAI HẢI OANH: Literature and arts – a method of forming social morality. ĐẶNG DUY BẦU: Promoting revolutionary tradisions, to be worthy of being the native land of Comrade Trần Phú. TRẦN QUANG NHIỆP: Population and community development. NGUYỄN XUÂN THẮNG: Regarding the bilateral free trade treaty.

## SOMMAIRE

*** **La Directive du Secrétariat**: Sur la valorisation continue du rôle et des activités de l'Association des Journalistes vietnamiens dans la nouvelle époque. NÔNG ĐỨC MẠNH - Un bon exemple de l'esprit combatif du communiste. ĐỖ MƯỜI - Suivre l'exemple de Trần Phú – bien maintenir l'esprit révolutionnaire combatif. ***Editorial*** - Réaliser le droit et le devoir de l'électeur aux élections du Conseil populaire à tous les échelons. NGUYỄN KHOA ĐIỂM - Le travail idéologique constitue l'œuvre de tout le Parti, de toute l'armée et de tout le peuple. HỒ XUÂN HÙNG – Bien réaliser les options du Parti sur l'amélioration de l'efficacité des entreprises étatiques. NGUYỄN KIM THÀNH - La victoire de Điện Biên Phủ vue de différents angles. LÊ XUÂN LƯU - La Campagne historique Hồ Chí Minh. NGUYỄN HỮU KHIỂN - Une occasion de choisir démocratiquement l'appareil de pouvoir local. ĐINH VĂN ÂN - Développer les diverses formes d'entreprises dans l'économie à plusieurs composantes. MAI HẢI OANH - Activités artistiques – une bonne méthode pour l'édification de la morale sociale. ĐẶNG DUY BẦU – Valoriser la tradition révolutionnaire en vue d'être digne du pays natal du camarade Trần Phú. TRẦN QUANG NHIỆP - La population et le développement communautaire. NGUYỄN XUÂN THẮNG - Sur le Traité du Commerce libéral bilatéral.

## SUMARIO

*** **Directiva del Comité Central del Partido** *Sobre la elevación del papel y de la calidad de actividad de la Unión de Periodistas de Vietnam en el nuevo periodo.* NÔNG ĐỨC MẠNH: Un brillante ejemplo sobre el carácter combativo del comunista. ĐỖ MƯỜI. Siguiendo el ejemplo del camarada Trần Phú en el firme mantenimiento del carácter combativo revolucionario. ***Editorial:*** Cumplir el derecho y el deber de electores en la elección del Consejo Popular de todos los niveles. NGUYỄN KHOA ĐIỂM: El trabajo ideológico es la causa de todo el Partido, todo el ejército y todo el pueblo. HỒ XUÂN HÙNG: En cumplimiento exitoso de la línea del Partido sobre el aumento de la eficiencia de empresas estatales. NGUYỄN KIM THÀNH: La victoria de Điện Biên Phủ vista bajo múltiples ángulos. LÊ XUÂN LƯU: La histórica campaña de Hồ Chí Minh. NGUYỄN HỮU KHIỂN: La oportunidad de escoger de manera democrática el aparato de poder local. ĐINH VĂN ÂN. El desarrollo de tipos de empresa en la economía de multiformes sectores. MAI HẢI OANH: Letras y artes – un método de formar la moral social. ĐẶNG DUY BẦU: Poniendo en juego la tradición revolucionaria a ser dignos con la tierra natal del camarada Trần Phú. TRẦN QUANG NHIỆP: La población y el desarrollo de comunidad. NGUYỄN XUÂN THẮNG: A cerca del tratado de libre comercio bilateral.

## 目录

***书记委员会的指示：关于在新时期中继续提高越南新闻工作者协会的作用及质量 • 农德孟：共产党员战斗志气的光辉的榜样 • 杜梅：向陈富同志学习——维护革命战斗志气的榜样 • 社论：在各级人民委员会选举中实现选民的权利和义务 • 阮科恬：思想工作是全党、全军、全民的事业 • 胡春雄：胜利的落实我党有关提高国有企业的效果的主张 • 阮金成：奠边府大捷：从各角度探索 • 黎春溜：震撼历史的胡志明战役 • 阮友遣：民主地选择地方政权机构的机会 • 丁文恩：在多成分经济中发展各企业类型 • 梅海莺：文艺——建设社会道德的方法 • 邓唯宝：发扬革命传统——不愧陈富同志的故乡 • 陈光揽：人口和发展社会共同体 • 阮春胜：关于双方自由贸易的协定

Digitized by Google

# CHỈ THỊ SỐ 37-CT/TW, NGÀY 18-3-2004, CỦA BAN BÍ THƯ

# VỀ TIẾP TỤC NÂNG CAO VAI TRÒ, CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI NHÀ BÁO VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ MỚI

Từ ngày thành lập đến nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, Hội Nhà báo Việt Nam đã có những đóng góp quan trọng vào việc tổ chức, động viên, cổ vũ các nhà báo - hội viên thực hiện tốt những nhiệm vụ chính trị của Đảng và Nhà nước, thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của báo chí Việt Nam, xây dựng và phát triển đội ngũ những người làm báo; góp phần tích cực vào công tác chỉ đạo, quản lý báo chí, từng bước hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, chính sách về báo chí; có nhiều hoạt động đối ngoại phong phú, không ngừng phát huy và nâng cao vị thế của Hội Nhà báo Việt Nam trong khu vực và trên thế giới; góp phần quan trọng vào thắng lợi của cách mạng trong hơn nửa thế kỷ qua. Hội Nhà báo Việt Nam từ Trung ương đến cơ sở đã từng bước củng cố, kiện toàn về tổ chức, đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động, để xứng đáng với lời khen tặng của Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhân kỷ niệm 50 năm Ngày thành lập Hội (6/1950 - 6/2000): ***"Báo chí cách mạng Việt Nam trung thành, đoàn kết, trí tuệ, đổi mới vì sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước".***

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm cơ bản nêu trên, hoạt động của Hội Nhà báo Việt Nam cũng như sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng và chính quyền các cấp đối với Hội trong thời gian qua còn một số thiếu sót, khuyết điểm sau đây:

- Nội dung, phương thức hoạt động của Hội chưa đáp ứng yêu cầu và đòi hỏi của thực tiễn, sức cuốn hút và tập hợp của Hội chưa cao. Ý thức xây dựng Hội của một số hội viên còn mờ nhạt. Chất lượng hoạt động của một số cơ sở Hội và hội viên chưa cao. Những năm gần đây, một số ít cán bộ lãnh đạo và nhà báo - hội viên vi phạm đạo đức nghề nghiệp, vi phạm kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước làm ảnh hưởng đến uy tín của Hội.


Digitized by Google

- Sự phối hợp hoạt động giữa các cơ quan quản lý báo chí, các cơ quan báo chí và tổ chức Hội chưa chặt chẽ, chưa có những quy định cụ thể để tạo điều kiện cần thiết cho các cấp Hội và hội viên phát huy đầy đủ vai trò, trách nhiệm của mình.

- Cấp ủy, chính quyền một số ban, ngành ở Trung ương và địa phương chưa thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác báo chí cũng như hoạt động của Hội Nhà báo. Do đó, thiếu sự chỉ đạo chặt chẽ và chưa tạo những điều kiện cần thiết về biên chế, kinh phí, cơ sở vật chất để Hội hoạt động và phát triển.

Nhằm thực hiện tốt trách nhiệm lớn lao và vẻ vang của báo chí là phương tiện thông tin đại chúng chủ yếu, có vai trò to lớn trong việc tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, định hướng đúng đắn dư luận xã hội, góp phần nâng cao dân trí, đóng góp tích cực, có hiệu quả vào mọi thắng lợi của cách mạng, Hội Nhà báo Việt Nam cần tiếp tục thực hiện tốt những nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

**I - Tiếp tục nâng cao vai trò, chất lượng hoạt động của Hội Nhà báo Việt Nam trong thời kỳ mới**

1 - Hội Nhà báo Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp của những người làm báo Việt Nam, hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng và trong khuôn khổ pháp luật của Nhà nước. Hội cần được tiếp tục đổi mới, kiện toàn về tổ chức, đổi mới phương thức hoạt động nhằm tập hợp và đoàn kết rộng rãi các nhà báo trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc, chủ động tham gia công tác chỉ đạo, quản lý báo chí; xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về báo chí để góp phần xây dựng và phát triển nền báo chí cách mạng và đội ngũ những người làm báo Việt Nam trong thời kỳ mới.

2 - Hội Nhà báo các cấp cần thường xuyên tổ chức cho các nhà báo - hội viên nghiên cứu, quán triệt sâu sắc lý luận chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tích cực, chủ động bằng nhiều hình thức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, nghiệp vụ, kỹ năng làm báo cho các hội viên, xây dựng đội ngũ những người làm báo Việt Nam ngang tầm đòi hỏi của nhiệm vụ cách mạng.

Tiến hành xây dựng, triển khai thực hiện đề án về Giải báo chí quốc gia, thu hút đông đảo những người làm báo cả nước tham gia nhằm phát hiện, cổ vũ những tài năng báo chí, động viên ý thức lao động sáng tạo của những người làm báo Việt Nam.

3 - Coi trọng việc giáo dục, rèn luyện phẩm chất cách mạng, đạo đức nghề nghiệp cho các nhà báo. Xúc tiến việc xây dựng quy định về đạo đức người làm báo Việt Nam nhằm xây dựng Hội Nhà báo các cấp trong sạch, vững mạnh, không ngừng nâng cao chất lượng nhà báo - hội viên.


Digitized by Google

4 - Hội Nhà báo Việt Nam và tổ chức Hội các cấp cần quan tâm làm tốt hơn nữa việc bảo vệ quyền lợi chính đáng và hợp pháp của nhà báo. Xây dựng cơ chế, chính sách và có hình thức động viên, khen thưởng xứng đáng, kịp thời đối với các đơn vị và cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động báo chí, nhất là các đơn vị, cá nhân trực tiếp hoạt động ở những địa bàn có nhiều khó khăn, gian khổ.

5 - Đẩy mạnh hơn nữa hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế của Hội Nhà báo Việt Nam theo đúng đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước, với nhiều hình thức thích hợp để góp phần nâng cao vị thế quốc tế của Hội Nhà báo Việt Nam và của đất nước trong khu vực và trên thế giới.

6 - Các cấp ủy đảng, chính quyền, các cơ quan chỉ đạo, quản lý báo chí, các cơ quan chủ quản cùng các cơ quan báo chí cần tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp hoạt động và có quy định cụ thể tạo điều kiện cần thiết về cán bộ chuyên trách, kinh phí, điều kiện, phương tiện làm việc để Hội Nhà báo các cấp hoạt động đạt hiệu quả thiết thực.

**II - Tổ chức thực hiện**

1 - Các ấp ủy đảng, chính quyền, Đảng đoàn Hội Nhà báo Việt Nam, các cơ quan chỉ đạo, quản lý báo chí, các cơ quan báo chí có trách nhiệm chỉ đạo việc quán triệt và tổ chức thực hiện Chỉ thị này.

2 - Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương chủ trì phối hợp với Ban cán sự đảng Bộ Văn hóa - Thông tin, Đảng đoàn Hội Nhà báo Việt Nam và các cơ quan liên quan xây dựng các quy chế, quy định cụ thể để phát huy vai trò, trách nhiệm của các cấp Hội Nhà báo tham gia công tác chỉ đạo, quản lý báo chí; xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, chính sách về báo chí, về đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác báo chí; quy chế bổ nhiệm, khen thưởng và kỷ luật nhà báo; bảo vệ quyền lợi chính đáng và hợp pháp của các cơ quan báo chí, của các nhà báo. Tạo điều kiện để Hội Nhà báo Việt Nam thực hiện tốt vai trò tư vấn, phản biện, giám định của một tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp về các vấn đề liên quan đến hoạt động báo chí, đến đội ngũ các nhà báo.

3 - Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành hữu quan, các tỉnh, thành phố tổ chức hướng dẫn và thực hiện cụ thể Chỉ thị 33/98/CP-TTg của Thủ tướng Chính phủ, nhằm xây dựng, củng cố tổ chức, đảm bảo các điều kiện và nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nhà báo các cấp.

4 - Ban cán sự đảng Bộ Nội vụ chủ trì phối hợp với Hội Nhà báo Việt Nam và các cơ quan hữu quan xây dựng để trình Chính phủ phê duyệt Đề án tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức Hội Nhà báo Việt Nam từ Trung ương đến cơ sở đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ mới.

5 - Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương có trách nhiệm đôn đốc, theo dõi việc triển khai và thực hiện Chỉ thị này, định kỳ báo cáo Ban Bí thư. ❑


Digitized by Google

# MỘT TẤM GƯƠNG SÁNG MẪU MỰC VỀ CHÍ KHÍ CHIẾN ĐẤU CỦA NGƯỜI CỘNG SẢN

**NÔNG ĐỨC MẠNH**

*Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam*

ĐỒNG chí Trần Phú là chiến sĩ cách mạng lớp đầu tiên của Đảng và là Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng ta.

Đồng chí được Bác Hồ dìu dắt, tham gia lớp huấn luyện cách mạng do Người tổ chức ở Quảng Châu và được kết nạp vào Cộng sản Đoàn, một tổ chức nòng cốt của Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội, tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam ngày nay.

Đồng chí đã dự thảo *Luận cương chính trị* được Hội nghị lần thứ nhất của Đảng thông qua. Khi bị địch bắt, dù chúng dùng mọi nhục hình tra tấn rất dã man hoặc dở trò lừa phỉnh, mua chuộc, đồng chí vẫn kiên quyết giữ gìn bí mật của Đảng, luôn luôn giữ vững tinh thần lạc quan cách mạng, tiếp tục cùng bạn tù thảo luận các nhiệm vụ cách mạng, bồi dưỡng lý luận và kinh nghiệm công tác cho các đồng chí. Trước khi mất, Tổng Bí thư Trần Phú dặn lại các đồng chí của mình lời nhắn nhủ cuối cùng: *"Hãy giữ vững chí khí chiến đấu"*.

Đồng chí Trần Phú đã có những cống hiến to lớn cho Đảng và nêu tấm gương sáng chói về khí tiết của người cộng sản. Hơn 70 năm đã qua, lời dặn của đồng chí "Hãy giữ vững chí khí chiến đấu" vẫn là lời nhắn nhủ đối với thế hệ đảng viên cộng sản ngày nay nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, ý chí chiến đấu, quyết tâm nắm vững thời cơ, vượt qua thách thức, ra sức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. ❑

# NOI GƯƠNG ANH TRẦN PHÚ - GIỮ VỮNG CHÍ KHÍ CÁCH MẠNG CHIẾN ĐẤU

ĐỖ MƯỜI*

VÀO những năm 30 của thế kỷ XX, khi tham gia cách mạng và đứng trong hàng ngũ của Đảng, tôi đã được nghe truyền trong Đảng về tấm gương học tập, rèn luyện, chiến đấu oanh liệt và sáng ngời của người chiến sĩ cộng sản, người Tổng Bí thư đầu tiên, người đồng chí thân thương của toàn Đảng, người con vô cùng yêu quý của dân tộc - Trần Phú. Trong mấy chục năm gần đây, tôi càng có điều kiện nghe kể và xem tài liệu do các cán bộ nghiên cứu lịch sử Đảng đã sưu tầm về thân thế và sự nghiệp vẻ vang của đồng chí Trần Phú.

Được biết, Anh đã từng lấy bí danh Lý Quý, là cùng họ với Lý Thụy, để ghi công ơn to lớn, lòng quý trọng và kỷ niệm sâu sắc cuộc gặp gỡ nhà cách mạng vĩ đại Nguyễn Ái Quốc ở Quảng Châu, cũng là dịp tham gia lớp đầu tiên của Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội và cả lớp đảng viên đầu tiên của Đảng (trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập).

Ông thân sinh của Trần Phú là một nhà quan có học, rất thanh liêm, thương dân, yêu nước, căm ghét chế độ thực dân, phong kiến. Không chịu được cảnh hà hiếp của bọn thực dân và không cam chịu làm tay sai cho chúng, ông đã tự vẫn ngay trước công đường để tỏ thái độ phản đối chế độ thực dân, phong kiến. Trần Phú đã sớm tiếp thu được tinh thần yêu nước, thương dân, lòng căm thù giặc của cha, lại cùng với mẹ và anh chị em sống phiêu bạt với hai bàn tay trắng sau khi cha mất, cho nên đã rèn đúc ý chí tự lập vượt lên khó khăn ngay từ thuở thơ ấu.

Từ thuở nhỏ, được họ hàng giúp đỡ, Trần Phú đã học hết tiểu học, rồi đỗ đầu thành chung và Anh luôn luôn là một học sinh giỏi, đứng đầu lớp. Tinh thần ham học, tự phấn đấu vươn lên đã giúp Trần Phú ở tuổi 25 - 27 đã biết tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Nga, tiếng Trung Quốc... Đến học Trường đại học của những người cộng sản phương Đông (Đại học Phương Đông) chậm một năm so với các đồng chí khác, nhưng chỉ qua thời gian ngắn, Trần Phú đã tự học xong chương trình năm thứ nhất để theo kịp chương trình năm thứ hai và năm thứ ba, hơn nữa đã trở thành học viên xuất sắc toàn khóa học. Anh là người rất quen thuộc của thư viện gần 5 vạn cuốn sách của Trường Đảng dành cho những người cộng sản phương Đông của Đảng Cộng sản Liên Xô và của Quốc tế Cộng sản. Anh tự giác nhận thức đây là một thời cơ lớn để nắm một cách hệ thống chủ nghĩa Mác - Lê-nin - một chủ nghĩa cách mạng và khoa học mà Anh đã được nghe đồng chí Nguyễn Ái Quốc giới thiệu từ năm 1926. Có thể nói, những hiểu biết rộng sâu về chủ nghĩa Mác - Lê-nin cùng với những nắm bắt thực tiễn

* Nguyên Tổng Bí thư, nguyên Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam


Digitized by Google

sống động ở Việt Nam cuối những năm 20 của thế kỷ XX, đã giúp Trần Phú rất nhiều trong việc dự thảo *Luận cương chính trị* và trên cương vị Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng ta.

Tuy tuổi còn trẻ, nhưng Trần Phú đã có một cuộc sống và hoạt động vô cùng phong phú. Anh là một sáng lập viên của Hội Hưng Nam, và là người tích cực vận động trong việc hợp nhất Hội Hưng Nam vào Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội do Nguyễn Ái Quốc thành lập. Ngày 25-6-1927, Ban Bí thư Quốc tế Cộng sản Quyết định thành lập "Nhóm Cộng sản Việt Nam" đầu tiên gồm 5 đảng viên ở Trường Đại học Phương Đông và Trần Phú được bầu làm Bí thư. Trần Phú đã được tham dự Đại hội lần thứ VI của Quốc tế Cộng sản vào năm 1928 ở Mát- xcơ-va.

Vì dân, vì Tổ quốc, vì Đảng, Trần Phú đã từng đóng các vai "thầy đồ", "nhà buôn", "thợ nề", "người lao công"... nhằm che mắt địch để hoạt động cách mạng. Anh đã từng sống ở cả ba miền của đất nước, đã từng thâm nhập vào hoạt động trong phong trào công - nông ở Sài Gòn, Chợ Lớn, Hải Phòng, Hà Nội, Hòn Gai, Nam Định, Thái Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh... Trần Phú đã từng khảo sát tình hình và phong trào nông dân ở Thái Bình, Nghệ Tĩnh, khảo sát ở Nhà máy dệt Nam Định, khu mỏ than Hòn Gai, thâm nhập để tìm hiểu thực tế tình hình công nhân và chi bộ các nhà máy xi-măng, bến cảng, nhà máy nến, nhà máy bát, nhà máy sản xuất cống nước, nhà máy chai, nhà máy gạch, nhà máy phốt phát ở Hải Phòng. Chuyện kể rằng, Anh đi đến đâu thì phong trào đấu tranh ở đó đều dâng cao. Trần Phú đã từng sống với người lao động trong các căn nhà "chuồng chim" ở Hải Phòng, và cũng đã từng táo bạo sống trong tầng hầm ngay trong ngôi nhà của quan chức thực dân Pháp, ở phố Hàng Bông - Thợ Nhuộm (nay là số 90 - phố Thợ Nhuộm, Hà Nội), dưới sự kìm kẹp dã man của chế độ thực dân. Anh đã từng sống và hoạt động ở Trung Quốc, ở Nga, ở Pháp... Đặc biệt, Anh đã được chứng kiến cuộc sống trên mảnh đất tự do, bình đẳng của chế độ Xô-viết. Đó đều là những mảnh, những phần của cuộc sống của nhà cách mạng vĩ đại Trần Phú.

Sau khi Đảng ta ra đời, Trần Phú đã tham dự và chủ trì Hội nghị Trung ương lần thứ nhất vào tháng 10-1930, Hội nghị Trung ương lần thứ hai vào tháng 3-1931, Hội nghị Thường vụ Trung ương tháng 12-1930 và cuối tháng 1-1931. Hội nghị Trung ương lần thứ nhất diễn ra ở Hồng Kông, tháng 10-1930, đã bầu Trần Phú làm Tổng Bí thư của Đảng và thảo luận, thông qua *Luận cương chính trị* của Đảng do Trần Phú dự thảo. Đó là những sự kiện đặc biệt quan trọng ngay sau sự kiện thành lập Đảng ngày 3-2-1930. Hội nghị Trung ương lần thứ hai diễn ra ở Sài Gòn vào tháng 3-1931, đã phân tích đánh giá sâu sắc phong trào cách mạng sôi nổi đang diễn ra khắp nước, cả ưu điểm và thiếu sót, đặc biệt là các phong trào nông dân ở Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Mỹ Tho, Bến Tre... Các Hội nghị Thường vụ Trung ương do Trần Phú chủ trì đã quyết định ra tờ báo *Cờ vô sản*, cơ quan Trung ương của Đảng; Tạp chí *Cộng sản*, cơ quan lý luận của Đảng; tổ chức công tác giao thông liên lạc từ Trung ương đến các xứ ủy, tỉnh ủy, từ Trung ương đến Quốc tế Cộng sản; tiến hành công tác vận động công nhân và lập Ban Công vận Trung ương do đồng chí Trần Phú làm Trưởng Ban...

Tại Hội nghị Trung ương lần thứ hai, đồng chí Trần Phú một mặt đánh giá cao phong trào Xô-viết Nghệ Tĩnh; mặt khác, đã phê phán nghiêm khắc sai lầm của khẩu hiệu "trí phú địa hào, đào tận gốc, trốc tận rễ". Trần Phú coi đó là sai lầm "tả" khuynh, cô độc, hẹp hòi, tước bỏ bạn đồng minh, gây thêm thù cho cách mạng. Sự uốn nắn xu hướng sai lầm đó thật là quan trọng trong lịch sử Đảng ta.

Sống ở trong tù, Trần Phú đã đứng hàng đầu đấu tranh chống bọn trốt-xkít, Trần Phú đã


Digitized by Google

truyền lại những tư tưởng, lý luận cách mạng sâu sắc cho các đồng chí của mình.

Đảng ta vô cùng tự hào về người Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng. Thời gian thật ngắn ngủi nhưng những hiểu biết lý luận uyên bác và thực tiễn phong phú, đức độ tuyệt vời, tác phong sâu sát đồng chí và đồng bào, đã giúp Trần Phú có những cống hiến xuất sắc cho Đảng, đặt nền móng vững chắc cho sự phát triển Đảng ta 74 năm qua và lâu dài hơn nữa. Trong đó *Luận cương chính trị* do đồng chí dự thảo, được Hội nghị Trung ương lần thứ nhất thông qua, là di sản vô giá. Trong *Luận cương chính trị*, Trần Phú đã phân tích mâu thuẫn xã hội Việt Nam, đề ra những nhiệm vụ cách mạng chuẩn xác, cách mạng nước ta tất yếu đặt dưới sự lãnh đạo của một Đảng Cộng sản có đường lối chính trị đúng, có kỷ luật, có mối liên hệ mật thiết với quần chúng, lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin làm gốc, xây dựng lực lượng cách mạng rộng rãi, thiết lập liên minh công - nông trong khối dân tộc đoàn kết, liên hệ với cách mạng vô sản quốc tế. Luận cương không chỉ nêu lên mục tiêu chiến lược, mà còn nêu lên sách lược, bước đi, phương pháp cách mạng đúng đắn, trong đó đi sâu phương pháp khởi nghĩa vũ trang một cách khoa học, nghệ thuật. *Chánh cương vắn tắt* và *Sách lược vắn tắt* của Nguyễn Ái Quốc khi hợp nhất các tổ chức cộng sản, thành lập Đảng Cộng sản ở nước ta, cùng với *Luận cương chính trị* đã để lại cho Đảng một mẫu mực về hoạch định đường lối cách mạng. Theo đó, nổi bật một đường lối tổng quát là làm cách mạng tư sản dân quyền (tức cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân) rồi bỏ qua thời kỳ tư bản mà tranh đấu thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa. Luận điểm đó, cương lĩnh đó, đã được Đảng và nhân dân ta thực hiện thắng lợi và được tiếp nối bởi *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (tháng 6-1991) do Đại hội VII của Đảng thông qua. Có thể nói, Đảng và nhân dân ta đã thực hiện nhất quán và ngày càng cụ thể hóa *Cương lĩnh chính trị* tổng quát đó suốt 74 năm qua, đang thực hiện ngày nay, và sẽ còn chỉ đạo con đường của cách mạng Việt Nam từ nay về sau.

Có kẻ phản bội nằm ngay trong cấp cao khai báo, đồng chí Trần Phú đã bị địch bắt. Đồng chí đã bị bọn thực dân tra tấn vô cùng dã man, nhưng sự chịu đựng và im lặng của đồng chí đã làm kẻ thù kinh hoàng, run sợ. Sức mạnh của lý tưởng cách mạng và đạo đức cao cả của người chiến sĩ cộng sản, của người lãnh đạo Đảng, đã đưa Trần Phú trở thành con người vinh quang. Đồng chí Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng hy sinh oanh liệt ở tuổi đời 27, đã gây xúc động lớn trong Đảng và nhân dân Việt Nam cùng đồng chí và bè bạn trong phong trào cộng sản quốc tế. Thật là một tổn thất lớn cho Đảng và nhân dân ta.

Trước khi đi xa, Trần Phú đã căn dặn đồng chí và đồng bào đầy xúc động: "Hãy giữ vững chí khí chiến đấu". Lời căn dặn ấy của đồng chí Trần Phú vẫn còn nguyên giá trị trong điều kiện mới, vẫn luôn luôn mang tính thời sự nóng hổi. Khi hằng ngày, hằng giờ sự cám dỗ của đồng tiền và danh vọng đang làm ruỗng mọt cán bộ, đảng viên, gây bao tiêu cực xã hội, thì "Giữ vững chí khí chiến đấu" vẫn là lời kêu gọi khẩn thiết đối với những chiến sĩ cộng sản. Thắng những viên đạn bọc đường lúc này là góp phần làm cho Đảng trong sạch vững mạnh, là thiết thực nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, làm cho Đảng gắn bó với dân, dân gắn bó với Đảng. Ngày nay, đất nước ta đang xây dựng chủ nghĩa xã hội, mỗi đảng viên và mỗi người dân Việt Nam ta cần phải sống và làm việc sao cho xứng đáng hơn nữa với các thế hệ cách mạng đời trước, với Bác Hồ và Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng. Tôi nghĩ đấy là công việc thiết thực nhất để tỏ lòng biết ơn vô hạn và kỷ niệm 100 năm Ngày sinh đồng chí Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng ta.

Chí khí chiến đấu cách mạng của Trần Phú đời đời bất diệt! ❑


Digitized by Google

Xã luận

# THỰC HIỆN QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỬ TRI TRONG BẦU CỬ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP

*NGÀY Chủ nhật, 25-4-2004, cử tri cả nước sẽ tiến hành bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2004 - 2009.*

*Hội đồng nhân dân các cấp là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân, do nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên. Hội đồng nhân dân các cấp có hai chức năng chủ yếu: 1 - Quyết định những chủ trương, biện pháp quan trọng để phát huy tiềm năng của địa phương; xây dựng và phát triển địa phương về kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, không ngừng cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; làm tròn nghĩa vụ của địa phương đối với cả nước; 2 - Thực hiện quyền giám sát đối với hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp; giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân, việc tuân theo pháp luật của cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế - xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và công dân địa phương.*

*Cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2004 - 2009 lần này là cuộc vận động chính trị quan trọng và là đợt sinh hoạt dân chủ sâu rộng trong mọi tầng lớp nhân dân, là dịp để nhân dân tham gia trực tiếp vào việc xây dựng chính quyền các cấp ở địa phương nhằm xây dựng chính quyền thực sự của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Vì vậy, việc lựa chọn người đủ tiêu chuẩn, xứng đáng đại diện cho nhân dân tham gia cơ quan quyền lực của Nhà nước ở địa phương và thực hiện tốt công tác bầu cử là yêu cầu quan trọng, có ý nghĩa chính trị to lớn.*

*Thắng lợi của cuộc bầu cử là sự khẳng định tính nhất quán xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam* ***của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân****. Tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân. Nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình thông*


Digitized by Google

*qua Hội đồng nhân dân - cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương; đồng thời, góp phần to lớn vào việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX của Đảng.*

*Thắng lợi của cuộc bầu cử cũng chính là sự khẳng định chế độ tốt đẹp của chúng ta do Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh lãnh đạo - một chế độ hết lòng vì nhân dân với mục tiêu:* ***dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh****; một chế độ luôn luôn gắn bó với nhân dân, được nhân dân tin yêu, hết lòng xây dựng và bảo vệ.*

*Tham gia ứng cử và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân là thực hiện quyền chính trị cơ bản của công dân trong một nhà nước dân chủ; đồng thời, qua đó cũng thể hiện và thực hiện nghĩa vụ của công dân trong việc tham gia xây dựng chính quyền. Bởi: 1- Cử tri tham gia bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân là thực hiện quyền ứng cử và bầu cử của công dân - những quyền chính trị cơ bản trong một nhà nước dân chủ đã được Hiến pháp quy định; 2- Thông qua bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, cử tri vừa thực hiện quyền chính trị của công dân, đồng thời, thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm của công dân trong việc xây dựng tổ chức bộ máy chính quyền địa phương bằng việc lựa chọn, giới thiệu và bầu người được nhân dân tín nhiệm vào Hội đồng nhân dân - cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương.*

*Đại biểu Hội đồng nhân dân là nhân tố quyết định chất lượng của Hội đồng nhân dân. Vì vậy, việc sáng suốt lựa chọn những đại biểu xứng đáng để bầu vào Hội đồng nhân dân các cấp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân trong việc quyết định những vấn đề quan trọng của địa phương là quyền và bổn phận của cử tri.*

*Các đại biểu Hội đồng nhân dân phải có đủ 5 tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 3, Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân: 1 - Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, phấn đấu thực hiện công cuộc đổi mới đất nước và xây dựng, phát triển địa phương; 2 - Có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu chấp hành pháp luật, tích cực đấu tranh chống mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền, tham nhũng, lãng phí và các hành vi vi phạm pháp luật khác, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân; 3 - Có trình độ, năng lực thực hiện nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân, có khả năng tuyên truyền, vận động gia đình và nhân dân thực hiện chính sách, pháp luật; am hiểu tình hình kinh tế - xã hội để tham gia quyết định những vấn đề quan trọng ở địa phương; 4 - Liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến của nhân dân, được nhân dân tín nhiệm; 5 - Có điều kiện tham gia các hoạt động của Hội đồng nhân dân.*

*Bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được tiến hành theo các nguyên tắc:* ***phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.***

*- **Nguyên tắc phổ thông, hay còn gọi là phổ thông đầu phiếu** là bảo đảm cho mọi công dân không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng tôn giáo, trình độ văn hóa, nghề nghiệp, thời hạn cư trú, đủ 18 tuổi trở lên đều có quyền tham gia bầu cử và đủ 21 tuổi trở lên có quyền ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật. Đây là nguyên tắc bảo đảm tính công khai, dân chủ và sự rộng rãi tham gia của các tầng lớp nhân dân, thành phần dân cư trong xã hội tham gia bầu cử.*

*- **Nguyên tắc bình đẳng** là mọi công dân đều được tạo điều kiện để tham gia bầu cử và có cơ hội ngang nhau khi ứng cử và vận động bầu cử cho mình. Để bảo đảm nguyên tắc này, mỗi cử tri chỉ được ghi tên vào danh sách cử tri ở một nơi cư trú; chỉ được ghi tên ứng cử, tự ứng cử*


Digitized by Google

*ở một đơn vị bầu cử; chỉ được bỏ một lá phiếu để bầu người đại diện cho mình tham gia Hội đồng nhân dân mỗi cấp; cơ cấu, thành phần, số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được hiệp thương, thỏa thuận dân chủ để bảo đảm Hội đồng nhân dân có đủ đại diện của các vùng miền, các tầng lớp, thành phần xã hội và đại diện của đồng bào các dân tộc, các giới.*

*- **Nguyên tắc trực tiếp** là bảo đảm cho cử tri thể hiện được ý chí của mình bằng cách trực tiếp viết phiếu bầu người đại diện cho mình tham gia Hội đồng nhân dân các cấp và tự tay bỏ phiếu vào hòm phiếu, không nhờ người bầu hộ, bầu thay hoặc bầu bằng cách gửi thư. Trường hợp cử tri không thể tự viết phiếu bầu, có thể nhờ người khác viết hộ, nhưng phải tự tay bỏ phiếu vào hòm phiếu. Trường hợp cử tri bị khuyết tật không tự bỏ phiếu bầu vào hòm phiếu thì có thể nhờ người khác. Trường hợp cử tri vì ốm yếu không đến phòng bỏ phiếu được thì Tổ Bầu cử phải đưa hòm phiếu phụ và phiếu bầu cử đến để cử tri bỏ phiếu.*

*- **Nguyên tắc bỏ phiếu kín** là bảo đảm cho các cử tri khi viết phiếu bầu không ai nhìn thấy đã bỏ phiếu cho ứng cử viên nào và khi bỏ phiếu vào hòm không ai được can thiệp. Nghĩa là, cử tri bầu hoặc không bầu cho ứng cử viên nào đều được bảo đảm bí mật.*

*Nhà nước ta luôn luôn bảo đảm để các nguyên tắc này được thể hiện thống nhất và xuyên suốt trong toàn bộ quá trình thực hiện công tác bầu cử, bảo đảm cho cuộc bầu cử được tiến hành **dân chủ, khách quan** và thể hiện được nguyện vọng chính đáng của cử tri khi lựa chọn và bỏ phiếu bầu người đại diện cho nhân dân tham gia cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương.*

*Cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp lần này áp dụng theo Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân công bố ngày 10-12-2003. So với Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân (sửa đổi) năm 1994, lần này có một số điểm mới cơ bản là: 1 - Tiêu chuẩn đại biểu Hội đồng nhân dân được quy định cụ thể hơn; 2 - Số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiều hơn; 3 - Đại biểu Hội đồng nhân dân là phụ nữ, là người dân tộc thiểu số có số lượng thích đáng hơn; 4 - Số lượng cử tri ở mỗi khu vực bỏ phiếu được quy định từ 300 đến 4000 người, (tăng 2000 người); 5 - Thẩm quyền của các cơ quan, tổ chức trong bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân được phân định rõ hơn, cụ thể hơn; 6 - Số đại biểu được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử tăng từ tối đa 3 đại biểu lên tối đa 5 đại biểu. Số người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở mỗi đơn vị bầu cử phải nhiều hơn số đại biểu được bầu ở đơn vị đó ít nhất là 2 người; 7 - Thôn, tổ dân phố được giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã trên cơ sở cơ cấu, thành phần, số lượng được phân bổ; quy trình thực hiện bầu cử do Chính phủ phối hợp với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn; 8 - Số lượng thành viên Hội đồng bầu cử các cấp tăng, tạo điều kiện cho việc chỉ đạo, kiểm tra công tác bầu cử; 9 - Việc lập danh sách cử tri và các trường hợp không được ghi tên vào danh sách cử tri được quy định rõ và cụ thể hơn; 10 - Thời gian chuẩn bị cho ngày bầu cử chậm nhất là 105 ngày trước ngày bầu cử. Khoảng thời gian như vậy đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuẩn bị cơ sở vật chất và hiệp thương lựa chọn, giới thiệu người ứng cử được tiến hành chu đáo, bảo đảm để cuộc bầu cử diễn ra thuận lợi, thành công.*

*Mọi việc cho cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2004 - 2009 đã, đang và sẽ được toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta tiến hành chu đáo. Ngày Chủ nhật, 25-4-2004 là ngày hội của cử tri cả nước. Chúng ta hãy nhắc nhở nhau nô nức đi bầu.* ❑

**TẠP CHÍ CỘNG SẢN**


Digitized by Google

# CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG LÀ SỰ NGHIỆP CỦA TOÀN ĐẢNG, TOÀN QUÂN, TOÀN DÂN

**NGUYỄN KHOA ĐIỀM***

CÔNG tác tư tưởng không chỉ là hoạt động của người làm tuyên huấn mà trước hết là của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và toàn xã hội. Mặt trận tư tưởng đòi hỏi phải có sự phối hợp rộng lớn, liên ngành cùng chịu trách nhiệm giải quyết nhận thức, tư tưởng và tình cảm của nhân dân. Nếu chúng ta nhìn nhận mặt trận tư tưởng rộng rãi như vậy thì thành tựu đạt được thời gian qua là rất lớn.

*Hoạt động tư tưởng đã góp phần khẳng định lập trường chính trị đúng đắn của Đảng, Nhà nước trước các sự kiện phức tạp trong nước và trên thế giới, từ đó tiếp tục củng cố và thống nhất nhận thức chính trị, xác lập thế trận lòng dân, nâng cao uy tín, vị thế của nước ta trên trường quốc tế, tỏ rõ bản lĩnh chính trị của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trước thế giới.* Năm 2003, chúng ta tạo được sự đồng thuận mạnh mẽ trong Đảng, trong xã hội, từ đó giữ được ổn định chính trị, dân tin Đảng, Đảng hiểu dân hơn, tạo ra sức mạnh về chính trị tinh thần to lớn. Tình hình thế giới luôn biến động, đòi hỏi chúng ta phải trả lời đúng từng vấn đề. Đất nước cũng diễn ra những thử thách không nhỏ, nhưng sự chuyển mình về mặt chính trị tư tưởng trong xã hội thời gian qua rất tích cực. Đây là một thành công của công tác tư tưởng.

*Năm vừa qua, chúng ta tổ chức học tập tư tưởng Hồ Chí Minh rộng rãi trong các đảng bộ cả nước.* Tất nhiên, chúng ta chưa thể nói cuộc học tập trên đã đạt được kết quả to lớn. Nhưng đối với nhiều cán bộ, đảng viên đợt học tập đem lại cho họ nhiều phát hiện lớn về tầm vóc tư tưởng Hồ Chí Minh, khơi dậy trong họ những tư tưởng, tình cảm tốt đẹp. Sắp tới, thực hiện Chỉ thị 23 và Thông báo mới của Ban Bí thư, chúng ta còn phải đào sâu cả phương diện nghiên cứu, tuyên truyền, học tập, làm cho tư tưởng Hồ Chí Minh thấm sâu vào mọi tầng lớp nhân dân, góp phần xây dựng đạo đức, lối sống tốt đẹp.

*Toàn Đảng, toàn quân, toàn dân với khí thế mới đã động viên, thúc đẩy việc thực hiện hai nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt.* Điều này phản ảnh bước tiến mới về công tác tư tưởng. Ở đây, không chỉ là công việc của riêng những người chuyên trách làm công tác tuyên huấn, mà toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta đã thúc đẩy được hai nhiệm vụ: "then chốt" và "trung tâm". Cả nước đã dấy lên phong trào thi đua sản xuất, lao động sáng tạo, vươn ra nước ngoài, vượt qua mọi thử thách, gian nan. Lần đầu tiên chúng ta chứng kiến khả năng mới của dân tộc ta, tuy gặp nhiều thách thức, nhưng vẫn vững vàng thực hiện hai nhiệm vụ chính trị phát triển kinh tế và xây dựng Đảng. Năm 2003, đất nước ta đạt được mức tăng trưởng kinh tế cao nhất (7,24%) trong mấy năm gần đây. Điều quan trọng là, với kết

* Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương


Digitized by Google

quả tăng trưởng GDP của năm 2003, Hội nghị Trung ương 9 (khóa IX) kiểm điểm nửa nhiệm kỳ Đại hội IX của Đảng đã có thể khẳng định hai năm tiếp theo chúng ta sẽ đẩy tăng trưởng GDP lên trên 8%.

*Chúng ta đã xây dựng được một đời sống văn hóa tinh thần sôi nổi trong xã hội với sự tham gia của các binh chủng tư tưởng, văn hóa, thông tin, báo chí, thể dục - thể thao.* Đây là sự góp công sức lớn của những người làm báo, làm văn hóa, văn nghệ sĩ, huấn luyện viên, vận động viên tạo ra đời sống văn hóa sôi động đáp ứng nhu cầu hưởng thụ và tham gia tích cực của nhân dân thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng. Chứng kiến sự kiện SEA Games 22, PARA Games 2, chúng ta đều thấy rõ những khả năng mới về văn hóa tinh thần của cán bộ, đảng viên và của nhân dân ta. Mới đây thăm dò dư luận hằng năm, trong 25 vấn đề đáng chú ý của năm 2003 thì có trên 50% số ý kiến khẳng định thành tựu nước ta trên ba vấn đề: Xóa đói, giảm nghèo và khắc phục thiên tai; triển khai phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"; tổ chức học tập tư tưởng Hồ Chí Minh. Ba vấn đề được dư luận quan tâm nhất này đã phản ánh ba mặt quan trọng của xã hội ta là: kinh tế, văn hóa, xây dựng Đảng. Thành tựu kinh tế, chính trị, văn hóa đều được số đông nhân dân đồng tình thừa nhận. Khi nhân dân đồng tình, thừa nhận cả ba mặt trên thì chứng tỏ đất nước ta đang phát triển đúng hướng.

Tuy nhiên, **ba khuyết điểm, yếu kém** của công tác tư tưởng mà Đại hội IX của Đảng nêu ra đến nay nghiêm khắc kiểm điểm vẫn thấy ngành tư tưởng còn khắc phục chưa tốt. *Thứ nhất,* chậm trả lời về phương diện lý luận những vấn đề bức xúc trong quá trình đưa đất nước đi lên. Bên cạnh sự chậm trễ trong nghiên cứu, trong phát hiện lý luận, có cả sự chậm trễ trong đào tạo bồi dưỡng và giáo dục lý luận dẫn tới chưa tạo ra được sự thống nhất cao trong thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể dẫn đến sự phát triển không nhanh như mong muốn. *Thứ hai,* đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên sa sút nghiêm trọng đã trở thành vấn đề xã hội, làm phức tạp thêm những tiêu cực của xã hội, trở thành mối lo lắng lớn của nhân dân. *Thứ ba,* quản lý báo chí, xuất bản còn nhiều yếu kém, sơ hở.

***Bước vào năm 2004, bên cạnh thời cơ để triển khai các nhiệm vụ tư tưởng thì những thách thức cũng không nhỏ.*** Việc khắc phục cho được những mặt khuyết điểm, yếu kém nêu trong Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) về tư tưởng, lý luận đang là thách thức và đòi hỏi lớn đối với công tác tư tưởng của Đảng ta, trước hết là những người làm công tác tuyên huấn. Nhiệm vụ chính trị của Đảng đang đặt ra những yêu cầu, đòi hỏi mới cao hơn trước. Cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng ngày một gay gắt và phức tạp; những thủ đoạn chống phá ta về tư tưởng xuất hiện dưới nhiều hình thức, phương pháp tinh vi, nguy hiểm hơn so với trước đây. Những cuộc tiến công thù địch vào con người Việt Nam, vào đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Việt Nam, ngày càng ráo riết, nhiều tầng, nhiều lớp. Chúng biến những luận điệu vu khống nước ta về "dân chủ", "nhân quyền", "tự do tôn giáo" thành luật pháp, chính sách chống Việt Nam. Chúng tiến công chống phá ta dưới hình thức "diễn biến hòa bình" âm ỉ, thường xuyên qua các hệ thống thông tin đại chúng. Mạng in-tơ-nét từ bên ngoài phát ra nhiều tài liệu độc hại, xấu xa, tìm mọi cách lũng loạn tinh thần xã hội chúng ta. Chúng tạo ra những địa chỉ trên mạng in-tơ-nét để các nhà văn công nhiên phát hành sách, báo của mình, bất chấp hệ thống luật pháp quốc gia. Đây là vấn đề mới, chưa từng có. Chưa kể hiện tượng mê tín dị đoan, truyền đạo trái phép ngày càng diễn biến phức tạp. Các phần tử cơ hội chính trị, các phần tử xấu trong tôn giáo tìm cách luồn lách chống phá ta, lôi kéo dân. Mặc dầu những thắng lợi của đổi mới là to lớn nhưng không vì thế mặt trận tư tưởng giảm đi phần phức tạp đòi hỏi chúng ta phải hết sức tỉnh táo để làm tròn trách nhiệm của mình.

Để làm tốt hơn nữa công tác tư tưởng, trong thời gian tới cần tiếp tục quán triệt và thực hiện


Digitized by Google

thật tốt những nhiệm vụ đã nêu trong Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, Nghị quyết Trung ương 5 về tư tưởng, lý luận trong tình hình mới. Trước mắt, chúng ta cần tập trung vào mấy vấn đề cốt yếu sau:

**Thứ nhất, *tuyên truyền, giáo dục lý tưởng chính trị.***

Chúng ta triển khai công tác tư tưởng của một đảng cách mạng cho nên vấn đề hàng đầu là xây dựng lý tưởng chính trị. Có người cho rằng, mục đích của thanh niên bây giờ là làm giàu, cuốn sách gối đầu của thanh niên là sách làm giàu (!). Thật ra chúng ta không bài xích việc làm giàu, chúng ta đang cổ vũ mọi người làm giàu một cách lương thiện chính đáng. Nhưng nói lý tưởng là làm giàu thì đó là bước thụt lùi về lý tưởng của con người. Cha ông ta mấy nghìn năm nay luôn luôn trăn trở làm giàu cải thiện đời sống nhưng không ai nói lý tưởng là làm giàu. Ở nước ta hiện nay, đề cao việc làm giàu như là lý tưởng, lẽ sống là điều rất đáng ngạc nhiên. Những người làm công tác tư tưởng phải xác định: *lý tưởng của chúng ta là độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Nói một cách cụ thể hơn là phấn đấu cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.* Trong những năm qua chúng ta chưa đặt ra đúng mức việc giáo dục lý tưởng. Trong thời gian tới, chúng ta cần nâng cao chất lượng giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh, lấy đó làm cơ sở bồi dưỡng lý tưởng và nhân sinh quan đúng đắn cho mỗi cán bộ đảng viên, nhân dân, nhất là thế hệ trẻ.

**Thứ hai, *nói đến công tác tư tưởng trong giai đoạn hiện nay phải coi tư tưởng như một nguồn vốn xã hội bảo đảm cho sự phát triển và chúng ta phải làm sao cho nguồn vốn xã hội này tăng lên nhanh chóng.***

Sự thống nhất chính trị, tinh thần trong xã hội được thế giới ngày nay quan niệm là *nguồn vốn xã hội.* Vốn cho phát triển không phải chỉ có tiền bạc, đất đai, nguồn nhân lực, mà còn là sự thống nhất chính trị, tinh thần, sự đồng thuận xã hội, là dân khí dám làm việc lớn đưa đất nước đi lên. Đó chính là vốn xã hội. Khi nhấn mạnh *nguồn vốn xã hội* không có nghĩa chúng ta coi nhẹ các nguồn vốn khác, nhưng vốn xã hội do hoạt động tư tưởng của con người Việt Nam tạo ra rất dồi dào nên phải phát huy bằng được. Phải coi tư tưởng - văn hóa là động lực của sự phát triển, là nhân tố bên trong của sự phát triển, bởi vì tư tưởng - văn hóa đã thấm vào kinh tế, thấm vào các lĩnh vực xã hội sẽ tạo ra sức mạnh tinh thần của sự vận động phát triển. Nói đến sự phát triển vững chắc chính là nói đến yếu tố tư tưởng, tinh thần trong quá trình tăng trưởng. Những nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác chỉ rõ: *Chỉ có vật chất mới đánh đổ vật chất, nhưng lý luận một khi thấm vào quần chúng thì cũng trở thành sức mạnh vật chất.* Điều đó đúng vào thời điểm hiện nay. Đánh đổ vật chất chỉ có sức mạnh vật chất, cho dù tư tưởng tuyệt vời đến đâu cũng không đánh đổ được vật chất. Nhưng một khi lý luận cách mạng thấm vào quần chúng thì trở thành sức mạnh vật chất, từ đó tạo ra sự vận động của xã hội.

Hiện nay, chủ nghĩa Mác - Lê-nin đang bắt gặp tư tưởng của thời đại, chính là tư tưởng văn hóa là động lực cho sự phát triển. Để cho công tác tư tưởng trở thành nguồn vốn xã hội, là động lực cho phát triển thì hoạt động tư tưởng phải là hoạt động sáng tạo. Hoạt động tư tưởng của Đảng ta là nhằm xây dựng một xã hội mới, cho nên phải luôn luôn sáng tạo. Phải làm sao để chúng ta tổng kết được cái mới, nắm bắt được các nhân tố tiên tiến, lấy đó làm sức mạnh thay đổi đất nước

**Thứ ba, *công tác tư tưởng phải góp phần xây dựng đạo đức xã hội và đạo đức cán bộ, đảng viên.***

Hiện nay, chống tham nhũng là nhiệm vụ cực kỳ trọng yếu để khắc phục bốn nguy cơ mà Đảng ta đã chỉ ra trong nhiều nhiệm kỳ Đại hội. Khắc phục tham nhũng, xây dựng đạo đức, lối sống trong sạch lành mạnh có ý nghĩa to lớn trong xây dựng Đảng, phát triển văn hóa tinh thần của xã hội.


Digitized by Google

**Thứ tư, *công tác tư tưởng phải góp phần xây dựng Đảng.***

Nếu công tác tư tưởng không phải là bộ phận hữu cơ của toàn bộ công tác xây dựng Đảng thì công tác tư tưởng sẽ vô nghĩa. Phải xuất phát và gắn chặt với nhiệm vụ xây dựng Đảng để triển khai công tác tư tưởng. Hiện nay, một số lĩnh vực tư tưởng của chúng ta chưa thực rõ yêu cầu xây dựng Đảng. Ngay một số báo chí cũng chưa thực sự quan tâm góp phần xây dựng Đảng, thậm chí có lúc còn có sự thoát ly sự lãnh đạo của Đảng. Công tác tư tưởng, hoạt động văn hóa - nghệ thuật, báo chí thông tin phải gắn bó làm một với sự nghiệp tư tưởng của Đảng, với sự nghiệp xây dựng Đảng, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng. Phải hết sức tránh hoạt động chuyên môn thuần túy thoát ly chủ trương, phương hướng lãnh đạo của Đảng. Quá đề cao yêu cầu chuyên môn coi nhẹ sự lãnh đạo của Đảng sẽ có ảnh hưởng rất xấu đến các hoạt động thông tin báo chí, văn hóa - nghệ thuật. Như vậy, để công tác tư tưởng phát triển tốt, một mặt Đảng phải hết sức chăm lo công tác tư tưởng, mặt khác các binh chủng tư tưởng phải bám sát sự chỉ đạo của Đảng, phục vụ tốt công tác xây dựng Đảng. Chỉ có như vậy chúng ta mới tạo ra bước phát triển cao hơn của công tác tư tưởng.

**Thứ năm, *bảo vệ trận địa tư tưởng.***

Hiện nay, cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng diễn ra ngày một gay gắt, kẻ địch đang tìm mọi cách phá vỡ mặt trận tư tưởng của chúng ta. Một trong vũ khí lợi hại kẻ thù tung ra là dùng văn hóa - tư tưởng để tấn công vào mặt trận tư tưởng dưới hình thức "diễn biến hòa bình" được ngụy trang dưới nhiều biểu hiện với nhiều nội dung, hình thức khác nhau; do đó, việc đối phó cũng phải cần những phương thức khác nhau. Một trong những đòn tiến công của lực lượng thù địch là diễn biến về chính trị, sử dụng các phần tử cơ hội tung ra các khẩu hiệu đa nguyên, đa đảng, đòi thay đổi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội, chống lại sự lãnh đạo của Đảng. Hình thức này chúng ta dễ nhận ra để đối phó. Nhưng có loại "diễn biến hòa bình" lại không trực tiếp mang màu sắc chính trị như vậy, tức là nó thâm nhập bằng lối sống thực dụng, lai căng, mất gốc, nhào nặn con người Việt Nam theo hình ảnh con người xã hội phương Tây. "Diễn biến hòa bình" kiểu này là rất phức tạp, đối phó không dễ dàng. Trên phương diện nào đó pháp luật chúng ta chưa đưa ra điều khoản trừng phạt việc truyền bá các tác phẩm văn học nghệ thuật, báo chí lai căng mất gốc, lối sống thực dụng.

Để khắc phục sai trái, điều quan trọng là các cơ quan tư tưởng, văn hóa phải thực hiện đồng bộ các biện pháp cả về giáo dục, kinh tế, hành chính, tích cực hướng dẫn nhân dân nhận rõ cái đúng, cái sai, cái tốt, cái xấu, coi trọng việc xây dựng các giá trị của nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Trong cuộc đấu tranh này, chúng ta phải thực hiện đúng phương châm đúc rút từ trong lịch sử đấu tranh cách mạng của nhân dân ta là đoàn kết, nâng cao ý thức tổ chức kỷ luật. Đoàn kết và có kỷ luật cao mới không bị âm mưu "diễn biến hòa bình" khuynh đảo. Phải trên tinh thần chủ động tiến công, sớm dự báo được âm mưu, thủ đoạn, đón trước khả năng tác động của các phần tử xấu, của âm mưu "diễn biến hòa bình".

*Điều quan trọng là,* phải đổi mới nội dung, phương thức hoạt động tư tưởng *cho phù hợp với yêu cầu của tình hình mới ở nước ta.*

***Một là,** phương thức quan trọng trong hoạt động tư tưởng hiện nay là tuyên truyền tốt hơn nữa các điển hình, nhân tố mới, đúc rút những bài học kinh nghiệm quí trong xã hội.* Cùng với việc tuyên truyền điển hình, nhân tố mới cần làm tốt công tác tổng kết thực tiễn tìm ra nhân tố mới, phát triển tư duy đổi mới sâu rộng trong xã hội. Những văn kiện của Đảng gần đây đều nói đến yêu cầu tổng kết thực tiễn để phổ biến ngày càng rộng rãi những kinh nghiệm, sáng kiến tốt trên tất cả các lĩnh vực. Giới thiệu nhân tố tích cực, điển hình tiên tiến, gương sáng cán bộ, nhân dân trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội là một yêu cầu lớn... Làm tốt việc này là tạo ra tâm trạng phấn chấn, niềm tin vào sự nghiệp đổi


Digitized by Google

mới, sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong cán bộ, đảng viên.

***Hai là, phải đa dạng hóa các sản phẩm của công tác tư tưởng với nhiều nội dung sinh động, làm cho các chủ trương, nhiệm vụ của Đảng đến tới các tầng lớp nhân dân một cách thiết thực, cụ thể, phù hợp với suy nghĩ và hành động của các đối tượng.*** Sự phát triển dân trí đặt ra cho xã hội chúng ta một tình hình là không thể có một cuốn sách đọc chung cho tất cả mọi người. Chúng ta cần có nhiều cuốn sách nói về một vấn đề để nâng cao nhận thức của các tầng lớp nhân dân. Ví dụ: giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng bào dân tộc, đồng bào có đạo, trí thức, công nhân, nông dân mỗi tầng lớp cần có một cuốn sách riêng, dễ tiếp nhận nội dung đó. Đây là vấn đề đang đặt ra, cũng là một khó khăn không nhỏ của công tác tư tưởng nhưng chúng ta không còn sự lựa chọn nào khác để bắt kịp nhu cầu ngày càng cao của nhân dân. Chúng ta cần chọn những chuyên gia có kinh nghiệm tạo ra nhiều sản phẩm tư tưởng đi sâu vào các lĩnh vực; cần mở rộng sự liên kết với các đoàn thể chính trị - xã hội, các ngành kinh tế - văn hóa để làm cho công tác tư tưởng thấm sâu vào nhận thức, tình cảm của các tầng lớp nhân dân. Ngành tư tưởng phải chủ động vươn lên trong phổ cập những vấn đề cơ bản về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, những nguyên lý chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đồng thời, phải hết sức quan tâm đến nhu cầu thị hiếu rộng rãi, đa dạng của xã hội.

***Ba là, mỗi tỉnh, thành phố phải chủ động triển khai các nhiệm vụ tư tưởng.*** Trong tình hình hiện nay, không thể có một văn bản hướng dẫn thật tốt cho tất cả các địa phương. Đời sống tư tưởng đang diễn ra rất sinh động đòi hỏi mỗi địa phương cần chủ động có những chủ trương, chính sách phù hợp với tình hình thực tiễn. Đầu tư cho tư tưởng, xét cho cùng là đầu tư nguồn nhân lực, đầu tư cho sự đồng thuận tinh thần, chính trị trong xã hội cũng chính là đầu tư cho phát triển. Tỉnh, thành phố nào cũng có trách nhiệm lo cho sự nghiệp này. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ninh ra Chỉ thị giao cho Ban Tuyên giáo và Ban Tổ chức Tỉnh ủy chọn 40 đến 50 người đào tạo tập trung trở thành lực lượng cán bộ dự nguồn của công tác tư tưởng. Năm 2003, tỉnh quyết định nâng cấp 10 trung tâm chính trị ở quận, huyện, tức là có 2/3 số trung tâm chính trị quận, huyện của tỉnh có nhà 2 tầng đủ để cán bộ học tập, nghỉ ngơi. Đây là hướng đi đúng, nếu mỗi địa phương chủ động sẽ làm cho công tác tư tưởng có tầm vóc và sức mạnh mới.

***Bốn là, công tác tư tưởng là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân.*** Nếu chúng ta làm công tác tư tưởng theo lối giao khoán cho các cơ quan tuyên giáo với số cán bộ chuyên trách ít ỏi thì chắc chắn không thể tạo ra mặt trận tư tưởng rộng lớn. Cần tổ chức toàn dân làm công tác tư tưởng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Bởi vì, chúng ta quan niệm công tác tư tưởng là một mặt trận rộng lớn nên phải vận động nhân dân tham gia vào mặt trận đó. Không thể coi nhân dân là người thụ động chỉ có học tập, nghiên cứu những bài giảng chính trị do cán bộ tuyên giáo truyền đạt. Sự tham gia của quần chúng vào đời sống tư tưởng là một vấn đề rất lớn. Nếu trí tuệ của Đảng bắt mạch được vào quần chúng, được quần chúng hưởng ứng thì sức mạnh của công tác tư tưởng được nhân lên nhiều lần.

***Năm là, đổi mới phương thức công tác tư tưởng chính là đổi mới công tác tổ chức cán bộ, nhất là ở cấp cơ sở xã, phường, thị trấn.*** Ban tuyên huấn ở cơ sở xã, phường, thị trấn tổ chức hoạt động như thế nào cho đến việc khôi phục trường đào tạo cán bộ tuyên huấn Trung ương, sắp xếp lại chức danh trong hệ thống tuyên huấn các cấp, vấn đề đào tạo cán bộ tuyên huấn; chính sách với cán bộ tuyên huấn... là những vấn đề bức bách. Nếu chúng ta xử lý được một số khâu trong tổ chức cán bộ thì công tác tư tưởng sẽ vươn lên mạnh hơn. Nói đổi mới công tác tư tưởng cũng là nói đổi mới ngay từ cán bộ chủ chốt làm công tác tư tưởng với quyết tâm, trách nhiệm cao, chủ động tiến công; đồng thời, linh hoạt, sáng tạo, bắt kịp sự phát triển của cuộc sống. ❑


Digitized by Google

# THỰC HIỆN THẮNG LỢI CHỦ TRƯƠNG CỦA ĐẢNG VỀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

HỒ XUÂN HÙNG *

HỘI nghị Trung ương 9, khóa IX, ra Nghị quyết *Về một số chủ trương, chính sách, giải pháp lớn nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng*, trong đó đề cập một nội dung quan trọng liên quan đến việc sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước. Để góp phần làm rõ vấn đề đó, nhằm đánh giá và tổ chức thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng về doanh nghiệp nhà nước, chúng tôi xin đề cập một số nội dung chủ yếu.

*Báo cáo kiểm điểm nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IX* của Đảng nhận định: "Doanh nghiệp nhà nước vẫn giữ được các vị trí trọng yếu trong kinh tế, tiếp tục đóng góp lớn nhất vào các nguồn thu nội địa của ngân sách. Đã tổng rà soát, xây dựng và bước đầu triển khai chương trình sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp nhà nước. Một số doanh nghiệp nhà nước đã nâng cao được sức cạnh tranh, hiệu quả kinh doanh và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế"(1). Đây là kết quả bước đầu trong thực hiện Nghị quyết Trung ương 3, khóa IX. Sau hơn 2 năm, với sự nỗ lực lớn của các ngành, các cấp có doanh nghiệp nhà nước và các tổng công ty "91", có 104 đề án về sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Cũng trong 2 năm (2002 và 2003), có 1 372 doanh nghiệp nhà nước được sắp xếp lại (đạt 81% nhiệm vụ đề ra). Tổng cộng cả 3 năm (2001 - 2003), số doanh nghiệp nhà nước được sắp xếp lại là 1 766, bằng 31,23% trong số 5 655 doanh nghiệp nhà nước tại thời điểm cuối năm 2000. Trong số 905 doanh nghiệp nhà nước đã được cổ phần hóa thì phần lớn là doanh nghiệp nhỏ. Tổng vốn các doanh nghiệp đã được cổ phần hóa mới chỉ chiếm 6% vốn của Nhà nước trong các doanh nghiệp nhà nước. Số doanh nghiệp còn lại thuộc diện phải sát nhập, giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê, giải thể.

Sau khi giải thể 5 tổng công ty nhà nước, hợp nhất 8 tổng công ty thành 4, tách Tổng Công ty Rượu bia - Nước giải khát Việt Nam thành 2 đơn vị và thành lập 3 tổng công ty mới, đến nay cả nước có 18 tổng công ty "91" và 74 tổng công ty "90" (gồm cả 5 ngân hàng thương mại). Nhìn chung, sau khi sắp xếp, các doanh nghiệp nhà nước (kể cả những công ty nhà nước nắm giữ 100% vốn và nắm cổ phần chi phối) bước đầu hoạt động có hiệu quả hơn, đặc biệt là các tổng công ty nhà nước. Đến cuối năm 2003, cả nước chỉ còn 13,5% (năm 2002 là 20%) số doanh nghiệp nhà nước đang trong tình trạng thua lỗ. Các doanh nghiệp nhà nước đóng góp 40% ngân sách và chiếm tỷ trọng tới 38% GDP của toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Nhiều mặt hàng thiết yếu của nền kinh tế, những vùng khó khăn của đất nước đều do doanh nghiệp nhà nước đảm

* Phó Trưởng Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp nhà nước

(1) *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, tr 23



Digitized by Google

nhận. Đã có 16/18 tổng công ty "91" và 48/69 tổng công ty "90" (chưa tính 5 ngân hàng thương mại) được đánh giá là có khả năng hội nhập, cạnh tranh thị trường khu vực và quốc tế.

Bên cạnh những nỗ lực phấn đấu của các doanh nghiệp nhà nước trong quá trình tiến hành sắp xếp, đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả như đã nêu trên, hiện vẫn còn nhiều doanh nghiệp nhà nước yếu kém, thể hiện trên các mặt như sau:

- Số lượng doanh nghiệp nhà nước vẫn quá lớn (4 296 doanh nghiệp), trong khi vốn của doanh nghiệp lại quá nhỏ. Bình quân một doanh nghiệp nhà nước chỉ có 45 tỉ đồng, trong đó vốn lưu động chưa đầy 10 tỉ đồng. Nhưng điều đáng nói là, phần lớn vốn lại tập trung vào một số ít các tổng công ty lớn trong một số lĩnh vực như: dầu khí, xi-măng, xăng dầu, hàng không, hàng hải, đường sắt, điện lực. Vì vậy, còn tới 47% doanh nghiệp nhà nước có vốn chưa đầy 5 tỉ đồng. Nhiều doanh nghiệp chỉ còn vốn trên sổ sách, hoặc trong tài sản không dùng đến, nợ khó đòi, vốn thực tế dùng cho sản xuất, kinh doanh chỉ còn khoảng 50% con số công bố trên sổ sách.

- Nhiều doanh nghiệp đang trong tình trạng tài chính thiếu lành mạnh, độ tin cậy của các đối tác, của khách hàng thấp, nợ xấu còn chiếm tỷ lệ quá cao (8,5%), trong khi nợ xấu bình quân của nền kinh tế là 6,1%. Năm 2003, trong 77% số doanh nghiệp làm ăn có lãi thì chỉ chưa đầy 40% số doanh nghiệp đạt mức lãi cao hơn hoặc bằng lãi suất vay ngân hàng thương mại. Nhiều doanh nghiệp lãi và hòa vốn là do nhờ chính sách hỗ trợ tài chính của Chính phủ, như: xóa nợ, vay ưu đãi, cho hoàn lại thuế, xóa nợ đọng, trợ cấp hỗ trợ xuất khẩu... Những doanh nghiệp lãi cao phần lớn hoạt động trong lĩnh vực độc quyền hoặc gần như độc quyền.

- Nhìn chung, sức cạnh tranh của doanh nghiệp nhà nước trong khu vực và quốc tế còn kém, nhiều mặt hàng nhất là thuộc lĩnh vực nông, lâm, thủy sản còn hạn chế so với doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Theo đánh giá của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), sức cạnh tranh trên thị trường thế giới năm 2002 của các doanh nghiệp Việt Nam chỉ được xếp thứ 62 trong số 75 nước tham gia xếp hạng.

*Báo cáo kiểm điểm nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IX* của Đảng nhận định: "Việc sắp xếp, đổi mới, nhất là cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 thực hiện chậm so với mục tiêu đề ra. Bên cạnh những doanh nghiệp nhà nước đang giữ vị trí trọng yếu trong nền kinh tế quốc dân, vẫn còn giữ nhiều doanh nghiệp nhà nước ở những ngành, lĩnh vực mà nhà nước không cần nắm, có quy mô nhỏ, hiệu quả kinh doanh thấp, làm ăn thua lỗ kéo dài đã làm hạn chế vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước. Tình trạng lao động dôi dư đang là vấn đề nan giải của không ít doanh nghiệp nhà nước. Không ít doanh nghiệp nhà nước đang là gánh nặng cho ngân sách và là nguy cơ tiềm ẩn của các ngân hàng"(2).

Trong khi đó, nếu tổ chức thực hiện được đúng như lịch trình đã cam kết của 104 đề án sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, thì đến cuối năm 2005, số doanh nghiệp nhà nước (theo quy định của Luật Doanh nghiệp nhà nước sửa đổi và có hiệu lực từ 1-7-2004) còn lại là 2 973 đơn vị. Trong đó, 1 931 doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn và 1 042 doanh nghiệp Nhà nước giữ cổ phần chi phối. Nếu 200 lâm trường thuộc các địa phương được sắp xếp lại đúng tinh thần của Nghị quyết 28 của Bộ Chính trị (chuyển sang đơn vị sự nghiệp có thu) thì số doanh nghiệp Nhà nước giữ 100% vốn sẽ chỉ còn lại 1 731 đơn vị (trong đó có 449 doanh nghiệp hoạt động công ích) và 1 011 doanh nghiệp sẽ thực hiện cổ phần hóa Nhà nước không giữ cổ phần chi phối.

Bởi vậy, để sớm khắc phục những hạn chế như Trung ương đánh giá và để thực hiện được các mục tiêu và giải pháp chủ yếu do Hội nghị Trung ương 9 đặt ra, không thể không có những giải pháp thực hiện thật sự kiên quyết trong thời gian tới. Cụ thể là:

---

(2) *Văn kiện đd*, tr 29


Digitized by Google

1 - *Gắn việc triển khai, quán triệt và thực hiện Nghị quyết Trung ương 9, khóa IX, với Nghị quyết Trung ương 3, khóa IX, Về tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước.* Quá trình chỉ đạo, tổ chức xây dựng, phê duyệt và thực hiện đề án sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước cho thấy, nhận thức của không ít cán bộ, đảng viên, các cấp, các ngành, kể cả cán bộ chủ chốt, còn thiếu thông suốt, thiếu thống nhất, thiếu niềm tin, thậm chí nhiều nơi có biểu hiện lo ngại. Bởi vậy, giai đoạn tới, nếu chúng ta không tiếp tục quán triệt và chuẩn bị kỹ về mặt tư tưởng, thì việc tiến hành cổ phần hóa, kể cả những tổng công ty và doanh nghiệp lớn, khó đạt được kết quả như mong muốn. Nhiệm vụ này rất cần kíp nên phải làm rõ trách nhiệm của những người đứng đầu đơn vị và các cấp ủy, thậm chí từ đội ngũ bí thư chi bộ và các ban công tác tuyên truyền tư tưởng của các cấp ủy.

2 - Việc tổng kết công tác sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước phải hướng vào *khảo sát, tìm những vướng mắc để tháo gỡ kịp thời cho các doanh nghiệp sau khi chuyển đổi sở hữu hoạt động có hiệu quả* nhằm vừa khích lệ động viên, vừa xây dựng những mô hình tiêu biểu làm gương cho các doanh nghiệp nhà nước đang chuẩn bị cổ phần hóa theo chủ trương đúng đắn của Đảng. Đồng thời, khẩn trương ban hành các văn bản pháp quy theo *Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 và Nghị quyết Trung ương 9, khóa IX.* Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện khung pháp lý để doanh nghiệp nhà nước có điều kiện nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm về hiệu quả sản xuất, kinh doanh và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước (sửa đổi). Trước mắt, sửa đổi, bổ sung tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước, tổng công ty nhà nước. Sửa đổi ngay các quy định không còn phù hợp cho đúng tinh thần nghị quyết Trung ương 9, khóa IX.

3 - Đồng thời với việc tập trung chỉ đạo thực hiện sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước theo đề án đã được phê duyệt, cần giao trách nhiệm cho người đứng đầu các bộ, ngành, địa phương, tổng công ty... chủ động rà soát, nếu cần thiết, bổ sung, điều chỉnh phương án theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 9, khóa IX. Cần sửa đổi các quy trình, thủ tục phê duyệt phương án theo hướng tăng quyền chủ động cho Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và Hội đồng quản trị các tổng công ty. Ví dụ, việc lựa chọn thêm doanh nghiệp nhà nước chuyển sang công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hoặc việc chọn các doanh nghiệp nhà nước có vốn dưới 10 tỉ đồng sang cổ phần hóa, chuyển các loại hình trong nhóm chuyển đổi sở hữu. Nên giao quyền cho Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Hội đồng quản trị tổng công ty cân nhắc việc Nhà nước có cần nắm giữ cổ phần chi phối hay không đối với doanh nghiệp có vốn nhà nước dưới 10 tỉ đồng, và chỉ cần gửi quyết định để báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

4 - *Lựa chọn một số tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước lớn trong các lĩnh vực Nhà nước không cần nắm giữ 100% vốn để thí điểm cổ phần hóa.* Trước hết, để công tác thí điểm được thuận lợi, nên chọn mô hình tổng công ty đã có hầu hết các đơn vị thành viên thực hiện cổ phần hóa; loại hình tổng công ty hạch toán toàn ngành; loại hình tổng công ty có nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh chính xuyên suốt, còn các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh khác chỉ nhằm bổ trợ ngành nghề chính. Chuẩn bị điều kiện để cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, tổng công ty trong một số lĩnh vực mà Nhà nước không cần nắm giữ.

5 - *Tháo gỡ khó khăn, bãi bỏ thủ tục rườm rà khi tiến hành cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước* và tìm ra phương thức mới để khi tiến hành cổ phần hóa, nhất là cổ phần hóa tổng công ty vẫn bảo đảm cho doanh nghiệp sau cổ phần hóa mạnh hơn về vốn, thay đổi được phương thức quản trị doanh nghiệp, có được thêm bạn hàng,


Digitized by Google

có chiến lược tốt cả về thị trường, công nghệ và vốn, bảo vệ lợi ích người lao động, không làm thất thoát tài sản của Nhà nước.

Thực tế cho thấy, trong tiến trình thực hiện cổ phần hóa, các thủ tục vẫn còn phức tạp, rườm rà; ở nhiều địa phương, ngành, cán bộ công chức thực thi vấn đề này còn lúng túng, thậm chí gây khó dễ, thiếu thống nhất trong chỉ đạo. Chẳng hạn, thời gian tiến hành cổ phần hóa một doanh nghiệp nhà nước, kể từ khi ra quyết định thành lập ban đổi mới tại doanh nghiệp đến khi đăng ký kinh doanh, thường rất dài: Đối với tổng công ty "91" bình quân là 561 ngày, doanh nghiệp thuộc bộ là 523 ngày, doanh nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh là 421 ngày. Mặc dầu năm 2003 đã có tiến bộ, giảm được nhiều thủ tục so với năm 2002 nhưng rõ ràng thời gian đó vẫn còn khá dài (theo thứ tự là: 485; 456; 389 ngày).

Sau khi trừ đi số ưu đãi và thực hiện chính sách khác, số cổ phiếu còn lại được tổ chức bán đấu giá nhưng đang gặp nhiều trở ngại, chưa gắn quá trình cổ phần hóa với việc niêm yết trên thị trường chứng khoán để thu hút vốn và hấp dẫn được các nhà đầu tư lớn. Đây là nhược điểm cần được chấn chỉnh, khắc phục trong thời gian tới, nhất là trong khâu cổ phần hóa các tổng công ty và doanh nghiệp lớn. Cách thức tốt nhất, thiết nghĩ là, giữ nguyên giá trị doanh nghiệp, phát hành thêm cổ phiếu thông qua thị trường chứng khoán, thí điểm bán một tỷ lệ nhất định cổ phiếu cho các nhà đầu tư nước ngoài. Chính sách ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp được xem xét giải quyết thỏa đáng bằng hình thức trả tiền và bảo đảm việc làm thích hợp.

6 - *Xử lý những vướng mắc trong việc xác định giá trị doanh nghiệp và cân nhắc kỹ việc tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp.* Mục tiêu của Đảng và Nhà nước ta trong việc chuyển đổi sở hữu đối với một bộ phận doanh nghiệp nhà nước là không phải chỉ để thu tiền về mà nhằm *nâng cao hiệu quả hoạt động, lành mạnh hóa tài chính các doanh nghiệp, nâng cao sức cạnh tranh.* Nhưng không được để thất thoát tài sản Nhà nước, "bán đổ, bán tháo" doanh nghiệp nhà nước hoặc tư nhân hóa một cách trá hình. Vì vậy, nguyên tắc định giá doanh nghiệp sát giá thị trường là đúng; nhưng phải là thị trường lành mạnh chứ không phải là đầu cơ kiểu như thị trường đầu cơ bất động sản hiện nay. Và cũng không để cho một số cá nhân lợi dụng "cái gọi là thuê đất" để chiếm những diện tích lớn ở những vị trí "đắc địa" tại các đô thị nhằm mưu lợi cá nhân bất chính. Coi việc áp dụng hình thức đấu giá công khai doanh nghiệp nhà nước là một giải pháp quan trọng để khắc phục vướng mắc này.

7 - *Xây dựng những mô hình doanh nghiệp mới các tổng công ty nhà nước nói riêng, các doanh nghiệp Việt Nam nói chung.* Điều quan trọng là, mạnh dạn áp dụng chế độ "tham dự" về kinh tế, để xây dựng loại hình đa sở hữu trong các tập đoàn kinh tế, đa dạng hóa các hình thức sở hữu đan xen, hỗn hợp. Một mặt, cơ quan nhà nước phải đặt ra được các tiêu chí, cơ chế để các doanh nghiệp nhà nước vươn tới trong quá trình tích tụ vốn, phát triển sản xuất, kinh doanh chứ không phải chỉ dừng ở việc tạo ra các điều kiện và phê duyệt; mặt khác, chủ động khắc phục và chống xu hướng tích tụ độc quyền dẫn đến tình trạng lũng đoạn nền kinh tế nước nhà, hoặc là gây khó khăn, thiệt hại cho người sản xuất và người tiêu dùng do sự độc quyền đó tạo ra.

8 - Để nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước như mục tiêu của Nghị quyết Trung ương 3 và Nghị quyết Trung ương 9 khóa IX, cùng với các biện pháp trên, trong số các biện pháp về kinh tế, giáo dục, hành chính như chúng ta đang áp dụng, *cần tiếp tục tính toán để giảm thiểu những "vùng cấm", tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế khác vươn lên, cạnh tranh lành mạnh với doanh nghiệp nhà nước.* Từ đó tạo lập môi trường bình đẳng kinh doanh để doanh nghiệp nhà nước có động lực tự đổi mới mình, không ỷ lại vào "bầu sữa" của sự bao cấp và hỗ trợ. Kiên quyết cắt giảm những trợ cấp tài chính không phù hợp với quy luật cạnh tranh của cơ chế thị trường. Có chính sách tôn vinh


Digitized by Google

giám đốc doanh nghiệp giỏi; đồng thời, có cơ chế thế chấp về vật chất thích hợp để đội ngũ giám đốc doanh nghiệp vừa có quyền lớn, vừa có trách nhiệm vật chất cá nhân cao.

9 - *Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn Nhà nước góp và sự quản lý doanh nghiệp nhà nước theo nghĩa "cơ quan nhà nước chủ quản".* Những năm gần đây, cùng với việc sửa đổi bổ sung các chủ trương, chính sách nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế phát triển, Đảng ta rất coi trọng việc nghiên cứu, ban hành những quy định để nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng trong tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội và an ninh, quốc phòng, hết sức quan tâm đến công tác xây dựng Đảng trong các doanh nghiệp nhà nước bằng việc kịp thời ban hành các văn bản, như: Quy định số 49 - QĐ/TW, ngày 19-11-1992; Quyết định số 71 - QĐ/TW, ngày 10-7-1993 và gần đây là Quyết định số 67 - QĐ/TW, ngày 24-3-2003, Kế hoạch số 13 - KH/TCTW, ngày 7-4-2003 của Ban Tổ chức Trung ương... Nỗ lực đó đã tạo nhiều chuyển biến, nhất là, làm rõ chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức đảng trong các doanh nghiệp nhà nước và các tổng công ty.

Tuy nhiên, yêu cầu phát triển sản xuất, kinh doanh đang đặt ra không ít thách thức đối với công tác xây dựng Đảng. Số đảng viên có yêu cầu đi công tác độc lập, xa cơ sở ngày một nhiều. Trong khi đó, sự lên xuống, may rủi của doanh nghiệp trong kinh tế thị trường luôn tạo ra tính không ổn định của tổ chức cơ sở đảng, đặt ra những vấn đề mới đối với việc quản lý đảng viên. Làm thế nào để vừa củng cố được vai trò lãnh đạo của chi bộ, đảng bộ ở cơ sở; thống nhất được nhiệm vụ chính trị với công tác chuyên môn, vừa tránh trùng lặp, chồng chéo, vừa tránh buông lỏng quản lý đảng viên đang là vấn đề khó trong các công ty cổ phần có vốn góp của Nhà nước, và thậm chí ngay cả các công ty cổ phần mà các cổ đông đều là doanh nghiệp nhà nước. Những đòi hỏi về lòng trung thực, sự hy sinh của đảng viên trong hoạt động sản xuất, kinh doanh hiện nay là thế nào?... Tất cả đang đặt ra và đòi hỏi những chuẩn mực mới. Do đó, chức năng, nhiệm vụ của tổ chức đảng ở cơ sở cũng cần được gấp rút bổ sung, sửa đổi cho thật phù hợp.

Cùng với việc Trung ương đưa ra những quy định mới về đổi mới sự lãnh đạo của Đảng trong các doanh nghiệp có vốn Nhà nước, Chính phủ cũng cần sớm ban hành nghị định về thực hiện quyền của chủ sở hữu nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý của Nhà nước và củng cố vai trò của cơ quan chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước nhằm xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước đối với chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước. Theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 9 khóa IX, cần nghiên cứu thí điểm thành lập các công ty đầu tư tài chính của Nhà nước và cơ quan quản lý nhà nước để thực hiện thống nhất và hiệu quả chức năng đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp có vốn của Nhà nước, khắc phục tình trạng trung gian nhiều tầng nấc trong quản lý đối với doanh nghiệp.

Mục tiêu của Đảng ta là, củng cố, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước nhằm bảo đảm cho doanh nghiệp nhà nước ngày càng giữ được vị trí quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, những lĩnh vực kinh tế then chốt nhà nước cần nắm giữ, các doanh nghiệp nhà nước (100% vốn) phải được củng cố, đầu tư đổi mới, cải cách thể chế kinh doanh để có thể đứng vững, cạnh tranh và giữ vững định hướng trong kinh tế thị trường.

Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, nhất là các Nghị quyết Trung ương 3, Trung ương 9 trong lĩnh vực sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, trong tình hình hiện nay càng đòi hỏi phải có sự thống nhất cao từ trong nhận thức tới hành động và sự kiên quyết trong tổ chức thực hiện. Cần nêu cao trách nhiệm cá nhân của những người đứng đầu các cơ quan đảng, chính quyền và doanh nghiệp từ trung ương đến cơ sở.❑


Digitized by Google

# CHIẾN THẮNG ĐIỆN BIÊN PHỦ: NHÌN TỪ NHIỀU GÓC ĐỘ

**NGUYỄN KIM THÀNH***

CHIẾN thắng Điện Biên Phủ lừng lẫy năm châu chấn động địa cầu đã trở thành *"... một cái mốc chói lọi bằng vàng của lịch sử"*, như Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định. Vì, nó không chỉ chấm dứt ách thống trị của thực dân Pháp ở nước ta, mà còn mở ra một thời đại mới - thời đại giành độc lập dân tộc cho các nước thuộc địa nhược tiểu trên phạm vi toàn cầu.

Chính vì vậy, đã tròn nửa thế kỷ trôi qua, chiến thắng Điện Biên Phủ vẫn còn vang vọng mãi trong lòng nhân loại như một biểu tượng sáng ngời của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam và sức mạnh của thời đại. Sự kiện Điện Biên Phủ đã cuốn hút mối quan tâm nghiên cứu của không biết bao nhiêu các học giả trên thế giới. Trong đó, có không ít người trong cuộc trên cả hai trận tuyến đối lập, đã từng trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia trận chiến Điện Biên Phủ. Đã có hàng trăm tác phẩm, với hàng trăm ngàn trang sách, báo viết về Điện Biên Phủ trên nhiều bình diện và góc độ tiếp cận: chính trị, quân sự, ngoại giao, tầm vóc ý nghĩa, những nhân tố khách quan, chủ quan đã dẫn đến kết cục: thực dân Pháp chiến bại và nhân dân Việt Nam chiến thắng.

Nhưng có một điều chung nhất, các tác giả đều đánh giá trận chiến Điện Biên Phủ như những trận đánh lừng danh, nổi tiếng trên thế giới trong lịch sử từ thời cổ đại đến ngày nay. Các nhà quân sự hiện đại đã so sánh trận Điện Biên Phủ với trận Lót-tơ giữa Xpác và Te-bơ vào năm 371 trước Công nguyên; trận Ma-ra-tông giữa A-ten và Ba Tư; trận Pôn-ta-va giữa Nga và Thụy Điển; trận Bô-rô-đi-nô giữa Nga và Pháp; trận Oa-téc-lô giữa Anh và Pháp, trận Xta-lin-grát giữa Liên Xô và phát xít Đức... Còn người Mỹ đã ví sự đại bại của Pháp ở Điện Biên Phủ như thất thủ ở pháo đài Co-rê-ghi-đô, Tơ-rô-búc và Bi-a-ha-ken của Mỹ và Anh trong cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai...

Và từ phía bên kia, người Pháp đã nghĩ gì, viết gì về Điện Biên Phủ?

Sau chiến thắng liên tiếp của quân đội ta tại chiến dịch Biên giới, Hòa Bình, Tây Bắc, Thượng Lào, một thế trận mới đã hình thành, gây bất lợi cho Pháp và cả Mỹ. Bởi vậy, trung tuần tháng 9-1953, Đại tướng H. Na-va - viên tướng tham mưu trẻ, đã từng phụ trách công tác tình báo, có tài năng, chưa bao giờ đến Việt Nam đã được Chính phủ Pháp quyết định làm Tổng Chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương. Sau khoảng hai tháng nhận chức, H. Na-va đã trình Ủy ban Quốc phòng của Chính phủ Pháp một "Kế hoạch" mưu toan cứu

* Bảo tàng Cách mạng Việt Nam


Digitized by Google

văn tình hình tồi tệ của Pháp ở Đông Dương, nhằm biến bại thành thắng. Cho dù đã thừa nhận trong tập hồi ký *"Đông Dương hấp hối"* (xuất bản tại Pa-ri, năm 1956) rằng tình hình lúc đó là "... trong 7 000 làng thì đã có trên 5 000 làng hoàn toàn hoặc ít nhiều do Việt Minh kiểm soát". Trung tâm điểm của kế hoạch đó là tập trung binh lực lập thành tập đoàn cứ điểm tại Điện Biên Phủ gồm 49 cứ điểm với ba phân khu, thiết lập cầu hàng không với đồng bằng Bắc Bộ và nhiều nơi trong nước. Sau khi hoàn thành công việc đó, ngày 5-12-1953, H. Na-va huênh hoang ra huấn lệnh: "Tập trung cuộc phòng ngự Tây Bắc vào căn cứ không quân, lục quân Điện Biên Phủ" và "giữ căn cứ này với bất kỳ giá nào". Không những thế, ông ta còn thách thức "tiếp tục cuộc chiến đấu ở Điện Biên Phủ", với sự ngạo mạn sẽ "nghiền nát" bộ đội chủ lực của Việt Minh (!)

Cũng vẫn với giọng điệu tự mãn, kiêu ngạo ấy, viên Đại tá Đờ Cát-tơ-ri được H. Na-va cử lên Điện Biên Phủ chỉ huy Binh đoàn tác chiến Tây Bắc thay cho tướng Gin, đã dùng máy bay thả truyền đơn cao giọng khiêu khích quân đội ta: "Nghe nói các Ngài định đưa quân vào ăn Tết ở Điện Biên Phủ, chúng tôi luôn sẵn sàng đón tiếp các Ngài". Còn Trung tá Pi-rốt - Tư lệnh Pháo binh, cũng điên cuồng tuyên bố: "Tôi không để pháo binh Việt Minh bắn 2, 3 quả mà họ không bị phát hiện và bị tiêu diệt". Đồng thời, viên Tư lệnh này còn đánh giá một cách hết sức chủ quan: "... Liệu đối phương có mấy chục khẩu pháo, mà bằng cách nào họ đưa lên đây được? Giả thiết nếu có, họ phải đặt pháo ở sườn ngoài các đỉnh cao bao quanh lòng chảo. Ở đây làm sao họ có thể bắn tới các trung tâm đề kháng của pháo đài bất khả xâm phạm Điện Biên Phủ. Nếu họ dám đặt pháo bên sườn phía trong thì khi họ bắn, ánh lửa đầu nòng sẽ làm lộ, pháo binh truyền thống của Pháp sẽ hủy diệt họ tức khắc".

Nhưng, thật thảm hại! Họ đã phải trả giá rất đắt, bằng sự thất bại với không biết bao nhiêu sĩ quan, binh lính của họ đã phải thí mạng! Ngay trận mở đầu chiến dịch Điện Biên Phủ, hồi 13giờ 15 phút ngày 13-3-1954, bộ đội pháo binh Việt Nam đã "dội lửa" vào cứ điểm Him Lam, áp đảo tuyệt đối "pháo binh truyền thống" của Pháp. Tư lệnh Pháo binh Pi-rốt không còn cách nào khác là phải tự sát để trốn tránh sự hổ nhục. Đó là cái giá phải trả cho sự ngông cuồng!

Không đầy một tuần sau, khi lượng dự trữ đạn pháo 105 mm của chúng cạn dần, ngày 19-3-1954, Thiếu tướng Đờ Cát-tơ-ri hoảng hốt gọi điện cho Trung tướng Cô-nhi - Tư lệnh quân Pháp tại Bắc Bộ - vội vàng thông báo: "... Việc mất Điện Biên Phủ là điều khó có thể tránh khỏi trong thời gian ngắn...". Điều đó đã đến với họ. Giăng Pu-gốt, nguyên Thư ký riêng của Đại tướng H. Na-va, đã viết trong cuốn hồi ký *Chúng tôi ở Điện Biên Phủ* (xuất bản tại Pa-ri, 1964) cho biết : "Đã ba ngày (kể từ 5-5-1954) Đờ Cát-tơ-ri và Bi-da nghĩ đến chiến dịch Hải Âu (Albatros), công việc cuối cùng để tìm cách tẩu thoát sang Lào...".

Còn H. Na va - Tổng Chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương - tròn một năm đến Việt Nam, cũng phải ngậm ngùi công nhận trong tác phẩm *Thời điểm của những sự thật* (xuất bản tại Pháp, 1979), như sau: "... đến 7-5 nhận thấy thua đến nơi rồi, tướng Đờ Cát-tơ-ri được sự đồng ý của tướng Cô-nhi và tôi, quyết định đến đêm sẽ rút chạy nhưng Việt Minh đã khẩn trương đẩy mạnh tiến công và đến chiều thì toàn bộ khu trung tâm đã thất thủ. Đội quân ở I-da-ben bỏ chạy lúc trời tối nhưng tất cả các hướng đều bị chặn. Chỉ lẻ tẻ vài chục người chạy thoát sang Lào".

Cũng vào thời khắc ấy, tướng Đờ Cát-tơ-ri đã gọi điện về Sở Chỉ huy ở Hà Nội vừa thông báo tình hình và hứa sẽ chiến đấu đến cùng: "Quân Việt Minh đã có mặt ở khắp nơi và chiếm giữ các vị trí quan trọng. Cuộc chiến đấu đang phức tạp và sẽ tiếp diễn như thế. Tôi cảm thấy sự kết cục đang gần kề, nhưng chúng tôi sẽ


Digitized by Google

chiến đấu đến cùng" và "... Chúng tôi sẽ phá hủy súng ống và thiết bị vô tuyến. Đường liên lạc sẽ bị phá hủy lúc 17giờ 30 phút. Chúng tôi sẽ tiếp tục chiến đấu ...".

Nhưng đúng 17giờ 30 phút, ngày 7-5-1954, tướng Đờ Cát-tơ-ri đã đổi lấy mạng sống, bằng việc cúi đầu khuất phục Việt Minh!

Ngay sau khi bị bắt sống, các sĩ quan của ta đã hỏi Đờ Cát-tơ-ri nghĩ gì về sự thất bại đó, ông ta trả lời: "Các ông có hiểu không, Điện Biên Phủ phiên âm ra tiếng Pháp là "Devienfru" có nghĩa là tôi trở thành "thằng điên"! Cũng do ngữ nghĩa tiếng Pháp của từ này nên vào thời điểm bi thảm nhất của quân đội Pháp ở "lòng chảo Điện Biên", các hãng thông tấn báo chí Mỹ đã tới tấp gọi điện đến nước Pháp hỏi về cách phiên âm từ Điện Biên Phủ sang tiếng Anh và tiếng Pháp thế nào để né tránh được sự hổ thẹn.

Cũng từ thời điểm lịch sử ấy, dư luận thế giới, đặc biệt là nước Pháp, sôi động hẳn lên vì sửng sốt trước thắng lợi của Việt Nam và sự thất bại của thực dân Pháp! Báo Côm-ba của Pháp, số ra ngày 8-5-1954, đã đánh giá: "Toàn thế giới, việc thất thủ Điện Biên Phủ xuất hiện như một sự kiện hàng đầu trong những năm gần đây, làm cho những người đồng minh phương Tây buồn rầu và những nước cộng sản vui mừng". Đi sâu vào phân tích bản chất sự thất bại của thực dân Pháp ở Điện Biên Phủ, tờ báo *Nước Pháp - Người quan sát*, số ra ngày 13-5-1954, đã chỉ rõ: "Trước hết, bản kết toán về cuộc chiến đấu ở Điện Biên Phủ rất rõ ràng. Đó là một chiến thắng quyết định hoàn toàn đối với tướng Giáp, một sự thất bại hoàn toàn đối với Na-va, Bi- đôn, Plê-ven, La-ni-en. Nếu người ta nói đến sự thất thủ của một Điện Biên Phủ thì phải gọi nó bằng đúng tên của nó: Đó là sự đầu hàng. Bộ Tham mưu của tướng Đờ Cát-tơ-ri không chiến đấu đến người cuối cùng, họ không thể chiến đấu được nữa vì binh sĩ của họ đã kiệt sức. Bản danh sách tù binh là dẫn liệu khá hùng biện về mặt đó. Nó chứng minh là giai đoạn cuối cùng của cuộc chiến đấu là một sự đầu hàng không hơn không kém của một đội quân thất vọng và suy nhược".

Không những thế, người Pháp cũng dành không ít quan tâm để phân tích vì sao nhân dân Việt Nam đã từng là thuộc địa của Pháp gần một thế kỷ, tiềm lực kinh tế và quân sự không đáng kể... nhưng đã giành được thắng lợi ở Điện Biên Phủ. Theo G. Roay, Đại tá Không quân Pháp, trong tác phẩm Trận chiến Điện Biên Phủ (xuất bản tại Pa-ri, 1963), cho rằng: "Tướng Na-va bị đánh bại không phải bởi các phương tiện chiến tranh, mà bởi trí thông minh đầy tính sáng tạo và lòng quyết tâm chiến thắng của đối phương". Chính vì vậy, Điện Biên Phủ là một minh chứng đầu tiên của loài người đối với vũ khí hiện đại: *vũ khí không thể khuất phục được con người có ý chí và làm chủ vận mệnh của mình.* Đồng thời, đó cũng chính là *sự khác nhau rất cơ bản giữa chiến thắng Điện Biên Phủ và tất cả các chiến thắng nổi tiếng trên toàn cầu* từ thời cổ đại cho đến ngày nay.

Có lẽ để cụ thể hóa cho cách lý giải có tính thuyết phục trên, hai học giả người Pháp, G. Bu-da-ren và F. Ca-vi-gi-li-ô-li trong bài viết: "Tướng Pháp suýt thất bại trong chiến dịch Điện Biên Phủ như thế nào?" trên tạp chí *Người quan sát mới*, số ra ngày 8-4-1983, đánh giá rất cao khi Đại tướng Võ Nguyên Giáp và Bộ Chỉ huy mặt trận, quyết định thay đổi phương châm "Đánh nhanh, thắng nhanh" bằng "Đánh chắc, tiến chắc" nhằm giành thắng lợi quyết định ở Điện Biên Phủ. Bài viết cho rằng: "... Đây là một quyết định có tính chất lịch sử mà những hệ quả của nó đã mở ra tương lai của nước Việt Nam và đã thay đổi bộ mặt thế giới thứ ba". Chính vì vậy, Đại tá G. Roay trong tác phẩm đã dẫn trên, khẳng định tầm vóc to lớn của chiến thắng Điện Biên Phủ như sau: "Trên toàn thế giới, Oa-téc-lô trước đây không gây tiếng vang bằng Điện Biên Phủ thất thủ gây nỗi kinh hoàng khủng khiếp. Đó là một


Digitized by Google

trong những thất bại bi thảm lớn nhất của phương Tây, *báo trước sự sụp đổ của các đế quốc thuộc địa và sự cáo chung của một nền Cộng hòa.* Tiếng súng Điện Biên Phủ vẫn còn vang vọng ".

Đúng như vậy, nếu như sau Chiến tranh thế giới thứ hai, từ 1945 đến 1954 chỉ có khoảng 20 nước giành được độc lập dân tộc thì từ năm 1954 đến 1960, mở đầu bằng chiến thắng Điện Biên Phủ, có 40 nước thuộc địa nhược tiểu, trong đó 32 nước là thuộc địa của Pháp, đã thoát khỏi ách nô lệ thực dân. Với thực tế đó, chiến thắng Điện Biên Phủ đã trực tiếp góp phần cùng với nhân loại làm cho *thế kỷ XX trở thành thế kỷ giải trừ chủ nghĩa thực dân.*

Phải chăng vì lẽ đó, G. La-ni-en - Thủ tướng Chính phủ thứ 19 của nước Pháp - bị đổ nhào sau thất bại Điện Biên Phủ? Đó là điều được ông kiến giải trong cuốn sách mang tựa đề *Thảm trạng Đông Dương* (xuất bản tại Pa-ri, 1957) như sau: "Trong lịch sử của mỗi dân tộc đều có những sự kiện có tính chất quyết định. Những tên gắn liền với chúng, cả những năm tháng cũng thế, chứa đựng một ý nghĩa vượt qua bản thân các sự kiện đó. Sáng sủa hoặc đen tối, trước mắt mọi người những sự kiện đó đều tượng trưng cho số phận tốt hay xấu của nước nhà. Điện Biên Phủ là cái tên như thế !". Mặt khác, ông cũng phải công nhận rằng, chính thắng lợi của Việt Nam tại Điện Biên Phủ không chỉ dẫn đến thất bại của Pháp về ngoại giao tại Hội nghị Giơ-ne-vơ mà còn tác động trực tiếp đến vị trí, vai trò lãnh đạo của họ ở châu Âu: "... Mọi người đều hiểu hậu quả của nó. Một chuỗi dài thử thách mở ra trước chúng ta. Đó là, sau một vài tuần lễ trước sự ngạc nhiên của các bạn đồng minh của chúng ta, sự bác bỏ khối Cộng đồng phòng thủ châu Âu - một sáng kiến cao thượng do người Pháp đề ra và có thể giành cho nước Pháp địa vị hàng đầu và cần thiết trong công cuộc xây dựng châu Âu - đã diễn ra. Đó là thất vọng về vấn đề Xi-ri, là Bắc Phi bùng cháy và cuối cùng là khối Liên minh Đại Tây Dương bị nguy khốn. Điện Biên Phủ - Giơ-ne-vơ, giữa hai tên đó, giữa hai nhật ký đó, là một trong những bước ngoặt bi thảm nhất của đời sống dân tộc chúng ta".

Nhưng chính những "bước ngoặt bi thảm" ấy, cũng đã ít nhiều góp phần thức tỉnh họ, *Nhật báo Pa-ri,* số ra đúng ngày 7-5-1954, viết: "Lương tri của một quốc gia cũng được rèn đúc nên trong những thất bại". Phải chăng vì thế, Tổng thống Pháp Đờ Gôn đã cảnh báo với Tổng thống Mỹ G. Ken-nơ-đi về viễn cảnh thất bại của Mỹ ở Việt Nam: "... Ngày hôm qua, người Mỹ các ngài muốn thay thế chúng tôi ở Đông Dương. Các ngài muốn thừa kế chúng tôi để khơi lại ngọn lửa chiến tranh mà chúng tôi đã dập tắt. Tôi báo trước cho Ngài biết rằng, các ngài sẽ từng bước lún sâu vào bãi sình lầy không đáy, cả về quân sự lẫn chính trị ...".

Và cũng đúng như dự báo chiến lược của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đại ý: *Sẽ còn có nhiều Điện Biên Phủ lịch sử đang chờ đợi chúng ta.* Gần 30 năm sau, cuộc tập kích mạo hiểm và liều lĩnh của đế quốc Mỹ vào Hà Nội bằng máy bay B52 hòng chuyển hướng tình thế cuộc chiến tranh ở Việt Nam đã đẩy Mỹ lâm vào tình trạng bi thảm như quân đội Pháp ở Đông Dương vào đêm trước của chiến thắng Điện Biên Phủ. Việt Nam đã có một *Điện Biên Phủ trên không.* Đế quốc Mỹ rơi vào một tình thế thảm bại hoàn toàn và buộc phải ký Hiệp định Pa-ri về việc chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam theo các điều kiện của Việt Nam.

Phải đến bốn thập kỷ, sau thất bại ở Điện Biên Phủ, Tổng thống đầu tiên của nước Cộng hòa Pháp sang thăm chính thức Việt Nam - Ph. Mít-tơ-răng, khi đến thăm Điện Biên Phủ vào đầu tháng 2-1993, đã tự phán xét: "Cuộc chiến tranh để giành lại quyền kiểm soát các thuộc địa Đông Dương cũ, đối với tôi luôn luôn là một sai lầm...", đồng thời khẳng định: Tôi đến đây để khép lại một chương trong lịch sử và để mở ra một chương mới trong mối "quan hệ hữu nghị giữa hai nước Việt - Pháp". ❑


Digitized by Google

# CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH LỊCH SỬ

LÊ XUÂN LƯU *

VỚI thắng lợi của chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử - chiến dịch quyết chiến chiến lược trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Mùa Xuân năm 1975 - cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã kết thúc và nhân dân ta đã thực hiện trọn vẹn tư tưởng chỉ đạo chiến lược của Chủ tịch Hồ Chí Minh là "đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào". Đây là một chiến dịch tiến công có quy mô lớn nhất về lực lượng so với các chiến dịch trong 20 năm kháng chiến chống Mỹ và cả 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc - chiến dịch có nhiều nét đặc sắc về tạo thời cơ và nắm thời cơ, về cách đánh, về cường độ tiến công, về tác chiến hiệp đồng quân binh chủng, về mục tiêu và ý nghĩa của nó đối với cách mạng nước ta và đối với phong trào giải phóng dân tộc.

Sự kiện lịch sử trọng đại đó chỉ diễn ra một lần, nhưng nghiên cứu và bàn luận về nó vẫn là trách nhiệm của nhiều người trong nhiều thế hệ để làm cho nó mãi mãi là sức sống của truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc và của nghệ thuật quân sự Việt Nam.

**1 - Về sáng tạo thời cơ và nắm thời cơ**

Ngày 27-3-1973, việc Mỹ phải ký "Hiệp định Pa-ri lập lại hòa bình ở Việt Nam", rút quân Mỹ và quân chư hầu về nước là một thời cơ lớn của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta, nhưng đây lại là thời kỳ khởi đầu của một chiến lược của Mỹ: chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh". Mục tiêu của chiến lược này là tiếp tục duy trì chủ nghĩa thực dân kiểu mới của Mỹ ở miền Nam Việt Nam. Để thực hiện mưu đồ đó, Mỹ tiếp tục duy trì một bộ phận lực lượng ở Đông Nam Á làm "lực lượng răn đe" và ra sức tăng cường viện trợ, đốc thúc ngụy quân, ngụy quyền Sài Gòn phá hoại Hiệp định Pa-ri.

Trước lúc Hiệp định Pa-ri có hiệu lực, Mỹ gấp rút viện trợ cho quân ngụy một khối lượng lớn máy bay, tàu chiến, pháo, xe tăng, xe bọc thép và dự trữ vật chất - kỹ thuật quân sự. Khi rút quân về nước, quân Mỹ và quân chư hầu đã để lại cho quân ngụy toàn bộ vũ khí, phương tiện chiến tranh và cơ sở vật chất - kỹ thuật của chúng.

Dựa vào viện trợ của Mỹ và dưới sự chỉ huy của sĩ quan Mỹ, khoác áo dân sự, chế độ ngụy quyền Sài Gòn ra sức đôn quân, bắt lính phát triển chủ lực, lực lượng xe tăng, thiết giáp, pháo binh, bảo an, dân vệ. Chúng điều chỉnh lại thế bố trí chiến lược trên toàn chiến trường, tập trung vào hai đầu, Quân khu 1 nối tiếp giữa miền Bắc và miền Nam. Chúng triển khai thực hiện kế hoạch quân sự với ảo tưởng xóa chỗ đứng chân của ta, xóa bỏ trạng thái hai vùng bằng cách mở chiến dịch hành quân với cái gọi là "tràn ngập lãnh thổ" để lấn chiếm các vùng giải phóng của ta. Mỗi ngày chúng mở cả ngàn cuộc hành quân và gây cho ta những khó khăn, nhất là ở những nơi quá tin vào giá trị "pháp lý" của Hiệp định Pa-ri, rơi vào hữu khuynh, buông lỏng hoạt động vũ trang chống lại chúng.

Tháng 7-1973, Trung ương Đảng họp và ra Nghị quyết số 21, trong đó chỉ rõ: Địch không

---

* Trung tướng, Giáo sư


Digitized by Google

thi hành Hiệp định Pa-ri, tiếp tục chiến tranh hòng biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ, nhân dân ta không có con đường nào khác là phải tiến hành đấu tranh để giải phóng miền Nam; tiếp tục tổng kết những thành quả và kinh nghiệm trong các bước phát triển của cách mạng miền Nam và đã đề ra nhiệm vụ động viên và tổ chức toàn quân, toàn dân đánh bại cuộc hành quân lấn chiếm của địch; đồng thời, vạch ra phương hướng tác chiến trên các chiến trường, tạo ra cục diện mới và chuẩn bị lực lượng, chuẩn bị vật chất - kỹ thuật để tiến lên hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam.

Triển khai thực hiện Nghị quyết, ta đã chặn đứng được các cuộc hành quân của địch và mở rộng vùng giải phóng của ta, thu hẹp vùng kiểm soát của địch. Công tác chuẩn bị các mặt theo phương hướng của Nghị quyết 21 được đẩy mạnh. Các lực lượng bộ binh và các quân, binh chủng được tích cực xây dựng: Quân đoàn 1 được thành lập mở đầu quá trình thành lập các binh đoàn chiến lược..., các quân binh chủng được phát triển. Công tác xây dựng và củng cố hậu phương lớn, xây dựng các trục đường chiến lược, đường chiến dịch, phát triển đường ống dẫn dầu, tổ chức vận chuyển vũ khí, đạn dược bảo đảm cho tác chiến lớn của lực lượng vũ trang được tăng cường.

Đến đầu năm 1974, ta đã tạo ra những biến chuyển có lợi về so sánh lực lượng và thế chiến lược giữa ta và địch. Nhiều dấu hiệu suy yếu của quân ngụy xuất hiện như sa sút tinh thần, lúng túng trong hoạt động, còn ta thì đã tạo ra thế mới, lực mới.

Nước Mỹ lúc này lại rơi vào tình trạng khủng hoảng chính trị: Vụ "Oa-tơ-ghết" buộc Tổng thống R. Ních-xơn phải từ chức và hàng loạt quan chức phải ra tòa - G. Pho lên thay và gặp phải muôn vàn khó khăn cả trong nước, trên thế giới và trên chiến trường miền Nam Việt Nam.

Trước tình hình đó, ngày 7-1-1975, Bộ Chính trị họp, phân tích đánh giá tình hình và kết luận: Mỹ đã rút quân ra thì khó có khả năng quay trở lại và chỉ ra thời cơ lịch sử và khả năng thực tế để tiến hành trận quyết chiến chiến lược cuối cùng, đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đến toàn thắng.

Bộ Chính trị đã hạ quyết tâm lịch sử giải phóng miền Nam trong hai năm 1975 - 1976 và nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975. Bộ Chính trị cũng đã phân tích lựa chọn hướng tiến công chiến lược năm 1975 là Tây Nguyên. Thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị, công tác chuẩn bị được triển khai tích cực và chiến dịch Tây Nguyên đã nổ súng vào ngày 4-3-1975, tiếp đó là chiến dịch Huế - Đà Nẵng nổ súng vào ngày 20-3-1975. Sau 1 tháng liên tục tiến công và nổi dậy, chiến dịch Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng đã giành thắng lợi. Một cục diện mới chưa từng có được mở ra. Cục diện chiến tranh có bước phát triển nhảy vọt. Tương quan lực lượng giữa ta và địch trên chiến trường hoàn toàn thay đổi.

Ngụy quân, ngụy quyền - chỗ dựa của "Việt Nam hóa chiến tranh" - lung lay đến tận gốc và cắn xé lẫn nhau. Nước Mỹ rơi vào một cuộc khủng hoảng toàn diện, nhất là khủng hoảng tài chính nghiêm trọng, kinh tế suy thoái, xã hội chia rẽ và nổi loạn, khủng hoảng tâm lý và lòng tin.

Trước sự phát triển của tình hình mới, nhịp độ "một ngày bằng 20 năm", ngày 31-3-1973, Bộ Chính trị đã họp phân tích và quyết nghị: Hiện nay, ta có đầy đủ lực lượng và khả năng để giành thắng lợi hoàn toàn trong một thời gian ngắn hơn dự kiến rất nhiều. Toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta phải nắm vững thời cơ chiến lược hơn nữa, với tư tưởng thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng thực hiện tổng công kích, tổng khởi nghĩa trong thời gian sớm nhất, tốt nhất là trong tháng 4 năm 1975, không thể để chậm hơn nữa. Bất ngờ hiện nay chủ yếu là thời gian. Và ngày 14-4, Bộ Chính trị chính thức hạ quyết tâm mở chiến dịch Hồ Chí Minh để giải phóng Sài Gòn - Gia Định và kết thúc chiến tranh.


Digitized by Google

Rõ ràng, thời cơ không phải tự nhiên có mà do chúng ta tạo ra. Nó là kết quả của một quá trình nỗ lực vượt bậc, hoạt động toàn diện, sát hợp, cụ thể được tính toán kỹ càng cả về chiến lược, sách lược và nhiều vấn đề khác để tạo ra. Và, khi thời cơ đến thì phải biết nắm lấy và hành động để giành thắng lợi cho chiến tranh.

Chính Đảng ta, trong thời kỳ cuối của cuộc chiến tranh đã có Nghị quyết số 21 - một nghị quyết lịch sử đã vạch ra phương hướng cho sự nỗ lực liên tục và phi thường của toàn Đảng, toàn dân để tạo ra thời cơ lịch sử cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 và thắng lợi của hai chiến dịch Tây Nguyên và Huế - Đà Nẵng, đã tạo ra thời cơ cho chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử mà Đảng ta đã kịp thời nắm lấy nhanh chóng hành động để giành thắng lợi.

**2 - Về cách đánh**

Trong chiến tranh, một khi đã có lực lượng mạnh và thời cơ thuận lợi thì cái quyết định để giành thắng lợi là cách đánh. Trong nghệ thuật chiến dịch cũng vậy, cách đánh của chiến dịch là điểm xuất phát để lựa chọn mục tiêu, bố trí đội hình, tạo thế trận, sử dụng lực lượng và công tác tổ chức bảo đảm chiến dịch. Sài Gòn - Gia Định là một thành phố lớn, đông dân, nhiều nhà cao tầng, đường sá phức tạp. Đây là nơi tập trung cơ quan đầu não của chế độ ngụy quân, ngụy quyền Sài Gòn và hệ thống sân bay, kho tàng, các căn cứ hậu cần của địch. Vùng ven thành phố rộng và địa hình cực kỳ phức tạp, sông rạch chằng chịt và sình lầy. Tổ chức phòng thủ của địch thể hiện ý đồ ngăn chặn ta từ xa (từ 30 đến 50 km) và có kế hoạch lùi dần về co cụm "tử thủ" Sài Gòn - Gia Định khi bị ta tiến công và các tuyến phòng thủ vòng ngoài bị phá vỡ.

Từ những đặc điểm trên đây của thành phố và cách bố trí của địch, Bộ Chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh đã chọn 5 mục tiêu của địch mà ta cần đánh chiếm trong thời gian ngắn nhất: Bộ Tổng tham mưu ngụy, dinh Độc lập, sân bay Tân Sơn Nhất, biệt khu Thủ đô, Tổng nha cảnh sát.

Các lực lượng của ta gồm 4 quân đoàn và 1 binh đoàn (tương đương quân đoàn) được bố trí ở 5 hướng hình thành thế bao vây Sài Gòn - Gia Định. Mỗi hướng ta sử dụng một bộ phận lực lượng thích hợp đủ sức thực hiện bao vây chia cắt, không để địch rút chạy ra biển, chạy về Sài Gòn, ngăn chặn chúng lại, tiêu diệt và làm tan rã chúng, đánh chiếm các địa bàn then chốt ở vùng ven, mở đường cho các binh đoàn đột kích theo các trục đường lớn thọc sâu vào đánh chiếm 5 mục tiêu đã chọn.

Các đơn vị được bố trí và giao nhiệm vụ như sau: ở hướng Bắc, Quân đoàn 1 có nhiệm vụ chiếm căn cứ Phú Lợi, tiêu diệt Sư đoàn 5 ngụy tiếp đó đánh chiếm Bộ Tổng tham mưu ngụy; ở hướng Tây Bắc, Quân đoàn 3 có nhiệm vụ đánh chiếm Đồng Dù, tiêu diệt Sư đoàn 25 ngụy, đánh chiếm sân bay Tân Sơn Nhất và cùng Quân đoàn 1 đánh chiếm Bộ Tổng tham mưu ngụy; ở hướng Đông, Quân đoàn 4 có nhiệm vụ tiêu diệt Quân đoàn 3 ngụy ở Biên Hòa, sau đó thọc sâu chiếm dinh Độc Lập; ở hướng Đông Nam, Quân đoàn 2 có nhiệm vụ đánh chiếm Bà Rịa, Nước Trong, Long Bình, chặn sông Lòng Tàu, sau đó phát triển vào nội đô cùng quân đoàn 4 đánh chiếm dinh Độc Lập; ở hướng Tây Nam, Binh đoàn 232 cùng với Sư đoàn 8 của Quân khu VIII có nhiệm vụ cắt đứt đường số 4 không cho quân ngụy rút chạy về miền Tây, không cho địch điều quân từ miền Tây lên tiếp viện Sài Gòn, tiêu diệt Sư đoàn 22 ngụy, sau đó thọc sâu đánh chiếm Biệt khu Thủ đô và Tổng nha cảnh sát ngụy.

Các trung đoàn, tiểu đoàn đặc công của thành đội Sài Gòn - Gia Định được bố trí đánh chiếm các cầu, các đội biệt động và tự vệ thành phố, các lực lượng chính trị của quần chúng được giao nhiệm vụ tạo bàn đạp cho các binh đoàn tiến quân, dẫn đường cho các đơn vị và phát động quần chúng nổi dậy. Pháo binh chiến dịch tập trung đánh vào các mục tiêu cần chiếm nhanh như sân bay Tân Sơn Nhất, Bộ Tổng tham mưu; không quân ném bom góp phần làm tê liệt sân bay Tân Sơn Nhất. Tên lửa, pháo


Digitized by Google

cao xạ triển khai thành lưới lửa phòng không quanh Sài Gòn, bảo vệ đội hình chiến dịch.

17 giờ ngày 26-4-1975, chiến dịch tổng tiến công Sài Gòn - Gia Định bắt đầu. Các cánh quân của ta bắt đầu phá vỡ các khu vực phòng thủ của địch ở vòng ngoài, cắt đứt đường số 4, vây ép địch trên các hướng và đã tiêu diệt và làm tan rã nhiều đơn vị địch. Ngụy quân tiếp tục suy sụp, Trần Văn Hương vừa thay Nguyễn Văn Thiệu lại từ chức và Dương Văn Minh lên thay. Trước tình hình đó, Bộ Chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh ra lệnh cho 5 cánh quân đồng loạt tiến công quân địch.

Trước những thất bại hàng loạt và nhanh chóng, Cao Văn Viên, Tổng Tham mưu trưởng và nhiều tướng tá ngụy tháo chạy. Tổng thống G. Pho ra lệnh cho sứ quán Mỹ tổ chức di tản bằng máy bay với cái tên "người liều mạng" đưa hết 5000 người Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam vào sáng 29-4; và sáng 30-4, Đại sứ Mỹ Ma-tin cũng tháo chạy khỏi Sài Gòn.

5 giờ sáng ngày 30-4, từ 5 hướng các cánh quân của ta ào ạt tiến vào Sài Gòn. Dương Văn Minh, Tổng thống ngụy quyền, xin ngừng bắn để "thảo luận về việc bàn giao chính quyền", thế nhưng, Bộ Chỉ huy chiến dịch ra lệnh cho các cánh quân: Tiếp tục tiến công như vũ bão vào Sài Gòn theo kế hoạch, tiến công với khí thế hùng mạnh nhất, giải phóng và chiếm lĩnh toàn bộ thành phố, tước vũ khí quân địch, giải tán chính quyền các cấp của địch, đập tan mọi sự chống cự của chúng.

Thực hiện mệnh lệnh đó, 5 cánh quân của ta đã nâng tốc độ tiến công và đánh chiếm 5 mục tiêu theo kế hoạch. Đúng 11 giờ 30 phút, ngày 30-4-1975, cờ cách mạng tung bay trên nóc nhà Tổng thống ngụy. Toàn bộ nội các ngụy đã bị bắt sống.

Nhìn lại quá trình diễn biến của chiến dịch, chúng ta thấy nó đã diễn ra theo đúng quyết tâm của phương án chiến dịch đã được vạch ra và ta đã giành được thắng lợi nhanh chóng. Như thế, thắng lợi không phải chỉ bắt nguồn từ lực lượng mạnh và thời cơ mà còn phụ thuộc vào cách đánh.

Cách đánh của chiến dịch Hồ Chí Minh hết sức đặc sắc vì nó đã được xác định trên các yếu tố cơ bản sau đây: 1 - Nhiệm vụ của chiến dịch là giải phóng Sài Gòn - Gia Định; 2 - Những đặc điểm của thành phố và vùng ven; 3 - Sự bố trí lực lượng và ý đồ đối phó của địch khi bị ta tiến công; 4 - Nhất là đã quán triệt sâu sắc quan điểm phát huy sức mạnh tổng hợp của nghệ thuật quân sự của chiến tranh nhân dân Việt Nam, phát huy sức mạnh của các quân binh chủng trong chiến đấu hiệp đồng quân binh chủng, phát huy sức mạnh của chủ lực, của lực lượng địa phương, của lực lượng quân sự và lực lượng chính trị của quần chúng.

**3 - Về công tác đảng, công tác chính trị**

Công tác đảng, công tác chính trị là hoạt động về tư tưởng và tổ chức nhằm thực hiện sự lãnh đạo của Đảng đối với tất cả các lực lượng tham gia chiến dịch để giành thắng lợi cuối cùng.

Hoạt động đó được tiến hành trên nhiều mặt nhưng đã tập trung làm tốt hai vấn đề cơ bản sau đây:

1 - Xây dựng quyết tâm chiến đấu giải phóng Sài Gòn - Gia Định.

2 - Quá trình thực hiện cách đánh và đặc biệt là quan tâm vấn đề hợp đồng chiến đấu trong chiến dịch hiệp đồng quân binh chủng lớn, giải quyết tốt vấn đề quân sự dân chủ, vấn đề kỷ luật trong chấp hành mệnh lệnh và vấn đề đoàn kết chặt chẽ các lực lượng tham gia chiến dịch.

Công tác xây dựng quyết tâm chiến đấu đã được tiến hành trên cơ sở làm rõ ý nghĩa của chiến dịch và thời cơ đã tạo ra. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đã làm rõ mục đích, ý nghĩa của chiến dịch là giải phóng Sài Gòn - Gia Định, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã 20 năm. Trên cơ sở đó, động viên tinh thần yêu nước của mọi người, vượt qua muôn vàn ác liệt, hy sinh, quyết tâm chiến đấu, góp phần vào thắng lợi vẻ vang của dân tộc.


Digitized by Google

Đặc biệt là đã quan tâm làm rõ thời cơ lịch sử giải phóng Sài Gòn - Gia Định đã đến phải kịp thời nắm lấy để giành thắng lợi.

Dựa vào sự phân tích của Bộ Chính trị, công tác tư tưởng đã chỉ ra Mỹ đang gặp khó khăn chồng chất và đã rút quân ra, khó có khả năng quay lại; và, nêu rõ ngụy quyền Sài Gòn - một chế độ tay sai được Mỹ nhào nặn và nuôi dưỡng đã 20 năm - làm công cụ chống nhân dân, chống cách mạng và phục vụ cho âm mưu cứu Mỹ đang suy sụp và đang cắn xé lẫn nhau. Ta đang ở thế thắng liên tiếp giành thắng lợi. Sau một tháng chiến đấu, chiến dịch Tây Nguyên và chiến dịch Huế - Đã Nẵng đã giải phóng 16 tỉnh, 6 thành phố, tiêu diệt và làm tan rã nửa triệu quân ngụy, xóa sổ Quân khu I, Quân khu II ngụy và đã đập tan tuyến phòng thủ Phan Rang.

Trên cơ sở giáo dục ý nghĩa của chiến dịch lịch sử, làm rõ thời cơ, công tác đảng, công tác chính trị đã xây dựng cho các lực lượng tham gia chiến dịch một quyết tâm chiến đấu và lòng tin vào thắng lợi, động viên họ nắm vững thời cơ, táo bạo, bất ngờ đánh một đòn quyết định vào sào huyệt cuối cùng của địch, giành toàn thắng cho chiến dịch, tạo điều kiện cho dân và quân Quân khu IX tiêu diệt và làm tan rã quân địch, hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam.

Đặc biệt là, trong việc điều động các lực lượng trên các chiến trường về khu tập kết chiến dịch, công tác đảng, công tác chính trị đã dựa vào tư tưởng chỉ đạo của toàn bộ đội ngũ đảng viên. Các đơn vị tranh thủ từng giờ từng phút, cơ động lực lượng về địa điểm tập kết nhanh nhất theo quy định của trên, đánh địch mà đi, mở đường mà tiến, thời gian là lực lượng, mục tiêu công kích chủ yếu là Sài Gòn, vừa đi vừa chuẩn bị mọi mặt cho trận chiến đấu cuối cùng. Chần chừ, chậm chạp bỏ lỡ thời cơ là có tội với nhân dân và Tổ quốc. Nhờ vậy, các đơn vị nhất là từ miền Bắc vào đã vượt qua muôn vàn khó khăn và đã thực hiện chuyển quân theo đúng kế hoạch để bắt đầu chiến dịch theo thời gian quy định.

Công tác đảng, công tác chính trị hết sức chăm lo quán triệt cách đánh, mục tiêu cần chiếm lĩnh nhanh nhất, bố trí địa hình, sử dụng lực lượng và nhiệm vụ của từng cánh quân. Đặc biệt, coi trọng việc tổ chức chiến dịch và đây là một chiến dịch lớn, tác chiến hiệp đồng quân binh chủng. Việc kết hợp các quân binh chủng đã phức tạp lại còn phải kết hợp giữa lực lượng chủ lực với lực lượng địa phương, giữa tiến công quân sự của lực lượng vũ trang và nổi dậy của quần chúng nên lại càng phức tạp.

Công tác đảng, công tác chính trị đã động viên cơ quan tham mưu nêu cao tinh thần trách nhiệm trong lập kế hoạch tác chiến, bảo đảm hiệp đồng chiến dịch, chiến thuật thật cụ thể, có tính khả thi cao. Nhất là, phải phát huy quân sự dân chủ trong quá trình lập kế hoạch và phổ biến kế hoạch; đã chăm lo xây dựng cho cán bộ và chiến sĩ tinh thần triệt để chấp hành mệnh lệnh, kỷ luật cao trong chiến đấu hiệp đồng, chấp hành nghiêm mệnh lệnh, đúng thời gian, đúng địa điểm. Xây dựng tinh thần đoàn kết trong hiệp đồng chiến đấu, lập công tập thể, vì thắng lợi của chiến dịch mà hành động và giúp nhau hoàn thành nhiệm vụ; và, đã bám sát và động viên việc tổ chức bảo đảm cơ sở vật chất - kỹ thuật cho bộ đội, vì đây là một vấn đề cực kỳ quan trọng trong chiến đấu hiệp đồng.

Nhờ tổ chức hiệp đồng tốt, nên tuy chiến dịch được triển khai theo nhiều hướng, trên nhiều mũi, với nhiều loại lực lượng, ở địa hình hết sức phức tạp do bị chia cắt bởi nhiều sông rạch nhưng vẫn diễn ra nhịp nhàng, giữ vững tốc độ tiến công và các cánh quân đã đánh chiếm mục tiêu đồng loạt, từ đó đã hạn chế được tổn thất về nhiều mặt.

Trên đây là những nét đặc sắc của chiến dịch về tạo thời cơ và nắm thời cơ khi nó đến, về cách đánh, lựa chọn địa hình, bố trí lực lượng, phân công nhiệm vụ và về công tác đảng, công tác chính trị. Đó là ba ưu điểm chủ yếu của chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. ❑


Digitized by Google

# Đỗ Nhuận
## VỚI BỘ BA CA KHÚC VỀ ĐIỆN BIÊN

DƯƠNG VIẾT Á *

NHỮNG cuộc kháng chiến chống ngoại xâm từ thời Hai Bà Trưng, cho đến đời Lý, Trần, Lê..., và nhất là hai cuộc chiến tranh vệ quốc trong thời đại Hồ Chí Minh, mãi mãi là những trang sử chói sáng ý chí tự cường của hàng trăm thế hệ con dân đất Việt. Họ đã ra trận trong tiếng giáo gươm, ngựa hí, tiếng đạn nổ, bom rơi...; và chắc rằng, với truyền thống yêu âm nhạc của con người Việt Nam, cùng với nhịp bước hành quân, không thể thiếu câu ca, tiếng hát.

Những nhịp trống, những khúc "hành" của các thế hệ cha ông xa xưa như thế nào, tiếc thay, cho đến nay, vẫn chưa sưu tập được! Đó cũng là mảng trống trong lịch sử văn hóa âm nhạc Việt Nam cần được bổ sung, bù đắp..., không chỉ vì ý nghĩa lịch sử, mà còn là điểm tựa cho các loại hình nghệ thuật đương đại khi khai thác đề tài lịch sử; mặt khác, còn là bệ phóng của những hình thức và loại thể âm nhạc trong tương lai nhất là loại thể hành khúc.

Bằng vào những cứ liệu khá chắc chắn (bản phổ, băng đĩa, bài báo...), có thể nói rằng: Với quá trình giao lưu văn hóa giữa Việt Nam và châu Âu - thông qua văn hóa Pháp - sau trên dưới ba mươi năm thai nghén, trào lưu tân nhạc xuất hiện từ năm 1930, với rất nhiều loại thể âm nhạc (khí nhạc, thanh nhạc, nhạc cảnh...). Với truyền thống văn hóa âm nhạc Việt Nam, phù hợp với nhu cầu cũng như trình độ thưởng thức âm nhạc của quảng đại công chúng thời bấy giờ, nhạc hát (thanh nhạc) phát triển khá mạnh mẽ theo những dòng (hoặc xu hướng) cảm xúc thẩm mỹ khác nhau: lãng mạn, hùng ca ngưỡng vọng lịch sử dân tộc (có người gọi là hùng ca - yêu nước) và cách mạng.

Nhưng rồi hành khúc vẫn trở thành loại thể thống lĩnh trên nhạc đàn giai đoạn 1930 - 1945, và *Cùng nhau đi Hồng binh* của Đinh Nhu ra đời năm 1930, có thể coi là tác phẩm khởi đầu của trào lưu tân nhạc. Có những nhạc sĩ thành danh với những nhạc phẩm lãng mạn như Văn Cao với *Buồn tàn thu, Cung đàn xưa, Trương Chi, Thiên thai*... cũng chuyển sang viết hành khúc: *Gò Đống Đa, Thăng Long hành khúc ca,* và đặc biệt là *Tiến quân ca.* Lại nữa, nhạc sĩ Hoàng Quý, từ *Cô láng giềng, Chiều quê, Chùa Hương, Trong vườn dâu*... đã chuyển sang viết một loạt những bài hát hùng ca - yêu nước (về thực chất là ngưỡng vọng lịch sử) được lưu hành và phổ biến trong phong trào Hướng đạo sinh, và giới học sinh cũng như thanh niên ở thành thị và nông thôn thời bấy giờ. Xét về hình thức âm nhạc, các ca khúc đó thuộc loại thể hành khúc, như *Nước non Lam Sơn, Bóng cờ lau, Trên sông Bạch Đằng*... Nhạc sĩ Đỗ Nhuận "trình làng" bằng ca khúc - hành khúc *Trưng Vương* khi mười lăm tuổi (được xuất bản và lưu hành rộng rãi sau đó hai năm), rồi *Đường lên Ải Bắc, Quảng Châu công xã* và *Du kích ca*...

* Giáo sư Mỹ học, Nhạc viện Hà Nội.


Digitized by Google

Đáp ứng yêu cầu lịch sử vào thời kỳ sục sôi chuẩn bị Tổng khởi nghĩa, cùng với tiến trình và thành tựu đã thu lượm được về loại thể hành khúc, những năm từ 1940 đến 1945, nhạc sĩ Lưu Hữu Phước, với *Bạch Đằng giang, Ta cùng đi* (1940), *Tiếng gọi thanh niên* (1941) (1), *Thượng lộ tiểu khúc và Xếp bút nghiên* (1943), *Lên đàng* (1944) đã đặt nền móng và khẳng định vai trò không thể thiếu vắng của loại thể hành khúc trong trào lưu tân nhạc nói riêng, và lịch sử âm nhạc Việt Nam nói chung. Đấy cũng là một thành quả đáng tự hào của tiến trình giao lưu văn hóa giữa Việt Nam và phương Tây, một dạng thức tiếp biến mau lẹ và tài tình của truyền thống văn hóa âm nhạc Việt Nam.

Như vậy là, chỉ trong một khoảng thời gian trên dưới mười năm, một loại thể âm nhạc tưởng như khác lạ - loại thể hành khúc - đã trở thành quen thuộc đối với tất cả mọi tầng lớp nhân dân Việt Nam. Và thời gian qua nó có sức sống, sức lan truyền và sức lay động trong lòng công chúng. Đấy chính là điểm tựa và là đòn bẩy cho loại thể hành khúc cách mạng và kháng chiến cất cánh bay cao và bay xa sau này.

Nhìn lại khối lượng hành khúc thuộc trào lưu tân nhạc, chúng ta đều có chung một niềm tự hào về nhiều mặt mà loại thể đó đã đóng góp cho vận mệnh lịch sử của đất nước; song, nếu xem xét kỹ hơn, dường như vẫn thấy thiêu thiếu một điều gì đó!

Hành khúc trước cách mạng, tuy khá đa dạng và phong phú về đề tài, về cấu trúc âm nhạc, về phương thức tạo dựng hình tượng ca từ..., song vì bắt nguồn *trực tiếp* từ hình thức âm nhạc của châu Âu - nhất là âm nhạc Pháp - nên đều gặp nhau ở những âm hình "chấm giật", cách tiến hành giai điệu thường nhấn mạnh vào những âm trục của điệu thức, âm hưởng của kèn đồng khá rõ, cách mô phỏng các tiết nhạc khá phổ biến, cách cấu trúc câu đoạn thường vuông vắn, cân phương... Cái mang máng như là thiếu vắng ấy, dần dần hiện lên thành một câu hỏi - cũng là một vấn đề lớn: *loại thể hành khúc có thể mang bản sắc văn hóa âm nhạc Việt Nam không?*

Các nhạc sĩ thời kháng chiến chống Pháp đã tìm cách trả lời, trong số đó, có nhạc sĩ Đỗ Nhuận. Tìm đường đi cho nghệ thuật là công việc của cả thời đại và nhiều trí tuệ, nhưng thành tựu thì lại phải được ghi nhận bằng tác phẩm. Với bộ ba ca khúc về Điện Biên: *Hành quân xa, Trên đồi Him Lam* và *Chiến thắng Điện Biên,* nhạc sĩ Đỗ Nhuận, đã từng tìm đường, để rồi nhận đường và khẳng định một con đường. Câu hỏi, và là vấn đề đặt ra cho hành khúc Việt Nam, mang bản sắc Việt Nam, đã được trả lời.

Ba ca khúc về Điện Biên được viết theo một trình tự thời gian: *Hành quân xa* - năm 1953; gắn với một trận thắng lớn mở đầu chiến dịch: *Trên đồi Him Lam* - đầu năm 1954; và *Chiến thắng Điện Biên,* sau ngày 7-5-1954. Chắc rằng, tác giả không có ý đồ viết một tổ khúc gồm ba ca khúc - thậm chí là một liên khúc. Không phải vì tác giả thiếu năng lực sáng tác, bởi lẽ, ngay từ đầu thập kỷ thứ tư của thế kỷ XX, Đỗ Nhuận đã cho ra đời ca cảnh *Nguyễn Trãi - Phi Khanh* với những ca khúc nối kết với nhau theo chuỗi một mạch truyện: *Chim than* (1940), *Lời cha già* (1940), *Đường lên Ải Bắc* (1941). Ngay trong chiến dịch, sau khi đã sáng tác *Hành quân xa,* để phục vụ bộ đội, tác giả còn tự biên và tự diễn (kể chuyện vui): *Anh Thoa đánh xe tăng, Tây rút Lai Châu...* "Thấy cần phải có ca kịch, ca cảnh... "là người chủ chốt về sáng tác"... "tôi viết vở ca kịch ngắn: *Anh Păn về bản,* ca kịch dựa trên cơ sở các làn điệu dân tộc Thái..." (Trích hồi ký của tác giả - Tư liệu do nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân cung cấp - chưa xuất bản). Và như vậy, càng khẳng định, ba ca khúc về Điện Biên không nằm trong ý đồ nối kết khi sáng tác.

Người xâu chuỗi bộ ba ca khúc ấy thành *liên khúc* chính là công chúng thưởng thức; người sắp xếp, hệ thống hóa và dùng thuật ngữ âm nhạc *tổ khúc* là các nhà nghiên cứu, lý luận, phê bình

---

(1) Tên gọi đầu tiên là *Quốc dân hành khúc,* sau đổi thành *Thanh niên hành khúc;* năm 1941, tác giả và Mai Văn Bộ soạn thêm lời mới theo yêu cầu của phong trào sinh viên với tên gọi là *Sinh viên hành khúc* và bị cấm lưu hành. Các tác giả đã soạn lại lời ca với tên gọi mới là *Tiếng gọi thanh niên.*


Digitized by Google

âm nhạc. Song, vượt lên trên tất cả, để tạo nên *nhận thức* về sự nối kết này là thời đại, là lịch sử. Điều rất dễ nhận thấy, nhạc sĩ Đỗ Nhuận đã từng là người lính - dù là "lính văn nghệ", "lính văn công"..., - ông vẫn cùng hành quân ra trận trong đội ngũ "Bộ đội Cụ Hồ" qua rất nhiều chiến dịch. Và trong chiến dịch Điện Biên, ông đã là một người lính thực thụ. Trong hồi ký chưa công bố của mình, Đỗ Nhuận kể: "Từ trận địa Him Lam, ba chúng tôi lại theo đường giao thông hào về đơn vị văn công nhận nhiệm vụ mới..., tạm ngừng biểu diễn để đi sửa đường bảo đảm cho pháo lớn của ta tiến vào trận địa trước mùa mưa. Đồng chí Lê Liêm, phụ trách toàn bộ việc sửa đường. Tôi là tổ trưởng phụ trách cung đường Mường Phăng, cách Mường Thanh chừng mười cây số. Các chiến sĩ "văn công binh", tay cuốc, tay choòng, ra mặt đường, rải đá hộc và đất cấp phối... Ngày nào tôi cũng dậy sớm đốc thúc anh em ra mặt đường"... Và *hòa mình* trong đội ngũ chiến sĩ tham gia chiến dịch Điện Biên, với cảm hứng nghệ thuật, nhạc sĩ Đỗ Nhuận đã ghi lại thành những ca khúc lần lượt nối theo nhau ra đời theo bước chân hành quân của lớp lớp chiến sĩ, trong đó có bản thân mình.

Này đây là khúc hát của người lính trên đường ra trận: *Hành quân xa;* này đây, niềm hân hoan của người lính sau một trận công đồn: *Trên đồi Him Lam;* và rồi tiếp đến là tiếng reo vui của người lính hòa trong niềm phấn khích của nhân dân địa phương, của cả nước, sau giờ chiến thắng: *Chiến thắng Điện Biên.*

Vậy nên, khi nói rằng, "tác giả" của việc dệt đan ba ca khúc về Điện Biên của Đỗ Nhuận thành liên khúc (hay tổ khúc) là những người lính chưa hề biết một nốt nhạc - đã đi theo Đảng Lao động Việt Nam quang vinh và Chủ tịch Hồ Chí Minh kính mến và "rũ bùn, đứng dậy sáng lòa" - quả không sai!

Với nhạc sĩ Đỗ Nhuận, chính những người lính ấy đã châm ngòi cảm hứng, gợi tứ cho việc sáng tác bài *Hành quân xa.* Đỗ Nhuận nhớ lại "Đến Thượng Bằng La thuộc tỉnh Yên Bái, đã 9 giờ tối, bộ đội đóng quân nghỉ lại, nghe cán bộ phổ biến cuộc hành quân lên Trần Đình, phải bảo vệ đôi chân... Lính ta thì thào, thắc mắc, Trần Đình là chỗ nào nhỉ? Có lẽ quân ta hành quân nghi binh lên Nghĩa Lộ rồi quặt về đánh đồng bằng. Một anh nói to lên trước hàng quân đang ngồi nghỉ: *"Đã là lính, thì đâu có giặc ta cứ đi!"* Câu nói đó, lóe lên như tia chớp, tôi vội bắt lấy, ghi vào sổ tay... Chiều hôm sau, hành quân tiếp tục, tôi vừa đi vừa viết xong đoạn một bài *Hành quân xa"*... (Hồi ký đã dẫn).

Trường hợp tác phẩm *Hò kéo pháo* của Hoàng Vân cũng tương tự: "... Sau khi ở Thuận Châu, nhân đọc báo tường của bộ đội có câu: *"Dốc núi cao cao, nhưng lòng quyết tâm còn cao hơn núi - Vực sâu thăm thẳm, vực nào sâu bằng chí căm thù"*, Hoàng Vân liền nảy ra cảm hứng sáng tác bài *Hò kéo pháo"* (Tài liệu đã dẫn)

Bằng âm thanh, Đỗ Nhuận đã trở thành người thư ký trung thực của một chiến dịch lịch sử, và rồi lịch sử lại công nhận Đỗ Nhuận là người thư ký trung thực bằng âm thanh.

Trước hết, với bộ ba ca khúc về Điện Biên, một *loại thể hành khúc* nhưng đã nổi rõ *bản sắc văn hóa Việt Nam.* Nghe *Hành quân xa, Trên đồi Him Lam,* ta bắt gặp âm hưởng dân ca đồng bằng Bắc Bộ và Thanh Hóa; nghe *Chiến thắng Điện Biên,* ta bắt gặp, ngoài âm hưởng của chèo, còn có dân ca Thái. Cần nói thêm rằng, tác giả đã trăn trở khá nhiều trước khi viết bài hát này - vì đã được nhắc nhở trước (trong số người nhắc nhở, có cả Đại tướng Võ Nguyên Giáp). "... Viết thế nào đây? Như *Hành quân xa* hay *Trên đồi Him Lam*? Ở hai bài hát đó, tôi đã vận dụng chất liệu nhạc dân tộc của vùng đồng bằng. Đây là bài thứ ba, tôi coi như bài tổng kết kinh nghiệm sáng tác của hai bài trước, ngôn ngữ âm nhạc của bài hát *Chiến thắng Điện Biên* phải khác trước, cần phải có chất nhạc của miền Tây Bắc... Niềm vui chiến thắng này là của cả nước. Người Kinh, người Thái, người Mông, người Dao, người Tày và các dân tộc khác trong cả nước cùng góp công, góp của, góp cả tính mệnh làm nên lịch sử. Cần phải hòa sắc dân tộc, vì dân tộc Việt Nam là một, nhưng

*(Xem tiếp trang 77)*


Digitized by Google

# VẬN DỤNG ĐÚNG ĐẮN, SÁNG TẠO TƯ TƯỞNG CỦA V.I. LÊ-NIN VÀO SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG VIỆT NAM

BÙI THẾ ĐỨC*

***1 - Vận dụng tư tưởng của V.I. Lê-nin vào sự nghiệp giải phóng dân tộc***

Trong tác phẩm *Đường kách mệnh*, xuất bản năm1927, đồng chí Nguyễn Ái Quốc viết: "Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm nòng cốt... Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam. Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lê-nin". Đồng chí Nguyễn Ái Quốc cũng đã khẳng định chủ nghĩa Lê-nin là "con đường giải phóng cho chúng ta", những tư tưởng của V.I. Lê-nin là "mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi tới thắng lợi cuối cùng".

Qua thực tiễn hoạt động trong phong trào giải phóng dân tộc, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, với một quá trình nghiên cứu, học tập không mệt mỏi, Người đã tiếp nhận và từng bước đi sâu nắm vững được "cái cẩm nang thần kỳ", cái kim chỉ nam định hướng đúng đắn cho con đường đi lên của dân tộc. Người đã vận dụng một cách đúng đắn, sáng tạo và thành công học thuyết của Mác - Lê-nin vào những điều kiện lịch sử cụ thể của nước ta. Trên thực tế, từ ngày có Đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, cách mạng nước ta đã giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác, lập nên những kỳ tích vang dội trong thế kỷ XX. Đó là thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945 lật đổ ách thống trị gần 100 năm của thực dân Pháp và chế độ phong kiến, lập nên nhà nước công nông đầu tiên ở Đông - Nam Á, chọc thủng hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc; là thắng lợi của cuộc kháng chiến 9 năm chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ, giải phóng miền Bắc, chôn vùi chủ nghĩa thực dân cũ; là thắng lợi của cuộc kháng chiến 21 năm chống Mỹ, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đánh sập chủ nghĩa thực dân mới. Những thắng lợi đó đã biến luận điểm của V.I. Lê-nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa, về cách mạng giải phóng dân tộc thành hiện thực. Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta đạt được những thành tựu to lớn, đã và đang chứng minh luận điểm của V.I. Lê-nin về những nước lạc hậu hoàn toàn có khả năng đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Đó là những đóng góp và là một trong những bài học lớn thể hiện tư tưởng độc lập tự chủ trong việc xem xét đánh giá đúng tình hình, vận dụng sáng tạo lý luận và phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào

* TS. Phó Vụ trưởng Vụ Tuyên truyền, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương


Digitized by Google

hoàn cảnh cụ thể của nước ta cũng như kinh nghiệm các nước của Đảng và Bác Hồ. Đó là bài học bắt nguồn từ tư duy biện chứng, tư duy sáng tạo của V.I. Lê-nin. Trong bất cứ thời kỳ nào của cách mạng, nếu biết vận dụng chủ nghĩa Mác - Lê-nin một cách sáng tạo thì giành được thắng lợi; ngược lại, nếu xa rời tư duy biện chứng, nếu giáo điều, rập khuôn thì nhất định sẽ mắc sai lầm và không tránh khỏi những tổn thất nhất định. Ở nước ta, trên mỗi chặng đường cách mạng, đặc biệt vào những lúc gian nan nhất, ánh sáng học thuyết Mác - Lê-nin đã soi sáng đường đi và tiếp thêm sức mạnh cho chúng ta vượt lên phía trước, giành thắng lợi vẻ vang.

***2 - Tư tưởng của V.I. Lê-nin soi sáng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nước ta***

Đảng Cộng sản Việt Nam đã kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lựa chọn con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Đảng ta đã nghiên cứu một cách thấu đáo cơ sở lý luận, cách đặt vấn đề và gợi mở hướng đi của V.I. Lê-nin trong *Chính sách kinh tế* mới với việc phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, kể cả sử dụng hình thức "chủ nghĩa tư bản nhà nước" để xây dựng và phát triển lực lượng sản xuất. Đảng ta đề ra các chủ trương và một loạt chính sách đổi mới, được nhân dân đồng tình ủng hộ, đem lại sức sống mới cho chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Nét nổi bật trong phương hướng phát triển giai đoạn mới là đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhằm xây dựng nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020. Đây là tư tưởng chỉ đạo chiến lược của Đảng ta trong việc vận dụng học thuyết Mác - Lê-nin đối với cách mạng xã hội chủ nghĩa từ điều kiện kinh tế lạc hậu lên chủ nghĩa xã hội. V.I. Lê-nin nhiều lần nhấn mạnh, chủ nghĩa xã hội thắng chủ nghĩa tư bản suy cho cùng là phải tạo ra năng suất lao động cao hơn nhiều so với năng suất lao động dưới chủ nghĩa tư bản. Do vậy, công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nhiệm vụ trung tâm suốt thời kỳ lịch sử đó.

Tinh thần Đại hội VIII và Đại hội IX của Đảng là phải đặt sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đúng vị trí trung tâm chiến lược của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Theo tinh thần của V.I. Lê-nin là phải "quan tâm tới mục đích thực tiễn" của sự nghiệp này. Nghĩa là phải phục vụ những mục tiêu bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình đi lên của đất nước ta. Trong điều kiện quốc tế mới, vận dụng tư duy kinh tế trong Chính sách kinh tế mới của V.I. Lê-nin, Đảng ta chủ trương phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đảng ta chủ trương trong những năm tới "phải rất quan tâm tới công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn".

V.I. Lê-nin khuyên chúng ta phải học tập, sử dụng thành quả khoa học - công nghệ, kể cả kinh nghiệm tổ chức, quản lý sản xuất của chủ nghĩa tư bản. Chính thực tiễn đặt ra những nhiệm vụ mới đã thôi thúc Đảng ta nghiên cứu và phát triển học thuyết Mác - Lê-nin về sử dụng các thành tựu của chủ nghĩa tư bản vào công cuộc đổi mới và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Tư tưởng của V.I. Lê-nin về phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, về các đòn bẩy kinh tế kích thích người lao động đã và đang phát huy tác dụng tích cực trong quá trình đổi mới nền kinh tế nước ta. Trong giai đoạn cách mạng mới, tư tưởng của V.I. Lê-nin về chủ nghĩa tư bản nhà nước, coi con đường đi "xuyên qua chủ nghĩa tư bản nhà nước, để tiến lên chủ nghĩa xã hội" và "phải lợi dụng chủ nghĩa tư bản làm mắt xích trung gian giữa nền tiểu sản xuất và chủ nghĩa xã hội, làm phương tiện, con đường, phương pháp, phương thức để tăng cường lực lượng sản xuất". Thực tiễn gần 20 năm đổi mới cho thấy, trong điều kiện nước ta còn nghèo, quá độ lên chủ nghĩa xã hội với Nhà nước của dân, do dân, vì dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, có kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, chúng ta có thể và cần


Digitized by Google

phải sử dụng rộng rãi kinh tế tư bản nhà nước, coi đó là hình thức kinh tế phù hợp với con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

***3 - Vận dụng tư tưởng của V.I. Lê-nin vào vấn đề xây dựng Đảng ta ngang tầm thời kỳ mới***

V.I. Lê-nin hết sức quan tâm chăm lo xây dựng Đảng về mọi mặt. Đặc biệt, Người đòi hỏi phải phát huy tính tiên phong của Đảng, phải giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình, phải thường xuyên củng cố những nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng. Với tư cách là Đảng cầm quyền, Đảng Cộng sản phải luôn xứng đáng là lãnh tụ chính trị, vững tay lái đưa con thuyền cách mạng qua những khúc quanh đầy thử thách. Theo V.I. Lê-nin, có ba kẻ thù chính mà người cộng sản phải kiên quyết đấu tranh là "tính kiêu ngạo cộng sản, nạn mù chữ và nạn hối lộ". Không chiến thắng được ba kẻ thù ấy, thì chẳng những người cộng sản tự đánh mất vai trò chiến sĩ tiên phong mà còn làm cho Đảng bị suy thoái, thậm chí suy vong. Lời cảnh báo ấy của V.I. Lê-nin đến nay vẫn giữ nguyên tính thời sự. V.I. Lê-nin đòi hỏi Đảng và mọi đảng viên phải dám nhìn nhận những sai lầm đã phạm phải, xem đó là tiêu chuẩn của một đảng thật sự nghiêm túc, một đảng có tinh thần trách nhiệm trước giai cấp và nhân dân. Vận dụng tư tưởng của V.I. Lê-nin vào quá trình đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo đất nước vượt qua bao khó khăn thử thách, tiếp tục đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Nhưng Đảng ta cũng nghiêm túc chỉ ra tình trạng suy thoái của một bộ phận cán bộ, đảng viên về nhận thức tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và sự yếu kém của công tác tổ chức, hiệu lực và hiệu quả thấp của bộ máy quản lý. Trong tình hình ấy, nếu Đảng ta không tiến hành cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng thì không thể nâng cao sức chiến đấu của Đảng. Chính vì vậy, tại Hội nghị Trung ương 6 (lần 2), Đảng quyết định phải tiến hành Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng nhằm ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng suy thoái, củng cố sự kiên định về mục tiêu, lý tưởng cách mạng, tăng cường sự thống nhất ý chí và hành động, củng cố tổ chức chặt chẽ, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong thời kỳ mới, coi đây là vấn đề sống còn của Đảng, của chế độ ta.

Nói về điều kiện tiên quyết bảo đảm cho cuộc đấu tranh thắng lợi của chủ nghĩa xã hội, V.I. Lê-nin chỉ rõ: "Không có một đảng sắt thép được tôi luyện trong đấu tranh, không có một đảng được sự tín nhiệm của tất cả các phần tử trung thực trong giai cấp... không có một đảng biết nhận xét tâm trạng quần chúng và biết tác động vào tâm trạng đó thì không thể tiến hành thắng lợi cuộc đấu tranh ấy được". Vì thế, cái bảo đảm thắng lợi của cách mạng là giữ gìn mối liên hệ mật thiết giữa đảng và đông đảo quần chúng nhân dân. Tách rời quần chúng, dù với bất cứ lý do nào đều là mối nguy cơ lớn không thể lường được đối với đảng cầm quyền. Lời dạy của V.I. Lê-nin đã và đang soi sáng cho việc xây dựng Đảng ta trong tình hình mới. Nhất là, một trong tình hình hiện nay, sự suy thoái đáng lo ngại về tư tưởng chính trị, tệ quan liêu, xa dân ở một bộ phận cán bộ, đảng viên đang làm giảm sút niềm tin của nhân dân với Đảng thì những chỉ dẫn của V.I. Lê-nin càng đặc biệt có tính thời sự.

Sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, chủ nghĩa xã hội thế giới lâm vào thoái trào. Ở nước ta, một số người đã hoài nghi về sự đúng đắn của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản, về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Từ thực tiễn lãnh đạo đất nước 74 năm qua, Đảng ta chỉ rõ phải kiên định vấn đề có tính nguyên tắc là lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động, tăng cường sinh hoạt dân chủ, tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận theo yêu cầu của sự nghiệp đổi mới ở nước ta. Trong những bước quanh co, phức tạp của lịch sử, trước những trở lực chống phá cách mạng, khi gặp tình huống phức tạp, thử thách khắc nghiệt, học thuyết của V.I. Lê-nin là "cẩm nang


Digitized by Google

thần kỳ" về phương pháp luận cách mạng đầy sáng tạo, trong đó có vấn đề xây dựng Đảng Cộng sản gắn liền với xây dựng chủ nghĩa xã hội .

***4 - Vận dụng tư tưởng của V.I. Lê-nin vào việc cải cách tổ chức và bộ máy trong hệ thống chính trị nước ta hiện nay***

V.I. Lê-nin khẳng định, Nhà nước kiểu mới của nhân dân lao động hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, phải đủ sức kiểm kê, kiểm soát toàn bộ các hoạt động kinh tế, quản lý hữu hiệu đời sống xã hội. Để Nhà nước làm tốt chức năng tổ chức xây dựng xã hội kiểu mới, theo V.I. Lê-nin, điều quyết định nhất là thu hút được đông đảo nhân dân tham gia vào các công việc quản lý nhà nước, tạo điều kiện thiết thực cho nhân dân có thể giám sát hoạt động của chính quyền từ trung ương đến cơ sở. V.I. Lê-nin trăn trở rất nhiều về việc cải tổ bộ máy nhà nước. Người vạch ra tình trạng bộ máy nhà nước ngày càng cồng kềnh, nặng nề, chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận không rõ ràng, quan hệ giữa Đảng và Nhà nước chưa rành mạch hoặc có chỗ lại thiếu kết hợp. Người nghiêm khắc phê phán quá trình cải tổ mang tính hình thức và kém hiệu quả. Để cho bộ máy nhà nước rơi vào quỹ đạo của các nhà nước cũ là tệ quan liêu, theo V.I. Lê-nin, đó là một trong những nguy cơ lớn nhất. Người đặt vấn đề gay gắt và bức xúc: Chỉ có làm cho bộ máy của chúng ta trong sạch đến tột mức, chỉ có giảm bớt đến mức tối đa tất cả những cái không tuyệt đối cần thiết, chúng ta mới có thể đứng vững được; phải kiên quyết tinh giảm bộ máy, cắt bỏ những bộ phận thừa theo phương châm "thà ít mà tốt". V.I. Lê-nin đòi hỏi phải tăng sức sống cho bộ máy nhà nước bằng cách đưa vào đó "trước hết, những công nhân tiên tiến và sau nữa những phần tử thật sự có học thức mà người ta có thể tin chắc rằng họ sẽ không tin một lời nào, không nói một lời nào trái với lương tâm của họ". Phải học cách quản lý nhà nước, kể cả học những cái hay trong khoa học quản lý nhà nước của các nước tư bản tiên tiến. Người đòi hỏi ở các cơ quan nhà nước, đoàn thể xã hội, các công dân "chấp hành một cách thiêng liêng pháp luật của Nhà nước" và "phải tuân theo từng ly, từng tí những luật lệ và mệnh lệnh của Chính quyền xô-viết và đôn đốc mọi người tuân theo"(1).

Những lời dạy trên của V.I. Lê-nin như đang nói với chính chúng ta hôm nay. Hội nghị Trung ương 7 (khóa VIII) đã ra Nghị quyết *Về tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị*. Nghị quyết chỉ rõ: "Cho đến nay, nhìn chung tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị, nhất là bộ máy hành chính Nhà nước còn cồng kềnh, nhiều đầu mối, nhiều tầng nấc trung gian, chất lượng hoạt động và hiệu quả thấp. Chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và chế độ trách nhiệm của nhiều cơ quan và người đứng đầu chưa thật rõ, còn chồng chéo, cơ chế vận hành và nhiều mối quan hệ còn bất hợp lý; đội ngũ cán bộ, công chức còn hạn chế cả về năng lực chuyên môn và tinh thần trách nhiệm". Nghị quyết cũng chỉ ra nguyên nhân chủ yếu của tình trạng trên là "chưa quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng về hệ thống chính trị trong điều kiện một đảng cầm quyền; chậm tổng kết thực tiễn và nghiên cứu khoa học về tổ chức; việc tổ chức chỉ đạo thực hiện các Nghị quyết về tổ chức, bộ máy không nhất quán, thiếu kiên quyết, triệt để". Nghị quyết Đại IX của Đảng nhấn mạnh: "Xây dựng một nền hành chính nhà nước dân chủ, trong sạch, vững mạnh, từng bước hiện đại hóa".

Do vậy, vận dụng tư tưởng của V.I. Lê-nin về cải tổ bộ máy có ý nghĩa rất quan trọng trong việc kiện toàn tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị nước ta, nhằm mục tiêu giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, giữ vững bản chất xã hội chủ nghĩa của Nhà nước, giữ vững ổn định chính trị, tạo động lực mạnh hơn cho sự phát triển, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội. ❑

(1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 39, tr 178



Digitized by Google

# CƠ HỘI LỰA CHỌN DÂN CHỦ BỘ MÁY CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

NGUYỄN HỮU KHIỂN*

***Từ vấn đề dân chủ***

Đặc trưng cổ điển, cơ bản và đúng đắn nhất của mọi thể chế dân chủ là một nhà nước - bộ máy quyền lực của xã hội được tổ chức theo nguyên tắc *lựa chọn của số đông*. Tuy nhiên, sự lựa chọn đó mới chỉ là sự biểu hiện của hình thức bên ngoài. Muốn minh chứng một cuộc bầu cử qua lựa chọn là dân chủ, là trí tuệ, là con đường phát hiện và tiến cử nhân tài, còn cần những yếu tố căn bản khác của lộ trình dân chủ. Để hiểu được những yếu tố căn bản này, trước hết cần làm rõ một số vấn đề quan trọng sau:

- Chế độ nào tổ chức và bảo đảm cho tiến trình lựa chọn; những cải cách đổi mới ở ngay chế độ đó có nhằm vào nguyện vọng chính đáng của đa số nhân dân lao động hay không?

- Sự nhạy cảm chính trị của giai cấp cầm quyền mà đội tiên phong của nó là đảng chính trị cầm quyền và vai trò thực thi pháp chế của bộ máy nhà nước, nhất là sự năng động và đổi mới trong xây dựng và thực thi pháp luật.

- Nhân dân ý thức được mối quan hệ giữa quyền và trách nhiệm xã hội như thế nào để cuộc bầu cử vừa là một sinh hoạt chính trị - xã hội, vừa thể hiện ý thức pháp luật của mỗi người về trách nhiệm công dân của họ.

Trên đây là những nội dung cơ bản, nếu thiếu một yếu tố nào trong các nội dung trên thì đời sống dân chủ của xã hội chắc chắn sẽ bị ảnh hưởng.

Chế độ dân chủ xuất hiện trong lịch sử từ rất sớm. Giá trị lớn nhất của nó, ngoài ý nghĩa khai sinh ra một thể chế đối lập với các nền chuyên chế, nó còn khai sinh một công thức của sự hình thành một nhà nước mà tổ chức bộ máy của nó phải do sự lựa chọn của số đông. Điều đó, cũng tạo sự đối lập về phương thức cầm quyền, cách thức ban hành các quyết định quản lý xã hội, theo đó các quyết định của nhà nước từ chỗ chỉ là ý chí của một người (của nhà chuyên chế - các ông vua hay các vị nữ hoàng) đến chỗ ý chí này thuộc về số đông mà ngay từ thời đó số đông này đã được gọi là nhân dân (dân chủ có nghĩa là: quyền lực thuộc về nhân dân).

Sự tiến bộ của một xã hội có nhiều tiêu chí để đánh giá. Xét từ giác độ của nền dân chủ, ở thời cổ đại, sự chật hẹp trong quan niệm của thể chế từ địa vị xã hội của mỗi thành viên như thế nào để họ có đủ tư cách là một người dân còn rất hạn hẹp về các quy định, rất sơ khai về các thể thức thực hành dân chủ. Ví dụ, bầu cử, rất thiên lệch về vị thế xã hội của việc xác định ai là nhân dân - người chủ của một chế độ nhất định (ở thời đại đó, người lao động là người trực tiếp làm ra

* PGS, TS, Phó Giám đốc Học viện Hành chính Quốc gia


Digitized by Google

của cải nuôi sống xã hội là những người nô lệ lại bị coi là những "con vật biết nói" dưới con mắt của những người cầm quyền).

Nếu nền dân chủ sơ khai của xã hội loài người không được tiếp tục phát triển ở thời kỳ lịch sử tiếp theo và nó đã bị thủ tiêu bởi chế độ chuyên chế phong kiến thì đến lượt nó, chính chế độ chuyên chế này đã bị một trật tự dân chủ mới mạnh mẽ hơn nhiều thủ tiêu một cách không thương tiếc - đó là chế độ dân chủ tư sản. Nền dân chủ tư sản sở dĩ mạnh mẽ vì nó dựa trên một nền kinh tế - xã hội cực kỳ phát triển so với các chế độ trước nó và cũng vì nó xuất hiện ở thời kỳ phát triển không những về kinh tế, văn hóa - tư tưởng, mà còn ở sự chín muồi của các lý thuyết, các học thuyết tư tưởng, chính trị, kinh tế và xã hội mở đường cho các trào lưu cách mạng tư sản.

So với chế độ dân chủ sơ khai thời kỳ cổ đại, nền dân chủ tư sản đạt tới trình độ phát triển cao của các quan niệm về dân chủ mà, một trong những quan niệm đó là: nhân dân - người chủ của quyền lực, lần đầu tiên có vị thế về quyền và nghĩa vụ được pháp luật quy định và bảo vệ. Dưới chế độ dân chủ tư sản, địa vị xã hội của người lao động thực sự được xác định. Địa vị của họ được pháp luật thành văn quy định. Nhưng nền dân chủ đó chưa phải là đỉnh cao cuối cùng của các quyền và nghĩa vụ. Thực chất vẫn còn rất nhiều hạn chế bởi lịch sử và thực sự là không thoát khỏi sự mị dân vì mục đích bảo vệ quyền lợi cho giai cấp tư sản cầm quyền.

Vậy, sự hạn chế và tính chất mị dân của dân chủ tư sản thể hiện như thế nào? Lịch sử đã chứng minh sự mị dân và che dấu lợi ích giai cấp của nền dân chủ tư sản, chúng thể hiện ở rất nhiều phương diện khác nhau của đời sống xã hội. Nhưng rõ nhất là: mọi thứ đều có thể được bình đẳng cho mọi thành viên trong xã hội trừ một thứ mà ai có nhiều thì người đó sẽ có nhiều dân chủ hơn - đó là tiềm lực vật chất!

Có thể nói nền pháp lý tư sản do mục đích mở rộng tự do cá nhân vì mục tiêu lợi nhuận, do cơ chế của sự cạnh tranh kinh tế, do kinh nghiệm chính trị - xã hội mấy thế kỷ qua; đồng thời, trình độ dân trí cũng đạt được những thành tựu đáng chú ý nên nó đã có sự chín muồi xã hội nhất định và ở một thang bậc cao về ý thức pháp quyền. Nhưng nền pháp lý đó không bao giờ quên chức năng giai cấp khi nó hình thành bất kỳ một quy định pháp luật nào được vận hành trong xã hội. Cơ sở bảo vệ lợi ích của nền dân chủ tư sản là: bảo vệ và bênh vực, tạo mọi cơ hội cho giai cấp tư sản giàu có. Điều đó được thể hiện ngay trong các quy định pháp luật, trước hết trong lĩnh vực chính trị. Chẳng hạn, các quy định về kiểm soát tài sản, nơi cư trú, chi tiền và quy định về vận động tài chính cho các cuộc bầu cử...

***Đến dân chủ ở nước ta qua bầu cử***

Nước ta là một nước thực hành nền dân chủ theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Hiến pháp và pháp luật về bầu cử hiện hành quy định, cứ 5 năm chúng ta lại có cơ hội làm mới lại bộ máy chính quyền địa phương bằng việc chọn lựa những người đủ tài, đủ đức xứng đáng đại diện cho mình. Người xứng đáng thời nào cũng có. Nhưng năng lực mỗi người cũng chỉ phù hợp với hoàn cảnh nhất định. Cái gốc của sự lựa chọn phụ thuộc vào điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể, vào năng lực của những người vào "tầm ngắm" của sự lựa chọn và vào chính sự nhận thức và nhạy bén chính trị của chính các cử tri, Đó là những vấn đề vừa có tính cơ bản, vừa có tính thực tiễn xã hội.

Sở dĩ, nó mang tính cơ bản là vì nền dân chủ của chúng ta không thể thoát ly tình trạng còn yếu kém của thực trạng kinh tế. Dân chủ là những quan niệm chính trị không thể áp dụng giống nhau cho những quốc gia có nền kinh tế - xã hội khác nhau. Sự hóa thân của các quy định, những quan niệm dân chủ bao giờ cũng trở về thực tại xã hội dưới dạng các quyền và nghĩa vụ cụ thể, thậm chí, có thể "cân đo, đong đếm được" (chẳng hạn như quyền ăn, mặc, ở và đi lại, quyền hưởng thụ những sinh hoạt văn hóa và tinh thần khác...). Và, nó mang tính thực tiễn là


Digitized by Google

vì tính thực tiễn là quyền dân chủ của người dân được tạo lập do kết quả tất yếu của mỗi người dân, của các cộng đồng tổ chức do nhu cầu dân chủ của xã hội và nhân dân mà nó hình thành (như Nhà nước, Đảng và các tổ chức quần chúng, các hiệp hội...); quá trình đó không thể nhất thành bất biến. Quá trình đó phải được tổ chức, được cân nhắc, được tính toán tới điều kiện kinh tế, trình độ văn hóa nói chung và văn hóa chính trị nói riêng. Quá trình đó không thể không tính đến đặc trưng dân tộc và thời đại, đến bối cảnh trong nước và quốc tế.

Về các quyền dân chủ chính trị ở nước ta, từ khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công mở đường cho nền dân chủ mới, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã trải qua nhiều bước phát triển cho các quyền của người dân cả trong kinh tế, văn hóa và chính trị. Một trong những quyền chính trị là quyền tổ chức bộ máy quyền lực của nhân dân; ở đó, người dân được tự mình lựa chọn những người đại diện cho mình. Ngay trong những quy định liên quan đến quyền lựa chọn ở mỗi giai đoạn cũng có những qui định có tính đổi mới, các cuộc cải cách bao giờ cũng hướng tới sát thực với thực tiễn cuộc sống và nguyện vọng của người dân.

Những đổi mới quan trọng trong chủ trương, đường lối của Đảng, luật pháp về bầu cử và hướng dẫn của Chính phủ trong kỳ bầu cử chính quyền địa phương sắp tới (nhiệm kỳ 2004 - 2009) minh chứng cho điều đó là:

- Điều chỉnh của Đảng trong quy định những điều đảng viên không được làm, theo đó đảng viên là đại biểu dân cử địa phương có thể đăng ký ứng cử vào một chức vụ trong cơ quan đại biểu (chẳng hạn, Chủ tịch Hội đồng nhân dân) hoặc cơ quan chấp hành (như chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân) bên cạnh một đảng viên được tổ chức đảng giới thiệu. Như vậy, khả năng trúng cử cho mỗi người là ngang nhau, chỉ khác nhau ở chỗ: tổ chức đảng có chọn đúng người tốt nhất cho chính quyền hay không và đảng viên nào được nhân dân tín nhiệm nhiều hơn.

- Cơ quan dân cử được quyền giới thiệu người của mình cùng với đại biểu khác được tổ chức giới thiệu tham gia vào quá trình hiệp thương.

- Quy định trong luật bầu cử sửa đổi theo hướng mở rộng khả năng lựa chọn đại biểu bằng việc có nhiều ứng cử viên cho một chức vụ chủ chốt trong cơ cấu quyền lực ở địa phương hơn và quy định rộng rãi hơn về quyền đề cử và ứng cử (không phải bầu một chức vụ chỉ có người được giới thiệu).

- Trong các đơn vị dân cử của cấp chính quyền cơ sở như thôn, làng, buôn, sóc, cử tri có quyền giới thiệu người mà họ tín nhiệm ra ứng cử vào một chức vụ chủ chốt của chính quyền cấp cơ sở. Đây có thể là biểu hiện rõ nhất về quy định dân chủ ở cơ sở được mở rộng trên cả hai phương diện: người dân tự mình giới thiệu người mình tín nhiệm và tự chịu trách nhiệm về quyền giới thiệu đó. Đây là sự kết hợp tiến bộ giữa quyền dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện.

- Theo Điều 42 Luật Bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân (sửa đổi tháng 11-2003) thì mỗi đơn vị bầu cử cần có danh sách người đề cử và ứng cử nhiều hơn số đại biểu được bầu là 2 người (trừ trường hợp đặc biệt có thể nhiều hơn một người).

Những đổi mới trong định hướng của Đảng, pháp luật của Nhà nước và sự cụ thể hóa của Chính phủ và các cơ quan hành chính, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể các cấp trong quá trình chuẩn bị các bước cho tiến trình lựa chọn bộ máy chính quyền địa phương cho thấy, bước đột phá của sự thay đổi về lượng chắc chắn sẽ có được kết quả tốt đẹp của sự biến đổi theo hướng tiến bộ về chất trong đời sống chính trị của xã hội ta hiện nay. Sự đổi mới trong pháp luật về bầu cử cùng với sự tự giác, giác ngộ chính trị của người dân ngày càng cao sẽ là hợp lực để tổ chức được bộ máy chính quyền phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu, nguyện vọng của nhân dân trong bối cảnh đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế. ❑


Digitized by Google

# Phát triển các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế nhiều thành phần

ĐINH VĂN ÂN *

Để hình thành và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, việc công nhận, bảo hộ chế độ đa sở hữu và phát triển doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Bởi lẽ các doanh nghiệp luôn là một trong những chủ thể quan trọng nhất của nền kinh tế.

Trong những năm đổi mới vừa qua, cùng với việc luật hóa chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, công nhận, bảo hộ chế độ đa sở hữu, trong đó có sở hữu tư nhân, Đảng và Nhà nước ta đã từng bước xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế đối với các loại hình doanh nghiệp.

**1 - Doanh nghiệp nhà nước**

Doanh nghiệp nhà nước giữ một vị trí quan trọng trong nền kinh tế nước ta. Đến năm 2000, doanh nghiệp nhà nước đóng góp 39,5% giá trị sản lượng công nghiệp, trên 50% kim ngạch xuất khẩu và 39,2% tổng thu ngân sách nhà nước.

Trong thời gian qua, Nhà nước đã thực hiện nhiều biện pháp trợ giúp doanh nghiệp nhà nước như: miễn thuế, giảm thuế, cho vay ưu đãi, vay không phải thế chấp, khoanh nợ, dãn nợ, chuyển nợ thành vốn ngân sách cấp, được trúng thầu hoặc được giao thầu nhiều công trình do Nhà nước đầu tư v.v... Tuy vậy, những yếu kém của doanh nghiệp nhà nước vẫn còn rất nghiêm trọng. Đó là: năng lực cạnh tranh thấp do chất lượng kém, giá thành của nhiều sản phẩm còn cao, nhiều mặt hàng có giá cao hơn mặt hàng cùng loại nhập khẩu (như sắt thép, phân bón, xi-măng, đường); công nợ quá lớn, nợ quá hạn, nợ khó đòi ngày càng tăng; quy mô doanh nghiệp quá nhỏ; công nghệ lạc hậu, có những doanh nghiệp còn làm ăn thua lỗ kéo dài.

Trước tình hình đó, *việc cải cách doanh nghiệp nhà nước đã trở nên hết sức cấp bách,* nhất là trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực, bởi nhiều doanh nghiệp nhà nước đang cung ứng những hàng hóa, dịch vụ chủ yếu là chi phí đầu vào của các doanh nghiệp khác trong nền kinh tế. Do vậy, cải cách các doanh nghiệp nhà nước là góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

Yêu cầu đặt ra là, điều chỉnh để doanh nghiệp nhà nước có cơ cấu hợp lý, tập trung vào những ngành, lĩnh vực then chốt và địa bàn quan trọng; đa dạng hóa sở hữu, chuyển từ chế độ sở hữu duy nhất là Nhà nước sang đa sở hữu, kể cả sở hữu tư nhân, với mục tiêu sử dụng có hiệu quả lực lượng lao động và cơ sở vật chất - kỹ thuật, phát triển sản xuất, kinh doanh.

Nghị quyết Trung ương 3, khóa IX (tháng 9-2001) đã quyết định đến năm 2005, hoàn thành cơ bản việc sắp xếp, điều chỉnh cơ cấu doanh nghiệp nhà nước hiện có (khoảng 5 175 doanh nghiệp vào cuối năm 2002), bằng các hình thức như cổ phần hóa, chuyển một số doanh nghiệp

* TS. Viện trưởng Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế trung ương



Digitized by Google

hoặc doanh nghiệp trực thuộc các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội sang loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, sáp nhập, giải thể, phá sản, giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê...

Để nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước hiện có, đã có nhiều cố gắng tìm tòi, thử nghiệm nhằm tìm ra nội dung và phương pháp tổ chức quản lý và điều hành có hiệu quả. Tuy nhiên, nhiều doanh nghiệp vẫn chưa thực sự tự chịu trách nhiệm về sản xuất, kinh doanh (quyền hạn, trách nhiệm của Giám đốc, Tổng Giám đốc, mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị với Giám đốc, Tổng Giám đốc chưa được quy định rõ ràng); còn nhiều ràng buộc từ các cơ quan chủ quản (Ủy ban nhân dân, Tổng Công ty, Bộ), chủ yếu về phương án đầu tư, sắp xếp nhân sự; cơ chế quản lý vốn; còn quá nhiều đầu mối quản lý doanh nghiệp, dẫn đến sự không thống nhất, khó khăn cho doanh nghiệp.

Việc thí điểm mô hình "công ty mẹ - công ty con" tuy được nhiều tổng công ty hoan nghênh, song thực chất tổng công ty ("công ty mẹ") vẫn nắm giữ quyền chi phối nhiều mặt đối với "công ty con", đồng thời lại được bổ sung thêm vốn.

Chủ trương thí điểm cổ phần hóa (từ năm 1992) được thực hiện còn chậm. Đến giữa năm 2002, mới có 828 doanh nghiệp và bộ phận doanh nghiệp được cổ phần hóa, chiếm khoảng 3% tổng số vốn của doanh nghiệp nhà nước. Có nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan, trong đó ý kiến phổ biến ở nhiều địa phương cho rằng cổ phần hóa là "chệch hướng xã hội chủ nghĩa", gây hoang mang, dè dặt, cầm chừng, không mạnh dạn đẩy mạnh quá trình này.

Việc giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê nhằm đa dạng hóa sở hữu, khơi dậy động lực và giải quyết các khó khăn của doanh nghiệp quy mô nhỏ, tránh được việc giải thể, phá sản doanh nghiệp, khắc phục tình trạng người lao động thiếu việc làm, giảm sự bao cấp, bù lỗ của Nhà nước. Thế nhưng, đến năm 2000, mới có khoảng 130 doanh nghiệp và theo lộ trình từ năm 2002 đến năm 2005 cũng chỉ có 209 doanh nghiệp, chiếm 2,9% tổng số doanh nghiệp, được chuyển đổi theo một trong những phương thức nói trên. Hiện còn quá nhiều quy định cứng nhắc khiến cho giải pháp này thực sự khó thực hiện.

Đối với doanh nghiệp công ích, do chưa xác định rõ tiêu chí sản phẩm, dịch vụ và doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích, đã dẫn đến tình trạng mở rộng quá nhiều danh mục (có tới 30 nhóm sản phẩm dịch vụ thuộc loại sản phẩm, dịch vụ công ích), được hưởng nhiều chính sách ưu đãi, làm cho số doanh nghiệp nhà nước làm nhiệm vụ công ích phát triển tràn lan, từ 617 doanh nghiệp (năm 1999) lên 732 doanh nghiệp (năm 2000), chiếm 12,8% tổng số doanh nghiệp nhà nước. Hơn nữa, do không phân biệt việc cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công ích với xếp loại doanh nghiệp làm nhiệm vụ công ích nên doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích được bao cấp khá nhiều so với doanh nghiệp nhà nước hoạt động kinh doanh.

Về phá sản doanh nghiệp, sau 9 năm từ khi có Luật Phá sản đến năm 2003, mới chỉ có 46 doanh nghiệp tuyên bố phá sản. Thực tế, số doanh nghiệp làm ăn kém hiệu quả, nợ nần tồn đọng, mất khả năng thanh toán, nợ đến hạn, rơi vào tình trạng phá sản còn rất nhiều do không ít quy định trong luật không phù hợp; thủ tục phá sản quá phức tạp, nhiêu khê; việc xác định công nợ và định giá tài sản gặp nhiều khó khăn.

*Nguyên nhân chủ yếu của thực trạng nói trên* là chưa giải quyết thông suốt những vấn đề sau đây:

- Trước hết, quan niệm muốn duy trì doanh nghiệp nhà nước trong tất cả các ngành, với ý muốn bảo đảm sự chủ đạo của kinh tế nhà nước, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa.

Cần thấy rằng, vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước là do toàn bộ hệ thống các ngành, lĩnh


Digitized by Google

vực thuộc kinh tế nhà nước quyết định, chứ không riêng doanh nghiệp nhà nước; đồng thời, cũng không thể quan niệm vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước tách rời hệ thống chính trị. Khi đã xây dựng được hệ thống chính trị vững mạnh thì mọi thành phần kinh tế đều là công cụ của Nhà nước. Khi kinh tế nhà nước nắm những ngành và lĩnh vực quyết định của nền kinh tế, mà kinh tế dân doanh có một tỷ trọng lớn, thì phải coi đây là điều đáng mừng, vì chúng ta đã phát huy được mọi tiềm năng của kinh tế dân doanh, động viên được sức mạnh của cả dân tộc vào mặt trận kinh tế.

- Việc cải cách doanh nghiệp nhà nước chậm chạp còn do Nhà nước vẫn duy trì những chính sách ưu đãi đối với doanh nghiệp của mình, mà không doanh nghiệp nào dại dột từ chối những ân huệ đó; trong khi người có quyền ban phát lại có tâm lý muốn duy trì cơ chế này.

- Đáng chú ý là, trong thời gian thực hiện cải cách doanh nghiệp nhà nước, lại đồng thời diễn ra việc thành lập mới một số những doanh nghiệp nhà nước một cách không hợp lý, không đúng với chủ trương của Đảng và Nhà nước vì những doanh nghiệp mới này không hội đủ các điều kiện quy định.

- Việc chuyển giao một số doanh nghiệp nhà nước do địa phương hiện đang quản lý về cho tổng công ty nhà nước, trong đó có những doanh nghiệp quy mô nhỏ, thua lỗ kéo dài, lẽ ra phải chuyển đổi sở hữu, hoặc cho phá sản. Thực chất việc làm này là đẩy gánh nặng từ địa phương về tổng công ty, nhưng tổng công ty lại có lợi vì quy mô lớn hơn sẽ được bổ sung thêm vốn, còn nếu kinh doanh không hiệu quả thì đã có ngân sách nhà nước gánh chịu.

Cải cách doanh nghiệp nhà nước là một yêu cầu tất yếu, nhất là trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay. Bởi thế, không có cách nào khác cần phải xóa bỏ bao cấp, đưa doanh nghiệp nhà nước ra cạnh tranh lành mạnh trên thị trường.

Muốn vậy, phải tổ chức lại một cách cơ bản bộ máy giúp Chính phủ, các bộ, chính quyền địa phương chỉ đạo công cuộc cải cách doanh nghiệp nhà nước từ trên xuống dưới. Tập trung sức lành mạnh hóa tình hình tài chính doanh nghiệp nhà nước, xác định đúng giá trị doanh nghiệp, xử lý vấn đề lao động dôi dư và cơ chế quản lý doanh nghiệp trong và sau khi cổ phần hóa.

**2 - Doanh nghiệp tư nhân**

Doanh nghiệp tư nhân và kinh tế tư nhân ở nước ta đã có quá trình phát triển hơn 17 năm. Năm 2000, Luật Doanh nghiệp ra đời và đi vào cuộc sống; về cơ bản, đã thể chế và hiện thực hóa được quyền tự do lựa chọn loại hình doanh nghiệp, tự do thành lập doanh nghiệp, tự do tổ chức quản lý, tự do lựa chọn quy mô, địa bàn và ngành, nghề, trừ một số ngành, nghề bị cấm theo quy định của pháp luật. Điểm nổi bật là, các quyền tự do đó được thể chế hóa; tạo cho người dân thực sự được hưởng và thực hiện các quyền đó.

Tuy nhiên, vấn đề đổi mới tư duy về thành phần kinh tế, nhất là về ý nghĩa, vai trò và vị trí của doanh nghiệp tư nhân ở nước ta là một việc không dễ. Bởi vì, điều đó trái với quan niệm truyền thống đang còn ảnh hưởng nặng đến việc thiết kế, định hình xu hướng phát triển và điều hành xã hội. Đó chính là lý do làm cho các biện pháp đổi mới, khuyến khích phát triển doanh nghiệp tư nhân luôn gặp khó khăn và lực cản. Vì vậy, một bộ phận doanh nhân kinh doanh trong tâm trạng "vừa làm, vừa lo"; không để cho hoạt động kinh doanh của mình được coi là lớn; nếu đã lớn, thì chia ra, phân tán ra để thành nhỏ; hoặc che giấu vốn, doanh thu, lợi nhuận, v.v..

Trong một môi trường kinh doanh như vậy khiến người dân dù ở cương vị nào cũng không dám phát huy hết sức sáng tạo của mình để đạt được kết quả cao nhất như mong muốn, phục vụ tốt nhất cho phát triển xã hội. Một nền kinh tế như vậy không thể khai thác hết tiềm năng của


Digitized by Google

nó để phát triển; thậm chí vô hình trung còn tạo cơ hội cho một số người ngăn cản sức sáng tạo, tư duy, công việc của người khác để trục lợi cá nhân. Riêng sự phát triển của doanh nghiệp tư nhân luôn bị níu kéo, cản trở và hạn chế. Do vậy:

*Một là,* cần thay đổi tư duy và quan điểm nói trên. Thấy rõ các loại hình doanh nghiệp khác nhau trong nền kinh tế có những điểm mạnh, yếu khác nhau, bổ sung cho nhau. Thị trường phát triển ngày càng cao và đa dạng, thì sự luân chuyển nguồn lực, hàng hóa các loại ngày càng hiệu quả và linh hoạt.

*Hai là,* mở rộng tối đa, khuyến khích và hỗ trợ quyền kinh doanh của người dân. Xây dựng và áp dụng thống nhất một hệ thống luật pháp đối với tất cả các loại hình doanh nghiệp, không phân biệt nhà nước và tư nhân, không phân biệt trong nước với ngoài nước.Thực hiện công bằng và bình đẳng về quyền kinh doanh, quyền tài sản, về chính sách, chế độ ưu đãi. Xem xét và bãi bỏ các hình thức "bao cấp" hiện đang dành cho doanh nghiệp nhà nước

*Ba là,* tin ở dân, ở chủ sở hữu và người quản lý doanh nghiệp tư nhân ngay từ khâu xây dựng luật pháp. Pháp luật phải được xây dựng trên nguyên tắc bảo vệ lợi ích của dân và dựa trên niềm tin về tính trung thực, tự giác, sẵn sàng thực thi đúng pháp luật của người dân. Pháp luật phải được xây dựng và thực hiện theo nguyên tắc doanh nghiệp tuân thủ đúng pháp luật thì được pháp luật bảo hộ và được bảo đảm quyền lợi tốt hơn, nhiều hơn so với doanh nghiệp không tuân thủ đúng pháp luật.

*Bốn là,* thực hiện nguyên tắc "chính phủ nhỏ, xã hội lớn" trong quản lý nhà nước. Giảm bớt quyền của cơ quan và công chức nhà nước từ trung ương đến địa phương, nhất là quyền "thẩm định", "phê duyệt", "chấp thuận", quyền cho phép và cấp phép kinh doanh, v.v.. Đồng thời, phải "cá thể hóa" được trách nhiệm của công chức trong thi hành công vụ. Đối với công chức và cơ quan nhà nước, pháp luật phải quy định không chỉ họ được "làm gì", "làm ở đâu", mà cả làm "như thế nào" và phải có thể chế thường xuyên giám sát và đánh giá công việc của họ.

**3 - Hợp tác xã**

Sau hơn 5 năm thực hiện Luật Hợp tác xã, tổng số hợp tác xã trên cả nước đã giảm không nhiều từ 11 330 xuống còn 10 311 đơn vị; trong đó, chỉ có gần 2 700 đơn vị mới thành lập. Như vậy, mỗi năm trung bình có 540 hợp tác xã mới được thành lập. Tuy vậy, đã có sự thay đổi đáng kể về cơ cấu ngành, nghề trong số hợp tác xã mới thành lập (hợp tác xã nông nghiệp chiếm khoảng 31%, công nghiệp chiếm 23,6%, thủy sản 12,7%, giao thông vận tải 11%, xây dựng 9%, thương mại gần 3%).

Quy mô của hợp tác xã còn rất nhỏ. Bình quân mỗi hợp tác xã có số vốn chỉ khoảng 758 triệu đồng, 787 xã viên; và 197 lao động làm thuê. Như vậy, bình quân mỗi xã viên đóng góp chưa đầy 1 triệu đồng và mỗi chỗ làm việc chỉ có gần 4 triệu đồng(1).

Hợp tác xã cũng chưa thực hiện tốt chức năng dịch vụ đầu vào, đầu ra như mong muốn của các nhà thiết kế chính sách bởi chủ yếu lực lượng tư thương, buôn bán nhỏ đã tiêu thụ đại bộ phận sản phẩm cho nông dân và cung cấp dịch vụ, phân bón, các loại nguyên liệu khác cho họ.

Thực tế phát triển kinh tế nói chung và hợp tác xã nói riêng trong mấy năm qua chứng tỏ, Luật Hợp tác xã cùng các chính sách phát triển kinh tế hợp tác chưa phát huy được tác dụng như mong muốn. Biểu hiện cụ thể là trong khi số lượng hợp tác xã giảm xuống, thì số lượng và quy mô của trang trại tăng lên rất nhanh trên nhiều vùng trong cả nước. Số doanh nghiệp tư

(1) *Báo cáo điều tra năm 2003* của Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương


Digitized by Google

nhân mới được thành lập hằng năm gấp 10 lần số hợp tác xã mới thành lập.

Hợp tác xã cũng thực sự chưa phải là con đường xóa đói, giảm nghèo, góp phần giải quyết các vấn đề xã hội khác. Thu nhập bình quân/người lao động (gồm cả xã viên và lao động làm thuê) khoảng từ 2 - 2,8 triệu đồng/năm; chỉ bằng khoảng 20% mức thu nhập bình quân của người lao động phổ thông làm việc trong các doanh nghiệp của tư nhân.

Nhiều thập kỷ trong cơ chế tập trung, quan liêu bao cấp, hợp tác xã đã bị "hành chính hóa", bị coi là "sân sau", là "bàn tay nối dài" của cấp chính quyền; làm mất đi "tính hấp dẫn", "lôi cuốn" của hợp tác xã đối với xã viên nói riêng và từng người dân nói chung. Tâm lý xã hội khá phổ biến coi tài sản chung là "của chùa", không quan tâm xây dựng nó, phát triển nó, mà tìm cách chiếm nó thành của riêng.

Cũng như loại hình kinh doanh khác, hợp tác xã có những điểm lợi và bất lợi riêng. Bản chất của hợp tác xã nhấn mạnh đến "sự bình đẳng" của từng xã viên không phân biệt đóng góp thực tế của họ; không chú trọng nhiều đến mối quan hệ thuận giữa đóng góp và lợi ích được hưởng. Vì vậy, hợp tác xã chưa phải là mô hình phù hợp khuyến khích lợi ích cá nhân, lấy lợi ích cá nhân làm động lực trực tiếp nhất để phát triển.

Trong hơn 17 năm qua, hợp tác xã đã và đang chuyển đổi cùng với sự chuyển đổi chung sang cơ chế thị trường của cả nền kinh tế. Để định hướng cho việc tiếp tục chuyển đổi, cần xem xét và tính đến một số điểm sau đây:

*Thứ nhất*, cần làm rõ và thống nhất về vai trò và địa vị pháp lý của hợp tác xã trong nền kinh tế. Trước hết, hợp tác xã phải được coi là một loại hình doanh nghiệp của kinh tế thị trường, với những đặc điểm, lợi và bất lợi của nó. Hợp tác xã cũng như các loại hình doanh nghiệp khác cần tồn tại tách biệt với các pháp nhân khác và với các cấp chính quyền.

*Thứ hai*, bản chất của hợp tác xã là nhấn mạnh mục tiêu phục vụ nhu cầu của xã viên, hỗ trợ lẫn nhau và quản lý dân chủ theo nguyên tắc đầu phiếu, không tính đến phần đóng góp cụ thể của từng người. Nhưng cần hiểu điều đó không có nghĩa hợp tác xã là loại hình doanh nghiệp tốt hơn loại hình khác, hay chế độ quản lý của hợp tác xã tiến bộ hơn so với chế độ quản lý theo tỷ lệ góp vốn, v.v..

*Thứ ba*, trong xây dựng và thực thi luật pháp, chính sách về hợp tác xã phải bảo đảm sự bình đẳng, không dành ưu đãi riêng biệt trên tất cả các mặt cho hợp tác xã và xã viên. Đồng thời, hợp tác xã không bị các cấp chính quyền "công cụ hóa" thành bộ phận và thực hiện chức năng của cấp chính quyền. Hợp tác xã cần được đối xử công bằng, bình đẳng và phải cạnh tranh để tồn tại và phát triển trong cơ chế thị trường. Hiệu quả và năng lực cạnh tranh chính là yếu tố quyết định thành, bại của hợp tác xã.

*Thứ tư*, khi xây dựng pháp luật về hợp tác xã nên đa dạng hóa loại hình hợp tác xã; đồng thời, áp dụng linh hoạt, có chọn lọc các nguyên tắc cơ bản của hợp tác xã phù hợp với điều kiện cụ thể về kinh tế, chính trị, xã hội, lịch sử của Việt Nam. Kinh nghiệm ở các nước cho thấy, việc áp dụng linh hoạt các nguyên tắc của hợp tác xã làm đa dạng hóa loại hình hợp tác xã, tạo thêm dư địa, động lực cho hợp tác xã phát triển, cạnh tranh được với các loại hình doanh nghiệp khác.

**4 - Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài**

Từ năm 1987 đến nay, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam phát triển khá nhanh, tham gia vào nhiều lĩnh vực, đã có những đóng góp quan trọng trong sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước như: bổ sung nguồn vốn quan trọng cho đầu tư phát triển; phục vụ chuyển dịch cơ cấu theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; thu hút công nghệ hiện đại, góp phần tiếp cận, mở rộng thị trường quốc tế, nâng cao năng lực xuất khẩu của đất nước, v.v..


Digitized by Google

Đầu tư nước ngoài chiếm một tỷ lệ quan trọng trong tổng sản phẩm trong nước (theo giá thực tế): 6,30% (năm 1995); 13,28% (năm 2000); 13,76% (năm 2001); 13,91% (năm 2002). Trong tổng số vốn đầu tư phát triển (theo giá thực tế), đầu tư nước ngoài chiếm 30% (năm 1995); 18,7% (năm 2000); 18,4% (năm 2001); 18,5% (năm 2002). Năm 2002, nếu tính cả dầu thô, xuất khẩu của khu vực đầu tư nước ngoài đạt khoảng 7,5 tỉ USD, chiếm trên 50% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước.

Để thu hút nhiều hơn và nâng cao hiệu quả đầu tư nước ngoài, phải tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, trước hết là thống nhất hơn nữa về nhận thức bởi sự chưa thống nhất ở các cấp, các ngành dẫn đến khác nhau trong khi xử lý các vấn đề cụ thể, khiến cho nhà đầu tư nước ngoài chưa thật yên tâm khi bỏ vốn đầu tư; đồng thời, xóa bỏ phân biệt về chính sách giữa đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài.

Cần xây dựng chiến lược và nâng cao chất lượng quy hoạch thu hút đầu tư nước ngoài theo hướng đầu tư nước ngoài cùng với đầu tư trong nước trở thành một cơ cấu hiệu quả và bền vững. Sớm hoàn thiện quy hoạch tổng thể cũng như quy hoạch ngành, vùng kinh tế, thu hút mạnh hơn nữa FDI vào các ngành công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu, công nghiệp chế biến, ngành công nghệ cao, vật liệu mới, điện tử, phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và các ngành nước ta có lợi thế.

Cùng với công tác quy hoạch, tiếp tục rà soát lại danh mục các dự án kêu gọi đầu tư, kể cả các dự án quốc gia và dự án do các địa phương dự kiến. Trong thực tế, danh mục các dự án quốc gia gọi vốn đầu tư thời kỳ 2001 - 2005 tuy đã ban hành, nhưng những dự án trọng điểm nhất vẫn chưa được nhà đầu tư quan tâm. Do đó, cần rà soát, điều chỉnh, bổ sung, nhất là cần hoàn chỉnh việc nghiên cứu tiền khả thi, nhằm tạo điều kiện cho việc tuyên truyền, vận động đầu tư.

Để thu hút đầu tư nước ngoài, những năm gần đây, Nhà nước đã bổ sung những chính sách lớn được các nhà đầu tư nước ngoài hoan nghênh, ghi nhận những chuyển biến rõ rệt trong nhiều lĩnh vực, nhưng họ còn cho rằng Việt Nam là nơi có độ rủi ro cao, do thể chế, chính sách hay thay đổi và thủ tục hành chính quá rườm rà, tốn kém. *Cách nhìn về ưu thế thu hút đầu tư ngày nay đã thay đổi, không còn là giá nhân công rẻ, thị trường nội địa lớn, vùng nguyên liệu sẵn hay giá đất hạ, mà là một chính sách nhất quán và được thực thi nghiêm túc từ trên xuống dưới.* Vì thế, cần khắc phục tình trạng thể chế không rõ ràng, thiếu minh bạch... gây cho nhà đầu tư nước ngoài tâm lý lo ngại.

Trong Luật Đầu tư nước ngoài hiện còn hạn chế sự đầu tư vào các lĩnh vực như nhập khẩu, dịch vụ vận tải nội địa, tài chính - ngân hàng, bảo hiểm, viễn thông, quảng cáo, v.v.. mà các lĩnh vực đó, nếu được mở ra một cách thoả đáng, sẽ tăng thêm tính hấp dẫn của thị trường đầu tư nước ta. Danh mục những lĩnh vực được phép đầu tư 100% vốn nước ngoài và danh mục hạn chế nước ngoài đầu tư cần được xác định và công bố công khai.

Đa dạng hóa các hình thức đầu tư nước ngoài, cho các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài đủ điều kiện chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Nghiên cứu, sửa đổi một số các quy định khác, như quy định bắt buộc về tỷ lệ nội địa hóa trong một số ngành công nghiệp; chế độ xin phép nhập khẩu theo kế hoạch đối với linh kiện, phụ tùng và nguyên vật liệu; việc tuyển dụng, sử dụng lao động, v.v..

Hiện nay, chính sách đầu tư nước ngoài của nhiều nước láng giềng có sức cạnh tranh cao. Do đó, chúng ta không thể không *xem xét lại hệ thống các thể chế, chính sách, nhất là so sánh với môi trường đầu tư của các nước trong khu vực nhằm đề ra những chính sách hấp dẫn, tạo lập được môi trường đầu tư có tính cạnh tranh cao* để thu hút nhiều hơn nữa vốn đầu tư nước ngoài cho công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. ❑


Digitized by Google

# VĂN NGHỆ - một phương cách xây dựng đạo đức xã hội

MAI HẢI OANH

1 - Trước đây, khi bàn về việc soạn nhạc, Nguyễn Trãi khẳng định, gốc của nhạc là "làm sao cho khắp nơi thôn cùng xóm vắng, không vang lên một tiếng hờn giận oán sầu". Chuyện về âm nhạc, qua lời danh nhân văn hóa thế giới Nguyễn Trãi, thực ra cũng là chuyện về mục đích và tác dụng giáo hóa của văn nghệ qua các thời kỳ lịch sử. Ai cũng biết, văn học nghệ thuật và đạo đức là hai loại hình thái ý thức xã hội khác nhau nhưng đều thuộc kiến trúc thượng tầng; do đó giữa chúng có mối quan hệ mật thiết. Văn nghệ không làm thay nhiệm vụ của đạo đức; và ngược lại, đạo đức không phải là văn nghệ. Đạo đức là sản phẩm của quan hệ kinh tế, của quan hệ đấu tranh giai cấp và quan hệ xã hội... Vì vậy, đạo đức luôn thay đổi theo tồn tại xã hội. Đó là nét đặc trưng của đạo đức. Nét độc đáo của văn nghệ là nó có khả năng nêu lên những vấn đề đạo đức, góp phần xây dựng đạo đức thông qua vẻ đẹp đặc thù của nghệ thuật. Nói gọn hơn, văn nghệ giáo dục đạo đức con người thông qua cái chân - thiện - mỹ, giúp con người biết phân biệt chính - tà, biết sống vì lý tưởng, biết yêu Tổ quốc và nhân dân mình.

Văn học nghệ thuật cách mạng Việt nam hơn nửa thế kỷ qua là một bằng chứng sinh động về tác dụng to lớn của văn nghệ đối với đời sống, góp phần không nhỏ vào quá trình hình thành nhân cách con người mới xã hội chủ nghĩa. Trong ba-lô của người lính ra trận những năm tháng chiến tranh bên những bi-đông, súng đạn... vẫn có những bài thơ của Tố Hữu hay những trang tiểu thuyết *Dấu chân người lính* của Nguyễn Minh Châu... Âm nhạc của Văn Cao, Đỗ Nhuận, Lưu Hữu Phước... thấm sâu vào tâm hồn của bao người, giúp họ sống trong sáng, đẹp đẽ và nhân ái hơn... Không còn nghi ngờ gì nữa, văn nghệ chân chính và tiến bộ đã trở thành một món ăn tinh thần, cổ vũ con người vượt qua khó khăn gian khổ, giữ vững niềm tin vào tương lai.

Kể từ năm 1945 đến nay, chúng ta đã xây dựng được một nền văn nghệ cách mạng phụng sự kháng chiến, phụng sự công cuộc kiến thiết của đất nước. Nền văn nghệ ấy đã không ngừng lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng nghệ thuật, đáp ứng một cách kịp thời yêu cầu của đất nước. Nhưng gần đây, khi đất nước bước vào nền kinh tế thị trường, vấn đề giáo dục đạo đức thông qua cái đẹp của nghệ thuật có phần bị sao nhãng. Dường như nhiều cây bút chỉ chú ý đến thể hiện cái tôi cá nhân mà quên đi cuộc đời rộng lớn. Đây là một vấn đề cần được quan tâm suy nghĩ một cách nghiêm túc. Đã có lúc, bức tranh đời sống trong văn học ta có phần ảm đạm. Phải chăng, từ chỗ lo ngại văn học minh họa theo lối "tô hồng" nên nhiều nhà văn đang biến ngòi bút của mình thành công cụ minh họa cho những cái nhìn ngờ vực và lo âu?! Đó là lý do giải thích vì sao người đọc lại khắc khoải mong đợi đến thế những tác phẩm nêu lên được những vấn đề lớn của thời đại, xây dựng được những tình cảm lớn, khát vọng lớn. Trong *Báo cáo Chính trị* trình


Digitized by Google

Đại hội IX, Đảng ta khẳng định: Nhiệm vụ trọng tâm của văn hóa là xây dựng tư tưởng, đạo đức, lối sống và đời sống văn hóa lành mạnh trong xã hội. Riêng đối với văn nghệ, Đảng ta chủ trương: "Văn nghệ sĩ nêu cao trách nhiệm trước nhân dân, Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội, phấn đấu có nhiều tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, có tác dụng giáo dục xây dựng con người. Văn nghệ, cổ vũ cái đúng, cái tốt, cái đẹp trong quan hệ giữa con người với con người, giữa con người với xã hội, với thiên nhiên; phê phán những thói hư tật xấu, lên án *cái ác* và cái thấp hèn"(1).

Xét cho cùng, đây vẫn là mối quan hệ biện chứng giữa hai vấn đề trọng yếu của văn nghệ: ***chống*** và ***xây*** sao cho hợp lý vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Nhiệm vụ của các văn nghệ sĩ trong việc xây dựng nền văn hóa mới tương xứng với sự đòi hỏi cấp thiết của thời đại, với những yêu cầu kể trên là hết sức to lớn, nặng nề .

**2** - Xã hội xã hội chủ nghĩa mà toàn Đảng, toàn dân đang xây dựng là một xã hội phát triển toàn diện, một xã hội hướng tới mục tiêu cao nhất là vì hạnh phúc con người. Sự nghiệp hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa chính là sự phát triển hài hòa giữa văn minh tinh thần và văn minh vật chất, bảo đảm cho mỗi công dân có đủ điều kiện tự "nhân đôi" mình trong quá trình cống hiến và hưởng thụ. Xưa nay, tư tưởng *lấy đức trị nước* là một tư tưởng hết sức quan trọng. Trong thời đại ngày nay, khi đất nước ta đang thực hiện công cuộc đổi mới một cách toàn diện và triệt để, chúng ta lại càng thấm thía điều này. Nếu *pháp trị* lấy việc xây dựng và thực thi hệ thống pháp luật theo văn minh chính trị là chủ yếu thì *đức trị* gắn liền với việc xây dựng tư tưởng, lối sống, quan hệ tốt đẹp giữa con người với con người... làm chủ đạo. Dĩ nhiên, giữa đức trị và pháp trị phải có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ. Một xã hội chỉ thực tốt đẹp khi luật pháp được giữ nghiêm và công minh, những giá trị đạo đức được thiết lập vững chắc thấm sâu trong cộng đồng. Ở đây, cần chú ý thích đáng đến hai phương diện quan trọng: thứ nhất, đạo đức là phẩm chất tốt đẹp của mỗi cá nhân, là khả năng hướng thiện và tự hoàn thiện nhân cách của mỗi người; thứ hai: là những nguyên tắc, những chuẩn mực do xã hội quy định về quan hệ giữa con người với con người, giữa con người với cộng đồng. Như vậy, phạm trù đạo đức vừa là sự thể hiện cái riêng, cái cá nhân, vừa hàm chứa những vấn đề chung, những chuẩn mực có ý nghĩa như những khế ước văn hóa để con người có khả năng điều chỉnh hành vi của mình, biết sống vì mọi người. Như vậy, đạo đức là sản phẩm xã hội, nó vừa có tính bền vững, vừa mang tính lịch sử cụ thể và không ngừng biến đổi để phù hợp với xu thế phát triển của thời đại.

Với ưu thế của mình, tác phẩm văn nghệ có khả năng xây dựng đạo đức. Thậm chí, việc tạo ra những "ăn năn đạo đức" cũng là một khả năng cảm hóa của văn nghệ. Khả năng này trước hết, xuất phát từ chỗ cả văn nghệ và đạo đức đều hướng về các giá trị *chân - thiện - mỹ*; sau nữa, văn nghệ có tác dụng tác động sâu sắc vào đời sống tình cảm của con người, khơi dậy ở con người những tình cảm cao đẹp. Nếu sáng tác của nghệ sĩ thiếu đi niềm mê say và nhiệt tình của họ đối với cuộc sống thì đó chỉ là một bông hoa thiếu hương sắc. Nếu một tác phẩm không giúp con người hướng tới các giá trị cao đẹp thì đó chỉ là những ký tự ngôn ngữ vô hồn. Không phải ngẫu nhiên người ta đã chia văn chương thành

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 115


Digitized by Google

nhiều loại: có thứ văn chương "răn đời", có thứ văn chương "sửa đời", "trị đời"... Chung quy lại, những cách phân chia này đều nói đến nền tảng đạo đức của văn chương và khả năng xây dựng đạo đức thông qua các tác phẩm nghệ thuật. Tất nhiên, mối quan hệ giữa đạo đức và văn chương cần được hiểu một cách uyển chuyển. Nếu nhà văn định hô hào đạo đức biến văn chương thành những tài liệu giáo huấn một cách cứng nhắc thì có nghĩa là anh ta đã thủ tiêu nghệ thuật vì anh ta đã đánh đồng nghệ thuật với đạo đức. Việc giáo dục và xây dựng đạo đức trong văn nghệ phải gắn liền với khát vọng của nhà văn, với lý tưởng mà anh ta tình nguyện theo đuổi. Nếu lý tưởng nhà văn thấp kém thì khó lòng tìm thấy trong trang viết của anh ta những giá trị đạo đức cao đẹp. Trái lại, nếu nhà văn mang những lý tưởng cao đẹp thì tác phẩm của anh ta sẽ hướng tới những giá trị tinh thần cao cả. Thiết nghĩ, ở đây, có ba khía cạnh cần chú ý: 1 - Với tư cách là chủ thể sáng tạo, nhà văn phải là người biết yêu ghét rạch ròi, dám đứng về lẽ phải, biết đấu tranh cho những giá trị nhân văn cao đẹp; 2 - Bằng tài năng của mình, nhà văn phải biến những khát vọng, nhiệt tình của mình thành những hình tượng nghệ thuật có sức cảm hóa người đọc; 3 - Cần có phương cách giới thiệu những tác phẩm cao về tư tưởng, sâu về nghệ thuật đến người đọc. Tại đây, vai trò của đội ngũ lý luận phê bình hết sức quan trọng. Với tư cách là "siêu độc giả", đội ngũ phê bình có chức năng hướng dẫn dư luận, góp phần định giá tác phẩm văn học để từng bước định hướng thị hiếu thẩm mỹ cho nhân dân. Trong giai đoạn hiện nay, khi các ấn phẩm văn hóa được sản xuất một cách ồ ạt, người đọc khó lòng phân biệt đâu là thật giả, vàng thau thì vai trò của nhà phê bình lại càng quan trọng. Ba phương diện trên đây thực chất là ba khâu cơ bản của chu trình văn học: nhà văn - tác phẩm - bạn đọc. Một nền văn nghệ muốn phát triển mạnh mẽ nhất thiết phải chú ý phát triển một cách đồng bộ tất cả các khâu đã nói ở trên.

3 - Trong gần hai thập kỷ đổi mới, bạn đọc đã thụ hưởng nhiều tác phẩm có giá trị của Nguyễn Minh Châu, Ma Văn Kháng, Nguyễn Khải, Lê Lựu, Nguyễn Khắc Trường, Lưu Quang Vũ, Nguyễn Xuân Khánh, Hữu Thỉnh, Nguyễn Đức Mậu,... Nhìn chung, văn học giai đoạn này đề cập nhiều hơn đến những vấn đề nhân sinh gay gắt, lên án mạnh mẽ những sự băng hoại về đạo đức và lối sống của con người. Trong bối cảnh mới, việc xây dựng đạo đức không đồng nghĩa với việc nhà văn hô hào hay kêu gọi đạo đức một cách chung chung, mà thông qua hình tượng nghệ thuật, tác phẩm của nhà văn hiện lên như một *cuộc đối thoại* với người đọc. Nhà văn là người nêu vấn đề, đề xuất những cái nhìn, đưa ra những cách kiến giải mới và lôi cuốn người đọc vào những cuộc tranh luận để từng bước xác định các chân lý đời sống. Đối thoại là hướng phát triển của tư duy văn học thời hiện đại. Người đọc khó có thể quên những vở kịch của Lưu Quang Vũ vào những năm 80 của thế kỷ XX. Đây là giai đoạn cuộc sống có nhiều chuyển biến lớn, và gắn liền với những chuyển động ấy của lịch sử, hàng loạt các quan hệ đạo đức, nhiều giá trị của đời sống nhân sinh bị đảo lộn. Lưu Quang Vũ là người đã nêu lên thực trạng ấy bằng cái nhìn sắc sảo. Những vở kịch của ông như *Tôi và chúng ta, Nguồn sáng trong đời, Hồn Trương Ba da Hàng thịt*... đã gióng lên tiếng chuông cảnh báo về tình trạng đảo lộn của đạo đức xã hội. Lẽ tất nhiên, sức hút của những triết lý nhân sinh và những vấn đề đạo đức trong văn học khác xa với những cách nói cao giọng, phán bảo. Không phải ngẫu nhiên C. Mác đã khuyên các nhà văn nên theo bước chân của Sếch-xpia chứ không nên theo cách của Sin-le. Đơn giản là, nếu Sếch-xpia nêu những vấn đề nhân sinh


Digitized by Google

qua việc phân tích tâm lý và xây dựng tính cách nhân vật một cách sắc sảo thì Sin-le lại biến nhân vật của mình thành cái loa phát ngôn tư tưởng của nhà văn. Những tác phẩm có sức cuốn hút người đọc chính là những tác phẩm giàu ý nghĩa, xây dựng được những biểu tượng nghệ thuật có khả năng gợi mở nhiều vấn đề về nhân thế. Chẳng hạn, bằng tác phẩm *Mùa lá rụng trong vườn* được viết vào những năm đầu đổi mới, Ma Văn Kháng đã nhìn thấy sự đổ vỡ của mối quan hệ gia đình truyền thống trước sức ép của đời sống thời kinh tế thị trường. Với tác phẩm này, Ma Văn Kháng đã miêu tả thành công trạng thái tâm lý của đời sống qua ô cửa gia đình và đưa ra những vấn đề đạo đức khiến người đọc phải suy nghĩ. Nói thế để thấy rằng, việc giáo dục và xây dựng đạo đức trong văn nghệ phải được thể hiện một cách uyển chuyển và tinh tế thông qua những nhân vật điển hình và sinh động, mang tính nghệ thuật cao.

Trong Đại hội VI, sau khi nêu lên tư tưởng đổi mới, Đảng ta cảnh báo một nguy cơ suy thoái đạo đức, trong xã hội ta đang diễn ra một cuộc đấu tranh giữa hai lối sống: lối sống có lý tưởng, lành mạnh, trung thực và sống bằng lao động của mình, có ý thức tôn trọng và bảo vệ của công, chăm lo lợi ích của tập thể và của Nhà nước với lối sống thực dụng, dối trá, ích kỷ, ăn bám, chạy theo đồng tiền. Quả thật, đây đó trong xã hội ta còn những điều nhức nhối: nạn tham nhũng, nạn nghiện hút, tệ mại dâm, thái độ coi thường di sản văn hóa dân tộc, lối sống thực dụng và vô cảm, thói tôn thờ và chạy theo đồng tiền, danh vọng đang có nguy cơ gia tăng một cách đáng sợ... Vấn đề đáng lưu ý là ở chỗ, bên cạnh nhiều tác phẩm thể hiện trách nhiệm cao của người cầm bút thì đã xuất hiện những tác phẩm cổ vũ cho lối sống ích kỷ cá nhân, coi dục vọng là mục đích sống cao nhất của họ. Không ít cuốn sách công khai tuyên truyền cho sức mạnh của bạo lực, của "luật rừng", sức mạnh vạn năng của đồng tiền và những châm ngôn sống trắng trợn, bỉ ổi. *Nổi loạn* của Đào Hiếu là một tác phẩm như thế. Nhà văn đã để cho nhân vật của mình chạy theo dục vọng cá nhân, quên mất trách nhiệm xã hội. Một số tác phẩm nhìn về quá khứ bằng cái nhìn phi lịch sử, hạ thấp các giá trị của văn học cách mạng. Điều này rất rõ khi đọc lại các tác phẩm của Dương Thu Hương. Nhà văn nữ này đã từng có thời sống đẹp khi tham gia chiến trường, nhưng sau đó, Dương Thu Hương lại dùng ngòi bút để thóa mạ lại chính giai đoạn đẹp đẽ mà mình đã sống. Khỏi phải bàn cãi, gieo gió ắt phải gặt bão, những tác phẩm của cây bút này nhanh chóng bị người đọc lãng quên. Sự thực đã chứng minh rằng, những khuynh hướng sáng tác trốn tránh trách nhiệm đạo đức không những xa rời sự tiến bộ của lịch sử mà còn có thiên hướng xa rời sự tiến bộ của nghệ thuật.

Rõ ràng, trong lãnh địa văn học, vai trò của chủ thể sáng tạo có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Nguyên tắc "Sống rồi hãy viết" suy cho cùng vẫn là một nguyên tắc có ý nghĩa sâu sắc với tất cả những người lao động nghệ thuật chân chính. Chủ tịch Hồ Chí Minh là người rất có ý thức khi cầm bút. Trước khi cầm bút, Người tự đặt câu hỏi: *Viết cái gì?; Viết cho ai?; Và viết như thế nào?* Với Người, mục đích cao nhất của văn chương là hướng đến độc lập tự do của Tổ quốc, hạnh phúc của nhân dân. Nguyễn Văn Siêu cũng từng nói đến hai loại văn chương: "Văn chương có loại đáng thờ và có loại không đáng thờ. Loại không đáng thờ là loại chỉ chuyên chú ở văn chương. Loại đáng thờ là loại chuyên chú ở con người". Hóa ra, từ rất sớm, Nguyễn Văn Siêu đã nói đến vấn đề vị nghệ thuật và vị nhân sinh. Vào những năm 1936 - 1939, cuộc tranh luận về nghệ thuật vị nghệ thuật với nghệ thuật vị nhân sinh đã diễn ra một cách sôi nổi trên văn đàn. Ngày nay, nhìn lại vấn đề này, chúng


Digitized by Google

ta nhận thấy rằng, mục đích quan trọng nhất của văn học nghệ thuật là vị nhân sinh nhưng để vị nhân sinh trở nên sâu sắc hơn, tác động lớn hơn thì các nhà văn phải chú ý đến vị nghệ thuật. Bởi lẽ, văn nghệ tác động đến người đọc thông qua cái hay, cái đẹp của chính nó. Khoái cảm thẩm mỹ phải gắn liền với những suy tư sâu sắc về con người và cuộc sống. Nếu thiếu đi chiều sâu ấy, tác phẩm văn học sẽ mất đi sức sống lâu bền và nhanh chóng bị lãng quên.

**4** - Trong lịch sử văn nghệ, không ít người từng chủ trương một thứ "văn nghệ thuần túy" rằng, người nghệ sĩ chỉ biết chăm chú vào cái đẹp mà không cần chú ý đến những vấn đề nóng bỏng của xã hội và đạo đức. Thực chất, đây là cái nhìn cực đoan và ngụy biện vì nghệ thuật không thể tách rời đời sống. Đành rằng, là những đam mê sáng tạo, nghệ sĩ nào chẳng mơ tưởng đến cái hay, cái đẹp. Nhưng những đứa con tinh thần của họ phải mang ý nghĩa xã hội thông qua cái hay cái đẹp ấy thì mới được người đọc đón nhận. Bởi lẽ không có thứ nghệ thuật nào được coi là chân chính nếu nó thoát ly cuộc sống, tình cảm, đạo đức và xã hội. Xưa nay, các nhà văn nghệ dù tuyên ngôn trung thành với nghệ thuật nhưng không có bất cứ sáng tác nào bài xích đạo đức và các nhân tố xã hội khác. Chẳng hạn, khi bắt tay vào viết bộ *Tấn trò đời*, H. Ban-dắc đã từng tuyên bố ông sẽ viết dưới ánh sáng của tư tưởng quân chủ chuyên chế và tư tưởng của nhà thờ. Nhưng trên thực tế, với tư cách là "người thư ký trung thành của thời đại", H. Ban-dắc lại truyền tới người đọc niềm căm phẫn chủ nghĩa tư bản vì sự tàn nhẫn và ích kỷ của chúng. Còn Séc-nư-sép-xki từng bộc bạch, trong 110 ngày trong tù, ông đã viết tiểu thuyết *Làm gì* nhằm nêu lên những vấn đề đạo đức tích cực và tiến bộ nhằm thức tỉnh tinh thần cách mạng của nhân dân. Tiểu thuyết này còn ghi thêm một đề mục nhỏ: *Trích những mẩu chuyện về con người mới*. Chủ đề quan trọng nhất của tiểu thuyết *Làm gì* là tập trung kêu gọi đấu tranh giải phóng người nghèo. Nhân vật đẹp nhất của tác phẩm chính là Ra-khơ-mê-tốp, người mà Séc-nư-sép-xki gọi là "con người đặc biệt" vì anh luôn luôn biết hy sinh cho lý tưởng. Bên cạnh đó, Vê-ra Páp-lốp-na - nhân vật chính của tác phẩm cũng là một tấm gương đáng học tập. Bằng cảm hứng nghệ thuật tuyệt vời, Séc-nư-sép-xki thông qua đó đã đặt ra vấn đề giải phóng người lao động, trước hết là người phụ nữ một cách say mê. Thông qua tiểu thuyết *Làm gì*, Séc-nư-sép-xki nêu lên những tiêu chuẩn đạo đức mới, ngợi ca những tình cảm mới. Không phải ngẫu nhiên khi nói tác phẩm này, V.I. Lê-nin cho rằng, đó là thứ "thuốc nổ" trong suốt cuộc đời mình. Các nhà văn, các nhà mỹ học tiến bộ đều nhấn mạnh đến tính cải tạo thế giới của văn học nghệ thuật. Việc đề cao những giá trị đạo đức tốt đẹp, phê phán những thói đạo đức giả, những quan hệ tội lỗi cũng chính là một hình thức cải tạo thế giới mà văn nghệ có khả năng thể hiện một cách xuất sắc. Trong dòng văn học hiện thực phê phán ở nước ta, Nam Cao là một cây bút đã miêu tả rất thành công bộ mặt tàn bạo của giai cấp thống trị qua tác phẩm *Chí Phèo*. Bằng tài năng nghệ thuật của mình, Nam Cao đã khái quát một hiện tượng hết sức nhức nhối: một bộ phận nông dân trước cách mạng bị giai cấp thống trị dồn đến con đường cùng và bị biến thành lưu manh hóa. Với tác phẩm *Tắt đèn*, Ngô Tất Tố, một mặt tố cáo sự tàn bạo của chế độ cũ; mặt khác, ngợi ca những giá trị đạo đức, tinh thần của người nông dân Việt Nam qua hình tượng Chị Dậu.

Trong nền văn nghệ cách mạng giai đoạn 1945 - 1975, nhiều nhà văn cũng thể hiện rất thành công vẻ đẹp của tâm hồn Việt Nam và các giá trị đạo đức của dân tộc. Đó là tình yêu của Mai trong *Rừng xà nu* (Nguyên Ngọc), là sự thủy chung của Nguyệt trong *Mảnh trăng cuối rừng* (Nguyễn Minh Châu), là vẻ đẹp vừa đảm việc nhà vừa trọn việc nước của chị Út Tịch trong *Người mẹ cầm súng* (Nguyễn Thi), là Dịu trong phim *Vĩ tuyến 17 ngày và đêm*...


Digitized by Google

Giờ đây, người đọc có quyền đòi hỏi các nhà văn hiện nay, bên cạnh việc mở rộng biên độ sáng tạo, phải có ý thức nêu lên những vấn đề cấp thiết của đời sống, góp phần hình thành thị hiếu thẩm mỹ lành mạnh, ca ngợi những vẻ đẹp đạo đức mới bằng những tác phẩm vừa giàu tính tư tưởng vừa giàu tính nghệ thuật. Chúng ta kiên quyết chống lại quan niệm phủ định nội dung đạo đức của văn nghệ. Xây dựng đạo đức, khẳng định và phê phán xã hội là một yếu tố để văn nghệ tồn tại. Nếu văn nghệ né tránh trách nhiệm xã hội nó sẽ tự tước bỏ vị trí của mình.

**5** - Tuy nhiên, cần chú ý rằng, việc giáo dục đạo đức cách mạng phải được đặt trên nền tảng đạo đức truyền thống phù hợp với thời đại mới. Vì nền tảng văn hóa của mỗi dân tộc thể hiện rõ nhất qua những giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc đó. Những giá trị ấy của Việt Nam được xây đắp và gìn giữ qua bao thế hệ và trở thành những hằng số: lòng yêu nước, tự hào tự tôn dân tộc, tinh thần nhân ái, đức vị tha, cần cù, thông minh, sáng tạo... Trong văn học nghệ thuật, việc gìn giữ và phát huy những giá trị lịch sử và những giá trị đạo đức truyền thống có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Trong gia đình, đó là thái độ tôn kính tổ tiên, uống nước nhớ nguồn. Trong xã hội, đó là tình cảm tương thân tương ái, sẵn sàng hy sinh vì Tổ quốc, khát vọng xây dựng đất nước giàu mạnh. Ở đây, giáo dục truyền thống gia đình phải gắn liền với giáo dục ý thức cá nhân và cộng đồng. Những câu thơ sau đây của Nguyễn Khoa Điềm sở dĩ thấm sâu vào tâm hồn người đọc bởi nhà thơ đã khơi thức tình yêu đất nước từ tình cảm thân thương ruột thịt:

*"Khi ta lớn lên đất nước đã có rồi*
*Đất nước có tự ngày xửa ngày xưa mẹ thường hay kể*
*Đất nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn*
*Đất nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre và đánh giặc...".*

Giáo dục truyền thống chính là một con đường dẫn tới tương lai. Điều đó càng có ý nghĩa cấp thiết khi chúng ta bước vào giao lưu, mở cửa, hội nhập với thế giới.

Nhưng việc gìn giữ giá trị của truyền thống hoàn toàn xa lạ với thói cố thủ hủ lậu cũng như việc học tập, thâu thái những tinh hoa văn hóa nhân loại tuyệt đối không phải là sự rập khuôn, vọng ngoại, lai căng...

Hiện nay, chúng ta đang nỗ lực công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì thế xây dựng đạo đức và tác phong sao cho phù hợp với văn minh công nghiệp là một yêu cầu hết sức quan trọng. Chúng ta cần nhiều hơn nữa những tác phẩm văn nghệ miêu tả và đề xuất được những giá trị đạo đức mới. Nếu như trước đây, lòng yêu nước thể hiện ở lòng căm thù giặc sâu sắc, tinh thần quyết chiến quyết thắng kẻ thù thì hiện nay, lòng yêu nước thể hiện rõ nhất trong khát vọng xây dựng đất nước ta ngày càng "đàng hoàng hơn, to đẹp hơn". Và khát vọng ấy phải được biến thành hành động cách mạng lôi cuốn hàng triệu người. Như vậy, vấn đề giáo dục đạo đức truyền thống và việc tiếp thu, xây dựng những tiêu chuẩn đạo đức mới thực chất là hai mặt của một vấn đề. Nghị quyết Trung ương 5, khóa VIII, đã phác thảo những chuẩn mực đạo đức rất cơ bản của con người Việt Nam mới. Đó cũng là yêu cầu cơ bản nâng cao tố chất đạo đức của cả dân tộc trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Văn học nghệ thuật - một bộ phận quan trọng của văn hóa - phải góp phần thiết thực vào sự nghiệp vẻ vang này. Mỗi nhà hoạt động nghệ thuật, với tinh thần nhân văn cao cả, sẽ có những tiếng nói khác nhau, những cách thức thể hiện khác nhau để biến tác phẩm của mình thành "bài ca cuộc sống". Để làm được điều đó, có lẽ hơn ai hết, các nhà hoạt động nghệ thuật hiểu rằng: "Hãy đập vào trái tim anh, thiên tài nằm ở đó" (Muýt-xe). ❑


Digitized by Google

# PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG CÁCH MẠNG, XỨNG ĐÁNG VỚI QUÊ HƯƠNG ĐỒNG CHÍ TRẦN PHÚ

ĐẶNG DUY BẢU *

HÀ Tĩnh là một vùng đất giàu truyền thống văn hóa, yêu nước và cách mạng. Từ khi có Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, truyền thống ấy được phát huy và hóa thân vào các phong trào đấu tranh của quần chúng, vào những chiến sĩ cách mạng "tận trung với nước, tận hiếu với dân", sáng ngời chí khí chiến đấu và một lòng trung kiên với Đảng, với cách mạng.

Tự hào là quê hương của đồng chí Trần Phú - Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng - giữ gìn, phát huy những truyền thống tốt đẹp của quê hương, học tập và làm theo những bài học rút ra từ cuộc đời và sự nghiệp vẻ vang của đồng chí Trần Phú, trong suốt mấy chục năm qua, Đảng bộ và nhân dân Hà Tĩnh luôn "giữ vững chí khí chiến đấu" trong mọi hoàn cảnh, vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, hy sinh, đưa sự nghiệp cách mạng tỉnh nhà vươn lên giành được những thắng lợi to lớn.

Ngay sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập, là một trong những đảng bộ ra đời sớm nhất toàn quốc, với những chủ trương, mục tiêu và phương pháp đấu tranh đúng đắn, sáng tạo, Đảng bộ Hà Tĩnh đã lãnh đạo đông đảo các tầng lớp nhân dân vùng dậy đấu tranh làm nên cao trào Xô-viết Nghệ Tĩnh, đỉnh cao của cao trào cách mạng 1930 - 1931 do Đảng ta lãnh đạo. Cao trào cách mạng 1930 - 1931 không chỉ làm nên sự nghiệp vẻ vang ngay từ khi Đảng bộ mới ra đời mà còn để lại những kinh nghiệm quý giá cho toàn bộ sự nghiệp lãnh đạo cách mạng của Đảng ta nói chung và Đảng bộ Hà Tĩnh nói riêng.

Sau cao trào cách mạng 1930 - 1931, mặc dù bị kẻ thù đàn áp, khủng bố khốc liệt, Đảng bộ nhiều lần bị phá vỡ, nhưng cán bộ, đảng viên và quần chúng cách mạng vẫn một lòng một dạ theo Đảng, kiên trì vượt qua mọi thử thách, từng bước khôi phục lại tổ chức và phong trào để hòa cùng khí thế cách mạng của cả nước. Tháng 8-1945, Hà Tĩnh trở thành một trong bốn tỉnh về đích sớm nhất trong cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân[1].

Sau Cách mạng Tháng Tám, Đảng bộ Hà Tĩnh đã sớm tổ chức được lực lượng vũ trang, cùng với cả nước tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Trong 9 năm kháng chiến, quân và dân Hà Tĩnh luôn nêu cao tinh thần cảnh giác, chủ động đánh bại nhiều cuộc tập kích, xâm nhập phá hoại của kẻ thù, không để chúng đứng chân nổi một ngày trên đất quê hương. Tỉnh đã xây dựng được các an toàn khu vững chắc ở phía Tây, là chỗ đứng chân của lực lượng kháng chiến Liên khu IV và cả Trung Bộ, phục vụ kịp thời yêu cầu của các

* TS, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh

(1) Bốn tỉnh đó là: Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, và Quảng Nam (T.G)



Digitized by Google

chiến trường[2]. Tháng 2-1949, Hà Tĩnh được Bộ Quốc gia giáo dục công nhận là một trong những tỉnh đầu tiên của cả nước hoàn thành việc thanh toán nạn mù chữ, được Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhì và nhiều lần được Người gửi thư khen ngợi. Về thành tích chi viện cho tiền tuyến, từ năm 1949 đến 1954, toàn tỉnh có 43 780 thanh niên nhập ngũ, 32 600 người đi dân công hỏa tuyến; đóng góp 27 388 200 ngày công phục vụ kháng chiến, cung cấp cho mặt trận 161 830 tấn lương thực, thực phẩm... Con em Hà Tĩnh có mặt trên khắp các chiến trường, chiến đấu kiên cường, dũng cảm, lập công xuất sắc, tiêu biểu là anh hùng liệt sĩ Phan Đình Giót lấy thân mình lấp lỗ châu mai trong chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, với vị trí chiến lược quan trọng: "Hậu phương của tiền tuyến miền Nam, vừa là tiền tuyến của hậu phương miền Bắc" (Lời Bác Hồ), tỉnh Hà Tĩnh phải đương đầu với những thử thách cực kỳ ác liệt, chịu đựng những tổn thất hy sinh chưa từng thấy. Trong những năm tháng lịch sử hào hùng đó, Đảng bộ và nhân dân Hà Tĩnh luôn nêu cao "Chí khí chiến đấu", ý chí tự lực, tự cường, nỗ lực vươn lên giành được những chiến công hiển hách. Trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, quân và dân Hà Tĩnh đã bắn rơi 267 máy bay, bắn chìm và bắn cháy 34 tàu chiến, tàu biệt kích của địch. Tỷ lệ thanh niên nhập ngũ giai đoạn 1960 - 1975 chiếm tới 10% dân số toàn tỉnh lúc bấy giờ; 13 024 người con của tỉnh đã anh dũng hy sinh trên các chiến trường. Đến nay, tỉnh Hà Tĩnh và 100% số huyện, thị xã cùng nhiều tập thể, cá nhân đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu cao quý Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, 504 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Năm 2004, cùng với nhân dân cả nước, Đảng bộ và nhân dân Hà Tĩnh kỷ niệm lần thứ 100 Ngày sinh đồng chí Trần Phú với niềm tự hào và phấn khởi bởi đã đạt được những thành tựu to lớn trong sự nghiệp giải phóng dân tộc cũng như trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhất là trong sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Ba năm trước, Đại hội lần thứ XV của Đảng bộ tỉnh đã nêu mục tiêu sớm đưa Hà Tĩnh ra khỏi tình trạng tỉnh nghèo để vươn lên cùng cả nước, xứng đáng với quê hương giàu truyền thống cách mạng. Ngay từ lúc đó, Hà Tĩnh đã thấy rõ những khó khăn như: điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt, điểm xuất phát về kinh tế khá thấp so với cả nước, kết cấu hạ tầng yếu kém, tỷ lệ hộ nghèo tương đối cao (28,8%)... Ba năm qua, Hà Tĩnh lại phải đương đầu chống chọi, khắc phục hậu quả của hai cơn bão số 5 (năm 2000) số 5 (năm 2001) và trận lũ quét lịch sử vào tháng 9-2002 gây thiệt hại nặng nề về vật chất và ảnh hưởng lâu dài đến đời sống đồng bào ở một số địa phương. Tỉnh ủy Hà Tĩnh đã xác định đúng nhiệm vụ trọng tâm là *muốn đưa đời sống của hơn 1, 2 triệu dân thoát nghèo, vươn lên no ấm, giàu có phải đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh, phá thế thuần nông độc canh cây lương thực, tăng hệ số sử dụng đất.* Tỉnh ủy đã ban hành và lãnh đạo thực hiện có hiệu quả nghị quyết về mở cuộc vận động nhân dân chuyển đổi sử dụng đất nông nghiệp, mở đường cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, tạo ra hiệu quả kinh tế cao trên đơn vị diện tích; và tiếp theo là các nghị quyết về xóa đói giảm nghèo, tạo việc làm cho người lao động, phát triển chăn nuôi tạo thế cân bằng giữa tỷ trọng chăn nuôi và trồng trọt, nuôi trồng thủy sản gắn với công nghiệp chế biến, phát triển vụ hè - thu toàn diện, đưa vụ đông trở thành vụ sản xuất chính.

Thực tiễn ba năm đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống đã chứng tỏ việc ban hành các nghị quyết về phát triển kinh tế của Tỉnh ủy

(2) Thời kỳ cao điểm ở các an toàn khu của Hà Tĩnh đã có trên 10 vạn cán bộ, công nhân với 12 xưởng sản xuất vũ khí lớn cùng hàng chục xưởng vũ khí nhỏ, các xưởng chế biến hoá chất, dược liệu, xưởng in bạc...


Digitized by Google

Hà Tĩnh là nhạy bén, kịp thời, được quần chúng đồng tình hưởng ứng gắn chặt với việc triển khai, thực hiện tốt Quy chế Dân chủ ở cơ sở để dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra. Nhìn tổng quát, ba năm qua, tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đạt 8,54% (chỉ tiêu Đại hội đề ra là 8%/năm), riêng năm 2003 đạt 9%. Thu nhập bình quân từ chỗ chỉ đạt 2,8 triệu đồng/người/năm, nay đã đạt 3,6 triệu đồng/người/năm. Cơ cấu kinh tế chuyển biến tích cực theo hướng sản xuất hàng hóa, giảm tỷ trọng nông - lâm - ngư nghiệp từ 51% (năm 2000) xuống 46,5% (năm 2003). Đáng chú ý là, trong khi tỷ trọng giảm nhưng giá trị sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp vẫn tăng; nâng sản lượng lương thực từ 24 vạn tấn (năm 1991) lên 47,7 vạn tấn (năm 2003), bình quân khoảng 400 kg/người/năm.

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chuyển biến tích cực, từng bước khai thác tốt hơn tiềm năng và lợi thế của địa phương. Từ chỗ hầu như không có một cơ sở công nghiệp nào đáng kể sau ngày mới tái lập, đến nay Hà Tĩnh đã hình thành các khu công nghiệp, các cụm tiểu thủ công nghiệp, các trọng điểm kinh tế, cảng biển lớn với hàng trăm doanh nghiệp lớn, nhỏ... Tốc độ tăng trưởng của sản xuất công nghiệp bình quân hằng năm ở mức 2 con số. Riêng năm 2003, tăng 32,5% so với năm 2002. Nâng mức thu ngân sách nội tỉnh từ 18 tỉ đồng (1991) lên 183 tỉ (năm 2003). Kết cấu hạ tầng được tăng cường đầu tư xây dựng làm biến đổi bộ mặt nông thôn và thị xã, thị trấn. Tất cả các xã, phường trong tỉnh đã có điện lưới quốc gia và có đường ô-tô về đến tận trung tâm; gần 1 000 km đường giao thông nông thôn được nhựa hóa hoặc bê-tông hóa; 1 165 km kênh mương nội đồng được kiên cố hóa; 97,3% số xã, phường, thị trấn có trường học cao tầng... Các khu du lịch: Thiên Cầm, Xuân Thành, Thạch Hải, chùa Hương Tích, Kẻ Gỗ và các khu di tích lịch sử, văn hóa được tôn tạo, xây dựng... Lĩnh vực văn hóa - xã hội cũng đạt được những kết quả rõ nét. Giáo dục - đào tạo phát triển mạnh, luôn là một trong những địa phương dẫn đầu cả nước về chất lượng đại trà cũng như chất lượng mũi nhọn. Toàn tỉnh đã hoàn thành chương trình phổ cập tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập trung học cơ sở, có 188 trường đạt tiêu chuẩn quốc gia, và mới thành lập một trường đại học. Hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao... có nhiều đổi mới về nội dung và hình thức, đúng định hướng, phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị. Đến nay, Hà Tĩnh có 70% số hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa, 409 làng xã, khối phố đạt danh hiệu làng, xã văn hóa, 85% lãnh thổ được phủ sóng phát thanh, 80% diện tích được phủ sóng truyền hình... Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt. Thu nhập bình quân đầu người đạt từ 713 000 đồng (năm 1991) lên 3 600 000đ (năm 2003). Tỉnh đã tập trung huy động nhiều nguồn lực để thực hiện các chính sách xã hội, đầu tư thực hiện các chương trình, mục tiêu quốc gia về xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, xây dựng nông thôn mới. Tỷ lệ hộ đói nghèo giảm từ 53% (năm 1991) xuống 16,25% (năm 2003). Đặc biệt là cuộc vận động giúp hộ đói nghèo xóa nhà tranh tre, dột nát được triển khai sâu rộng. Toàn tỉnh huy động được trên 60 tỉ đồng, trong đó chủ yếu là từ sự tự nguyện đóng góp của cộng đồng, để nâng cấp, xây dựng mới 11 553 ngôi nhà tặng các hộ đói nghèo. Đến tháng 7-2003, Hà Tĩnh đã cơ bản hoàn thành xóa nhà tranh tre dột nát cho hộ nghèo. Đây là kết quả có ý nghĩa to lớn về nhiều mặt.

Cùng với những thành tựu trên lĩnh vực kinh tế - văn hóa, nhiệm vụ quốc phòng - an ninh cũng không ngừng được tăng cường. Tình hình chính trị ở tất cả các cơ sở trong tỉnh đều ổn định. Đảng bộ đã quan tâm đúng mức đến công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Trên cơ sở quán triệt các nghị quyết của Đảng, chủ trương, chính sách của Nhà nước, các cấp ủy và chính quyền các cấp của tỉnh chú trọng nghiên cứu, đổi mới mạnh mẽ nội dung và phương thức lãnh đạo, chỉ đạo theo hướng cụ thể và sâu sát cơ sở; vừa toàn diện, bao quát, vừa xác định trúng trọng tâm, trọng điểm; chọn


Digitized by Google

đúng và tập trung mọi nguồn lực đầu tư cho các mũi đột phá trên các lĩnh vực nhằm đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, củng cố vững chắc quốc phòng - an ninh. Tập trung chăm lo công tác giáo dục chính trị tư tưởng, tạo được khối đoàn kết thống nhất trong nội bộ. Tổ chức bộ máy các cấp được kiện toàn, chất lượng hoạt động của các tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ đã có chuyển biến tích cực. Công tác chỉ đạo, quản lý, điều hành của chính quyền các cấp có nhiều cải tiến. Hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội ngày càng rõ nét, có tác dụng và hiệu quả thiết thực. Nhờ đó, các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng đã sớm đi vào cuộc sống, tạo được phong trào thi đua sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân; nhiều nhân tố, nhiều điển hình mới xuất hiện trên tất cả các lĩnh vực, các địa bàn. Niềm tin của nhân dân đối với Đảng và công cuộc đổi mới được nâng lên.

Những thành tựu đạt được của Đảng bộ và nhân dân trong những chặng đường qua đã khẳng định rõ vai trò và năng lực lãnh đạo của Đảng bộ. Qua đó, chúng tôi rút ra được nhiều bài học quý báu. Đó là bài học về sự kiên định vững vàng, một lòng theo Đảng, tin tưởng tuyệt đối với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Đó là bài học về phát huy sức mạnh sáng tạo, tinh thần tự lực, tự cường, không ngại hy sinh gian khổ, không chùn bước trước khó khăn; tăng cường đoàn kết thống nhất trong Đảng bộ làm nòng cốt cho khối đại đoàn kết toàn dân, gắn bó máu thịt với nhân dân, tạo thành sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị.

Trong những năm qua, Đảng bộ và nhân dân Hà Tĩnh đã nỗ lực vượt qua nhiều khó khăn, giành được kết quả khá toàn diện và đồng đều trên các lĩnh vực và địa bàn, đạt và vượt hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch hằng năm cũng như về đích trước chỉ tiêu của kế hoạch 5 năm (2001 - 2005), nhưng nhìn chung những kết quả đó chưa tương xứng với tiềm năng và nguồn lực đầu tư. Hà Tĩnh vẫn còn là một tỉnh nghèo, kinh tế chủ yếu là thuần nông, chậm phát triển, đời sống nhân dân một số vùng còn khó khăn; đang đứng trước nguy cơ tụt hậu so với sự phát triển của đất nước.

Trước tình hình đó, Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh giữa nhiệm kỳ xác định phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của tỉnh trong thời gian tới là: Phấn đấu duy trì tốc độ phát triển kinh tế nhanh và bền vững, đẩy mạnh phát triển sản xuất hàng hóa, nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả của nền kinh tế. Tập trung đầu tư cho các mũi kinh tế trọng điểm, có bước đột phá mới, nhất là trong nông nghiệp, nông thôn và dồn sức cho phát triển công nghiệp. Chú trọng phát triển văn hóa, giáo dục - đào tạo, nâng cao dân trí, quan tâm chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, thực hiện tốt các chương trình xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, xây dựng nông thôn mới và các chính sách xã hội. Tăng cường quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Tập trung xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh...

Để đạt được những mục tiêu cơ bản trên, đòi hỏi sự phấn đấu nỗ lực của toàn Đảng bộ và nhân dân, của tất cả các cấp, các ngành; khai thác hết mọi tiềm năng và nguồn lực trong tỉnh cũng như tranh thủ tối đa mọi nguồn lực bên ngoài đầu tư cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Đặc biệt là, Đảng bộ phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của mình; quán triệt sâu sắc và vận dụng sáng tạo đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước vào điều kiện cụ thể của địa phương để có những quyết sách, giải pháp đúng đắn tạo sự đột phá đi lên của tỉnh trên mọi địa bàn, mọi lĩnh vực.

Với truyền thống yêu nước nồng nàn, ý chí tự lực, tự cường, với những tiềm năng sẵn có, nhất là trí thông minh, sáng tạo, tinh thần lao động cần cù của người dân..., Hà Tĩnh nhất định sẽ vượt qua mọi khó khăn, trở lực để xây dựng tỉnh nhà ngày càng "nổi bật lên", như lời dạy của Bác Hồ kính yêu, xứng đáng là quê hương của đồng chí Trần Phú - Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng. ❑


Digitized by Google

# Một quyết sách hợp lòng dân trên vùng bán đảo Cà Mau

NHƯ HÙNG

VÙNG bán đảo Cà Mau của tỉnh Kiên Giang gồm 3 huyện: An Biên, An Minh và Vĩnh Thuận có diện tích tự nhiên 172 580 ha, đất sản xuất nông nghiệp 97 750 ha, trong đó 72 770 ha đất trồng lúa, 40 670 ha đất lâm nghiệp. Bờ biển dài 64 km với bãi triều rộng, nhiều sông rạch, có tiềm năng kinh tế phong phú đa dạng về nông, lâm nghiệp, nuôi trồng và khai thác thủy sản. Toàn vùng có 27 xã, thị trấn với số dân 346 313 người, trong đó dân tộc Khơ Me chiếm 6,35%, Hoa chiếm 1,03% và chủ yếu là người Kinh.

Trải qua hai cuộc kháng chiến với nhiều tổn thất nặng nề, thách thức lớn nhất với vùng bán đảo Cà Mau là điểm xuất phát về kinh tế - xã hội, mặt bằng dân trí và chất lượng nguồn nhân lực thấp. Trong khi đó, các ngành, các cấp trong tỉnh chưa tập trung chỉ đạo hoặc chỉ đạo thiếu đồng bộ, chưa có quy hoạch tổng thể cho toàn vùng và quy hoạch chi tiết cho từng tiểu vùng nên sản lượng lương thực tăng chậm. Rừng hằng năm vẫn bị cháy, do chưa ngăn chặn có hiệu quả nạn phá rừng. Hệ thống giao thông bộ còn nhiều khó khăn, tình trạng đường lầy lội, cầu khỉ còn khá phổ biến. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phát triển chậm, quy mô nhỏ, kỹ thuật lạc hậu, thị trường tiêu thụ còn hạn hẹp, sức mua thấp. Tỷ lệ hộ nghèo đói còn cao (An Biên: 31%, An Minh: 30%, Vĩnh Thuận: 31,7%), trên 95% số nhà được dựng bằng cây lá tạm bợ, chỉ có 1,9% số hộ sử dụng điện. Sự nghiệp giáo dục chậm phát triển, còn 27,7% trẻ em từ 6 - 14 tuổi chưa được đến trường, mức hưởng thụ văn hóa của người dân rất thấp.

Từ thực trạng trên, vấn đề cấp bách là, phải phát huy sức mạnh tổng hợp, khai thác hiệu quả tiềm năng, tranh thủ sự hỗ trợ của trung ương nhằm tạo ra những khâu đột phá về kinh tế làm chuyển biến toàn cục, trước hết phải chuyển dịch mạnh cơ cấu nông nghiệp, nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa, tạo việc làm, xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Ngày 20-4-1994, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Kiên Giang đã ra Nghị quyết số 17-NQ/TU với những nội dung cơ bản: Phát triển kinh tế - xã hội gắn với việc tăng cường, củng cố hệ thống chính trị. Đây là chủ trương đúng đắn, phù hợp với điều kiện thực tế, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và nhân dân 3 huyện vùng bán đảo Cà Mau. Tỉnh ủy Kiên Giang xác định rõ "Việc tập trung phát triển kinh tế - xã hội vùng bán đảo Cà Mau thuộc An Biên, An Minh, Vĩnh Thuận là trách nhiệm và lương tâm của toàn bộ Đảng bộ, toàn quân và dân Kiên Giang".

Nghị quyết xác định những quan điểm chỉ đạo, định hướng và giải pháp nhằm tập trung cao nhất trí tuệ của đảng bộ 3 huyện phát triển toàn diện kinh tế - xã hội của vùng với những


Digitized by Google

chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2000 và những năm tiếp theo. Nghị quyết 17 đã được quán triệt trong toàn đảng bộ. Để thực hiện các chỉ tiêu của nghị quyết, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng đề án "Phát triển kinh tế - xã hội vùng bán đảo Cà Mau đến năm 2000". Các ngành, các địa phương xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức thực hiện một cách cụ thể thông qua việc tiến hành rà soát, bổ sung quy hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, hoàn thiện hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất; đẩy mạnh sản xuất nông sản hàng hóa, nâng cao hiệu quả kinh tế nông hộ; đổi mới bộ giống cây trồng, con vật nuôi; phát triển vùng lúa xuất khẩu; thực thi các dự án về nước sinh hoạt nông thôn. Một số ngành chức năng căn cứ vào mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ của Nghị quyết 17, xây dựng và triển khai thực hiện các dự án đầu tư phát triển thủy sản, giao thông, điện, giáo dục, y tế và kết cấu hạ tầng nông thôn. Tỉnh ủy đã sơ kết việc thực hiện Nghị quyết vào các năm 1996, 1998 và tiếp tục tập trung chỉ đạo, điều chỉnh, bổ sung các mục tiêu, tổ chức thực hiện cho phù hợp với tình hình mới.

Kết quả của gần 10 năm thực hiện Nghị quyết 17 đã được thể hiện cụ thể trên từng lĩnh vực như sau:

**Kinh tế được quan tâm tập trung đầu tư và đạt tốc độ phát triển khá.**

Kinh tế nông nghiệp được xác định là thế mạnh số một của vùng và đã có bước phát triển khá toàn diện: Tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 9,7%/năm; trồng trọt và chăn nuôi phát triển theo hướng đa dạng hóa sản phẩm, tăng hiệu quả sử dụng đất đai và lao động; diện tích gieo cấy tăng 1,4 lần, năng suất tăng 1,2 lần, diện tích lúa 2 vụ tăng 6,7 lần; sản lượng lương thực đạt 604 ngàn tấn, tăng bình quân 10,2%/năm. Trình độ ứng dụng khoa học - kỹ thuật và thâm canh của nông dân được nâng lên, có 30% diện tích trồng giống mới, năng suất cao. Bước đầu hình thành, phát triển vùng nguyên liệu mía, dứa gắn với công nghiệp chế biến. Phong trào cải tạo vườn tạp, trồng cây ăn trái có hiệu quả kinh tế cao gắn với sản xuất rau màu và chăn nuôi theo phương châm "lấy ngắn nuôi dài" phát triển mạnh, xuất hiện nhiều mô hình sản xuất kinh doanh tổng hợp đạt hiệu quả được chỉ đạo đầu tư nhân rộng.

*Lâm nghiệp* được chú trọng cả về trồng mới và bảo vệ rừng tái sinh, trồng rừng phòng hộ ven biển, trồng cây phân tán trên địa bàn dân cư. Nhiều hộ nông dân đầu tư vào hàng trăm héc-ta rừng và đất rừng bằng nguồn vốn gia đình và vốn vay ngân hàng, đạt hiệu quả kinh tế cao.

*Thủy sản* phát triển mạnh, trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của vùng, với tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm là 10,2%. Năng lực đánh bắt hải sản xa bờ được nâng lên. Nuôi trồng thủy sản phát triển đa dạng, nhất là nuôi tôm sú vùng nước mặn, nước lợ có hiệu quả, tận dụng mặt nước, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật để nâng cao năng suất, chất lượng phát triển mạnh ở các xã ven biển.

*Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp* ngày càng phát triển, tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm là 3,4%. *Thương mại, dịch vụ* phát triển đa dạng về loại hình và ngành nghề kinh doanh, tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm đạt 9,1%. Riêng *Dự án phát triển nông hộ vùng đệm U Minh Thượng* đã có tác dụng thúc đẩy nhanh việc khai thác tiềm năng đất, tận dụng mọi nguồn lực, phát huy vai trò của hộ nông dân để phát triển kinh tế. Năm 1999, tỉnh đầu tư 51,2 tỉ đồng thi công khoanh vùng nuôi thủy sản, Ngân hàng và các tổ chức tín dụng cho nông dân vay 34,5 tỉ đồng để sản xuất nông - lâm - ngư và thực hiện phương châm "lấy ngắn nuôi dài". Kết quả sau 3 năm thực hiện dự án, thu nhập bình quân của hộ nông


Digitized by Google

dân vùng đệm đạt 11,4 triệu đồng/năm; số hộ có thu nhập trên 20 triệu đồng/năm chiếm 27,1%; nhiều hộ nông dân trở thành những điển hình trong phong trào thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi của tỉnh.

Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được quan tâm chỉ đạo đầu tư, với tổng số vốn cho toàn vùng là 786,3 tỉ đồng, chủ yếu dành cho phát triển hệ thống thủy lợi kết hợp với xây dựng hệ thống giao thông nông thôn (chiếm 69% vốn xây dựng cơ bản của vùng). Nâng cấp 29 km tuyến đường liên tỉnh, liên huyện; 92,6% số xã có đường ô-tô đến trung tâm; đặc biệt, xây dựng tuyến đê bao vùng đệm U Minh Thượng với chiều dài 60 km rải nhựa. Hệ thống điện đến 100% số xã, thị trấn; nâng số hộ sử dụng điện lên 51,9%. Hệ thống bưu điện - văn hóa xã phát triển đạt 1,9 máy điện thoại trên 100 dân. Mở rộng và nâng cấp hệ thống cấp nước, đưa tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch lên 72,4%.

**Văn hóa - xã hội có bước phát triển mới và đạt nhiều thành tích quan trọng.**

*Trong công tác xóa đói giảm nghèo*, bằng nhiều biện pháp như hỗ trợ vốn, giải quyết đất đai, dạy nghề, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất đã cơ bản khắc phục được hộ đói và giảm tỷ lệ hộ nghèo còn 17,2%, GDP bình quân đầu người đạt 268 USD/năm. Nhiều hộ gia đình trước đây không có đất sản xuất, túng thiếu, nhưng thông qua Dự án phát triển kinh tế nông hộ vùng đệm đã trở thành những gia đình làm ăn có hiệu quả. Do đó, các tệ nạn xã hội đã giảm dần. Đồng chí Bùi Ngọc Sương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, không giấu nổi niềm vui: "Đúng là một Nghị quyết hợp lòng dân, các cấp, các ngành dốc sức cùng lo, nhân dân trong vùng đồng lòng ủng hộ. Điển hình là xã An Ninh Bắc (huyện An Ninh) có đến 61% số hộ nghèo, xã Ninh Thuận (huyện Vĩnh Thuận) có tới 80% số hộ nghèo, nay chỉ còn dưới 15%. Quả là một thắng lợi lớn".

*Sự nghiệp giáo dục - đào tạo có bước phát triển mới.* Hệ thống giáo dục quốc dân được xây dựng tương đối hoàn chỉnh và đồng bộ ở các cấp học, 100% số xã có trường tiểu học và trung học phổ thông cơ sở, cơ bản xóa tình trạng học ca ba, chất lượng dạy và học không ngừng nâng lên, 86% số trẻ từ 6 đến 14 tuổi được huy động đến lớp. Công tác chống mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học có nhiều tiến bộ và được công nhận đạt chuẩn quốc gia về xóa mù chữ vào năm 1999. *Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân* được coi trọng. Đến nay, toàn vùng có 3 bệnh viện, 2 phòng khám đa khoa khu vực, 100% số xã có trạm y tế, hình thành mạng lưới y tế đến tận xóm, ấp. *Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thông tin, thể dục - thể thao được quan tâm* đẩy mạnh với nhiều hình thức phong phú, đa dạng.

Nhìn tổng quát những kết quả của gần 10 năm thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng bán đảo Cà Mau, tập thể Ban Thường vụ Tỉnh ủy Kiên Giang nhất trí cho rằng: Trong điều kiện tuy nhiều thuận lợi nhưng còn không ít khó khăn, thách thức, được sự chỉ đạo thường xuyên của các cấp ủy, sự quan tâm hỗ trợ của các ban, ngành cấp tỉnh và sự lao động cần cù, phát huy tinh thần tự lực tự cường của nhân dân 3 huyện, tốc độ kinh tế - xã hội tăng trưởng khá. Nổi bật là, sản lượng lương thực tăng nhanh, xuất hiện nhiều mô hình sản xuất - kinh doanh có hiệu quả kinh tế cao; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư phát triển làm cho bộ mặt nông thôn có nhiều chuyển biến tích cực; đời sống của nhân dân trong vùng được cải thiện, số hộ nghèo giảm gần một nửa, nhiều hộ thoát nghèo, trở nên khá giả; sự nghiệp giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa có bước phát triển, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội nông thôn được giữ vững; dân chủ trong nội bộ nhân dân được mở rộng và phát huy tốt; tập quán sản xuất và sinh hoạt của


Digitized by Google

nhân dân trong vùng có nhiều tiến bộ. Đồng chí Hồng Phúc, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy tâm sự: Đó chính là "lương tâm và trách nhiệm của Đảng bộ, của toàn quân, dân trong tỉnh đối với vùng bán đảo Cà Mau".

Nhưng phải thừa nhận một cách thẳng thắn là, kinh tế của vùng phát triển chưa vững chắc, chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế và vẫn chưa theo kịp các vùng khác trong tỉnh. Kinh tế của 3 huyện chủ yếu vẫn là thuần nông, độc canh cây lúa. Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và thương mại - dịch vụ phát triển còn yếu. Việc ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật còn hạn chế nên năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của hàng hóa chưa cao. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội mặc dù được quan tâm đầu tư nhưng nhìn chung vẫn còn thấp kém, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân vùng sâu còn thiếu thốn. Hệ thống chính trị được củng cố, kiện toàn nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, nhất là trình độ đội ngũ cán bộ ở cơ sở còn hạn chế.

Những nguyên nhân chủ yếu của những yếu kém trên là, các cấp ủy và chính quyền chưa nhận thức đầy đủ nội dung, tầm quan trọng và ý nghĩa Nghị quyết 17 của Tỉnh ủy nên trong tổ chức triển khai lúc đầu còn lúng túng. Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được xem là khâu đột phá để phát triển toàn vùng, nhưng đầu tư chưa đúng mức, triển khai thực hiện các dự án đầu tư còn chậm nên chưa tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển nhanh và bền vững. Trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể, ý thức tự vươn lên của một bộ phận nhân dân còn hạn chế, vẫn còn tư tưởng trông chờ ỷ lại vào Nhà nước, vào cấp trên nên chưa tập trung mọi nguồn lực tại chỗ cho đầu tư phát triển. Trình độ dân trí thấp, đội ngũ cán bộ yếu và không đồng đều dẫn đến khả năng tiếp thu, ứng dụng khoa học - công nghệ hạn chế; sự phối hợp giữa các ngành các cấp thiếu chặt chẽ.

Từ thực tế lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết 17 của Tỉnh ủy Kiên Giang, có thể rút ra một số kinh nghiệm sau:

***Một là,*** Nghị quyết tự thân nó không thể đi vào cuộc sống, mà phải được tuyên truyền, vận động để làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân thông suốt, từ đó tích cực tham gia thực hiện. Do vậy, phải triển khai trong nội bộ cán bộ, đảng viên đồng thời tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân bằng nhiều hình thức, phương tiện, thông qua sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa các ngành, các cấp, đặc biệt là vai trò của các đoàn thể ở cơ sở. Thực tế cho thấy, nơi nào làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, được nhân dân đồng tình hưởng ứng thì nơi đó có phong trào tốt, kinh tế - xã hội phát triển.

***Hai là,*** trong chỉ đạo tổ chức thực hiện phải quyết liệt, kiên định mục tiêu đã đề ra, lựa chọn đúng khâu đột phá, chọn trúng điểm tập trung sức chỉ đạo, kịp thời uốn nắn những lệch lạc, chú trọng sơ tổng kết rút kinh nghiệm, nhân rộng những mô hình làm ăn có hiệu quả, điều chỉnh các quy hoạch, kế hoạch phù hợp với thực tế từng thời gian. Đồng thời, giáo dục nhân dân về ý thức tự lực, tự cường, nêu cao tinh thần quyết tâm vươn lên làm giàu từ tiềm năng và lợi thế của mình.

***Ba là,*** củng cố, kiện toàn hệ thống chính trị, xây dựng đội ngũ cán bộ đủ sức thực hiện nhiệm vụ là vấn đề có ý nghĩa quyết định thành công trong thời gian qua. Thực tế cho thấy, nơi nào hệ thống chính trị vững mạnh; đội ngũ cán bộ giỏi, nhiệt tình thì nơi đó có phong trào tốt, đời sống nhân dân nâng lên.

***Bốn là,*** sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp là một trong những yếu tố rất quan trọng, tạo sự thống nhất đồng bộ trong chỉ đạo thực hiện thắng lợi Nghị quyết. ❑


Digitized by Google

# Để chính quyền sát dân, dân gần chính quyền

TÔ CÔNG

DƯỚI chế độ cũ, chính quyền là của bọn thực dân, phong kiến áp bức, bóc lột nhân dân nên nhân dân oán ghét, xa lánh. Ngày nay, dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, chính quyền là của dân, do dân và vì dân. Việc phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội là nhằm đem lại lợi ích cho nhân dân; việc tăng cường và củng cố an ninh - quốc phòng là nhằm bảo vệ nhân dân, bảo vệ Tổ quốc. Mọi việc làm của chính quyền đều nhằm phục vụ nhân dân và vì mục tiêu *"dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"*. Để phục vụ nhân dân tốt hơn, chính quyền phải sát dân (mọi tầng lớp nhân dân) và dân phải gần chính quyền (từ trung ương đến cơ sở).

Sát dân bằng nhiều cách, nhưng phải nghe và phải thấy vì *"trăm nghe không bằng một thấy"*. Có nghe thì phải nghe bằng cả hai tai; nghe bên này, bên kia; người này người nọ; cái hay, cái dở; cái đúng, cái sai. Có thấy thì phải thấy cả hai mặt: mặt ưu, mặt khuyết; mặt tốt, mặt xấu; mặt phải, mặt trái; mặt thuận lợi, mặt khó khăn; mặt chủ quan, mặt khách quan... để nhận xét, đánh giá tình hình cho chính xác. Sát dân là trực tiếp gặp gỡ, hỏi han và bàn bạc với dân, để nghe dân nói, xem dân làm, thấy được cách ăn, ở, làm việc, đời sống của dân và quan trọng hơn là đi sâu tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng, thắc mắc của dân, biết dân đang nghĩ gì, cần cái gì, muốn cái gì, lo cái gì, ghét cái gì, sợ cái gì... để đề ra hoặc sửa đổi, bổ sung chủ trương, chính sách, việc làm cho ý Đảng, lòng dân thống nhất hòa quyện.

Muốn thế, trước hết phải có cái *"tâm"* với dân. Nghĩa là thực lòng thương yêu dân như người thân ruột thịt, hòa mình với dân, cảm thông với dân, vui cái vui của dân, buồn cái buồn của dân, lo cái lo của dân... ở ngay cạnh dân, đi cùng dân, gặp gỡ dân mà không có cái tâm với dân thì không thể hiểu được tâm tư, nguyện vọng của dân; do đó, nói là đi sát dân cũng chỉ là hình thức *"cưỡi ngựa xem hoa"*. Trong cải cách ruộng đất trước đây, có người ba cùng *"cùng ăn, cùng ở, cùng làm"* mà không có cái tâm nên cũng không bắt được rễ trong lòng dân. Ngày xưa, có những vị vua anh minh đi "vi hành" xuống dân mới thấy được ai là người lương thiện, ai là kẻ gian ác, mới thấy được đời sống thực tế của dân, mới biết được tâm tư, nguyện vọng của dân. Chính quyền có sát dân thì dân mới gần chính quyền, mới thực sự coi chính quyền là của mình, mới ủng hộ, tin tưởng, tôn trọng, bảo vệ và xây dựng chính quyền.

Thấm nhuần lời dạy của Hồ Chí Minh: Cán bộ, đảng viên là người đày tớ của dân chứ không phải là ông "quan cách mạng". Mọi người chúng ta phải hết sức phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc. Từ khi thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở cách đây đã hơn 5 năm, thái độ của cán bộ, công chức đối với các tổ chức, cá nhân nhã nhặn, khiêm tốn hơn trước, đã đi sâu, đi sát dân hơn, nhất là những khi dân đang gặp khó khăn, hoạn nạn, thiên tai bão lụt; giải quyết công việc của dân nhanh hơn, thấu tình đạt lý hơn, được dân tin yêu và làm cho dân tin tưởng hơn vào chính quyền, gắn bó hơn với chế độ xã hội chủ nghĩa. Song vẫn còn một số cán bộ xa dân, ngại xuống cơ sở, quan liêu, cửa quyền, hống hách với dân, chưa kể một số lợi dụng chức quyền để làm giàu bất chính, làm giảm uy tín của chính quyền.


Digitized by Google

Dân gần chính quyền là chấp hành chủ trương, chính sách, pháp luật, giám sát cán bộ và mọi hoạt động của cơ quan nhà nước, phản ánh những hiện tượng tiêu cực, những hành vi phạm pháp của cán bộ, công chức với chính quyền, mạnh dạn, chân tình đóng góp ý kiến, nêu thắc mắc, đề đạt nguyện vọng với chính quyền và đấu tranh với những luận điệu tuyên truyền, xuyên tạc của kẻ địch, của các phần tử xấu. Về phía nhân dân, nhiều người đã gần chính quyền hơn trước, đã có thái độ đúng hơn đối với chính quyền, có ý thức xây dựng chính quyền ngày càng trong sạch, vững mạnh. Song còn có nhiều người quan niệm chính quyền là của dân, phục vụ dân nên thường ỷ lại, trông chờ, đòi hỏi nhiều ở chính quyền, mà không thấy trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân đối với chính quyền dưới giác độ chính quyền là cơ quan quản lý nhà nước, quản lý xã hội; phải tôn trọng, ủng hộ, tuân theo mệnh lệnh của chính quyền, không được có hành động chống đối. Nhiều người dân còn gây phiền hà, khó dễ cho chính quyền trong việc giải phóng mặt bằng để xây dựng những công trình công cộng, trong việc bảo đảm an toàn giao thông. Không ít người lấn chiếm vỉa hè, lòng đường, lấn chiếm đất đai, xây cất nhà trái phép, dây dưa trả nợ thuế, trốn thuế, lậu thuế, còn thờ ơ với những hiện tượng tiêu cực, những hành vi phạm pháp, thậm chí còn vô tình hay cố ý tiếp tay cho bọn lâm tặc, bọn buôn lậu, bọn tham nhũng... Điểm hạn chế chung là ít hiểu biết về pháp luật, nên có nhiều người phạm sai lầm một cách không có ý thức, vì thế cần có kế hoạch tuyên truyền giáo dục, phổ cập pháp luật cho dân, nhất là về quyền và nghĩa vụ công dân.

Để chính quyền gần dân, dân gần chính quyền hơn nữa chúng ta phải chú ý một số biện pháp như:

*Thứ nhất,* tăng cường đối thoại với nhân dân. Đây là biện pháp hữu hiệu để giải quyết tư tưởng, thắc mắc của nhân dân và làm cho chính quyền sát dân hơn, dân gần chính quyền hơn trên nguyên tắc dân chủ, tự nguyện, bình đẳng. Đối thoại với dân là cùng dân bàn bạc, thảo luận, trao đổi để làm rõ và giải quyết vấn đề. Có đối thoại mới thấy được cách giải quyết của chính quyền đối với dân có tình, có lý, hiểu được những phân vân, trăn trở, vướng mắc của dân, thậm chí cả những bất bình của dân. Đối với những ý kiến đúng thì bàn bạc với dân tìm cách giải quyết. Đối với những ý kiến không đúng thì phân tích, giải thích để dân hiểu, phải thuyết phục, tránh áp đặt, phải uốn nắn những tư tưởng lệch lạc, phê phán những quan điểm sai trái. Muốn vậy, cán bộ phải có trình độ, nắm vững vấn đề và phải thận trọng, bình tĩnh, kiên nhẫn.

*Thứ hai,* các cuộc tiếp xúc cử tri của đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân phải được coi là thực hiện quyền làm chủ của dân, do đó phải dân chủ, bình đẳng, công khai, rộng rãi và làm theo hình thức đối thoại. Nên mở rộng thành phần cử tri đến dự. Ngoài số cử tri được mời, nên thông báo rộng rãi cho mọi người dân biết, để cử tri nào cũng có thể tới dự (tất nhiên phải có biện pháp đề phòng kẻ xấu lợi dụng quậy phá). Phải làm cho cử tri cảm thấy dân thật sự làm chủ, chính quyền thực sự là của dân, tạo điều kiện để dân được nói và được nghe dân nói, nói thật lòng và để những người vốn e dè dám mạnh dạn phát biểu ý kiến, bộc lộ tâm tư, nguyện vọng, thắc mắc của mình, thẳng thắn nhận xét, chất vấn... Trong các cuộc tiếp xúc cử tri trước khi Quốc hội, Hội đồng nhân dân họp, nên đưa ra thăm dò ý kiến cử tri về một số điểm của dự thảo luật có liên quan nhiều đến nhân dân hay những việc quan trọng sẽ thảo luận ở Hội đồng nhân dân, để cử tri tham gia ý kiến. Nhân dịp này, cũng nên rà soát lại các chủ trương, chính sách và việc làm của chính quyền, xem chỗ nào chưa đúng thì sửa đổi, điều chỉnh, chỗ nào còn thiếu thì bổ sung.

Các cuộc tiếp xúc cử tri không nên bó hẹp, đơn thuần chỉ lấy ý kiến đại biểu cử tri mà là dịp để đại biểu đối thoại với cử tri về mọi vấn đề quan trọng của đất nước, của địa phương. Các cuộc tiếp xúc này còn là dịp để học hỏi lẫn nhau. Cử tri hiểu rõ hơn chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, những việc làm và những khó khăn của chính quyền; đại biểu được rõ


Digitized by Google

hơn tình hình cụ thể ở địa phương, nghe được nhiều ý kiến của cử tri. Nghiêm chỉnh thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở là thực hiện quyền làm chủ trực tiếp của nhân dân, để dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, là cách làm tốt để chính quyền sát dân và đân gần chính quyền.

Qua hơn 5 năm thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở, chúng ta đã đạt được nhiều kết quả, đã làm chuyển biến một bước nhận thức của cán bộ, đảng viên về dân chủ xã hội chủ nghĩa, đã làm cho nhân dân coi chính quyền thực sự là của mình, phục vụ nhân dân; song vẫn tồn tại một số người nghiêng về nhận thức quyền lợi cá nhân hơn là quyền lợi của tập thể, của quốc gia, dân tộc, thiếu trách nhiệm trong việc biết, bàn, làm, kiểm tra. Chúng ta phải tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa việc xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở; phải tiếp tục tuyên truyền, giáo dục sâu rộng, liên tục để cán bộ và nhân dân quán triệt sâu sắc nội dung, ý nghĩa, mục đích của Quy chế, phải củng cố và kiện toàn Ban Chỉ đạo xây dựng và thực hiện Quy chế; đặc biệt chú ý đến khâu bàn và kiểm tra, vì hai khâu này còn yếu. Phải thực sự dân chủ để dân mạnh dạn đóng góp ý kiến. Phải phân tích, giải thích, tránh áp đặt, mặt khác phải nắm vững nguyên tắc, nắm vững các quy định của cấp trên để lãnh đạo, bàn bạc cho tốt theo đúng các quy định của pháp luật, tránh *"theo đuôi quần chúng"* vì ở một số nơi còn bị ảnh hưởng của tư tưởng phong kiến, của phong tục tập quán lạc hậu, kiến thức về pháp luật còn yếu, hiểu biết về chính sách còn ít, lại thường vì quyền lợi cá nhân hơn là vì quyền lợi của tập thể, cộng đồng. Bên cạnh đó, cần đề phòng kẻ xấu lợi dụng dân chủ để kích động, quậy phá, gây mất trật tự. Phải kiểm tra, giám sát thường xuyên và chặt chẽ để kịp thời ngăn ngừa những hành động lệch lạc, những hiện tượng tiêu cực. Ở các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước phải tổ chức đại hội, hội nghị công nhân, viên chức cho tốt, đúng thời hạn và vai trò của Công đoàn ở đây giữ vai trò quan trọng. Xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở là nhiệm vụ thường xuyên của các cấp ủy đảng, chính quyền, các đoàn thể và phải thực hiện một cách nghiêm túc, tránh khoa trương, hình thức, *"đánh trống bỏ dùi"*, *"đầu voi đuôi chuột"*; phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền với các đoàn thể, dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy.

Cách đây 80 năm, V.I. Lê-nin đã chỉ rõ: Nguy cơ lớn nhất của một đảng cầm quyền là quan liêu, mệnh lệnh, xa rời quần chúng. Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô trước đây do nhiều nguyên nhân, nhưng có một nguyên nhân quan trọng là các đảng cộng sản ở đây đã mắc bệnh quan liêu lâu ngày mà không kiên quyết sửa chữa, làm cho quần chúng từ chỗ giảm lòng tin đến chỗ mất lòng tin vào Đảng. Một khi đã mất quần chúng thì không còn cơ sở cho Đảng hoạt động và sẽ mất chính quyền. Vậy có nguy cơ nào lớn hơn đối với một Đảng cầm quyền là để mất chính quyền? Sự phản ứng tập thể vừa qua của nhân dân với chính quyền địa phương ở một số nơi của tỉnh Thái Bình do nhiều nguyên nhân, nhưng có một nguyên nhân rất quan trọng là bệnh quan liêu, mệnh lệnh, xa rời quần chúng của một số cán bộ lãnh đạo ở địa phương. Những hiện tượng tiêu cực của một số cán bộ thôn, xã đã được nhân dân phát giác và báo cáo từ lâu, nhưng không kịp thời xử lý, ngăn chặn nên tình hình trở nên nghiêm trọng và phổ biến, đụng chạm đến nhiều người ở nhiều xã, dẫn đến phản ứng dây chuyền. Vì vậy, nếu chỉ dựa vào báo cáo của cấp dưới thì không thấy được thực chất của sự việc, chưa kể những báo cáo thiếu trung thực, bị cắt xén, nên cán bộ phải thường xuyên xuống cơ sở gặp gỡ, trực tiếp đối thoại với nhân dân mới thấy thực tiễn cuộc sống một cách đầy đủ, toàn diện.

Sinh thời Hồ Chí Minh đã nhiều lần phê phán rất nghiêm khắc bệnh quan liêu, nạn tham ô, lãng phí và Người cho rằng, do quan liêu mà xảy ra tham ô, lãng phí. Cho nên, quan liêu là một bệnh rất nguy hiểm, cần phải kiên quyết đấu tranh, khắc phục dù ở bất cứ đâu, bất cứ cấp nào. Trực tiếp đối thoại với dân là phương thuốc đặc trị chữa căn bệnh quan liêu, mệnh lệnh, xa rời quần chúng của cán bộ, để chính quyền ngày càng sát dân hơn và dân càng gần chính quyền hơn. ❑


Digitized by Google

# DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

TRẦN QUANG NHIẾP*

DÂN số là một trong những yếu tố quyết định tới sự phát triển bền vững của cộng đồng dân cư, cộng đồng quốc gia và cộng đồng quốc tế. Bởi lẽ dân số là lực lượng quyết định nguồn nhân lực; quyết định mọi mối quan hệ xã hội trong cộng đồng; là quan hệ giữa cộng đồng với tự nhiên, môi trường. Chất lượng dân số sẽ quyết định tương lai, nòi giống của cộng đồng dân cư, dân tộc. Nòi giống của dân tộc khỏe mạnh, thân thể to lớn, cao ráo, vạm vỡ, thông minh, lành mạnh sẽ quyết định khả năng phát triển về thể chất, tâm hồn của cả cộng đồng. Trong thời đại khoa học, công nghệ phát triển như vũ bão hiện nay, thời đại kinh tế tri thức đòi hỏi mọi cộng đồng quốc gia dân tộc muốn phát triển phải có chất lượng dân tố cao, mọi cá nhân là thành viên của cộng đồng phải có tố chất tối ưu. Ngoài ra, các yếu tố số lượng dân số, chất lượng dân số đều có giá trị chỉ đạo hành vi ứng xử của con người với môi trường của cộng đồng xã hội loài người sinh sống. Cho nên dân số đang trở thành mối quan tâm hàng đầu của nhiều quốc gia trên thế giới và đã trở thành một trong những vấn đề toàn cầu. Các quốc gia ngày càng thống nhất nhận thức và các giải pháp nhằm giải quyết vấn đề dân số và phát triển cộng đồng trên cơ sở có cùng mẫu số chung là lợi ích của mỗi con người là tiền đề cho lợi ích chung của cả cộng đồng; đến lượt nó, lợi ích cộng đồng lại trở thành điều kiện quyết định cho sự phát triển và bảo đảm lợi ích của mỗi con người.

Ở Việt Nam, bước sang thiên niên kỷ mới, một mặt tập trung cho mục tiêu sớm ổn định quy mô dân số đạt mức sinh thay thế bình quân trong toàn quốc vào năm 2005, mặt khác thực hiện quy mô, cơ cấu dân số và phân bổ dân cư phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội, không ngừng nâng cao chất lượng dân số về thể chất, trí tuệ và tinh thần.

Nhìn khái quát bức tranh dân số nước ta đủ thấy, mối quan hệ biện chứng giữa dân số và phát triển cộng đồng hết sức sâu sắc.

Vào đầu thế kỷ XX, dân số Việt Nam chỉ có 15,58 triệu người. Sau gần 40 năm (năm 1960), dân số tăng lên gấp đôi là 30,17 triệu người. Nhưng đến ngày 1-7-2000, dân số cả nước đạt 77,68 triệu người, trong khi diện tích đất của chúng ta không rộng, chỉ có 33,1 vạn $km^2$, do đó, quy mô dân số tăng nhanh, nên mật độ dân số cũng tăng rất nhanh. Năm 1941 nước ta chỉ có 47 người/$km^2$, thì nay đã là 243 người/$km^2$. Các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long khoảng 1 400 người/$km^2$; nhiều tỉnh thuần nông như Thái Bình, Nam Định, Hưng Yên, Bắc Ninh khoảng 1 100 người/$km^2$. Chính vì thế, nhiều vùng người lao động thiếu tư liệu sản xuất, thiếu ruộng đất canh tác, không có việc làm nên họ đã phải di cư đến nhiều vùng làm thuê, phá rừng, tàn phá môi trường, gây xáo trộn đời sống xã hội ở nhiều nơi. So với thế giới, chúng ta có mật độ dân cư đông thứ 14 và

* PGS, TS


Digitized by Google

nếu so với các nước có nền kinh tế nông nghiệp thì chúng ta đứng ở hàng thứ 3. Trong khi đó, theo tính toán của các nhà khoa học trên thế giới, để cuộc sống cộng đồng phát triển, thuận lợi thì bình quân mật độ dân số ở một nước chỉ nên từ 30 đến 40 người/km$^2$.

Do sớm nhận thức được những tác động của dân số đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, sự phát triển toàn diện của cộng đồng, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, biện pháp cụ thể, tích cực nhằm thực hiện mục tiêu ổn định quy mô dân số hợp lý, phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội của đất nước. Việt Nam là một trong số các nước đã có cam kết mạnh mẽ thực hiện Tuyên bố Ba-Li, Chương trình hành động Cai-rô và đã đạt được những thành tựu đáng kể suốt mấy chục năm qua.

Đưới tác động của công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, cũng như các tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ, cùng với những kết quả to lớn của công tác dân số nêu trên, nền kinh tế nước ta đã đạt được sự tăng trưởng bình quân thập niên 90 tương đối cao và khá ổn định khoảng 7,56%. Nhờ thực hiện chiến lược dân số - kế hoạch hóa gia đình, đã hạn chế hơn 4 triệu người sinh trong thập kỷ 90 và chất lượng dân số cũng ngày một tăng lên, đã góp phần tăng GDP bình quân đầu người xấp xỉ 1% mỗi năm. Ngoài ra, nhờ giảm tốc độ tăng dân số đã tăng thêm sức khỏe của lực lượng lao động xã hội, nhất là những người còn ở tuổi sinh đẻ; tiết kiệm nhiều khoản chi tiêu dịch vụ xã hội; góp phần đáng kể vào xóa đói giảm nghèo; nâng cao chất lượng cuộc sống dân cư, phát triển cộng đồng. Nhờ vậy, năm 1999, Việt Nam đã được nhận Giải thưởng Dân số do Liên Hiệp quốc trao tặng. Đây là sự ghi nhận của cộng đồng quốc tế đối với những thành quả của Việt Nam trong lĩnh vực thực hiện Chiến lược dân số - kế hoạch hóa gia đình với sự phát triển cộng đồng.

Để tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được, thực hiện mục tiêu Chiến lược ổn định dân số và phát triển cộng đồng bền vững, ngày 22-1-2003 Chủ tịch nước Trần Đức Lương đã ký công bố Pháp lệnh Dân số nhằm nâng cao trách nhiệm của công dân, Nhà nước và xã hội trong công tác dân số; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân; tăng cường thống nhất quản lý nhà nước về dân số.

Tuy nhiên việc thực hiện Pháp lệnh Dân số, làm cho công tác dân số với phát triển cộng đồng ở nước ta hiện nay đạt hiệu quả cao, chúng ta cần nhận rõ những thuận lợi, khó khăn thách thức phải vượt qua để có phương hướng, biện pháp thực hiện.

***1 - Những thuận lợi trong công tác dân số với phát triển cộng đồng***

Pháp lệnh Dân số và Chiến lược Dân số 2001 - 2010 được triển khai trong tình hình đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn về kinh tế, chính trị, xã hội. Sau hơn 17 năm đổi mới, nền kinh tế nước ta tăng trưởng với tốc độ cao. Sự tiến bộ, công bằng xã hội và đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhiều qua các năm. Tuổi thọ bình quân tăng và trình độ dân trí ngày càng nâng cao. Việc thực hiện Pháp lệnh Dân số và Chiến lược Dân số 2001 - 2010 trên cơ sở những thành tựu nêu trên theo hướng đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chiến thắng nghèo nàn, lạc hậu, đạt bước tiến mạnh trong thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Trong lĩnh vực dân số kế hoạch hóa gia đình, chúng ta đã có những kết quả và kinh nghiệm bước đầu khá quan trọng. Thực hiện giảm mức sinh đạt sớm hơn so với mục tiêu đề ra. Nhận thức và hành động của toàn xã hội về dân số kế hoạch hóa gia đình được nâng lên. Hệ thống tổ chức làm công tác này bước đầu được kiện toàn. Công tác thông tin, giáo dục, truyền thông được mở rộng và đẩy mạnh. Việc nâng cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đã đáp ứng khá cơ bản nhu cầu người sử dụng. Các


Digitized by Google

chính sách, chế độ được ban hành và thực hiện có kết quả...

***2 - Những khó khăn, thách thức phải vượt qua trong công tác dân số với phát triển cộng đồng***

Thành tựu công tác dân số ở nước ta thời gian qua là cơ bản, đóng góp lớn cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của cộng đồng. Tuy nhiên, để làm tốt công tác này, chúng ta cũng nghiêm túc thấy rõ những hạn chế cần khắc phục chính sau:

**Một là,** *việc thực hiện công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình còn những bất cập, thiếu đồng bộ.*

Một số nội dung công tác dân số áp dụng vào vùng sâu, vùng xa, vùng nghèo chưa thích hợp. Mức sinh ở các vùng này còn cao từ 1,7 đến 1,9 lần so với mức sinh bình quân của cả nước. Công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản; công tác tuyên truyền, giáo dục cho các đối tượng cần quan tâm ở vùng sâu, vùng xa, vùng nghèo còn thiếu chu đáo, thiếu thường xuyên.

Việc thực hiện công tác dân số còn mất cân đối, còn tập trung nhiều vào giảm mức sinh, chưa chú trọng đầy đủ đến các khía cạnh toàn diện khác của dân số nhằm phát triển cộng đồng. Đặc biệt chăm lo từng bước nâng cao chất lượng dân số về thể chất, trí tuệ, tâm hồn chưa có chiến lược đồng bộ nhằm đạt tới những mục tiêu cụ thể ở mỗi thời kỳ. Bộ máy tổ chức và đội ngũ cán bộ làm công tác này còn nhiều hạn chế, thiếu đồng bộ. Mức trợ cấp hằng tháng cho cán bộ làm công tác dân số ở địa phương, cơ sở còn quá thấp, không đủ để họ yên tâm công tác lâu dài. Việc lồng ghép công tác dân số vào quá trình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở cộng đồng địa phương chưa được chú trọng và thực hiện có hiệu quả. Công tác dân số còn tách rời với các công việc khác trong nhận thức cũng như trong hoạt động ở không ít người.

**Hai là,** *quy mô dân số lớn, ngày càng tăng vẫn còn là cản trở lớn đối với sự phát triển cộng đồng.*

Hiện nay, Việt Nam là quốc gia có quy mô dân số lớn thứ hai ở Đông Nam Á và thứ 13 của thế giới. Thực tế tiềm năng gia tăng dân số nước ta vẫn còn lớn do cơ cấu dân số trẻ và số phụ nữ ở tuổi sinh đẻ đông (khoảng trên 20 triệu người). Mức sinh còn chênh lệch giữa các vùng; nhất là giữa miền núi với đồng bằng, thành phố. Tư tưởng trọng nam khinh nữ vẫn còn khá phổ biến. Mặc dù tỷ lệ sinh giảm nhưng trong 10 năm tới, dân số nước ta vẫn tăng khoảng 1 triệu đến 1,1 triệu người mỗi năm. Dân số Việt Nam sẽ ổn định vào giữa thế kỷ XXI, nếu ở mức cao sẽ là trên 122 triệu người và dù ở mức thấp cũng là ngót 113 triệu người. Điều đó ảnh hưởng không nhỏ đến tốc độ phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng.

**Ba là,** *cơ cấu dân số trẻ đang chuyển dần sang cơ cấu dân số già cũng là thách thức tới phát triển cộng đồng.*

. Do giảm sinh nhanh, tuổi thọ tăng, dân số nước ta bắt đầu chuyển sang quá trình già hóa. Người già từ 60 tuổi trở lên sẽ tăng từ 6,3 triệu người (năm 2000) lên 6,9 triệu người (năm 2010), làm tăng nhu cầu bảo đảm phúc lợi xã hội và các dịch vụ chăm sóc sức khỏe người già. Số người từ 15 đến 59 tuổi tăng từ 45,4 triệu (năm 2000) lên 58,7 triệu người (năm 2010). Đây vừa là tiềm năng to lớn cho sự phát triển cộng đồng, nếu họ được đào tạo và sử dụng hợp lý. Nhưng cũng có thể là áp lực nếu lực lượng này không được đào tạo và sử dụng thích hợp, không có việc làm, không đáp ứng được những yêu cầu lao động của xã hội hiện đại, có sức cạnh tranh cao.

**Bốn là,** *chất lượng dân số còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.*

Hiện nay, các tố chất của người Việt Nam còn hạn chế, nhất là chiều cao, cân nặng,


Digitized by Google

sức bền. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng cao. Trình độ dân trí nhìn chung còn thấp. Số người lao động qua đào tạo mới đạt khoảng 20%, làm cho khả năng tiếp thu khoa học - công nghệ mới gặp nhiều khó khăn.

Bên cạnh đó, việc di dân tự do và những biến động của lực lượng lao động đang là thách thức lớn đối với sự phát triển cộng đồng. Điều đó không những làm trầm trọng thêm việc đáp ứng những dịch vụ xã hội, gây ô nhiễm môi trường, tàn phá tài nguyên, gia tăng các tệ nạn xã hội mà còn tạo nên tình trạng mất cân đối, mất ổn định trong bố trí, sử dụng lao động, việc làm của cộng đồng.

***3 - Phương hướng, nhiệm vụ công tác dân số với phát triển cộng đồng ở nước ta hiện nay***

Trong xu thế phát triển chung của đất nước cùng thời đại những năm đầu thế kỷ XXI, đòi hỏi công tác dân số gắn với phát huy nhân tố con người, phát triển nguồn nhân lực, chăm lo giáo dục, đào tạo, chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao chất lượng dân số làm cơ sở phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng. Điều đó đòi hỏi cho chúng ta tiếp tục giảm sức ép gia tăng dân số nhằm sớm ổn định quy mô dân số ở mức hợp lý. Từng bước giải quyết đồng bộ các yếu tố của chất lượng dân số, cơ cấu dân số và phân bố dân cư để nguồn nhân lực thực sự trở thành thế mạnh và động lực cho phát triển cộng đồng bền vững, lâu dài. Coi các dữ liệu về dân số là căn cứ, là nhân tố bảo đảm cho việc hoạch định và thực hiện chính sách cũng như các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Để thực hiện phương hướng trên, chúng ta cần tập trung vào những việc chính sau:

*Thứ nhất,* làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục để các tầng lớp nhân dân nhận thức sâu sắc về vai trò quan trọng của công tác dân số với phát triển cộng đồng.

Công tác dân số là bộ phận quan trọng của chiến lược phát triển đất nước, là yếu tố cơ bản để nâng cao chất lượng cuộc sống của mỗi người, của từng gia đình và của toàn xã hội. Điều đó góp phần quyết định thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Công tác tuyên truyền góp phần tạo sự chuyển đổi hành vi bền vững về dân số, trên cơ sở cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin có nội dung, hình thức phù hợp với từng khu vực, từng vùng và từng nhóm đối tượng. Tập trung tuyên truyền giáo dục cho nhân dân ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và những nhóm đối tượng còn hạn chế về nhận thức.

*Thứ hai,* thực hiện đồng bộ, từng bước có trọng tâm trọng điểm về sự hài hòa giữa số lượng và chất lượng dân số; giữa phát triển dân số với phát triển nguồn nhân lực; giữa phân bố và di chuyển dân cư với phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng.

Công tác dân số tập trung vào những cộng đồng dân cư có mức sinh còn cao, vùng nghèo, vùng sâu, vùng xa... tìm biện pháp nâng cao chất lượng dân số, cải thiện nâng mức sống nhân dân. Mục 3, Điều 16, Pháp lệnh Dân số ghi rõ: "Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm lập quy hoạch, kế hoạch phân bố dân cư phù hợp với các khu vực, vùng địa lý kinh tế và các đơn vị hành chính, ưu tiên đầu tư cho những vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn".

Chúng ta coi đầu tư công sức cho công tác dân số là đầu tư cho sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững của cộng đồng. Công tác dân số và phát triển cộng đồng phải là sự tự ý thức của mỗi người dân, của từng gia đình, của toàn xã hội và có sự phối hợp chặt chẽ với các tổ chức cộng đồng quốc tế. Dân số luôn đóng vai trò quan trọng trong việc xác định các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Mối liên kết giữa dân số và phát triển cộng đồng là mối liên kết nội tại, tất yếu khách quan, hỗ trợ nhau cùng phát triển.❑


Digitized by Google

# CÔNG TÁC DÂN SỐ, GIA ĐÌNH Ở HÀ TĨNH

***TRẦN QUYẾT THẮNG****

CÔNG tác dân số là bộ phận quan trọng của chiến lược phát triển của tỉnh, là yếu tố cơ bản để nâng cao chất lượng cuộc sống của từng người, từng gia đình và của toàn xã hội, góp phần quyết định vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa tỉnh nhà", do đó ngay từ những năm đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX, nhất là sau khi có Nghị quyết Trung ương 5, khóa VII, *Về Công tác Dân số và Kế hoạch hóa gia đình*, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo các cấp chính quyền, các ban ngành, đoàn thể các cấp triển khai đưa Nghị quyết của Đảng vào cuộc sống. Đồng thời, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Quyết định 570 QĐ/UB-VX phê duyệt *Chiến lược dân số - kế hoạch hóa gia đình tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2000* nhằm cụ thể hóa mục tiêu, giải pháp, thể hiện sự quyết tâm của tỉnh, tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho hoạt động công tác dân số, gia đình và trẻ em trên địa bàn tỉnh.

**1 - Những kết quả bước đầu đáng ghi nhận**

Được sự quan tâm của các cấp ủy, chính quyền, sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan ban, ngành, đoàn thể các cấp, sự đồng tình, ủng hộ, tham gia tích cực của nhân dân, hệ thống tổ chức bộ máy Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em được củng cố và kiện toàn, công tác dân số, gia đình ở Hà Tĩnh đã thu được những kết quả quan trọng.

Nếu năm 1993, tỷ suất sinh thô là 2,9% thì đến năm 2002 đã giảm xuống chỉ còn 1,48%; tương ứng, tỷ lệ sinh trên 2 con từ mức gần 40% đã giảm xuống chỉ còn 27%, tổng tỷ suất sinh; số con trung bình của một bà mẹ trong độ tuổi sinh đẻ từ 3,9 con đã giảm xuống chỉ còn 2,3 con. Những con số đó khẳng định kết quả và quyết tâm của tỉnh trong những năm vừa qua, bởi nó đã vượt xa những mục tiêu các Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ, Hội đồng nhân dân và *Chiến lược dân số - kế hoạch hóa gia đình* của tỉnh đã đề ra. Kết quả của chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình đã góp phần quan trọng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống gia đình. Từ khi tái lập tỉnh (tháng 9-1991), Hà Tĩnh đã có bước phát triển vượt bậc: tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hằng năm đạt 8,43%; thu nhập bình quân đầu người tăng từ 713 nghìn đồng (năm 1991) lên 3,5 triệu đồng (năm 2002) và là một trong 14 tỉnh của cả nước được công nhận đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở vào năm 2002.

Nhận thức và hành động của nhân dân về dân số - kế hoạch hóa gia đình được nâng lên rõ rệt. Quy mô gia đình ít con ngày càng được đông đảo nhân dân đồng tình, hưởng ứng và thực hiện. Quan niệm về hôn nhân, sức khỏe sinh sản của nhân dân đã chuyển biến tích cực; tuổi kết hôn, tuổi đẻ đều muộn hơn so với giai đoạn trước. Ngày càng có nhiều cặp vợ chồng tự nguyện thực hiện mô hình gia đình ít con, sinh thưa để nuôi con khỏe, dạy con ngoan, và phát triển kinh tế. Tỷ lệ các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ sử dụng các biện pháp tránh thai

* TS, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số tỉnh Hà Tĩnh


Digitized by Google

tăng nhanh từ 44,5% năm 1993 lên 81% năm 2002. Cơ cấu sử dụng biện pháp tránh thai thay đổi theo chiều hướng tốt, đa dạng về biện pháp, trong đó biện pháp tránh thai hiện đại chiếm tỷ lệ cao. Nếu như trước đây, vòng tránh thai là biện pháp chủ yếu thì hiện nay triệt sản, bao cao-su, thuốc tránh thai được các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ thừa nhận, sử dụng rộng rãi từ đô thị đến đồng bằng, vùng núi, vùng xa.

Kết quả giảm sinh đã đạt được sớm hơn so với mục tiêu đề ra. Chẳng hạn, mục tiêu Chiến lược dân số - kế hoạch hóa gia đình Hà Tĩnh đến năm 2000 là: "Giảm nhanh tỷ lệ sinh, để đến năm 2000 tổng tỷ suất sinh (số con trung bình của một phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ) đạt mức 3,2 con/bà mẹ và quy mô dân số Hà Tĩnh là 1,58 triệu người". Thực tế cho thấy, từ năm 1993 đến nay, tỷ suất sinh thô giảm nhanh, bình quân giảm hơn 1%/năm; tổng tỷ suất sinh (số con trung bình của một bà mẹ trong độ tuổi sinh đẻ) từ 3,9 con/năm 1993 giảm xuống chỉ còn 2,3 con/năm 2002; quy mô dân số đạt 1 275 000 người. Như vậy, mục tiêu mà chiến lược dân số đề ra đã được thực hiện. Với những nỗ lực trong công tác dân số, số trẻ tránh sinh từ năm 1993 lại đây là gần 20 000 cháu, tiết kiệm được một khối lượng lớn nguồn lực mà lẽ ra tỉnh phải chi cho giáo dục, y tế, lao động và việc làm. Kết quả đó là tiền đề quan trọng giúp Hà Tĩnh có khả năng đạt mức sinh thay thế vào năm 2005, sớm hơn 10 năm so với mục tiêu mà Nghị quyết Trung ương 5, khóa VII, đã đề ra.

Công tác tuyên truyền, giáo dục được mở rộng và đẩy mạnh. Sản phẩm truyền thông đa dạng, nội dung phong phú, phù hợp hơn và lực lượng xã hội và nhân dân tham gia tuyên truyền, giáo dục, vận động thực hiện dân số - kế hoạch hóa gia đình ngày càng đông đảo từ các cơ quan báo chí, các ban ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội đến các chức sắc tôn giáo, những người có uy tín trong cộng đồng, cán bộ y tế, từ tỉnh đến cơ sở. Giáo dục dân số được triển khai trong hệ thống giáo dục phổ thông, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề.

Việc cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình cơ bản đáp ứng được nhu cầu của đối tượng, đa dạng về biện pháp, thuận tiện và an toàn hơn. Hệ thống cung cấp dịch vụ được củng cố, mở rộng từ tỉnh đến huyện, xã. Dịch vụ kế hoạch hóa gia đình lưu động đã đáp ứng kịp thời nhu cầu tại chỗ của người dân, đặc biệt là ở vùng xa, vùng nghèo, vùng khó khăn. Mô hình phân phối phương tiện tránh thai phi lâm sàng (thuốc uống tránh thai, bao cao-su) dựa trên cơ sở cộng đồng được triển khai rộng rãi, đến tận người sử dụng, được nhân dân đồng tình, ủng hộ.

Tuy nhiên, đặc điểm của một tỉnh ven biển miền Trung, với thời tiết khắc nghiệt, diễn biến phức tạp và khó lường, nông dân chiếm tỷ lệ trên 90% dân số, v.v.. đã tạo những thách thức lớn cho công tác dân số cũng như sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đó là:

- Quy mô dân số tiếp tục tăng cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội. Với số dân gần 1,3 triệu người, tiềm năng gia tăng dân số của Hà Tĩnh còn lớn do cơ cấu dân số trẻ (cứ một phụ nữ ra khỏi tuổi đẻ - 49 tuổi, thì có trên 3 phụ nữ bước vào tuổi sinh đẻ - 15 tuổi). Mặc dù tỷ lệ sinh đã liên tục giảm nhanh trong hơn một thập kỷ qua, nhưng trong những năm tới, dân số Hà Tĩnh vẫn tiếp tục tăng khoảng 20 000 người/năm. Vì vậy, kết quả giảm sinh từ nay đến năm 2010 có ý nghĩa quyết định đến việc ổn định quy mô dân số. Nếu không sẽ ảnh hưởng đến tính bền vững và tốc độ phát triển kinh - tế xã hội cũng như vấn đề cải thiện chất lượng cuộc sống.

- Kết quả giảm sinh chưa thật vững chắc. Trong hơn một thập kỷ qua, mức giảm sinh bình quân hằng năm của Hà Tĩnh đạt trên 1%/năm, nhưng tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên lại giảm chậm và còn cao so với mức bình quân của cả nước. Tỷ lệ sử dụng biện pháp tránh thai hằng năm đều tăng, nhưng hiệu quả tránh thai chưa tương ứng. Quan niệm "đông con hơn nhiều của", phải sinh con trai, phải có nếp có tẻ, đẻ để có thêm lao động, đẻ để dự phòng... vẫn còn tồn tại trong một bộ phận người dân, có nơi cả ở cán bộ, đảng viên là những yếu tố cản trở việc thực hiện quy mô gia đình 2 con.


Digitized by Google

- Bên cạnh quy mô dân số lớn, Hà Tĩnh là tỉnh có cơ cấu dân số trẻ. Hằng năm, số người từ 15 đến 49 tuổi tham gia lao động trong các ngành kinh tế của tỉnh vào khoảng 500 000 người. Lực lượng lao động lớn và ngày càng tăng vừa là tiềm năng để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhưng cũng là sức ép lớn nếu như lao động không được đào tạo thích hợp và không có đủ việc làm. Ở Hà Tĩnh, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn cao, số người nhiễm HIV/AIDS liên tục tăng trong những năm gần đây. Công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản còn hạn chế và chưa được quan tâm đúng mức (tỷ lệ nạo hút thai cao, trên 50% phụ nữ từ 15 tới 49 tuổi bị viêm nhiễm đường sinh dục).

- Di dân tự do và những biến động của lực lượng lao động là thách thức lớn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. Số liệu thống kê cho thấy, hằng năm, Hà Tĩnh có trên 15 000 người (phần lớn trong độ tuổi sinh đẻ, là lực lượng lao động chính ở nông thôn) đến các tỉnh khác để tìm việc làm. Tình trạng di dân tự do nói trên đã gây khó khăn cho việc đáp ứng các nhu cầu dịch vụ xã hội, tăng tệ nạn xã hội, quản lý dân cư, vận động thực hiện kế hoạch hóa gia đình, làm hạn chế và tạo nên tính thiếu bền vững của chương trình dân số.

**2 - Định hướng, mục tiêu, giải pháp thời gian tới**

Phát huy kết quả của công tác dân số thời gian qua, lường trước những thách thức, để góp phần thực hiện tốt *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2001 - 2010*, công tác dân số trong thời gian tới tập trung vào những nội dung cơ bản sau:

a - Tiếp tục giảm sức ép của sự gia tăng dân số nhằm sớm ổn định quy mô dân số ở mức hợp lý. Giải quyết đồng bộ, từng bước và có trọng điểm từng yếu tố của chất lượng dân số, cơ cấu dân số và phân bố dân cư để góp phần tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Nâng cao chất lượng thông tin nhằm tận dụng thế mạnh của yếu tố dân số; lồng ghép yếu tố dân số trong việc hoạch định chính sách và lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Mục tiêu của công tác dân số và gia đình của Hà Tĩnh từ nay đến năm 2010 là, thực hiện gia đình ít con, khỏe mạnh, tiến tới ổn định quy mô dân số ở mức hợp lý, nâng cao chất lượng dân số, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, góp phần vào sự phát triển nhanh và bền vững của tỉnh.

Duy trì xu thế giảm sinh một cách vững chắc, đặc biệt là giảm nhanh tỷ lệ sinh con thứ ba trở lên ở vùng sâu, vùng xa, vùng biển, vùng giáo, vùng nghèo và vùng khó khăn, nhằm đạt mức sinh thay thế bình quân toàn tỉnh vào năm 2005; từng bước giải quyết vấn đề về quy mô dân số, cơ cấu và phân bố dân cư phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh vào năm 2010.

Nâng cao chất lượng dân số về thể chất, trí tuệ và tinh thần; phấn đấu đạt chỉ số phát triển con người (HDI) ở mức trung bình của Việt Nam vào năm 2010. Giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên xuống mức 0,86% vào năm 2010. Tăng tỷ lệ các cặp vợ chồng sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại từ 76,03% năm 2000 lên 78% vào năm 2010.

b - Để đạt được mục tiêu trên, tỉnh tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện tốt những biện pháp sau:

- *Lãnh đạo tổ chức và quản lý:* Tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của các cấp ủy và chính quyền các cấp qua việc ban hành các nghị quyết, chỉ thị, chương trình hành động và các văn bản để triển khai công tác dân số với những mục tiêu, giải pháp, biện pháp cụ thể, phù hợp với đặc điểm của từng địa phương (huyện, thị), từng ngành. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện, phân công cán bộ chủ chốt trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân số ở huyện, xã. Lồng ghép các chỉ tiêu dân số vào việc hoạch định chính sách và lập kế hoạch phát triển của các ngành, địa phương các cấp.

Kiện toàn hệ thống tổ chức làm công tác dân số từ tỉnh đến cơ sở phù hợp với sự chuyển


Digitized by Google

hướng toàn diện về nội dung của chương trình và yêu cầu cải cách hành chính... Thực hiện đầy đủ cơ chế quản lý theo ngành, lãnh thổ, xây dựng kế hoạch từ dưới lên theo chương trình mục tiêu để các địa phương, đơn vị chủ động bố trí, huy động nguồn lực, điều hành kế hoạch phù hợp với đặc điểm, điều kiện của huyện, xã và yêu cầu chung của tỉnh.

Tăng cường kiểm tra, giám sát và đánh giá định kỳ trên cơ sở các chỉ báo đánh giá được xây dựng thống nhất nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của chương trình. Phối hợp chặt chẽ với các ngành liên quan trong việc sử dụng thông tin để đánh giá hiệu quả, mức độ tác động của chương trình dân số đối với các chương trình kinh tế - xã hội khác.

- *Truyền thông giáo dục thay đổi hành vi:* Tạo sự chuyển đổi hành vi bền vững về dân số, sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình trên cơ sở cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin với nội dung và hình thức phù hợp với từng vùng, khu vực và từng nhóm đối tượng. Chú trọng loại hình tư vấn, đối thoại, vận động trực tiếp các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ, nhất là nam giới, thanh niên và vị thành niên. Tập trung vào những địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội còn khó khăn và những đối tượng còn hạn chế về nhận thức. Mở rộng và nâng cao chất lượng các hình thức giáo dục dân số trong và ngoài nhà trường.

- *Chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình:* Đáp ứng tốt nhu cầu sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình của khách hàng; nâng cao chất lượng dịch vụ để giảm sinh vững chắc và giảm nhanh nạo hút thai thông qua việc đa dạng hóa các loại hình cung cấp dịch vụ và tư vấn sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, triển khai có lựa chọn các mô hình cung ứng dịch vụ thích hợp với từng huyện, xã, thôn, nhóm đối tượng, tập trung cho những địa bàn có mức sinh còn cao và sinh trên 2 con...

Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em bằng cách triển khai các mô hình thông tin, giáo dục, tư vấn phù hợp nhằm thay đổi tập quán, nâng cao kiến thức cho phụ nữ về thai nghén và sinh nở an toàn. Giảm tử vong mẹ do chửa đẻ dưới 4/10 000 ca đẻ sống; tăng tỷ lệ nuôi con bằng sữa mẹ. Đẩy mạnh chương trình tiêm chủng mở rộng, uống vi-ta-min A với tỷ lệ trẻ em được hưởng thụ hằng năm là 99%. Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống ở mức 20% vào năm 2010...

- *Xã hội hóa và cơ chế chính sách:* Tiếp tục huy động và nâng cao hiệu quả sự tham gia của các ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội vào chương trình dân số trên cơ sở phân công, phân cấp, có quy chế phối hợp rõ ràng theo định hướng, chương trình hành động thống nhất dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy và chính quyền các cấp. Khuyến khích và tạo điều kiện để các tổ chức quần chúng, tổ chức phi chính phủ, tổ chức tư nhân, cộng đồng và cá nhân tham gia chương trình dân số.

Hướng dẫn, khuyến khích cộng đồng xây dựng các hương ước, quy ước của dòng họ, thôn xóm tạo dư luận xã hội ủng hộ việc thực hiện mục tiêu ổn định quy mô dân số, nâng cao chất lượng dân số. Hướng dẫn, cụ thể hóa, quán triệt và triển khai toàn diện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình, chính sách gia đình, chính sách phân bổ dân cư... đã được ban hành. Tổ chức triển khai thực hiện Pháp lệnh Dân số và các chính sách khác liên quan đến dân số về quy mô, chất lượng dân số và phân bổ dân cư. Đề xuất, sửa đổi một số chính sách kinh tế - xã hội không phù hợp với chính sách dân số. Bổ sung chính sách khuyến khích những người chấp nhận kế hoạch hóa gia đình, tạo động lực để xây dựng gia đình văn minh, hạnh phúc và thịnh vượng.

Với những kết quả đã đạt được, những bài học kinh nghiệm đã có cùng với sự quan tâm sâu sắc và sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, kiên quyết của tỉnh, sự đồng tình hưởng ứng của nhân dân... chắc chắn công tác dân số ở Hà Tĩnh sẽ tiếp tục đạt được những thành quả cao hơn, góp phần đưa Hà Tĩnh thoát khỏi tình trạng tỉnh nghèo, vươn lên giàu mạnh. ❑


Digitized by Google

# VỀ HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO SONG PHƯƠNG

NGUYỄN XUÂN THẮNG *

DƯỚI tác động của quá trình quốc tế hóa trước kia và trong toàn cầu hóa kinh tế hiện nay, đời sống kinh tế thế giới được đẩy mạnh, kể từ đầu những năm 1990, khi các hiệp định thương mại tự do (FTA), nhất là FTA trong các khuôn khổ hợp tác khu vực phát triển mạnh mẽ và có vai trò tích cực trong liên kết kinh tế các khu vực và thế giới. Nếu từ năm 1948 đến 1994 trên thế giới có khoảng 124 FTA được ký kết thì từ năm 1995 - năm Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) ra đời đến nay - đã có 130 FTA mới được ký kết, trong đó 70% là thỏa thuận thương mại tự do song phương... Các FTA đã chiếm gần 50% trao đổi thương mại quốc tế. Tuy nhiên, sau những khó khăn của chương trình phát triển Đô-ha, đặc biệt sau thất bại của Hội nghị Can-cun gần đây, xu hướng ký kết rầm rộ các FTA song phương và khu vực càng tăng về số lượng, phong phú về hình thức và diễn ra khá mạnh ở khu vực Đông và Đông - Nam Á khiến cho nhiều học giả và giới hoạch định chính sách lo ngại về những thách thức mới đối với tiến trình tự do hóa và khả năng nối lại các vòng đàm phán đa phương. Dù được cắt nghĩa thế nào thì các "luật chơi" trên quy mô toàn cầu cũng đã có những thay đổi mới. Hầu như các nước đều không muốn đứng ngoài cuộc nên đã tích cực tham gia đàm phán và ký kết các FTA song phương. Đó không những là các FTA giữa một định chế FTA khu vực với các quốc gia bên ngoài mà còn là giữa các quốc gia vốn là thành viên của một FTA, không những giữa một nước tham gia ký kết FTA song phương với nhiều nước cùng lúc mà còn là sự ký kết giữa các nước phát triển với các nước phát triển, giữa các nước phát triển với các nước đang phát triển và giữa các nước đang phát triển với nhau...

***1 - Diễn tiến của FTA song phương và khu vực***

FTA song phương và khu vực đang diễn ra phổ biến và rộng khắp ở hầu hết các khu vực trên thế giới. Mỹ là nước đi đầu với việc chuyển từ lập trường đơn phương, ủng hộ mạnh đa phương sang ủng hộ chủ nghĩa song phương và khu vực, coi đó như là bước khởi đầu cho chiến lược thương mại mới. Mỹ đã áp dụng các sách lược khác nhau đối với các khu vực bên bờ Đại Tây Dương và Thái Bình Dương. Mỹ đọ sức với EU trong đàm phán đa phương, nhưng lại thúc đẩy, cổ vũ thiết lập các FTA với khu vực APEC và châu Phi. Bắt đầu với Xin-ga-po, Chi-lê và Ô-xtrây-li-a, Mỹ đã mở rộng đàm phán sang các nước khác, trong đó có ASEAN. Từ "Sáng kiến vì một ASEAN năng động", Mỹ đang khởi đầu cho loạt đàm phán FTA song phương với Phi-líp-pin, Thái Lan, Ma-lai-xi-a, đẩy mạnh FTA với Lào

* PGS,TS, Viện trưởng Viện Kinh tế và Chính trị thế giới, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam


Digitized by Google

trong nỗ lực cuối cùng nhằm xây dựng một mạng lưới các FTA song phương với ASEAN chứ chưa phải với toàn bộ ASEAN. Trung Quốc bắt đầu ký FTA không phải với từng nước ASEAN mà với toàn bộ ASEAN; và bằng "Chương trình thu hoạch sớm", họ đã thực hiện bước tiếp theo là đàm phán tay đôi với từng nước ASEAN. Nhật Bản, Hàn Quốc cũng thúc đẩy một loạt các ký kết FTA song phương bằng cách đồng thời ký kết FTA song phương với từng nước và xúc tiến ký kết FTA với toàn bộ ASEAN.

Vậy, phải chăng những nước có tiềm lực yếu, quy mô nhỏ hơn thường ưu tiên ký kết FTA với các định chế đa phương thay vì song phương? Cho đến nay, những nước yếu thường ở thế bất lợi so với các nước phát triển; mặt khác, các nước phát triển cũng luôn coi các FTA song phương là phương cách có thể áp đặt một số điều kiện khiến các nước yếu phải chấp nhận. Do đó, sự dè dặt trong đàm phán FTA song phương thường xuất hiện ở những nước đi sau, trình độ phát triển thấp hơn. Các nước tiếp nhận FTA song phương trong nhóm các nước đang phát triển phần lớn là những nền kinh tế mới nổi, tham gia tích cực vào tự do hóa và tỏ ra tự tin hơn vào kết quả của các tiến trình này, như Chi-lê, Mê-hi-cô, Xin-ga-po, Thái Lan, Nam Phi... Một khía cạnh đáng lưu ý nữa là, các FTA song phương thường diễn ra giữa những nước vốn đã là thành viên của WTO. Bởi lẽ, theo Quy chế đãi ngộ tối huệ quốc (MFN), mức giảm thuế tối đa của một quốc gia thành viên WTO dành cho một quốc gia thành viên khác phải ngang với mức thuế của một quốc gia trong WTO được hưởng và theo đó, các ưu đãi thuế song phương phải lưu ý đến nguyên tắc này. Cho đến nay, dường như chưa có FTA song phương giữa một nước chưa phải là thành viên WTO với các nước đã là thành viên chính thức của tổ chức này. Do đó, không ít ý kiến cho rằng, FTA song phương và khu vực là sự bổ sung hữu hiệu cho tiến trình đa phương và các nội dung đàm phán của nó dựa trên các nguyên tắc của WTO, có tính đến điều kiện đặc thù và lợi ích của các bên. Có thể coi đây là đặc điểm mới của các FTA và cũng là lý do được viện dẫn để giải thích vì sao, sau thất bại của chương trình phát triển Đô-ha, FTA đã phát triển rầm rộ ở khắp các châu lục trên thế giới.

***2 - Nguyên nhân ra đời của các FTA song phương và khu vực***

Hầu hết các nhận định đều cho rằng, việc phát triển rầm rộ các FTA song phương hiện nay bắt đầu từ khó khăn của vòng đàm phán đa phương Đô-ha. Các giải thích tập trung vào một số điểm: *Một là,* những lĩnh vực dễ dàng thỏa thuận với nhau trong khuôn khổ WTO, về cơ bản, đã được giải quyết. Người ta không e ngại khi mở cửa thị trường cho các dòng hàng hóa - dịch vụ thông thường trong khi những lĩnh vực nhạy cảm liên quan đến an ninh phát triển của các nước như nông nghiệp, an toàn thực phẩm, môi trường, dịch vụ rất khó có thể tìm được tiếng nói đồng thuận giữa các nước thành viên. Điều không công bằng là, trong khi các nước phát triển kêu gọi các nước đang phát triển mở cửa thị trường thì, hơn ai hết, họ không chấp nhận mở cửa thị trường của mình trên các lĩnh vực nhạy cảm đó. Nói cách khác, chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch đã bắt đầu tái lập mạnh trước hết ở ngay các nước phát triển. *Hai là,* WTO đang không có người giữ vai trò lãnh đạo, bởi Mỹ - nước giữ vai trò thúc đẩy các vòng đàm phán trước đây - đã không còn đủ tín nhiệm để tiếp tục vai trò này. Hệ thống thương mại đa phương trong khuôn khổ WTO hướng tới sự không phân biệt đối xử, không khác biệt và sân chơi "công bằng" đang tỏ ra đi ngược lại những mong muốn mà người Mỹ áp đặt. Trong khi đó, Tổng Giám đốc và Ban Thư ký WTO chỉ là những cơ quan thừa hành và vì vậy, các tác nghiệp về mặt kỹ thuật của họ khó có thể đóng vai trò định hướng và tạo dựng các chiến lược hoạt động mới cho WTO. *Ba là,* việc gia tăng kết nạp nhiều thành viên WTO mới nhưng ít có vai trò trong chu chuyển thương mại. Hơn 2/3 số thành viên hiện nay của WTO là những nước nghèo, một số nước chỉ tham gia thương mại với quy mô không đáng kể. Theo đó, hệ thống quản lý WTO sẽ phức tạp hơn vì số thành viên ngày càng đông và hơn nữa, việc trao quyền mạnh hơn cho các nước thành viên - một xu hướng đúng


Digitized by Google

của WTO đã bị không ít nước đưa ra những đề nghị phức tạp thêm bởi các lợi ích của họ thường hay thay đổi và mâu thuẫn với nhau. Ngoài ra, nhiều nước đã lạm dụng WTO như diễn đàn để thúc đẩy các vấn đề chính trị. *Bốn là,* các biên giới của thương mại đang ngày càng trở nên không rõ ràng.

Ngoài việc các mục tiêu chính trị bị đưa vào các chương trình nghị sự thương mại khiến cho tình hình đàm phán trở nên phức tạp, còn có việc trong WTO rất thiếu tham vọng chung và các cam kết chính trị. EU dường như chỉ quan tâm tới việc chất đầy WTO những quy định mới có khả năng gây bất đồng hơn là việc mở cửa thị trường. Trong khi đó, chương trình nghị sự đề xuất từ phía Nhật Bản lại thuộc về phe thiểu số. Bên cạnh việc EU và Nhật Bản chú trọng duy trì các hàng rào thương mại trong lĩnh vực nông nghiệp, thì Mỹ chủ trương phục hồi quyền "đàm phán thương mại nhanh". Như vậy, sự bất đồng trong cam kết chính trị, ngay giữa các nước phát triển với nhau, đã làm giảm sự hăng hái với vòng đàm phán Đô-ha và châm ngòi cho một cuộc khủng hoảng về thể chế của WTO.

Như vậy, có thể khẳng định rằng, xuất phát từ lợi ích quốc gia, các nước phát triển và đang phát triển đã không đạt được sự đồng thuận cao trong chương trình phát triển Đô-ha và chính sự thiếu nỗ lực cần thiết để củng cố vai trò và hiệu quả của hệ thống thương mại toàn cầu là nguyên nhân đẩy mạnh xu hướng ký kết các FTA song phương. Điều này có nguy cơ làm suy yếu hệ thống dựa trên các quy định đa phương và trật tự kinh tế toàn cầu. Đây là điểm mới trong xu thế toàn cầu hóa và tự do hóa kinh tế mà tất cả các quốc gia phải đối mặt và có đối sách để giảm thiểu những tác động bất lợi đến sự phát triển của mình.

***3 - Thực chất của các FTA song phương***

Để làm rõ thực chất của FTA song phương, cần phân tích các trục quan hệ sau đây:

- *Về quan hệ so sánh với FTA đa phương:* Các hiệp định đa phương hướng tới một sân chơi chung cho toàn cầu hoặc khu vực, không phân biệt đối xử và không khác biệt trên cơ sở xóa bỏ các rào cản quốc gia về thuế quan, phi thuế quan và các rào cản khác... Do đó, nó hướng tới một thể chế kinh tế công bằng, thực hiện sự "hài hòa hóa" lợi ích giữa các nước thành viên. Trong khi đó, ở các FTA song phương vẫn có sự phân biệt đối xử, bởi lẽ sự cam kết theo những cách khác nhau với từng nước khác nhau sẽ tạo ra những khác biệt, và, sự lựa chọn chỉ ký kết với nước này mà không phải với nước kia sẽ tạo ra sự bất đồng trong quan hệ giữa các nước trong một thế giới mà các quốc gia hoặc khu vực đã lệ thuộc chặt chẽ với nhau. Hơn nữa, việc tiếp cận ký kết các FTA song phương, trên thực tế, đã đặt các nước vốn chưa phải là thành viên (hoặc sắp sửa là thành viên) của WTO ra ngoài cuộc chơi. Sự phân biệt đối xử như vậy là rất khó được biện minh.

- *FTA song phương có lợi cho ai hơn?* Dĩ nhiên, trong FTA song phương lợi ích sẽ thuộc cả đôi bên, song người hưởng lợi nhiều hơn thường là các nước phát triển và nhất là những nền kinh tế có độ mở cửa thị trường lớn. Theo đó, những nước mà các nền kinh tế vẫn còn áp dụng một số biện pháp kỹ thuật trong bảo hộ thương mại sẽ ít lợi hơn và cũng sẽ gặp khó khăn hơn trong đàm phán.

- Liệu *FTA song phương có phá vỡ Hiệp định thương mại đa phương không?* Còn quá sớm để khẳng định như vậy. Vì rằng, các FTA đa phương tạo ra sân chơi ngang bằng cho các bên tham gia và không phân biệt đối xử, không dẫn tới thúc ép về kinh tế hay chính trị một khi chúng có hiệu lực. Nội dung đàm phán sẽ ngày càng được mở rộng mà điều này lại rất khó đạt được sự đồng thuận một khi số thành viên của WTO ngày càng gia tăng. Đó là các lĩnh vực như: Tiêu chuẩn vệ sinh và điều tiết, tiêu chuẩn lao động và môi trường, các lĩnh vực nhạy cảm chính trị. Do đó, những cuộc đàm phán tay đôi về những lĩnh vực này sẽ mở đường cho các vòng đàm phán đa phương và khu vực rộng mở hơn. Nếu tiếp cận như vậy, không thể nói FTA song phương đi ngược lại với các hiệp định thương mại đa phương. Tuy nhiên, cần có sự so sánh khách quan của trục quan hệ: FTA song phương -


Digitized by Google

FTA khu vực - FTA đa phương để thấy được tính thuận chiều, bổ sung giữa chúng cũng như những tính nghịch và những trở ngại mà các FTA song phương đã gây ra cho các tiến trình đa phương. Một số điểm cần lưu ý: *Một là*, vốn mang bản chất phân biệt đối xử và trong các điều kiện về nguồn lực bị hạn chế, việc tập trung vào các FTA song phương với các nước, dù muốn hay không, sẽ làm giảm nỗ lực vào thúc đẩy các FTA đa phương. *Hai là*, để không bị sức ép và áp đặt từ các nước phát triển và gia tăng thế thương lượng của mình trong cạnh tranh quốc tế, các nước nhỏ thường có khuynh hướng dựa vào các định chế đa phương (như AFTA, WTO) hơn là các FTA song phương. *Ba là*, do tính đồng hướng của các FTA, một quốc gia không thể dành ưu tiên tập trung cho một khuôn khổ FTA nào, trái lại phải đồng thời thực hiện sự hội nhập quốc tế trên nhiều cấp độ: song phương, khu vực và đa phương. Đây là sự kết hợp giữa lợi ích trước mắt và lâu dài, giữa lợi ích cục bộ và lợi tích toàn thể, và, điều quan trọng hơn là tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của từng quốc gia, các nước cần có những bước đi phù hợp. Sự phân biệt đối xử của FTA tuy có ảnh hưởng đến lộ trình chung, nhưng do FTA song phương không đi ngược với tự do hóa và vẫn dựa trên các nguyên tắc WTO, nên việc khắc phục khó khăn của vòng đàm phán Đô-ha bằng FTA song phương trước mắt cũng là sự cần thiết để các nước thích ứng tốt nhất với các thay đổi của bối cảnh khu vực và quốc tế.

***4 - Đối sách của Việt Nam***

Việt Nam hiện đã là thành viên đầy đủ của Khu vực Mậu dịch tự do ASEAN và đang thực hiện những bước đi quan trọng để sớm gia nhập WTO. Như vậy, nền kinh tế của chúng ta đã thực sự tham gia vào các cấp độ FTA khu vực và đa phương. Về thực chất, chúng ta đã ủng hộ và đang thích ứng tham gia một cách hiệu quả hơn với tiến trình tự do hóa thương mại. Vì lẽ đó, FTA song phương cũng trở thành vấn đề bức xúc, quan trọng của chúng ta. Mặt khác, sẽ là bất lợi lớn nếu trong làn sóng rầm rộ của FTA song phương ở Đông và Đông - Nam Á mà chúng ta chậm chân thì sẽ bị trượt ra ngoài cuộc chơi toàn cầu. Đấy là chưa nói đến việc các FTA trong nội khối ASEAN hoặc giữa từng thành viên ASEAN với bên ngoài được ký kết, có thể sẽ làm giảm sự hăng hái và tập trung nỗ lực vào liên kết toàn ASEAN. Đến lúc đó, nếu không xúc tiến các FTA song phương, liệu Việt Nam có còn là đối tác quan trọng trong tính toán chiến lược của các nước khác hay không.

Từ thực chất của FTA, chúng ta cần chú ý một số điểm như sau: *Trước hết*, FTA song phương chỉ có lợi cho những nền kinh tế có độ mở cao; *thứ đến*, FTA song phương chỉ được ký giữa các nước đã là thành viên của WTO; *sau cùng*, FTA song phương dù có làm giảm một số nỗ lực đa phương, song không thể loại trừ các tiến trình đa phương, và trên một số phương diện, nó làm thuận lợi cho quá trình nối lại các vòng đa phương. Do vậy, gắn với điều kiện cụ thể của nước ta, việc xúc tiến đàm phán FTA song phương là cần thiết, song bước đi phải phù hợp.

*Thứ nhất*, để có điều kiện cần cho việc ký kết các FTA song phương, Việt Nam phải sớm trở thành thành viên chính thức của WTO. Những nỗ lực đàm phán cuối cùng gia nhập WTO đang được chúng ta thực hiện và theo đó, sau khi trở thành thành viên của WTO, chắc chắn nước ta sẽ được các nước lớn đưa vào chương trình nghị sự của họ về việc ký kết FTA song phương.

*Thứ hai*, nền kinh tế nước ta là nền kinh tế có độ mở thị trường cao và đây cũng là thuận lợi cơ bản để chúng ta có thể được hưởng lợi từ các FTA song phương. Tuy nhiên, trên thực tế, cần có sự nghiên cứu đầy đủ về tác động tích cực và tiêu cực của các FTA song phương đã được các nước ký kết và thực thi. Những đánh giá sát thực sẽ rất hữu ích cho việc lựa chọn đối tác, lĩnh vực ưu tiên và phạm vi ký kết một khi chúng ta có điều kiện. Kinh nghiệm cho thấy, hầu hết các nước đang phát triển đều lựa chọn ký kết FTA song phương với các nước lớn và các nước phát triển. Có lẽ, trong nghiên cứu chuẩn bị, Việt Nam cũng không nên là ngoại lệ của xu hướng này. Việc nghiên cứu FTA song phương không phải chờ sau khi chúng ta trở thành thành viên đầy đủ của WTO


Digitized by Google

mới tiến hành. Chúng ta phải xác định trên các đề án cụ thể và chuẩn bị kỹ lưỡng, thậm chí phát đi những "tín hiệu" cần thiết về các dự kiến FTA của Việt Nam với các đối tác, vừa thăm dò, vừa đặt nền móng cho các cuộc thương lượng đàm phán vốn mất rất nhiều thời gian.

*Thứ ba*, để có thế thương lượng trong các FTA song phương, Việt Nam cần thể hiện vai trò tích cực trong tiến trình hội nhập sâu hơn của ASEAN. Chúng ta phải thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các cam kết hiện có trong khuôn khổ AFTA, AFAS và AEC để vừa tranh thủ định chế ASEAN vì sự phát triển của đất nước, vừa tạo dựng một hình ảnh Việt Nam hấp dẫn hơn trong con mắt của cộng đồng quốc tế. Nói cách khác, thế thương lượng trong đàm phán FTA song phương với bên ngoài tùy thuộc rất lớn vào vị trí của Việt Nam trong các định chế đa phương và các định chế đa phương chính là thế và lực hỗ trợ cho các tiến trình ký kết các FTA song phương sau này.

*Thứ tư*, để có tư duy nhất quán trong tiếp cận và xúc tiến đàm phán FTA song phương, chúng ta cần quán triệt: phát triển và hội nhập toàn cầu là khuôn khổ để chúng ta hướng tới và con đường để chúng ta thành công là quá trình đồng thời thực hiện các nỗ lực hội nhập đơn phương (nỗ lực cải cách bên trong) và các nỗ lực hội nhập song phương, khu vực và toàn cầu. Theo đó, FTA song phương không phải là cái gì xa vời, quá cao (khi có những nước trình độ phát triển không hơn ta cũng đã xúc tiến ký kết với các nước phát triển nhất) nhưng cũng không thể coi nó là quá bình thường vì đó là sự thỏa thuận thương mại tay đôi (dễ chấp nhận các lợi ích của nhau). Điều quan trọng hơn là, từ các FTA song phương, chúng ta sẽ tăng cường được diện mạo, thế thương lượng cạnh tranh và được sự chấp nhận của cộng đồng quốc tế, nhất là các nước phát triển khi họ coi Việt Nam là một thị trường đầy tiềm năng, một đối tác quan trọng trong sự phát triển của hệ thống thương mại khu vực và toàn cầu.❑

# ĐỖ NHUẬN VỚI BỘ BA CA KHÚC...

*(Tiếp theo trang 34)*

không tham, nó sẽ làm loãng tính chất thống nhất của bài ca" (Hồi ký đã dẫn).

Có thể đối sánh với những bài hành khúc của các nước khác trên thế giới - gần như Trung Quốc, xa như Nga, Pháp... hoặc đặt cạnh bộ ba ca khúc về Điện Biên của Đỗ Nhuận với những bài hành khúc thuộc trào lưu tân nhạc vào những năm 1930 - 1945 (của nhiều tác giả, hoặc chỉ với một nhạc sĩ tiêu biểu: Lưu Hữu Phước) thì điều vừa nêu càng thể hiện rõ. Đưa ra sự đối sánh trên, không phải để xếp thứ hạng cao thấp cho các hành khúc của các nước khác, vì chúng là sản phẩm của một truyền thống văn hóa mang một bản sắc nhất định; càng không phải rơi vào thái độ phủ nhận hành khúc thuộc trào lưu tân nhạc theo kiểu muốn khen cái này thì phải chê cái kia... Bởi lẽ, phải từ "bột" của trào lưu tân nhạc, thì mười năm về sau, Đỗ Nhuận mới "gột nên hồ": *Hành khúc mang bản sắc Việt Nam.*

Giờ đây, khi nghe bộ ba ca khúc đó, người Việt Nam, nhất là các cựu chiến binh đều nhận rõ rằng, đấy là hình bóng và tâm can của chính mình. Và chắc chắn, khi nghe bộ ba ca khúc đó, nhân dân trên toàn thế giới cũng nhận rõ rằng, đấy chính là tiếng hát của những người nông dân Việt Nam mặc áo lính ra trận.

Cho phép tôi trích một đoạn trong Hồi ký của nhạc sĩ làm kết luận: ... "Viết đến đây, tôi lại nhớ tới anh Quốc Hương; anh là ca sĩ, là Nghệ sĩ Nhân dân, hồi sinh thời, anh đã hát bài *Nhớ chiến khu* của tôi, được đồng bào Nam Bộ quý mến anh. Đến khi đi học ở Hung-ga-ri, anh cũng là người đầu tiên hát bài *Trên đồi Him Lam* bằng tiếng Hung và tiếng Việt, được người Hung rất hoan nghênh, gọi tên anh là Him Lam! Him Lam!". Đồi Him Lam đã thành tên gọi của nghệ sĩ Quốc Hương và cũng đồng nghĩa với tên của dân tộc Việt Nam ta. Chép lại những dòng này để công bố, tôi như cảm thấy, ở thế giới bên kia, nhạc sĩ Đỗ Nhuận đang mỉm cười.❑


Digitized by Google

# HỘI NGHỊ DÂN VẬN TOÀN QUỐC

TRONG hai ngày 2 và 3-3-2004, tại Thành phố Hồ Chí Minh, Ban Dân vận Trung ương đã tổ chức Hội nghị Công tác dân vận toàn quốc. Các đồng chí: Phan Diễn, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư; Tòng Thị Phóng, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Dân vận Trung ương dự và chỉ đạo Hội nghị. Đồng chí Phạm Thế Duyệt, Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; lãnh đạo Ban Dân vận Trung ương và Ban dân vận của 64 tỉnh, thành phố trong cả nước; lãnh đạo các bộ, ban, ngành, đoàn thể nhân dân, các đồng chí thành viên Hội đồng Công tác quần chúng ở Trung ương đã tham dự.

Hội nghị đã quán triệt nội dung Nghị quyết Trung ương 9 (khóa IX) *Về một số chủ trương, chính sách, giải pháp lớn nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng;* tổng kết công tác dân vận năm 2003, triển khai phương hướng nhiệm vụ công tác dân vận năm 2004; sơ kết 3 năm thực hiện Hướng dẫn Liên ban số 01-HDLB/TC-DV-TW *Về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức, bộ máy và biên chế cán bộ Ban Dân vận cấp ủy địa phương.*

Phát biểu tại Hội nghị, đồng chí Phan Diễn biểu dương những thành tựu mà công tác dân vận của Đảng đã giành được trong những năm qua, và nhấn mạnh: "Đảng ta đã xác định "công tác dân vận là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị", "làm tốt công tác dân vận là làm tốt công tác xây dựng Đảng". Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9, giữa nhiệm kỳ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX của Đảng cũng đã chỉ rõ những việc cần thực hiện tốt trong thời gian tới là, làm tốt công tác dân vận, công tác dân tộc, công tác tôn giáo và từng bước ổn định cơ sở vùng xung yếu; xử lý kịp thời, linh hoạt các vấn đề đặt ra trên quan điểm chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước, thực hiện tốt sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Đồng chí chỉ ra những nội dung quan trọng của công tác dân vận trong thời gian tới.

Các đại biểu tham dự Hội nghị đã tập trung trao đổi, thảo luận các vấn đề cơ bản sau :

*Một là,* đánh giá một cách khách quan về tình hình kinh tế - xã hội, tâm trạng của các tầng lớp nhân dân; vai trò và việc tham gia triển khai thực hiện các chương trình kinh tế - xã hội của Ban Dân vận cấp ủy và khối dân vận cơ sở. Những đổi mới sáng tạo trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy các cấp đối với công tác dân vận.

*Hai là,* mối quan hệ phối hợp giữa chính quyền với Ban Dân vận, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể trong công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo, tổng kết Chỉ thị 30/CT-TƯ, của Bộ Chính trị, *Về xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở;* việc tiếp tục chỉ đạo thực hiện Chỉ thị 18/2000/CT-TTg, của Thủ tướng Chính phủ, *Về công tác dân vận của chính quyền.*

*Ba là,* sự phối hợp, kết hợp giữa các ngành và các cấp trong công tác dân vận ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đồng bào có đạo; vai trò, ý nghĩa, tác dụng của các tổ đội công tác và sự phối hợp giữa loại hình tổ chức dân vận này với địa phương, cơ sở; công tác bám, nắm địa bàn để làm công tác dân vận của các lực lượng vũ trang.

*Bốn là,* xác định vai trò, vị trí của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, các hội quần chúng trong việc thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở, tham gia phát trển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, vận động nhân dân tham gia các phong trào thi đua yêu nước. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, các hội quần chúng trong nền kinh tế thị trường. Triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác dân tộc, tôn giáo nhằm thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 7 (khóa IX).

*Năm là,* sơ kết kinh nghiệm công tác vận động đồng bào dân tộc, tôn giáo; ngăn chặn di cư tự do, chống truyền đạo trái phép; xây dựng lực lượng cốt cán trong đồng bào có đạo và phát huy vai trò của các già làng, trưởng bản, người có uy tín trong các dân tộc thiểu số.

*Sáu là,* công tác kiện toàn, củng cố, phối hợp tổ chức các hoạt động của hệ thống dân vận các cấp; công tác quy hoạch, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dân vận năm 2003.

Qua trao đổi thảo luận, Hội nghị đã rút ra những bài học kinh nghiệm quý, đề ra những giải pháp có tính khoa học, khả thi cao trong thời gian tới nhằm làm tốt công tác dân vận. ❑

P.V


Digitized by Google

# HỘI NGHỊ TỔNG KẾT CÔNG TÁC XÂY DỰNG, CỦNG CỐ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN Ở THÁI BÌNH

THEO sự chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương, vừa qua, tại tỉnh Thái Bình, Ban Tổ chức Trung ương và Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Bình đã phối hợp tổ chức Hội nghị tổng kết công tác xây dựng, củng cố hệ thống chính trị xã, phường, thị trấn từ năm 1997 đến 2003.

Dự và chỉ đạo Hội nghị có các đồng chí: Trần Đình Hoan, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương; Phạm Thế Duyệt, Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Nguyễn Đức Hạt, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Tổ chức Trung ương; Bùi Sĩ Tiếu, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Thái Bình; Nguyễn Đông Sương, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương; Nguyễn Duy Việt, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Thái Bình.

Dự Hội nghị còn có các đồng chí Phó Bí thư, Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ: Bắc Ninh, Bắc Giang, Hải Dương, Hưng Yên, Nam Định, Hà Nam, Hà Tây, Ninh Bình..., lãnh đạo chủ chốt các ban, ngành, cơ quan, đoàn thể và Bí thư Đảng ủy 284 xã, phường, thị trấn của tỉnh Thái Bình.

Báo cáo tổng kết công tác xây dựng, củng cố các tổ chức trong hệ thống chính trị ở xã, phường, thị trấn từ năm 1997 - 2003 ở Thái Bình, của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, do đồng chí Bí thư Tỉnh ủy trình bày; các ý kiến phát biểu của đồng chí Trần Đình Hoan, đồng chí Phạm Thế Duyệt và mười lăm tham luận của Ban Tổ chức, Ban Tuyên giáo, Thanh tra Tỉnh ủy, Trường chính trị tỉnh, các huyện Quỳnh Phụ, Tiền Hải, Vũ Thư, Đông Hưng, Thái Thụy và các xã An Đồng, Quỳnh Hoa, Thái Thịnh, Tây Phong... trình bày tại Hội nghị.

Báo cáo do đồng chí Bí thư Tỉnh ủy Thái Bình trình bày, sau khi nêu rõ tình hình, nguyên nhân mất ổn định trước đây; những chủ trương, biện pháp xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở trong thời gian qua của tỉnh, đã rút ra sau bài học kinh nghiệm: Phải sát cơ sở, đánh giá đúng tình hình, phân tích đầy đủ nguyên nhân khách quan, chủ quan; phải thấy rõ mặt trái của cơ chế thị trường để thường xuyên chăm lo quản lý, rèn luyện đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên, thực hiện đúng các nguyên tắc của Đảng; mở rộng dân chủ để phát huy sự đóng góp công sức, trí tuệ của cán bộ, đảng viên và nhân dân - nhất là những lúc khó khăn; xây dựng, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định ở cơ sở, đổi mới phong cách lãnh đạo của tổ chức đảng, chính quyền; thực hiện tốt công tác kiểm tra, thanh tra; tập trung đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân...

Phát biểu với Hội nghị, đồng chí Trần Đình Hoan nhấn mạnh: Hiện nay, toàn Đảng có gần 47 000 tổ chức cơ sở đảng; trong đó, có 10 637 tổ chức cơ sở đảng ở xã, phường, thị trấn, chiếm 22,6% số tổ chức cơ sở đảng nhưng chiếm trên 70% tổng số đảng viên của Đảng và là nơi tuyệt đại bộ phận dân cư sinh sống. Từ thực tiễn của Thái Bình, kinh nghiệm chung rút ra là, các tổ chức cơ sở đảng ở xã, phường, thị trấn phải nắm chắc và thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, phải vừa nắm vững chức năng, nhiệm vụ chung của tổ chức cơ sở đảng, vừa phải suy nghĩ, tìm cho được những nét riêng từng xã, phường, thị trấn cụ thể. Từ đó, chủ động, sáng tạo đề ra những giải pháp phù hợp để xử lý mọi vấn đề trong phạm vi địa phương mình. Đồng chí nêu lên những kinh nghiệm chủ yếu:

***Một là:*** Trước những khó khăn và diễn biến phức tạp ở cơ sở, các cấp ủy phải bình tĩnh, sáng suốt, làm tốt công tác giáo dục, chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân; nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, phân tích sâu sắc các nguyên nhân, nhất là những nguyên nhân


Digitized by Google

chủ quan; chỉ rõ những khuyết điểm, yếu kém của mình, đề ra những chủ trương, giải pháp cụ thể, nhằm tạo sự thống nhất về nhận thức, ý chí và hành động trong cán bộ, đảng viên, nhân dân.

***Hai là:*** Ở những nơi nhân dân kiến nghị về những sai lầm có liên quan đến tập thể và cá nhân, cần được tiến hành thanh tra, kiểm tra, kết luận rõ đúng sai, xử lý nghiêm những tập thể, cá nhân có sai phạm, thu hồi tiền của thất thoát, làm trong sạch bộ máy của hệ thống chính trị. Đây là giải pháp đặc biệt quan trọng, là động lực cho công tác chính trị tư tưởng, là nhân tố kiện toàn đội ngũ cán bộ, nhằm ổn định tình hình, phát triển kinh tế - xã hội...

***Ba là:*** Các tổ chức trong hệ thống chính trị phải tập trung xây dựng và từng bước hoàn thiện hệ thống các quy chế, quy định và xác định rõ mối quan hệ phối hợp với nhau. Đổi mới nội dung, phong cách lãnh đạo của tổ chức đảng, chính quyền; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở cơ sở.

***Bốn là:*** Lãnh đạo xây dựng và thực hiện tốt Quy chế Dân chủ ở cơ sở, mở rộng dân chủ trong Đảng, phát huy quyền làm chủ của các tầng lớp nhân dân... Cấp ủy, chính quyền các cấp phải dựa vào dân, lắng nghe ý kiến của dân, kịp thời giải quyết những mâu thuẫn, vướng mắc trong nội bộ nhân dân theo đúng pháp luật, không để những mâu thuẫn tích tụ, dồn nén lâu ngày.

***Năm là:*** Các cấp ủy phải quán triệt quan điểm phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, tăng cường giáo dục, rèn luyện, quản lý đội ngũ cán bộ, đảng viên. Không coi trọng vấn đề này, nhất là trong lĩnh vực quản lý tài chính, quản lý đất đai và xây dựng cơ bản, sẽ dẫn đến hậu quả khó lường. Mặt khác phải kịp thời khắc phục bệnh chủ quan, thành tích chủ nghĩa, che giấu khuyết điểm, không thẳng thắn đấu tranh. Vì sao khi đánh giá chất lượng, nhiều tổ chức đảng đạt danh hiệu vững mạnh, trong sạch và đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chiếm tỷ lệ cao, nhưng khi xảy ra tình hình mất ổn định thì cả hệ thống chính trị ở cơ sở lại lúng túng, bị động đối phó và hầu như bị tê liệt? Thực tế ở Thái Bình đã cho thấy điều đó.

Đề cập tới nhiệm vụ công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng từ nay đến hết nhiệm kỳ Đại hội IX, đồng chí Trần Đình Hoan chỉ rõ: Phải chỉ đạo quyết liệt hơn cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng tương xứng với vị trí là nhiệm vụ then chốt. Toàn Đảng tập trung chỉ đạo xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng, tạo sự chuyển biến rõ rệt, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, gắn xây dựng tổ chức đảng với xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở. Đối với cấp ủy các cấp, đồng chí nhấn mạnh phải tập trung chỉ đạo và thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng yếu sau đây:

- Các tổ chức cơ sở đảng ở xã, phường, thị trấn phải thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo các quy định của Ban Bí thư Trung ương Đảng, thật sự là hạt nhân chính trị lãnh đạo nhân dân ở cơ sở thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

- Tăng cường và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, kiên quyết đấu tranh, khắc phục sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên.

- Tập trung xây dựng, củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng gắn với củng cố chính quyền, các đoàn thể nhân dân ở cơ sở vững mạnh.

- Tập trung lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng.

- Tiếp tục đổi mới công tác cán bộ cả về quan điểm, nội dung, phương pháp tiến hành và triển khai đồng bộ các mặt đánh giá, quy hoạch, đào tạo, luân chuyển, bố trí, sử dụng cán bộ.

- Cấp ủy, chính quyền và các đoàn thể cấp trên của cơ sở tiếp tục hướng về cơ sở và không ngừng tiếp tục đổi mới phương thức chỉ đạo đối với cơ sở, thường xuyên đi sâu, đi sát cơ sở, thực hiện tốt chủ trương: tỉnh nắm chắc đến từng xã, huyện nắm chắc đến từng thôn và xã nắm chắc đến từng hộ gia đình. ❑

PV



Digitized by Google

# Hãy cùng nhau hành động vì một ngày mai tốt đẹp hơn!

Đầu tư cho sức khỏe sinh sản là tạo nguồn nhân lực có chất lượng, góp phần thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hoá đất nước và cải tạo giống nòi Việt Nam.

Công tác Thông tin, giáo dục, truyền thông về sức khỏe sinh sản và tình dục lành mạnh nhằm cung cấp thông tin, chia sẻ những kinh nghiệm tình cảm và các kỹ năng, nhằm nâng cao nhận thức hiểu biết về sức khỏe sinh sản và tình dục lành mạnh, để mọi người tự quyết định thay đổi hành vi có hại, duy trì hành vi có lợi cho sức khỏe sinh sản.

Trong thời gian qua, tạo được dư luận xã hội rộng rãi ủng hộ và thực hiện hiệu quả chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình: tỷ lệ các cặp vợ chồng hiểu biết về các biện pháp tránh thai là 99% (năm 1997) và tỷ lệ sử dụng các biện pháp tránh thai tăng từ 53,75% (1993) lên 75,5% (2001).

Tuy nhiên, công tác TT - GD - TT còn một số hạn chế:

- Chưa chú trọng nhiều đến thành tố khác của chăm sóc sức khỏe sinh sản mà chỉ tập trung vào thực hiện kế hoạch hóa gia đình nhằm giảm sinh là chính.
- Chưa quan tâm thích đáng đến nhóm tuổi vị thành niên nam giới, người có khuyết tật mà chỉ tập trung vào phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ.
- Chương trình truyền thông chưa cung cấp thông tin đầy đủ, chưa tiếp cận tốt với các nhà lãnh đạo, đại biểu dân cử để tranh thủ sự hỗ trợ của họ cho chương trình sức khỏe sinh sản.
- Chưa xây dựng được các mô hình điểm, tài liệu truyền chưa phong phú, chưa phù hợp với nhóm đối tượng.

UNFPA

**QUỸ DÂN SỐ LIÊN HỢP QUỐC**

Digitized by Google

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN

# HUYỆN VĨNH BẢO

Địa chỉ: Thị trấn Vĩnh Bảo - Hải Phòng * Điện thoại: 031 884 221 * Bí thư: PHẠM VĂN HUẤN

**Huyện Vĩnh Bảo nằm ở phía Tây - Nam, cách trung tâm thành phố Hải Phòng 40 km, tiếp giáp với các huyện Quỳnh Phụ, Thái Thụy (Thái Bình), Ninh Giang, Tứ Kỳ (Hải Dương). Là huyện kinh tế thuần nông, có 30 xã, thị trấn, diện tích tự nhiên 181 km², số dân trên 190 000 người.**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, Nghị quyết 12 của Đại hội Đảng bộ thành phố, Đảng bộ, nhân dân Vĩnh Bảo chủ động sáng tạo đưa Nghị quyết IX và các nghị quyết của Đảng vào cuộc sống, tạo nên bước phát triển toàn diện và khá vững chắc trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng an ninh, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Kết quả cụ thể trong 3 năm qua là:

★ Kinh tế liên tục tăng trưởng từ 6,5% năm 2001 lên 7,34% (năm 2002) và 8,52% (năm 2003).

★ Có bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế tiến bộ. Kinh tế ngành nông nghiệp - chăn nuôi - thủy sản từ 27% (năm 2000) nay đã lên 36%. Cơ cấu kinh tế ngành: Nông nghiệp từ 68% năm 2001 đến năm 2003 xuống 64%, công nghiệp - dịch vụ từ 32% tăng lên 36%...

★ Xây mới 26 trường học cao tầng, làm mới 139 km đường nhựa, 173km đường bê-tông, 25 trụ sở ủy ban, 12 trạm y tế, hoàn thành trạm bơm tiêu úng 48 000m³/h và kiên cố hóa 100km mương, xây mới 79 nhà văn hóa thôn, nâng cấp Quốc lộ 10 cùng hệ thống kết cấu hạ tầng, thành lập trung tâm thương mại huyện và Xí nghiệp sản xuất giày xuất khẩu.

★ Khôi phục truyền thống lễ hội Đền Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm. Bộ mặt đô thị, nông thôn Vĩnh Bảo có nhiều đổi mới, đời sống nhân dân được nâng lên, hộ nghèo giảm từ 21,5% nay xuống còn trên 9%.

★ Về công tác đảng:

- Không ngừng đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao sức chiến đấu của các cơ sở đảng, nâng cao hiệu quả điều hành của chính quyền và các đoàn thể, đoàn kết thống nhất, phát huy dân chủ trong Đảng và trong nhân dân.

- Tăng cường công tác kiểm tra của Đảng, phát huy tốt nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng, thực hiện tốt Quy chế Dân chủ ở cơ sở, phát huy dân chủ trong nhân dân, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, Nghị quyết 32 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Thành phố Hải Phòng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

tuổi trẻ

CƠ QUAN CỦA ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH TP.HCM

# THÔNG TIN CỦA BẠN

**tuổi trẻ**

Tờ báo thời sự nhanh, sức lan tỏa rộng với số lượng phát hành cao, phát hành sáng thứ hai, ba, tư, năm, sáu, bảy.

**tuổi trẻ chủ nhật**

Tờ báo có tính chuyên đề và giải trí cao. Phát hành vào sáng thứ bảy hằng tuần.

**7**

*Ngày trong tuần*

**tuổi trẻ cười**

Tờ báo trào phúng hàng đầu tại Việt Nam. Phát hành ngày 01 và ngày 15 mỗi tháng.

**tuổi trẻ online**

www.tuoitre.com.vn

TÒA SOẠN - TRỊ SỰ: 161 LÝ CHÍNH THẮNG, QUẬN 3, TP. HCM; ĐT: (84.8) 9316993 - 9316994 - 9317995; Fax: 9316987; Email: tuoitre@hcm.fpt.vn * PHÒNG QUẢNG CÁO: ĐT : 9316213; Fax: (84.8) 8466400; Email: pqc_tuoitre@fmail.vnn.vn * PHÒNG PHÁT HÀNH: ĐT: 8439806; Fax: (84.8) 848065 3 * VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN: * TẠI HÀ NỘI: 72A Thụy Khuê, quận Tây Hồ, Hà Nội, ĐT: (84.4) 8473663 - 8473664; Fax: (84.4) 8473665; Email: tuoitre@fpt.vn * TẠI ĐÀ NẴNG: 9 Trần Phú, TP. Đà Nẵng; ĐT: (84,511) 873973 - 886866; Fax: (84.511) 826036; Email: ttre_mtrung@dng.vnn.vn * TẠI CẦN THƠ: 95 Ngô Quyền, TP. Cần Thơ; ĐT: (84.71) 825861; Fax: (84.71) 825843; Email: tuoitredbscl@hcm.vnn.vn * TẠI NAM TRUNG BỘ: 69 Phù Đổng, TP. Nha Trang; ĐT: (058) 510070; Fax: (058)510070; Email: ttre-ntb@dng.vnn.vn

BIỂU ĐỒ PHÁT TRIỂN BÁO TUỔI TRẺ NGÀY
(đơn vị tính 1.000 tờ)

Digitized by Google

VIFG
Float Glass
VIGLACERA
ISO 9001 : 2000

TỔNG CÔNG TY THỦY TINH VÀ GỐM XÂY DỰNG
Vietnam Glass and Ceramics for Construction Corporation

# CÔNG TY KÍNH NỔI VIGLACERA

## VIGLACERA FLOAT GLASS COMPANY

*Chuyên:*

- *Sản xuất kính xây dựng theo tiêu chuẩn Nhật Bản JISR 3202-1996*
- *Sản xuất gương cao cấp theo tiêu chuẩn Đức DIN 1238*

**VIGLACERA FLOAT GLASS COMPANY**
**CÔNG TY KÍNH NỔI VIGLACERA**
Khu sản xuất TÂN ĐÔNG HIỆP
Dĩ An, Bình Dương
Tel: 0650 740902
Fax: 0650 740901
Email: vifg@ hcm.vnn.vn

**HÀ NỘI - TRAD-IM-EX COMPANY**
**CÔNG TY KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU**
193 Tô Hiệu, quận Cầu Giấy - Hà Nội
Tel: 84-4 756 7712 / 756 7713
Fax: 84-8 756 7710
Email: viglacera-exim@ fpt.vn
Website: www.viglacera.com.vn

VIFG


Digitized by Google

# CÔNG TY XI-MĂNG HÀ TIÊN 1

*Toàn cảnh Công ty Xi-măng Hà Tiên 1*

Digitized by Google

# TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1

Địa chỉ: 623 La Thành - Ba Đình - Hà Nội * Điện thoại: (04) 8 350 096 - 8 350 933 - 8 350 099
Fax: (04) 7 721 232 * E-mail: cienco1@hn.vnn.vn

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1** (Tiền thân là Ban Xây dựng miền Tây) thành lập ngày 3 - 8 - 1964. Với 40 năm xây dựng và phát triển, qua nhiều lần biến đổi về tổ chức, đến tháng 11 - 1995 được thành lập theo Quyết định số 90/CP của Chính phủ và Quyết định số 4895/TCCB-LĐ của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải với tên gọi Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 1 (CIENCO 1).

Tổng số CBCNV hiện nay là 13 229 người, trong đó công nhân kỹ thuật là 6 912 người (từ bậc 3 trở lên); trung cấp 435 người; đại học và trên đại học 1 696 người; tiến sĩ, thạc sĩ: 6 người.

Tổng Công ty bao gồm 30 công ty thành viên (trong đó có 6 công ty cổ phần), Trường kỹ thuật Nghiệp vụ giao thông, Ban Đầu tư xây dựng nhà đất khu đô thị, Ban Quản lý xây dựng nhà máy xi-măng Sơn La, 4 chi nhánh trực thuộc: Tây Bắc, Tây Nguyên, TP. Hồ Chí Minh và Phnôm-pênh.

Năm 2003, Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 1 đã khắc phục khó khăn, phấn đấu hoàn thành toàn diện, vượt mức kế hoạch các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, đời sống xã hội, đạt giá trị trên 3 080 tỉ đồng. Năm 2004, phấn đấu đạt trên 3 500 tỉ đồng. Đó là cơ sở khẳng định cho tương lai sẽ trở thành một tập đoàn kinh tế mạnh của nền kinh tế quốc dân.

Cầu Tạ Khoa - Sơn La

Cầu Ông Lãnh TP. Hồ Chí Minh

Cảng Chùa Vẽ - Hải Phòng

Đường vành đai 3 Hà Nội

Nút giao thông Quang Trung - TP. Hồ Chí Minh

Digitized by Google

# THƯ VIỆN HÀ NỘI

Địa chỉ: số 47 Bà Triệu - Hà Nội * Điện thoại: 04 9 342 095

Thư viện Hà Nội thành lập ngày 15 - 10 - 1956, với tên gọi ban đầu "Phòng đọc sách nhân dân"; đã xây dựng mạng lưới thư viện, tủ sách khắp thành phố, bao gồm Thư viện Hà Nội (Thư viện trung tâm), 9 thư viện quận - huyện, 225 thư viện phường - thôn, 228 tủ sách pháp luật, 85 bưu điện - văn hóa xã.

☞ Hiện nay, Thư viện Hà Nội có các phòng chức năng: Phòng Phục vụ gồm: Phòng Đọc và Phòng Mượn người lớn, Phòng Đọc và Phòng Mượn thiếu nhi, Phòng Báo - tạp chí, Phòng Ngoại văn, Phòng Đọc khiếm thị, Phòng Bổ sung - Biên mục, Phòng Nghiệp vụ - Phong trào cơ sở, Phòng Hành chính - Kế toán, Phòng Thông tin Thư mục địa chí.

☞ Thư viện Hà Nội đã xây dựng nguồn lực thông tin, chủ yếu là sách báo rất phong phú, đa dạng, trong đó có 300 000 bản sách, 436 loại báo, tạp chí, 17 000 đơn vị tài liệu ngoại văn và Kho Tài liệu địa chí - di sản thư tịch quý giá của Thăng Long - Hà Nội.

☞ Hằng năm, Thư viện Hà Nội phục vụ trên 1 triệu lượt đọc với 3,5 triệu lượt sách báo.

☞ Thư viện Hà Nội đáp ứng khá đầy đủ nhu cầu nghiên cứu về Thủ đô của đông đảo bạn đọc thuộc mọi tầng lớp (nhà nghiên cứu, nghiên cứu sinh, cán bộ, sinh viên, học sinh...)

## NHỮNG THÀNH TÍCH CỦA THƯ VIỆN HÀ NỘI

- Huân chương Lao động (hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba).
- Ba bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.
- Cờ thi đua xuất sắc và nhiều bằng khen của Bộ Văn hóa Thông tin và UBND Thành phố Hà Nội.

*Hướng tới 1 000 năm Thăng Long - Hà Nội, Thư viện Hà Nội rất mong được sự động viên, đóng góp, cổ vũ bằng nhiều hình thức của đông đảo công chúng trong và ngoài nước trong việc sưu tầm, thu thập, giữ gìn và phát huy những giá trị của các tư liệu địa chí về Hà Nội.*

DETESCO.VN

# CÔNG TY PHÁT TRIỂN KINH TẾ KỸ THUẬT VIỆT NAM

# DETESCO VIETNAM

**Địa chỉ: 424 - phường Cống Vị (đường Liễu Giai nối dài) - quận Ba Đình - Hà Nội**

**Điện thoại: (84-4) 7612 776/ 7612 772/ 7612 773 * Fax: 7612 770 * Email: detesco.vn@fpt.vn**

## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Xuất nhập khẩu và kinh doanh tổng hợp
- Dịch vụ đào tạo và xuất khẩu lao động
- Du lịch lữ hành quốc tế
- Sản xuất phụ tùng và lắp ráp xe máy
- Kinh doanh và phát triển nhà
- Xây dựng dân dụng và công nghiệp

### VĂN PHÒNG CÔNG TY DETESCO VIET NAM

* Địa chỉ: 424 - phường Cống Vị - Ba Đình - Hà Nội
* ĐT: (84-4) 7612 776 * Fax: (84-4) 7612 770

### TRUNG TÂM DU LỊCH VÀ XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG

* Địa chỉ: 424 Phường Cống Vị - Ba Đình - Hà Nội
* ĐT: (84-4) 8464 165 * Fax: (84-4) 7612 770

### TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ

* Địa chỉ: 424 - phường Cống Vị - Ba Đình - Hà Nội
* ĐT: (84-4) 7612 773 * Fax: (84-4) 7612 770

### CƠ SỞ ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC ĐỊNH HƯỚNG

* Địa chỉ: 424 - phường Cống Vị - Ba Đình - Hà Nội
* Địa chỉ: Km 19 - Đường Láng Hòa Lạc - xã Phùng Xá - huyện Thạch Thất - tỉnh Hà Tây
* ĐT: (84-4) 7612 771 * Fax: (84-4) 7612 770

### XÍ NGHIỆP XE MÁY DETESCO VIỆT NAM

* Địa chỉ: Km 19 - đường Láng Hòa Lạc - xã Phùng Xá - huyện Thạch Thất - tỉnh Hà Tây
* ĐT: 034 940 371/ 034 940 372 * Fax: 034 940 372

### CHI NHÁNH TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

* Địa chỉ: 101A - Mỹ Hưng - Phú Mỹ Hưng - Đường Nguyễn Văn Linh - phường Tân Phong - quận 7 - TP. Hồ Chí Minh
* ĐT: (84-8) 4125 911 * Fax: (84-8) 4125 911

### CHI NHÁNH TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

* Địa chỉ: 80 Hàm Nghi - quận Thanh Khê - Thành phố Đà Nẵng
* ĐT: (0511) 650 115/ 893 432 * Fax: (0511) 655 442

Digitized by Google

BỘ QUỐC PHÒNG

# CÔNG TY TÂN CẢNG SÀI GÒN

## SAIGON NEWPORT COMPANY

Đường Điện Biên Phủ, P.22, Q.Bình Thạnh, TP.HCM, VN
Tel : 84.8.8 911 395 - 84.8.5 122 099
Fax : 84.8.8 994 388 - 84.8.5 120 591
E-mail: saigonnewport@hcm.vnn.vn
Wesbsite: http://www.saigonnewport.com.vn

*Đại tá* ***LÊ VĂN ĐẠO***
*Giám đốc Công ty*

**CÔNG TY TÂN CẢNG SÀI GÒN** được thành lập ngày 15-3-1989, theo Quyết định số 352/TTg của Thủ tướng Chính phủ. Sau 14 năm thành lập, Công ty Tân Cảng Sài Gòn đã không ngừng phát triển và trở thành cảng công-tai-nơ hiện đại và lớn nhất Việt Nam. Hiện nay, với cơ sở chính là cảng Tân Cảng, cảng Cát Lái và ICD Sóng Thần, Công ty Tân Cảng Sài Gòn đang chiếm trên 41% sản lượng công-tai-nơ thông qua các cảng khu vực thành phố Hồ Chí Minh, góp phần to lớn trong việc giải phóng hàng hóa xuất nhập khẩu, phục vụ cho sự phát triển nền kinh tế đất nước.

### NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Dịch vụ cảng biển
- Cảng trung chuyển
- Xây dựng sửa chữa công trình
- Dịch vụ nạo vét cứu hộ trên biển, trên sông
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa, cung cấp nước ngọt
- Dịch vụ vận tải hàng hóa đường bộ, đường sông, lai dắt tàu biển

*Xếp dỡ, vận chuyển hàng quân sự*

**CẢNG CÁT LÁI:**
Đường liên tỉnh số 25 (Nguyễn Thị Định),
phường Cát Lái, quận 2, TP.HCM
Tel : 84.8.7420 176
Fax : 84.8.8976 394

*Phương tiện hiện đại giải phóng hàng nhanh*

**ICD SÓNG THẦN:**
ĐT743, phường Bình Hòa, Thuận An,
tỉnh Bình Dương
Tel : 84.650.730 887
Fax : 84.650.742 918

*Khai trương tuyến xe vận chuyển hành khách trong cảng*

Digitized by Google

KYMDAN
SINCE 1954

**Nếu như trước đây KYMDAN SPECIAL được thưởng thức bởi các nhân vật thành đạt, giàu có trên thế giới thì giờ đây đã đến lúc người Việt Nam chúng ta được thụ hưởng cảm giác này.**

# KYMDAN-SPECIAL

## Hãy Cảm Nhận

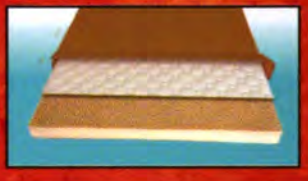

*KYMDAN đã từng tự hào về những sản phẩm nệm chất lượng cao và an toàn được sản xuất từ 100% cao su thiên nhiên thì giờ đây niềm tự hào đó đã được nhân lên khi sản phẩm cao cấp KYMDAN SPECIAL bắt đầu được giới thiệu đến người tiêu dùng Việt Nam.*

*Thành quả của sự hợp tác nghiên cứu giữa các chuyên gia KYMDAN và Nhật Bản, KYMDAN SPECIAL được thiết kế và sản xuất đạt đến một sự tuyệt hảo trong tác dụng nâng đỡ cơ thể nhưng vẫn đảm bảo cho người sử dụng một cảm giác mềm mại, dịu êm nhờ cấu tạo hai lớp.*

**BẢO HÀNH 10 NĂM**

**KYMDAN - CHĂM SÓC SỨC KHỎE CỦA BẠN TỪ GIẤC NGỦ**

Digitized by Google

tX
A
H108B

# Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

UNIV. OF MICH.
JUN 08 2004
CURRENT SERIALS

9
5-2004

# CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC I

**ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI**
**ĐƠN VỊ ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN**

Địa chỉ: phố Đức Giang - phường Đức Giang - quận Long Biên - Hà Nội
ĐT: (04) 8 271 400 - 8 272 864 * Fax: (04) 8 272 432 * Giám đốc: **NGUYỄN CAO VĂNG**

Công ty Xăng dầu khu vực I là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, có chức năng và nhiệm vụ:

Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu phục vụ nền kinh tế quốc dân, an ninh quốc phòng và cho nhu cầu tiêu dùng xã hội trên địa bàn Thủ đô Hà Nội, tỉnh Vĩnh Phúc, tỉnh Bắc Ninh và cung cấp nguồn xăng dầu cho các tỉnh phía Bắc. Với bề dày hơn 48 năm xây dựng, phát triển và trưởng thành, Công ty có cơ sở hạ tầng kỹ thuật hiện đại, khép kín từ khâu nhập hàng, bồn chứa, xuất cấp và mạng lưới gần 100 cửa hàng bán lẻ xăng dầu được đầu tư đồng bộ, hiện đại trên địa bàn Thủ đô Hà Nội và hai tỉnh Vĩnh Phúc, Bắc Ninh. Đơn vị đã được Nhà nước phong tặng 2 danh hiệu cao quý: Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới, Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân và Huân chương Lao động hạng 3 và nhiều Huân chương khác.

*Công ty sẵn sàng hợp tác kinh doanh xăng dầu với các đơn vị bạn. Luôn luôn đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng về xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu qua các hình thức bán lẻ, bán buôn, phục vụ khách hàng công nghiệp, bán qua tổng đại lý và đại lý...*

*Tổng kho Xăng dầu Đức Giang*

*Một trong những cửa hàng bán lẻxăng dầu*

## CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC CÔNG TY:

### 1.TỔNG KHO XĂNG DẦU ĐỨC GIANG
Địa chỉ: phố Đức Giang - phường Đức Giang - Long Biên - Hà Nội.
ĐT: (04) 8 271 400, 8 772 135 * Fax: (04) 8 272 432

### 2.XÍ NGHIỆP BÁN LẺ XĂNG DẦU HÀ NỘI
Địa chỉ: tầng 5, nhà 36, phố Hoàng Cầu, tổ 110 - phường Ô Chợ Dừa - Đống Đa - HN (Cách cầu Hoàng Cầu 30m).
ĐT: (04) 5 374 454 * Fax: (04) 5 374 467

### 3.XÍ NGHIỆP DỊCH VỤ XĂNG DẦU VÀ CƠ KHÍ:
Địa chỉ: phường Sài Đồng - Long Biên - Hà Nội
ĐT: (04) 8 751 155, 8 276 657 * Fax: (04) 8 751 158

### 4.CHI NHÁNH XĂNG DẦU BẮC NINH:
Địa chỉ: xã Võ Cường - TX. Bắc Ninh - tỉnh Bắc Ninh
ĐT: (0241) 829 005 * Fax: (0241) 829 211

### 5.CHI NHÁNH XĂNG DẦU VĨNH PHÚC:
Địa chỉ: đường Mê Linh - TX. Vĩnh Yên - tỉnh Vĩnh Phúc
ĐT: (0211) 862 714 * Fax: (0211) 862 713

**CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC I HÂN HẠNH ĐƯỢC PHỤC VỤ QUÝ KHÁCH**

Digitized by Google

**THÁNG RA 2 KỲ**

RA NGÀY 1 VÀ 16 HẰNG THÁNG

**SỐ 708**

9

5-2004



• **BỘ BIÊN TẬP :**
52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
Điện thoại : (04) 7 753 605
Fax : (04) 7 753 633
Email: bbttccs@hn.vnn.vn

• **Cơ quan thường trú tại miền Trung :**
26 Trần Phú,
Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại : (080) 51301
Fax : (080) 51303

• **Cơ quan thường trú tại miền Nam :**
19 Phạm Ngọc Thạch,
Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

• **Tạp chí Cộng sản điện tử :**
http://www.tapchicongsan.org.vn

• **Tổng Biên tập :**
**LÊ HỮU NGHĨA**

*Bìa 1: Trên lòng chảo Điện Biên Phủ xưa... và nay*
*của Mai Linh*


# Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM


## MỤC LỤC


**XÃ LUẬN**

*** Bản anh hùng ca bất hủ 3

**ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG**

PHẠM GIA KHIÊM - Thực hiện Quy chế Dân chủ gắn với xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở 6

NGUYỄN DY NIÊN - Nhìn lại thế giới năm 2003 và hoạt động đối ngoại của Việt Nam những tháng đầu năm 2004 10

**NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH**

ĐÀO HẢI TRIỀU - Hồ Chí Minh - nhà văn hóa kiệt xuất 16

NGUYỄN THANH TUYỀN - Phong cách dân vận Hồ Chí Minh 20

**NHÂN KỶ NIỆM 50 NĂM CHIẾN THẮNG LỊCH SỬ ĐIỆN BIÊN PHỦ (7-5-1954 - 7-5-2004)**

PHÙNG QUANG THANH - Công tác tham mưu trong chiến cuộc Đông - Xuân 1953 - 1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ 23

TRẦN XUÂN TRƯỜNG - Chiến thắng Điện Biên Phủ - đỉnh cao của chiến tranh nhân dân Việt Nam 28

TRẦN PHƯỚC - Công tác bảo đảm hậu cần trong chiến dịch Điện Biên Phủ - thực tiễn và bài học kinh nghiệm 32

DƯƠNG TRUNG QUỐC - "Nhiều Điện Biên Phủ khác đang chờ đợi chúng ta" 36

**NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI**

NGUYỄN KHÁNH - PHẠM NGỌC QUANG - Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội 41

LÊ TRỌNG - Bảo đảm sự bình đẳng về kinh tế của phụ nữ Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế 46

**THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM**

TRỊNH LONG BIÊN - Thấm sâu truyền thống lịch sử vẻ vang, Điện Biên vững bước trên con đường đổi mới 51

NGUYỄN QUỐC THỊNH - Bán phá giá trong thương mại quốc tế và thực tiễn Việt Nam 57

NGUYỄN CAO VÃNG - Công ty Xăng dầu khu vực I gắn việc thực hiện nhiệm vụ chính trị với công tác xây dựng Đảng 62

**DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN**

NGUYỄN HỒNG NGỌC - Chương trình Dân số Việt Nam: Thực trạng và thách thức trong những năm đầu thế kỷ XXI 66

NGUYỄN THẾ HUỆ - Vấn đề dân số và nguồn nhân lực vùng dân tộc thiểu số nước ta 71

**THẾ GIỚI: VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN**

VŨ CÔNG GIAO - Luật Nhân đạo quốc tế: 140 năm tồn tại và phát triển 75

**TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN**

*** Hội nghị Tổng kết công tác tổ chức xây dựng Đảng năm 2003, triển khai Nghị quyết Trung ương 9, phương hướng nhiệm vụ năm 2004 79

*** Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị 37/CT-TW *Về công tác cán bộ nữ trong tình hình mới* 80



Digitized by Google

## СОДЕРЖАНИЕ

**Передовая:** Неувядаемый эпос. ФАМ ЖА КХИЕМ: Осуществление Статуса о демократии связано с созданием политической системы на местах. НГУЕН ЗИ НИЕН: Международное обозрение 2003 года и внешнеполитическая деятельность Вьетнама в первые месяцы 2004 года. ДАО ХАЙ ЧИЕУ: Хо Ши Мин – выдающийся деятель культуры. НГУЕН ТХАНЬ ТУЕН: Стиль Хо Ши Мина в агитационной работе среди народных масс. ФУНГ КУАНГ ТХАНЬ: Штабная работа в военной операции Зимой-Весной 1953-1954гг. и военной кампании Диен Биен Фу. ЧАН СУАН ЧЫОНГ: Победа Диен Биен Фу – вершина вьетнамской народной войны. ЧАН ФЫОК: Служба по снабжению войск транспортом, вооружением и всеми видами довольствия во время военной кампании Диен Биен Фу – практика и опытные уроки. ЗЫОНГ ЧУНГ КУОК: «Многие другие Диен Биен Фу ждут нас». НГУЕН КХАНЬ – ФАМ НГОК КУАНГ: Обновление методов руководства Партии Государством и обществом. ЧИНЬ ЛОНГ БИЕН: Преисполненная славной исторической традиции, провинция Диенбиен уверенно шагает на пути обновления. НГУЕН ТХЕ ХУЭ: Демографическая проблема и резервы рабочей силы в районах нацменьшинств нашей страны. ВУ КОНГ ЖАО: Международное гуманное право: 140 лет существования и развития.

## CONTENTS

**Editorial:** An immortal epic. PHAM GIA KHIÊM: Implementation of the Democratic Status, connected with the building of a grassroots political system. NGUYỄN DI NIÊN: A retrospective look at the World in 2003 and foreign activities of Vietnam in the early months of 2004. ĐÀO HẢI TRIỀU: Hồ Chí Minh – a man of great culture. NGUYỄN THANH TUYỀN: The Hồ Chí Minh methods of propaganda and agitation among the people. PHÙNG QUANG THANH: The staff work in war situation in Winter and Spring of 1953, 1954 and the Điện Biên Phủ military campaign. TRẦN XUÂN TRƯỜNG: Điện Biên Phủ victory – the peak of Vietnamese people's war. TRẦN PHƯỚC: The works of logistics insurance in Điện Biên Phủ campaign: practices and experience lessons. DƯƠNG TRUNG QUỐC: Many other Điện Biên Phủ events are awaiting us. NGUYỄN KHÁNH – PHẠM NGỌC QUANG: Renovation of the Party leadership methods towards the state and society. TRỊNH LONG BIÊN: Điện Biên is steadily advancing on the renovation path, being deeply imbued with glorious historical traditions. NGUYỄN THẾ HUỆ: The problems of population and manforce resources in the areas of the ethnic minorities of our country. VŨ CÔNG GIAO: International Humane Law: its 140 years of existence and development.

## SOMMAIRE

**Editorial** – épopée immortelle. PHẠM GIA KHIÊM – Réaliser la réglementation de démocratie en édifiant le système politique à l'échelon de base. NGUYỄN DY NIÊN – Aperçu du monde de 2003 et les activités extérieures du Vietnam pendant les premiers mois de 2004. ĐÀO HẢI TRIỀU – Hồ Chí Minh – éminent homme de culture. NGUYỄN THANH TUYỀN – Le style de Hồ Chí Minh dans la mobilisation auprés de la population. PHÙNG QUANG THANH – Le travail d'état-major pendant la Campagne d'Hiver-Printemps 1953-1954 et la Campagne de Điện Biên Phủ. TRẦN XUÂN TRƯỜNG – La victoire de Điện Biên Phủ – apogée de la guerre populaire du Vietnam. TRẦN PHƯỚC – Le travail de logistique dans la campagne de Điện Biên Phủ – pratique et leçons. DƯƠNG TRUNG QUỐC – "Encore d'autres Điện Biên Phủ qui nous attend". NGUYỄN KHÁNH – PHẠM NGỌC QUANG – Renouveau de la direction du Parti concernant l'Etat et la société. TRỊNH LONG BIÊN – Imprégné de la tradition historique glorieuse, Điện Biên avance à pas sûr sur la voie de renouveau. NGUYỄN THẾ HUỆ – La démographie et les ressources humaines dans les régions peuplées d'ethnies minoritaires du Vietnam. VŨ CÔNG GIAO – La loi internationale de l'humanité : 140 ans d'existence et d'évolution.

## SUMARIO

**Editorial:** La innortal epopeya. PHẠM GIA KHIÊM: Cumplir las Normas de Democracia en ligazón a la edificación del sistema político de base. NGUYỄN DY NIÊN: El vistazo retrospectivo del mundo de 2003 y las actividades exteriores de Vietnam en los comienzos de 2004. ĐÀO HẢI TRIỀU: Hồ Chí Minh – un destacado investigador cultural. NGUYỄN THANH TUYỀN: El estilo de movilización al pueblo practicado por Hồ Chí Minh. PHÙNG QUANG THANH: El labor de asesoramiento en el curso de combates de Invierno-Primavera 1953-1954 y en la campaña de Điện Biên Phủ. TRẦN XUÂN TRƯỜNG: La victoria de Điện Biên Phủ – culminación de la guerra del pueblo de Vietnam. TRẦN PHƯỚC: La logística en la campaña de Điện Biên Phủ – práctica y lecciones de experiencias. DƯƠNG TRUNG QUỐC: "Muchas Điện Biên Phủ están esperándonos". NGUYỄN KHÁNH-PHẠM NGỌC QUANG: Renovar el modo de dirección del Partido sobre el Estado y la sociedad. TRỊNH LONG BIÊN: Imbuido profundamente de las gloriosas tradiciones históricas, Điện Biên avanza con pasos firmes en el camino de renovación. NGUYỄN THẾ HUỆ: El problema demográfico y la fuente de recursos laborales en las áreas de minorías étnicas de nuestro país. VŨ CÔNG GIAO: La Ley Humanitaria Internacional: 140 años de asistencia y desarrollo.

## 目录

·社论：不朽的英雄赞歌· 范嘉谦：落实民主规制必须与建立基层政治系统紧密结合· 阮怡年：回顾2003 年世界形势及越南在2004 年初的对外活动· 陶海朝：胡志明— 杰出的文化家· 阮清泉：胡志明的民运风格· 冯光青：1953 - 1954 年冬春战局及奠边府战役的参谋工作· 陈春长：奠边府大捷— 越南人民战争的顶峰· 陈福：奠边府战役后勤保障工作— 实践和经验· 杨中国："许多别的奠边府正等待我们"· 陈庆、范玉光：革新党对国家和社会的领导方式· 郑龙编：继承发扬辉煌的历史传统，奠边省在革新大道上稳步迈进· 阮世惠：越南少数民族地区的人口及人力资源问题· 武公交：国际人道法— 140 年存在及其发展。

Digitized by Google

Xã luận

# BẢN ANH HÙNG CA BẤT HỦ

*CHIẾN thắng vĩ đại Điện Biên Phủ đã tạc vào lịch sử chống ngoại xâm oai hùng của dân tộc "một cột mốc chói lọi bằng vàng". Ý nghĩa thời đại của nó tô thắm mãi mãi niềm tự hào dân tộc của các thế hệ người Việt Nam, là tiếng nói lương tri và khát vọng của các lực lượng yêu chuộng hòa bình và tiến bộ trên thế giới. Tiếp nối Bạch Đằng, Chi Lăng, Đống Đa,... chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ viết nên bản anh hùng ca mới của dân tộc "lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu". Nó mở đầu một thời kỳ lịch sử mới - thời kỳ trào dâng mạnh mẽ của phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc và báo hiệu sự sụp đổ không tránh khỏi của chủ nghĩa thực dân cũ, xét trên quy mô toàn cầu.*

*

* *

*Chiến thắng Điện Biên Phủ là đỉnh cao thắng lợi của cuộc kháng chiến chín năm chống thực dân Pháp. Với chiến thắng Điện Biên Phủ, dân tộc ta đã kết thúc vẻ vang cuộc kháng chiến thần thánh chống thực dân Pháp xâm lược và bọn can thiệp Mỹ, giải phóng và đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội, làm cơ sở cho cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Tiếp nối thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, chiến thắng Điện Biên Phủ kết liễu sự thống trị gần một trăm năm của chủ nghĩa thực dân cũ đối với nước ta, dân tộc Việt Nam xứng đáng là người chiến sĩ tiên phong trên trận tuyến chống đế quốc, là tấm gương để các dân tộc bị áp bức noi theo trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở thế kỷ XX.*

*Chiến thắng lừng lẫy Điện Biên Phủ làm lung lay tận gốc hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân và mở ra một chân trời mới cho các dân tộc bị áp bức. Khẩu hiệu "Việt Nam - Hồ Chí Minh - Điện Biên Phủ" tiếp tục vang xa và thấm sâu vào con tim, khối óc của triệu triệu người dân ở các nước thuộc địa khắp châu Á, châu Phi và châu Mỹ La-tinh; trở thành biểu tượng của cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập, tự do của các dân tộc bị áp bức. Bằng chiến thắng Điện Biên Phủ, các dân tộc bị áp bức càng thấu hiểu một chân lý rất vĩ đại nhưng rất giản đơn là, một dân tộc dù còn nghèo, đất không rộng, người không đông, nếu biết đoàn kết, mưu trí, dũng cảm; biết tranh thủ sự đồng tình ủng hộ, giúp đỡ từ bên ngoài, thì dân tộc ấy hoàn toàn có thể chiến thắng bất kỳ kẻ thù xâm lược hung hãn nào. Chân lý đó đã thực sự cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc trong thế kỷ XX. Chỉ trong sáu năm, kể từ sau chiến thắng Điện Biên Phủ, hàng loạt quốc gia, dân tộc giành được độc lập; chủ nghĩa thực dân cũ cùng hệ thống thuộc địa bị tan rã từng mảng lớn, bị sụp đổ hoàn toàn. Và năm 1960, Đại hội đồng Liên hợp quốc khóa XV thông qua văn kiện lịch sử quan trọng "Tuyên ngôn về thủ tiêu hoàn toàn chủ nghĩa thực dân, trao trả độc lập cho các quốc gia và dân tộc thuộc địa".*


Digitized by Google

*Chiến thắng Điện Biên Phủ khiến cho các thế lực thực dân, đế quốc kinh hồn, hoảng loạn và buộc phải toan tính lại nước cờ chiến lược mưu toan thống trị toàn cầu của nó: hoặc là tiếp tục duy trì chủ nghĩa thực dân kiểu cũ, hoặc là phải thay bằng một thứ chủ nghĩa thực dân kiểu mới, mà đế quốc Mỹ là kẻ cầm đầu. Sau khi can thiệp vào chiến tranh Đông Dương và trợ giúp đắc lực cho thực dân Pháp ở Điện Biên Phủ không thành, đế quốc Mỹ hất cẳng Pháp và tiến hành xâm lược Đông Dương - một kiểu xâm lược mới của chủ nghĩa thực dân. Có một điều trùng hợp đến lạ kỳ của lịch sử nhân loại là, dân tộc Việt Nam đã đánh bại chủ nghĩa thực dân cũ lại tiếp tục gánh vác sứ mệnh quang vinh đánh bại chủ nghĩa thực dân mới. Nếu như chiến thắng Điện Biên Phủ đã khép lại những trang sử đen tối nhất của chủ nghĩa thực dân cũ thì Đại thắng mùa Xuân năm 1975 đã giáng đòn chí mạng vào chủ nghĩa thực dân mới.*

*

* *

*Sau 50 năm, ôn lại chiến thắng oanh liệt Điện Biên Phủ, chúng ta vô cùng tự hào về tài nghệ lãnh đạo, chỉ đạo chiến tranh của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh; tinh thần đoàn kết cao độ của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta trong chiến đấu; lòng dũng cảm, mưu trí, sáng tạo của quân đội ta; sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn của các nước anh em, các nước xã hội chủ nghĩa, cùng toàn thể lực lượng yêu chuộng hòa bình và tiến bộ trên thế giới. Đó là những nhân tố cơ bản và quan trọng tạo nên thắng lợi vẻ vang của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.*

***Sự lãnh đạo, chỉ đạo chiến tranh tài tình, sáng suốt của Đảng ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh**, là nhân tố trước hết quyết định chiến thắng Điện Biên Phủ. Ngay từ những ngày đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Đảng ta đã đề ra chủ trương đúng đắn "kháng chiến trường kỳ, toàn dân, toàn diện". Theo phương châm chỉ đạo đó, chúng ta ngày càng tạo ra được sức mạnh tổng hợp, về vật chất lẫn tinh thần, về chính trị, quân sự, kinh tế lẫn văn hóa, xã hội, ngoại giao. Đặc biệt, về quân sự, chúng ta ngày càng tạo ra thế và lực mới để áp đảo kẻ địch, nhất là trong chiến cuộc Đông - Xuân 1953 - 1954 và giành thắng lợi hoàn toàn ở chiến dịch Điện Biên Phủ.*

*Nắm rõ kế hoạch chiến lược của địch là tập trung lực lượng cơ động chiến lược để tiến công tiêu diệt phần lớn chủ lực ta, Đảng ta kịp thời đề ra phương châm tác chiến cơ bản là, giãn địch ra để đánh; đánh địch ở khắp nơi, đánh ở sau lưng và ở đằng trước; đánh bằng du kích kết hợp với đánh chính quy; đánh ở cấp chiến dịch, ở cấp chiến thuật; đánh địch ở những nơi chúng sơ hở nhất nhưng lại có ý nghĩa chiến lược... Với phương châm tác chiến đó, chúng ta luôn giành được thế chủ động trên chiến trường, buộc địch phải phân tán, dàn mỏng lực lượng và luôn ở thế bị động... Tới khi bị đẩy vào thế bị động cao độ, địch buộc phải "chủ động" mở chiến trường Điện Biên Phủ, hòng cứu vãn tình hình.*

*Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, tài thao lược quân sự, chỉ đạo chiến lược, chiến dịch và chiến thuật của Đảng ta, nhất là của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đạt đến đỉnh cao nghệ thuật. Tài thao lược, nghệ thuật chỉ đạo đó được thể hiện một cách sinh động qua nghệ thuật tác chiến và kỹ thuật tác chiến của quân đội, đứng đầu là Tổng Tư lệnh Đại tướng Võ Nguyên Giáp - "người chiến sĩ số 1 - người Anh Cả của quân đội ta".*

***Tinh thần đoàn kết cao độ của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta** là nhân tố rất quan trọng tạo nên chiến thắng Điện Biên Phủ. Tinh thần đại đoàn kết của dân tộc ta, vốn được hun đúc từ hàng ngàn năm lịch sử và được phát huy gấp bội dưới ánh sáng đường lối của Đảng. Trong kháng chiến, đại đa số người dân Việt Nam dù ở miền xuôi hay miền ngược, dù sinh sống ở trong nước hay định cư ở nước ngoài, từ già tới trẻ, thuộc mọi tầng lớp, dân tộc, tôn giáo... đều nguyện tin theo*


Digitized by Google

*và đoàn kết xung quanh Đảng, tạo nên thế trận lòng dân vững chắc, tạo nên cuộc chiến tranh nhân dân thần kỳ ngay giữa lòng địch, tạo nên sự thống nhất về ý chí chiến đấu không gì lay chuyển nổi giữa Đảng - nhân dân - quân đội. Đặc biệt, trong chiến dịch Điện Biên Phủ, sự thống nhất đó đạt đến đỉnh điểm: hậu phương tích cực hỗ trợ, hợp đồng tác chiến với tiền phương để bộ đội "ăn no đánh thắng" và để tạo nên thế trận liên hoàn; nhân dân nô nức làm dân công mở đường, tải đạn, tải lương thực... Cùng với nó, công tác chỉnh Đảng, chỉnh quân trước khi diễn ra chiến dịch đã góp phần tạo nên sự đoàn kết, nhất trí cao và ý thức kỷ luật nghiêm minh trong Đảng và trong quân đội.*

***Tinh thần chiến đấu vô cùng dũng cảm, mưu trí, sáng tạo của quân đội ta*** *là nhân tố rất cơ bản tạo nên chiến thắng Điện Biên Phủ. Quân đội ta "từ nhân dân mà ra và vì nhân dân mà chiến đấu", thường xuyên được Đảng và Bác Hồ giáo dục, rèn luyện. Tính nhân dân và sự chính nghĩa, cùng sự giáo dục, rèn luyện đó là nguồn gốc chính tạo nên những phẩm chất cao quý của quân đội ta: dũng cảm, mưu trí, sáng tạo, sẵn sàng xả thân hy sinh vì dân, vì nước; sáng tạo vượt qua trở ngại, khó khăn, thiếu thốn. Những phẩm chất đó được phát huy tột độ trong chiến dịch Điện Biên Phủ, khi quân đội ta phải đối mặt với kẻ thù hung bạo, có vũ khí và trang thiết bị hiện đại, đầy đủ gấp nhiều lần. Sự cam go, khốc liệt của cuộc chiến Điện Biên Phủ đã làm xuất hiện biết bao gương hy sinh quả cảm, biết bao cách đánh hay, đầy mưu trí, sáng tạo của quân đội ta. Điều đó khiến cho kẻ thù khiếp đảm, run sợ, suy sụp ý chí chiến đấu và buộc phải nhận thất bại thảm hại.*

***Sự ủng hộ, giúp đỡ của các nước anh em, các nước xã hội chủ nghĩa và lực lượng yêu chuộng hòa bình, tiến bộ trên thế giới*** *là nhân tố quan trọng tạo nên chiến thắng Điện Biên Phủ. Càng sa lầy vào cuộc chiến tranh Đông Dương, thực dân Pháp càng bị chính phủ và nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa cũng như nhân dân và các tổ chức yêu chuộng hòa bình, tiến bộ trên thế giới cực lực lên án, phản đối. Cuộc kháng chiến chính nghĩa chống thực dân Pháp của chúng ta ngày càng nhận được sự đồng tình ủng hộ, giúp đỡ mạnh mẽ của nhân dân các nước Lào, Cam-pu-chia, các nước Trung Quốc, Liên Xô, các nước xã hội chủ nghĩa khác và lực lượng yêu chuộng hòa bình, tiến bộ trên thế giới. Sự ủng hộ, giúp đỡ đó thực sự là những điều kiện không thể thiếu được để chúng ta giành thắng lợi cuối cùng.*

*

* *

*Kỷ niệm 50 năm chiến thắng vĩ đại Điện Biên Phủ, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta dấy lên phong trào thi đua lập thành tích thiết thực trên mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội. Nối tiếp truyền thống Điện Biên Phủ anh hùng, chúng ta tự nguyện nêu cao tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc, tinh thần tự lực tự cường, dám nghĩ dám làm, không quản ngại khó khăn, thách thức trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.*

*Hiện nay, công cuộc đổi mới toàn diện đất nước của chúng ta tiếp tục giành được những thành quả to lớn, tạo nên thế và lực mới trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Để xứng đáng với lời khen ngợi và khẳng định của các bạn châu Phi rằng, "Việt Nam đã làm một trận Điện Biên Phủ trong đổi mới", chúng ta chủ động, sáng tạo hơn nữa đưa sự nghiệp đổi mới tiếp tục tiến lên vững chắc, phát triển cả về bề rộng lẫn chiều sâu. Chỉ có như vậy, chúng ta mới tạo ra được những bước đột phá trong phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục; mới chiến thắng được nghèo nàn, lạc hậu; mới triệt phá được mọi tệ nạn xã hội, tạo được thế trận lòng dân vững chắc - một trong những nhân tố quyết định góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.* ❑

**TẠP CHÍ CỘNG SẢN**


Digitized by Google

# THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ GẮN VỚI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở CƠ SỞ

**PHẠM GIA KHIÊM***

CHỈ thị số 30-CT/TW, ngày 18-2-1998, của Bộ Chính trị (khóa VIII) *Về xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở* chỉ rõ: *"Khâu quan trọng và cấp bách trước mắt là phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở, là nơi trực tiếp thực hiện mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, là nơi cần thực hiện quyền dân chủ của nhân dân một cách trực tiếp và rộng rãi nhất"*. Năm năm qua, đồng thời với việc triển khai xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở cũng là thời gian toàn Đảng, toàn dân ta ra sức thực hiện các Nghị quyết Đại hội VIII và Đại hội IX của Đảng, được cụ thể hóa bằng các nghị quyết Hội nghị Trung ương, nhất là những nghị quyết, những sự kiện, những cuộc vận động liên quan trực tiếp đến việc xây dựng, thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở và đổi mới hệ thống chính trị ở cơ sở. Đó là Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2); Nghị quyết *Về phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh; Về chiến lược cán bộ;* Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội IX của Đảng; bầu cử Hội đồng nhân dân 3 cấp; bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XI; Nghị quyết *Về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn;* các Nghị quyết Trung ương 7 (khóa IX): *Về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ, văn minh; Về công tác dân tộc; Về công tác tôn giáo.*

Cùng với quá trình thực hiện các nghị quyết, các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước của toàn Đảng, toàn dân, việc xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở gắn với xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở, đã góp phần quan trọng vào ổn định chính trị, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giữ vững an ninh - quốc phòng. Đặc biệt, việc thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở đã gắn bó chặt chẽ với xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở, có tác động tích cực tới công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân; xây dựng các cộng đồng dân cư tự quản ở thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố... tạo ra sự chuyển biến tích cực về ý thức và phong cách làm việc

* Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế Dân chủ Trung ương


Digitized by Google

của cán bộ đảng, chính quyền, đoàn thể theo hướng gần dân, tôn trọng dân và có trách nhiệm với dân hơn.

Trong mấy năm gần đây, từ nhận thức sâu sắc về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của hệ thống chính trị ở cơ sở, Đảng, Nhà nước ta đã có những quyết sách phù hợp, nhất là việc ban hành Chỉ thị và các quy chế thực hiện dân chủ ở các loại hình cơ sở, nên tình hình kinh tế - xã hội ở nhiều cơ sở có những chuyển biến rất tốt, rất đáng mừng; hệ thống chính trị ở cơ sở được củng cố, tăng cường, phương thức và hình thức hoạt động ngày càng có hiệu quả thiết thực.

Tuy nhiên, cho đến nay việc xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở gắn với xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vẫn còn nhiều vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu, làm rõ hơn nữa kể cả về phương diện lý luận và thực tiễn, cần được rút kinh nghiệm để tiếp tục triển khai một cách phù hợp, đồng bộ và hiệu quả hơn. Vẫn còn không ít cơ sở lúng túng hoặc thực hiện một cách hình thức trong việc gắn kết giữa xây dựng, thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở với xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở. Thực tế đang đặt ra những câu hỏi, những vấn đề, kể cả những khái niệm tưởng như đã quen thuộc, song cần được chúng ta làm sáng tỏ hơn:

- Vấn đề *"Xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở"* đã được giải thích, quy định khá rõ trong Chỉ thị của Bộ Chính trị và trong các nghị định của Chính phủ. Thế nhưng khi thực hiện, trong nhiều báo cáo vẫn còn có những địa phương, cơ sở chưa kết hợp nhuần nhuyễn, đồng bộ giữa *xây dựng* và *thực hiện*. Khái niệm *"Hệ thống chính trị ở cơ sở"* vẫn chưa được nhận thức đúng và chưa thống nhất. Như vậy, cần làm rõ cơ sở là gì? Hệ thống chính trị ở cơ sở là gì? Cơ sở (theo ý nghĩa là một tổ chức) gồm xã, phường, thị trấn; các doanh nghiệp nhà nước; các cơ quan hành chính, sự nghiệp. Trong ba loại hình cơ sở ấy, hệ thống chính trị ở mỗi loại hình lại có những nét riêng biệt. Vậy sự khác biệt đó là gì, nó chi phối, ảnh hưởng như thế nào đến quá trình xây dựng, thực hiện Quy chế Dân chủ? Chính quyền của chúng ta là chính quyền được tổ chức thành bốn cấp (trung ương, tỉnh - thành phố, quận - huyện và cơ sở), tương tự cũng có bốn mô hình tổ chức của Đảng và các đoàn thể nhân dân. Dạng cơ sở là doanh nghiệp nhà nước, là cơ quan hành chính sự nghiệp, nhất là cơ quan cấp bộ và các tổng công ty "90", "91" có quan hệ và vai trò rộng lớn thì tổ chức đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên phải tổ chức thế nào cho phù hợp? Việc xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ trên địa bàn thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố, những nơi gần dân nhất, sát dân nhất và cũng là nơi đạt hiệu quả tốt nhất. Chúng ta nhìn nhận thế nào về vai trò, vị trí của "cấp dưới cơ sở" bao gồm thôn, ấp, bản, tổ dân phố? Điều kiện hoạt động, chế độ, chính sách cho đội ngũ cán bộ ở đây thế nào? Thế nào là gắn việc xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở với xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở? Gắn ở đây phải chăng là sự phối hợp, kết hợp giữa các thành viên trong hệ thống chính trị? Vậy tổ chức, đoàn thể nào chịu trách nhiệm chính, chủ động phối, kết hợp, điều hành, đốc thúc, kiểm tra sự gắn kết này? Thời gian qua, sự phối hợp, kết hợp giữa các thành viên trong hệ thống chính trị ở các loại hình tại cơ sở đã đạt được những chuyển biến gì khi thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở, trong việc xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở? Có những khó khăn, vướng mắc gì, nguyên nhân và giải pháp tháo gỡ?

- Một nội dung quan trọng cần đề cập là chức năng, nhiệm vụ, phương thức hoạt động chưa được rõ, chưa thật sự đổi mới; sự phối hợp, kết hợp giữa các thành viên trong hệ thống chính trị ở cơ sở chưa chặt chẽ, nhịp nhàng. Thời gian tới, chúng ta phải khắc phục


Digitized by Google

hạn chế này để cơ sở vừa thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, vừa không buông lỏng, bỏ sót, không chồng chéo, trùng lắp, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

- Việc gắn xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở với xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở là làm rõ chức năng và xây dựng quy chế phối hợp trong mối liên hệ giữa tổ chức đảng với chính quyền và các đoàn thể nhân dân. Đây thực chất là mối quan hệ giữa các thành viên trong hệ thống chính trị, được vận hành theo cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Cơ chế vận hành, phương thức thực hiện phương châm này như thế nào cho hiệu quả... đang là những câu hỏi đặt ra ở nhiều cơ sở, vẫn chưa có được câu trả lời thỏa đáng.

- Để cụ thể hóa việc thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở, đồng thời, xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở, nhất thiết phải phát huy dân chủ của nhân dân bằng hai hình thức dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện. Nhưng cơ chế, phương thức thực hiện dân chủ như thế nào; làm gì để ngày càng mở rộng hơn nữa hình thức dân chủ trực tiếp; những loại hình cơ sở nào phù hợp với hình thức dân chủ trực tiếp; loại hình cơ sở nào phù hợp với hình thức dân chủ đại diện; làm thế nào để nâng cao chất lượng dân chủ đại diện v.v.. Đó là những vấn đề cần được làm sáng tỏ cả về lý luận và thực tiễn.

Năm năm qua, đồng thời với việc *xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở* cũng là thời gian toàn Đảng ta thực hiện *Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng* theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII mà khâu đột phá là thực hiện tự phê bình và phê bình trong cán bộ, đảng viên. Đây là hai cuộc vận động rất sâu rộng, có ý nghĩa xã hội sâu sắc và quan hệ mật thiết với nhau mà trọng tâm là phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong việc xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và hệ thống chính trị từ trung ương đến cơ sở nhằm làm cho các tổ chức trong hệ thống chính trị ngày càng trong sạch, vững mạnh. Đến nay, cả hai cuộc vận động đều đã thu được những kết quả quan trọng, tạo ra những chuyển biến tích cực về nhiều mặt. Mối quan hệ, tác động, hỗ trợ nhau giữa hai cuộc vận động thể hiện trên tất cả các nội dung, nhiệm vụ, nhất là những vấn đề như: nhân dân tham gia xây dựng Đảng; tham gia giám sát, kiểm tra, phê bình cán bộ, đảng viên; chống tham nhũng, tiêu cực; tác dụng nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là của người đứng đầu; phát huy quyền dân chủ của nhân dân trong việc xây dựng hệ thống chính trị, xây dựng đội ngũ cán bộ ở cơ sở. Đây đang là những vấn đề cần được phát huy trong thời gian tới.

Một trong những bài học thành công của nhiều nơi khi xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở gắn với xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở là phân công trách nhiệm rõ ràng cho mỗi tổ chức, cá nhân và kiểm tra, đôn đốc thường xuyên theo nhiệm vụ và chức trách được giao. Vậy trách nhiệm của các tổ chức trong việc thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở của từng thành viên trong hệ thống chính trị, của cán bộ, đảng viên ở cơ sở như thế nào, nhất là của các cấp ủy, của người đứng đầu tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp ra sao?

- Để nhân dân thực sự phát huy quyền dân chủ trong kiểm tra, giám sát, tham gia góp ý xây dựng tổ chức, cán bộ, đảng viên ở cơ sở thì cần có những cơ chế, chính sách, giải pháp gì? Cái gì thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ sở, phần nào thuộc cấp trên cơ sở và những vấn đề gì Đảng, Nhà nước cần có cơ chế, chính sách ở tầm vĩ mô? Đây là những vấn đề rất quan trọng cần được kiến giải, làm rõ.


Digitized by Google

Để thực hiện tốt Quy chế Dân chủ ở cơ sở gắn với xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, trong thời gian tới, chúng ta cần tập trung thực hiện tốt những yêu cầu sau:

1 - Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, triển khai Chỉ thị số 30 của Bộ Chính trị, Nghị định số 29 của Chính phủ và các thông tư, hướng dẫn của các bộ, ngành trung ương và chính quyền địa phương. Phải làm cho cán bộ, đảng viên và cả hệ thống chính trị, nhất là cán bộ, viên chức trong bộ máy công quyền nhận thức sâu sắc hơn nữa và thực hiện chức trách: "vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân", với phương châm "bao nhiêu quyền hạn đều là của dân". Cán bộ chính quyền, nhất là người đứng đầu phải gương mẫu thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở, biết làm tốt công tác tuyên truyền vận động quần chúng, tin và dựa vào dân, nói đi đôi với làm, không lạm quyền, không quan liêu hách dịch.

2 - Tiếp tục làm rõ hơn về lý luận và thực tiễn việc xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở gắn với xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở. Đánh giá quá trình lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, nâng cao hiệu lực quản lý điều hành của chính quyền, đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Phát huy và mở rộng quyền làm chủ của nhân dân, bảo đảm dân chủ và công khai, thực hiện tốt dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp trong việc xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở, góp phần củng cố và tăng cường hệ thống chính trị và thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh trật tự ở cơ sở.

3 - Tập trung phân tích sâu một số vấn đề trọng tâm ở xã, phường, thị trấn; cơ quan hành chính sự nghiệp và doanh nghiệp nhà nước. Trong đó, cần tập trung vào những vấn đề mới trong việc xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở gắn với xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước, xây dựng Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân. Đẩy mạnh hơn nữa việc cải cách hành chính, công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo ngay từ cơ sở. Từ đó, có những kiến nghị, đề xuất với Đảng, Nhà nước về những chủ trương và giải pháp nhằm thực hiện thường xuyên và có hiệu quả Quy chế Dân chủ ở cơ sở, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

4 - Thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở phải đặt dưới sự lãnh đạo tập trung, thường xuyên, liên tục của cấp ủy ở cơ sở. Phải nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng. Nếu trong sinh hoạt đảng không bảo đảm dân chủ thì không thể lãnh đạo xã hội phát huy dân chủ. Nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân ở cơ sở. Tăng cường sự giám sát, kiểm tra của nhân dân đối với hoạt động của chính quyền cơ sở. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức chính quyền cơ sở có đủ phẩm chất và năng lực tác nghiệp. Cần kết hợp cuộc vận động thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở với cuộc vận động toàn dân xây dựng đời sống văn hóa, xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở.

5 - Củng cố, phát huy vai trò tổ nhân dân tự quản, tổ dân phố trong việc tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để nhân dân có điều kiện bàn, quyết định những việc thuộc về phạm vi dân bàn, dân quyết định. Đối với những nơi có đông đồng bào dân tộc thiểu số, phải hết sức chú trọng bồi dưỡng nâng cao năng lực, phát huy vai trò các già làng, trưởng bản.

6 - Thực hiện phân công, phân cấp cho cơ sở. Có chính sách hợp lý để đủ sức thu hút, khuyến khích người có tài về công tác ở cơ sở; có kinh phí hoạt động cho Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị ở cơ sở.❑


Digitized by Google

# NHÌN LẠI THẾ GIỚI NĂM 2003 VÀ HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM NHỮNG THÁNG ĐẦU NĂM 2004

NGUYỄN DY NIÊN *

THẾ giới mà chúng ta đang sống không ngừng biến động. Sự đan xen giữa những yếu tố diễn biến theo chiều hướng có từ năm trước và yếu tố vừa mới xuất hiện tác động mạnh đến môi trường phát triển của tất cả các thành viên trong cộng đồng quốc tế. An ninh và phát triển, vấn đề khủng bố và chống khủng bố, xung đột khu vực, sự bùng phát của bệnh dịch mới và chiều hướng phục hồi của nền kinh tế thế giới trở thành những vấn đề nổi bật trong quan hệ quốc tế, chi phối ở mức độ khác nhau đến việc ưu tiên và điều chỉnh chính sách đối ngoại của từng quốc gia.

Cuộc chiến tranh I-rắc - sự kiện nổi bật năm 2003 - tiếp tục tác động đến tình hình thế giới năm 2004, làm cho quan hệ quốc tế trở nên căng thẳng và phức tạp. Gần một năm sau khi kết thúc cuộc chiến này, hòa bình vẫn chưa đến với người dân I-rắc, tình hình trong nước vẫn bất ổn, bạo lực liên tục xảy ra. Hội đồng điều hành I-rắc đã thông qua Hiến pháp tạm thời, nhưng quá trình chuyển giao quyền lực cho người I-rắc vẫn khó khăn vì tình hình an ninh ở đây chưa được bảo đảm và còn tồn tại sự khác biệt lớn giữa các phe phái về cơ cấu chính quyền thời kỳ quá độ cũng như về phương thức và thời gian tiến hành bầu cử. Công cuộc tái thiết I-rắc tiến triển chậm chạp, trong khi mâu thuẫn về lợi ích giữa các bên liên quan trong và ngoài khu vực còn gay gắt không dễ sớm được khắc phục. Tuy nhiên, trước tình hình đó, đã xuất hiện dấu hiệu cho thấy việc điều chỉnh theo hướng nâng cao hơn vai trò của Liên hợp quốc trong việc ổn định tình hình và tái thiết I-rắc là rất cần thiết.

Khủng bố quốc tế không những chưa được giải quyết tận gốc, mà còn có nguy cơ lan rộng và trở nên nguy hiểm hơn. Vụ đánh bom khủng bố ngày 11-3 vừa qua ở thủ đô Ma-đrít (Tây Ban Nha) gây thiệt hại lớn về người và của càng làm dư luận lo ngại về những diễn biến mới của hoạt động khủng bố quốc tế. Nguy cơ thường trực của khủng bố đã làm cho vấn đề bảo đảm an ninh trở nên cấp thiết hơn; đồng thời, cũng làm sâu sắc thêm nhận thức chung là càng phải coi trọng việc tạo dựng sự phát triển bền vững về mọi mặt trong an ninh và ổn định ở từng quốc gia và từng khu vực, buộc các quốc gia và khu vực phải hợp tác với nhau chặt chẽ và hiệu quả hơn. Vấn đề được hầu hết các quốc gia ưu tiên hàng đầu là xử lý đúng đắn mối

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao



Digitized by Google

*Toàn cảnh Hội nghị Đối tác nghị viện Á - Âu lần thứ 3 - Ảnh: Trí Dũng*

quan hệ giữa tăng cường phát triển và bảo đảm an ninh, đẩy mạnh hợp tác quốc tế và khu vực để loại trừ nguy cơ khủng bố. Chương trình nghị sự khóa họp thứ 58 của Đại hội đồng Liên hợp quốc, Hội nghị Cấp cao ASEAN-9 ở Ba-li (tháng 10-2003), Hội nghị Cấp cao APEC-11 ở Băng-cốc (tháng 11-2003) đều dành cho vấn đề này vị trí xứng đáng.

Dưới tác động của tình hình trên, các nước đều điều chỉnh chính sách một cách linh hoạt và thực dụng nhằm bảo đảm tối đa lợi ích của quốc gia, dân tộc mình. Các nước vừa và nhỏ coi trọng và thúc đẩy hợp tác và liên kết khu vực nhằm đối phó với những thách thức chung về an ninh và phát triển, đồng thời hạn chế những tác động tiêu cực từ tình hình bên ngoài, tìm kiếm và tranh thủ cơ hội để tăng cường thế và lực, tạo dựng và duy trì môi trường quốc tế hòa bình, ổn định và an ninh nhằm tập trung cao cho phát triển kinh tế quốc gia. Nỗ lực tăng cường hợp tác của các nước ASEAN có thể được coi là trường hợp nổi bật. Hội nghị Cấp cao ASEAN-9 đã thông qua những định hướng mới vì sự phát triển của ASEAN nhằm mục tiêu thành lập một cộng đồng ASEAN liên kết mạnh, tự cường vào năm 2020 với ba trụ cột chính là hợp tác chính trị - an ninh (Cộng đồng An ninh ASEAN), hợp tác kinh tế (Cộng đồng Kinh tế ASEAN) và hợp tác xã hội - văn hóa (Cộng đồng Xã hội - Văn hóa ASEAN).

Quá trình giải quyết những cuộc xung đột hoặc các điểm nóng khu vực tiếp tục gặp khó khăn và chưa có tiến triển khả quan. Tình hình Trung Đông vẫn mất ổn định. Tiến trình hòa bình vừa mới được làm sống lại thông qua "Lộ trình Hòa bình Trung Đông" lại lâm vào bế tắc. Trong khi đó, những căng thẳng xung quanh vấn đề phổ biến vũ khí hạt nhân ở khu vực này vẫn tiềm tàng. Tình hình bán đảo Triều Tiên tiếp tục sôi động, nhưng phức tạp. Vấn đề năng


Digitized by Google

lượng hạt nhân của Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên, về cơ bản, vẫn bế tắc cho dù khuôn khổ đàm phán 6 bên liên quan đã được thiết lập và tổ chức được hai vòng đàm phán. Sự khác biệt về quan điểm giữa các bên còn quá sâu sắc, nên giải pháp chung cho vấn đề hạt nhân trên bán đảo này đáp ứng được lợi ích của các bên liên quan chưa thể dễ dàng sớm đạt được. Ở Đông Nam Á và một số khu vực khác, tình hình nhìn chung ổn định hơn, tuy vậy, ở một số quốc gia cuộc đấu tranh quyền lực diễn ra gay gắt, thậm chí có nơi không thể loại trừ nguy cơ dẫn đến mất ổn định chính trị - xã hội.

Điều đáng chú ý là, trong bối cảnh tình hình an ninh và chính trị thế giới phức tạp và bất ổn như vậy, từ nửa cuối của năm 2003 đến nay, nền kinh tế thế giới nói chung đã phục hồi và phát triển khả quan. Nguyên nhân chính là do kinh tế Mỹ, Nhật Bản và đặc biệt là kinh tế Trung Quốc phát triển mạnh cộng với những nỗ lực của các quốc gia nhằm thúc đẩy hợp tác, hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực từ môi trường bên ngoài, đã đem lại những kết quả tích cực. Điều này cho thấy khả năng tự thích nghi của các nền kinh tế trước những biến động lớn của tình hình chính trị an ninh trên thế giới đang được cải thiện đáng kể. Tuy nhiên, tốc độ phục hồi của kinh tế thế giới diễn ra không đồng đều giữa các nước, các khu vực và còn chứa đựng nhiều yếu tố rủi ro. Kinh tế khu vực châu Á - Thái Bình Dương vẫn giữ được tốc độ phát triển cao nhất ở mức 6,5%, trong khi kinh tế Mỹ La-tinh chỉ đạt khoảng 1%. Vòng đàm phán của WTO ở Can-cun thất bại và đến nay chưa được khởi động lại. Cạnh tranh thương mại giữa các nền kinh tế rất gay gắt, chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch ở một số nước phát triển gia tăng và sự bùng phát cũng như tác động tiêu cực của dịch bệnh SARS đầu năm 2003 và dịch cúm gia cầm đầu năm 2004 cho thấy, quá trình phục hồi của kinh tế thế giới còn phải đối phó với nhiều khó khăn, thách thức và diễn biến khó lường.

Bối cảnh tình hình thế giới và khu vực như vậy đã tác động đến sự phát triển kinh tế - xã hội và hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta. Dưới sự chỉ đạo và tham gia trực tiếp của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ, hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta tiếp tục được đẩy mạnh một cách năng động và hiệu quả, thu được những kết quả rất quan trọng, góp phần tích cực vào việc thực hiện tốt nhiệm vụ đối ngoại mà Đại hội IX đề ra là tiếp tục giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước, tích cực chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực, nâng cao vị thế quốc tế của đất nước.

Tiếp đà quan hệ đối ngoại từ những năm trước, trên cơ sở phát huy những lợi thế có được từ đường lối đối ngoại đúng đắn, sự ổn định chính trị - xã hội và phát triển kinh tế năng động của đất nước, chúng ta đã thúc đẩy và mở rộng mạnh mẽ quan hệ hữu nghị hợp tác nhiều mặt, cùng có lợi với các đối tác, tạo dựng khuôn khổ hợp tác ổn định, lâu dài với nhiều nước, nhất là các nước láng giềng và các thành viên của ASEAN, các nước lớn và các đối tác quan trọng hàng đầu của Việt Nam. Chúng ta tích cực tìm kiếm các giải pháp cho những vấn đề tồn tại, đồng thời khôn khéo và linh hoạt xử lý kịp thời những vấn đề đối ngoại mới nảy sinh trên cơ sở vừa bảo đảm lợi ích của đất nước, vừa kiên định các nguyên tắc đối ngoại và hạn chế những tác động tiêu cực từ bên ngoài.

Quan hệ hữu nghị và hợp tác với Trung Quốc tiếp tục được thúc đẩy theo phương châm: "Láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai" và "Đồng chí tốt, Láng giềng tốt, Bạn bè tốt, Đối tác tốt". Hai nước đã ký tắt và chuẩn bị ký chính thức Nghị định thư bổ sung Hiệp định hợp tác nghề cá để đưa Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ và Hiệp định hợp tác nghề cá vào thực hiện, đẩy nhanh quá trình phân giới, cắm mốc trên bộ, đồng thời thúc đẩy hợp tác kinh tế theo các

thỏa thuận đạt được trong chuyến thăm Trung Quốc của Phó Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng hồi tháng 10-2003.

Quan hệ với Lào và Cam-pu-chia tiếp tục được củng cố và đi vào chiều sâu trên tất cả các lĩnh vực; hợp tác giữa các bộ, ngành, địa phương giữa hai nước ngày càng hiệu quả. Những kết quả của kỳ họp thứ 6 Ủy ban Hỗn hợp Việt Nam - Cam-pu-chia diễn ra ở Thành phố Hồ Chí Minh vào tháng 2-2004 đã góp phần thắt chặt hơn nữa quan hệ hợp tác nhiều mặt, sự tin cậy và giúp đỡ lẫn nhau giữa hai nước.

Quan hệ của Việt Nam với các nước ASEAN tiếp tục phát triển và ngày càng đi vào thực chất. *Khuôn khổ hợp tác hữu nghị và toàn diện bước vào thế kỷ XXI* giữa Việt Nam và In-đô-nê-xi-a được ký kết nhân dịp Tổng thống Mê-ga-oát-ti sang thăm Việt Nam, *Khuôn khổ hợp tác Việt Nam - Thái Lan trong thập kỷ đầu thế kỷ XXI* được ký nhân phiên họp nội các chung đầu tiên giữa hai nước (tháng 2-2004) và *Khuôn khổ hợp tác toàn diện Việt Nam - Xin-ga-po trong thế kỷ XXI* được ký nhân dịp Thủ tướng Phan Văn Khải thăm và làm việc tại Xin-ga-po (tháng 3-2004), đã định hướng, tạo cơ sở pháp lý cần thiết, nâng tầm quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa nước ta với các đối tác quan trọng này theo hướng hợp tác toàn diện hơn, hiệu quả thiết thực hơn và tin cậy lẫn nhau hơn. Cùng với những khuôn khổ quan hệ lâu dài đó, "Hiệp định phân định thềm lục địa" giữa Việt Nam và In-đô-nê-xi-a, chuyến thăm Việt Nam của Thủ tướng Ma-lai-xi-a Ba-đa-uy, những kết quả quan trọng khác đạt được trong phiên họp nội các chung đầu tiên giữa Việt Nam và Thái Lan và chuyến thăm làm việc của Thủ tướng Phan Văn Khải tại Xin-ga-po đã mở ra thời kỳ mới với nhiều khả năng và triển vọng mới cho quan hệ hợp tác song phương và đa phương, tập trung trước hết vào tăng cường hợp tác kinh tế. Việt Nam và Xin-ga-po đã ký Tuyên bố chung về nghiên cứu và thúc đẩy ý tưởng kết nối hai nền kinh tế trên những lĩnh vực mà hai bên có thế mạnh, thỏa thuận mở rộng hợp tác giữa Việt Nam với Xin-ga-po và một nước thứ ba là Nhật Bản hoặc một đối tác khác. Việt Nam và Thái Lan đã ký kết 10 văn kiện hợp tác, trong đó có Tuyên bố chung và thỏa thuận nhiều biện pháp hợp tác cụ thể trong các lĩnh vực kinh tế, an ninh - chính trị và văn hóa - xã hội.

Quan hệ với Mỹ cũng có những bước phát triển mới trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt trong hợp tác kinh tế, thương mại. Kim ngạch buôn bán giữa hai nước năm 2003 đạt gần 6 tỉ USD. Việt Nam tiếp tục thúc đẩy thực hiện Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ, thực hiện nhiều biện pháp đấu tranh trong vụ kiện cá tra, cá ba-sa và gần đây hơn là vụ kiện tôm và việc phía Mỹ áp đặt mức thuế chống phá giá bất hợp lý đối với các mặt hàng này.

Quan hệ với Nhật Bản tiếp tục được thúc đẩy. Hai nước đang triển khai khuôn khổ quan hệ *"đối tác tin cậy, ổn định lâu dài"*, tiến hành trao đổi nhiều đoàn cấp cao thúc đẩy quan hệ chính trị, kinh tế, an ninh, quốc phòng và có nhiều hoạt động kỷ niệm 30 năm thiết lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước.

Chuyến thăm của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh sang Đức, Cu-ba, Bỉ và EU trong nửa đầu tháng 3-2004, và việc chúng ta đón các đoàn: Vua và Hoàng Hậu Thụy Điển, Phó Thủ tướng Liên bang Nga, Chủ tịch Quốc hội Hung-ga-ry, Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Ngoại giao Lúc-xăm-bua, Bộ trưởng đặc trách về Gia đình và Trẻ em của Pháp... sang thăm đã đóng góp tích cực vào việc củng cố và phát triển mối quan hệ của ta với các nước thuộc EU, và với các nước bạn bè truyền thống thuộc Liên Xô trước đây và Đông Âu, đặc biệt là với Cu-ba.

Quan hệ với các nước, các khu vực khác, nhất là châu Phi cũng được triển khai nhằm


Digitized by Google

tăng cường quan hệ hợp tác, mở ra thị trường mới, tranh thủ tối đa các nguồn lực từ bên ngoài.

Hoạt động đối ngoại phục vụ phát triển kinh tế tiếp tục được coi trọng, đẩy mạnh và đang có những chuyển biến rất đáng khích lệ cả trong nhận thức cũng như hành động và hoàn thiện cơ sở pháp lý, đóng góp ngày càng hiệu quả vào sự phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Các nội dung kinh tế được tập trung, ưu tiên trong các hoạt động chính trị đối ngoại ở tất cả các cấp, trong việc tham gia cũng như tổ chức các hội nghị quốc tế. Các cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài đã có nhiều hoạt động tham gia tìm kiếm thị trường, xúc tiến thương mại, đầu tư. Đặc biệt với việc Chính phủ ban hành Nghị định 08 về hoạt động của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài phục vụ phát triển kinh tế đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác ngoại giao phục vụ phát triển kinh tế có bước chuyển mạnh. Công tác ngoại vụ địa phương cũng được coi trọng thông qua việc tổ chức thành công Hội nghị Ngoại vụ toàn quốc lần thứ 13 vào đầu tháng 2-2004 nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác ngoại giao phục vụ phát triển kinh tế ở phạm vi địa phương cũng như cả nước.

Trong các hoạt động ngoại giao nhà nước, chúng ta luôn quan tâm thúc đẩy và tranh thủ tìm kiếm cơ hội mở rộng thị trường xuất khẩu hàng hóa và lao động, thu hút đầu tư, quảng bá du lịch, tranh thủ viện trợ ODA. Việt Nam đã có nhiều cố gắng duy trì và phát triển quan hệ kinh tế thương mại với các nước, đặc biệt là các đối tác lớn, như Trung Quốc, Nhật Bản, Mỹ và EU. Thời gian qua, chúng ta đã đăng cai tổ chức thành công nhiều hội thảo quốc tế lớn, ký kết nhiều hiệp định hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư và văn hóa với một số nước và các tổ chức quốc tế.

Nét mới của hoạt động đối ngoại phục vụ phát triển kinh tế thể hiện ở sự nỗ lực phối hợp của nhiều bộ, ngành liên quan để xử lý các tranh chấp thương mại với các nước và đã thu được một số kết quả nhất định, như trong vụ kiện về đế giày không thấm nước với Ca-na-đa, vụ kiện về bật lửa ga với Hàn Quốc. Tuy nhiên, đây còn là lĩnh vực rất mới mẻ, đặt ra nhu cầu cần tiếp tục nghiên cứu, tìm hiểu sâu về luật lệ và cách thức làm ăn với các nước để có cách tiếp cận mới và những biện pháp thích hợp trong việc xử lý những vấn đề tương tự trong thời gian tới.

Tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế và hoạt động ngoại giao đa phương, tuyên truyền văn hóa đối ngoại tiếp tục được đẩy mạnh. Chúng ta đã tham gia sâu rộng và hiệu quả hơn vào Khu vực Mậu dịch tự do ASEAN (AFTA), chủ động tham gia tích cực các hoạt động trong ASEAN, đóng góp quan trọng vào việc tăng cường đoàn kết nội bộ, phối hợp lập trường ASEAN trước những tác động tiêu cực bên trong và bên ngoài khu vực, giữ vững các nguyên tắc của Hiệp hội và xây dựng các định hướng phát triển toàn diện lâu dài của ASEAN. Những đóng góp của Việt Nam được các nước ASEAN, các nước trong và ngoài khu vực đánh giá cao. Kết quả của Hội nghị không chính thức Bộ trưởng Ngoại giao các nước ASEAN ở Hạ Long (Quảng Ninh) đầu tháng 3-2004, là một ví dụ tiêu biểu.

Ở phạm vi rộng lớn hơn, chúng ta đã tham gia tích cực và đóng góp sáng kiến cụ thể trong Hội nghị Cấp cao Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương lần thứ 11 (APEC), góp phần cùng nhiều thành viên khác giữ định hướng phát triển của Diễn đàn này. Chúng ta đã hoàn thành tốt chức trách điều phối viên trong Diễn đàn Hợp tác Á - Âu (ASEM) và đang tích cực chuẩn bị cho việc tổ chức Hội nghị cấp cao ASEM-V tại Hà Nội vào tháng 10-2004. Chúng ta cũng đã hoàn tất đàm phán vòng 7, tích cực chuẩn bị cho đàm phán song phương

và đàm phán vòng 8 gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Việc lần đầu tiên đăng cai và tổ chức thành công SEA Games 22 và ASEAN Para Games 2 cũng góp phần tích cực nâng cao hình ảnh và vị thế của Việt Nam ở khu vực.

Điểm nổi bật trong tiến trình hội nhập khu vực và quốc tế của Việt Nam là sự phát triển và đóng góp ngày càng hiệu quả của các hoạt động ngoại giao nghị viện, hoạt động đối ngoại trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, hoạt động ngoại giao nhân dân cũng như sự phối hợp hài hòa giữa các loại hình ngoại giao này. Trong năm 2003, các hoạt động đối ngoại phong phú đã góp phần tích cực vào việc triển khai đường lối đối ngoại của Đảng và đã có những đóng góp quan trọng vào việc tăng cường hiểu biết và tin cậy lẫn nhau giữa Việt Nam với các đối tác và bạn bè trên thế giới.

Công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài tiếp tục được coi trọng và có nhiều đổi mới với những biện pháp và chính sách quan trọng nhằm giúp cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài ổn định, vững mạnh; khuyến khích, động viên và tạo điều kiện thuận lợi cho người Việt Nam ở nước ngoài tham gia đóng góp ngày càng nhiều hơn vào công cuộc xây dựng đất nước dưới nhiều hình thức phong phú. Theo tinh thần đó, Hội Liên lạc với người Việt Nam ở nước ngoài và Quỹ Hỗ trợ cộng đồng người Việt Nam đã được thành lập và tiếp tục hoàn thiện chính sách đối với cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. Ngày càng nhiều kiều bào ta về thăm quê hương và góp phần mình vào xây dựng, phát triển quê hương, duy trì các mối quan hệ tình cảm với quê hương, góp phần thúc đẩy quan hệ hợp tác và tình hữu nghị giữa đất nước với nước sở tại. Hằng năm có khoảng trên 350 000 lượt kiều bào về thăm đất nước. Đến nay, người Việt Nam ở nước ngoài đã đầu tư về nước 869 dự án với tổng vốn khoảng 440 triệu USD và 1000 tỉ VND, đồng thời nhiều kiều bào là trí thức, các nhà khoa học cũng đã về nước sinh sống và làm việc.

Những thành tựu đối ngoại năm 2003 và những tháng đầu năm 2004 có ý nghĩa quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đó là thành quả đáng tự hào của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta, là sự khẳng định tính đúng đắn của đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta, khẳng định chúng ta có đủ khả năng vượt qua được mọi khó khăn và thử thách trên lĩnh vực đối ngoại để đóng góp đắc lực vào việc thực hiện mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Song, thách thức đối với ngành đối ngoại cũng rất lớn. Nhiệm vụ đối ngoại trong giai đoạn hiện nay và những năm tới còn rất nặng nề. Đòi hỏi ngành đối ngoại phải nỗ lực vượt bậc và cần có sự phối hợp hài hòa và hiệu quả giữa tất cả các ngành và các tỉnh, thành trong cả nước. Hoạt động đối ngoại có khả năng và có nhiệm vụ phải đóng góp nhiều hơn và hiệu quả thiết thực hơn vào sự nghiệp cách mạng chung của Đảng và dân tộc ta.

Tình hình chính trị, an ninh và kinh tế thế giới trong năm 2004 sẽ tiếp tục diễn biến phức tạp. Trong khi đó, nhiệm vụ đặt ra cho toàn Đảng, toàn dân ta rất nặng nề. Đó là phải nỗ lực rất lớn để hoàn thành các mục tiêu do Hội nghị Trung ương lần thứ chín, khóa IX, đề ra cho những năm còn lại của nhiệm kỳ Đại hội IX của Đảng. Hoạt động đối ngoại của chúng ta năm 2004 phải được triển khai mạnh mẽ trên cơ sở nắm vững và vận dụng nhuần nhuyễn tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh, tinh thần Nghị quyết Trung ương 8 và phát huy tối đa những thành tựu đã đạt được trong năm qua nhằm tạo ra môi trường quốc tế thuận lợi nhất cho sự nghiệp phát triển của đất nước; đồng thời, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập, dân chủ và tiến bộ xã hội.❑


Digitized by Google

# HỒ CHÍ MINH - NHÀ VĂN HÓA KIỆT XUẤT

ĐÀO HẢI TRIỀU *

CHỦ tịch Hồ Chí Minh - người sáng lập, giáo dục và rèn luyện Đảng ta, vị lãnh tụ thiên tài của dân tộc Việt Nam, người chiến sĩ cách mạng, anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa lớn, kiệt xuất của thế giới - đã để lại cho hậu thế di sản tư tưởng hết sức to lớn và quý báu, gồm nhiều lĩnh vực, rất rộng lớn và phong phú. Thân thế, sự nghiệp, tư tưởng, tác phong của Hồ Chí Minh mãi mãi là tấm gương sáng tuyệt vời để chúng ta hôm nay và mai sau học tập noi theo.

Tại khóa họp lần thứ 24 (từ ngày 20-10 đến ngày 20-11-1987), Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO) đã ra Nghị quyết kỷ niệm lần thứ 100 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nghị quyết khẳng định: Năm 1990 sẽ được đánh dấu bằng lễ kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị anh hùng giải phóng dân tộc của Việt Nam và là một nhà văn hóa kiệt xuất". Đó là sự ghi nhận, đánh giá khái quát cao toàn bộ công lao của Người đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc; ghi nhận sự hòa quyện giữa "Anh hùng giải phóng dân tộc" và "Nhà văn hóa kiệt xuất" ở Hồ Chí Minh. Đây cũng là sự hiếm có trên thế giới, khi một con người được UNESCO đồng thời công nhận cả hai danh hiệu.

Hơn 74 năm cách mạng, tư tưởng của Người luôn soi đường thắng lợi cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta. Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định, cùng với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam. Đại hội IX của Đảng một lần nữa nhấn mạnh: *"Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh"* (1).

Trong di sản tư tưởng vĩ đại của Hồ Chí Minh, dòng tư tưởng về văn hóa của Người có giá trị hết sức to lớn. Đó là sự tổng hợp các tinh hoa văn hóa cổ kim, Đông - Tây, trên nền tảng chủ nghĩa nhân văn Việt Nam hình thành trong các phong trào lớn của thế kỷ XX: Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, tiêu biểu cho các giá trị Việt Nam gia nhập vào các giá trị chung của

* ThS, Giám đốc Bảo tàng Hậu cần, Tổng cục Hậu cần, Quân đội nhân dân Việt Nam

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 20

khu vực và cả loài người tiến bộ. Người thực sự tiêu biểu cho khát vọng dân tộc, khẳng định bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam, nhà kiến trúc sư của công cuộc cải cách văn hóa Việt Nam, góp phần xác lập thời đại mới - thời đại Hồ Chí Minh trong tiến trình lịch sử dân tộc Việt Nam. Chính Người đã làm rạng rỡ non sông đất nước ta và nền văn hóa của chúng ta.

Trước hết, Người khẳng định: "Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn" (2). Theo Người, văn hóa là mục đích cuộc sống, giúp con người tồn tại và phát triển. Điều đó có nghĩa là văn hóa bao gồm những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra; nó gắn liền với con người và mang tính xã hội cao.

Con đường cách mạng vô sản do Hồ Chí Minh tìm ra cho dân tộc Việt Nam là con đường chứa đựng chiều sâu văn hóa; đồng thời, cũng báo hiệu một cuộc cách mạng trong nền văn hóa nước nhà. Bằng những phẩm chất và trí tuệ tuyệt vời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trực tiếp lãnh đạo sự nghiệp xây dựng nền văn hóa nước ta theo tư tưởng, phương châm và nguyên tắc, mà những tố chất đó thể hiện tập trung và sớm nhất trong bản *Đề cương văn hóa Việt Nam* (năm 1943) của Đảng ta là "dân tộc, khoa học, đại chúng". Chủ trương đó của Đảng không chỉ nhằm đấu tranh chống chính sách phản dân tộc, chính sách ngu dân của thực dân Pháp mà còn đưa ra quan niệm mới về văn hóa; đồng thời, chỉ ra phương hướng để xây dựng một nền văn hóa mới trên đất nước ta. Văn hóa phải cắm rễ sâu vào đời sống dân tộc, hút nhựa sống từ các giá trị và phẩm chất truyền thống của dân tộc, phải được xây dựng trên cơ sở khoa học và tiến lên không ngừng.

Hồ Chí Minh quan tâm xây dựng văn hóa ngay trong khi đang tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ, kết hợp nhuần nhuyễn hai nhiệm vụ, thể hiện qua chủ trương "Kháng chiến hóa văn hóa và văn hóa hóa kháng chiến". Người đưa ra khái niệm văn hóa với nội hàm rộng, nội dung khá toàn diện và đặc sắc trước khi UNESCO ra đời. Những quan niệm sâu sắc của Người về văn hóa và những đóng góp trên cho thấy, Hồ Chí Minh là một danh nhân văn hóa đặc biệt. Người đã góp phần làm phong phú nhận thức, mở rộng tầm nhìn của loài người về văn hóa. Chính vì lẽ đó, dân tộc ta dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh, đã đánh thắng thực dân Pháp; vừa xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, vừa chiến đấu chống xâm lược ở miền Nam, tiến tới thống nhất đất nước, đi lên chủ nghĩa xã hội. Việt Nam trở thành lương tâm, phẩm giá của nhân loại; là niềm tin yêu hy vọng của nhân loại ở thế kỷ XX.

Nhân tố cơ bản và hành trang xuyên suốt trong cuộc đời nhà văn hóa kiệt xuất Hồ Chí Minh là Người đi từ xuất phát điểm nền văn hóa truyền thống của dân tộc, đi tìm đường cứu nước, tiếp thu các tinh hoa văn hóa của các nền văn hóa thế giới, làm nên nền văn hóa Việt Nam hiện đại, đậm đà bản sắc dân tộc với một chất mới, với tầm cao mới. Sinh ra và lớn lên ở vùng quê "địa linh nhân kiệt", khi trưởng thành đi nhiều nơi trên đất nước, Hồ Chí Minh đã được vun đắp, bồi dưỡng một nền văn hóa Việt Nam với hàng nghìn năm trầm tích và phát triển; tiếp xúc và hấp thụ những giá trị tiến bộ của văn hóa nhân loại. Khi bôn ba ở nước ngoài, Hồ Chí Minh

(2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t 3, tr 431


Digitized by Google

sống với giai cấp cần lao, gần gũi họ và với lòng nung nấu từ quê nhà khi gặp chủ nghĩa Mác thì tư tưởng của Người về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp cần lao đã đạt độ chín muồi. Điều cần nhấn mạnh là, ở bất cứ thời khắc nào, khi Người còn là người quét tuyết ở Anh hay là vị Chủ tịch nước Việt Nam mới, từ nếp ăn ở, lời nói, cách ứng xử của Hồ Chí Minh luôn toát lên bản chất Việt Nam, thể hiện khí phách Việt Nam. Có thể nói, tất cả ai tiếp xúc với Người, từ Bắc vào Nam, từ miền xuôi đến miền ngược đều cảm thấy Người rất gần gũi, thân thiết. Không những thế, tất cả những người nước ngoài khi tiếp xúc với Người cũng đều thấy một cái gì đó vừa rất Việt Nam, lại rất đỗi tiên tiến, hiện đại. Tất cả họ đều có một tình cảm như nhau, đó là sự yêu mến, kính trọng và thán phục. Và ngay những người được coi là kẻ thù của dân tộc, của nhân dân Việt Nam cũng như vậy. Nhà báo Liên Xô Ô-xíp Man-đen-xtam nhận xét: Từ Nguyễn Ái Quốc đã tỏa ra một thứ văn hóa, không phải văn hóa châu Âu, mà có lẽ là một nền văn hóa tương lai... Qua phong thái thanh cao, trong giọng nói trầm ấm của Nguyễn Ái Quốc, chúng ta như nghe thấy ngày mai, như thấy sự yên tĩnh mênh mông của tình hữu ái toàn thế giới.

Điều cần khẳng định rằng, văn hóa Hồ Chí Minh không phải từ trên trời rơi xuống. Nó có cội nguồn từ văn hóa Việt Nam, là sự tiếp thu, kế thừa tinh hoa văn hóa nhân loại và phát triển thành một nền văn hóa mới, tiến bộ nhất, nhân đạo nhất so với mọi thời đại từ trước đến nay. Đó chính là văn hóa vô sản hay nền văn hóa cộng sản như V.I. Lê-nin nói. Điều này một lần nữa khẳng định, chủ nghĩa xã hội đích thực do Hồ Chí Minh, Đảng ta và nhân dân ta lựa chọn là đúng đắn, là con đường hướng tới tương lai sáng ngời; rằng văn hóa vô sản, văn hóa xã hội chủ nghĩa đích thực là một dòng văn hóa tiên tiến nhất, nhân bản nhất và là đỉnh cao văn hóa của nhân loại.

Trên bình diện thực tiễn, Hồ Chí Minh là nhà văn hóa kiệt xuất của nhân loại với tư cách là chủ thể sáng tạo.

Ngay từ lúc ra đi tìm đường cứu nước đến khi trở thành vị Chủ tịch nước đầu tiên của nhân dân Việt Nam, Hồ Chí Minh luôn luôn coi văn hóa vừa là mục đích, vừa là phương tiện của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước. Dựa trên nền tảng văn hóa ngàn năm của dân tộc, Người đã cùng Đảng ta lãnh đạo cuộc đấu tranh giành lại độc lập tự do cho dân tộc. Trong cuộc đấu tranh đó, đối đầu với kẻ thù tàn bạo, nhạm hiểm và tráo trở nhất nhân loại, Hồ Chí Minh vẫn luôn đề cao nhân tố văn hóa. Người lồng văn hóa vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, xem văn hóa như vũ khí sắc bén có sức mạnh hơn nhiều quân đoàn hùng mạnh. Người không bỏ lỡ bất cứ cơ hội nào có thể để đề cao tính nhân văn trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam. Khi tuyên truyền, Người cũng luôn đánh thức những giá trị nhân văn mà các dân tộc trên thế giới đạt được. Bản *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa do Người khởi thảo, cũng dẫn những tư tưởng đề cao quyền cao quý của con người, được nêu lên trong *Tuyên ngôn Độc lập* của Mỹ năm 1776 và *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của cách mạng tư sản Pháp năm 1789. Sau khi hòa bình lập lại, trong bối cảnh miền Bắc tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiếp tục cuộc đấu tranh giải phóng nhằm thống nhất đất nước, Người vẫn cùng với Đảng ta lãnh đạo nhân dân phấn đấu đạt những giá trị văn hóa mới ngày càng cao. Trong sự nghiệp đó, Hồ Chí Minh luôn có một tầm nhìn thời đại và có những đóng góp


Digitized by Google

sáng tạo. Người đã cổ vũ phong trào xây dựng những tấm gương người tốt việc tốt, trong mọi lứa tuổi và ở mọi giới. Những tập sách *Người tốt việc tốt* đã truyền thêm sức sống cho phong trào thi đua vì đất nước. Người không những là nhà tư tưởng, nhà chính trị, nhà quân sự lỗi lạc mà còn là nhà thơ, nhà văn, nhà báo, nhà giáo dục, nhà chính luận, người tuyên truyền, cây bút tiểu phẩm vĩ đại...

Từ khi thành lập Đảng đến lúc tạo dựng một nước Việt Nam mới, những tư tưởng của Người được hiện thực hóa thành một thời đại mới - thời đại Hồ Chí Minh trên đất nước Việt Nam. Và dân tộc Việt Nam, dưới sự dẫn dắt của Người, đã cống hiến cho nhân loại những tiến bộ về văn hóa vô cùng lớn lao cả về lý luận và kinh nghiệm hoạt động thực tiễn trên con đường hòa bình và tiến bộ: Đánh thắng những đế quốc lớn hung bạo nhất, xây dựng một cuộc sống mới tốt đẹp, giúp đỡ bạn bè, góp phần vào phong trào hòa bình, tiến bộ của khu vực và toàn thế giới... Hồ Chí Minh đã để lại cho dân tộc Việt Nam, cho nhân loại một mẫu hình văn hóa tuyệt vời về lý tưởng sống, hành động, phong cách, đặc biệt là tư tưởng của Người với tư cách là hệ thống lý luận cách mạng và hành động cụ thể về đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và tiến bộ nhân loại.

Thân thế và sự nghiệp của Người đã hiến dâng trọn vẹn cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng thế giới khỏi sự áp bức, bóc lột, xây dựng một cuộc sống vật chất, tinh thần nhân đạo và tiến bộ.

Ở nhà văn hóa kiệt xuất Hồ Chí Minh nổi bật lên khả năng tự học hỏi, tinh thần cầu tiến trong tìm hiểu cái mới, cái hay để cứu nước, giúp dân. Người coi con đường tự học, vừa làm vừa học, vừa hoạt động cách mạng vừa học là con đường chủ yếu để nâng cao kiến thức, để rèn luyện mình. Người khiêm tốn chỉ nhận có *Bản án chế độ thực dân Pháp* là đáng kể trong các sách báo do mình viết. Người nói: Tôi không có hạnh phúc được theo học ở trường đại học. Nhưng cuộc sống đã cho tôi học lịch sử, khoa học xã hội và ngay cả khoa học quân sự. Sau này, Người vẫn luôn nhấn mạnh đến việc học tập trong thực tiễn công tác cách mạng, học ở quần chúng nhân dân, học anh em đồng chí, học gương các bậc tiên liệt... Điều này đối với chúng ta thật vô cùng thấm thía.

Ở một khía cạnh khác, chúng ta còn thấy, với tư cách là một khách thể trong sáng tạo văn hóa, Hồ Chí Minh là một tấm gương sáng ngời. Hình ảnh, đạo đức, phong cách, tư tưởng Hồ Chí Minh luôn là đề tài vô tận cho các nhà nghiên cứu sáng tạo lý luận, cho các văn nghệ sĩ, cho đại đa số nhân dân lao động noi gương học tập và sáng tác... Đặc biệt, khi Người ra đi, vai trò khách thể văn hóa của Người lại càng rực rỡ, phát triển. Một công trình vô cùng to lớn về văn hóa vật thể và phi vật thể chung quanh Người đang từng ngày, từng giờ phát triển không ngừng cho hôm nay và mai sau. Đặc biệt là, hệ thống nhà lưu niệm, tưởng niệm về Người ở nhiều nơi trong cả nước và hệ thống "Phòng Hồ Chí Minh" trong lực lượng vũ trang có sức cảm hóa lớn lao đối với nhân dân, cán bộ, chiến sĩ, nhất là thế hệ trẻ trong việc gìn giữ, phát triển văn hóa Hồ Chí Minh... Cả đất nước thi đua từng ngày từng giờ, mọi lúc mọi nơi nguyện "sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại".

Mỗi người, mỗi ngành đều vang vọng lời dạy của Người và quyết tâm thực hiện lời dạy của Người. Đó chính là giá trị vật chất và tinh thần vô tận của văn hóa Hồ Chí Minh cho hôm nay và cho mãi mai sau.❑


Digitized by Google

# PHONG CÁCH DÂN VẬN HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THANH TUYỀN *

Từ ngày có Đảng lãnh đạo đến nay, nước ta đã đi qua chiều dài lịch sử hơn 70 năm và sự thành công của cách mạng qua các giai đoạn lịch sử luôn gắn liền với công tác dân vận của Đảng. Dân vận giỏi biểu hiện ở chỗ có quan điểm, đường lối đúng đắn và có phương pháp, phong cách dân vận thu phục được nhân tâm của quảng đại quần chúng nhân dân. Hồ Chí Minh chính là mẫu mực tiêu biểu cho hai tiêu chí đó. Người đã trực tiếp làm dân vận để đưa đường lối đó trở thành hiện thực. Phong cách dân vận của Người giản dị như chính cuộc sống của Người, gần gũi với dân, thành tâm với dân, nói đi đôi với làm, vì nhân dân phục vụ.

Có được phong cách dân vận đó, vì ở Hồ Chí Minh, tư tưởng xuyên suốt trong toàn bộ hoạt động của Người là phấn đấu cho quyền lợi của Tổ quốc và hạnh phúc của nhân dân. Người nói: "Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành"(1).

Trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh toàn tâm, toàn ý phấn đấu vì hạnh phúc của nhân dân. Để đạt được mục đích đó, Người đã kiên trì, bền bỉ "lái con thuyền cách mạng" Việt Nam vượt qua mọi thác ghềnh, nguy hiểm; Người tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với nhân dân, với cách mạng, với Đảng; Người là tấm gương sáng về lòng nhân ái đối với đồng chí của mình nhưng lại hết sức kiên định chống lại những người, những việc có hại đến lợi ích của Đảng, của nhân dân, sẵn sàng chịu khổ trước mọi người, hưởng hạnh phúc sau thiên hạ, không tham giàu sang, không ngại cực khổ, không sợ oai quyền.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, con người, nhất là người cộng sản giữ cương vị lãnh đạo phải có bốn đức: *Cần, kiệm, liêm, chính* và nhấn mạnh, thiếu một đức không thể thành người lãnh đạo. Hồ Chí Minh đã là tấm gương sáng chói trong việc thực hành bốn đức đó. Cuộc đời hoạt động cách mạng của Người là biểu hiện mẫu mực của việc thực hiện cần, kiệm, liêm, chính cho toàn Đảng, toàn dân noi theo. Trên góc độ của khoa học dân vận, đó chính là phong cách dân vận tuyệt vời nhất, "khéo" nhất. Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở, chỉ bảo, khuyên răn cán bộ, đảng viên, nhất là người có chức, có quyền phải thực hiện tốt cần, kiệm, liêm, chính. Nếu không thực hiện tốt bốn đức đó thì nhất định sẽ mắc phải chứng bệnh chủ nghĩa cá nhân, và như vậy không thể làm công tác dân vận được. Bởi vì, chủ nghĩa cá nhân "như là một thứ vi trùng rất độc, do đó sinh ra các thứ bệnh rất nguy hiểm". Đó là những bệnh như: tham lam, lười biếng, kiêu ngạo, hiếu danh, thiếu kỷ luật, hẹp hòi, địa phương chủ nghĩa, óc lãnh tụ...(2).

Sức mạnh của Đảng, của Nhà nước ta bắt nguồn từ phẩm chất, năng lực của cán bộ, đảng viên, ở sự gắn bó chặt chẽ giữa Đảng, Nhà nước

---

* TS, Ban Dân vận Trung ương

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t 4, tr 161

(2) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 5, tr 255



Digitized by Google

với nhân dân. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến hai nhân tố quan trọng này. Trong *Di chúc*, Người căn dặn: "Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân"(3).

Ngoài những tư tưởng, phẩm chất, đạo đức nói trên trong phong cách dân vận Hồ Chí Minh, chúng ta còn thấy sự gần gũi, chan hòa hiếm thấy của một vĩ nhân đối với tất cả các đối tượng xã hội. Tất cả những ai đã từng một lần được gặp Người đều có ấn tượng sâu sắc này. Thủ tướng Ấn Độ P.G. Nê-ru sau khi gặp Hồ Chí Minh đã nói: "...thật là một điều hân hạnh được gặp một con người vĩ đại và có sức hút mãnh liệt đối với chúng ta. Mặc dù trong thế giới ngày nay còn có khác biệt và xung đột, nhưng gặp Bác Hồ chúng ta thật sung sướng được thấy lòng tốt của con người... tình bạn, lòng nhân ái sẽ vượt qua tất cả..." (4).

Phẩm chất ấy là sự biểu hiện tầm cao trí tuệ và lòng nhân ái, nhân nghĩa cao cả của Người. Phẩm chất cao đẹp đó kết hợp với kinh nghiệm thực tiễn được đúc kết qua những năm tháng hoạt động cách mạng đã tạo ra phong cách dân vận Hồ Chí Minh. Phong cách đó, biểu hiện trước hết ở sự gần dân, hiểu dân, liên hệ mật thiết với dân, tạo ra sức mạnh tổng hợp để đưa cách mạng đến thắng lợi.

Người đến với dân, gần gũi dân với tình nhân ái bao la. Người từng nói: Mỗi ngày đồng bào còn chịu khổ là một ngày tôi ăn không ngon, ngủ không yên. Quan tâm đến đời sống của dân nên khi tiếp xúc với quần chúng, tác phong của Người rất giản dị. Với đôi dép cao-su, bộ quần áo ka-ki, nụ cười hiền hậu, tấm lòng rộng mở, Người nói chuyện với mọi người nơi bậc thềm ngôi nhà, trên cánh đồng hay bên cạnh những cỗ máy... Người thăm hỏi cặn kẽ về sức khỏe, về đời sống của từng người, căn dặn, chỉ bảo cụ thể, rõ ràng về từng việc cần làm.

Yêu dân, gần dân, Người yêu cầu cán bộ, đảng viên phải là "người đầy tớ thật trung thành của dân" và phê phán mạnh mẽ bệnh quan liêu. Theo Người, bệnh quan liêu là xa cách dân chúng, không liên hệ chặt chẽ với dân chúng. Những người mắc bệnh quan liêu không hiểu được rằng, lực lượng của dân chúng nhiều vô cùng, không rõ dân chúng biết cách giải quyết nhiều vấn đề một cách đơn giản, nhanh chóng, đầy đủ mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn nghĩ mãi không ra. Cũng vì vậy, làm bất cứ điều gì, to hoặc nhỏ, đáng lẽ phải xét rõ và làm cho hợp trình độ văn hóa, thói quen sinh hoạt, ý muốn, tình hình thiết thực của quần chúng thì những người quan liêu lại chỉ làm theo ý muốn chủ quan của mình rồi dùng mệnh lệnh, ép quần chúng làm theo. Họ thường dân chủ giả và quân phiệt thật đối với ai trái ý họ. Khi đề ra chính sách, lập chương trình kế hoạch thay cho việc xuất phát từ lợi ích quần chúng, thu thập kinh nghiệm, tập hợp ý kiến và trí tuệ của quần chúng nhân dân. Trái lại, người quan liêu thì cái gì cũng dùng mệnh lệnh, ép dân chúng làm theo, đóng cửa lại mà đặt kế hoạch, viết chương trình rồi đưa ra cột vào quần chúng, bắt quần chúng theo. Hồ Chí Minh cho rằng, cách làm việc như vậy sẽ không tránh khỏi thất bại vì quần chúng không tin cậy, không đồng tình, thậm chí còn oán giận. Để tránh được bệnh quan liêu, Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu cán bộ phải liên hệ thật mật thiết với quần chúng. Người chỉ dẫn:

1 - Phải quyết định mọi vấn đề một cách cho đúng, muốn thế, nhất định phải so sánh kinh nghiệm của dân chúng...

2 - Phải tổ chức sự thi hành cho đúng, mà muốn vậy, không có dân chúng giúp sức thì không xong.

3 - Phải tổ chức sự kiểm soát, mà muốn kiểm soát đúng thì cũng phải có quần chúng giúp mới được.

---

(3) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 12, tr 510

(4) *Hồ Chí Minh sống mãi với dân tộc Việt Nam và bầu bạn quốc tế*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội , 2001, tr 139


Digitized by Google

Rõ ràng là, ba khâu trong quy trình lãnh đạo của cán bộ đều phải từ quần chúng, vì quần chúng và nhất thiết phải có sự tham gia của quần chúng.

Phong cách gần dân trong công tác dân vận của Chủ tịch Hồ Chí Minh là như vậy. Hiện nay, không ít cán bộ lạm dụng quyền lực được nhân dân giao phó để ức hiếp quần chúng, sa ngã, lãng phí, quan liêu, tham nhũng, xa rời quần chúng. Thực trạng này đang làm cho mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân trở nên kém mật thiết, quan liêu hóa bộ máy của Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị. Hơn lúc nào hết, để sự nghiệp đổi mới tiếp tục thu được thắng lợi, giữ vững nhịp độ tăng trưởng của đất nước, vấn đề cấp bách đặt ra là cán bộ các cấp, các ngành phải học tập, thực hành phong cách dân vận Hồ Chí Minh.

Cùng với tác phong dân vận nói trên, *tính nhất quán giữa nói và làm, giữa tư tưởng và hành động* thực sự đã trở thành thói quen, nếp sống của Người. Ở Hồ Chí Minh, lời nói và việc làm luôn thống nhất làm một, gắn kết chặt chẽ với nhau. Trong tất cả các công việc, Người luôn dùng lý luận để soi rọi thực tiễn và lấy thực tiễn làm cơ sở để khái quát thành lý luận. Không viết dài, nói dài, sử dụng ngôn ngữ rất trong sáng, giản dị, cô đọng, hàm súc, dễ hiểu, dễ nhớ và rất gần gũi với dân chúng là những điều thường thấy trong những tác phẩm của Người.

Tác phong nói đi đôi với làm của Chủ tịch Hồ Chí Minh hàm chứa mối quan tâm đến con người bằng những việc làm và hành động cụ thể, thiết thực. Ngay sau Cách mạng Tháng Tám thành công, để diệt giặc đói, giúp đồng bào các vùng gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn, Người đã gương mẫu thực hiện phong trào *Hũ gạo cứu đói*. Cùng với việc phát động phong trào *Tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm*, bản thân Người là một tấm gương sáng về tăng gia sản xuất với một cuộc sống giản dị, phù hợp với hoàn cảnh khó khăn chung của cả nước. Trong suốt những năm tháng giữ cương vị đứng đầu Đảng và Nhà nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đi nhiều nơi, từ miền xuôi lên miền ngược, từ nhà máy đến nông trường, từ thành thị đến nông thôn... tiếp xúc với đủ giai tầng xã hội, các tôn giáo, dân tộc. Người tìm hiểu đời sống, sản xuất, sinh hoạt của nhân dân, phát hiện những điển hình tiên tiến làm lợi cho dân, cổ vũ toàn dân học tập, làm theo và kịp thời ngăn chặn những việc làm sai trái có hại cho dân.

Đối với đồng bào các dân tộc thiểu số, nơi có trình độ phát triển kinh tế - xã hội còn thấp, Người đã nêu ra hai yêu cầu: "một mặt là làm sao *mưu lợi ích cho đồng bào*. Một mặt nữa là làm sao *tránh được tệ hại cho đồng bào*" (5). Mưu lợi ích cho đồng bào, chính là hướng dẫn, giúp đỡ đồng bào tổ chức lại sản xuất, tổ chức lại cuộc sống, phát triển kinh tế, phát triển văn hóa, giáo dục, vệ sinh phòng bệnh, xóa bỏ mê tín dị đoan, những tập tục lạc hậu trong sản xuất, trong sinh hoạt. Người đặc biệt quan tâm và chỉ ra những biện pháp cụ thể và chăm sóc những người già yếu, cô đơn, tàn tật, thương binh, liệt sĩ và gia đình họ, coi đó là nghĩa vụ của nhân dân, trách nhiệm của Nhà nước. Bên cạnh việc quan tâm bồi dưỡng lực lượng cách mạng, Người cũng không quên nạn nhân của chế độ cũ, đề nghị các cấp, các ngành vừa giáo dục, vừa dùng pháp luật để cải tạo, giúp đỡ họ trở thành người lương thiện, có ích cho đất nước.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về tính thống nhất giữa nói và làm vì hạnh phúc của nhân dân có giá trị to lớn đối với công cuộc đổi mới đất nước hiện nay. Do tác động của chủ nghĩa cá nhân, một số cán bộ có chức, có quyền bị tha hóa đã đi ngược lại tư tưởng tốt đẹp đó. Họ nói một đằng, làm một nẻo. Họ rao giảng đạo đức nhưng bản thân họ hoặc phe cánh họ xà xẻo của dân, làm giàu bất chính, sống xa lạ với cuộc sống của nhân dân. Tất cả những việc làm đó đang gây không ít khó khăn cho công tác dân vận của Đảng, làm suy giảm lòng tin của nhân dân đối với chế độ.

Gương mẫu làm trước để cán bộ, đảng viên và nhân dân noi theo là một trong những nét đặc sắc

*(Xem tiếp trang 27)*

(5) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 11, tr 130

# CÔNG TÁC THAM MƯU TRONG CHIẾN CUỘC ĐÔNG-XUÂN 1953 - 1954 VÀ CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ

**PHÙNG QUANG THANH ***

CÁCH đây nửa thế kỷ, cùng toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, Bộ Tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã tiến hành thắng lợi chiến cuộc Đông - Xuân 1953 - 1954, mà đỉnh cao là trận quyết chiến chiến lược Điện Biên Phủ, kết thúc vẻ vang cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, đưa sự nghiệp cách mạng nước ta tiếp tục phát triển trên tầm cao mới.

Để góp phần vào thắng lợi vĩ đại ấy của dân tộc, Bộ Tổng tham mưu - cơ quan tham mưu quân sự chiến lược trọng yếu của Đảng - Nhà nước và Quân đội ta, trong những ngày tháng lịch sử đó, với tư tưởng chiến lược tiến công, đã quán triệt sâu sắc đường lối quân sự, chủ trương chiến lược trong chiến cuộc Đông - Xuân 1953 - 1954 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng, của Tổng Quân ủy (nay là Đảng ủy Quân sự Trung ương) và Bộ Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam. Bộ Tổng tham mưu đã vận dụng đúng đắn, sáng tạo phương châm, phương pháp tiến hành kháng chiến, kịp thời chỉ đạo các lực lượng vũ trang trên các chiến trường, giữ vững và đẩy mạnh thế tiến công địch cả về quân sự, chính trị, ngoại giao, tạo ra bước ngoặt quyết định, đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược đến thắng lợi.

Vào thời điểm đầu năm 1953, sau những thất bại nặng nề trên chiến trường Đông Dương, Chính phủ Pháp đã cử tướng Na-va sang thay tướng Sa-lăng làm Tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương. Na-va đã đề xuất kế hoạch, được Chính phủ Pháp cho là "sắc sảo" và "khả thi". Nội dung cơ bản của kế hoạch là ra sức xây dựng khối chủ lực cơ động mạnh, quyết chiến với chủ lực ta ở chiến trường Bắc Bộ; đồng thời, đẩy mạnh bắt lính, đôn quân và tăng cường quân viễn chinh từ Pháp sang để xây dựng lực lượng dự bị chiến lược mạnh, giành thắng lợi quyết định trên chiến trường Việt Nam và Đông Dương. Đến cuối năm 1953, bằng nhiều biện pháp, địch đã nâng quân số lên 480 nghìn tên (trong đó có 146 nghìn lính Âu Phi). Với khối chủ lực cơ động gần 100 tiểu đoàn bộ binh, 10 tiểu đoàn dù, địch chuẩn bị mở những cuộc hành quân quy mô lớn nhằm tiêu diệt chủ lực ta và ứng cứu những nơi bị uy hiếp, sẵn sàng đọ sức và đánh bại các cuộc tiến công của chủ lực ta.

Trước âm mưu và thủ đoạn mới hết sức thâm độc, xảo quyệt của địch, Bộ Chính trị Trung ương Đảng và Tổng Quân ủy đã họp bàn, dưới

---

* Thượng tướng, Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Thường vụ Đảng ủy Quân sự Trung ương, Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng


Digitized by Google

sự chủ trì của Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định mở nhiều hướng tiến công để phân tán khối chủ lực cơ động của địch, nhằm tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch và đẩy mạnh chiến tranh du kích ở vùng sau lưng địch. Bộ Chính trị và Tổng Quân ủy đề ra nguyên tắc chỉ đạo chiến lược và chỉ đạo tác chiến là giữ vững quyền chủ động, chọn nơi địch sơ hở, nơi địch tương đối yếu mà đánh; kiên quyết buộc địch phải phân tán, đánh chắc thắng, đánh tiêu diệt, vừa đánh địch, vừa bồi dưỡng lực lượng ta.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ Tổng Tư lệnh, trước khi bước vào chiến cuộc Đông - Xuân 1953 - 1954, Bộ Tổng tham mưu đã cùng các cơ quan Tổng cục Chính trị, Tổng cục Cung cấp tổ chức chỉ đạo các liên khu và các đơn vị mở đợt chỉnh quân chính trị, chỉnh huấn quân sự, chuẩn bị tốt mọi mặt về trang bị vật chất, chú trọng và nâng cao sức mạnh chiến đấu của bộ đội chủ lực. Khi chiến cuộc Đông - Xuân 1953 - 1954 diễn ra, trên cơ sở chủ động nắm bắt tình hình ở các chiến trường và nghiên cứu xây dựng kế hoạch tác chiến theo tư tưởng chỉ đạo của Tổng Quân ủy, Bộ Tổng tham mưu đã sử dụng một bộ phận bộ đội chủ lực mở các cuộc tiến công lên hướng Tây Bắc, Thượng Lào, Trung Lào, Hạ Lào, Bắc Tây Nguyên và Đông Bắc Cam-pu-chia, là những nơi lực lượng địch mỏng yếu, sơ hở nhưng lại là địa bàn chiến lược mà chúng không thể bỏ. Đồng thời, Bộ Tổng tham mưu cũng rất chú trọng chỉ đạo các lực lượng vũ trang nhân dân địa phương đẩy mạnh chiến tranh nhân dân ở vùng sau lưng địch từ Nam Bộ, Nam Trung Bộ, Bình - Trị - Thiên đến đồng bằng Bắc Bộ, đánh bại các cuộc hành quân càn quét chiếm đất giành dân của địch.

Sự chỉ đạo nhạy bén, linh hoạt và hiệu quả trong chiến cuộc Đông - Xuân 1953 - 1954 của Bộ Tổng tham mưu đã góp phần thực hiện thắng lợi tư tưởng chỉ đạo chiến lược của Bộ Chính trị, Tổng Quân ủy và Bộ Tổng tham mưu, làm đảo lộn kế hoạch Na-va, phá vỡ ý đồ tập trung lực lượng trên địa bàn trọng yếu của địch, buộc địch phải phân tán, bị động đối phó, không thể tập trung lực lượng để quyết chiến với chủ lực của ta ở chiến trường do chính chúng lựa chọn, tạo điều kiện thuận lợi cho quân và dân ta tập trung lực lượng mở chiến dịch Điện Biên Phủ. Hơn nữa, trong quá trình tiến hành chiến cuộc này, khi Bộ Chỉ huy Chiến dịch quyết định thay đổi phương châm tác chiến "đánh nhanh, thắng nhanh" sang "đánh chắc, tiến chắc", Bộ Tổng tham mưu đã kịp thời chỉ đạo các đơn vị chuyển hướng theo. Trong 56 ngày đêm của chiến dịch tiến công Điện Biên Phủ, Bộ Tổng tham mưu đã chủ động điều hành các đơn vị bộ binh và binh chủng vận dụng sáng tạo nhiều hình thức chiến thuật trong tiến công trận địa tiêu diệt tập đoàn cứ điểm mạnh nhất của địch, giải phóng Tây Bắc, giành thắng lợi hoàn toàn cho chiến cuộc Đông - Xuân 1953 - 1954, góp phần quyết định đánh bại kế hoạch Na-va, đập tan ý đồ xâm lược của thực dân Pháp.

Thắng lợi to lớn toàn diện của chiến cuộc Đông Xuân 1953 - 1954 mà đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ, đã để lại cho quân và dân ta nói chung, Bộ Tổng tham mưu nói riêng nhiều kinh nghiệm và bài học quý báu. Đó là, luôn luôn quán triệt nghiêm túc, vận dụng sáng tạo đường lối quân sự, quyết tâm chiến lược của Đảng, và Đảng ủy Quân sự Trung ương vào thực tiễn hoạt động của cơ quan tham mưu cấp chiến lược, nhằm giải quyết thành công các vấn đề trọng yếu đặt ra trong toàn bộ cuộc kháng chiến, cũng như ở từng giai đoạn cụ thể, nhất là cuối cuộc chiến tranh.

Thực tiễn 30 năm chiến tranh cách mạng (1945 - 1975) và trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của những thập niên 80, 90 của thế kỷ XX cho chúng ta thấy: Để hoàn thành chức năng nhiệm vụ chính trị của cơ quan tham mưu quân sự chiến lược, vấn đề đặt ra hàng đầu có ý nghĩa quyết định đối với Bộ Tổng tham mưu là phải luôn luôn quán triệt nghiêm túc đường lối chính trị, đường lối quân sự, đường lối kinh tế, ngoại giao, văn hóa, xã hội của Đảng và Nhà nước. Trên cơ sở quán triệt sâu sắc các chủ trương đường lối đó, Bộ Tổng tham mưu, đã chủ động đề xuất và chỉ đạo thực hiện thắng lợi các hoạt động tác chiến của lực lượng 3 thứ quân, góp phần hoàn thành các nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ quân sự mà Đảng ta đề ra.


Digitized by Google

*Đại tướng Võ Nguyên Giáp với Bộ Chỉ huy chiến dịch Điện Biên Phủ Ảnh: **TTXVN***

Ngày nay, tình hình thế giới, khu vực đang diễn biến nhanh chóng và hết sức phức tạp. Các thế lực thù địch bằng chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ, tìm mọi cách chống phá sự nghiệp cách mạng của Đảng và của nhân dân ta, nhằm xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, xóa bỏ thành quả xây dựng đất nước và bảo vệ hòa bình của nhân dân ta. Đất nước ta đang trong thời kỳ đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa rất cần môi trường hòa bình, ổn định, tạo điều kiện thuận lợi để hợp tác quốc tế phát triển kinh tế - xã hội. Vì thế, trong khi ra sức thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đảng ta xác định rõ nhiệm vụ trong Nghị quyết Trung ương 8, khóa IX, về quốc phòng và an ninh là: Phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, của cả hệ thống chính trị, từng bước tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh đất nước. Xây dựng vững chắc nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận ninh an nhân dân, nâng cao chất lượng các lực lượng vũ trang; bảo vệ vững chắc độc lập, an ninh, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, bảo vệ nhân dân, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa; ngăn ngừa và làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động gây mất ổn định chính trị, xã hội, xâm phạm độc lập chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ, gây tổn hại cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

Quán triệt nhiệm vụ chung về quốc phòng, an ninh trong thời kỳ mới của Đảng, vận dụng những kinh nghiệm quý báu đã tổng kết từ thực tiễn hoạt động quân sự, quốc phòng trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, cùng với những bài học về chỉ đạo chiến lược trong chiến cuộc Đông - Xuân 1953 - 1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ lịch sử, Bộ Tổng tham mưu đã chủ động nghiên cứu tổng kết, soạn thảo nhiều nội dung về chiến lược và sách lược, như xây dựng quy hoạch dài hạn bố trí quốc phòng kết hợp phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận chiến tranh nhân dân trên cả nước và từng địa phương; tổ chức phân chia chiến trường; xây dựng các khu vực phòng thủ, các căn cứ và hậu phương trên từng khu vực và toàn quốc; kế hoạch tổ chức xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại (bao gồm cả quân thường trực và quân dự bị); kế hoạch phòng thủ dân sự và kế hoạch chuyển đất nước từ thời bình sang thời chiến... Bộ Tổng tham mưu cũng đề xuất những nội dung cơ bản về tăng cường xây dựng công tác quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh nhằm không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả của công cuộc củng cố quốc phòng toàn dân, gắn với an ninh nhân dân, đáp ứng cả yêu cầu đấu tranh


Digitized by Google

thời bình và thời chiến, cả đối nội và đối ngoại, cả đấu tranh quân sự và đấu tranh phi quân sự. Thực tế đã chỉ rõ, có điều hành và quản lý tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, cụ thể hóa đường lối, chính sách quốc phòng của Đảng, Nhà nước vào cuộc sống của mọi ngành mọi cấp, mọi lĩnh vực hoạt động xã hội, thì chúng ta mới tập trung được tiềm lực chính trị, tinh thần, kinh tế, khoa học - kỹ thuật của đất nước, của từng địa phương để xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân có đủ sức mạnh, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu, thủ đoạn của địch.

Nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta. Củng cố, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, quân đội nhân dân ngày càng vững mạnh là để bảo vệ và củng cố hòa bình, ngăn ngừa, và đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, đánh bại mọi âm mưu và hành động phá hoại của các thế lực thù địch, giữ vững công cuộc xây dựng đất nước. Kiên định tư tưởng, quan điểm và phương châm chỉ đạo chiến tranh của Đảng ta trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc là tiến hành chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện; phát huy cao độ tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường, dựa vào sức mình là chính; đồng thời, tích cực tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của nhân dân yêu chuộng hòa bình và công lý trên thế giới; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để phục vụ sự nghiệp đấu tranh tự vệ chính nghĩa bảo vệ Đảng, bảo vệ chủ nghĩa xã hội, bảo vệ nhân dân, bảo vệ độc lập chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ của đất nước. Kế thừa và phát huy bài học kinh nghiệm chỉ đạo chiến cuộc Đông - Xuân 1953 - 1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ, Bộ Tổng tham mưu quyết tâm vận dụng sáng tạo các hình thức tác chiến (chiến lược, chiến dịch, chiến thuật) trong điều kiện chiến tranh hiện đại, góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Công cuộc bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta diễn ra trong thế mới, lực mới của một đất nước thống nhất, đang trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Vì thế, không những sẽ tạo ra những tiền đề mới cả về vật chất - kỹ thuật và chính trị - tinh thần cho sự nghiệp củng cố quốc phòng, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, Quân đội nhân dân, cho sự phát triển khoa học và nghệ thuật quân sự Việt Nam trong thời kỳ mới, mà còn tạo ra điều kiện thuận lợi cho phát triển công nghiệp quốc phòng, nâng cao chất lượng các loại vũ khí, trang bị kỹ thuật, hiện đại hóa cho các quân, binh chủng, các lực lượng nòng cốt để đảm bảo đánh chắc thắng các loại hình chiến tranh sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch.

Tuy nhiên, trong điều kiện của đất nước ta hiện nay, so sánh về lực lượng tác chiến, ta vẫn còn những hạn chế về số lượng và chất lượng của vũ khí trang bị kỹ thuật và phương tiện chiến tranh hiện đại có trình độ khoa học công nghệ cao. Vì vậy, tư tưởng của nghệ thuật quân sự Việt Nam "lấy nhỏ đánh lớn", "lấy ít địch nhiều" "lấy bất biến ứng vạn biến"... phải được quán triệt trong mọi hoạt động xây dựng lực lượng, rèn luyện, huấn luyện bộ đội. Tư tưởng "lấy nhỏ đánh lớn", "lấy ít địch nhiều" đòi hỏi phải gắn liền với yêu cầu tập trung lực lượng hợp lý; vận dụng sáng tạo và kết hợp linh hoạt các hình thức tác chiến lấy đánh lâu dài với cách đánh rộng khắp, đánh nhỏ, đánh vừa để tiêu hao, sát thương sinh lực của địch, buộc địch phải phân tán đối phó; đồng thời, không ngừng nâng cao trình độ và quy mô tác chiến tập trung hiệp đồng quân, binh chủng để đánh tiêu diệt lớn địch trong các chiến dịch, chiến dịch - chiến lược. Quá trình tiến hành chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, phải vận dụng và kết hợp sáng tạo sức mạnh tổng hợp của các đòn tiến công quân sự, chính trị, ngoại giao; kết hợp sức mạnh của chiến tranh nhân dân địa phương với sức mạnh chiến tranh bằng các binh đoàn chủ lực; kết hợp lực lượng tại chỗ với lực lượng cơ động; kết hợp khu vực phòng thủ vững chắc với các binh đoàn chủ lực cơ động mạnh, bảo đảm đánh được địch trên mọi địa hình, thời tiết, ở mọi không gian và thời gian khác nhau.

Trong tác chiến chiến lược, luôn quán triệt tư tưởng tiến công, phải đánh giá đúng tương quan lực lượng địch - ta cả trong quá trình phát triển của chiến tranh; phải chủ động chọn hướng tiến công chiến lược chính xác, sáng tạo, chọn lựa chiến trường chính, mục tiêu chủ yếu, nhất là mục tiêu tiến công đầu tiên và trận đánh then chốt quyết định. Trên cơ sở thế trận vững chắc,

hiểm hóc liên hoàn đã được chuẩn bị từ trong thời bình, phải chọn được phương pháp tác chiến chiến lược phù hợp, sáng tạo và linh hoạt; phải bảo đảm tập trung được ưu thế sức mạnh trên hướng chiến lược chính cho trận mở đầu và các trận then chốt quyết định. Chỉ huy kiên quyết, sáng tạo, tổ chức hiệp đồng chặt chẽ giữa các cấp, các lực lượng và các hướng. Luôn luôn duy trì được quyền chủ động trên chiến trường, giữ bí mật bất ngờ, tạo và nắm bắt thời cơ nhanh, liên tục tiến công tiêu diệt được nhiều sinh lực và phá hủy được nhiều phương tiện chiến tranh của địch; giữ vững mục tiêu chiến lược quan trọng. Nắm chắc lực lượng dự bị chiến lược mạnh để liên tục phát triển tiến công tạo đột biến về chiến dịch và chiến lược có lợi cho ta, nhanh chóng giành thắng lợi và sẵn sàng ứng phó kịp thời các tình huống chiến lược.

Song song với chỉ đạo tác chiến, Bộ Tổng tham mưu phối hợp chặt chẽ với Tổng cục Chính trị để làm tốt công tác đảng, công tác chính trị, chỉ đạo công tác nắm chắc địch, bảo đảm hậu cần, kỹ thuật công nghiệp quốc phòng để duy trì sức mạnh chiến đấu và trình độ sẵn sàng chiến đấu cao của lực lượng vũ trang cả trước, trong và sau chiến tranh.

Kế thừa và phát huy truyền thống vẻ vang chiến thắng vĩ đại Điện Biên Phủ, truyền thống yêu nước và chí khí cách mạng kiên cường, bất khuất của dân tộc, nắm chắc quy luật "dựng nước đi đôi với giữ nước", với chức năng và nhiệm vụ của mình, Quân đội ta ra sức nghiên cứu, vận dụng đúng đắn, sáng tạo chiến lược quốc phòng, an ninh của Đảng, góp phần giữ vững ổn định chính trị và môi trường hòa bình để đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, kiên quyết làm thất bại mọi âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch. Phát huy truyền thống trung thành, mưu lược sáng tạo trong chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc, Bộ Tổng tham mưu quyết tâm cùng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tiến hành thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước Việt Nam giàu mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa.❑

# PHONG CÁCH DÂN VẬN...

*(Tiếp theo trang 22)*

trong phong cách dân vận Hồ Chí Minh. Theo Người: "Những người phụ trách dân vận cần phải óc nghĩ, mắt trông, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm. Chứ không phải chỉ *nói suông*, chỉ *ngồi viết mệnh lệnh*. Họ phải thật thà nhúng tay vào việc" (6). Người nói và làm như vậy. Người đã nêu một tấm gương sáng về dân vận cho mọi người noi theo. Muốn làm tốt công tác dân vận, trước hết người cán bộ phải có uy tín trước dân. Nhưng, để có uy tín, người lãnh đạo phải nghiêm túc thực hiện tự phê bình và phê bình, biết học hỏi quần chúng, sửa chữa khuyết điểm để đưa công việc ngày càng tiến bộ. Việc dấu giếm khuyết điểm, sợ quần chúng phê bình, góp ý không chỉ là biểu hiện của sự thiếu trung thực trước Đảng, sự vô trách nhiệm trước sự tiến bộ của bản thân từng cán bộ mà còn là biểu hiện đặc trưng của chủ nghĩa cơ hội, cá nhân. Thực tiễn cho thấy, ở mọi giai đoạn cách mạng, niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, vào thành công của cách mạng, vào bản chất ưu việt của chế độ được biểu hiện cụ thể bằng lòng tin vào những cán bộ, đảng viên cụ thể, vào đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của Đảng và Nhà nước.

Phong cách dân vận Hồ Chí Minh giản dị, đời thường, dễ học tập, noi theo. Phong cách đó chứa đựng những phương pháp, biện pháp, cách thức phong phú, đa dạng để vận động, tập hợp quần chúng thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, mang lại hạnh phúc cho nhân dân. Trong sự nghiệp đổi mới hiện nay, thực hiện phong cách dân vận Hồ Chí Minh nói đi đôi với làm, lý luận gắn với thực tiễn gần dân, vì nhân dân phục vụ là điều kiện cần thiết để chúng ta đi tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.❑

(6) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 5, tr 699


Digitized by Google

# CHIẾN THẮNG ĐIỆN BIÊN PHỦ - đỉnh cao của chiến tranh nhân dân Việt Nam

TRẦN XUÂN TRƯỜNG *

KHI nói đến khái niệm chiến tranh nhân dân, người ta thường chỉ nghĩ đến tác chiến du kích, thậm chí đồng nhất chiến tranh du kích với chiến tranh nhân dân. Chiến tranh du kích có vai trò chiến lược quan trọng trong phong trào toàn dân đánh giặc, nhưng nếu chỉ có chiến tranh du kích thì chiến tranh nhân dân mới chỉ có một nửa sức mạnh. Chiến tranh nhân dân Việt Nam nhất thiết còn phải có tác chiến của các binh đoàn chủ lực, tức là phải có chiến tranh chính quy, cái mà phương Tây gọi là "chiến tranh quy ước". Chỉ có chiến tranh chính quy mới làm thay đổi nhanh chóng cục diện chiến tranh, mới có thắng lợi quyết định trên chiến trường và do đó, mới có chiến thắng quân sự để làm tăng sức nặng trên bàn đàm phán ngoại giao. Vì vậy, tác chiến du kích và tác chiến chính quy là hai loại hình tác chiến phát triển song song, gắn bó hữu cơ với nhau, làm điều kiện cho nhau, và càng đến giai đoạn kết thúc chiến tranh, loại hình tác chiến chính quy càng đóng vai trò ưu trội hơn. Đó là quy luật của chiến tranh nhân dân Việt Nam, được chứng minh qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ.

Sau 50 năm nhìn lại, chúng ta có thể tiếp cận vấn đề theo hướng tìm xem chiến thắng Điện Biên Phủ đã đóng góp gì vào việc phát triển nghệ thuật tác chiến của các binh đoàn chủ lực, tức là của chiến tranh chính quy trong chiến tranh nhân dân Việt Nam. Trong những năm đầu kháng chiến, sự chỉ đạo chiến lược của chúng ta tập trung vào việc phát động rộng rãi chiến tranh du kích. Từ đầu những năm 50 trở đi, trên chiến trường chính Bắc Đông Dương xuất hiện các chiến dịch của bộ đội chủ lực do Bộ Tổng tư lệnh trực tiếp chỉ huy; nghệ thuật chiến dịch và chiến đấu của bộ đội ta đã có những bước nhảy vọt. Đó cũng chính là sự ra đời của một kiểu chiến tranh chính quy của một quân đội nhân dân cách mạng - sự sáng tạo độc đáo của trí tuệ quân sự Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh. Đến chiến dịch Điện Biên Phủ, kiểu chiến tranh đó được phát triển đến một đỉnh cao mới và đó cũng là sự hoàn thiện của chiến tranh nhân dân Việt Nam, làm cơ sở cho sự phát triển của nghệ thuật quân sự Việt Nam trong tương lai.

Ở chiến dịch Điện Biên Phủ, có vấn đề thay đổi cách đánh, từ "đánh nhanh, giải quyết nhanh" sang "đánh chắc, tiến chắc". Tôi nhớ buổi chiều cuối đông năm ấy, Đại đoàn 308 đã triển khai xong đội hình

---

* GS, Trung tướng



Digitized by Google

tiến công ở vị trí xuất phát xung phong phía tây cánh đồng Mường Thanh. Thế rồi, tiếng chuông điện thoại réo vang, Tư lệnh Đại đoàn nhận lệnh ngừng tiến công của Đại tướng Chỉ huy trưởng mặt trận. Và, ngay 18 giờ 30 phút chiều hôm đó, toàn Đại đoàn hành quân sang Thượng Lào. Thoạt đầu, các chỉ huy Pháp đánh giá việc thay đổi nhiệm vụ của Đại đoàn 308 như là một sự "bỏ cuộc" của Việt Minh. Thế nhưng, họ đã nhanh chóng hiểu ra rằng, đó không phải là "bỏ cuộc" mà là một sự thay đổi cách đánh nhằm trực tiếp quyết định số phận của tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

Tôi không nghĩ rằng, chỉ "đánh chắc, tiến chắc" là phù hợp, còn "đánh nhanh, giải quyết nhanh" không phù hợp với kiểu chiến tranh chính quy của chúng ta. Chiến tranh chính quy Việt Nam cũng có lúc cần phải "đánh nhanh, giải quyết nhanh", thậm chí cực nhanh đến mức thần tốc như trong những tháng cuối cùng của cuộc kháng chiến chống Mỹ. Tuy nhiên, ở Điện Biên Phủ, vào những ngày cuối năm âm lịch ấy, nếu chúng ta đánh theo cách "đánh nhanh, giải quyết nhanh" thì về thực chất, chúng ta đã tiến hành chiến tranh chính quy theo cách mà người Pháp mong muốn. Lòng tin của người Pháp vào thắng lợi của họ ở Điện Biên Phủ không phải là không có cơ sở. Họ trù liệu biến Điện Biên Phủ thành một cái bẫy và sẽ đè bẹp các đại đoàn chủ lực Việt Nam trên cánh đồng bằng phẳng Mường Thanh. Phương án "đánh nhanh, giải quyết nhanh" chứa đựng nhiều yếu tố phiêu lưu mạo hiểm và trái với lời dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với Đại tướng Võ Nguyên Giáp, trước khi Đại tướng ra chiến trường: "Trận này rất quan trọng, phải đánh cho thắng. Chắc thắng mới đánh. Không chắc thắng không đánh". Trong điều kiện ở Điện Biên Phủ lúc đó, phương án "đánh chắc, tiến chắc" là thích hợp nhất và tiêu biểu cho kiểu chiến tranh chính quy của Quân đội nhân dân Việt Nam trong giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến chống Pháp.

Cuộc tiến công của các đại đoàn chủ lực vào tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ từ chiều tối ngày 13-3-1954 là sự tiến hành chiến tranh chính quy với những thuộc tính đặc trưng của mọi loại chiến tranh chính quy, như: tính kiên quyết của mục tiêu; tác chiến hiệp đồng binh chủng theo những hướng và tuyến tiến công có chính diện và chiều sâu; sự huy động lực lượng hết sức kiên quyết để bảo đảm hậu cần với quy mô lớn chưa từng có cho các binh đoàn chủ lực... Điều đó có nghĩa là quân đội ta cũng phải tuân theo một số "quy ước" của chiến tranh chính quy. Tuy nhiên, là quân đội cách mạng, chúng ta phải sáng tạo ra kiểu chiến tranh chính quy của mình. Đó là kiểu chiến tranh dựa chắc trên cơ sở của phong trào toàn dân đánh giặc, của chiến tranh du kích; phát huy cao độ nhân tố chính trị - tinh thần của con người Việt Nam yêu nước; tạo ra cách đánh thích hợp, buộc địch phải đánh theo cách đánh của chúng ta chứ không để địch buộc chúng ta phải đánh theo cách đánh của chúng. Kiểu chiến tranh đó làm cho kẻ địch đi từ bị động bất ngờ này đến bị động bất ngờ khác và cuối cùng phải gánh chịu thất bại.

Mục tiêu tiêu diệt hoàn toàn tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ là không hề thay đổi ! Tuy nhiên, đáng lẽ đánh theo cách tiến công tiêu diệt toàn bộ tập đoàn cứ điểm trong một thời gian ngắn thì chúng ta lại đánh theo cách tập trung binh hỏa lực tiêu diệt từng cứ điểm hay cụm cứ điểm và cứ thế lần lượt cho đến cứ điểm cuối cùng. Nói cách khác, đó là cách đánh dùng thời gian để giành không gian. Thực ra, ở Điện Biên Phủ, chúng ta không có


Digitized by Google

ưu thế tuyệt đối về binh hỏa lực so với Pháp; ưu thế của chúng ta chỉ là tương đối. Chỗ sáng tạo của nghệ thuật chiến dịch Điện Biên Phủ là, trong cái ưu thế tương đối đó, liên tục tạo ra được ưu thế tuyệt đối trong từng trận để giành thắng lợi từng bước và tiến tới giành thắng lợi cuối cùng. Nghệ thuật đó là mầm mống và bước khởi đầu cho sự phát triển sau này trong nghệ thuật chiến lược chiến tranh chống Mỹ cứu nước: đánh lui từng bước, đánh đổ từng bộ phận, đi đến giành thắng lợi hoàn toàn trong chiến tranh.

Trước chiến dịch Điện Biên Phủ, quân đội ta chưa tiêu diệt được một tập đoàn cứ điểm nào, dù là nhỏ, mà mới chỉ tiêu diệt được cứ điểm từ một tiểu đoàn Âu Phi. Đánh lần lượt từng cứ điểm của tập đoàn cứ điểm khó hơn đánh một cứ điểm biệt lập. Bởi vì, cách đánh đó đặt ra những vấn đề mới về tư tưởng và tâm lý (dài ngày, gian khổ, ác liệt), về chiến thuật và kỹ thuật (kiềm chế hỏa lực của toàn bộ tập đoàn cứ điểm, đánh các đợt phản kích...). Thế nhưng, cách đánh đó vẫn phù hợp với trình độ phát triển của bộ đội chủ lực ta lúc bấy giờ. Cứ sau mỗi trận đánh, chúng ta lại rút kinh nghiệm, bổ sung quân số, huấn luyện bổ sung để chuẩn bị cho trận đánh sau tốt hơn; trong khi đó, lực lượng của đối phương ngày càng hao hụt, khó có thể được tăng cường. Nếu vấp váp, chưa diệt được cứ điểm nào đó, chúng ta có thể đánh lại, hoặc bỏ qua không đánh, để đến đợt cuối cùng mới đánh. Tất cả những cái đó rất khó thực hiện trong cách "đánh nhanh, giải quyết nhanh", bởi mỗi vấp váp của cách đánh đó lập tức ảnh hưởng đến toàn cục, khiến cho thế trận đang từ thế thắng có thể chuyển thành thế thua.

Chiến tranh chính quy là tác chiến của những binh đoàn lớn và tất yếu phải có tác chiến hiệp đồng binh quân chủng. Ở Điện Biên Phủ lúc đó, có hiệp đồng của nhiều binh chủng, nhưng đáng kể nhất là hiệp đồng giữa bộ binh và pháo binh. Trước chiến dịch Điện Biên Phủ, bộ đội chủ lực ta đã thạo hiệp đồng bộ binh với sơn pháo 75 mm. Pháo được tháo rời khẩu, được cơ động bằng đôi vai người lính cách mạng và được dùng vào việc đánh gần, bắn thẳng. Ở Điện Biên Phủ, lần đầu tiên ta có lựu pháo 105 ly. Lựu pháo 105 là loại pháo cơ giới. Nếu theo "chiến tranh quy ước" thì nó phải được ô-tô kéo vào trận địa. Nhưng chúng ta lại giải quyết vấn đề cơ động và bố trí pháo theo lối cách mạng, dựa vào trí tuệ và lao động của chiến sĩ : thiết kế và triển khai hệ thống đường kéo pháo bằng sức người, đưa pháo vào hệ thống hầm hào vững chắc và có xạ giới thích hợp. Điều này là một bất ngờ đến mức hoảng hốt đối với các chỉ huy Pháp ở Điện Biên Phủ khi lựu pháo ta lên tiếng mở màn chiến dịch.

Trong chiến tranh chính quy ở Điện Biên Phủ, chúng ta đã sử dụng một cách sáng tạo hệ thống giao thông hào vào tiến công. Xưa nay, công sự chủ yếu là phương tiện để phòng ngự, là thành phần chủ yếu của tác chiến phòng ngự. Trong tác chiến tấn công, khi bao vây dài ngày, người ta cũng có xây dựng hệ thống giao thông hào và công sự, nhưng hệ thống đó thường đóng vai trò thứ yếu. Ở Điện Biên Phủ, việc bao vây dài ngày đòi hỏi phải xây dựng hệ thống giao thông hào dài hàng trăm cây số làm đường cơ động lực lượng và trận địa tấn công. Từ hệ thống đó, chiến tranh chính quy đã sáng tạo ra một lực lượng mới trợ giúp cho sức đột kích của bộ binh, giống như lực lượng thiết giáp, có thể bảo đảm cho bộ binh vượt qua các chướng ngại vật một cách an toàn để triển khai đánh xung phong trong trung tâm. Với hệ thống giao thông hào đào sát đến tiền duyên và xuyên qua


Digitized by Google

phòng tuyến đối phương, sức mạnh của các lực lượng đột kích Việt Nam được nhân lên gấp bội. Để có các giao thông hào đó, các chiến binh Việt Nam đã phải lao động cật lực và chiến đấu đổ xương máu trong nhiều đêm. Cách đánh này không có trong "chiến tranh quy ước" của các quân đội đế quốc. Cách đánh này chỉ có thể là một phát minh của Quân đội nhân dân Việt Nam - những cán bộ và chiến sĩ từ nhân dân lao động mà ra, những người nông dân yêu nước cầm súng gắn bó với đất đến mức có thể đêm đêm nghe được tiếng của ông cha vọng về từ trong lòng đất.

Trong chiến tranh chính quy, vấn đề bảo đảm hậu cần khác với chiến tranh du kích: lượng vật chất bảo đảm hậu cần tăng lên gấp bội; tính kiên quyết của bảo đảm hậu cần thường xuyên được duy trì. Điều đó đòi hỏi phải huy động được tối đa sức dân. Trước chiến dịch Điện Biên Phủ, đã có những đoàn dân công ra tiền tuyến tiếp tế cho bộ đội đánh giặc. Nhưng chỉ đến chiến dịch Điện Biên Phủ, quy mô, hình thức và trình độ tổ chức của các đoàn dân công mới đạt đến đỉnh cao chưa từng thấy. Chiến dịch Điện Biên Phủ là hình ảnh rõ nét của phong trào toàn dân làm vận tải, toàn dân bảo đảm hậu cần cho bộ đội chủ lực tiến hành chiến tranh chính quy.

Hậu cần nhân dân Việt Nam không bao giờ coi nhẹ việc cơ giới hóa và hiện đại hóa công tác của mình. Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, chúng ta có làm đường ô tô để bảo đảm cho việc vận tải cơ giới; xây dựng các binh trạm chỉ huy để bảo đảm an toàn cho tuyến đường ô tô kéo dài từ biên giới Việt - Trung đến Điện Biên Phủ (đây là mô hình được phát triển hoàn chỉnh trong tuyến vận tải chiến lược 559 sau này). Tuy nhiên, trong điều kiện ở Điện Biên Phủ lúc bấy giờ, việc bảo đảm hậu cần cho bộ đội nhất thiết phải dựa chủ yếu vào lao động rộng lớn của nhân dân: lao động cơ bắp bằng gồng gánh và đẩy xe đạp thồ để đưa từng cân gạo, từng viên đạn từ hậu phương ra chiến trường cho bộ đội đánh giặc.

Chiến tranh chính quy của chiến tranh nhân dân Việt Nam là một di sản vô giá, vẫn có ý nghĩa chỉ đạo đối với chúng ta hôm nay. Ngày nay, "chiến tranh quy ước" của quân đội đế quốc cũng có sự phát triển mới với những "quy ước" của chiến tranh xâm lược bằng vũ khí công nghệ cao.

Đất nước ta hiện nay đang có hòa bình, đang ra sức xây dựng chủ nghĩa xã hội theo đường lối đổi mới đúng đắn và sáng tạo của Đảng. Một đất nước hòa bình, ổn định, phát triển mạnh mẽ và bền vững là cơ sở vững chắc để bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, nói như vậy không có nghĩa là chúng ta có thể sao nhãng việc triển khai toàn diện công cuộc bảo vệ Tổ quốc. Nhiều khi cây muốn lặng mà gió chẳng dừng! Lịch sử dân tộc trong thế kỷ XX đã dạy chúng ta bài học như vậy. Đương nhiên, để bảo vệ Tổ quốc, chúng ta phải phát triển và hoàn thiện hơn nữa học thuyết quân sự của chúng ta, phải phát triển chiến tranh nhân dân Việt Nam trong điều kiện hiện đại của thế giới, đặc biệt là phải hiện đại hoá loại hình chiến tranh chính quy đã được phát triển từ chiến dịch Điện Biên Phủ. Càng chiến tranh hiện đại, chúng ta càng phải nắm vững bài học của chiến thắng Điện Biên Phủ. Không bao giờ được dao động về đường lối và nghệ thuật chiến tranh nhân dân. Không bao giờ để đối phương buộc chúng ta phải đánh theo cách đánh của họ; trái lại, chúng ta cần buộc đối phương phải đánh theo cách đánh của chúng ta, như điều mà chiến tranh nhân dân Việt Nam đã thể hiện ở Điện Biên Phủ cách đây nửa thế kỷ.❑


Digitized by Google

# CÔNG TÁC BẢO ĐẢM HẬU CẦN TRONG CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ - *thực tiễn và bài học kinh nghiệm*

**TRẦN PHƯỚC***

LÀ một bộ phận trọng yếu, hợp thành của Quân đội nhân dân Việt Nam, ngay trong khói lửa của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngành hậu cần (thời đó còn gọi là Tổng cục Cung cấp) đã được Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm dìu dắt, được nhân dân hết lòng chăm lo, giúp đỡ nên ngày càng phát triển. Đến giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, hậu cần đã trở thành một hệ thống tổ chức thống nhất trong toàn quân. Nhờ dựa chắc vào dân, hậu cần đã liên tiếp bảo đảm thắng lợi cho hàng loạt chiến dịch quy mô lớn đánh địch ở khắp các chiến trường Đông Dương: Chiến dịch Tây - Nam Ninh Bình, chiến dịch Trung - Hạ Lào, chiến dịch Đông - Bắc Cam-pu-chia, chiến dịch Tây Nguyên... Đặc biệt, hậu cần đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo đảm cho chiến dịch Điện Biên Phủ, chiến dịch quyết chiến, chiến lược, đỉnh cao nhất của chiến cuộc Đông - Xuân 1953 - 1954, góp phần cùng cả nước kết thúc oanh liệt cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp có sự tiếp tay của đế quốc Mỹ.

Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, khó khăn lớn nhất của ta là tiếp tế hậu cần. Lúc đó, kẻ địch đã chấp nhận giao chiến ở Tây Bắc và bảo vệ Điện Biên Phủ bằng bất cứ giá nào nên chúng tập trung xây dựng ở đây một tập đoàn cứ điểm mạnh chưa từng có ở Đông Dương. Chính kẻ địch cho rằng, ta không đủ sức đánh lớn ở Điện Biên Phủ và nếu có đánh tất cũng bị thất bại, vì không thể giải quyết được vấn đề bảo đảm hậu cần chiến dịch.

Quả thực, đối với ta thì đây cũng là một thách thức tưởng chừng khó có thể vượt qua: chiến trường ở xa hậu phương chiến lược tới 500 đến 600 km, trên địa hình rừng núi hiểm trở, đường vận chuyển cơ giới bị hư hỏng nặng, thời tiết khắc nghiệt, mưa nắng thất thường, dân cư thưa thớt, kinh tế nghèo nàn lạc hậu... Hơn nữa, để mở chiến dịch, ta phải huy động lực lượng bộ đội, dân công, thanh niên xung phong... rất lớn. Tại hỏa tuyến, lúc cao nhất đã lên tới 87 130 người gồm 53 830 quân trực tiếp tham chiến và 33 300 dân công, thanh niên xung phong làm công tác phục vụ. Do vậy, bảo đảm hậu cần chiến dịch là nhiệm vụ hết sức phức tạp, nặng nề. Chỉ tính riêng về lương thực, bình quân phải sử dụng khoảng 90 tấn mỗi ngày để bảo đảm cho các lực lượng từ Sơn La trở lên và ngay tại Điện Biên Phủ phải có khoảng 50 tấn... Theo tính toán của cơ quan hậu cần, thực hiện theo phương châm "đánh chắc, tiến chắc" thì yêu cầu về gạo cho chiến dịch lên tới 16 000 tấn. Kinh nghiệm trong chiến dịch Tây Bắc (năm 1952) cho thấy, việc vận chuyển gạo bằng sức người từ hậu phương Thanh Hóa lên Nghĩa Lộ thì cứ đưa 1 kg gạo tới đích phải mất 24 kg ăn dọc đường. Nếu vậy ước tính số gạo phải huy động trong chiến dịch Điện Biên Phủ sẽ phải là 600 000 tấn. Với số lượng nhiều đến thế, việc huy động đã khó, vận chuyển đến nơi lại càng khó khăn hơn trong điều kiện địch đánh phá ác liệt. Đó là chưa kể, cùng với gạo còn một khối lượng lớn thực phẩm, thuốc men, vũ khí đạn dược,v.v.. và hàng loạt vấn đề bảo đảm khác để phục vụ bộ đội chiến đấu.

---

* Thiếu tướng, TS, Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần Quân đội nhân dân Việt Nam



Digitized by Google

Nắm vững nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về chiến tranh cách mạng, Bộ Chính trị Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, ta có đủ khả năng giải quyết được vấn đề hậu cần vì nhân dân ta có truyền thống yêu nước nồng nàn, đoàn kết xung quanh Đảng, lại hết lòng giúp đỡ, ủng hộ bộ đội. Hơn nữa, trải qua những năm chiến tranh, ngành hậu cần quân đội bước đầu đã có một số kinh nghiệm về tổ chức bảo đảm hậu cần chiến dịch, v.v.. Do đó, dù khó khăn đến đâu, nhân dân và quân đội ta cũng nguyện đem hết tinh thần, sức lực, của cải vật chất... để bảo đảm cho bộ đội đánh địch ở Điện Biên Phủ. Bộ Chính trị Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hạ quyết tâm giành toàn thắng cho chiến dịch với tinh thần: *toàn Đảng, toàn dân tập trung toàn lực chi viện cho tiền tuyến.*

Thực hiện chủ trương đúng đắn đó, Bộ Chính trị Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cử Thủ tướng Phạm Văn Đồng làm Chủ tịch Hội đồng Cung cấp mặt trận, đồng chí Nguyễn Chí Thanh, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị vào Thanh Hóa, đồng chí Văn Tiến Dũng, Tổng Tham mưu trưởng về Liên khu 3... để trực tiếp chỉ đạo các địa phương huy động sức người, sức của phục vụ cho chiến dịch.

Bộ máy hậu cần chiến dịch (tức Tổng cục Cung cấp tiền phương) được thành lập, do đồng chí Đặng Kim Giang - Phó Chủ nhiệm Tổng cục Cung cấp (tức Tổng cục Hậu cần ngày nay) phụ trách chung, đồng chí Trần Lương - Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị làm chính ủy hậu cần chiến dịch, đồng chí Nguyễn Thanh Bình - Cục trưởng Cục Quân nhu làm phó chủ nhiệm hậu cần chiến dịch. Hơn 300 cán bộ, trong đó có 35 cán bộ cao cấp và trung cấp được tăng cường cho bộ máy hậu cần chiến dịch. Các đồng chí Cục trưởng thuộc Tổng cục Cung cấp đều lên đường phục vụ chiến dịch. Cùng với ngành hậu cần, hàng vạn dân công, thanh niên xung phong và nhiều loại phương tiện, vật chất... của các ngành, nhân dân các địa phương được huy động, chi viện cho Điện Biên Phủ.

Tuyến vận chuyển hậu phương do Hội đồng Cung cấp mặt trận phụ trách. Để giảm bớt khó khăn cho tuyến chiến dịch, tuyến hậu phương vươn xa ra phía trước, lên tới Sơn La. Tuyến hậu cần chiến dịch từ Sơn La lên tới Điện Biên Phủ còn khoảng 150 km được chia làm 3 tuyến để thống nhất chỉ huy các lực lượng hậu cần trên từng khu vực: tuyến Sơn La - Tuần Giáo, tuyến Tuần Giáo - km 62 đường vào Điện Biên Phủ và tuyến của hậu cần hỏa tuyến. Ngoài ba tuyến hậu cần còn có hai tuyến vận tải bổ trợ: tuyến Mường Luân - Nà Sang (ở phía Nam) và tuyến đường sông Nậm Hu đoạn từ Ba Nậm Cúm về Lai Châu và tiếp chuyển bằng xe đạp thồ về Mường Phồn, Bản Tấu (ở phía Bắc).

Sau hơn một tháng tích cực chuẩn bị theo phương châm "đánh chắc, tiến chắc", lực lượng của ta đã hình thành thế bao vây Điện Biên Phủ. Hậu cần cũng đã triển khai xong các phân đội bảo đảm, đủ lượng dự trữ vật chất cần thiết để phục vụ cho các đơn vị thực hành chiến dịch.

Quá trình phục vụ chiến dịch Điện Biên Phủ, công tác hậu cần đã đạt được kết quả hết sức to lớn. Không kể huy động, bảo đảm trên tuyến chiến lược, hậu cần đã bảo đảm cho chiến dịch

*Đường lên mặt trận Điện Biên Phủ - Ảnh: TL*


Digitized by Google

20 125 tấn vật chất các loại, gấp 2 lần chiến dịch Tây Bắc (1952) - chiến dịch sử dụng vật chất nhiều nhất trước Điện Biên Phủ. Trong tổng số vật chất này, số gạo tiêu thụ là 14 950 tấn, gấp 9 lần chiến dịch Biên giới (1950). Riêng đạn và xăng dầu là những loại vật chất kỹ thuật chủ yếu đã lên tới 3 000 tấn, chiếm tỷ lệ 14,2% tổng số vật chất.

Các mặt công tác bảo đảm (quân nhu, quân y...) của hậu cần trong chiến dịch Điện Biên Phủ đều thể hiện bước tiến bộ mới, rất quan trọng. Về vận tải, do khối lượng vận chuyển lớn, đường vận chuyển kéo dài nên đã sử dụng vận tải cơ giới là chủ yếu, đồng thời tận dụng mọi phương tiện, phương thức vận tải thô sơ sức người. Trên tuyến hậu cần chiến dịch đã sử dụng 352 xe vận tải (chiếm 2/3 toàn bộ số xe vận tải của hậu cần) và có lúc sử dụng thêm 94 xe kéo pháo của pháo binh, nâng tổng số xe cơ giới tham gia vận tải chiến dịch gấp nhiều lần so với các chiến dịch trước. Về bảo đảm quân y đã cứu chữa 10 130 thương binh; trong đó, riêng mặt trận Điện Biên Phủ là 8 500, chiếm tỷ lệ 15,7% quân số tham chiến, một tỷ lệ cao nhất so với các chiến dịch của cuộc kháng chiến chống Pháp...

Để có nguồn của cải, nhân lực... chi viện cho Điện Biên Phủ, hậu phương quốc gia đã phải huy động đến mức cao nhất: chỉ tính riêng về vật chất quân nhu, Hội đồng Cung cấp mặt trận các liên khu và tỉnh đã huy động 25 056 tấn gạo và gần 1 824 tấn thực phẩm (bạn Lào cung cấp 300 tấn, Trung Quốc viện trợ 1 700 tấn). Về nhân lực và phương tiện vận tải, Hội đồng Cung cấp mặt trận đã huy động 261 453 lượt người đi dân công, tính thành 12 triệu ngày công, 20 991 xe đạp thồ, 736 xe thô sơ khác (xe bò, xe ngựa...) và nhiều thuyền nan, thuyền gỗ, v.v.. Trong số này, tuyến hậu phương đã sử dụng 176 xe ô-tô, gần 230 000 dân công, với gần 9 triệu ngày công để làm nhiệm vụ tuyến sau cho hậu cần chiến dịch.

So với các mặt bảo đảm hậu cần chiến dịch thì bảo đảm trang bị và khí tài có vị trí khá nổi bật. Chẳng hạn, tính riêng về đạn, tiêu thụ của toàn chiến dịch là 1 200 tấn. Không những có khối lượng lớn nhất, mà chủng loại đạn dược cũng phức tạp hơn trước rất nhiều, vì đây là chiến dịch đầu tiên bộ đội ta sử dụng nhiều lựu pháo 105 mm và cao xạ 37 mm. Trong số hơn 500 tấn đạn lựu pháo tiêu thụ của chiến dịch (hơn 20 000 viên) thì Trung Quốc viện trợ cho ta 3 600 viên, ta có 11 715 viên đạn chiến lợi phẩm thu được từ chiến dịch Biên giới (1950), hơn 400 viên thu được ở Ba Na Phào trong chiến dịch Trung - Hạ Lào (1953) và hơn 5 000 viên thu được trong việc đoạt dù tiếp tế của địch ở mặt trận Điện Biên Phủ. Suốt chiến dịch, các đội sửa chữa quân khí, xe máy... đã tiến hành kiểm tra, sửa chữa khắc phục được nhiều sự cố kỹ thuật cho trang bị, khí tài... Ở phía sau, các xưởng quân giới đã kịp nghiên cứu, sản xuất thành công các phụ tùng: trục tống đạn bướm, tống đạn, cán ngoắc pháo cao xạ 37 mm... để gửi lên mặt trận phục vụ sửa chữa súng pháo...

Về mặt nghệ thuật quân sự trong bảo đảm hậu cần chiến dịch Điện Biên Phủ cũng có bước tiến đáng kể. Trong các chiến dịch trước Điện Biên Phủ, hậu cần đã hình thành sự phân tuyến bảo đảm giữa cấp chiến lược với hậu cần chiến dịch, song việc huy động nhân lực, vật chất ở hậu phương phục vụ cho chiến dịch vẫn do hậu cần chiến dịch tự đảm nhiệm. Đến Điện Biên Phủ, việc phân tuyến giữa hậu cần chiến lược với hậu cần chiến dịch đã được xác lập một cách rõ ràng và có sự điều chỉnh phù hợp trong suốt quá trình chiến dịch. Cùng với phân tuyến, việc bố trí đội hình phục vụ, các phương pháp xử lý tình huống hậu cần chiến dịch... cũng mang nhiều nét riêng, tiến bộ rõ rệt.

Rõ ràng là, xét trên nhiều phương diện, công tác hậu cần phục vụ chiến dịch Điện Biên Phủ đã đạt kết quả to lớn, thể hiện bước phát triển vượt bậc - bước phát triển cao nhất trong tiến trình lịch sử hậu cần chiến dịch của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Chính vì thế, dẫu 50 năm đã qua, ngành hậu cần đã góp phần cùng toàn quân và cả nước viết tiếp biết bao trang sử hào hùng trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ và trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Song từ thực tiễn của chiến dịch quyết chiến, chiến lược Điện Biên Phủ vẫn đúc kết được nhiều bài học kinh nghiệm quý báu về công tác bảo đảm hậu cần chiến dịch. Dưới đây là một số bài học kinh nghiệm chủ yếu:

*Một là*, hậu cần phải quán triệt sâu sắc đường lối chiến tranh nhân dân và quyết tâm chiến lược


Digitized by Google

của Đảng. Trên cơ sở đó nêu cao tư tưởng cách mạng tiến công, chủ động và tích cực chuẩn bị về mọi mặt, đạp bằng mọi gian khổ, hy sinh để hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ bảo đảm hậu cần chiến dịch, nhất là chiến dịch quyết chiến chiến lược.

*Hai là,* cùng với việc huy động và sử dụng hậu cần toàn dân phải hết sức chú trọng xây dựng lực lượng, cơ sở vật chất - kỹ thuật hậu cần quân đội; xây dựng căn cứ hậu phương - hậu cần, xây dựng thế trận hậu cần chiến tranh nhân dân vững mạnh để phát huy sức mạnh tổng hợp của hậu cần bảo đảm cho chiến dịch toàn thắng.

*Ba là,* kết hợp mọi nguồn, mọi phương thức bảo đảm hậu cần cho chiến dịch; chú trọng nguồn tại chỗ và phương thức bảo đảm hậu cần theo khu vực để đáp ứng kịp thời yêu cầu ngày càng lớn của các chiến dịch.

*Bốn là,* tập trung xây dựng tuyến giao thông vận tải quân sự mạnh từ hậu phương chiến lược tới chiến dịch; kết hợp mọi lực lượng, mọi phương tiện, phương thức vận chuyển bảo đảm hậu cần; trong đó, lấy phương tiện, phương thức vận tải cơ giới là chủ yếu để vận chuyển, bảo đảm cho chiến dịch.

*Năm là,* hậu cần phải đẩy mạnh công tác nuôi dưỡng, tổ chức tốt bảo đảm quân y để giữ vững và nâng cao sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang, nhất là đối với những lực lượng trực tiếp tham gia chiến dịch.

*Sáu là,* trong chiến dịch quy mô lớn, địch đánh phá ác liệt cho nên đi đôi với xây dựng phải thường xuyên làm tốt công tác bảo vệ hậu phương - hậu cần, góp phần hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ bảo đảm hậu cần trong mọi tình huống chiến dịch.

Ngày nay, sau những năm dài kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ, đất nước ta đã thống nhất, hòa bình và tiến lên chủ nghĩa xã hội. Nhân dân Việt Nam đang đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước dưới ánh sáng của Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX vì một Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, với bản chất hiếu chiến, các thế lực thù địch vẫn chưa chịu từ bỏ âm mưu và hành động chống phá, xâm lược Tổ quốc ta. Đặc biệt những năm gần đây, chúng còn tiến hành chiến tranh công nghệ cao xâm lược một số nơi trên thế giới. Do vậy, hơn bất cứ lúc nào, trong bối cảnh quốc tế có nhiều diễn biến phức tạp, nhân dân và quân đội ta dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng phải không ngừng đề cao cảnh giác cách mạng, coi trọng cả hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

So với những cuộc chiến tranh giải phóng trước đây, hiện nay nhiệm vụ của quân đội ta ngày càng mở rộng. Cùng với nhiệm vụ trọng tâm xây dựng quân đội tiến lên chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, quân đội ta còn có nhiều nhiệm vụ quan trọng nặng nề khác: bảo vệ đất nước, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, tham gia xây dựng kinh tế, chống lụt bão thiên tai, v.v.. Do đó, trên cơ sở vị trí, nhiệm vụ của quân đội và ngành hậu cần trong giai đoạn mới, chúng ta phải quán triệt sâu sắc đường lối chiến tranh nhân dân, xây dựng nền quốc phòng toàn dân theo đường lối của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh vào công tác hậu cần.

Trong những năm tới, để phục vụ cho quân đội hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc thì đồng thời với việc triển khai các kế hoạch dài hạn, các kế hoạch, phương án quan trọng khác..., ngành hậu cần quân đội cần tập trung nỗ lực tạo nguồn bảo đảm hậu cần dồi dào; xác định đúng đắn phương thức bảo đảm hậu cần thích hợp đối với từng cấp, từng cách đánh của bộ đội. Đồng thời, phải xây dựng hậu cần khu vực phòng thủ mạnh làm nòng cốt bảo đảm hậu cần trên từng khu vực, từng địa bàn, hướng phòng thủ chiến lược... Chỉ một khi làm tốt công tác chuẩn bị ngay từ trong hòa bình, ngành hậu cần mới đáp ứng và phục vụ kịp thời cho quân đội cùng cả nước đánh thắng mọi cuộc chiến tranh xâm lược nếu xảy ra, kể cả trong trường hợp kẻ địch tiến hành chiến tranh công nghệ cao.

Chính vì thế, những nội dung, bài học kinh nghiệm của công tác hậu cần trong chiến dịch Điện Biên Phủ vẫn mang tính thời sự, có giá trị cả về mặt lý luận và thực tiễn. Với tinh thần đó, công tác hậu cần - một nhân tố quan trọng góp phần tạo nên chiến thắng vĩ đại Điện Biên Phủ, những bài học kinh nghiệm quý báu của nó - xứng đáng được trân trọng, giữ gìn, và mãi mãi là niềm tự hào của các thế hệ bộ đội hậu cần hôm nay và mai sau.❑


Digitized by Google

# "Nhiều ĐIỆN BIÊN PHỦ khác đang chờ đợi chúng ta"

DƯƠNG TRUNG QUỐC*

Đó là câu kết thúc loạt bài viết "Mẩu chuyện về Điện Biên Phủ" (1) của Bác Hồ trên báo *"Cứu quốc"*, đúng một tháng sau ngày toàn thắng (7-6-1954). 50 năm sau nhìn lại, tinh thần của bài báo ấy là một hiện thực lịch sử sống động.

**"Đến Điện Biên Phủ thì làm cho cả thế giới xôn xao"**

Ngày 24-7-1953, Đại tướng H. Na-va báo cáo với Ủy ban Quốc phòng của nước Pháp về kế hoạch quân sự nhằm cứu vãn tình hình Đông Dương, nơi ông ta vừa nhận chức Tổng Tư lệnh các đạo quân viễn chinh mới được hai tháng. Trong bản kế hoạch mang tên mình - một kế hoạch đã được Mỹ, một đồng minh chiến lược cũng là nhà tài trợ chính cho cuộc chiến tranh ủng hộ - tướng H. Na-va có nhắc đến địa danh nơi dự kiến sẽ đặt một "con nhím" xù lông ngăn chặn Việt Minh xâm nhập vào Lào, lại cũng là cái bẫy dụ đối phương đến để tiêu diệt lực lượng chủ lực, giành phần thắng quyết định cuộc chiến tranh kéo dài và tốn kém mà một mình nước Pháp đã cảm thấy hụt hơi và ngày càng lệ thuộc vào cường quốc bên kia Đại Tây Dương. Khi nghe đến ba từ *"Điện Biên Phủ"* nhiều thành viên của Ủy ban nhìn bản đồ và nhìn nhau hỏi xem cái địa danh lạ lẫm này ở đâu vậy?

Và không ai có thể ngờ rằng, chỉ không đầy 8 tháng sau, kể từ ngày bộ đội Việt Nam bắt đầu nổ súng công kích tập đoàn cứ điểm này (13-3-1954) thì Điện Biên Phủ đã trở thành địa ngục của đạo quân đồn trú, nỗi kinh hoàng của nước Pháp và các thế lực đế quốc, từ ngữ được nhắc đến hằng ngày trên các bản tin thế giới... Và kể từ buổi chiều ngày 7-5-1954, Điện Biên Phủ đã trở thành một cái mốc lịch sử, một thuật ngữ sử học và một biểu tượng mang nhiều ý nghĩa thời đại. Trước hết, "đây là lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh", như đánh giá của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Nửa thế kỷ đã qua, Điện Biên Phủ vẫn là nguồn cảm hứng lịch sử mang tầm vóc quốc tế. Nhà sử học Pháp G. Chít-xno từng đánh giá Điện Biên Phủ đã tác động mạnh mẽ đến thế giới chẳng khác gì chiến thắng của nước Nhật trước nước Nga ở eo biển Đối Mã (Tuy-si-ma) năm 1905 đã thức tỉnh cả châu Á da vàng đang thuộc địa của châu Âu da trắng đầu thế kỷ XX. Còn các bạn An-giê-ri, những người vốn cùng chung cảnh ngộ là thuộc địa, thì coi Điện Biên Phủ như cái đinh đầu tiên đóng lên tấm ván thiên chôn chủ nghĩa thực dân, còn cách mạng An-giê-ri có vinh dự đưa nó ra nơi an nghỉ cuối cùng. Một trong những nhân chứng

---

* Tổng Thư ký Hội Sử học Việt Nam

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t. 7, tr. 285 - 291



Digitized by Google

lịch sử, G. Pu-grê, vốn là thư ký cho Đại tướng H. Na-va, 20 năm sau trận chiến đã viết rằng: *"Điện Biên Phủ đánh dấu sự kết thúc thời đại chủ nghĩa thực dân và dấy lên thời đại học tập của thế giới thứ ba. Ngày nay, ở châu Á, châu Phi, châu Mỹ, không có một cuộc nổi dậy hoặc một cuộc khởi nghĩa nào không chịu tác động bởi chiến thắng của tướng Giáp. Nếu ngày 14-7 (ngày phá ngục Bá-xti) trở thành ngày Quốc khánh Pháp thì ngày 7-5 cũng trở thành Ngày phi thực dân hóa trên toàn thế giới" (Lơ Phi-ga-rô, 7-5-1954).*

... Trên phương diện quân sự, người ta đã xếp Điện Biên Phủ là một trận đánh kinh điển trong lịch sử chiến tranh của nhân loại, là một sự kiện không thể thiếu khi viết về lịch sử thế giới thế kỷ XX. Trong cuốn sách viết về trận đánh này, nhà sử học Pháp G. Roi đánh giá: *"Sự thất thủ Điện Biên Phủ đã gây nỗi kinh hoàng khủng khiếp. Đây là một trong những thất bại lớn nhất của phương Tây, báo hiệu sự sụp đổ của hệ thống thuộc địa và một nền cộng hòa. Tiếng sấm của sự kiện còn rền vang".*

**"Đem sức ta tự giải phóng cho ta"**

Đó là tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ đạo cuộc Cách mạng tháng Tám giành độc lập cho dân tộc. Đó cũng là tư tưởng xuyên suốt toàn bộ cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta. Ý chí ấy đã được thể hiện một cách quyết liệt trong lời hịch kêu gọi toàn quốc kháng chiến (ngày 19-12-1946): *"Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ. Hỡi đồng bào, chúng ta phải đứng lên".*

Vào thời điểm đó, dân tộc Việt Nam hoàn toàn phải "chiến đấu giữa vòng vây" (như tên gọi hồi ký của Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết về giai đoạn từ 1946 đến trước chiến thắng Biên giới 1950). Đó là thời kỳ vô cùng gian khổ nhưng hào hùng như ông cha ta từ xa xưa đã từng một mình chống chọi với mọi thế lực ngoại xâm. Nói chính xác hơn thì ngay từ đầu, cách mạng Việt Nam đã gắn bó với cách mạng Lào và Cam-pu-chia tạo nên một chiến trường chống kẻ thù chung là chế độ thuộc địa và âm mưu áp đặt lại chế độ thuộc địa của thực dân Pháp trên bán đảo Đông Dương. Chiến thắng Biên giới vào mùa Thu 1950 đã mở ra một bước ngoặt quan trọng. Cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam nói riêng, của các dân tộc Đông Dương nói chung, đã thoát khỏi thế bị bao vây. Với thắng lợi của cách mạng Trung Quốc, chúng ta đã có một hậu phương vô cùng rộng lớn và quan trọng. Nhưng đó lại cũng là cái mốc đặt cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc của Việt Nam vào một cục diện quốc tế ngày một phức tạp và quyết liệt của một thế giới đã phân cực. Giờ đây, bên cạnh chiến trường chống đạo quân viễn chinh Pháp, chúng ta bắt đầu phải nhận dạng một kẻ thù lâu dài hơn là đế quốc Mỹ; bên cạnh việc có được nguồn ủng hộ to lớn của bạn bè quốc tế, đặc biệt là với nguồn viện trợ quan trọng của Trung Quốc và Liên Xô, chúng ta phải ứng phó ra sao để vẫn giữ vững được nguyên lý tự chủ.

Vào bối cảnh lúc đó, Liên Xô còn bị ràng buộc bởi Hiệp ước Pháp - Xô ký kết từ trong cuộc chiến tranh chống chủ nghĩa phát xít, nên sự ủng hộ Việt Nam chỉ giới hạn vào việc cung cấp vũ khí thông qua Trung Quốc (phải sau khi kết thúc chiến dịch Điện Biên Phủ, Hiệp ước Pháp - Xô mới bãi bỏ). Còn với Trung Quốc, trên nền tảng của mối quan hệ truyền thống giữa cách mạng hai nước mà Bác Hồ dày công vun đắp, chúng ta đã nhận được những sự giúp đỡ rất quan trọng không chỉ giới hạn trong những khoản viện trợ vật chất mà còn cả sự cổ vũ tinh thần và những kinh nghiệm quân sự. Thời điểm này, một đoàn cố


Digitized by Google

vấn Trung Quốc đã sang giúp ta trên lĩnh vực quân sự. Có thể nói, đây là thời kỳ mà tinh thần quốc tế được thể hiện cao cả trong chiến tranh cách mạng. Quân đội nhân dân Việt Nam đã từng sát cánh tham gia tiêu diệt tàn quân Tưởng Giới Thạch trong chiến dịch Thập Vạn Đại Sơn giúp cách mạng Trung Quốc. Trung Quốc giúp ta huấn luyện và trang bị cho một số đơn vị chủ lực của chúng ta. Vũ khí của Liên Xô và Trung Quốc trang bị cho ta cũng làm quân Pháp bất ngờ như hỏa lực pháo binh và đặc biệt là pháo phòng không đã cắt đứt hoàn toàn cầu hàng không tiếp tế của Pháp hay dàn hỏa tiễn sử dụng vào thời điểm cao trào của chiến dịch đã gây nỗi kinh hoàng cho đối phương... Nhưng cuối cùng, vấn đề vẫn là con người.

Trước hết, đó là một dân tộc quyết tâm gìn giữ nền độc lập của mình sẵn sàng "quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh" ngay từ những ngày đầu kháng chiến. Đó là một bộ máy lãnh đạo dạn dày kinh nghiệm và bản lĩnh biết "đã đánh là chắc thắng". Bác Hồ đã thay mặt Bộ Chính trị tin cậy giao phó "quyền tướng quân tại ngoại" cho người học trò của mình là Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Tổng Tư lệnh, Bí thư Quân ủy Trung ương, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng làm Chỉ huy trưởng kiêm Bí thư Đảng ủy mặt trận. Đó là những người lính "từ nhân dân mà ra", trong đó phần lớn là những người nông dân mặc áo lính phấn khởi nghe tin ở quê nhà, gia đình vừa được nhận ruộng đã chiến đấu dũng cảm dưới tài thao lược của các tướng lĩnh đã từng trải trận mạc. Đó là sự phối hợp của cuộc chiến tranh nhân dân trên toàn đất nước và sự phối hợp với chiến trường toàn Đông Dương căng địch ra mà đánh. Đó là sức người, sức của từ mọi miền dồn tụ cho mặt trận Điện Biên... Nếu biết rằng, năm đầu tiên hòa bình, nhân dân Thanh Hóa bị đói to vì có bao nhiêu thóc giống cũng dốc hết cho chiến trường Điện Biên thì mới thấy hết tầm vóc của sự hy sinh của cả nước để quyết giành chiến thắng.

Cũng cần phải nói đến "một quyết định khó khăn nhất" mà vị Chỉ huy trưởng chiến trường đã quả quyết thay đổi phương châm tác chiến từ "đánh nhanh, giải quyết nhanh" kết thúc trong 3 ngày 2 đêm đã được nhất trí từ trước, đã dày công chuẩn bị chỉ còn chờ lệnh nổ súng, sang phương châm "đánh chắc, tiến chắc" vào trưa ngày 26-1-1954, chấp nhận bài binh bố trận lại để bảo đảm thực hiện tư tưởng chỉ đạo của Bác Hồ "đã đánh là chắc thắng", mới thấy được yếu tố quyết định là con người, từ người chiến sĩ đến vị thống soái. Bởi lẽ, chính nhờ có quyết sách đúng đắn và kịp thời này cũng như sự quán triệt từ các vị cố vấn tới các tướng lĩnh và chiến sĩ mà Điện Biên Phủ đã đại thắng.

Đờ Cát-tơ-ri, bại tướng chỉ huy tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ (được phong tướng vào những ngày cuối cùng trước khi thất thủ), sau này khi về Pháp điều trần đã rút ra một bài học thấm thía: *"Người ta có thể đánh thắng một đạo quân chứ không thể đánh thắng một dân tộc"*.

Nhớ lại, những ngày đầu cách mạng còn trong trứng nước, năm 1946, Bác Hồ dặm trường sang Pháp nhằm cứu vãn hòa bình. Chiều 12-7-1946, có một nhà báo Pháp hỏi: "Chủ tịch tuyên bố nếu Pháp cố tình chiến tranh xâm lược thì quyết đánh lại chứ không sợ. Vậy, Chủ tịch đánh bằng gì?", Bác đáp lại đanh và gọn: *"Bằng trí tuệ của nhân dân Việt Nam"*. Điện Biên Phủ chính là câu trả lời bằng hành động.

**Từ Điện Biên Phủ đến "Điện Biên Phủ trên không" và những "Điện Biên Phủ khác"**

Trong lá thư đề ngày 8-5-1954, gửi lời "khen ngợi bộ đội, dân công, thanh niên xung phong và đồng bào Tây Bắc đã chiến thắng vẻ


Digitized by Google

vang ở Điện Biên Phủ", Bác Hồ viết: *"Thắng lợi tuy lớn nhưng mới là bắt đầu"*. Vị thống soái của cách mạng Việt Nam nhìn thấy tầm xa của chiến thắng cuối cùng và *"nhiều Điện Biên Phủ khác đang chờ đợi chúng ta"*.

Đón dịp kỷ niệm 50 năm Điện Biên Phủ này, một hãng phim Mỹ (Uyn Ri-vơ LLC) đã thực hiện một cuốn phim cho kênh Di-xca-vơ-ri nổi tiếng một bộ phim cũng có tựa đề là *"Điện Biên Phủ"*. Cuốn phim dài một giờ này chỉ xoay quanh cái chết của hai viên phi công Mỹ là G. Mắc Ga-vơn và U.A. Bu-fo-do. Hai viên phi công này đã tử nạn trên một trong những chiếc máy bay C119 của không quân Mỹ tiếp tế cho quân Pháp đang khốn đốn trên chiến trường Điện Biên. Trên cái nền ấy các nhà làm phim nói về thảm bại của Pháp và thu hẹp sự hiện diện của Mỹ chỉ là cái chết của hai quân nhân đầu tiên trên chiến trường Đông Dương và chưa có tên trên bức tường của Công viên Việt Nam ở Oa-sinh-tơn.

Nhưng thực tế lịch sử cho thấy, Điện Biên Phủ đã là "một cuộc chiến tranh của Mỹ" kể từ sau khi biên giới Việt Nam đánh thông sang Trung Quốc. Một nước Mỹ thời Tổng thống Ru-dơ-ven đã từng là lực lượng đồng minh đứng bên cạnh những người cách mạng Việt Nam chống pháp xít Nhật hồi 1945, thì từ 1946 đã quay ra ủng hộ các thế lực thực dân Pháp trở lại xâm chiếm thuộc địa cũ, và từ năm 1950 thì nước Mỹ ấy đã nhập cuộc, trước hết bằng nguồn lực tài chính và vũ khí viện trợ cho Pháp.

Những con số dưới đây sẽ nói lên vị thế của Mỹ trong cuộc Chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất: Nếu năm 1950 Mỹ đã viện trợ cho Pháp ở chiến trường Đông Dương 52 tỉ phrăng, chiếm 19,5% ngân sách, thì năm 1953 con số ấy đã lên tới 285 tỉ phrăng (43,8%) và đến khi diễn ra Điện Biên Phủ 1954 đã tăng lên tới 555 tỉ phrăng, chiếm tới 73,9% tổng ngân sách. Người ta nói không sai là Điện Biên Phủ chính là cuộc chiến tranh của Mỹ đánh bằng danh dự của nước Pháp, binh lính của Pháp cũng như các thuộc địa và lính đánh thuê. Không chỉ có tiền bạc và súng đạn, sự có mặt của các tướng lĩnh cao cấp Mỹ, kể cả Phó Tổng thống Mỹ R. Ních-xơn thị sát tận nơi cứ điểm quân sự này, cùng những chuyến đi con thoi của các chính khách cao cấp và tướng lĩnh Pháp sang Oa-sinh-tơn cho thấy rõ điều đó.

Vào thời điểm quân Pháp bắt đầu nguy kịch ở Điện Biên Phủ, Mỹ đã tính đến một sự can thiệp trực tiếp hơn với dự án về một cuộc hành binh đường không mang tên "Chim kền kền". Mỹ dền dứ Pháp một sự hỗ trợ ồ ạt bằng không quân kể cả những đơn vị B 29 từng ném bom nguyên tử xuống Nhật Bản năm xưa, nếu Pháp chấp nhận quyền chỉ huy chiến trường cũng như huấn luyện quân đội "quốc gia Việt Nam" (ngụy) cho Mỹ. Nước Pháp chần chừ vì sợ mất cả chì lẫn chài trong cuộc chiến này, cộng với sự không tán thành của Anh và sự bất đồng của một bộ phận chính khách và tướng lĩnh Mỹ sợ chiến tranh sẽ lan rộng ra khu vực, nên "cuộc hành binh Chim kền kền" đã không thực hiện được. Những câu đối thoại cuối cùng của Ngoại trưởng Mỹ G.P. Đa-lét: *"Ngài nghĩ thế nào, nếu chúng tôi cho các ngài quả bom nguyên tử chiến thuật?"*. Và câu trả lời của Thủ tướng Pháp Bi-đôn là: *"Nếu thế thì cả quân Pháp và Việt Minh sẽ cùng phải chết ở Điện Biên Phủ à?"* cho thấy Mỹ đã sẵn sàng giành chiến thắng bằng xương máu của người khác như thế nào [2].

Nhưng rồi nước Pháp sau trận thua ở Điện Biên Phủ phải ký kết Hiệp định Giơ-ne-vơ, rút khỏi miền Bắc rồi sau cuộc Ngô Đình Diệm

(2) Giôn Pra-đốt: *Chim kền kền*, Niu Oóc, 2002


Digitized by Google

phế truất Bảo Đại (1955), thì trên thực tế nước Pháp đã trắng tay và rút khỏi Đông Dương. Chỉ sau chiến thắng Điện Biên Phủ hơn 7 tháng, trong một bài viết ký tên là T.L. đăng trên báo Nhân Dân (ngày 20-12-1954), Bác Hồ đã lấy đầu đề: "Từ ngày nhân dân ta bắt đầu kháng chiến, đế quốc Mỹ đã nhúng tay vào chiến tranh xâm lược Đông Dương" và kết thúc bài báo bằng câu: "Tuy đã bị thất bại nhục nhã ở Đông Dương, nhưng chúng nào vẫn giữ tật ấy, đế quốc Mỹ chưa chịu bỏ mộng xâm lược Đông Dương"(3).

Ba mươi năm tiếp theo, kể từ chiến thắng Điện Biên Phủ, nhân dân Việt Nam vẫn cùng hai dân tộc Lào và Cam-pu-chia anh em tiếp tục cuộc chiến đấu mới. Nhân dân ta một lần nữa buộc phải cầm vũ khí để chiến đấu theo đúng lời chỉ bảo của Bác Hồ: *"Còn nhiều Điện Biên Phủ đang chờ chúng ta"*. Cuộc chiến tranh giải phóng đầy hy sinh gian khổ ấy đã đạt tới nhiều chiến công lớn mà một trong những đỉnh cao là một trận thắng được mệnh danh là *"Điện Biên Phủ trên không"* vào mùa Đông 1972.

Chính Chủ tịch Hồ Chí Minh khi sinh thời đã tiên đoán về một trận đánh có ý nghĩa quyết định sẽ diễn ra trên bầu trời Thủ đô Hà Nội. Người cũng lường trước rằng, kẻ thù sẽ điên cuồng leo những nấc thang tận cùng của sự tàn bạo là sử dụng máy bay chiến lược B 52. Nhờ vậy, quân và dân ta đã chủ động nghênh chiến đánh bại cuộc tập kích chiến lược bằng không quân được coi là có quy mô lớn nhất và cũng thiệt hại nhất của Mỹ từ sau Đại chiến II. Điều không hẳn là ngẫu nhiên: Tổng thống cũng là Tổng Tư lệnh Quân lực Hoa Kỳ, R. Ních-xơn, lại là người không xa lạ với chiến trận Điện Biên năm xưa. Với cương vị là Phó Tổng thống thời Ai-xen-hao, R. Ních-xơn đã lên tận Điện Biên Phủ để bày mưu tính kế với Pháp. Và như thế thất bại của cuộc tập kích chiến lược càng xứng đáng là một Điện Biên Phủ đối với Mỹ. Sau đó không lâu, R. Ních-xơn cũng phải từ chức một phần vì thất bại ở Việt Nam, một phần vì vụ tai tiếng Oa-tơ-ghết... Sau "Điện Biên Phủ trên không", Hiệp định Pa-ri cũng được ký kết, buộc Mỹ phải tìm cách rút bỏ khỏi cuộc chiến tranh Việt Nam. Với "Điện Biên Phủ trên không", chúng ta đã thực hiện được mục tiêu *"đánh cho Mỹ cút"* để rồi thực hiện trọn vẹn mục tiêu *"đánh cho ngụy nhào"* vào mùa Xuân đại thắng của chiến dịch mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh kết thúc vào đúng 1 tuần trước ngày kỷ niệm lần thứ 21 chiến thắng Điện Biên Phủ (7-5-1954).

Kỷ niệm 30 năm Ngày chiến thắng Điện Biên Phủ (1984), Chủ tịch Quốc hội Trường Chinh đánh giá: *"Điện Biên Phủ, cái tên kỳ diệu ấy đã đi vào lịch sử dân tộc ta như Bạch Đằng, Chi Lăng, Đống Đa... Đó là khúc nhạc mở màn cho bản trường ca chống Mỹ cứu nước"* (4)

Kỷ niệm 50 năm Ngày chiến thắng Điện Biên Phủ, vị Đại tướng của chiến trường năm xưa đã gửi gắm lòng tin hãy *"làm nên một Điện Biên Phủ mới trong sự nghiệp đổi mới. Mỗi người, mỗi tổ chức có những nỗ lực vượt bậc, lập nên những đỉnh cao thành tích mới, những "Điện Biên Phủ" lớn, nhỏ trên các lĩnh vực kinh tế, khoa học, giáo dục, văn hóa, xã hội"* (5).

Bởi vì, như Bác Hồ đã căn dặn: "Còn nhiều Điện Biên Phủ khác đang chờ đợi chúng ta". ❑

---

(3) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 7, tr 406

(4) Trường Chinh: *Kỷ niệm 30 năm chiến thắng Điện Biên Phủ*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1994, tr 13

(5) Võ Nguyên Giáp: *"Tinh thần Điện Biên Phủ sống mãi trong sự nghiệp chúng ta"*, Tạp chí Cộng sản, số 6 (3-2004), tr 23



Digitized by Google

# ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI NHÀ NƯỚC VÀ XÃ HỘI

NGUYỄN KHÁNH * và PHẠM NGỌC QUANG **

**I - Quá trình đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng - từ nhận thức đến hiện thực**

1 - Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội là hệ thống các hình thức, biện pháp, lề lối làm việc mà Đảng sử dụng để tác động đến đối tượng lãnh đạo của mình là Nhà nước và xã hội nhằm tập hợp, quy tụ, phát huy sức mạnh của mọi lực lượng trong hệ thống chính trị và đông đảo nhân dân, để thực hiện thắng lợi đường lối, nhiệm vụ chính trị do Đảng đề ra.

Phương thức lãnh đạo phụ thuộc vào đường lối chính trị của Đảng trong mỗi thời kỳ và trong từng lĩnh vực. Phương thức lãnh đạo còn tùy thuộc vào sự phát triển của bản thân cơ quan lãnh đạo, những tiến bộ của người lãnh đạo về tri thức, nhận thức, năng lực tổ chức; trình độ áp dụng các tiến bộ khoa học vào công việc lãnh đạo. Vì thế, đổi mới phương thức lãnh đạo không tách rời việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Đảng mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, về đội ngũ cán bộ là nhân tố quyết định kết quả đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

Phương thức lãnh đạo phụ thuộc vào vị thế hiện thực của Đảng trong xã hội. Cùng với việc lãnh đạo thông qua các tổ chức của Đảng và tổ chức quần chúng, Đảng lãnh đạo xã hội bằng Nhà nước, thông qua Nhà nước, coi đó là điều kiện và ưu thế quan trọng nhất của đảng cầm quyền. Sự vững mạnh và hoạt động có hiệu quả của cơ quan nhà nước và các đoàn thể nhân dân là thước đo hiệu quả lãnh đạo, sự đúng đắn về phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội.

Với nhận thức ấy, từ Đại hội VI đến nay, Đảng ta đã liên tục cải tiến phương thức lãnh đạo đối với toàn xã hội, đối với Quốc hội, Chính phủ, các cơ quan tư pháp, đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

2 - Sứ mệnh lịch sử của Đảng Cộng sản Việt Nam - Đảng cầm quyền duy nhất khi đất nước đã độc lập, tự do - là lãnh đạo và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, xây dựng đất nước giàu mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh.

Nhiệm vụ chủ yếu của Đảng là xây dựng, bảo đảm, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, làm cho tất cả quyền lực thuộc về nhân dân - bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Đảng có quyền lực chính trị được toàn dân thừa nhận, nhưng không biến mình thành cơ quan quyền lực nhà nước, thành cơ quan quản lý, mà tôn trọng, đề cao, phát huy vai trò, thẩm quyền và hiệu lực quản lý của Nhà nước. Đảng đảm

* Nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ

** GS, TS, Thư ký chuyên trách Hội đồng Lý luận Trung ương


Digitized by Google

nhận trách nhiệm trước toàn dân lãnh đạo Nhà nước giữ vững bản chất cách mạng, thật sự là Nhà nước của dân, do dân và vì dân, ngăn ngừa và khắc phục tệ quan liêu, nạn tham nhũng, tình trạng cán bộ có chức, có quyền đặc quyền, đặc lợi.

Sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng là nhân tố quyết định chất lượng và hiệu quả của bộ máy nhà nước. Đảng là người đề xướng và lãnh đạo triển khai công cuộc đổi mới, mà một trong những nội dung chủ yếu là đổi mới, cải cách tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, xây dựng các cơ quan nhà nước trong sạch, vững mạnh, quản lý có hiệu lực, hiệu quả. Thực tế cho thấy, bản thân cơ quan chính quyền không thể tự đổi mới, tự cải cách tổ chức và hoạt động của mình đạt kết quả, nếu không có sự lãnh đạo chặt chẽ với tư duy mới và phương thức mới của Trung ương Đảng và các cấp ủy.

*Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* được Đại hội VII của Đảng thông qua, đã nêu rõ: "Đảng lãnh đạo xã hội bằng Cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương công tác; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức kiểm tra và bằng hành động gương mẫu của đảng viên. Đảng giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo chính quyền và các đoàn thể. Đảng không làm thay công việc của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị", "Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy. Đảng liên hệ mật thiết với nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật". Điều lệ Đảng bổ sung, sửa đổi do Đại hội IX của Đảng thông qua đã cụ thể hóa nội dung Cương lĩnh, dành một chương quy định về phương thức Đảng lãnh đạo Nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội. Đây chính là sự tổng kết thực tiễn và định hướng cho việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

3 - Trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trình độ dân trí được nâng cao. Đảng không thể lãnh đạo Nhà nước và xã hội theo cách thức thời kỳ chiến tranh và thời kỳ quản lý tập trung quan liêu, bao cấp. Trung ương Đảng đã điều chỉnh, đổi mới phương thức lãnh đạo của mình đối với Nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội.

Ngay khi phát động công cuộc đổi mới, Đại hội VI của Đảng chỉ ra rằng: Tình trạng Đảng bao biện công việc chính quyền là một khuyết điểm, cũng là một nhược điểm kéo dài của Đảng trong công tác lãnh đạo. Hậu quả của tình trạng đó là một bộ máy nhà nước - cả cơ quan lập pháp và cơ quan hành pháp - ở trong thế thụ động, hoạt động kém hiệu lực, không làm đúng quyền hạn và trách nhiệm theo chức năng được nhân dân giao cho. Trong tình hình đó, chính bản thân Đảng cũng suy yếu. Do không tập trung được công sức làm chức năng lãnh đạo chính trị, cơ quan đảng sa vào những công việc cụ thể thuộc thẩm quyền của Nhà nước, trong khi lại không chịu trách nhiệm rành mạch về các quyết định của mình. Đảng yêu cầu khắc phục tình trạng lẫn lộn chức năng lãnh đạo của Đảng với chức năng quản lý của Nhà nước, bỏ cách lãnh đạo theo kiểu bao biện, làm thay chính quyền, đồng thời, phê phán và khắc phục khuynh hướng muốn giảm nhẹ vai trò lãnh đạo của Đảng trong các cơ quan nhà nước. Đảng nhấn mạnh, vấn đề mấu chốt để giải quyết đúng mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước là phân định rõ chức năng, quy định cụ thể lề lối làm việc giữa cơ quan lãnh đạo của Đảng với cơ quan nhà nước ở các cấp, trước hết là ở Trung ương.

Từ khi bắt đầu công cuộc đổi mới đến nay, nhiều nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã xác định nội dung, phạm vi lãnh đạo, mối quan hệ lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với cơ quan nhà nước, trước hết là ở Trung ương. Đảng coi trọng đổi mới phong cách và lề lối làm việc, kiên trì tổ chức hoạt động theo đúng chương trình và quy trình đã xác định, chỉ đạo sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan thường trực của


Digitized by Google

cấp ủy đảng với cơ quan thường trực của Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ở địa phương.

Với tư cách người lãnh đạo chính trị, Đảng quyết định các vấn đề lý luận, quan điểm, tư tưởng chỉ đạo, định hướng cho hoạt động của các cơ quan nhà nước; lãnh đạo Quốc hội và Chính phủ thể chế hóa các chủ trương lớn của Đảng thành luật pháp theo đúng trình tự, thủ tục của Nhà nước. Đảng không quyết định những chủ trương cụ thể thuộc phạm vi quản lý của Nhà nước và các đoàn thể nhân dân. Đảng kết hợp hai hình thức: lãnh đạo qua tổ chức của Đảng và lãnh đạo qua cá nhân cán bộ, đảng viên là người đứng đầu các cơ quan nhà nước và các đoàn thể chính trị, xã hội. Cấp ủy coi trọng ý kiến của các chuyên gia, các nhà khoa học là đảng viên hay không phải là đảng viên.

4 - Cùng với cải tiến sự lãnh đạo đối với Nhà nước, Đảng tăng cường lãnh đạo công tác vận động quần chúng của tổ chức đảng, của các đoàn thể nhân dân, của các cơ quan nhà nước. Đảng lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân nâng cao tinh thần tự chủ, chống khuynh hướng "hành chính hóa" tổ chức và "công chức hóa" cán bộ đoàn thể; định hướng về nội dung và tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể phát huy, mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, tham gia thiết thực và có hiệu quả vào quá trình quản lý xã hội, vào việc chuẩn bị các quyết định của tổ chức đảng và cơ quan nhà nước.

Như vậy, trong quá trình triển khai công cuộc đổi mới, Đảng đã từng bước điều chỉnh, đổi mới, định hình phương thức lãnh đạo đối với Nhà nước và xã hội đúng với vị trí và trách nhiệm của mình, vừa nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, vừa phát huy trách nhiệm, hiệu lực của Nhà nước pháp quyền, nâng cao tính tự chủ của các đoàn thể nhân dân. Sự đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội là biểu hiện rõ nét của sự phát triển chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ mới, phản ánh bước tiến về năng lực tư duy, năng lực tổ chức của Đảng.

**II - Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong thời kỳ mới**

Đến nay, các vấn đề lý luận, nhận thức về đảng cầm quyền, về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, về Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội nói chung ngày càng sáng tỏ. Và trong thực tế, Đảng lãnh đạo Nhà nước và xã hội theo tinh thần đổi mới. Tuy vậy, về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng vẫn còn một số vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu:

*Một là*, Đảng lãnh đạo Nhà nước và xã hội trước hết bằng đường lối, chính sách, chủ trương. Vậy Đảng lãnh đạo quá trình tổ chức thực hiện đường lối, chính sách của Đảng như thế nào?

Những năm gần đây, Đảng ta rất coi trọng việc khắc phục tình trạng tổ chức đảng bao biện công việc quản lý của cơ quan nhà nước. Tuy vậy, ở các địa phương và cơ sở, vẫn còn khá phổ biến tình trạng cấp ủy quyết định quá nhiều công việc thuộc chức năng, thẩm quyền của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân; đồng thời, cũng có tình trạng cấp ủy lãnh đạo không chặt tổ chức và hoạt động của chính quyền.

Thực tiễn cho thấy, lẫn lộn chức năng lãnh đạo của Đảng với chức năng quản lý của Nhà nước là sai, nhưng cũng sai lầm không kém nếu tách biệt hoàn toàn hai chức năng lãnh đạo và quản lý. Đảng cầm quyền phải bảo đảm vững chắc sự lãnh đạo về chính trị, phải quyết định các vấn đề về đường lối, quan điểm; đồng thời, phải lãnh đạo sâu sát, cụ thể việc hiện thực hóa chủ trương, đường lối của Đảng trong cuộc sống, chứ không chỉ ra nghị quyết. Đương nhiên cách lãnh đạo, tổ chức thực hiện khác với công việc quản lý của Nhà nước, khác với phương thức hoạt động của các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp. Vấn đề là, định rõ những loại việc Đảng cần trực tiếp quyết định, những việc quan trọng cần có định hướng của Đảng để cơ quan nhà nước quyết định theo thể chế nhà nước; những công việc cụ thể về quản lý kinh tế - xã hội do cơ quan chính quyền quyết định theo


Digitized by Google

thẩm quyền. Cái khó là ở chỗ, không thể quy định một cách máy móc và cứng nhắc loại việc nào thuộc lãnh đạo, loại việc nào thuộc quản lý, loại việc nào là chính trị, loại việc nào là kinh tế, mà các đồng chí lãnh đạo cơ quan đảng phải xem xét cụ thể từng trường hợp, từng vấn đề cụ thể, kết hợp khoa học tổ chức với nghệ thuật lãnh đạo của Đảng. Điều cơ bản là, mỗi tổ chức, cá nhân thực hiện đúng chức năng và nhiệm vụ của mình, chịu trách nhiệm đầy đủ về các quyết định của mình, khắc phục xu hướng chuyển trách nhiệm lên trên; cán bộ phụ trách chính quyền chuyển trách nhiệm cho cấp ủy, không dám hoặc không muốn quyết định theo đúng trách nhiệm và quyền hạn của mình.

Sau khi đã quyết định đường lối, chủ trương, Đảng lãnh đạo việc cụ thể hóa, thể chế hóa thành các kế hoạch, biện pháp, chương trình công tác của cơ quan nhà nước và các đoàn thể nhân dân, chuyển tư tưởng, quan điểm của Đảng thành hành động cụ thể, thiết thực của Nhà nước, của nhân dân. Các tổ chức đảng và đảng viên giữ trọng trách trong cơ quan nhà nước phải làm công tác tư tưởng, tuyên truyền vận động, theo dõi, kiểm tra chặt chẽ để cán bộ, đảng viên, công chức nhận thức đúng và hành động đúng theo quan điểm, tư tưởng chỉ đạo của Đảng, gương mẫu thực hiện pháp luật của Nhà nước, làm tốt phận sự, chức trách được giao.

*Hai là*, sự lãnh đạo tập trung, thống nhất về công tác cán bộ trong toàn bộ hệ thống chính trị là một trong những nhiệm vụ lãnh đạo chủ yếu. Đảng xác định các quan điểm, nguyên tắc về việc thành lập, sắp xếp các tổ chức, tiêu chuẩn cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt, về đào tạo và sử dụng cán bộ. Đảng quyết định việc đảng viên giữ các chức vụ quan trọng trong bộ máy nhà nước, rồi giới thiệu và lãnh đạo để cơ quan nhà nước và tổ chức bầu cử hoặc bổ nhiệm theo quy trình, thủ tục của Nhà nước, theo Điều lệ và cách thức của các đoàn thể.

Đưa cán bộ giỏi, có uy tín của Đảng vào bộ máy nhà nước để bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng là vấn đề hệ trọng, nhưng cần lựa chọn và bố trí đúng những cán bộ vừa có năng lực lãnh đạo chính trị, vừa có năng lực quản lý nhà nước, để phụ trách các cơ quan nhà nước, nhất là những cơ quan quản lý kinh tế, kỹ thuật. Tiêu chuẩn cán bộ quản lý nhà nước có những điều khác với tiêu chuẩn cán bộ làm công tác đảng. Không lấy tiêu chuẩn cán bộ, đảng viên của Đảng để chuyển sang và bố trí cán bộ chính quyền. Không nên quan niệm đã là cấp ủy thì đương nhiên có đủ trình độ, năng lực làm thủ trưởng cơ quan chính quyền. Đảng có nhiệm vụ lãnh đạo, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước có phẩm chất chính trị tốt và có trình độ chuyên môn cao, làm việc chuyên sâu, thành thạo nghiệp vụ, tránh tình trạng mỗi lần bầu cấp ủy là lại đảo lộn nhân sự bộ máy nhà nước.

Đảng cần cử cán bộ lãnh đạo cơ quan chính quyền, nhưng không phải bất kỳ vị trí công tác nào trong chính quyền cũng phải do cấp ủy viên và đảng viên đảm nhiệm. Đảng cầm quyền thì đương nhiên đảng viên phải chiếm đa số trong các cơ quan nhà nước. Nhưng để phát huy dân chủ và trí tuệ của nhân dân, thể hiện tinh thần đại đoàn kết toàn dân, cần có một tỷ lệ nhất định người ngoài Đảng giữ chức vụ lãnh đạo và quản lý thích hợp với yêu cầu của từng tổ chức.

Tiếp tục đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với các cuộc bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp. Đảng lãnh đạo việc xác định tiêu chuẩn đại biểu và quy chế bầu cử. Đảng giới thiệu những đảng viên ưu tú được nhân dân tín nhiệm để Mặt trận Tổ quốc đưa vào danh sách ứng cử viên. Đảng lãnh đạo tư tưởng và kiểm tra những cán bộ, đảng viên phụ trách bầu cử để bảo đảm cho nhân dân thực hiện được quyền dân chủ lựa chọn, giới thiệu, bầu cử những đại biểu tiêu biểu, không bị gò ép.

Việc quản lý, lựa chọn, bố trí cán bộ cần thận trọng, qua sự nghiên cứu, xem xét của nhiều tổ chức đảng và Nhà nước. Khi xem xét cán bộ thuộc trách nhiệm quản lý trực tiếp của Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nhân dân, phải rất coi trọng ý kiến của người phụ trách các cơ quan ấy để sự đánh giá, lựa chọn sát


Digitized by Google

với yêu cầu của công việc và khả năng thực tế của cán bộ. Đảng phải nắm chắc vấn đề cán bộ, đồng thời người đứng đầu cơ quan nhà nước và đoàn thể phải chịu trách nhiệm đầy đủ trước Đảng, Nhà nước và đoàn thể về công tác cán bộ theo luật pháp và Điều lệ của tổ chức.

*Ba là,* sự lãnh đạo của Đảng trên lĩnh vực tư pháp. Trong quá trình củng cố và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, mở rộng và phát huy dân chủ đồng thời với tăng cường kỷ luật, kỷ cương nhà nước. Trong tình hình toàn Đảng, toàn dân tiến hành cuộc đấu tranh quyết liệt chống tiêu cực, chống tội phạm, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, vai trò và trách nhiệm, tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong lĩnh vực này càng phải được tăng cường và đổi mới.

Theo tư tưởng chỉ đạo của Đảng và theo Hiến pháp, Tòa án nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao chịu sự chỉ đạo của Quốc hội. Trong việc điều tra, xét xử, các cơ quan ấy có quyền độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Nhưng Đảng phải lãnh đạo Nhà nước một cách toàn diện, cả lập pháp, hành pháp và tư pháp, để bảo đảm cho các cơ quan điều tra, công tố, xét xử, thực hiện đúng tính chất hoạt động độc lập, làm đúng chức năng và thẩm quyền; đồng thời, có đủ ý thức trách nhiệm, trung thực và công tâm, có đủ bản lĩnh, năng lực bảo vệ pháp luật, bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân, giữ nghiêm được kỷ cương, trật tự xã hội.

Nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng đối với cơ quan xét xử thể hiện chủ yếu ở sự hướng dẫn về phương hướng, quan điểm xử lý cho phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng trong từng thời kỳ, nhất là đối với những loại tội phạm về an ninh quốc gia, về tham nhũng, buôn lậu. Đối với các vụ án cụ thể, Đảng không can thiệp trực tiếp vào việc xét xử, không quyết định tội danh và mức hình phạt, kể cả khi bị can là cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước. Đảng yêu cầu các cấp ủy, các cấp chính quyền tạo điều kiện thuận lợi để các cơ quan pháp luật điều tra, xử lý đúng người, đúng tội. Đảng chỉ đạo việc kiện toàn tổ chức và tăng cường cán bộ đủ phẩm chất và năng lực cho Tòa án và Viện Kiểm sát các cấp, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, giáo dục, bồi dưỡng về chính trị và chuyên môn cho các thẩm phán, cán bộ điều tra và các cán bộ khác trong lĩnh vực tư pháp.

*Bốn là,* tổ chức bộ máy công tác của các cấp ủy như thế nào để bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, không gây ra sự trùng lắp về nội dung công tác giữa các cơ quan chuyên môn của Đảng và cơ quan nhà nước?

Trước đây, cấp ủy quyết định mọi chủ trương về kinh tế, xã hội, kể cả những việc lẽ ra để cơ quan nhà nước và các đoàn thể làm. Nay, Đảng đổi mới phương thức lãnh đạo, không trực tiếp quyết định những việc cụ thể thuộc chức năng, thẩm quyền của cơ quan nhà nước, thì đương nhiên phải điều chỉnh bộ máy công tác của Đảng cho phù hợp. Trung ương Đảng và các cấp ủy cần xây dựng và kiện toàn bộ máy công tác có chất lượng cao để bảo đảm công việc của cơ quan lãnh đạo: từ nghiên cứu lý luận, xây dựng chủ trương, đường lối đến chỉ đạo, kiểm tra quá trình thực hiện. Đồng thời, Đảng không thu hẹp lực lượng tham mưu của mình trong các cơ quan của bộ máy đảng, mà huy động, tận dụng khả năng của các tổ chức đảng và cá nhân đảng viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước và đoàn thể nhân dân vào việc nghiên cứu, chuẩn bị cho Đảng các vấn đề về chủ trương, đường lối trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Trong điều kiện và quyền hạn ấy, bộ máy chuyên trách của Đảng phải tinh gọn, hợp lý; chức năng, nhiệm vụ và cách làm việc phải phù hợp với yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, không trùng lắp với các cơ quan hành chính nhà nước, để tránh tình trạng có "hai trung tâm" chỉ đạo những loại công việc giống nhau. Hoạt động của các tổ chức đảng như Ban Cán sự, Đảng ủy trong Chính phủ, các bộ, Ủy ban nhân dân các cấp và các doanh nghiệp nhà nước phải bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng; đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho sự chỉ đạo, điều hành tập trung, thống nhất, có hiệu lực cao của bộ máy nhà nước. ❑


Digitized by Google

# Bảo đảm sự bình đẳng về kinh tế của phụ nữ Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế

LÊ TRỌNG *

**1 - Sự phân hóa giữa các nước ngày càng tăng trong toàn cầu hóa kinh tế hiện nay ảnh hưởng tiêu cực đến việc bảo đảm bình đẳng giới trong kinh tế**

Xu thế khách quan của toàn cầu hóa kinh tế cơ bản được quyết định bởi trình độ phát triển mạnh mẽ và tính chất xã hội hóa cao của lực lượng sản xuất toàn cầu. Điều đó thúc đẩy nhanh quá trình phân công và hiệp tác lao động trên phạm vi quốc gia và quốc tế. Sự lan tỏa của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ mới, nhất là công nghệ thông tin và sự ra đời của kinh tế tri thức đã làm cho quá trình xã hội hóa lực lượng sản xuất diễn ra sâu rộng, bao gồm nhiều lĩnh vực, kể cả chuyên môn hóa lẫn tập trung hóa, trong sản xuất hàng hóa, dịch vụ, vốn đầu tư, chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực... trên phạm vi toàn cầu.

Nếu chỉ xét ở những đặc điểm có tính quy luật ấy của quá trình toàn cầu hóa thì mặt tích cực trở thành xu thế chủ đạo trong quá trình toàn cầu hóa kinh tế. Chẳng hạn, việc tham gia vào quá trình phân công và hợp tác lao động có tác dụng làm cho các quốc gia phát huy những lợi thế so sánh của mình để đạt được hiệu quả kinh tế - xã hội cao nhất. Các nước đang phát triển có nguồn tài nguyên phong phú, lao động rẻ và dồi dào kết hợp với các nước giàu, các nước công nghiệp phát triển có nhiều vốn đầu tư, có trình độ khoa học và công nghệ tiên tiến để đầu tư sản xuất, kinh doanh làm ra ngày càng nhiều sản phẩm có chất lượng, rẻ và nâng cao chất lượng dịch vụ tiện ích cho loài người. Nghĩa là trong hợp tác có thể đạt được trạng thái đôi bên đều có lợi (gọi là nguyên tắc win - win trong quan hệ quốc tế).

Đáng lý ra, trong các quan hệ đó, phần lợi và phần ưu tiên nên dành nhiều hơn cho các nước nghèo, bởi vì trong lịch sử họ đã là những nước chịu nhiều đau thương, mất mát và thiệt thòi, chịu sự áp bức, bóc lột thậm tệ do chế độ cai trị của thực dân gây ra, mà chế độ đó lại bắt nguồn từ những nước tư bản giàu có. Loài người tiến bộ đang khát khao và phấn đấu sao cho quá trình toàn cầu hóa tạo ra những điều kiện cơ bản để các quốc gia, dân tộc, các nhóm cộng đồng dân cư giữa nam và nữ giảm sự chênh lệch về thu nhập, để cùng nhau tiến lên theo hướng ngày càng bảo đảm đầy đủ hơn quyền con người, trong đó có quyền bình đẳng về giới trên toàn cầu. Nhưng, trật tự thế giới hiện nay đang đặt ra nhiều vấn đề mang tính toàn cầu. Chẳng hạn, tính đến năm 2003, toàn thế giới có khoảng 60 000 tập đoàn xuyên quốc gia đang dùng sức mạnh

* PGS, TS Kinh tế, Trung tâm Nghiên cứu Giới, Gia đình và Môi trường phát triển


Digitized by Google

kinh tế, trong đó có sức mạnh đồng tiền để chi phối, thống trị nền kinh tế thế giới. Họ cổ xúy mạnh mẽ cho thị trường tự do, cho việc đẩy nhanh quá trình toàn cầu hóa, nhưng họ chẳng những không làm được những điều tốt đẹp mà ngược lại, làm gia tăng những bất công, làm trầm trọng hơn tình trạng lệ thuộc cho không ít nước nghèo. Động lực vơ vét lợi nhuận tối đa đang gây biết bao khó khăn cho các nước nghèo. Nhiều nước rơi vào tình trạng nợ nần không ngóc đầu dậy được sau các cuộc khủng hoảng kinh tế, tài chính và chính trị.

Thực chất của cuộc chiến tranh do Mỹ khởi xướng tại I-rắc năm 2003 đã càng ngày càng lộ rõ một sự dối trá đến kệch cỡm. Vũ khí hủy diệt hàng loạt là cái cớ duy nhất để Mỹ tiến hành chiến tranh thì tìm mãi không thấy đâu, trong khi sự giành giật về lợi ích của các tập đoàn dầu khí và của các tổ hợp công nghiệp quốc phòng Mỹ thì ngày càng lộ rõ. Thế mà Mỹ và Anh đã bất chấp luật pháp quốc tế, chà đạp lên nhân quyền, quyền tự quyết sơ đẳng của nhân dân I-rắc, phát động chiến tranh, giết hại hàng vạn người, trong đó có cả trẻ em, người già và phụ nữ vô tội bằng những loại vũ khí hiện đại nhất hiện có trong tay Mỹ.

Bộ mặt thật của siêu cường muốn thực hiện bá chủ thế giới không che giấu được ai trong cái gọi là "thúc đẩy toàn cầu hóa và tự do". Giáo sư Trần Văn Giàu đã nhận xét: Thực chất toàn cầu hóa trong điều kiện hiện nay đã và đang bị các nước giàu mạnh lợi dụng làm "phương pháp xâm lược và thống trị" mới, mà điều đó không có gì mới nếu xét về bản chất tìm kiếm siêu lợi nhuận của chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc(1). Từ đó có thể kết luận, giai đoạn hiện nay của toàn cầu hóa đang dẫn đến sự phân cực ngày càng tăng giữa các nước giàu và các nước nghèo; xung đột khu vực, xung đột sắc tộc, chiến tranh cục bộ, khủng bố... đang bị các thế lực hiếu chiến "đục nước để béo cò". Bình đẳng giới hiện nay đang bị đe dọa nghiêm trọng.

Thêm nữa, sự phân cực giữa các nhóm dân cư và các quốc gia đang diễn ra rất sâu sắc. Nếu sự chênh lệch giữa 1/5 số người giàu nhất và 1/5 số người nghèo nhất trên thế giới vào năm 1960 của thế kỷ XX có tỷ lệ 13 - 1, thì cuối thế kỷ XX, tỷ lệ đó đã tăng lên 75 - 1. Cụ thể hơn nữa, 1/5 số dân thế giới thuộc nhóm nghèo chỉ sử dụng có 1,4% tài nguyên, dự trữ của cải thế giới, trong khi 1/5 số dân thế giới thuộc nhóm giàu sử dụng 85% tài nguyên, dự trữ của cải thế giới. Hiện đang có 1,3 tỉ người đang phải sống dưới mức nghèo khổ. UNESCO công bố: Nếu ở cuối thế kỷ XIX, sự chênh lệch về phát triển và thu nhập giữa "Bắc và Nam" là 10 - 1, thì ở cuối thế kỷ XX tỷ lệ ấy đã nhảy lên 50 - 1.

Những bất công và sự phân biệt trong trật tự thế giới hiện nay không chỉ dừng lại ở những con số thống kê tổng quát, mà còn thể hiện qua cả những hành động cụ thể. Qua việc Mỹ dùng cái gọi là "luật chống bán phá giá" để ngăn cản xuất khẩu cá tra và cá ba-sa của Việt Nam, có thể thấy đây cũng là một lời cảnh báo đối với nhiều nước nghèo khác trước sự áp đặt luật chơi không công bằng trong quan hệ buôn bán.

**2 - Phụ nữ Việt Nam đã có cống hiến to lớn trong đấu tranh vì độc lập và quyền bình đẳng, họ cần được bảo đảm đầy đủ quyền bình đẳng trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế**

Trong suốt quá trình lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam, vị trí và vai trò của nữ giới (hơn một nửa dân số Việt Nam) là rất to lớn. Các anh hùng dân tộc là nữ như Hai Bà Trưng, Bà Triệu Thị Trinh và

(1) Xem: *Tạp chí Cộng sản*, số 19, tháng 10-1999, tr 17


Digitized by Google

nhiều tấm gương tiêu biểu khác qua các thời kỳ lịch sử cho thấy suy nghĩ của người phụ nữ Việt Nam đã không chỉ dừng lại ở đấu tranh giành quyền bình đẳng giới cho mình, mà khi đất nước lâm nguy thì quyền bình đẳng giữa các dân tộc, quyền tự do độc lập dân tộc đã được đặt lên hàng đầu. Lịch sử dân tộc đã khắc sâu những chữ son về vai trò của người phụ nữ Việt Nam: "Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang" trong gần 30 năm đất nước tiến hành cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm của thế kỷ XX; "Năng động, sáng tạo, trung hậu, đảm đang" trong hòa bình, xây dựng đất nước.

Hậu quả nặng nề của gần 3 thập niên chiến tranh không thể khắc phục ngay trong một sớm một chiều. Nhiều gia đình mẹ mất con, vợ mất chồng, và cuối cùng toàn bộ gánh nặng lại đặt lên vai người phụ nữ Việt Nam.

Những năm gần đây, thế giới cũng đã đánh giá cao thành tựu của Việt Nam trong việc bảo đảm sự bình đẳng về giới, cho dù đất nước còn nghèo, thu nhập quốc dân bình quân đầu người còn thấp. Chẳng hạn, năm 2001, Việt Nam chỉ được xếp thứ 120 theo mức thu nhập GDP bình quân đầu người, nhưng Việt Nam lại đứng thứ 89 trong số 146 nước được tính Chỉ số phát triển giới (GDI). Điều đó đánh dấu sự tiến bộ vượt bậc so với 5 năm về trước (năm 1997 Việt Nam được xếp thứ 101 trên 146 nước được tính Chỉ số phát triển giới). Tỷ lệ tử vong của sản phụ đã giảm nhanh từ 2‰ (năm 1990) xuống còn 1‰ (năm 1999). Theo đánh giá của nhiều tổ chức quốc tế có trụ sở tại Việt Nam, thì tỷ lệ số hộ nghèo của cả nước đã giảm đi một nửa trong khoảng thời gian 1990 - 2000. Trong những thành quả đó, phụ nữ Việt Nam cống hiến rất to lớn.

Ngày nay, đất nước đang phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tiến hành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chủ động hội nhập kinh tế thế giới và khu vực, do đó đã tạo ra nhiều cơ hội cho người lao động nói chung và phụ nữ nước ta nói riêng tìm kiếm việc làm và đào tạo tay nghề, trau dồi kiến thức để có thu nhập ổn định và không ngừng được cải thiện. Sự phát triển của đất nước trong xu thế hội nhập đã tạo ra nhiều cơ hội để tăng năng suất lao động, giảm nhẹ cường độ lao động của phụ nữ trong hầu hết các công việc, trong đó có công việc nội trợ trong gia đình. Cụ thể như hàng loạt các thiết bị hiện đại đã được cập nhật nhanh chóng với thế giới, như nồi cơm điện, bếp ga, tủ lạnh, máy giặt, máy hút bụi, và các phương tiện thông tin cá nhân khác. Nhờ đó, phụ nữ được giải phóng dần khỏi những công việc nặng nhọc, vất vả, có thêm thời gian để giải trí, nâng cao trình độ chuyên môn và cải thiện đời sống tinh thần.

Tuy vậy, tác động tiêu cực của xu thế hội nhập và mặt trái của cơ chế thị trường đang làm cho quá trình phân hóa giàu nghèo giữa các quốc gia, và giữa các nhóm dân cư tăng lên nhanh chóng. Đó cũng là thách thức lớn đối với phụ nữ thế giới nói chung và phụ nữ Việt Nam nói riêng.

Càng áp dụng nhanh những thành tựu mới về khoa học và công nghệ để tăng năng suất lao động thì sự dư thừa lao động lại có xu hướng tăng lên. Do đó, số lao động chưa được đào tạo cơ bản, lao động sức khỏe kém, nhất là lao động nữ với những "thiên chức" của mình luôn bị thua thiệt. Trước sức ép của cạnh tranh quốc tế và giảm chi phí lao động, các chủ sử dụng lao động đều không thiết tha thực hiện những ưu tiên, ưu đãi đối với lao động nữ như Đảng và Nhà nước Việt Nam quy định. Kết quả khảo sát các doanh nghiệp ở Hà Nội cho thấy, giai đoạn 1996 - 2000, số lao động dư


Digitized by Google

thừa bình quân hằng năm là 11,66%, trong số đó phụ nữ đã chiếm tới 85,14%. Đã vậy, cơ hội tìm kiếm việc làm mới đối với lao động nữ vẫn thua kém hơn lao động nam vì những đặc điểm riêng có của người phụ nữ.

Mặc dầu những năm qua Việt Nam đã đạt được thành tựu to lớn trong lĩnh vực xóa đói giảm nghèo, nhưng tốc độ phân hóa giàu nghèo chưa có dấu hiệu giảm xuống. Số liệu điều tra mức sống dân cư của Tổng cục Thống kê năm 1996 cho thấy, khoảng cách giữa 1/5 dân số thuộc nhóm giàu nhất và 1/5 dân số thuộc nhóm nghèo nhất là 6,78 lần, thì hiện nay khoảng cách đó đã tăng lên khoảng 14 lần. Tỷ lệ chi tiêu của nhóm nghèo nhất trong thời gian 1993 - 1998 đã giảm từ 8,8% xuống còn 8,0%, trong khi đó chi tiêu của nhóm giàu nhất lại tăng lên đáng kể, từ 40,4% lên 43,7%. Tài liệu mới nhất của Liên hợp quốc cảnh báo rằng, nếu Việt Nam không có những biện pháp hữu hiệu thì tới đây có nguy cơ xuất hiện hai tốc độ phát triển trong cùng một quốc gia thể hiện mức chênh lệch ngày càng tăng giữa nhóm dân cư được hưởng lợi cao nhất và nhóm khác bị thiệt thòi trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Một yếu tố rất đáng lưu ý đối với các nhà hoạch định chính sách, đó là sự phân hóa ngày càng rõ cả về tiếp cận thông tin giữa các nhóm dân cư và giữa nam và nữ. Bởi vậy, để vừa chủ động hội nhập thành công kinh tế thế giới, phát triển nhanh và bền vững nền kinh tế quốc dân, vừa bảo đảm sự hài hòa về phát triển xã hội, công bằng, dân chủ và văn minh, trong đó có những tiến bộ rõ rệt hơn nữa về bình đẳng giới, thiết nghĩ trước mắt cần thực thi một số giải pháp cơ bản, như sau:

*Một là,* nếu coi quá trình toàn cầu hóa kinh tế hiện nay như một "sân chơi" chung, thì chúng ta phải luôn lưu ý đến một thực tế là đang có sự cách biệt quá lớn về trình độ phát triển giữa nhóm nước giàu và nhóm nước nghèo. Hiện nay, rõ ràng các nước giàu dễ giành phần thắng về mình. Và trên thực tế, các quan hệ trong thương mại quốc tế còn chưa công bằng. Các nước giàu có nhiều thế mạnh về các mặt hàng công nghiệp, điện tử và hàng hóa có hàm lượng khoa học, công nghệ cao, nên họ áp đặt chế độ tự do thương mại mạnh mẽ; trong khi các mặt hàng nông sản của các nước đang phát triển (thường nhiều và rẻ) đang gặp nhiều bế tắc trong quan hệ buôn bán. Hội nghị các Bộ trưởng thương mại của 146 nước thành viên WTO mới đây họp tại Can-cun (Mê-hi-cô) lại thêm một lần thất bại nữa trong việc tìm kiếm giải pháp cho một thế giới có nền thương mại công bằng hơn, mà lý do chính là các nước giàu đang duy sự trì bảo hộ quá lớn đối với các mặt hàng nông sản của họ. Được biết, mỗi năm các nước giàu nhất thế giới chi khoảng 370 - 400 tỉ USD cho trợ cấp nông sản. Các nước này áp đặt biểu thuế cao tới 350% đối với nông sản nhập khẩu, trong khi đó nông sản chiếm tới 70% lượng hàng xuất khẩu của một số nước đang phát triển.

Bởi vậy, trong việc hoạch định các chính sách kinh tế đối ngoại, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế phải kiên trì những quan điểm, nguyên tắc của Đảng ta trong phát triển kinh tế và tìm tòi những bước đi vững chắc để đạt được hiệu quả kinh tế cao một cách bền vững. Trước hết, phải khẳng định rằng, chủ trương của Đảng với nội dung "Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển" là hoàn toàn đúng đắn. Nhưng trên những bước đi cụ thể, chúng ta cũng phải rất thận trọng để vừa hợp tác vừa đấu tranh, phân rõ đối tượng và đối tác... để bảo vệ lợi ích quốc gia, giảm thiểu những tác động tiêu cực, tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức. Nói một cách khái quát, xây dựng cho được nền kinh tế


Digitized by Google

độc lập tự chủ đi lên chủ nghĩa xã hội. Do đó, phải xác định một chiến lược hợp lý để phấn đấu đạt được lợi ích quốc gia tối đa, đồng thời hạn chế đến mức thấp nhất những thua thiệt. Những lợi ích tổng thể được bảo đảm, thì chúng ta mới có đủ các nguồn lực để giải quyết tốt nhất các chính sách xã hội, trong đó có việc bảo đảm sự bình đẳng về giới.

*Hai là*, hội nhập để phát triển bền vững kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh phải đi liền với việc thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, quan liêu và lãng phí. Đây thực chất là rèn luyện đức, tài cho đội ngũ cán bộ, đảng viên để tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng - nhân tố quyết định mọi thắng lợi trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Bởi vì, cán bộ là khâu chuyển tải mọi nội dung, tư tưởng đúng đắn về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước vào cuộc sống. Nhưng thực tế vẫn đang tồn tại một cách đáng lo ngại những tệ nạn quan liêu, tham nhũng. Nó không chỉ dừng lại và thể hiện bằng những tỉ đồng, chục, trăm ngàn tỉ đồng của nước - của dân bị rút ruột, mà điều nguy hại hơn là nó đã ngấm ngầm lái chủ trương, chính sách và pháp luật chệch theo hướng "vinh thân, phì gia", chà đạp lên lợi ích của quốc gia, dân tộc.

Tại Hội nghị Trung ương 8 (khóa IX), đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh nhấn mạnh: ..."kiên quyết chống tha hóa, biến chất, buông lỏng nguyên tắc, xa rời quần chúng, chống quan liêu, tham nhũng... Phải làm cho Đảng, Nhà nước ta thật sự trong sạch, vững mạnh, gắn bó máu thịt với nhân dân theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh"(2).

*Ba là*, sớm xây dựng và thực hiện chiến lược bảo đảm quyền bình đẳng giới, nhất là bình đẳng về kinh tế cho phụ nữ có tính đến các nhân tố mới của tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. So với lịch sử các dân tộc khác trên thế giới, ở Việt Nam, kể từ đời Hậu Lê (có Bộ Luật Hồng Đức), nhất là từ khi có Đảng Cộng sản lãnh đạo đất nước tới nay, chúng ta hoàn toàn có quyền tự hào rằng, Việt Nam đã sớm xác lập được một hệ thống khung khổ pháp luật, mà trong đó có nội dung về việc thực hiện quyền bình đẳng nam - nữ có tính tiến bộ vào loại bậc nhất trên thế giới. Tuy vậy, do phải đương đầu với nhiều giặc ngoại xâm, và những khó khăn kinh tế khác nên việc thực hiện quyền bình đẳng giới vẫn chưa đạt được kết quả như các chủ trương, chính sách và pháp luật đặt ra. Vì vậy, trong thời gian tới việc xây dựng chiến lược bảo đảm sự bình đẳng về giới trong bối cảnh mới là rất cần thiết.

*Bốn là*, bản thân chị em phụ nữ (trên cơ sở chiến lược về bình đẳng giới) cũng phải nỗ lực vươn lên trong mọi lĩnh vực, tìm phương thức và biện pháp hợp lý để đạt được sự bình đẳng với nam giới trong một xã hội văn minh. Theo chúng tôi, trước hết và quan trọng nhất là xã hội phải tạo ra được những điều kiện và cơ hội bình đẳng cho mọi người, nhất là quyền được đào tạo để nâng cao kiến thức, tìm việc làm. Vấn đề là, phải thực sự coi những đặc điểm "thiên chức" của phụ nữ trong sinh sản và nuôi dạy con cái, trong các công việc nội trợ của gia đình cũng là những loại hình hoạt động cần được tính đến như là những chức năng tái sản xuất xã hội và phát triển nguồn nhân lực. Nghĩa là phải tính đến sự đóng góp và có những đãi ngộ thật xứng đáng đối với phụ nữ để từng bước khắc phục hiệu quả tình trạng hiện nay là, khi bình đẳng giới trong lao động được bảo đảm thì người phụ nữ lại vất vả gấp hai, ba lần bởi còn phải gánh vác "thiên chức" và các công việc nội trợ. ❑

(2) *Tài liệu học tập Nghị quyết Hội nghị lần thứ Tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003, tr 17


Digitized by Google

# THẤM SÂU TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ VẺ VANG, ĐIỆN BIÊN VỮNG BƯỚC TRÊN CON ĐƯỜNG ĐỔI MỚI

TRỊNH LONG BIÊN *

ĐẦU thế kỷ XXI, ở thời điểm 2004, chúng ta tự hào nhìn lại 50 năm để đánh giá, và thấy rõ hơn tầm cao và ý nghĩa sâu xa của chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ. Đây là một chiến thắng của trận quyết chiến chiến lược của quân và dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến lâu dài đầy gian khổ hy sinh nhưng rất vẻ vang chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ; một chiến thắng đã tiêu diệt sinh lực địch lớn nhất trong lịch sử đấu tranh của các dân tộc bị áp bức chống một đội quân nhà nghề của bọn thực dân; một chiến thắng kết thúc chủ nghĩa thực dân của Pháp ở Đông Dương và mở đầu quá trình sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa thực dân cũ trên thế giới, cổ vũ nhân dân các nước thuộc địa và nửa thuộc địa đang sống dưới ách thống trị của chủ nghĩa thực dân cũ và mới vùng dậy đấu tranh giành quyền độc lập, tự do. Chiến thắng Điện Biên Phủ còn để lại cho chúng ta nhiều bài học quý giá.

- Đó là bài học về xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam, một đảng Mác - Lê-nin có đường lối kháng chiến đúng đắn, có tổ chức chặt chẽ và kỷ luật nghiêm minh.

- Bài học về tinh thần tự lực tự cường, dựa vào sức mình là chính, với nghệ thuật quân sự thông minh, sáng tạo"lấy yếu đánh mạnh, lấy ít địch nhiều", biết chớp thời cơ đánh địch, huy động sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân, phối hợp chặt chẽ, hợp đồng tác chiến giữa các chiến trường trong cả nước và quốc tế, nhằm chi viện cho trận quyết chiến chiến lược Điện Biên Phủ. Với phương châm đánh chắc, tiến chắc, quân và dân ta đã dẫn địch từ chỗ hung hăng, ngạo mạn đến chỗ hoang mang, dao động và cuối cùng là thất bại nặng nề.

- Đó là bài học về tinh thần đoàn kết quốc tế cao cả, đoàn kết của ba dân tộc Việt Nam - Lào và Cam-pu-chia, sự đồng tình ủng hộ, giúp đỡ tận tình của các nước anh em, của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, của nhân dân yêu chuộng hòa bình, dân chủ tiến bộ trên thế giới, trong đó có nhân dân Pháp.

Nửa thế kỷ đã trôi qua nhưng ý nghĩa lịch sử, bài học sâu sắc của chiến thắng Điện Biên Phủ vẫn còn nguyên giá trị, thấm sâu trong tâm khảm mỗi người dân Việt Nam, trở thành tài sản quý báu làm rạng rỡ thêm trang sử vàng truyền thống chống giặc ngoại xâm oanh liệt của dân tộc. Nó trở thành nguồn sức mạnh "dời non, lấp biển", thành động lực quan trọng thúc đẩy cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Phát huy truyền thống Điện Biên Phủ, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam, thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cả dân tộc ta đã đồng tâm hiệp lực tiếp tục chiến đấu, giành thắng lợi vẻ vang trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, giải

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư lâm thời Tỉnh ủy Điện Biên


Digitized by Google

phóng miền Nam, thống nhất nước nhà, bước vào giai đoạn cách mạng mới, phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Trên vùng đất giàu truyền thống lịch sử, giàu tiềm năng và có vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng - an ninh, từ sau ngày thoát khỏi xiềng xích nô lệ của thực dân, phong kiến và ách áp bức bóc lột của tạo, phìa, lang đạo..., đồng bào các dân tộc Điện Biên đã thực sự đổi đời. Thừa hưởng thành tựu lớn lao của cách mạng, họ càng thấm thía công ơn của Đảng, của cách mạng, một lòng tin tưởng tuyệt đối vào đường lối đúng đắn và sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, càng nhận rõ trách nhiệm to lớn của mình trước yêu cầu phát triển mới của đất nước. Nhìn lại 50 năm qua, so với yêu cầu phát triển chung của đất nước, trên nhiều lĩnh vực Lai Châu, Điện Biên còn phải phấn đấu với một tốc độ cao hơn nữa. Song về cơ bản, những thành tựu kinh tế - xã hội của tỉnh đạt được mấy năm gần đây so với những ngày đầu giải phóng thật đáng khích lệ. Cơ sở chính trị trên địa bàn được xây dựng, củng cố, phát triển. Đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số tham gia trong bộ máy của Đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở ngày càng nhiều; chất lượng hoạt động không ngừng được nâng lên. Tuy là địa bàn biên giới có nhiều nhân tố phức tạp tiềm ẩn nhưng Lai Châu - Điện Biên luôn giữ vững ổn định chính trị. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, theo hướng sản xuất hàng hóa; một số vùng trọng điểm kinh tế của tỉnh đã được hình thành. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội (giao thông, thủy điện, thông tin, trường học, trạm y tế...) được đầu tư xây dựng ở hầu hết các xã và địa bàn dân cư tập trung. Đời sống của đồng bào dân tộc về ăn ở, học hành, chữa bệnh, hưởng thụ văn hóa được nâng lên, nhiều vùng được cải thiện rõ rệt; không khí phấn khởi, đoàn kết dân chủ, giúp nhau cùng phát triển, cùng tiến bộ đang là nét đẹp văn hóa trong đời sống của đồng bào. Tỷ lệ đói nghèo ngày càng giảm mạnh. Sự đổi thay nhanh chóng đó chính là kết quả quá trình phấn đấu không mệt mỏi của đồng bào các dân tộc, sự nỗ lực của Đảng bộ, chính quyền địa phương cùng sự giúp đỡ tận tình của đồng bào cả nước .

Ngày 26-11-2003, tại kỳ họp thứ tư, khóa IX, Quốc hội đã thông qua và ra Nghị quyết cho phép điều chỉnh địa giới hành chính một số tỉnh. Trong đó, Lai Châu được tách thành 2 tỉnh: tỉnh Lai Châu và tỉnh Điện Biên. Trong bối cảnh mới, Điện Biên đang tiến hành rà soát và xây dựng lại quy hoạch phát triển tổng thể về kinh tế - xã hội và an ninh - quốc phòng.

Điện Biên còn nhiều diện tích đất chưa sử dụng, nhất là đất lâm nghiệp (khoảng 500 000 ha, chiếm 55% diện tích tự nhiên). Đây là diện tích có thể khai hoang để phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, chăn nuôi gia súc lớn... hình thành các vùng kinh tế cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến nông sản và thực phẩm. Cánh đồng Điện Biên rộng nhất vùng Tây Bắc, đất đai màu mỡ, nếu áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật sẽ thành nơi sản xuất lương thực hàng hóa chất lượng cao phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Vùng đồng cỏ Mường Nhé, Si Pa Phìn rộng lớn rất thuận lợi để phát triển chăn nuôi, trồng rừng kinh tế và phát triển cây công nghiệp dài ngày.

Quần thể Khu Di tích lịch sử Điện Biên Phủ, di tích thành Bản Phủ, đền Hoàng Công Chất, nhiều danh lam thắng cảnh gắn với địa bàn dân cư đồng bào các dân tộc là một lợi thế để tỉnh phát triển du lịch lịch sử, du lịch sinh thái và du lịch văn hóa dân tộc. Cảng hàng không Điện Biên Phủ đã được đầu tư nâng cấp và mở rộng để tiếp nhận các chuyến bay trong nước và quốc tế... Cửa khẩu Tây Trang, hướng tới sẽ mở cửa khẩu Mường Lói giáp với cố đô Luông Phra-băng của Lào, cửa khẩu A Pa Chải có khả năng giao lưu với khu vực Tây Nam Trung Quốc và Đông Bắc Mi-an-ma.

Năm 2004 là năm tổ chức lễ kỷ niệm 50 năm chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ và Năm Du lịch Điện Biên. Đây là cơ hội lớn để Điện Biên đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế và nâng cao các mục tiêu phát triển toàn diện.


Digitized by Google

Tuy tiềm năng và lợi thế rất lớn, song trước mắt tỉnh còn phải đối mặt với nhiều thách thức. Bên cạnh khó khăn chung của một tỉnh miền núi, điểm xuất phát kinh tế thấp, kết cấu hạ tầng yếu kém, xa các trung tâm, kinh tế lớn của cả nước ở Điện Biên còn nổi lên hai mặt đáng chú ý: Một là, trình độ dân trí còn hạn chế, phong tục tập quán của một bộ phận dân cư còn lạc hậu nên dễ bị các thế lực phản động lợi dụng để truyền đạo trái phép, chia rẽ đoàn kết giữa các dân tộc. Đời sống nhân dân đã được cải thiện một bước song tỷ lệ đói nghèo còn cao, nhất là khu vực vùng sâu, vùng xa. Toàn tỉnh có 88 xã, trong đó 59 xã còn đặc biệt khó khăn. Đội ngũ cán bộ còn nhiều bất cập, thiếu nhiều cán bộ quản lý, chuyên gia, các nhà doanh nghiệp giỏi; vấn đề này càng trở nên bức xúc sau khi chia tách tỉnh. Việc vận dụng cơ chế chính sách chung vào điều kiện cụ thể của địa phương còn thiếu linh hoạt, nhất là nghiên cứu xây dựng và ban hành các chính sách đặc thù của địa phương để thu hút đầu tư còn chậm. Đường biên giới dài (sau khi tách tỉnh, Điện Biên quản lý 398,5 km đường biên giới, trong đó biên giới với Lào dài 360 km và biên giới với Trung Quốc là 38,5 km) lại ở những nơi xa xôi hiểm trở nên vấn đề bảo vệ chủ quyền và an ninh, chính trị trong khu vực rất phức tạp, nhất là tình trạng buôn lậu qua biên giới, xâm canh, xâm cư vẫn luôn xảy ra.

Trên cơ sở những tiềm năng, lợi thế và những khó khăn, thách thức nêu trên, Điện Biên đã xây dựng mục tiêu phát triển tổng quát của tỉnh trong thời gian tới là: *Tăng cường đoàn kết các dân tộc, phát huy cao độ nội lực, khai thác, sử dụng có hiệu quả sự đầu tư của Nhà nước, hợp tác đầu tư từ bên ngoài nhằm đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế vững chắc dựa trên cơ sở khai thác có hiệu quả các tiềm năng về sản xuất nông, lâm nghiệp hàng hóa gắn với công nghiệp chế biến; phát triển mạnh mẽ dịch vụ, đặc biệt dịch vụ du lịch gắn với di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, du lịch văn hóa dân tộc. Tiếp tục đầu tư cho vùng khó khăn để sớm hoàn thành mục tiêu về xóa đói giảm nghèo; gắn phát triển kinh tế với chăm lo các mặt xã hội, đáp ứng ngày càng tốt hơn các yêu cầu về học tập, chăm sóc sức khỏe và đời sống văn hóa cho nhân dân. Không ngừng kiện toàn nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở ngày càng trong sạch vững mạnh. Phát triển kinh tế xã hội đi đôi với củng cố quốc phòng - an ninh đảm bảo giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội và chủ quyền biên giới quốc gia.*

*Về kinh tế:* Trong hai năm (2004 - 2005), phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng từ 10 đến 12%/năm để đạt nhịp độ phát triển bình quân giai đoạn (2001 - 2005) khoảng 10%/năm, tạo tiền đề duy trì tốc độ tăng trưởng GDP trong giai đoạn tiếp theo ở mức cao hơn.

Tập trung vào một số cây trồng chính tại các vùng trọng điểm : cây lúa, cây chè, các loại cây ăn quả, cây đậu tương; phát triển đàn bò thịt chất lượng cao; đẩy mạnh khoanh nuôi phát triển rừng kinh tế theo quy hoạch. Phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng gắn với bảo vệ môi trường sinh thái bền vững. Phấn đấu đạt nhịp độ tăng trưởng trong nông, lâm nghiệp giai đoạn đến 2005 và các năm tiếp theo là 5,5 - 6%/năm.

Đầu tư phát triển mạnh lĩnh vực dịch vụ, đặc biệt là dịch vụ du lịch, khai thác có hiệu quả các tiềm năng về du lịch, để đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu. Rà soát quy hoạch phát triển mạng lưới thương mại và dịch vụ thương mại với vai trò cung cấp sản phẩm và bao tiêu hàng hóa nông, lâm sản rộng rãi trên địa bàn. Phấn đấu đạt mức tăng trưởng bình quân trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ giai đoạn đến 2005 từ 14 đến 16%/năm.

Khuyến khích, tăng cường đầu tư cho phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp với các ngành then chốt có nhiều tiềm năng như: chế biến nông - lâm sản; sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác khoáng sản... Phấn đấu đạt mức tăng trưởng ngành công nghiệp giai đoạn đến năm 2005 và các năm tiếp theo từ 12 đến 14%/năm.


Digitized by Google

Tập trung chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng giá trị các ngành dịch vụ và công nghiệp xây dựng, giảm dần tỷ trọng sản xuất nông, lâm nghiệp trong cơ cấu kinh tế. Phấn đấu đến năm 2005, cơ cấu kinh tế của tỉnh là: nông - lâm nghiệp đạt 34,99%; công nghiệp xây dựng đạt 26,97%; dịch vụ đạt 38,05%; và tới năm 2010, nông - lâm nghiệp đạt 28,82%; công nghiệp xây dựng đạt 28,41%; dịch vụ đạt 42,77%.

*Về xã hội:* Duy trì giảm mức sinh hàng năm từ 1 đến 1,2%0, phấn đấu tốc độ tăng dân số tự nhiên năm 2005 còn 2,2 % với quy mô dân số khoảng 46 vạn người. Duy trì củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ, hoàn thành mục tiêu phổ cập giáo dục trung học cơ sở trong toàn tỉnh vào năm 2008; huy động 100% số trẻ trong độ tuổi đi học tiểu học, tăng nhanh tỷ lệ trẻ đi học mẫu giáo. Nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, nhất là đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị trên cơ sở quy hoạch và nhiệm vụ chính trị của địa phương. Tăng cường công tác đào tạo cán bộ là con em đồng bào dân tộc thiểu số đến năm 2005 toàn bộ thôn bản có cán bộ y tế, tiêm chủng đủ 6 loại vắc-xin cho 95% trở lên số trẻ dưới 1 tuổi; có 82% dân số được xem truyền hình và 95% dân số được nghe đài phát thanh; đến năm 2010 có 100% diện tích được phủ sóng phát thanh và truyền hình. Trong 2 năm (2004 - 2005), mỗi năm phải giảm 6,8% số hộ nghèo để đạt mục tiêu giảm số hộ nghèo xuống dưới 15% vào năm 2005 và xuống dưới 5% vào năm 2010. Mỗi năm, có 200 làng, bản khu phố đăng ký xây dựng bản làng văn hóa, trong đó 30% đạt chuẩn làng bản khu phố văn hóa.

Để thực hiện các mục tiêu phát triển trong những năm tới, Điện Biên phải thực hiện các giải pháp sau:

***Một là:* Về huy động nguồn lực**

Theo tính toán sơ bộ ban đầu, nguồn lực đầu tư cho phát triển của tỉnh hiện đang trong tình trạng tỷ lệ vốn đầu tư có nguồn gốc từ ngân sách chiếm rất lớn khoảng trên 80%, nguồn lực đầu tư phát triển của tỉnh còn hạn chế, đối tượng đầu tư chủ yếu là xây dựng kết cấu hạ tầng và phúc lợi xã hội, các dự án đầu tư cho phát triển sản xuất kinh doanh mới chỉ chiếm một phần rất nhỏ. Để khắc phục tình trạng trên, trong những năm tới, tỉnh cần tập trung vào những vấn đề chủ yếu sau: Tiếp tục rà soát, điều chỉnh cơ chế ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh nhằm khuyến khích thu hút vốn đầu tư phát triển phù hợp với tình hình thực tế địa phương, kể cả đầu tư từ bên ngoài tỉnh vào phát triển kết cấu hạ tầng và sản xuất dịch vụ. Thực hiện theo đúng lộ trình về đổi mới sắp xếp doanh nghiệp nhà nước, đảm bảo tăng cường hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp này. Đáp ứng các yêu cầu về giải phóng mặt bằng, đất đai để thực hiện tiến độ những dự án do các bộ, ngành ở trung ương đầu tư trên địa bàn theo yêu cầu, đặc biệt là các ngành quản lý những nguồn vốn đầu tư tương đối lớn như Bộ Giao thông - Vận tải, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công ty Điện lực I, Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông...

- Rà soát các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển các lĩnh vực sản xuất, đặc biệt là các chính sách hỗ trợ trong sản xuất nông, lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ du lịch để tăng nhanh nguồn vốn đầu tư từ khu vực tư nhân và dân cư. Tiếp tục thực hiện xã hội hóa đầu tư ở một số lĩnh vực như y tế, giáo dục, xây dựng kết cấu hạ tầng ở nông thôn, đô thị...

- Thí điểm thực hiện một số chính sách về đất đai khu vực thành phố Điện Biên Phủ và huyện Điện Biên để tạo nguồn vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng.

Tiếp tục tăng cường quản lý chặt chẽ nguồn vốn đầu tư từ ngân sách, đảm bảo đầu tư đúng mục tiêu, phục vụ cho mục đích tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế; tăng cường giám sát để ngăn chặn tham nhũng, thất thoát trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản. Xây dựng kế hoạch từ cơ sở để đảm bảo phát huy hiệu quả của nguồn vốn đầu tư. Thực hiện tiết kiệm trong chi tiêu hành chính, thực hiện khoán chi hành chính để dành vốn cho đầu tư phát triển.


Digitized by Google

Làm tốt công tác quy hoạch và chính sách tái định cư vùng lòng hồ thủy điện Sơn La để khai thác có hiệu quả nguồn vốn này. Đây chính là nguồn động lực quan trọng và cơ hội để tỉnh quy hoạch, bố trí lại dân cư và hình thành các vùng sản xuất trọng điểm, tập trung chuyên canh trong những năm trước mắt. Sử dụng nguồn vốn tái định cư hợp lý theo quy hoạch phát triển chung của tỉnh với mục tiêu nhân dân được tái định cư và nhân dân sở tại phải có điều kiện sinh hoạt và sản xuất tốt hơn nơi ở cũ.

***Hai là:* Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển ngành và vùng lãnh thổ**

Căn cứ vào đặc điểm tự nhiên và xã hội Điện Biên xây dựng 3 vùng kinh tế trọng điểm. *Vùng kinh tế quốc phòng Mường Chà*, gồm 9 xã của huyện Mường Nhé, 3 xã của huyện Mường Lay. Đây là vùng tái định cư tập trung của dự án thủy điện Sơn La nhằm khai thác các tiềm năng khai hoang ruộng nước, phát triển chăn nuôi gia súc lớn, trồng rừng kinh tế, xây dựng khu bảo tồn thiên nhiên... *Vùng kinh tế lâm - nông nghiệp sinh thái Sông Đà*, gồm huyện Tủa Chùa, 2 phường của Thị xã Lai Châu và 7 xã của Mường Lay: Đây là vùng phát triển cây công nghiệp dài ngày, cây đặc sản như chè Tuyết Shan; khoanh nuôi bảo vệ diện tích rừng tự nhiên hiện có, phát triển mạnh trồng rừng phòng hộ, trồng rừng kinh tế cung cấp nguyên liệu cho nhà máy giấy Lai Châu; khai thác lợi thế giao thông đường thủy của sông Đà, sông Nậm Mức và các quốc lộ 12, 6A để phát triển dịch vụ vận tải, luân chuyển hàng hóa, du lịch sinh thái và công nghiệp chế biến lâm sản... gắn với quy hoạch, kế hoạch trồng rừng và khai thác hợp lý lâm sản. *Vùng trục kinh tế động lực quốc lộ 279*, gồm các huyện Tuần Giáo, Điện Biên, Điện Biên Đông và thành phố Điện Biên phủ. Đây là vùng sản xuất lương thực, thực phẩm hàng hóa, phát triển kinh tế tập trung gắn với công nghiệp chế biến, phát triển thương mại, du lịch gắn với di tích lịch sử Điện Biên Phủ, đền Hoàng Công Chất và du lịch sinh thái; khai thác lợi thế cửa khẩu Tây Trang, cửa khẩu Mường Lói, sân bay Điện Biên và thành phố lịch sử Điện Biên Phủ.

***Ba là:* Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực**

Đây là vấn đề hết sức bức xúc. Để tạo nguồn nhân lực, trước mắt tỉnh tập trung triển khai đúng tiến độ các chương trình phổ cập trung học cơ sở, quyết tâm đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở trước năm 2010. Đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục - đào tạo, nâng cao trình độ dân trí cho nhân dân. Tăng cường hoạt động đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, đào tạo nghề cho lực lượng lao động, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tiếp tục mở rộng các loại hình đào tạo, xây dựng cơ chế chính sách ưu đãi thu hút nhân tài thuộc các lĩnh vực tỉnh còn thiếu, nhất là cán bộ khoa học - công nghệ đến công tác tại tỉnh. Ban hành chính sách hỗ trợ, khuyến khích đội ngũ cán bộ công chức học tập nâng cao trình độ chuyên môn và quản lý. Tiếp tục thực hiện hiệu quả các dự án đào tạo cán bộ xã nghèo, khuyến nông, khuyến lâm giúp người dân biết cách làm ăn mới và áp dụng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất.

***Bốn là:* Củng cố xây dựng chính quyền, giải quyết hiệu quả các vấn đề bức xúc**

Xây dựng củng cố hệ thống chính trị cơ sở bảo đảm trong sạch vững mạnh, tiếp tục tinh giảm bộ máy hành chính theo hướng tinh gọn, hiệu quả, từng bước thực hiện tiêu chuẩn hóa đội ngũ cán bộ công chức. Kiên quyết đấu tranh đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng và sách nhiễu trong một bộ phận cán bộ công chức, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

Tiếp tục đẩy mạnh tiến độ thực hiện chương trình cải cách hành chính, rà soát phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước, thực hiện cơ chế "một cửa" bảo đảm tăng cường năng lực, hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động chỉ đạo, điều hành.

Tiếp tục phối hợp lồng ghép các chương trình dự án, thực hiện đồng bộ các giải pháp về tạo việc làm ổn định cho người lao động, nhất là lao động ở khu vực nông thôn, ở các vùng khó khăn, để đẩy nhanh tốc độ xóa đói giảm nghèo. Tăng cường củng cố đội ngũ cán bộ cơ sở ở các khu vực còn nhiều khó khăn, nhất là những nơi có


Digitized by Google

tình trạng di dịch cư tự do và truyên đạo trái phép để tăng hiệu lực quản lý của chính quyền cơ sở; sắp xếp, ổn định dân di cư tự do, ưu tiên đầu tư phát triển sản xuất và ổn định đời sống nhân dân.

***Năm là:* Kết hợp phát triển kinh tế xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh**

Gắn quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường tiềm lực quốc phòng an ninh, tập trung đầu tư xây dựng các vùng, điểm kinh tế đồng thời là các khu căn cứ hậu phương, căn cứ chiến đấu được xác định trong phương án phòng thủ của tỉnh; các huyện bảo đảm phương châm "4 tại chỗ" trong tác chiến khu vực phòng thủ.

Tiếp tục tập trung chỉ đạo đầu tư có hiệu quả chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã biên giới và xã đặc biệt khó khăn; chú trọng đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng để nhân dân yên tâm định cư lâu dài làm cơ sở bảo vệ vững chắc chủ quyền và an ninh biên giới quốc gia. Tăng cường quan hệ hợp tác với các tỉnh Bắc Lào và Trung Quốc để quản lý tốt đường biên giới, phòng chống tội phạm, thúc đẩy hợp tác kinh tế phát triển.

***Sáu là:* Tiếp tục đẩy mạnh nhiệm vụ xây dựng Đảng cả chính trị - tư tưởng - tổ chức. Thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết của Đảng, chủ trương, chính sách của Nhà nước**

Xây dựng chương trình hành động cụ thể, sáng tạo, thiết thực ở địa phương. Thực hiện đổi mới, xây dựng, chỉnh đốn Đảng hướng vào nâng cao năng lực lãnh đạo chất lượng và sức chiến đấu của tổ chức đảng, giáo dục, đấu tranh, khắc phục những biểu hiện quan liêu, tham nhũng, xa dân, xa cơ sở. Làm tốt các khâu trong công tác tổ chức cán bộ, nhất là đánh giá, quy hoạch, đào tạo, luân chuyển, sử dụng và chính sách đối với cán bộ. Đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy đối với chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

Nhân kỷ niệm 50 năm ngày truyền thống lịch sử, phát động phong trào thi đua sôi nổi rộng khắp trong các cơ quan đơn vị, các lực lượng vũ trang nhân dân, gắn nội dung thi đua với nhiệm vụ chính trị của từng đơn vị và địa bàn dân cư, nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh ở địa phương. ❑

*Mùa Xuân trên lòng chảo Điện Biên Phủ - Ảnh: Vĩnh Cát*


Digitized by Google

# BÁN PHÁ GIÁ trong thương mại quốc tế và thực tiễn Việt Nam

NGUYỄN QUỐC THỊNH *

HỘI nhập kinh tế quốc tế và toàn cầu hóa kinh tế đang diễn ra mạnh mẽ, mang lại nhiều lợi ích và thúc đẩy sự phát triển kinh tế của nhiều quốc gia trên cơ sở một nền thương mại và đầu tư công bằng. Nhưng trong khi các quốc gia thành viên WTO đang phải dần dỡ bỏ các rào cản thuế quan và thuế hóa các rào cản phi thuế quan thì các biện pháp tự vệ, thuế chống phá giá và thuế đối kháng vẫn ngày càng được nhiều quốc gia phát triển áp dụng một cách triệt để, nhất là, nhiều nước đang phát triển và kém phát triển phải đối mặt với tình trạng hàng hóa nhập khẩu bán phá giá tại thị trường của mình, và gánh chịu những thiệt hại cho sản xuất trong nước. Cho nên việc tìm các biện pháp bảo đảm thương mại công bằng - biện pháp chống bán phá giá, đang được rất nhiều nước quan tâm, kể cả các nước phát triển và đang phát triển.

**Vài nét về bán phá giá và biện pháp chống bán phá giá trong thương mại quốc tế**

Theo Hiệp định về thực hiện Điều VI Hiệp định chung về thuế quan và thương mại GATT (thường được gọi là Hiệp định chống bán phá giá), một sản phẩm bị coi là bán phá giá nếu như giá xuất khẩu của sản phẩm được xuất khẩu từ một nước này sang một nước khác thấp hơn mức giá có thể so sánh của sản phẩm tương tự được tiêu dùng tại nước xuất khẩu theo các điều kiện thương mại thông thường. Trong thương mại quốc tế, khi hàng hóa bị xem là bán phá giá thì chúng có thể bị áp đặt các biện pháp *chống bán phá giá (antidumping)* như thuế chống phá giá, đặt cọc hoặc thế chấp, cam kết hạn chế định lượng hoặc điều chỉnh mức giá của nhà xuất khẩu nhằm triệt tiêu nguy cơ gây thiệt hại cho ngành sản xuất trong nước nhập khẩu, trong đó thuế chống bán phá giá là biện pháp phổ biến nhất hiện nay.

Về thực chất, thuế chống bán phá giá là một loại thuế nhập khẩu bổ sung đánh vào những hàng hóa bị bán phá giá ở nước nhập khẩu nhằm hạn chế những thiệt hại do việc bán phá giá đưa đến cho ngành sản xuất của nước đó nhằm bảo đảm sự công bằng trong thương mại (nói chính xác đó là một sự bảo hộ hợp lý cho sản xuất trong nước). Thuế này đánh vào các nhà sản xuất riêng lẻ chứ không phải là thuế áp đặt chung cho hàng hóa của một quốc gia. Nguyên tắc chung nêu ra trong Hiệp định của WTO là không được phân biệt đối xử khi áp dụng thuế chống phá giá, tức là nếu hàng hóa bị bán phá giá được xuất khẩu từ những quốc gia khác nhau với cùng biên độ phá giá như nhau thì sẽ áp đặt mức thuế chống phá giá ngang nhau. Mức thuế chống phá giá sẽ phụ thuộc vào biên độ phá giá của từng nhà xuất khẩu chứ không phải áp dụng bình quân (ngay cả khi các nhà xuất khẩu từ cùng một quốc gia)

* TS. Đại học Thương mại


Digitized by Google

và không được phép vượt quá biên độ phá giá đã được xác định.

Tuy nhiên, không phải bất kỳ trường hợp bán phá giá nào cũng bị áp đặt các biện pháp chống bán phá giá. Theo quy định của WTO cũng như luật pháp của rất nhiều nước thì thuế chống bán phá giá chỉ được áp đặt khi hàng hóa được bán phá giá gây thiệt hại đáng kể hay đe dọa gây thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất ở nước nhập khẩu. Như vậy, nếu một hàng hóa được xác định là có hiện tượng bán phá giá nhưng không gây thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất mặt hàng đó ở nước nhập khẩu thì sẽ không bị áp đặt thuế chống bán phá giá và các biện pháp chống phá giá khác. Thiệt hại cho ngành sản xuất trong nước được hiểu là tình trạng suy giảm đáng kể về sản lượng, mức tiêu thụ trong nước, lợi nhuận sản xuất, tốc độ phát triển sản xuất, việc làm cho người lao động, đầu tư tới các chỉ tiêu khác của ngành sản xuất trong nước hoặc dẫn đến khó khăn cho việc hình thành một ngành sản xuất trong nước. Bán phá giá được xác định dựa vào 2 yếu tố cơ bản là: 1- Biên độ phá giá từ 2% trở lên; 2- Số lượng, trị giá hàng hóa bán phá giá từ một nước vượt quá 3% tổng khối lượng hàng nhập khẩu (ngoại trừ trường hợp số lượng nhập khẩu của các hàng hóa tương tự từ mỗi nước có khối lượng dưới 3%, nhưng tổng số các hàng hóa tương tự của các nước khác nhau được xuất khẩu vào nước bị bán phá giá chiếm trên 7%).

Theo quy định của WTO, biên độ phá giá được xác định thông qua việc so sánh với mức giá có thể so sánh được của hàng hóa tương tự được xuất khẩu sang một nước thứ ba thích hợp, với điều kiện là mức giá có thể so sánh được này mang tính đại diện, hoặc được xác định thông qua so sánh với chi phí sản xuất tại nước xuất xứ hàng hóa cộng thêm một khoản chi phí hợp lý cho quản trị, bán hàng, các chi phí chung khác và một khoản lợi nhuận. Như vậy, có thể hiểu rằng biên độ phá giá là mức chênh lệch giá thông thường của hàng hóa tương tự với mức giá xuất khẩu hiện tại. Việc xác định giá thông thường được tính toán rất phức tạp dựa trên cơ sở sổ sách và ghi chép của nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất là đối tượng đang được điều tra với điều kiện là sổ sách này phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận rộng rãi và phản ánh được một cách hợp lý các chi phí.

Để xác định hàng hóa có bị bán phá giá hay không, việc bán phá giá có gây thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước hay không để áp đặt các biện pháp chống phá giá thì điều quan trọng nhất và phức tạp nhất này ở quá trình điều tra về bán phá giá. Ở những quốc gia khác nhau, việc điều tra sẽ được thực hiện bởi các cơ quan chức năng khác nhau. Theo quy định trong Hiệp định về chống bán phá giá của WTO thì việc điều tra chỉ được tiến hành khi có đơn yêu cầu bằng văn bản của ngành sản xuất trong nước hoặc của người nhân danh cho ngành sản xuất trong nước. Đơn yêu cầu sẽ được coi là đủ tư cách đại diện cho ngành sản xuất trong nước nếu như đơn này nhận được sự ủng hộ bởi các nhà sản xuất chiếm tối thiểu 50% tổng sản lượng của sản phẩm tương tự được làm ra. Tuy nhiên, việc điều tra sẽ không được bắt đầu nếu như các nhà sản xuất bày tỏ ý kiến tán thành điều tra chiếm ít hơn 25% tổng sản lượng của sản phẩm tương tự được ngành sản xuất trong nước làm ra.

Trên thực tế, quá trình điều tra về bán phá giá của EU, Mỹ và một số nước khác cho thấy, việc xác định giá trị thông thường của hàng hóa để làm căn cứ xác định biên độ phá giá quá phức tạp và đôi khi không minh bạch, vẫn còn rất nhiều áp đặt. Theo luật pháp của Mỹ thì một khi không thể xác định được giá trị thông thường tại nước xuất khẩu, người ta có


Digitized by Google

thể lấy mức giá của hàng hóa tương tự trong điều kiện thương mại bình thường ở một nước thứ ba có cùng trình độ phát triển như của nước bị điều tra bán phá giá. Đây chính là cái cớ quan trọng mà trong vụ kiện phi lý về bán phá giá cá tra, cá ba-sa của Việt Nam, Bộ Thương mại Mỹ đã tính toán giá trị thông thường theo giá tại Băng-la-đét với lập luận rằng, Việt Nam chưa có nền kinh tế thị trường, vì vậy các chi phí và các số liệu của các doanh nghiệp Việt Nam cung cấp là không phản ánh trung thực và không tin cậy được. Có thể nói rằng, thuế chống bán phá giá là một công cụ bảo hộ rất mạnh và rất lợi hại.

**Để chúng ta có thể "đồng hành" cùng các biện pháp chống bán phá giá**

Việc bán phá giá đang diễn ra ngày càng nhiều ở hầu hết các quốc gia kể cả các quốc gia phát triển và đang phát triển. Mặc dù là nước đang phát triển ở trình độ thấp, nhưng vài năm trở lại đây hàng hóa của Việt Nam đã dần thâm nhập vào các thị trường khác nhau và các doanh nghiệp Việt Nam cũng đã bị nước ngoài tiến hành điều tra bán phá giá tới 8 lần (tính từ 1994 - 2002). Trong số 8 vụ các doanh nghiệp Việt Nam bị kiện bán phá giá thì có 4 vụ hàng hóa của Việt Nam bị áp đặt thuế chống phá giá. Vụ kiện bán phá giá cá tra, cá ba-sa của Việt Nam tại Mỹ (năm 2002) được coi là một vụ kiện có quy mô lớn và có rất nhiều áp đặt bất công từ phía Mỹ.

Trong khi đó, từ năm 1995 - 2002, các nước và vùng lãnh thổ bị điều tra bán phá giá nhiều nhất trong thương mại quốc tế là Trung Quốc: 308 vụ, Hàn Quốc: 160 vụ, Mỹ: 115 vụ, Đài Loan: 109 vụ, In-đô-nê-xi-a: 91 vụ... Như vậy, so với các nước khác thì số vụ mà các doanh nghiệp Việt Nam bị điều tra còn là con số rất nhỏ. Nhưng trong xu thế ngày càng nhiều của hàng hóa Việt Nam thâm nhập vào thị trường quốc tế chắc rằng các cuộc điều tra chống phá giá đối với các doanh nghiệp Việt Nam sẽ không dừng lại ở đó; và một khi đã bị áp đặt thuế chống bán phá giá thì khả năng xuất khẩu mặt hàng đó sẽ bị giảm đi rất nhiều. Vì thế, vấn đề đặt ra cho các doanh nghiệp và các nhà quản lý của Việt Nam là làm thế nào để có thể hạn chế được những tác động bất lợi để "đồng hành" cùng các công cụ chống bán phá giá.

Muốn vậy, theo các chuyên gia, các doanh nghiệp Việt Nam trước hết cần trang bị cho mình những kiến thức pháp luật về chống bán phá giá trong thương mại quốc tế. Bên cạnh đó, cần lưu ý một số vấn đề cụ thể sau:

*Một là,* sẵn sàng và chủ động tham gia vụ kiện về bán phá giá. Đây được xem là cơ hội để các doanh nghiệp thu thập thông tin về vấn đề này và chứng minh tính hợp lý của giá xuất khẩu hàng hóa. Một khi các doanh nghiệp Việt Nam đứng ngoài là đã tự đánh mất quyền được khiếu nại và quyền kháng nghị của mình. Khi đó, các cơ quan điều tra sẽ đưa ra những phán quyết của riêng họ và áp đặt các biện pháp chống phá giá, tất nhiên là có lợi cho họ. Mặt khác, khi các doanh nghiệp nước ngoài thắng kiện, họ sẽ không ngần ngại tiếp tục kiện các hàng hóa khác, và như vậy thì cơ hội xuất khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp Việt Nam sẽ giảm đi nhanh chóng. Tham gia vụ kiện (rất có thể bị thua do những áp đặt vô lý), các doanh nghiệp có thể rất tốn kém, nhưng từ chối tham gia là sẽ chấp nhận thiệt hại mà thông thường còn lớn hơn nhiều.

*Hai là,* thuế chống phá giá sẽ áp đặt cho tất cả các doanh nghiệp có hàng xuất khẩu, vì thế khi bị kiện, rất cần có sự tham gia và ủng hộ của tất cả các doanh nghiệp. Nếu đứng ngoài cuộc sẽ luôn bị áp đặt mức thuế suất cao nhất. Do đó, cùng đoàn kết thống nhất để tham gia vụ kiện là bài học quan trọng mà các doanh nghiệp Trung Quốc đã rút ra khi tham gia vụ kiện về nước táo ép của họ và các vụ kiện khác.


Digitized by Google

*Ba là,* cố gắng để cuộc điều tra sơ bộ về chống bán phá giá dẫn đến kết luận tốt nhất. Vấn đề rất quan trọng là, các doanh nghiệp phải tìm hiểu thật kỹ và trả lời tất cả các câu hỏi do cơ quan điều tra nêu ra trong bảng câu hỏi điều tra một cách hợp lý nhất và trong thời gian sớm nhất. Sự minh bạch và rõ ràng trong các câu trả lời sẽ tạo ấn tượng tốt với các cơ quan điều tra. Sự tham vấn các ý kiến của các luật sư có uy tín trong trường hợp này là rất quan trọng.

*Bốn là,* cần có những chứng cứ xác đáng để chứng minh việc bán giá thấp (nếu có) đã không gây thiệt hại cho nền sản xuất của nước nhập khẩu (lượng hàng xuất khẩu chiếm dưới 3% tổng khối lượng nhập khẩu mặt hàng đó của nước có hàng bán giá thấp) và nếu có chăng thì biên độ bị coi là phá giá là không đáng kể (dưới 2%). Đồng thời, có thể thương lượng với cơ quan đưa ra phán quyết của nước này nhằm đạt được thoả thuận về hạn chế định lượng hoặc chấp nhận một mức giá tối thiểu thay vì bị áp đặt thuế chống phá giá.

*Năm là,* trong điều kiện có thể, hãy thuyết phục các công ty nhập khẩu của nước ngoài cùng lên tiếng trước các cơ quan điều tra rằng, thực sự không có tổn hại đáng kể.

**Thực tiễn bán phá giá và chống bán phá giá tại Việt Nam**

Từ tình hình nêu trên, có thể nhận thấy, những nước bị điều tra bán phá giá nhiều nhất cũng đều là những nước xuất khẩu khá nhiều chủng loại hàng hóa vào Việt Nam (đặc biệt là Trung Quốc, Hàn Quốc, In-đô-nê-xi-a và Thái Lan). Một câu hỏi đặt ra là, liệu những hàng hóa từ những nước này có bán phá giá tại Việt Nam hay không? Chúng ta vẫn chưa có được câu trả lời, do ở Việt Nam chưa có luật về chống phá giá; và vì thế, chúng ta không có cơ sở để tiến hành điều tra về bán phá giá. Hơn nữa, do nhận thức chưa đầy đủ và do các yếu tố khách quan khác, chúng ta cũng đang còn xem nhẹ vấn đề này.

Xét ở góc độ người tiêu dùng, việc hàng hóa nước ngoài được bán phá giá tại Việt Nam sẽ mang lại những lợi ích cụ thể, trước mắt cho họ do mua được hàng hóa với giá rẻ. Tuy nhiên, việc bán phá giá sẽ kéo theo hàng loạt những tác động xấu cho các ngành sản xuất trong nước. Nó dần dần bóp chết các ngành sản xuất non trẻ và thiếu sức cạnh tranh của Việt Nam. Ngoài ra, một khi hàng hóa bán phá giá đã chiếm lĩnh được thị trường Việt Nam thì các nhà xuất khẩu chắc chắn không dừng lại ở đó mà họ sẽ nâng dần giá hàng để thu lợi nhằm bù đắp những chi phí của việc bán phá giá. Lúc đó, người tiêu dùng sẽ phải mua hàng hóa với giá cao.

Mặc dù chúng ta chưa có đủ căn cứ xác đáng, nhưng theo một số chuyên gia trong lĩnh vực này thì rất có thể nhiều hàng hóa của một số nước như Trung Quốc, Hàn Quốc, Thái Lan và Mỹ cũng đã và đang được bán phá giá tại thị trường Việt Nam. Nhiều mặt hàng với giá rẻ "bất ngờ" đã được nhập khẩu vào Việt Nam như xe đạp, linh kiện xe máy, động cơ và máy nông cụ, hàng điện tử, kính xây dựng, các loại thực phẩm và nông sản của Trung Quốc; một số hàng hóa tiêu dùng của Hàn Quốc; đường kính, hàng điện tử của Thái Lan;... đã thao túng thị trường trong nước, gây nhiều thiệt hại cho các nhà sản xuất của Việt Nam.

Thực tế trên đã và đang diễn ra suốt nhiều năm. Nếu Chính phủ không có sự can thiệp kịp thời bằng các biện pháp đủ mạnh như hạn chế định lượng hoặc nâng thuế suất thuế nhập khẩu thì chắc chắn nhiều ngành sản xuất trong nước khó có thể gượng dậy được do tác động của bán phá giá. Rõ ràng, bán phá giá đã gây ra rất nhiều thiệt hại cho nền sản xuất trong nước. Tuy nhiên, các biện pháp hạn chế về định lượng và thuế nhập khẩu sẽ bị loại bỏ


Digitized by Google

dần trong thời gian tới theo những cam kết trong WTO và ASEAN. Vì thế, để hạn chế những ảnh hưởng của bán phá giá hàng nhập khẩu vào Việt Nam, cần phải có những giải pháp cứng rắn theo đúng luật pháp quốc tế: Đó là một bộ luật về chống bán phá giá. Đây là vấn đề mang tính thời sự, đặt ra cho các doanh nghiệp và các nhà quản lý của Việt Nam để vừa có thể vừa cùng thực thi việc chống phá giá của các nước, vừa khống chế được việc bán phá giá vào thị trường Việt Nam.

Để chống lại việc bán phá giá tại Việt Nam, rõ ràng đến thời điểm này, sự ra đời của một văn bản pháp luật về chống phá giá là rất cấp bách, nhất là khi Việt Nam đã ký hiệp định thương mại song phương với nhiều nước và đang chuẩn bị để gia nhập WTO. Bộ Thương mại là cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì soạn thảo Pháp lệnh Chống bán phá giá đang rất tích cực chuẩn bị và đã đưa ra được bản dự thảo lần thứ 4 để lấy ý kiến các chuyên gia, các doanh nghiệp và các nhà sản xuất trong nước. Thực tế chỉ rõ, sự chậm trễ của Pháp lệnh này ngày nào thì các ngành sản xuất trong nước của Việt Nam sẽ còn chịu sức ép từ việc bán phá giá ngày đó.

Theo Dự thảo *Pháp lệnh Chống phá giá* do Bộ Thương mại chủ trì soạn thảo thì về cơ bản nội dung các quy định đều trùng khớp với *Bộ luật Chống phá giá* của WTO. Dự thảo Pháp lệnh có 7 Chương với 31 Điều. Chương I - Về các quy định chung ; Chương II - Về điều tra để áp dụng biện pháp chống bán phá giá; Chương III - Về các biện pháp chống bán phá giá; Chương IV - Về rà soát việc áp dụng thuế chống phá giá ; Chương V - Về quản lý nhà nước về các biện pháp chống bán phá giá; Chương VI - Về khiếu nại và xử lý vi phạm; Chương VII - Về điều khoản thi hành. Song, pháp lệnh được soạn thảo vẫn còn chung chung, không đưa ra những quy định chi tiết, và như vậy, sau khi pháp lệnh ra đời lại phải có những văn bản pháp luật khác để hướng dẫn thực hiện. Mọi sự cồng kềnh, phức tạp của các văn bản pháp luật có thể làm chậm lại tiến trình đưa chúng vào thực tiễn và hạn chế hiệu quả thực thi. Thêm nữa, một số điều của Dự Thảo Pháp lệnh cũng còn sơ sài và quá vắn tắt như điều 3, chương I, điều 4, chương I, mục 3.

Theo Dự thảo, cơ quan sẽ tiến hành điều tra và đưa ra phán quyết cuối cùng về bán phá giá tại Việt Nam là Bộ Thương mại, trong khi ở nhiều nước trên thế giới thì việc điều tra và đưa ra phán quyết thường do 2 cơ quan khác nhau thực hiện (ở Mỹ là Bộ Thương mại và Ủy ban Thương mại quốc tế; ở Thái Lan và Trung Quốc cũng tương tự như vậy). Đây có thể là một điểm mới, nhưng tính khách quan và tiến độ điều tra, ra phán quyết cũng có thể bị chậm trễ do chỉ có một cơ quan tiến hành trong khi chúng ta lại đang rất thiếu về kinh nghiệm.

Tóm lại, chống phá giá là một công cụ lợi hại mà các nước đang sử dụng như một con bài để bảo hộ sản xuất trong nước và bảo đảm một nền thương mại công bằng. Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực, Việt Nam đang tích cực tham gia với những cấp độ khác nhau. Điều đó đồng nghĩa với việc hàng hóa của Việt Nam sẽ xuất hiện nhiều hơn ở các nước; đồng thời một khối lượng hàng hóa khổng lồ từ các nước cũng sẽ có mặt tại Việt Nam. Chính điều này đòi hỏi các doanh nghiệp và các nhà quản lý Việt Nam phải chủ động đề phòng và tham gia tích cực vào các vụ kiện bán phá giá trên thị trường quốc tế. Mặt khác, sự ra đời của Pháp lệnh Chống phá giá và việc nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp, các nhà sản xuất là những việc đầu tiên cần phải làm để góp phần hạn chế tình trạng bán phá giá tại Việt Nam, bảo hộ sản xuất trong nước phát triển. ❑


Digitized by Google

# CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC I
## gắn việc thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị với công tác xây dựng Đảng

**NGUYỄN CAO VĂNG ***

LÀ một doanh nghiệp thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, Công ty Xăng dầu khu vực I ra đời năm 1956, cùng đất nước đi qua thời kỳ lịch sử hào hùng của cuộc kỳ kháng chiến chống đế quốc Mỹ. Hòa bình lập lại, công ty lại cùng cả nước đi vào xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Do những đóng góp tích cực trong cả hai thời kỳ, năm 2002, Công ty xăng dầu khu vực I vinh dự được Nhà nước trao tặng hai danh hiệu vẻ vang: *Anh hùng Lực lượng vũ trang* thời kỳ chống Mỹ, và *Anh hùng Lao động* thời kỳ đổi mới. Công ty còn được trao tặng nhiều huân, huy chương các loại cho tập thể và cá nhân.

Những danh hiệu cao quý đó là sự ghi nhận của Đảng và Nhà nước đối với những hy sinh, đóng góp của cán bộ, đảng viên và công nhân viên công ty với sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

Trong bối cảnh hiện nay, sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước đi vào chiều sâu, sự phát triển kinh tế xã hội đứng trước bao thách thức, khó khăn; do đó, việc phát huy truyền thống hào hùng đòi hỏi toàn thể cán bộ, đảng viên công ty tiếp tục cố gắng vươn lên hơn nữa trong công việc, đóng góp ngày càng nhiều vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

***1 - Hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị trong thời kỳ mới***

Được giao nhiệm vụ trực tiếp kinh doanh xăng dầu trên địa bàn Hà Nội, Bắc Ninh và Vĩnh Phúc, đồng thời bảo đảm cung cấp nguồn hàng cho 17 tỉnh phía Bắc, cán bộ, công nhân viên Công ty Xăng dầu khu vực I luôn phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, bảo đảm phát triển sản xuất, đồng thời góp phần bình ổn thị trường xăng dầu đất nước.

Là doanh nghiệp trọng điểm của Nhà nước về kinh doanh xăng dầu, công ty được giao trọng trách phục vụ xây dựng kinh tế cũng như bảo đảm nhu cầu cho lĩnh vực an ninh, quốc phòng. Thực hiện được nhiệm vụ đó, trong điều kiện nền kinh tế thế giới luôn biến động, gây ảnh hưởng không nhỏ đến việc cung cấp nguồn hàng cho công ty, là hết sức khó khăn.

Nhận thức rõ trách nhiệm nặng nề, công ty động viên ý chí quyết tâm của toàn thể cán bộ công nhân viên, phát huy vai trò gương mẫu của đội ngũ đảng viên nhằm hoàn thành nhiệm vụ chính trị của mình. Đây chính là một trong những cơ sở để công ty hoạch định chiến lược kinh doanh và xây dựng đơn vị.

Trên cơ sở nắm vững nhiệm vụ trọng tâm, công ty tập trung lực lượng theo dõi sát sao, dự báo tình hình biến động của nguồn hàng dựa trên những nhận định, đánh giá chung về các động thái trong khu vực và trên thế giới có thể ảnh hưởng đến công việc của mình. Điều đó cũng là yêu cầu khách quan góp phần thúc đẩy sự trưởng thành vươn lên của cán bộ, công nhân viên. Người cán bộ không chỉ cần đến sự thành thạo trong nghiệp vụ kinh doanh, mà còn phải luôn theo dõi chặt chẽ tình hình chính trị, kinh

* Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Công ty Xăng dầu khu vực I


Digitized by Google

tế đất nước và quốc tế nhằm không ngừng nâng cao trình độ mọi mặt, dưới nhiều hình thức.

Đồng thời, để tăng phần chủ động trong sản xuất kinh doanh, công ty có chủ trương đẩy mạnh việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ mọi mặt cho anh em, nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ của công ty.

Do nắm chắc tình hình thực tế, nên công ty không bị bất ngờ trước những thay đổi đột xuất có thể làm ảnh hưởng việc phục vụ hoạt động kinh tế chính trị trên địa bàn hoạt động.

Để chủ động trong công việc, sẵn sàng ứng phó kịp thời, bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ, bên cạnh việc theo sát biến động thị trường, công ty làm tốt việc bảo đảm hàng hóa phục vụ kinh doanh trên cơ sở tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc tài chính kế toán, chủ động và sáng tạo trong tạo nguồn hàng. Đó là một nguyên nhân tạo nên những thành công trong sản xuất, kinh doanh và phục vụ việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Hằng năm, công ty chủ động đầu tư cơ sở vật chất, hiện đại hóa thiết bị để kinh doanh xăng dầu, vừa đáp ứng yêu cầu bảo vệ và phát triển vốn, vừa phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Nếu năm 2000, lượng xăng dầu được công ty nhập vào và xuất bán là 594 153 tấn, thì đến năm 2003, con số đó lên 842 142 tấn. Tương ứng, năm 2000 công ty đạt doanh thu là 1 940 tỉ đồng, năm 2003: 3 413 tỉ đồng, tăng 175,92% so với năm 2000. Những con số trên nói lên đóng góp tích cực của công ty đối với việc phát triển kinh tế - xã hội. Không chỉ thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, công ty còn thực hiện tốt vai trò ổn định thị trường xăng dầu, góp phần giữ vững an ninh xã hội.

Trong những ngày từ 14 đến 17-2-2003, tại Hà Nội xảy ra hiện tượng khan hiếm xăng dầu, gây một số xáo trộn nhỏ trong tiêu dùng nhiên liệu. Về phía công ty, trong thời gian đó, đã huy động mọi khả năng bảo đảm đủ nguồn hàng để làm tốt nhiệm vụ. Cán bộ, công nhân viên công ty đã được huy động tham gia bán hàng cả ngày và đêm. Riêng thời gian đó, lượng hàng bán ra tăng 152 đến 196% so với thời điểm trước đó. Những nỗ lực của công ty đã góp phần ổn định thị trường xăng dầu. Cố gắng đó của cán bộ, công nhân viên công ty được các cơ quan chức năng ghi nhận và đánh giá cao. Đồng thời, từ sự việc xảy ra, công ty đã rút ra một điều là cần chủ động bám sát hơn nữa những biến động của thị trường khi thực hiện nhiệm vụ, vì địa bàn hoạt động của công ty bao gồm nhiều khu vực nhạy cảm, do đó hạn chế đến mức thấp nhất những ảnh hưởng không tốt về mọi mặt là điều cần đặc biệt quan tâm.

Vai trò giữ bình ổn thị trường xăng dầu của công ty càng thể hiện rõ khi giá cả mặt hàng nhạy cảm với nền kinh tế - xã hội này của đất nước có biến động không tốt. Khi giá xăng dầu trên thế giới và khu vực tăng cao, các tổ chức và doanh nghiệp khác đều hạn chế lượng nhập khẩu và bán sản phẩm xăng dầu ra thị trường, trong khi đó, Công ty Xăng dầu khu vực I nói riêng và Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, do nhiệm vụ chính trị của mình, vẫn phải nhập hàng và bán ra để bảo đảm nhu cầu thiết yếu của nền kinh tế - xã hội đất nước. Điều đó gây những khó khăn trong hạch toán kinh doanh. Đơn cử mặt hàng dầu ma-dút (FO), phục vụ cho các ngành sản xuất, càng bán nhiều càng thua lỗ, nhưng công ty vẫn phục vụ đủ nhu cầu của người tiêu dùng.

Mặt khác, khi giá xăng dầu trên thế giới giảm, kinh doanh có lãi thì lại xuất hiện tình trạng các doanh nghiệp cạnh tranh quyết liệt tranh giành lợi nhuận. Tất cả những điều đó đã gây khó khăn cho Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam cũng như Công ty Xăng dầu khu vực I trong việc tái sản xuất, tăng cường trang thiết bị phục vụ kinh doanh.

Để bảo đảm công bằng trong kinh doanh và tạo điều kiện cho công ty - doanh nghiệp có vị trí quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, cần có cơ chế chính sách phù hợp cũng như sự bù đắp thích đáng về những khoản lỗ để tạo


Digitized by Google

điều kiện cho công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị, đồng thời phát triển sản xuất kinh doanh - một nhiệm vụ cốt tử của một doanh nghiệp.

***2 - Vai trò quan trọng của Đảng ủy, Ban Giám đốc Công ty***

Với địa bàn hoạt động trên ba địa phương là Hà Nội, Bắc Ninh và Vĩnh Phúc - những vùng phát triển kinh tế năng động thời gian gần đây; đồng thời, có vị trí quan trọng về chính trị, yêu cầu đặt ra đối với hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy và Ban Giám đốc Công ty là không nhỏ.

Công ty xác định rõ, việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị, xây dựng và phát triển vững mạnh là tiêu chuẩn cơ bản để đánh giá hiệu quả công việc của cá nhân, đơn vị và sự vững mạnh của tổ chức cơ sở đảng, Đảng ủy và Ban Giám đốc đã đề ra các biện pháp hoạt động bám sát mục tiêu trên.

Trước hết, phân công trách nhiệm giữa các đồng chí lãnh đạo công ty, đặt trên cơ sở sự phối hợp nhịp nhàng, thống nhất và hiệu quả giữa các đơn vị bộ phận. Đồng chí Giám đốc Công ty cũng đồng thời là Bí thư Đảng ủy. Ban Giám đốc phân công phụ trách những mảng công việc và địa bàn gắn chặt với hoạt động của Đảng ủy Công ty. Sự phân công và phối hợp trên nhằm đề cao năng lực và trách nhiệm cá nhân; đồng thời, phát huy được sức mạnh và trí tuệ tập thể trong giải quyết công việc. Điều đó tạo điều kiện cho việc tập trung và thống nhất trong thực hiện nhiệm vụ được bảo đảm bằng sự phối hợp chặt chẽ và thống nhất giữa các đảng bộ bộ phận hoạt động trên các địa bàn khác nhau. Để làm được điều này, công ty đã dành nhiều thời gian, công sức từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ đủ năng lực và phẩm chất ở từng vị trí, địa bàn. Hiểu rõ đây là công việc lâu dài, phải làm thường xuyên nên công ty rất quan tâm tới việc đào tạo và xây dựng đội ngũ cán bộ. Từ năm 2000 đến năm 2003, bằng nhiều hình thức, công ty đã đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho 1 938 lượt người. Việc giáo dục ý thức chính trị, bồi dưỡng nâng cao hiểu biết về nhiệm vụ của người cán bộ, công nhân viên được công ty quan tâm; qua đó, giúp cán bộ, đảng viên, công nhân viên công ty có nhận thức đúng đắn về đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, hiểu rõ chủ trương kinh doanh của công ty, từ đó nâng cao ý thức, trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên, công nhân viên.

Để trẻ hóa đội ngũ đảng viên, tăng cường sức mạnh đội ngũ cán bộ công ty chú trọng công tác phát triển Đảng. Từ thực tiễn hoạt động, các tổ chức cơ sở đảng chủ động tìm tòi, phát hiện những nhân tố mới trong quần chúng, bồi dưỡng, tạo điều kiện cho họ phát triển, thử thách và bồi dưỡng năng lực chuyên môn cũng như phẩm chất chính trị, từng bước trưởng thành để kết nạp vào đội ngũ của Đảng. Trong thời gian từ năm 2000 đến 2003, mỗi năm Đảng bộ Công ty đã có thêm 20 đảng viên mới, nâng cao sức chiến đấu cho tổ chức đảng cũng như góp phần kiện toàn đội ngũ cán bộ nguồn cho tương lai.

Đảng ủy và Ban Giám đốc Công ty thường xuyên bám sát tình hình hoạt động của các đơn vị, chỉ đạo các đơn vị trong công ty thực hiện nhiệm vụ, bảo đảm các chỉ tiêu kinh tế theo kế hoạch được giao, tổ chức quản lý điều hành theo cơ chế kinh doanh sát với giá bán trên thị trường.

Về cơ chế hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng công ty bao gồm 3 đảng bộ bộ phận (có 24 chi bộ trực thuộc) và 4 chi bộ trực thuộc Đảng bộ Công ty, với tổng số 335 đảng viên, được tổ chức nhằm phục vụ trực tiếp, có hiệu quả nhiệm vụ chính trị. Ngoài ra, công ty còn có 2 đảng bộ cơ sở tại 2 chi nhánh ở Bắc Ninh và Vĩnh Phúc. Nội dung sinh hoạt đảng thường kỳ của mỗi tổ chức cơ sở, cũng như kế hoạch hoạt động của toàn Đảng bộ được xây dựng gắn liền việc thực hiện kế hoạch của công ty. Việc đánh giá, xếp loại đảng viên và tổ chức cơ sở

đảng hằng năm phải căn cứ vào hiệu quả hoàn thành nhiệm vụ chính của đơn vị, bên cạnh việc đánh giá phẩm chất đạo đức đảng viên cũng như việc tuân thủ chủ trương, đường lối của Đảng, và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Một bước nhìn lại hoạt động những năm gần đây của Đảng bộ Công ty cho thấy những kết quả đáng mừng: số đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hằng năm đạt trên 77%, chỉ có gần 2,5% số đảng viên xếp loại III. Đảng bộ Công ty liên tục đạt danh hiệu Đảng bộ trong sạch, vững mạnh. Ban Giám đốc và Đảng ủy đã đóng vai trò quyết định của những thành công thời gian qua, góp phần ổn định thị trường xăng dầu trên địa bàn 17 tỉnh, thành; qua đó, công ty không ngừng lớn mạnh.

***3 - Những động lực chủ yếu tạo nên thành công***

Vấn đề cần nhắc tới đầu tiên là, sự chăm lo đời sống mọi mặt của người lao động. Như đã đề cập ở trên, cán bộ công nhân công ty được quan tâm bồi dưỡng, đào tạo cả về chuyên môn nghiệp vụ cũng như tư tưởng chính trị. Hằng năm, công ty đều tổ chức cho cán bộ, công nhân được đi tham quan du lịch kết hợp nghỉ ngơi, trang thiết bị bảo hộ lao động được cấp phát đầy đủ và kịp thời. Bên cạnh đó, do kinh doanh có kết quả nên đời sống của công nhân năm sau được cải thiện hơn năm trước. Các tổ chức quần chúng hoạt động tốt, góp phần thiết thực nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho mỗi người, bồi dưỡng ý thức trách nhiệm của các thành viên, gắn kết mọi người với công ty. Những hoạt động và sự nỗ lực đó đã tạo nên sự gắn bó với công ty, nâng cao ý thức trách nhiệm trong công việc của mỗi cán bộ, công nhân viên trong việc nâng cao không ngừng năng suất lao động cũng như tinh thần đóng góp xây dựng công ty.

Cơ chế lương - thưởng là động lực vật chất quan trọng thúc đẩy mọi cán bộ, công nhân hăng say lao động. Công ty xây dựng phương thức trả lương vừa theo năng suất lao động, vừa dựa trên hiệu quả thực hiện nhiệm vụ trên mọi mặt trong việc góp phần xây dựng và phát triển công ty. Thu nhập cá nhân căn cứ vào sự đóng góp cụ thể của mỗi người cũng như dựa trên kết quả kinh doanh ngày càng tăng của công ty nên đã động viên mỗi người, từng bộ phận đều phấn khởi làm việc. Sự nỗ lực, sáng tạo của toàn thể cán bộ công nhân viên, trong đó then chốt là Ban giám đốc và Đảng ủy luôn tạo đủ công ăn việc làm cho người lao động. Công ty mở thêm nhiều mặt hàng kinh doanh, như: gas, dầu nhờn, mỡ... để tạo điều kiện cho cán bộ, công nhân viên có điều kiện làm việc, cống hiến, và từ đó nâng cao thu nhập cho người lao động.

Không chỉ tăng thu nhập thông qua việc mở rộng sản xuất, công ty còn quan tâm thích đáng tới trang bị phương tiện kỹ thuật hiện đại phục vụ sản xuất. Dây chuyền giao nhận hàng hóa hiện đại được đưa vào sử dụng ở Tổng kho xăng dầu Đức Giang đã phát huy thế mạnh trên nhiều mặt. Năng suất lao động được nâng lên, rút ngắn thời gian giao nhận hàng, từ đó giảm bớt cường độ lao động nặng nhọc, độc hại cho công nhân; sắp xếp lại lao động để tăng cường cho các khu vực khác. Một điều quan trọng là, việc bảo đảm an toàn cho quá trình sản xuất và việc chuyên chở từ đó được nâng lên, góp phần tiết kiệm nhiều khoản chi phí sẽ phải chi, không để xảy ra thất thoát, cháy nổ do phương tiện lạc hậu. Hiện nay việc giao - nhận hàng tại tổng kho đã được tự động hóa, điều này nâng cao khả năng kiểm soát tiến trình kinh doanh của Ban Giám đốc cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho công việc hạch toán, quản lý kinh doanh.

Phát huy những kết quả đạt được, tiếp tục tổng kết những kinh nghiệm, thành bại, thời gian tới, Công ty Xăng dầu khu vực I phấn đấu giữ vững đoàn kết nhất trí trong Công ty, khuyến khích mọi cá nhân phát huy hết khả năng cho công việc, hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao, xứng đáng với vị trí là doanh nghiệp quan trọng trong ngành xăng dầu của quốc gia. ❑


Digitized by Google

# CHƯƠNG TRÌNH DÂN SỐ VIỆT NAM: *Thực trạng và thách thức trong những năm đầu thế kỷ XXI*

**NGUYỄN HỒNG NGỌC ***

TRẢI qua 42 năm triển khai thực hiện, đặc biệt kể từ khi thực hiện Nghị quyết Trung ương 4, khóa VII, *Về Chính sách Dân số - Kế hoạch hóa gia đình,* công tác dân số đã đạt được những kết quả tốt, góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân.

Mặc dù tốc độ gia tăng dân số quá nhanh đã được kiềm chế, tổng tỷ suất sinh tiến tới mức sinh thay thế, song cơ cấu dân số đang chuyển dần sang cơ cấu dân số già, chất lượng dân số thấp và phân bố dân cư bất hợp lý đang là những tác nhân cản trở sự phát triển bền vững:

**Thứ nhất, *quy mô dân số lớn và ngày càng lớn hơn đang và sẽ vẫn là những cản trở đối với sự phát triển của Việt Nam.***

** Quy mô dân số lớn và ngày càng lớn hơn*

Nếu năm 1921, dân số Việt Nam mới chỉ 15,58 triệu người thì gần 40 năm sau, số dân tăng lên gấp đôi, tức là 30,17 triệu người, và chỉ 26 năm sau nữa, số dân lại tăng lên gấp đôi, tức là 60,47 triệu người vào năm 1986. Hiện nay là gần 81 triệu người. Xét về quy mô, năm 2003 dân số nước ta xếp thứ 14 trên thế giới, sau Trung Quốc (1,289 tỉ người), Ấn Độ (1,069 tỉ người), Mỹ (292 triệu người), In-đô-nê-xi-a (220 triệu người), Bra-xin (176 triệu người), Pa-ki-xtan (149 triệu người), Băng-la-đét (147 triệu người), Nga (146 triệu người), Ni-giê-ri-a (134 triệu người), Nhật Bản (128 triệu người), Mê-hi-cô (105 triệu người), Đức (83 triệu người), Phi-líp-pin (82 triệu người). Theo dự báo, năm 2050, nước ta đứng thứ 15, với số dân 117 triệu người và trở thành một trong 16 nước có trên 100 triệu dân; lúc đó, dân số Việt Nam đông hơn Nhật Bản (101 triệu dân) và gần bằng Nga (119 triệu dân). Trong khu vực Đông Nam Á, dân số Việt Nam xếp thứ 3 (sau In-đô-nê-xi-a và Phi-líp-pin). Đến năm 2050, trật tự này vẫn không thay đổi [1].

Đến nay, tuy tỷ lệ gia tăng dân số quá nhanh đã được kiềm chế, song quy mô dân số nước ta tiếp tục phát triển, bình quân mỗi năm tăng thêm 1 triệu người (giai đoạn 2001 - 2010), sau đó tăng thêm mỗi năm 95 vạn người (giai đoạn 2011 - 2020) và sẽ dừng lại ở mức 113 - 115 triệu người (vào giữa thế kỷ XXI), nếu như công tác dân số tiếp tục đạt kết quả theo mục tiêu đề ra.

Mặc dù diện tích đất không rộng, chỉ có 33,1 vạn km$^2$, nhưng do quy mô dân số tăng nhanh, nên mật độ dân số tăng rất nhanh. Nếu

---

* Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em

(1) PRB. 2003 World Population Data Sheet



Digitized by Google

năm 1921 chỉ có 47/km², năm 1960 đã tăng gấp đôi, tức 91 người/km², năm 1986 đã tăng gấp bốn lần, tức là có 183 người/km² và đến khi ổn định quy mô dân số thì sẽ gấp tám lần, tức là có 350 người/km². Đến nay, mật độ dân số nước ta đã là 243 người/km², đứng hàng thứ 14 trên thế giới và gấp 6 lần mật độ dân số chuẩn của quốc tế (1 km² chỉ nên có khoảng 40 người). Trung Quốc là một nước đông dân nhất thế giới nhưng cũng chỉ có 126 người/km².

** Mức sinh giảm nhanh và tiến đến gần mức sinh thay thế nhưng kết quả chưa vững chắc vẫn còn tiềm ẩn sự gia tăng dân số nhanh trở lại*

Số con trung bình của một phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ (từ 15 đến 49 tuổi) giảm từ 6,39 con (năm 1960), xuống 2,3 con (năm 1999) và 2,28 con (năm 2002). Kết quả điều tra biến động dân số - kế hoạch hóa gia đình trong 3 năm 2000, 2001 và 2002 cho thấy, những vùng, tỉnh có mức sinh cao thì đến nay mức sinh tiếp tục giảm, nhưng ngược lại ở những vùng, tỉnh có mức sinh đã đạt hoặc tiệm cận mức sinh thay thế thì mức sinh lại nhích dần lên, làm cho mức sinh chung của cả nước tuy giảm nhưng chỉ đạt tốc độ chậm dần: từ 19,9‰ (năm 1999) xuống còn 19,0‰ (năm 2002), trung bình mỗi năm chỉ giảm được 0,225‰, chưa đạt chỉ tiêu do Đại hội IX của Đảng đề ra là 0,5‰/năm.

Trong thời kỳ 1999 - 2002, tổng tỷ suất sinh (TFR) của cả nước giảm từ 2,33 con (năm 1999) xuống còn 2,28 con (năm 2002); trong đó, TFR ở khu vực thành thị đã tăng từ 1,7 lên 1,9 con, TFR ở khu vực nông thôn giảm từ 2,6 xuống 2,4 con; tỷ suất sinh thô cũng tăng từ 15,9‰ lên 16,9‰ ở khu vực thành thị và giảm từ 21,2‰ xuống 19,6‰ ở khu vực nông thôn. Đến năm 2002, 19 tỉnh có tổng tỷ suất sinh (TFR) đạt hoặc thấp hơn mức sinh thay thế với tổng số dân 28,29 triệu người, chiếm 35,5% tổng số dân; 23 tỉnh có TFR từ trên 2,1 đến 2,5 con với số dân là 31,99 triệu người, chiếm 40,12% tổng số dân; 19 tỉnh có TFR trên 2,5 con với số dân là 19,717 triệu người chiếm 24,7% dân số cả nước. Vì vậy, cần tiếp tục phấn đấu giảm sinh trong một thời gian nữa mới có thể bảo đảm mức sinh ổn định. Đặc biệt là khu vực nông thôn của vùng Tây Bắc và Tây Nguyên hiện vẫn có TFR ở mức rất cao (trên 3 con/phụ nữ).

Năm 2002, theo điều tra, tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên mặc dù đã có sự giảm dần nhưng chưa ổn định trong các năm gần đây và vẫn còn khá cao, chiếm 22% số sinh (1993: 45,7%; 1994: 37,1%; 1995: 37,7%; 1996: 29,5%; 1997: 31,67% và năm 2002 là 21,73%). Tỷ lệ này của khu vực nông thôn cao gần gấp đôi khu vực thành thị (24% so với 13%). Trong các vùng của cả nước, chỉ có vùng đồng bằng sông Hồng có tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên thấp (14,84%), nhưng vẫn chưa tương ứng với kết quả của tổng tỷ suất sinh (tổng tỷ suất sinh đạt ở mức thay thế thì tỷ lệ sinh con thứ 3 phải dưới 10%). Các vùng khác thì tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên còn tương đối cao, như Tây Nguyên 35,32%, Bắc Trung Bộ 29,11%, Tây Bắc 28,57%, Nam Trung Bộ 26,87%.

** Tình trạng nạo, phá thai và điều trị vô sinh có xu hướng tích cực nhưng vẫn còn hạn chế*

Năm 1994, Liên hợp quốc xếp nước ta đứng hàng thứ 7 trong số 10 nước có tỷ lệ nạo, phá thai trên thế giới, (với 1,3 triệu ca nạo phá thai bình quân hằng năm). Nhưng từ năm 1995 và đến năm 1999 chỉ còn 78 vạn ca, năm 2001 còn 61,8 vạn ca/năm. Tỷ lệ biến chứng sau nạo, phá thai của phụ nữ còn cao, cứ 100 phụ nữ nạo, phá thai thì có gần 8 phụ nữ bị biến chứng.

** Chăm sóc sức khỏe sinh sản, bảo vệ bà mẹ còn nhiều hạn chế*

Vẫn còn 28,3% số bà mẹ mang thai đã không đi khám thai lần nào, số đi khám thai mới đạt 71,7%, nhưng số bà mẹ khám thai đủ 3 lần trở lên trong mỗi kỳ mang thai chỉ đạt 34,5%, tức là mới có 1/3 số bà mẹ thực hiện theo mục tiêu đề ra. Điều đáng quan tâm là, phụ nữ mang thai ở nhóm có nguy cơ cao lại ít khám thai, phụ nữ mang thai dưới 20 tuổi không khám thai là


Digitized by Google

36,9%, trên 35 tuổi là 39,1%, trong khi phụ nữ mang thai ở độ tuổi từ 20 đến 24 không khám thai là 25,6%. Tỷ lệ không đi khám thai tăng dần theo thứ tự sinh, nếu mang thai lần đầu thì tỷ lệ không khám thai là 22,2%, mang thai lần thứ 4 và 5 không khám thai là 42,0% và mang thai lần thứ 6 trở lên không khám thai là 53,6% (2).

Mặc dù y tế tuyến cơ sở được củng cố về cán bộ, thiết bị và cơ sở vật chất - kỹ thuật nhưng tỷ lệ phụ nữ sinh tại đó chưa cao, vẫn còn 38,3% phụ nữ sinh con tại nhà, trong đó nhóm phụ nữ nghèo nhất sinh con tại nhà tới 63,5%, trong khi đó nhóm phụ nữ giàu nhất sinh con tại nhà chiếm 14,7%. Trình độ học vấn và điều kiện sống của phụ nữ có nhiều ảnh hưởng đến việc trợ giúp của nhân viên y tế, phụ nữ không bao giờ đến trường học đã sinh tại nhà tới 68,2% và giảm xuống chỉ còn 10,7% đối với phụ nữ đã tốt nghiệp phổ thông trung học trở lên. Tỷ lệ sinh con tại nhà thấp nhất ở vùng đồng bằng sông Hồng 3,9%, Đông Nam bộ 11,2% và cao nhất ở vùng miền núi phía Bắc 69,8% (3).

Tỷ lệ sản phụ sinh đẻ được nhân viên y tế đã qua đào tạo trợ giúp đạt tới 88,9%, so với mức trung bình của thế giới là 56% thì nước ta đạt tỷ lệ cao hơn, thậm chí là cao hơn cả các nước vùng Đông Á và Thái Bình Dương là 66%, nhưng kết quả đạt được có sự khác biệt giữa các vùng địa lý, giữa các nhóm đối tượng phụ nữ có trình độ học vấn, thu nhập khác nhau. Hầu hết đồng bào các dân tộc thiểu số cho rằng, việc chửa đẻ là những sự kiện tự nhiên, nên đa số không có thói quen sinh con tại các cơ sở y tế. Hầu hết các tỉnh có tỷ lệ cao về trẻ sơ sinh chết và trẻ em dưới 5 tuổi chết là những tỉnh tập trung đông người dân tộc thiểu số cư trú. Trong số 10 nhóm dân tộc thiểu số chính thì tỷ lệ chết trẻ sơ sinh ở dân tộc Gia Rai là 69‰, ở dân tộc Mông là 56‰ và của tất cả các nhóm dân tộc thiểu số khác là 59‰ đều cao hơn gấp 3 lần chỉ số này ở người Kinh với 21 trẻ nhỏ chết trên 1000 ca đẻ sống.

Tỷ lệ tử vong mẹ ước tính khoảng 160 ca trên 100 000 ca đẻ sống, nhưng tỷ lệ này ở các nhóm đồng bào dân tộc thiểu số ở miền núi còn cao hơn rất nhiều. Nguyên nhân là do phụ nữ người dân tộc thiểu số thường sinh con tại nhà (khoảng hơn 80%) so với dưới 30% ở người Kinh. Trên 40% số phụ nữ người dân tộc thiểu số sinh con không được nhân viên y tế trợ giúp. Ngoài ra, 60% số phụ nữ dân tộc thiểu số không được chăm sóc trước khi sinh, trong khi tỷ lệ này ở người Kinh là 30% (4). Tỷ lệ bà mẹ mang thai không đi khám thai còn cao: 28,3%; số bà mẹ có thai đi khám đủ 3 lần trở lên chỉ đạt kết quả rất thấp: 34,5%. Tỷ lệ bà mẹ sinh con tại cơ sở y tế chưa cao, vẫn còn 38,3% phụ nữ sinh con tại nhà, trong đó nhóm phụ nữ nghèo sinh con tại nhà tới 63,5%. Tỷ lệ sản phụ sinh đẻ được nhân viên y tế đã qua đào tạo trợ giúp đạt 88,9% - một mức cao so với thế giới. Tỷ lệ tử vong mẹ ước tính khoảng 160 ca trên 100 000 ca đẻ sống là tỷ lệ còn cao.

**Thứ hai, *cơ cấu dân số trẻ và đang chuyển dần sang cơ cấu dân số già làm nảy sinh những thách thức đối với sự phát triển kinh tế - xã hội.***

Do giảm sinh nhanh và tuổi thọ tăng, dân số nước ta bắt đầu chuyển sang quá trình già hóa. Theo dự báo, tuổi trung vị sẽ tăng từ 23,2% (năm 2000) lên 27,1% (năm 2010). Số trẻ em dưới 15 tuổi giảm từ 26 triệu người (năm 2000) xuống 21,8 triệu người (năm 2010); người già (từ 60 tuổi trở lên) sẽ tăng từ 6,3 triệu người (năm 2000) lên 6,9 triệu người (năm 2010). Số người từ 15 đến 59 tuổi tăng từ 45,4 triệu người (năm 2000) lên 58,7 triệu người (năm 2010). Như vậy, quá trình dư lợi dân số đã tạo ra "cơ cấu dân số vàng" (tỷ lệ số người trong độ tuổi lao động chiếm tỷ lệ lớn nhất cho đến năm 2010). Đây sẽ là tiềm năng to lớn cho sự phát triển đất nước, nếu lực lượng này được đào tạo

(2) (3) Điều tra Nhân khẩu học và sức khỏe 1997

(4) Tổ chức Y tế thế giới (WHO): *Sức khỏe và người thiểu số ở Việt Nam*, tháng 6-2003

và sử dụng hợp lý. Ngược lại, chính lực lượng này sẽ gây sức ép đến giải quyết việc làm cho người lao động (tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị năm 2002 là 6,0%; tỷ lệ thời gian lao động của lao động trong độ tuổi ở khu vực nông thôn năm 2002 mới đạt 75,3%), khi không được đào tạo thích hợp và không đủ việc làm ổn định. Đồng thời, người già tăng lên đòi hỏi nền kinh tế phải thay đổi nhằm đáp ứng với cơ cấu dân số già trong tương lai. Dự báo dân số Việt Nam sẽ có cơ cấu dân số già vào khoảng năm 2015, với tỷ lệ người từ 60 tuổi trở lên chiếm 10% dân số.

**Thứ ba,** ***phân bố dân cư không hợp lý, di dân tự phát chưa được kiểm soát.***

Sự phân bố dân cư giữa các khu vực, vùng địa lý kinh tế ở nước ta không đều, phần lớn tập trung ở các đô thị và vùng đồng bằng ven biển, trong khi vùng đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long chỉ chiếm 15,8% diện tích đất tự nhiên của cả nước, nhưng tập trung tới 40,5% dân số, và ngược lại vùng Tây Bắc và Tây Nguyên chiếm tới 1/4 đất tự nhiên của cả nước, nhưng chỉ có 6,9% dân cư sinh sống. Ví dụ, tỉnh Kon Tum chỉ có 32 người/km² thì Thái Bình là 1 194 người/km², gấp gần 40 lần. Tỷ lệ dân số thành thị thấp, chiếm 25,4% dân số. Sự hình thành dân số thành thị chủ yếu là do hình thành các đơn vị hành chính, chưa xuất phát từ nhu cầu phát triển công nghiệp. Tốc độ đô thị hóa nhanh trong những năm gần đây và có khả năng đạt tỷ lệ 40% vào năm 2020. Tỷ suất di cư vào loại thấp so với các nước trên thế giới: chỉ chiếm 5,21%. Nhưng luồng di cư tự phát lại có xu hướng tăng nhanh, đặc biệt là các thành phố lớn như Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng...

Bên cạnh những mặt tích cực, di dân tự phát và sự di chuyển của lực lượng lao động theo mùa vụ đã và đang trực tiếp làm khó khăn thêm trong việc đáp ứng dịch vụ xã hội cơ bản, bảo vệ môi trường, tài nguyên... Cho đến nay, di dân tự phát và sự di chuyển của lực lượng lao động theo mùa vụ vẫn chưa quản lý được.

**Thứ tư,** ***chất lượng dân số thấp chưa đáp ứng được yêu cầu về nguồn nhân lực có chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.***

Theo Báo cáo Phát triển con người năm 2003 của UNDP, Việt Nam có chỉ số phát triển con người (HDI) thấp, nhưng đã tăng lên không đáng kể trong những năm qua, từ 0,560 điểm và xếp thứ 110 so với 174 nước trên thế giới (năm 1995) tăng lên 0,671 điểm và xếp thứ 108/174 (năm 1998) và 0,688 điểm, xếp thứ 109/175 (năm 2001). Tuy nhiên, theo Báo cáo Phát triển con người Việt Nam năm 2000, chỉ có 12 tỉnh có trình độ phát triển cao (HDI từ 0,7 trở lên), có tới 41 tỉnh có trình độ phát triển trung bình (HDI từ 0,6 đến dưới 0,7) và 8 tỉnh còn lại có trình độ phát triển thấp (HDI dưới 0,6). Các tố chất về thể lực của người Việt Nam còn hạn chế, tỷ lệ thanh niên từ 18 - 22 tuổi đạt tiêu chuẩn 165 cm trở lên (đối với nam) là 31,9% và 155 cm (đối với nữ) là 31,9%. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn cao so với các nước trong khu vực: chiếm 30,1% năm 2002 và đặc biệt cao ở vùng Tây Nguyên và Tây Bắc (40,2% và 36,0%); 1,5% dân số bị thiểu năng về thể lực và trí tuệ; tần suất dị tật bẩm sinh ở trẻ sinh ra sống là 3%. Số người nhiễm HIV/AIDS ngày càng tăng: đến ngày 31-8-2003, có 70 780 trường hợp nhiễm HIV/AIDS, đặc biệt là 95% số người nhiễm HIV/AIDS ở trong độ tuổi từ 15 đến 49.

Trong tiến trình mở cửa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chúng ta cần quan tâm đến vị thành niên - nhóm xã hội đặc biệt nằm trong giai đoạn chuyển tiếp giữa tuổi ấu thơ và tuổi trưởng thành. Bảo vệ, giáo dục và chăm sóc sức khỏe cho vị thành niên rõ ràng là một trong những nhiệm vụ xã hội cấp bách ở nước ta hiện nay để đảm bảo sự phát triển bền vững cho đất nước, nâng cao chất lượng cuộc sống cho thế hệ tương lai. Xã hội, gia đình và cộng đồng phải quan tâm bảo vệ, giáo dục, chăm sóc bảo vệ sức khỏe cho họ; đồng thời, giúp họ có thể tự mình đưa ra những quyết định đúng về mặt chăm sóc


Digitized by Google

sức khỏe cho bản thân, hạn chế những ảnh hưởng xấu đến cuộc sống tương lai của các em và tương lai của giống nòi. Song sự quan tâm này vẫn chưa đúng mức. Nhiều công trình nghiên cứu đã đề cập đến vấn đề quan hệ tình dục của vị thành niên như một hiện tượng phổ biến; nhiều vị thành niên có quan hệ tình dục từ tuổi 15, không chỉ 1 lần và không chỉ với 1 bạn tình. Nguồn cung cấp chính các thông tin về sức khỏe sinh sản cho vị thành niên là phương tiện thông tin đại chúng (đài, ti vi, báo chí, sách) và nhà trường. Tuy nhiên, nhà trường cũng chỉ mới cung cấp thông tin về sức khỏe sinh sản cho khoảng 1/3 số vị thành niên, trong khi đa số những vị thành niên này chỉ hiểu về sức khỏe sinh sản một cách thoáng qua và thiếu chính xác. Cha mẹ là những người gần gũi vị thành niên nhất, nhưng chỉ có rất ít bậc cha mẹ nói cho con mình biết những thông tin về sức khỏe sinh sản. Những quan niệm truyền thống về giới tính, tình dục, tình yêu còn là hàng rào ngăn cản việc tuyên truyền giáo dục về sức khỏe sinh sản nói chung và giới tính nói riêng trong nhà trường và trong mỗi gia đình [5].

Cả nước vẫn còn 6,8 triệu người từ 10 tuổi trở lên chưa bao giờ đến trường, trong đó có 5,3 triệu người hoàn toàn không biết chữ; 84,2% số người 15 tuổi trở lên không có trình độ chuyên môn kỹ thuật; trong số những người đã qua đào tạo, tỷ trọng ở các cấp đã thấp lại mất cân đối về cơ cấu: 7,8% có trình độ công nhân kỹ thuật và sơ cấp, 3,8% có trình độ trung học chuyên nghiệp, 4,2% có trình độ cao đẳng, đại học trở lên. Để tránh nguy cơ tụt hậu, thì cùng với việc giải quyết vấn đề quy mô dân số đòi hỏi chúng ta phải xây dựng và thực thi một chiến lược dài hạn nhằm nâng cao chất lượng dân số Việt Nam về cả thể lực và trí lực.

Trong bối cảnh kinh tế - xã hội Việt Nam ở thập kỷ đầu thế kỷ XXI, phạm vi chính sách dân số không thể chỉ giới hạn trong việc điều chỉnh quy mô dân số thông qua thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình, mà cùng với giảm sinh phải giải quyết đồng bộ, từng bước, có trọng điểm các vấn đề về chất lượng, cơ cấu dân số và phân bố dân cư theo định hướng "dân số - sức khỏe sinh sản và phát triển", bảo đảm sự hài hòa giữa việc ổn định dân số và phát triển kinh tế - xã hội bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng, của mỗi thành viên trong xã hội là mục tiêu và yêu cầu đặt ra đối với mọi quốc gia, đặc biệt là đối với một nước đang phát triển như nước ta. Mỗi thành công của lĩnh vực này sẽ tạo điều kiện thuận lợi, làm tiền đề, động lực cho lĩnh vực kia; và ngược lại. Để giải quyết tốt vấn đề dân số phải gắn chính sách dân số với chính sách phát triển kinh tế - xã hội. Các chính sách có liên quan đến sự gia tăng dân số và phân bố lại dân cư sẽ được thực hiện tốt nhất khi chúng được xem như là một phần quan trọng trong hệ thống các chính sách phát triển toàn diện. Do đó, các mục tiêu và các chính sách có liên hệ mật thiết và trực tiếp đến các vấn đề dân số là một phần trong tổng thể của các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

Chính vì lẽ đó, ngày 9-1-2003, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua Pháp lệnh Dân số. Đây là một văn bản có giá trị pháp lý cao nhất từ trước tới nay trong lĩnh vực dân số, có ý nghĩa to lớn trong việc định hướng đồng bộ, thống nhất, toàn diện về dân số: từ quy mô, cơ cấu, tới chất lượng dân số và phân bố dân cư. Pháp lệnh Dân số bảo đảm hành lang pháp lý cho việc tổ chức thực hiện công tác dân số của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, cho việc thực hiện chính sách dân số của toàn dân và giải quyết thành công các yếu tố của vấn đề dân số đang đặt ra trong những năm đầu của thế kỷ XXI, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. ❑

---

(5) Trường Đại học Y Thái Bình, Trung tâm Nghiên cứu dân số và Sức khỏe nông thôn: *Sức khỏe vị thành niên ở Việt Nam: Chương trình hợp tác y tế Việt Nam - Thụy Điển, lĩnh vực chính sách y tế*, Nxb Y học, Hà Nội, 2002


Digitized by Google

# Vấn đề dân số và nguồn nhân lực vùng dân tộc thiểu số nước ta

NGUYỄN THẾ HUỆ *

*Lễ hội Tây Nguyên - Ảnh: TTXVN*

Do sớm nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề dân số nên ngay từ những năm đầu thập kỷ 60 của thế kỷ XX, Đảng và Nhà nước ta đã luôn quan tâm đến việc hoạch định và thực thi chính sách dân số quốc gia nhằm giảm mức sinh, mức chết và phân bố dân số hợp lý để đưa đất nước tiến lên.

Ngày 26-12-1961, Hội đồng Chính phủ đã ban hành quyết định 216/CP về việc sinh đẻ có hướng dẫn nhưng phạm vi mới chỉ dừng lại ở miền Bắc khi dân số nước ta có khoảng 30 - 31 triệu người và lúc đó trên thế giới chưa nhiều chính phủ quan tâm đến vấn đề dân số. (Sau này, trong khu vực mới có Hàn Quốc vào năm 1962, In-đô-nê-xi-a (1965), Thái Lan và Trung Quốc (1970) bắt đầu thực hiện chương trình kế hoạch hóa gia đình). Từ năm 1975, công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình được triển khai trong cả nước. Năm 1977, Thủ tướng Chính phủ đã ra chỉ thị đẩy mạnh cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch, tuy nhiên, đến năm 1981, mục tiêu giảm sinh đề ra vẫn chưa thực hiện được. Để tăng cường công tác dân số hơn nữa, ngày 12-8-1981, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) đã ra chỉ thị nêu rõ mục tiêu cụ thể trong kế hoạch 5 năm 1981 - 1985 về sinh đẻ có kế hoạch. Năm 1985, Hội đồng Bộ trưởng tiếp tục ban hành Quyết định số 162/HĐBT quy định về tuổi sinh đẻ.

Ngày 14-1-1993, Hội nghị Trung ương 4 khóa VII, đã ra Nghị quyết *Về chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình*. Sự kiện này đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong công tác dân số của nước ta. Bên cạnh Nghị quyết Trung ương 4, Thủ tướng Chính phủ cũng đã phê duyệt *Chiến lược Dân số và Kế hoạch hóa gia đình đến năm 2000* với mục tiêu về mức sinh là: *Mỗi cặp vợ chồng chỉ có 1 hoặc 2 con... để đến năm 2015 bình quân trong toàn xã hội mỗi gia đình có 2 con.* Cuối năm 2000, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành *Chiến lược Dân số*

* TS, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Dân số và Phát triển, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam


Digitized by Google

*Việt Nam 2001 - 2010*, trong đó tập trung nhấn mạnh vào việc nâng cao chất lượng dân số.

Nhằm thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 của Đảng và Chiến lược Dân số và Kế hoạch hóa gia đình, các cấp ủy, chính quyền và đoàn thể từ trung ương đến địa phương đã chỉ đạo chặt chẽ cuộc vận động với nhiều biện pháp và hình thức thích hợp. Do vậy, tỷ lệ sinh thô giảm từ 3,01% (năm 1989) xuống còn 1,99% (năm 1999); tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đã giảm từ 2,2% (năm 1989) xuống còn 1,43% (tại thời điểm cuộc tổng điều tra năm 1999); số con trung bình của một phụ nữ vùng miền núi và trung du Bắc Bộ năm 1989 là 4,95 và Tây Nguyên có số con trung bình của một phụ nữ cao nhất nước là 5,78 đã giảm xuống theo thứ tự là 2,95 và 3,9 qua tổng điều tra dân số năm 1999. Do công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình đạt được những thành tích đáng kể, vì thế, năm 1999, Việt Nam đã được Liên hợp quốc tặng Giải thưởng về dân số. Rõ ràng là chính sách về dân số và kế hoạch hóa gia đình ở nước ta đã có bước phát triển vượt bậc, đặc biệt là ở vùng dân tộc thiểu số, vì đây là vùng có địa bàn phức tạp, kinh tế - xã hội chậm phát triển, nhưng sự phát triển của dân số đã dần dần có kế hoạch, chấm dứt tình trạng tự phát, không kiểm soát được. Đó là sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, sự quản lý tốt của Nhà nước và cố gắng rất lớn của các cấp ngành có liên quan.

Tuy nhiên, tỷ lệ tăng dân số cả nước cũng như ở vùng dân tộc thiểu số vẫn còn cao. Nếu thời kỳ 1976 - 1981, dân số nước ta tăng 5,1 triệu người, tỷ lệ tăng bình quân năm là 2,6% thì thời kỳ 1979 - 1989, tỷ lệ tăng dân số cả nước giảm đi rõ rệt, tỷ lệ phát triển dân số cả nước là 20,98%; bình quân mỗi năm tăng 2%. Điều đáng nói là, trong bối cảnh đó, dân số các dân tộc thiểu số lại tăng bình quân mỗi năm gần 3%, nhất là có nhiều dân tộc tăng dân số rất cao, như Tày (76,29%), Kháng (54,92%), Giẻ Triêng (49,50%), Dao (32,88%), Mông (32,18%), Thái (32,15%)... Theo kết quả tổng điều tra dân số năm 1989, người Kinh chiếm 87,1% tổng dân số cả nước, các dân tộc khác chiếm 33,1%. So với năm 1979, người Kinh giảm tỷ lệ từ 87,3% xuống 87,1% và người Hoa giảm từ 1,8% xuống 1,5%, trong khi các dân tộc khác đều tăng. Theo kết quả Tổng điều tra dân số ngày 1-4-1999, tỷ lệ dân số dân tộc Kinh tiếp tục giảm xuống 86,20%, người Hoa giảm còn 1,13%, trong khi một số dân tộc thiểu số lớn khác tiếp tục tăng cao như Tày: 1,93%, Thái: 1,74%, Mường: 1,49%, Nùng: 1,12%, Dao: 0,80%.

Như vậy, việc tiếp tục kiềm chế sự gia tăng dân số ở nước ta vẫn còn là nhiệm vụ không thể sao nhãng, đặc biệt là với đồng bào các dân tộc thiểu số. Nếu không chú ý điều chỉnh cho phù hợp thì hậu quả thật khó lường. Do vậy, các cấp các ngành từ trung ương đến địa phương phải chú trọng đến nhiệm vụ này một cách tương xứng. Các phương tiện truyền thông đại chúng trước đây đã làm rất tốt việc tuyên truyền vận động về dân số, kế hoạch hóa gia đình nhưng gần đây đang có xu hướng chững lại...

Một điều đáng chú ý là, sự phân bố dân cư của các dân tộc thiểu số không đồng đều giữa các vùng Đông Bắc, Tây Bắc và Tây Nguyên. Vùng Đông Bắc là nơi cư trú chủ yếu của các dân tộc Tày, Nùng, Mông và Dao. Tây Bắc là địa bàn cư trú chủ yếu của các dân tộc Thái, Mông, Dao, còn người Mường cư trú chủ yếu ở Hòa Bình và Sơn La. Hơn 40 dân tộc thiểu số khác cư trú rải rác ở cả hai vùng Đông Bắc và Tây Bắc. Dân cư các dân tộc thiểu số phân bố không đều, số xã có từ 80% trở lên số đồng bào các dân tộc thiểu số cư trú giảm và số xã có dưới 20% số đồng bào các dân tộc thiểu số cư trú ngày càng tăng.

Sự phân bố dân cư giữa các dân tộc ở Tây Nguyên cũng có nhiều khác biệt. 12 dân tộc bản địa ở Tây Nguyên đều cư trú ở 4 tỉnh của vùng, trong đó người Xơ Đăng và Ba Na cư trú chủ yếu ở Kon Tum theo tỷ lệ (25,06%) và (11,94%). Gia Lai là địa bàn cư trú chủ yếu của người Gia Rai (29,67%) và Ba Na (12,156%). Đắc Lắc là địa bàn cư trú chủ yếu của người Ê Đê (13,99%). Lâm Đồng là địa bàn cư trú chủ


Digitized by Google

yếu của người Cơ Ho (11,31%). Các dân tộc bản địa khác cư trú ở nhiều xã thuộc 4 tỉnh Tây Nguyên. Bên cạnh các dân tộc bản địa, từ sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đặc biệt là từ khi đổi mới đến những năm cuối của thế kỷ XX, nhiều dân tộc thiểu số ở miền núi và trung du phía Bắc đã chuyển cư vào cư trú xen kẽ ở nhiều xã của Tây Nguyên. Số xã có nhiều dân tộc cư trú xen kẽ ở Tây Nguyên ngày càng tăng. Do đó, bên cạnh việc thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình cần chú ý đến việc phân bổ, bố trí dân cư cho phù hợp với việc phát triển và bảo vệ đất nước trong giai đoạn hiện nay.

Sau nhiều năm phấn đấu không mệt mỏi trong công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình, hiện nay nước ta đã thu được kết quả khả quan. Theo số liệu Tổng điều tra dân số 1-4-1999, các dân tộc thiểu số ở nước ta có 10 527 455 người (chiếm gần 13,8% dân số cả nước), trong đó nguồn nhân lực trẻ các dân tộc thiểu số từ 10 đến 34 tuổi là 4 661 663 người (chiếm 44,3% dân số các dân tộc). Hầu hết các dân tộc thiểu số đều có cơ cấu dân số trẻ, trong đó có nhiều dân tộc thiểu số có số người từ 10 đến 34 tuổi chiếm tỷ lệ trên 50% như Tày, Thái, Mường, Khơ Me, Sán Chay, Sán Dìu... Ba vùng Tây Bắc, Đông Bắc và Tây Nguyên có tỷ lệ nguồn nhân lực trẻ cao. Tây Bắc là vùng có tỷ lệ cao nhất (54,1%); tiếp đến là Tây Nguyên (53,2%) gồm Gia Lai, Kon Tum và Đắc Lắc; vùng Đông Bắc chỉ có 51,7% gồm các tỉnh Quảng Ninh, Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Cạn và Thái Nguyên. Thanh niên các dân tộc thiểu số là nguồn nhân lực trẻ dồi dào, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước cũng như các phong trào tình nguyện của các lực lượng xã hội tham gia xóa mù và phổ cập tiểu học nên đồng bào các dân tộc miền núi nói chung và thanh niên dân tộc thiểu số nói riêng đã được tham gia học tập nhiều hơn trước. Hiện nay, nếu tỷ lệ người đang đi học của toàn quốc là 27,2% số dân thì các dân tộc thiểu số miền núi là 26,9%, trong đó có một số dân tộc có tỷ lệ rất cao như Tày 32,0%, Thái 29,0%...

Bảng: *Số người đang đi học của thanh thiếu niên một số dân tộc thiểu số*

| | Tổng số trong độ tuổi (người) | *Người đang đi học* | |
|---|---|---|---|
| | | *Số lượng (người)* | *Tỷ lệ (%)* |
| **Chung toàn quốc** | 39 811 565 | 17 087 246 | 42,9 |
| **Các dân tộc thiểu số** | 4 231 720 | 1 272 220 | 30,0 |
| **Một số dân tộc thiểu số** | | | |
| Dân tộc Tày | 714 520 | 228 646 | 32,0 |
| Dân tộc Thái | 643 342 | 186 569 | 29,0 |
| Dân tộc Mông | 347 400 | 59 058 | 17,0 |
| Dân tộc Gia Rai | 222 566 | 48 584 | 21,8 |
| Dân tộc Khơ Me | 484 824 | 112 509 | 23,2 |

*Nguồn: Tài liệu tổng điều tra dân số 1-4-1999*

Tuy nhiên, nếu so với tỷ lệ chung của toàn quốc thì tỷ lệ đang đi học của thanh thiếu niên các dân tộc thiểu số vẫn rất thấp, đặc biệt tỷ lệ chưa bao giờ đi học của thanh niên các dân tộc thiểu số lại có chiều hướng gia tăng. Nếu tỷ lệ này của toàn quốc là 9,3% thì của các dân tộc thiểu số lên tới 24,7%, trong đó có dân tộc có tỷ lệ rất cao như Mông 70%, Gia Rai 45,5%...

Trình độ dân trí của các dân tộc thiểu số, đặc biệt là trình độ học vấn của phụ nữ còn thấp. Nhiều phụ nữ dân tộc thiểu số hiện nay ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa và biên giới đang mù chữ. Mặc dù được Đảng và Nhà nước quan tâm đến công tác giáo dục đối với các dân tộc thiểu số nhưng những kết quả đạt được vẫn còn rất khiêm tốn. Tuy số trường dân tộc nội trú được mở ở nhiều nơi, song đến nay vẫn còn 11 dân tộc thiểu số có con em chưa được học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú các cấp, trong đó có các dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn như Rơ Măm, Ơ Đu, Brâu, Mảng... Tỷ lệ học sinh nữ học ở các trường phổ thông dân tộc nội trú rất thấp. Nếu xét chung trong 53 dân tộc thiểu


Digitized by Google

số thì đến nay vẫn còn 10 dân tộc chưa có người học đại học, cao đẳng, 5 dân tộc chưa có người học trung học chuyên nghiệp, 10 dân tộc chưa có học sinh học các trường đào tạo công nhân kỹ thuật và 40 dân tộc chưa có người học sau đại học. Theo số liệu thống kê, năm 2001, số người có trình độ đại học, cao đẳng ở miền núi, vùng dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ thấp hơn so với các khu vực khác: miền núi và trung du phía Bắc (12,3%); Bắc Trung Bộ (9,2%); duyên hải miền Trung (9,5%); Tây Nguyên (2,9%) và đồng bằng sông Cửu Long (1,7%)...

Như vậy, việc nâng cao chất lượng dân số và nguồn nhân lực ở vùng dân tộc thiểu số của nước ta tuy có nhiều thành tựu nhưng vẫn còn là một vấn đề rất lớn, rất khó khăn phức tạp, còn phải mất nhiều công sức, tiền của và thời gian để giải quyết cả trong hiện tại lẫn tương lai...

Theo kết quả điều tra cơ bản năm 2002 - 2003 về nguồn nhân lực trẻ các dân tộc thiểu số miền núi cho thấy, tình tình thể lực của đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng và của thanh thiếu niên các dân tộc nói chung đã có những cải thiện đáng kể, nhưng nhìn chung vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của sự phát triển kinh tế - xã hội cũng như sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tỷ lệ sinh đẻ giảm nên tình trạng sức khỏe sinh sản được cải thiện, hiện tượng trẻ em sơ sinh chết đã gần như được thanh toán... các kiến thức khoa học về lối sống mới đã được thực hiện... Kết quả điều tra thực trạng khác về nguồn nhân lực trẻ các dân tộc thiểu số miền núi cũng cho thấy, chiều cao trung bình của nam thanh niên dân tộc thiểu số khoảng 1,57 m, của nữ khoảng 1,48 m; cân nặng của nam thanh niên trung bình không quá 55 kg và nữ không quá 45 kg. Như vậy, nếu so với nhu cầu chung của toàn quốc thì những con số này là thấp. Bên cạnh đó, thanh thiếu niên các dân tộc thiểu số thường hay mắc phải một số bệnh như thấp khớp, viêm họng, viêm xoang, bệnh đường ruột, sốt rét... Đó là những dấu hiệu cho thấy tình hình sức khỏe của nguồn nhân lực trẻ các dân tộc thiểu số vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Để khắc phục những thiếu sót trên và thực hiện tốt hơn nữa vấn đề dân số, nguồn nhân lực trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cần chú ý một số vấn đề sau:

a - Tăng cường công tác truyền thông, vận động về dân số với hình thức, nội dung dễ hiểu, phù hợp với đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt nhấn mạnh việc truyền thông bằng các ngôn ngữ bản địa và hình ảnh; đưa các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến tận đồng bào. Đối với các dân tộc thiểu số đã có quy mô dân số đủ lớn, cần tập trung tuyên truyền vận động nhằm nâng cao về chất lượng dân số. Đối với các dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa, dân số ít cần có chính sách khuyến sinh và nâng cao chất lượng dân số nhằm duy trì giống nòi.

b - Có kế hoạch phân bố dân cư sao cho phù hợp với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tạo điều kiện cho các dân tộc đều có cơ hội phát triển. Đây là vấn đề phức tạp, nếu không chú ý thì tự đồng bào sẽ hành động tự phát. Việc di dân tự do tràn lan để phá vỡ sự cân bằng về kinh tế - xã hội và môi trường sinh thái.

c - Tăng cường công tác đào tạo cán bộ cấp cơ sở, nâng cao trình độ học vấn, nâng cao tỷ lệ cán bộ là người dân tộc thiểu số, nhất là những cán bộ trực tiếp làm công tác chính trị - xã hội, quản lý và cán bộ làm việc trong lĩnh vực dân số và kế hoạch hóa gia đình. Tăng cường hơn nữa công tác tuyển cử con em là người dân tộc thiểu số đi học văn hóa, khoa học - kỹ thuật để phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở địa phương. Những cơ sở có 70% đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống thì người đứng đầu nên là người dân tộc thiểu số. Người Kinh làm lãnh đạo ở vùng dân tộc thiểu số phải biết tiếng dân tộc thiểu số.

d - Có biện pháp tăng cường thể lực cho thanh thiếu niên dân tộc thiểu số, giúp họ nâng cao năng lực cũng như thể chất nhằm đáp ứng yêu cầu của nguồn nhân lực trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Điều này phải thông qua sự tuyên truyền giáo dục tính tự giác, tích cực của họ là chính, bên cạnh sự giúp đỡ có hiệu quả và tận tình của các ngành các cấp có liên quan. ❑


Digitized by Google

# LUẬT NHÂN ĐẠO QUỐC TẾ: 140 NĂM TỒN TẠI VÀ PHÁT TRIỂN

VŨ CÔNG GIAO*

LUẬT nhân đạo quốc tế là tập hợp những nguyên tắc và quy định được cộng đồng quốc tế thừa nhận, nhằm ngăn ngừa, hạn chế việc sử dụng bạo lực và giảm thiểu những tổn thất vô nghĩa về người và tài sản trong các cuộc xung đột vũ trang.

Ba nguồn văn bản pháp lý tạo nên luật nhân đạo quốc tế, đó là: *Luật Giơ-ne-vơ*, gồm các văn kiện được thông qua tại các hội nghị ngoại giao tổ chức ở Giơ-ne-vơ (Thụy Sĩ) dưới sự bảo trợ của Hội Chữ thập đỏ quốc tế (ICRC), nhằm bảo vệ những nạn nhân của các cuộc xung đột vũ trang; *Luật La-hay*, gồm những văn kiện được thông qua tại các hội nghị hòa bình tổ chức ở La-hay (Hà Lan) vào các năm 1899 và 1907, nhằm điều chỉnh các biện pháp và phương tiện sử dụng trong chiến tranh; *Luật Liên hợp quốc*, gồm những văn kiện do Liên hợp quốc ban hành hoặc bảo trợ ban hành kể từ năm 1945 đến nay, nhằm bảo đảm các quyền con người và cấm, hạn chế sử dụng một số loại vũ khí trong các cuộc xung đột vũ trang. Tuy nhiên, sự phân biệt như vậy chỉ nhằm mục đích nghiên cứu. Trên thực tế, ba nguồn này không tách rời mà từ lâu đã hòa quyện thành một dòng trên nền tảng chung là tính nhân đạo, khoan dung và ý thức trách nhiệm đối với tương lai của toàn nhân loại.

Sự kiện chấn động khiến cho sự ra đời của luật nhân đạo quốc tế là trận chiến tàn khốc giữa quân Áo và quân Pháp, diễn ra tại Sôn-phe-ri-nô (miền Bắc nước I-ta-li-a), vào tháng 6-1859. Chứng kiến cảnh hàng vạn binh lính của cả hai bên bị thương vong nhưng không được chăm sóc, Hen-ry Đu-nan - một công dân Thụy Sĩ - đã cùng một số người tình nguyện làm tất cả những gì có thể để giảm bớt nỗi đau đớn của những binh sĩ đó. Xúc động trước những gì mình đã chứng kiến, năm 1862, ông xuất bản cuốn *Một kỷ niệm về trận Sôn-phe-ri-nô*, trong đó khuyến nghị thành lập những tổ chức tình nguyện để chăm sóc thương, bệnh binh và đề nghị các quốc gia công nhận các tổ chức này. Ý tưởng đầy tính nhân đạo đó sớm được hưởng ứng rộng rãi. Các tổ chức như vậy nối tiếp nhau ra đời ở nhiều quốc gia. H. Đu-nan và những người bạn của ông đã thành lập một tổ chức tập hợp các hội quốc gia là Ủy ban quốc tế Giúp đỡ thương binh (tiền thân của ICRC). Tất cả tạo cơ sở cho sự ra đời của Công ước về cải thiện tình trạng của những thương binh trên chiến trường (Công ước Giơ-ne-vơ lần thứ nhất) tại Hội nghị ngoại giao ở Giơ-ne-vơ năm 1864. Công ước này đã đặt nền tảng cho việc pháp điển hóa tinh thần khoan dung và lòng nhân đạo của nhân loại trước bối cảnh tàn bạo của chiến tranh; đồng thời, chính thức khai sinh một ngành luật mới - Luật nhân đạo quốc tế.

* Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh


Digitized by Google

Sau khi Công ước Giơ-ne-vơ lần thứ nhất ra đời, một loạt văn kiện khác cũng lần lượt được ban hành, không ngừng mở rộng nội dung và phạm vi tác động của luật nhân đạo quốc tế. Năm 1868, Tuyên ngôn Xanh Pê-téc-bua được thông qua, kêu gọi các quốc gia không sử dụng những loại vũ khí sát thương không cần thiết và cấm sử dụng các đầu đạn phá. Trong các năm 1899 và 1907, các hội nghị hòa bình ở La-hay đã thông qua và sửa đổi một loạt công ước cấm các bên tham chiến sử dụng hơi độc, hơi cay và ném bom các thành phố không có khả năng đề kháng... Năm 1906, Công ước Giơ-ne-vơ lần thứ nhất được sửa đổi để bảo vệ có hiệu quả hơn những nạn nhân của các cuộc chiến tranh trên đất liền. Một năm sau đó, hiệu lực của Công ước này được mở rộng tới việc bảo vệ những nạn nhân của các cuộc chiến tranh trên biển.

Các văn kiện trên đã góp phần quan trọng trong việc bảo hộ nạn nhân và hạn chế những tổn thất không cần thiết trong Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918). Tuy vậy, sự tàn khốc của cuộc chiến tranh này lại đặt ra yêu cầu phải củng cố và bổ sung những văn kiện của luật nhân đạo quốc tế. Do đó, năm 1925, Nghị định thư về cấm sử dụng hơi cay và hơi độc đã được ban hành. Năm 1929, Công ước Giơ-ne-vơ năm 1906 được sửa đổi và Công ước về đối xử với tù binh được thông qua, cải thiện đáng kể điều kiện của những binh sĩ bị thương, bị bệnh và mở rộng phạm vi đối tượng được bảo vệ tới cả những người khỏe mạnh bị bắt trong khi tham gia chiến sự.

Chiến tranh thế giới lần thứ hai (1939 - 1945) và trước đó là nội chiến ở Tây Ban Nha (1936 - 1939) càng đòi hỏi phải tiếp tục tăng cường luật nhân đạo quốc tế nhằm giải quyết tình trạng ngày càng phức tạp do sự đa dạng của các biện pháp và vũ khí được sử dụng trong chiến tranh. Bởi vậy, tại Hội nghị ngoại giao họp ở Giơ-ne-vơ từ tháng 4 đến tháng 8-1949, bốn văn kiện cơ bản và quan trọng nhất của Luật nhân đạo quốc tế đã được thông qua, đó là *Công ước Giơ-ne-vơ I* về bảo vệ những người bị thương vong, ốm đau trong các lực lượng vũ trang trên đất liền; *Công ước Giơ-ne-vơ II* về bảo vệ những người bị thương vong, ốm đau, bị đắm tàu thuộc các lực lượng vũ trang trên biển; Công ước *Giơ-ne-vơ III* về bảo vệ tù binh và *Công ước Giơ-ne-vơ IV* về bảo vệ thường dân. Các Công ước kể trên đã sửa đổi toàn diện nội dung của các công ước có liên quan đã được thông qua trước đó; đặc biệt, đã mở rộng đối tượng được bảo vệ đến *thường dân* và thiết lập những quy tắc tối thiểu mà các bên tham chiến phải tôn trọng trong các cuộc xung đột vũ trang nội bộ; là nền tảng cơ bản của luật nhân đạo quốc tế hiện đại. Tuy nhiên, từ khi chúng được thông qua, nhiều dạng xung đột vũ trang mới đã xuất hiện, nhiều thứ vũ khí và biện pháp chiến tranh mới ngày càng tàn khốc, mang nặng tính hủy diệt hơn được thử nghiệm. Bởi vậy, Hội nghị ngoại giao về tái khẳng định và phát triển luật nhân đạo quốc tế họp tại Giơ-ne-vơ từ năm 1974 đến 1977 đã thông qua hai nghị định thư quan trọng bổ sung bốn công ước này. Nghị định thư I cụ thể hóa những quy định về bảo vệ nạn nhân trong các cuộc xung đột vũ trang quốc tế; đồng thời bổ sung những nguyên tắc về vai trò giám sát của các nước bảo trợ và về cấm sử dụng các biện pháp, phương tiện chiến tranh gây thương tích cho con người hoặc tàn phá nghiêm trọng, lâu dài với môi trường. Nghị định thư II cụ thể hóa những quy định về bảo vệ nạn nhân trong các cuộc xung đột vũ trang nội bộ, đặc biệt là những quy định chung của cả bốn công ước Giơ-ne-vơ năm 1949.

Cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc diễn ra mạnh mẽ trên thế giới trong các thập niên 50 - 60 của thế kỷ XX đã đặt ra những vấn đề cần giải quyết cho luật nhân đạo quốc tế, về quy chế của các bên liên quan. Trong một nghị quyết ban hành năm 1973, Đại hội đồng Liên hợp quốc khẳng định: Cuộc đấu tranh chống các thể chế thực dân và phân biệt chủng tộc để giành độc lập, tự do của các dân tộc thuộc địa là

chính đáng, hoàn toàn phù hợp với luật pháp quốc tế, và, bởi vậy, các chiến sĩ tham gia các cuộc đấu tranh đó nếu bị bắt phải được hưởng quy chế tù binh. Nghị quyết trên cũng khẳng định: Việc sử dụng lính đánh thuê để đàn áp phong trào giải phóng dân tộc là một hành vi tội ác, vi phạm luật nhân đạo quốc tế. Tháng 12-1989, Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua Công ước quốc tế chống lại việc tuyển dụng, sử dụng, tài trợ và huấn luyện lính đánh thuê, tạo cơ sở xóa bỏ hoàn toàn hành động đặc biệt vô nhân đạo này trên thế giới.

Trước thực tế ngày càng gia tăng của những hành động tàn bạo nhằm vào phụ nữ, trẻ em và các nhà báo trong bối cảnh xung đột vũ trang, năm 1974, Đại hội đồng Liên hợp quốc đã thông qua Tuyên bố về yêu cầu các quốc gia thành viên phải ưu tiên bảo vệ đặc biệt phụ nữ và trẻ em. Tuyên bố này quy định, bất cứ hành động tàn bạo, vô nhân đạo nào với phụ nữ và trẻ em do bất kỳ bên tham chiến nào gây ra trong các cuộc xung đột vũ trang đều bị coi là tội ác. Trên cơ sở đề xuất của Liên hợp quốc, Nghị định thư I năm 1977 đã bổ sung nhiều quy định nhằm bảo vệ có hiệu quả hơn những nhà báo đang thực thi nhiệm vụ tại các vùng chiến sự nguy hiểm.

Trước nguy cơ hủy diệt của các loại vũ khí hạt nhân, với những nỗ lực của Liên hợp quốc, từ thập niên 60 của thế kỷ XX, Luật Nhân đạo quốc tế đã có những bước phát triển quan trọng về cấm sử dụng loại vũ khí này. Trong một Nghị quyết được thông qua năm 1961, Đại hội đồng Liên hợp quốc đã khẳng định: Việc sử dụng vũ khí hạt nhân và vũ khí nhiệt hạch là hành vi trái với luật nhân đạo quốc tế và là tội ác chống lại loài người. Từ đó đến nay, Liên hợp quốc đã thông qua và thừa nhận, khuyến khích các quốc gia thành viên tham gia nhiều điều ước quốc tế về vũ khí nguyên tử, như Hiệp ước cấm thử vũ khí hạt nhân trong khí quyển, trong không gian và dưới mặt nước (năm 1963); Hiệp ước về các nguyên tắc điều chỉnh hành động của các quốc gia trong việc khám phá và sử dụng khoảng không vũ trụ (năm 1966); Hiệp ước cấm tàng trữ vũ khí hạt nhân và vũ khí giết người hàng loạt khác dưới đáy biển, đáy đại dương hay dưới lòng đất (năm 1991)... Những nỗ lực bền bỉ đó của Liên hợp quốc đã làm vợi bớt nỗi lo của nhân loại về sự tái diễn của thảm họa hạt nhân ở Hi-rô-si-ma và Na-ga-sa-ki năm 1945.

Ngoài vũ khí hạt nhân, do những cố gắng của Liên hợp quốc, Luật nhân đạo quốc tế còn được bổ sung những văn kiện về cấm sử dụng các loại vũ khí sát thương hàng loạt khác, trong đó có Công ước về cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ và sử dụng các loại vũ khí sinh học, vũ khí độc hại khác (năm 1972) và Công ước về cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ và sử dụng các loại vũ khí hóa học (năm 1993)... Bên cạnh đó, ngay từ năm 1968, vấn đề cấm sử dụng bom na-pan và các loại vũ khí gây cháy khác - tuy không phải là những vũ khí giết người hàng loạt nhưng có thể gây sát thương thảm khốc - đã được đề cập trong Hội nghị thế giới về nhân quyền lần thứ I. Nhiều hội nghị do Liên hợp quốc tổ chức vào cuối thập niên 70 thế kỷ XX đã tiếp tục bàn về vấn đề này. Đến năm 1980, Đại hội đồng Liên hợp quốc đã thông qua Công ước về cấm hoặc hạn chế việc sử dụng các loại vũ khí thông thường nhưng gây sát thương lớn. Công ước này và 5 nghị định thư bổ sung đã đặt ra khuôn khổ pháp lý quốc tế nhằm hạn chế và tiến tới loại trừ nhiều loại vũ khí nguy hiểm, như bom na-pan, bom bi, mìn, vũ khí la-de... trong danh mục các vũ khí chiến tranh của nhân loại.

Gắn liền với việc bảo vệ những nạn nhân và ngăn ngừa việc sử dụng vũ khí là việc trừng trị những kẻ vi phạm nghiêm trọng Luật nhân đạo quốc tế. Ngay từ năm 1948, Liên hợp quốc đã thông qua Công ước về ngăn ngừa và trừng trị tội diệt chủng. Năm 1968, Tổ chức này tiếp tục thông qua Công ước về không áp dụng những


Digitized by Google

hạn chế luật định với tội ác chiến tranh và tội ác chống nhân loại. Gần đây, cộng đồng quốc tế đã tiến thêm một bước quan trọng nữa trong vấn đề này khi thành lập và đưa vào hoạt động một số tòa án hình sự quốc tế để xét xử những kẻ phạm các tội ác kể trên.

Như vậy, từ khi Công ước Giơ-ne-vơ lần thứ nhất được thông qua (năm 1864) đến nay, Luật Nhân đạo quốc tế đã trải qua 140 năm tồn tại và phát triển. So với nhiều ngành luật khác, ngành luật này ra đời muộn hơn, song sự phát triển nhanh chóng của nó trong gần một thế kỷ rưỡi vừa qua đã cho thấy khát vọng mãnh liệt của nhân loại về một thế giới trong đó mọi người cũng như mọi dân tộc đối xử với nhau bằng tình thương yêu, sự khoan dung và lòng nhân đạo; đồng thời, cũng chứng tỏ rằng, nhân loại hoàn toàn có khả năng ngăn ngừa chiến tranh, bảo vệ hòa bình, xóa bỏ hận thù và bạo lực. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là luật nhân đạo quốc tế đã trở thành kỷ niệm mà ngược lại, trước hiện trạng tàn bạo của các cuộc xung đột vũ trang đang diễn ra trên thế giới vẫn cấp bách đòi hỏi nhân loại phải nỗ lực không ngừng để bảo vệ và phát triển ngành luật quan trọng này.

Mặc dù sau hơn một thế kỷ tồn tại, Luật Nhân đạo quốc tế mới truyền bá đến nước ta, song tinh thần hòa hiếu, khoan dung và nhân đạo từ lâu đã là những tính cách truyền thống nổi bật của dân tộc Việt Nam.

Trong cuộc kháng chiến 9 năm chống thực dân Pháp, mặc dù chưa tham gia một công ước nào về Luật nhân đạo quốc tế, dân tộc ta vẫn đối xử rất khoan dung, nhân đạo với quân thù. Ngay từ năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn nhân dân không những cần đối xử độ lượng với những kẻ làm tay sai cho địch, mà còn cần đối xử khoan hồng với tù binh Pháp, để "... làm cho thế giới, trước hết cho dân Pháp, biết rằng: ... chúng ta là một dân tộc văn minh"[1]. Mặc dù điều kiện kháng chiến vô cùng thiếu thốn nhưng Chính phủ ta vẫn dành cho tù binh Pháp khẩu phần ăn cao hơn bộ đội ta. Ngoài hàng vạn tù binh được trao trả sau chiến thắng Điện Biên Phủ, ngay từ những năm 1951 - 1953, khi cuộc kháng chiến vẫn đang diễn ra rất gay go, ác liệt, hằng năm Chính phủ ta vẫn đơn phương thả 500 - 600 tù binh Pháp[2]. Trong những thập niên 60 - 70 thế kỷ XX, tất cả phi công Mỹ bị bắn rơi ở miền Bắc và bị bắt làm tù binh đều được Chính phủ ta đối xử tử tế và cho về nước đoàn tụ với gia đình. Đặc biệt, sau ngày 30-4-1975, ở miền Nam, không ai trong số hàng triệu binh lính và nhân viên chế độ cũ bị giết hại, tra tấn hay làm nhục... Điều này trái ngược hoàn toàn với dự đoán của các hãng thông tấn phương Tây về một cuộc "tắm máu" trả thù những người này của chính quyền cộng sản.

Năm 1957, nước ta đã gia nhập bốn công ước Giơ-ne-vơ năm 1949 - những văn kiện nền tảng của Luật nhân đạo quốc tế. Đến nay, Việt Nam đã tham gia gần 20 điều ước quốc tế trên lĩnh vực này. Không chỉ được tuân thủ nghiêm túc trên thực tế, mà nội dung của những văn kiện này còn được chuyển hóa vào hệ thống pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Lịch sử nhân loại đã chứng minh rằng, sự kiềm chế, khoan dung và những hành động bác ái cao cả với kẻ thù chỉ có được ở những dân tộc thực sự yêu chuộng hòa bình và có một truyền thống nhân đạo, nhân văn sâu sắc. Dân tộc nào sở hữu truyền thống ấy, dân tộc đó nhất định sẽ có một lịch sử trường tồn và giữ một vị trí xứng đáng trong tiến trình phát triển của toàn nhân loại. Chúng ta tự hào về những truyền thống đó của dân tộc ta. ❑

---

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t 7, tr 28

(2) Học viện Quan hệ quốc tế: *Hồ Chí Minh với công tác ngoại giao*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1990, tr 137-138


Digitized by Google

# HỘI NGHỊ TỔNG KẾT CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG NĂM 2003, TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 9, PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2004

VỪA qua, tại Hà Nội, Ban Tổ chức Trung ương đã tổ chức Hội nghị cán bộ toàn quốc tổng kết công tác tổ chức xây dựng Đảng năm 2003, triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 9; phương hướng, nhiệm vụ năm 2004.

Đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đến dự và phát biểu ý kiến chỉ đạo Hội nghị.

Đồng chí Trần Đình Hoan, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, chủ trì Hội nghị.

Dự Hội nghị có các đồng chí Bí thư Ban Cán sự đảng, Đảng đoàn các bộ, ngành ở trung ương, đảng ủy trực thuộc Trung ương; Bí thư (Phó Bí thư), Trưởng Ban Tổ chức các tỉnh, thành ủy trong cả nước; các đồng chí lãnh đạo chủ chốt Ban Tổ chức - Cán bộ các ban của Đảng ở trung ương; Chủ tịch Hội đồng quản trị các tổng công ty "91"; các cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý, luân chuyển về các địa phương thời gian qua, theo Chỉ thị 11 của Bộ Chính trị.

Báo cáo của Ban Tổ chức Trung ương, do đồng chí Nguyễn Đức Hạt, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban Thường trực trình bày, đã nêu rõ tình hình, kết quả về công tác tổ chức, công tác cán bộ; về tổ chức cơ sở đảng; về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng năm 2003 và phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu của công tác tổ chức - cán bộ năm 2004, triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 9...

Phát biểu ý kiến tại Hội nghị, đồng chí Tổng Bí thư biểu dương những kết quả đạt được trong công tác xây dựng Đảng về tổ chức - cán bộ năm 2003 và nêu rõ: Đây là kết quả trong sự nỗ lực phấn đấu chung của toàn Đảng, trong đó có sự đóng góp tích cực và quan trọng của các cấp ủy, đảng đoàn, Ban Cán sự đảng và hệ thống làm công tác tổ chức - cán bộ. Nó đã góp phần quan trọng tạo nên những thành tựu trong việc giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, nâng cao vị thế nước ta trên trường quốc tế. Đồng chí chỉ ra những yếu kém, khuyết điểm chậm được khắc phục, nhất là chưa ngăn chặn, đẩy lùi được tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí; việc đánh giá và quản lý cán bộ vẫn là khâu yếu; năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của nhiều tổ chức đảng các cấp chưa cao, còn nhiều bất cập.

Đồng chí Tổng Bí thư nhấn mạnh: Đảng lãnh đạo chính quyền, lãnh đạo hệ thống chính trị, nhưng đồng thời Đảng là một bộ phận của hệ thống chính trị. Do đó, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng ở cơ sở phải gắn liền với xây dựng chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể ở cơ sở và phong trào quần chúng. Có nhiều việc phải làm, nhưng cần tập trung thúc đẩy thực hiện nghiêm túc chế độ tự phê bình và phê bình, nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng, các chi bộ đảng. Chống cách làm hình thức, chiếu lệ, tệ né tránh... Nghiêm cấm hiện tượng trấn áp, trù dập người phê bình cũng như lợi dụng phê bình để vu cáo, đả kích cá nhân, gây mất đoàn kết nội bộ. Cần cụ thể hóa phương châm "dân chủ hóa, công khai hóa" trong công tác cán bộ. Nhân dân có vai trò quan trọng trong việc đánh giá cán bộ. Cần có cơ chế và thực hiện thành nền nếp việc nhân dân tham gia giám sát, đánh giá cán bộ trước khi sắp xếp, bổ nhiệm.

Đồng chí Tổng Bí thư căn dặn: Các đồng chí làm công tác tổ chức cán bộ, quản lý đảng viên trước hết phải là những cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức trong sáng, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, chính trực, tâm huyết với sự nghiệp của Đảng, của dân tộc; kiên quyết chống mọi biểu hiện tiêu cực như "chạy chức, chạy quyền" trong hoạt động của hệ thống tổ chức, cán bộ.

Phát biểu kết luận Hội nghị, đồng chí Trần Đình Hoan nêu rõ: Công tác tổ chức xây dựng Đảng năm 2003 đã có những chuyển biến tích cực. Các ý kiến tham luận tại Hội nghị đã góp phần làm rõ và sâu sắc thêm nội dung Báo cáo của Ban Tổ chức Trung ương. Nhưng qua Hội nghị, nhiều vấn đề đặt ra cần tiếp tục được nhận thức đầy đủ và làm tốt hơn như: thống nhất lãnh đạo, làm rõ trách nhiệm từng tổ chức, cá nhân và sự quyết liệt trong chỉ đạo, thực hiện...

Về nhiệm vụ sắp tới, đồng chí đã đề cập những nội dung cụ thể :

- *Trong công tác tổ chức,* phải tập trung làm rõ quyền hạn, trách nhiệm người đứng đầu, có quy chế phối hợp và tăng cường kiểm tra. Nơi nào chưa có quy chế phối hợp phải đôn đốc làm để sớm ban hành và thực hiện.

- *Trong công tác cán bộ,* phải tham mưu, sớm trình Bộ Chính trị ra một số nghị quyết về vấn đề này trong thời gian tới.

- *Trong công tác đánh giá cán bộ,* phải có quy định chặt chẽ, đề cao tự đánh giá của cán bộ. Có đánh giá chính thức của cấp ủy có thẩm quyền, có gợi ý của cấp ủy cấp trên và phải làm công khai, dân chủ.

- *Về luân chuyển cán bộ,* sẽ tiến hành sơ kết theo kết luận và chương trình của Bộ Chính trị đề ra. ❑


Digitized by Google

# HỘI NGHỊ TỔNG KẾT 10 NĂM THỰC HIỆN CHỈ THỊ 37/CT-TW VỀ CÔNG TÁC CÁN BỘ NỮ TRONG TÌNH HÌNH MỚI

TRONG hai ngày 26 và 27-3-2004, tại Hà Nội, Ban Bí thư Trung ương Đảng tổ chức Hội nghị toàn quốc tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị 37/CT-TW: ***Về một số vấn đề công tác cán bộ nữ trong tình hình mới.***

Đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đã đến dự và phát biểu ý kiến chỉ đạo Hội nghị.

Dự và chủ trì Hội nghị có: Đồng chí Phan Diễn, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư; Phạm Thế Duyệt, Bí thư Đảng đoàn, Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Tòng Thị Phóng, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Dân vận Trung ương; các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng: Trương Mỹ Hoa, Phó Chủ tịch nước; Phạm Gia Khiêm, Phó Thủ tướng Chính phủ; Hà Thị Khiết, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; Nguyễn Thị Kim Hồng, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương. Dự Hội nghị còn có các đồng chí lãnh đạo các ban của Đảng ở trung ương, Bí thư Ban Cán sự Đảng, Đảng đoàn các ban, bộ, ngành, đoàn thể ở trung ương; Bí thư (Phó Bí thư), Trưởng Ban Tổ chức, Bí thư Đảng đoàn, Chủ tịch Hội Phụ nữ của các tỉnh, thành phố trong cả nước.

Đồng chí Phan Diễn phát biểu ý kiến khai mạc và đọc lời bế mạc Hội nghị. Đồng chí Hà Thị Khiết, Trưởng Ban Chỉ đạo tổng kết Chỉ thị 37/CT-TW, đọc báo cáo tổng kết công tác cán bộ nữ mười năm qua.

Có 18 bản tham luận (trong tổng số 30 bản gửi đến Hội nghị) của các cơ quan, ban, ngành, địa phương như: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, Tỉnh ủy Nghệ An, Tỉnh ủy Hải Dương, Tỉnh ủy Kiên Giang... trình bày tại Hội nghị

Các tham luận tại Hội nghị đã khẳng định những thành tựu mà chị em phụ nữ cả nước đã đóng góp trong thời gian qua, đường lối, quan điểm đúng đắn của Đảng, Nhà nước ta đối với công tác cán bộ nữ trong tình hình mới, nêu lên những kinh nghiệm hay, những kiến nghị cụ thể, những biện pháp thiết thực trong công tác cán bộ nữ.

Phát biểu với Hội nghị, đồng chí Tổng Bí thư đã nêu lên những ý kiến chỉ đạo cụ thể và sâu sắc:

***Một là,*** cần nâng cao hơn nữa nhận thức về vai trò, vị trí của phụ nữ và cán bộ nữ trong xây dựng và phát triển đất nước. Phụ nữ chiếm quá nửa dân số. Muốn phát huy sức mạnh của phụ nữ, phải đặt đúng vị trí, đề cao vai trò ngày càng quan trọng của đội ngũ cán bộ nữ và công tác cán bộ nữ. Sức mạnh của phụ nữ phải được thể hiện trên tất cả các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh - quốc phòng và đối ngoại. Vai trò của phụ nữ phải được đề cao trong quản lý nhà nước, cũng như quản lý kinh tế - xã hội. Đội ngũ cán bộ nữ phải có mặt đông hơn, giữ những vị trí tương xứng trong các cơ quan lãnh đạo của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể, cũng như các cơ quan và tổ chức quản lý kinh tế - xã hội. Trong những năm tới, việc xây dựng đội ngũ cán bộ nữ, phát huy tiềm năng, sự đóng góp của cán bộ nữ phải xuất phát từ đường lối chính trị, đường lối tổ chức và công tác cán bộ của Đảng trong thời kỳ mới; phải gắn liền và thúc đẩy phong trào phụ nữ trong sự nghiệp đổi mới đất nước.

***Hai là,*** thực hiện tốt và với quyết tâm cao các chính sách đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ nữ, bảo đảm cho cán bộ nữ không những thể hiện tốt vai trò ở những vị trí tương xứng trong bộ máy lãnh đạo quản lý mà còn phải có đủ thực quyền ở các vị trí được giao phó. Muốn vậy, phải làm tốt công tác quy hoạch, kế hoạch, nhất là công tác quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, bố trí và sử dụng, tạo ra nguồn cán bộ nữ dồi dào và ngày càng đa dạng; đồng thời, xây dựng và thực hiện các chính sách bảo đảm cho từng mục tiêu của quy hoạch và kế hoạch. Các chính sách đối với cán bộ nữ cũng nằm trong chính sách chung về cán bộ của Đảng và Nhà nước và phải phù hợp với đặc điểm giới.

***Ba là,*** tổ chức thực hiện một cách thống nhất, cụ thể, có hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết của Đảng về công tác cán bộ nữ. Đồng chí Tổng Bí thư nêu rõ: Trên cơ sở kết quả Hội nghị này, Bộ Chính trị sẽ giao Ban Tổ chức Trung ương, Ban Dân vận Trung ương, Đảng đoàn Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và Ủy ban Quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ nghiên cứu, tham mưu cho Bộ Chính trị xây dựng nghị quyết mới về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác vận động phụ nữ và cán bộ nữ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trước mắt, cần tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy để chuẩn bị nhân sự là nữ cho bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2004 - 2009 theo đúng tinh thần Chỉ thị của Bộ Chính trị, Quy định của Thủ tướng Chính phủ, Hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương; đồng thời chuẩn bị nhân sự nữ cho Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ tới và Đại hội X của Đảng. ❑


Digitized by Google

UNFPA

# DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN

Digitized by Google

# TRƯỜNG DẠY NGHỀ SỐ 11- BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG

Địa chỉ: 4TK- 72 Vĩnh Yên Vĩnh Phúc * Điện thoại: 0211 861 317

**Tiền thân: Năm 1960 là Trường Lái xe Công an nhân dân vận tải**
**Năm 1988 là Trường Hậu cần- kỹ thuật**
**Năm 1998 là Trung tâm Dịch vụ việc làm**
**Tháng12-năm 2002 là trường dạy nghề số 11 Bộ Đội Biên Phòng**

HIỆU TRƯỞNG
Thượng tá: KS NGUYỄN CHÍNH

## THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC:

Năm 1975 được Đảng và Nhà nước tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công hạng 3
Năm 1992 được tặng 1 Huân chương Chiến công hạng Nhì và nhiều hình thức khen thưởng khác của các bộ, ban ngành Trung ương và địa phương.

## TRÌNH ĐỘ ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN

- Sau Đại học: 1,7 %
- Đại học, cao đẳng: 58,3%
- Trung học: 20%
- Thợ bậc cao: 20%
- Lưu lượng học viên hằng năm từ 3200 đến 3500 học viên

## CÁC NGHỀ ĐÀO TẠO

- ★ Lái xe
- ★ Y tá
- ★ Quản lý
- ★ Dược tá
- ★ Nhân viên sửa chữa vũ khí đạn
- ★ Chuyên tu y sĩ
- ★ Trung học xây dựng
- ★ Thợ sửa chữa bảo trì vi tính
- ★ Xây dựng quản lý nhà đất
- ★ Thợ sửa chữa ô tô 18 tháng
- ★ Cảnh vệ quốc tế
- ★ Cao đẳng xã hội
- ★ Cao đẳng tin học
- ★ Đại học xây dựng
- ★ Đại học tài chính
- ★ Trung học tài chính
- ★ Trung cấp dược
- ★ Nhân viên nấu ăn
- ★ Đào tạo y tá thôn bản và sửa chữa nhỏ cho con em dân tộc ít người

*Toàn cảnh giảng đường*

*Tập lái xe trên đường đèo dốc*

## CHỨC NĂNG

Dạy nghề chính quy, dài hạn, ngắn hạn, bồi dưỡng, nâng cao trình độ nghề gắn với tạo việc làm, giới thiệu việc làm, cung ứng lao động cho các tổ chức, cá nhân có yêu cầu sử dụng lao động hợp pháp trong nước và ngoài nước.

## NHIỆM VỤ

Tổ chức sản xuất và dịch vụ nhằm tạo việc làm tại chỗ. Tận dụng cơ sở vật chất trang thiết bị kỹ thuật, kết hợp giữa dạy nghề và bồi dưỡng nâng cao trình độ nghề, chuyên gia công nghệ theo qui định của pháp luật.

Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ một số ngành chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ cho Bộ đội Biên phòng và quân nhân Biên phòng hết nghĩa vụ, thanh niên ngoài xã hội có nhu cầu học nghề theo chỉ đạo của Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng

Digitized by Google

# CÔNG TY CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG HÀ TÂY

## CÁC THÀNH TÍCH CỦA CÔNG TY

Ngày 19-8-1975, Công ty được Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng Ba.
Ngày 18-5-1984, Công ty được Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng Ba.
Ngày 25-5-1996, Công ty được Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng Nhì.
Ngày 15-11-2001, Công ty được Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng Nhất.
Năm 2000, Công ty được UBND tỉnh Hà Tây tặng cờ đơn vị xuất sắc.
Nhiều năm liền Công ty đạt danh hiệu Đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

**Địa chỉ: Km 15+500 Quốc lộ 6 - Ba La - Hà Đông - Hà Tây * ĐT: 034 824 702**

Digitized by Google

# CÔNG TY DỊCH VỤ VÀ VẬN TẢI BIỂN VŨNG TÀU

## VUNGTAU SHIPPING AND SERVICES COMPANY (VUNGTAU SHIP)

Dỡ hàng và vận chuyển phôi thép cho Nhà máy Thép VINAKYOEI

### HOẠT ĐỘNG CHÍNH

- Vận tải biển.
- Đại lý tàu biển.
- Cung ứng dịch vụ tàu biển và dầu khí, dịch vụ ca-nô.
- Xếp dỡ, giao nhận, vận tải hàng hóa.
- Thương mại.
- Kinh doanh Hoa tiêu hàng hải.
- Kinh doanh khách sạn, cửa hàng miễn thuế.
- Các dịch vụ công nghiệp khác: Là nhà thầu vận hành trạm phân phối xi-măng cho Công ty Xi-măng Nghi Sơn tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- Dự án kêu gọi đầu tư nước ngoài: Dự án phát triển Cảng Nước sâu Thị Vải.

*Trụ sở Công ty*

TRỤ SỞ CHÍNH: Số 87-Lý Thường Kiệt, thành phố Vũng Tàu
Điện thoại: 84. 64.852 185/ 859 003/ 816 185 * Fax: 84.64.858 919 * Email: Vtaushiр@hcm.vnn.vn
CHI NHÁNH: tại Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và Kiên Giang

Digitized by Google

# CÔNG TY THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

# PETIMEX

**Địa chỉ: B.177 quốc lộ 30, xã Mỹ Trà, TX. Cao Lãnh, Đồng Tháp * Điện thoại: 067.853 090 * Fax: 067.851 937**

★ **Đầu mối nhập khẩu xăng dầu trực tiếp.**

★ **Công ty chuyên bán buôn và bán lẻ các loại xăng dầu trong và ngoài tỉnh Đồng Tháp, giá cả phải chăng, phương thức thanh toán thuận tiện.**

★ **Công ty có hệ thống kho an toàn và thuận tiện trong việc giao nhận.**

★ **Ngoài ra, Công ty còn có phương tiện vận chuyển đường thủy, trọng tải từ 80 tấn - 1 200 tấn, có thể giao hàng đến các địa chỉ theo yêu cầu của Quý khách.**

RẤT HÂN HẠNH ĐƯỢC PHỤC VỤ QUÝ KHÁCH

**CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI**
709 Giải Phóng
ĐT: 04. 6 642 950
Fax: 04. 6 642 663

**CHI NHÁNH TẠI NHA TRANG**
78A Sinh Trung - Phạm Văn Thạch
ĐT: 058 817 972
Fax: 058 817 971

**CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH**
342A Lê Hồng Phong - P.1 - Q. 10
ĐT: 08. 8 396 068
Fax: 08. 8 301 582

GELIMEX

# CÔNG TY ĐIỆN MÁY VÀ KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

Địa chỉ: 124 Nguyễn Chí Thanh, TP Đà Nẵng * ĐT: 84.511. 822 757; 822 417 * Fax: 84.511. 822 203
Email: nvphuctt@dng.vnn.vn * Website: http://gelimex.com.vn

Digitized by Google

THUDUC HOUSE

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NHÀ THỦ ĐỨC**

**THUDUC HOUSING DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY**

384 VÕ VĂN NGÂN, P. BÌNH THỌ, QUẬN THỦ ĐỨC, TP. HCM

Tel: 8966676 - 7220407 - 8972799 - 8972800, Fax: 8961123

Website: www.thuduchouse.com, Email: thuduchouse@hcm.vnn.vn

Working CÙNG BẠN NÂNG CAO together with our CHẤT LƯỢNG Customers CUỘC Sống to improve the QUALITY of LifE

THUDUC AGROMARKET

THUDUC HOUSE SPORTING CLUB

BINH AN 4 BRICK

Digitized by Google

# BEPHARDIN

Lamivudin 100mg

*Thuốc mới, đặc trị viêm Gan Siêu vi B*

Xin liên hệ: tại các hiệu thuốc hoặc ĐT: 075.822 429 Phòng Kinh Doanh

**CÔNG TY DƯỢC & VẬT TƯ Y TẾ BẾN TRE**

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

# CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

**POWER ENGINEERING CONSULTING COMPANY 4 - PECC4**

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa * ĐT: 058.822 196 058.822 197 * Fax: 058.824 208

Giám đốc Công ty: Kỹ sư **PHẠM MINH SƠN**

**NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:** Tư vấn, dịch vụ về xây dựng các công trình nguồn điện, lưới điện, các dạng năng lượng mới và các công trình công nghiệp, dân dụng khác, bao gồm:

- Điều tra, khảo sát, lập dự án đầu tư, lập quy hoạch xây dựng.
- Khảo sát, thiết kế và lập dự toán công trình.
- Dịch vụ tư vấn về đấu thầu thiết kế.
- Mua sắm vật tư, thiết bị, thí nghiệm vật liệu xây dựng, thẩm định, kiểm định chất lượng, giám sát xây dựng và quản lý dự án.


Digitized by Google

TFS

# HÃNG PHIM TRUYỀN HÌNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

## HOCHIMINH CITY TELEVISION FILM STUDIOS

## HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG NHÌ

* Thành lập ngày 18-10-1991 theo Quyết định số 526/QĐUB, của Ủy ban nhân dân Tp. Hồ Chí Minh
* Giấy phép sản xuất tác phẩm điện ảnh (phim nhựa, băng hình) số : 32/91 VHTTTTDL/ĐA của Bộ Văn hoá - Thông tin - Thể thao và Du lịch cấp ngày 17-12-1991.

* Sản xuất phim truyện, phim tài liệu, phim ca nhạc và chương trình Tạp chí Văn nghệ phát sóng trên kênh HTV7 vào sáng CHỦ NHẬT và phát lại trên kênh HTV9 vào sáng THỨ NĂM hàng tuần gồm nhiều tiết mục phong phú, hấp dẫn bổ ích.

* Hằng năm, TFS sản xuất 100 giờ phim truyện và phát sóng 100 giờ phim truyện mới. Hình ảnh, âm thanh kỹ thuật số, đạt tiêu chuẩn phim video chất lượng cao.

* **Nhận cung cấp bản quyền, hợp tác sản xuất,** trao đổi, mua bán sản phẩm với các đối tác trong và ngoài nước.

Địa chỉ liên hệ: 9 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: (84.8) 9102 022 - 9102 437 - 9102 753 - 8229 600 - 9120 504 - 9120 746 - 9120 750 - 9124 712. FAX: (84.8) 8292 738.
E-mail: tfs@htv.com.vn; tfs@hcm.vnn.vn ; tcvn-tfs@hcm.vnn.vn; info@tfs.com.vn. Website: www.tfs.com.vn


Digitized by Google

# BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP BẮC NINH

**BACNINH IZA**

***Bacninh Industrial Zones Authoriy***

Ban Quản lý các khu công nghiệp Bắc Ninh, thành lập theo Quyết định số 152/1998/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, có chức năng quản lý Nhà nước trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Năm 2003 (sau 5 năm hoạt động), đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao, góp phần quan trọng vào việc xây dựng và phát triển các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh, theo cơ chế "một cửa, tại chỗ", nhằm đẩy mạnh quá trình xây dựng kết cấu hạ tầng và tạo môi trường hành lang pháp lý thông thoáng, cởi mở đối với các nhà đầu tư. Đến nay, tỉnh Bắc Ninh đã và đang đưa vào khai thác hiệu quả 4 KCN: Tiên Sơn, Tân Hồng- Hoàn Sơn, Quế Võ, Đại Đồng - Hoàn Sơn, KCN Dược phẩm (100 héc-ta), Khu Công nghệ thông tin (60 héc-ta). Riêng 2 KCN Tiên Sơn và Quế Võ đã có 84 dự án đầu tư được cấp phép, với tổng số vốn đầu tư trên 3 500 tỉ đồng, thuê 210 héc-ta đất, giải quyết việc làm cho gần 3 000 lao động. Trong tương lai, các KCN còn được mở rộng với quy mô lớn hơn rất nhiều, đặc biệt là:

**KHU CÔNG NGHIỆP TIÊN SƠN:** Thành lập theo Quyết định số 1129/QĐ-TTg, ngày 18-12-1998, của Thủ tướng Chính phủ, chủ đầu tư là Tổng Công ty Thủy tinh và Gốm xây dựng. Ban Quản lý các KCN Bắc Ninh phối hợp với các cơ quan hữu quan hoàn thành việc xây dựng đồng bộ các hạng mục công trình hạ tầng ngoài hàng rào KCN như: dự án di dời hệ thống kênh mương nội đồng KCN, công trình giao thông ngoài hàng rào KCN, công trình thông tin liên lạc... Đến nay, sau gần 3 năm thực hiện, đã cơ bản hoàn thành giai đoạn I, tiếp tục chuyển sang giai đoạn II, với mục tiêu mở rộng và phát triển lên 600 héc-ta (bao gồm cả KCN Tân Hồng - Hoàn Sơn quy mô 55,5 héc-ta).

**KHU CN QUẾ VÕ:** Ngày 27-4-2003, quần thể KCN và Khu dân cư - Dịch vụ Quế Võ chính thức được khởi công xây dựng với tổng vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật là 531 tỉ đồng trong đó 200 tỉ đồng dành cho xây dựng nhà xưởng (diện tích 20héc-ta). Khu Dân cư và Đô thị Kinh Bắc hiện đại (diện tích 300 héc-ta) với tổng vốn đầu tư hơn 1000 tỉ đồng. Đã có 30 nhà đầu tư đăng ký vào KCN với tổng số vốn trên 1000 tỉ đồng.

**KHU CÔNG NGHIỆP TÂN HỒNG-HOÀN SƠN:** Ban Quản lý đã cấp giấy phép cho 12 dự án vào KCN, tổng số vốn đăng ký là 598,9 tỉ đồng, thuê 35,5 héc-ta đất. Đến cuối năm 2003, có 2 doanh nghiệp đi vào sản xuất thử.

Ngoài các KCN trên Ban Quản lý các KCN đã có tờ trình UBND tỉnh và UBND tỉnh đã có tờ trình Chính phủ về chủ trương quy hoạch các KCN: Nam Sơn - Hạp Lĩnh (300 héc-ta), Đại Đồng - Hoàn Sơn (300 héc-ta) và Yên Phong (200héc-ta), đưa tổng diện tích đất cho KCN đến năm 2010 lên hơn 1 850 héc-ta.

ĐỊA CHỈ: ĐƯỜNG PHÙ ĐỔNG THIÊN VƯƠNG, TX. BẮC NINH - T.BẮC NINH - ĐIỆN THOẠI: 0241 825 232 - FAX: 0241 825 236 - WEB: www.izabacninh.gov.vn - EMAIL: izabacninh@hn.vnn.vn

5/30

TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM VIỆT NAM

# BẢO VIỆT

Trụ sở chính: 35 Hai Bà Trưng, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (4) 7323520, 7323521•Fax: (4) 8257188, 9348253
Email: service@baoviet.com.vn
Website://www.baoviet.com.vn
và BẢO VIỆT TẠI TẤT CẢ CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRONG CẢ NƯỚC

# BẢO HIỂM XE Ô-TÔ

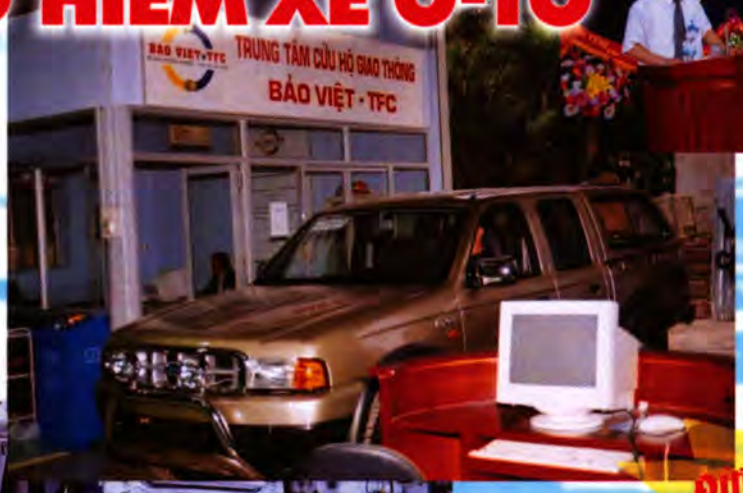

**ĐỪNG QUÊN DỊCH VỤ ƯU ĐÃI**

**Bảo Việt phục vụ cứu hộ, tư vấn miễn phí cho xe ô-tô tham gia bảo hiểm tại Bảo Việt**

**Các trung tâm cứu hộ ô tô của Bảo Việt phục vụ 24/24 giờ tại khu vực Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Nghệ An, Khánh Hoà và các tỉnh lân cận trong phạm vi bán kính 70 km.**

-Trực tiếp tư vấn (miễn phí) các biện pháp giải quyết sự cố kỹ thuật.

-Tư vấn (miễn phí) về kỹ thuật sửa chữa, bảo dưỡng xe ô-tô, cung cấp các thông tin về: địa chỉ xưởng sửa chữa, nơi cung cấp phụ tùng và giá sửa chữa...

-Nhanh chóng cử chuyên gia kỹ thuật đến tận nơi để phối hợp giải quyết sự cố.

-Khẩn cấp huy động lực lượng và phương tiện cứu hộ tới hiện trường.

-Tư vấn, hướng dẫn các thủ tục giải quyết tai nạn đúng với quy định bảo hiểm và pháp luật.

# BẢO VIỆT DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC HẠNG ĐẶC BIỆT

*Cam kết: Phục vụ Khách hàng tốt nhất để phát triển*

ĐƯỜNG DÂY NÓNG

**Bảo Việt - TFC**
105 Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội
Tel: (4) 8533402/ 0903 470505

**Bảo Việt - SAMCÒ**
262 Trần Hưng Đạo, Q.1, Tp. HCM
Tel: (8) 8377730/ 0908 180 048

**Bảo Việt - AUTO NGHỆ AN**
219 Lê Lợi, Tp. Vinh, Nghệ An
Tel: (38) 587 587/ 0912 065 196

**Bảo Việt - DATRACO**
Km 6, đường 23/10, P. Vĩnh Hiệp
Tp. Nha Trang, Khánh Hoà
Tel: (38) 587 587/ 0912 065 196

Digitized by Google

IN TẠI CÔNG TY IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT: 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ: 6000Đ

HX
9
.H68B

# Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

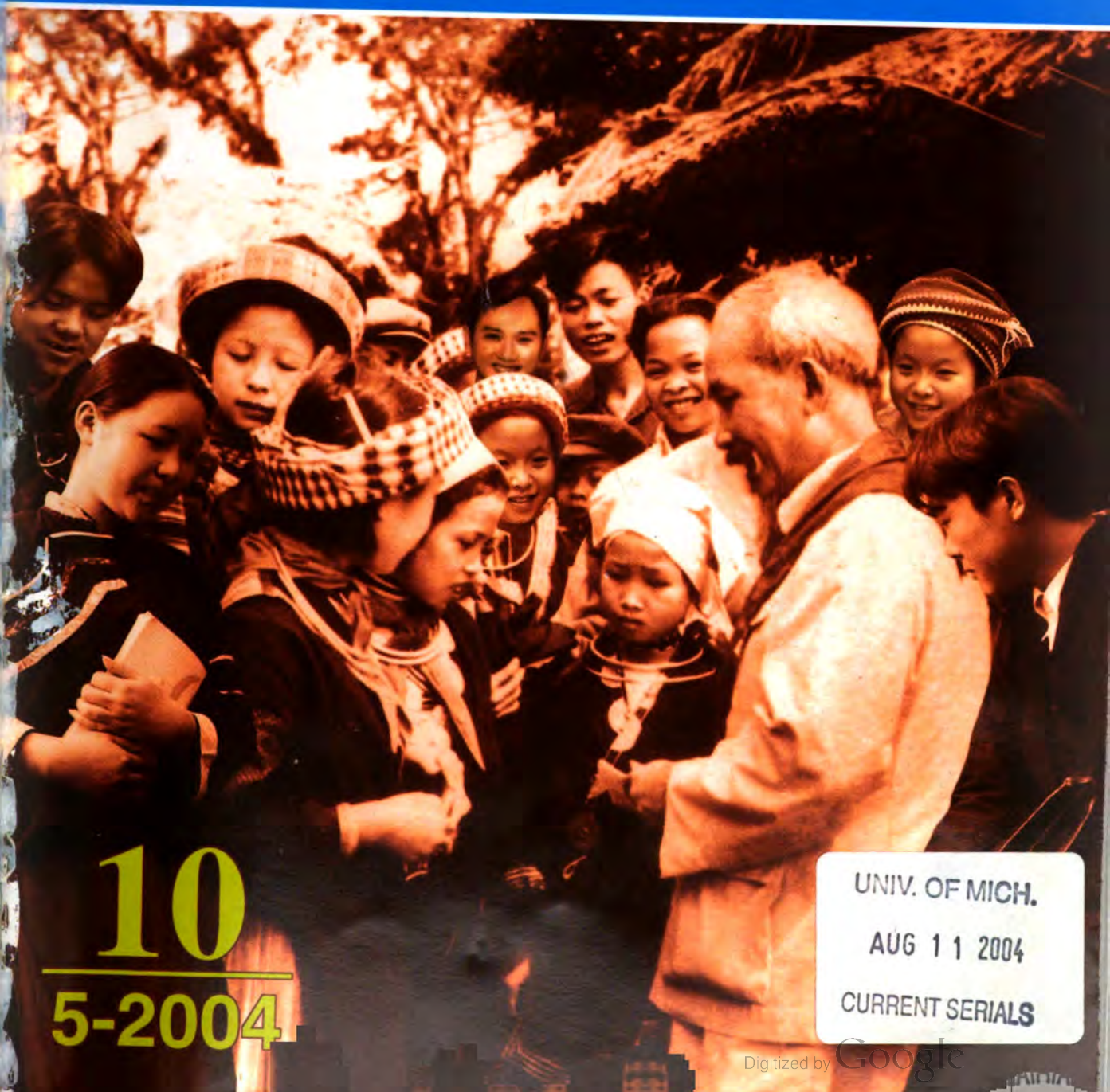

10
5-2004

UNIV. OF MICH.
AUG 11 2004
CURRENT SERIALS

Digitized by Google

## CÔNG TY ĐIỆN LỰC I

# ĐIỆN LỰC BẮC CẠN

Tính đến hết năm 2003, Điện lực Bắc Cạn đã đưa điện về 110/122 xã, phường, thị trấn (đạt 90,16%), đưa tổng số hộ dân được sử dụng điện quốc gia lên 68,5% (về trước 2 năm so với kế hoạch do Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra). Hơn nữa, trong 5 năm qua, Điện lực Bắc Cạn luôn hoàn thành vượt mức toàn diện các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật và nhiệm vụ chính trị được giao. Với những thành tích đó, Điện lực Bắc Cạn đã và đang góp phần quan trọng vào công cuộc xây dựng phát triển kinh tế, chính trị, xã hội, giữ vững an ninh, quốc phòng ở địa phương.

Ngày thành lập: 14 - 3 - 1997
Tổng số CBCNV: 334 người
Trình độ chuyên môn:
+ Kỹ sư: 56 người (17%)
+ Cao đẳng: 25 người (7,5%)
+ Trung cấp: 81 người (24,2%)
+ Công nhân kỹ thuật: 172 người (51,3%)

### MỘT SỐ THÀNH TÍCH ĐƯỢC ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC KHEN TẶNG

+ Cờ thi đua xuất sắc của Chính phủ năm 1999
+ Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2001
+ Cờ của Tỉnh ủy Bắc Cạn cho đảng bộ trong sạch, vững mạnh 4 năm liền (1997 - 2000)
+ 5 Cờ của UBND tỉnh Bắc Cạn tặng các đơn vị dẫn đầu các phong trào thi đua (từ năm 1998 đến năm 2002)
+ Nhiều bằng khen, giấy khen khác của các bộ, ngành, Tổng Công ty, Công ty Điện lực I....

Địa chỉ: Tổ 3 - phường Đức Xuân - thị xã Bắc Cạn - tỉnh Bắc Cạn
Điện thoại: 0281 872 311 * Fax: 0281 870 692 * Giám đốc: Nguyễn Văn Thành

VIGLACERA
DAP CAU GLASS
ISO 9001

## CÔNG TY KÍNH ĐÁP CẦU

DAP CAU SHEET GLASS COMPANY
E-mail: dapcauglass@hn.vnn.vn

- ★ KÍNH GƯƠNG MÀI TRANG TRÍ
- ★ KÍNH HOA VĂN, CỐT THÉP
- ★ KÍNH TẤM XÂY DỰNG
- ★ KÍNH DÁN AN TOÀN
- ★ KÍNH BẢO ÔN
- ★ KÍNH Ô-TÔ

CÔNG TY
KÍNH ĐÁP CẦU

ĐC: PHƯỜNG VỤ NINH - THỊ XÃ BẮC NINH - TỈNH BẮC NINH ĐT: (0241) 821369 - FAX: (0241) 821507

VIGLACERA-NHÀ TÀI TRỢ CHÍNH THỨC VLXD CHO SEA GAMES 22


Digitized by Google

**THÁNG RA 2 KỲ**

RA NGÀY 1 VÀ 16 HẰNG THÁNG

**SỐ 709**

**10**

**5-2004**



- **BỘ BIÊN TẬP :**
  52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
  Điện thoại : (04) 7 753 605
  Fax : (04) 7 753 633
  Email: bbttccs@hn.vnn.vn
- **Cơ quan thường trú tại miền Trung :**
  26 Trần Phú,
  Thành phố Đà Nẵng
  Điện thoại : (080) 51301
  Fax : (080) 51303
- **Cơ quan thường trú tại miền Nam :**
  19 Phạm Ngọc Thạch,
  Thành phố Hồ Chí Minh
  Điện thoại : (08) 8 274 638
  Fax : (08) 8 231 664
- **Tạp chí Cộng sản điện tử :**
  http://www.tapchicongsan.org.vn
- **Tổng Biên tập :**
  **LÊ HỮU NGHĨA**

*Bìa 1: Chủ tịch Hồ Chí Minh với các cháu thanh, thiếu niên và nhi đồng các dân tộc thiểu số (năm 1960)*
*Ảnh: TTXVN*

# Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

## MỤC LỤC


**ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG**

KSOR PHƯỚC - Tăng cường vai trò quản lý nhà nước về công tác dân tộc ở nước ta hiện nay 3

NGUYỄN THỊ DOAN - Đổi mới và tăng cường công tác kiểm tra, kỷ luật trong Đảng ở giai đoạn cách mạng mới 7

**NHÂN KỶ NIỆM 114 NĂM NGÀY SINH CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH (19-5-1890 - 19-5-2004)**

HỒ TRỌNG HOÀI - Nét sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề tự do tín ngưỡng, tôn giáo 12

TRẦN NGỌC LIÊU - Tư tưởng quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân của Hồ Chí Minh 17

**NHÂN KỶ NIỆM 50 NĂM CHIẾN THẮNG LỊCH SỬ ĐIỆN BIÊN PHỦ (7-5-1954 - 7-5-2004)**

LÊ NGUYÊN - Phong trào nhân dân thế giới ủng hộ Việt Nam kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954) 22

VÕ KIM CƯƠNG - Chiến thắng Điện Biên Phủ và sự tan rã của hệ thống thuộc địa 27

**NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI**

VŨ VĂN HIỀN - Một số vấn đề về hội nhập kinh tế quốc tế 31

TRỊNH HUY QUÁCH - Đổi mới cơ chế quản lý lâm nghiệp, góp phần phát triển kinh tế - xã hội Tây Nguyên 36

LÊ BÍNH - Những âm mưu lợi dụng tôn giáo và vấn đề dân tộc chống lại sự nghiệp cách mạng nước ta hiện nay 41

**THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM**

PHAN TUẤN PHA - Đắc Nông: Tiềm năng, thử thách và hướng đi lên 44

PHAN THANH KIỀU - Đồng Nai nâng cao vai trò tổ chức cơ sở đảng trong vùng đồng bào theo đạo Thiên chúa 48

NGUYỄN BÁ TÒNG - 45 năm xây dựng và trưởng thành của Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn 51

**SINH HOẠT TƯ TƯỞNG**

ĐINH LÊ - Rửa... cán bộ 55

**TẠP CHÍ VỚI BẠN ĐỌC - BẠN ĐỌC VỚI TẠP CHÍ**

*** Về công tác phát hành và bạn đọc Tạp chí Cộng sản khu vực duyên hải miền Trung và Tây Nguyên 56

**DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN**

TRẦN QUANG NHIẾP - Dân số và phát triển kinh tế - xã hội. Những vấn đề đặt ra 61

VŨ MINH MÃO - HOÀNG XUÂN HÒA - Dân số và chất lượng nguồn nhân lực ở Việt Nam trong quá trình phát triển kinh tế 65

ĐỖ NGỌC YÊN - Tương quan giữa dân số và phát triển ở Cao Bằng 70

**THẾ GIỚI: VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN**

VŨ ANH TUẤN - Nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm: Một số kinh nghiệm quốc tế 73

**QUA SÁCH BÁO NƯỚC NGOÀI**

*** Mỹ sẽ thua trong cuộc chiến I-rắc 77



Digitized by Google

## СОДЕРЖАНИЕ

КШОР ФЫОК: Активизация роли государственного управления национальной работой в нашей стране на данном этапе. НГУЕН ТХИ ЗОАН: Обновление и усиление инспекционной, дисциплинарной работы в Партии в новый революционный период. ХО ЧОНГ ХОАЙ: Творчество в идеях Хо Ши Мина о свободе совести. ЧАН НГОК ЛИЕУ: Идея Хо Ши Мина о государственной власти, принадлежащей народу. ЛЕ НГУЕН: Движение народа мира, поддержавшее Вьетнам в войне Сопротивления с французскими колониалистами (1946 – 1954гг.). ВО КИМ КЫОНГ: Победа Диен Биен Фу и раскол колониальной системы. ВУ ВАН ХИЕН: Некоторые проблемы о международной экономической интеграции. ЧИНЬ ХУ КУАЧ: Обновление механизмов управления лесным хозяйством вносит вклад в социально-экономическое развитие в районе Тэйнгуен. ЛЕ БИНЬ: Замыслы – злоупотребление религиями и национальными проблемами, направленное против революционного дела нашей страны в нынешнее время. ФАН ТУАН ФА: Провинция Дакнонг: Потенциал, испытания и продвигающиеся направления вперёд. ФАН ТХАНЬ КИЕУ: Провинция Донгнай повышает роль первичных парторганизаций в районе проживания католиков. ЧАН КУАНГ НИЕП: Население и социально-экономическое развитие – поставленные проблемы. ДО НГОК ЙЕН: Соотношение между населением и развитием в провинции Каобанг. ВУ АНЬ ТУАН: Повышение конкурентоспособности продукции: Некоторые опыты в мире.

## CONTENTS

KSOR PHƯỚC: Increasing the role of state management in relation to nationalities in our country at the present. NGUYỄN THỊ DOAN: Renovating and strengthening Party inspection and discipline in the new revolutionary period. HỒ TRỌNG HOÀI: A creativeness in Hồ Chí Minh's ideas regarding freedom of creed and religion. TRẦN NGỌC LIÊU: The idea that state power is belonging to the people of Hồ Chí Minh. LÊ NGUYÊN: The movement of the World peoples supporting Vietnam to resist French colonialists (1946-1954). VÕ KIM CƯƠNG: Điện Biên Phủ victory and the collapse of the colonial system. VŨ VĂN HIỀN: Some problems of international economic integration. TRỊNH HUY QUÁCH: Renovating mechanism of forestry management, making contribution to socio-economic development of Tây Nguyên. LÊ BỈNH: The plots to take advantage of religion and the nationality problems against the revolutionary cause of our country at the present. PHAN TUẤN PHA: Đắc Nông-potentials, challenges and advancing directions. PHAN THANH KIỀU: Đồng Nai province enhances the role of grassroots Party organisations in the localities of the Christian countrymen. TRẦN QUANG NHIẾP: Population and socio-economic development: the put-forward problems. ĐỖ NGỌC YÊN: Interrelation between population and development in Cao Bằng. VŨ ANH TUẤN: Enhancing competitive ability of products: some World experiences.

## SOMMAIRE

KSOR PHƯỚC : Renforcer la gestion étatique envers les travaux d'ethnies minoritaires au Vietnam à l'heure actuelle. NGUYỄN THỊ DOAN : Renouveler et consolider le travail de contrôle, de discipline au sein du Parti dans la nouvelle période révolutionnaire. HỒ TRỌNG HOÀI : La créativité de la pensée de Hồ Chí Minh sur la liberté de religion et de croyance. TRẦN NGỌC LIÊU : La pensée de Hồ Chí Minh : "le pouvoir d'Etat appartient à la population". LÊ NGUYÊN : Le mouvement de soutien au Vietnam dans sa résistance anti-française (1946-1954) par les peuples dans le monde. VÕ KIM CƯƠNG : La victoire de Điên Biên Phủ et la désintégration du système de colonies. VŨ VĂN HIỀN : Quelques questions sur l'intégration à l'économie internationale. TRỊNH HUY QUÁCH : Renouveler le mécanisme gestionnaire de la sylviculture en contribuant au développement socio-économique dans les Hauts-Plateaux du Tây Nguyên. LÊ BỈNH : Les desseins d'exploiter les questions religieuses et d'ethnies minoritaires ayant en vue de saboter l'œuvre révolutionnaire du Vietnam à l'heure. PHAN TUẤN PHA : Dak Nông : potentialités, épreuves et orientation de développement. PHAN THANH KIỀU : Đồng Nai et le renforcement du rôle d'organisation des sections du PCV dans les régions où vivent les catholiques. TRẦN QUANG NHIẾP : La démographie et le développement socio-économique : les questions posées. ĐỖ NGỌC YÊN : Le rapport entre la démographie et le développement dans la province de Cao Bằng. VŨ ANH TUẤN : Accroître la capacité de concurrence des produits : expériences d'autres pays.

## SUMARIO

KSOR PHƯỚC: Intensificar el actual papel de administración estatal sobre el trabajo de nacionalidad en nuestro país. NGUYỄN THỊ DOAN: Renovar y fortalecer el trabajo de control y disciplina en el Partido en la nueva etapa revolucionaria. HỒ TRỌNG HOÀI: Rasgos creadores en el pensamiento de Hồ Chí Minh sobre la libertad de creencia y religión. TRẦN NGỌC LIÊU: El pensamiento de Hồ Chí Minh sobre el poder estatal perteneciente al pueblo. LÊ NGUYÊN: El movimiento del pueblo mundial en apoyo de la resistencia antifrancesa ejecutada por el pueblo vietnamita (1946-1954). VÕ KIM CƯƠNG: El triunfo de Điên Biên Phủ y el derrumbamiento del sistema colonial. VŨ VĂN HIỀN: Algunas cuestiones sobre la integración económica mundial. TRỊNH HUY QUÁCH: Renovar el mecanismo de gestión forestal en contribución al fomento socioeconómico en Tây Nguyên. LÊ BỈNH: Intentos de aprovechar la religión y la cuestión étnica contra la actual revolución vietnamita. PHAN TUẤN PHA: Đắc Nông: potencialidades, retos y orientaciones de avance. PHAN THANH KIỀU: La provincia de Đồng Nai y su elevación del rol de las instancias de base del Partido en las áreas de pobladores cristianos. TRẦN QUANG NHIẾP: La población y el desarrollo socioeconómico – sus cuestiones. ĐỖ NGỌC YÊN: La correlación entre la población y el desarrollo en Cao Bằng. VŨ ANH TUẤN: Unas experiencias internacionales sobre la elevación de la competitividad de los productos.

## 目录

• Ksor 福：加强我国目前民族工作的国家管理作用 •阮氏端：革新并加强党在新革命阶段中的检查、纪律工作的力度 •胡仲怀：胡志明思想中有关宗教、信仰自由的创造性 •陈玉寥：胡志明有关国家权力属于人民的思想 •黎元：世界人民支持越南抗击法殖民者战争的运动（1946年—1954年） •武金刚：奠边府大捷及殖民地系统的崩溃 •武文贤：融入国际经济面临的一些问题 •郑辉郭：革新林业管理机制，为发展西原经济、社会作出贡献 •黎泰：利用宗教和民族问题破坏我国目前革命事业的阴谋 •潘俊坡：得农省—潜能、挑战及发展趋向 •潘清乔：同奈省加强在天主教教民区的党基层单位的作用 •陈光摄：人口及经济、社会发展—面临的问题 •杜玉安：高平省人口与发展之间的相关关系 •武英俊：提高产品的竞争力—国际上的一些经验。

Digitized by Google

# TĂNG CƯỜNG VAI TRÒ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC DÂN TỘC Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

KSOR PHƯỚC *

HƠN 70 năm, qua nhiều chặng đường phát triển của cách mạng Việt Nam, vấn đề dân tộc và công tác dân tộc luôn được Đảng, Nhà nước ta đặc biệt quan tâm chỉ đạo toàn diện và sâu sắc. Trong mỗi thời kỳ, công tác dân tộc đều mang đặc điểm riêng với yêu cầu ngày càng cao trước sự phát triển của đất nước và nhu cầu phát triển của cộng đồng các dân tộc. Do đó, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7, khóa IX, *Về công tác dân tộc* là một định hướng lớn, toàn diện và cụ thể về công tác dân tộc từ nay đến năm 2010 và những năm tiếp sau. Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết đó, phải tăng cường vai trò quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

Trong xu thế phát triển chung hiện nay phải tiếp tục hướng mạnh vào việc đẩy nhanh tốc độ phát triển bền vững chung, trên cơ sở xóa dần độ chênh lệch giữa các vùng, giữa các dân tộc. Điều này đòi hỏi phải tăng cường sự quan tâm, nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân. Trước mắt, tập trung giải quyết các vấn đề bức xúc có tính phổ biến trong các vùng dân tộc thiểu số đó là tình trạng kết cấu hạ tầng yếu kém, tập quán sản xuất còn lạc hậu, tỷ lệ hộ đói nghèo cao; giải quyết các vấn đề về văn hóa - xã hội như dân trí còn thấp, tình hình giáo dục, tiếp thu và ứng dụng khoa học - kỹ thuật còn hạn chế, văn hóa của nhiều dân tộc có nguy cơ bị mai một, tình hình y tế và sức khỏe cộng đồng kém. Khắc phục tình trạng tài nguyên và môi trường (đất, nước, rừng...) bị xâm hại nghiêm trọng ảnh hưởng trực tiếp và làm suy giảm đến chất lượng sống của đồng bào các dân tộc thiểu số. Giải quyết vấn đề an ninh và trật tự an toàn xã hội diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nhiều nguy cơ có thể xảy ra "điểm nóng" ở một số vùng nhất là trong tình hình hiện nay, khi các thế lực phản động quốc tế đang ra sức lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo để kích động phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, chia rẽ dân với Đảng, với chính quyền. Vấn đề quan trọng nhất và bức xúc nhất là giải quyết vấn đề cán bộ và hệ thống chính trị cơ sở ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số...

Quản lý nhà nước về dân tộc là một nhu cầu tất yếu, cũng là một trong những nội dung cơ bản trong toàn bộ hoạt động nhằm thực hiện các mục tiêu, kế hoạch bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước của Nhà nước ta từ khi thành lập đến nay. Lúc sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo, tài tình quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về vấn đề dân tộc vào điều kiện cụ thể của nước ta. Trong *Thư gửi Đại hội các dân tộc thiểu*

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc


Digitized by Google

*số miền Nam tại Plây Cu ngày 19-4-1946*, Người viết: "Đồng bào Kinh hay Thổ, Mường hay Mán, Gia Rai hay Ê Đê, Xê Đăng hay Ba Na và các dân tộc thiểu số khác đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt. Chúng ta sống chết có nhau, sướng khổ cùng nhau, no đói giúp nhau"(1). Đề cập đến vai trò của Nhà nước đối với công tác dân tộc, Người viết: "Ngày nay nước Việt Nam là nước chung của chúng ta. Trong Quốc hội có đủ đại biểu các dân tộc. Chính phủ thì có "NHA DÂN TỘC THIỂU SỐ" để săn sóc cho tất cả các đồng bào"(2).

Phát triển quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc, Đảng và Nhà nước đã luôn thực hiện sáng tạo công tác dân tộc theo mục tiêu "bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển". Trải qua các thời kỳ chiến tranh giải phóng dân tộc, cũng như xây dựng đất nước trong hòa bình, đặc biệt trong thời kỳ đổi mới từ năm 1986 đến nay, công tác dân tộc ở nước ta đã đạt được những thành tựu quan trọng. Trong mọi bối cảnh dù thuận lợi hay khó khăn đến đâu các nguyên tắc cơ bản của vấn đề dân tộc, công tác dân tộc vẫn được kiên định thực hiện. *Quyền bình đẳng* giữa các dân tộc cơ bản đã được Hiến pháp xác định và thể hiện trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. *Đoàn kết* giữa các dân tộc không ngừng được củng cố. Nền kinh tế nhiều thành phần từng bước được hình thành và phát triển, cơ cấu kinh tế được chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa. Hằng năm số hộ đói nghèo giảm 4 - 5 %, tỷ lệ hộ đói nghèo của các tỉnh miền núi giảm xuống còn 25,93%... Giáo dục, y tế, văn hóa đạt được những kết quả quan trọng. Các vùng đồng bào các dân tộc thiểu số được phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ, dân trí được nâng cao. Văn hóa truyền thống của các dân tộc được giữ gìn và phát triển đa dạng, phong phú. Các bệnh dịch cơ bản được ngăn chặn, việc khám chữa bệnh cho người nghèo được quan tâm hơn, 93,5% số xã miền núi có trạm y tế. Hệ thống chính trị cơ sở ngày càng được củng cố và tăng cường; an ninh, quốc phòng ở vùng dân tộc và miền núi được giữ vững.

Việc tăng cường quản lý nhà nước về vấn đề dân tộc trong tình hình hiện nay là một trong những nội dung chủ yếu đổi mới nội dung, phương thức công tác dân tộc theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 *Về công tác dân tộc*. Để thực hiện có hiệu quả vấn đề trên, các cấp, các ngành có liên quan cần tập trung thực hiện các vấn đề sau:

***1 - Nắm chắc tình hình tư tưởng, đời sống đồng bào các dân tộc thiểu số, nhất là các vùng trọng điểm, khó khăn phức tạp***

Đây là một yêu cầu cơ bản, tất yếu trong quá trình thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc nhất là trong tình hình hiện nay. Thời gian qua, công tác này còn không ít hạn chế, yếu kém. Nguyên nhân một phần là do bộ máy cơ quan công tác dân tộc ở địa phương chưa được kiện toàn, còn nhiều khiếm khuyết về cơ cấu tổ chức và nhân sự, cơ chế hoạt động. Đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về dân tộc rất hạn chế về kiến thức nghiệp vụ chuyên môn và thiếu về số lượng.

Nắm tình hình dân tộc tức là nắm tình hình về đời sống kinh tế, xã hội, văn hóa, an ninh quốc phòng, môi trường; nắm nguyện vọng, tâm tư... của đồng bào các dân tộc để phản ánh kịp thời với cơ quan chức năng nhằm giải quyết kịp thời, hiệu quả các vấn đề bức xúc đặt ra; qua đó góp phần tham mưu cho Trung ương Đảng và Chính phủ định hướng chiến lược giải quyết vấn đề dân tộc một cách toàn diện và cơ bản.

(1) (2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t 4, tr 217 - 218


Digitized by Google

***2 - Đổi mới việc xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách dân tộc***

Xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách dân tộc là hoạt động quan trọng của quá trình quản lý nhà nước về công tác dân tộc. Chúng ta đã có nhiều kinh nghiệm và nhiều thành tựu quan trọng về vấn đề này. Tuy nhiên, cuộc sống đòi hỏi phải không ngừng tiến lên và không ngừng đổi mới. Trước yêu cầu của giai đoạn từ nay đến năm 2010, việc xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách dân tộc cần được nghiên cứu, đánh giá xác thực, đúng đắn nhằm tìm ra giải pháp tổ chức và thực hiện có hiệu quả. Xây dựng chính sách là vấn đề không giản đơn. Nó thể hiện sự phân tích và đánh giá đúng tình hình đặc điểm các vùng dân tộc, xác định rõ những vấn đề cốt yếu đặt ra cần được giải quyết. Với nội dung và giải pháp sát hợp nhằm thực hiện các mục tiêu chiến lược về kinh tế - xã hội và các mục tiêu khác đã đề ra...

Thực hiện chính sách dân tộc là hoạt động triển khai các nội dung cụ thể thuộc một hoặc nhiều lĩnh vực với những mục tiêu cụ thể ở các vùng đồng bào dân tộc nhằm cải thiện, nâng cao chất lượng đời sống và các lĩnh vực liên quan đối với đồng bào các dân tộc. Tuy nhiên, việc này còn nhiều vấn đề cần được hoàn thiện trong quy trình, cơ chế phối hợp, tổ chức thực hiện. Quan trọng nhất là phải huy động được sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, phát huy nội lực, ý chí tự cường vươn lên của các dân tộc đóng góp vào sự nghiệp phát triển và tiến bộ của các dân tộc.

***3 - Giúp đỡ, hỗ trợ các dân tộc đặc biệt khó khăn, vùng đặc biệt khó khăn***

Do trình độ phát triển của các dân tộc ở nước ta không đồng đều, nên vẫn còn một bộ phận dân tộc thiểu số và vùng dân tộc thiểu số sống rất khó khăn, phát triển chưa bền vững, đang có nguy cơ tái nghèo, tái mù chữ... Quản lý Nhà nước về dân tộc trong thời gian tới cần chú trọng nghiên cứu, đầu tư nhiều hơn nữa, có những chính sách, giải pháp thỏa đáng nhằm khắc phục tình trạng trên. Từ bài học của Chương trình 135 và việc thực hiện các chương trình dự án khác cho thấy, hoạt động quản lý dân tộc cần tìm ra giải pháp làm sao vừa hỗ trợ khắc phục khó khăn trước mắt, vừa tạo ra các tiền đề để các dân tộc và vùng đặc biệt khó khăn có thể phát triển bền vững từ nội lực của chính mình.

***4 - Tăng cường bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vùng đân tộc thiểu số***

Vùng đồng bào các dân tộc thiểu số sinh sống, cư trú không chỉ đa dạng, phức tạp về địa hình, phân tán về dân cư mà còn là vùng biên giới có vị trí rất quan trọng xung yếu về an ninh - quốc phòng. Thời gian qua, các thế lực thù địch trong nước và quốc tế lợi dụng tính đặc thù đó, lợi dụng sự quản lý nhà nước của chúng ta còn nhiều sơ hở và yếu kém, đã tiến hành các hoạt động chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, chia rẽ tôn giáo hòng làm mất ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội vùng dân tộc, miền núi, biên giới... Tình hình đó đang đặt ra cho công tác quản lý nhà nước những nội dung quan trọng cần quan tâm toàn diện và sâu sắc nhằm nâng cao cảnh giác cách mạng, tăng cường thế và lực cho nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân vững chắc, bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số; tạo môi trường ổn định, thuận lợi nhất cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn vùng các dân tộc của nước ta.

***5 - Chăm lo đào tạo, bồi dưỡng xây dựng đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số; củng cố toàn diện hệ thống chính trị cơ sở vùng các dân tộc thiểu số***

Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: Cán bộ là gốc của cách mạng; cán bộ nào thì phong trào ấy. Sự nghiệp phát triển vùng dân tộc thiểu số và miền núi rất nặng nề và khó khăn, phức tạp. Để hoàn thành sự nghiệp ấy, trước hết đòi hỏi phải có những cán bộ có tư tưởng đúng đắn,


Digitized by Google

có tâm huyết với sự nghiệp và phải có tri thức cơ bản về công tác dân tộc. Điều có tính phổ biến của cán bộ công tác ở vùng dân tộc thiểu số hiện nay là tri thức, năng lực tổ chức thực tiễn trên các lĩnh vực quản lý, điều hành kinh tế, xã hội và phương pháp công tác vận động quần chúng còn yếu. Để khắc phục tình trạng trên, việc chăm lo đào tạo, bồi dưỡng xây dựng đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số một cách phù hợp, năng động và củng cố toàn diện hệ thống chính trị cơ sở vùng dân tộc thiểu số có ý nghĩa quyết định trước mắt và lâu dài. Đây cũng là nội dung trọng điểm mà công tác quản lý nhà nước về dân tộc hiện nay cần đầu tư để thực hiện có hiệu quả.

***6 - Tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn các ngành, các cấp trong tổ chức thực hiện các đường lối, chủ trương của Đảng, và chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc.***

Công tác kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật là một nội dung cơ bản thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc. Việc tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách về công tác dân tộc là khó, nếu không kiểm tra hướng dẫn, đánh giá, sẽ hạn chế không nhỏ đến hiệu quả. Cơ quan làm công tác dân tộc các cấp cần phát huy vai trò của mình trong việc phối hợp với các ngành, các cấp không chỉ tổ chức triển khai mà cần coi trọng sự phối hợp, kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Phải đi sâu, đi sát nắm tình hình tổ chức thực hiện chính sách, phát hiện sai sót và hạn chế, thấy được vai trò trách nhiệm của các bên tham gia để kịp thời uốn nắn, điều chỉnh nhằm đạt hiệu quả cao nhất.

***7 - Củng cố, hoàn thiện tổ chức, hệ thống bộ máy cơ quan làm công tác dân tộc theo hướng chính quy, trong sạch, từng bước hiện đại; nâng cao trách nhiệm và đổi mới tác phong công tác của cán bộ***

Không thể có kết quả cao trong quản lý nhà nước về công tác dân tộc nếu như không có một tổ chức bộ máy làm công tác dân tộc với một cơ chế hoạt động tốt. Sự quan tâm của Chính phủ đối với việc kiện toàn tổ chức bộ máy và chức năng nhiệm vụ của cơ quan công tác dân tộc đã được thể hiện qua hai văn bản quan trọng là Nghị định số 51/2003/NĐ-CP, ngày 16-5-2003, và Nghị định số 53/2004/NĐ-CP ngày 18-2-2004. Từ các nghị định này đến tổ chức thực hiện đòi hỏi cơ quan công tác dân tộc phát huy vai trò quản lý, đổi mới, cải cách bộ máy hành chính trong việc xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy và xây dựng đội ngũ theo hướng chính quy, trong sạch, từng bước hiện đại. Đây là yêu cầu cơ bản để nâng cao chất lượng bộ máy cơ quan làm công tác dân tộc bao gồm cả đội ngũ công chức, viên chức từ trung ương đến địa phương. Cán bộ trong hệ thống cơ quan làm công tác dân tộc thời gian tới cần được tuyển dụng và hoàn thiện theo tiêu chuẩn của lãnh đạo Ủy ban Dân tộc phê duyệt; được bồi dưỡng, giáo dục để nâng cao trách nhiệm và tác phong công tác nhằm từng bước nâng cao hiệu quả nhiệm vụ chính trị của cá nhân, đơn vị được giao.

Tóm lại, tăng cường vai trò quản lý nhà nước về công tác dân tộc là một yêu cầu và đòi hỏi tất yếu, có ý nghĩa quyết định trong việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7, khóa IX, *Về công tác dân tộc*. Trong tình hình mới, trước hết đòi hỏi sự đổi mới về chất trong tư duy quản lý mang tính toàn diện liên quan đến cả quy trình quản lý không chỉ về cơ cấu tổ chức mới mà còn là cơ chế hoạt động phối hợp mới, cả về yêu cầu cao hơn đối với đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc, về sử dụng đúng người đúng việc, về đổi mới tác phong làm việc theo hướng chính quy, hiện đại, về xác định các nội dung trọng yếu trong quá trình quản lý, về quy trình quản lý... Thứ đến là tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của các cấp ủy, sự phối hợp mang tính xây dựng của các cấp, các ngành hữu quan, các cơ quan chức năng... Tất cả sẽ tạo nên sức mạnh và hiệu quả của hoạt động quản lý nhà nước về công tác dân tộc hiện nay ở nước ta.❑


Digitized by Google

# ĐỔI MỚI VÀ TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC KIỂM TRA, KỶ LUẬT TRONG ĐẢNG Ở GIAI ĐOẠN CÁCH MẠNG MỚI

NGUYỄN THỊ DOAN *

TRONG quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam đặc biệt quan tâm công tác kiểm tra và giữ gìn kỷ luật trong Đảng. Lý luận về kiểm tra, kỷ luật Đảng luôn được bổ sung và hoàn thiện, hoạt động kiểm tra, xử lý kỷ luật trong Đảng cũng luôn được đổi mới. Điều đó được thể hiện trong Báo cáo Chính trị và Điều lệ Đảng qua các kỳ Đại hội của Đảng và các chỉ thị, nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cũng như thực tiễn thực hiện nhiệm vụ kiểm tra thời gian qua. Đảng ta luôn khẳng định: Lãnh đạo mà không kiểm tra thì coi như không có lãnh đạo; kiểm tra là một trong những chức năng lãnh đạo của Đảng, là một nội dung quan trọng của phương thức lãnh đạo của Đảng, là một nội dung không thể thiếu của công tác xây dựng Đảng. Tổ chức đảng phải tiến hành công tác kiểm tra. Tổ chức đảng và đảng viên chịu sự kiểm tra của Đảng; kỷ luật của Đảng là kỷ luật nghiêm minh, kỷ luật sắt. Kiểm tra và giữ gìn kỷ luật Đảng là nhiệm vụ của toàn Đảng. Đồng thời Đảng nhấn mạnh phải: tăng cường công tác kiểm tra của các cấp ủy, của Ủy ban kiểm tra các cấp, tập trung vào các nội dung chủ yếu: thực hiện các nghị quyết, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ và quy chế làm việc; củng cố đoàn kết nội bộ, giáo dục, rèn luyện, nâng cao phẩm chất, đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên.

Bước vào giai đoạn cách mạng mới, sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo đang đứng trước bối cảnh có nhiều thuận lợi và cơ hội, đồng thời cũng đang đương đầu với không ít khó khăn, thách thức và nguy cơ, tác động rất phức tạp đến vai trò lãnh đạo của Đảng và công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đặc biệt là công tác kiểm tra và kỷ luật trong Đảng. Điều đó đòi hỏi công tác kiểm tra trong Đảng không chỉ hoạt động trong phạm vi phục vụ nhiệm vụ xây dựng nội bộ Đảng, mà còn phải nhằm mục tiêu thực hiện thắng lợi các chủ trương, nghị quyết của Đảng và chính sách của Nhà nước, góp phần bảo đảm sự lãnh đạo thành công của Đảng trong sự nghiệp đổi mới đất nước. Công tác kiểm tra, kỷ luật trong Đảng không chỉ phục vụ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ then chốt là xây dựng Đảng mà còn phải phục vụ đắc lực yêu cầu thực hiện nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Trước mắt là, phục vụ thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị do Đại hội IX

* GS.TS. Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương


Digitized by Google

của Đảng đề ra: Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu đến năm 2010 đưa Việt Nam ra khỏi tình trạng kém phát triển, đến năm 2020 Việt Nam cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại; phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; tăng cường quốc phòng và an ninh; mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân; đẩy mạnh cải cách tổ chức và hoạt động của Nhà nước, các đoàn thể nhân dân, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế; xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Trước bối cảnh đó, nếu công tác kiểm tra và kỷ luật Đảng không được đổi mới thì không thể đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp cách mạng.

Hiện nay, có rất nhiều nhân tố tác động đến công tác kiểm tra và xử lý kỷ luật trong Đảng, mà hoạt động kiểm tra và xử lý kỷ luật Đảng cần phải bao quát, để có sự đổi mới phù hợp với yêu cầu đặt ra của thực tiễn. Đó là, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ngày càng phát triển, các mối quan hệ đối ngoại chuyển động mạnh mẽ trong tiến trình chủ động hội nhập ngày càng sâu, rộng hơn trên nhiều lĩnh vực; khoa học - kỹ thuật phát triển nhanh, nhất là công nghệ thông tin đã làm xuất hiện các phương thức quản lý mới. Nhất là, sự tan rã và mất quyền lãnh đạo của một số Đảng Cộng sản cầm quyền, gắn liền với nó là chủ nghĩa xã hội hiện thực tạm thời lâm vào thoái trào đã tác động lớn đến tư tưởng và lý tưởng của một bộ phận cán bộ, đảng viên, thậm chí có một số người đòi đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập. Trong khi đó, bối cảnh quốc tế diễn biến rất phức tạp và tiềm ẩn nhiều nguy cơ khó lường. Trong quá trình thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần và đẩy nhanh việc hình thành đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, những mặt trái của cơ chế thị trường đang tác động không nhỏ đến tâm tư tình cảm của một số cán bộ, đảng viên. Trong khi đời sống còn khó khăn, nếu bản thân đảng viên không xác định tốt về tư tưởng, lại không được kiểm tra, giám sát chặt chẽ thì rất dễ vi phạm kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng duy nhất cầm quyền, lãnh đạo hệ thống chính trị, nếu không có cơ chế kiểm tra và giám sát chặt chẽ dễ dẫn đến quan liêu, độc đoán chuyên quyền, lộng quyền và lạm quyền. Vì vậy, công tác kiểm tra và xử lý kỷ luật trong Đảng không cho phép sự "lấn sân" hoặc có "vùng cấm" trong Đảng đối với hoạt động của các cơ quan tư pháp.

Công tác kiểm tra trong Đảng là một bộ phận rất quan trọng của công tác xây dựng Đảng, gắn liền với sự trưởng thành và vững mạnh của Đảng qua các giai đoạn cách mạng. Thời gian qua, công tác kiểm tra đã đóng góp tích cực vào việc lãnh đạo thành công sự nghiệp đổi mới của Đảng; góp phần quan trọng trong việc bảo vệ đường lối, quan điểm, các nguyên tắc của Đảng, thúc đẩy thực hiện các nhiệm vụ chính trị, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, góp phần tăng cường sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng. Các tổ chức đảng đã nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên về công tác kiểm tra của Đảng. Nhiều cấp ủy đã quan tâm lãnh đạo công tác kiểm tra, xây dựng chương trình kế hoạch và trực tiếp kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới theo Điều lệ Đảng nên đã đạt kết quả


Digitized by Google

thiết thực. Ủy ban kiểm tra các cấp đã tham mưu đắc lực cho cấp ủy cùng cấp về công tác kiểm tra và trực tiếp thực hiện nhiệm vụ kiểm tra theo Điều lệ Đảng. Nói chung, các kết luận của Ủy ban Kiểm tra các cấp là khách quan và chính xác; qua đó, đồng thời rút ra nhiều bài học kinh nghiệm để nâng cao dần chất lượng công tác kiểm tra.

Tuy nhiên, trong giai đoạn cách mạng mới, các tổ chức đảng, nhất là đảng viên của Đảng chịu sự tác động của nhiều nhân tố phức tạp đan xen nhau, vấn đề giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng đang đứng trước những thách thức mới, nhất là trong khi một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên sa sút về phẩm chất đạo đức, thoái hóa, biến chất, phai nhạt lý tưởng cách mạng đã và đang gây hậu quả nghiêm trọng. Tổ chức cơ sở đảng ở nhiều nơi yếu kém, không phát huy được vai trò hạt nhân lãnh đạo. Bệnh quan liêu, độc đoán, chủ quan, kèn cựa, cá nhân chủ nghĩa còn nặng. Những hạn chế, yếu kém đó, một phần là do công tác kiểm tra của Đảng còn nhiều bất cập và việc xử lý kỷ luật trong Đảng cũng còn có nơi, có lúc chưa nghiêm.

Để khắc phục các hạn chế, bất cập đó, để công tác kiểm tra, kỷ luật trong Đảng đáp ứng đòi hỏi của giai đoạn cách mạng mới, góp phần quan trọng hơn nữa vào việc nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng nội bộ Đảng trong sạch, vững mạnh với đội ngũ cán bộ, đảng viên gương mẫu có đủ phẩm chất, năng lực thực hiện có hiệu quả mọi nhiệm vụ được giao trên mọi lĩnh vực, cần tiếp tục đổi mới công tác kiểm tra, kỷ luật trong Đảng theo phương hướng sau:

***Một là,*** xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách, phương thức phù hợp nhằm phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của nhân dân, để nhân dân thật sự giám sát Đảng một cách hiệu quả. Điều lệ Đảng hiện hành quy định: Đảng Cộng sản Việt Nam chịu sự giám sát của nhân dân, nhưng hiện nay chưa có chính sách, chế tài cụ thể, đủ hiệu lực để nhân dân thực hiện quyền đó. Vì thế, nhiều tổ chức đảng và đảng viên rất dễ xa dân, không nghe được các ý kiến và nguyện vọng chính đáng của dân còn nhân dân chưa giám sát được Đảng. Không có dân thì không có Đảng, mọi hoạt động của Đảng đều phải dựa vào dân - dân là gốc, sức mạnh của Đảng bắt nguồn từ sức mạnh của nhân dân, sự nghiệp cách mạng của Đảng cũng chính là sự nghiệp cách mạng của toàn dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Vì vậy, cần tiếp tục xây dựng cơ chế, các quy định cụ thể như nhân dân được giám sát những nội dung gì, phản ánh cho ai..., đồng thời phải có chính sách khen thưởng và biện pháp hữu hiệu bảo vệ những người phản ánh cho Đảng những hành vi vi phạm, suy thoái của cán bộ, đảng viên, tránh để xảy ra hiện tượng trù dập của những người có chức, có quyền đối với những người giám sát.

Tổng kết việc thực hiện *Quy chế Dân chủ ở cơ sở* thời gian vừa qua, rút ra những bài học kinh nghiệm để thực hiện tốt quy chế này trong thời gian tới, bảo đảm phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra". Thực hiện tốt việc cán bộ, đảng viên tự phê bình trước công chức, nhân viên trong cơ quan, đơn vị, trước tổ dân phố, thôn bản... để nhân dân trực tiếp tham gia góp ý kiến nhận xét cán bộ, đảng viên. Cần công khai với nhân dân những chủ trương, quy định của Đảng và chính sách, chế độ của Nhà nước có liên quan đến trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của các cơ quan, cán bộ, đảng viên, những điều đảng viên không được phép làm. Có như vậy, nhân dân mới có cơ sở để đối chiếu trong quá trình giám sát.


Digitized by Google

Tạo điều kiện để nhân dân thực hiện quyền giám sát trực tiếp và gián tiếp thông qua Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và các phương tiện thông tin đại chúng. Trong giám sát hoạt động của Đảng, phải phát huy và tận dụng cao nhất, tốt nhất sức mạnh tổng hợp của toàn bộ hệ thống chính trị, của sự phối hợp trách nhiệm hoạt động giám sát của các cơ quan của Nhà nước từ Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan tư pháp, các đoàn thể chính trị - xã hội trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Trong đó, nhân dân giám sát Đảng cần tập trung chủ yếu vào giám sát cán bộ, đảng viên. Tăng cường các buổi tiếp xúc trực tiếp giữa các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước với nhân dân để hiểu dân và hiểu cán bộ dưới quyền hơn, thực hiện việc đưa đảng viên đang công tác ở các cơ quan của Đảng, Nhà nước... về sinh hoạt ở nơi cư trú. Tổ chức đảng phải tự đến với nhân dân và chú ý lắng nghe, tiếp thu các ý kiến của nhân dân, để nhân dân chủ động góp ý xây dựng Đảng.

***Hai là,*** xây dựng quy trình thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và thi hành kỷ luật của các cấp ủy các cấp. Đảng Cộng sản Việt Nam xác định: Các cấp ủy lãnh đạo công tác kiểm tra và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra các tổ chức đảng và đảng viên chấp hành đường lối chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng và đích thân người đứng đầu cấp ủy phải trực tiếp thực hiện nhiệm vụ kiểm tra. Vì chỉ có cấp ủy mới có đủ thẩm quyền kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên chấp hành và thực hiện đường lối chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng. Qua kiểm tra, mới thẩm định được tính đúng đắn và khả thi của các chủ trương, nghị quyết do chính mình đề ra. Hiện nay, vẫn còn những cấp ủy và cán bộ chủ chốt của cấp ủy tuy có thể nhận thức được điều đó, nhưng chưa có chuyển biến trong các công tác lãnh đạo và thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, thậm chí có một số còn chưa nhận thức đúng về công tác kiểm tra, nên vẫn phó mặc nhiệm vụ kiểm tra cho Ủy ban kiểm tra. Vì vậy, trước hết cần tuyên truyền để toàn thể đảng viên, nhất là các cấp ủy viên nhận thức rõ vấn đề kiểm tra và giữ gìn kỷ luật của Đảng là nhiệm vụ của toàn Đảng mà các cấp ủy phải vừa là người lãnh đạo vừa là người trực tiếp thực hiện. Đồng thời, xây dựng quy trình thực hiện nhiệm vụ này cho các cấp ủy. Hiện nay, trong việc thực hiện quy trình công tác kiểm tra, thi hành kỷ luật và giải quyết khiếu nại, tố cáo của Ủy ban kiểm tra các cấp, nhiều cấp ủy có ý thức quan tâm đến công tác kiểm tra nhưng khi thực hiện thì còn rất lúng túng, hiệu quả còn hạn chế. Do đó, cần quy định rõ trách nhiệm lãnh đạo, thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và tự kiểm tra của các đồng chí cán bộ chủ chốt, cán bộ lãnh đạo các cấp ủy từ Bộ Chính trị đến cấp ủy cơ sở; định kỳ sơ kết, tổng kết việc lãnh đạo và thực hiện nhiệm vụ kiểm tra cấp ủy và cần đưa điều đó vào tiêu chí đánh giá cấp ủy viên hằng năm.

***Ba là,*** xây dựng chính sách và chế tài thống nhất về xử lý kỷ luật trong Đảng, nhằm bảo đảm thực hiện nghiêm phương châm "công minh, chính xác, kịp thời", bảo đảm bình đẳng đối với mọi đảng viên. Có như vậy, mới khắc phục tình trạng xử lý nặng nhẹ khác nhau trước cùng một lỗi vi phạm, gây ra hiện tượng bất bình đẳng và khiếu nại kéo dài; chấm dứt tình trạng đảng viên mắc sai phạm ở nơi này lại được điều sang nơi khác và thậm chí được đề bạt. Làm như vậy chẳng những hỏng việc mà còn hỏng cả cán bộ.

***Bốn là,*** đổi mới phương pháp phối hợp giữa Ủy ban kiểm tra với các ban của Đảng và các cơ quan nhà nước có liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra của Đảng, bảo đảm hiệu lực và hiệu quả của sự phối hợp đó.

Cần xây dựng cơ chế phối hợp theo hướng quy định rõ nội dung và cách thức phối hợp, cơ quan chủ trì phối hợp và trách nhiệm từng cơ quan trong sự phối hợp đó.

***Năm là,*** nhận thức đúng về vị thế của Ủy ban Kiểm tra, đồng thời nâng cao năng lực và trình độ của đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra. Trong các ban của Đảng, thì Ủy ban Kiểm tra là ban đảng duy nhất do cấp ủy cùng cấp bầu ra. Điều lệ Đảng quy định rõ nhiệm vụ của Ủy ban Kiểm tra các cấp. Song, cần quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Kiểm tra phải rộng hơn và phải có tính độc lập tương đối. Mặt khác, Ủy ban Kiểm tra các cấp phải tự đổi mới mình cả về tổ chức công tác kiểm tra và cả về phương thức hoạt động với tư tưởng chỉ đạo hoạt động công tác kiểm tra là: "chủ động, chiến đấu, giáo dục, hiệu quả". Ủy viên Ủy ban Kiểm tra phải có phẩm chất, năng lực, trình độ tương đương cấp ủy viên cùng cấp. Kiểm tra là một nghề nên người làm công tác kiểm tra phải có đủ đức và tài, trong đó đức là "gốc". Người làm công tác kiểm tra phải có bản lĩnh và uy tín, khi giải quyết các vụ, việc, phải có công tâm, trung thực, khách quan, thận trọng và kiên quyết. Đặc biệt trong điều kiện xây dựng và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, người làm công tác kiểm tra phải có kiến thức tương đối toàn diện về các lĩnh vực pháp luật, kinh tế, văn hóa, an ninh, quốc phòng và công tác đảng. Vì vậy, cùng với quá trình đổi mới đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kiểm tra thì người làm công tác kiểm tra phải luôn luôn tự học tập, đúc rút kinh nghiệm để có phẩm chất và trình độ đáp ứng yêu cầu của thực tiễn đặt ra. Mặt khác, cần có chính sách thu hút những người có đức và thực tài về lĩnh vực kiểm tra làm công tác kiểm tra.

***Sáu là,*** nâng cao tính tự giác, tự phê bình và tự kiểm tra của tổ chức đảng và đảng viên. Do tính đặc thù của công tác kiểm tra, Đảng là đối tượng kiểm tra cũng đồng thời là chủ thể kiểm tra, cho nên phương pháp cơ bản của công tác kiểm tra của Đảng là dựa vào đảng viên và tổ chức đảng, phát huy tinh thần tự giác, tự phê bình và phê bình của đảng viên và tổ chức đảng. Thực tiễn hiện nay cho thấy, công tác phê bình và tự phê bình của đảng viên và tổ chức đảng nói chung đều yếu, có nơi chỉ là hình thức. Tình trạng nể nang, né tránh, không dám đấu tranh phê bình trong Đảng và bộ máy nhà nước là khá phổ biến. Hầu như chưa có một cuộc phê bình và tự phê bình nào của tổ chức đảng và đảng viên tự nhận là mình chấp hành Cương lĩnh, Điều lệ và kỷ luật Đảng chưa nghiêm túc, thậm chí coi việc tham nhũng, quan liêu, suy thoái diễn ra ở nơi khác, người khác.

Tự kiểm tra mình là việc khó nhất, vì vậy trước hết phải chiến thắng chính chủ nghĩa cá nhân trong mỗi con người. Nói đến tự kiểm tra là phải nói đến tính tự giác cao, tự đấu tranh rất gian khổ với chủ nghĩa cá nhân và bệnh cá nhân, bệnh sĩ diện, là thái độ không tự tha thứ với những yếu kém. Nếu không biết đúng, sai thì không tự kiểm tra được và không tự giác tự kiểm tra, tự sửa chữa và dễ dẫn đến tự đánh mất mình. Là đảng viên, phải biết tu dưỡng và muốn tu dưỡng tốt càng phải tự kiểm tra. Tự kiểm tra và tiếp thu nghiêm túc ý kiến của quần chúng nhân dân sẽ giúp mỗi người tự biết sai lầm, biết sửa chữa để tiến lên.

Tự giác là bản chất của Đảng, tự giác không chỉ là phương tiện mà còn là mục đích của công tác kiểm tra nói riêng và công tác xây dựng Đảng nói chung. Vì vậy, cần có giải pháp lâu dài và biện pháp trước mắt nhằm nâng cao tính tự giác của cán bộ, đảng viên. Tự kiểm tra, tự phê bình và phê bình là quy luật tồn tại và phát triển của Đảng. ❑


Digitized by Google

# NÉT SÁNG TẠO TRONG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
## VỀ VẤN ĐỀ TỰ DO TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO

HỒ TRỌNG HOÀI *

TRONG các quan niệm mác - xít về tôn giáo, quan niệm về vấn đề tự do tín ngưỡng, tôn giáo là một bộ phận có vị trí quan trọng. Bởi vì nó đề cập đến một trong những quyền cơ bản của con người mà trước hết, về hình thức, nó dường như đối lập với thế giới quan duy vật. Trước đây và ngay cả hiện nay, nhiều người vẫn không thể hiểu được rằng, những người mác- xít, vốn coi mình là người duy vật triệt để lại có thể chấp nhận, thậm chí thừa nhận như một nguyên tắc không thể vi phạm - tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của con người. Các quan niệm đó cho rằng, giữa chủ nghĩa duy vật, vô thần và tư tưởng duy tâm, tôn giáo là không thể tương dung. Vì vậy theo quan niệm đó, việc người mác- xít thừa nhận quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo nếu không phải là một sự giả dối thì cũng chỉ là thủ pháp chính trị để điều hòa sự xung đột vốn có giữa người vô thần với người hữu thần. Tuy nhiên, trên thực tế, việc người mác- xít thừa nhận con người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là một sự thật không thể phủ nhận. Vào năm 1843, khi đề cập về vấn đề quyền con người có quan hệ gì với tôn giáo nhân dịp Nhà nước Phổ ban bố nhân quyền cho người Do Thái, trong bài "Về vấn đề Do thái", C. Mác khẳng định: "Từ khái niệm về nhân quyền tuyệt nhiên không toát ra tính chất không thể tương dung giữa tôn giáo với những quyền của con người, ngược lại, trong những quyền đó có trực tiếp chỉ *ra quyền được mộ đạo*, được mộ đạo theo bất luận kiểu nào, được hành đạo theo tôn giáo riêng của mình. *Đặc quyền tín ngưỡng là một quyền phổ biến của con người*" (1).

Quan điểm trên đây của C. Mác cũng là lập trường chung của người cộng sản. Quan điểm này không phải là sản phẩm của tư biện mà được xây dựng trên những căn cứ thực tế của lịch sử.

Nghiên cứu tôn giáo, những người sáng lập chủ nghĩa Mác - Lê-nin nhận thấy, tôn giáo không phải là sản phẩm của tư biện thuần túy, cũng không phải là sản phẩm được sinh ra bởi các lực lượng thiêng liêng mà nó được hình thành từ những điều kiện nhất định của hiện thực. Trong điều kiện xã hội mà ở đó, con người chưa có khả năng tự quyết định kết quả các hoạt động của mình thì sự xuất hiện và tồn tại của tôn giáo là một tất yếu. Vì vậy, về nguyên tắc, hành động đúng đắn nhất là phải làm thay đổi xã hội trần thế, cải tạo xã hội ấy chứ không phải tiến hành cuộc đấu tranh chống lại ý thức tôn giáo thuần túy từ phương diện tư tưởng.

Ngoài cơ sở này, việc thừa nhận con người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và nhà nước phải thực thi quyền tự do đó trong thực tế còn do những đòi hỏi khác.

---

* TS, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

(1) C. Mác - Ph. Ăng-ghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội , 1995, t 1, tr 549

Thứ nhất, trong xã hội hiện đại, con người có quyền tự do và tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Do đó, việc chống lại quyền này cũng có nghĩa chống lại tự do, đi ngược lại tiến bộ xã hội.

Thứ hai, ý thức tôn giáo mà niềm tin tôn giáo là một bộ phận quan trọng có những đặc điểm riêng. Một mặt nó rất khó thay đổi và người ta không thể thực hiện được sự thay đổi đó chỉ thuần túy bằng vũ khí tư tưởng; mặt khác, khi cố tình thay đổi nó một cách chủ quan bằng sự ngăn cấm hay cưỡng bức thì hậu quả là kích thích tính cuồng tín. Do vậy, tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là sự lựa chọn đúng đắn.

Là người mác-xít chân chính, Hồ Chí Minh trung thành với nguyên tắc căn bản đó. Người đã có những vận dụng phù hợp hoàn cảnh Việt Nam và đặc biệt, có những sáng tạo mới, đóng góp mới. Thừa nhận người dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và triệt để tôn trọng, thực hiện quyền tự do này là nguyên tắc nhất quán trong tư tưởng và hành động của Hồ Chí Minh. Bằng chứng là, chỉ một ngày sau ngày độc lập, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ, Hồ Chí Minh đề nghị: "Thực dân phong kiến thi hành chính sách chia rẽ đồng bào Giáo và đồng bào Lương, để dễ thống trị. Tôi đề nghị Chính phủ ta tuyên bố: TÍN NGƯỠNG TỰ DO và Lương Giáo đoàn kết"(2). Trong cuộc tổng tuyển cử bầu ra các đại biểu của Quốc hội khóa I, Hồ Chủ tịch tuyên bố: "Trong cuộc Tổng tuyển cử, hễ là những người muốn lo việc nước thì đều có quyền ra ứng cử, hễ là công dân thì đều có quyền đi bầu cử. Không chia gái trai, giàu nghèo, tôn giáo, nòi giống, giai cấp, đảng phái, hễ là công dân Việt Nam thì đều có hai quyền đó"(3).

Không chỉ thừa nhận người dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, Hồ Chí Minh còn chủ trương thực hiện quyền tự do đó trong thực tế. Chính Người đã chỉ đạo, tham gia soạn thảo, ký ban hành nhiều văn bản pháp luật quy định cụ thể về quyền này. Các văn bản luật pháp ấy là sự xác nhận pháp lý mà nhờ đó quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo được thực thi. Đánh giá về việc chính quyền cách mạng công nhận trong Bản Hiến pháp đầu tiên năm 1946: "Mọi công dân Việt Nam có quyền tự do tín ngưỡng", một chức sắc của đạo Công giáo cho đó là "bằng cứ bằng vàng" và nhận xét: "Bác và Đảng đã long trọng pháp chế hóa chủ trương rõ ràng đó bằng cách ghi quyền tự do tín ngưỡng vào số các quyền tự do dân chủ trong Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, được Quốc hội khóa I thông qua ngày 2-3-1946, đúng thời điểm mà đế quốc Pháp lại lợi dụng tôn giáo một cách trắng trợn khi trao cho một linh mục dòng Ca-mê-lô là Thierry d'Argenlieu cầm đầu đoàn quân viễn chinh tái chiếm Đông Dương. Thật là bi hùng"(4).

Nghiên cứu lại các văn bản pháp luật về tôn giáo mà Hồ Chủ tịch đã ký ban hành, ta thấy, nội dung quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo được thể chế rất cụ thể, phù hợp hoàn cảnh Việt Nam. Đặc biệt, trong nội dung đó, tinh thần cơ bản phù hợp với nhiều văn bản của công pháp quốc tế hiện hành. Chẳng hạn, Điều 18 của Tuyên ngôn thế giới về quyền con người ghi "Mọi người đều có quyền tự do tư tưởng, nhận thức và tôn giáo. Quyền này bao gồm quyền tự do thay đổi tín ngưỡng hoặc tôn giáo của mình và tự do, hoặc một mình hoặc trong cộng đồng với những người khác, tại nơi công cộng hoặc riêng tư, thể hiện tín ngưỡng hay tôn giáo của mình bằng cách truyền giảng, thực hành, thờ phụng và tuân thủ các nghi lễ" thì trong Sắc lệnh số 234/SL, ngày 14-6-1955, do Hồ Chí Minh ký, Điều 1 ghi: "Chính phủ bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và tự do thờ cúng, quyền theo hoặc không theo bất cứ tôn giáo nào"; "tự do giảng đạo tại các cơ quan tôn giáo" và "khi truyền bá tôn giáo". Sắc lệnh số 234/SL còn thừa nhận, các tổ chức tôn giáo được sử dụng sách báo tôn giáo (Điều 4), quyền "được mở trường đào tạo những người chuyên hoạt động tôn giáo" (Điều 5) và khẳng định Chính phủ bảo hộ các cơ sở thờ tự (Điều 6). Thậm chí, Điều 9 chương II còn

(2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t 4, tr 9

(3) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 4, tr 133

(4) Xem: *Công giáo và Dân tộc*, số 10/8/1986


Digitized by Google

xác định, "các tôn giáo được phép mở trường tư thục" theo "chương trình giáo dục của Chính phủ". Tiến xa hơn, Điều 15 thừa nhận, Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa coi việc tự do tín ngưỡng, tự do thờ cúng là *một quyền lợi* của nhân dân và luôn tôn trọng và giúp đỡ nhân dân thực hiện nó. Điều này chứng tỏ theo Hồ Chí Minh, tự do tôn giáo không chỉ là một quyền cơ bản của con người mà cao hơn, Nhà nước phải có trách nhiệm thực hiện quyền ấy, tạo điều kiện cho nó được thuận lợi. Điều này thật sự không dễ dàng, nhất là trong bối cảnh Việt Nam sau năm 1954.

Trở lại không gian lịch sử của cách mạng Việt Nam từ sau năm 1945 cho đến sau ngày miền Bắc hoàn toàn giải phóng (1954), ta thấy, các thế lực chính trị phản động ráo riết lợi dụng các vấn đề tôn giáo để chống phá cách mạng; một bộ phận chức sắc, tín đồ các tôn giáo sa ngã, chấp nhận con đường chống lại dân tộc; gần 60 vạn người Công giáo ở miền Bắc bị lừa gạt, ồ ạt di cư vào Nam... Thực tế ấy là những áp lực to lớn khiến người ta, dù là ai cũng phải thận trọng. Tuy nhiên, với tư cách là một nhà cách mạng, một nhà văn hóa, Hồ Chí Minh đã có một cách nhìn chính xác để có một cách giải quyết thỏa đáng.

Như đã trình bày ở trên, Hồ Chí Minh không những không ngăn cản tự do tôn giáo mà còn xem tự do tín ngưỡng, tự do thờ cúng là một quyền lợi. Người đã nhiều lần viết báo vạch trần thủ đoạn lợi dụng tôn giáo của các thế lực thù địch, lường gạt một bộ phận đồng bào nhẹ dạ cả tin và công khai bày tỏ quan điểm của Chính phủ, kiên trì giải thích các quan điểm đó cho đồng bào có đạo để họ không hiểu lầm chính sách của cách mạng. Trong thư gửi đồng bào Hồng Quảng, ngày 28-4-1955, Người viết: "Đồng bào các tôn giáo có quyền tự do tín ngưỡng, tự do thờ cúng, chớ mắc mưu những kẻ tuyên truyền lừa bịp"[5]. Trong thư chúc mừng đồng bào Công giáo nhân dịp Nô-en năm 1954, khi đề cập đến vấn đề đồng bào Công giáo di cư, Người viết: "Nhân dịp này, tôi xin nhắc lại cho đồng bào rõ, Chính phủ ta thật thà tôn trọng tín ngưỡng tự do. Đối với những giáo hữu đã nhầm di cư vào Nam, Chính phủ đã ra lệnh cho địa phương giữ gìn cẩn thận ruộng vườn, tài sản của những đồng bào ấy và sẽ giao trả lại cho những người trở về"[6]. Trong "Lời nhắn nhủ đồng bào Công giáo đã di cư vào Nam", tháng 4-1955, tư tưởng trên đây được Hồ Chí Minh tái khẳng định. Người viết: "người muốn đi, thì Chính phủ để tự do đi, nhưng nay gặp tai nạn, chắc nhiều người muốn trở về. Vậy, tôi thay mặt Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa an ủi và nhắn nhủ những đồng bào ấy, để được yên ổn thờ Chúa và làm ăn, nhân dân và Chính phủ sẵn sàng hoan nghênh và giúp đỡ"[7].

Vì lẽ ấy, người có đạo tin tưởng vào Người, tin tưởng vào cách mạng. Sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố.

Tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân, trong nội dung của nó, theo Hồ Chí Minh còn bao hàm một phương diện thứ hai. Đó là, chống âm mưu và hoạt động lợi dụng tôn giáo nhằm trục lợi cho cá nhân hay tập đoàn trái lợi ích chân chính của dân tộc. Khía cạnh này có một tầm quan trọng đặc biệt nhằm bảo đảm cho việc thực thi quyền tự do của cá nhân không ảnh hưởng nguy hại cho người khác, cho xã hội. Trong Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của nước Pháp năm 1789, hay trong các văn bản luật pháp quốc tế hiện hành, vấn đề này đều được khẳng định.

Trong điều kiện Việt Nam, một dân tộc luôn phải đối mặt với các thế lực ngoại xâm mà thế lực nào cũng tìm mọi cách lợi dụng tôn giáo thì phương diện thứ hai của quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo có một tầm quan trọng đặc biệt. Đây là một bước tiến nhằm làm cho quyền tự do đó được hiểu và thực thi một cách đúng đắn, phù hợp với yêu cầu xã hội. Chính ở phương diện này, Hồ Chí Minh đã có những sáng tạo mới. Người cho rằng, quyền tự do của cá nhân phải phù hợp yêu cầu chung của xã hội và phấn đấu

---

(5), (6), (7) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 7, tr 528, tr 416 - 417, tr 533


Digitized by Google

vì lợi ích chung, về thực chất, nhằm bảo đảm cho quyền lợi của cá nhân có điều kiện để thực hiện. Vì vậy, nước có độc lập thì tôn giáo mới được tự do và ngược lại, dân tộc nô lệ thì tôn giáo cũng không tự do. Người nói: "Chính phủ cùng toàn thể đồng bào Việt Nam kiên quyết chiến đấu, tranh quyền thống nhất và độc lập cho nước nhà để cho văn hóa cũng như chính trị và kinh tế, tín ngưỡng, đạo đức đều phát triển tự do"(8). "Từ ngày nước ta trở nên Dân chủ Cộng hòa, Hiến pháp ta tôn trọng tự do tín ngưỡng, thì Phật giáo cũng phát triển một cách thuận tiện.

Thế là: Nước có độc lập, thì đạo Phật mới dễ mở mang"(9).

Từ tư tưởng trên, suy rộng ra, những kẻ đi ngược lại lợi ích chân chính của dân tộc, cam tâm làm tay sai cho ngoại xâm, họ không phải là tín đồ chân chính bởi các tôn giáo chân chính, những người sáng lập các tôn giáo chân chính đều có điểm chung là muốn cho nhân loại được hòa bình, được hạnh phúc. Hồ Chí Minh khẳng định điều này khi cho rằng, Phật sinh ra cũng để nhằm "lợi lạc quần sinh, vô ngã vị tha" và Chúa Giê-su dạy "Đạo đức là bác ái".

Ngoài hai phương diện cực kỳ quan trọng trong cách hiểu về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo như đã trình bày ở trên, Hồ Chí Minh còn thừa nhận, tự do tín ngưỡng chân chính phải đồng thời với thực hiện bình đẳng tôn giáo. Điều này có nghĩa đã là niềm tin chân chính thì không có sự phân biệt cao thấp. Tất cả đều phải được tôn trọng. Người nói: "Tín đồ Phật giáo tin ở Phật; tín đồ Gia-tô tin ở đức Chúa Trời; cũng như chúng ta tin ở đạo Khổng. Đó là những vị chí tôn nên chúng ta tin tưởng"(10). Tư tưởng trên đây là cơ sở, nền tảng để Đảng Cộng sản Việt Nam thực thi chính sách "Bình đẳng tôn giáo". Vì vậy, ở Việt Nam, một quốc gia có nhiều tôn giáo tồn tại; có tôn giáo có số lượng tín đồ đông, lịch sử tồn tại dài, có tôn giáo số lượng tín đồ ít, lịch sử tồn tại ngắn song tất cả đều được tôn trọng, được luật pháp bảo hộ. Vấn đề này, tự nó đã đưa tư tưởng Hồ Chí Minh đạt đến những giá trị của thời đại bởi trong xã hội hiện đại, mặc dù tự do tôn giáo được thừa nhận, được xem là thiêng liêng và không thể xâm phạm song trên thực tế ở nhiều nước, vẫn có quốc đạo, những tôn giáo nhỏ yếu vẫn bị chèn ép. Nhân danh bảo vệ quyền tự do của con người, nhiều thế lực chính trị vẫn không ngần ngại lợi dụng những quyền ấy để trục lợi và nguyên tắc nhà thờ tách khỏi nhà nước cũng không phải đã được thực thi triệt để.

Là người cộng sản chân chính, am tường văn hóa, lịch sử của dân tộc, Hồ Chí Minh nhận thấy, không chỉ Việt Nam là quốc gia đa tôn giáo mà tuyệt đại đa số tín đồ tôn giáo là người lao động, yêu nước. Nhờ hiểu biết này mà trong ứng xử thực tế với tôn giáo, với người có đạo, Hồ Chí Minh đã làm giảm thiểu những bất đồng về mặt thế giới quan. Điều này nếu không được ứng xử tốt sẽ tạo nguy cơ đưa các tôn giáo đến chỗ xung đột, làm cho sự khác biệt về thế giới quan giữa tôn giáo với cách mạng thêm sâu sắc. Vì lẽ đó, Người tôn trọng mọi niềm tin chân chính và hướng mọi nỗ lực của mọi người Việt Nam vào mục tiêu chung là độc lập dân tộc, tự do hạnh phúc cho đồng bào. Trong tư tưởng và hành động, Hồ Chí Minh chú trọng khai thác chữ "Đồng", xem đó là phương thức để giảm thiểu dị biệt, hướng người Việt Nam vào việc thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc, tự do hạnh phúc cho con người. Trong thư gửi đồng bào Công giáo nhân dịp Nô-en năm 1953, Người viết: "Chúng ta kháng chiến cứu nước, thi đua tăng gia sản xuất và tiết kiệm, cải cách ruộng đất làm cho người cày có ruộng, tín ngưỡng tự do. Như thế là những việc Chính phủ và nhân dân ta làm, đều hợp với tinh thần Phúc âm. Cho nên tôi chúc đồng bào công giáo làm trọn chính sách của Chính phủ cũng là làm trọn tinh thần của Chúa Cơ đốc"(11). Có thể nói, đó là một đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo.

Chúng ta nhận thấy, sau thắng lợi của cách mạng tư sản, lần đầu tiên, quyền tự do tín

---

(8), (9) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 5, tr 131, tr 197

(10) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 4, tr 148

(11) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 7, tr 197



Digitized by Google

ngưỡng, tôn giáo được xác tín. Có thể nói, đó là một thành quả, một bước tiến vĩ đại của tiến bộ xã hội được kết tinh. Điều này là dễ hiểu bởi hơn ngàn năm phong kiến ở Tây Âu, dường như khái niệm "Tự do" đã không có cơ sở tồn tại. Người ta chỉ được biết và chỉ được lựa chọn duy nhất một niềm tin - niềm tin Ki-tô. Ở phương Đông phong kiến cũng vậy, bởi vua là thiên tử - con trời - và thần dân là sở hữu của vua nên tự do chỉ là giá trị của một người. Trong bối cảnh mới, nhiều quốc gia tư sản đã từng bước thể chế hóa quyền tự do (trong đó có tự do tín ngưỡng, tôn giáo) qua hệ thống luật pháp. Sự thay đổi này đã tạo cơ sở pháp lý cho việc thực thi các quyền cơ bản của con người trong thực tế và ở mức độ nhất định, đã tạo ra những biên độ rộng lớn hơn để con người bộc lộ nhân tính. Tuy nhiên, việc thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo nói riêng, quyền tự do nói chung không phải không có những trở ngại mà đôi khi những trở ngại đó làm biến dạng cả quan niệm về tự do theo nghĩa chân chính nhất. Đặc biệt, tôn giáo vẫn bị các thế lực chính trị lợi dụng và nguyên tắc tách nhà thờ khỏi nhà nước không được thực hiện đúng. Việc thực dân Pháp lợi dụng đạo Ki-tô trong quá trình xâm lược Việt Nam trước đây hay tập đoàn Ta-li-ban ở Áp- ga-ni-xtan áp đặt những luật lệ hà khắc của Hồi giáo vào xã hội thế tục là những ví dụ. Ở Việt Nam gần đây cũng vậy. Sự kiện chính trị - xã hội diễn ra tháng 2 năm 2001, vụ gây rối ngày 10-4-2004 vừa qua xảy ra ở một số tỉnh Tây Nguyên đã cho thấy, các thế lực phản động vẫn không từ bỏ âm mưu lợi dụng tôn giáo phá hoại sự nghiệp xây dựng hòa bình của dân tộc Việt Nam.

Tuy nhiên, các diễn biến phức tạp đó còn có những lý do khác. Chẳng hạn, đó là sự yếu kém của hệ thống chính trị cơ sở và đời sống của một bộ phận dân cư nhìn chung còn thấp. Lợi dụng tình hình ấy, các thế lực thù địch đẩy mạnh việc tuyên truyền xuyên tạc Nhà nước Việt Nam vi phạm nhân quyền, phân biệt đối xử với đồng bào dân tộc thiểu số, với người có đạo, gây mất ổn định chính trị xã hội, mưu toan thành lập cái gọi là "Nhà nước Đề Ga" độc lập.

Nhận rõ thực chất của vấn đề này, ngay từ buổi đầu đất nước độc lập, Hồ Chí Minh một mặt chủ trương thực hiện quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân, đấu tranh chống các hoạt động lợi dụng tôn giáo và mặt khác đẩy mạnh việc nâng cao đời sống mọi mặt của người có đạo. Người cho rằng, với con người, quyền được sống, được tự do, được mưu cầu hạnh phúc là quyền tối cao và một khi nhân dân còn đói, còn rét, còn khổ thì các quyền cơ bản của con người không có điều kiện để thực hiện đầy đủ, đúng đắn. Vì thế, bên cạnh việc chống giặc ngoại xâm, Người còn phát động phong trào diệt giặc đói, diệt giặc dốt. Chủ trương và hành động sáng suốt đó, về thực chất, là cách để thực thi quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo trong thực tế. Như vậy, ở Hồ Chí Minh, quyền con người, ngay từ đầu đã được quan niệm là một hệ thống các quyền gắn bó chặt chẽ với nhau. Tư tưởng đó, gần đây, khi sự phân hóa xã hội trở nên cực kỳ sâu sắc mới được phản ánh trong các quan niệm của Liên hợp quốc.

Với cách mạng Việt Nam, nhờ định hướng đúng đắn ấy mà những người cộng sản có thể đoàn kết rộng rãi các tầng lớp dân cư, tiến hành sự nghiệp đấu tranh giành, giữ độc lập dân tộc, chống lại một cách có hiệu quả các âm mưu và hoạt động lợi dụng tôn giáo của các thế lực thù địch.

Trong điều kiện hiện nay, việc Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương đẩy mạnh phát triển kinh tế, thực hiện xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống mọi mặt cho nhân dân - về thực chất - là sự tiếp tục tư tưởng Hồ Chí Minh. Chúng ta hy vọng và tin tưởng chủ trương đó sẽ mang lại hiệu quả thiết thực cho mọi tầng lớp dân cư, tạo cơ sở hiện thực cho việc thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo ngày càng tốt hơn kể cả từ phía người dân và kể cả từ phía nhà nước. Chủ trương đó, nhất định sẽ giành được sự đồng tình, ủng hộ từ phía những tín đồ tôn giáo chân chính và các hoạt động lợi dụng tôn giáo của các thế lực phản động sẽ được ngăn ngừa. Trong điều kiện đó, sự đồng thuận xã hội sẽ được tăng cường và mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh sẽ được thực hiện. ❑


Digitized by Google

# TƯ TƯỞNG QUYỀN LỰC NHÀ NƯỚC THUỘC VỀ NHÂN DÂN CỦA HỒ CHÍ MINH

TRẦN NGỌC LIÊU *

Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước là một tài sản quý giá trong di sản cách mạng của Người. Nó chứa đựng những giá trị to lớn cả về phương diện lý luận và thực tiễn đối với cách mạng Việt Nam nói chung, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nói riêng.

Hồ Chí Minh là người cộng sản Việt Nam đầu tiên đã lĩnh hội những nội dung cốt lõi trong học thuyết cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, trong đó, có vấn đề nhà nước và quyền lực nhà nước; mặt khác, là người am hiểu sâu sắc văn hóa chính trị phương Đông và Việt Nam. Với một trí tuệ phi thường, Hồ Chí Minh đã kế thừa, vận dụng và phát triển sáng tạo những tinh hoa tư tưởng của nhân loại trên cơ sở những yêu cầu của thực tiễn cách mạng Việt Nam và từ đó xây dựng nên những tư tưởng của riêng mình với những nét độc đáo hiếm thấy.

Hồ Chí Minh sớm ý thức vấn đề quyền lực chính trị. Vấn đề nhà nước được Người đặc biệt coi trọng và từng bước giải quyết triệt để cả về phương diện lý luận và thực tiễn, nhất là bằng thực tiễn của cuộc cách mạng của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Tìm hiểu tư tưởng của Người về nhà nước gắn với việc nhận thức và xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay, cần xuất phát từ *hạt nhân tư tưởng về quyền lực và chủ thể quyền lực nhà nước, từ đó triển khai thành các tư tưởng về cơ chế tổ chức và vận hành quyền lực nhà nước.*

Ngay từ những năm 20 (thế kỷ XX), Hồ Chí Minh đã phê phán một cách quyết liệt bản chất của bộ máy nhà nước thực dân. Người vạch trần bản chất xấu xa của chế độ thực dân đế quốc bên trong cái vỏ hào nhoáng khai hóa văn minh trước công luận; và qua đó, Người chuẩn bị cho mình những cơ sở lý luận và thực tiễn để hình thành nên tư tưởng về một nhà nước kiểu mới, thật sự dân chủ. Điều này thể hiện rõ trong tác phẩm *Đường Kách mệnh* - giáo khoa thư chính trị đầu tiên của cách mạng Việt Nam. Người viết: "Chúng ta đã hy sinh làm cách mệnh, thì nên làm cho đến nơi, nghĩa là làm sao cách mệnh rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người. Thế mới khỏi hy sinh nhiều lần, thế dân chúng mới hạnh phúc"[1]. *Quan điểm quyền lực chính trị thuộc về nhân dân và phục vụ cho lợi ích của nhân dân* là cốt lõi và xuyên suốt trong tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước. Tất cả những nhận thức đó tiếp tục được phát triển không ngừng trong tư tưởng của Người gắn liền với những chặng đường tiếp theo của cách mạng Việt Nam.

Người thường dùng khái niệm "ủy thác" để nói đến việc nhân dân trao một phần quyền lực của mình cho nhà nước. Quyền lực

* Phó Chủ nhiệm Bộ môn Khoa học quản lý, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t 2, tr 270



Digitized by Google

của nhà nước từ trung ương đến địa phương, từ Chủ tịch nước đến cán bộ làng đều do nhân dân "ủy thác" cho. Khi hết một nhiệm kỳ, Chính phủ sẽ phải trao lại quyền cho nhân dân và nhân dân sẽ trao quyền ấy cho một Chính phủ ở nhiệm kỳ mới do dân "tuyển cử". Các khái niệm "ủy thác", "giao quyền" là những khái niệm chính trị học và ở Hồ Chí Minh, các khái niệm ấy gắn chặt với nhân dân, là sự khẳng định quyền lực thuộc về nhân dân.

Người còn thường xuyên gắn cụm từ nhân dân với các khái niệm Nhà nước, Chính phủ, Quốc hội, v.v.. Ví dụ, trong giai đoạn 1945 - 1946, các cụm từ "Nhà nước nhân dân", "Chính phủ nhân dân" có tần số xuất hiện rất cao trong các bài viết, bài nói của Người. Những cụm từ này được Người sử dụng với đối tượng là các cán bộ nhà nước các cấp và đặc biệt là với nhân dân. Đó là sự khẳng định tính nhân dân của Nhà nước, là sự khẳng định của một vị Chủ tịch nước và do vậy, với tất cả giá trị thực tiễn và tính phổ quát của một tuyên bố chính trị, đặc biệt trong một xã hội mang đậm dấu ấn của xã hội phương Đông truyền thống như Việt Nam, nó có sức cải tạo xã hội rất lớn. Sự khẳng định đó nhắc nhở các cán bộ nhà nước phải luôn ghi nhớ quyền hạn và trách nhiệm của mình cũng như giáo dục cho nhân dân về một địa vị hoàn toàn mới của họ.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước, tư tưởng về *dân chủ* - với ý nghĩa là bản chất của quyền lực nhà nước và phương thức tổ chức, triển khai quyền lực nhà nước là một nét đặc sắc. Theo Người, dân chủ hiểu một cách chung nhất là *quyền lực chính trị thuộc về nhân dân*. Ở nước ta, chính quyền là của nhân dân, do *nhân dân làm chủ;* và, "Nhân dân là *ông chủ* nắm chính quyền. Nhân dân bầu ra đại biểu thay mặt mình thi hành chính quyền ấy. Thế là *dân chủ*" (2).

Địa vị làm chủ của người dân, tức là quan hệ của người dân với quyền lực nhà nước, được Hồ Chí Minh làm rõ trong quan hệ với đội ngũ cán bộ nhà nước - những người trực tiếp thi hành quyền lực nhà nước. Người viết: Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ. Trong bộ máy cách mạng, từ người quét nhà, nấu ăn cho đến Chủ tịch nước đều là phân công làm đày tớ cho dân. Người căn dặn cán bộ nhà nước: Phải nhớ rằng dân là chủ. Dân như nước, mình như cá. Lực lượng bao nhiêu là nhờ ở dân hết. Khi nói tới tư cách công bộc của cán bộ nhà nước đối với nhân dân, Hồ Chí Minh khẳng định, mục đích hoạt động của họ là vì lợi ích chung. Người nói: Những người trúng cử (vào bộ máy nhà nước), sẽ phải ra sức giữ vững nền độc lập của Tổ quốc, ra sức mưu sự hạnh phúc cho đồng bào. Phải luôn luôn nhớ và thực hành câu: Vì lợi nước, quên lợi nhà; vì lợi chung, quên lợi riêng. Người khẳng định: Làm việc nước bây giờ là hy sinh, là phấn đấu, quên lợi riêng mà nghĩ lợi chung. Những ai muốn làm quan cách mạng thì nhất định không nên bầu. Nếu dân là chủ thì nhà nước, cán bộ nhà nước là công bộc của dân. Đây là một sáng tạo độc đáo của Hồ Chí Minh. Chính tư tưởng này đã chỉ rõ sự đối lập về chất của Nhà nước nhân dân với nhà nước phong kiến, nhà nước thực dân. Người căn dặn các cán bộ nhà nước phải luôn ghi nhớ rằng các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc đến các làng đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh vác việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của thực dân Pháp, phát xít Nhật. Ở đây, ta thấy Hồ Chí Minh đã chỉ ra nội hàm của khái niệm "công bộc của dân", và có thể hiểu đây là một định nghĩa của Hồ Chí Minh về chức năng của Nhà nước mà ý nghĩa sâu sắc của nó vẫn còn giữ nguyên tính thời sự và cần được quán triệt trong công cuộc xây dựng Nhà nước ta hiện nay.

Hồ Chí Minh đòi hỏi rất cao đối với cán bộ nhà nước. Họ cần phải có rất nhiều phẩm chất, song tựu trung họ phải thực sự vì dân mà làm việc. Họ cần có bốn đức tính là: cần, kiệm,

(2) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 7, tr 218 - 219


Digitized by Google

liêm, chính; vì lợi nước, quên lợi nhà; vì lợi chung, quên lợi riêng; làm việc nước bây giờ là hy sinh, là phấn đấu...; phải ghi sâu những chữ *công bình chính trực* vào lòng; phải có một tinh thần chí công vô tư; nếu muốn *danh, lợi* thì danh làm sao cho dân tộc mình có *danh* với thế giới, và lợi làm thế nào cho tranh được *lợi* với thế giới - đó là *danh chính* và *lợi chính*...

Cán bộ nhà nước phải làm sao để nhân dân yêu quý, khi sắp tới dân mong, khi đi dân nhớ. Muốn thế trước hết cán bộ phải yêu quý nhân dân, phải đặt lợi ích của nhân dân lên trên hết, phải kính trọng nhân dân, tôn trọng nhân cách của họ. Người chỉ rõ: Muốn được dân yêu, muốn được lòng dân, việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh. Phải chú ý giải quyết các vấn đề, đặc biệt là những vấn đề quan hệ đến đời sống nhân dân, dầu khó khăn đến đâu cũng mặc lòng. Nói tóm lại, hết thảy những việc có thể nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của dân phải được đặc biệt chú ý.

Khái niệm dân chủ còn được Hồ Chí Minh làm rõ trong quan hệ của nó với khái niệm chuyên chính. Người viết: "*Dân chủ* là của quý báu nhất của nhân dân, chuyên chính là cái khóa, cái cửa để đề phòng kẻ phá hoại, nếu hòm không có khóa, nhà không có cửa thì sẽ mất cắp hết. Cho nên có cửa phải có khóa, có nhà phải có cửa. Thế thì dân chủ cũng cần phải có chuyên chính để giữ gìn lấy dân chủ"[3]; và, "Nhà nước ta cũng là nhà nước của đại đa số nhân dân, để thống trị thiểu số phản động, để giữ gìn lợi ích của nhân dân, bằng cách *dân chủ chuyên chính* của nhân dân"[4].

Tư tưởng về dân chủ của Hồ Chí Minh được xây dựng trên cơ sở nhận thức về sức mạnh vô địch của nhân dân. Người viết: *Nhân* có nghĩa là nhân dân. Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân. Và, Người đã đưa ra một quan điểm toàn diện về dân chủ: NƯỚC TA LÀ NƯỚC DÂN CHỦ: Bao nhiêu lợi ích đều *vì dân*. Bao nhiêu quyền hạn đều *của dân*. Công việc đổi mới, xây dựng là *trách nhiệm của dân*. Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là *công việc của dân*. Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương *do dân cử ra*. Đoàn thể từ trung ương đến xã *do dân tổ chức nên*. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng *đều ở nơi dân*.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, nhân dân với tư cách là chủ thể quyền lực nhà nước được hiểu là toàn thể nhân dân chỉ trừ bọn phản quốc hại dân. Người viết: ...Chính phủ này là hoàn toàn của nhân dân chứ không phải thuộc riêng gì một đảng phái hay một đoàn thể nào; và, Chính phủ này là Chính phủ toàn quốc, có đủ nhân tài Trung, Nam, Bắc tham gia. Xuất phát từ yêu thương quý trọng nhân dân, Người thấy rõ nguồn sức mạnh vô tận của khối đại đoàn kết dân tộc, mọi mưu đồ đề cao lợi ích vị kỷ của một bộ phận người đi ra ngoài con đường của cả dân tộc hoặc sẽ bị đào thải, hoặc sẽ làm tổn hại đến khối đại đoàn kết mà kết quả đều làm cho đất nước lâm nguy. Người chỉ rõ, phải thực hiện cho được khối đại đoàn kết dân tộc. Chỉ có thế, nhân dân mới có đủ sức mạnh để giành, giữ và thực thi quyền lực của mình, trong đó có quyền lực nhà nước.

Hồ Chí Minh cho rằng, quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân gắn liền với việc nhà nước phải làm tất cả để đem lại một cuộc sống hạnh phúc cho nhân dân. Người nói: Chính phủ ta đã hứa với dân, sẽ gắng sức là cho ai nấy đều có hạnh phúc. Trong việc kiến thiết nước nhà, sửa sang mọi việc, phải làm dần dần, không thể một tháng, một năm mà làm được hết. Song, ngay từ lúc đầu, chúng ta phải theo đúng phương châm: Đem lại lợi ích cho tất cả mọi người dân; làm sao để nhà nước thực sự là đại diện cho lợi ích của nhân dân.

Xuất phát từ tư tưởng nhân dân là chủ thể của quyền lực chính trị, tư tưởng dân chủ của

---

(3) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 8, tr 279 - 280

(4) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 7, tr 216 - 217


Digitized by Google

Hồ Chí Minh được phát triển thành nhân dân là chủ thể của nhà nước. Vì thế, việc nhận thức tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước phải được đặt trên cơ sở coi vấn đề nhà nước là một khía cạnh trong tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ. Nhà nước, theo Người, là của nhân dân "Nhà nước ta phát huy dân chủ đến cao độ, đó là do tính chất Nhà nước ta là Nhà nước của nhân dân. Có phát huy dân chủ đến cao độ thì mới động viên được tất cả lực lượng của nhân dân đưa cách mạng tiến lên. Đồng thời phải tập trung đến cao độ để thống nhất lãnh đạo nhân dân xây dựng chủ nghĩa xã hội"(5). Nhân dân sử dụng Nhà nước như một công cụ để thực hiện lợi ích của mình: đối với nhân dân, thì công cụ của nhà nước dân chủ mới (Chính phủ, pháp luật, công an, quân đội, v.v..) là để giữ gìn quyền lợi của nhân dân.

Khi bàn về vai trò của Nhà nước, Hồ Chí Minh đã đưa ra quan điểm về nhân dân quản lý nhà nước. Điều đáng lưu ý là, việc nhà nước tiến hành các hoạt động nhằm mục đích phục vụ lợi ích của nhân dân, thì đồng thời, đó cũng chính là nhằm tạo điều kiện để nhân dân có thể tham gia quản lý nhà nước. Người viết: "... chỉ có chế độ của chúng ta mới thật sự phục vụ lợi ích của nhân dân, trước hết là nhân dân lao động, bảo đảm mọi quyền lợi của nhân dân, mở rộng dân chủ để nhân dân thật sự tham gia quản lý Nhà nước. Vì vậy cho nên nhân dân ta đưa hết khả năng làm tròn nhiệm vụ người chủ nước nhà để xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm cho nước ta mạnh, dân ta giàu"(6).

Tư tưởng quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân của Hồ Chí Minh còn thể hiện trên mấy phương diện sau:

*Thứ nhất,* về pháp luật, Người viết: Pháp luật của chúng ta hiện nay bảo vệ quyền lợi cho hàng triệu người lao động. Pháp luật của ta lúc này, chưa tước bỏ quyền tư hữu, nhưng không ai được lợi dụng quyền tư hữu để bóc lột thậm tệ nhân dân lao động. Pháp luật của ta là pháp luật thật sự dân chủ, vì nó bảo vệ quyền tự do, dân chủ rộng rãi cho nhân dân lao động. Người khẳng định, "Phép luật là phép luật của nhân dân, dùng để ngăn cản những hành động có hại cho nhân dân, để bảo vệ lợi ích chung của đại đa số nhân dân"(7). Vì vậy, để có một "chính quyền trong sạch", phải kiên quyết trừng trị những kẻ lợi dụng việc được nhân dân giao quyền, rồi cậy quyền cậy thế đi ngược lại lợi ích của nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cương quyết xử lý một số cán bộ cao cấp của Nhà nước vi phạm pháp luật và Người luôn nhắc nhở: Chúng ta không sợ sai lầm, nhưng đã nhận biết sai lầm thì phải ra sức sửa chữa. Vậy nên, ai không phạm những lầm lỗi trên này, thì nên chú ý tránh đi, và gắng sức cho thêm tiến bộ. Ai đã phạm những lỗi lầm trên này, thì phải hết sức sửa chữa; nếu không tự sửa chữa thì Chính phủ sẽ không khoan dung.

*Thứ hai,* về tổ chức bộ máy nhà nước, Hồ Chí Minh nhiều lần nêu ra quan điểm về ba bộ phận cấu thành quan trọng của Nhà nước, đó là cơ quan lập pháp - Quốc hội; cơ quan hành pháp - Chính phủ và cơ quan tư pháp - Tòa án. Trong đó, Người nói đến Chính phủ nhiều nhất và cũng chính ở đây chứa đựng nhiều quan điểm có ý nghĩa to lớn về mặt lý luận và thực tiễn. Người viết: "Chính phủ ta là chính phủ của nhân dân, chỉ có một mục đích là ra sức phụng sự lợi ích của nhân dân. Chính phủ rất mong đồng bào giúp đỡ, đôn đốc, kiểm soát và phê bình để làm trọn nhiệm vụ của mình là người đày tớ trung thành tận tụy của nhân dân"(8). Người khẳng định: "Chế độ của ta là chế độ dân chủ. Nhân dân là chủ. Chính phủ là đày tớ của nhân dân. Nhân dân có quyền đôn đốc và phê bình Chính phủ. Chính phủ thì việc to việc nhỏ đều nhằm mục đích phục vụ lợi ích của nhân dân. Vì vậy, nhân dân lại có nhiệm vụ giúp đỡ Chính phủ, theo đúng kỷ luật của Chính phủ và làm đúng chính sách của Chính phủ,

(5), (6) Hồ Chí Minh: *Sđd,* t 9, tr 592, tr 593

(7) Hồ Chí Minh: *Sđd,* t 7, tr 453

(8) Hồ Chí Minh: *Sđd,* t 7, tr 361 - 362



Digitized by Google

để Chính phủ làm tròn phận sự mà nhân dân đã giao phó cho"[9]; và, "Chính phủ là công bộc của dân vậy. Các công việc của Chính phủ làm phải nhằm vào một mục đích duy nhất là mưu tự do hạnh phúc cho mọi người. Cho nên Chính phủ nhân dân bao giờ cũng phải đặt quyền lợi dân lên trên hết thảy. Việc gì có lợi cho dân thì làm. Việc gì có hại cho dân thì phải tránh"[10].

Lĩnh hội những giá trị trong tư tưởng chính trị truyền thống của dân tộc, lại được soi sáng bởi quan điểm duy vật biện chứng về lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, Hồ Chí Minh thấy ở nhân dân một lực lượng vô tận. Người đã đứng trên lập trường của nhân dân để xây dựng nên những tư tưởng của mình về nhà nước. Trong tư tưởng về nhà nước, nhân dân chiếm một vị trí cực kỳ quan trọng. Hồ Chí Minh tin tưởng vào sức mạnh to lớn của nhân dân, sức mạnh ấy một khi được tập hợp, tổ chức, định hướng sẽ tạo nên những kỳ tích to lớn, có thể làm thay đổi hoàn toàn bộ mặt lịch sử. Lịch sử cách mạng Việt Nam đã chứng minh niềm tin ấy của Hồ Chí Minh là hoàn toàn đúng đắn.

Chính trị là vấn đề nhà nước. Quyền lực chính trị là vấn đề trung tâm của mọi cuộc cách mạng xã hội. Ở Hồ Chí Minh, nhà nước là nhà nước của dân, do dân và vì dân; quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Nhà nước chẳng qua chỉ là một công cụ do nhân dân tạo ra, quyền lực nhà nước là do nhân dân ủy thác và nhân dân chính là nội dung của quyền lực đó, để giúp nhân dân thực hiện những khát vọng tốt đẹp của họ. Nhà nước là của dân và vì dân mà làm việc. Cán bộ nhà nước là công bộc của dân. Như thế, với Hồ Chí Minh, Nhà nước không bao giờ đứng ngoài và đứng trên nhân dân.

Gắn chính trị với lòng dân cũng có nghĩa là Hồ Chí Minh đã gắn chính trị với cơ sở xã hội sâu xa và bền vững của nó. Một quan niệm "đem chính trị vào giữa dân gian" như tư tưởng của Người là một quan niệm chính trị dân chủ về bản chất. Đã quan niệm chính trị như thế thì nhà chính trị nói riêng, nhà nước nói chung trở nên đầy sức mạnh bởi họ đang suy nghĩ bằng suy nghĩ của nhân dân, làm bằng phương thức nhân dân và nói tiếng nói của nhân dân. Họ sẽ có đủ bản lĩnh đương đầu với mọi khó khăn mà luôn chắc chắn một niềm tin vào chiến thắng.

Quan điểm chính trị nhân dân ở Hồ Chí Minh gắn liền với việc làm cho người dân có đủ khả năng đảm nhận vai trò làm chủ của mình. Người đặc biệt coi trọng việc giáo dục nhân dân. Ngay khi Nhà nước ta mới ra đời, Người khẳng định: Chúng ta có nhiệm vụ cấp bách là phải giáo dục lại nhân dân chúng ta. Chúng ta phải làm cho dân tộc chúng ta trở nên một dân tộc dũng cảm, yêu nước, yêu lao động, một dân tộc xứng đáng với nước Việt Nam độc lập. Người đề nghị mở một chiến dịch giáo dục lại tinh thần nhân dân bằng cách thực hiện: Cần, Kiệm, Liêm, Chính. Người cũng yêu cầu nhân dân: Mọi người Việt Nam phải biết quyền lợi của mình, phải có kiến thức để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà. Hồ Chí Minh yêu cầu người dân trước hết phải biết đọc biết viết để có thể tham gia vào công việc nhà nước. Điều này có nghĩa là, người dân muốn thực hiện vai trò làm chủ của mình, muốn thực hiện quyền lực cao quý của mình cần phải có những năng lực nhất định và Nhà nước phải làm sao để nhân dân có được những năng lực ấy.

Như vậy, trên cơ sở vận dụng học thuyết Mác - Lê-nin về nhà nước vào điều kiện cụ thể của cách mạng và xã hội Việt Nam, đặc biệt là, trên cơ sở nghiên cứu và tổng kết thực tiễn xây dựng chính quyền nhân dân, xây dựng chế độ xã hội mới, Hồ Chí Minh đã nêu ra một hệ thống các quan điểm về nhà nước kiểu mới ở Việt Nam. Đây thực sự là những chỉ dẫn quý báu cả về lý luận và thực tiễn đối với công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay. ❑

---

(9) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 7, tr 368

(10) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 4, tr 22


Digitized by Google

# PHONG TRÀO NHÂN DÂN THẾ GIỚI ỦNG HỘ VIỆT NAM KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1946-1954)

LÊ NGUYÊN *

TRÒN nửa thế kỷ trước đây, tại Điện Biên Phủ, quân và dân Việt Nam đã làm nên một chiến thắng lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu. Đánh giá về ý nghĩa, tầm vóc chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Chiến thắng Điện Biên Phủ đã kết thúc vẻ vang cuộc kháng chiến lâu dài gian khổ và anh dũng của nhân dân cả nước ta, chống thực dân Pháp xâm lược và sự can thiệp của đế quốc Mỹ. Đó là thắng lợi vĩ đại của nhân dân ta, mà cũng là thắng lợi chung của tất cả các dân tộc bị áp bức trên thế giới"(1).

Thật vậy, là một bộ phận khăng khít của phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, mỗi bước phát triển, mỗi thắng lợi của cách mạng Việt Nam đều có tác dụng cổ vũ, thúc đẩy cuộc đấu tranh của các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc, cũng như, mỗi thắng lợi của cuộc kháng chiến đó đều có sự ủng hộ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa, của nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới, kể cả nhân dân Pháp, và đặc biệt trong đó có phong trào giải phóng dân tộc.

Ngay từ những ngày đầu của cuộc kháng chiến, trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn, thiếu thốn, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ động triển khai các hoạt động ngoại giao để tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của nhân dân Pháp, nhân dân châu Á và thế giới, làm cho nhân dân thế giới hiểu rõ và ủng hộ sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân ta.

Nhạy bén trước những âm mưu kéo dài chiến tranh của các nước đế quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi lời kêu gọi tới Liên hợp quốc và Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, nêu rõ nguồn gốc và tình hình cuộc chiến tranh ở Đông Dương, qua đó đề nghị quốc tế ủng hộ việc vãn hồi hòa bình ở Việt Nam; tỏ rõ thiện chí của Việt Nam muốn mở rộng tiếp xúc và tuyên truyền quốc tế, phát triển ngoại giao nhân dân, tranh thủ sự ủng hộ của các lực lượng dân chủ tiến bộ trên thế giới đối với cuộc kháng chiến của nhân dân ta.

Đối với nước Pháp, chỉ trong một thời gian ngắn (từ cuối tháng 12-1946 đến đầu tháng 3-1947), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tám lần chính thức gửi thư và kêu gọi đến Quốc hội, Chính phủ và nhân dân Pháp. Người đòi phía Pháp đình chỉ chiến tranh, thực hiện thương lượng, nêu rõ mục tiêu kháng chiến của nhân dân ta, nhấn mạnh thiện chí của Chính phủ và nhân dân ta muốn hợp tác với nhân dân Pháp...; đồng thời, biểu thị thái độ đúng đắn trong việc phân biệt rõ bạn thù. Trong bức thư gửi Chính phủ và nhân dân Pháp nhân dịp năm mới 1947, Người viết: "Mong quốc dân Pháp hiểu rằng chúng tôi không thù hằn gì dân tộc Pháp. Chúng tôi bắt buộc phải chiến đấu, chống bọn thực dân phản động đang mưu mô xẻ cắt Tổ quốc chúng tôi, đưa chúng tôi vào vòng nô lệ và gieo rắc sự chia rẽ giữa hai dân tộc Pháp và Việt. Nhưng chúng tôi không chiến đấu chống

* Viện Lịch sử quân sự Việt Nam

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, t 11, tr 220

nước Pháp mới và quốc dân Pháp, chúng tôi lại còn muốn hợp tác thân ái"[2].

Đối với các nước châu Á và nhân dân thế giới, ngoài việc coi trọng xây dựng khối đoàn kết chiến đấu với nhân dân Lào và Cam-pu-chia, Chính phủ ta chủ trương tích cực tranh thủ và xây dựng quan hệ thân thiện với các nước trên cơ sở lập trường độc lập dân tộc, chống chủ nghĩa thực dân và thực hiện dân chủ. Ta vừa tranh thủ sự ủng hộ giúp đỡ của nhân dân tiến bộ trên thế giới vừa cố gắng góp phần vào sự nghiệp đoàn kết các dân tộc bị áp bức giành lại độc lập dân tộc. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra mối quan hệ tác động lẫn nhau giữa cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam với cuộc đấu tranh giải phóng của các nước thuộc địa Pháp nói chung và với vận mệnh của châu Á nói riêng. Người viết: "Việt Nam là một bộ phận trong đại gia đình châu Á... Vận mệnh dân tộc châu Á quan hệ mật thiết với vận mệnh dân tộc Việt Nam. Vận mệnh của các dân tộc thuộc địa Pháp cũng vậy. Chúng tôi mong được tất cả các dân tộc giúp đỡ"[3].

Chính sách phân biệt bạn, thù rõ ràng, đúng đắn của Đảng và Chính phủ ta đã làm cho nhân dân thế giới, trước hết là nhân dân Pháp và nhân dân châu Á hiểu và có cảm tình với cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân ta. Do vậy, một phong trào rộng rãi ủng hộ Việt Nam kháng chiến, lên án thực dân Pháp xâm lược dâng lên khắp nơi trên thế giới với nhiều hình thức đấu tranh phong phú như: mít tinh, biểu tình chống đưa quân sang Việt Nam, đòi chồng con đang ở Việt Nam hồi hương, bãi công của công nhân các bến cảng, không bốc dỡ hàng sang Việt Nam, cử người sang Việt Nam "chia lửa với nhân dân Việt Nam", ra sách, viết báo lên án thực dân, ca ngợi Việt Nam...

Ở châu Á, Đại hội đoàn kết đấu tranh cho độc lập dân tộc của các nước châu Á (Hội nghị Liên Á, tháng 3-1947) tại Niu Đê-li (Ấn Độ) ra lời kêu gọi nhân dân châu Á ủng hộ Việt Nam giành độc lập. Bên cạnh đó, báo chí tiến bộ của nhiều nước châu Á và châu Âu cũng đăng bài phản ánh cuộc chiến tranh Đông Dương, vạch rõ trách nhiệm gây chiến của Pháp và tin tưởng nhân dân Việt Nam nhất định thắng lợi. Từ tháng 1-1947, tại Ấn Độ, Miến Điện, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, đã dấy lên phong trào ủng hộ Việt Nam. Nhiều nhà hoạt động chính trị, tôn giáo có tên tuổi, nhiều vị trong chính phủ ở các nước trên hô hào thành lập các đội quân tình nguyện, các đội y tế sang chiến đấu và giúp đỡ Việt Nam. Phong trào được đông đảo các tầng lớp nhân dân hưởng ứng với khẩu hiệu: "Thanh niên không tiếc máu xương vì Việt Nam!", "Tương lai của châu Á đang được định đoạt ở chiến trường Việt Nam... Thanh niên châu Á phải cùng thanh niên Đông Dương nhỏ máu để xây dựng nền tự do ở châu Á"[4]. Nhân dân ở nhiều thành phố của Ấn Độ tổ chức biểu tình ủng hộ Việt Nam, hô vang khẩu hiệu: "Đả đảo đế quốc chủ nghĩa Tây Âu", "Hãy giúp đỡ nước Việt Nam can đảm". Ngày 21-1-1947, thanh niên thành phố Bom-bay thành lập "Đoàn xung phong sang Việt Nam tại Bom-bay". Ở Thái Lan và Miến Điện, chính phủ các nước này đã cho phép ta được đặt một tổ điện đài nghe thu các bài xã luận, tin tức, nghị quyết của Đảng Cộng sản Pháp, Liên Xô và một số nước khác. Từ đó phát về Việt Bắc để Trung ương thường xuyên nắm bắt được tình hình quốc tế. Chính phủ Pri-đi (Thái Lan) còn tạo điều kiện công ăn việc làm cho hàng chục ngàn Việt kiều, cho "mượn" đất làm căn cứ du kích, "cấp cho vũ khí đủ trang bị cho một số đơn vị nhỏ" để các đơn vị này trở về Việt Nam chiến đấu...

---

(2), (3) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 5, tr 3, 22, 24

(4) Phát biểu của ông S.S. Bô-dơ, Bộ trưởng Bộ Công chính Ấn Độ. Theo báo *Sự thật*, cơ quan ngôn luận của Hội Nghiên cứu chủ nghĩa C. Mác ở Đông Dương, số 70, ngày 4-4-1947


Digitized by Google

Ngay trên đất Pháp, phong trào phản đối chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp, ủng hộ Việt Nam kháng chiến cũng ngày càng phát triển. Đảng Cộng sản, những người tiến bộ và đông đảo nhân dân Pháp yêu cầu Chính phủ Pháp đình chỉ ngay chiến tranh và dàn xếp với Chính phủ ta. Tháng 3-1947, tại cuộc tranh luận về vấn đề Việt Nam do Quốc hội Pháp tổ chức, các đại biểu Đảng Cộng sản, một số nhân sĩ tiến bộ như Pi-e Cốt, chủ trương đình chỉ ngay cuộc chiến tranh để dàn xếp với chính phủ Hồ Chí Minh. Các đồng chí Lô-dơ-ray, Đuy-clô, Phó Chủ tịch Quốc hội, tại diễn đàn Quốc hội Pháp đã lên án cuộc chiến tranh xâm lược làm hao tài tốn của và dẫn nước Pháp đến chỗ sụp đổ, đề nghị chỉ có thương lượng với kháng chiến mới cứu vãn được khối Liên hiệp Pháp. Tại phiên họp Quốc hội Pháp, ngày 21-1-1950, nữ đồng chí Véc-met phẫn nộ lên án các đảng phái chủ chiến: "Các ngài quên rằng, nhân dân Việt Nam đang ở trên đất nước họ. Không phải họ là kẻ xâm lược, mà chính các ngài... Không phải nhân dân Việt Nam đã ném bom Mác-xây, mà chính là các ngài đã ném bom Hải Phòng..."[5]. Ở bên ngoài, các tổ chức của nước Pháp (Tổng Công đoàn, Liên đoàn Phụ nữ, Liên đoàn Thanh niên) đã có nhiều hình thức đấu tranh khác nhau rất sáng tạo, như lấy chữ ký đòi hòa bình ở Việt Nam để trao cho các ủy viên hội đồng thành phố, các nghị sĩ, bộ trưởng, tổng thống...; mít tinh biểu tình trong khắp nước; tổ chức những buổi họp mặt mang tên *"Vì Việt Nam"*; các bà mẹ Pháp đòi trả con khi còn sống chứ không phải khi đã nằm trong quan tài; các bà mẹ để tang con; tổ chức hòm phiếu đòi hòa bình ở Việt Nam v.v..

Bước sang năm 1950, tình thế trên chiến trường Đông Dương ngày càng bất lợi cho thực dân Pháp. Đối với ta, việc khai thông quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa đã tạo điều kiện thuận lợi để ta mở rộng địa bàn hoạt động quốc tế, đặc biệt với Đảng Cộng sản Pháp và các lực lượng dân chủ tiến bộ ở Pháp và trên thế giới.

Lúc này, yêu cầu đặt ra đối với phong trào phản chiến ở Pháp không chỉ dừng lại ở giai đoạn hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng Cộng sản mà phải có những cuộc đấu tranh có tính chất hành động tích cực. Tổng Liên đoàn Pháp phát động những cuộc bãi công ở các cảng có tàu chuyên chở vũ khí và trang thiết bị đi Đông Dương. Từ Mác-xây, Tu-lông, Lơ Ha-vrơ, Đoong-kéc, An-giê-ri... nơi nơi đều có những cuộc đấu tranh rầm rộ của công nhân bốc dỡ hàng không chịu chuyển hàng lên tàu bất chấp sự đàn áp, cúp phạt, thậm chí bắt bớ, giam cầm của chính quyền phản động. Các cuộc đấu tranh của công nhân cảng cũng như các cuộc đấu tranh trên toàn nước Pháp luôn gắn liền với đòi đưa quân đội viễn chinh về nước, đòi hòa bình ở Việt Nam, đòi điều đình với Chính phủ Hồ Chí Minh. Điển hình cho phong trào đấu tranh sục sôi và quyết liệt đó là sự kiện nữ công nhân Ray-mông Điêng nằm trên đường sắt ngăn đoàn xe lửa chở vũ khí sang Việt Nam (24-2-1949) đã gây nên một cú sốc trong dư luận Pháp và chiến dịch đòi trả lại tự do cho Hăng-ri Mác-tanh, một đảng viên Đảng Cộng sản Pháp từng có mặt trên chiến trường Đông Dương, và khi trở về Pháp đã trở thành người tố cáo tội ác của bọn hiếu chiến Pháp xâm lược Việt Nam. Trong suốt ba năm (1950 - 1953), với nhiều hoạt động phong phú, phong trào đấu tranh ở Pháp đã biến vụ Hăng-ri Mác-tanh thành một ngòi nổ làm vang động vấn đề Việt Nam trong dư luận Pháp và tạo thành sức mạnh chưa từng có khắp thành thị và nông thôn nước Pháp đấu tranh đòi hòa bình ở Đông Đương.

Trên các diễn đàn quốc tế, các đại hội học sinh, sinh viên, thanh niên, phụ nữ... các bạn Pháp đều chủ động gặp gỡ các đại biểu Việt Nam nhờ họ mang về Việt Nam nhiều tặng phẩm, quà, báo chí, thư từ, tiền bạc.

---

(5) Dẫn theo A. Ru-xi-ô: *"Những người cộng sản Pháp và cuộc chiến tranh Đông Dương 1944-1954"*, Nxb Lơ Ha-mác-tanh, Pa-ri, 1985, tr 220

Có thể nói, cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam đã trở thành vấn đề nóng bỏng và cấp thiết của nước Pháp. Do vậy, nhân dân lao động và các lực lượng tiến bộ Pháp đã kiên quyết đấu tranh ủng hộ Việt Nam, đòi chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương. Chính sự lớn mạnh của phong trào ủng hộ Việt Nam ở nước Pháp đã trở thành một trong những nguyên nhân dẫn đến việc xuất hiện phong trào đấu tranh ủng hộ Việt Nam ở các nước thuộc địa.

Ở châu Phi, ngay từ khi cuộc kháng chiến của ta mới bắt đầu đã sớm dấy lên phong trào ủng hộ nhân dân ta kháng chiến và phong trào đó liên tục được duy trì cho đến ngày Việt Nam toàn thắng. Cuộc đấu tranh vì hòa bình, vì Việt Nam của nhân dân châu Phi mang nhiều hình thức khác nhau, như biểu tình chống vơ vét, bóc lột thuộc địa để cung cấp chi phí chiến tranh Đông Dương, phản đối việc đưa người Phi sang làm bia đỡ đạn cho thực dân Pháp ở Việt Nam, chống bắt lính, mít tinh và ra tuyên bố ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân ta... Trong phong trào đấu tranh đó, đặc biệt nổi lên hàng đầu là cuộc đấu tranh của công nhân các bến cảng các nước Bắc Phi.

Dưới sự lãnh đạo của các đảng cộng sản và các công đoàn, công nhân bến cảng đã đấu tranh liên tục trong vòng 5 năm liền tẩy chay không chịu khuân hàng hóa, vũ khí cho tàu Pháp sang Việt Nam. Chỉ riêng ở An-giê-ri, trong 5 năm đấu tranh ủng hộ Việt Nam, công nhân các bến cảng đã phải chịu thiệt hại lên đến 4 600 triệu phrăng tiền lương [6].

Đặc biệt, cuộc đấu tranh ủng hộ Việt Nam càng phát triển mạnh vào cuối 1953 đầu 1954 khi Pháp ngày càng lún sâu vào thất bại ở Việt Nam, và chúng càng tăng cường vơ vét sức người sức của ở châu Phi nhằm cung cấp cho chiến trường Đông Dương. Ngày 24-12-1953, công nhân các bến tàu Ô-răng và An-giê-ri kiên quyết đấu tranh không khuân vũ khí xuống tàu chuyển sang Việt Nam. Nhiều người Bắc Phi bị bắt đi lính sang Việt Nam đã tìm cách trốn thoát. Trong tháng 11-1953, trên một chuyến tàu của Pháp chở lính Bắc Phi sang chiến trường Đông Dương, khi qua kênh Xuy-ê, hai người lính Tuy-ni-di đã nhảy xuống biển trốn thoát, bởi vì, họ "không muốn đi đánh nhau với một dân tộc đang chiến đấu để giải phóng đất nước" [7].

Sau khi Pháp cho quân nhảy dù xuống Điện Biên Phủ và xây dựng nơi đây thành tập đoàn cứ điểm mạnh, một loạt các cuộc biểu tình của nhân dân Bắc Phi đã nổ ra nhằm chống lại việc đưa lính Bắc Phi sang Việt Nam làm bia đỡ đạn. Chính cuộc biểu tình này là một trong những nguyên nhân làm cho đề nghị của H. Na-va về việc bổ sung 2 699 lính Bắc Phi cho chiến trường Đông Dương không được chấp nhận. Ngày 19-12-1953, dưới sự lãnh đạo của các đảng cộng sản, nhân dân Bắc Phi đã tổ chức ngày đoàn kết với nhân dân Việt Nam và ủng hộ cuộc kháng chiến chính nghĩa của nhân dân ta.

Cuối tháng 3-1954, công nhân bến tàu Ô-răng và Bôn lại tiếp tục tiến hành những cuộc bãi công mới, không chịu chuyển vũ khí xuống tàu Pháp đi tiếp tế cho Điện Biên Phủ. Nhiều cuộc biểu tình đòi Pháp phải trả những người lính An-giê-ri và Ma-rốc đang bị đọa đày ở Điện Biên Phủ về với gia đình cũng đã nổ ra. Ngày 7-5-1954, khi chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng thì một bầu không khí phấn khởi vui mừng tràn ngập trên khắp nẻo đường ở Bắc Phi.

Đối với các nước xã hội chủ nghĩa, đầu năm 1950, sau chuyến đi của Chủ tịch Hồ Chí Minh sang Liên Xô, Trung Quốc, ngay lập tức, hai nước này cùng một loạt các nước dân chủ khác ở châu Âu và Đông Âu đã tuyên bố công nhận Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa và thiết lập quan hệ hữu nghị với Việt Nam. Đây là một

---

(6), (7) Nguyễn Thúc: *An-giê-ri kháng chiến*, Hà Nội, 1960, tr 57


Digitized by Google

thắng lợi chính trị có ý nghĩa hết sức lớn lao, tạo ra tương quan thế và lực mới cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ ở Đông Dương.

Từ đây, Việt Nam đã có một "hậu phương" to lớn về tinh thần và mở đầu việc tiếp nhận sự viện trợ giúp đỡ về vật chất của bạn bè thế giới, của chính phủ các nước xã hội chủ nghĩa anh em, các nước dân chủ khác.

Trong suốt những năm 1950-1954, quan điểm chung của Liên Xô và Trung Quốc là cùng phối hợp giúp đỡ cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam. Theo thỏa thuận giữa chính phủ ba nước Việt Nam, Trung Quốc và Liên Xô, Trung Quốc sẽ nhận của Liên Xô trang bị vũ khí cho một trung đoàn pháo cao xạ 37mm, 30 xe vận tải Mô-tô-va và một số thuốc quân dụng chuyển giao cho Việt Nam. Về phía mình, Trung Quốc sẽ trang bị vũ khí cho một số đại đoàn bộ binh, đơn vị pháo binh, cử 79 cố vấn sang Việt Nam, nhận đào tạo cán bộ Việt Nam tại Trung Quốc... Với tinh thần "Một miếng khi đói bằng một gói khi no", viện trợ của Liên Xô và Trung Quốc đã phần nào giúp ta giải quyết được nhiều khó khăn, nhất là về vũ khí, đạn dược và phương tiện vận tải để mở các chiến dịch ngày càng lớn, đặc biệt là trong chiến dịch Điện Biên Phủ. Viện trợ của Trung Quốc trong chiến dịch Điện Biên Phủ có ý nghĩa rất quan trọng nhưng ta tự lực cánh sinh là chủ yếu. Riêng về gạo và vũ khí, Trung Quốc đã viện trợ cho Việt Nam 1 700 tấn (bằng 6,8% tổng số gạo dùng trong chiến dịch); 3 600 viên đạn 105mm cùng 24 khẩu pháo (chiếm 18% tổng số đạn 105mm dùng trong chiến dịch); một tiểu đoàn DKZ 75mm, một tiểu đoàn Ca-chiu-sa (của Liên Xô) cùng 1 136 viên đạn[8]. Bên cạnh sự giúp đỡ về vũ khí, trang bị quân sự, lương thực và thuốc men, các nước này cũng tích cực đẩy mạnh hoạt động ngoại giao, tuyên truyền quốc tế nhằm tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của các lực lượng dân chủ trên thế giới đối với nhân dân Việt Nam.

Càng về giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến, phong trào ủng hộ của nhân loại tiến bộ trên phạm vi toàn thế giới đối với nhân dân ta ngày càng phát triển rộng rãi. Ngày 10-9-1953, Ủy ban Thường trực Hội đồng hòa bình thế giới thông qua *Nghị quyết kêu gọi nhân dân các nước đẩy mạnh đấu tranh đòi chấm dứt chiến tranh, giải quyết hòa bình vấn đề Đông Dương*. Thay mặt cho 88 triệu công nhân của 79 nước, Đại hội Công đoàn thế giới lần thứ ba họp tại Viên (Áo), tháng 10-1953, nhất trí thông qua quyết định lấy ngày kỷ niệm toàn quốc kháng chiến của Việt Nam (19-12-1953) làm ngày "Lao động thế giới đoàn kết tích cực với nhân dân Việt Nam, đòi chấm dứt chiến tranh xâm lược Việt Nam".

Nhìn chung, trong suốt 9 năm kháng chiến, đặc biệt là trong chiến cuộc Đông-Xuân 1953 - 1954, với đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ, nhân dân Việt Nam luôn nhận được sự đồng tình ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới, trước hết là nhân dân Pháp, nhân dân châu Á, các nước thuộc địa, phụ thuộc và các nước xã hội chủ nghĩa. *Đây là một trong những nhân tố cơ bản góp phần làm nên thắng lợi của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược*. Sự góp sức đó lúc đầu còn nhỏ bé nhưng rất quý báu, sau đó phát triển ngày càng mạnh mẽ, rầm rộ, tạo nên một lực lượng to lớn cùng hợp lực với lực lượng kháng chiến ở trong nước đánh bại hoàn toàn cuộc chiến tranh phi nghĩa của thực dân xâm lược và can thiệp Mỹ, đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận định: "Chúng ta giành được thắng lợi to lớn cũng là do nhân dân các nước bạn, nhân dân Pháp và nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của ta"[9]. ❑

(8) Hồ sơ viện trợ quốc tế của Tổng cục Hậu cần, cấp số 20, 21

(9) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 7, tr 321


Digitized by Google

# Chiến thắng Điện Biên Phủ và sự tan rã của hệ thống thuộc địa

VÕ KIM CƯƠNG*

NGÀY 19-12-1946, cuộc kháng chiến toàn quốc của nhân dân Việt Nam bùng nổ với tinh thần *"thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ"*. Trải qua 9 năm trường kỳ kháng chiến, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Việt Nam đã anh dũng kiên cường đánh giặc; càng đánh càng trưởng thành, càng liên tiếp giành thế chủ động trên chiến trường, càng làm cho thực dân Pháp bị động, lúng túng. Chính tướng H. Na-va đã thú nhận: Cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam đã làm cho *"tinh thần quân đội Pháp tổn hại một cách nghiêm trọng, tâm lý thất bại ngày càng lan tràn"* (1). Đến mùa xuân 1954, quân dân Việt Nam đã giành được thắng lợi vang dội trong chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ, đập tan cố gắng cao nhất và cuối cùng của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ, diệt và bắt sống 16 nghìn tên địch, cùng tướng Đờ Cát-tơ-ri và toàn bộ Bộ Tham mưu của chúng. Chiến thắng Điện Biên Phủ đã đập tan ý chí xâm lược của Pháp, đưa đến ký kết Hiệp nghị Giơ-ne-vơ chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương, buộc Pháp phải thừa nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, Lào và Căm-pu-chia, phải rút quân đội ra khỏi miền Bắc Việt Nam.

Thắng lợi của Việt Nam là kết quả tất yếu của thời đại mới được mở đầu bằng cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại; đồng thời, theo quy luật phát triển khách quan của lịch sử, thắng lợi đó lại tác động đến tiến trình cách mạng thế giới nói chung và cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc bị áp bức, nô lệ nói riêng. Bởi vì, *"nhân dân ta không những làm nhiệm vụ dân tộc mà còn làm nhiệm vụ đối với phong trào cách mạng quốc tế"* (2). Qua thắng lợi của Việt Nam, nhân dân các nước thuộc địa đã nhìn ra con đường giải phóng của họ. Tấm gương Điện Biên Phủ đã chứng tỏ rằng, trong thời đại ngày nay, các dân tộc nhược tiểu có thể đánh thắng các tên đế quốc thực dân để giành lại độc lập dân tộc.

Đột phá vào dinh lũy của chủ nghĩa thực dân, cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam với đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ lịch sử đã mở đầu quá trình sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa thực dân cũ trên thế giới, cổ vũ nhân dân các nước thuộc địa và nửa thuộc địa đang rên xiết dưới ách nô lệ vùng dậy đấu tranh giành quyền độc lập và tự do. Riêng đối với các nước thuộc địa của Pháp thì *"giá trị quốc tế"* của yếu tố mở đầu này càng có ảnh hưởng rõ nét. Hệ thống thuộc địa hoàn chỉnh của Pháp đã bị Việt Nam phá vỡ một khâu quan trọng, tất yếu phản ứng dây chuyền sẽ nổ ra. Chính điều đó, từ trước viên Thống chế Pháp, Đờ-lát cũng đã hết sức lo sợ: *"Nếu để mất Đông Dương, tất yếu sẽ nhanh chóng kéo theo một cuộc vùng dậy ở Bắc Phi"* (3). R. Xa-lăng, Tổng Chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương, cũng có nhận xét tương tự: *Chính vì mất Đông Dương mà nền móng đế quốc Pháp bị sụp đổ.* Năm 1953, Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ G. Phốt-tơ Đa-lét đã nói: *Nếu Đông Dương thất thủ thì sẽ có phản ứng dây chuyền khắp Viễn Đông và Đông Nam Á.*

---

* PGS, TS Tổng Biên tập tạp chí Nghiên cứu Lịch sử

(1) *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1984, t I (1920 - 1954), tr 622

(2) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III*, Hà Nội, 1960, t I, tr 21

(3) *Tiếng sấm Điện Biên Phủ*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1974, tr 327


Digitized by Google

Bí thư Đảng Cộng sản An-giê-ri, Lác-bi Bu-ha-li, đánh giá chiến thắng Điện Biên Phủ chính là *"tiếng chuông báo giờ chết của chủ nghĩa thực dân Pháp ở các bộ phận còn lại của nó"* (4). Và Chủ tịch nước An-giê-ri, Hu-ria Bu-mê-điêng, coi đây là *"điểm khởi đầu của một cuộc chiến đấu mới để tự giải phóng... hoàn toàn"* của nhân dân An-giê-ri. Để đối phó với nhân dân An-giê-ri, thực dân Pháp phải trao trả độc lập cho Ma-rốc và Tuy-ni-di. Cùng với các nước Bắc Phi, nhân dân Ghi-nê đã đứng lên chống lại *"Khối cộng đồng"* của Pháp bằng câu trả lời đanh thép: *"Chúng tôi thích nghèo khổ nhưng được tự do, hơn giàu có mà bị nô lệ!"*. Và phản ứng dây chuyền không ngừng tiếp diễn, sự sụp đổ của toàn bộ hệ thống thuộc địa là tất yếu lịch sử.

*"Giá trị quốc tế"* của yếu tố mở đầu đó còn được biểu hiện ở chỗ: Việt Nam với Điện Biên Phủ là *"ngọn roi làm thức tỉnh"* ý thức dân tộc của nhân dân thuộc địa, như lời khẳng định của Tổng thống Tuy-ni-di, Buốc-ghi-ba. Qua tấm gương Việt Nam, nhân dân các dân tộc thuộc địa bị áp bức, bóc lột có thể đánh giá lại được sức mạnh của mình trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc.

Chiến thắng Điện Biên Phủ không chỉ ảnh hưởng đến cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc trên góc độ là một sự kiện lịch sử có ý nghĩa quốc tế to lớn, mà nó còn trực tiếp tác động đến cuộc đấu tranh đó trên nhiều góc độ khác nhau. Thật vậy, *về kinh tế*, cuộc chiến tranh Việt Nam là một gánh nặng quá sức đối với nước Pháp. Vào năm 1950, Pháp phải dành tới 1/3 ngân sách quốc gia (khoảng 500 tỉ phờ-răng) cho chiến tranh. Còn tất cả các khoản chi phí khác dành cho Đông Dương chiếm tới 50%. Chín năm chiến tranh, Pháp đã chi tới 2 688 tỉ phờ-răng và 2 600 triệu USD viện trợ của Mỹ. *Về chính trị*, chiến tranh Việt Nam làm Chính phủ Pháp xây lên, đổ xuống tới 20 lần, trung bình mỗi nội các tồn tại chỉ khoảng 7 tháng, có nội các chỉ tồn tại trong vòng một tuần. Pháp phải 7 lần triệu hồi Toàn quyền Đông Dương về nước. *Về quân sự*, đội quân viễn chinh Pháp tại Đông Dương bị nhiều tổn thất nặng nề và có nguy cơ bị tiêu diệt hoàn toàn. Chiến trường Việt Nam đã tiêu diệt gần một nửa triệu quân lính, 8 tên tổng chỉ huy kế tiếp nhau thua trận.

Cuộc kháng chiến 9 năm của nhân dân Việt Nam với chiến thắng Điện Biên Phủ lẫy lừng đã có ảnh hưởng và tác động mạnh mẽ đến các nước thuộc địa Pháp trên nhiều khía cạnh khác nhau.

*Thứ nhất*, Đông Dương chiếm một vị trí quan trọng trong hệ thống thuộc địa của Pháp, là nơi cung cấp những nguồn lợi béo bở và to lớn đối với "chính quốc". Từ sau Chiến tranh thế giới thứ II, Pháp đã dự tính một kế hoạch để khai thác Đông Dương trong vòng 5 năm (1946 - 1950) với nguồn vốn đầu tư là 25 498 triệu đồng Đông Dương. Song, vì chiến tranh nên 4 năm đầu của kế hoạch đó, Pháp chỉ mới đầu tư được 1 141 triệu đồng(5). Chiến tranh cũng đã làm gián đoạn quan hệ thương mại giữa Pháp và Đông Dương. Năm 1952, tổng số hàng hóa buôn bán giữa hai phía bị thâm hụt hơn 100 tỉ phờ-răng và đến cuối năm 1954 thì quan hệ buôn bán này hoàn toàn tan vỡ.

Với đặc điểm là, chủ nghĩa đế quốc cho vay nặng lãi, cho nên sau thất bại ở Việt Bắc (1947), nhiều công ty Pháp đã ồ ạt chuyển vốn đầu tư sang châu Phi và hiện tượng đó nhanh chóng trở thành *"sự tháo chạy của tư bản"* Pháp. Những ngân hàng lớn như Ngân hàng Đông Dương cũng chuyển 95% số vốn về Pháp và sang châu Phi. Trong vòng 6 năm sau Điện Biên Phủ (1955 - 1960), Ngân hàng Đông Dương đã thành lập 12 công ty mới ở Bắc Phi. Còn ở châu Phi "đen", trong thời gian này, xuất hiện nhiều công ty cạnh tranh nhau gay gắt do hậu quả của sự tháo chạy của hàng loạt công ty tới từ Đông Dương.

Việc chuyển tư bản từ Việt Nam sang các thuộc địa khác đã mang lại nguồn lợi lớn cho bọn thực dân. Ví dụ, ở Bắc Phi, những năm 1951 - 1953, lợi nhuận của các công ty Pháp tăng 50%. Trong khi đó, nhân dân các nước thuộc địa lại bị bóc lột đến cùng cực. Chính vì thế, lòng căm thù của nhân dân bản xứ lại càng tăng lên gấp bội. Trong hoàn cảnh đó, Việt Nam đã thức tỉnh họ đứng lên.

*Thứ hai*, thắng lợi của Việt Nam đã làm đảo lộn chính sách thuộc địa của thực dân Pháp. Để xoa dịu dư luận thế giới cũng như để đối phó với cuộc đấu tranh của nhân dân ở các nước thuộc địa và cả phong trào phản đối ngay chính trong lòng nước Pháp, Chính phủ Pháp buộc phải trao trả độc lập cho Tuy-ni-di, Ma-rốc và phải lập ra *"Khối cộng đồng"* ở Tây Phi, rồi lại phải trao trả độc lập cho các nước đó. Còn đối với An-giê-ri, qua thực tiễn Việt Nam, Pháp đã dựng nên một chính quyền tay sai mà giới báo chí lúc bấy giờ gọi là *"giải pháp Bảo Đại"* (6).

---

(4) *Sđd*, tr 327

(5) *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Sự thật Hà Nội, 1984, t I, (1920 - 1954) tr 638

(6) Nguyễn Thúc: *An-giê-ri kháng chiến*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1960, tr 33



Digitized by Google

*Thứ ba*, chiến tranh Việt Nam đã trở thành vấn đề nóng bỏng và cấp thiết của nước Pháp. Do vậy, nhân dân Pháp đã kiên quyết đấu tranh ủng hộ Việt Nam, đòi chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương. Phong trào đó không những được dấy lên ở Pháp mà còn lan sang cả các nước thuộc địa, tạo nên một phong trào đấu tranh rộng lớn *Vì Việt Nam*. Và cũng từ phong trào này, tinh thần đấu tranh của nhân dân thuộc địa đã được khơi dậy, được khuyến khích và cổ vũ mạnh mẽ; đồng thời, qua thực tiễn phong trào *Vì Việt Nam*, nhân dân Pháp rút ra được những kinh nghiệm quý báu để tiếp tục đấu tranh đòi trao trả độc lập cho các nước thuộc địa. Thực tế là, khi cuộc chiến tranh An-giê-ri nổ ra, một phong trào ủng hộ nhân dân An-giê-ri cũng đã lan rộng khắp nước Pháp.

Phong trào *Vì Việt Nam* của nhân dân Pháp còn lôi cuốn đông đảo nhân dân của các dân tộc thuộc địa sống ở Pháp tham gia đấu tranh đòi chấm dứt chiến tranh, quyên góp ủng hộ nhân dân Việt Nam. Chính thực tiễn của phong trào này đã tác động trực tiếp đến ý thức dân tộc của kiều dân thuộc địa, giúp họ hiểu rằng ủng hộ Việt Nam chính là ủng hộ bản thân mình, Tổ quốc mình. Không ít người trong số kiều dân hưởng ứng phong trào *Vì Việt Nam* đã trở thành những thành viên tích cực của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Ngoài ra, cũng cần ghi nhận rằng, sự lớn mạnh của phong trào *Vì Việt Nam* ở Pháp đã trở thành một trong những tiền đề của phong trào đấu tranh ủng hộ Việt Nam ở các nước thuộc địa. Như vậy, có thể nói, Việt Nam đã trở thành vị trí trung tâm trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

*Thứ tư*, việc mở rộng phạm vi và cường độ chiến tranh đã buộc đế quốc Pháp không ngừng phải bổ sung lực lượng và cách giải quyết tốt nhất là bắt người bản xứ đi làm bia đỡ đạn. Theo con số của P. Rô-côn trong cuốn *"Vì sao Điện Biên Phủ?"*, tính đến tháng 1-1953, trong đội quân viễn chinh của Pháp ở Việt Nam có 30 nghìn lính Bắc Phi và 18 nghìn lính Phi[7]. Chỉ tính riêng số binh lính Bắc Phi bị Pháp đưa đến chiến trường Điện Biên Phủ vào tháng 3-1954 là 4 tiểu đoàn bộ binh (3 tiểu đoàn người An-giê-ri và 1tiểu đoàn người Ma-rốc) và 1 tiểu đoàn pháo binh người Ma-rốc[8]. Thực dân Pháp vừa thi hành một chính sách quân dịch bắt buộc nặng nề, vừa tổ chức các nhóm tay sai đi tuyển mộ người Phi thất nghiệp đăng lính. Bọn thực dân cân người như cân thú vật và trả cho họ mỗi ki-lô-gam 1000 phơ-răng. Nhiều vụ bắt lính để cung cấp cho chiến trường Đông Dương đã dẫn đến đổ máu, nhiều cuộc vây ráp, triệt hạ từng làng mạc ở châu Phi cũng đã xảy ra.

Hậu quả của những hành động đó đã làm tăng lên gấp bội lòng căm thù của nhân dân thuộc địa đối với chủ nghĩa thực dân. Mặt khác, thông qua cuộc chiến tranh Việt Nam, binh lính thuộc địa, nhất là số tù binh và hàng binh, đã hình thành dấu ấn rõ ràng về ý thức dân tộc, về độc lập dân tộc. Việt Nam đã thức tỉnh họ. Nhờ có chính sách khoan hồng và nhân đạo của Việt Nam, tù hàng binh thuộc địa đã bắt đầu giác ngộ; khi được trao trả nhiều người đã hứa là sẽ theo tấm gương Việt Nam. Vào tháng 10-1950, khi được Việt Nam trao trả tự do, một người Bắc Phi đã hứa "một khi về đến xứ sở, chúng tôi sẽ đẩy mạnh phong trào đấu tranh chống thực dân áp bức"[9].

Trong những năm kháng chiến, chúng ta đã tiến hành nhiều đợt trao trả tù binh và hàng binh. Chỉ riêng trong năm 1953 đã có tới 4 đợt thả và cho hồi hương tù binh và hàng binh, trong đó một số lượng lớn là tù hàng binh thuộc địa. Tại Đại hội Liên hoan thanh niên thế giới lần thứ 4 ở thủ đô Bu-ca-rét (Ru-ma-ni), đại biểu Ma-rốc bày tỏ lời cảm ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ Việt Nam đã cho hồi hương 400 tù binh người Ma-rốc vào ngày 31-3-1953 - ngày kỷ niệm đau thương nước Ma-rốc bị thực dân Pháp xâm chiếm[10].

Hơn nữa, trên một khía cạnh khác, chính việc bọn thực dân bắt lính thuộc địa đã có tác dụng tích cực đối với các dân tộc thuộc địa. Là người dân mất nước, sau khi tham gia lực lượng quân đội thực dân, họ có thể học được *"cách sử dụng vũ khí"* cũng như cách tổ chức quân đội, tổ chức tác chiến để sau này áp dụng vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Nhiều người lính, sau khi từ chiến trường Việt Nam về, đã trở thành hạt nhân tích cực trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Như vậy, có thể nói Việt Nam đã tác động trực tiếp đến ý thức dân tộc của nhân dân các nước thuộc địa.

Tại Đại hội Hòa bình thế giới ở Hen-xinh-ki (Phần Lan - 1955), đại biểu An-giê-ri bày tỏ: *Xin cám ơn nhân dân Việt Nam đã giúp chúng tôi những cán bộ tốt, có tinh thần phấn đấu cao và giàu kinh nghiệm*. Sau khi đến thăm An-giê-ri trong những năm chiến tranh chống Pháp, một quan sát viên người

(7) Xem: *Tiếng sấm Điện Biên Phủ*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1974, tr 34

(8) Võ Nguyên Giáp: *Điện Biên Phủ*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1979, tr 104

(9) Báo *Nhân dân*, số ra ngày 26-7-1951

(10) Báo *Nhân dân*, số ra ngày 6 đến 10-9-1953


Digitized by Google

Tây Đức cũng ghi nhận: *Hầu hết những quân nhân* (quân giải phóng An-giê-ri - V.K.C.) *đều giàu kinh nghiệm trong chiến tranh Đông Dương*, nhiều người đảm nhận vị trí lãnh đạo trong quân đội. Đăng-tơ Gơ-ruých-si, phóng viên của báo *Đoàn kết* của Đảng Cộng sản I-ta-li-a, kể lại chuyến viếng thăm của ông tại một trường đào tạo cán bộ quân sự của Quân giải phóng An-giê-ri. Tại đó, ông được người chỉ huy cao cấp của trường tiếp chuyện. Đấy là một sĩ quan từng tham gia chiến tranh Việt Nam. Vị Tư lệnh này đã thừa nhận với nhà báo rằng, ông *"đã học được nhiều điều bổ ích của bộ đội Cụ Hồ Chí Minh"* (11).

Tóm lại, bằng ảnh hưởng và tác động trực tiếp như vậy, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp mà đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ lịch sử của nhân dân Việt Nam đã góp một phần đáng kể vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng của các dân tộc thuộc địa bị áp bức và bóc lột, góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc.

Chúng ta đều biết, sau Chiến tranh thế giới thứ II, phong trào giải phóng dân tộc đã bắt đầu có sự chuyển biến mới với những nhân tố mới. Nhưng từ giữa những năm 50 (thế kỷ XX), cùng với cuộc kháng chiến của Việt Nam, cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc bị áp bức mới thực sự dâng cao; *"cơn hấp hối"* của hệ thống thuộc địa mới bắt đầu, và phản ứng dây chuyền đã bùng nổ. Đặc biệt, với chiến thắng Điện Biên Phủ, châu Phi thuộc địa đã thực sự vùng lên. Ở châu Phi, nước Pháp có tới 32 lãnh thổ thuộc địa và bảo hộ, chiếm đến 9/10 hệ thống thuộc địa Pháp trên thế giới. Trong năm 1960, có 15 nước châu Phi là thuộc địa và phụ thuộc Pháp được độc lập dưới nhiều hình thức.

Vào thời điểm này, hệ thống thuộc địa của các nước đế quốc khác ở châu Phi cũng bắt đầu tan rã. Thắng lợi của nhân dân Ai-cập vào năm 1952 và việc Chính phủ nước này quyết định quốc hữu hóa kênh đào Xuy-ê vào năm 1956 đã có một ý nghĩa nhất định đối với châu Phi. Cũng trong năm 1956, ách thống trị của Anh bị sụp đổ ở Đông Xu-đăng. Sau đó một năm, trên lãnh thổ Bờ biển Ngà và Tô-gô (thuộc Anh) xuất hiện Nhà nước Ga-na độc lập. Ở Tây Phi và châu Phi xích đạo thuộc Pháp, như đã nói, Ghi-nê là nước đi tiên phong. Ngày 2-10-1958, nước Cộng hòa nhân dân Ghi-nê ra đời.

Như vậy, nếu năm 1954 ở châu Phi mới có khoảng 720 nghìn km², với 18 triệu dân, dưới hình thức này hay hình thức khác đã thoát khỏi ách nô lệ, thì đến cuối năm 1959 con số đó đã lên tới 27 000 nghìn km² và hơn 37 triệu dân.

Từ thời điểm này, cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở châu Phi thực sự trở thành bão táp cách mạng. Năm 1960, với tên gọi lịch sử là *"Năm châu Phi"* là điểm xoáy của cơn bão đó: 17 nước châu Phi tuyên bố độc lập. Đó là tất cả các thuộc địa của Pháp ở Tây Phi và châu Phi xích đạo, Ma-đa-ga-xca, là các lãnh thổ bảo hộ của Pháp: Tô-gô và Ca-mơ-run, là Ni-giê-ri-a (thuộc Anh), Công-gô (thuộc Bỉ); Xô-ma-li (thuộc Anh) và Xô-ma-li (nằm dưới quyền bảo hộ của I-ta-li-a) cũng được thống nhất lại và thành lập nhà nước cộng hòa. Ngoài ra, hàng loạt cuộc biểu tình, bãi công đòi nâng cao đời sống cho công nhân, chống tệ phân biệt chủng tộc... đã nổ ra tại Nam Phi, Kê-ni-a, U-gan-đa, Tan-da-ni-a, Rô-đê-di-a... vào năm 1960.

Năm 1961, Xi-ê-ra Lê-ôn và Tan-ga-ni-ca thoát khỏi ách thống trị của đế quốc Anh. Năm 1962, trên bản đồ chính trị châu Phi lại xuất hiện thêm các quốc gia độc lập khác: Ru-an-đa, Bu-run-đi, U-gan-đa. Cũng trong năm này, cuộc đấu tranh anh dũng của nhân dân An-giê-ri kết thúc thắng lợi vẻ vang. Năm 1963, Pháp và An-giê-ri ký kết Hiệp ước Ê-vi-ăng chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược, Pháp buộc phải công nhận nền độc lập của An-giê-ri.

Hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân đế quốc nhanh chóng sụp đổ trong 3 năm tiếp theo ở Kê-ni-a, Dan-đi-ba (Tan-da-ni-a), Bắc Rô-đê-di-a (Dăm-bi-a), Ni-a-xa-len (Ma-la-uy) và Găm-bi-a. Và ngọn lửa đấu tranh cách mạng lại tiếp tục bùng lên tại các thuộc địa của Bồ Đào Nha.

Có thể nói, từ giữa những năm 50 đến đầu những năm 60 (thế kỷ XX), một cao trào cách mạng đã bùng lên mạnh mẽ ở hầu khắp các nước thuộc địa, nhất là ở châu Phi. Các dân tộc bị áp bức và nô dịch đã đoàn kết đứng lên tiến công vào chủ nghĩa đế quốc, làm cho hệ thống thuộc địa của nó tan ra từng mảng, dẫn tới sự kết thúc hoàn toàn *"thời kỳ làm mưa làm gió"* của chủ nghĩa thực dân đối với các nước Á-Phi - Mỹ - La-tinh.

Và trong bối cảnh chung đó của thời đại, Việt Nam với đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ, đã góp phần xứng đáng vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc trên thế giới, góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân. Đó chính là một trong những góc độ của sự tác động và ảnh hưởng do chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ mang lại đối với các dân tộc thuộc địa trên toàn thế giới. ❑

(11) Nguyễn Thúc: *Sđd*, tr 48, 50, 59


Digitized by Google

# *Một số vấn đề*
# VỀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

VŨ VĂN HIỀN *

CHO đến thời điểm hiện nay, nếu như toàn cầu hóa kinh tế không chỉ là một xu hướng nữa mà đã trở thành một quá trình vận động mạnh mẽ của kinh tế thế giới, thì hội nhập kinh tế quốc tế đang là lực hấp dẫn, đang là lời vẫy gọi đối với mọi khu vực và mọi quốc gia. Hội nhập kinh tế quốc tế như một sự hăm hở tràn đầy hy vọng, đối với quốc gia này, đồng thời lại như sự đành phải chấp nhận miễn cưỡng cất bước đối với quốc gia kia, bởi không ai muốn tụt hậu, thậm chí bị bỏ rơi.

Có những nhìn nhận về hội nhập kinh tế quốc tế như cuộc chơi có phần hứng thú, hấp dẫn nhưng cũng rất gay gắt quyết liệt và đầy kịch tính. Cụ thể hơn người ta còn tính rằng, tham gia cuộc chơi này, giỏi giang thì ăn bảy mất ba, trung bình thì ăn năm mất năm còn yếu kém thì ăn ba mất bảy, thậm chí mất nhiều hơn.

Như thế để thấy rằng, hiểu rõ ngọn nguồn về hội nhập kinh tế quốc tế là vấn đề thật cần thiết và có ý nghĩa to lớn.

***1 - Muốn hiểu rõ về hội nhập kinh tế quốc tế, trước hết cần nhận biết về toàn cầu hóa kinh tế***

Hiện, có nhiều định nghĩa về toàn cầu hóa kinh tế. Tập hợp những quan niệm chung nhất có thể kết luận rằng: Toàn cầu hóa kinh tế là quá trình phát triển kinh tế của các nước trên thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế vượt khỏi biên giới quốc gia, hướng tới phạm vi toàn cầu, trong đó hàng hóa, vốn, tiền tệ, thông tin, lao động... vận động thông thoáng; mối quan hệ kinh tế giữa các quốc gia và khu vực được vận hành theo "luật chơi" chung được xác lập qua hợp tác và đấu tranh giữa các thành viên trong cộng đồng quốc tế; sự phân công hợp tác quốc tế ngày càng sâu rộng; các nền kinh tế ngày càng có quan hệ mật thiết với nhau và tùy thuộc lẫn nhau; tính chất xã hội hóa của sản xuất ngày càng tăng.

Toàn cầu hóa kinh tế có tính khách quan, gắn liền với xu thế vận động phát triển tất yếu của nền sản xuất xã hội và là kết quả không cưỡng nổi của sự phát triển lực lượng sản xuất. Đồng thời, toàn cầu hóa kinh tế cũng có nhân tố chủ quan gắn liền với chủ nghĩa tư bản, nhất là các nước tư bản phát triển hiện đang chi phối, lợi dụng để phục vụ cho lợi ích của họ.

Toàn cầu hóa kinh tế có tác động hai mặt đến các nền kinh tế của thế giới: có mặt tích cực và tiêu cực.

Tác động tích cực của toàn cầu hóa thể hiện ở mấy khía cạnh: *Một là*, thúc đẩy rất nhanh, rất mạnh sự phát triển và xã hội hóa lực lượng sản xuất, đưa tới sự tăng trưởng kinh tế nói chung

* PGS, TS, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam


Digitized by Google

ngày càng cao. *Hai là,* làm tăng thêm sự tùy thuộc, tác động lẫn nhau và thúc đẩy lẫn nhau của các nền kinh tế trên thế giới. *Ba là,* đòi hỏi mỗi nước phải tự điều chỉnh chính sách và các phương thức phát triển kinh tế, hình thành các mối quan tâm chung trong quan hệ quốc tế. *Bốn là,* thúc đẩy quá trình cạnh tranh đối với mỗi nước và với từng doanh nghiệp trên thương trường, đòi hỏi phải cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả sản xuất, kinh doanh. *Năm là,* mở ra những địa bàn và thị trường mới, những đối tác mới đối với mỗi nước và các nước.

Tác động tiêu cực của toàn cầu hóa kinh tế có thể nhìn nhận theo những góc độ sau: *Thứ nhất,* chủ quyền quốc gia của mỗi nước càng bị hạn chế và thu hẹp một cách tương đối. *Thứ hai,* nhìn chung mang lại lợi ích nhiều hơn cho các nước phát triển, các nhà tài phiệt; đồng thời, cũng thúc đẩy các nguồn vốn đầu cơ tăng nhanh hình thành các "bong bóng xã phòng" - nguyên nhân gây ra các cuộc khủng hoảng tài chính trên phạm vi rộng lớn. *Thứ ba,* tạo ra quá trình phân phối lại của cải xã hội theo hướng "nước chảy chỗ trũng", làm cho khoảng cách giàu nghèo trên thế giới và trong mỗi quốc gia càng mở rộng hơn. *Thứ tư,* là điều kiện thuận lợi cho các nước phương Tây tiến hành chiến tranh kinh tế, chiến tranh tâm lý, "diễn biến hòa bình" mưu toan áp đặt bắt các nước phải theo ý họ.

***2 - Quan niệm về hội nhập kinh tế quốc tế***

Hội nhập kinh tế quốc tế có liên quan trực tiếp với toàn cầu hóa kinh tế, là quá trình đồng hành với quá trình toàn cầu hóa kinh tế. Dưới tác động của toàn cầu hóa kinh tế, thì nhu cầu hội nhập kinh tế quốc tế cũng xuất hiện. Có thể coi hội nhập kinh tế quốc tế và toàn cầu hóa kinh tế là hai mặt của một quá trình, không thể có toàn cầu hóa kinh tế nếu không có sự tham gia ngày càng đông của các quốc gia, dân tộc. Toàn cầu hóa kinh tế là tất yếu kinh tế thì hội nhập kinh tế quốc tế cũng là một đòi hỏi khách quan.

Qua tổng hợp lại những quan điểm của các nhà khoa học trong và ngoài nước, có thể kết luận: Hội nhập kinh tế quốc tế là một quá trình đi liền với toàn cầu hóa kinh tế mà trọng tâm là mở cửa kinh tế, tham dự phân công, hợp tác quốc tế tạo điều kiện kết hợp có hiệu quả nguồn lực trong nước với bên ngoài, mở rộng không gian và môi trường để phát triển và chiếm lĩnh vị trí phù hợp nhất có thể được trong quan hệ kinh tế quốc tế.

Nội dung chính của hội nhập kinh tế quốc tế là:

- *Về thương mại*: Các nước cam kết bãi bỏ hàng rào phi thuế quan bao gồm các hạn chế định lượng như cô-ta, giấy phép xuất nhập khẩu (trừ những lĩnh vực liên quan đến an ninh, môi trường, trật tự an toàn xã hội, đạo đức và truyền thống dân tộc). Toàn bộ biểu thuế xuất nhập khẩu được ràng buộc ở mức hiện hành nhưng giảm dần theo lịch trình thỏa thuận, các nước công nhận quyền kinh doanh xuất nhập khẩu của các chủ thể và cá nhân trong và ngoài nước trên lãnh thổ của mình một cách bình đẳng trước pháp luật. Theo Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại (GATT), với sự phân loại thành 11 lĩnh vực và 155 tiểu ngạch, các nước mở cửa thị trường cho nhau đối với cả 4 phương thức cung cấp dịch vụ là cung cấp qua biên giới, sử dụng dịch vụ ngoài lãnh thổ, thực hiện dịch vụ thông qua liên doanh, chi nhánh hoặc công ty 100% vốn nước ngoài.

- *Về đầu tư:* Các cam kết không áp dụng đối với đầu tư nước ngoài những yêu cầu về tỷ lệ nội địa hóa, cân bằng xuất nhập khẩu và hạn chế tiếp cận nguồn ngoại tệ. Nhiều hiệp định đầu tư đa phương đều có cam kết toàn diện nhằm bảo đảm, khuyến khích tự do hóa đầu tư.

Như vậy, hội nhập kinh tế quốc tế vừa là đòi hỏi khách quan của kinh tế quốc tế nói chung vừa là nhu cầu nội tại của sự phát triển kinh tế


Digitized by Google

của mỗi nước. Hội nhập giúp cho việc mở rộng cơ hội kinh doanh, thâm nhập thị trường thế giới, tìm kiếm và tạo lập thị trường ổn định, từ đó có điều kiện thuận lợi để xây dựng kế hoạch và cơ cấu đầu tư, sản xuất kinh doanh, giải quyết việc làm, phát triển kinh tế trong nước.

***3 - Những vấn đề đang đặt ra đối với việc hội nhập kinh tế quốc tế***

Nét nổi bật nhất khi hội nhập kinh tế quốc tế, tham gia quá trình toàn cầu hóa kinh tế của các nước đang phát triển, trong đó có nước ta là chưa được chuẩn bị một cách đầy đủ, kỹ càng, chưa đạt tới trình độ phát triển để có thể tiếp nhận cơ chế thị trường trong môi trường kinh tế hiện đại. Những bất cập có tính khái quát đó đã đặt ra rất nhiều vấn đề mà nhóm nước này phải vượt qua thì mới có thể được nhiều hơn mất và khẳng định được vị thế của mình khi hội nhập kinh tế quốc tế.

*Một là*, bản thân nền kinh tế thị trường toàn cầu có tính chất thiếu vững chắc, nhiều biến động khó lường. Tính chất không ổn định này có thể xét trên 2 khía cạnh. *Thứ nhất*, không ổn định là đặc tính vốn có của cơ chế thị trường tự do cạnh tranh. *Thứ hai*, tính không ổn định nhiều khi do các lực lượng đầu cơ quốc tế cố tình tạo ra để trục lợi. Có thể minh họa nhận định này qua mấy vấn đề cụ thể. Công nghệ thông tin hiện đại và những công cụ tín dụng tinh vi giúp cho các thị trường liên tục tương tác với nhau, phản ứng tức thì với các tín hiệu diễn ra trong đời sống kinh tế, tạo nên khối lượng chu chuyển vốn lớn và nhanh chưa từng có. Các quỹ bảo hiểm, các phòng kinh doanh của các tổ chức đầu tư, các ngân hàng quốc tế do làm chủ được khả năng tiếp cận thị trường, sức mạnh kinh tế, tài chính và thu được những món lợi rất lớn từ những dao động lên xuống của thị trường, nên nhiều khi họ chủ động tạo ra sự biến động để thu lợi nhuận tối đa. Chẳng hạn, tư bản đầu cơ hiện tại thu được những khoản lợi khổng lồ từ việc khai thác những xu thế đi lên của thị trường trước khi công chúng được thụ hưởng. Nó làm cho chu kỳ đi lên của thị trường phát triển thành bong bóng và chu kỳ đi xuống thành khủng hoảng trong một khoảng thời gian. Các nước nhỏ đang rơi vào tình trạng "lực bất tòng tâm" trong việc đối phó với những dòng lưu chuyển vốn khổng lồ này. Họ có rất ít khả năng tự vệ. Vì vậy, các nước này dù có áp dụng chính sách nào chăng nữa cũng sẽ không thể hoàn toàn tránh được những cuộc khủng hoảng, vừa theo chu kỳ vừa bất thường cũng như những hoạt động mang tính đầu cơ. Đối với nhiều nước đang phát triển, chu kỳ kinh doanh có nghĩa là nạn đói, các nhu cầu thiết yếu về lương thực, thuốc men không được đáp ứng. Trong khi đó, các nước phát triển lại có thể vượt qua thời kỳ này dễ dàng hơn do sử dụng nhiều cơ chế phúc lợi khác nhau để đối phó với tình hình lạm phát cao, nhiều xí nghiệp phá sản, thất nghiệp tăng nhanh...

*Hai là*, việc phát triển kinh tế của các nước đang phát triển thông qua hội nhập kinh tế quốc tế chính là một quá trình cạnh tranh để tham gia các tổ chức kinh tế, thương mại, tài chính quốc tế với những luật lệ, nguyên tắc, quy định đã có sẵn và được xây dựng dựa trên điều kiện kinh tế xã hội của các nước phát triển. Hệ thống luật lệ, nguyên tắc đó không phản ánh được thực tại của nền kinh tế toàn cầu với nhiều tầng, nhiều lớp, bao gồm các nước ở các nấc thang phát triển khác nhau. Bởi thế, giữa luật lệ của nhóm nước này và của từng nước với luật lệ quốc tế có khoảng cách khá lớn. Các nước đang phát triển muốn hội nhập một cách đầy đủ vào nền kinh tế thế giới mà chắc chắn là có sự áp đặt của các nước lớn, thì trước hết phải tiến hành điều chỉnh hệ thống luật trong nước cho phù hợp với luật quốc tế và những quy định, nguyên tắc của các thể chế mà mình tham gia hội nhập. Đây là một đòi hỏi bức thiết. Không những thế, thực tiễn và tập quán hoạt động kinh doanh trong nước cũng phải thay đổi cho phù hợp với thực tiễn và thông lệ quốc tế. Quá trình điều chỉnh này rất phức tạp, khó khăn và cần nhiều


Digitized by Google

thời gian, nhưng nếu để thời gian chuyển tiếp quá lâu thì lại mất đi tính hấp dẫn của nước đó so với thị trường khác, vì bản thân giữa các nước đang phát triển cũng diễn ra cuộc cạnh tranh gay gắt để thu hút sự đầu tư của nước ngoài. Một trong rất nhiều vướng mắc mà các nước này gặp phải là để điều chỉnh hệ thống luật pháp của mình lại không đủ nguồn lực tài chính, họ không có đủ tiền để cử đại diện thường trú của mình ở tổng hành dinh của các tổ chức kinh tế quốc tế, cũng như chưa đủ khả năng và điều kiện để nghiên cứu kỹ lưỡng hàng ngàn trang tư liệu liên quan.

*Ba là*, các nước đang phát triển đang đứng trước sức ép rất lớn của nhóm nước phát triển là phải đẩy mạnh tốc độ tự do hóa tài chính, thương mại, đầu tư. Với tương quan lực lượng hoàn toàn bất cân xứng, các nước phát triển với thế mạnh áp đảo về vốn, công nghệ, tài sản trí tuệ đang muốn đẩy nhanh quá trình toàn cầu hóa kinh tế, thậm chí áp chế các nước đang phát triển phải mở rộng cửa cho vốn, công nghệ và tài sản trí tuệ của họ; đồng thời, mở rộng khái niệm thương mại sang cả nhiều lĩnh vực khác, đưa chúng vào dưới sự bảo trợ của WTO như đầu tư, chính sách cạnh tranh, mua bán của chính phủ, môi trường, tiêu chuẩn vệ sinh lao động... Trong khi đó, nhiều nước đang phát triển với thực lực kinh tế còn non kém, những lợi thế về tài nguyên, tiền công lao động rẻ đang mất dần đi ý nghĩa trong nền kinh tế hiện đại, gánh nặng nợ nần nước ngoài không giảm mà tăng lên (trên 2 000 tỉ USD), thì không muốn đẩy nhanh tốc độ tự do hóa bởi nó vượt quá khả năng chịu đựng và sự chuẩn bị của nền kinh tế, gây bất lợi trước mắt và lâu dài cho các nước này, thậm chí ảnh hưởng tới cả chủ quyền kinh tế. Sau nhiều thập kỷ tham gia tự do hóa thương mại, nhiều nước đang phát triển và cả những chuyên gia kinh tế của các nước phát triển, các tổ chức phi chính phủ đã gọi tự do hóa thương mại như nó diễn ra kể từ khi GATT ra đời là "con đường một chiều" mang lại lợi ích chủ yếu cho các nước giàu, dẫn các nước giàu phương Bắc xâm nhập sâu hơn, nhanh hơn, dễ dàng hơn, toàn diện hơn vào các nền kinh tế phương Nam. Điều đó được thể hiện từ việc các mặt hàng công nghiệp đến dịch vụ, tài sản trí tuệ - những ưu thế của nhóm nước này được đưa vào WTO đến việc thực hiện các hiệp định tự do hóa thương mại đã được ký kết qua các vòng đàm phán. Ông M. Mo, Tổng Giám đốc WTO đã phát biểu tại Hội nghị UNCTAD 10 (tháng 2-2000) như sau: "Tốc độ tự do hóa nông nghiệp thấp hơn công nghiệp trong những năm qua cùng với những hàng rào thương mại tiếp tục được duy trì và những biến dạng ở nhiều thị trường là một trở ngại lớn đối với việc mở rộng khả năng của các nước đang phát triển trong lĩnh vực này". Hội nghị G77 được tiến hành tại Ma-ra-két (tháng 9-1999) ra Tuyên bố trong đó có đoạn viết: "Những lợi ích của hệ thống thương mại đa phương hiện hữu vẫn tiếp tục không đến được với các nước đang phát triển. Việc tự do hóa hoàn toàn các lĩnh vực đặc biệt có lợi ích cho các nước đang phát triển vẫn tụt lại phía sau và nhiều sự không công bằng về quyền lợi và nghĩa vụ vẫn tồn tại trong các Hiệp định đa phương về thương mại cũng như trong các điều kiện tiếp cận thị trường".

Thời điểm, tiến trình, tốc độ và phạm vi thực hiện tự do hóa thương mại đang là điểm nóng trong quan hệ kinh tế giữa hai nhóm nước. Sự thành công trong quá trình hội nhập vào nền kinh tế thế giới phụ thuộc rất nhiều vào khả năng kiểm soát quá trình hội nhập của các chính phủ trong bối cảnh tự do hóa và hội nhập đang diễn ra trên phạm vi toàn thế giới. Trên thực tế, có nhiều nước do không kiểm soát được tiến trình hội nhập của mình đã đẩy nền kinh tế vào tình trạng khó khăn không đáng có.

*Bốn là*, các nước đang phát triển đứng trước sự bành trướng về kinh tế của các tập đoàn xuyên quốc gia. Mặc dù thách thức đó cũng diễn ra cả với các nước phát triển, nhưng với


Digitized by Google

các nước yếu thì nó càng nặng nề hơn. Thực tế cho thấy, lợi ích của các công ty lớn thường mâu thuẫn với lợi ích của các nước nhận đầu tư là những nước đang phát triển, thí dụ như mục đích đầu tư, lĩnh vực, địa bàn đầu tư... Để bảo vệ lợi ích của mình, các công ty xuyên quốc gia với sức mạnh kinh tế hùng hậu, sự hậu thuẫn chắc chắn của chính phủ nước mình, có thể thao túng, khống chế, thậm chí vô hiệu hóa, triệt tiêu tác dụng của các chính sách kinh tế, gây sức ép về chính trị đối với nước tiếp nhận đầu tư, trong khi họ thừa biết có thể dẫn tới những hậu quả xấu đối với nền kinh tế của các nước này. Nhiều chính phủ của các quốc gia có chủ quyền đang phải chia sẻ quyền lực, đầu tiên là kinh tế, sau đó là chính trị với thế lực kinh tế hùng mạnh bên ngoài.

Từ những thách thức nêu trên, các nước đang phát triển đã rút ra được một số kinh nghiệm và đó cũng chính là những việc phải làm để có thể phát huy những mặt tích cực, khắc phục, đối phó với những thách thức của quá trình toàn cầu hóa kinh tế, nâng cao sự chủ động trong việc tham gia nền kinh tế thế giới.

Khi tham gia hội nhập nền kinh tế quốc tế, phải tính toán rất thận trọng đến những tác động và hệ quả lâu dài của quá trình toàn cầu hóa kinh tế đối với việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nước. Đây là vấn đề khó vì xu hướng toàn cầu hóa kinh tế diễn ra rất nhanh và bao trùm mọi lĩnh vực. Bởi vậy phải làm sao gắn kết được chiến lược phát triển kinh tế xã hội và bước đi của mình vào nền kinh tế thế giới với các mục tiêu và lộ trình của các khuôn khổ hợp tác kinh tế tay đôi, tiểu khu vực, liên châu lục và toàn cầu, sao cho các cam kết và thỏa thuận trong các khuôn khổ hợp tác đó hài hòa không bị vênh nhau hoặc mâu thuẫn với nhau.

Để tránh gây ra những đảo lộn về xã hội, cần luôn bảo đảm sự cân bằng hợp lý giữa các quan hệ: quyền lợi và nghĩa vụ của một nước trong các thể chế hội nhập, giữa mục tiêu kinh tế xã hội trong nước với những yêu cầu và đòi hỏi của bên ngoài, giữa các vấn đề kinh tế thương mại với các lĩnh vực khác. Nếu không kịp thời thích ứng, phản ứng linh hoạt, điều chỉnh cơ cấu kinh tế và thay đổi công nghệ, không khai thác được lợi thế so sánh của mình, thì sẽ rất dễ bị tổn thương trong quá trình hội nhập. Các nước đều phải cân nhắc, lựa chọn những ngành mình có lợi thế cạnh tranh để mở cửa, đồng thời xác định những ngành và lĩnh vực cần tập trung củng cố để có thể cạnh tranh được trong tương lai; mặt khác, thực hiện những biện pháp bảo hộ hợp pháp và tạm thời đối với những ngành hiện chưa có khả năng cạnh tranh.

Một vấn đề có tính nguyên tắc mà các nước đang phát triển đã rút ra sau quá trình hội nhập nền kinh tế toàn cầu là: Toàn cầu hóa kinh tế là xu thế khách quan, tham gia vào quá trình đó là tất yếu, việc nhấn mạnh đến sự bất ổn định, bất công trong quá trình đó không có nghĩa là phản đối, phủ nhận toàn cầu hóa kinh tế. Nền kinh tế thực của thế giới đang tăng trưởng với tốc độ rất nhanh và tất cả các nước đều phải đua tranh với sự tăng trưởng đó. Muốn vậy phải phát huy cao độ nội lực của bản thân mình, không vì hướng ra thị trường nước ngoài mà lơ là việc chiếm giữ thị trường trong nước, tạo cho mình một sức đề kháng cao để đối phó với những mặt trái của toàn cầu hóa kinh tế.

Đề cập tới vấn đề này, cựu Thủ tướng Ma-lai-xi-a, ông Ma-thia Mô-ha-mét, cho rằng: Đối với một quốc gia đi theo đường lối dựa vào sức mình hoặc tự chủ thì không có nghĩa là phủ định sự hội nhập nền kinh tế thế giới. Thành tựu tự lực có nghĩa là các nước đang phát triển không phải chịu cúi mình trước mệnh lệnh của các nước khác, của các tác nhân quyền lực khác như các công ty xuyên quốc gia hoặc đúng hơn là các thiết chế tài chính do phương Bắc thống trị trong đó các nước đang phát triển không có tiếng nói trong việc quyết định chính sách và luật lệ. ❑


Digitized by Google

# Đổi mới cơ chế quản lý lâm nghiệp, góp phần phát triển kinh tế - xã hội TÂY NGUYÊN

TRỊNH HUY QUÁCH *

TÂY Nguyên hiện nay, dù có tốc độ tăng trưởng khá cao: 12%/năm nhưng cũng phải mất ít nhất là 25 năm mới có thể đuổi kịp mặt bằng chung của cả nước về GDP bình quân đầu người. Vì vậy, muốn sớm rút ngắn khoảng cách về thu nhập so với các địa phương khác, cần có những bước đột phá về nguồn lực kinh tế cho tăng trưởng ở Tây Nguyên; trong đó, đổi mới cơ chế quản lý lâm nghiệp có một vai trò tích cực.

1 - Tây Nguyên (chỉ tính bốn tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắc Lắc và Đắc Nông) có tổng diện tích đất lâm nghiệp là 2,24 triệu héc-ta, chiếm 54% diện tích đất tự nhiên, ngoài ra còn có khoảng 870 nghìn héc-ta đất chưa sử dụng (chủ yếu là đồi núi). Đất lâm nghiệp, phần lớn là rừng tự nhiên (thí dụ rừng tự nhiên ở Kon Tum chiếm tới 97,9%, rừng trồng chỉ chiếm 2,1%), trong đó hơn một nửa là rừng sản xuất; rừng phòng hộ và rừng đặc dụng chỉ chiếm gần một nửa.

Tình hình khai thác và phát triển tài nguyên rừng ở Tây Nguyên có thể khái quát dưới những nét đặc trưng sau:

*Thứ nhất*, mặc dù giàu có về tài nguyên rừng, nhưng Tây Nguyên lại thiếu gỗ cho sản xuất. Các doanh nghiệp của Tây Nguyên hoạt động trong lĩnh vực tinh chế gỗ xuất khẩu lại phải nhập phần lớn nguyên liệu gỗ từ nước ngoài để đáp ứng nhu cầu cho sản xuất trong nước. Thí dụ, Công ty Kinh doanh tổng hợp Kon Tum phải nhập khoảng 70% lượng gỗ phục vụ tinh chế gỗ xuất khẩu, vì nguyên liệu gỗ tại địa bàn vừa thiếu về số lượng, vừa kém về chất lượng. Do đó, trong khi Kon Tum đang phải cố gắng thu hút vốn đầu tư từ bên ngoài thì Công ty phải đầu tư ra bên ngoài bằng cách lập các chi nhánh ở trong nước và nước ngoài nhằm phục vụ cho việc vận chuyển gỗ nhập khẩu và xuất khẩu sản phẩm gỗ tinh chế.

*Thứ hai*, tính bình quân trên đầu người cho thấy, nếu tỉnh nào càng giàu về tài nguyên rừng thì lại càng nghèo về thu nhập. Kon Tum có 315 000 héc-ta rừng sản xuất, nhiều gấp gần 3,5 lần so với diện tích đất nông nghiệp, nhưng giá trị sản xuất của đất lâm nghiệp Kon Tum trong giai đoạn hiện nay chỉ chiếm dưới 12% tổng giá trị sản xuất của ngành nông - lâm - thủy sản và chỉ đóng góp 5,2% GDP của tỉnh. Tương tự như vậy, lâm nghiệp chỉ đóng góp không quá 3% GDP đối với Gia Lai và khoảng 1% GDP đối với Đắc Lắc (cũ).

*Thứ ba*, mặc dù Nhà nước và các địa phương đã bỏ nhiều tiền của, công sức để cố gắng bảo vệ rừng, nhưng tình trạng chặt phá rừng trái phép vẫn đang diễn ra trầm trọng. Trong giai đoạn

* TSKH, Phó Chủ nhiệm Ủy ban kinh tế và Ngân sách của Quốc hội



Digitized by Google

1995 - 2000, diện tích đất lâm nghiệp ở Kon Tum giảm 67 600 héc-ta (giảm 10%), nguyên nhân là do diện tích rừng tự nhiên bị giảm tới 75 200 héc-ta (giảm 11,2%). Tại Đắc Lắc (cũ), mặc dù tỉnh đã có nhiều cố gắng trong việc bảo vệ rừng, nhưng chỉ riêng trong 7 tháng đầu năm 2003 diện tích rừng bị phá, cháy là hơn 340 héc-ta.

Để nâng cao hiệu quả của tài nguyên rừng cần tìm ra nguyên nhân của tình trạng trên và có giải pháp hữu hiệu tháo gỡ những vướng mắc trong ngành lâm nghiệp ở Tây Nguyên.

2 - Ngoài chức năng quản lý và khai thác tài nguyên rừng, các lâm trường quốc doanh ở Tây Nguyên còn có chức năng hình thành các trung tâm dân cư, tạo việc làm cho người lao động ở các vùng sâu, vùng xa nhằm góp phần ổn định tình hình chính trị, bảo đảm trật tự an ninh xã hội ở các vùng biên giới. Vì vậy, phần lớn các lâm trường ở Tây Nguyên được giao đất dưới hình thức khoanh vẽ theo tiểu khu. Theo số liệu thống kê, trên địa bàn Kon Tum hiện có 19 lâm trường và 3 ban quản lý rừng với tổng diện tích được khoanh vẽ theo các tiểu khu xấp xỉ 550 000 héc-ta, trong đó diện tích đất có rừng là 399 000 héc-ta, đất trống là 125 000 héc- ta và đất khác là 26 000 héc-ta; với tổng diện tích đất lâm nghiệp là 593 000 héc-ta, tỉnh Gia Lai quy hoạch thành 15 lâm trường và 14 ban quản lý rừng; trên địa bàn tỉnh Đắc Lắc (cũ) có 47 lâm trường quản lý sử dụng 957 000 héc-ta, trong đó đất lâm nghiệp là 707 000 héc-ta, đất nông nghiệp là 103 000 héc-ta, còn lại là đất khu dân cư và đất chuyên dùng. Số liệu trên cho thấy, phần lớn diện tích đất lâm nghiệp ở Tây Nguyên được giao cho các lâm trường quốc doanh quản lý và khai thác, vì vậy nâng cao hiệu quả của các lâm trường sẽ giải quyết về cơ bản vấn đề nâng cao hiệu quả khai thác tài nguyên rừng ở Tây Nguyên.

Hoạt động của các lâm trường ở Tây Nguyên nhìn chung được đánh giá là không có hiệu quả. Do thiếu kinh phí và quá ít lao động biên chế, nên các lâm trường không có khả năng bảo vệ và phát triển rừng, nhiều diện tích đất bị bỏ hoang, dẫn đến tình trạng tài nguyên rừng tiếp tục bị suy giảm cả về diện tích và chất lượng; đất lâm nghiệp và đất nông nghiệp do lâm trường quản lý bị dân lấn chiếm sử dụng. Nhằm từng bước khắc phục tình trạng này, các tỉnh đã tiến hành thu hồi những diện tích đất mà các lâm trường không khai thác hoặc khai thác kém hiệu quả để giao cho địa phương quản lý. Cụ thể là, Kon Tum đã thu hồi 39 000 héc-ta, Đắc Lắc là 54 000 héc-ta. Riêng Gia Lai đã thu hồi được 71 000 héc-ta quỹ đất nông nghiệp từ các nông, lâm trường. Đây chỉ là giải pháp tình thế, chưa giải quyết được vấn đề hiệu quả hoạt động của các lâm trường, trong khi diện tích đất đai do các đơn vị này đang quản lý khai thác vẫn còn rất lớn.

3 - Hiện nay, một héc-ta rừng do lâm trường quản lý chỉ mang lại 1,3 triệu đồng mỗi năm trong khi doanh thu bình quân cả nước trên một héc-ta đất nông lâm nghiệp là 20 triệu đồng/năm. Kết quả là, năm 2003, có đến 98% trong tổng số 368 lâm trường trong cả nước làm ăn thua lỗ, nợ nần chồng chất. Một trong những nguyên nhân chủ yếu của tình trạng này là do các nông, lâm trường có tâm lý trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước, không tích cực chuyển đổi nội dung và phương thức hoạt động theo cơ chế mới. Từ thực tế Tây Nguyên, có thể thấy rằng, lâm nghiệp ở đây rất ít được đổi mới. Nhưng về phía cơ quan quản lý nhà nước cũng thực hiện cấp chỉ tiêu và kinh phí từng năm cho toàn bộ việc trồng, khai thác và tiêu thụ gỗ rừng ở các tỉnh Tây Nguyên, khiến cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực lâm nghiệp phải tồn tại nhờ vào chỉ tiêu khai thác gỗ và ngân sách bảo vệ rừng, không có điều kiện chủ động sản xuất kinh doanh lâm nghiệp. Vì vậy, không hề ngạc nhiên rằng khoản thu của một doanh nghiệp nhà nước - Công ty Đầu tư phát triển lâm nông công nghiệp và Dịch vụ Đắc Tô (gồm 3 lâm trường Đắc Tô, Quang Trung và Ngọc Linh) - được thể hiện dưới dạng kinh phí chứ không phải dưới dạng


Digitized by Google

doanh thu như đối với một doanh nghiệp thông thường. Trong khi phải gánh thêm nghĩa vụ xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tại địa bàn đơn vị đóng, Công ty vẫn phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước như một doanh nghiệp, ngoài ra còn phải nộp thêm khoản tiền bán cây đứng (về thực chất, tương tự như phần khấu hao của doanh nghiệp). Công ty này hiện đang quản lý 61 700 nghìn héc-ta rừng tự nhiên với tổng trữ lượng 3,4 triệu $m^3$ gỗ, nhưng trong năm 2003 chỉ được giao chỉ tiêu khai thác 4 nghìn $m^3$ gỗ, trong đó 50% là do Công ty tự khai thác với nguồn thu có được là 2,5 tỉ đồng, 50% còn lại phải giao cho các đơn vị khác khai thác với kinh phí chỉ còn là 800 triệu đồng. Toàn bộ hoạt động đầu tư phát triển lâm nghiệp của Công ty đều được xếp vào loại hình hoạt động công ích với giá rất thấp. Kế hoạch khai thác gỗ tròn rừng tự nhiên năm 2004 của toàn tỉnh Gia Lai cũng chỉ là 22 nghìn $m^3$ - một con số quá khiêm tốn so với quỹ gỗ rừng sản xuất hiện có tại địa bàn.

Các lâm trường cũng đang rất bức xúc với cơ chế bao cấp này. Thậm chí, Công ty Đầu tư phát triển lâm nông công nghiệp và Dịch vụ Đắc Tô chỉ mong được giao chỉ tiêu khai thác, tiêu thụ gỗ dài hạn hơn (ít nhất là 5 năm) để chủ động trong sản xuất, kinh doanh và thu hút vốn đầu tư.

4 - Để nâng cao hiệu quả tài nguyên rừng ở Tây Nguyên, có hai vấn đề liên quan chặt chẽ với nhau cần được giải quyết tốt.

*Vấn đề thứ nhất:* Khai thác có hiệu quả tài nguyên rừng, nằm trong khả năng giải quyết của các doanh nghiệp trong lĩnh vực lâm nghiệp một khi xóa bỏ được tình trạng bao cấp và thay thế bằng cơ chế hoạt động hợp lý. Nhiều năm, cơ chế bao cấp đã từng kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất ở nước ta và nay vẫn đang làm hạn chế hiệu quả khai thác tài nguyên rừng. Một số nông trường viên ở Tây Nguyên bức xúc cho biết: Vòng đời của cây cũng tương tự như vòng đời của con người: sinh trưởng rồi chết, vì vậy khi cây đã già thì phải chặt đi để tận dụng gỗ và dành chỗ cho cây non sinh trưởng. Nhưng trong cơ chế bao cấp như hiện nay thì cây rừng chết do quá già cũng đành để mục nát chứ không được phép tận dụng vì không có chỉ tiêu.

Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 16-6-2003, của Bộ Chính trị về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển nông, lâm trường quốc doanh đã khẳng định rõ mục tiêu, quan điểm, phương hướng và các giải pháp chủ yếu đối với các lâm nghiệp quốc doanh, trong đó đặc biệt nêu rõ quan điểm "đổi mới nông, lâm trường quốc doanh phải gắn với đổi mới về cơ chế quản lý theo hướng phân biệt rõ nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh và nhiệm vụ công ích. Nông, lâm trường làm nhiệm vụ kinh doanh là chủ yếu thì phải chuyển hẳn sang sản xuất và hạch toán kinh doanh theo cơ chế thị trường...". Gần đây, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 179/QĐ-TTg về việc sắp xếp, đổi mới các nông, lâm trường quốc doanh, trong đó có việc thí điểm cổ phần hóa rừng trồng của các lâm trường. Thiết nghĩ, đây là những biện pháp cơ bản để giải quyết vấn đề này, biến các lâm trường thành các doanh nghiệp thực sự.

Việc "công ty hóa" lâm trường được thực hiện ở Công ty Đầu tư phát triển lâm nông công nghiệp và Dịch vụ Đắc Tô (Kon Tum) sáp nhập 3 lâm trường là một mô hình cần được tiếp tục nghiên cứu nhân rộng. Theo mô hình này, các đơn vị có điều kiện không chỉ làm tốt các công tác trồng, quản lý bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng, khai thác chế biến gỗ rừng, mà còn có khả năng mở rộng các hoạt động dịch vụ, thương mại, như thu mua nông lâm sản, kinh doanh nhiên liệu, xây dựng cơ bản và các ngành nghề khác đáp ứng nhu cầu thị trường tại chỗ.

*Vấn đề thứ hai:* Bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng là tiền đề quan trọng để khai thác có hiệu quả lâu dài tài nguyên này, nhưng cũng đang là vướng mắc lớn cho công tác quản lý nhà nước đối với ngành lâm nghiệp. Cơ chế bao cấp


Digitized by Google

đối với việc trồng mới, chăm sóc và bảo vệ rừng như hiện nay rõ ràng không mang lại hiệu quả, và như vậy sẽ không thể đẩy mạnh việc khai thác rừng sản xuất vì sẽ làm giảm nhanh chóng tài nguyên rừng. Việc giao chỉ tiêu hạn chế đối với việc khai thác gỗ rừng nhằm hạn chế sự suy giảm của tài nguyên rừng trong điều kiện trồng mới rừng còn gặp nhiều khó khăn cũng chỉ là biện pháp thụ động không hiệu quả, vừa khiến cho các lâm trường sống lay lắt trông chờ vào Nhà nước, vừa là mảnh đất béo bở cho nạn "lâm tặc" phát triển.

Chúng tôi cho rằng, việc nâng cao hiệu quả tài nguyên rừng ở Tây Nguyên phải được giải quyết trên cơ sở gắn kết thống nhất hai vấn đề nêu trên với lực lượng nòng cốt để thực hiện là các lâm trường quốc doanh được sắp xếp, đổi mới theo định hướng đã được Bộ Chính trị xác định. Điều kiện tiên quyết để có thể đổi mới thành công các lâm trường là, trước hết phải có sự đổi mới về cơ chế quản lý nhà nước đối với các lâm trường theo hướng chuyển các đơn vị này thành những chủ nhân thực sự của diện tích rừng được giao quản lý khai thác, chuyển từ cơ chế giao chỉ tiêu và kinh phí hiện nay sang cơ chế tự chủ cho các lâm trường.

Trong điều kiện ngân sách nhà nước còn eo hẹp như hiện nay, khả năng để Nhà nước cấp đủ vốn kinh doanh cho các lâm trường quốc doanh là rất khó. Tuy nhiên, có một dạng vốn mà Nhà nước có thể và cần giao cho các lâm trường là giá trị cây trên đất lâm nghiệp, ước tính giá trị vốn này ở Tây Nguyên có thể lên đến vài nghìn tỉ đồng. Nếu giá trị cây rừng được giao cho các lâm trường quản lý và khai thác, thì với số vốn vật chất to lớn như vậy các lâm trường sẽ không gặp khó khăn trong việc huy động vốn để sản xuất, kinh doanh có hiệu quả. Bên cạnh đó, cần xác định rõ nghĩa vụ của các lâm trường quốc doanh trong việc bảo toàn và phát triển vốn giá trị cây rừng được giao, tương tự như trách nhiệm của các doanh nghiệp nhà nước khác trong việc bảo toàn và phát triển vốn.

Dễ dàng thấy rằng, việc giao cho lâm trường quốc doanh quyền tự chủ trong sản xuất, kinh doanh gắn với nghĩa vụ bảo toàn và phát triển vốn giá trị cây rừng sẽ tạo điều kiện để lâm trường thực hiện tốt không chỉ nhiệm vụ khai thác có hiệu quả tài nguyên rừng mà cả nghĩa vụ bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng. Thực vậy, theo cơ chế này thì nhiệm vụ, nghĩa vụ trên sẽ được gắn kết hữu cơ với nhau và với quyền lợi của lâm trường, bởi chỉ có bảo vệ và phát triển được tài nguyên rừng thì lâm trường mới có điều kiện khai thác lâu dài tài nguyên này. Một khi việc bảo vệ và phát triển rừng trở thành sự nghiệp thiết thân của người lao động ở lâm trường, thì không những Nhà nước giảm bớt được kinh phí, mà công tác này còn đem lại kết quả tốt hơn.

5 - Một nguyên nhân quan trọng làm cho kinh tế Tây Nguyên kém phát triển là do tài nguyên rừng ở vùng này chưa được khai thác tương xứng với tiềm năng to lớn của nó. Theo chúng tôi, khai thác có hiệu quả tài nguyên rừng chính là giải pháp có tính đột phá cho vấn đề phát triển kinh tế Tây Nguyên. Muốn vậy, ngoài việc dành một phần diện tích đất lâm nghiệp hợp lý cho các hộ gia đình, Nhà nước cần mạnh dạn giao diện tích rừng sản xuất dưới hình thức giao vốn cho các doanh nghiệp nhà nước (trước hết là lâm trường quốc doanh). Các doanh nghiệp, các cá nhân được quyền chủ động sử dụng vốn rừng được giao để sản xuất kinh doanh có hiệu quả, đồng thời cũng có trách nhiệm bảo toàn và phát triển giá trị cây rừng trên diện tích được giao bằng cách trồng và chăm sóc cây mới. Kinh nghiệm thành công về giao đất trong nông nghiệp cho phép chúng ta tin tưởng vào tính khả thi của phương án này, bởi mấy lý do sau:

*Thứ nhất,* tài nguyên rừng là một lợi thế rõ rệt để kinh tế Tây Nguyên đi lên thoát nghèo đói và phát triển. Kinh nghiệm của nhiều nước cho thấy, đối với một nền kinh tế đang trong giai đoạn đầu của sự phát triển, thiếu vốn và công


Digitized by Google

nghệ còn lạc hậu, vấn đề then chốt là phải phá vỡ được vòng luẩn quẩn của sự nghèo đói: Thu nhập đầu người thấp → Tiết kiệm và đầu tư thấp → Tốc độ tích lũy vốn thấp → Năng suất thấp → Thu nhập đầu người →... Trong điều kiện đó, lợi thế về nguồn tài nguyên thiên nhiên có thể đóng vai trò hết sức quan trọng. Việc khai thác có hiệu quả rừng sản xuất sẽ làm tăng thêm một cách đáng kể đầu vào của nền kinh tế Tây Nguyên, tạo xung lực để phá vỡ vòng luẩn quẩn của sự nghèo đói này.

*Thứ hai,* lâm nghiệp là ngành kinh tế có hiệu quả sử dụng đồng vốn đầu tư cao (hệ số ICOR thấp). Trong điều kiện thiếu vốn cho đầu tư phát triển các lĩnh vực kinh tế khác, phát triển lâm nghiệp là giải pháp lý tưởng cho Tây Nguyên nhờ hiệu quả sử dụng vốn đầu tư cao. Có thể nêu lên một thí dụ: Một héc-ta cây cao-su cần vốn đầu tư là 36 triệu đồng, 7 năm sau có thể khai thác trong vòng 25 - 30 năm với lãi ròng là 6 triệu đồng/năm, sau đó bán gỗ cây cao-su với giá 50 - 70 triệu đồng. Tạm tính sơ bộ rằng một nửa diện tích rừng hiện nay của Tây Nguyên là rừng sản xuất (1,12 triệu ha rừng sản xuất) và hiệu suất vốn đầu tư bình quân của diện tích rừng đó là bằng một nửa so với trồng cây cao-su (tạo được giá trị tăng thêm là 3 triệu ha/năm). Khi đó, việc đưa toàn bộ diện tích rừng sản xuất của Tây Nguyên vào khai thác sẽ tạo được tổng giá trị gia tăng sau đó vài năm là trên 6,7 nghìn tỉ đồng/năm, gấp khoảng 6 lần GDP của tỉnh Kon Tum hiện nay.

*Thứ ba,* khai thác có hiệu quả rừng sản xuất tạo điều kiện thuận lợi để phát triển công nghiệp chế biến, từ đó tác động tích cực đến quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế. Ngành công nghiệp ở Tây Nguyên chiếm tỷ trọng gần 20% trong GDP, chủ yếu tập trung vào công nghiệp chế biến nông - lâm sản, trong đó một ngành mũi nhọn đang có thế mạnh là tinh chế gỗ xuất khẩu. Do đó, nếu đưa rừng sản xuất vào khai thác sẽ làm tăng lượng gỗ, giải quyết cơ bản nhu cầu về nguyên liệu gỗ của các doanh nghiệp tinh chế gỗ xuất khẩu và thu hút thêm vốn đầu tư từ bên ngoài vào lĩnh vực này.

*Thứ tư,* khai thác có hiệu quả rừng sản xuất tạo điều kiện để khai thác có hiệu quả lợi thế nguồn nhân lực. Tây Nguyên hiện có khoảng 1,6 triệu người trong độ tuổi lao động và có khả năng lao động. Mặc dù không có con số thống kê đầy đủ về tỷ lệ thất nghiệp thời vụ, nhưng theo nhận định chung thì tỷ lệ này là khá cao, tập trung phần lớn vào đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ (chiếm gần 30% nguồn nhân lực Tây Nguyên). Nếu đưa rừng sản xuất vào khai thác sẽ làm tăng thêm việc làm trong lĩnh vực lâm nghiệp, từ đó khai thác có hiệu quả nguồn lao động tại chỗ của Tây Nguyên vốn là thế mạnh đang ở dạng tiềm năng.

*Thứ năm,* khai thác có hiệu quả rừng sản xuất tạo điều kiện để bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng. Việc giao rừng sản xuất dưới hình thức giao vốn cho các cá nhân, đơn vị sẽ làm cho họ có trách nhiệm cao hơn trong việc bảo vệ vốn rừng, tích cực phòng chống việc chặt phá rừng trên diện tích được giao. Ngoài ra, nhờ có thêm nguồn thu từ rừng sản xuất (chủ yếu dưới dạng thuế thu nhập doanh nghiệp), các địa phương có thêm điều kiện để tăng thêm mức khoán cho công tác bảo vệ rừng phòng hộ, rừng đặc chủng..., bảo đảm cho người dân sống được bằng nghề bảo vệ rừng.

*Thứ sáu,* sự phát triển của lâm nghiệp góp phần giải quyết một cách hiệu quả và vững chắc những vấn đề chính trị - xã hội, quốc phòng - an ninh. Việc đẩy mạnh các hoạt động lâm nghiệp sẽ tạo thêm việc làm và thu nhập ổn định cho hàng vạn người lao động, đặc biệt là cho đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ. Đây là giải pháp vững chắc và lâu dài cho vấn đề xóa đói giảm nghèo ở Tây Nguyên. Ngoài ra, các lâm trường sẽ đảm nhiệm tốt hơn vai trò là lực lượng quan trọng trên mặt trận quốc phòng toàn dân, tăng cường an ninh xã hội và an ninh biên giới. ❑


Digitized by Google

# Những âm mưu lợi dụng tôn giáo và vấn đề dân tộc chống lại sự nghiệp cách mạng nước ta hiện nay

LÊ BÌNH *

DÂN tộc và tôn giáo là những vấn đề đặc biệt nhạy cảm, có quan hệ khăng khít với nhau và có quan hệ khăng khít với chính trị. Vì vậy, xưa nay các thế lực đế quốc, phản động đặc biệt chú ý lợi dụng những vấn đề này làm công cụ chống phá sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chúng khoác lên hoạt động chính trị và mục đích chính trị dưới cái vỏ "ý Chúa" và "việc làm tín ngưỡng" cùng "lợi ích cộng đồng" để lừa bịp quần chúng, kích động quần chúng bất mãn manh động về chính trị, gây rối, chia rẽ mất đoàn kết trong cộng đồng, tạo nên những vụ, việc, qua đó bôi nhọ chế độ xã hội chủ nghĩa và đảng cộng sản, lôi kéo lực lượng, chờ thời cơ gây bạo loạn lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa. Quá trình sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Ba Lan nói riêng và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu nói chung đã chứng tỏ điều đó.

Với Việt Nam, các thế lực thù địch hết sức chú trọng lợi dụng tôn giáo và vấn đề dân tộc để thực hiện chiến lược "diễn biến hòa bình" và bạo loạn lật đổ.

***Về lợi dụng tôn giáo:*** Chúng coi đây là "chiến tranh ngầm tôn giáo" và xác định "cuộc đấu tranh của tôn giáo là một mất một còn với chế độ Cộng sản Việt Nam, là lực lượng quyết định thành công", "vì thế chiến tranh ngầm tôn giáo chiếm vị chí then chốt cho từng thời điểm, từng vùng trong cuộc đấu tranh lật đổ". Mấy năm gần đây chúng chủ trương "đấu tranh kiên trì, hợp pháp, từ thấp đến cao nhưng sẵn sàng bùng nổ đồng loạt", chúng thu hút thanh niên thực hiện "thánh hóa giới trẻ", qua các hình thức tổ chức lễ hội, cắm trại, hành hương, lập các hội đoàn như ca đoàn, hội trống, hội kèn, hội thanh niên và hội sinh viên Thiên chúa giáo, đoàn thanh niên Phật giáo. Đặc biệt các tôn giáo đều tích cực phát triển lực lượng nhất là các vùng biên giới phía Bắc và Tây Nguyên. Từ năm 1990, đạo Tin lành xâm nhập vào Lào Cai, đến năm 2001 có tới 7 trên 11 huyện, thị xã có đạo Tin lành. Đạo Thiên chúa vừa đẩy mạnh phát triển lực lượng, vừa rầm rộ tổ chức lễ thánh tại xứ đạo Hưng Hóa lôi kéo đến 50 000 người tham gia, có 50 đoàn trong nước kéo về. Chúng tuyên truyền đất Sa Pa là đất của Chúa, lôi kéo người Mông theo đạo. Năm 1985 trở về trước, Sơn La là tỉnh hoàn toàn không có đạo. Từ năm 1986 trở lại đây, chúng bắt đầu thực hiện ý đồ phát triển đạo vào các dân tộc thiểu số nhằm mục đích lợi dụng dân tộc thiểu số chống lại độc lập dân tộc và định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Các thế lực thù địch đã tăng cường các hoạt động chống phá, đầu tư nhiều mặt như: tổ chức nghiên cứu phong tục tập quán, xây dựng chữ viết của các dân tộc thiểu số để dịch và phổ biến Kinh thánh bằng chữ dân tộc; tổ chức truyền đạo qua Đài Phát thanh Tự do, tìm mọi cách phát tán tài liệu tôn giáo, sách Kinh thánh vào các vùng dân cư, chỉ đạo

* TS. Khoa Triết học - Phân viện Hà Nội, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh


Digitized by Google

các trung tâm tôn giáo, các nhà thờ mở rộng vùng hoạt động truyền đạo nhằm phát triển giáo dân, nhồi nhét tư tưởng phản động vào trong nhân dân, tổ chức tuyên truyền những luận điệu nhảm nhí, phản khoa học để lừa bịp nhân dân, thậm chí có nơi chúng còn dùng các luận điểm phản động, phản khoa học để hăm dọa, cưỡng ép đồng bào theo đạo. Hiện nay, toàn tỉnh Sơn La có 580 hộ với 3 638 người Mông theo đạo; trong đó, có 135 hộ với 832 người theo đạo Thiên chúa; 450 hộ với 2 806 người theo đạo Tin lành (số người trên ở 61 bản thuộc 28 xã, 8 huyện).

Một đặc điểm chung của hoạt động truyền đạo, phát triển các tôn giáo ở Lào Cai và Sơn La là, trong quá trình truyền đạo, các thế lực thù địch đã lồng vào các nội dung tuyên truyền chống chủ nghĩa xã hội, kích động chia rẽ dân tộc, chia rẽ nhân dân với Đảng, Nhà nước, kích động tư tưởng dân tộc hẹp hòi; kích động di dân tự do làm ảnh hưởng đến cuộc sống yên bình của nhân dân. Do sự lôi kéo và cung cấp tài chính của các thế lực phản động cùng một số nguyên nhân khác, từ năm 1991 đến tháng 3-2001, Lào Cai có 544 hộ với 2 477 khẩu di dân tự do vào Tây Nguyên (năm 2001, có 216 hộ theo đạo Tin Lành, di cư tự do vào Tây Nguyên). Tại tỉnh Sơn La, các thế lực phản động (thông qua Đài Phát thanh Tự do đặt ở nước ngoài) kêu gọi đồng bào "muốn có tổ quốc, có vua thì bà con phải đi về phía Tây, nơi mặt trời lặn". Điều đó đã tác động tư tưởng một bộ phận nhân dân vùng cao, đã làm cho một số gia đình di cư tự do sang Lào và đi sang các tỉnh lân cận. Ở Tây Nguyên, ngay sau khi đất nước hoàn toàn giải phóng, các thế lực thù địch ở trong và ngoài nước đã sử dụng một bộ phận tín đồ cực đoan đạo Tin lành trong "kế hoạch hậu chiến" cũng như kế hoạch khôi phục lực lượng phản động nhằm chống lại Nhà nước Việt Nam. Bọn Phun-rô đã nhanh chóng thành lập lực lượng "Tin lành ly khai" và triệt để lợi dụng số này như một thứ công cụ nhằm khôi phục lại tổ chức Phun-rô, đồng thời tiến hành tuyên truyền chia rẽ các dân tộc Tây Nguyên phục vụ cho mưu đồ chính trị của chúng. Âm mưu không thành, đại bộ phận những kẻ đứng đầu trong lực lượng "Tin lành ly khai" ở Tây Nguyên đã tan rã. Trong đó một số chạy ra nước ngoài, định cư ở Mỹ. Tại đây, nhiều kẻ được các thế lực thù địch, phản động nuôi dưỡng, xúi giục hình thành các tổ chức phản động và nhất là hình thành các tổ chức đội lốt tôn giáo nhằm tập hợp lực lượng chờ thời cơ chống lại Nhà nước Việt Nam. Trong nhiều năm, lợi dụng đường lối mở cửa và chính sách quan hệ đối ngoại đa phương của Đảng và Nhà nước ta, các thế lực thù địch đã thông qua nhiều con đường tác động vào một bộ phận tín đồ hệ phái Tin lành trong nước nhằm làm rối nội bộ giáo hội, gây mất đoàn kết trong đồng bào có đạo cũng như không có đạo ở Tây Nguyên. Lợi dụng hoạt động truyền đạo trái phép, chúng kích động một bộ phận đồng bào tiến hành biểu tình gây rối vào tháng 2-2001 và tháng 4-2004 tại một số địa phương khu vực Tây Nguyên. Sau khi sự việc Tây Nguyên xảy ra, để khuyếch trương lực lượng và đẩy mạnh thanh thế nhằm lừa bịp các đối tượng khác ở nước ngoài, tại Mỹ Ksor Kok ("Tổng thống" tự phong của cái gọi là "Nhà nước Đề Ga độc lập") tiến hành thành lập "Hội thánh Tin lành Đề Ga tại Việt Nam". Cùng thời điểm này, Ama Chăm cũng được cử làm "Hội trưởng Hội thánh Tin lành Đề Ga tại Việt Nam". Hầu hết những kẻ ở trong cái gọi là "Hội thánh" này đều có vị trí trong cái nhà nước hư vô - "Nhà nước Đề Ga độc lập". Chúng đã tự cho "Hội thánh Tin lành Đề Ga tại Việt Nam" là hạt nhân, là linh hồn, là xương sống trong việc tổ chức "Nhà nước Đề Ga độc lập". Hiện nay, lợi dụng danh nghĩa này cũng như sự giúp đỡ của các thế lực phản động, thù địch ở nước ngoài, Ksor Kok và Ama Chăm đại diện cho cái gọi là "Nhà nước Đề Ga độc lập" và "Hội thánh Đề Ga tại Việt Nam" đã thông qua lực lượng truyền đạo thường xuyên lợi dụng các hoạt động tuyên truyền phát triển đạo để tiến hành các hoạt động nhằm chống lại Nhà nước Việt Nam. Chúng lừa phỉnh, dụ dỗ, kích động, xúi giục bà con, lợi dụng những khó khăn trước mắt để xuyên tạc, vu cáo, gây mất ổn định ở khu vực, ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc


Digitized by Google

sống yên bình của nhân dân. Ở nước ngoài, nhân danh các tổ chức trên, Ksor Kok và Ama Chăm đã soạn thảo và tán phát "Thư kêu gọi" và các "yêu sách" để tuyên truyền kích động đồng bào đấu tranh với chính quyền và vượt biên trái phép sang Cam-pu-chia, gây mất ổn định chính trị, tạo cớ vu cáo Đảng và Nhà nước ta, mưu toan kêu gọi sự can thiệp của các lực lượng quốc tế. Điều đó cho thấy, "Tin lành Đề Ga tại Việt Nam" của Ksor Kok và Ama Chăm rõ ràng không phải là một tổ chức tôn giáo mà là một tổ chức chính trị đội lốt tôn giáo để lợi dụng lòng tin tôn giáo của quần chúng nhân dân, nhằm thực hiện mưu đồ chính trị xấu xa của chúng.

Các tổ chức tôn giáo nước ngoài (kể cả các tổ chức tôn giáo người Việt lưu vong) thường xuyên quan hệ chặt chẽ với một số nhân vật trong các tổ chức tôn giáo trong nước, bao gồm việc chỉ đạo hoạt động, gửi các tài liệu có nội dung chống Đảng, chống chủ nghĩa xã hội, chống chủ nghĩa Mác - Lê-nin cho các tổ chức tôn giáo phản động trong nước (điển hình là Tạp chí "Bông Sen", "Trái tim Đức Mẹ" và "Thông điệp Bách chu niên"). Đồng thời, chúng tích cực hỗ trợ tài chính cho các thế lực phản động trong nước.

Những năm gần đây, các thế lực phản động trong tôn giáo hướng sự chú ý của chúng vào quân đội như tuyên truyền vận động sĩ quan đứng về phía chúng, tuyên truyền kích động chia rẽ giữa quân đội với Đảng, quân đội với nhân dân; tìm cách đưa những thanh niên các tôn giáo do chúng nắm nhập ngũ với phương châm "vào huấn luyện trong quân đội càng nhiều càng tốt", để sau khi số thanh niên này xuất ngũ, chúng đưa vào các đội tự vệ bảo vệ thánh đường. Chúng còn tìm cách đưa thanh niên các tôn giáo đi đào tạo các trường sĩ quan và các trường quân sự.

***Lợi dụng vấn đề dân tộc:*** Các thế lực thù địch, hiểu rất rõ tầm quan trọng của sự ổn định chính trị - xã hội ở Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, chúng tìm mọi thủ đoạn để phá vỡ sự ổn định đó. Một trong những thủ đoạn ấy là kích động gây mâu thuẫn dân tộc, tạo cớ để can thiệp vào công việc nội bộ của nhân dân ta. Chúng cho rằng, "cuộc chiến tranh ngầm dân tộc" là một cuộc đấu tranh lớn trên bán đảo Đông Dương, có sự liên kết kinh tế, chính trị, phải nhằm vào mâu thuẫn và hận thù xa xưa và hiện tại để kích động, lợi dụng và tạo thành một mặt trận đấu tranh rộng rãi.

Với mục tiêu gây bạo loạn khu vực, gây biến động làm mất sự ổn định chính trị và kích động đấu tranh đòi tự do hoặc tách ra khỏi cộng đồng dân tộc, lập quốc gia mới, chúng chủ trương kích động gây chia rẽ, mâu thuẫn dân tộc, phối hợp trong nước và ngoài nước xây dựng lực lượng ngầm đủ sức gây biến động, cao hơn là bạo loạn chính trị lật đổ chính quyền sở tại, kêu gọi Liên hợp quốc can thiệp, trọng điểm là các khu vực: có đông người Khơ Me (ở Tây Nam Bộ), vùng các dân tộc Tây Nguyên và người Mông (ở Tây Bắc), trong đó điển hình là khu vực Tây Nguyên.

Tây Nguyên là địa bàn chiến lược của cách mạng nước ta, nơi có nhiều dân tộc thiểu số sinh sống, tiếp giáp với Lào và Cam-pu-chia, thuận lợi cho các thế lực thù địch can thiệp từ bên ngoài. Để tạo ra tình hình an ninh bất ổn, chúng đã không từ một thủ đoạn nào mưu toan chia rẽ giữa người Kinh và người Thượng; xuyên tạc tình đoàn kết truyền thống của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên trong các cuộc đấu tranh giải phóng cũng như bảo vệ Tổ quốc và xây dựng Tây Nguyên ngày nay. Chúng lợi dụng các hoạt động du lịch thăm thân và liên doanh hợp tác kinh tế để móc nối, xâm nhập với những tên phản động cũ trên địa bàn của các tỉnh như: Gia Lai, Kon Tum, Đắc Lắc, Lâm Đồng, Bình Phước để hoạt động phá rối. Thủ đoạn của các thế lực thù địch bên ngoài cấu kết với bọn phản động trong nước để chống phá cách mạng đi ngược lại lợi ích của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên, ngày càng thâm độc và xảo quyệt. Chúng dựng lên cái gọi là "Nhà nước Đề Ga độc lập", tạo ra "vấn đề Tây Nguyên" và sử dụng nó như một thứ vũ khí

*(Xem tiếp trang 47)*


Digitized by Google

# ĐẮC NÔNG : TIỀM NĂNG, THỬ THÁCH VÀ HƯỚNG ĐI LÊN

PHAN TUẤN PHA*

ĐẮC Nông được tách từ tỉnh Đắc Lắc theo Nghị quyết số 22/2003/QH11, ngày 26-11-2003 của Quốc hội, khóa XI. Tỉnh có tổng diện tích tự nhiên là 651 438 ha, giáp ranh với 3 tỉnh: Đắc Lắc, Lâm Đồng và Bình Phước; có đường biên giới chung gần 140 km với Vương quốc Cam-pu-chia. Tài nguyên thiên nhiên lớn nhất của Đắc Nông là rừng tự nhiên, với diện tích là 394 037 ha, độ che phủ đạt trên 60%; đất nông nghiệp là 204 000 ha... Đắc Nông có hệ thống sông Sê-rê-pốc và sông Đồng Nai chảy qua; ngoài việc phục vụ cho sản xuất và đời sống, còn cung cấp một nguồn thủy năng lớn, trong đó nhà máy Thủy điện Đắc Nông đang hoạt động, cùng với các dự án thủy điện đang triển khai như Đồng Nai 3 - 4, Dray H'Linh 2, Đắc Rtih, Sê-rê-pốc 3,... Về khoáng sản, Đắc Nông có quặng bô-xít a-lu-min với trữ lượng hơn 4,5 tỉ tấn, đang được xúc tiến đầu tư; có mỏ đá quý Trường Xuân và đất sét, cát, đá cùng các vật liệu xây dựng khác, v.v... với trữ lượng lớn. Đắc Nông có nhiều cảnh quan kỳ thú phục vụ cho du lịch sinh thái, du lịch văn hóa như hệ thống thác Diệu Thanh, Ba Tầng, Dray Sáp, Trinh Nữ... Đắc Nông còn lợi thế về giao thông (các quốc lộ 14, 14C và 28); trong đó, chạy dọc tỉnh là quốc lộ 14 đi Thành phố Hồ Chí Minh; quốc lộ 28 đi qua hai tỉnh Lâm Đồng, Bình Thuận; đường Hồ Chí Minh và tuyến đường sắt đi từ Đắc Nông xuống Chơn Thành ra cảng Thị Vải (Bà Rịa - Vũng Tàu) sẽ được khởi công trong những năm tới... Đây là những "điều kiện đủ", cho phép Đắc Nông mở rộng giao lưu với các vùng kinh tế trọng điểm, vùng kinh tế động lực của phía Nam và cả nước. Đặc biệt, Khu Công nghiệp Tâm Thắng ở phía bắc tỉnh hiện đã thu hút gần 1 000 tỉ đồng vốn đầu tư, đang xúc tiến hình thành và đầu tư Khu Công nghiệp Nhơn Cơ, có diện tích gần 300 ha ở phía nam tỉnh...

Đắc Nông có 6 huyện, với 52 xã, thị trấn (có 4 huyện biên giới); dân số toàn tỉnh gần 400 000 người, gồm 31 dân tộc anh em; trong đó, đồng bào dân tộc thiểu số chiếm hơn 30%, nhiều nhất là đồng bào Mơ Nông, chiếm 9,5%.

Xuất phát từ các đặc điểm và tiềm năng đó, cơ cấu kinh tế của Đắc Nông trong những năm trước mắt được xác định là: nông - lâm - công nghiệp và dịch vụ; trong đó, hiện nay nông - lâm chiếm 78,05%; công nghiệp - xây dựng là 8,97%; dịch vụ là 12,98%. Để giữ vững cơ cấu đó, Nghị quyết 01-NQ/TU, ngày 5-2-2004, của Tỉnh ủy chỉ rõ: "Trước hết phải sớm hoàn chỉnh quy hoạch tổng thể về phát triển kinh tế - xã hội; tập trung đầu tư khai thác có hiệu quả các tiềm năng về đất, tài nguyên rừng, nguồn thủy năng và khoáng sản thiên nhiên khác, các lợi thế về du lịch sinh thái. Trong nông nghiệp, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng, con vật

* Bí thư Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Đắc Nông



Digitized by Google

nuôi; đầu tư thâm canh, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa xuất khẩu gắn với phát triển công nghiệp chế biến nông sản...".

Về lâu dài, cụ thể là đến năm 2010, cơ cấu kinh tế của tỉnh sẽ phát triển theo hướng công nghiệp - dịch vụ và nông nghiệp. Để đảm bảo đúng định hướng cũng như đạt tốc độ tăng trưởng đã đề ra, Nghị quyết của Tỉnh ủy chỉ rõ: "... Tạo điều kiện để các thành phần kinh tế đầu tư phát triển; khuyến khích đầu tư phát triển các nhà máy chế biến nông sản vừa và nhỏ ở nông thôn; phát huy hiệu quả Khu Công nghiệp Tâm Thắng; sớm có cơ chế, chính sách thu hút ưu đãi các nhà đầu tư trong và ngoài nước, nhất là các tỉnh trong khu vực miền Đông Nam Bộ và Thành phố Hồ Chí Minh để đầu tư vào Khu Công nghiệp Nhơn Cơ - khu công nghiệp thứ hai ở phía nam tỉnh". Tỉnh cũng có cơ chế hấp dẫn mời gọi các thành phần kinh tế đầu tư để phát triển mạnh ngành du lịch - coi đây là một mũi nhọn kinh tế của tỉnh. Đắc Nông cũng đang đề nghị Chính phủ cho phép vận dụng các cơ chế, chính sách thông thoáng, thực hiện "đi tắt, đón đầu" để nhanh chóng ổn định, đi tới một cách vững chắc về mọi mặt, đủ sức hòa nhập và góp phần thiết thực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực Tây Nguyên và cả nước.

Là tỉnh mới được thành lập nên gian khó, bộn bề là tất yếu. Trước hết về kinh tế, hiện giá cả một số mặt hàng nông sản vẫn ở mức thấp, chưa có khả năng phục hồi, nhất là giá cà-phê. Điều này đang làm ảnh hưởng đến hoạt động chung của hầu hết các ngành, nhất là trong lĩnh vực tái đầu tư toàn xã hội. Cơ cấu cây trồng, con vật nuôi chưa vững chắc và chất lượng chưa cao. Sản xuất công nghiệp nhìn chung còn nhỏ bé, phân tán, công nghệ còn lạc hậu nên khả năng cạnh tranh yếu. Quan hệ sản xuất còn chậm được đổi mới dẫn đến hiệu quả của nền kinh tế thấp. Bên cạnh đó, hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn thấp kém, chưa thể theo kịp với yêu cầu thực tiễn trong ngày một ngày hai. Nhưng điều trăn trở, lo lắng nhất của Đảng bộ và chính quyền tỉnh Đắc Nông vẫn là đời sống của đồng bào các dân tộc, đặc biệt là đồng bào các dân tộc thiểu số tại chỗ đang hết sức khó khăn. Những năm gần đây, mặc dù đã được sự quan tâm và đầu tư rất lớn về nhiều mặt của Đảng và Nhà nước, nhưng hiện toàn tỉnh vẫn còn 11 052 hộ với 66 488 khẩu đói nghèo chiếm hơn 14%, trong đó vùng đồng bào dân tộc là 5 917 hộ; riêng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ là 3 840 hộ. Hàng loạt khó khăn, thử thách lớn khác, như hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đều còn thấp kém; đời sống dân trí thấp, nhiều vấn đề xã hội cấp bách đang cần được tập trung giải quyết như nhu cầu về chữa bệnh, học hành, giao thông, v.v.., đặc biệt là, ở vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ. Trong khi đó một số nơi tình hình an ninh - chính trị còn tiềm ẩn sự bất ổn định; trật tự an toàn xã hội ở một số nơi còn diễn biến phức tạp; hệ thống chính trị ở cơ sở chưa đáp ứng được yêu cầu và nhiệm vụ mới.

Thực tiễn nói trên càng thôi thúc các cấp, các ngành của Đắc Nông khẩn trương "vào cuộc". Năm 2004 là năm đầu tiên Đắc Nông thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội với những đòi hỏi sự phấn đấu, nỗ lực lớn. Về kinh tế, tốc độ tăng trưởng GDP phải đạt 10,5%; trong đó nông - lâm nghiệp tăng 7,6%, công nghiệp - xây dựng tăng 28% và dịch vụ 22,7%. Về cơ cấu, phải đảm bảo ổn định cơ cấu với nông - lâm nghiệp là 75,2%, công nghiệp - xây dựng là 11,4% và dịch vụ - xây dựng là 13,4%. Các chỉ tiêu khác về kinh tế gồm: huy động 1 000 tỉ đồng vốn đầu tư toàn xã hội; giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt 30 triệu USD; thu ngân sách trên địa bàn đạt 118 tỉ đồng. Về văn hóa - xã hội, thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở đạt 24% số xã, thị trấn; mức giảm tỷ suất sinh là 1‰; dân số tăng tự nhiên là 2,3%; giảm tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 12,4%; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng còn dưới 36%; tạo việc làm cho khoảng


Digitized by Google

8000 lao động. Về an ninh chính trị, tiếp tục giữ vững ổn định, kiên quyết không để xảy ra tình trạng vượt biên trái phép; xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh toàn diện.

Về giải pháp đối với kinh tế là, tiếp tục thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa có chất lượng; gắn sản xuất nông nghiệp với chế biến và tiêu thụ; tiến tới ổn định các vùng nguyên liệu theo định hướng quy hoạch đã được duyệt. Tạo mối liên kết chặt chẽ giữa "bốn nhà": nhà nông - nhà khoa học - nhà doanh nghiệp và Nhà nước. Có chính sách khuyến khích phát triển các ngành, nghề phi nông nghiệp trong nông thôn, gắn với việc xây dựng các cụm tiểu - thủ công nghiệp và làng nghề truyền thống. Đẩy mạnh công tác giao đất, giao rừng cho hộ gia đình, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số; ưu tiên đầu tư các công trình thủy lợi nhỏ gắn với việc giải quyết đất ở, đất sản xuất theo Quyết định số 132 của Thủ tướng Chính phủ. Đầu tư chiều sâu và ưu tiên cho công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu, công nghiệp chế biến nông - lâm sản, công nghiệp khai khoáng và thủy điện. Tích cực thực hiện công tác cổ phần hóa, liên doanh, liên kết để tăng vốn sản xuất đi đôi với việc tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đã cổ phần hóa đi vào hoạt động sản xuất ổn định và hiệu quả. Về dịch vụ, phát triển thị trường xuất khẩu hàng hóa, tiếp cận các thị trường mới theo chương trình xúc tiến thương mại với các nước như Mỹ, Nga, Trung Quốc, Nhật Bản và các nước Đông Âu. Thực hiện tốt chính sách thưởng xuất khẩu; tăng cường thông tin thị trường trên trang điện tử của tỉnh, hỗ trợ quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng do tỉnh quản lý. Đẩy nhanh tiến độ các dự án du lịch trọng điểm của tỉnh, có chính sách thu hút vốn đầu tư phát triển du lịch và đa dạng hóa sản phẩm du lịch; thực hiện xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng thiết yếu đến các khu du lịch theo quy hoạch, bảo đảm về chính sách đất đai, thuế và hỗ trợ đầu tư cho lĩnh vực du lịch. Xây dựng kết cấu hạ tầng theo hướng phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn; đi đôi với tăng cường công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản. Bố trí vốn đầu tư theo thứ tự ưu tiên cho thủy lợi, giao thông, công sở, khai hoang, nước sạch, trạm - trại giống... Xúc tiến các công việc để quy hoạch chi tiết cho đô thị Gia Nghĩa mang tính chiến lược lâu dài; trong đó có quy hoạch cụ thể và bền vững các cơ quan của Đảng, nhà nước, đoàn thể; các sở, ban, ngành; khu tái định cư cho dân, cho cán bộ, khu dịch vụ, v.v... Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đầu tư và xây dựng thông qua các hình thức kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, giám định đầu tư. Tập trung tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ sắp xếp, đổi mới hoạt động và đẩy nhanh tiến trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thuê đất, vay vốn đầu tư, tuyển dụng và đào tạo lao động, tìm kiếm thị trường... Về giáo dục - đào tạo, đẩy nhanh công tác xã hội hóa giáo dục, phát triển hệ thống trường bán công, dân lập ở hầu hết các huyện. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề theo hướng đa ngành nghề, đáp ứng nguồn nhân lực cho việc khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống.

Về y tế, nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh ở các tuyến điều trị; củng cố và nâng cấp mạng lưới y tế cơ sở, đặc biệt là cấp xã, buôn, thôn; phấn đấu 100% trạm y tế xã, thị trấn có bác sỹ và nữ hộ sinh hoặc y sỹ sản - nhi. Đẩy mạnh việc xã hội hóa y tế, khuyến khích hình thành các bệnh viện tư, các cơ sở khám, chữa bệnh cao cấp.

Về văn hóa - thông tin, chú trọng bảo tồn và phát triển các giá trị văn hóa và truyền thống của các dân tộc ở Tây Nguyên. Thực hiện quy hoạch tổng thể và từng bước tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa; đầu tư kết cấu hạ tầng cho ngành văn hóa - thông tin, báo, đài Phát thanh

và Truyền hình tỉnh. Nâng cao chất lượng thông tin địa phương; tăng lượng thời sự, phổ biến pháp luật và những mô hình làm kinh tế giỏi... Thực hiện tốt các chính sách xã hội như: giải quyết việc làm, giải quyết đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ. Thực hiện tốt chính sách đền ơn đáp nghĩa, vận động xã hội xây dựng quỹ tình nghĩa, hỗ trợ xây dựng nhà ở cho các đối tượng chính sách, chăm lo phụng dưỡng các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, ...

Việc thành lập tỉnh Đắc Nông là xuất phát từ yêu cầu khách quan và nguyện vọng chính đáng của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Đắc Lắc; vì sự ổn định và phát triển toàn diện, bền vững trước yêu cầu của sự nghiệp đổi mới; công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; vì đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đây là niềm vinh dự lớn lao, song cũng là trách nhiệm rất nặng nề mà Đảng, Chính phủ cũng như quân và dân các dân tộc tỉnh Đắc Nông gửi gắm và giao phó cho chúng tôi. Để làm tròn sứ mệnh đó, chúng tôi xác định, phải phát huy tốt tinh thần toàn dân đoàn kết một lòng; phát huy truyền thống cách mạng kiên cường của quê hương Anh hùng Nơ Trang Lơng. Tuyệt đối trung thành với Đảng và lý tưởng của Bác Hồ; cùng sát cánh bên nhau vượt lên mọi khó khăn thử thách trước hết bằng nội lực của mình. Và trong sự nỗ lực đó, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Đắc Nông cũng luôn hết sức mong đợi được đón nhận nhiều hơn nữa sự hỗ trợ về mọi mặt của Đảng, Chính phủ; các bộ, ngành ở trung ương và các tỉnh bạn; sự ưu ái của các nhà đầu tư trong và ngoài nước... giúp Đắc Nông có thêm nguồn lực để nhanh chóng vượt qua những khó khăn thách thức ban đầu; sớm ổn định để tập trung sức phát triển nhanh và bền vững về mọi mặt; hướng tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh như Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đã đề ra. ❑

# NHỮNG ÂM MƯU...

*(Tiếp theo trang 43)*

phá hoại sự ổn định chính trị của đất nước. Bằng những thủ đoạn lừa phỉnh tinh vi, thông qua cái gọi là "Nhà nước Đề Ga độc lập" chúng đã đưa ra "yêu sách" để dụ dỗ, lừa gạt nhân dân. Ksor Kok - "Tổng thống" tự phong của cái gọi là "Nhà nước Đề Ga độc lập" đã đưa ra một số yêu sách phản động như: "Người Kinh phải về Hà Nội, trả lại đất cho người Đề Ga", "Đất Tây Nguyên là của người Tây Nguyên", "Phụ nữ dân tộc được tự do sinh đẻ vì đất Tây Nguyên rất rộng, không thiếu chỗ cho đồng bào sinh sống"(!). Chúng ra sức nói xấu, bôi nhọ bản chất tốt đẹp của Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Chúng tăng cường thu thập danh sách đồng bào dân tộc thiểu số (chủ yếu trên địa bàn Tây Nguyên) gửi sang Mỹ để lừa bịp các tổ chức quốc tế mong nhận được sự ủng hộ.

Một hoạt động rất thâm độc của các thế lực thù địch bên ngoài và bọn phản động trong nước ở địa bàn Tây Nguyên là, dụ dỗ đồng bào các dân tộc thiểu số vượt biên trái phép, vừa tạo ra sự mất ổn định chính trị hiện tại, vừa phục vụ cho âm mưu lật đổ trong tương lai. Sau vụ gây rối tháng 2-2001 do các thế lực thù địch bên ngoài chỉ đạo, bọn cầm đầu Phun-rô kích động lôi kéo một số đồng bào dân tộc thiểu số Tây Nguyên tham gia biểu tình đòi thành lập "nhà nước Đề Ga độc lập", chúng dụ dỗ một số người chạy sang Cam-pu-chia.

Thời gian gần đây một số nhân vật trong giới cầm quyền Mỹ và bọn phản động người Việt lưu vong lớn tiếng phê phán "Chính phủ Việt Nam vi phạm tự do tín ngưỡng", "vi phạm nhân quyền" (!) Nhưng những điều nêu trên cho thấy rõ ai vi phạm tự do tín ngưỡng, ai đã lợi dụng tôn giáo và vấn đề dân tộc để chống lại sự nghiệp cách mạng Việt Nam - một quốc gia độc lập, có chủ quyền. ❑


Digitized by Google

# ĐỒNG NAI nâng cao vai trò tổ chức cơ sở đảng trong vùng đồng bào theo đạo Thiên chúa

PHAN THANH KIỀU*

Từ sau ngày đất nước thống nhất (1975), nhất là qua gần 18 năm đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng, đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào cả nước và các tôn giáo nói chung, đồng bào Thiên chúa giáo nói riêng không ngừng được cải thiện và tiến bộ rõ rệt. Chính sách về tín ngưỡng, tôn giáo của Đảng và Nhà nước đã đáp ứng được những nguyện vọng chính đáng của nhân dân, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước; đặc biệt là tạo được tinh thần phấn khởi, tin tưởng trong đồng bào tín đồ và nhà tu hành các tôn giáo. Nhờ đó, tín đồ các tôn giáo càng hăng hái thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước, góp phần to lớn vào công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tuy vậy, hiện ở một số nơi, các thế lực thù địch đang thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình", lợi dụng quyền tự do tín ngưỡng; lợi dụng mâu thuẫn trong việc giải quyết tranh chấp về đất đai, cơ sở tôn giáo v.v... đã kích động và lôi kéo một bộ phận tín đồ Thiên chúa giáo và linh mục, tu sĩ tiến hành các hoạt động chống đối chính quyền, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân.

Nguyên nhân của tình hình trên, một mặt, sự cấu kết giữa chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động lợi dụng đạo Thiên chúa giáo đã trở thành vấn đề mang tính phổ biến; mặt khác, về chủ quan, chúng ta cũng nghiêm túc thừa nhận là do chưa làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục trong nhân dân; chưa triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về công tác tôn giáo.

Để khắc phục tình hình trên, một trong những yêu cầu cấp bách hiện nay, trước hết là phải tăng cường xây dựng, củng cố và không ngừng phát huy vai trò của tổ chức cơ sở đảng, nhất là ở vùng có đông đồng bào theo đạo Thiên chúa.

Thực tiễn cách mạng Việt Nam trong hơn 70 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng đã khẳng định một chân lý: Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Trong sự nghiệp ấy, tổ chức cơ sở đảng là nền tảng, là hạt nhân lãnh đạo chính trị ở cơ sở. Đây là cấp chấp hành, là cầu nối trực tiếp giữa Đảng với nhân dân; hằng ngày tiếp xúc, nắm bắt và phản ánh mọi tâm tư, nguyện vọng, tổ chức và vận động nhân dân thực hiện mọi đường lối, chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước; huy động nguồn lực của toàn dân để phát triển kinh tế - xã hội. Vì thế, công cuộc đổi mới đang đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với công tác củng cố và phát huy vai trò của tổ chức đảng ở cơ sở.

Đồng bào các tôn giáo chiếm 52% số dân tỉnh Đồng Nai; trong đó số lượng tín đồ Thiên chúa giáo là 718 500 người; chiếm 32,6% dân số toàn tỉnh, bằng 12% số tín đồ Thiên chúa giáo cả nước. Chỉ tính riêng huyện Thống Nhất có 175 692 người dân theo đạo Thiên chúa trong khoảng 282 000 người bằng 62,3% số dân toàn huyện và khoảng 24,45% số giáo dân toàn tỉnh.

Do các điều kiện về tự nhiên, đặc biệt là do các đặc điểm về kinh tế - xã hội quy định, yêu cầu củng cố và nâng cao chất lượng của tổ chức cơ sở đảng ở vùng có đông đồng bào theo đạo Thiên chúa giáo càng trở nên bức thiết. Trong những năm gần đây, dưới sự chỉ đạo thường

* ThS. Phó Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai

xuyên của Trung ương Đảng, Chính phủ; sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy và các ban, ngành của tỉnh, công tác xây dựng và phát triển các tổ chức cơ sở đảng ở Đồng Nai trong vùng có đông đồng bào theo đạo Thiên chúa đã có những chuyển biến mạnh mẽ.

Là một tỉnh có số giáo dân Thiên chúa giáo lớn nên từ lâu, Tỉnh ủy Đồng Nai đã xác định công tác tôn giáo là nhiệm vụ chính trị thường xuyên và đặc biệt quan trọng của toàn đảng bộ. Các chủ trương, chương trình về công tác tôn giáo của tỉnh đều dành sự ưu tiên đặc biệt chăm lo phát triển kinh tế - xã hội, ổn định và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào có đạo. Từ năm 1977, Tỉnh ủy đã chọn cử cán bộ chuyên trách theo dõi công tác tôn giáo; quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn cho các cơ quan chức năng và các đoàn thể; sự phối hợp chặt chẽ trong công tác vận động giáo dân. Về phía Nhà nước, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 1799/QĐ-UBT, ngày 5-11-1987, quy định 6 điều về hoạt động tôn giáo trên địa bàn tỉnh. Nhất là, sau khi có nghị quyết 24/BCT của Bộ Chính trị, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành quyết định số 2151/QĐ-UBT, ngày 26-08-1993, quy định 7 vấn đề về hoạt động tôn giáo trên địa bàn tỉnh. Quyết định này đã thể hiện rõ sự quan tâm của Đảng và các cấp chính quyền trong việc giải quyết hợp lý nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo của giáo dân; tạo điều kiện cho tín đồ, chức sắc tôn giáo hành đạo trong khuôn khổ pháp luật; giải quyết thỏa đáng nhu cầu xây dựng mới, sửa chữa và nâng cấp cơ sở thờ tự, nơi sinh hoạt tôn giáo của giáo dân, v.v.. Bên cạnh đó, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh đã tập trung sức kiện toàn tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo từ tỉnh tới các huyện, thị, thành phố. Nhờ đó, hệ thống chính trị ở cơ sở từng bước được củng cố, tạo điều kiện cho việc phát huy nguồn lực của bà con giáo dân tham gia xây dựng đất nước.

Trong những năm qua, Đồng Nai là một trong những địa phương được Trung ương đánh giá là triển khai thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với các hoạt động tôn giáo. Chẳng hạn, tỉnh luôn tạo điều kiện để các sinh hoạt, nghi lễ tôn giáo tiến hành bình thường. Từ năm 1990 đến nay, tỉnh đã cho phép tu sửa và xây dựng mới trên 100 cơ sở thờ tự phục vụ sinh hoạt tôn giáo của đồng bào có đạo. Các vấn đề khác về kinh tế - xã hội như phát triển khu công nghiệp, xây dựng trường học, trạm y tế, đường giao thông; các chính sách cho vay vốn xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, v.v.. được tỉnh quan tâm đầu tư kịp thời, không phân biệt giữa vùng đồng bào theo đạo Thiên chúa với các vùng khác.

Song song với việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách về công tác tôn giáo, việc củng cố, xây dựng và phát huy vai trò của tổ chức cơ sở đảng được Tỉnh ủy Đồng Nai đặc biệt coi trọng.

Đồng Nai hiện có 688 tổ chức cơ sở đảng, trong đó có 509 chi bộ cơ sở, 179 đảng bộ cơ sở (1 026 chi bộ trực thuộc) với tổng số 20 554 đảng viên, bằng 1% số dân toàn tỉnh. Số liệu thống kê của Ban Tổ chức Tỉnh ủy Đồng Nai cho thấy, hiện toàn tỉnh có 49 xã, phường có đông đồng bào theo đạo Thiên chúa (xã thấp nhất chiếm 41%, xã cao nhất chiếm 99% số dân) và 100% số xã, phường trên có thành lập tổ chức cơ sở đảng. Tuy tỷ lệ đảng viên trên tổng số dân còn thấp, lực lượng đảng viên trong vùng có đông đồng bào theo đạo Thiên chúa còn rất mỏng... nhưng những năm gần đây, nhờ quán triệt tốt tinh thần các nghị quyết, chỉ thị của trung ương và tỉnh; nhất là có sự phối hợp chặt chẽ giữa các thành viên trong hệ thống chính trị trong triển khai các nhiệm vụ kinh tế - xã hội nên vị trí, vai trò của các tổ chức cơ sở đảng không ngừng được xác lập và khẳng định; tạo niềm tin ngày càng vững chắc trong đồng bào theo đạo nói chung.

Qua thực tiễn xây dựng và phát huy vai trò của tổ chức cơ sở đảng thời gian qua, Tỉnh ủy Đồng Nai đã rút ra một số bài học kinh nghiệm sau đây.

*Một là*, các cấp ủy, chính quyền các cấp, đoàn thể, các ngành, các cấp phải luôn quán triệt sâu sắc, đúng đắn và toàn diện các quan điểm của Đảng, các chính sách của Nhà nước về công tác


Digitized by Google

tôn giáo, trong đó, cần xác định: giải quyết các vấn đề tôn giáo phải hết sức thận trọng, vừa bảo đảm tuân thủ pháp luật của Nhà nước vừa kết hợp với vận động, giáo dục, thuyết phục một cách mềm dẻo, linh hoạt nhưng phải chủ động, kiên quyết, không hữu khuynh, xuôi chiều. Điều quyết định là phải bảo đảm sự lãnh đạo tập trung, trực tiếp của các cấp ủy, phát huy hiệu quả quản lý của chính quyền các cấp, tăng cường hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể quần chúng, nắm chắc tình hình tổ chức và hoạt động của các tôn giáo ở địa phương, đặc biệt là vùng Thiên chúa giáo phù hợp trong từng thời gian, ở từng lĩnh vực.

*Hai là,* phải quán triệt quan điểm: Tổ chức cơ sở đảng là nơi trực tiếp gắn kết các đảng viên thành một chỉnh thể có tổ chức để thực hiện sự lãnh đạo của đảng. Để tổ chức cơ sở đảng phát huy vai trò của mình, phải cải tiến và không ngừng nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ. Trong nội dung hoạt động, phải luôn quan tâm đến việc nhận định, đánh giá tình hình, diễn biến tư tưởng của nhân dân và đặc biệt là của lực lượng thanh niên; nắm trúng và phân tích rõ các sự kiện, vụ việc nổi cộm trên địa bàn để thấy được đâu là âm mưu "diễn biến hòa bình" của kẻ địch, đâu là những thiếu sót do nguyên nhân chủ quan để có hướng lãnh đạo, chỉ đạo xử lý phù hợp, kịp thời, tránh gây phát sinh "điểm nóng" phức tạp.

*Ba là,* không ngừng nâng cao chất lượng lãnh đạo và triển khai thực hiện công tác chính trị tư tưởng ở cơ sở, trong đó chất lượng cán bộ, đảng viên đóng vai trò then chốt. Tăng cường rèn luyện đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên phải đi liền với ngăn ngừa và đẩy lùi từng bước tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên. Thực hiện nghiêm túc chế độ tự phê bình và phê bình; tăng cường xây dựng các cấp chính quyền vững mạnh; nêu cao tinh thần hết lòng phục vụ nhân dân, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

*Bốn là,* coi việc phát triển kinh tế, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào giáo dân và các chức sắc tôn giáo là nhiệm vụ cốt lõi của công tác tôn giáo. Đối với Đồng Nai, việc xây dựng lực lượng chính trị vùng đồng bào theo tôn giáo như phát triển đoàn viên, hội viên, xây dựng đội ngũ cốt cán trong tín đồ và giới chức sắc, chức việc tu sĩ, đào tạo cán bộ là người có đạo tại chỗ phải được coi là một nhiệm vụ quan trọng gắn chặt với mục tiêu ổn định chính trị vùng đồng bào tôn giáo.

Từ thực tiễn hoạt động và nhất là từ những bài học kinh nghiệm nói trên, để tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức cơ sở đảng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới, Đồng Nai tiếp tục chú trọng các vấn đề sau đây:

*Thứ nhất,* tiếp tục kiện toàn, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ chủ chốt ở vùng có đông đồng bào theo đạo Thiên chúa. Đặc biệt phải coi trọng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên có đạo; bảo đảm sự khách quan, bình đẳng, tạo cơ hội thăng tiến nghề nghiệp và khả năng cống hiến cho họ. Quan tâm xây dựng tổ chức Đảng và phát triển Đảng từ những thanh niên là người có đạo.

*Thứ hai,* giữ vững khối đoàn kết thống nhất, tin cậy lẫn nhau trong nội bộ đảng ở cơ sở đi đôi với tăng cường đoàn kết lương - giáo. Tổ chức cơ sở đảng phát huy hơn nữa vai trò là hạt nhân lãnh đạo chính trị, trung tâm đoàn kết đội ngũ cán bộ, đảng viên trong hệ thống chính trị và các tầng lớp xã hội ở địa phương để thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ của địa bàn mình.

*Thứ ba,* tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra của cấp ủy cấp trên đối với các tổ chức cơ sở đảng để kịp thời phát huy các nhân tố mới, nhân rộng các điển hình tổ chức cơ sở đảng hoạt động có hiệu quả trong vùng có đông đồng bào theo đạo Thiên chúa. Mặt khác, cần kịp thời uốn nắn hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng chưa phù hợp với đặc điểm của vùng có đông đồng bào theo đạo Thiên chúa. Lấy việc tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước gắn với các phong trào cách mạng sâu rộng của quần chúng trong vùng đồng bào Công giáo làm tiêu chuẩn thi đua giữa các tổ chức cơ sở đảng. ❑

# 45 NĂM xây dựng và trưởng thành của Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn

NGUYỄN BÁ TÔNG*

THỰC hiện chủ trương chi viện cho chiến trường miền Nam, Bộ Chính trị quyết định tổ chức tuyến giao liên vận tải quân sự Trường Sơn. Ngày 19-5-1959, Thường trực Tổng Quân ủy chính thức giao nhiệm vụ cho "Đoàn công tác quân sự đặc biệt" mở đường, vận chuyển hàng quân sự chi viện cho miền Nam; tổ chức đưa đón cán bộ, bộ đội, chuyển công văn, tài liệu từ Bắc vào Nam và từ Nam ra Bắc. Ngày 19-5-1959 trở thành ngày truyền thống của "Đoàn công tác quân sự đặc biệt" - Đoàn 559. Và tuyến đường đó được mang tên "Tuyến đường Trường Sơn" - "Đường Hồ Chí Minh". Thật vinh dự cho Đoàn vì ngày đó chính là ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.

Từ lực lượng ban đầu với 500 cán bộ, chiến sĩ được tổ chức thành Tiểu đoàn Giao liên vận tải 301 và các bộ phận xây dựng - bảo quản kho, bao gói hàng, sửa chữa vũ khí, chế biến thực phẩm và vận chuyển vào chiến trường, ngày 13-8-1959 chuyến hàng đầu tiên chính thức vượt Trường Sơn. Sau 8 ngày đêm vượt qua sông sâu, suối dữ, đèo cao và dày đặc đồn, bốt được canh giữ nghiêm ngặt của địch, hàng được bàn giao cho chiến trường Trị - Thiên (20 khẩu tiểu liên tuyn, 20 khẩu súng trường mát, 10 thùng đạn tiểu liên và súng trường). Đây là cái mốc có ý nghĩa to lớn đối với cách mạng Việt Nam, vì mỗi khẩu súng, viên đạn đến với chiến trường là thể hiện ý chí của Đảng, tình cảm của Bác Hồ và của nhân dân miền Bắc gửi gắm tới đồng bào, chiến sĩ miền Nam. Cũng từ đó, những trang sử hào hùng vẻ vang và đầy hy sinh gian khổ của Đoàn đã được viết nên.

Trước sự đòi hỏi ngày càng lớn của cách mạng miền Nam, Đoàn 559 đã phát triển nhanh chóng cả về lực lượng và phương thức vận chuyển.

Từ một đơn vị nhỏ bé ban đầu, Đoàn 559 đã từng bước trưởng thành nhanh chóng, bao gồm đủ các lực lượng công binh, vận tải (ô-tô, đường sông, đường ống xăng dầu), pháo cao xạ, bộ binh, giao liên, thông tin, thanh niên xung phong, dân công hỏa tuyến... thực sự trở thành một hướng chiến trường tổng hợp, lực lượng hiệp đồng binh chủng trên quy mô lớn "Đánh địch mà đi, mở đường mà tiến", luôn chủ động đáp ứng sự lớn mạnh của các hướng chiến trường. Quân số của Đoàn 559 có lúc đã lên tới 20 vạn người.

Từ năm 1973 đến năm 1975, bộ đội Trường Sơn đã nỗ lực vượt bậc, ra sức xây dựng cơ bản, tu sửa nâng cao chất lượng cầu đường đáp ứng yêu cầu của thời cơ chiến lược mới trong cuộc Tổng tiến công nổi dậy mùa xuân 1975. Chấp hành nghiêm chỉnh mệnh lệnh của Bộ Tổng tư lệnh, quán triệt phương châm "thần tốc, táo bạo", bộ đội Trường Sơn đã nhanh chóng tổ chức vận chuyển hai chiều từng binh đoàn chủ lực lớn của quân đội ta và một khối lượng lớn cơ sở vật chất trang thiết bị kỹ thuật, vũ khí tới các chiến trường. Khi cuộc tổng tiến công phát triển xuống đồng bằng Trung Trung Bộ và Nam Trung Bộ, bộ đội Trường Sơn đã triển khai lực lượng công binh dọc theo quốc lộ 1, bám sát các mũi tiến công của bộ binh, vừa tháo gỡ bom mìn, vừa nhanh chóng sửa chữa, bắc lại cầu mới cho đại quân ta tiến vào giải phóng các

* Thiếu tướng, Phó Tư lệnh Chính trị (Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn)


Digitized by Google

thành phố, thị xã và giải phóng Sài Gòn trong chiến dịch Hồ Chí Minh đại thắng 30-4-1975.

Suốt 16 năm, đường Trường Sơn luôn luôn trở thành trọng điểm phá hoại quyết liệt của địch. Trường Sơn là chiến trường thực nghiệm chiến lược "Chiến tranh ngăn chặn", "Chiến tranh bóp nghẹt" bằng các thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt và các loại vũ khí, thiết bị tối tân, hiện đại của nền khoa học - công nghệ của đế quốc Mỹ. Núi rừng Trường Sơn luôn luôn rung chuyển, bị cày đi xới lại bởi hơn 4 triệu tấn bom đạn, chất độc của địch trút xuống, gây nhiều tổn thất về người, phương tiện vật chất và môi trường sinh thái. Hơn 20 000 cán bộ, chiến sĩ hy sinh, hơn 32 000 cán bộ, chiến sĩ bị thương và hàng vạn người mang thương tích vì bị ảnh hưởng chất độc màu da cam, 14 500 xe máy, 703 súng pháo và hơn 90 000 tấn hàng hóa của ta bị phá hỏng.

Vượt qua mọi gian khổ, khó khăn và hy sinh, bộ đội Trường Sơn đã lập nên kỳ tích anh hùng, làm nên con đường huyền thoại, góp phần to lớn vào sự toàn thắng của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc; xứng đáng được Đảng, Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân và tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Sao Vàng; 81 đơn vị, 48 cá nhân được tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, hàng trăm đơn vị, hàng vạn cán bộ, chiến sĩ được tặng Huân chương các loại.

Từ truyền thống anh hùng trong kháng chiến chống Mỹ, bộ đội Trường Sơn bước vào mặt trận xây dựng kinh tế kết hợp với quốc phòng, với tinh thần cách mạng tiến công, không một ngày nghỉ ngơi sau chiến tranh. Với tên gọi mới là Binh đoàn 12, đơn vị lại có mặt ở những nơi khó khăn, đảm nhiệm những công việc phức tạp trên địa bàn 21 tỉnh, thành phố trong nước và 5 tỉnh của nước bạn Lào, phần lớn là biên giới xa xôi, núi rừng hẻo lánh, hiểm trở nhiều gian khổ, khí hậu khắc nghiệt, lắm bệnh tật, lại thường xuyên bị bọn Phun-rô, bọn phỉ phá hoại.

Nhiệm vụ chủ yếu đầu tiên là xây dựng cơ bản đường Hồ Chí Minh dọc theo Đông Trường Sơn có tổng chiều dài 1 920 km, đường số 9, đường sắt Thống nhất (đoạn Minh Cầm - Tiên An), xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng, các khu kinh tế mới ở Tây Nguyên, kết hợp sản xuất với sẵn sàng chiến đấu và bảo vệ an ninh quốc phòng trên địa bàn đơn vị hoạt động. Tiếp tục tập trung xây dựng quốc lộ 279 - con đường vành đai chiến lược liên thông các tỉnh biên giới phía Bắc, từ Quảng Ninh đến Tây Trang (Lai Châu) dài hơn 1 000 km. Ngoài ra, Binh đoàn đã triển khai các lực lượng xây dựng, nâng cấp hàng trăm km đường bộ (quốc lộ 6, 7, 8, 9, 18, đường Na Pheo - Si Pha Phìn (Lai Châu), Văn Quán - Na Sầm (Lạng Sơn); tham gia xây dựng 6 tuyến đường sắt: đường sắt Thống nhất (Minh Cầm - Tiên An), Chí Linh - Phả Lại, Cao Sơn - Mông Dương, Phố Lu - Cam Đường, Mai Pha - Na Dương, Quán Triều - Núi Hồng với gần 250 km, hàng chục cầu cống và nhà ga.

Cùng với nhiệm vụ xây dựng cầu đường bộ, đường sắt, Binh đoàn 12 còn tham gia xây dựng hàng loạt công trình quan trọng, trọng điểm của Nhà nước như: Thủy điện Hòa Bình, Thủy điện Đrây Hling, khai thác A-pa-tít (Lào Cai), thiếc Quỳ Hợp, than (Quảng Ninh), trồng cà-phê (Tây Nguyên)...

Phát huy truyền thống gắn bó với nhân dân Lào từ nhiều năm trong chiến tranh chống Mỹ ở Trường Sơn, nên sau khi ngừng tiếng súng, một số đơn vị của Binh đoàn 12 đã tham gia xây dựng cơ bản 9 tuyến đường của bạn (đường 1, 5, 7, 8, 9, 13, 23...) với tổng chiều dài hơn 260 km (210 km đường nhựa), 36 cầu vĩnh cửu và hàng trăm cống bê-tông, giúp bạn bảo đảm giao thông vào mùa khô trên 4 tuyến đường với 588 km. Các đơn vị còn giúp bạn xây dựng một số công trình kinh tế, văn hóa ở 4 tỉnh (12 trạm y tế, 7 trường học và nhiều trụ sở làm việc của cấp xã); vận chuyển giúp bạn hàng ngàn tấn lương thực.

Từ năm 1989, thực hiện sự chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế theo quyết định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng, Binh đoàn 12 chuyển thành doanh nghiệp kinh tế - quốc phòng trực thuộc Bộ Quốc phòng với tên gọi mới là Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn. Trực thuộc Tổng Công ty là các công ty, xí nghiệp, tự hoạch toán. Đây là thời kỳ đơn vị đứng trước thử thách nặng nề trước sự cạnh tranh gay gắt, quyết liệt của cơ chế thị trường. Tổng Công ty không còn được bao cấp về chi phí và bảo đảm việc làm như trước đây, phải chuyển đổi hoàn

toàn cơ chế hoạt động, thực sự bước vào hạch toán độc lập thông qua phương thức đấu thầu là chủ yếu, tự lo việc làm, tự lo đời sống... cho hàng ngàn cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên và bảo đảm nộp ngân sách cho Nhà nước, bảo đảm cân đối, có lãi để tái sản xuất mở rộng. Trong khi thiết bị kỹ thuật phần lớn là cũ, không đồng bộ, cùng với những hạn chế về trình độ chuyên môn kỹ thuật và quản lý điều hành của cán bộ trước đòi hỏi của cơ chế mới... đã thực sự gây những khó khăn không nhỏ.

Kế thừa và phát huy truyền thống vẻ vang của bộ đội đường Hồ Chí Minh anh hùng và kinh nghiệm qua hơn 10 năm xây dựng kinh tế kết hợp với quốc phòng, với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chỉ huy, cán bộ kỹ thuật có kinh nghiệm thực tiễn và bản lĩnh chính trị vững vàng đã giúp Tổng Công ty từng bước vượt qua giai đoạn ban đầu đầy khó khăn, thử thách của thời kỳ chuyển sang nền kinh tế thị trường.

Với định hướng lãnh đạo đúng đắn và sự nỗ lực phấn đấu của cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên quốc phòng, Tổng Công ty từng bước phấn đấu vươn lên tự khẳng định mình. Qua hơn 15 năm, giá trị sản lượng đã không ngừng tăng, bình quân từ 30 đến 35%/năm; vốn được bảo toàn và phát triển, hoạt động tài chính lành mạnh, có hiệu quả, lợi nhuận hằng năm đạt gần 2% trên giá trị doanh thu (lợi nhuận 2003 tăng gấp 10,2 lần so với năm 1989). Tổng Công ty đã tích cực đầu tư hàng trăm tỉ đồng để đổi mới trang thiết bị công nghệ tiên tiến trong thi công cầu, đường. Tính hết năm 2003, đã có trên 1 500 đầu xe máy thiết bị các loại, trong đó có những thiết bị làm đường hiện đại theo quy trình công nghệ tiên tiến AASHTO của thế giới như: máy rải bê-tông át-phan VOGELE, lu rung, máy cắm bấc thấm xử lý nền đất yếu, trạm trộn bê-tông át-phan và các thiết bị khoan cọc nhồi, bộ căng kéo cốt thép, xe Mix, cần cẩu tháp, xe lao dầm, búa đóng cọc... phục vụ cho thi công cầu, có dầm dự ứng lực khẩu độ 33m và đúc hẫng cân bằng...

Tổng Công ty đã hoàn thành, bàn giao hàng ngàn công trình trên khắp mọi miền của Tổ quốc góp phần xây dựng phát triển kinh tế - xã hội và củng cố quốc phòng, ngày càng khẳng định vị trí, uy tín của mình bằng dấu ấn của nhiều công trình quan trọng, yêu cầu kỹ thuật cao của Nhà nước như: Nhà máy Thủy điện Hòa Bình, đường dây 500 kV khu vực Bắc - Nam, đường ô-tô cấp cao Bắc Thăng Long - Nội Bài, đường Láng - Hòa Lạc, các quốc lộ 1A, quốc lộ 5, quốc lộ 6, quốc lộ 18, Nghĩa trang liệt sĩ Trường Sơn, Nghĩa trang liệt sĩ A1 (Điện Biên Phủ), Nghĩa trang Hàng Dương (Cô Đảo), Sân bay Điện Biên Phủ, Sân bay Buôn Ma Thuột, Sân bay Sa-va-na-khẹt (Lào)... Đặc biệt từ năm 1994 đến nay, Tổng Công ty đã thắng thầu quốc tế nhiều dự án xây dựng cầu, đường, bến cảng, sân bay, công trình thủy điện, thủy lợi... Trên khắp mọi miền của đất nước mà tiêu biểu là liên doanh với Tổng Công ty công trình 8 (Bộ Giao thông vận tải) và Công ty CEC (Đài Loan) thắng thầu dự án cải tạo nâng cấp quốc lộ 5 (từ km 47 đến km 62) - công trình đầu tiên thực hiện thông lệ quốc tế trong việc đưa công nghệ thi công tiên tiến vào xây dựng công trình giao thông ở nước ta. Từ năm 1998 đến nay, khi Ngân hàng thế giới (WB) và Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) không cho các doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng đấu thầu các dự án do các tổ chức này cho vay vốn, Tổng Công ty đã mở rộng liên doanh, liên kết với các nhà thầu trong nước và quốc tế, tham gia đấu thầu và thắng thầu thi công những công trình lớn ở trong nước và quốc tế như từ km 30 đến 47 (quốc lộ 5), quốc lộ 18 (Biểu Nghi - Bãi Cháy); quốc lộ Pháp Vân - Cầu Giẽ, quốc lộ 1A; các hợp đồng 2, 3, 4 (Vinh - Đông Hà), hợp đồng 2 Huế - Hải Vân, Sân bay Buôn Ma Thuật, Sân bay Sa-va-na-khẹt (Lào). Đặc biệt đối với công trình xây dựng đường Hồ Chí Minh giai đoạn I (2000 - 2005) Tổng Công ty đã tham gia khảo sát thiết kế 1 192 km (trong đó thiết kế kỹ thuật 180 km, thiết kế kiên cố hóa 126 điểm); rà phá bom mìn vật nổ 310 km, bảo đảm an toàn cho thi công; đảm nhận thi công 138 km đường Hồ Chí Minh (nhánh Tây) từ Khe Gát đi Tăng Ký thuộc địa phận Quảng Bình. Tất cả các công trình do Tổng Công ty tham gia thi công đều bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả, giữ được uy tín của đơn vị, trong đó có những công trình được tặng thưởng Huy chương vàng chất lượng cao và Bằng chứng nhận công trình chất lượng tiêu biểu thập kỷ 90 (thế kỷ XX).

Dù đóng quân và thi công ở địa phương nào, cấp ủy, chỉ huy và cán bộ, chiến sĩ của Tổng Công ty đều chủ động làm tốt công tác dân vận, thực hiện tốt chính sách "Đền ơn đáp nghĩa", xóa đói giảm


Digitized by Google

nghèo. Từ nhiều năm nay Tổng công ty đã và đang phụng dưỡng 15 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng và đã tặng 730 sổ tiết kiệm giá trị 230 triệu đồng; xây dựng và ủng hộ địa phương sửa chữa 26 nhà tình nghĩa giá trị 480 triệu đồng; xây tặng 2 trạm y tế cho địa phương với đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ y tế, thuốc men giá trị trên 600 triệu đồng; xây dựng quỹ "Đền ơn đáp nghĩa", quỹ "Ngày vì người nghèo" trên 2 tỉ đồng; ủng hộ đồng bào bị bão lụt trên 500 triệu đồng..., đã đón tiếp và giải quyết chính sách cho hàng chục ngàn lượt người liên quan đến Tổng công ty, tặng trên 127 000 Huy hiệu chiến sĩ Trường Sơn cho cựu chiến binh Trường Sơn. Bảo tàng đường Hồ Chí Minh do đơn vị xây dựng, quản lý kể từ ngày khánh thành (14-4-1999) đến nay đã đón trên 200 000 lượt khách trong và ngoài nước đến tham quan. Chính vì vậy, Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn đóng quân và thi công ở đâu cũng được cấp ủy, chính quyền, nhân dân địa phương tin tưởng và tạo điều kiện thuận lợi.

Với thành tích xây dựng kinh tế - quốc phòng thời kỳ 1989 - 2004, Công ty 565, Công ty 470, Công ty xây dựng 384 và 3 cá nhân của Tổng Công ty được Nhà nước tuyên dương danh hiệu Anh hùng Lao động, hàng trăm cán bộ, chiến sĩ được tặng huân, huy chương các loại, nhiều đơn vị đã được nhận cờ thi đua của Bộ Quốc phòng và Chính phủ.

Kết quả sản xuất - kinh doanh, xây dựng đơn vị vừa qua tuy chưa tương xứng với khả năng tiềm tàng của Tổng Công ty, nhưng có ý nghĩa rất quan trọng. Nó khẳng định sự tồn tại và phát triển của Tổng Công ty trong cơ chế thị trường, xây dựng kinh tế có hiệu quả kết hợp tốt kinh tế với quốc phòng, giữ gìn uy tín của đơn vị quân đội làm kinh tế, giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trong doanh nghiệp, đưa Tổng Công ty trở thành doanh nghiệp kinh tế - quốc phòng mạnh của quân đội; góp phần cùng với các doanh nghiệp nhà nước giữ vững vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Quán triệt, thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng nhằm đẩy mạnh công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xuất phát từ chức năng và yêu cầu của mình, Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn xác định nhiệm vụ trong những năm tới là:

1- Xây dựng kinh tế, kinh tế kết hợp chặt chẽ với quốc phòng; sản xuất kinh doanh có hiệu quả là nhiệm vụ hàng đầu và xây dựng Đảng là khâu then chốt. Kiên trì định hướng lấy xây dựng cơ bản là chủ yếu, thực hiện đa dạng hóa sản phẩm, đa dạng hóa ngành nghề và công trình xây dựng, trong đó công trình xây dựng giao thông vận tải (cầu, đường, bến cảng, sân bay) là quan trọng; mở rộng và nâng cao năng lực xây lắp các công trình thủy lợi, thủy điện, dân dụng và công nghiệp, kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, nhà máy lớn... xúc tiến nghiên cứu thử nghiệm loại hình kinh doanh mới theo hình thức xây dựng - khai thác sử dụng - chuyển giao (BOT), xây dựng - chuyển giao (BT), đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp.

2- Đầu tư xây dựng lực lượng có cơ cấu lao động hợp lý, tăng tỷ lệ cán bộ khoa học - kỹ thuật, công nhân lành nghề; tăng cường đầu tư đổi mới thiết bị và công nghệ hiện đại, đẩy mạnh liên doanh, liên kết tạo ra sức mạnh cạnh tranh, bảo đảm đủ việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động.

3- Xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện, phát huy mạnh mẽ vai trò xung kích của Đoàn thanh niên và các tổ chức quần chúng; gắn hiệu quả kinh tế với hiệu quả chính trị - xã hội, kết hợp tốt kinh tế với quốc phòng; tham gia xây dựng cơ sở chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng an ninh ở địa bàn chiến lược, vùng sâu, vùng xa.

4- Tăng cường sự lãnh đạo của tổ chức đảng các cấp, coi trọng công tác đảng, công tác chính trị, phát huy hiệu quả hoạt động của các tổ chức quần chúng, xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện.

Vinh dự, tự hào và kế thừa truyền thống vẻ vang của Binh đoàn Trường Sơn anh hùng, gần 30 năm qua trên lĩnh vực xây dựng kinh tế - quốc phòng, Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn đã vượt qua khó khăn thử thách, tự khẳng định mình, đứng vững và phát triển trong cơ chế thị trường, góp phần khẳng định uy tín của quân đội xây dựng kinh tế, góp phần cùng các doanh nghiệp Nhà nước giữ vững vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân và thiết thực giữ gìn, tăng cường tiềm lực quốc phòng, sẵn sàng góp phần sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. ❑

# Rửa... cán bộ

ĐINH LÊ

ÔNG A. tuy còn rất trẻ, nhưng cũng đã có cương vị kha khá trong xã hội. Điều trớ trêu là người đời lại không chỉ có một luồng nhận xét thiên lệch, nghiêng về tán tụng cái gọi là sự thăng tiến nhanh, hay sự béo bở từ cái ghế hiện đang ngồi của ông A., mà còn có cả không ít lời ta thán: tài năng chẳng dày, đức lại cũng mỏng như ông A. lên được như thế ắt có sự che chở, bảo hộ của "ô dù", nếu không thì có mà "ếch ngồi đáy giếng" suốt đời còn chẳng đáng.

Gần đây, người ta lại dồn dập bàn tán về chuyện ông A. không những không phải "hạ cánh trẻ", nghĩa là giáng chức, do bê bối nhiều vụ việc, trong đó có cả chuyện tình, có cả chuyện tiền, mà còn làm cho nhiều người hết sức ngạc nhiên. Ông A. đột nhiên lại "cất cánh", nhưng có điều khác người là ở chỗ, ông đang ở cái "sân bay" này, thì lại cất cánh ở "sân bay khác".

Lý giải về cái sự cất cánh lạ kỳ của ông A. rất phức tạp, song đại thể như sau:

"Ô" của ông A. biết rằng, nếu cứ ở cơ quan cũ thì không thể giữ được cương vị của ông nữa, nên đành tìm cách chuyển ông sang một cơ quan khác. Chức tước thì có nhích lên một bậc, nhưng bổng lộc và quyền thế lại hơn hai, ba bậc. Có thể nói ông A. gặp hên, cái "ô "bên trên cũng không vì thế mà thiệt đi chút nào, nếu vẫn cứ cái "lối cũ ta về" - "dưới nuôi trên, thì trên bao dưới".

Cái sự gặp hên của ông A. cũng là do có cơ hội "ngàn năm có một", vì chỗ ông A. chuyển sang là một cơ quan mới thành lập nên thiếu người trầm trọng. "Nhân tài đang như lá mùa thu", thì lại gặp người có chức vụ hẳn hoi, lại có bằng cấp, mác mủng đầy đủ, thì rõ ràng là như "vớ được cọc".

Cơ hội thứ hai cũng không kém phần quan trọng, có ý nghĩa quyết định, đồng thời xuất hiện tại cơ quan cũ của ông A. Mọi người đã biết hết ông, chán ông, nhưng xử lý ông đâu có dễ, vì còn phải "gỡ" bao nhiêu mối quan hệ "trên - dưới, trong - ngoài" móc nối với nhau như mớ "tơ vò". Vả lại càng khó khi tội danh theo pháp luật thì chưa đến, đem ra chi bộ kiểm điểm thì lại mắc ở tinh thần không tự giác nhận ra khuyết điểm của chính bản thân ông, thậm chí ông còn có khả năng biện bạch, ngoan cố và chạy tội nữa. Bởi vậy, bàn đi tính lại, thôi thì cho ông A. chuyển quách đi cơ quan khác, coi như cắt đi một cái u, như ở quê tôi gọi đó là "cục hạch" cho nhẹ nhõm là nhanh gọn nhất.

Qua sự việc trên người bình thường cũng có thể nhận ra chí ít là hai điều rất cấp bách trong công tác cán bộ hiện nay:

*Điều thứ nhất,* ô dù của ông A. đã làm hại đến sự nghiệp chung khi hoặc là mù quáng hoặc cơ hội, thực dụng, không căn cứ vào đức tài mà nâng mà đỡ, lại đi nâng đỡ cái "cột mục".

*Điều thứ hai,* các vị lãnh đạo cơ quan cũ đã ngại va chạm nên không dám đấu tranh. Vô tình hay hữu ý đã trở thành thiếu trách nhiệm với dân, với Đảng để "lọt sàng một hạt sạn" làm cho "nồi cơm" đáng ra rất ngon lại trở nên dở, có ai đó chẳng may còn có thể bị sứt cả răng.

Còn *điều thứ ba* này, thì chắc hẳn không phải ai cũng đã biết đến. Nhưng trong dư luận chung của quần chúng, người ta đã khá nhau về một cách làm rất ma quái mới ló ra hiện nay chung quanh việc xử lý số cán bộ thoái hóa, biến chất, sa vào chủ nghĩa cơ hội, thực dụng, cá nhân chủ nghĩa. Đó là nạn "rửa cán bộ". Điều này tựa hồ như rửa tiền của bọn ma-phi-a, bọn "xã hội đen", hay bọn buôn lậu ma túy vậy. Mỗi người chúng ta hãy thật cảnh giác. ❑


Digitized by Google

# VỀ CÔNG TÁC PHÁT HÀNH - BẠN ĐỌC TẠP CHÍ CỘNG SẢN KHU VỰC DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG VÀ TÂY NGUYÊN

KHU vực duyên hải miền Trung và Tây Nguyên giữ vị trí chiến lược hết sức quan trọng đối với sự phát triển toàn diện của đất nước; quê hương của nhiều dân tộc anh em trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam luôn gìn giữ, phát huy truyền thống đoàn kết gắn bó keo sơn và anh dũng, kiên cường trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước.

Là cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, đồng thời là cơ quan nghiên cứu khoa học, Tạp chí Cộng sản suốt nhiều năm qua đã tuyên truyền mạnh mẽ và tương đối toàn diện về khu vực duyên hải miền Trung và Tây Nguyên, cũng như chăm lo xây dựng một đội ngũ cộng tác viên là cán bộ, đảng viên và những người tâm huyết với Tạp chí, với sự nghiệp tuyên truyền giáo dục lý luận, chính trị của Đảng tại khu vực này.

Bước sang giai đoạn cách mạng mới, xuất phát từ yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, do vị trí quan trọng của khu vực duyên hải miền Trung và Tây Nguyên và trước nhu cầu phát triển mới của Tạp chí Cộng sản, được sự đồng ý của Ban Bí thư Trung ương Đảng, năm 2003, Tạp chí Cộng sản đặt cơ quan thường trú khu vực duyên hải miền Trung và Tây Nguyên, tại Đà Nẵng.

Góp phần tổng kết thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW, ngày 28-12- 1996, của Bộ Chính trị ***Về việc mua và đọc báo, tạp chí của Đảng,*** và Chỉ thị số 60-CT/TW, ngày 22-12-2000, của Bộ Chính trị ***Về công tác của Tạp chí Cộng sản trong tình hình mới,*** tiếp theo Hội nghị toàn quốc về Công tác phát hành - Bạn đọc Tạp chí Cộng sản, tổ chức tại Đồ Sơn (Hải Phòng, tháng 10-2002), ngày 19-4-2004, tại Thành phố Quy Nhơn, Tạp chí Cộng sản phối hợp với Tỉnh ủy tỉnh Bình Định và Công ty Phát hành báo chí Trung ương tổ chức Hội nghị phát hành - bạn đọc Tạp chí Cộng sản khu vực duyên hải miền Trung và Tây Nguyên; và trọng thể làm Lễ ra mắt Cơ quan thường trú của Tạp chí Cộng sản tại khu vực này.

Tham dự Hội nghị, có đại diện lãnh đạo Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo, đại diện đội ngũ bạn đọc, cộng tác viên và lãnh đạo bưu điện của các tỉnh, thành phố khu vực duyên hải miền Trung và Tây Nguyên. Tạp chí Cộng sản do GS, TS Lê Hữu Nghĩa, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản, dẫn đầu cùng đông đảo phóng viên, cán bộ biên tập.

Mục đích Hội nghị góp phần thắt chặt hơn nữa mối quan hệ giữa Tạp chí với bạn đọc các địa phương miền Trung - Tây Nguyên; gắn lý luận với thực tiễn; góp phần thúc đẩy việc nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn tại địa phương; xây dựng đội ngũ cộng tác viên, thông tin viên tại cơ sở; nâng cao hơn nữa chất lượng Tạp chí, tăng số phát hành Tạp chí tại khu vực duyên hải miền Trung và Tây Nguyên; khai thác hiệu quả sử dụng Tạp chí trong chỉ đạo thực tiễn.


Digitized by Google

Hội nghị đã đề cập những nội dung chính sau:

*1- Ghi nhận những đóng góp của Tạp chí Cộng sản*

Trong Lời chào mừng, *đồng chí Văn Trọng Lý*, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Bình Định, khẳng định vị trí và vai trò của Tạp chí Cộng sản đối với cán bộ, đảng viên và nhân dân Bình Định: "Trong những năm qua, Tạp chí Cộng sản đã không ngừng đổi mới nội dung và hình thức, tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đi sâu nghiên cứu tổng kết thực tiễn; nâng cao trình độ lý luận và chính trị, giúp cán bộ, đảng viên nâng cao nhận thức, giữ vững quan điểm lập trường của Đảng... Những kết quả mà Đảng bộ và nhân dân Bình Định đạt được trên mọi lĩnh vực phát triển kinh tế - chính trị và văn hóa - xã hội có phần đóng góp quan trọng của các báo, tạp chí của Đảng, trong đó có Tạp chí Cộng sản".

Ở một góc nhìn khác, ghi nhận sự cống hiến của Tạp chí Cộng sản, *đồng chí Phan Như Lâm*, Phó Bí thư Thường trực Thành ủy Đà Nẵng, nồng nhiệt chào mừng sự lớn mạnh cũng như những đóng góp của Tạp chí với sự nghiệp cách mạng của đất nước ta: "Tạp chí Cộng sản đã có những chuyển biến tích cực, đóng góp vào sự nghiệp chung của đất nước và dân tộc. Sự phát triển đó vừa dựa trên sự đổi mới toàn diện của đất nước, vừa thể hiện sự nỗ lực to lớn của cán bộ, phóng viên của Tạp chí. Tạp chí Cộng sản nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, góp phần tuyên truyền sâu rộng và bảo vệ thuyết phục chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Tạp chí đã đúc kết những kinh nghiệm hay, phát hiện và giới thiệu rộng rãi những điển hình mới ...".

Nhấn mạnh tính tiên phong tư tưởng, lý luận chính trị của Tạp chí Cộng sản, *đồng chí Phạm Đình Khối*, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi, cho rằng: "Tạp chí Cộng sản với tư cách là cơ quan chủ công về tư tưởng, lý luận, đường lối, đã không ngại xông vào giải quyết những vấn đề lý luận hóc búa. Những bài viết về những vấn đề nan giải như con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; xây dựng, chỉnh đốn Đảng; phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa..., trên Tạp chí tuy chưa đáp ứng hoàn toàn những băn khoăn của cán bộ, đảng viên, nhưng bước đầu trang bị phương pháp nhận thức vấn đề một cách khoa học".

Chung quanh vai trò quan trọng của Tạp chí Cộng sản trong việc nâng cao trình độ nhận thức, góp phần định hướng tư tưởng chính trị, cung cấp phương pháp khoa học cho cán bộ, đảng viên, tiếp tục được các *đồng chí Hoàng Như Ý*, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bình Định, *đồng chí Nguyễn Văn Thành*, Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Gia Lai, và một số đồng chí đại diện lãnh đạo các ban, ngành ở các tỉnh phân tích, khẳng định dưới nhiều góc độ khác nhau một cách phong phú, sinh động.

*2- Những yêu cầu, mong mỏi của bạn đọc đối với Tạp chí Cộng sản*

Hội nghị vui mừng ghi nhận sự nỗ lực liên tục của Tạp chí trong việc tuyên truyền giáo dục chính trị tư tưởng của Đảng; đặc biệt, năm 2003, Tạp chí đã đăng 24 bài phản ánh khá toàn diện về khu vực này. Tuy vậy, Hội nghị cho rằng, sự cố gắng đó vẫn chưa ngang tầm và xứng đáng với vị thế, tiềm năng và nhu cầu phát triển mọi mặt trong tình hình hiện nay. Các đại biểu nhấn mạnh một số vấn đề chính yếu:

*a- Về nội dung Tạp chí*

Với tư cách là những người lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động thực tiễn, sát với thực tiễn , các đại biểu mong Tạp chí tăng cường hơn nữa số lượng và chất lượng các bài tổng kết thực tiễn, nhất là những bài phổ biến kinh nghiệm về các mô hình xây dựng kinh tế tốt, ổn định chính trị thành công, phát triển văn hóa tinh thần và bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống khắp nơi trên đất nước. Tăng cường các bài *Sinh hoạt tư tưởng*. Loại bài này có tác dụng không nhỏ trong việc định hướng tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, uốn nắn những cái nhìn còn lệch lạc


Digitized by Google

của một số ít người, vì thế đây là mục luôn nhận được sự yêu mến của bạn đọc; đồng thời, mong Tạp chí tổ chức thật đều đặn chuyên mục này với nhiều bài hay và sâu sắc hơn nữa. Đại diện Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng, *đồng chí Lê Thị Cúc,* Phó Trưởng Ban Thường trực, nêu rõ, Tạp chí: "Cần tăng thêm bài mang tính tổng kết thực tiễn, nêu lên những bài học kinh nghiệm của các địa phương, đơn vị để giúp cho các đơn vị cơ sở và đảng viên có thể vận dụng, học tập và nhân rộng. Bên cạnh đó, Tạp chí cần tiếp tục có những bài viết về chống tiêu cực, tham nhũng, chỉ ra những loại cán bộ "cơ hội chính trị", "thực dụng", các kiểu "chạy"... để các địa phương, đơn vị và cán bộ rút kinh nghiệm cũng như đấu tranh, phê phán những tư tưởng lệch lạc, sai trái đó".

Các đại biểu kiến nghị Tạp chí tiếp tục nâng cao tính lý luận, tăng sức chiến đấu của các bài viết, dưới nhiều thể loại khác nhau. Đặc biệt tăng cường loại bài tổng kết điển hình, qua đó chỉ rõ xu hướng phát triển tất yếu của những nhân tố mới, tạo hướng đi lên đúng đắn trên các lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội...

*Đồng chí Phan Tiến Dũng,* Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Bình, nhấn mạnh: Chính Tạp chí, qua các bài viết, là người làm rõ tính tất yếu của sự nghiệp đổi mới xây dựng đất nước, làm rõ những nhân tố mới, động viên, khuyến khích cán bộ đảng viên, nhân dân chủ động, sáng tạo thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ kinh tế - xã hội của đất nước. Đồng chí đã chỉ rõ, chúng ta không thể tách rời vai trò to lớn của đội ngũ cán bộ tuyên giáo các cấp, bởi lẽ chính họ là những người đưa Tạp chí đến với ngày càng đông đảo bạn đọc và hướng dẫn, tổ chức bạn đọc đọc và làm theo Tạp chí.

Trong Báo cáo của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Thừa Thiên - Huế, *đồng chí Phan Công Tuyên,* Trưởng Ban Tuyên giáo, nêu rõ: Tạp chí cần tăng cường nhiều hơn nữa các bài nghiên cứu, phân tích, bình luận sắc bén để chống lại những quan điểm sai trái; xuyên tạc của các thế lực thù địch. Đồng thời, có nhiều bài viết hơn, đáp ứng kịp thời có tính định hướng về những kinh nghiệm, bài học công tác quản lý ở địa phương có xảy ra "điểm nóng".

*b - Tăng lượng bài viết về khu vực duyên hải miền Trung và Tây Nguyên, với nội dung đa dạng hơn*

Ghi nhận những cố gắng liên tục của Tạp chí Cộng sản trong việc tuyên truyền về khu vực duyên hải miền Trung và Tây Nguyên, *đồng chí Vũ Ngọc Sơn,* Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Kon Tum, nhận xét: Bài viết, thông tin về khu vực miền Trung - Tây Nguyên chiếm số lượng tương đối nhiều trên Tạp chí Cộng sản, và đã bàn về những vấn đề đáng quan tâm như: di dân, giao đất giao rừng... Bài viết về tỉnh Kon Tum đề cập đến lĩnh vực đào tạo cán bộ xã, phường, thị trấn đã nêu bật những cố gắng của đội ngũ cán bộ địa phương; đồng thời, chỉ rõ những khó khăn chủ quan và khách quan trong công tác này, ghi nhận sự nỗ lực khắc phục những hạn chế cũng như những giải pháp nâng cao vai trò của đội ngũ cán bộ cơ sở.

*Đồng chí Krông YTuyên,* Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đắc Lắc, khái quát những khó khăn của Đắc Lắc nói riêng, khu vực Tây Nguyên nói chung trong việc phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng đời sống tinh thần vững mạnh và phát triển văn hóa đa dạng. Bên cạnh sự quan tâm đầu tư lớn của Đảng và Nhà nước, cùng với sự nỗ lực của Đảng bộ và nhân dân địa phương, rất cần sự giúp đỡ của các cơ quan, ban ngành, trong đó có đội ngũ thông tấn, báo chí, mà Tạp chí Cộng sản có vai trò quan trọng. Những bài viết về địa phương là những chỉ dẫn quý báu, cũng là thể hiện tình cảm thân thiết của Tạp chí Cộng sản đối với vùng đất còn nhiều khó khăn nhưng luôn giữ vững tấm lòng trung kiên xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đắc Lắc mong mỏi Tạp chí tiếp tục gắn bó chặt chẽ hơn nữa với Tây Nguyên nói riêng và với toàn bộ khu vực duyên hải miền Trung nói chung.

*c - Quan tâm xây dựng đội ngũ cộng tác viên, thông tin viên; thường xuyên tổng kết công tác phát hành - bạn đọc*

Xây dựng đội ngũ cộng tác viên vững mạnh về tư tưởng, vững vàng về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đông đảo về số lượng ở khu vực này là mục tiêu phấn đấu không mệt mỏi của Tạp chí Cộng sản. Bởi đó chính là một trong những yếu tố quyết định nâng cao chất lượng Tạp chí, làm cho Tạp chí gắn bó với cuộc sống, phản ánh trung thực, kịp thời những vấn đề của cuộc sống đang đặt ra. Đồng thời, Tạp chí tiếp tục góp phần to lớn hơn nữa trong việc xây dựng chủ trương, đường lối của Đảng sát hợp với cuộc sống. Đó cũng là mong mỏi của đông đảo bạn đọc Tạp chí Cộng sản hiện nay.

Đáp lại yêu cầu và mong mỏi đó, trong Lời phát biểu đề dẫn của mình, sau khi sơ kết một bước sự nỗ lực của Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản trong việc cử phóng viên trực tiếp viết bài, xây dựng chương trình tuyên truyền năm 2004 về khu vực này, *GS, TS Lê Hữu Nghĩa*, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản, đề nghị: "Các đồng chí đứng đầu cấp ủy và chính quyền các tỉnh, thành phố viết bài cho Tạp chí, các đồng chí Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Thành ủy và các đồng chí Trưởng Ban Tuyên giáo quận - huyện - thị ủy định kỳ hằng tháng viết bài hoặc gửi tư liệu về Tạp chí và gắn bó chặt chẽ hơn nữa với Cơ quan thường trú Tạp chí Cộng sản khu vực miền Trung - Tây Nguyên, đặt tại Đà Nẵng". Mặt khác, trên cơ sở sơ kết thực tiễn mấy năm qua, nhất là năm 2003, *GS, TS Lê Hữu Nghĩa* nhất trí cao với ý kiến của các đồng chí về việc thường xuyên tăng cường công tác phát hành - bạn đọc Tạp chí Cộng sản. Đây là cách thiết thực nhất để góp phần tổng kết việc thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW năm 1996 và Chỉ thị số 60-CT/TW năm 2000 của Bộ Chính trị; đồng thời, thiết thực nâng cao hiệu quả sử dụng Tạp chí và gắn chặt Tạp chí với bạn đọc hơn nữa.

*3 - Sự phối hợp giữa các ban - ngành; sự tích cực, chủ động, sáng tạo của các cá nhân, đơn vị là chìa khóa thúc đẩy công tác phát hành - bạn đọc Tạp chí Cộng sản trên toàn quốc nói chung, khu vực duyên hải miền Trung và Tây Nguyên nói riêng đạt kết quả*

Qua thực tiễn, các ý kiến thống nhất nhận định: Ban Tuyên giáo các cấp có vai trò quan trọng trong việc tham mưu cho cấp ủy các cấp đưa nội dung học tập và làm theo các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước thể hiện qua các bài viết trên Tạp chí. Đại diện lãnh đạo các Ban Tuyên giáo khẳng định: Việc đọc và làm theo Tạp chí Cộng sản là một trong những tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả hoàn thành công việc của các cấp ủy, đảng viên và cán bộ. Thời gian tới, Ban Tuyên giáo các tỉnh sẽ quan tâm hơn nữa tới việc theo dõi và kiểm tra công tác này.

Cấp ủy các cấp và lãnh đạo chính quyền các địa phương tăng cường vai trò lãnh đạo; đồng thời, nâng cao sự chủ động, tích cực của các cấp, các ngành trong việc cấp, tạo nguồn kinh phí cho công tác phát hành Tạp chí theo Quyết định số 84-QĐ/TW, ngày 1-10-2003, của Ban Bí thư *Về ban hành quy định chế độ chi hoạt động công tác đảng của tổ chức đảng các cấp* và Thông tư liên tịch Ban Tài chính - Quản trị Trung ương - Bộ Tài chính, số 225/2004/TTLT-BTC-QTTW-BTC, ngày 5-4-2004, về *Hướng dẫn thực hiện chế độ chi hoạt động công tác đảng của tổ chức đảng các cấp* theo Quyết định số 84 của Ban Bí thư.

Tăng cường sự gắn bó giữa Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản với Công ty Phát hành báo chí Trung ương, nhất là hệ thống bưu điện các cấp trong việc phát hành Tạp chí của Đảng nói riêng, báo chí của Đảng nói chung. Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản bảo đảm giao ấn phẩm đúng thời gian cho đơn vị phát hành, tạo mọi điều kiện cho cơ quan này hoàn thành tốt nhiệm vụ. Công ty Phát hành báo chí Trung ương bảo đảm đưa Tạp chí nhanh, đủ và an toàn đến tay bạn đọc. Những kiến nghị của *đồng chí Phan Văn Tô*, Giám đốc Công ty Phát hành báo chí Trung ương, trong đó nhấn mạnh việc xây dựng cơ chế bán lẻ Tạp chí thích hợp, góp phần tăng số lượng phát hành Tạp chí đến tay bạn đọc, đã nhận được sự đồng tình cao của Hội nghị.

Vừa là sự thể hiện mối quan hệ gắn bó giữa Tạp chí Cộng sản với các ban, ngành, đồng thời


Digitized by Google

là sự ghi nhận của Tạp chí Cộng sản với nỗ lực trong năm 2003 của các bên có liên quan trong việc thực hiện công tác phát hành - bạn đọc của Tạp chí, GS. TS Lê Hữu Nghĩa, Tổng Biên tập và PGS.TS Trần Quang Nhiếp, Phó Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản đã trao Bằng khen cho 7 đơn vị và cá nhân. Đó là: Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và Bưu điện các tỉnh Bình Định, Gia Lai, Đắc Lắc; đồng chí Phan Văn Tô, Giám đốc Công ty Phát hành báo chí Trung ương.

*4- Ra mắt Cơ quan thường trú Tạp chí Cộng sản tại khu vực duyên hải miền Trung và Tây Nguyên*

Các đại biểu về dự Hội nghị nhiệt liệt chào mừng Cơ quan thường trú của Tạp chí Cộng sản khu vực duyên hải miền Trung và Tây Nguyên được ra mắt chính thức. Điều đó thể hiện sự lớn mạnh của Tạp chí Cộng sản, là biểu hiện sự quan tâm của Đảng với địa bàn miền Trung - Tây Nguyên, đáp lại sự mong mỏi của khu vực quan trọng này. Với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, Cơ quan thường trú sẽ là cầu nối trực tiếp giữa Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản với đông đảo bạn đọc, các cộng tác viên, thông tin viên ở khu vực duyên hải miền Trung và Tây Nguyên; những thành tựu, những kinh nghiệm, những vấn đề đặt ra trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, củng cố an ninh - quốc phòng, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị ở khu vực này sẽ được phản ánh nhiều hơn trên những trang của Tạp chí Cộng sản in và Tạp chí Cộng sản phát trên mạng in-tơ-nét.

Đại diện lãnh đạo ban, ngành của các tỉnh, thành phố khu vực duyên hải miền Trung và Tây Nguyên bày tỏ nguyện vọng tiếp tục gắn bó chặt chẽ và hiệu quả hơn nữa với Tạp chí Cộng sản, cùng nhau phấn đấu nâng cao chất lượng toàn diện Tạp chí của Đảng, nhất là tăng cường công tác phát hành và bạn đọc Tạp chí trên vùng đất anh hùng. ❑

***NGUYỄN HOÀNG VIỆT***
***(Tổng thuật)***

# DÂN SỐ VÀ CHẤT LƯỢNG...

*(Tiếp theo trang 69)*

sinh ra còn sống; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi xuống còn 25%; nâng tuổi thọ trung bình của dân số lên 71; nâng tỷ lệ người lao động qua đào tạo lên khoảng 40%; chỉ số HDI đạt từ 0,700 - 0,750; chỉ số GDI đạt 0,700.

Từ những đánh giá trên về mối quan hệ giữa dân số - việc làm - nguồn nhân lực, có thể có một số định hướng sau:

- Tiếp tục thực hiện chương trình kế hoạch hóa dân số, tạo ra quy mô, cơ cấu dân số và nguồn nhân lực hợp lý trong những năm tới.

- Đổi mới tư duy về phát triển nguồn nhân lực và nâng cao sức cạnh tranh của người lao động; trong đó chú trọng công tác giáo dục, đào tạo nghề theo hướng xã hội hóa và đa dạng hóa hình thức đào tạo, nâng cao sức khỏe, năng suất, chất lượng làm việc và tăng thu nhập cho người lao động; xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn lao động đã qua đào tạo và có chính sách khuyến khích họ phát triển tài năng; tăng cường áp dụng khoa học - công nghệ hiện đại vào cải thiện môi trường lao động, bảo đảm vệ sinh lao động cho lực lượng lao động xã hội.

- Xây dựng và thực hiện quy hoạch hệ thống cơ sở dạy nghề; nâng cao hiệu quả hệ thống cung cấp dịch vụ việc làm và có chính sách ưu đãi, khuyến khích họ trong công tác phát triển nguồn nhân lực.

- Tăng cường quản lý nhà nước về lĩnh vực phát triển nguồn nhân lực như chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn; áp dụng các chính sách bảo hiểm bắt buộc, chính sách di dân, định canh, định cư và đô thị hóa; giải quyết việc làm và lao động dôi dư trong quá trình sắp xếp, cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước; tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, hiệu quả và có tính cạnh tranh; phát triển hệ thống luật pháp, tiếp tục xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. ❑

# DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI: NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

TRẦN QUANG NHIỆP

MỘT trong những vấn đề lớn khiến cả loài người quan tâm hiện nay là vấn đề dân số và chất lượng dân số. Đây vừa là vấn đề cấp bách, có tính toàn cầu, vừa có ý nghĩa chiến lược của mỗi quốc gia cũng như của toàn thế giới.

Đối với Việt Nam, dân số không chỉ là vấn đề đã báo động về mặt gia tăng số lượng mà còn là vấn đề cấp thiết về mặt chất lượng. Từ năm 1975 đến 1990, dân số nước ta tăng thêm khoảng 18,6 triệu người, trong khi đó cả châu Âu chỉ tăng 20 triệu người. Theo kết quả Tổng Điều tra dân số và Nhà ở, ngày 1- 4-1999, số dân nước ta là hơn 76 triệu người, xếp thứ ba ở Đông Nam Á và thứ 14 trong tổng số hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Như vậy, trung bình mỗi năm dân số nước ta tăng thêm khoảng 1 triệu người. Nếu tiếp tục theo đà này thì đến năm 2020 số dân cả nước sẽ có trên 100 triệu người.

Có thể nói, dân số là xuất phát điểm của mọi vấn đề. Tình trạng đói nghèo, tụt hậu, thất nghiệp, tài nguyên và môi trường bị hủy hoại, ô nhiễm hoặc bị khai thác cạn kiệt, đất canh tác bị thu hẹp..., tất cả dù trực tiếp hay gián tiếp đều liên quan tới vấn đề dân số; nhất là có nguyên nhân và hệ quả từ sự gia tăng dân số quá nhanh. Đối với nước ta, để phát triển kinh tế - xã hội, rút ngắn khoảng cách phát triển với các nước trong khu vực, thực hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo, phải chăm lo công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình. Thực hiện tốt chính sách dân số sẽ tạo cơ sở cho sự ổn định, tạo được động lực thúc đẩy nền kinh tế - xã hội của đất nước phát triển. Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước có thành công hay không còn phụ thuộc vào việc giải quyết tốt chính sách dân số, trong đó có nâng cao chất lượng dân số.

Vấn đề dân số và phát triển kinh tế - xã hội có mối quan hệ biện chứng với nhau. Dân số có tác động và ảnh hưởng rất lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Ngược lại, kinh tế phát triển sẽ ảnh hưởng rất quan trọng đến quy mô và chất lượng dân số. Dân số là diện mạo phản ánh trình độ phát triển của quốc gia. Nhưng, nói đến dân số điều quan trọng là nói đến số lượng và chất lượng dân số, chất lượng sống, chất lượng nguồn nhân lực. Để bảo đảm nguồn nhân lực có chất lượng, có khả năng đóng góp quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế và tiến bộ xã hội, cần có chiến lược dân số đúng đắn, phù hợp với tình hình đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội từng địa phương, cũng như toàn đất nước. Bởi lẽ, mục đích cuối cùng của chiến lược phát triển


Digitized by Google

kinh tế - xã hội là nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

Dân số và công tác dân số luôn là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, được Đảng và Nhà nước ta hết sức coi trọng và coi đó như một quốc sách trong sự nghiệp phát triển đất nước. Ngay từ những năm 60 của thế kỷ XX, Đảng và Nhà nước ta đã hoạch định những biện pháp, chính sách cụ thể để từng bước hạ thấp tỷ lệ gia tăng dân số, giảm quy mô gia đình và tiến tới ổn định dân số. Hội nghị Trung ương 4, khóa VII, tháng 1-1993, khẳng định: "Công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình là một bộ phận quan trọng của chiến lược phát triển đất nước, là một trong những vấn đề kinh tế - xã hội hàng đầu của nước ta, là một yếu tố cơ bản để nâng cao chất lượng cuộc sống của từng người, từng gia đình và của toàn xã hội".

Bước sang thiên niên kỷ mới, chương trình dân số của nước ta đã chuyển từ các mục tiêu giảm sinh là chủ yếu sang các mục tiêu nâng cao chất lượng dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản. *Chiến lược Dân số Việt Nam 2001 - 2010* và *Chiến lược Quốc gia về Chăm sóc sức khỏe sinh sản 2001 - 2010* đánh dấu bước chuyển đó. Để tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được, thực hiện mục tiêu chiến lược ổn định dân số và phát triển cộng đồng bền vững, ngày 22-1-2003, Chủ tịch nước Trần Đức Lương đã ký công bố Pháp lệnh Dân số, nhằm nâng cao trách nhiệm công dân, Nhà nước và xã hội trong công tác dân số; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân; tăng cường thống nhất quản lý nhà nước về dân số.

Trên cơ sở chương trình, pháp lệnh, chính sách của Nhà nước theo đường lối của Đảng, trong thập kỷ qua, công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình được triển khai và thực hiện rộng rãi trên toàn quốc, đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể, tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức, thái độ và hành vi dân số của cộng đồng, góp phần điều chỉnh sự gia tăng dân số. Hầu hết các tầng lớp nhân dân đều xem việc thực hiện chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình là nghĩa vụ, trách nhiệm và là nhu cầu, lợi ích của mình. Tốc độ gia tăng dân số quá nhanh trước đây về cơ bản đã được kiềm chế. Năm 2002, tỷ lệ tăng dân số đã hạ xuống còn 0,3%. Tổng tỉ suất sinh giảm nhanh, và theo xu thế này, Việt Nam sẽ đạt mức sinh thay thế vào giai đoạn 2005 - 2010. Các điều kiện về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em và kế hoạch hóa gia đình không ngừng được cải thiện. Tuổi thọ bình quân của nhân dân được nâng cao. Cho đến nay, Việt Nam liên tục dẫn đầu các nước đang phát triển về thành tích xóa đói giảm nghèo: trên thực tế đã giảm một nửa tỷ lệ nghèo của cả nước (từ trên 60% - năm 1990 - xuống còn khoảng 32 % trong những năm gần đây). Như vậy, chúng ta hoàn thành sớm hơn so với kế hoạch toàn cầu là giảm một nửa tỷ lệ nghèo vào năm 2015[1]. Những kết quả đó đã góp phần quan trọng vào những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội, trực tiếp xóa đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

Tuy nhiên, những thành công của chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình trong thập kỷ qua chỉ là bước đầu và chúng ta vẫn còn phải đối mặt với những thách thức không nhỏ. Chất lượng dân số của nước ta còn nhiều hạn chế và có dấu hiệu phân hóa cao. Quy mô dân số lớn và cơ cấu dân số trẻ đang là những áp lực không nhỏ đối với sự phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Mức giảm sinh chưa đồng đều giữa các tỉnh, các vùng. Mức sinh ở một số vùng còn cao, nhất là các vùng sâu, vùng xa có trình độ dân trí thấp, đời sống kinh tế khó

(1) Liên hợp quốc tại Việt Nam: *Các mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ (MDG). Đưa các MDG đến với người dân*, tháng 11-2002, tr 1


Digitized by Google

khăn. Những kết quả đạt được của công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình chưa thực sự vững chắc. Một số phong tục tập quán lạc hậu như tư tưởng trọng nam, khinh nữ, nhu cầu muốn có con trai để có người thờ cúng, nối dõi tông đường, đông con để có nhiều lao động... đang tác động tiêu cực đến việc chấp hành và thực hiện mục tiêu gia đình ít con và là nguyên nhân trực tiếp làm giảm chất lượng dân số, kìm hãm sự phát triển kinh tế - xã hội ở không ít địa phương. Bộ máy quản lý dân số chưa hoàn thiện; chế độ chính sách đối với công tác dân số chưa phù hợp; nhận thức về công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, về mối quan hệ giữa dân số và phát triển kinh tế cộng đồng cũng như vấn đề chăm sóc sức khỏe sinh sản có nơi, có lúc còn chưa đúng mức, chưa đồng đều giữa các vùng, địa phương. Một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa thật sự quan tâm tới công tác dân số; chưa hình thành được chính sách toàn diện về dân số và phát triển, nên còn sự chồng chéo, không ăn khớp giữa một số chính sách, v.v.. Ngoài ra còn phải kể tới áp lực của sự bùng nổ dân số trong quá khứ đối với các vấn đề xã hội khác như môi trường, việc làm, di dân...

Những thách thức đó cho thấy, chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản ở nước ta không chỉ là vấn đề bức xúc trước mắt, mà còn là vấn đề cơ bản, lâu dài. Do đó, phải có cái nhìn toàn diện, sâu rộng đối với công tác dân số và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Giải quyết vấn đề dân số trên cơ sở tính đến nền tảng chung ấy; đồng thời, xem xét lợi ích, tính đặc thù về văn hóa phong tục, tập quán địa phương, để sao cho chất lượng dân số được bảo đảm tốt nhất, tiến tới xây dựng một xã hội có nền kinh tế phát triển giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh, tiến bộ.

Nhằm góp phần thực hiện Pháp lệnh Dân số, nâng cao chất lượng trong công tác tuyên truyền, giáo dục về dân số và công tác dân số, trong khuôn khổ thực hiện Dự án VIE 01/P09 hợp tác giữa Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA), thời gian qua Tạp chí Cộng sản đã triển khai một số hoạt động như: 1 - Đi thực tế để viết bài, đặt bài về dân số; 2 - Giới thiệu hàng chục bài trên Tạp chí ở chuyên mục "Dân số và Phát triển". Theo kế hoạch, Tạp chí Cộng sản tiếp tục đăng những bài về dân số và phát triển để tuyên truyền về công tác dân số ở nước ta hiện nay; 3 - Phối hợp với một số ngành, địa phương tổ chức các cuộc hội thảo về dân số nhằm đi sâu làm rõ những vấn đề cần thiết đang đặt ra.

Những bài viết về dân số đăng trên Tạp chí Cộng sản đã tập trung nghiên cứu, làm rõ những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về dân số; tuyên truyền một số vấn đề cơ bản như: Chương trình Dân số Việt Nam, tình trạng di dân, gia đình với nâng cao chất lượng dân số, vấn đề truyền thông dân số, vấn đề xây dựng chỉ số phát triển con người, chăm sóc sức khỏe sinh sản, nâng cao chất lượng dân số, áp lực của dân số đối với các vấn đề toàn cầu, v.v.. Việc triển khai hoạt động dự án nhánh VIE 01/P09 của Tạp chí Cộng sản trong gần hai năm qua đã góp phần nâng cao nhận thức và năng lực chỉ đạo công tác dân số cho đội ngũ cán bộ, làm chuyển biến nhận thức và hành vi của cộng đồng về chiến lược dân số, góp phần vào việc thực hiện Chương trình Dân số Việt Nam và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

Cuộc Hội thảo lần này với chủ đề "Dân số và Phát triển kinh tế - xã hội ở các tỉnh phía Nam hiện nay" được tổ chức tại Thành phố Huế có ý nghĩa quan trọng trong việc tiếp tục nâng cao hiệu quả tuyên truyền các


Digitized by Google

mục tiêu chiến lược công tác dân số với phát triển kinh tế ở các tỉnh phía Nam. Mục đích của cuộc Hội thảo gồm: *Một là*, góp phần nâng cao nhận thức, tư tưởng và hành động về các vấn đề dân số - kế hoạch hóa gia đình với phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam nói chung và ở các tỉnh phía Nam nói riêng; *Hai là*, thống nhất việc nhận định, đánh giá những kết quả đạt được của việc thực hiện chương trình dân số với phát triển kinh tế - xã hội; *Ba là*, những vấn đề đặt ra cần tiếp tục giải quyết để làm tốt công tác dân số với phát triển kinh tế - xã hội hiện nay; *Bốn là*, đề ra những hình thức, biện pháp tiếp tục thực hiện chiến lược dân số Việt Nam 2001 - 2010 trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội chung của đất nước.

Như trên đã nêu, dân số có mối quan hệ chặt chẽ với các vấn đề kinh tế - xã hội và có nội dung rộng lớn. Thực hiện ổn định dân số sẽ góp phần tiết kiệm các nguồn lực, nâng cao chất lượng dân số, thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Các tỉnh phía Nam là một trong những khu vực đông dân cư nhưng diện tích đất đai lại không lớn. Vấn đề đặt ra là phát triển dân số ở đây như thế nào để có tác động tích cực đối với phát triển kinh tế - xã hội trong tương lai. Giải pháp gì để giải quyết hài hòa, hiệu quả, thực hiện tốt công tác dân số gắn liền với phát triển kinh tế - xã hội? Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã góp phần quan trọng vào những thành tựu của chương trình dân số địa phương ra sao? Đâu là biện pháp thiết thực nâng cao chất lượng dân số ở trong vùng?, v.v..

Tại cuộc Hội thảo này, chúng ta đi sâu phân tích, nghiên cứu, thảo luận, đóng góp ý kiến về những vấn đề liên quan đến dân số và phát triển, đặc biệt với phát triển kinh tế ở địa phương một cách phù hợp. Đây là vấn đề có nội dung rất phong phú, có nhiều cách tiếp cận, chúng tôi xin nêu một vài vấn đề chủ yếu sau cần đi sâu làm rõ:

1 - Nhật thức, quan niệm về dân số và công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình ở nước ta hiện nay? Những vấn đề đặt ra cần quan tâm?

2 - Quan hệ giữa dân số và phát triển (dân số và phát triển kinh tế; dân số với tài nguyên và môi trường; dân số với vấn đề lao động, việc làm, đô thị hóa; dân số với phát triển y tế - giáo dục, vai trò của gia đình và bình đẳng giới, v.v..)? Việc lồng ghép các vấn đề dân số - phát triển và sức khỏe sinh sản với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương? Kinh nghiệm thực tế trong công tác thông tin, tuyên truyền về vấn đề dân số - kế hoạch hóa gia đình? Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ cơ sở làm công tác dân số hiện nay?

3 - Đâu là những khó khăn, cản trở phải vượt qua để thực hiện có hiệu quả chính sách dân số hiện nay? Các chính sách, giải pháp, chương trình cụ thể nào cần đổi mới bảo đảm phù hợp với các điều kiện địa lý, kinh tế - xã hội, phong tục tập quán địa phương, đặc biệt là các vùng sâu, vùng xa trong việc thực hiện chính sách dân số một cách có hiệu quả?

4 - Đâu là những vấn đề bức xúc về dân số ở các tỉnh phía Nam đang đặt ra hiện nay? Tháo gỡ những vấn đề đó như thế nào?, v.v.. Ngoài ra, còn nhiều nội dung bức thiết khác rất cần được chúng ta đề cập và đi sâu nghiên cứu dưới nhiều góc độ khác nhau.

Trong khuôn khổ thời gian có hạn của cuộc Hội thảo rất mong các đồng chí tham gia, đóng góp nhiều ý kiến và hy vọng những đề xuất, kiến nghị của ohúng ta sẽ là những kinh nghiệm quý báu, tiếp tục góp phần triển khai thực hiện tốt *Chiến lược Dân số Việt Nam giai đoạn 2001 - 2010* trong thời gian tới ở nước ta nói chung và ở các tỉnh phía Nam nói riêng. ❑

# DÂN SỐ VÀ CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC Ở VIỆT NAM TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ

VŨ MINH MÃO* - HOÀNG XUÂN HÒA**

MỘT nền kinh tế muốn tăng trưởng nhanh và bền vững cần dựa vào ba yếu tố cơ bản là áp dụng công nghệ mới, phát triển kết cấu hạ tầng hiện đại và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Quá trình phát triển nguồn lực con người là quá trình làm biến đổi về số lượng, chất lượng và cơ cấu để ngày càng đáp ứng tốt hơn yêu cầu của nền kinh tế. Trong giai đoạn phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hiện nay, chúng ta ngày càng nhận thức rõ vai trò quyết định của nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao vốn là yếu tố vật chất quan trọng đối với sự phát triển lực lượng sản xuất và tốc độ tăng trưởng kinh tế. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực thường bắt đầu từ công tác quản lý dân số. Quy mô và chất lượng dân số vừa phản ánh tiềm năng, sức mạnh về nguồn nhân lực vừa là tiêu chí để xác định các chỉ tiêu phát triển của quốc gia đó.

Đối với Việt Nam, vấn đề đặt ra hiện nay là phải tiếp tục giảm tốc độ tăng dân số đồng thời nâng cao chất lượng dân số. Trong những năm gần đây, nhờ thực hiện hiệu quả các chương trình kế hoạch hóa dân số nên tốc độ tăng trưởng dân số bình quân của Việt Nam đã giảm dần: năm 1989 là 2,1%, năm 1999 là 1,7%, năm 2002 là 1,32%; và năm 2003, dân số nước ta chỉ tăng 1,18%. Hiện nay, ước tính cả nước có khoảng 80,7 triệu người, trong đó nữ chiếm 50,8%; dân số thành thị là 20,5 triệu người, chiếm khoảng 25,4% và tăng 2,41% so với năm 2002. Việc giảm tỷ lệ sinh hợp lý có ảnh hưởng tích cực đến thay đổi cơ cấu dân số, làm cho xã hội và bản thân hộ gia đình có nhiều khả năng tích lũy, do đó quy mô đầu tư cho sản xuất, kinh doanh và khả năng sử dụng lao động tăng lên. Hiện nay, chất lượng dân số ở nước ta đã được cải thiện đáng kể, nhưng cũng còn chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố như: chất lượng cuộc sống vật chất, tinh thần; chăm sóc y tế, mối tương quan giữa con người với môi trường; phát triển về quy mô và chất lượng giáo dục; tốc độ tăng trưởng và phát triển của nền kinh tế; bảo đảm việc làm và thu nhập; sự bình đẳng trong xã hội; hệ thống chính sách khuyến khích phát triển dân số hợp lý... Vì vậy, để nền kinh tế Việt Nam tiếp tục phát triển bền vững và hội nhập thành công vào nền kinh tế quốc tế, nước ta cần thực hiện quy hoạch giáo dục và đào tạo phù hợp với cơ cấu lứa tuổi và nền kinh tế; tạo đủ công ăn việc làm cho nhóm dân số trong tuổi lao động; kiểm soát, điều tiết và quản lý hiệu quả việc di dân đô thị trong quá trình đô thị hóa; giải quyết tốt vấn đề người cao tuổi, nhất là ở độ tuổi từ 61 đến 69 - còn có thể tham

* TS, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học - Công nghệ và Môi trường của Quốc hội

** TS, Ban Kinh tế Trung ương


Digitized by Google

gia lao động, nhằm không ngừng cải thiện các chỉ số phát triển con người, chỉ số phát triển giới, chỉ số nghèo đói, chỉ số giáo dục...

**1 - Một số đánh giá về chất lượng dân số Việt Nam qua tình hình phát triển con người**

***a - Chỉ số phát triển con người (HDI):*** Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã áp dụng nhiều chính sách phát huy nguồn nhân lực, lao động lành nghề, lao động chất xám để tạo ra hàm lượng trí tuệ cao, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực góp phần thúc đẩy công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Văn kiện Đại hội VII của Đảng nhấn mạnh: *"Con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển"*; Văn kiện Đại hội VIII của Đảng khẳng định: *"Lấy việc phát huy nguồn lực con người làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững"*. Văn kiện Đại hội IX của Đảng một lần nữa khẳng định: *"Con người và nguồn nhân lực là nhân tố quyết định sự phát triển của đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa"*.

Những năm qua, một trong những thành công lớn về phát triển kinh tế của nước ta là chỉ số HDI gia tăng tương đối nhanh và liên tục. Nếu năm 1995, Việt Nam mới đứng thứ 7/10 trong khu vực Đông Nam Á, 35/50 ở châu Á và 122/175 nước trên thế giới được xếp hạng theo chỉ số HDI, thì đến năm 2001 đã vượt lên thứ 6/7 ở khu vực Đông Nam Á, 28/36 ở châu Á và 109/130 trên thế giới. Nguyên nhân chính của sự cải thiện này là nhờ tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam liên tục tăng, nhất là năm 2003 đạt 7,24%, được xếp vào danh sách 15 nước có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhất thế giới. Báo cáo Phát triển con người năm 2003 của Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) nhận định: *"Việt Nam đã đạt được những tiến bộ vượt bậc về xóa đói giảm nghèo và phát triển con người trong thập kỷ qua và phần lớn kết quả đạt được bắt nguồn từ tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm tăng khá cao"*. Báo cáo Phát triển con người Việt Nam (lần đầu tiên nước ta xây dựng với sự hỗ trợ của UDNP) cũng cho biết, năm 2001 Việt Nam có 12 tỉnh có HDI cao (từ 0,700 đến 0,749, cao nhất là Bà Rịa - Vũng Tàu); 41 tỉnh có HDI loại trung bình (từ 0,612 đến 0,663) và 8 tỉnh có HDI vào loại thấp (từ 0,486 đến 0,541, trong đó tỉnh Lai Châu có HDI thấp nhất).

***Bảng 1** - Chỉ số phát triển con người của Việt Nam*

| - Báo cáo phát triển con người năm: | 1995 | 1996 | 1997 | 1998 | 1999 | 2000 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| - Số liệu sử dụng của năm: | 1992 | 1993 | 1994 | 1995 | 1997 | 1998 |
| Tuổi thọ trung bình (năm) | 62,2 | 65,5 | 66 | 66,4 | 67,4 | 67,8 |
| Tỷ lệ người lớn biết chữ (%) | 91,9 | 92,5 | 93 | 93,7 | 91,9 | 92,9 |
| Tỷ lệ nhập học chung (%) | 49,0 | 51,0 | 55 | 55 | 62 | 63 |
| GDP bình quân đầu người (tính bằng USD theo tỷ giá sức mua tương đương) | 1010 | 1040 | 1208 | 1236 | 1630 | 1689 |
| Chỉ số HDI | 0, 539 | 0, 54 | 0.557 | 0, 56 | 0, 664 | 0, 671 |
| Xếp bậc trong bảng xếp hạng của thế giới | 120 | 121 | 121 | 122 | 110 | 108 |

*Nguồn: "Báo cáo Phát triển con người" của UNDP qua các năm*

***b - Chỉ số GDP:*** Nếu chỉ số GDP (tính bằng USD, theo tỷ giá sức mua tương đương) của Việt Nam năm 1995 mới đứng thứ 8 trong khu vực, thứ 41 ở châu Á, thứ 147 trên thế giới, thì đến năm 2001 đã vượt lên đứng thứ 7 trong khu vực, thứ 36 ở châu Á, và thứ 130/175 nước trên thế giới. Theo UNDP, tuy so với chỉ số GDP của các nước như: Ấn Độ (đứng thứ 115 - đạt 0,56), Trung Quốc (thứ 109 - 0,69), Ma-lai-xi-a (thứ 56 - 0,75), Bru-nây (thứ 27 - 0,88), Việt Nam có chỉ số GDP không cao nhưng chỉ số HDI cao nhờ định hướng sự tăng trưởng kinh tế vào phát triển con người. GDP bình quân đầu người tăng từ 222 USD (năm 1991) lên 444 USD (năm 2002) và khoảng 480 USD (năm 2003). Trong thập kỷ trước, 58% số dân Việt Nam có mức chi tiêu dưới tiêu chuẩn cuộc sống tối thiểu; 5 năm sau đó, tỷ lệ dân số sống dưới ngưỡng nghèo này đã giảm xuống còn 37%, đến năm 2002 còn 28,3% và năm 2003 chỉ còn 12% (tính theo chuẩn nghèo mới). Như vậy, nước ta đã đạt được tiêu chuẩn phát triển thiên niên kỷ do quốc tế đặt ra là giảm một nửa tỷ lệ đói nghèo trong giai đoạn 1990 - 2015.

Ngoài ra, Việt Nam còn được xếp thứ 39/94 nước tham gia xếp hạng về HDI.

***c - Chỉ số giới (GDI):*** Ở nước ta, phụ nữ chiếm 50,8% số dân và 52% lực lượng tham gia lao động. Phát triển nguồn lực con người đối với phụ nữ ở Việt Nam là thông qua việc tạo mọi điều kiện thuận lợi cho họ tiếp cận các lĩnh vực trong xã hội nhằm tạo việc làm, tăng thu nhập, xóa đói, giảm nghèo, nâng cao vai trò và vị thế của phụ nữ, xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ và chống hành vi bạo lực chống lại phụ nữ và trẻ em gái... Trong những năm đổi mới, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến sự phát triển của phụ nữ. Điều này thể hiện rất rõ trong chỉ số GDI của Việt Nam. Theo Báo cáo Phát triển con người của UNDP, chỉ số GDI của Việt Nam năm 2000 đạt 0,668, đứng thứ 89/143 nước trên thế giới tham gia xếp hạng về GDI, cao hơn chỉ số GDI của các nước In-đô-nê-xi-a, Mi-an-ma, Ấn Độ, Pa-ki-xtan, Lào và Băng-la-đét. Theo Báo cáo Phát triển con người Việt Nam, năm 2001, nước ta có 12 tỉnh có GDI cao (từ 0,71 đến 0,764, cao nhất là Bà Rịa - Vũng Tàu), 41 tỉnh có GDI trung bình (từ 0,616 đến 0,661) và 8 tỉnh có GDI thấp (0,479 đến 0,536, trong đó thấp nhất là tỉnh Lai Châu).

Mặt khác, nhờ các chính sách của Đảng và Nhà nước quan tâm chăm sóc đối với phụ nữ, năm 2002 tỷ lệ nữ trong các cơ quan dân cử của nước ta chiếm 27%; tỷ lệ chết của mẹ liên quan đến thai sản giảm; nguy cơ tổn thương cho phụ nữ trước nạn bạo lực gia đình cũng giảm nhiều...

***d - Chỉ số giáo dục:*** Phát triển giáo dục, đào tạo là nhân tố quan trọng có tác động lớn đến chất lượng dân số và chất lượng nguồn nhân lực của nước ta trong những năm vừa qua. Việc cơ cấu lại hệ thống giáo dục, xã hội hóa giáo dục đã đem lại những thành tựu đáng kể: Chỉ số giáo dục của Việt Nam năm 2001 đạt 0,83, bằng Ma-lai-xi-a và cao hơn In-đô-nê-xi-a (0,80), Trung Quốc (0,79), Mianma (0,72), Cam-pu-chia (0,64), Lào (0,63).

So với năm học 1986 - 1987, giáo dục mầm non tăng 46,1% số trường, 97% số lớp, 47,2% số giáo viên, 18,3% số trẻ em. Giáo dục phổ thông tăng 87,5% số trường, 53,3% số lớp, riêng trung học cơ sở tăng 97,2%, trung học phổ thông tăng 118,3%. Cả nước hiện có 344 trường phổ thông dân tộc nội trú, tỷ lệ phòng học kiên cố chiếm 46,8%, số giáo viên phổ thông tăng 66,7%; quy mô học sinh phổ thông tăng: Cấp tiểu học tăng 5,6% (tăng thấp chủ yếu do thực hiện sinh đẻ có kế hoạch và đã đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học), cấp trung học phổ thông cơ sở tăng 103,2%, cấp trung học phổ thông tăng 170,1%. Đến nay, cả nước có 17 tỉnh hoàn thành phổ cập trung học cơ sở. Hệ thống các trường đại học và cao đẳng phát triển mạnh với các hình thức giáo dục - đào tạo đổi mới như bán công, dân lập, đào tạo từ xa với số sinh viên tăng 115,3%, trung học chuyên nghiệp tăng 43,5% và học viên học nghề tăng 23,1% so với năm 1986 - 1987.

Trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế, chất lượng giáo dục nguồn nhân lực của nước ta được cải thiện nhiều, nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và tiến kịp với các nước trong khu vực và thế giới. Chất lượng giáo dục ở nước ta vẫn thấp, chỉ có 13,7% số học sinh thi đại học đạt tổng số điểm 15 điểm trên 3 môn thi; tình trạng dạy thêm, học thêm tràn lan; chi phí học tập cho học sinh còn là điều đáng quan tâm, nhất là đối với gia đình nghèo; cơ cấu đào tạo giữa công nhân kỹ thuật, trung học chuyên nghiệp và đại học, cao đẳng bất hợp lý; chất lượng đào tạo trình độ chuyên môn kỹ thuật của người lao động Việt Nam chỉ đạt 17,86/60 điểm (60 điểm là điểm tối đa), trong khi của Xin-ga-po là 42,16 điểm, Hàn Quốc: 46,06 điểm, Trung Quốc: 31,5 điểm, Thái Lan 18,46 điểm và của Phi-líp-pin là 29,85 điểm; tỷ lệ lao động được đào tạo nghề năm 2000 chỉ đạt 13,4%... Vì vậy, trong thời gian tới Nhà nước cần có chính sách tăng ngân sách đầu tư cho giáo dục và phát triển


Digitized by Google

giáo dục không chỉ về số lượng mà cần chú ý đến chất lượng.

***đ - Y tế:*** Hiện nay, cả nước có 836 bệnh viện, tăng 13,3%; 928 phòng khám đa khoa khu vực, tăng 56,5% và 10 385 trạm y tế xã, phường, tăng 10,1% so với năm 1986. Mạng lưới nhà hộ sinh, viện điều dưỡng và đặc biệt là 41 600 cơ sở hành nghề y, dược tư nhân hợp pháp góp phần làm đa dạng hóa các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Nhờ cơ sở vật chất và nguồn lực phát triển, sức khỏe và tuổi thọ của người dân được cải thiện rõ rệt: Tỷ lệ chết của trẻ em dưới 1 tuổi giảm từ 4,604% thời kỳ 1984 - 1989, nay còn 3,67%; tỷ lệ chết của trẻ em dưới 5 tuổi giảm từ 6,869%, nay còn 4,86%; tuổi thọ bình quân của người Việt Nam liên tục tăng, năm 2000 đạt 67,8 tuổi; chỉ số tuổi thọ bình quân của người Việt Nam hiện nay tương đương với chỉ số tuổi thọ bình quân của người Thái Lan và cao hơn chỉ số tuổi thọ bình quân của In-đô-nê-xi-a, Ấn Độ, Cam-pu-chia, Lào và Mi-an-ma. Các chương trình quốc gia phòng chống dịch bệnh và chăm sóc sức khoẻ nhân dân đã đạt được nhiều kết quả, đáng chú ý là chương trình tiêm chủng mở rộng, thanh toán bệnh bại liệt, kiểm soát và khắc phục bệnh lao đang phát triển trở lại, chương trình chăm sóc phụ nữ có thai và kế hoạch hóa gia đình và giảm số con/phụ nữ từ 3,8 (năm 1989) xuống còn 2,3 (năm 1999).

Tuy nhiên, trong công tác y tế vẫn còn nhiều hạn chế như tốc độ tăng bệnh viện thấp hơn tốc độ tăng dân số, gây tình trạng quá tải ở bệnh viện; sự bất cập trong việc phân bổ cán bộ y tế tuyến và vùng; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng còn cao, nhất là ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa; nguy cơ lây nhiễm HIV/AIDS và các bệnh truyền nhiễm khác lan rộng và có xu hướng gia tăng.

***e - Vấn đề việc làm:*** Hiện nay, đại đa số dân trong độ tuổi lao động ở Việt Nam đều tham gia làm việc. Tỷ lệ tham gia thị trường lao động vào hàng cao nhất thế giới. Năm 2002, 85% nam trong độ tuổi từ 15 - 60 và 83% nữ cùng độ tuổi này tham gia hoạt động kinh tế. Số việc làm mới thời kỳ 1996 - 2000 hằng năm tăng bình quân 1,2 triệu người, tăng 863 nghìn người (39%) so với thời kỳ 1996 - 2000.

***Bảng 2** - Số người làm việc thời kỳ 1991 - 2000*

| | 1991 | 1992 | 1993 | 1994 | 1995 | 1996 | 1997 | 1998 | 1999 | 2000 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Số người làm việc trong nền kinh tế quốc dân (1.000 người) | 30.973 | 31.819 | 32.711 | 33.664 | 34.600 | 35.792 | 36.994 | 38.194 | 39.394 | 40.594 |
| Số việc làm tăng thêm (1.000 người) | 668 | 846 | 892 | 953 | 936 | 1.192 | 1.202 | 1.200 | 1.200 | 1.200 |

*Nguồn: - Tổng cục Thống kê*
*- Điều tra lao động việc làm hằng năm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.*

Đến giữa năm 2003, cả nước có 40,5 triệu lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế, trong đó lao động nữ chiếm 48,8%. Lực lượng lao động tăng lên chủ yếu ở một số ngành như nuôi trồng thủy sản, công nghiệp chế biến, xây dựng, du lịch, dịch vụ... Đến cuối năm 2003, có 4,3 triệu việc làm được tạo ra thông qua hoạt động tích cực của các trung tâm giới thiệu việc làm và các hình thức khác, trong đó xuất khẩu được 15,8 vạn người lao động và bình quân mỗi năm thu về được 1,2 - 1,4 tỉ USD. Tuy nhiên, sự chuyển dịch lao động từ các ngành nông, lâm nghiệp sang các ngành kinh tế khác diễn ra khá chậm. Theo các nhà nghiên cứu dân số, tỷ trọng việc làm được trả lương của người lao động Việt Nam từ 15 tuổi trở lên ở khu vực tư nhân lớn hơn khu vực nhà nước khá nhiều, năm 2002 ở khu vực nhà nước chỉ chiếm 31% và khu vực tư nhân chiếm 69%.

***g - Vấn đề di dân:*** Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta hiện nay đang tác động đến chất lượng dân số, nguồn nhân lực; đồng thời làm thay đổi cơ cấu dân số thành thị, nông thôn, phản ánh xu hướng phát triển kinh tế - xã hội các vùng, miền và thúc đẩy dòng dân cư di


Digitized by Google

chuyển từ nông thôn ra thành thị và khu công nghiệp để kiếm việc làm. Tính từ năm 1995 - 1999, đã có 1 027 000 người di cư ra thành phố lớn và vùng kinh tế trọng điểm, ước tính trong hai thập kỷ nữa, mỗi năm ở Việt Nam sẽ có thêm khoảng 1 triệu người di cư ra thành thị. Trên phạm vi toàn quốc, di dân tự do nông thôn - đô thị thời kỳ 1990 - 1997 là 1,2 - 1,5 triệu người, cường độ di dân đạt từ 120 000 - 200 000 người/năm. Từ năm 1986 đến nay, bình quân mỗi năm số dân Hà Nội tăng thêm 55 000 người, trong đó có 22 000 người di cư (40%). Ngoài ra, hàng năm thường xuyên có từ 20 000 đến 40 000 lao động nông thôn ra Hà Nội kiếm việc làm trong lúc nông nhàn. Tại thành phố Hồ Chí Minh, số lao động làm việc theo thời vụ vào thành phố kiếm việc làm gia tăng rất nhanh, khoảng 70 000 người/năm.

Chất lượng dân số của nguồn lao động này được cải thiện nhanh chóng nhờ tiếp xúc với cuộc sống hiện đại ở thành thị, công nghệ tiên tiến và nhiều cơ hội giao lưu văn hóa. Đa số họ đã có cuộc sống khấm khá hơn về mọi mặt so với ở nông thôn, nhưng cũng chính sự có mặt của họ ở thành thị ngày càng nhiều đã làm nảy sinh không ít vấn đề bức xúc, nan giải như gây áp lực về đất ở do tốc độ dân số thành thị bị gia tăng nhanh; làm quá tải các dịch vụ hạ tầng xã hội; gây khó khăn cho việc đăng ký và quản lý nhân khẩu tạm trú; ô nhiễm môi trường; các tệ nạn xã hội... và ngay bản thân họ cũng rơi vào tình trạng yếu thế, luôn chịu thiệt thòi. Để giải quyết vấn đề này, chúng ta cần hoạch định các chính sách và giải pháp nhằm phân bố hợp lý nguồn lực dân di cư theo ngành, vùng và thành phần kinh tế; đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập; áp dụng các chính sách và giải pháp thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp để đến năm 2010 đạt mục tiêu giảm tỷ trọng lao động nông nghiệp xuống còn 50%.

*Bảng 3 - Kết quả di dân qua các thời kỳ*

| Thời kỳ | Số người (1 000 người) | Số lao động (1 000 người) | Bình quân/năm (1 000 người) | Hướng di chuyển chính |
|---|---|---|---|---|
| 1961-1975 | 1.000 | 450 | 66,7 | Từ đồng bằng sông Hồng và khu 4 lên miền núi phía Bắc |
| 1976-1980 | 1.500 | 750 | 300 | Từ miền Bắc vào đồng bằng sông Cửu Long và Tây Nguyên |
| 1981-1990 | 2.200 | 1.100 | 220 | Di dân nội vùng, Bắc vào Nam |
| 1991-1997 | 1.200 | 550 | 171,4 | Từ miền Bắc vào đồng bằng sông Cửu Long và Tây Nguyên |

*Nguồn: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.*

**2 - Một số định hướng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ở Việt Nam đến năm 2010**

Trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, nước ta có nhiều cơ hội thuận lợi để tăng trưởng và phát triển kinh tế, từ đó tạo ra cơ sở vật chất và nguồn lực để giải quyết các vấn đề xã hội công bằng và tiến bộ; đồng thời, cũng phải đối mặt với nhiều thách thức do xuất phát từ nước nông nghiệp lạc hậu, có trình độ phát triển thấp. Đại hội IX của Đảng đã vạch ra các chiến lược, đường lối để phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010, trong đó vấn đề phát triển con người được coi là một trong những nhiệm vụ chủ yếu: "Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, tăng nhanh hàm lượng công nghệ trong sản phẩm" và "giải quyết hiệu quả những vấn đề xã hội bức xúc; tạo việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị và thiếu việc làm ở nông thôn".

Một số mục tiêu phát triển nguồn lực con người đến năm 2010 của nước ta là: giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên xuống 1,1%; dân số cả nước không quá 88 triệu người; hạ tỷ lệ chết của trẻ sơ sinh xuống còn 25%, tỷ lệ chết của mẹ liên quan đến thai sản còn 70/100 000 trẻ

*(Xem tiếp trang 60)*


Digitized by Google

# Tương quan giữa dân số và phát triển ở Cao Bằng

ĐỖ NGỌC YÊN *

CHÚNG tôi chọn Cao Bằng làm tiêu điểm để khảo sát mối quan hệ giữa dân số và phát triển, bởi lẽ đây là một tỉnh miền núi phía Bắc, vùng cao, biên giới, một trong số các tỉnh nghèo nhất nước và có 8 dân tộc anh em cùng sinh sống.

Trong những năm gần đây, thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế- xã hội đối với miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bộ mặt kinh tế - xã hội của Cao Bằng đã có nhiều khởi sắc. Theo đó, công tác dân số cũng được quan tâm đáng kể và có những chuyển biến tích cực. Song, sự chuyển biến đó đã tạo nên một "cú hích" thực sự đủ mạnh để đưa Cao Bằng thoát khỏi tình trạng đói nghèo và phát triển đi lên trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hay chưa, lại là một vấn đề cần được xem xét một cách nghiêm túc và cụ thể.

***Từ công tác dân số...***

Theo số liệu của Ủy ban Dân số - Gia đình - Trẻ em tỉnh, dân số Cao Bằng trong 2 năm 2001 và 2002 không có những biến động lớn về mặt số lượng. Nếu đầu năm 2001, số dân toàn tỉnh có 497 529 người, thì đến cuối năm 2001 là 499 049 người, tăng 1 520 người, và đến cuối năm 2002 là 503 294 người, tăng 4 245 người, trong đó số dân sống ở khu vực thành thị là 66 474 người, số dân ở nông thôn là 431 243 người, chiếm 87% dân số toàn tỉnh. Số dân là phụ nữ năm 2001 là 252 534 người, chiếm trên 50% dân số, trong đó phụ nữ ở tuổi sinh đẻ (từ 15 đến 49 tuổi) là 119 042 người, chiếm 47,14% số phụ nữ. Như vậy, số người trong độ tuổi sinh đẻ chiếm gần 1/4 số dân toàn tỉnh. Nếu tính bình quân mỗi hộ gia đình ở Cao Bằng có 4 người thì có 1 người ở độ tuổi sinh đẻ. Mặt khác, số chị em sinh từ con thứ 3 trở lên là 3 540 người (năm 2001) và 3 111 người (năm 2002), tương đương với số người chết trong năm 2001 là 3 551 người và trong năm 2002 là 3 568 người. Điều đáng nói là, mấy năm gần đây, tỷ lệ phụ nữ sinh từ con thứ 3 trở lên vẫn còn rất cao, chiếm 32,64% (năm 2001) và 30,19% (năm 2002); tỷ lệ tăng dân số tự nhiên cũng không thấp, chiếm 1,31% (năm 2001) và 1,22% (cuối năm 2002). Đây là một thách thức rất lớn đối với công tác dân số ở Cao Bằng.

Tuy chất lượng dân số là một trong những yếu tố có ý nghĩa quyết định quá trình phát triển, nhưng chất lượng dân số khó có thể được nâng cao nếu như số lượng dân số không ổn định, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên cao và số người sinh từ con thứ 3 trở lên còn nhiều. Trong nhiều năm qua, Cao Bằng đã có những nỗ lực đáng kể nhằm cải thiện chất lượng dân số, đặc biệt là từ năm 2002 và 9 tháng của năm 2003, hướng vào ba nội dung cụ thể: tăng cường công tác truyền thông - giáo dục thay đổi hành vi; tăng cường các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ sinh sản và kế hoạch hóa gia đình; nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân số.

Trong 6 tháng đầu năm 2003, Ủy ban Dân số - Gia đình - Trẻ em tỉnh đã ký hợp đồng

* Trưởng Ban Dân tộc và Miền núi, Báo Sức khỏe và Đời sống

trách nhiệm thực hiện Chương trình quốc gia Dân số - Kế hoạch hóa gia đình với 11 đơn vị; biên soạn 2 600 cuốn tập san đề cập đến tình hình dân số - gia đình - trẻ em của tỉnh; cấp phát các tài liệu liên quan đến vấn đề dân số - gia đình - trẻ em do trung ương gửi về. Cũng trong 6 tháng đầu năm 2003, các cộng tác viên dân số thôn, bản đi thăm 53 926 lượt hộ gia đình để tuyên truyền, tư vấn về nội dung dân số và kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ và chăm sóc trẻ em; cấp phát 111 600 bao cao-su, 20 824 vỉ thuốc tránh thai cho các đối tượng. Đợt I của Chương trình quốc gia Dân số - Kế hoạch hóa gia đình được triển khai ở 39 xã trong tỉnh, đạt 28% kế hoạch/năm. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh phát 53 tin, bài về sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình, tổ chức 339 buổi nói chuyện, 630 buổi sinh hoạt tổ nhóm với 42 403 lượt, và cấp phát 12 100 tờ rơi, tranh ảnh về công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình... Trong đợt I của chương trình, theo số liệu của Ủy ban Dân số - Gia đình - Trẻ em tỉnh, có 8 287 người đến các điểm cung cấp dịch vụ để khám và điều trị bệnh phụ khoa, trong đó có 4 911 người được điều trị tại xã. Tỷ lệ người mắc bệnh so với số người đến khám bệnh là 59,26%; có nhiều nơi ở các xã thuộc huyện Thông Nông và huyện Nguyên Bình, tỷ lệ này lên đến trên 80%. Tính đến tháng 6-2003, tại 39 xã thuộc vùng triển khai chương trình, số phụ nữ mang thai được khám bệnh là 424 người; số phụ nữ sinh con là 723 người, số phụ nữ sinh từ con thứ 3 trở lên là 145 người, chiếm 20,06%; số phụ nữ tiêm phòng uốn ván đủ 2 lần là 429 người, đạt 59,34%; số phụ nữ được khám thai đủ 3 lần là 222 người, đạt 30,71%; số phụ nữ sinh con tại các cơ sở y tế là 231 người, đạt 31,9%; số phụ nữ sinh con tại nhà là 492 người, chiếm 68,1%, trong đó số người sinh con có sự trợ giúp của cán bộ y tế là 327 người, chiếm 66,46%...

***... Đến thực trạng đói nghèo***

Toàn tỉnh Cao Bằng chia thành 189 xã, phường thì có tới 138 xã, phường thuộc diện đặc biệt khó khăn, trong đó có 42 xã biên giới đang được thụ hưởng sự đầu tư của Chương trình 135 của Chính phủ. Các xã này có điều kiện tự nhiên phức tạp, đi lại rất khó khăn, trình độ dân trí thấp, phương thức canh tác còn lạc hậu, phụ thuộc nhiều vào tự nhiên, nên tỷ lệ đói nghèo rất cao. Qua kết quả điều tra tại thời điểm tháng 3-2001, số hộ nghèo của Cao Bằng theo tiêu chí mới là 24 435 hộ, chiếm 25%. Số hộ này nằm tập trung ở các xã đặc biệt khó khăn thuộc các huyện Bảo Lâm (46,24%), Thông Nông (40,38%), Hà Quảng (39,52%)... với tổng số lên tới 18 707 hộ nghèo/98 012 hộ trong toàn tỉnh. Số liệu điều tra của tỉnh về nguyên nhân dẫn đến đói nghèo cho thấy, do thiếu vốn sản xuất chiếm tới gần một nửa (47,8%). Tiếp theo là các nguyên nhân như thiếu tư liệu sản xuất (43,2%), thiếu kinh nghiệm làm ăn (20,06%), đông người ăn theo (15,2%), thiếu lao động (8,06%), có người thân ốm đau, tàn tật (6,18%), có người thân mắc các tệ nạn xã hội hoặc lười biếng (3,7%). Như vậy, chỉ tính đến các nguyên nhân có liên quan đến vấn đề dân số như thiếu kiến thức, kinh nghiệm làm ăn, đông người ăn theo, thiếu lao động, ốm đau, bệnh tật và số hộ có người mắc các tệ nạn xã hội thì toàn tỉnh Cao Bằng có tới 33,68% số hộ rơi vào tình trạng đói nghèo. Phải chăng vì những lý do trên mà quá trình phát triển đi lên của Cao Bằng đang trở thành vấn đề xã hội bức xúc hơn bao giờ hết, đòi hỏi sự nỗ lực rất lớn của mọi cấp, mọi ngành và toàn thể cộng đồng?

***Vài nhận xét bước đầu và kiến nghị***

Trong 16 tỉnh có chỉ số phát triển con người (HDI) thấp nhất của cả nước thì Cao Bằng có tỷ lệ đồng bào các dân tộc thiểu số lớn nhất (95%), nhưng GDP/đầu người trong sức mua tương đương (PPP) lại xếp thứ 5/16, chỉ sau Phú Yên, Ninh Thuận, Lạng Sơn và Gia Lai. Bên cạnh đó, Hà Giang có 88% dân số là đồng bào các dân tộc thiểu số, nhưng GDP/đầu người trong sức mua tương đương lại xếp thứ 16/16. Điều đó cho thấy, sự phát triển về kinh tế không


Digitized by Google

phụ thuộc một cách tuyệt đối vào tỷ lệ đồng bào các dân tộc thiểu số cư trú tại địa phương.

Vấn đề ở đây là, do chất lượng dân số của Cao Bằng chưa cao, nên đã tạo ra lực cản lớn đối với quá trình phát triển. Những xã, phường thuộc diện đặc biệt khó khăn, thường xuyên phải nhận sự trợ giúp của Chính phủ, lại là những địa phương có sự phát triển dân số không ổn định. Trong khi đó, công tác dân số tại những địa phương này gặp rất nhiều khó khăn. Chẳng hạn, huyện Bảo Lạc, nơi có 13 xã đặc biệt khó khăn, *do không bố trí được kinh phí thanh toán công tác phí cho đội lưu động công tác dân số, vì kinh phí Chương trình Quốc gia Dân số - Kế hoạch hóa gia đình không đủ trang trải, nên cho đến nay vẫn chưa triển khai được Chương trình Quốc gia Dân số - Kế hoạch hóa gia đình* đợt I-2003. Phải chăng công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình ở Cao Bằng chưa nhận được sự ủng hộ cần thiết của các cấp, các ngành trong tỉnh, mà vẫn là một lĩnh vực công tác của riêng ngành dân số - gia đình - trẻ em, do vậy các cấp, các ngành từ tỉnh đến huyện, xã đều chưa thật sự vào cuộc?

Mặt khác, tổng số người sử dụng các biện pháp tránh thai trong toàn tỉnh chỉ đạt 18,2% kế hoạch, trong khi các xã triển khai chương trình lại đạt 80% kế hoạch. Như vậy, công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình của tỉnh hầu như mang tính phong trào, chỉ khi nào có chương trình, dự án, tức là có sự đốc thúc của cấp trên và có kinh phí, thì mới được triển khai và đạt hiệu quả, còn nếu không thì vẫn là cái tự nó. Rõ ràng, tư tưởng trông chờ vào sự trợ giúp của Nhà nước và chính quyền các cấp trong việc triển khai Chương trình Dân số - Kế hoạch hóa gia đình ở Cao Bằng còn nặng; việc thực hiện chương trình thiếu sự chủ động, sáng tạo, đặc biệt là chưa chủ động tìm kiếm các nguồn kinh phí từ dân, các tổ chức xã hội, từ những người hảo tâm trong và ngoài nước.

Điểm cuối cùng là, hiện tại, toàn tỉnh Cao Bằng, tỷ lệ phụ nữ sinh từ con thứ 3 trở lên ở mức trên 30% so với số chị em trong độ tuổi sinh đẻ rõ ràng là khá cao. Bên cạnh đó, số phụ nữ sinh con tại các cơ sở y tế chỉ chiếm hơn 30% lại là quá thấp. Điều này cho thấy, nhận thức về vấn đề sinh đẻ nói riêng và vấn đề dân số - kế hoạch hóa gia đình nói chung của chị em phụ nữ Cao Bằng còn nhiều hạn chế. Khi nhận thức còn như vậy thì người ta vẫn còn hành động theo thói quen, với những tập tục lạc hậu. Tuy những thành tích bước đầu mà ngành dân số - gia đình - trẻ em Cao Bằng đạt được trong thời gian qua là rất đáng khích lệ, nhưng dường như chúng vẫn còn mang tính phong trào, nặng về hình thức, chứ chưa thực sự tạo nên những chuyển biến về chất trong công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình của tỉnh. Và như vậy, khó có thể nói rằng, chất lượng công tác dân số của Cao Bằng đã đáp ứng được yêu cầu mà Chương trình quốc gia Dân số - Kế hoạch hóa gia đình đề ra.

Sự ổn định về lượng và nâng cao về chất của dân số là tiền đề quan trọng tạo nên sự phát triển bền vững về kinh tế - xã hội của mỗi địa phương, cộng đồng, quốc gia và khu vực. Để công tác dân số của Cao Bằng có những chuyển biến tích cực, phục vụ đắc lực sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, trước hết cần nâng cao nhận thức của mọi tầng lớp xã hội, từ cán bộ cấp tỉnh, huyện tới cơ sở và mỗi người dân, đặc biệt là chị em phụ nữ, về vai trò, tầm quan trọng và những tác động nhiều mặt của công tác dân số đối với sự phát triển. Nhưng với một tỉnh còn nhiều khó khăn về kinh tế - xã hội như Cao Bằng thì sự hỗ trợ tích cực của trung ương, các ban ngành, các tỉnh bạn và các tổ chức xã hội trong và ngoài nước là hết sức cần thiết, để địa phương có thể hoàn thành tốt các chương trình quốc gia dân số - kế hoạch hóa gia đình và xóa đói giảm nghèo, ổn định kinh tế - xã hội, từng bước phát triển, hòa nhịp cùng cả nước trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. ❑


Digitized by Google

# NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA SẢN PHẨM: MỘT SỐ KINH NGHIỆM QUỐC TẾ

VŨ ANH TUẤN *

**Từ nhận thức những vấn đề chủ yếu...**

Một sản phẩm được coi là có sức cạnh tranh và có thể đứng vững khi có mức giá thấp hơn hoặc khi cung cấp các sản phẩm tương tự với chất lượng hay dịch vụ ngang bằng. Theo lý thuyết thương mại truyền thống, năng lực cạnh tranh được xem xét qua lợi thế so sánh về chi phí sản xuất và năng suất lao động.

Theo M. Póc-tơ, năng lực cạnh tranh phụ thuộc vào khả năng khai thác các năng lực độc đáo của mình để tạo sản phẩm có giá phí thấp và sự dị biệt của sản phẩm.

Muốn nâng cao năng lực cạnh tranh, doanh nghiệp cần xác định lợi thế của mình để đạt thắng lợi trong cạnh tranh. Có hai nhóm lợi thế cạnh tranh:

- Lợi thế về chi phí: Tạo ra sản phẩm có chi phí thấp hơn đối thủ cạnh tranh. Các nhân tố sản xuất như đất đai, vốn và lao động thường được xem là nguồn lực để tạo lợi thế cạnh tranh.

- Lợi thế về sự khác biệt: Dựa vào sự khác biệt của sản phẩm làm tăng giá trị cho người tiêu dùng hoặc giảm chi phí sử dụng sản phẩm hoặc nâng cao tính hoàn thiện khi sử dụng sản phẩm. Lợi thế này cho phép thị trường chấp nhận mức giá thậm chí cao hơn đối thủ.

Thông thường việc xác định khả năng cạnh tranh của sản phẩm dựa vào 4 tiêu chí:

- Tính cạnh tranh về chất lượng và mức độ đa dạng hóa sản phẩm.

- Tính cạnh tranh về giá cả.

- Khả năng thâm nhập thị trường mới.

- Khả năng khuyến mãi, lôi kéo khách hàng và phương thức kinh doanh ngày càng phong phú hơn.

Nhìn chung, năng lực cạnh tranh của sản phẩm phải được xem xét trên các mặt: chất lượng sản phẩm, chủng loại sản phẩm, tính đa dạng, mẫu mã, bao bì của sản phẩm, uy tín thương hiệu, nguồn hàng cung cấp ổn định, giá cả sản phẩm và công tác Ma-két-ting sản phẩm.

Những sản phẩm có khả năng và lợi thế cạnh tranh dù có mức thuế nhập khẩu thấp hoặc gần bằng không nhưng vẫn tồn tại và phát triển.

Có nhiều nhân tố tác động đến năng lực cạnh tranh của sản phẩm:

*Các nhân tố thuộc môi trường vĩ mô, bao gồm:*

- Tăng trưởng kinh tế là nhân tố tác động trực tiếp đến sức mua của xã hội, tạo điều kiện để sản phẩm mở rộng quy mô sản xuất.

---

* TS, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh


Digitized by Google

- Tài chính - tín dụng có vai trò quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế và khả năng cạnh tranh của một sản phẩm. Ngoài ra, lãi suất tín dụng ảnh hưởng đến khả năng vay mượn của các cơ sở, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm.

- Đầu tư mang lại động lực chủ yếu cho nâng cao khả năng cạnh tranh của các sản phẩm. Đây là yếu tố rất quan trọng có tính quyết định đến việc đẩy nhanh tốc độ tăng sản xuất sản phẩm chủ lực.

- Mở cửa thương mại nhất là việc dỡ bỏ hàng rào nhập khẩu đòi hỏi sự nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

- Tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ ảnh hưởng mạnh mẽ đến phát triển các sản phẩm chủ lực. Tiến bộ kỹ thuật tác động quan trọng đến chi phí sản xuất và chất lượng sản phẩm hàng hóa.

- Các chính sách vĩ mô trong các lĩnh vực giáo dục đào tạo, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ và huy động nguồn vốn tài chính cần thiết cho nâng cao khả năng cạnh tranh và phát triển các sản phẩm chủ lực.

- Vị trí địa lý đóng vai trò quan trọng trong nâng cao khả năng cạnh tranh, mở rộng thị trường của các sản phẩm do giảm chi phí vận chuyển, tăng giao lưu với bên ngoài.

- Phát triển nguồn nhân lực tạo ra những điều kiện thuận lợi cho nâng cao khả năng cạnh tranh của các sản phẩm.

- Bối cảnh quốc tế (như xu thế toàn cầu hóa và khu vực hóa đang gia tăng trở thành đặc điểm mới nổi bật của nền kinh tế thế giới) sẽ đưa đến các mặt thuận lợi, những cơ hội cũng như những thách thức cho cạnh tranh của các sản phẩm.

*Các nhân tố thuộc môi trường vi mô:*

- Các nhà cạnh tranh tiềm tàng với quy mô sản xuất, sự khác biệt của sản phẩm, quy mô vốn, chi phí, khả năng tiếp cận thị trường là nguy cơ cạnh tranh cần xét tới.

- Mức độ cạnh tranh của các đối thủ cạnh tranh hiện tại phụ thuộc vào số lượng đối thủ, quy mô đối thủ, tốc độ tăng trưởng sản phẩm, tính khác biệt sản phẩm.

- Áp lực từ sản phẩm thay thế có cùng công năng phụ thuộc vào mức giá, nếu giá cả sản phẩm cao khách hàng sẽ chuyển sang sử dụng sản phẩm thay thế.

- Áp lực từ nguồn cung cho ra đời nhiều loại nguyên vật liệu mới có tính ưu việt, cung cấp cho sản xuất với mục đích tạo ra sản phẩm mới có nhiều ưu điểm hơn sẽ giành được ưu thế cạnh tranh.

- Áp lực từ phía khách hàng nhất là việc thỏa mãn nhu cầu về chất lượng sản phẩm tốt, mới lạ và chất lượng phục vụ cao.

Để cạnh tranh thắng lợi, vấn đề xác định sản phẩm chủ lực có ý nghĩa rất quan trọng. Xác định các sản phẩm công nghiệp chủ lực thực chất là cơ cấu lại các ngành công nghiệp nhằm xây dựng một cơ cấu công nghiệp hợp lý. Để xác định sản phẩm chủ lực thường dựa vào các tiêu chuẩn sau:

- Chiếm tỷ trọng cao trong GDP.

- Đóng góp lớn vào nguồn thu ngân sách.

- Phải gây được hiệu quả tốt theo phản ứng dây chuyền đến sự phát triển các ngành công nghiệp khác hoặc có tác động lôi kéo các ngành khác phát triển theo.

- Góp phần tăng kim ngạch xuất khẩu.

- Tạo nhiều công ăn việc làm cho người lao động.

- Khả năng cạnh tranh cao.

- Tiềm năng thị trường tương đối lớn.

- Hiệu quả kinh tế cao.

Qua thực tiễn cho thấy, có nhiều nhân tố tác động đến phát triển sản phẩm chủ lực. Bao gồm:

*Nhân tố thị trường:* Trong cơ chế thị trường, muốn phát triển, sản phẩm phải đáp ứng được các nhu cầu của thị trường nội địa và thị trường


Digitized by Google

nước ngoài; đồng thời, phải có chất lượng cao, giá thành hạ, có sức cạnh tranh với những sản phẩm cùng loại của các nước trong khu vực và trên thế giới.

*Nhân tố tiến bộ kỹ thuật*, có tác động rất mạnh mẽ đến việc phát triển các sản phẩm và nâng cao năng suất lao động. Do đó, hàng hóa có chất lượng cao nhưng chi phí sản xuất phải thấp, đáp ứng nhu cầu cạnh tranh. Như thế sản phẩm mới giành được sự tín nhiệm của thị trường.

*Hiệu quả kinh tế - xã hội* phải được kết tinh và thể hiện ở việc sử dụng tài nguyên, lao động, vốn một cách hợp lý, có hiệu quả. Nhất là phải được thể hiện cụ thể trong việc giải quyết công ăn việc làm cho người lao động. Kinh nghiệm của một số nước đang phát triển như Ấn Độ trước đây hay Trung Quốc hiện nay cho thấy, nếu quá chú trọng đến hiệu quả xã hội, rốt cuộc lại không đạt được hiệu quả xã hội. Ví dụ, việc duy trì quá lâu những ngành sử dụng nhiều lao động nhưng đã mất tính cạnh tranh trên thị trường sẽ dẫn đến sự thua lỗ và phá sản của các xí nghiệp, hậu quả là công nhân mất việc làm.

Để hình thành và phát triển các sản phẩm chủ lực có sức cạnh tranh cao, cần tuân thủ một số tiêu chuẩn chủ yếu sau:

- Sử dụng tốt nhất những lợi thế hiện có.
- Có chỉ số giá thành thấp, chi phí sản xuất thấp.
- Chất lượng sản phẩm cao.
- Hiệu quả kinh tế cao.
- Năng lực sản xuất lớn.
- Góp phần quan trọng trong việc phát triển nhanh và bền vững nền kinh tế.
- Có khả năng góp phần quan trọng vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tác động dây chuyền đến sự phát triển các ngành kinh tế khác.
- Gia tăng doanh số cho xuất khẩu.
- Tạo thêm công ăn việc làm.

**Đến một số kinh nghiệm**

Cho đến nay, việc nâng cao năng lực cạnh tranh của Nhật Bản là kết quả của sự kết hợp nỗ lực từ phía Chính phủ tới giới kinh doanh. Các biện pháp chủ yếu mà các doanh nghiệp Nhật Bản thực hiện là, duy trì tăng trưởng bằng các nguồn nhân tài vật lực chắc chắn như bảo đảm giá bán sản phẩm ở mức thấp nhất, giảm chi phí ở mức tối thiểu; không ngừng nâng cao chất lượng, không sợ hàng ế và thường tạo ra nhu cầu sản phẩm, thậm chí khi mức cầu giảm xuống, các công ty vẫn không những không cắt giảm hoạt động mà còn đầu tư thêm bằng cách đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng mạng lưới tiêu thụ.

Các doanh nghiệp Nhật cũng sử dụng triệt để lợi thế của mình. Trong thời gian khôi phục, họ dựa vào tiền công thấp. Khi chi phí tiền công phải tăng cao, họ tạo ra lợi thế cạnh tranh bằng cách đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng, giảm giá thành nhờ cải tiến kỹ thuật và công nghệ, ứng dụng quy trình quản lý chất lượng. Các doanh nghiệp Nhật cũng không bỏ sót một biến đổi nào trong chiến thuật của đối thủ cạnh tranh: một số công ty chờ đối thủ thử nghiệm sản phẩm mới, và khi khả năng thành công sản phẩm này đã rõ ràng, họ mới đầu tư vào R & D để thâm nhập thị trường với cùng loại sản phẩm nhưng vượt trội hơn về tính năng và chất lượng; đồng thời, triển khai sản phẩm hoàn toàn mới hoặc cải tiến sản phẩm cũ.

Một vũ khí cạnh tranh khác là chính sách nhân sự phù hợp theo hướng đào tạo đa năng, trả lương theo thâm niên, kết hợp với các biện pháp kích thích người lao động gắn bó với doanh nghiệp và đóng góp sáng kiến cho sản xuất (thưởng, chế độ sinh hoạt, phụ cấp học tập, biểu dương, đi du lịch, điều kiện sinh hoạt tiện lợi...).

Về công nghệ, các doanh nghiệp đầu tư rất mạnh vào việc đổi mới máy móc thiết bị theo hướng hiện đại nhất ngang với phương Tây.


Digitized by Google

Cùng với đội ngũ lao động có tay nghề tương đối khá đã cho phép họ tiếp thu và ứng dụng công nghệ có hiệu quả. Bên cạnh mua công nghệ trực tiếp, họ rất coi trọng lộ trình chuyển giao công nghệ bằng cách mời chuyên gia, kỹ sư và các nhà tư vấn nước ngoài (nhất là Mỹ) làm việc ở Nhật hoặc cử chuyên gia đi học ở nước ngoài. Chính phủ Nhật cũng cử những cán bộ có năng lực ra nước ngoài để tìm hiểu công nghệ có triển vọng hoặc học hỏi kinh nghiệm kinh doanh ở nước ngoài để hỗ trợ cho các doanh nghiệp trong nước.

Chính phủ đã lựa chọn, đưa ra các ngành công nghiệp trọng điểm, áp dụng những biện pháp khuyến khích phát triển như khuyến khích về thuế, các khoản trợ cấp và cả những biện pháp bảo hộ các ngành sản xuất còn non trẻ. Thực hiện chính sách tiền tệ thông qua việc duy trì đầu tư với lãi suất thấp và tách thị trường tài chính trong nước với thị trường tài chính thế giới, giúp các doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn vay với lãi suất thấp hoặc ưu đãi. Sự can thiệp của Chính phủ vào giới kinh doanh chỉ là sự hướng dẫn, vạch phương hướng, chứ không mang tính bắt buộc, mệnh lệnh. Thành lập diễn đàn giữa Chính phủ, ngân hàng và giới kinh doanh, thông qua đó Ngân hàng Phát triển Nhật Bản có trách nhiệm hướng dẫn sử dụng các nguồn tài chính để đầu tư và là "hạt nhân" thúc đẩy sự hợp tác giữa các doanh nghiệp.

Do vậy, trong thời gian ngắn, Nhật Bản đã dẫn đầu thị trường thế giới bằng sự hiện diện của những công ty khổng lồ về các lĩnh vực xe hơi, xe gắn máy, đồng hồ, máy chụp ảnh, dụng cụ quang học, thép, đóng tàu, và đứng thứ hai về máy tính và thiết bị xây dựng.

Năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Đài Loan được nâng cao với sự giúp sức của chính quyền. Một số doanh nghiệp được lập ra để sản xuất những hàng hóa cơ bản như cốt-tông, sắt, thép, hóa dầu, điện lực, năng lượng..., rồi bán rẻ những sản phẩm này cho các doanh nghiệp như là một phương thức hỗ trợ (các ngành dệt, cơ khí, phân bón, nhựa...) và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hướng vào sản xuất hàng xuất khẩu. Ưu đãi trong nhập khẩu và đầu tư máy móc thiết bị phù hợp với nhu cầu phát triển kinh doanh trong từng thời kỳ; đơn giản hóa thủ tục hành chính, nới lỏng kiểm soát của chính quyền và tạo điều kiện để các doanh nghiệp sớm thích nghi với cơ chế thị trường; khuyến khích các ngân hàng cho doanh nghiệp vay vốn, áp dụng lãi suất ưu đãi; thành lập trung tâm hướng dẫn sử dụng vốn, hỗ trợ vốn và dịch vụ, giúp đỡ tiêu thụ sản phẩm cho doanh nghiệp; mở rộng huấn luyện kỹ thuật.

Để đáp ứng các đơn hàng lớn của nước ngoài, các cơ sở liên kết sản xuất đủ số lượng, hoặc các ngành sản xuất dựa vào các doanh nghiệp nhỏ thực hiện các phần thầu khác nhau theo hướng hỗ trợ nhau sản xuất và mở rộng hợp đồng, chứ không cần sự tích tụ nguồn vốn lớn.

Điều này có thể tránh rủi ro cho các công ty lớn, vì vốn không phụ thuộc hoàn toàn vào việc cung cấp hàng hóa cho một khách hàng lớn, nhất là tránh được sự thua thiệt khi nền kinh tế bị suy thoái. Về công nghệ, các doanh nghiệp Đài Loan nhập máy móc thiết bị, tháo rời, mô phỏng, rồi chế tạo mới.

Tóm lại, để nâng cao khả năng cạnh tranh cần coi trọng các giải pháp cơ bản sau:

- Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực theo hướng thích ứng với cơ chế thị trường; coi con người là nguồn lực quan trọng nhất - chìa khóa của sự phát triển.

- Đẩy mạnh chống độc quyền, duy trì cạnh tranh, mở rộng thị trường để tạo động lực phát triển.

- Tăng cường khai thác lợi thế so sánh, phát triển mạnh công nghiệp chế biến sản phẩm.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính quốc gia.

- Giảm giá các yếu tố đầu vào để giảm giá thành sản phẩm.❑

# MỸ SẼ THUA TRONG CUỘC CHIẾN I-RẮC !*

Đó là nhận định của các nhà báo E. Tô-mát, R. No-đơ-len và C. Ca-rin trên tờ *Tuần tin tức* số ra ngày 5-1-2004. Trong bài báo có tên là *Cuộc chiến giành trái tim và khối óc*, ba nhà báo trên đã viết: "Với việc X. Hu-xê-in bị bắt giữ, I-rắc giờ đây là một cuộc thử thách về chống nổi dậy. Ở đó, *Mỹ có thể thắng các trận đánh nhưng cuối cùng sẽ vẫn thua trong cuộc chiến tranh*".

Ở đầu bài báo, các tác giả trích bức thư của một lính Mỹ tên là R. Se-vít viết về cho gia đình và bạn bè, sau khi X. Hu-xê-in bị bắt giữ. Bức thư được mở đầu: "Người ta cảm thấy như một thắng lợi hoàn toàn, như là một sự tiếp nối với việc cha ông chúng ta tiến về Béc-lin sau khi đánh bại quân Đức và cuối cùng là sự sụp đổ của nước Đức". Nhưng sau đó, Se-vít biết rằng, khi X. Hu-xê-in bị bắt, người I-rắc đã không bắn súng AK-47 lên trời để chào mừng, mà trái lại, họ đã vô cùng vui sướng trước tin X. Hu-xê-in vẫn tự do (!). Se-vít cũng như những lính Mỹ khác cảm thấy "thất vọng và choáng váng"...

**Những tính toán sai lầm**

Ngày 1-5-2003, trên tàu sân bay USS A-Bra-ham Lin-côn ở ngoài khơi bờ biển bang Ca-li-pho-ni-a, Tổng thống Mỹ G. Bu-sơ tuyên bố: "Chiến dịch quân sự chủ yếu ở I-rắc đã kết thúc". G. Bu-sơ nói, chiến tranh đã được tiến hành "với sự kết hợp tính chính xác, tốc độ và tinh thần dũng cảm mà kẻ thù không thể ngờ tới và cả thế giới chưa từng được chứng kiến".

Tuy nhiên, sau đó "sứ mệnh" trên vẫn chưa được hoàn thành và chưa kết thúc. Công cuộc tái thiết I-rắc chứng tỏ, khó khăn đã vượt xa so với tính toán ban đầu của bất kỳ một quan chức Mỹ nào phụ trách về lĩnh vực này. Kể từ tháng 5-2003, hơn 400 lính Mỹ đã bị thiệt mạng tại I-rắc do các cuộc tiến công du kích vẫn tiếp tục diễn ra. Hai nhà lãnh đạo có triển vọng của nhà nước I-rắc mới, thủ lĩnh Hồi giáo, Mô-ha-mét B. An-ha-kim và An-ki-la An-ha-si-mi, thành viên của Hội đồng Chính phủ lâm thời I-rắc do Mỹ chỉ định đã bị ám sát. Tiếp theo, vào tháng 9-2003, ông S.V. Đờ Mê-lô, Trưởng đại diện Liên hợp quốc tại I-rắc cũng bị thiệt mạng trong một vụ đánh bom trụ sở Liên hợp quốc (ở I-rắc), khiến cho Tổng Thư ký Liên hợp quốc Cô-phi A-nan phải ra lệnh giảm bớt quy mô phái đoàn của tổ chức này, với lý do bảo đảm an toàn cho nhân viên Liên hợp quốc. Ngày 12-2-2004, tướng Giôn A-bi-da-it, Tư lệnh các lực lượng Mỹ tại Trung Đông bị ám sát hụt tại thành phố Pha-lu-gia, phía tây Bát-đa. Trong những ngày của những tháng đầu năm 2004, liên tiếp xảy ra những vụ đánh bom, những cuộc phục kích và tấn công vào lính Mỹ và lực lượng cảnh sát I-rắc khiến cho hàng trăm người bị thiệt mạng. Trong lúc đó, hành động của các lực lượng Mỹ tại I-rắc tiếp tục bị người dân I-rắc phản đối kịch liệt. Kết quả điều tra mới nhất của một số nhà xã hội học và phóng viên nước ngoài tại I-rắc cho biết, hiện nay tại I-rắc đang rất phổ biến những ca khúc chống Mỹ và đòi độc lập dân tộc. Băng, đĩa nhạc với những ca khúc loại này bán rất chạy ở khắp nơi, kể cả ở thủ đô Bát-đa, nơi chính quyền Mỹ chiếm đóng thực hiện nghiêm ngặt lệnh cấm "các tài liệu, bài hát cổ vũ bạo lực". Một chủ cửa tiệm băng, đĩa nhạc ở Pha-lu-gia nói, nhạc "kháng chiến" và các cuộn băng ghi hình cảnh lính Mỹ đánh đập, bắn giết người dân I-rắc hiện đang là mặt hàng được nhiều người dân I-rắc tìm mua nhất.

---

* Nguồn: Tạp chí *Time*, số tháng 10-2003; *Newsweek* số ra ngày 5-1-2004; các *Bản tin tham khảo* của Thông tấn xã Việt Nam.


Digitized by Google

Số người Mỹ tin vào lợi ích từ việc xâm chiếm I-rắc mang lại, chẳng hạn như dầu lửa, đã giảm sút. Kết quả một cuộc thăm dò dư luận do Viện Ga-lớp tiến hành gần đây cho thấy, tỷ lệ người Mỹ ủng hộ Tổng thống G. Bu-sơ đã giảm xuống còn 50% - mức thấp nhất kể từ thời điểm ngay trước khi xảy ra vụ tấn công khủng bố ngày 11-9-2001. Một vài nhân vật chỉ trích chính sách cứng rắn của chính quyền G. Bu-sơ. Viên tướng Hải quân đã về hưu, A. Din-ni, (người đứng đầu Bộ Tư lệnh Trung tâm Mỹ trong thời gian từ năm 1997 đến 2000) nhận xét: "Cuộc chiến tranh này làm tôi nhớ tới cuộc chiến tranh Việt Nam. Ở đây, chúng ta có một vài nhà tư tưởng chiến lược, những người từ lâu đã muốn xâm chiếm I-rắc. Họ nhìn thấy cơ hội và họ đã sử dụng mối đe dọa sắp xảy ra. Sự liên tưởng đến chủ nghĩa khủng bố cũng như những xúc cảm sau vụ tấn công khủng bố ngày 11-9-2001 như một chất xúc tác và một sự biện bạch. Đây quả là một sự kiện *Vịnh Bắc Bộ* thứ hai".

Thực trạng của tình hình I-rắc hiện nay bắt nguồn từ hàng loạt những nhận định và quyết định sai lầm được đưa ra từ thời trước chiến tranh. Trong đó, một vài quyết định dựa trên sự lạc quan quá mức, một vài quyết định dựa trên sự ngờ nghệch và một vài quyết định còn dẫn đến những hậu quả không mong muốn và không may mắn. Thượng nghị sỹ Đảng Dân chủ Mỹ, G. Bi-đen, mới đây cho biết, các nhân vật chủ chốt trong chính quyền G. Bu-sơ tin rằng "chúng ta sẽ thấy một đất nước có trữ lượng lớn về dầu lửa hoạt động đúng chức năng của nó", rằng "chúng ta sẽ được những đám đông vui mừng chào đón", rằng "tất cả những gì chúng ta phải làm là quét sạch những quan chức chóp bu của Đảng Bát, thay vào đó là những nhân vật lưu vong được chúng ta ủng hộ, và theo dõi nền dân chủ bén rễ khi phần lớn binh lính được trở về nhà để thưởng thức lễ Nô-en". Tuy nhiên, những gì diễn ra ở I-rắc kể từ ngày 1-5-2003 đã cho thấy những điều ngược lại.

**Vũ khí hủy diệt ở đâu?**

Trong tất cả những tính toán sai lầm về I-rắc, ít có tính toán nào làm cho người ta phải ngạc nhiên như việc không thể tìm ra bằng chứng thực tế về những vũ khí giết người hàng loạt của X. Hu-xê-in. Các quan chức Lầu Năm Góc nói rằng, một đội quân hùng hậu gồm 1 200 nhân viên do chuyên gia vũ khí của CIA - Đây-vít Cây - đứng đầu đã không thể tìm thấy bất kỳ một kho vũ khí hóa học, sinh học hoặc vũ khí hạt nhân nào. Theo một quan chức Mỹ, cho đến nay, họ mới chỉ tìm thấy những mảnh vụn và những thứ vụn vặt, và đó cũng là những gì tốt nhất mà họ đã tìm thấy! Đ. Cây và H. Blích - cựu Trưởng Đoàn Thanh sát vũ khí của Liên hợp quốc tại I-rắc - đều tin rằng, I-rắc không có vũ khí bị cấm. Theo H. Blích, bản báo cáo mà ông trình lên Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, ngày 6-3-2003, đã bị chính quyền Mỹ diễn giải sai đi để phục vụ cho việc phát động chiến tranh chống I-rắc. Ông khẳng định rằng, trong báo cáo của mình ông chưa từng nói có vũ khí hủy diệt hàng loạt ở I-rắc. Còn Đ. Cây, trong một cuộc phỏng vấn trước khi từ chức, đã nói rằng, CIA và các cơ quan tình báo khác của Mỹ đã thất bại trong việc tìm kiếm vũ khí hủy diệt hàng loạt ở I-rắc. Ông nói: "Tôi tin rằng không có những kho vũ khí giết người hàng loạt nào. Chúng tôi đã không tìm thấy người nào, tài liệu nào hoặc nhà máy nào cho thấy I-rắc có sản xuất vũ khí giết người hàng loạt".

Đối với Tổng thống Mỹ G. Bu-sơ, sự thất bại trong việc tìm kiếm vũ khí hủy diệt hàng loạt đã đẩy ông ta vào thế bối rối chính trị; còn với người đồng minh chủ yếu của G. Bu-sơ là T. Ble, đó còn là một thảm họa, do có những lời buộc tội cho rằng, việc chính phủ của ông ta thổi phồng mối đe dọa không hề tồn tại đã làm cho người dân mất lòng tin vào sự lãnh đạo của chính phủ.

Những người chỉ trích vấn đề này, nhấn mạnh rằng, G. Bu-sơ và T. Ble đã sử dụng nhiều lần những tin tức tình báo về vũ khí hủy diệt hàng loạt cho đến khi nó phù hợp với quyết định tiến hành chiến tranh đã được lên kế hoạch từ trước của họ. Ngày 7-2-2004, Tổng Thư ký Liên hợp quốc, Cô-phi A-nan, sau một cuộc gặp với Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ, C. Pao-oen, đã cảnh báo, những thông tin sai lệch của Mỹ về vấn đề vũ khí hủy diệt hàng loạt của I-rắc có thể là tiền lệ nguy hiểm cho những hành động tương tự trong tương lai. Trước đó, Tổng thống Mỹ, G. Bu-sơ, đã thừa nhận Mỹ vẫn chưa tìm thấy vũ khí hóa học và sinh học ở I-rắc, đồng thời thành lập một Ủy ban Điều tra độc lập về việc này. Tuy nhiên, những người chỉ trích


Digitized by Google

cho rằng, G. Bu-sơ đã tự bảo vệ mình khi đưa ra thời hạn cuối cùng cho cuộc điều tra là ngày 31-5-2005, rất lâu sau cuộc bầu cử tổng thống ở Mỹ. Nhiều tờ báo ở Mỹ phê phán rằng, rất nhiều thông tin không có cơ sở về chương trình vũ khí hủy diệt hàng loạt ở I-rắc đã được chính quyền G. Bu-sơ sử dụng như một lý do để phát động chiến tranh.

**Những người giải phóng hay những kẻ xâm lược?**

Các quan chức chính quyền Mỹ luôn cho rằng, các lực lượng quân sự của họ đã được đón chào tại I-rắc như những người giải phóng. Nhưng thực tế không giống như vậy. Sau khi chiến tranh kết thúc, nhiều cửa hàng ở Bát-đa vẫn không mở cửa mặc dù tình hình đã yên ổn. Những công dân đầy lòng tự hào dân tộc không thể hạnh phúc trước một thực tế là quân đội nước ngoài vẫn ở trên các đường phố của họ. Một nhà ngoại giao châu Âu từng làm việc ở Bát-đa trong hai năm nhận xét: "Có tình cảm dân tộc thực sự ở đây. Đây là một đất nước thực sự và đất nước này có cảm xúc dân tộc thực sự rằng nó đang bị chiếm đóng. Và thậm chí ngay cả những người không biết ai sẽ là người sẽ dẫn dắt họ trong tương lai, họ cũng không muốn bị chiếm đóng". Một phiên dịch viên hợp đồng cho Sư đoàn Bộ binh số 4 của Mỹ ở Ti-krít nói rằng, sự căm giận quân Mỹ đang ngày càng sâu sắc. Ông ta nói: "Thành phố bị chia làm hai phần, một bên là những người căm ghét chúng tôi và một bên là những người không quan tâm đến chúng tôi, nhưng muốn chúng tôi phải rời khỏi đất nước này". Thậm chí, Cha-la-bi - một trong những người I-rắc ủng hộ Mỹ nhất - cũng phải thừa nhận: "Khi người Mỹ nói, chúng tôi là lực lượng chiếm đóng, thì quan điểm của người dân đã thay đổi".

Mới đây, một tổ chức độc lập bao gồm các chuyên gia pháp lý hàng đầu thế giới của Anh, Pháp, Ca-na-đa và Ai-len, có tên là Quyền hòa bình, đã công bố một nghiên cứu có ý nghĩa rất quan trọng. Trong bản báo cáo, họ đưa ra nhiều bằng chứng từ các nhân chứng trực tiếp tham gia cuộc chiến tranh ở I-rắc và các chuyên gia vũ khí để khẳng định cuộc chiến tranh ở I-rắc là bất hợp pháp.

Bản báo cáo tố cáo việc Mỹ sử dụng bom chùm trong chiến tranh là một tội ác chống lại loài người. Chỉ trong 3 tuần, từ ngày 20-3-2003 đến ngày 9-4-2003, không quân Mỹ và Anh đã thả bom chùm xuống I-rắc với số lượng nhiều hơn số bom ném xuống Áp-ga-ni-xtan trong 6 tháng. Ở I-rắc, Mỹ đã sử dụng ít nhất 1 206 quả bom bi lớn chứa hơn 200 000 quả bom nhỏ. Bên cạnh đó, bộ binh Mỹ đã sử dụng tới hơn 10 782 quả pháo chùm trên một phạm vi rộng. Bộ Quốc phòng Anh đã thừa nhận, các máy bay chiến đấu của nước này đã thả xuống I-rắc 70 quả bom chùm loại RBL-755 (mỗi quả chứa 127 quả bom con), và pháo binh Anh đã bắn hơn 2 000 quả pháo chùm (mỗi quả chứa 40 quả pháo nhỏ) tại I-rắc. Đây mới chỉ là những con số thừa nhận trên văn bản, còn trên thực tế thì khác. Ngày 31-3-2003, chỉ riêng ở Hi-la (I-rắc), bom chùm đã làm chết ít nhất 33 dân thường và làm bị thương hơn 109 người.

Các chuyên gia của Tổ chức Quyền hòa bình đã được phái đến I-rắc để điều tra thương vong đối với dân thường và thiệt hại ở các địa điểm dân sự. Họ đã tới các địa điểm bị ném bom ở 10 thành phố ở I-rắc và tiến hành hơn 200 cuộc phỏng vấn với các nạn nhân và gia đình của họ. Các cuộc phỏng vấn cho thấy, có hơn 1 000 dân thường bị thiệt mạng; và rất nhiều mảnh bom nằm rải rác trên khắp đất nước I-rắc. Các đội rà phá bom, mìn đã thu lượm được hàng triệu mảnh vụn của các loại bom chùm và đạn chùm được thả từ máy bay, tên lửa hành trình và các loại đạn pháo khác. Trong cuộc xâm lược I-rắc, Mỹ đã sử dụng rất nhiều loại bom chùm với sức hủy diệt lớn, bao gồm các loại bom CBU-87, CBU-88, CBU-99, CBU-103 và CBU-182.

Tháng 2-2004, hồ sơ về cuộc chiến tranh I-rắc đã được gửi tới Toà án Hình sự quốc tế. Nếu khẳng định được tính bất hợp pháp của cuộc chiến tranh, các tội phạm chiến tranh Mỹ sẽ bị đưa ra xét xử, cho dù Mỹ đứng ngoài tổ chức này.

**Mỹ sẽ thua trong cuộc chiến tranh này!**

Mặc dù Mỹ đã bắt được X. Hu-xê-in, nhưng phong trào kháng chiến ở I-rắc không có dấu hiệu dịu đi mà vẫn tiếp tục gia tăng và năm 2004, tình hình I-rắc vẫn còn phức tạp. Báo chí nước ngoài nhận xét rằng, cho dù bắt được X. Hu-xê-in, Mỹ không dễ gì có được chiến thắng hoàn toàn ở I-rắc.


Digitized by Google

Hiện nay các lực lượng kháng chiến I-rắc đang tăng cường các cuộc tấn công vào lính Mỹ và các lực lượng đồng minh của Mỹ. Các chuyên gia dự đoán rằng, nếu số thương vong của Mỹ tăng lên, nó sẽ đe dọa hy vọng tái đắc cử của G. Bu-sơ trong cuộc bầu cử tháng 11-2004. Oa-sinh-tơn tỏ ra đã quá mệt mỏi trong việc tìm kiếm một chính sách có hiệu quả tại I-rắc. Trong khi đó, phong trào kháng chiến tại I-rắc lại có tác động lớn đối với tình hình chính trị tại Mỹ.

Bài học của những tháng vừa qua cho thấy, du kích dù được trang bị vũ khí thô sơ vẫn có thể gây vết thương chính trị tại Oa-sinh-tơn bởi những vụ tấn công được dàn dựng công phu, như bắn hạ một máy bay trực thăng của Mỹ hay phóng tên lửa vào khách sạn An Ra-sít.

Khả năng không thành lập được một tiểu đoàn chứ chưa nói tới một quân đội, chứng tỏ Lầu Năm Góc và Nhà Trắng chưa nắm hết được thực tế chính trị và quân sự tại I-rắc. Câu hỏi thú vị nhất là: Bao nhiêu quyền lực sẽ được chuyển giao cho chính phủ mới của I-rắc? Không có gì ngạc nhiên khi thủ lĩnh tối cao nhất của dòng Si-ai, A. An Xi-xta-ni, nghi ngờ tính chân thực của cuộc bầu cử tới. Ông này sợ rằng, Mỹ muốn có một cuộc bầu cử mà chỉ những người họ ủng hộ mới trúng cử.

Hiện nay, đa số người Mỹ đều cho rằng, Mỹ đã bị thất bại lớn trong quá trình xử lý cuộc khủng hoảng I-rắc. Trong quá trình tái thiết I-rắc, với tư cách là nước chiếm đóng, Mỹ đã rơi vào "bãi lầy" đáng sợ nhất kể từ sau chiến tranh Việt Nam. Sự thù địch sâu sắc của nhân dân I-rắc và số binh lính bị tử vong tăng lên (do các cuộc tấn công của lực lượng du kích) đã khiến cho ý chí chiến đấu của quân Mỹ bị sụt giảm; trong khi đó, gánh nặng thuế đối với dân Mỹ tăng lên, khiến cho số người ủng hộ chính sách của chính quyền G. Bu-sơ ngày càng giảm. Với thế cưỡi trên lưng hổ khi xử lý vấn đề I-rắc, Mỹ đã phải tìm kiếm sự giúp đỡ của Liên hợp quốc, đưa ra yêu cầu viện trợ với các nước đồng minh và thu hẹp chính sách đơn phương, v.v..

Trong khi Mỹ đang cố gắng vận động đồng minh gửi quân đến I-rắc để vừa nhằm san sẻ gánh nặng cho Mỹ, vừa "quốc tế hóa" việc chiếm đóng I-rắc, thì ngày 11-3-2004, tổ chức khủng bố An Kê-đa tiến hành một cuộc khủng bố đẫm máu tại Ma-đrít, thủ đô Tây Ban Nha, khiến cho gần 200 người chết, hơn 1 000 người bị thương. Vụ khủng bố, nhằm vào dân thường, với mục tiêu là để trả thù Tây Ban Nha đã ủng hộ Mỹ tấn công I-rắc, khiến cho nhiều nước đồng minh của Mỹ trong cuộc chiến tranh I-rắc hoảng sợ. Nhiều nước đã gửi quân đến I-rắc, nay tuyên bố muốn rút quân, trong khi nhiều nước khác đang có ý định gửi quân đến I-rắc, nay do dự và muốn từ bỏ ý định. Điều này đặt Mỹ vào thế "tiến thoái lưỡng nan" trong việc xử lý tình hình I-rắc thời kỳ hậu chiến.

Ngày 21-3-2004, nhân kỷ niệm một năm ngày Mỹ phát động cuộc chiến tranh I-rắc, hàng trăm nghìn người trên khắp thế giới, kể cả ở Mỹ, Anh và Tây Ban Nha, đã biểu tình và tuần hành, phản đối sự có mặt của quân đội Mỹ ở I-rắc. Những người biểu tình đòi Mỹ và các nước đồng minh rút quân ngay lập tức khỏi I-rắc và cho rằng, sự chiếm đóng chỉ làm gia tăng các cuộc khủng bố...

Nhận định của ba nhà báo Mỹ trên tờ *Tuần tin tức* (ngày 5-1-2004) rằng, *cuối cùng Mỹ sẽ thua trong cuộc chiến tranh I-rắc* là có cơ sở. Thực tế cho thấy, toàn bộ tính toán của Mỹ đối với I-rắc và việc định ra sách lược, chiến lược phục vụ cho cuộc chiến tranh I-rắc đã bộc lộ thất bại sâu sắc nhất trong chính sách đối ngoại của Mỹ, kể từ khi G. Bu-sơ lên cầm quyền. Trong cuộc phiêu lưu của Mỹ tại I-rắc, chiến thắng duy nhất của G. Bu-sơ là chiến thắng quân sự, còn lại là một chuỗi thất bại. Nhà Trắng không hề chuẩn bị cho thời kỳ hậu chiến và tình hình I-rắc tiếp tục diễn biến tồi tệ đến mức, Toàn quyền Mỹ tại I-rắc, P. Brê-mơ, phải dùng lá bài "không ổn định" làm lý do để khất lần cuộc bầu cử tại I-rắc. Giấc mơ của Mỹ trong cuộc xâm lược I-rắc là xây dựng một Trung Đông "ổn định, phồn vinh và dân chủ". Thế nhưng, kế hoạch đó lại chỉ sản sinh ra mầm mống của nghèo đói và hỗn loạn. Tuy chưa thể dự đoán đây là dấu hiệu "gẫy cánh" của "con đại bàng Mỹ", nhưng điều có thể khẳng định là, giống như "Hội chứng Việt Nam", "Hội chứng I-rắc" sẽ khiến cho nước Mỹ bị nhức nhối lâu dài.❑

***TRỊNH CƯỜNG***
***(Tổng thuật)***


Digitized by Google

# CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG

ISO 9001 : 2000

ĐC: số 54 Minh Khai - quận Hồng Bàng - Hải Phòng * ĐT: 031 745 463 * Fax: 031 745 905

**ĐƠN VỊ ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN - HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG NHẤT**

*Đồng chí Nguyễn Văn Thuận - Bí thư Thành ủy thừa ủy quyền của Chủ tịch nước gắn huy hiệu và Trao tặng Bằng Đơn vị AHLLVT nhân dân cho Công ty*

*Đồng chí Nguyễn Kim Hưng - Bí thư Đảng ủy - Giám đốc Công ty phát biểu tại Lễ Kỷ niệm 74 năm ngày thành lập Đảng*

## CÔNG TÁC ĐẢNG

■ Quán triệt kịp thời tuyên truyền các chủ trương, Nghị quyết của TW và Thành ủy, nhiệm vụ chính trị của thành phố.

■ Đảng ủy Công ty đã xác định công tác phát triển đảng là nhiệm vụ quan trọng trong công tác xây dựng Đảng. Trong 5 năm (1999-2003) đã kết nạp được 170 người vào Đảng chủ yếu là lực lượng đoàn viên thanh niên, gấp gần 5 lần so với 5 năm trước đó.

■ Công tác kiểm tra được duy trì thường xuyên nhằm củng cố, nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng trong công tác lãnh đạo đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị.

## THÀNH TÍCH TRONG SXKD, HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

★ 6 năm liền (1998-2003) hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ SXKD, được UBND thành phố Hải Phòng tặng cờ "Đơn vị thi đua xuất sắc"

★ 5 năm liền (1999-2003) tiểu đoàn tự vệ được tặng cờ "Đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua quyết thắng".

★ Nhiều năm qua, Công ty thực hiện tốt công tác xã hội, hằng năm tham gia đóng góp xây dựng quỹ "Đền ơn đáp nghĩa", quỹ "Xóa đói giảm nghèo"... với số tiền hàng trăm triệu đồng.

★ Năm 2003, được bình chọn là 1 trong 10 doanh nghiệp tiêu biểu của Thành phố. Công ty đã đoạt giải cao trong Hội thi ATVS giỏi toàn quốc lần thứ hai và Hội diễn liên hoan nghệ thuật CNVC-lao động toàn quốc lần thứ hai; được cấp chứng chỉ chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng trong lĩnh vực quản lý, vận hành và kinh doanh điện năng phù hợp tiêu chuẩn: ISO 9001:2000.

★ Đặc biệt, năm 2001, Công ty được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu cao quý "Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân", năm 2003 tặng thưởng "Huân chương Lao động hạng Nhất", đồng thời đồng chí Giám đốc được tặng thưởng "Huân chương Lao động Hạng Ba".

★ Đảng bộ Công ty nhiều năm liền được Thành ủy Hải Phòng công nhận là "Đảng bộ trong sạch, vững mạnh".

★ Công đoàn Công ty được Công đoàn Điện lực Việt Nam công nhận là Công đoàn cơ sở vững mạnh.

★ Đoàn Thanh niên Công ty được Thành Đoàn Hải Phòng xếp loại tổ chức cơ sở đoàn vững mạnh.

## CÁC CHỈ TIÊU PHẤN ĐẤU THỰC HIỆN NĂM 2004

- Điện mua đầu nguồn: 1,379 tỉ kWh.
- Sản lượng điện thương phẩm: 1,290 tỉ kWh.
- Tỷ lệ điện tổn thất điện năng: 6,3%.
- Giá bán điện bình quân chưa có thuế VAT: 755 đ/kWh.
- Doanh thu tiền điện thương phẩm: 973,9 tỉ đồng.
- Lãi: 27 tỉ đồng.
- Nộp ngân sách nhà nước: 59 tỉ đồng.
- Tổng giá trị công việc sửa chữa lớn: 20 tỉ đồng.
- Tổng giá trị đầu tư xây dựng: 267,5 tỉ đồng.

Digitized by Google

NHÀ MÁY SỬA CHỮA TÀU BIỂN

# PHÀ RỪNG

SHIPYARD COMPANY

Địa chỉ: Thị trấn Minh Đức - Q. Thủy Nguyên - TP. Hải Phòng - Việt Nam
Điện thoại: (84-31) 875 066 - 675 140 - 875 134 * Fax: (84-31) 875 067

Giám đốc
NGUYỄN VĂN HỌC

Nhà máy Sửa chữa tàu biển Phà Rừng là một công trình hợp tác Việt Nam - Phần Lan. Nhà máy Sửa chữa tàu biển Phà Rừng được thiết kế, xây dựng, lắp đặt, hướng dẫn khai thác với sự giúp đỡ của Chính phủ Phần Lan và các chuyên gia Phần Lan.

Với trang thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến, các tàu được sửa chữa tại Nhà máy luôn đạt chất lượng cao với thời gian ngắn.

Từ năm 1984 đến nay, hằng trăm con tàu của các công ty tàu biển trong nước và nước ngoài đã được sửa chữa tại Nhà máy.

## LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CHÍNH

- Sửa chữa tàu tại Nhà máy.
- Sửa chữa tàu tại các vùng neo đậu.
- Sửa chữa tàu và các dịch vụ hàng hải tại các chi nhánh.
- Gia công kết cấu thép và lắp đặt thiết bị cho các công trình.
- Đóng mới tàu biển có trọng tải đến 12 500 tấn và các phương tiện thủy.
- Bốc dỡ hàng hóa tại cầu tàu Nhà máy.
- Cắt phá tàu cũ.

Lễ nhận chứng chỉ ISO 9001 : 2000

Tàu nước ngoài vào sửa chữa

Cần trục KONE - 15 tấn/43m

SHINEC

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY SHINEC

Trụ sở : 20 Hồ Xuân Hương - Hồng Bàng - Hải Phòng
ĐT : 031.747085 Fax : 031.747086 Email : shinechpvn@hn.vnn.vn

GLOBAL ISO 9001 : 2000 UKAS QUALITY MANAGEMENT

CHUYÊN :
* Tư vấn, thiết kế, thi công nội thất tàu thủy và dân dụng
* Sản xuất, cung cấp các sản phẩm nội thất tàu thủy và dân dụng bằng kim loại

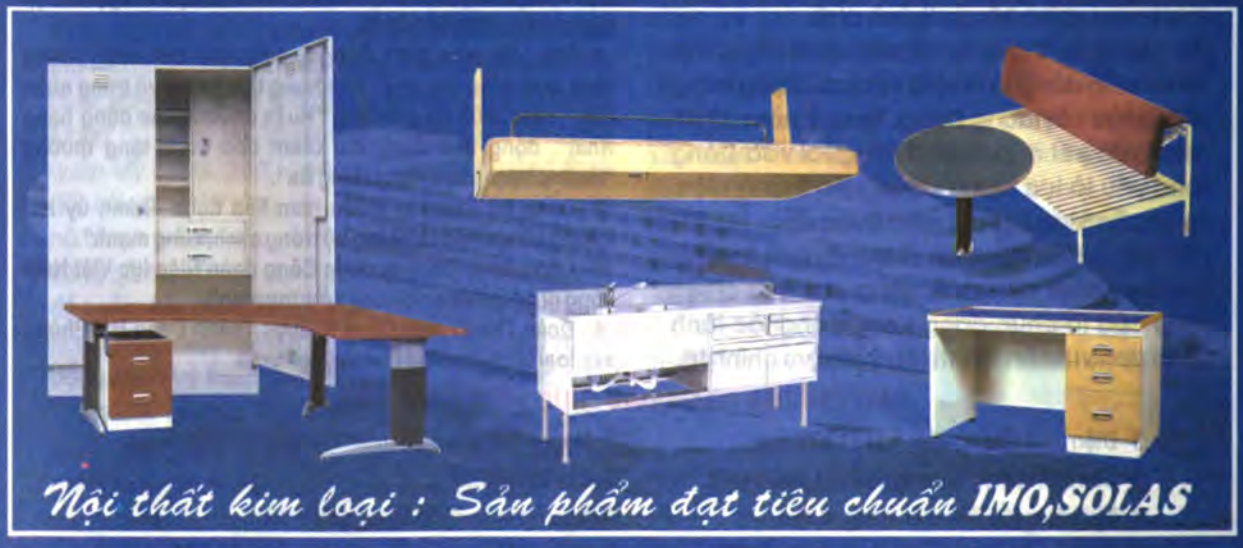

*Nội thất kim loại : Sản phẩm đạt tiêu chuẩn IMO,SOLAS*

NHÀ MÁY SẢN XUẤT NỘI THẤT TÀU THỦY & DÂN DỤNG BẰNG KIM LOẠI
Thôn Mỹ Tranh - Xã Nam Sơn - Huyện An Dương - Hải Phòng

# CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HẢI PHÒNG

Quyết định thành lập số 1292/QĐ-TCCQ, ngày 12-11-1992, của Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng

Giám đốc
Nguyễn Đức Thường

Địa chỉ:
100 Trần Nguyên Hãn
Q. Lê Chân
TP. Hải Phòng
Điện thoại: 031 712 561
Fax: 031 717 112

## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Sửa chữa cải tạo nhà.
- Xây dựng công trình công cộng.
- Xây dựng nhà ở.
- Kinh doanh nhà.
- Xây dựng các công trình công nghiệp và trang trí nội thất.
- Xây dựng các công trình hà tầng cơ sở (giao thông đô thị, san lấp mặt bằng,...).
- Xây lắp điện nước, xây lắp các công trình thủy lợi.
- Dịch vụ tư vấn xây dựng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÂN HẢI PHÒNG

## HAIPHONG SCALE JOINT STOCK COMPANY

Tổng Giám đốc
NGUYỄN HỮU PHỒN

Các sản phẩm do Công ty sản xuất đạt chất lượng cao, đạt nhiều Huy chương Vàng, Bạc tại các Hội chợ Quốc tế hàng công nghiệp.

Công ty được Bộ Khoa học công nghệ và Môi trường trao tặng 2 giải bạc năm 1996, 1997 và 1 giải vàng năm 1998, Giải thưởng Chất lượng Việt Nam. Năm 2002, Công ty được cấp chứng chỉ ISO - 9001: 2000. Sự kiện này càng khẳng định chất lượng và uy tín sản phẩm của Công ty, thu hút đông đảo khách hàng.

Nhà máy thành lập ngày 20 - 10 - 1959, là doanh nghiệp nhà nước, tháng 10 - 2002 chuyển thành Công ty Cổ phần Cân Hải Phòng. Công ty chuyên thiết kế, sản xuất các loại cân được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường - Chất lượng nhà nước phê duyệt và cho phép sản xuất bao gồm:

- Các loại cân cơ khí, cơ điện tử và điện tử lớn từ 10 tấn đến 100 tấn.
- Các loại cân bàn cơ khí, cơ điện tử và điện tử từ 30kg đến 8 tấn.
- Các loại cân kiểm tra tải trọng xe từ 20 tấn đến 60 tấn.
- Các loại cân đồng hồ lò xo từ 5 kg đến 100 kg.
- Các loại cân đĩa từ 200 gram đến 10 kg.
- Các loại cân kiểm tra sức khỏe người lớn và trẻ em.
- Các loại cân treo thông dụng từ 5 kg đến 200 kg.
- Các loại quả chuẩn hạng 3 và hạng 4.
- Nhận thiết kế và chế tạo các loại cân đặc chủng phục vụ chuyên dùng theo yêu cầu của mọi khách hàng.
- Nhận lắp đặt, bảo trì, sửa chữa các loại cân cơ khí, cơ điện tử và điện tử trong cả nước với chất lượng và uy tín cao.

*Công ty sẵn sàng hợp tác, liên doanh, liên kết với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước để phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên mọi lĩnh vực.*

Địa chỉ: Nam Sơn, An Dương, Hải Phòng * Điện thoại 84-31 850 039; 850 465 * Fax: 84-31 871 730 * E-mail: hsco-jsco@hn.vnn.vn

Digitized by Google

# TRUNG TÂM GIỐNG CÂY TRỒNG TỈNH HÀ TÂY

**ĐỊA CHỈ: XÃ HÒA BÌNH- HUYỆN THƯỜNG TÍN- TỈNH HÀ TÂY * ĐIỆN THOẠI (FAX) 034.850 487 * GIÁM ĐỐC KỸ SƯ: PHÙNG VĂN XUÂN**

Trung tâm Giống cây trồng Hà Tây được thành lập theo Quyết định 1936-QĐ/UB, ngày 20-11-2001, của UBND tỉnh Hà Tây. Trên cơ sở sáp nhập Trại Giống lúa Thường Tín, Trại Giống lúa Tích Giang, Trại Cây màu Xuân Mai, với tổng diện tích trên 160 héc-ta.

**Chức năng nhiệm vụ:**

- Nghiên cứu, khảo nghiệm các loại giống cây trồng, nông nghiệp.
- Sản xuất giống gốc, giống thương phẩm, duy trì, chọn lọc nhân dòng các loại giống cây trồng có giá trị kinh tế cao.
- Sản xuất kinh doanh giống cây trồng , cây hoa, cây cảnh, cây bóng mát.

**- Kết quả đạt được năm 2003:**

+ Cung cấp khoảng 700 tấn giống lúa thuần nguyên chủng, siêu nguyên chủng.

+ Phối hợp với Viện Sinh học Nông nghiệp thuộc Trường ĐHNN I, sản xuất giống lúa lai TH3-3, TH2-1, năng suất hạt lai F1 đạt trên 2 tấn/1héc-ta.

+ Phối hợp với chuyên gia Trung Quốc kẹp dòng chọn lọc, sản xuất các tổ hợp lúa lai có triển vọng (Quảng Thành I).

+ Phối hợp với Viện Nghiên cứu rau quả, Trung tâm Khảo kiểm nghiệm Giống cây trồng trung ương, khảo nghiệm chọn lọc các giống cây màu, cây ăn quả có triển vọng.

*Lãnh đạo Trung tâm và chuyên gia Trung Quốc kiểm tra khu SX lúa lai F1*

*Khu nhà lưới SX giống lúa lai của Trung tâm*

***Trung tâm Giống cây trồng Hà Tây, với phương châm "Chất Lượng - Hiệu Quả - Trách Nhiệm"***

## CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU CUNG ỨNG VẬT TƯ THIẾT BỊ ĐƯỜNG SẮT

VIETNAM RAILWAY MATERIALS AND EQUIPMENT SUPPLY IMPORT EXPORT CO

## TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN VIỆC LÀM VÀ XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG

**Địa chỉ: 132 - Lê Duẩn - Hà Nội * Điện thoại: (04) 9 420 608 * E.mail: xkld@fpt.vn**

Trung tâm Phát triển việc làm và Xuất khẩu lao động thuộc Công ty XNK cung ứng VTTB đường sắt (VIRASIMEX) được giao nhiệm vụ:

* Tìm kiếm thị trường cung ứng lao động và thực hiện nhiệm vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo ủy quyền của Công ty

* Đào tạo ngoại ngữ và giáo dục định hướng cho người lao động khi đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

**Đối với thị trường nước ngoài:** Quan hệ chặt chẽ với các đối tác nước ngoài ở các thị trường đã và đang thực hiện; đồng thời, không ngừng khai thác và mở rộng các thị trường mới trong lĩnh vực xuất khẩu lao động.

**Đối với thị trường trong nước:** Phối hợp chặt chẽ với Ban Chỉ đạo XKLĐ của các tỉnh, huyện trong công tác tuyển chọn lao động có chất lượng ngay tại địa phương để đào tạo cho người lao động trước khi xuất cảnh theo đúng quy định của Nhà nước.

* Trung tâm đã xuất khẩu lao động sang thị trường lớn như: Ma-lai-xi-a, Đài Loan, Nhật Bản, A-Rập-Xê-út .v.v., với các ngành nghề đa dạng như: lao động công xưởng, may, xây dựng, mộc, điện tử, cơ khí, giúp việc gia đình.v.v. Đồng thời, đang tiếp cận và mở rộng một số thị trường có nhiều triển vọng như: Mỹ, Hàn Quốc.v.v..

Trung tâm Phát triển việc làm và Xuất khẩu lao động sẵn sàng hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, ký kết hợp đồng cung ứng lao động đảm bảo chất lượng trước khi xuất cảnh sang làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo quy định của Nhà nước.

Digitized by Google

# TỔNG CÔNG TY CAO-SU VIỆT NAM

# CÔNG TY CAO-SU MANG YANG

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Huệ - Đắc Đoa - Gia Lai * ĐT: 059.831 133; 059.831 167 * Fax: 059.831 208

*Đồng chí Nguyễn Tuấn Khanh,*
*Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Gia Lai*
*Thăm công nhân cao-su.*

*Lê Quang Thung,*
*Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cao-su Việt Nam*
*Tặng thưởng cán bộ, CNV Công ty*

*Thợ cạo mủ trẻ*

Công ty Cao-su Mang Yang là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Cao-su Việt Nam, được thành lập ngày 06 - 02 - 1984. Tổng diện tích vườn Cao-su hiện nay là 7 430 héc-ta, trong đó đã đưa vào khai thác 3 650 héc-ta với sản lượng 3 500 tấn/năm. Sản phẩm chủ yếu là: cao-su RSS, SVR 10, SVR 20, SVR 3L...

Công ty mới đưa vào hoạt động Nhà máy Chế biến Mủ RSS với công suất 3 000 tấn/năm.

Công ty đứng chân trên địa bàn 3 huyện Đắc Đoa, Chư Sê, Mang Yang. Công ty hiện có trên 2 000 cán bộ CNV, với đội ngũ cán bộ, kỹ sư và công nhân lành nghề, có kinh nghiệm trong công tác trồng và chế biến cao-su.

CENTURY
RIVERSIDE HOTEL
HUE

★ ★ ★ ★

# CÔNG TY LIÊN DOANH KHÁCH SẠN BỜ SÔNG THANH LỊCH HUẾ

Địa chỉ: 49 Lê Lợi - TP. Huế - Việt Nam * Điện thoại: (84-54) 823 390 * Fax: (84-54) 823 394
E-mail: Cenhotvn@dng.vnn.vn * Website: www.centuryhotels.com

CENTURY RIVERSIDE HOTEL là khách sạn liên doanh với nước ngoài đạt tiêu chuẩn quốc tế 4 sao.

Toạ lạc bên bờ sông Hương thơ mộng, gần trung tâm thành phố, khách sạn là nơi tiếp cận dễ dàng và thuận tiện với các điểm du lịch của Huế.

Hồ bơi

Khách sạn có 158 phòng, với trang thiết bị đồng bộ và hiện đại. Bốn nhà hàng phục vụ các món ăn Việt Nam, Á và Âu. Phòng họp đạt tiêu chuẩn quốc tế, có sức chứa 400 người. Hệ thống dịch vụ giải trí bao gồm sân tennis, bể bơi, mát-sa, ka-ra-ô-kê, trung tâm thương mại, dịch vụ thẩm mỹ, quầy bar, phòng tập thể dục, ca Huế, ca múa cung đình.

Phòng họp quốc tế

★ ★ ★ ★

CENTURY
RIVERSIDE HOTEL
HUE

Đội ngũ nhân [illegible] được đào tạo theo chuẩn mực quốc tế, Khách sạn sẽ phục vụ, thoả mãn mọi nhu cầu của Quý khách.

Toàn cảnh Century Riverside Huế bên bờ sông Hương

Digitized by Google

# CÔNG TY XÂY DỰNG LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚC HÀ NỘI

HAWEIC.CO
ISO 9001-2000

Địa chỉ: 59 Ngõ Thông Phong, Tôn Đức Thắng, Hà Nội
Điện thoại: 04 8 456 226, 8 233 898. Fax: 84 4 8 432 459
Website: www.haweic.com * Email: haweic@fpt.vn

Giám đốc: NGUYỄN KHẮC THỌ

*Công ty Xây dựng Lắp máy Điện nước Hà Nội là doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Sở Xây dựng Hà Nội. Trải qua các thời kỳ kiện toàn bộ máy và thay đổi tổ chức, Công ty được thành lập lại theo Quyết định số 182/QĐ-UB, ngày 16-1-1993 của, UBND thành phố Hà Nội.*

*Công ty chú trọng đến lĩnh vực đầu tư các dự án nhà ở; đầu tư, xây lắp và chuyển giao (BOT) các dự án cấp nước. Dự án nhà ở tại khu Hòa Mục, Trung Hòa, Cầu Giấy được đông đảo khách hàng khen ngợi. Tạo đà cho Công ty phát triển, tiếp tục đầu tư dự án Khu đô thị mới Hạ Đình với quy mô 7,5 héc-ta và hạ tầng Khu Công nghiệp Hoàn Sơn-Bắc Ninh 160 héc-ta.*

*Các dự án của Công ty trong lĩnh vực xây lắp như: Nhà máy Nước Yên Phụ, Nhà máy Nước Mai Dịch, Nhà máy Nước Ngọc Hà, Nhà máy Nước Ngô Sĩ Liên, Nhà máy Nước Tương Mai...của Hà Nội và các dự án cấp nước của các tỉnh khác: Nam Định, Bắc Ninh, Lạng Sơn, Thanh Hóa, Thái Nguyên, Thái Bình, Vinh, Đà Nẵng, Cần Thơ...*

## CÁC THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC:

- Năm 2001, được Nhà nước tặng Huân chương Lao động hạng Nhất.
- Được Bộ Xây dựng tặng thưởng nhiều Huy chương Vàng chất lượng cao ngành xây dựng, cờ thi đua xuất sắc 2 năm liền 2002, 2003 và được khách hàng khen ngợi về tiến độ, kỹ thuật và chất lượng,
- Là đơn vị xây lắp đầu tiên của Hà Nội được BVQI (tổ chức chứng nhận chất lượng Quốc tế của Vương Quốc Anh) chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 9002 tháng 7 - 2001.
- Công ty đã hoàn thành đề tài nghiên cứu áp dụng hệ thống quản lý chất lượng toàn diện TQM và tháng 12-2003 chuyển đổi xong hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc tế ISO 9002- 1994 sang ISO 9001 phiên bản 2000.
- Ngày 29-12-2003, công ty vinh dự là doanh nghiệp xây lắp đầu tiên của ngành xây dựng Hà Nội được Hội đồng Giải thưởng Quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ tặng Giải thưởng chất lượng Việt Nam 2003.

*Sự ủng hộ của Quý khách hàng chính là nguồn động viên và động lực phát triển của công ty. Công ty chúng tôi rất mong sự ủng hộ và hợp tác của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước nhằm mở rộng thị trường, sản xuất kinh doanh ngày càng phát triển. Với phương châm: Luôn hướng tới chất lượng và lợi ích khách hàng.*

Digitized by Google

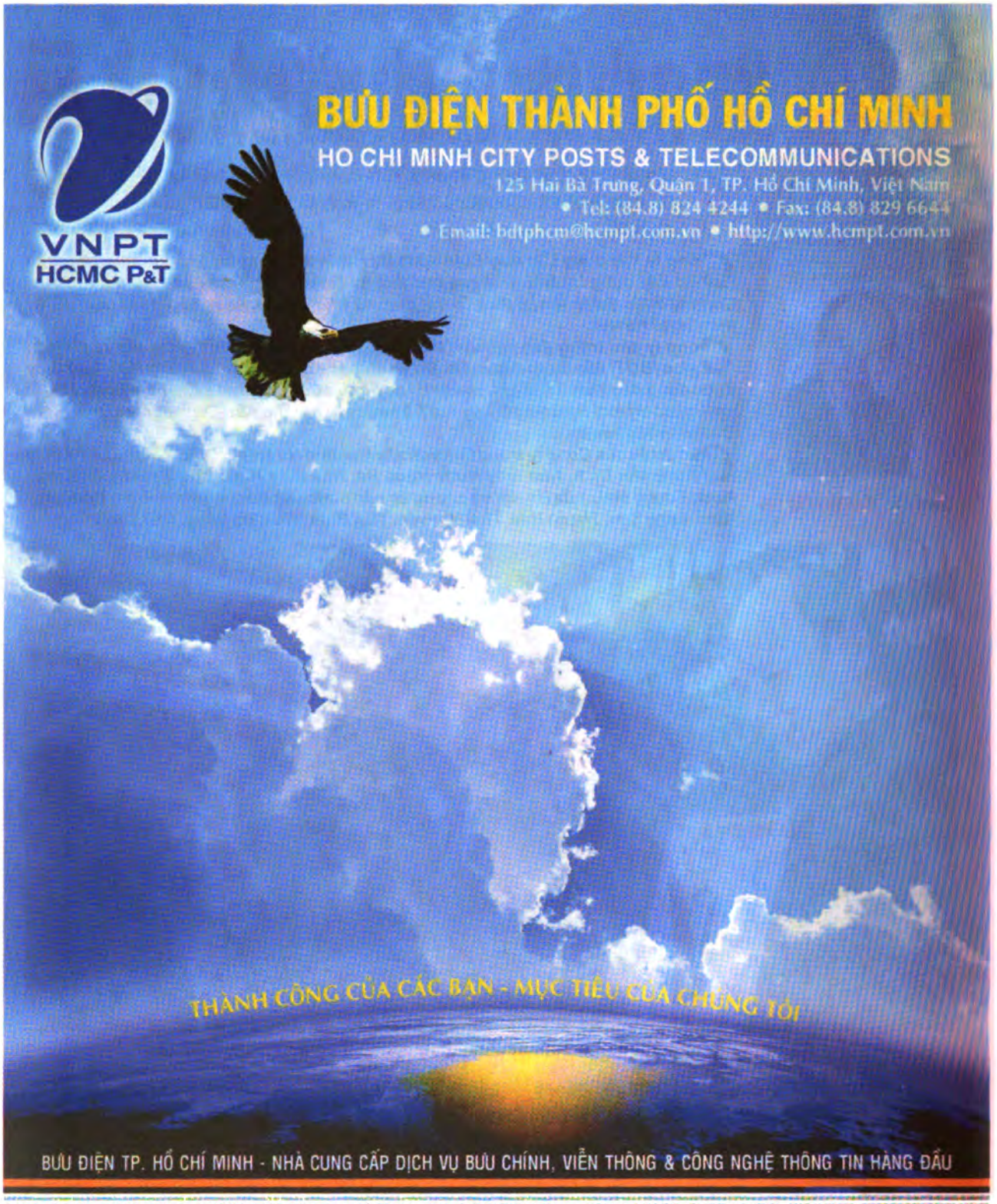


Gọi 171 Gọi 1717 VNN VNN 1260 1269 Chyphone DHL EXPRESS
VinaPhone VinaCard VinaDaily Yellow Pages TIẾT KIỆM BƯU ĐIỆN 1086
VOICELINK PTN PHÁT TRONG NGÀY EMS FedEx Express IDD DỊCH VỤ ĐIỆN THOẠI TRUYỀN THỐNG
Digitized by Google

# CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT
## TỈNH TÂY NINH

CTY XỔ SỐ KIẾN THIẾT TỈNH TÂY NINH

Địa chỉ: 167 Đại lộ 30/4-Thị xã Tây Ninh ĐT: 822327 - 827536

KÍNH CHÚC QUÝ ĐỒNG BÀO
THAM GIA XỔ SỐ KIẾN THIẾT
TỈNH TÂY NINH
*May Mắn Và Hạnh Phúc*

**Giám đốc**
**Nguyễn Hữu Tài**

Digitized by Google

# *Hãy cùng nhau hành động vì một ngày mai tốt đẹp hơn!*

Đầu tư cho sức khỏe sinh sản là tạo nguồn nhân lực có chất lượng, góp phần thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và cải tạo giống nòi Việt Nam.

Công tác Thông tin, giáo dục, truyền thông về sức khỏe sinh sản và tình dục lành mạnh nhằm cung cấp thông tin, chia sẻ những kinh nghiệm tình cảm và các kỹ năng, nhằm nâng cao nhận thức hiểu biết về sức khỏe sinh sản và tình dục lành mạnh, để mọi người tự quyết định thay đổi hành vi có hại, duy trì hành vi có lợi cho sức khỏe sinh sản.

Trong thời gian qua, truyền thông giáo dục đã tạo được dư luận xã hội rộng rãi ủng hộ thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình: tỷ lệ các cặp vợ chồng hiểu biết về các biện pháp tránh thai là 99% (năm 1997) và tỷ lệ sử dụng các biện pháp tránh thai tăng từ 53,75% (1993) lên 75,5% (2001).

**Tuy nhiên, công tác TT - GD - TT còn một số hạn chế:**

☛ Chưa chú trọng nhiều đến thành tố khác của chăm sóc sức khỏe sinh sản mà chỉ tập trung vào thực hiện kế hoạch hóa gia đình nhằm giảm sinh là chính.

☛ Chưa quan tâm thích đáng đến nhóm tuổi vị thành niên nam giới, người có khuyết tật mà chỉ tập trung vào phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ.

☛ Chương trình truyền thông chưa cung cấp thông tin đầy đủ, chưa tiếp cận tốt với các nhà lãnh đạo, đại biểu dân cử để tranh thủ sự hỗ trợ của họ cho chương trình sức khỏe sinh sản.

☛ Chưa xây dựng được các mô hình điểm, tài liệu tuyên truyền chưa phong phú, chưa phù hợp với nhóm đối tượng.

UNFPA

**QUỸ DÂN SỐ LIÊN HIỆP QUỐC**

Digitized by Google

UNFPA

# DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN

Digitized by Google

930

# HUYỆN MÈO VẠC

BÍ THƯ: NGUYỄN TRUNG TÀI * ĐT: 019 871 122

Một góc Chợ tình Khâu Vai

Đồng chí Vương Mí Vàng - P. Chủ tịch UBND tỉnh kiểm tra công trình đường giao thông vào Khâu Vai

Trạm xá xã Khâu Vai mới khánh thành năm 2003



Khâu Vai - Mèo Vạc

Khâu Vai - một xã vùng 3 của huyện Mèo Vạc, cách trung tâm huyện lỵ 24km. Diện tích tự nhiên 2 300 héc - ta, đất nông nghiệp 934 héc - ta, chủ yếu là nương, ruộng bậc thang độ dốc lớn. Xã có 15 thôn bản; Đảng bộ xã có 16 chi bộ trong đó 15 chi bộ thôn bản, 1 chi bộ nhà trường - y tế với 85 đảng viên. Dân số có 5 160 người thuộc 4 dân tộc Mông, Giấy, Nùng, Dao (dân tộc Mông chiếm 81%). Năm 1999, hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học, kế hoạch đến năm 2006 hoàn thành phổ cập THCS. Khâu Vai vẫn còn là một xã nghèo, với hơn 180 hộ nghèo chiếm 17%. Kế hoạch đến năm 2005, giảm tỷ lệ hộ đói nghèo xuống còn 12%.

Chợ tình Khâu Vai được hình thành từ những năm đầu thế kỷ XX với truyền thuyết từ câu chuyện tình của chàng trai người Nùng và cô gái người Giấy, tình yêu nồng thắm của đôi trai gái không được chấp nhận bởi phong tục của hai dân tộc. Để tránh sự xung đột, giữa hai dân tộc họ đã quyết định chia tay nhau và hẹn "kiếp sau" sẽ nên vợ nên chồng và cứ đến ngày 27 - 3 âm lịch hằng năm, họ lại lên ngọn đồi Khâu Vai để gặp gỡ, tâm sự. Đến nay, vào dịp 27 - 3 âm lịch, chợ tình Khâu Vai vẫn được nhân dân các dân tộc xã Khâu Vai nói riêng và huyện Mèo Vạc duy trì thường xuyên theo nét sinh hoạt dân gian truyền thống.

Mời Quý khách gần xã đến với cao nguyên cực bắc của Tổ Quốc; đến với chợ tình Khâu Vai của huyện Mèo Vạc Hà Giang - một chợ tình đậm nét văn hóa dân gian độc đáo của đồng bào các dân tộc thiểu số nơi đây.

Digitized by Google

IN TẠI CÔNG TY IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT : 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ : 6000Đ

4X
9
H68B

# Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

UNIV. OF MICH.
AUG 13 2004
CURRENT SERIALS

Digitized by Google

## BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

# TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

*Lễ trao Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng cho GS.TS,NGƯT Trần Hữu Nghị hiệu trưởng nhà trường*

*Phòng thực hành*

*Khách sạn sinh viên*

*Bể bơi*

*Nhà tập đa năng*

Trường Đại học Dân lập Hải Phòng được thành lập với thời gian ngắn nhất và nhận được sự đón mừng của đông đảo người dân Hải Phòng vì nó phù hợp với nguyện vọng của người đất Cảng hiếu học nhưng còn nhiều khó khăn về kinh tế.

Trường đặt ra mục tiêu của mình và định hướng đúng với tinh thần Nghị quyết TW2 và đã giải quyết được mâu thuẫn gay gắt giữa nhu cầu được học của người dân với điều kiện thoả mãn nhu cầu đó của Nhà nước còn hạn chế, huy động được sự đóng góp của nhân dân vào sự nghiệp đào tạo.

Sau 7 năm xây dựng và phát triển, Trường đã có hơn 100 học, phòng thí nghiệm của các bộ môn: Điện - Điện tử, Tin học, Ngoại ngữ, Vật lý, Hoá, Môi trường với trang thiết bị hiện đại; từng bước đầu tư xây dựng thư viện của trường ngày càng lớn mạnh (tính đến nay đã có hơn 55 ngàn cuốn sách với nhiều loại báo tạp chí, một phòng nối mạng In-tơ-nét phục vụ cho việc học tập và giảng dạy).

Năm 2002, Trường đã bắt đầu sử dụng ca-mê-ra trong 50 phòng học, nối mạng nội bộ và đưa mạng In-tơ-nét vào trường để sinh viên và giáo viên truy cập nhằm đạt được mục tiêu chất lượng đào tạo toàn diện cho sinh viên.

Trường có khu khách sạn sinh viên và khu thể thao liên hợp, bể bơi, sân vận động, nhà tập đa chức năng, nhằm tạo điều kiện cho mục tiêu giáo dục toàn diện. Có thể nói, khu khách sạn sinh viên và khu thể thao liên hiệp này không thua kém bất kỳ một trường công lập nào trong nước.

Cơ sở vật chất ban đầu khang trang hiện đại tương xứng với nhiệm vụ đào tạo đại học, tạo niềm tin về hệ thống đào tạo ngoài công lập, về chất lượng đào tạo trong tương lai và hệ thống dân lập phát triển lâu dài, bền vững.

Những năm đầu, có 3 000 đến 5 000 thí sinh của 15 tỉnh, thành phố dự thi vào trường, đến khoá học năm 2001 - 2002 có 13 000 thí sinh và khóa học 2002 - 2003 số thí sinh dự tuyển là 29 641 của 50 tỉnh, thành phố, tăng lên 18, 19 lần so với chỉ tiêu (1500).

Nhà trường đã tìm ra biện pháp để thu hút "chất xám" khác bằng cách thi tuyển những kỹ sư, cử nhân trẻ có năng lực, có kiến thức đạo đức về trường để đào tạo thành đội ngũ giáo viên hữu cơ. Trong 140 giáo viên cơ hữu, 70% có trình độ tiến sĩ, thạc sĩ, đang nghiên cứu sinh và đang học cao học.

Nhà trường luôn khuyến khích đội ngũ giáo viên trẻ phấn đấu học tập nâng cao trình độ như trả 100% lương, tiền thưởng sau khi bảo vệ xong luận án trở về và được tăng lương. Đồng thời, Nhà trường mời các giáo sư đầu ngành về giảng dạy và trực tiếp đào tạo thêm cho đội ngũ giáo viên hữu cơ để nâng cao chất lượng giảng dạy.

Với thành tích đạt được trong 7 năm qua, Nhà trường đã được tặng thưởng nhiều bằng khen của Nhà nước và Thành phố Hải Phòng.

Không dừng lại ở các thành tích đã đạt được, Nhà trường luôn tìm tòi những giải pháp mới (xây dựng khu công nghệ cao về nghề nghiệp, gắn học với hành, nghiên cứu với sản xuất, áp dụng hệ thống quản lý ISO - 9001 : 2000) để nâng cao chất lượng đào tạo, phấn đấu đưa trường lên ngang hàng với các trường có uy tín trong nước cũng như trong khu vực.

**ĐC: Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng * ĐT: 031 739 087 * Fax: 031 740 476**

Digitized by Google

# Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

THÁNG RA 2 KỲ
RA NGÀY 1 VÀ 16 HÀNG THÁNG

SỐ 710
11
6-2004



- **BỘ BIÊN TẬP :**
  52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
  Điện thoại : (04) 7 753 605
  Fax : (04) 7 753 633
  Email: bbttccs@hn.vnn.vn
- **Cơ quan thường trú tại miền Trung :**
  26 Trần Phú,
  Thành phố Đà Nẵng
  Điện thoại : (080) 51301
  Fax : (080) 51303
- **Cơ quan thường trú tại miền Nam :**
  19 Phạm Ngọc Thạch,
  Thành phố Hồ Chí Minh
  Điện thoại : (08) 8 274 638
  Fax : (08) 8 231 664
- **Tạp chí Cộng sản điện tử :**
  http://www.tapchicongsan.org.vn
- **Tổng Biên tập :**
  **LÊ HỮU NGHĨA**

*Bìa 1: Niềm vui được mùa*
*Ảnh: **Nguyễn Văn Dư***

## MỤC LỤC


**ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG**

TRẦN ĐÌNH HOAN - Mấy ý kiến về công tác tổ chức, cán bộ hiện nay 3

NGUYỄN ĐỨC BÌNH - Về đánh giá cán bộ lãnh đạo 8

**NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH**

BÙI ĐÌNH PHONG - Tư tưởng Hồ Chí Minh về nền giáo dục cách mạng Việt Nam 11

NGUYỄN ĐÌNH TẬP - Tìm hiểu quan điểm Hồ Chí Minh về phát huy vai trò nhân dân bảo vệ an ninh, trật tự 15

**NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI**

NGUYỄN VĂN HIỆN - Một số vấn đề về Nhà nước pháp quyền ở nước ta 20

BÙI NGỌC CHƯƠNG - MAI TRUNG HẬU - Góp phần tìm hiểu kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa 24

CHU THÁI THÀNH - Bảo vệ môi trường trên quan điểm phát triển bền vững của Đảng 30

HẢI NINH - Thế hệ trẻ của điện ảnh tài liệu vượt lên xứng đáng với thời đại mình 35

**HỘI THẢO KHOA HỌC - THỰC TIỄN**

*THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC - VẤN ĐỀ VÀ GIẢI PHÁP*

LÊ HỮU NGHĨA - Báo cáo để dẫn 40

*** Tổng quan Hội thảo 47

**THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM**

HUỲNH MINH ĐOÀN - Đồng Tháp thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở 53

PHAN NHƯ LÂM - Đà Nẵng xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc 57

PHẠM NGỌC DŨNG - Xóa đói, giảm nghèo và phát triển kinh tế ở huyện miền núi Đà Bắc - Hòa Bình 60

TRẦN VĂN NĂM - Quân đoàn 4: Ba mươi năm chiến đấu, xây dựng và lớn mạnh 64

**DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN**

DOÃN ĐÌNH HUỀ - Thực trạng và giải pháp về dân số và kế hoạch hóa gia đình ở Việt Nam 68

NGHIÊM HOÀNG - Phát huy sức mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, làm tốt hơn nữa công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình 73

**THẾ GIỚI: VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN**

TRẦN VĂN TÙNG - Đông Á phát triển giáo dục và khoa học - Công nghệ trong quá trình toàn cầu hóa 77


Digitized by Google

## СОДЕРЖАНИЕ

• ЧАН ДИНЬ ХОАН: Некоторые мнения об организационной и кадровой работах. • НГУЕН ДЫК БИНЬ: Об оценке руководящих работников. • БУЙ ДИНЬ ФОНГ: Идеи Хо Ши Мина об образовании вьетнамской революции. • НГУЕН ДИНЬ ТАП: Изучение идей Хо Ши Мина о развитии роли народа в обеспечении безопасности, общественного порядка. • НГУЕН ВАН ХИЕН: Некоторые проблемы о правовом государстве в нашей стране. • БУЙ НГОК ТЬЮОНГ – МАЙ ЧУНГ ХАУ: Внесение вклада в изучение рыночной экономики с социалистической ориентацией. • ХАЙ НИНЬ: Молодое поколение документальной кинематографии стремится быть достойным своей эпохи. ОСУЩЕСТВЛЕНИЕ НАЦИОНАЛЬНОЙ ПОЛИТИКИ – ПРОБЛЕМЫ И МЕРЫ ДЛЯ ИХ РЕШЕНИЯ. ЛЕ ХЫУ НГИА: Вводный доклад. *** Обзор Семинара. • ХУИНЬ МИНЬ ДОАН: Провинция Донгтхап осуществляет Статус о демократии на местах. • ФАМ НГОК ЗУНГ: Ликвидация голода, снижение уровня бедности и экономическое развитие в горном уезде Дабак провинции Хоабинь. • ЗОАН ДИНЬ ХУЭ: Фактическое состояние проблем населения и планирования семей во Вьетнаме и меры для их решения. • НГИЕМ ХОАНГ: Развивается сила пропагандистской, воспитательной работ в целях улучшения работ о населении и планировании семей. • ЧАН ВАН ТУНГ: Восточная Азия развивает области образования и науки - технологий в процессе глобализации.

## CONTENTS

• TRẦN ĐÌNH HOAN: Some opinions on organisational, cadres's matters. • NGUYỄN ĐỨC BÌNH: About the estimation of the leading cadres. • BÙI ĐÌNH PHONG: Hồ Chí Minh's ideas regarding Vietnamese revolutionary education. • NGUYỄN ĐÌNH TẬP: Inquiring into Hồ Chí Minh's viewpoints on the promotion of the people's role in security and order protection. • NGUYỄN VĂN HIỆN: Some problems of the law-governed state in our country. • BÙI NGỌC CHƯỞNG – MAI TRUNG HẬU: A contribution to the investigation of the socialist - oriented economy. • HẢI NINH: The younger generation of document - film producers are striving to be on the level with their age. IMPLEMENTATION OF THE POLICY ON NATIONALITIES - PROBLEMS AND SOLUTIONS • LÊ HỮU NGHĨA: Introduction report. *** **Overview of the seminar** • HUỲNH MINH ĐOÀN: Đồng Tháp province implementing the grassroots Democratic Status. • PHẠM NGỌC DŨNG: Famine cancellation, poverty reduction and economic development in the Đà Bắc mountainous district, Hòa Bình province. • DOÃN ĐÌNH HUẾ: Realities and solutions to the problems of population and family planing in Vietnam. • NGHIÊM HOÀNG: Promoting the vitality of propaganda and agitation, to fulfill better the matter of population and family planing • TRẦN VĂN TÙNG: East Asia developing education and science-technology in the globalisation process.

## SOMMAIRE

• TRẦN ĐÌNH HOAN: Quelques idées sur le travail d'organisation, de cadres. • NGUYỄN ĐỨC BÌNH: Sur l'évaluation des cadres dirigeants. • BÙI ĐÌNH PHONG: La pensée Hồ Chí Minh sur l'éducation révolutionnaire du Vietnam. • NGUYỄN ĐÌNH TẬP: Etude du point de vue de Hồ Chí Minh sur la valorisation du rôle de la population dans le maintien de la sécurité et de l'ordre social. • NGUYỄN VĂN HIỆN: Certains problèmes sur l'Etat de droit au Vietnam. • BÙI NGỌC CHƯỞNG – MAI TRUNG HẬU: Contribution à l'étude de l'économie de marché à orientation socialiste. • HẢI NINH: La jeune génération du Film documentaire fait des progrès pour être digne de son époque. EALISATION DE LA POLITIQUE AUPRES DES ETHNIES – PROBLEMES ET SOLUTIONS. LÊ HỮU NGHĨA: Rapport d'introduction. *** **Aperçu du colloque.** • HUỲNH MINH ĐOÀN: Đồng Tháp réalise le statut démocratique à l'échelon de base. • PHẠM NGỌC DŨNG: Le refus de la misère et le développement économique dans le district montagneux de Đà Bắc-Hòa Bình. • DOÃN ĐÌNH HUẾ: La situation de la démographie et du planning familial au Vietnam et les solutions pour ces problèmes. • NGHIÊM HOÀNG: Mettre en valeur le travail de propagande, d'éducation et mieux réaliser le travail de démographie-planning familial. • TRẦN VĂN TÙNG: Le développement des sciences-technologies en Asie de l'Est dans le processus de globalisation.

## SUMARIO

• TRẦN ĐÌNH HOAN: Algunas opiniones sobre el trabajo de organización y de cuadros. • NGUYỄN ĐỨC BÌNH: A cerca de la calificación de los dirigentes. • BÙI ĐÌNH PHONG: El pensamiento de Hồ Chí Minh sobre la educación revolucionaria de Vietnam. • NGUYỄN ĐÌNH TẬP: A conocer la visión de Hồ Chí Minh sobre el despliegue del papel del pueblo en el mantenimiento de seguridad y del orden. • NGUYỄN VĂN HIỆN: Ciertas cuestiones sobre el Estado de derecho en nuestro pais. • BÙI NGỌC CHƯỞNG – MAI TRUNG HẬU: En contribución a conocer la economía de mercado en orientación socialista. • HẢI NINH: La joven generación del cine documental se esfuerza por ser digna con su época. EL CUMPLIMIENTO DE LA POLITICA ETNICA – CUESTIONES Y MEDIDAS. • LÊ HỮU NGHĨA: El informe de introducción. *** **El panorama del Seminario.** • HUỲNH MINH ĐOÀN: La provincia de Đồng Tháp y su cumplimiento de las Normas Democráticas en la base. • PHẠM NGỌC DŨNG: La eliminación de la hambre y la disminución de la pobreza y el desarrollo económico en el distrito montañoso Đà Bắc, provincia de Hoà Bình. • DOÃN ĐÌNH HUẾ: La realidad y la solución demográfica y de la planificación familiar en Vietnam. • NGHIÊM HOÀNG: Desplegar la fuerza del trabajo de propaganda y educación a fin de cumplir bien el trabajo demográfico y la planificación familiar. • TRẦN VĂN TÙNG: El desarrollo educacional y cientificotecnológico del Asia Oriental en el proceso de globalización.

## 目 录

• 陈庭欢：关于干部人事组织工作若干意见 • 阮德平：关于对领导干部的评价 • 裴亭风：关于越南革命教育事业的胡志明思想 • 阮庭习：了解胡志明有关发挥人民保卫社会安全、秩序的作用的观点 • 阮文现：关于我国法制国家的一些问题 • 裴玉掌——梅忠厚：为了解市场经济中的社会主义定向作贡献 • 海宁：越南年青一代电影纪录片工作者向前迈进无愧于自己所处的时代 • 落实民族政策——问题及其措施 • 黎友义：提高报告***研讨会综观 • 黄明团：同塔省落实基层民主的机制 • 范文勇：沱北——和平山区县消饥减贫及发展经济 • 尹庭和：关于越南人口和家庭计划化的实况及措施 • 严黄：发挥宣传、教育的力量，更好落实人口、家庭计划化的工作 • 陈文松：东亚地区在全球化过程中发展教育及科技

Digitized by Google

# MẤY Ý KIẾN VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC, CÁN BỘ HIỆN NAY

TRẦN ĐÌNH HOAN *

ĐẢNG ta luôn quan tâm đến công tác tổ chức, cán bộ, coi đó là vấn đề trọng yếu liên quan đến sự vững mạnh của Đảng, sự thành bại của cách mạng. Thực tiễn sự nghiệp đấu tranh cách mạng ở nước ta dưới sự lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ đã chứng minh điều đó.

Bước vào giai đoạn cách mạng mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, theo mô hình kinh tế tổng quát là phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong bối cảnh quốc tế và trong nước có những thuận lợi to lớn, nhưng cũng có những nguy cơ, thử thách, thì công tác tổ chức, cán bộ lại càng có vai trò hết sức quan trọng, đặt ra nhiều vấn đề mới cần nhận thức và thực hiện tốt.

Trong báo cáo tình hình, kết quả công tác năm 2003, triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 9, khóa IX, và phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu năm 2004 về công tác tổ chức, cán bộ trình bày tại Hội nghị vừa qua ở Hà Nội đã nêu lên những nội dung chính. Ở đây, tôi muốn nêu một số ý kiến để nhấn mạnh và nói rõ thêm.

## I - ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT CÔNG TÁC TỔ CHỨC, CÁN BỘ THỜI GIAN QUA

Thời gian qua, do nhận thức đúng các Nghị quyết của Đảng, nhất là Nghị quyết Đại hội IX, Nghị quyết Trung ương 3, khóa VIII, về chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Kết luận Hội nghị Trung ương 6 khóa IX về công tác tổ chức và cán bộ, Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị về luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý, các chỉ thị và quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác tổ chức, cán bộ; do có sự quan tâm đúng mức của cấp ủy các cấp và cơ quan tổ chức ở các ban, bộ, ngành và đoàn thể ở Trung ương, công tác tổ chức, cán bộ đã được triển khai tương đối toàn diện, có sự chuyển biến tích cực và có đổi mới.

*Về công tác tổ chức:* Thời gian qua, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tiếp tục được sắp xếp, kiện toàn theo Nghị quyết Trung ương 7, khóa VIII; đi sâu làm rõ chức năng nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức và mối quan hệ giữa các cơ quan, tổ chức. Một số ban, ngành,

* Uỷ viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương


Digitized by Google

cơ quan đã ban hành các quy chế phối hợp, là hình thức rất hiệu quả để nâng cao hiệu quả công tác. Tuy nhiên, việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 7, khóa VIII, chưa đạt yêu cầu, tổ chức bộ máy của nhiều cơ quan nhà nước, cơ quan đảng, đoàn thể vẫn còn cồng kềnh, biên chế vẫn tăng; chức năng, nhiệm vụ của không ít tổ chức vẫn còn chồng chéo, chưa được làm rõ; một số vướng mắc về quan hệ phối hợp giữa ngành với lãnh thổ chậm được nghiên cứu và xử lý thỏa đáng, trong đó có cả những vướng mắc trong công tác tổ chức, cán bộ.

*Về công tác cán bộ:* Đã tiến hành đồng bộ cả năm khâu trong công tác cán bộ: đánh giá; quy hoạch; luân chuyển; đào tạo, bồi dưỡng và bố trí, sắp xếp, sử dụng cán bộ. Điều quan trọng là chúng ta đã thấy được việc triển khai năm khâu trên đòi hỏi tính đồng bộ và nhận thức rõ hơn vị trí của từng khâu. Đánh giá cán bộ là tiền đề trong công tác cán bộ, đòi hỏi rất công phu. Những nơi vừa qua làm tương đối tốt công tác đánh giá cán bộ cho thấy đánh giá cán bộ là một khâu khó nhưng có thể làm được. Tuy nhiên, đánh giá cán bộ vẫn là khâu yếu nhất, chậm được khắc phục. Chất lượng đánh giá cán bộ còn hạn chế. Nguyên nhân của hạn chế trên có nhiều, nhưng nguyên nhân chính là chất lượng đánh giá của cấp ủy. Các cơ quan tham mưu về công tác cán bộ nắm chưa sâu, chưa chắc cán bộ, do vậy ý kiến thẩm định thường xuôi chiều theo nhận xét, đánh giá của cấp dưới; nhiều quyết định nhân sự chủ yếu dựa vào kết quả phiếu thăm dò tín nhiệm chưa phản ánh đúng thực chất cán bộ. Tình trạng cục bộ, nể nang, né tránh còn khá phổ biến trong sinh hoạt đảng và trong công tác cán bộ; chưa thực sự dân chủ, công khai trong đánh giá cán bộ, thiếu quy định rõ ràng về trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị trong công tác cán bộ. Quy hoạch cán bộ làm cơ sở cho công tác cán bộ. Năm qua, công tác quy hoạch cán bộ được chỉ đạo quyết liệt, tập trung, nhiều cấp ủy và tổ chức đảng đã có chuyển biến về nhận thức, thấy rõ hơn ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác quy hoạch cán bộ với nội dung, cách làm quy hoạch mới theo hướng mở rộng dân chủ, công khai, thực hiện phương châm "động" và "mở" nên đã chủ động một bước về công tác cán bộ. Tuy vậy, chuyển biến nhận thức về công tác quy hoạch cán bộ của các cấp ủy và tổ chức đảng chưa đồng đều, nên chất lượng quy hoạch ở một số nơi không cao. Có nơi còn nhầm lẫn giữa công tác quy hoạch cán bộ và công tác nhân sự. Quy hoạch vẫn còn hình thức, tuần tự, mới chỉ dừng lại ở quy hoạch phục vụ cho yêu cầu trước mắt, chưa mạnh dạn phát hiện nguồn từ xa, cho giai đoạn 2010 và những năm tiếp theo. Luân chuyển cán bộ là một trong những khâu rất quan trọng trong công tác cán bộ, tạo môi trường để cán bộ rèn luyện, thử thách, đáp ứng yêu cầu về đội ngũ cán bộ. Bước đầu, luân chuyển cán bộ đã tạo điều kiện để cán bộ rèn luyện và sự đồng thuận mới trong đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ. Tuy nhiên, luân chuyển cán bộ vẫn chưa trở thành nền nếp thường xuyên trong Đảng và trong hệ thống chính trị; việc luân chuyển cán bộ giữa các ngành, giữa các địa phương, giữa các cơ quan đảng, đoàn thể và cơ quan nhà nước còn hạn chế. Bố trí, sắp xếp, sử dụng cán bộ là khâu quan trọng, đáp ứng yêu cầu bức xúc, thay đổi những vị trí trì trệ, yếu kém, không xứng đáng, tạo điều kiện để đưa dần đội ngũ kế cận vào vị trí, tạo vị thế cho đội ngũ đó, nhất là các cán bộ trẻ, cán bộ nữ. Trong sắp xếp, bố trí cán bộ, quan trọng nhất là phải gắn công tác cán bộ với công tác tư tưởng và do vậy việc bố trí, sắp xếp cán bộ ngày càng chủ động hơn. Bên cạnh đó, vẫn có tình trạng bố trí không đúng cán bộ chủ chốt, nhất là người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nhằm nâng cao trình độ,


Digitized by Google

chất lượng đội ngũ cán bộ. Năm qua đã khắc phục một bước tình trạng đào tạo cán bộ tràn lan, không theo quy hoạch. Tuy nhiên, nội dung, chương trình và phương pháp đào tạo chậm được đổi mới.

Công tác tổ chức xây dựng Đảng, nhất là công tác tổ chức, cán bộ, như trên đã nói, có vị trí rất quan trọng trong sự nghiệp cách mạng của Đảng, nhưng cũng là một công việc rất khó khăn và nhiều thách thức. Vì vậy, muốn làm được việc này chúng ta phải rất coi trọng tổng kết thực tiễn, đồng thời phải nghiên cứu, suy nghĩ, sáng tạo. Kết quả trong công tác tổ chức, cán bộ trong thời gian qua là nhờ chỉ đạo của Bộ Chính trị, là công sức của toàn Đảng, của các cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn và người đứng đầu các cấp ủy, tổ chức đảng, của hệ thống tổ chức, bộ máy làm công tác tổ chức, cán bộ. Những nơi ít có chuyển biến là do nhận thức chưa đầy đủ và chỉ đạo chưa quyết liệt của tập thể cấp ủy, đặc biệt là của người đứng đầu, sự thiếu chủ động của cơ quan tham mưu về công tác tổ chức, cán bộ.

## II - MỘT SỐ CÔNG VIỆC CẦN LÀM TRONG THỜI GIAN TỚI

Phương hướng, mục tiêu và nhiệm vụ đặt ra cho công tác xây dựng Đảng về tổ chức, cán bộ năm 2004 và đến cuối nhiệm kỳ là: Cụ thể hóa Nghị quyết Trung ương 9; tăng cường nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn góp phần hoàn thiện đường lối Đại hội X của Đảng, bổ sung Cương lĩnh, Điều lệ Đảng; tiếp tục hoàn thiện hệ thống tổ chức đảng và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Tập trung chỉ đạo xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở, hướng mạnh về cơ sở, tạo sự chuyển biến rõ rệt và nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, gắn xây dựng tổ chức cơ sở đảng với xây dựng chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở cơ sở, nhất là đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ. Tiếp tục đổi mới công tác cán bộ cả về quan điểm, nội dung, phương pháp, tổ chức quản lý, chế độ trách nhiệm, bộ máy và con người làm công tác tổ chức, cán bộ; triển khai đồng bộ các khâu: đánh giá, quy hoạch, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí, sắp xếp, sử dụng cán bộ; đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, giáo dục, rèn luyện đạo đức, nâng cao phẩm chất và năng lực đội ngũ cán bộ, đảng viên, góp phần tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, sách nhiễu...

Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Trung ương, tạo bước chuyển biến mới trong công tác tổ chức, cán bộ, trong thời gian tới cần tập trung thực hiện một số nhiệm vụ sau:

**1 - Về công tác tổ chức**

- Tập trung làm rõ, hoàn thiện quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức của ban cán sự đảng, đảng đoàn cơ quan nhà nước và tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương. Tiếp tục xây dựng, ban hành quy chế phối hợp giữa các ban, ngành, cơ quan. Nghiên cứu kịp thời xử lý những vướng mắc trong quan hệ giữa ngành và lãnh thổ trong công tác tổ chức và cán bộ.

- Xây dựng, bổ sung quy định về quyền hạn, trách nhiệm người đứng đầu và quan hệ giữa người đứng đầu với tập thể lãnh đạo.

Trong công tác tổ chức, không coi tăng biên chế là điều kiện duy nhất để hoàn thành nhiệm vụ. Cần lưu ý cả ba mặt: biên chế hợp lý, nâng cao trình độ, chất lượng cán bộ và đổi mới phương thức, lề lối làm việc.

**2 - Về công tác cán bộ**

- Cơ quan tham mưu sớm trình Bộ Chính trị ban hành một số nghị quyết về công tác cán bộ


Digitized by Google

như: Nghị quyết về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Nghị quyết về đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo bồi dưỡng cán bộ, kiện toàn tổ chức của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và các trường chính trị trong thời kỳ mới.

- Triển khai Dự án nhà nước thí điểm phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng nguồn nhân lực tài năng phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Làm tốt công tác nhân sự đại hội đảng bộ các cấp vào năm 2005 và Đại hội X của Đảng.

*Về đánh giá cán bộ:* Nghiên cứu, xây dựng, bổ sung, sửa đổi Quy chế đánh giá cán bộ, từ đó đổi mới nội dung, phương pháp đánh giá cán bộ; xây dựng thiết chế để nhân dân tham gia giám sát cán bộ và công tác cán bộ một cách thiết thực. Đề cao tự đánh giá, có nhận xét của cấp có thẩm quyền, đối với cán bộ chủ chốt nên có gợi ý của đảng ủy cấp trên. Có tiêu chí đánh giá cán bộ. Đánh giá cán bộ phải căn cứ vào tiêu chuẩn, trong đó đặc biệt chú ý đến hiệu quả công tác. Cụ thể là lĩnh vực đồng chí được đánh giá có bước phát triển không? Đồng chí đó có là người đoàn kết quy tụ cán bộ không? Có không tham nhũng và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng không? Có quy trình đánh giá cán bộ thống nhất. Thực hiện dân chủ trong đánh giá và thông báo công khai đối với cán bộ được đánh giá; người được đánh giá có quyền phản hồi, bảo lưu ý kiến đánh giá về bản thân mình, nhưng phải chấp hành khi đã có kết luận đánh giá của cấp có thẩm quyền. Chỉ trên cơ sở xây dựng ban thường vụ cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan tham mưu và cấp có thẩm quyền đánh giá cán bộ thật sự trong sạch, vững mạnh; nhất là vai trò gương mẫu, không nể nang, né tránh của người đứng đầu thì việc đánh giá cán bộ mới bảo đảm chất lượng tốt.

*Về quy hoạch cán bộ:* Khi có Nghị quyết của Bộ Chính trị về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý, Ban Tổ chức Trung ương và cơ quan làm công tác tổ chức các cấp sớm cụ thể hóa Nghị quyết. Trên cơ sở quy hoạch A1 và kết quả đánh giá, kiểm điểm giữa nhiệm kỳ, kiểm điểm cuối năm, tập trung rà soát, bổ sung hoàn thành xây dựng quy hoạch A2. Căn cứ quy hoạch, mạnh dạn phân công, bố trí lại một số cán bộ, đưa cán bộ dự bị vào các vị trí công tác hoặc đưa đi đào tạo, luân chuyển, làm tốt công tác nhân sự cho đại hội đảng các cấp khóa tới. Đối với các ban, ban cán sự đảng, đảng đoàn các bộ, ngành và đoàn thể ở Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương sẽ tiếp tục nghe, góp ý và xác nhận về quy hoạch cán bộ ở những đơn vị còn lại.

*Về luân chuyển cán bộ:* Sơ kết Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị khóa IX về luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý, rút ra những kinh nghiệm cần thiết và tiếp tục xây dựng, thực hiện kế hoạch luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý trong thời gian tới. Trong sơ kết luân chuyển cán bộ chú trọng đến việc nhận xét, đánh giá của cấp ủy nơi đi, nơi đến và ý kiến của bản thân cán bộ được luân chuyển. Tiếp tục luân chuyển một số đồng chí thứ trưởng và tương đương, phó trưởng ban đảng, phó các ngành, đoàn thể chính trị ở trung ương còn trẻ, có triển vọng về một số địa phương. Điều động một số đồng chí bí thư, phó bí thư tỉnh, thành ủy và một số đồng chí lãnh đạo chính quyền, đoàn thể tỉnh, thành phố có năng lực về giữ chức vụ mới ở các cơ quan trung ương. Ở địa phương, tiếp tục điều động, luân chuyển một số đồng chí trưởng, phó các ban đảng, đoàn thể, giám đốc, phó giám đốc sở và tương đương về làm cán bộ chủ chốt cấp huyện; luân chuyển một số đồng chí bí thư, chủ tịch quận, huyện, thị, thành phố lên làm trưởng, phó các ban đảng, giám đốc, phó giám đốc các sở, ban, ngành của tỉnh, thành phố.


Digitized by Google

Luân chuyển cán bộ trẻ, có triển vọng ở tỉnh và huyện về làm cán bộ chủ chốt ở cơ sở xã, phường, thị trấn. Tăng cường luân chuyển cán bộ giữa các ngành, giữa các cơ quan đảng, đoàn thể và cơ quan nhà nước.

*Về bố trí, sắp xếp, sử dụng cán bộ:* Việc bố trí, sắp xếp cán bộ phải được chuẩn bị kỹ lưỡng, công phu, trong đó quan trọng nhất là lựa chọn, bố trí người đứng đầu. Trong thời gian tới, việc bố trí, sắp xếp cán bộ sẽ tiếp tục làm mạnh mẽ hơn, trên cơ sở bảo đảm sự công tâm, khách quan, phù hợp với năng lực, sở trường của cán bộ, và vì mục đích chung. Cụ thể là những đồng chí đến tuổi nghỉ hưu thì xem xét để bố trí nghỉ theo quy định. Chủ động bố trí, sắp xếp cán bộ có năng lực, triển vọng đảm nhiệm các công việc để cán bộ đó có điều kiện học tập, thử thách, rèn luyện, phấn đấu và tự khẳng định, nhất là đối với các chức danh cán bộ chủ chốt, không nên để đến đại hội mới bố trí; chú ý bố trí, sắp xếp cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số. Phải gắn công tác bố trí, sắp xếp cán bộ với công tác tư tưởng. Cần thay thế cán bộ lãnh đạo, quản lý những đơn vị trì trệ, yếu kém, những đơn vị xảy ra tham nhũng, tiêu cực lớn. Có các biện pháp kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, xây dựng những thiết chế cần thiết để chống việc chạy chức, chạy quyền.

*Về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ:* Đổi mới mạnh mẽ nội dung, chương trình và phương pháp giảng dạy, học tập theo hướng gắn lý luận với thực tiễn; phát huy tính chủ động, tích cực của người học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, nghiên cứu, đào tạo có bản lĩnh chính trị vững vàng, có năng lực chuyên môn cao, am hiểu thực tiễn đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tăng cường cập nhật kiến thức mới cho cán bộ lãnh đạo, quản lý. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở.

**3 - Kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan tham mưu cho cấp ủy về công tác tổ chức, cán bộ**

Tiếp tục kiện toàn, nâng cao chất lượng bộ máy và cán bộ làm công tác tham mưu cho cấp ủy các cấp, nhất là bộ máy làm công tác tổ chức, cán bộ; tăng cường công tác quản lý, giáo dục, rèn luyện đội ngũ cán bộ; điều động một số cán bộ lãnh đạo, quản lý có đủ tiêu chuẩn và điều kiện sang làm công tác tổ chức, cán bộ. Người làm công tác tổ chức, cán bộ trước hết phải có đạo đức trong sáng, trung thực, tâm huyết vì sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc; có tư duy mới và phong cách làm việc dân chủ, sâu sát, khoa học. Chống tư tưởng hẹp hòi, định kiến cá nhân và những biểu hiện tiêu cực khác trong công tác tổ chức, cán bộ.

Nghiên cứu xây dựng và ban hành quy định về công tác thi đua, khen thưởng trong Đảng; khen thưởng đối với ban tổ chức các tỉnh, thành ủy, đảng ủy trực thuộc trung ương và cơ quan tổ chức các ban, bộ, ngành và đoàn thể ở trung ương; thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của ngành nhằm động viên tinh thần thi đua phấn đấu của cán bộ, công chức trong ngành Tổ chức xây dựng Đảng.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và làm việc của hệ thống cơ quan tổ chức các cấp.

Với quyết tâm của các cấp, các ngành, sự nỗ lực, cố gắng của ngành tổ chức xây dựng Đảng trong cả nước, với tinh thần kiên quyết khắc phục những tồn tại, yếu kém; tiếp tục đổi mới cách nghĩ, cách làm, nhất định chúng ta sẽ tạo ra chuyển biến mới trong công tác tổ chức, cán bộ, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Trung ương 9, khóa IX, và Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, góp phần thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. ❑


Digitized by Google

# VỀ ĐÁNH GIÁ CÁN BỘ LÃNH ĐẠO

NGUYỄN ĐỨC BÌNH*

CÁN bộ lãnh đạo có ở cả 4 cấp: trung ương, tỉnh, huyện, cơ sở. Bài này chủ yếu đề cập cán bộ lãnh đạo ở cấp trung ương và cũng chỉ giới hạn ở cán bộ lãnh đạo chủ chốt: Bộ trưởng và trên Bộ trưởng. Nhưng, trước hết xin bắt đầu bằng một số điểm chung.

Đánh giá cán bộ là khâu đầu trong hệ thống công tác cán bộ. Vì vậy, đánh giá đúng hay sai, đều có ảnh hưởng quyết định đến các khâu sau như bố trí, sử dụng, thuyên chuyển, cất nhắc, đề bạt.... Đương nhiên, đánh giá cán bộ không phải chỉ làm một lần mà là thường xuyên, không chỉ là một khâu đầu xong đó coi như đã kết luận cho cả đời người cán bộ. Thật ra, mỗi lần cất nhắc, đề bạt, thuyên chuyển... là mỗi lần đánh giá. Hằng năm, có sự đánh giá qua tổng kết công tác, qua kiểm điểm tự phê bình và phê bình. Đương nhiên, đối với mỗi cán bộ lãnh đạo, nhất là ở cương vị chủ chốt, cấp ủy phải có những đánh giá cơ bản ngay từ đầu. Chúng ta biết rằng, mỗi cán bộ đều có những sở trường, sở đoản, những ưu điểm, nhược điểm cơ bản, những chỗ mạnh, chỗ yếu cơ bản. Những nét cơ bản ấy tương đối ổn định và cấp quản lý nhất thiết phải nắm cho được. Song lại cũng cần thấy rằng, không phải ở mọi cán bộ những nét cơ bản ấy cũng đều bộc lộ rõ. Có người rõ, có người không rõ lắm, thậm chí cá biệt ở một số người vẻ bề ngoài có thể làm sai lạc bản chất. Vả lại, những nét cơ bản ở một con người tuy nói chung là tương đối ổn định, nhưng không phải bất biến. Quá trình công tác, phấn đấu, thử thách, qua nhiều môi trường và điều kiện hoạt động sẽ tôi luyện người cán bộ, tất cả điều đó có thể làm biến đổi những đặc điểm ban đầu. Cho nên, đánh giá cán bộ phải đứng trên quan điểm phát triển, không cứng nhắc, không định kiến.

Đánh giá đúng cán bộ thì bố trí đúng, đề bạt đúng, cất nhắc đúng. Thực hiện đúng như vậy, *trước hết là* tốt cho công việc chung; *hai là*, làm cho người cán bộ hồ hởi, phấn chấn, càng hăng say phấn đấu tiến bộ; *ba là*, kích thích sự phấn khởi của cả tập thể, tăng cường đoàn kết nội bộ. Và ngược lại, đánh giá sai, dù đối với một người, thì hậu quả có thể rất lớn. *Trước hết*, từ đánh giá sai đi đến sử dụng sai, đề bạt sai thì hỏng cả việc chung; *hai là*, bản thân người cán bộ được đánh giá không đúng thực chất, có thể hoặc sinh ra chủ quan, tự cao tự đại, hoặc trái lại đâm ra tự ty, nhụt chí phấn đấu, hại cho họ mà cũng thiệt cho Đảng; *ba là*, đối với cả tập thể có thể ảnh hưởng đến niềm tin chung và có thể gây ra những phức tạp trong quan hệ nội bộ.

Đánh giá cán bộ là vấn đề hệ trọng nhưng để đánh giá đúng, cần có những điều kiện gì?

*1- Trước hết phải có sự công tâm, trong sáng ở người đánh giá.* Nhận xét, đánh giá người khác mà lòng mình không trong trẻo thì

---

* GS, Nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương



Digitized by Google

mất tính khách quan, không thể đánh giá đúng. Đặc biệt, khi người đánh giá có động cơ phức tạp, thiên lệch thì thật tai hại.

*2- Phải có phương pháp đúng: khách quan, toàn diện, lịch sử, cụ thể...* Mỗi con người đều có ưu, có khuyết, có chỗ mạnh, chỗ yếu. Nhận xét, đánh giá cán bộ phải khách quan, thực sự cầu thị; có ưu nói ưu, có khuyết nói khuyết, ưu khuyết đến đâu nói đến đó, không thêm không bớt. Không vì trước đây có công mà đánh giá nhẹ sai lầm khuyết điểm. Ngược lại, không vì có sai lầm, khuyết điểm mà phủ định hết công tích người cán bộ. Đối với sai lầm, khuyết điểm thì cần cân nhắc một cách thật khách quan tính chất, mức độ, tác hại, hoàn cảnh phạm sai lầm...

Hai điều kiện trên có quan hệ mật thiết với nhau. Khi đã thiếu công tâm thì cách nhìn dễ sai lệch, phiến diện, dẫn đến những méo mó trong đánh giá. Còn nếu phương pháp đánh giá không đúng, thiếu khả năng phân tích một cách khách quan, toàn diện, chỉ nhấn mặt này, bỏ qua mặt kia... thì rốt cuộc cũng đánh giá sai cán bộ.

3- Đánh giá cán bộ *phải gắn với yêu cầu nhiệm vụ đặt ra cho cán bộ.* Tất nhiên, cấp đánh giá, người đánh giá phải hiểu sâu sắc những yêu cầu ấy. Đánh giá không phải để đánh giá mà để sử dụng. Sử dụng vào nhiệm vụ mới, cương vị mới hoặc để giúp người cán bộ làm tốt hơn công việc đang làm. Vì vậy, cấp đánh giá, người đánh giá phải hiểu rõ tính chất, đặc điểm, những yêu cầu của nhiệm vụ người cán bộ đang làm hoặc sắp được giao. Có thể người có thẩm quyền được đánh giá chưa hiểu thật sâu chuyên môn và các quá trình tác nghiệp, nhưng phải nắm chắc công việc trên quan điểm chính trị. Nếu không như vậy thì không thể đặt ra những yêu cầu đòi hỏi đối với người cán bộ về phẩm chất chính trị, về trí tuệ, về phẩm chất đạo đức, về năng lực lãnh đạo hoàn thành nhiệm vụ. Một khi không nắm chắc những điểm này thì không có căn cứ chuẩn xác để nhận xét, đánh giá đúng cán bộ.

Xin nêu một ví dụ về đánh giá một cán bộ để bố trí vào chức vụ lãnh đạo cao cấp (một bộ trưởng chẳng hạn). Vậy những tiêu chuẩn nào mà cấp đánh giá, người đánh giá phải nắm chắc thì mới có cơ sở tiến hành đánh giá đúng ? Rõ ràng, có những đòi hỏi rất cao. Bộ trưởng là thuộc hàng chính khách, lại là chính khách ở tầm quốc gia. Đó là chính khách trong "nền chính trị lớn", nhất là, ở thời đại toàn cầu hóa và hội nhập thế giới ngày nay, họ có vai trò không chỉ quốc gia mà bắt đầu bước vào vũ đài khu vực và quốc tế. Trong thời đại ngày nay, các chính sách quốc gia ngày càng gắn chặt với môi trường, các quá trình khu vực và thế giới. Nhiều vấn đề quốc gia và quốc tế, trong nhiều trường hợp có mối quan hệ khăng khít, không thể tách rời.

Bộ trưởng là nhà chính trị, trường hoạt động của họ rộng như vậy nhưng họ trước hết phải phụ trách một ngành, một lĩnh vực nào đó. Do vậy, ngoài những tố chất và năng lực chính trị cần thiết - và đó là tiêu chuẩn căn bản - họ còn phải am hiểu, ít nhất trên quan điểm chính trị và chiến lược, những hoạt động chuyên môn ở ngành hay lĩnh vực mà họ phụ trách. Các ngành hay lĩnh vực ở cấp vĩ mô cũng có nhiều loại. Có ngành rất chuyên sâu; có ngành ít chuyên sâu hơn; có ngành gắn chặt hơn với chính trị, có ngành cách xa hơn. Cần hiểu kỹ những đặc điểm đó để có cơ sở đánh giá, sắp xếp cán bộ phù hợp.

Nói tóm lại, với những đặc điểm nói trên, người lãnh đạo chính trị chủ chốt ở cấp vĩ mô phải được đánh giá từ những yêu cầu cao. Họ phải có tầm nhìn không chỉ quốc gia mà cả thế giới, phải nắm chắc những xu hướng cơ bản của thế giới, có sự hiểu biết về những phát triển mới nhất của thế giới đương đại liên quan đến lĩnh vực mình phụ trách.


Digitized by Google

Họ phải có tư duy chiến lược, tức khả năng kết hợp chặt chẽ những hiểu biết cơ bản về tình hình trong, ngoài nước với những vấn đề thực tiễn trọng đại. Có tầm nhìn xa trông rộng, khả năng bao quát toàn cục, đồng thời nắm chắc và xử lý đúng những vấn đề then chốt.

Để đạt tới tầm cao như vậy về tư duy chính trị và tư duy chiến lược, người lãnh đạo chính trị ở cấp cao nhất thiết phải có trình độ lý luận cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đủ sức soi sáng cho nhận thức và hoạt động của mình, ít nhất trong lĩnh vực mình phụ trách.

V.I. Lê-nin từng nói rằng, các giai cấp đều có đội ngũ những nhà chính trị của giai cấp mình. Giai cấp vô sản càng phải đào tạo ra được cho mình những nhà chính trị chuyên nghiệp rất mực trung thành, có sức chiến đấu cao và giàu khả năng sáng tạo để chấp hành thắng lợi sứ mệnh giai cấp.

Các nhà lãnh đạo chính trị chủ chốt ở cấp cao phải là và chính là hạt nhân của đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp và dưới sự lãnh đạo của Trung ương, của Bộ Chính trị. Cả đội ngũ này làm nòng cốt tập hợp và lôi cuốn toàn Đảng phấn đấu vì sự nghiệp cách mạng.

4- Một điều kiện nữa bảo đảm cho việc đánh giá đúng cán bộ là phải *kết hợp nhiều kênh thông tin*. Ngoài sự đánh giá của các cấp quản lý cán bộ và của người lãnh đạo, phải rất coi trọng và biết sử dụng tốt các kênh khác như đánh giá của chi bộ, của tập thể cộng sự, của quần chúng, của dư luận xã hội... Những nguồn này có thể đem lại nhiều thông tin rất có giá trị mà nhiều khi lãnh đạo chưa biết hoặc không biết, đặc biệt về các phương diện đạo đức, lối sống, quan hệ với quần chúng.

Đánh giá của cấp quản lý cán bộ, của lãnh đạo, cố nhiên hết sức quan trọng, bởi đó là những đánh giá chuyên sâu xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ người cán bộ. Tất nhiên, như đã nói trên, cấp đánh giá, người đánh giá phải hiểu sâu sắc những yêu cầu ấy thì mới có khả năng đánh giá đúng. Đối với cán bộ cỡ bộ trưởng trở lên đòi hỏi lại càng cao ở cấp đánh giá, ở người đánh giá. Đã xảy ra không ít trường hợp do đánh giá sai mà bố trí sai, cuối cùng đến khi người cán bộ phạm sai lầm đặc biệt nghiêm trọng mới vỡ nhẽ là đã sai từ khâu đầu đánh giá, chọn người. Trong lúc việc xuất hiện không còn cá biệt những thói tệ "mua quan, bán chức", các cấp càng phải hết sức tỉnh táo, sáng suốt và cẩn trọng trong nhận xét, đánh giá và chọn người. Ở đây, để bảo đảm chính xác, đòi hỏi càng phải giữ vững tính tập thể đầy đủ trong đánh giá. Các cơ quan tham mưu như tổ chức, kiểm tra đương nhiên có nhiệm vụ giúp cấp ủy chuẩn bị những tư liệu, tài liệu đánh giá, nhưng có điều nhất thiết phải nhớ rằng, không ai có thể thay thế cấp ủy lãnh đạo tiến hành việc tập thể đánh giá với sự có mặt của người cán bộ được đánh giá.

Đánh giá cán bộ là cốt để bố trí, sử dụng, bảo đảm sự nghiệp ngày càng tiến lên. Cấp quản lý, người lãnh đạo phải có tầm hiểu biết sâu rộng và nhiều kinh nghiệm mới đủ sức nhận xét, đánh giá cán bộ, mới đặt ra được những đòi hỏi cao, mới dùng người được trúng. Trong đánh giá, người ta thường không đánh giá nổi những gì quá tầm hiểu biết của mình. Khi dùng người, cũng ít ai dám dùng người giỏi hơn mình. Nếu cứ lấy mình làm thước đo trong đánh giá, trong sử dụng thì khi trình độ mình đã thấp, đội ngũ dưới quyền sẽ thấp hơn nữa, rồi người kế tục mình lại lấy người về thấp hơn... và cứ thế, tố chất chính trị, trí tuệ và đạo đức các lớp cán bộ nối tiếp nhau sẽ thấp mãi, thấp mãi, khiến trình độ và chất lượng cả tổ chức ngày càng sa sút. Tình trạng đó gây tổn hại khôn lường cho Đảng. Vậy nhất thiết phải tránh cho được điều đó ngay từ khâu đánh giá cán bộ.❑

# TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NỀN GIÁO DỤC CÁCH MẠNG VIỆT NAM

**BÙI ĐÌNH PHONG ***

DÂN tộc Việt Nam có truyền thống hàng nghìn năm văn hiến, truyền thống hiếu học. Đối với người Việt Nam, có con học giỏi là một vinh hạnh cho cha mẹ. Tục ngữ dân ta có câu: "Nửa bụng chữ bằng một hũ vàng" là biểu hiện nhiệt tình ham muốn có học thức. Bài văn bia (ở Văn Miếu) dưới thời vua Lê Thánh Tông, có câu: "Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, nguyên khí thịnh thì đất nước mạnh và càng lớn lao; nguyên khí suy thì đất nước yếu, mà càng xuống thấp". Từ Việt Nam đi ra thế giới, hòa nhập vào đại dương trí tuệ của thời đại, Hồ Chí Minh đã chắt lọc tinh hoa của nhân loại, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện cụ thể của nước ta, từng bước xây dựng nền giáo dục mới Việt Nam. Sự cống hiến của người về lý luận và thực tiễn giáo dục là vô giá, đem lại thành tựu và niềm vinh quang cho nền giáo dục mới Việt Nam.

Là người sáng lập ra chế độ mới, khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, ngay sau ngày độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh coi việc giải quyết nạn dốt là một trong những nhiệm vụ cấp bách của chế độ mới. Bởi vì "Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu"(1), "Dốt thì dại, dại thì hèn"(2).

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 trước hết là một cuộc cách mạng chính trị, nhưng đồng thời cũng là một cuộc cách mạng văn hóa. Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã xóa đi một nền giáo dục đồi bại, xảo trá và nguy hiểm hơn cả sự dốt nát. Theo Hồ Chí Minh, nền giáo dục dưới ách nô dịch của chủ nghĩa thực dân chỉ dạy cho nhân dân chỉ biết sùng bái những kẻ mạnh hơn mình; dạy cho thanh niên yêu một Tổ quốc không phải Tổ quốc của mình; dạy cho thanh, thiếu niên khinh rẻ nguồn gốc dòng giống mình...

Một chế độ mới ra đời, điều cần thiết đầu tiên là phải nhanh chóng xóa bỏ nền giáo dục nô lệ. Thực dân Pháp cần "làm cho dân ngu để dễ trị". Đối với chúng ta, vấn đề không chỉ là nhận thức thế giới mà còn phải cải tạo thế giới. Muốn làm được điều đó - nói như V.I. Lê-nin - mù chữ sẽ đứng ngoài chính trị. Quan điểm của Hồ Chí Minh là phải làm cho nhân dân biết đọc, biết viết, từng bước nâng cao dân trí. Bởi vì nước ta là nước dân chủ, dân là chủ và dân phải làm chủ. Công việc kháng chiến, kiến quốc, đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân. Chúng ta phải đem tài dân, sức dân, của dân để làm lợi cho dân. Muốn làm được điều đó, cần phải có giáo dục và giáo dục lại nhân dân.

Hồ Chí Minh cho rằng, giáo dục sẽ tạo ra *tính liên tục của cách mạng*. Bởi vì với việc nâng cao dân trí, nhân dân sẽ biết quyền lợi, bổn phận, có kiến thức mới để tham gia vào công việc xây dựng. Sự thành công của các nước, không có yếu

* PGS, TS, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t 4, tr 8

(2) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 8, tr 64



Digitized by Google

tố nào quan trọng hơn giáo dục. Giáo dục sẽ tạo ra "những nguyên liệu" không có sẵn trong tự nhiên như kỹ sư, chuyên gia, bác học... Giáo dục sẽ góp phần quyết định làm cho non sông Việt Nam trở nên tươi đẹp, dân tộc Việt Nam bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu. Giáo dục *tạo ra nhân cách và từng bước hoàn thiện con người*. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh:

"Ngủ thì ai cũng như lương thiện,
Tỉnh dậy phân ra kẻ dữ, hiền;
Hiền, dữ đâu phải là tính sẵn,
Phần nhiều do giáo dục mà nên"(3)

Người nói: "Óc những người tuổi trẻ trong sạch như một tấm lụa trắng. Nhuộm xanh thì nó sẽ xanh. Nhuộm đỏ thì nó sẽ đỏ"(4). "Nhuộm" ở đây chính là chức năng của giáo dục thông qua dạy và học. Đối với đời sống tinh thần của mỗi con người, tư tưởng và tình cảm là chủ yếu nhất. Những tư tưởng và tình cảm lớn có ý nghĩa chi phối đời sống tinh thần của cá nhân và cả cộng đồng. Xây đắp tư tưởng và tình cảm cao quý, đó là nhiệm vụ thường xuyên của giáo dục. Trước đây cũng như hiện nay, giáo dục phải làm cho mỗi người và mọi người có lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; có tinh thần vì nước quên mình, đặt việc chung lên trên, lên trước công việc riêng. Văn hóa nói chung, văn hóa giáo dục nói riêng phải đi sâu vào tâm lý quốc dân để vun đắp những tình cảm lớn như yêu nước, thương dân, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào, yêu cái chân, cái thiện, cái mỹ, yêu tính trung thực, ghét sự giả dối, phô trương, hình thức... Những tình cảm trong sáng đó lại chính là mạch nguồn dẫn tới những tư tưởng cao đẹp.

Giáo dục là yếu tố quyết định trực tiếp *nâng cao trình độ học vấn, trình độ khoa học - kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, trình độ tổ chức quản lý*. Giáo dục sẽ giúp cho người học có một vốn liếng về lịch sử, văn hóa của dân tộc Việt Nam và thế giới, mà nếu không có nó thì sẽ không giữ vững được nền độc lập, không thể tham gia vào công việc kiến thiết xây dựng nước nhà dân giàu, nước mạnh. Giáo dục sẽ giúp cho mỗi người dân có kiến thức mới để "biến một nước dốt nát, cực khổ thành một nước văn hóa cao và đời sống tươi vui hạnh phúc"(5).

Với một tầm nhìn thời đại, Hồ Chí Minh - người sáng lập nền giáo dục mới, nền giáo dục cách mạng Việt Nam - đã chỉ ra một trong những mục tiêu cao nhất của giáo dục là "đào tạo các em nên những người công dân hữu ích cho nước Việt Nam (...) làm phát triển hoàn toàn những năng lực sẵn có của các em"(6). Để trở thành những công dân hữu ích, thì mục tiêu cao nhất của dạy và học là: Học để làm việc, làm người, làm cán bộ. Học để phụng sự đoàn thể, giai cấp và nhân dân, Tổ quốc và nhân loại.

Đó là những mục tiêu khó nhất của giáo dục. Tuy nhiên, mục tiêu của giáo dục hết sức rộng lớn, bao quát nhiều lĩnh vực: "Học để sửa chữa tư tưởng". "Học để tu dưỡng đạo đức cách mạng". "Học để tin tưởng", v.v.. Theo quan niệm của Hồ Chí Minh, giáo dục để bồi dưỡng tư tưởng, để làm việc, làm người, để tu dưỡng đạo đức cách mạng, v.v.. có mối quan hệ biện chứng với nhau. Có phẩm chất chính trị (lý tưởng cao đẹp), có phẩm chất chuyên môn, mà thiếu phẩm chất đạo đức với ý nghĩa là gốc, là nguồn thì cũng vô dụng. Người dạy: "Vì muốn giải phóng cho dân tộc, giải phóng cho loài người là một công việc to tát, mà tự mình không có đạo đức, không có căn bản, tự mình đã hủ hóa, xấu xa thì còn làm nổi việc gì?"(7).

Như vậy, nội dung giáo dục trong tư tưởng Hồ Chí Minh hết sức toàn diện. Trường học của chúng ta là trường học của chế độ dân chủ nhân dân, trường học xã hội chủ nghĩa, nhằm mục đích phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Vì vậy, nội dung giáo dục phải bao gồm cả văn hóa, chuyên môn nghề nghiệp, các ngành nghề liên quan trực tiếp tới công nghiệp, nông nghiệp, nông thôn, vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Cải cách giáo dục để xây dựng một nội dung dạy

(3) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 3, tr 383
(4) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 5, tr 102
(5) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 8, tr 494
(6) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 4, tr 32
(7) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 5, tr 253


Digitized by Google

và học khoa học, hợp lý, vừa kết hợp được lý luận khoa học với thực hành; vừa có tri thức phổ thông chắc chắn, thiết thực, lại cần thiết cho đời sống thực tế theo mô hình "vừa học vừa làm" là một tầm nhìn phản ánh quy luật của giáo dục Việt Nam trong thời đại mới.

Là người nắm chắc, vận dụng nhuần nhuyễn các quy luật của chủ nghĩa duy vật biện chứng mác-xít, Hồ Chí Minh hiểu rằng, các nội dung giáo dục có mối quan hệ mật thiết với nhau. Nếu không có trình độ học vấn thì không học tập được kỹ thuật, không học tập được kỹ thuật thì không theo kịp thời đại mà cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật, công nghệ đang phát triển mạnh mẽ, và như vậy ngày càng tụt hậu xa hơn so với các nước. Nhưng điều đặc biệt là phải học chính trị. Bởi vì nếu chỉ học văn hóa, kỹ thuật, chuyên môn mà không có chính trị thì như người nhắm mắt mà đi. Giáo dục chính trị là nền tảng, trên cơ sở đó nâng cao chất lượng văn hóa và chuyên môn. Chính trị nói ở đây là chủ nghĩa Mác - Lê-nin và đường lối quan điểm của Đảng. Học chính trị không phải cốt để thuộc sách Mác - Lê-nin làu làu, không phải học một cách giáo điều, mà là "học cái tinh thần xử trí mọi việc, đối với mọi người, và đối với bản thân mình".

Giáo dục chỉ phát huy hết vai trò, sức mạnh của mình khi thực hiện đúng đắn phương châm, phương pháp giáo dục. Đây là một nội dung được Bác Hồ đặc biệt quan tâm, vì nó sẽ tạo ra sự khác biệt về chất so với nền giáo dục phong kiến - nền giáo dục xa rời thực tế, và nền giáo dục thực dân.

Hồ Chí Minh nhiều lần căn dặn các nhà giáo, phải luôn luôn gắn nội dung giáo dục với thực tiễn Việt Nam, học đi đôi với hành, lý luận phải liên hệ với thực tế, học tập phải kết hợp với lao động sản xuất. Giáo dục phải kết hợp cả ba khâu gia đình, nhà trường và xã hội. Xem nhẹ bất kỳ khâu nào cũng đều hạn chế đến kết quả của giáo dục, hơn nữa có thể đưa lại những hậu quả khó lường.

Cần có một tinh thần hiếu học, cầu tiến bộ, ý thức chủ động, học tập không biết mỏi, học suốt đời, học mọi lúc, mọi nơi, học mọi người. Dân ta thường nói: "Không thày đố mày làm nên" nhưng đồng thời "học thày không tày học bạn". Bác Hồ rất quan tâm tới việc học bạn bè, đồng chí, đồng nghiệp, đặc biệt là học nhân dân. Bởi vì không học nhân dân thì không lãnh đạo được dân và có biết làm học trò dân thì mới làm được thầy học của dân. Tự học, tự đào tạo là một tư tưởng lớn của Hồ Chí Minh. Con đường đưa Người trở thành nhà sáng lập nền giáo dục mới, trở thành danh nhân văn hóa kiệt xuất chủ yếu là tự học, tự đào tạo, khổ công học luyện. Ngay cả trong thời gian ở trường, Người vẫn tự học tập nghiên cứu là chủ yếu. Tự đào sâu lý luận, gắn với thực tế, biến kiến thức của thầy thành kiến thức của mình là một bài học lớn từ tấm gương sáng ngời của Bác, phản ánh quan điểm hiện đại trong giáo dục, đào tạo hiện nay.

Một phương pháp quan trọng là phải giúp đỡ lẫn nhau, đoàn kết gắn bó với nhau, tự phê bình và phê bình trong học tập. Chúng ta đang sống trong thời đại của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đang tiến như vũ bão. Khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên đang có những bước tiến vượt bậc. Bởi thế, nếu tự mình - dù có tài giỏi đến mấy- cũng không thể am hiểu được mọi lĩnh vực. Khẩu hiệu đoàn kết không chỉ có giá trị bền vững trong chính trị, mà còn có ý nghĩa to lớn trong giáo dục.

Một vấn đề lớn thuộc phương châm giáo dục là giáo dục phải phù hợp với lứa tuổi và điều kiện thực tế. Đây thực sự là một khoa học. Chẳng hạn giáo dục thiếu nhi mà gò ép vào khuôn khổ của người lớn, làm cho chúng hóa ra những "người già sớm" là phản khoa học. Phù hợp với lứa tuổi cả nội dung và phương pháp. Và điều này liên quan tới nhiệm vụ của mỗi cấp giáo dục: "*Đại học* thì cần kết hợp lý luận khoa học với thực hành... *Trung học* thì cần đảm bảo cho học trò những tri thức phổ thông chắc chắn, thiết thực... *Tiểu học* thì cần giáo dục cho các cháu thiếu nhi: yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu lao động, yêu khoa học, trọng của công..."(8).

Liên quan tới vấn đề phù hợp với lứa tuổi, Hồ Chí Minh rất quan tâm tới việc "uốn cây từ

(8) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 8, tr 81


Digitized by Google

lúc còn non, đừng để cho tâm hồn các cháu bị vẩn đục vì chủ nghĩa cá nhân". Nhận thức và giải quyết vấn đề như vậy thuộc về quy luật của giáo dục. Người nói: "Một năm khởi đầu từ mùa xuân, cuộc đời bắt đầu từ tuổi trẻ. Tuổi trẻ là mùa xuân của xã hội". Phải giáo dục từ tuổi trẻ, tạo ra một sự khởi đầu tốt đẹp, để có một rừng cây giáo dục Việt Nam luôn xanh tươi, khỏe khoắn.

Giáo dục là sự nghiệp của quần chúng nhân dân. Kết quả giáo dục phụ thuộc rất lớn vào đường lối của Đảng, trách nhiệm của chính quyền, các ngành, các cấp, các đoàn thể, của cha mẹ học sinh. Phải tạo ra sức mạnh tổng hợp. Bởi vì giáo dục trong nhà trường chỉ là một phần, phần còn lại thuộc về vai trò của các đoàn thể nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Để có một nền giáo dục đạt chất lượng và hiệu quả cao, thể hiện bản chất tốt đẹp của nền giáo dục xã hội chủ nghĩa, thì phải thật sự dân chủ, bình đẳng trong giáo dục; phải gắn liền với thi đua và phương pháp nêu gương. Dân chủ thể hiện ở thảo luận, bàn bạc, phát biểu ý kiến; ở quan hệ đoàn kết chặt chẽ giữa thày với thày, thày với trò, giữa trò với nhau, giữa cán bộ công nhân viên, giữa nhà trường với phụ huynh học sinh... Dân chủ nhưng trò phải kính thày, thày phải quý trò, chứ không phải là "cá đối bằng đầu".

Hồ Chí Minh coi xây dựng đội ngũ giáo viên là vấn đề then chốt, quyết định chất lượng giáo dục, bởi "nếu không có thày giáo thì không có giáo dục"(9). Đó là những người yêu nghề, yêu trường, hết lòng thương yêu, chăm sóc, giáo dục học sinh, không ngừng trau dồi đạo đức cách mạng, thường xuyên tự bồi dưỡng, nâng cao tay nghề, trình độ chuyên môn, phương pháp sư phạm để thực sự là tấm gương sáng cho học sinh noi theo. Là người thày thì càng phải học nhiều hơn, như C. Mác nói: nhà giáo dục cũng phải được giáo dục. Chủ tịch Hồ Chí Minh dạy "người huấn luyện phải học thêm mãi thì mới làm được công việc huấn luyện của mình". Người dẫn lại câu nói của Khổng Tử: "Học không biết chán, dạy không biết mỏi", và lời dạy của V.I. Lê-nin: "Học, học nữa, học mãi" để nhấn mạnh rằng, người nào tự cho mình là đã biết đủ rồi thì người đó dốt nhất.

Nhìn lại nền giáo dục cách mạng Việt Nam, chúng ta thừa nhận một sự thật: lúc nào và ở đâu nghiên cứu và quán triệt đầy đủ tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục thì ở đó đem lại những thành tựu và niềm tự hào lớn cho nền giáo dục Việt Nam. Hiện nay nền giáo dục nước ta đang ở mức báo động. Một vấn đề đặt ra trong việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh để xử lý mọi việc, là phải tìm đúng nguyên nhân của bệnh và bốc đúng thuốc. Giáo dục là quốc sách hàng đầu, nhưng làm thế nào để hiện thực hóa điều đó thì chúng ta vẫn còn đang trên con đường tìm tòi. Đội ngũ những người thày vẫn đang còn phải lo toan quá nhiều việc khác để lo cho cuộc sống. Những biện pháp cụ thể để chặn đứng những tiêu cực, xuống cấp trong giáo dục vừa thiếu, vừa yếu lại không đồng bộ. Tuy nhiên, nguyên nhân cơ bản nhất của căn bệnh trầm kha trong ngành giáo dục hiện nay phải chăng đó là việc dạy và học của chúng ta đang bị chi phối quá nhiều bởi mặt tiêu cực của nền kinh tế thị trường. Dạy và học thiếu tính chủ động, sáng tạo, thiếu đào sâu suy nghĩ, chạy theo thành tích và bằng cấp. Trước đây, thi đua nhưng không bị chủ nghĩa thành tích chi phối; ngày nay, bệnh thành tích đang làm mờ đi thực chất giáo dục. Tư duy và những việc làm đó tạo ra những lực cản trên con đường thực hiện cải cách giáo dục ở nước ta. Hai năm qua, cải cách phương pháp ra đề thi đại học, bước đầu xác định là một vị thuốc trong thang thuốc làm giảm căn bệnh của những cơn sốt luyện thi, dạy thêm diễn ra phổ biến. Đó là những kinh nghiệm cần được nghiêm túc đánh giá, tổng kết để tìm ra những bước đi thích hợp cho nền giáo dục Việt Nam trong giai đoạn mới. Quán triệt sâu sắc những quan điểm của Hồ Chí Minh về nền giáo dục cách mạng Việt Nam, trong đó có nội dung nói phải đi liền với những biện pháp kịp thời, cụ thể chính là nhằm làm cho nền giáo dục nước ta phát triển đúng định hướng và đạt những thành tựu mới. ❑

(9) Hồ Chí Minh: *Sđd.* t 8. tr 184


Digitized by Google

# TÌM HIỂU QUAN ĐIỂM HỒ CHÍ MINH về phát huy vai trò nhân dân bảo vệ an ninh, trật tự

NGUYỄN ĐÌNH TẬP *

AN ninh trật tự là vấn đề hệ trọng của mọi quốc gia, liên quan trực tiếp và thường xuyên đến đời sống hằng ngày của mọi người dân. Yếu tố nhân dân là hạt nhân bao trùm, xuyên suốt tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ an ninh trật tự, trong đó, vấn đề phát huy vai trò nhân dân bảo vệ an ninh trật tự là một trong những vấn đề được Người quan tâm nhất.

***Nhân dân có sức mạnh quyết định bảo vệ an ninh trật tự***

Hồ Chí Minh khẳng định sức mạnh vô địch của nhân dân trong bảo vệ an ninh trật tự, là yếu tố quyết định sự thắng bại của cuộc đấu tranh. Người tin tưởng sâu sắc, tìm mọi cách để phát huy sức mạnh đó và luôn luôn khuyên công an phải dựa vào sức mạnh to lớn của toàn dân.

Theo Người, sức mạnh của nhân dân, trước hết được quyết định bởi số lượng tuyệt đối đông. Người từng so sánh: "Công an có bao nhiêu người? Dù có vài ba nghìn hay năm bảy vạn đi nữa thì lực lượng ấy vẫn còn ít lắm bên cạnh lực lượng nhân dân. Năm vạn người thì chỉ có 5 vạn cặp mắt, 5 vạn đôi bàn tay. Phải làm sao có hàng chục triệu đôi bàn tay, hàng chục triệu cặp mắt và đôi tai mới được"(1).

Lực lượng đông đảo tuyệt đối đó lại được bố trí một cách tự nhiên ở khắp nơi. Tất cả những nơi mà tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật có thể xảy ra, nói chung đều có mặt nhân dân. Khi nhân dân được giáo dục, đề cao cảnh giác, tích cực và nhiệt tình đấu tranh bảo vệ an ninh, trật tự thì khó có một hành vi phạm tội nào có thể lọt qua được sự giám sát của toàn dân, "thì bọn gian phi, côn đồ sẽ lòi mặt ra và sẽ phải cải tà quy chính dưới lực lượng to lớn của quần chúng"(2).

Dưới chế độ ta, vượt lên trên số lượng đông tuyệt đối đó, sức mạnh của nhân dân còn thể hiện ở nội dung, chất lượng về tinh thần làm chủ, ý thức cảnh giác cách mạng của những chủ nhân đất nước, chủ thể của nền an ninh trật tự. Hồ Chí Minh ví yếu tố chất lượng này như một bức tường thành bao quanh Tổ quốc, như lưới trời lồng lộng "thiên la địa võng" không kẻ địch nào có thể trốn thoát. Theo Người, nguồn gốc để tạo nên sức mạnh đó là vì an ninh trật tự không những là vấn đề hệ trọng của đất nước mà còn là vấn đề liên quan trực tiếp, thường xuyên đến đời sống hằng ngày của mọi người dân. Nhân dân bảo vệ an ninh trật tự là bảo vệ cuộc sống của chính mình, có giữ được trật tự an ninh thì nhân dân mới an cư lạc nghiệp, đất nước mới ổn định, phát triển.

Hồ Chí Minh có cách nhìn biện chứng, toàn diện, tổng hợp về sức mạnh của nhân dân bảo vệ an ninh, trật tự. Đó là, nhân dân vừa đông về

---

* TS, Nguyên Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu chiến lược và Khoa học, Bộ Công an

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t 6, tr 366

(2) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 7, tr 363


Digitized by Google

số lượng, vừa mạnh về chất lượng, lại có thế bố trí chiến lược vững chắc. Lòng tin của Người vào sức mạnh nhân dân bảo vệ an ninh, trật tự có cơ sở khoa học chắc chắn. Nó đã được hun đúc tổng kết và kiểm nghiệm qua hoạt động thực tiễn vô cùng phong phú của cách mạng nước ta và của chính Người. Người thường xuyên giáo dục cán bộ, chiến sĩ công an, phải dựa vào sức mạnh của nhân dân, phải làm thế nào để được nhân dân giúp đỡ, ủng hộ. Nếu không như thế thì không thể hoàn thành được nhiệm vụ. Người luôn khẳng định, dưới chế độ ta, an ninh trật tự phục vụ lợi ích nhân dân và do nhân dân xây dựng, bảo vệ.

***Đại đoàn kết toàn dân bảo vệ an ninh, trật tự***

Nhân dân là một lực lượng đông đảo, nếu không được thức tỉnh, giác ngộ và không được tổ chức hợp lực với nhau thì không thể có sức mạnh. Người từng so sánh sức bền của từng chiếc đũa với sức bền của cả bó đũa để chứng minh cho sức mạnh đoàn kết. Người thường nói "đoàn kết thì sống, chia rẽ thì chết". Người tổng kết: "Sử ta dạy cho ta bài học này: Lúc nào dân tộc ta đoàn kết muôn người như một thì nước ta độc lập, tự do. Trái lại lúc nào dân ta không đoàn kết thì bị nước ngoài xâm lấn"(3).

Để phá tan âm mưu của chủ nghĩa đế quốc và các lực lượng phản động là "chia để trị", phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân, Hồ Chí Minh thường xuyên quan tâm chăm lo vun đắp tình đoàn kết giữa những người có đạo với người không theo đạo; giữa đồng bào theo các đạo khác nhau; giữa đồng bào các dân tộc, giữa miền ngược với miền xuôi; giữa công an với nhân dân và giữa quân đội với công an; giữa các lực lượng trong nước với các lực lượng ngoài nước... Trong đó, vấn đề dân tộc, vấn đề tôn giáo vì nhiều lý do, là những vấn đề nhạy cảm nhất trong cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh trật tự, nên được Người đặc biệt chú ý.

Ngay trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời ngày 3-9-1945, Hồ Chí Minh đã tuyên bố: "Thực dân và phong kiến thi hành chính sách chia rẽ đồng bào Giáo và đồng bào Lương để dễ thống trị. Tôi đề nghị Chính phủ ta tuyên bố: TÍN NGƯỠNG TỰ DO và Lương Giáo đoàn kết"(4). Giữa những ngày mới giành chính quyền, bộn bề công việc, Người đã dành thời gian đến dự bữa cơm chay do Cố vấn Vĩnh Thụy tổ chức tại chùa Quán Sứ (17-10-1945); về Phát Diệm thăm Giám mục Lê Hữu Từ và hơn 100 linh mục xứ Ninh Bình...

Từ chiến khu Việt Bắc, Người viết thư cho sư cụ chùa Ngũ Xã (Ba Đình, Hà Nội) khuyên cụ tản cư theo kháng chiến; chỉ trong năm 1947 đã 4 lần viết thư cho Giám mục Lê Hữu Từ trong đó có đoạn: "tôi kính chúc cụ mọi sự lành để phụng sự Đức Chúa và để lãnh đạo đồng bào công giáo tham gia kháng chiến"(5).

Để bảo đảm đoàn kết tôn giáo, Hồ Chí Minh chủ trương phải có chính sách rõ ràng, bảo đảm tự do tín ngưỡng, thực sự tôn trọng việc theo đạo hay không theo đạo của mỗi người dân, Chính phủ tạo điều kiện cho họ, miễn là không ảnh hưởng đến việc chung, không vi phạm pháp luật. Người luôn luôn tìm kiếm và phát huy tối đa sự tương đồng giữa các tôn giáo, khắc phục những khác biệt giữa vô thần và hữu thần, giữa Phật giáo và Công giáo. Nhận rõ vai trò, ảnh hưởng của hàng ngũ giáo sĩ chức sắc tôn giáo với đồng bào theo đạo, Hồ Chí Minh chú ý nâng đỡ họ về mọi mặt, ra sức thu phục, thuyết phục, tạo mọi điều kiện để họ cùng với dân tộc tham gia kháng chiến, kiến quốc. Đối với những người do bị địch lợi dụng hoặc do lầm đường lạc lối mà có hành động chống lại cách mạng, chống lại nhân dân, thái độ của Hồ Chí Minh hết sức bao dung, độ lượng, tạo mọi điều kiện cho họ quay trở về trong lòng dân tộc.

Hồ Chí Minh cho rằng: Sở dĩ bọn quấy rối, phản động có thể lợi dụng được một số người, một mặt, do đồng bào tôn giáo có người nhẹ dạ cả tin,

---

(3) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 3, tr 217

(4) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 4, tr 9

(5) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 5, tr 312


Digitized by Google

mặt khác, cán bộ cơ sở có người không khéo. Để tránh thiếu sót đó, theo Người, ta vừa phải giải thích cho đồng bào có đạo hiểu rõ, vừa phải hướng dẫn cán bộ cơ sở khôn khéo làm đúng chính sách của Đảng và Nhà nước về tôn giáo. Người cũng luôn luôn nhắc nhở bà con theo đạo phải nâng cao cảnh giác trước âm mưu chia rẽ của kẻ địch. Người từng nói: Còn việc đạo, việc kính lễ, Chính phủ để các cụ tự do, miễn là đừng làm gì trái pháp luật, trở ngại cho việc chung. Như vậy, bọn phản động không thể chia rẽ được mà đồng bào lương giáo càng đoàn kết chặt chẽ hơn. Để đoàn kết vững chắc đồng bào các tôn giáo, ổn định lâu dài an ninh, trật tự vùng giáo, không để xảy ra những vụ việc tương tự, Người cho rằng: phải tạo ra được lực lượng tiến bộ trong các tôn giáo; đồng thời, chống lại hoạt động phản động lợi dụng tôn giáo, cô lập bọn phản động, làm thất bại mọi hoạt động của bọn tay sai đế quốc; phải làm cho giáo hội Việt Nam ngày càng tiến bộ hơn, có tinh thần dân tộc, yêu nước, yêu hòa bình và đoàn kết dân tộc.

Cùng với việc đoàn kết đồng bào theo đạo, Hồ Chí Minh rất chú trọng đoàn kết đồng bào các dân tộc. Sau khi tuyên bố độc lập 3 tháng, ngày 3-12-1945, Người đã chỉ đạo tổ chức long trọng Hội nghị Đại biểu của hơn 20 dân tộc thiểu số tại Thủ đô Hà Nội. Người đã đến khai mạc và phát biểu căn dặn các đại biểu. Sau đó, ngày 14-4-1946, Người chủ trì phiên họp Chính phủ bàn việc lập Nha Dân tộc thiểu số - một cơ quan chuyên chăm lo vấn đề đoàn kết, phát triển, bình đẳng đối với các dân tộc thiểu số. Cùng thời gian này, khi biết tin khai mạc Đại hội các dân tộc thiểu số miền Nam tại Tây Nguyên, Người đã gửi bức thư tâm huyết nêu rõ "Sông có thể cạn, núi có thể mòn, nhưng lòng đoàn kết của chúng ta không bao giờ giảm bớt"(6). Phấn đấu để cho "miền núi tiến kịp miền xuôi", để cho các dân tộc sống bình đẳng hòa hợp trong đại gia đình dân tộc Việt Nam, cho một Việt Nam thống nhất gồm ba miền Bắc - Trung - Nam "như anh em ruột thịt.." là mục tiêu, hoài bão suốt đời của Hồ Chí Minh.

Để đoàn kết với tầng lớp trí thức, văn nghệ sĩ, Hồ Chí Minh thực hiện chính sách thu hút nhân tài, thực sự quý trọng nhân tài; đặt họ vào giữa lòng dân tộc, không để địch chia rẽ, lôi kéo họ; tôi luyện họ thành những chiến sĩ cách mạng trung thành. Mọi người đều biết, Hồ Chí Minh đã quý trọng và thân thiện như thế nào đối với các nhà khoa học thuộc lớp đầu đàn, những người đầu tiên đặt nền móng cho nền khoa học của nước nhà phục vụ kháng chiến kiến quốc. Đó là những người mà tên tuổi họ đã trở nên quen thuộc như: Tạ Quang Bửu, Trần Đại Nghĩa, Tôn Thất Tùng, Lê Văn Thiêm, Ngụy Như Kon Tum, Phạm Ngọc Thạch... và rất nhiều người khác. Những bậc trí thức đầu đàn này vốn được đào tạo ở nước ngoài, có lòng yêu nước, được Hồ Chí Minh dìu dắt và trọng dụng, đã trở thành những cán bộ cách mạng xuất sắc, tận tụy, tin cẩn. Họ là những tấm gương về người trí thức của nước Việt Nam mới, trung thành, tận tụy với sự nghiệp kháng chiến kiến quốc, không một âm mưu thủ đoạn nào của bọn đế quốc, phản động có thể lôi kéo, chia rẽ khiến họ ly khai.

Trong thực tế, có những cá nhân hoặc nhóm trí thức, văn nghệ sĩ, thậm chí cả trong quan lại cũ chưa hoàn toàn tán thành chủ nghĩa cộng sản, nhưng có nhân cách, có tấm lòng yêu nước, Hồ Chí Minh sẵn sàng bắt tay hợp tác chân thành với họ vì việc đại nghĩa. Mối quan hệ thân thiết, gần gũi giữa Hồ Chí Minh với các cụ Bùi Bằng Đoàn, Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn Văn Tố, Phan Kế Toại, linh mục Nguyễn Bá Tòng... là những mẫu mực ít có về những quan hệ dựa trên cơ sở chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa nhân văn.

Trong đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, người trong tầng lớp trên các dân tộc miền núi, những chức sắc tôn giáo, những quan lại cũ... cũng có người, có lúc phạm sai lầm khuyết điểm, có lúc lầm đường. Quan điểm của Hồ Chí Minh đối với những trường hợp này là ra sức thu phục nhân tâm, "làm cho phần thiện trong người họ lớn lên,

(6) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 4, tr 217


Digitized by Google

phần ác mất dần" để họ trở về với cách mạng, không bao giờ Người có bất kỳ một cử chỉ nào khiến họ xa cách hơn với cách mạng. Năm 1946, thông tư cho Ủy ban Trung bộ về những điều cần chú ý khi giải quyết các trường hợp quan lại cũ đã đàn áp phong trào cách mạng trước đây, Người dặn: Nếu không thấy dân oán hờn họ thì cứ để họ sống yên ổn, vì Chính phủ muốn để cho họ có cơ hội được giác ngộ, khiến họ tự tham gia phong trào kháng chiến kiến quốc một cách thành thực và mong chuộc lại lỗi lầm.

Ngay đối với những kẻ ngoan cố dấn thân vào con đường phản dân hại nước, Hồ Chí Minh cũng thực tâm thu phục đến cùng, lôi cuốn họ đến cùng, với tinh thần "thà rằng họ phụ cách mạng, chứ cách mạng không bao giờ phụ ai". Tha chết cho Ngô Đình Diệm, tranh thủ, thuyết phục đến cùng Lê Hữu Từ, thành tâm hợp tác đến giờ chót với Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Tường Tam. Bọn họ sau này khi đã đứng bên kia chiến tuyến chống lại cách mạng, chống lại nhân dân... cũng không hề dám có một lời nào xúc phạm đến Hồ Chí Minh.

***Tổ chức đảng, chính quyền và đoàn thể các cấp phải vận động, tổ chức và tạo điều kiện cho nhân dân tham gia bảo vệ an ninh, trật tự***

Mục đích của việc tuyên truyền giáo dục là "làm cho mỗi người dân hiểu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, thì sẽ có hàng triệu người làm tai, làm mắt giúp công an", làm sao để "tất cả công nhân và nông dân phải tỉnh táo, phải lấy mình làm bức tường để bảo vệ chính quyền công nông", "làm cho mọi người hiểu rõ phòng gian là nhiệm vụ chung của công dân, là một việc ái quốc".

Nội dung tuyên truyền giáo dục bảo vệ an ninh, trật tự bao gồm nhiều vấn đề, nhưng chung quy lại là cốt làm sao cho nhân dân hiểu rằng "công việc giữ gìn an ninh, trật tự là của họ" và do đó, để họ "nhiệt tình tự nguyện giúp đỡ công an"; làm sao cho họ biết cách cùng với cơ quan công an giữ an ninh, trật tự, "nói cho địch là phải nói dối, nói cho ta thì nói thật", biết cách "giấu địch" và biết cách "bảo vệ ta". Người từng nhắc nhở chúng ta việc lựa chọn nội dung tuyên truyền giáo dục, việc đề ra nhiệm vụ nhân dân bảo vệ an ninh, trật tự phải phù hợp với trình độ và sức lực của nhân dân ở từng miền, vùng, có thế nhân dân mới hiểu và làm được, mới phát huy được óc sáng kiến, tài sáng tạo.

Đồng thời với việc vận động, tuyên truyền, giáo dục, để phát huy sức mạnh nhân dân, Hồ Chí Minh và Đảng ta đặc biệt coi trọng việc tổ chức, tạo điều kiện đưa nhân dân trực tiếp tham gia bảo vệ an ninh trật tự. Sức mạnh nhân dân là sức mạnh của sự đoàn kết, có tổ chức, có lãnh đạo. Kinh nghiệm mấy chục năm qua đã chứng tỏ rằng, càng sáng tạo được nhiều hình thức thích hợp để động viên lôi cuốn nhân dân, nhằm thông qua đó, nhân dân phát huy vai trò làm chủ của mình, thì càng huy động tốt lực lượng to lớn của nhân dân. Nhân dân phải trở thành chủ nhân thực sự, tự giác, tự nguyện bảo vệ an ninh, trật tự.

Phải làm cho mọi người thấy rằng an ninh, trật tự trực tiếp quan hệ đến đời sống thường nhật của họ. Họ là người chủ và phải phát huy vai trò của người chủ. Ai ai trên cương vị của mình cũng phải tự giác giữ gìn an ninh, trật tự. Mọi người công dân bất kỳ già trẻ gái trai, làm bất kỳ việc gì đều có nhiệm vụ giúp chính quyền giữ gìn trật tự an ninh, vì trật tự an ninh trực tiếp quan hệ đến lợi ích bản thân của mọi người.

Từ khẩu hiệu "Ba không" được Người đưa ra ở Pắc Bó khi mới về nước hoạt động, nhằm giữ bí mật đã trở thành "Phong trào ba không" trong kháng chiến chống Pháp. Tư tưởng của Người đã trở thành một mẫu mực của nghệ thuật vận động nhân dân bảo vệ an ninh, trật tự. Rút kinh nghiệm từ phong trào "Ba không", Đảng ta tiếp tục phát động phong trào, "Bảo mật phòng gian", "Bảo vệ trị an", "Bảo vệ an ninh Tổ quốc". Hồ Chí Minh trở thành người khởi nguồn và nuôi dưỡng các phong trào quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự.

Từ thực tiễn tổ chức vận động nhân dân bảo vệ an ninh, trật tự, Bộ Chính trị, khóa III, đã ra Nghị quyết số 39 NQ/TƯ, ngày 20-1-1962, *Về tăng cường đấu tranh chống bọn phản cách mạng để phục vụ tốt công cuộc xây dựng chủ nghĩa*


Digitized by Google

*xã hội ở miền Bắc và đấu tranh nhằm thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà*. Nghị quyết nêu rõ: Hình thức thích hợp nhất và phổ biến nhất là tiến hành tuyên truyền, giáo dục sâu rộng về tinh thần yêu nước và ý thức cảnh giác cách mạng để phát huy khí thế cách mạng của quần chúng, động viên quần chúng tích cực tham gia đấu tranh trấn áp bọn phản cách mạng, giữ gìn trật tự trị an. Kết quả của các cuộc vận động trong phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc mấy chục năm qua càng chứng minh sự đúng đắn của kết luận trên.

***Công an phải dựa vào nhân dân, nhân dân phải giúp đỡ công an, tạo thành mạng lưới công an - nhân dân***

Đây là một nội dung quan trọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh đối với công an nhân dân. Tại sao công an lại phải dựa vào dân? Người giải thích: Chính quyền ta là chính quyền dân chủ, từ việc to đến việc nhỏ đều phải dựa vào dân, việc giữ gìn an ninh, trật tự là việc của công an, của quân đội, nhưng đồng thời cũng là nhiệm vụ của toàn dân. Vì thế, nhân dân có trách nhiệm phải giúp đỡ công an trong mọi công việc phòng gian, trừ gian. Thực hiện được sự kết hợp hai chiều ấy, tức ta có "mạng lưới công an - nhân dân". Người viết: Phải dựa vào dân, không được xa rời dân. Nếu không thế thì sẽ thất bại. Khi dân giúp đỡ ta nhiều thì thành công nhiều, giúp đỡ ta ít thì thành công ít, giúp đỡ ta hoàn toàn thì thắng lợi hoàn toàn.

Trên tất cả các mặt hoạt động để bảo vệ an ninh, trật tự, công an đều phải dựa vào dân, không dựa được vào dân, không được dân giúp đỡ thì nhất định thất bại. Ngay trong hoạt động tình báo - là một hoạt động nghiệp vụ có tính chất chuyên biệt - cũng phải dựa vào dân. Người tình báo hoạt động đơn độc trong lòng địch, trên đất đối phương, phải sắm những vai khác với con người thật của họ, tiếp xúc với nhiều loại người, càng phải dựa vào dân. Người từng nói: Tình báo cũng như mọi việc khác, phải dựa vào dân. Tai mắt của người tình báo có hạn, nhân dân có hàng chục triệu tai mắt, việc gì họ cũng có thể nghe, có thể thấy, có thể biết. Vì vậy, người tình báo phải cố gắng làm thế nào cho dân giúp sức, thì sẽ thành công to.

Nói đến kỹ thuật trong công tác công an, Người cho rằng: Vấn đề kỹ thuật trong công tác công an cũng cần, nhưng vấn đề quan trọng nhất là giáo dục tuyên truyền cho dân... làm thế nào giúp công an phát hiện địch và không cho địch biết những điều của ta... vấn đề dựa vào dân, công an phải có thiên la địa võng như trong chiến tranh du kích có thiên la địa võng về quân sự... Hồ Chí Minh giải thích rằng, địch không phải tài tình gì, nó phá được ta vì ta sơ hở, chủ quan. Nếu công an ta biết giữ gìn, và biết dựa vào nhân dân, làm cho nhân dân cũng biết giữ gìn không để sơ hở thì nhất định địch không làm gì được.

Để dựa được vào dân và được dân giúp đỡ, theo Người, cán bộ, chiến sĩ công an "phải được lòng dân". Người nói: Ta được lòng dân, ta không sợ gì cả. Nếu không được lòng dân thì không thể làm tốt công tác. Làm thế nào để được lòng dân? Người cho rằng, phải thực sự giúp đỡ nhân dân trong mọi công việc; "phải khéo", khéo đây không phải là cái lối khéo bề ngoài, mà khéo có nghĩa là phải thực sự trung thành, tôn kính, thương yêu dân, làm công an thì phải làm cho dân tin, dân yêu, dân ủng hộ. Người giải thích thêm: Nếu trong công tác, các cô, các chú được dân ủng hộ, làm cho dân tin, dân phục, dân yêu thì nhất định các cô, các chú thành công. Muốn được như vậy cũng phải trau dồi đạo đức cách mạng, cũng phải chống chủ nghĩa cá nhân. Không được xa rời dân; quan liêu cách bức dân, xa rời dân thì việc giữ gìn an ninh, trật tự không thể thành công, thậm chí thất bại.

Để dựa được vào dân, để tạo điều kiện cho dân có thể giúp đỡ công an có hiệu quả, cán bộ, chiến sĩ công an phải luôn luôn tìm cách giúp đỡ, tuyên truyền, giáo dục nhân dân; làm cho mỗi người dân trên vị trí của mình, trở thành "tai", "mắt" của công an, trở thành "người công tác của công an". Làm được như vậy là có "mạng lưới công an - nhân dân".❑


Digitized by Google

# Một số vấn đề VỀ NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN Ở NƯỚC TA

NGUYỄN VĂN HIỆN *

QUA mấy chục năm xây dựng và đổi mới phương thức tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ (1994), Đảng ta đã xác định nhiệm vụ và phương hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Đây là nhiệm vụ lớn lao của Đảng và của toàn dân tộc, cho nên Đảng ta luôn quan tâm chỉ đạo thực hiện và cụ thể hóa trong các văn kiện của Đảng như: Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8, khóa VII, năm 1995; Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, v.v..

Để góp phần nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong những năm qua, chúng tôi xin đề cập, trao đổi, làm sáng tỏ thêm một số vấn đề.

***I - Về khái niệm nhà nước pháp quyền***

Trong việc nghiên cứu về nhà nước và pháp luật, vấn đề nhà nước pháp quyền trở thành mối quan tâm đặc biệt của nhiều tác giả là những người làm công tác thực tiễn cũng như nghiên cứu khoa học pháp lý hiện nay ở trong nước cũng như ở ngoài nước. Do cách tiếp cận vấn đề hoặc nhận định đánh giá vấn đề ở góc độ khác nhau, một số vấn đề rất cơ bản liên quan đến nhà nước pháp quyền vẫn chưa có nhận thức thống nhất hoặc chưa được làm sáng tỏ. Tuy nhiên, hầu hết các tác giả đều thống nhất cho rằng: dưới góc độ chính trị - xã hội và phân tầng giai cấp xã hội, nhà nước pháp quyền không phải là một kiểu nhà nước mới, thoát ly các kiểu nhà nước mà lịch sử nhân loại đã chứng kiến là: Nhà nước chủ nô, nhà nước phong kiến, nhà nước tư sản và nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Vậy, nhà nước pháp quyền là kiểu nhà nước gì? Chúng ta có thể khẳng định rằng, nhà nước pháp quyền không phải là một kiểu nhà nước độc lập với các kiểu nhà nước nói trên và nó cũng không phải là nhà nước kiểu mới không mang tính giai cấp trong thời đại công nghiệp hiện nay như một số học giả tư sản đã từng tuyên bố.

Qua thực tiễn tồn tại và phát triển của lịch sử nhân loại, qua nghiên cứu các quan điểm tư tưởng về tổ chức, xây dựng và vận hành của bộ máy nhà nước qua các thời kỳ lịch sử, chúng tôi cho rằng, khái niệm nhà nước pháp quyền đề cập đến phương thức tổ chức, xây dựng và vận hành bộ máy nhà nước nói chung thông qua hệ thống pháp luật, như hiến pháp, luật và các văn bản pháp quy khác. Nói cách khác, nhà nước pháp quyền là nhà nước được xem xét dưới góc độ pháp luật, trong đó tính tối cao của pháp luật được tôn trọng, các tư tưởng và hành vi

* TS. Ủy viên Trung ương Đảng, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao

chính trị, tôn giáo... của bất cứ tổ chức hoặc cá nhân nào cũng được giới hạn bởi khuôn khổ pháp luật và chịu sự điều chỉnh của pháp luật.

Với cách tiếp cận này, chúng ta có thể thấy, tư tưởng về xây dựng nhà nước pháp quyền đã có từ rất lâu trong lịch sử nhân loại và tương ứng với mỗi kiểu nhà nước (chủ nô, phong kiến, tư sản, xã hội chủ nghĩa) đều có một hệ thống pháp luật tương ứng và đạt mức độ phát triển khác nhau. Tuy nhiên, chúng tôi cũng không thống nhất với quan điểm cho rằng, "bất cứ nhà nước nào có hiến pháp, luật và các văn bản quy phạm khác nhau đều coi là nhà nước pháp quyền" mà cần xác định rằng, tư tưởng về nhà nước pháp quyền phát triển không ngừng, là thành quả của nhân loại, nó hình thành và phát triển cùng với sự tiến bộ xã hội và cho đến nay đã được thế giới thừa nhận về mặt lý luận như một học thuyết về nhà nước pháp quyền. Tại Hội nghị quốc tế về nhà nước pháp quyền được tổ chức tại Bê-nanh, năm 1992, các luật gia đã đưa ra nhiều khái niệm, tiêu chí về một nhà nước pháp quyền và được đông đảo dư luận quốc tế đồng tình, bao gồm: sự thừa nhận tính tối cao của pháp luật; việc xác định quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trong bộ máy quyền lực nhà nước; việc tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của con người, tôn trọng pháp luật quốc tế v.v.. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng, vấn đề nhà nước pháp quyền đề cập đến phương thức tổ chức, xây dựng và vận hành bộ máy nhà nước dưới góc độ pháp luật, mà pháp luật thì bao giờ cũng mang tính giai cấp và tính đặc thù của mỗi nhà nước, mỗi dân tộc; do đó, phương thức tổ chức xây dựng và vận hành của nhà nước pháp quyền sẽ thể hiện cụ thể khác nhau về bản chất chế độ chính trị, hệ thống quan điểm, mục đích nhiệm vụ của từng thời kỳ phát triển hoặc điều kiện cụ thể của mỗi nước, chứ không có mô hình, tiêu chí về nhà nước pháp quyền đồng nhất cho tất cả các nước khác nhau.

Qua nghiên cứu sự hình thành, phát triển và các quan điểm lý luận về nhà nước pháp quyền hiện nay, chúng ta có thể xác định, nhà nước pháp quyền là nhà nước trong đó phương thức tổ chức, xây dựng và vận hành bộ máy nhà nước do pháp luật quy định và thừa nhận tính tối cao của pháp luật; bao hàm việc xác định rõ ràng quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp, với hệ thống pháp luật đầy đủ, rõ ràng, minh bạch, thể hiện ý chí và nguyện vọng của nhân dân để điều chỉnh những quan hệ pháp luật phát sinh trong xã hội, nhất là việc bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cơ bản của công dân (hoặc con người nói chung).

Từ đó, chúng ta có thể rút ra bốn tiêu chí chung của nhà nước pháp quyền như sau:

- Phương thức tổ chức, xây dựng và vận hành bộ máy nhà nước phải do pháp luật quy định;

- Nhà nước và công dân phải thừa nhận tính tối cao của pháp luật (đảng phái, tổ chức, tôn giáo... phải được tổ chức và hoạt động trong khuôn khổ của pháp luật);

- Quyền lực nhà nước được xác định gồm: quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp;

- Có hệ thống pháp luật đầy đủ, rõ ràng, minh bạch, thể hiện ý chí và nguyện vọng của nhân dân để điều chỉnh những quan hệ pháp luật phát sinh trong xã hội; đặc biệt là bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cơ bản của công dân (hoặc con người nói chung).

### *II - Sự khác nhau giữa Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và Nhà nước pháp quyền tư sản*

Trên cơ sở các tiêu chí chung về nhà nước pháp quyền, chúng ta có thể nhận thấy tương đối rõ ràng sự khác nhau giữa Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa với Nhà nước pháp quyền tư sản.

1 - Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và Nhà nước pháp quyền tư sản đều phải thừa nhận phương thức tổ chức, xây dựng và vận hành bộ máy nhà nước do pháp luật quy định. Tuy nhiên, bản chất và nội dung pháp luật về tổ chức, xây dựng và vận hành bộ máy của hai


Digitized by Google

nhà nước đó có nhiều điểm khác nhau rất cơ bản. Rõ nhất là, sự khác nhau trong các quy phạm của hiến pháp và pháp luật về tổ chức, cơ cấu nhân sự và việc xây dựng, vận hành của bộ máy quyền lực như: Quốc hội và Nghị viện; Tổng thống và Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án, Tòa án Hiến pháp, v.v.. Pháp luật trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thừa nhận tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, do nhân dân bầu ra các cơ quan quyền lực (Quốc hội, Chính phủ...) và chỉ có nhân dân trực tiếp hoặc thông qua các đại biểu của mình là chủ thể duy nhất có quyền tuyên bố chấm dứt hoạt động của Quốc hội, Chính phủ hoặc tổ chức ra Quốc hội và Chính phủ nhiệm kỳ mới. Trong khi đó, Hiến pháp và pháp luật tư sản lại thừa nhận quyền lực của cá nhân Tổng thống hoặc cá nhân Thủ tướng có quyền giải tán Nghị viện (Quốc hội) hoặc giải tán Chính phủ...

2 - Trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nhà nước và công dân đều phải thừa nhận tính tối cao của pháp luật, vì pháp luật xã hội chủ nghĩa thể hiện ý chí và nguyện vọng của toàn thể nhân dân. Trong Nhà nước pháp quyền tư sản, nhà nước và công dân cũng phải thừa nhận tính tối cao của pháp luật, nhưng pháp luật tư sản không phải là pháp luật của toàn dân, không thể hiện đầy đủ ý chí, nguyện vọng của toàn dân mà chỉ phản ánh ý chí, nguyện vọng của một bộ phận nhân dân, đó là những người giàu, là giai cấp tư sản. Nói cách khác, luật pháp của Nhà nước pháp quyền tư sản chỉ bảo vệ lợi ích của giai cấp tư sản và gạt ra ngoài lề quyền lợi của người lao động - những người bị áp bức bóc lột. Đây là nội dung khác biệt cơ bản nhất giữa Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và Nhà nước pháp quyền tư sản.

3 - Nhà nước pháp quyền tư sản coi thuyết "tam quyền phân lập" là học thuyết cơ bản trong việc thực hiện quyền lực nhà nước, các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp hoàn toàn độc lập với nhau trong việc thực hiện ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa không thừa nhận việc phân chia quyền lực mà coi quyền lực nhà nước là thống nhất và thuộc về nhân dân; trong đó, có sự phân công, phối hợp, để thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp nhằm bảo đảm cho quyền lực nhà nước thống nhất, được thực hiện với hiệu quả cao nhất.

4 - Về hệ thống pháp luật của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và Nhà nước pháp quyền tư sản cũng có nhiều điểm khác nhau. Bên cạnh sự khác nhau về tính giai cấp, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa chỉ công nhận các quy phạm pháp luật khi nó được xác lập và thông qua theo một trình tự và thủ tục nhất định; trong khi đó, Nhà nước pháp quyền tư sản thường coi "án lệ" hoặc "tập quán" như một loại quy phạm pháp luật "bất thành văn".

***III - Đặc điểm của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn hiện nay***

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngoài việc bảo đảm các tiêu chí của nhà nước pháp quyền nói chung, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nói riêng, còn có một số đặc điểm sau:

1 - Về quá trình hình thành và phát triển, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam được hình thành và phát triển trên cơ sở đánh đổ chế độ phong kiến, thực dân, không kinh qua giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản. Đây là đặc điểm lịch sử rất quan trọng cho chúng ta thấy rõ điểm xuất phát của quá trình xây dựng nhà nước cùng với những khó khăn, yếu kém của hạ tầng cơ sở và thượng tầng kiến trúc xã hội. Qua mấy chục năm phấn đấu, xây dựng và đổi mới phương thức tổ chức và hoạt động, đến Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (1994), lần đầu tiên trong văn bản chính thức của Đảng, chúng ta mới xác định việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

2 - Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Đây là đặc điểm rất quan trọng mà nhà nước pháp quyền tư sản không thể có được. Thực chất đặc điểm này của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhằm bảo đảm tính giai cấp, tính nhân dân của Nhà nước ta. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân và do nhân dân định đoạt, nhân dân quyết định phương thức tổ chức, xây dựng và vận hành của bộ máy quyền lực nhà nước nhằm đáp ứng ngày càng cao lợi ích của nhân dân và của toàn bộ dân tộc. Đây còn là sự thể hiện về tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa so với các chế độ khác.

3 - Trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan chức năng của nhà nước để thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Đây là phương thức tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước rất mới mẻ, chúng ta phải lấy hiệu quả thực tiễn để kiểm nghiệm. Về nguyên tắc, chúng ta không thừa nhận học thuyết "tam quyền phân lập" vì nó máy móc, khô cứng theo kiểu các quyền hoàn toàn độc lập, không có sự phối hợp, thậm chí đi đến đối lập, hạn chế sức mạnh của cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp. Tuy nhiên, chúng ta cũng không thể trở lại với nguyên tắc tập quyền, tức là tập trung toàn bộ quyền lực cao nhất của nhà nước lập pháp, hành pháp và tư pháp cho một cá nhân, hoặc một cơ quan tổ chức nhà nước. Bởi vì, làm như vậy là đi ngược lại lịch sử tiến bộ của nhân loại.

Vấn đề đặt ra yêu cầu chúng ta phải nghiên cứu giải quyết đó là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải có sự phân công, phân định thẩm quyền cho rõ ràng, minh bạch để thực hiện có hiệu quả với chất lượng cao ba quyền, tránh tình trạng chồng chéo, tùy tiện, lạm quyền...

Theo Hiến pháp và pháp luật, Quốc hội là cơ quan duy nhất được giao thực hiện thẩm quyền lập pháp, bên cạnh đó Quốc hội còn được giao thực hiện 13 nhiệm vụ nữa (xem Điều 2 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2001); Chính phủ được phân công thực hiện thẩm quyền hành pháp; Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao được phân công thực hiện thẩm quyền tư pháp. Như vậy, Chính phủ, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao không phải là cơ quan được giao nhiệm vụ lập pháp, nhưng hiện nay Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân lại quy định các cơ quan đó trình các dự án luật, pháp lệnh trước Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Có ý kiến cho rằng, không nên giao cho Chính phủ, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân tối cao chủ trì soạn thảo và trình Quốc hội các dự án luật, pháp lệnh, vì đây là thẩm quyền của Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội; hơn nữa, khái niệm lập pháp phải bao hàm toàn bộ nội dung của quá trình soạn thảo dự án luật, thông qua và ban hành luật, có như vậy mới bảo đảm tính khách quan toàn diện và chất lượng văn bản pháp luật.

4 - Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Một trong số những nội dung cơ bản nhất của nguyên tắc tập trung dân chủ là thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên. Tập trung dân chủ được thể hiện trong quá trình tổ chức và xây dựng bộ máy quyền lực nhà nước. Tuy nhiên, khi áp dụng nguyên tắc này cần cân nhắc, xem xét các điều kiện cần và đủ để phát huy tác dụng, hiệu quả tích cực của nguyên tắc này; đặc biệt phải lưu ý đến quyền hạn và trách nhiệm cá nhân trong việc thực hiện công vụ của bộ máy công quyền hiện nay.

*(Xem tiếp trang 29)*


Digitized by Google

# Góp phần tìm hiểu kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

BÙI NGỌC CHƯỞNG* - MAI TRUNG HẬU**

**1- Về các khái niệm thị trường, kinh tế thị trường, cơ chế thị trường.** Thị trường là lĩnh vực trao đổi hàng hóa, đồng thời là một trong những hình thức biểu hiện quan hệ sản xuất của những người sản xuất hàng hóa, nên thị trường hoàn toàn có thể mang bản chất xã hội - kinh tế khác nhau, phụ thuộc vào tính chất của quan hệ sản xuất, trước hết vào chế độ sở hữu thống trị trong từng chế độ xã hội cụ thể.

Kinh tế thị trường (thực chất là tên gọi khác của kinh tế hàng hóa) là nền kinh tế dựa vào thị trường để vận động và phát triển. Từ thế kỷ XIX Ph. Ăng-ghen đã dùng phạm trù "kinh tế tiền tệ" để đối lập với kinh tế tự nhiên. Người viết: "Chính từ đó mà nền kinh tế tiền tệ, đang phát triển, đã thâm nhập, giống như một chất a-xít ăn mòn, vào lối sống cổ truyền của các cộng đồng nông thôn, dựa trên cơ sở nền kinh tế tự nhiên" (1). V.I. Lê-nin cũng dùng phạm trù kinh tế tiền tệ để nói về một trong hai đặc trưng cơ bản của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa "một là, chế độ đó dựa vào kinh tế tiền tệ, hai là,... dựa trên cơ sở mua và bán sức lao động" (2). Như vậy, *kinh tế thị trường hay kinh tế tiền tệ là phương thức kinh tế đối lập với kinh tế tự nhiên, trong đó các sản phẩm xã hội được trao đổi thông qua vật trung gian là tiền tệ.* Nó là một hệ thống kinh tế tồn tại khách quan trên một trình độ phát triển tương ứng của lực lượng sản xuất và trở thành một bộ phận quan trọng của quan hệ sản xuất tương ứng. Nó không phải là một kiểu tổ chức kinh tế do con người tạo ra bằng ý chí chủ quan của mình, mà hình thành một cách khách quan.

Cơ chế thị trường, hay cơ chế kinh tế thị trường không đồng nhất với kinh tế thị trường. Cơ chế kinh tế thị trường hay cơ chế thị trường là guồng máy vận hành của nền kinh tế thị trường. Cơ chế thị trường tuy phụ thuộc vào tính chất và yêu cầu khách quan của kinh tế thị trường, song nó bị chi phối bởi yếu tố chủ quan, do con người thiết lập nên trên cơ sở nắm bắt các quy luật phát triển khách quan. Nó phản ánh sự vận dụng của con người bằng việc tổ chức ra guồng máy kinh tế "tự do" hay có điều tiết của nhà nước theo yêu cầu vận động khách quan của nền kinh tế thị trường trong các giai đoạn phát triển khác nhau. Cơ chế thị trường vận động có sự tham gia của nhiều yếu tố, trong đó nổi bật nhất là quan hệ thị trường cung - cầu và giá cả. Bản chất sâu xa của cơ chế thị trường là cơ chế vận hành theo sự chi phối của quy luật

* GS, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

** PGS, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

(1) C. Mác - Ph. Ăng-ghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t 21, tr 168

(2) Xem: V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1976, t 3, tr 737

giá trị. Tuy vậy, trong một nền kinh tế hàng hóa cụ thể, sự vận động chung còn tùy thuộc vào chế độ sở hữu thống trị, chịu sự tác động qua lại với các quy luật kinh tế đặc thù của phương thức sản xuất chủ đạo, hơn nữa còn chịu sự chi phối của quy luật kinh tế chủ đạo trong phương thức sản xuất đó.

**2- Kinh tế thị trường không phải chỉ là sản phẩm của chế độ tư hữu.** Trước đây, người ta vẫn nghĩ rằng kinh tế hàng hóa chỉ phát sinh và tồn tại trong điều kiện có sự phân công lao động xã hội và chế độ tư hữu. Nhưng nguyên nhân hình thành hàng hóa và trao đổi hàng hóa trong buổi đầu của lịch sử ra đời của nó lại chính là sở hữu công cộng tồn tại riêng rẽ nhau giữa các cộng đồng nguyên thủy khi đã có sự phân công, "chuyên môn hóa" sản xuất giữa các cộng đồng đó. C. Mác viết: "... sự trao đổi các sản phẩm phát sinh ở những điểm tiếp xúc giữa các gia tộc, thị tộc, cộng đồng khác nhau, vì ở thời kỳ đầu của nền văn minh thì không phải là những cá nhân riêng biệt, mà là các gia tộc, thị tộc, v.v.. mới tiếp xúc với nhau như những đơn vị độc lập"(3) và "... sự chuyển hóa sản phẩm thành hàng hóa là kết quả của sự trao đổi giữa các công xã khác nhau, chứ không phải giữa những thành viên của cùng một công xã"(4).

Ph. Ăng-ghen cũng viết: "Những bộ lạc du mục tách rời khỏi bộ phận còn lại của người dã man: đó là *sự phân công xã hội lớn đầu tiên*... Vì vậy mà lần đầu tiên, đã có thể có sự trao đổi đều đặn. Ở các giai đoạn phát triển trước đây, chỉ có thể có những sự trao đổi ngẫu nhiên mà thôi; "..." Lúc đầu, sự trao đổi được tiến hành giữa các bộ lạc thông qua những tù trưởng thị tộc của mỗi bên; nhưng khi những đàn gia súc bắt đầu chuyển thành sở hữu riêng, thì sự trao đổi giữa cá nhân với nhau ngày càng chiếm ưu thế và cuối cùng trở thành hình thức trao đổi duy nhất. Nhưng vật phẩm chủ yếu mà các bộ lạc du mục trao đổi với những bộ lạc lân cận, là gia súc; gia súc đã trở thành hàng hóa dùng để đánh giá tất cả các hàng hóa khác... - tóm lại, gia súc đã nhận được chức năng tiền tệ..."(5), "... *sự phân công lớn lần thứ hai* đã diễn ra: thủ công nghiệp đã tách khỏi nông nghiệp... Vì nền sản xuất bị tách ra thành hai ngành chính, nông nghiệp và thủ công nghiệp, nên đã ra đời nền sản xuất trực tiếp nhằm trao đổi, - đó là nền sản xuất hàng hóa. Sản xuất hàng hóa xuất hiện thì đồng thời thương nghiệp cũng xuất hiện, không những trong nội bộ và ở biên giới của bộ lạc, mà cả với những nước ở hải ngoại nữa. Tuy nhiên, tất cả tình hình đó vẫn còn ở hình thái chưa phát triển; những kim loại quý bắt đầu trở thành thứ hàng hóa - tiền tệ phổ biến và chiếm ưu thế, nhưng người ta chưa đem đúc thành tiền, mà chỉ đem trao đổi theo trọng lượng"(6). Cũng theo Ph. Ăng-ghen: "Thời đại văn minh đã củng cố và phát triển tất cả những sự phân công đã có... và thời đại văn minh còn bổ sung vào đó một sự phân công thứ ba, một sự phân công chỉ đặc trưng cho nó, có một ý nghĩa quyết định: sự phân công này sản sinh ra một giai cấp không còn tham gia sản xuất nữa, mà chỉ làm công việc trao đổi sản phẩm, đó là những *thương nhân*"(7).

Những ý kiến nêu trên của C. Mác và Ph. Ăng-ghen, cho phép chúng ta khẳng định rằng: *Kinh tế thị trường (kinh tế hàng hóa) không chỉ gắn với chế độ sở hữu tư nhân mà còn gắn với chế độ sở hữu công cộng thuộc các cộng đồng khác nhau như đã từng diễn ra trong lịch sử.*

**3- Kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa có nguồn gốc lịch sử** từ nền kinh tế hàng hóa

---

(3) C. Mác - Ph. Ăng-ghen: *Sđd*, 1993, t 23, tr 510-511

(4) C. Mác - Ph. Ăng-ghen: *Sđd*, 1994, t 25, phần I, tr 270

(5) C. Mác - Ph. Ăng-ghen: *Sđd*, 1995, t 21, tr 237-238

(6) C. Mác - Ph. Ăng-ghen: *Sđd*, t 21, tr 242 - 243

(7) C. Mác - Ph. Ăng-ghen: *Sđd*, t 21, tr 246


Digitized by Google

giản đơn trước đó, nhưng lại có sự khác biệt lớn: Kinh tế hàng hóa giản đơn vận động theo công thức H - T - H' (bán hàng lấy tiền để mua hàng), còn nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa vận động theo công thức mà C. Mác đã nêu là T - H - T' (lấy tiền mua hàng, bán hàng lấy được tiền nhiều hơn số tiền đã mua). Công thức này phản ánh bản chất của nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa là bóc lột giá trị thặng dư của lao động làm thuê. Giá trị thặng dư biểu hiện trên bề mặt xã hội dưới hình thức lợi nhuận. Kinh tế hàng hóa giản đơn dưới sự tác động của quy luật giá trị dẫn đến phân hóa những người sản xuất hàng hóa nhỏ, hình thành mầm mống của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa. Kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa dựa trên chế độ sở hữu lớn của chủ nghĩa tư bản không chỉ chịu tác động của quy luật giá trị mà còn chịu tác động của quy luật giá trị thặng dư, là quy luật kinh tế cơ bản, hay tuyệt đối (theo C. Mác) và tồn tại trong hệ thống các quy luật kinh tế khác của chủ nghĩa tư bản.

**4- Từ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa tiến lên phương thức sản xuất mới xã hội chủ nghĩa nảy sinh tất yếu kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa.** Kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa tuy vẫn chịu tác động của quy luật giá trị (quy luật chung của kinh tế thị trường), nhưng đồng thời cũng chịu tác động của quy luật kinh tế cơ bản (quy luật quy định mục đích khách quan của nền sản xuất xã hội chủ nghĩa là không ngừng phát triển sản xuất và nâng cao đời sống của mọi thành viên trong xã hội), và các quy luật kinh tế khác của xã hội xã hội chủ nghĩa.

Do có sự khác nhau về bản chất giữa kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa và kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa nên cơ chế thị trường của hai nền kinh tế này cũng khác nhau. Cơ chế thị trường tư bản chủ nghĩa là việc tổ chức guồng máy kinh tế sao cho sự vận hành của nó phù hợp với các quy luật kinh tế của chủ nghĩa tư bản, trong đó quy luật sản xuất ra giá trị thặng dư giữ vai trò quyết định, nhằm đem lại lợi nhuận ngày càng nhiều cho các nhà tư bản, các tập đoàn, các công ty xuyên quốc gia. Còn cơ chế thị trường xã hội chủ nghĩa là việc tổ chức guồng máy kinh tế sao cho sự vận hành của nó phù hợp với quy luật kinh tế cơ bản và các quy luật kinh tế khác của chủ nghĩa xã hội. Ở đây, Nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản có vai trò rất quan trọng. Nhà nước định hướng nền kinh tế thị trường bằng những chính sách kinh tế vĩ mô và luật pháp, thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở vận dụng quy luật giá trị và quy luật phát triển có kế hoạch cân đối toàn bộ nền kinh tế quốc dân; đưa những tiến bộ khoa học - kỹ thuật hiện đại vào sản xuất, không ngừng nâng cao năng suất lao động, làm ra nhiều sản phẩm chất lượng cao, giá rẻ, có sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực. Trên cơ sở đó, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và văn hóa cho mỗi thành viên và cả cộng đồng, củng cố và phát triển vững chắc chế độ xã hội chủ nghĩa.

**5- Đã có nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa** thì tất nhiên cũng có nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.

Nước ta đang ở giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội với nền kinh tế bao gồm nhiều thành phần khác nhau. Đó là một thực tế khách quan. Do đó, Đảng và Nhà nước chủ trương thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa gồm nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, gọi tắt là kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đảng coi đó là mô hình kinh tế tổng quát trong thời kỳ quá độ ở nước ta. Đó là một chủ trương hoàn toàn đúng đắn, sáng tạo, đáp ứng yêu cầu khách quan của sự phát triển kinh tế.

Đây không chỉ là một định hướng nền kinh tế, mà hơn thế nữa còn là vấn đề chính trị, thể hiện lập trường chính trị đúng đắn, kiên định của Đảng ta, là cái phân biệt trước hết với nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa. Đúng như V.I. Lê-nin đã viết: "Chính trị là sự biểu hiện tập trung của kinh tế... không có một lập trường chính trị đúng thì một giai cấp nhất định nào đó, không thể nào giữ vững được sự thống trị của mình, *và do đó*, cũng không thể hoàn thành được *nhiệm vụ của mình trong lĩnh vực sản xuất*" (8).

Các thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta như Đại hội IX của Đảng chỉ rõ, bao gồm: Kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể với những hình thức đa dạng, trong đó hợp tác xã là nòng cốt; kinh tế cá thể, tiểu chủ; kinh tế tư bản tư nhân; kinh tế tư bản nhà nước; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Các thành phần kinh tế đó dựa trên những hình thức sở hữu khác nhau, thậm chí có lúc đối lập nhau về bản chất kinh tế - xã hội, vừa hợp tác cùng có lợi, vừa cạnh tranh phát triển trong một chỉnh thể, tạo thành những bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế, do đó cuộc đấu tranh "ai thắng ai" giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa vẫn diễn ra hằng ngày, hằng giờ nhưng có nhiều hình thức biểu hiện khác nhau. Nền kinh tế thị trường vận hành theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, thể hiện ở các nhân tố cơ bản về kinh tế, chính trị sau đây:

*Về kinh tế:* Trong các thành phần kinh tế hợp thành nền kinh tế quốc dân thống nhất, kinh tế nhà nước phải giữ *vai trò chủ đạo*, là lực lượng vật chất quan trọng và là công cụ để Nhà nước định hướng và điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Có quan điểm cho rằng, nếu thừa nhận vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước thì không thực hiện được bình đẳng giữa các thành phần kinh tế. Quan niệm như thế là hoàn toàn không đúng. Nếu phủ nhận vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, về thực chất là phủ nhận cơ sở kinh tế, công cụ kinh tế, lực lượng kinh tế quan trọng của Nhà nước để thực hiện việc định hướng xã hội chủ nghĩa. Thừa nhận vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước không có nghĩa là làm mất đi sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế mà ngược lại, Nhà nước thấy rõ vai trò động lực phát triển mạnh mẽ của việc hình thành luật chơi chung cho các thành phần kinh tế trên cơ sở tạo ra môi trường cạnh tranh lành mạnh để bảo đảm tính hiệu quả chung về kinh tế - xã hội. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước đang tìm cách hoàn thiện hệ thống pháp chế, xây dựng một hành lang pháp lý bình đẳng cho tất cả các thành phần kinh tế phát triển hết khả năng của mình trong sự hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Để củng cố và phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, Nhà nước cần chú trọng trước hết đến việc làm cho nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững, trong đó phải sớm khắc phục tình trạng kém hiệu quả của một bộ phận doanh nghiệp nhà nước bằng cách đẩy mạnh đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước. Các giải pháp cơ bản trước mắt là, kiên quyết xóa bỏ bộ chủ quản, để các doanh nghiệp nhà nước hoàn toàn tự chủ trong sản xuất, kinh doanh, tự chịu trách nhiệm về lỗ, lãi và đóng góp cho ngân sách nhà nước theo luật định. Các bộ chỉ thực hiện việc quản lý nhà nước theo pháp luật, không can thiệp vào công việc sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp nhà nước. Xúc tiến mạnh mẽ việc cổ phần hóa nhiều doanh nghiệp nhà nước, thực hiện chế độ "đồng sở hữu", "chế độ quản lý dân chủ" và chế độ "tham gia phân phối lợi nhuận" của tất cả các thành viên. Đối với các doanh nghiệp có tầm quan trọng đối với quốc kế, dân sinh, nhà nước có thể giữ lại không cổ phần hóa, cũng phải tiến hành đổi mới theo hướng dân chủ hóa. Việc bổ nhiệm các chức danh quản lý, đặc biệt là giám đốc doanh nghiệp, nên thông qua

(8) V.I. Lê-nin: *Sđd*, t 42, tr 349-350


Digitized by Google

chế độ thi tuyển để chọn người có đạo đức, phẩm chất, có chuyên môn, nghiệp vụ giỏi (coi giám đốc cũng là một nghề) và kèm theo đó là phải có chế độ đãi ngộ nhân tài thật thỏa đáng. Thực hiện cơ chế để công nhân tham gia quản lý và giám sát hoạt động của doanh nghiệp, mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, tài chính của doanh nghiệp phải được công khai hóa, minh bạch hóa.

Nói tóm lại, muốn đưa doanh nghiệp nhà nước phát triển mạnh mẽ, vấn đề then chốt là phải có một đội ngũ cán bộ quản lý giỏi, một đội ngũ công nhân lành nghề, chế độ quản lý dân chủ và có hiệu quả. Muốn vậy, phải củng cố tổ chức của Đảng trong doanh nghiệp, lựa chọn những cán bộ, đảng viên am hiểu về kinh tế để tăng cường đội ngũ cán bộ lãnh đạo của các tổ chức đảng.

Vai trò lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước là hai nhân tố chính trị *căn bản* bảo đảm sự thành công của đường lối phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Hai nhân tố này thể hiện *tính tự giác*, khắc phục tính tự phát của kinh tế thị trường và mặt trái của toàn cầu hóa kinh tế đang do chủ nghĩa tư bản chi phối, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực, ra sức nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh và khả năng độc lập tự chủ của nền kinh tế, tham gia có hiệu quả vào phân công lao động quốc tế.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước đề ra các chính sách kinh tế vĩ mô và thiết lập cơ chế thị trường sao cho các thành phần kinh tế khác nhau vận động theo cùng một hướng tạo thành một *hợp lực* thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển nhanh và bền vững, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Vì vậy, ai muốn phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng, muốn thay thế sự lãnh đạo của Đảng bằng chế độ đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập theo quan điểm dân chủ tư sản phương Tây, thực chất là phủ nhận con đường đúng đắn mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.

**6- Vấn đề là ở chỗ, phải củng cố và nâng cao** vai trò lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ then chốt xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đẩy mạnh việc cải cách nền hành chính quốc gia, nhằm đáp ứng được yêu cầu *phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường*. Bước vào thế kỷ XXI, cuộc cách mạng khoa học và công nghệ với những thành tựu của nó, đang và sẽ ảnh hưởng sâu rộng đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Để bắt kịp thời đại, Đảng và Nhà nước cần tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo và quản lý. Điều đó có nghĩa là phải tạo ra được một bước ngoặt chiến lược về ý thức, nhận thức đối với tri thức khoa học, công nghệ (theo nghĩa rộng), làm cho khoa học, công nghệ ngày càng phục vụ đắc lực hơn cho sự nghiệp cách mạng. Trước hết là sử dụng công nghệ thông tin vào công tác lãnh đạo và quản lý, qua đó Đảng và Nhà nước có thể lựa chọn được những phương án tối ưu cho công tác lãnh đạo và quản lý, xử lý kịp thời và đúng đắn những tình huống phức tạp trong kinh tế và chính trị.

Lãnh đạo và quản lý khoa học không thể tách rời lương tri (đạo đức). Như người ta thường nói "khoa học mà không có lương tri thì chỉ là sự tàn lụi của tâm hồn". Do đó, trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, cần đưa vấn đề củng cố nền tảng đạo đức cách mạng của Đảng, của cán bộ, đảng viên lên hàng đầu. Có quy chế bắt buộc cán bộ, đảng viên phải thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng dưới sự theo dõi, giám sát của tổ chức đảng và của quần chúng. Trước hết, thực hành cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, kiên quyết bài trừ tệ quan liêu,


Digitized by Google

tham nhũng, lãng phí, vốn đang là vấn đề bức xúc trong dư luận xã hội. Làm cho Đảng thật sự trong sạch và vững mạnh, xứng đáng là đại biểu cho lương tâm và trí tuệ của thời đại, củng cố vững chắc mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng nhân dân. Đó chính là sức mạnh vô địch của Đảng cầm quyền.

Đảng và Nhà nước quan tâm sử dụng đội ngũ chuyên gia cao cấp trong các lĩnh vực, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế - tài chính để giúp Đảng trong công tác lãnh đạo và Nhà nước trong công tác quản lý. Có chính sách và cơ chế tuyển chọn nhân tài, đưa họ vào những cương vị xứng đáng, để họ đem hết tài năng phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong "xã hội thông tin", giúp chúng ta rút ngắn khoảng cách với các nước có nền công nghiệp tiên tiến.

Đảng và Nhà nước tạo mọi điều kiện thuận lợi cho việc hình thành và phát triển đội ngũ những doanh nhân trẻ có đủ đức độ và tài năng trong các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và dịch vụ. Đây là lực lượng nòng cốt, làm cho nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nước ta đủ sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Hết sức coi trọng việc xây dựng, phát triển giai cấp công nhân theo hướng hiện đại hóa, trí thức hóa; không ngừng nâng cao trình độ giác ngộ chính trị của họ, để họ làm tròn sứ mệnh lịch sử của mình trong việc xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa.

Trong khi xây dựng những chính sách và cơ chế thông thoáng đối với các thành phần kinh tế, tranh thủ vốn đầu tư của nước ngoài phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội bền vững, Nhà nước cần thực hiện chế độ kiểm kê, kiểm soát, thực hành tiết kiệm, sử dụng có hiệu quả từng đồng vốn đầu tư, kịp thời ngăn chặn và xử lý những hiện tượng tiêu cực trên thị trường trái với định hướng xã hội chủ nghĩa, từng bước kiến tạo nên một thị trường cạnh tranh lành mạnh, văn minh.❑

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ...

*(Tiếp theo trang 23)*

5 - Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam có trách nhiệm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, công dân phải làm tròn nghĩa vụ của mình đối với Nhà nước và xã hội. Mối quan hệ qua lại giữa Nhà nước với công dân, giữa dân chủ với kỷ cương trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải do pháp luật quy định và điều chỉnh. Đây là một đặc điểm quan trọng, xuyên suốt trong toàn bộ quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền hiện nay và phải được thực hiện trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

6 - Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam quản lý xã hội chủ yếu bằng pháp luật, không ngừng tăng cường và đổi mới công tác lập pháp, hành pháp và tư pháp; đồng thời, thường xuyên quan tâm đến việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức pháp luật cho nhân dân.

7 - Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đây là đặc điểm nổi bật của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Hiến pháp ghi nhận và nhân dân Việt Nam đồng tình ủng hộ. Đảng lãnh đạo Nhà nước thông qua cương lĩnh, đường lối, chính sách được thể chế bằng pháp luật. Đảng không làm thay Nhà nước và phải hoạt động trong khuôn khổ của Hiến pháp và pháp luật. Đảng không ngừng đổi mới phương thức lãnh đạo của mình nhằm tạo điều kiện cho bộ máy nhà nước hoạt động có hiệu quả, đặc biệt trong điều kiện xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Mặt khác, Đảng không ngừng đổi mới công tác tổ chức và xây dựng bộ máy để bảo đảm Đảng vẫn giữ được vai trò lãnh đạo Nhà nước, nhưng không chồng chéo với các cơ quan chức năng tương ứng trong bộ máy của Quốc hội, Chính phủ và các cơ quan tư pháp.❑


Digitized by Google

# BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
## trên quan điểm phát triển bền vững của Đảng

CHU THÁI THÀNH

MÔI trường là một điều kiện cốt tử bảo đảm sự phát triển bền vững của các quốc gia, dân tộc; do đó, bảo vệ môi trường là một trong những nhiệm vụ quan trọng của phát triển kinh tế - xã hội. Vì thế, ngày nay ở hầu hết các quốc gia trên thế giới, sự quan tâm chủ yếu không phải là khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên để tạo ra năng suất và sản lượng bằng mọi giá. Trái lại, vấn đề năng suất và sản lượng được tạo ra phải bảo đảm sự cân đối với việc duy trì, bảo vệ và nuôi dưỡng nguồn tài nguyên cho các thế hệ mai sau. Cách nghĩ, cách làm ấy được coi là sự phát triển bền vững. Quan điểm phát triển bền vững đã được Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng khẳng định: "Kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ và cải thiện môi trường theo hướng phát triển bền vững" (1).

Học thuyết Mác đã có quan điểm rất biện chứng về mối quan hệ giữa con người và giới tự nhiên; con người là một bộ phận không thể tách rời của giới tự nhiên. Cách đây gần hai thế kỷ, trong tác phẩm "Biện chứng của tự nhiên", khi bàn về vấn đề phát triển bền vững, Ph. Ăng-ghen đã cảnh báo với loài người rằng, *chúng ta không nên quá tự hào về những thắng lợi của chúng ta đối với giới tự nhiên. Bởi vì, cứ mỗi lần thắng lợi như thế, giới tự nhiên lại trả thù chúng ta. Phát triển kinh tế bằng mọi giá sẽ để lại sau lưng những hoang mạc.* Giải quyết vấn đề này, theo Ph. Ăng-ghen: "chúng ta nằm trong lòng giới tự nhiên, và tất cả sự thống trị của chúng ta đối với giới tự nhiên là... nhận thức được quy luật của giới tự nhiên và có thể sử dụng được những quy luật đó một cách chính xác" (2).

Trong thời đại chúng ta, khi mà cuộc cách mạng khoa học - công nghệ đã phát triển mạnh mẽ, chất lượng sống của xã hội loài người có những bước tiến rõ rệt do khoa học - công nghệ và năng suất lao động xã hội mang lại. Những của cải được nhân loại tạo ra ngày càng nhiều và phong phú về chủng loại đã phần nào thoả mãn về vật chất và tinh thần của con người, đã đưa tới sự phát triển nhanh của nền văn minh nhân loại. Song cũng chính từ sự phát triển ấy đã làm nảy sinh một số vấn đề ngày càng nổi cộm như tăng trưởng dân số quá nhanh, tiêu dùng một cách quá mức của cải, tài nguyên, năng lượng làm mất cân bằng sinh thái của Trái đất. Thiên tai, bão, lũ, lụt, ô nhiễm và sự cố môi trường ngày càng

(1) *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 301

(2) C. Mác, Ph. Ăng-ghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994, t 20, tr 655

gia tăng đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển kinh tế, xã hội, đe dọa cuộc sống hiện tại và tương lai của con người. Đứng trước áp lực của thực tế khắc nghiệt này, con người không còn cách lựa chọn nào khác là phải xem xét lại những hành vi ứng xử với thiên nhiên, phương sách phát triển kinh tế - xã hội và tiến trình phát triển của mình.

Tuy nhiên, mãi tới năm 1972, Liên hợp quốc mới chính thức tổ chức Hội nghị *Về vấn đề môi trường và con người* tại Xtốc-khôm (Thụy Điển) và khái niệm phát triển bền vững lần đầu tiên đã được đề cập đến. Năm 1992, Hội nghị thượng đỉnh về *Môi trường và Phát triển* tại Ri-ô Đờ Gia-ne-rô (Bra-xin); và 10 năm sau, tháng 8-2002, tại Giô-ha-ne-xbớc (Nam Phi), gần 200 nước trên thế giới lại tổ chức Hội nghị thượng đỉnh *Về phát triển bền vững*. Trong khoảng thời gian 30 năm đó, nhiều công ước quốc tế về bảo vệ môi trường đã ra đời, nhiều hội nghị trên thế giới bàn thảo về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Vấn đề cốt lõi của phát triển bền vững được xác định là *những quyết định và hành động của con người hôm nay sao cho không được làm tổn hại đến triển vọng duy trì và cải thiện mức sống cho các thế hệ tương lai.*

Phát triển bền vững ở mỗi quốc gia và trên quy mô toàn cầu có thể trở thành hiện thực thông qua việc xây dựng xã hội phát triển bền vững. Đó là một xã hội biết kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường sinh thái. Hội đồng Thế giới về Môi trường và Phát triển đã đề ra *những nguyên tắc về phát triển bền vững* như: hạn chế tác động của con người tới sinh quyển ở mức trong phạm vi chịu đựng của nó; duy trì kho tài nguyên sinh học; sử dụng tài nguyên không thể tái tạo với mức độ thấp hơn khả năng tạo nên các chất thay thế; phân bố công bằng lợi ích, chi phí sử dụng tài nguyên và quản lý môi trường; khuyến khích các công nghệ tăng hiệu quả sử dụng tài nguyên; chấp nhận tiếp cận tham gia liên ngành trong quá trình quyết định; khuyến khích và hỗ trợ phát triển các giá trị văn hóa phù hợp với tư tưởng phát triển bền vững. Điều đáng nói ở đây là, đi ngược lại các nguyên tắc này lại là các nước giàu. Nước giàu nhất cũng là nước gây ô nhiễm nhiều nhất, còn các nước nghèo khổ thì muốn sống sót, phải ra sức "xài" tài nguyên còn lại của Trái đất. Người ta thi nhau chặt phá rừng bừa bãi, đào bới tài nguyên trong lòng đất và thải đủ mọi thứ độc hại vào môi trường tự nhiên. Nghịch lý này là kết quả tất yếu của chủ nghĩa tư bản với bản chất tìm kiếm lợi nhuận tối đa. Hàng triệu tiếng nói trên hành tinh đòi truy thu phần "khấu hao" Trái đất này, nhưng các vị "giáo chủ của dân chủ và nhân quyền" lại đang hiện nguyên hình là các "vua quyt" của thế kỷ XXI. Phát triển bền vững đang đòi hỏi sự nỗ lực hợp tác và kiên trì đấu tranh của tất cả mọi quốc gia trên thế giới.

Ở nước ta, *phát triển bền vững* đã trở thành đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nó được đề cập tới như một yêu cầu cấp thiết trong hoạch định và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở tất cả các cấp, các ngành và các lĩnh vực. Trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010, quan điểm phát triển được Đảng ta xác định là: *Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững*. Chỉ thị số 36/CT-TW, ngày 25-6-1998, của Bộ Chính trị *Về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước* đã yêu cầu các cấp, các ngành, địa phương nắm vững và quán triệt quan điểm phát triển bền vững trong các quyết sách và hành động của mình. Chỉ thị nêu rõ: *Tăng trưởng kinh tế phải đi liền với phát triển văn hóa, từng bước cải thiện*


Digitized by Google

*đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường.*

Qua 5 năm thực hiện Chỉ thị số 36/CT-TW của Bộ Chính trị, công tác bảo vệ môi trường đã đạt được những kết quả bước đầu rất đáng ghi nhận, các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể, các tổ chức xã hội đã quan tâm hơn đến nhiệm vụ bảo vệ môi trường. Nhận thức về môi trường của cộng đồng được nâng lên. Ý thức bảo vệ môi trường đang dần trở thành thói quen, nếp sống của nhân dân. Bước đầu chúng ta đã hạn chế được một phần mức độ gia tăng ô nhiễm, chú trọng khắc phục suy thoái, từng bước phục hồi và cải thiện môi trường; quan tâm hơn đến khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học. Chúng ta đã có nhiều cố gắng để ngăn chặn nạn phá rừng, đưa độ che phủ của rừng lên 36% diện tích lãnh thổ. Điều kiện vệ sinh môi trường ở nông thôn và thành thị đang từng bước được cải thiện...

Tuy vậy, nhìn chung môi trường nước ta vẫn tiếp tục xuống cấp, nhiều nơi ô nhiễm ở mức báo động. Tài nguyên rừng và khoáng sản bị tàn phá và khai thác bừa bãi ở một số nơi. Đất đai bị xói mòn và thoái hóa. Đa dạng sinh học tiếp tục bị suy giảm. Một số vùng biển và ven bờ đang bị ô nhiễm. Môi trường khu công nghiệp và đô thị đang ở mức báo động. Nguồn rác thải các loại ngày càng tăng trong khi việc xử lý không triệt để. Nguồn nước mặt và nước ngầm tiếp tục bị ô nhiễm và có nguy cơ cạn kiệt ở một số nơi. Điều kiện vệ sinh môi trường, cung cấp nước sạch ở nông thôn còn rất thấp. Vệ sinh an toàn thực phẩm chưa bảo đảm. Sự cố môi trường như tràn dầu, rò rỉ hóa chất độc hại, đặc biệt là bão, lụt, lũ quét, sụt lở đất, hạn hán, mưa đá... trong các năm gần đây gia tăng về quy mô và cường độ, gây thiệt hại rất lớn về người và của.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng này, nhưng cơ bản nhất vẫn là: các cấp ủy và chính quyền các cấp chưa nhận thức đầy đủ về *quan điểm phát triển bền vững*, chưa xác định rõ tầm quan trọng của vấn đề bảo vệ môi trường trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, chưa quan tâm đúng mức đến việc chỉ đạo, điều hành và chưa có các biện pháp hữu hiệu phát huy vai trò của quần chúng trong công tác này. Bên cạnh đó, khuôn khổ pháp lý còn thiếu đồng bộ, năng lực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường chưa đáp ứng yêu cầu, mức đầu tư cho bảo vệ môi trường còn thấp, nhiều vấn đề chưa được đặt ra và giải quyết đúng với vị trí và tầm quan trọng của nó.

*Mục tiêu phát triển của đất nước* đã được Đảng và Nhà nước ta xác định: Từ nay đến năm 2020, ra sức phấn đấu đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp, theo hướng hiện đại. Theo định hướng đó, dự kiến kế hoạch trong những năm tới, tăng trưởng kinh tế sẽ phải duy trì ở mức cao hơn. Những dự báo thận trọng nhất cho thấy, trong khoảng 20 năm tới, GDP của Việt Nam sẽ tiếp tục tăng từ 2 đến 3 lần. Sự tăng trưởng cao như vậy là cần thiết nhằm làm cho đất nước phát triển chủ động hội nhập mạnh mẽ và sâu sắc hơn với kinh tế khu vực. Tuy nhiên, với nhịp độ phát triển kinh tế cao, dân số tăng nhanh sẽ kéo theo một lượng lớn tài nguyên thiên nhiên được khai thác và chất thải từ sản xuất, tiêu dùng ngày càng tăng. Điều đó cho thấy, muốn phát triển kinh tế, nâng cao đời sống của nhân dân, phải có khoa học - công nghệ, hiện đại hóa đất nước; mặt khác, lại phải đặc biệt quan tâm đến mục tiêu kế hoạch hóa dân số và bảo vệ môi trường, tức là bảo vệ sự sống của con người. Sự kết hợp biện chứng giữa hai mục tiêu này là đòi hỏi tất yếu khách quan của sự phát triển đất nước bền vững và của sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.


Digitized by Google

Trước *bối cảnh mới* của sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước, Ban Bí thư đang tập trung chỉ đạo tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 36/CT-TW và xây dựng dự thảo Nghị quyết của Bộ Chính trị về công tác bảo vệ môi trường, nhằm tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa sự nghiệp bảo vệ môi trường, làm cơ sở cho sự phát triển đất nước bền vững. Nhiều quan điểm mới của Đảng về phát triển bền vững đang được cập nhật và quán triệt một cách sâu rộng tới các cấp ủy, chính quyền các cấp, các tổ chức chính trị, xã hội và từng người dân.

***Thứ nhất,*** *bảo vệ môi trường là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và toàn xã hội.* Đây là một nội dung cơ bản không thể tách rời trong đường lối, chủ trương và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tất cả các cấp, các ngành, là cơ sở quan trọng bảo đảm phát triển bền vững, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Coi phòng ngừa và ngăn chặn ô nhiễm là nguyên tắc chủ đạo kết hợp với xử lý ô nhiễm, cải thiện môi trường và bảo tồn thiên nhiên. Kết hợp phát huy nội lực với tăng cường hợp tác quốc tế trong bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

***Thứ hai,*** thành công của công tác bảo vệ môi trường còn là *giải quyết tốt hàng loạt mâu thuẫn giữa lợi ích trước mắt và lâu dài, cục bộ và tổng thể.* Công tác này đòi hỏi phải tập trung, kiên trì, giải quyết một cách hài hòa mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế, bảo đảm công bằng xã hội và bảo vệ môi trường; tiến hành đồng bộ các biện pháp một cách thường xuyên, liên tục với quyết tâm cao nhất.

***Thứ ba,*** ngày nay, giữ gìn môi trường là một tiêu chí quan trọng trong đánh giá sản phẩm kinh tế, nhất là sản phẩm xuất khẩu; một yếu tố của hội nhập kinh tế quốc tế. Bảo vệ môi trường nhằm bảo đảm quyền con người được sống trong môi trường trong lành, an toàn. An ninh sinh thái là một bộ phận của an ninh quốc gia. Bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh sinh thái là góp phần giữ vững và tăng cường an ninh quốc gia. Vì vậy, Đảng ta nhấn mạnh quan điểm: *Bảo vệ môi trường là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài, khó khăn mang tính toàn cầu; là yếu tố bảo đảm ổn định chính trị và an ninh quốc gia, nâng cao khả năng cạnh tranh của các sản phẩm và dịch vụ, đẩy mạnh quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.*

***Thứ tư,*** bảo vệ môi trường và phát triển bền vững đòi hỏi phải thay đổi từ thói quen, nếp nghĩ, tâm lý đến hành động của từng người, cộng đồng của từng quốc gia và toàn thế giới. Chính những điều đó hình thành nên đạo đức và nhân văn môi trường và là *tiêu chí quan trọng của xã hội văn minh trong thời đại mới.*

Đó là những quan điểm sâu sắc, có ý nghĩa chỉ đạo công tác bảo vệ môi trường trong suốt cả quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Nhằm thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ *bảo vệ môi trường trên quan điểm phát triển bền vững của Đảng, trong những năm tới, chúng ta cần tập trung nỗ lực bảo vệ và cải thiện tài nguyên môi trường, đảm bảo cho mọi người dân đều được sống trong môi trường trong sạch và lành mạnh.* Đưa vấn đề bảo vệ môi trường vào trong kế hoạch, chương trình, dự án và coi đó là một trong những tiêu chí đánh giá các giải pháp phát triển. Lồng ghép đầy đủ và cụ thể các vấn đề môi trường vào các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh, huyện bảo đảm sao cho các quy hoạch phát triển đó không làm giảm tài nguyên. Không ngừng cải thiện chất lượng môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên. Chú trọng tăng cường đa dạng sinh học ở các vùng cát, vùng hoang mạc,


Digitized by Google

vùng đầm lầy. Cải thiện chất lượng rừng tự nhiên và rừng trồng, nâng cao giá trị các hệ sinh thái nghèo, bảo đảm tính ổn định của các hệ sinh thái nhạy cảm.

*Tăng cường các biện pháp phòng ngừa đối với các vấn đề môi trường*, như sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên, quản lý nước, quản lý chất thải và định cư hợp lý. Đánh giá tác động của môi trường đối với mọi dự án phát triển kinh tế - xã hội. Thử nghiệm các phương án, chính sách để tăng thêm sự tham gia của khu vực tư nhân trong các dự án sản xuất; bảo đảm tiếp cận lâu dài nguồn nước bằng cách tăng cường bảo vệ lưu vực đầu nguồn. Khuyến khích áp dụng các công nghệ và quy trình sản xuất tạo ít chất thải, ít gây ô nhiễm môi trường. Sử dụng khí đốt sinh học ở các vùng nông thôn và phát triển năng lượng mặt trời, gió và các nguồn nhiệt năng khác. Sửa đổi các quy định về bảo vệ tài nguyên môi trường liên quan đến quá trình đầu tư để vừa bảo đảm quyền tự do đầu tư của công dân vừa bảo đảm không xuất hiện nguy cơ làm tổn hại đến tài nguyên môi trường. Hỗ trợ các hoạt động môi trường của cộng đồng nhằm nâng cao nhận thức và sự tham gia của người dân.

*Tập trung giải quyết tình trạng suy thoái môi trường* ở các khu công nghiệp, các khu dân cư đông đúc, chật chội ở các thành phố lớn và một số vùng nông thôn. Kiểm soát ô nhiễm và ứng cứu sự cố môi trường do thiên tai lũ lụt gây ra; có kế hoạch khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường trên các dòng sông, hồ ao, kênh mương... Thực hiện các dự án về cải tạo, bảo vệ môi trường: xây dựng vườn quốc gia, khu rừng cấm, trồng cây xanh, giữ gìn đa dạng sinh học, xây dựng các công trình làm sạch môi trường. Phát triển nâng cao chất lượng các vườn động thực vật ở các trung tâm nghiên cứu và các vườn quốc gia để duy trì, bảo tồn các nguồn gen di truyền quý hiếm. Tiếp tục đóng cửa các khu rừng ở những vùng sinh thái dễ bị tổn thương và những khu rừng thiên nhiên đang bị xuống cấp; thực hiện chống hoang mạc hóa và hạn hán, phát triển bền vững vùng núi, ven biển, trung du, đô thị và đồng bằng; kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, xóa đói giảm nghèo với bảo vệ tài nguyên môi trường.

Giáo dục ý thức, trách nhiệm và đạo đức môi trường, nếp sống văn hóa sinh thái cho toàn dân. Có chính sách khen thưởng cụ thể đối với người thực hiện tốt các quy định bảo vệ rừng, bảo vệ tài nguyên nước, bảo vệ môi trường và xử phạt nghiêm khắc đối với người vi phạm về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học. Phát triển các dịch vụ môi trường như trồng vườn hoa, cây xanh, thu gom rác thải, xây dựng các khu du lịch sinh thái, bảo tồn các vườn cây, chim thú quý. Nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến trong sự nghiệp bảo vệ môi trường. Từ nay đến năm 2005, chúng ta quyết tâm thực hiện được mục tiêu của Đảng và Nhà nước đề ra là bảo đảm cho 80% số dân ở nông thôn được sử dụng nước sạch, 50% số hộ gia đình có hố xí hợp vệ sinh, 30% số chuồng trại chăn nuôi và 10% số làng nghề có hệ thống xử lý chất thải; phủ xanh 40% diện tích rừng.

*Bảo vệ môi trường trên quan điểm phát triển bền vững* đòi hỏi sự nỗ lực hợp tác của các cấp, các ngành, của toàn thể nhân dân và sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế. Với phương châm *phát triển kinh tế - xã hội gắn chặt với bảo vệ, cải thiện môi trường, bảo đảm sự hài hoà giữa môi trường nhân tạo với môi trường thiên nhiên, giữ gìn đa dạng sinh học*, chúng ta tiếp tục phát huy năng lực nội sinh, đẩy mạnh hợp tác quốc tế, hướng tới mục tiêu không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, bảo đảm sự phát triển bền vững của đất nước.❑


Digitized by Google

# THẾ HỆ TRẺ CỦA ĐIỆN ẢNH TÀI LIỆU VƯỢT LÊN XỨNG ĐÁNG VỚI THỜI ĐẠI MÌNH

HẢI NINH*

TRONG những năm cuối thế kỷ XX - đầu thế kỷ XXI, các tác phẩm điện ảnh tài liệu Việt Nam "Trở về Ngư Thủy", "Tiếng vĩ cầm ở Mỹ Lai", "Chị Năm Khùng", "Chốn quê" như những lớp sóng cồn trên mặt biển châu Á - Thái Bình Dương - 4 lần liên tiếp đạt giải vàng trong một liên hoan phim quốc tế lớn của khu vực (1998-2001). Gần như hiện tượng ấy chưa từng xảy ra trong một liên hoan phim quốc tế dành cho các tác phẩm điện ảnh của một quốc gia. Những lớp sóng cồn ấy còn vượt ra ngoài vùng biển quen thuộc để đến với những đại dương xa xôi Địa Trung Hải, Đại Tây Dương khi nữ đạo diễn Vũ Lệ Mỹ đem vinh quang về cho điện ảnh tài liệu Việt Nam bằng hai giải nhất "Nơi chiến tranh đã đi qua" (Liên hoan phim quốc tế Ô-kô-me-dia - Phrây-bua 97) và "Vì cuộc sống yên bình" (Liên hoan phim quốc tế Bra-xin - châu Mỹ La-tinh). Bộ phim "Nơi chiến tranh đã đi qua" còn đoạt giải thưởng lần thứ hai - Giải đặc biệt Liên hoan phim quốc tế Tô-ky-ô (Nhật Bản). Tên tuổi các tác giả được giải thưởng trên đây đã trở thành thân quen với đông đảo khán giả yêu thích phim tài liệu Việt Nam.

Liên hoan phim Việt Nam lần thứ 13 được tổ chức ngay năm đầu của thế kỷ XXI, bên cạnh các thể loại phim khác đã có tới 57 bộ phim tài liệu, phóng sự, từ các cơ sở sản xuất phim và các đài truyền hình trong toàn quốc tham gia. Ngoài 7 giải đặc biệt của Ban Giám khảo, còn có ba giải Bông sen bạc cho các phim "Người anh cả của quân đội" (Đạo diễn Lê Thi - Điện ảnh Quân đội nhân dân); "Cao nguyên đá" (Đạo diễn Lê Mạnh Thích - Hãng Phim Tài liệu - Khoa học Trung ương); "Cuộc không chiến lịch sử" (đạo diễn Nguyễn Kế Nghiệp - Đài Truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh). Vượt lên tất cả 57 tác phẩm tài liệu tham gia Liên hoan phim lớn nhất quốc gia là hai bộ phim "Chị Năm Khùng" (Đạo diễn Lại Văn Sinh - Hãng Phim Tài liệu - Khoa học Trung ương); và "Di chúc của những oan hồn" (Đạo diễn Văn Lê - Hãng phim Giải phóng).

Những giải thưởng mang tên Cánh diều của Hội Điện ảnh Việt Nam trong năm thứ hai của thế kỷ mới tiếp tục khẳng định vai trò của phim tài liệu như phim "Thang đá ngược ngàn" (Đạo diễn Lê Hồng Chương); phim "Mặt trời trên đỉnh thác" (Đạo diễn Phan Hà Thành); "Sự nhọc nhằn trên cát" (Đạo diễn Nguyễn Thước); "Trên chiếc xe lăn" (Đạo diễn Lê Mạnh Thích); "Tay đào đất" (Đạo diễn Bùi Thạc Chuyên).

Các tác phẩm trên đã phản ảnh một hiện thực lớn lao về đất nước và con người Việt Nam trong thời kỳ hậu chiến với những đau thương mất mát của một dân tộc, những bi kịch cuộc đời của các

* Nghệ sĩ nhân dân


Digitized by Google

số phận con người sau chiến tranh, hấp dẫn người xem bởi nghệ thuật và cả những thông tin về xã hội, văn hóa, kinh tế còn nóng hổi.

Sau chiến tranh, điện ảnh tài liệu đã có một thời lúng túng không phát hiện gì mới về đề tài, vẫn là cách kể tự nhiên bám theo các sự kiện diễn ra trong cuộc sống, thay cho hình ảnh sinh động là lời bình mang chất khoa trương. Nếu có điều gì bổ ích thì chủ yếu là nội dung cuộc sống hơn là sự sáng tạo nghệ thuật, vì vậy tiết tấu phim mệt mỏi, đơn điệu, không in đậm dấu ấn phong cách của người nghệ sĩ. Sự chuyển động đáng kể nhất của điện ảnh tài liệu có thể thấy rõ sau một số tác phẩm mang tính đột phá như "Hà Nội trong mắt ai"; "Chuyện tử tế"; "Đường dây sông Đà". Nhưng tập trung hơn cả, tạo thành một dòng chảy liên tục, gây được ấn tượng mạnh mẽ trong khu vực phải kể tới 4 lần đoạt giải vàng ở Liên hoan phim châu Á - Thái Bình Dương. Một trong những chuyển biến quan trọng ấy là, từ chỗ các tác giả để cho các tác phẩm của mình phản ảnh cuộc sống mang tính thông tin sự kiện, chuyển sang lấy con người làm trọng tâm trong tác phẩm là một bước đi mạnh mẽ và đúng đắn, tạo nên những giá trị nhân văn cho tác phẩm. Tuy sự kiện là một đặc điểm của thể loại phim tân văn, nhưng các sự kiện ở trong thể loại tài liệu nghệ thuật không dừng lại những thông tin để biết, sử dụng thông tin như phim thời sự. Những sự kiện trong phim tài liệu nghệ thuật ngoài chức năng thông tin, người nghệ sĩ phải phát hiện những bí ẩn trong con người và cuộc sống chưa được bộc lộ, những tâm tư tình cảm, những mong muốn của con người đương thời, những biến chuyển xã hội đang làm thay đổi cách nhìn, tư duy và tâm lý của con người hiện đại. Nó không đơn giản một chiều, phẳng lặng, mà như những dòng chảy đối lưu, giàu kịch tính và triết lý, tạo ra nhiều phong cách khác nhau. Cũng là đề tài chiến tranh nhưng "Tiếng vĩ cầm ở Mỹ Lai" của Trần Văn Thủy và "Di chúc của những oan hồn" của đạo diễn Văn Lê lại phản ảnh con người vốn là kẻ thù của ta. Cả hai tác phẩm không chỉ thông tin về tội ác, mà triết luận về cái ác và cái thiện, đề cập tới chiều sâu ký ức, vì tội ác không thể tự nó mất đi, mà vẫn lưu giữ trong ký ức, thành hội chứng của các binh sĩ Mỹ và Đại Hàn trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Tính triết lý ẩn sâu trong tác phẩm chính là luật nhân quả "gieo gió gặt bão".

Lâu nay, một số phim tài liệu Việt Nam thường phản ánh hiện thực theo nhận thức chủ quan. Những tác phẩm có giá trị nghệ thuật gần đây, các tác giả đã sử dụng ống kính một cách khách quan hơn, tự bản thân hình ảnh nói lên tất cả, nhường lại để người xem tự suy nghĩ, tìm cách tiếp cận với chủ đề của tác phẩm. Điều đó thấy rất rõ trong tiếng đàn vĩ cầm của những người cựu chiến binh Mỹ trở lại Sơn Mỹ như một lời sám hối của những kẻ đi xâm lược.

Cũng nói về đề tài chiến tranh nhưng qua "Trở về Ngư Thủy", đạo diễn Lê Mạnh Thích lại đứng ở góc độ của những con người đương đại nhìn về quá khứ, từ đó đặt ra những vấn đề thuộc về xã hội, về chính sách, chế độ, về trách nhiệm với quá khứ, về thái độ của con người hôm nay, những người đang được hưởng hòa bình và hạnh phúc đối với những con người đã hy sinh cả cuộc đời, kể cả tính mạng của họ trong chiến tranh.

Một trong những cái mới của các nhà làm phim tài liệu trong những năm gần đây là sự tìm tòi về hình thức thể hiện. Nếu ở phim "Trở về Ngư Thủy", đạo diễn Lê Mạnh Thích tìm ra một cấu trúc "đối thoại" giữa quá khứ và hiện tại mang màu sắc chính luận mạnh mẽ và khúc chiết, thì ở phim "Chị Năm Khùng" của đạo diễn Lại Văn Sinh lại khắc họa chân dung con người bằng một cấu tứ trữ tình. Với "Chị Năm Khùng" đạo diễn Lại Văn Sinh cho người xem thấy phim tài liệu cũng có khả năng khắc họa hình tượng nhân vật như phim truyện, nhưng bằng ngôn ngữ của điện ảnh tài liệu. Lại Văn Sinh đã tránh được con đường mòn của loại phim chân dung kể lể đầu đuôi tiểu sử con người như một bản lý lịch, mà khơi những dòng chảy trong thế giới nội tâm,

khám phá những điều bí ẩn bên trong con người, phát hiện ra những điều chưa ai biết đến, đem lại cho tác phẩm một vẻ đẹp tâm hồn, một sắc thái trữ tình. Với nội dung đi tìm hài cốt đồng đội, đạo diễn không lôi cuốn người xem vào màu sắc thần bí, mà đi sâu vào tính đồng đội, vào những tầng sâu nhân bản bao gồm cả thế giới tâm linh để nói lên cái triết lý chân - thiện - mỹ của một người phụ nữ Việt Nam mà trong quá khứ cũng là người lính, đồng đội của những người đã chết - chị Năm Khùng. Trong cấu tứ, Lại Văn Sinh không đi sâu vào tỉa gọt, ý nghĩa, áp đặt mà gợi mở, cái mơ hòa với cái thực, mang mầu sắc triết lý phương Đông gây xúc động trong lòng người xem.

Nếu các phim đoạt giải vàng ở Liên hoan phim châu Á - Thái Bình Dương mang đậm màu sắc tài liệu nghệ thuật, thì hai phim "Nơi chiến tranh đã đi qua", "Vì cuộc sống bình yên" của nữ đạo diễn Vũ Lệ Mỹ lại mang phong cách của một ký giả sắc sảo. Bằng ống kính máy quay thay cho ngòi bút, nữ đạo diễn Vũ Lệ Mỹ đã phản ánh một cách chân thực và sâu sắc hậu quả cuộc chiến tranh hóa học ở Việt Nam, đặc biệt là những di hại khủng khiếp của nó: hủy diệt môi trường thiên nhiên và cuộc sống con người, và còn giữ nguyên những chứng tích không thể chối cãi trên thân thể những nạn nhân Việt Nam, trong đó có hàng trăm, hàng ngàn em bé tật nguyền, dị dạng, quái thai... Bằng tác phẩm điện ảnh Vũ Lệ Mỹ đã tìm được một con đường ngắn nhất để chinh phục trái tim bạn bè trên thế giới. Nhà điện ảnh nổi tiếng của Nhật Bản - Ta-da-ô Sa-tô - đã nói: "Tôi đã được xem nhiều bộ phim về tác hại của chất độc màu da cam, nhưng tôi thấy bộ phim "Nơi chiến tranh đã đi qua" rất hay vì cách đặt và giải quyết vấn đề ngắn gọn, xúc tích, tạo được cảm xúc mạnh cho người xem, cách lý giải vấn đề mang tính khoa học một cách rõ ràng...". Thế giới vẫn lo âu cho tương lai của mình, buộc mọi người phải nhớ tới một Việt Nam bom đạn, chết chóc và hủy diệt. Và như một nhà đạo diễn phim tài liệu nổi tiếng của thế giới cũng đã nói sau chiến tranh Việt Nam "... trong điện ảnh cái cần bàn không phải là kết thúc đề tài Việt Nam, mà là vấn đề phải luôn nhớ tới Việt Nam...".

Năm bộ phim lấy đề tài chiến tranh, nhưng từ ý tưởng sáng tác, cách đặt vấn đề, chủ đề, và sáng tạo trong thể hiện nghệ thuật thì không ai giống ai. Mỗi tác phẩm mang dấu ấn riêng của người nghệ sĩ, phong cách tác giả, màu sắc tác phẩm phong phú, từ đó chúng ta thấy sự đa dạng trong sáng tạo nghệ thuật với các phong cách nghệ thuật khác nhau - ký sự, chính luận, chân dung, bình luận, phê phán...

Tuy thế, bên cạnh những mặt thành công của điện ảnh tài liệu trong những năm cuối thế kỷ trước cũng còn những mặt hạn chế. Những tác phẩm của các tác giả có tên tuổi trên đây chưa dám xông vào một "trận địa mới" không kém phần khó khăn phức tạp để phản ánh một cách đa dạng các đề tài khác nhau, mở rộng không gian, thời gian, nhân vật và sự kiện, những vấn đề đang nảy sinh trong cuộc sống hôm nay, trong thời kinh tế thị trường, giúp người xem có thể cảm nhận được những chuyển biến của đất nước trong những năm "bản lề" của hai thế kỷ, quan trọng hơn là sự nhận diện xã hội Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

Trong các cuộc đối mặt với hiện thực quá khứ - hiện tại - tương lai, thì sự đối mặt với cuộc sống đương đại là khó khăn nhất. Với đề tài quá khứ, những người làm phim được hưởng cả một gia tài đồ sộ về lịch sử, sự tích luỹ vốn sống, kinh nghiệm, có thể thừa hưởng, sử dụng nhiều chất liệu có sẵn như tư liệu, chứng tích, kỷ vật... Còn cái khó của đề tài đương đại là người làm phim tài liệu phải phát hiện được những vấn đề xã hội đang diễn ra hằng ngày trong đời sống phức tạp của con người. Ống kính đương đại không thể sao chép, bố trí lại nhân vật và sự kiện mang tính hư cấu, mà ghi lại cuộc sống bằng sự nhạy cảm, tính sắc bén và trí tuệ của người nghệ sĩ. Họ phải biết chớp lấy những giây phút hiếm hoi, những khoảnh khắc mà con người bộc lộ rõ tâm tư, hành động, chính kiến của mình một cách tự nhiên và


Digitized by Google

chân thật nhất, vì những hình ảnh ấy chỉ diễn ra một lần, không bao giờ lặp lại. Mở màn cho điện ảnh tài liệu trong năm đầu thế kỷ mới, bộ phim "Chốn quê" của đạo diễn Nguyễn Sĩ Chung, được coi là một "đột phá khẩu", thoát ra khỏi quá khứ, mạnh dạn xông thẳng vào đề tài đương đại. Anh đã đề cập tới mảng hiện thực nông thôn đầy bức xúc và nóng bỏng đang đứng trước bao thách thức trong cuộc sống hiện nay. Tuy thế, nỗi lo về thế hệ trẻ nối tiếp cha ông vẫn nổi cộm trong giới nghề nghiệp phim tài liệu. Đã có những lời than vãn, nuối tiếc "... những ánh hào quang không còn lấp lánh như xưa...". Nỗi lo ấy ngày càng lớn dần khi các giải vàng, giải bạc của các kỳ liên hoan phim quốc gia và quốc tế vẫn rơi vào tay các đàn anh, đàn chị, những người đã về hưu hoặc chuẩn bị về hưu. Có cảm giác thế hệ trẻ gần như bị "cớm" dưới những cái bóng của những người đi trước. Những phim làm ra giống như những bản sao chép tự nhiên, những bản báo cáo thành tích, không phát hiện ra được những vấn đề gì mới; phim tài liệu ngày ấy đã đánh mất đi khán giả của mình, vì không ai đến rạp để xem những bộ phim chất lượng yếu kém, khô khan, để phải nghe lời thuyết minh ồn ào và trống rỗng.

Trước những biến động dữ dội của thời cuộc, lại gặp lúng túng từ chế độ bao cấp chuyển sang cơ chế thị trường, các nghệ sĩ trẻ của điện ảnh tài liệu tưởng như bế tắc trong mọi hoạt động sáng tạo.

Rất may, đường lối đổi mới của Đảng đã đem lại lòng tin đối với họ, đã khơi dậy những tiềm năng sẵn có trong mỗi con người nghệ sĩ, tạo cơ hội cho những người có tài năng phát huy được năng lực sáng tạo, làm chủ thực sự những tác phẩm của mình. Thế hệ trẻ làm phim tài liệu ngày nay là một đội ngũ nghệ sĩ được đào tạo chính quy, phần lớn có ngoại ngữ, tầm mắt được mở rộng, có nhiều cơ hội hòa nhập vào thế giới điện ảnh để nắm bắt những cái mới, tiếp thu khoa học - kỹ thuật hiện đại bổ sung vào những mặt yếu kém, lạc hậu đang là sức ỳ trong điện ảnh Việt Nam nói chung, và điện ảnh tài liệu nói riêng.

Thời kỳ thăng hoa của thế hệ nghệ sĩ trẻ đúng vào thời điểm thiêng liêng chuyển giao giữa hai thế kỷ. Ngay trong năm đầu của thế kỷ mới, khi Liên hoan phim Việt Nam lần thứ 13 - 2001 diễn ra ở thành phố Vinh, phim tài liệu đã giành được những thành công rực rỡ trên cả hai miền Nam, Bắc, trong đó có những tác phẩm đã đoạt giải thưởng quốc tế. Và, chỉ một năm sau trong "Giải thưởng của Hội Điện ảnh Việt Nam - 2002" các nghệ sĩ đã xác định được tài năng và vị trí của mình trong điện ảnh tài liệu Việt Nam. Ba trong bốn bộ phim đoạt giải thưởng của Hội Điện ảnh Việt Nam - 2002: "Thang đá ngược ngàn" - Cánh diều vàng (đạo diễn Lê Hồng Chương); "Mặt trời trên đỉnh thác" - Cánh diều bạc (đạo diễn Phan Hà Thành); "Sự nhọc nhằn của cát" - Cánh diều bạc (đạo diễn Nguyễn Thước). Bộ phim "Trên chiếc xe lăn" cũng đoạt giải Cánh diều bạc trong năm 2002 song thuộc một nghệ sĩ đàn anh đã nổi tiếng - đạo diễn Lê Mạnh Thích.

Người ta không ngạc nhiên vì cả 4 bộ phim đoạt giải cao đều của Hãng phim tài liệu - khoa học trung ương, mà có tới 3 tác phẩm là của các tác giả trẻ mới nổi lên, trong đó có người đoạt giải cao nhất - Cánh diều vàng - là của một đạo diễn trẻ nhất - Lê Hồng Chương. Và cả 3 bộ phim các nghệ sĩ đều mạnh dạn lấy đề tài đương đại trong sáng tác của mình.

Một trong những chuyển động quan trọng trong phim tài liệu của những năm gần đây là cách nhìn con người và xã hội, lấy con người làm trung tâm, đặc biệt là tạo nên những "nhân vật" trong thể loại phim tân văn, mà trước đây người ta nghĩ chỉ có thể trong thể loại phim hư cấu.

Trong những năm trên cái gạch nối giữa hai thế kỷ phim tài liệu đã có những cuộc bứt phá ngoạn mục, liên tiếp cho ra những tác phẩm có giá trị nghệ thuật. Nhưng cái gì đạt được thì đã qua, còn phía trước bao giờ cũng là những thử thách khó khăn. Cái khó nhất đối với nghệ thuật


Digitized by Google

vẫn là con người nghệ sĩ, đội ngũ những người sáng tạo. Đội ngũ những người làm phim tài liệu cũng nằm trên cái gạch nối của sự chuyển giao thế hệ, không thể tránh khỏi sự hẫng hụt. Vì vậy, vấn đề đào tạo đang trở thành cấp bách, không chỉ là qua trường lớp đại học, mà cả đào tạo đỉnh cao, nhằm bồi dưỡng những nghệ sĩ tài năng đã được phát hiện. Các đạo diễn, kịch bản, quay phim trẻ phải tiếp tục nâng cao trình độ, để chúng ta có được những tác phẩm lớn, xứng tầm vóc lịch sử dân tộc và đạt tiêu chuẩn quốc tế.

Phim tài liệu Việt Nam đã có cuộc bứt phá ngoạn mục trong những năm cuối thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI, nhưng tại cuộc tham dự giải Hội Điện ảnh Việt Nam lần thứ 15 - 2004 cho thấy, lại đang có dấu hiệu suy giảm về chất lượng nghệ thuật. Vẫn đầy đủ các hãng phim trong toàn quốc, nhất là các hãng phim lớn như Hãng Phim Tài liệu - Khoa học Trung ương; Hãng Phim Giải phóng; Hãng Nguyễn Đình Chiểu; Điện ảnh Quân đội; Điện ảnh Biên phòng... đều có phim tham dự. Số lượng tác phẩm tham dự giải đạt tới mức kỷ lục - 62 phim (8 phim nhựa, 42 vi-đê-ô). Điều đáng lưu ý trong tình hình chất lượng phim tài liệu trong năm 2004 là trong khi số lượng được tăng cao thì chất lượng lại xuống. Chỉ có 4 phim đoạt giải Cánh diều bạc: "Mầu xanh thời gian" (Hãng Phim Tài liệu - Khoa học Trung ương); "Vì bầu trời Tổ quốc" (Điện ảnh Quân đội); "Những công dân A còng" (Hãng phim Tài liệu - Khoa học Trung ương); và phim "Nghệ sỹ nhân dân Nguyễn Văn Thông" (Điện ảnh chiều thứ 7).

Sau nhiều năm phim tài liệu rất thành công, đoạt được nhiều giải của Hội, nhưng năm nay lần đầu tiên không có giải vàng. Dư luận báo chí đều cho rằng, phim tài liệu 2004 của các tác giả thiếu sự nhạy cảm trong phát hiện các vấn đề của xã hội, một số phim trở lại lối mòn, dễ dãi, thiếu sáng tạo. Về tay nghề không những không được nâng cao, mà còn bộc lộ sự yếu kém, ấu trĩ.

Vấn đề định hướng sáng tác cho những bước đi tới của điện ảnh tài liệu cũng vô cùng quan trọng. Đã đến lúc điện ảnh tài liệu cần xây dựng những bộ phim sử thi đồ sộ, có thể dài hàng trăm tập, phản ánh những chặng đường lịch sử vĩ đại của dân tộc trong suốt thế kỷ XX. Trong tay chúng ta đang có cả một kho tàng vô cùng to lớn và phong phú về tư liệu phim, nhưng chưa tận dụng và phát huy được những tài sản vô giá ấy. Kho tư liệu ấy còn phong phú hơn, đa dạng hơn, nếu ta hợp tác với các Viện tư liệu điện ảnh nước ngoài, đặc biệt là Pháp, Mỹ, Nga, Trung Quốc... - những nước có quan hệ đặc biệt đến lịch sử cận đại của Việt Nam. Nếu bây giờ được Nhà nước đầu tư, tổ chức, tập hợp một số nhà văn, nhà điện ảnh, các nhà lịch sử trong ngoài quân đội thật sự tâm huyết và tài năng cùng nhau xây dựng một bản trường thiên lịch sử đất nước bằng hình ảnh thì thật tuyệt vời. Những năm đầu thế kỷ XXI chính là thời điểm hợp lý nhất để bắt đầu công trình vĩ đại ấy, nếu không sẽ là quá muộn đối với cả lịch sử và nhân chứng.

Điện ảnh tài liệu cũng cần có bản lĩnh xông vào những mặt trận kinh tế nóng bỏng. Người ta thấy các vụ án lớn như Tân Trường Sanh, Ép cô - Minh Phụng, rồi đến "xã hội đen" Trương Văn Cam... gần như đang nằm ngoài ống kính của các nhà điện ảnh tài liệu. Và chưa bao giờ người xem lại ngạc nhiên khi thấy "Lưới trời" - một thể loại hư cấu nghệ thuật - lại xông vào vấn đề gai góc này trước thể loại phim tân văn.

Trong những thập kỷ trước, nhất là trong chiến tranh, phim tài liệu Việt Nam liên tiếp đoạt các giải vàng trong các liên hoan phim quốc tế toàn cầu, được đánh giá như là một cường quốc về phim tài liệu. Trong xu thế mới của thời đại, đất nước đang có những bước đi mạnh mẽ, những đổi thay kỳ diệu, có lẽ trách nhiệm nặng nề ấy đang đặt trên đôi vai của các nhà làm phim tài liệu trẻ.

Người xem hy vọng trong thế kỷ mới, các nghệ sĩ trẻ phát huy được truyền thống của cha ông, sẽ có những tác phẩm xứng đáng với thời đại của mình.❑


Digitized by Google

# THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC - VẤN ĐỀ VÀ GIẢI PHÁP

***Lời Bộ Biên tập:*** *Thực hiện đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước về vấn đề dân tộc, công tác dân tộc là một trong những hoạt động lớn và rất quan trọng của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hội nghị Trung ương 7, khóa IX, đã ra hai nghị quyết quan trọng về vấn đề này, đó là "Về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" và "Về công tác dân tộc". Đây là những nghị quyết đề cập đến các vấn đề chính trị lớn, có ý nghĩa chiến lược đối với sự nghiệp cách mạng nước ta. Tổ chức thực hiện tốt đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước về vấn đề dân tộc sẽ góp phần to lớn vào việc mở rộng và tăng cường hơn nữa khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong thời kỳ mới, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giữ vững độc lập dân tộc và thống nhất đất nước, bảo vệ và phát triển những thành quả của cách mạng xã hội chủ nghĩa.*

*Xuất phát từ ý nghĩa đó, vừa qua, tại Hà Nội, Tạp chí Cộng sản và Ủy ban Dân tộc tổ chức Hội thảo khoa học với chủ đề "Thực hiện chính sách dân tộc - vấn đề và giải pháp". Sau hai bài phát biểu đề dẫn của* ***GS, TS Lê Hữu Nghĩa,*** *Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương và đồng chí* ***Ksor Phước,*** *Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc đã trình bày báo cáo, nhiều đại biểu đã phát biểu ý kiến và thảo luận sôi nổi chung quanh vấn đề này. Số 10-2004, Tạp chí Cộng sản trân trọng giới thiệu bài của đồng chí Ksor Phước. Và số này, Tạp chí Cộng sản xin trân trọng tiếp tục giới thiệu Bài Đề dẫn của GS, TS Lê Hữu Nghĩa và Bài Tổng quan Hội thảo.*

## BÁO CÁO ĐỀ DẪN

**LÊ HỮU NGHĨA**

**1** - Nhân loại đã bước sang thế kỷ XXI và thiên niên kỷ thứ ba, chủ nghĩa thực dân cũ đã bị sụp đổ, toàn cầu hóa kinh tế đang trở thành một xu thế khách quan tác động đến tất cả các

quốc gia dân tộc trên thế giới, song vấn đề dân tộc không vì thế mà giảm đi ý nghĩa của nó. Trái lại, nó ngày càng nổi lên như một vấn đề cấp bách, quan trọng của thời đại, đang thu hút sự quan tâm của tất cả các quốc gia. Độc lập dân tộc vẫn là một nội dung chủ yếu trong tiến trình phát triển của đa số các dân tộc, quốc gia, vẫn là mục tiêu lớn của thời đại; nhân tố dân tộc vẫn đóng vai trò hết sức quan trọng trong thời đại. Tuy vậy, một nghịch lý là, nhân loại đang đứng trước một thực tế nghiệt ngã của những cuộc xung đột dân tộc, sắc tộc đẫm máu mà việc giải quyết chúng dường như vẫn còn bế tắc. Nói cụ thể hơn, vấn đề ly khai dân tộc và xung đột sắc tộc đang trở thành vấn đề nóng bỏng và hơn thế, trở thành cơn ác mộng thường trực, khiến cộng đồng quốc tế phải hết sức quan tâm và lo ngại. Chủ nghĩa ly khai dân tộc đang có xu hướng gia tăng.

Chủ nghĩa dân tộc, theo nghĩa tích cực, là trào lưu hướng đến đấu tranh đòi quyền tự quyết dân tộc và quyền bình đẳng dân tộc, chống lại sự nô dịch, ép buộc của các dân tộc lớn; là sự trỗi dậy của ý thức tộc người, sự thoát khỏi tư tưởng tự ti, mặc cảm dân tộc và chống lại tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, dân tộc cực đoan. Song, chủ nghĩa dân tộc cực đoan và cùng với nó là chủ nghĩa ly khai dân tộc lại là trào lưu tạo ra sự chia rẽ, kỳ thị dân tộc; khoét sâu và cố tình khơi dậy sự bất hòa, kích động lòng hận thù giữa các dân tộc; thổi phồng sự tự cao, tự đại quá khích về lịch sử dân tộc mình, dòng giống mình. Hậu quả mà đỉnh cao của nó là xung đột dân tộc, chiến tranh sắc tộc, là những cuộc nội chiến nhiều khi rất đẫm máu, được thể hiện dưới nhiều hình thức như chiến tranh quy mô lớn, vừa và nhỏ, chiến tranh du kích, bạo loạn lật đổ, tàn sát, khủng bố, gây rối, phá hoại...

Ngày nay, các nước độc lập dân tộc và các nước đang phát triển phải tiến hành cuộc đấu tranh rất khó khăn và phức tạp chống nghèo nàn, lạc hậu, chống chủ nghĩa thực dân mới dưới mọi hình thức, chống sự can thiệp và xâm lược của chủ nghĩa đế quốc nhằm bảo vệ chủ quyền và độc lập dân tộc. Đây là phong trào đấu tranh chân chính, mang tính nhân văn cao cả, hoàn toàn khác về chất so với chủ nghĩa dân tộc cực đoan và chủ nghĩa ly khai dân tộc hiện nay. Tất nhiên, trước xu thế toàn cầu hóa, nhất là toàn cầu hóa về kinh tế, "chủ nghĩa dân tộc chân chính" theo nghĩa truyền thống không phải không nhận thấy vai trò mới của mình. Đó là cuộc đấu tranh ngày một sâu rộng của các quốc gia dân tộc đang phát triển chống lại các nước tư bản phát triển trong hàng loạt vấn đề như: sự chèn ép, bóc lột về kinh tế, sự đe dọa, gây ảnh hưởng về chính trị, sự lấn lướt, đồng hóa về văn hóa...

Trái ngược với xu hướng đoàn kết, hợp tác hữu nghị giữa các dân tộc, chủ nghĩa dân tộc cực đoan và chủ nghĩa ly khai dân tộc hiện nay lại đi theo hướng của chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, vị kỷ: tự cô lập mình và tự tạo ra mâu thuẫn cho mình trong lòng một quốc gia đa dân tộc. Đặc biệt, đối với những quốc gia đa dân tộc "đang yên đang lành", vốn có lịch sử gắn bó lâu đời, hiện đang trên đà phát triển, có sự bình đẳng và hài hòa về lợi ích giữa các dân tộc, thì sự xuất hiện của chủ nghĩa ly khai dân tộc, của xung đột sắc tộc, quả là tai họa khủng khiếp. Bởi vì, nó không chỉ gây ra sự chia rẽ, hằn thù dân tộc, cảnh "đầu rơi máu chảy", "huynh đệ tương tàn", mà điều quan trọng hơn, còn phá vỡ sự ổn định chính trị - xã hội, cản trở lớn đến sự phát triển và tăng trưởng kinh tế. Hiện nay, không ít nơi trên thế giới đang xảy ra hoặc tiềm ẩn tình trạng đó.


Digitized by Google

Dĩ nhiên, sự bùng nổ trào lưu ly khai dân tộc trên thế giới hiện nay, ngoài nguyên nhân bên trong (vấn đề lịch sử, những mâu thuẫn nội tại...), còn có nguyên nhân bên ngoài không kém phần quan trọng, đó là sự kích động, sự hỗ trợ, giúp đỡ của những thế lực hiếu chiến, phản động từ bên ngoài, với mục đích vụ lợi (buôn bán vũ khí, tăng sức ép...), can thiệp lật đổ, gây ảnh hưởng khu vực, hoặc phục vụ chính sách bá quyền, chiến lược toàn cầu... Điều đó đòi hỏi mỗi nhà nước, mỗi tổ chức quốc tế và toàn cộng đồng quốc tế phải có sự nỗ lực, sự phối hợp, sự hợp tác và đề ra được những chính sách, chương trình đúng đắn, thích hợp về vấn đề dân tộc và sắc tộc, nhằm nhanh chóng ngăn chặn sự bùng phát của chủ nghĩa ly khai dân tộc và sự tiềm ẩn của xung đột sắc tộc.

**2** - Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc với 54 dân tộc anh em. Đối với Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam, vấn đề dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc luôn là vấn đề chiến lược quan trọng và cấp thiết. Ngay từ những ngày đầu thành lập nước, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định rằng, thực hiện sự đoàn kết, bình đẳng, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của cách mạng Việt Nam. Trong *Thư gửi Đại hội Các dân tộc thiểu số miền Nam tại Plây Cu* (tháng 4-1946), Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: "Đồng bào Kinh hay Thổ, Mường hay Mán, Gia Rai hay Ê Đê, Sê Đăng hay Ba Na và các dân tộc thiểu số khác, đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt... Trước kia chúng ta xa cách nhau, một là vì thiếu giây liên lạc, hai là vì có kẻ xui giục để chia rẽ chúng ta. Ngày nay nước Việt Nam là nước chung của chúng ta... Chúng ta phải thương yêu nhau, phải kính trọng nhau, phải giúp đỡ nhau để mưu hạnh phúc chung của chúng ta và con cháu chúng ta" (1).

Trong mọi giai đoạn cách mạng, Đảng ta luôn kịp thời đề ra đường lối, chủ trương đúng đắn về vấn đề dân tộc và công tác dân tộc. Ngay từ Đại hội II (năm 1951), Đảng ta đã chỉ rõ: "Các dân tộc sống trên đất Việt Nam đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ, đoàn kết giúp đỡ nhau để kháng chiến và kiến quốc; chống chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, bài trừ mọi hành động gây hằn thù, chia rẽ giữa các dân tộc" (2). Sau đó, trong tất cả các kỳ đại hội, Đảng ta đều đưa ra đường lối, chủ trương về việc thực hiện sự đoàn kết, bình đẳng, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc, nhằm tạo ra động lực và sức mạnh to lớn đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược, thực hiện thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội và xây dựng đất nước ngày càng giàu đẹp, công bằng, dân chủ, văn minh. Đặc biệt, tại Đại hội IX, trên cơ sở tổng kết thực tiễn 15 năm đổi mới và kế thừa những chủ trương, quan điểm của các kỳ đại hội trước về vấn đề dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc, Đảng ta khẳng định: *"Vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc luôn luôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng.* Thực hiện tốt chính sách các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển... Chống kỳ thị, chia rẽ dân tộc; chống tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, dân tộc cực đoan; khắc phục tư tưởng tự ti, mặc cảm dân tộc" (3). Điều đặc biệt nữa là,

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t 4, tr 217

(2) *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, t 12, tr 440

(3) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 127 - 128


Digitized by Google

gần đây, tại Hội nghị Trung ương 7, khóa IX, Đảng ta ra hai nghị quyết liên quan trực tiếp đến vấn đề dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc. Đó là Nghị quyết *Về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh* và Nghị quyết *Về công tác dân tộc*. Tại hội nghị này, trên cơ sở nhận thức sâu sắc tình hình thế giới và trong nước cũng như tầm quan trọng của công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, Đảng ta chỉ rõ: Vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, đồng thời cũng là *vấn đề cấp bách hiện nay* của cách mạng Việt Nam. Cần ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các vùng dân tộc và miền núi, trước hết, tập trung vào phát triển giao thông và kết cấu hạ tầng, xóa đói, giảm nghèo.

Trung thành với tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, chủ trương của Đảng ta về vấn đề dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc, Nhà nước ta thường xuyên ban hành những chính sách, pháp luật phù hợp, khả thi trong việc thực hiện sự đoàn kết, bình đẳng, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc, đặc biệt là những chính sách ưu tiên và đẩy mạnh phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục ở các vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Cho đến nay, ngoài một số điều của Hiến pháp xác định quyền bình đẳng giữa các dân tộc trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, chúng ta có tới 26 luật, bộ luật và 3 pháp lệnh đề cập trực tiếp đến vấn đề dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc. Đáng chú ý là, trong những năm gần đây, Chính phủ ta liên tục ra chỉ thị, nghị quyết, quyết nghị về đẩy mạnh phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục ở các vùng dân tộc thiểu số và miền núi, mà gần đây nhất là Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 135/1998/QĐ-TTg, ngày 31-7-1998, về *Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa* (gọi là Chương trình 135).

3 - Như vậy, trong mọi giai đoạn cách mạng, nhất là trong giai đoạn hiện nay, Đảng và Nhà nước ta thường xuyên quan tâm đến vấn đề dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc. Thực tiễn đã chứng minh sự đúng đắn và nhất quán của những đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về vấn đề dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc. Nhờ đó, chúng ta luôn có được khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong một quốc gia đa dân tộc. Động lực và sức mạnh to lớn của khối đại đoàn kết toàn dân tộc đã làm nên hết thắng lợi vẻ vang này đến thắng lợi vẻ vang khác trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của chúng ta.

Đặc biệt, từ khi thực hiện công cuộc đổi mới đến nay, chúng ta đạt được những thành tựu rất đáng ghi nhận trong phát triển kinh tế, xã hội, chính trị, văn hóa, giáo dục ở các vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

*Về kinh tế - xã hội.* Cơ cấu kinh tế ở các vùng dân tộc thiểu số và miền núi đang từng bước chuyển dịch theo cơ chế thị trường với sự phát triển của các thành phần kinh tế. Cơ cấu ngành kinh tế có sự chuyển biến nhanh chóng và tích cực: So với năm 1990, hiện nay, tỷ trọng nông, lâm nghiệp giảm từ 76% xuống còn 56,3%; tỷ trọng công nghiệp, xây dựng tăng từ 9% lên 18,4%; tỷ trọng dịch vụ tăng từ 15% lên 25,3%. Trong 10 năm qua, tốc độ tăng trưởng kinh tế của các tỉnh miền núi luôn đạt mức khá; riêng tốc độ tăng trưởng công nghiệp trung bình hằng năm đạt từ 15 - 20%, cao hơn mức trung bình của cả nước. Đáng chú ý là, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân ở nhiều vùng dân


Digitized by Google

tộc thiểu số và miền núi được cải thiện rõ rệt. Tính đến nay, 100% số huyện miền núi vùng cao xây dựng được đường ô-tô, trong đó có 97,12% số xã có đường ô-tô đến trung tâm xã; 98% số huyện và 64% số xã có điện lưới quốc gia; 90% số xã được phủ sóng phát thanh và 75% số xã được phủ sóng truyền hình. Công tác xóa đói giảm nghèo đem lại hiệu quả thiết thực: Ở thời điểm hiện nay, bình quân số hộ thuộc diện xóa đói giảm nghèo xuống dưới mức 30%.

*Về văn hóa - giáo dục.* Văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số được giữ gìn và phát huy. Chương trình phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ được thực hiện rộng khắp và triệt để. Hệ thống trạm y tế được xây dựng xuống tận cơ sở; việc khám, chữa bệnh miễn phí cho người nghèo được quan tâm thường xuyên. Tính đến nay, 100% số xã có trường tiểu học; tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đến trường đạt từ 85 đến 90%. Hầu hết các xã có trạm y tế (gần 100%), trong đó 83% số trạm được xây dựng kiên cố và 69% số trạm có đủ trang thiết bị.

*Về hệ thống chính trị và quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội.* Hệ thống chính trị từng bước được tăng cường, củng cố và vững mạnh. Đặc biệt, hệ thống chính trị ở cơ sở ngày càng được quan tâm nhiều hơn và có sự chuyển biến tích cực hơn; vai trò của già làng, trưởng bản được coi trọng và phát huy. Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững và tiếp tục được củng cố. Nhờ vậy, những âm mưu "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, phản động được phát hiện kịp thời và xử lý có kết quả.

Bên cạnh những thành tựu nói trên, chúng ta cũng còn những yếu kém, hạn chế trong việc thực hiện chính sách dân tộc:

*Thứ nhất,* kinh tế ở các vùng dân tộc thiểu số và miền núi còn chậm phát triển và gặp rất nhiều khó khăn trong việc hòa nhập với nền kinh tế thị trường của cả nước. Sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế giữa các vùng dân tộc thiểu số và miền núi, đặc biệt là giữa các vùng đó và các vùng đồng bằng, còn khá cao. Ở một số nơi, tình trạng du canh, du cư, di cư tự do vẫn còn diễn ra thường xuyên và có những diễn biến phức tạp. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn rất thấp kém, chưa được đầu tư phát triển kịp thời và thoả đáng. Ở nhiều nơi, tỷ lệ đói nghèo còn khá cao, thậm chí rất cao.

*Thứ hai,* ở nhiều vùng dân tộc thiểu số và miền núi, trình độ phát triển văn hóa - giáo dục còn thấp so với trình độ phát triển chung của cả nước. Công tác giáo dục - đào tạo, nhất là đào tạo nghề, chưa được quan tâm thích đáng, ít mang tính xã hội hóa và chưa có sự đa dạng về hình thức, mô hình. Đời sống văn hóa, nghệ thuật của nhân dân còn thấp kém. Một số tập quán lạc hậu trong cưới xin, ma chay, lễ hội... có xu hướng gia tăng. Bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp, nhất là tiếng nói và chữ viết, ít được quan tâm gìn giữ, bảo tồn.

*Thứ ba,* hệ thống chính trị cơ sở ở nhiều vùng dân tộc thiểu số và miền núi còn yếu kém. Cụ thể là, trình độ văn hóa, lý luận và chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, đảng viên còn nhiều hạn chế: Không ít cán bộ, đảng viên chưa nhận thức đúng đắn, đầy đủ nội dung, ý nghĩa, tầm quan trọng của chính sách dân tộc, công tác dân tộc trong tình hình mới; chưa tích cực, chủ động tổ chức, vận động nhân dân phát huy tinh thần đoàn kết và khai thác tiềm năng, thế mạnh của địa phương. Ở không ít nơi, sự chỉ đạo, quản lý của cán bộ chính quyền chủ yếu


Digitized by Google

dựa vào lòng nhiệt tình và thói quen, kinh nghiệm, chưa bám sát đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

*Thứ tư,* ở một số vùng dân tộc thiểu số và miền núi, quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội chưa được củng cố vững chắc và bị buông lỏng, còn tiềm ẩn sự mất ổn định. Khi xảy ra những vụ việc vi phạm, phá hoại an ninh, trật tự an toàn xã hội, chưa có biện pháp đối phó thích hợp, còn thụ động, ỷ lại, trông chờ vào cấp trên. Sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội chưa thật sự gắn với quốc phòng, an ninh.

*Thứ năm,* ở một số vùng dân tộc thiểu số và miền núi, đặc biệt là các vùng Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ, lợi dụng địa hình phức tạp, rộng lớn và sự thiếu hiểu biết của nhân dân, các thế lực thù địch ra sức thực hiện âm mưu "diễn biến hoà bình". Một trong những âm mưu đó là, lợi dụng các vấn đề dân tộc, nhân quyền và tôn giáo để tạo ra sự hằn thù, chia rẽ dân tộc, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, gây mất ổn định chính trị, xã hội. Ở một số nơi, tôn giáo phát triển phức tạp, không bình thường, trái với pháp luật và phong tục, tập quán tốt đẹp của nhân dân. Chẳng hạn, đạo Vàng Chứ ở các tỉnh miền núi phía Bắc, Tin lành Đề Ga ở các tỉnh Tây Nguyên. Sự phát triển phức tạp, không bình thường của tôn giáo ở một số nơi phần lớn là do âm mưu "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch gây nên.

**4** - Tại cuộc Hội thảo này, trên cơ sở làm rõ những thành tựu và những hạn chế, yếu kém của việc thực hiện chính sách dân tộc, chúng ta cần có những đề xuất mới nhằm góp phần vào việc bổ sung, phát triển đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về vấn đề dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc. Trước mắt, chúng ta cần hướng vào những vấn đề chủ yếu sau:

- Tại sao kinh tế ở các vùng dân tộc thiểu số và miền núi vẫn còn chậm phát triển, vẫn chưa thật sự hoà nhập với nền kinh tế hàng hóa? Làm thế nào để nâng cao chất lượng sản phẩm và tiêu thụ sản phẩm một cách thuận lợi, nhanh chóng?

- Làm thế nào để cơ cấu kinh tế nói chung, cơ cấu ngành kinh tế nói riêng ở các vùng dân tộc thiểu số và miền núi có sự chuyển biến tích cực hơn nữa theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa? Tại sao kinh tế lâm nghiệp, đáng lẽ là thế mạnh của các vùng dân tộc thiểu số và miền núi, lại phát triển chậm? Cần có chính sách đối với phát triển lâm nghiệp như thế nào để đồng bào các dân tộc gắn với rừng hơn nữa?

- Cần làm gì để hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng du canh, du cư, di cư tự do hiện đang còn diễn ra ở nhiều vùng dân tộc thiểu số và miền núi? Làm thế nào để kết hợp hài hòa giữa việc thực hiện nghiêm chỉnh Luật Đất đai với việc tôn trọng tập quán sử dụng đất đai của đồng bào các dân tộc thiểu số?

- Chính sách đầu tư nên như thế nào để phát triển và nâng cấp kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở một số vùng cao, vùng sâu, vùng xa hiện đang còn rất thấp kém?

- Làm thế nào để chương trình xóa đói giảm nghèo đem lại hiệu quả thiết thực hơn nữa? Tại sao tỷ lệ đói nghèo ở nhiều vùng dân tộc thiểu số và miền núi vẫn cao, thậm chí rất cao (68% số hộ ở một số xã, huyện thuộc các tỉnh Tây Bắc, 51% số hộ ở một số xã, huyện thuộc các tỉnh Tây Nguyên)? Nguyên nhân là do khâu tổ chức thực hiện hay là do sự đầu tư của Nhà nước còn thấp?...


Digitized by Google

Tựu trung lại, mục đích của Hội thảo là: *Thứ nhất,* làm rõ những quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta về vấn đề dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc. *Thứ hai,* phân tích thực trạng vấn đề dân tộc và việc thực hiện chính sách dân tộc ở nước ta trong những năm gần đây. *Thứ ba,* đề xuất những giải pháp quan trọng và cấp thiết nhằm thực hiện tốt hơn chính sách dân tộc ở nước ta trong thời gian tới.

Với mục đích như vậy, Hội thảo cần tập trung làm rõ một số vấn đề chủ yếu sau:

a - Vị trí chiến lược quan trọng của vấn đề dân tộc, công tác dân tộc và đại đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp cách mạng nước ta. Đổi mới nội dung, phương thức công tác dân tộc cho phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

b - Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ nhau cùng phát triển giữa các dân tộc; phát huy nội lực, tinh thần tự lực tự cường, kết hợp với sự giúp đỡ có hiệu quả của các dân tộc anh em ở các vùng dân tộc thiểu số và miền núi trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

c - Đẩy mạnh sự phát triển toàn diện (chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh... ); gắn tăng trưởng kinh tế với giải quyết các vấn đề văn hóa, xã hội ở các vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

d - Phát triển kinh tế thị trường ở các vùng dân tộc thiểu số và miền núi - thực trạng và giải pháp. Vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở các vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

đ - Thực trạng đói nghèo, công tác xóa đói giảm nghèo và việc thực hiện chính sách công bằng xã hội ở các vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

e - Thực trạng đất đai, quản lý đất đai ở các vùng dân tộc thiểu số và miền núi, nhất là ở Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ. Chính sách phân bổ dân cư, nguồn nhân lực ở các vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

g - Bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ cán bộ, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh ở các vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Tình hình thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở và các giải pháp đẩy mạnh việc triển khai thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở tại các vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

h - Giữ gìn và phát huy những giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số trong sự nghiệp chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam.

i - Ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng, an ninh; giữ vững quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội ở các vùng dân tộc thiểu số và miền núi trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

k - Ngăn chặn các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, làm mất ổn định chính trị - xã hội. Thực hiện tốt chính sách tín ngưỡng, tôn giáo ở các vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

Hy vọng, qua Hội thảo này, với sự thảo luận, tranh luận sôi nổi, cởi mở và nghiêm túc của các nhà lãnh đạo, quản lý, các nhà khoa học, chúng ta sẽ thu được nhiều ý kiến đóng góp quý báu nhằm góp phần giải quyết vấn đề dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc ở nước ta hiện nay. ❑

# TỔNG QUAN HỘI THẢO

**1 - Đánh giá việc thực hiện chính sách dân tộc trong thời gian qua**

Nhiều ý kiến nhất trí cho rằng, Đảng ta thường xuyên đề ra những đường lối, chủ trương đúng đắn, sát hợp về vấn đề dân tộc, công tác dân tộc. Những đường lối, chủ trương đó được Nhà nước kịp thời cụ thể hóa thành những chính sách và pháp luật. Đặc biệt, những năm gần đây, Nhà nước ban hành nhiều chính sách, chương trình, dự án ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa - giáo dục, quốc phòng - an ninh ở các vùng dân tộc thiểu số và miền núi được các cấp ủy, chính quyền các cấp, các bộ, ban, ngành từ trung ương đến cơ sở nỗ lực quyết tâm tổ chức thực hiện; được nhân dân cả nước và đồng bào các dân tộc đồng tình hưởng ứng. Nhờ vậy, tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội ở các vùng dân tộc thiểu số và miền núi đều có sự chuyển biến tích cực và đạt được những thành tựu rất đáng khích lệ. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của các tỉnh miền núi liên tục đạt mức khá. Đời sống của đồng bào các dân tộc được cải thiện từng bước. Văn hóa phát triển đa dạng, phong phú; văn hóa truyền thống được giữ gìn, phát huy. Giáo dục đạt được những kết quả quan trọng: tất cả các vùng đều được phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ... Nền quốc phòng toàn dân tiếp tục được tăng cường, củng cố; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội từng bước được giữ vững.

Nhiều đại biểu khẳng định, trong thời gian qua, bên cạnh những thành tựu đạt được, chúng ta cũng còn những hạn chế, yếu kém trong phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa - giáo dục và quốc phòng - an ninh ở các vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Trong đó, điều đặc biệt đáng lưu ý là, ở hầu hết các vùng, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm; ở nhiều vùng, tỷ lệ đói nghèo còn cao, thậm chí rất cao; ở một số vùng trọng điểm, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội còn có những diễn biến phức tạp. Những hạn chế, yếu kém trên bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân, cả khách quan lẫn chủ quan. Theo đồng chí **Ksor Phước,** nguyên nhân khách quan là do điểm xuất phát của các vùng dân tộc và miền núi nhìn chung còn rất thấp trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Về nguyên nhân chủ quan, các đồng chí **Nguyễn Phúc Thanh** (Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội); đồng chí **Ksor Phước; PGS, TS Trần Quang Nhiếp** (Phó Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản); **Thiếu tướng, PGS, TS Lê Văn Cương** (Viện trưởng Viện Nghiên cứu Chiến lược và Khoa học, Bộ Công an); **PGS, TS Lê Ngọc Thắng** (Viện trưởng Viện Dân tộc, Ủy ban Dân tộc); **TS Trần Văn Thuật** (Vụ trưởng Vụ Chính sách Dân tộc, Ủy ban Dân tộc)... cho rằng, là do: Một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa nhận thức hết vị trí, ý nghĩa và tầm quan trọng của vấn đề dân tộc, cũng như của việc thực hiện chính sách dân tộc, công tác dân tộc; một số chính sách dân tộc, sau một thời gian triển khai thực hiện, bộc lộ những bất cập với thực tế cuộc sống; việc tổ chức thực hiện các chính sách dân tộc chưa triệt để, kém hiệu quả và còn thiếu đồng bộ; công tác kiểm tra, giám sát việc tổ chức


Digitized by Google

thực hiện các chính sách dân tộc chưa được tiến hành thường xuyên, nghiêm túc, thậm chí bị buông lỏng...

Mặt khác, 5 tham luận của các đại biểu: **Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hòa Bình**; đồng chí **Quàng Văn Binh** (Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu); **TS Nguyễn Đức Thăng** (Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Lào Cai); đồng chí **Triệu Đức Thanh** (Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang); đồng chí **Hà Sĩ Toàn** (Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Cạn) góp phần bàn cụ thể về tình hình thực hiện chính sách dân tộc ở các tỉnh Hòa Bình, Lai Châu, Lào Cai, Hà Giang, Bắc Cạn. Các ý kiến tập trung làm rõ những kết quả đạt được trong tất cả các lĩnh vực nhờ tổ chức thực hiện tốt hàng loạt chính sách dân tộc như định canh, định cư, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; hỗ trợ phát triển sản xuất; hỗ trợ, nâng cao đời sống của đồng bào các dân tộc; phát triển giáo dục, nâng cao dân trí, đào tạo lao động, y tế; đào tạo, sử dụng cán bộ. Đặc biệt, các ý kiến đều đề xuất những kiến nghị với Đảng và Nhà nước, trong đó có một số kiến nghị rất đáng chú ý là: Tiếp tục thực hiện các Chương trình 186, 120 và 135, nhất là Chương trình 135; đẩy mạnh thực hiện chính sách hỗ trợ những vùng dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn; có chính sách ưu tiên, giúp đỡ đào tạo và sử dụng cán bộ là người dân tộc thiểu số.

***2 - Vị trí chiến lược của vấn đề dân tộc, công tác dân tộc; đổi mới công tác dân tộc, chính sách dân tộc trong tình hình hiện nay***

Các ý kiến của đồng chí **Ksor Phước**; đồng chí **Hà Đăng** (Trợ lý Tổng Bí thư); **PGS, TS Trần Quang Nhiếp**; **GS,TS Trịnh Quốc Tuấn** (Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh); **TS Nguyễn Xuân Thông** (Trưởng Ban Xây dựng Đảng, Tạp chí Cộng sản); đồng chí **Doãn Đình Huề** (Tạp chí Cộng sản)... cho rằng, vấn đề dân tộc, công tác dân tộc luôn có vị trí chiến lược quan trọng và cấp thiết trong mọi giai đoạn của cách mạng Việt Nam. Vì, vấn đề dân tộc, công tác dân tộc, về thực chất, là vấn đề giải quyết các quan hệ dân tộc, tộc người, là vấn đề liên quan trực tiếp đến các dân tộc thiểu số. Giải quyết tốt vấn đề dân tộc, thực hiện tốt công tác dân tộc chẳng những góp phần quan trọng xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, mà còn trợ giúp đắc lực việc củng cố quốc phòng, an ninh ở những vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới - những nơi chủ yếu có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống.

Hiện nay, tình hình thế giới có nhiều biến động phức tạp, các thế lực thù địch của chủ nghĩa xã hội ra sức lợi dụng các vấn đề dân tộc, tôn giáo và nhân quyền để chia rẽ sự đoàn kết giữa các dân tộc ở nước ta. **GS,TS Nguyễn Quốc Phẩm** (Phó Viện trưởng Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh) nhấn mạnh, vị trí và tầm quan trọng chiến lược của vấn đề dân tộc, quan hệ dân tộc đối với sự nghiệp cách mạng nước ta càng phải được khẳng định và nhận thức một cách đầy đủ. Hơn nữa, **PGS,TS Trần Quang Nhiếp** và **PGS,TS Lê Ngọc Thắng** cho rằng, việc đổi mới và thực hiện sáng tạo công tác dân tộc, chính sách dân tộc ở nước ta hiện nay là vô cùng cần thiết.

Việc đổi mới công tác dân tộc, chính sách dân tộc ở nước ta hiện nay được các đại biểu đề cập ở những góc độ khác nhau. **PGS,TS Trần Quang Nhiếp** cho rằng, cần: 1 - Đổi mới nhận thức và nâng cao trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân trong thực hiện chính sách dân tộc; 2 - Xác định một số nhiệm vụ có tính đột phá nhưng rất cơ bản tạo sự biến đổi vững chắc đời sống kinh tế - xã hội vùng đồng bào

dân tộc thiểu số; 3 - Đổi mới cách thức thực hiện chính sách dân tộc. Đồng chí **Ksor Phước** khẳng định: Tăng cường quản lý nhà nước về dân tộc trong tình hình hiện nay là một trong những nội dung chủ yếu của quá trình đổi mới nội dung, phương thức công tác dân tộc theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7, khóa IX, *Về công tác dân tộc*. Để góp phần giải quyết có hiệu quả vấn đề này, cần đổi mới xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách dân tộc; củng cố, hoàn thiện hệ thống tổ chức, cơ quan làm công tác dân tộc theo hướng chính quy, trong sạch, từng bước hiện đại. **PGS,TS Lê Ngọc Thắng** đi sâu phân tích hai khía cạnh chính: đổi mới nội dung công tác dân tộc và đổi mới phương thức công tác dân tộc. Theo đồng chí, việc đổi mới phương thức công tác dân tộc cần tập trung vào một số nhiệm vụ chính: 1- Đổi mới cơ chế phối hợp giữa Ủy ban Dân tộc và các bộ, ngành trong triển khai thực hiện chính sách dân tộc; 2 - Xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc có nghiệp vụ chuyên môn vững vàng và có phẩm chất chính trị tốt. **TS Trần Văn Thuật** đưa ra một số vấn đề mang tính nguyên tắc cần được quán triệt trong việc nghiên cứu, hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách dân tộc. Ở đây, có một vấn đề mang tính nguyên tắc rất đáng chú ý là: Trong việc thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội các vùng dân tộc thiểu số và miền núi, phải khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước; phải tính đến những đặc điểm về tự nhiên, lịch sử, xã hội, văn hóa của từng vùng, từng dân tộc.

Một số ý kiến còn cho rằng, cùng với việc đổi mới công tác dân tộc, chính sách dân tộc, chúng ta cần xây dựng *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội các vùng dân tộc thiểu số và miền núi*. Đây là nhiệm vụ cấp thiết, cần sớm được hoàn thành (ý kiến của **Thiếu tướng, PGS,TS Lê Văn Cương; Thiếu tướng Hồ Sĩ Hậu**, Cục trưởng Cục Kinh tế, Bộ Quốc phòng; **TS Đức Uy**, Hội Tâm lý học Việt Nam).

***3 - Vấn đề tiếp tục phát triển kinh tế - xã hội ở các vùng dân tộc thiểu số và miền núi***

Đây là hệ vấn đề được nhiều nhà khoa học, nhà quản lý quan tâm nghiên cứu, thảo luận.

Nhiều ý kiến nhất trí cho rằng, để kinh tế - xã hội ở các vùng dân tộc thiểu số và miền núi phát triển vững chắc hơn, chúng ta cần chủ động đề ra những giải pháp, biện pháp cụ thể, thiết thực trong quá trình tổ chức thực hiện những chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về vấn đề dân tộc, công tác dân tộc.

*Trước hết, về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.* Để phát huy vai trò của kinh tế thị trường và tạo ra sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở các vùng dân tộc và miền núi, theo các đồng chí **Trần Kim Chung** và **Ngô Văn Giang** (Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương), chúng ta cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp: 1 - Đẩy mạnh đa dạng hóa các hình thức sở hữu; 2 - Mở rộng sự phân công và phân công lại lao động xã hội gắn với xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý; 3 - Hình thành, mở rộng và phát triển thị trường, đa dạng hóa các loại thị trường. **TS Lê Xuân Đình** (Phó Trưởng Ban Kinh tế, Tạp chí Cộng sản) và **TS Chu Tiến Quang** (Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương) khẳng định: Chúng ta cần có những giải pháp tháo gỡ mọi cản trở và tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho phát triển sản xuất trong nông nghiệp, nông thôn; đầu tư thỏa đáng cho phát triển kết cấu hạ tầng


Digitized by Google

kinh tế - xã hội; đề cao và phát huy tinh thần tự lực, tự cường, ý chí vươn lên của đồng bào.

*Thứ hai, về công tác xóa đói giảm nghèo và việc thực hiện công bằng xã hội.* Trên cơ sở phân tích thực trạng đói nghèo ở các vùng dân tộc thiểu số và miền núi trong những năm gần đây, **ThS Hoàng Yến** (Tạp chí Cộng sản) cho rằng, để góp phần làm giảm tỷ lệ đói nghèo và sự chênh lệch giàu nghèo ở các vùng này, trước mắt chúng ta cần thực hiện một số giải pháp cơ bản như: 1 - Nâng cao năng lực và tạo điều kiện vật chất, tinh thần cho đội ngũ làm công tác xóa đói giảm nghèo ở các cấp; 2 - Thực hiện tốt Quy chế Dân chủ ở cơ sở trong việc triển khai những chương trình, mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo; 3- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý các chương trình, mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo. **TS Hoàng Xuân Hòa** (Ban Kinh tế Trung ương) khẳng định: Để đạt được các mục tiêu xóa đói giảm nghèo ở các tỉnh miền núi phía Bắc nói riêng, ở các tỉnh miền núi cả nước nói chung, Nhà nước cần thực hiện chính sách hỗ trợ hộ người nghèo về nhà ở, đất ở, đa dạng hóa và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn cho xóa đói giảm nghèo.

*Thứ ba, về công tác quản lý đất đai, việc phân bố dân cư, nguồn nhân lực theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững.* Về vấn đề này, tham luận *Một số vấn đề về quản lý đất tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ* của đồng chí **Triệu Văn Bé** (Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường) khuyến nghị: Để đưa chính sách và pháp luật về đất đai vào cuộc sống của đồng bào các dân tộc, chúng ta cần quan tâm giải quyết một số vấn đề sau: Có biện pháp và hình thức phổ biến Luật Đất đai phù hợp với trình độ nhận thức của đồng bào các dân tộc; hoàn thành công tác giao đất, giao rừng cho hộ gia đình và cộng đồng; rà soát lại và nâng cao chất lượng quy hoạch sử dụng đất đai; thực hiện nghiêm pháp luật về đất đai trong đồng bào các dân tộc. **TS Nguyễn Thế Huệ** (Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Dân số và Phát triển, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam) cho rằng, để giải quyết tốt vấn đề dân số, phân bố dân cư, nguồn nhân lực trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở các vùng dân tộc và miền núi, chúng ta cần thực hiện một số giải pháp: 1- Tăng cường công tác truyền thông, vận động về dân số với hình thức và nội dung dễ hiểu, phù hợp với trình độ nhận thức của đồng bào các dân tộc; 2 - Có kế hoạch phân bố dân cư phù hợp với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tạo điều kiện cho các dân tộc đều có cơ hội phát triển.

***4 - Vấn đề xây dựng đội ngũ cán bộ, xây dựng hệ thống chính trị cơ sở trong sạch, vững mạnh ở các vùng dân tộc thiểu số và miền núi***

Nhiều ý kiến cho rằng, từ khi thực hiện công cuộc đổi mới đến nay, hệ thống chính trị cơ sở ở các vùng dân tộc thiểu số và miền núi có nhiều chuyển biến tích cực, nhưng vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế, yếu kém như: Nội dung, phương thức hoạt động của các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể nhân dân còn xơ cứng, chậm đổi mới; hiệu quả, hiệu lực quản lý, điều hành của bộ máy chính quyền còn nhiều yếu kém, thậm chí có nơi thể hiện sự bất lực; trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ còn hạn chế; điều kiện, phương tiện làm việc của các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể nhân dân còn thiếu thốn.

Để đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở ở các vùng dân tộc thiểu số và miền núi, theo **TS Đặng Quốc Tiến** (Thứ trưởng Bộ Nội vụ), chúng ta cần thực


Digitized by Google

hiện một số giải pháp cụ thể như: 1- Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cho đội ngũ cán bộ; 2 - Có chính sách, cơ chế cụ thể, đồng bộ trong việc tạo nguồn cán bộ tại chỗ và thu hút cán bộ trẻ; 3 - Xây dựng đội ngũ công chức dự bị để bổ sung cho các huyện miền núi vùng cao; 4 - Xác định rõ, cụ thể chức năng, nhiệm vụ cho từng tổ chức trong hệ thống chính trị. Trong tham luận *Xây dựng và phát huy vai trò của hệ thống chính trị cơ sở trong các vùng dân tộc thiểu số*, đồng chí **Thái Sơn** (Tạp chí Cộng sản) đưa ra một số giải pháp cụ thể nhằm củng cố, phát huy vai trò của hệ thống chính trị cơ sở ở các vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Đáng chú ý là giải pháp: Tiến hành rà soát, điều tra cơ bản thực trạng tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở; từ đó, xây dựng quy chế, chương trình hành động, hoạt động phù hợp với điều kiện của từng vùng, từng dân tộc.

Liên quan đến vấn đề nói trên còn có vấn đề phát huy vai trò của người có uy tín trong cộng đồng dân tộc thiểu số. Về vấn đề này, **TS Đỗ Nhật Tân** (Trưởng Ban Chính trị - Triết học, Tạp chí Cộng sản), với tham luận *Vai trò của người có uy tín ở cộng đồng dân tộc thiểu số trong thực hiện chính sách dân tộc*, đi sâu phân tích vị trí, vai trò của người có uy tín trong cộng đồng đối với cuộc sống của đồng bào các dân tộc, cũng như sự ảnh hưởng tích cực của họ đối với việc thực hiện chính sách dân tộc. Theo đồng chí, trong tình hình hiện nay, chúng ta cần có những chủ trương, chính sách và giải pháp thích hợp để phát huy hơn nữa vai trò của họ đối với việc thực hiện chính sách dân tộc.

***5 - Vấn đề giữ gìn và phát huy những giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc***

Nhiều ý kiến cho rằng, từ nhiều năm nay, Đảng và Nhà nước ta đã cố gắng tạo điều kiện thuận lợi để đồng bào các dân tộc vừa tiếp thu, hưởng thụ các thành tựu văn hóa mới, vừa giữ gìn và phát huy những giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc mình. Tuy nhiên, cho đến nay, mức hưởng thụ văn hóa của đồng bào các dân tộc còn thấp. Theo **TS Chu Thái Thành** (Phó Trưởng Ban Văn - Xã, Tạp chí Cộng sản), hiện nay vẫn còn khoảng cách khá xa trong việc xây dựng và hưởng thụ các giá trị văn hóa giữa các tộc người. Việc gìn giữ và phát huy những giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số còn nhiều hạn chế. Đồng chí **Hoàng Tuấn Cư** (Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc) cho rằng, một trong những nguyên nhân chính dẫn đến sự hạn chế đó là, kinh phí dành cho việc sưu tầm, phục chế, dịch thuật, ấn hành... các vốn văn hóa cổ còn quá thiếu thốn, ít ỏi. Và, theo **ThS Nguyễn Vũ Cân** (Tạp chí Cộng sản), trong việc nhìn nhận, đánh giá văn hóa cổ truyền của dân tộc, có một số khuynh hướng lệch lạc, mới chỉ nhìn thấy cái chung, cái phổ biến của cả nước mà chưa nhìn thấy cái riêng, cái đặc thù của từng địa phương, từng dân tộc.

Đóng góp ý kiến vào việc giữ gìn và phát huy những giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc, một số đồng chí đưa ra những giải pháp thiết thực, có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn. Với tham luận *Một số giải pháp giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc ở miền núi - dân tộc thiểu số hiện nay*, đồng chí **Phạm Hiệp** (Tạp chí Cộng sản) đề xuất một số giải pháp như: Đẩy mạnh việc nghiên cứu, kiểm kê, đánh giá các giá trị văn hóa của các dân tộc; phục hồi và tổ chức tốt các lễ hội truyền thống của các dân tộc; sưu tầm và giới thiệu văn hóa dân gian của các dân tộc... Ở một góc độ khác, đồng chí **Trịnh Cường** (Tạp chí Cộng sản) cũng đề xuất nhiều giải pháp, trong đó có một giải pháp rất thiết thực, cụ thể là: Khuyến khích các


Digitized by Google

già làng, nghệ nhân truyền lại cho con cháu vốn văn hóa cổ truyền.

Bàn về việc bảo tồn và phát triển ngôn ngữ, chữ viết của các dân tộc thiểu số, **TS Trần Thị Nam** (Tạp chí Cộng sản) cho rằng, cần có chính sách cụ thể để đẩy nhanh tốc độ và nâng cao hơn nữa chất lượng dạy học tiếng dân tộc trong các trường ở vùng dân tộc, đặc biệt là trong các trường tiểu học và trường sư phạm.

***6 - Vấn đề tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở các vùng dân tộc thiểu số và miền núi***

Nhiều ý kiến cho rằng, muốn thực hiện tốt nhiệm vụ tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở các vùng dân tộc thiểu số và miền núi, chúng ta cần giải quyết đồng bộ một loạt vấn đề, trong đó dành sự ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng, an ninh và thực hiện chính sách tín ngưỡng, tôn giáo.

Theo đồng chí **Nguyễn Phúc Thanh,** chúng ta cần tập trung vào một số giải pháp sau: 1 - Tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng đối với quá trình triển khai các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; 2 - Tăng cường công tác nắm và nghiên cứu, đánh giá đúng âm mưu, thủ đoạn hoạt động của các thế lực thù địch; 3 - Đầu tư xây dựng để nâng cao chất lượng tổng hợp của các lực lượng vũ trang; 4 - Đẩy mạnh xây dựng cơ sở chính trị như bổ sung cán bộ, tăng cường các đội công tác quần chúng của quân đội, công an và các đoàn thể.

Bàn về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng, an ninh ở các vùng dân tộc và miền núi, **Thiếu tướng Hồ Sĩ Hậu** (Cục trưởng Cục Kinh tế, Bộ Quốc phòng) cho rằng, trong những năm tới, Nhà nước và Bộ Quốc phòng cần tăng cường xây dựng các khu kinh tế - quốc phòng và các vùng dự án vừa đạt được mục tiêu giữ vững quốc phòng, an ninh cho đất nước, vừa góp phần xóa đói giảm nghèo cho phần lớn các hộ dân quanh các khu, các vùng đó.

Theo **PGS,TS Nguyễn Hồng Dương** (Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam), để góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở các vùng dân tộc thiểu số và miền núi, chúng ta cần thực hiện tốt chính sách tín ngưỡng, tôn giáo ở các vùng này. Và, để thực hiện tốt chính sách đó, cần tập trung vào những biện pháp: 1- Nhận thức đầy đủ quan điểm của Đảng: Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân; 2 - Kết hợp chặt chẽ việc thực hiện chính sách dân tộc với chính sách tôn giáo; 3 - Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo đáp ứng nhu cầu thực tiễn.

*

Cuộc Hội thảo đã diễn ra sôi nổi và thành công tốt đẹp. Đồng chí **Ksor Phước** kết luận: Ít có hội thảo nhận được nhiều tham luận như Hội thảo này (52 tham luận). Các ý kiến đều nhất trí khẳng định, trong thời gian qua, nhờ thực hiện tốt chính sách dân tộc, công tác dân tộc, chúng ta đã đạt được nhiều thành tựu to lớn trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở các vùng dân tộc và miền núi. Tuy nhiên, việc thực hiện chính sách dân tộc, công tác dân tộc còn bộc lộ nhiều hạn chế, yếu kém và do đó, vẫn chưa khắc phục được hết những khó khăn, thiếu thốn trong đời sống của đồng bào các dân tộc. Thêm nữa, còn có những chính sách dân tộc chưa sát đúng với thực tế và chưa phù hợp với nguyện vọng của nhân dân. Bởi vậy, đổi mới chính sách dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách hiện nay.

**PHÙNG ĐÔNG**
(Tổng thuật)

# ĐỒNG THÁP
# THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ

HUỲNH MINH ĐOÀN *

SAU khi tiếp thu Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 18-2-1998, của Bộ Chính trị, các nghị định của Chính phủ, các văn bản hướng dẫn của các bộ, ngành ở trung ương về xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở (từ đây viết gọn là Quy chế), Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Tháp ra Chỉ thị số 12-CT/TU, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 08-KH/UB để chỉ đạo và hướng dẫn các cấp, các ngành trong tỉnh triển khai tổ chức thực hiện. Tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo (ở tỉnh, huyện) và Ban Tổ chức thực hiện (ở cơ sở, cơ quan, doanh nghiệp) do đồng chí thường trực cấp ủy làm Trưởng Ban. Việc triển khai được tiến hành thận trọng, từ nội bộ cơ quan đến nhân dân và thực hiên phương châm đi từ điểm đến diện. Cùng với tổ chức tập huấn cho gần 3 500 báo cáo viên của các huyện và các đơn vị điểm; tổ chức quán triệt nội dung của Quy chế đến ấp, khóm, chi, tổ hội ở 139 xã của toàn tỉnh cho 13 799 cán bộ; tỉnh đã cho in và phát 300 000 quyển tài liệu phổ biến về Quy chế; đồng thời, hỗ trợ về kinh phí phục vụ cho công tác triển khai. Các hình thức phỏng vấn, giải đáp qua các phương tiện thông tin đại chúng... được triển khai rộng khắp và thường xuyên. Hình thức phổ biến là tập trung các hộ dân cư theo ấp, khóm, (bình quân từ 40 đến 50 hộ) để học tập. Kết quả 100% số xã trong tỉnh tổ chức triển khai trên 6 493 điểm, thu hút 267 687 đại diện hộ gia đình tham gia, đạt gần 90% tổng số hộ toàn tỉnh. Khối các cơ quan cấp tỉnh đã tập huấn cho trên 100 trưởng phòng, chuyên viên và triển khai cho gần 100% số cán bộ, công chức học tập dưới nhiều hình thức khác nhau. Đến đầu năm 2000, công tác triển khai quán triệt và thực hiện Quy chế cơ bản hoàn thành. Tháng 7-2001, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức sơ kết 3 năm thực hiện Quy chế. Sau đó, tỉnh chỉ đạo tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Quy chế theo tinh thần Chỉ thị số 10-CT/TW, ngày 28-3-2002, của Ban Bí thư và Hướng dẫn số 145-HD/TW, ngày 15-4-2002, của Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế Dân chủ Trung ương.

Những nơi làm lướt, thiếu liên tục, hiệu quả thấp đều được kiểm tra, uốn nắn kịp thời. Ban chỉ đạo các cấp đều xây dựng chương trình hoạt động cụ thể, thực hiện kiểm tra chặt chẽ và thường xuyên. Qua triển khai thực hiện, không khí dân chủ được mở rộng; ý thức tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân được nâng lên; lề lối làm việc và phương thức điều hành của chính quyền các cấp có sự chuyển biến khá mạnh mẽ. Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, hội quần chúng phấn khởi, tích cực phát huy vai trò nòng cốt trong tổ chức thực hiện Quy chế. Ở nhiều nơi, có 100% các hộ có đại diện dự học và tham gia ý kiến sôi nổi, thẳng thắn.

*Đối với các cấp ủy:* Việc thực hiện Quy chế đã góp phần làm chuyển biến một cách sâu sắc

* Bí thư Tỉnh ủy Đồng Tháp


Digitized by Google

về phương thức lãnh đạo, trước hết là sự thay đổi nhận thức về tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ nhân dân. Việc gần dân, sát dân và tôn trọng nhân dân đã thắt chặt hơn mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân. Năm năm qua, các cấp ủy trong tỉnh đã có nhiều chủ trương và biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo rất thiết thực nhằm tăng cường đổi mới công tác dân vận, phát huy dân chủ ở cơ sở. Điều này được thể hiện rất rõ trong chủ trương phát triển kinh tế đi đôi với giải quyết các vấn đề xã hội, nhất là những lĩnh vực liên quan trực tiếp đến đời sống nhân dân. Nhiều cơ sở đảng tổ chức cho nhân dân góp ý kiến xây dựng Đảng bằng nhiều hình thức như: đặt hòm thư góp ý xây dựng Đảng; gửi báo cáo kiểm điểm của cấp ủy, của đảng viên để nhân dân góp ý; cử đảng viên về sinh hoạt ở nơi cư trú; tham khảo quần chúng nơi công tác và cư trú trước khi đề bạt đảng viên vào các chức danh chủ chốt, v.v.. Dân càng tin Đảng, từ đó đã tham gia thực hiện Quy chế một cách tích cực và tự nguyện, góp phần vào sự thành công của Đại hội đảng bộ các cấp, bầu cử Đại biểu Quốc hội vừa qua và chuẩn bị tốt cho việc bầu cử Hội đồng nhân dân ba cấp mới đây.

*Đối với chính quyền:* Cùng với thực hiện cải cách hành chính, quá trình thực hiện Quy chế đã thực sự làm chuyển biến lề lối làm việc và phương thức điều hành của các cấp chính quyền. Bộ máy các cơ quan hành chính được tiếp tục củng cố và kiện toàn; đội ngũ cán bộ, công chức được đào tạo lại về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Công tác cải cách hành chính theo mô hình "một cửa" ngày càng ổn định và đi vào nền nếp, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy. Tinh thần dân chủ, công khai được chính quyền và thủ trưởng các cơ quan, doanh nghiệp chủ động thực hiện; việc thông báo, niêm yết các thủ tục hành chính, việc tiếp dân tại trụ sở Ủy ban nhân dân trở thành nền nếp; nhiều nghị quyết, quyết định, nội dung các kỳ họp Hội đồng nhân dân được thông báo công khai để nhân dân góp ý kiến, v.v.. Nhờ vậy, bệnh quan liêu mệnh lệnh ở cơ sở đã giảm rõ rệt. Qua hai nhiệm kỳ, hầu hết các trưởng ấp, trưởng khóm đều được bầu cử theo đúng trình tự thủ tục, tỷ lệ người đi bầu đạt trên 90%.

Các đoàn thể quần chúng, trong đó điển hình là Mặt trận Tổ quốc đã phát huy ngày càng hiệu quả vai trò trung tâm trong việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân; tập hợp ngày càng đông đảo và rộng rãi các tổ chức xã hội, các nhân sĩ, trí thức, doanh nhân, kiều bào, các chức sắc tôn giáo... hoạt động đúng hướng; kết hợp chặt chẽ, hài hòa hai mục tiêu: chăm lo, đáp ứng những lợi ích thiết thực, chính đáng của quần chúng và huy động, khai thác tiềm năng của quần chúng vào sự nghiệp xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội. Mặt trận Tổ quốc đã khởi xướng và phát huy vai trò nòng cốt trong nhiều phong trào dân sinh, phong trào cách mạng, góp phần tích cực vào quá trình xã hội hóa các lĩnh vực của đời sống.

*Đối với các doanh nghiệp nhà nước*: Quá trình thực hiện những quy chế, quy ước mà chủ yếu là về phân phối tiền lương, tiền thưởng, quản lý tài chính; về quy chế tuyển dụng, đề bạt, đào tạo cán bộ... theo Quy chế được người lao động tích cực tham gia. Các doanh nghiệp kết hợp chặt chẽ việc thực hiện Quy chế với thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị, tạo sự chuyển biến về phương thức lãnh đạo của các cấp ủy, sự điều hành của giám đốc và vai trò nòng cốt của các đoàn thể. Nhờ đó, nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động được giải quyết hài hòa, hiệu quả; khơi dậy tiềm năng trong cán bộ, công nhân viên; tạo sự gắn bó trách nhiệm giữa giám đốc và người lao động; củng cố, xây dựng doanh nghiệp; từng bước giải quyết kịp thời những nguyện vọng và nhu cầu của người lao động.

Việc thực hiện Quy chế ở Đồng Tháp tuy kết quả chưa đồng đều đã góp phần quan trọng làm chuyển biến tích cực trên tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội.

*Trên lĩnh vực kinh tế*, phong trào sản xuất, kinh doanh sôi động trong toàn tỉnh đã tạo nên năng suất, chất lượng và nhịp độ tăng trưởng kinh tế 5 năm qua đạt khá cao. Ở nông thôn, nông dân phát huy quyền làm chủ trong kinh tế


Digitized by Google

hộ gia đình và tích cực tham gia kinh tế hợp tác; tham gia chuyển đổi cơ cấu kinh tế, đi vào thâm canh, chuyển vụ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, con vật nuôi. Ở các khu vực dịch vụ, tiểu - thủ công nghiệp, nhân dân chủ động sắp xếp lại sản xuất, phát triển ngành nghề, đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh, mở mang dịch vụ, tự tạo việc làm, từ đó đã xuất hiện nhiều điển hình làm giàu chính đáng, nhiều hình thức hợp tác mới.

*Về công tác xã hội:* Dấy lên nhiều phong trào quần chúng sâu rộng có sức thu hút đông đảo nhân dân tham gia. Nổi bật là nhân dân đã đóng góp hàng trăm tỉ đồng cùng với Nhà nước xây dựng nhiều công trình kết cấu hạ tầng ở nông thôn. Phong trào "Xóa đói giảm nghèo" được Đảng bộ tỉnh phát động từ đầu những năm 90, đã trở thành phong trào dân sinh toàn diện: gắn trợ vốn với trợ nghề, tạo việc làm, nâng cao dân trí... Hằng năm, đã giải quyết cho trên 37 000 lượt hộ đói nghèo được vay vốn làm ăn với số vốn trên 60 tỉ đồng; giúp hàng ngàn nông dân nghèo đủ điều kiện vay gần 4 tỉ đồng để chuộc lại đất. Các đoàn thể cũng tăng cường đẩy mạnh phong trào tương trợ nhau làm kinh tế gia đình, thành lập các tổ hùn vốn, xoay vòng vốn v.v.. Nhờ đó, đã góp phần giúp các hộ sớm thoát nghèo bình quân từ 1,5 đến 2%/năm và giảm số hộ nghèo từ 15% (năm 2000) xuống khoảng 7,31%.

Phong trào "Đền ơn đáp nghĩa" cũng là những điểm sáng trong đời sống của người dân Đồng Tháp. Đến nay, toàn tỉnh đã xây dựng và trao tặng 2 234 nhà tình nghĩa; tiếp tục phụng dưỡng cho 157 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng; nhiều cuộc vận động theo giới và đối tượng thường xuyên được phát động; trong đó, các đoàn thể, hội quần chúng đã giúp hàng ngàn tỉ đồng cho các đối tượng thuộc các chính sách xã hội.

Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" đã từng bước đi vào chiều sâu với các mục tiêu dân sinh, dân chủ cụ thể và thiết thực ở từng cộng đồng dân cư. Hiện, toàn tỉnh có 91,11% số hộ đăng ký và 84,5% số hộ đạt chuẩn "Gia đình văn hóa"; có 450/607 khóm, ấp được công nhận "Ấp văn hóa". Các chương trình chăm lo đời sống nhân dân, giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, phát huy tình làng nghĩa xóm, v.v.. đều có sự chuyển biến đáng kể, tạo sức mạnh cho phong trào và được nhân dân đồng tình hưởng ứng.

Từ thực tiễn 5 năm thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở, bước đầu có thể rút ra một số kinh nghiệm sau.

*Một là,* cần quán triệt quan điểm: thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở là một chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước, nhằm tạo động lực cho sự nghiệp đổi mới. Đây là một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng hàng đầu của Đảng bộ và các tổ chức chính trị - xã hội trong tỉnh. Thực hiện tốt các nội dung Quy chế sẽ tạo động lực và nền tảng cho Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng đi vào chiều sâu. Thực tế cho thấy, ở đâu cấp ủy có trách nhiệm đầy đủ, có quyết tâm lãnh đạo, phân công trách nhiệm rõ ràng, tự mình làm gương... thì ở đó, Quy chế nhanh chóng đi vào thực tiễn và có sức sống mạnh mẽ.

*Hai là,* phát huy dân chủ phải đi liền với bảo đảm kỷ cương, kỷ luật; kết hợp đúng đắn dân chủ đại diện với dân chủ trực tiếp; bảo đảm đúng nguyên tắc Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ trong thực hiện cải cách hành chính. Những vấn đề liên quan trực tiếp đến dân phải thực hiện tốt phương châm *dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra;* trên cơ sở đó nâng cao dân trí, giúp dân hiểu rõ và hiểu đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Mặt khác, phải gắn thực hiện Quy chế với thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với bảo đảm an ninh - quốc phòng.

*Ba là,* trong quá trình thực hiện Quy chế, cần có sự phối hợp chặt chẽ trong lãnh đạo, chỉ đạo giữa các cấp, các ngành; có sự đồng thuận cao từ trong nội bộ Đảng, chính quyền tới dân và từ tỉnh đến huyện, xã, phường, ấp v.v.. Mặt khác, phải kịp thời sơ kết, tổng kết, biểu dương những việc làm tốt, nhân rộng những kinh nghiệm hay; đồng thời phê bình, xử lý nghiêm túc những trường hợp vi phạm.


Digitized by Google

*Bốn là*, phải gắn cuộc vận động thực hiện Quy chế với các cuộc vận động lớn của Đảng, nhất là phải giải quyết kịp thời, có hiệu quả các công việc của từng địa phương. Trong đó, cần tập trung xử lý dứt điểm những sự vụ và vấn đề trọng tâm, trọng điểm bằng các biện pháp hữu hiệu.

Bên cạnh những kết quả trên, việc thực hiện Quy chế trong thời gian qua ở Đồng Tháp vẫn còn những hạn chế, khiếm khuyết cần chỉnh sửa, khắc phục.

Trước hết, đó là Quy chế vừa dài vừa chưa sát với trình độ dân trí nên người dân khó nhớ, khó tiếp nhận, dẫn đến việc nhận thức và thực hiện chưa đồng bộ, đồng đều và sâu, rộng. Một số điểm trong Quy chế có thể phù hợp với địa bàn và vùng dân cư này, nhưng lại khó thực hiện với địa bàn và vùng dân cư khác. Trong quá trình triển khai thực hiện, lượng thông tin hai chiều còn hạn chế, nhất là những thông tin về các vấn đề nổi cộm, bức xúc mà nhân dân kiến nghị và nóng lòng mong được giải quyết; từ đó dẫn đến việc bảo đảm phát huy dân chủ còn hạn chế. Các công trình kết cấu hạ tầng của trung ương triển khai trên địa bàn tỉnh, do nhân dân chưa được thông tin công khai, kịp thời, cho nên làm hạn chế trong việc thực hiện quyền kiểm tra, giám sát của mình. Cuối cùng là, trong khi đội ngũ cán bộ ở cơ sở, nhất là cán bộ các ngành tư pháp, địa chính, ... còn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng, tỉnh chưa có chính sách đãi ngộ thiết thực, thỏa đáng để khuyến khích họ phát huy vai trò, nhiệm vụ của mình trong quá trình tham gia thực hiện Quy chế.

Để phát huy hơn nữa hiệu quả của Quy chế Dân chủ ở cơ sở, Đồng Tháp thống nhất sẽ tiếp tục thực hiện tốt những nhiệm vụ sau đây:

*Thứ nhất*, tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW, của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Công văn số 151-CV/TU, của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Về *đẩy mạnh việc xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở*. Thường xuyên củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức thực hiện Quy chế các cấp; đồng thời, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện.

*Thứ hai*, tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, vận động giáo dục, thuyết phục quần chúng thực hiện Quy chế theo các loại hình cơ sở; tăng cường biểu dương "người tốt, việc tốt", những mô hình hay, những việc làm tiêu biểu... Chú trọng tuyên truyền các nội dung của Quy chế theo cả chiều rộng và chiều sâu trên các phương tiện thông tin đại chúng. Cần triển khai tổ chức cuộc vận động sâu rộng trong quần chúng; tranh thủ sự ủng hộ của các chức sắc tôn giáo trong việc tuyên truyền và thực hiện Quy chế.

*Thứ ba*, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân cần phát huy vai trò chủ động vận động nhân dân thực hiện và giám sát việc thực hiện Quy chế. Gắn thực hiện Quy chế với thực hiện chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức, từng mặt công tác cũng như trách nhiệm của từng cá nhân, trước hết là người đứng đầu.

*Thứ tư*, tập trung sự lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân theo kế hoạch số 27-KH/TU ngày 4-6-2002 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính; rà soát chức năng, nhiệm vụ của các sở, ban, ngành để bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước. Tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên phải gương mẫu thực hiện dân chủ, giữ nghiêm kỷ luật của Đảng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất, năng lực; có tinh thần trách nhiệm, thành thạo về chuyên môn, nghiệp vụ.

Thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở là một chủ trương lớn có tính nhất quán của Đảng ta. Vì vậy, phát huy quyền làm chủ và thực hiện tốt Quy chế là giải pháp tốt nhất nhằm phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, của khối đại đoàn kết toàn dân tộc; thiết thực góp phần thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội IX của Đảng. ❑

# Đà Nẵng xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc

PHAN NHƯ LÂM*

CHÚNG ta nhận thức sâu sắc rằng, bản chất của nền văn hóa không tách rời với con đường toàn dân tộc đang đi, đó chính là *độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội*. Hồ Chí Minh căn dặn: ***"Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi"*** và xác định *văn hóa là một mặt căn bản của xã hội*, do đó, trong công cuộc kiến thiết nước nhà có bốn vấn đề phải chú ý đến, cũng phải coi trọng ngang nhau, đó là chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa. Công cuộc đổi mới toàn diện, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu *"dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"* đòi hỏi phải xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng nền tảng tinh thần của dân tộc ta, coi đó vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung và thành phố Đà Nẵng nói riêng.

Nhìn lại chặng đường 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, Đà Nẵng đã đạt được những thành tựu đáng kể.

Chủ động và tích cực phổ biến, tuyên truyền Nghị quyết Trung ương 5, tạo ra chuyển biến về nhận thức của cả hệ thống chính trị về vai trò của văn hóa với ý nghĩa vừa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố trong những năm qua, nhất là gần 3 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và Nghị quyết Đại hội 18 của Đảng bộ thành phố. Đà Nẵng đã tập trung xây dựng con người Đà Nẵng theo định hướng mà Chương trình hành động của Thành ủy đề ra. Đó là con người có bản lĩnh vững vàng, năng động, sáng tạo, có ý thức cộng đồng và tinh thần hợp tác, biết kế thừa và phát huy tinh hoa văn hóa Việt Nam và văn hóa Đất Quảng, kết hợp với tiếp thu có chọn lọc văn hóa nhân loại, gắn bó sắt son với sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Việc xây dựng con người Đà Nẵng còn thể hiện ở quyết tâm chống các hành vi tiêu cực trong cán bộ, công chức của bộ máy đảng, chính quyền các cấp.

Bằng việc ưu tiên cho phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, Đà Nẵng đã đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục đúng độ tuổi, xoá mù chữ đến người cuối cùng trong độ tuổi 6 đến 35, phổ cập trung học cơ sở đúng độ tuổi; 19/47 xã, phường hoàn thành phổ cập trung học phổ thông và phát triển 30/47 trung tâm học tập cộng động tại xã, phường. Cơ sở vật chất kỹ thuật và các trang thiết bị dạy và học không ngừng được hoàn thiện và hiện đại hóa.

Việc đầu tư cho hoạt động phát triển sự nghiệp văn học - nghệ thuật, báo chí - xuất bản, phát thanh - truyền hình, bảo tồn và phát huy di sản văn hóa vật thể và phi vật thể trên địa bàn thành phố có nhiều tiến bộ. Đà Nẵng đã đầu tư xây dựng các công trình văn hóa trọng điểm như công trình mở rộng Bảo tàng Chăm, xây dựng

* Phó Bí thư Thường trực Thành ủy Đà Nẵng


Digitized by Google

mới Công viên nước, Nhà hát Tuồng Nguyễn Hiển Dĩnh, khu du lịch Bà Nà, nâng cấp đình Nại Nam và nhiều công trình văn hóa khác; chú trọng đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa cơ sở như hệ thống bưu điện - văn hóa xã, các điểm vui chơi; đặc biệt là các thiết chế văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn thành phố được xây dựng thành chương trình, dự án và tổ chức thực hiện có kết quả như xây dựng nhà rông cho đồng bào dân tộc Cà Tu tại các xã miền núi của huyện Hòa Vang.

Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" phát triển sâu rộng, với sự hưởng ứng tích cực của mọi tầng lớp nhân dân. Số hộ đạt chuẩn gia đình văn hóa, số khu dân cư văn hóa, xã, phường văn hóa, cơ quan, đơn vị văn hóa... hằng năm đều tăng, góp phần quan trọng vào việc xây dựng đời sống tinh thần lành mạnh, phong phú của nhân dân, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Công tác quản lý nhà nước về văn hóa và các dịch vụ văn hóa có nhiều tiến bộ, nhất là tính tích cực, chủ động kiên quyết với các giải pháp thiết thực, đã tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trên nhiều mặt. Rõ ràng là, thành quả trong sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa của Đà Nẵng trong 5 năm qua, được khởi nguồn bắt đầu từ việc nhận thức đúng về vị trí, vai trò cực kỳ quan trọng của văn hóa của các cấp ủy, chính quyền các cấp, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội từ thành phố đến cơ sở.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 và Chương trình hành động của Thành ủy về văn hóa còn bộc lộ nhiều yếu kém và khuyết điểm:

+ Một số cấp ủy, chính quyền, các cơ quan liên quan đến văn hóa nhận thức không đầy đủ về vị trí, tầm quan trọng của văn hóa trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của thành phố và của đất nước. Việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nghị quyết chưa thật nghiêm túc, nên kết quả trên một số lĩnh vực hoạt động văn hóa còn hạn chế. Các cấp chính quyền chưa quan tâm đầu tư đúng mức cả về thời gian, công sức và nguồn lực cho phát triển sự nghiệp văn hóa, chưa đặt văn hóa ngang tầm với các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, còn tình trạng "khoán trắng" cho ngành chủ quản.

+ Công tác quản lý báo chí, văn hóa và dịch vụ văn hóa bị buông lỏng ở nhiều mặt, nhiều lúc và nhiều nơi, làm nảy sinh nhiều khuynh hướng không lành mạnh (như quản lý các dịch vụ in-tơ-nét công cộng, các tụ điểm ka-ra-ô-kê...). Hoạt động sáng tác văn học - nghệ thuật chưa đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân. Trong hoạt động văn hóa, văn học - nghệ thuật, chưa đấu tranh kiên quyết với những quan điểm mơ hồ, sai trái, khuynh hướng "thương mại hóa", lai căng, chạy theo thị hiếu tầm thường. Trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, nghiên cứu khoa học - công nghệ, văn học - nghệ thuật, báo chí - xuất bản... việc quản lý còn nhiều bất cập.

+ Trong nền kinh tế thị trường, nhiều giá trị văn hóa và đạo đức xã hội bị tác động xấu và suy giảm. Tình trạng tham nhũng, suy thoái về đạo đức, về lối sống, về tư tưởng chính trị của một số cán bộ, đảng viên (nhất là cán bộ có chức, có quyền),... gây ảnh hưởng xấu tới niềm tin của nhân dân, vô hình tạo môi trường và điều kiện cho những hoạt động phản văn hóa nảy nở. Đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa vừa thiếu vừa yếu, công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng chưa được chú trọng đúng mức, nhất là công tác chiêu hiền đãi sĩ trên mặt trận văn hóa còn yếu. Điều đáng nói là, cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ cho hoạt động văn hóa còn yếu kém, nghèo nàn, chưa ngang tầm với thành phố đô thị loại I cấp quốc gia. Việc xây dựng các thiết chế văn hóa chưa đáp ứng yêu cầu phục vụ các hoạt động văn hóa ở cơ sở.

Những yếu kém và khuyết điểm nêu trên có cả nguyên nhân chủ quan và khách quan, nhưng trước hết trách nhiệm thuộc về Ban Thường vụ Thành ủy, nhất là sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với văn hóa chưa ngang tầm với yêu cầu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Trung ương 5 đề ra. Ban Thường vụ Thành ủy cũng yêu cầu các cấp ủy đảng,


Digitized by Google

chính quyền, mặt trận và các đoàn thể nghiêm túc kiểm điểm để thấy trách nhiệm của mình trong việc lãnh đạo, chỉ đạo phát triển sự nghiệp văn hóa.

Vừa qua, Bộ chính trị đã ra Nghị quyết về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong đó, Bộ Chính trị đã khẳng định vị trí của thành phố Đà Nẵng đối với khu vực và cả nước; đồng thời yêu cầu Đảng bộ và nhân dân Đà Nẵng phải nỗ lực phấn đấu xây dựng Thành phố trở thành một trong những địa phương đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và cơ bản trở thành một thành phố công nghiệp trước năm 2020. Yêu cầu này đặt ra cho Đảng bộ và nhân dân thành phố những nhiệm vụ nặng nề, trong đó nhiệm vụ xây dựng và phát triển nền văn hóa càng to lớn. Để làm tốt trọng trách đó, Đà Nẵng tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả những nội dung cơ bản sau đây:

***Một là,*** tiếp tục tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Chỉ thị 18-CT/TW, tháng 1-2003, của Ban Bí thư Trung ương Đảng về *Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) trong tình hình mới,* Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 16-10-2003, *Về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước* gắn với thực hiện Chỉ thị 11-CT/TU của Ban Thường vụ Thành ủy về chống quan liêu, tiêu cực trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Điều quan trọng là, nâng cao nhận thức của các cấp ủy, chính quyền các cấp, Mặt trận, đoàn thể đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa gắn với trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo để thực hiện tốt các quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp mà Nghị quyết Trung ương 5 và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 do Thành ủy đề ra. Ở đây, điều cốt lõi nhất là sau khi kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 5, các cấp, các ngành phải nhận rõ, đề ra các biện pháp thực hiện và thực hiện ngày càng tốt hơn.

***Hai là,*** không ngừng đổi mới sự lãnh đạo của các cấp ủy và sự quản lý của nhà nước ở các cấp đối với văn học - nghệ thuật nói riêng, đối với toàn bộ sự nghiệp văn hóa nói chung. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu văn học - nghệ thuật, phát triển văn hóa dân tộc, văn hóa đất Quảng vừa đa dạng, vừa thống nhất, đậm đà bản sắc dân tộc và truyền thống quê hương, tăng cường giao lưu, hợp tác với các địa phương trong nước và quốc tế.

***Ba là,*** tiếp tục nghiên cứu xây dựng và ban hành các chính sách cụ thể về văn hóa, tạo điều kiện cho văn nghệ sĩ và những người hoạt động văn hóa sáng tạo ra những tác phẩm có giá trị, được đông đảo công chúng tiếp nhận; tăng nguồn đầu tư cho sự nghiệp xây dựng văn hóa, văn học - nghệ thuật, nâng cấp và hoàn chỉnh các thiết chế văn hóa từ thành phố đến cơ sở phù hợp với yêu cầu phát triển của thành phố trong tình hình mới; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng các tài năng văn hóa nghệ thuật.

***Bốn là,*** không ngừng đẩy mạnh phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" đi vào chiều sâu và có hiệu quả hơn, để mỗi gia đình, mỗi thôn, mỗi khu dân cư, mỗi xã, phường, mỗi cộng đồng xã hội là một cộng đồng văn hóa giàu sức sống, đề kháng mạnh mẽ sự xuống cấp về văn hóa, đạo đức, bài trừ những tệ nạn xã hội, xây dựng môi trường văn hóa ngày càng lành mạnh, văn minh; để mỗi công dân Đà Nẵng có được những phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam hiện đại, có nếp sống văn minh, lành mạnh phù hợp với quá trình đô thị hóa và đủ sức chống lại những tác động tiêu cực của kinh tế thị trường. Văn hóa phải góp phần xây dựng những hình mẫu của thời kỳ đổi mới, hướng con người tới cái chân - thiện - mỹ, nuôi dưỡng và phát triển các giá trị tốt đẹp của con người Việt Nam, của truyền thống dân tộc, truyền thống con người Đất Quảng, hình thành những nhân tố mới bền vững trong mỗi con người và cả thành phố. Chú trọng phát huy truyền thống *"trung dũng*

*(Xem tiếp trang 63)*


Digitized by Google

# Xóa đói, giảm nghèo và phát triển kinh tế ở huyện miền núi Đà Bắc - Hòa Bình

PHẠM NGỌC DŨNG *

LÀ một huyện vùng cao của tỉnh Hòa Bình, Đà Bắc có diện tích tự nhiên 836,68 km²; phía bắc giáp tỉnh Phú Thọ, phía nam giáp huyện Mai Châu và huyện Tân Lạc, phía đông giáp thị xã Hòa Bình và huyện Kỳ Sơn. Toàn huyện có 21 xã, thị trấn; số dân trên 50 vạn người, với 5 dân tộc cùng sinh sống xen cư với nhau, gồm dân tộc Tày (41,49%), dân tộc Mường (35%), dân tộc Dao (12,44%), dân tộc Kinh (10%) và dân tộc Thái (0,065%).

1 - Dưới tác động của cơ chế và chính sách mới, nhất là việc thực hiện chính sách giao đất, giao rừng cho các hộ tự chủ sản xuất, kinh doanh, khuyến khích phát triển kinh tế hàng hóa đồi rừng theo Chương trình phủ xanh đất trống đồi núi trọc (Chương trình 327), Chương trình định canh định cư, Chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở những xã đặc biệt khó khăn miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa, Chương trình quốc gia giải quyết việc làm, đặc biệt là Chương trình 135 (năm1999) của Chính phủ, kinh tế - xã hội ở Đà Bắc đã có nhiều chuyển biến tích cực. Sản xuất nông, lâm nghiệp có bước phát triển tốt. Sản lượng lương thực có hạt tăng từ 12 537 tấn (năm 2000) lên đến 19 000 tấn (năm 2003). Chăn nuôi phát triển mạnh, nhất là chăn nuôi trâu, bò đã góp phần giải quyết sức kéo phục vụ sản xuất và cung cấp thực phẩm cho nhân dân. Huyện đã trồng mới 5 207 ha rừng, bình quân hằng năm trồng được 1 376 ha; khoanh nuôi rừng tái sinh bình quân hằng năm là 32 717 ha, tỷ lệ che phủ của rừng đạt 50%. Sản xuất tiểu - thủ công nghiệp bước đầu phát triển. Giá trị tổng sản lượng đạt từ 3,8 tỉ đồng (năm 2000) lên 4,5 tỉ đồng (năm 2002) và 5,2 tỉ đồng (năm 2003). Toàn huyện có 50 cơ sở sản xuất tiểu - thủ công nghiệp, 10 doanh nghiệp, đã giải quyết được một bộ phận đáng kể việc làm cho người lao động.

Kết cấu hạ tầng ở nông thôn tiếp tục được đầu tư phát triển. Riêng 4 năm thực hiện Chương trình 135, Chương trình định canh định cư, huyện đã đầu tư 8 967 687 000 đồng, làm được 58,71 km đường, điển hình là đường Bai - Sưng (xã Cao Sơn), đường Mơ - Ang (xã Hiền Lương), đường Mít - Diều Nọi (xã Tân Minh)..., đầu tư 2 867 596 000 đồng làm 67,6 km mương máng như ở Mỏ Sủi (xã Yên Hòa), Diềm - Ban (xã Tân Dân)...; đầu tư 3 195 395 000 đồng làm các công trình điện ở các xã Đồng Nghê, Tân Pheo, Đoàn Kết, Yên Hòa...; đầu tư 2 061 393 000 đồng làm các công trình nước sinh hoạt cho các xã Mường Tuổng, Trung Thành, Giáp Đắt, các xóm xã Vầy Nưa... Đặc biệt, huyện đầu tư 7 837 895 000 đồng xây dựng 7 256 m² phòng học[1]. Đến nay, huyện có 20/21 xã, thị trấn có đường ô-tô đến trung tâm xã, 80% số hộ dân đã sử dụng điện phục vụ sản xuất và sinh hoạt, khai hoang được 95,5 ha đất sản xuất. Số điện thoại tăng từ 46 máy (năm 2000) lên 587 máy (năm 2003), bình quân 1,16 máy/100 dân, có 14 điểm bưu điện - văn hóa xã.

---

* TS. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) Phạm Minh Sơn (2003): *Ban QL DA 135 Đà Bắc, Báo cáo tiến độ thực hiện Chương trình 135, Chương trình định canh định cư* ngày 20-11-2003


Digitized by Google

Kinh tế - xã hội phát triển, đặc biệt nhờ triển khai công tác xóa đói giảm nghèo sâu rộng nên Đà Bắc đã thoát khỏi đói, giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 39% (năm 2000) xuống 19,86% (năm 2002) và chỉ còn 16% (năm 2003)[2]. Thành tựu xóa đói, giảm nghèo của Đà Bắc là rất lớn, không chỉ góp phần phát triển kinh tế, xã hội mà còn giữ vững an ninh, trật tự an toàn xã hội, tăng cường quốc phòng an ninh trên địa bàn.

Đạt được những thành tựu trên là do công tác xóa đói giảm nghèo trong những năm gần đây luôn được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm, coi đây là vấn đề bức xúc, có ý nghĩa cơ bản, nhất là ở các vùng nông thôn, các tỉnh trung du, miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa với hệ thống chủ trương, chính sách đúng đắn, thiết thực. Mặt khác, Đà Bắc đã triển khai nhiều công việc, thực hiện tốt công tác xoá đói, giảm nghèo ở địa phương:

*Một là*, từ nhận thức rõ ý nghĩa và tầm quan trọng của việc xóa đói giảm nghèo, Huyện ủy, Ủy ban Nhân dân huyện Đà Bắc coi đây là một trong những chương trình phát triển kinh tế, xã hội vừa cấp bách, vừa lâu dài. Xuất phát từ đặc điểm của mình, huyện đã tập trung đầu tư để định canh định cư, phát triển sản xuất, xóa đói giảm nghèo cho 16/20 xã phải chuyển dân cư ra khỏi lòng hồ thủy điện Hòa Bình và 16/20 xã đặc biệt khó khăn.

*Hai là*, dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy, chính quyền các cấp đã tổ chức thực hiện, các ngành, các đoàn thể cùng vận động đưa công tác xóa đói giảm nghèo ngày càng đi vào chiều sâu, có nề nếp. Chẳng hạn, Mặt trận Tổ quốc phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư", phân bổ 63 triệu đồng tiền quỹ "Vì người nghèo" cho các hộ nghèo ở 10 xã (xã Đồng Nghê, xã Suối Nánh, xã Tân Pheo...). Hội Nông dân Đà Bắc phối hợp với Ngân hàng Nông nghiệp huyện cho nông dân vay vốn để phát triển sản xuất và chỉ đạo các chi hội ở cơ sở tăng cường hoạt động, vận động nông dân tích cực chuyển đổi cơ cấu kinh tế và thâm canh tăng năng suất cây trồng vật nuôi. Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Liên đoàn Lao động huyện... vận động nông dân áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, quyên góp ủng hộ vật chất, ngày công giúp đỡ các gia đình khó khăn, tích cực tham gia các phong trào giúp nhau làm kinh tế, xóa đói giảm nghèo, chăm lo đời sống, bảo vệ quyền lợi hợp pháp chính đáng cho người lao động.

*Ba là*, các cấp ủy, chính quyền các cấp đã lồng ghép các chương trình phát triển kinh tế - xã hội với các chương trình dự án, đặc biệt phát huy nguồn lực tại chỗ, nhờ vậy, đã có tác dụng to lớn nâng cao đời sống đồng bào các dân tộc, góp phần quan trọng trong xóa đói giảm nghèo.

*Bốn là*, các cấp ủy, chính quyền các cấp thường xuyên điều tra thực trạng đói nghèo, đi sâu tìm hiểu nguyên nhân để đề ra các biện pháp thích hợp. Đối với các hộ có người bị tàn tật, già yếu, không còn sức lao động, chuyển họ sang hình thức cứu trợ thường xuyên; những đối tượng thiếu tư liệu sản xuất sẽ được cấp thêm đất và các công cụ cần thiết; những đối tượng nghiện hút, chây lười, ỷ lại thì vừa giáo dục, vừa áp dụng các biện pháp cứng rắn, kiên quyết.

*Năm là*, nét mới trong công tác xóa đói, giảm nghèo ở Đà Bắc là chuyển đổi cơ cấu đầu tư theo hướng tập trung cho sản xuất. Điển hình là, năm 2003, huyện đã cấp giống và phân bón cho 584 hộ nghèo ở các xã Trung Thành, Đoàn Kết, Tân Minh, Tân Pheo, Giáp Đắt; hỗ trợ trồng 39,95 ha chè tuyết tại xã Trung Thành và xã Yên Hòa; hỗ trợ khai hoang phục hóa 48,388 ha ruộng nước, ruộng màu với 217 988 000 đồng. Huyện còn tổ chức tập huấn cho các hộ thiếu kiến thức, kinh nghiệm sản xuất (197 người ở các xã Trung Thành, Yên Hòa, Đoàn Kết, Tân Minh)[3];

---

(2) Huyện ủy Đà Bắc (11-2003): Các số liệu được rút từ *Báo cáo thực trạng công tác tổ chức cán bộ trong hệ thống chính trị cấp xã nhiệm kỳ 2000 - 2005*

(3) Ban QL DA 135 Đà Bắc (11-2003): *Báo cáo tiến độ thực hiện Chương trình 135 ngày 20-11-2003, số 62 BC/DA 135*


Digitized by Google

*Sáu là*, từ nguồn vốn vay và nguồn vốn của các chương trình dự án, chính quyền các cơ sở đã phối hợp với các ngành chức năng của huyện giúp đồng bào thực hiện nhiều mô hình sản xuất đem lại hiệu quả kinh tế cao. Điển hình là xã Đồng Nghê, Suối Nánh, Tân Dân, đồng bào đã bỏ lúa nương để trồng ngô lai, thu hoạch bốn mùa quanh năm. Các xã Trung Thành, Tân Pheo, Cao Sơn, Hiền Lương, đồng bào đã trồng giống lúa mới của Trung Quốc, nâng năng suất từ 3 đến 4 tạ/ha lên 80 tạ/ha.

2 - Tuy nhiên, sự phát triển sản xuất, kinh doanh ở các xã vẫn chưa ổn định, tái đói nghèo vẫn còn cao, nhất là ở các vùng sâu, vùng cao; việc làm giàu lại càng khó khăn. Nguyên nhân cơ bản của tình hình đó là:

*Thứ nhất:* Điều kiện tự nhiên ở Đà Bắc rất không thuận lợi do địa hình hiểm trở, núi cao, vực sâu, thời tiết lại khắc nghiệt, có khi mưa lũ kéo dài hằng tháng nên sản xuất nông nghiệp gặp nhiều khó khăn. Đồng bào tuy sinh sống bên cạnh hồ thủy điện Hòa Bình nhưng nhiều khi vẫn thiếu nước sinh hoạt và sản xuất. Đất rộng, người thưa, các xóm cách xa nhau và tình trạng thiếu lao động là khá phổ biến.

*Thứ hai:* Tình trạng thiếu vốn sản xuất, nhưng chỉ có 1/3 hộ nghèo được vay vốn, do họ hoặc không có nhu cầu, không đủ điều kiện vay vốn, hoặc thủ tục vay vốn rườm rà. Song, điều quan trọng hơn ở Đà Bắc hiện nay là, nhiều người không biết vay vốn để làm gì: Vay vốn đầu tư cho chăn nuôi trâu bò, lợn gà... không đem lại lãi, thậm chí lỗ vốn; đầu tư cho trồng trọt lại gặp thời tiết không thuận lợi hoặc sản xuất ra không bán được nên đồng bào cũng không đầu tư. Thiếu vốn là vấn đề cơ bản của các dân tộc ở Đà Bắc, đặc biệt là dân tộc Dao, dân tộc Thái, nhưng, vấn đề không chỉ ở đó mà họ còn *thiếu nhận thức, thiếu trình độ*. Trình độ văn hoá, chuyên môn của người dân ở đây rất thấp: 6,6% số cán bộ chủ chốt như bí thư, chủ tịch xã vẫn ở trình độ tiểu học và 70,3% số cán bộ chủ chốt ở cơ sở vẫn dừng lại ở trình độ phổ thông cơ sở. Về trình độ chuyên môn, chỉ có 4,4% số cán bộ chủ chốt có trình độ sơ cấp và trung cấp chuyên môn kỹ thuật, 95,4% cán bộ không có trình độ chuyên môn. Điều đó khó có thể làm cho người dân đổi mới trong nhận thức, cách nghĩ, cách làm kinh tế, nên sự bảo thủ, trông chờ, ỷ lại cấp trên là tình trạng phổ biến.

*Thứ ba*, điểm xuất phát kinh tế của đồng bào Đà Bắc còn đang ở mức rất thấp. Nguồn thu chủ yếu của họ là lâm thổ sản, sản xuất nông nghiệp lại chủ yếu dựa vào tự nhiên. Năm 2003, mức thu nhập bình quân đầu người hằng tháng chỉ đạt khoảng 150 000 đồng. Do vậy, người dân không thể có điều kiện tái sản xuất mở rộng. Bên cạnh đó, phong tục tập quán của đồng bào còn rất lạc hậu, có nhiều gia đình đông con.

*Thứ tư*, kết cấu hạ tầng yếu kém, không ít nơi trong huyện điện lưới chưa về tới bản làng. Toàn huyện mới chỉ có 6/20 xã có điện thoại đến trung tâm xã, 60% số hộ có phương tiện nghe nhìn. Mạng giao thông rất mỏng, chất lượng thấp, chủ yếu là các đường mòn và đường đất, còn có nơi chưa có đường ô-tô đến trung tâm xã. Điển hình như xã Đồng Nghê, đường đất đá đi qua nhiều ngầm, dốc quanh co hiểm trở đang là những trở ngại lớn trong giao lưu buôn bán hàng hóa và đi lại của đồng bào.

3 - Tuy nhiên Đà Bắc có vị trí địa lý thuận lợi, trung tâm huyện chỉ cách thị xã Hòa Bình 15 km. Đà Bắc còn là vùng có những tài nguyên với tiềm năng khai thác quy mô lớn như 6 000 000 ha diện tích mặt nước hồ thủy điện Hòa Bình có thể phát triển mạnh ngành thủy sản; đất đồi rừng rộng, có thể phát triển sản xuất lâm thổ sản như ngô, luồng, bương, tre, chè,... bằng các mô hình kinh tế trang trại; nhiều khu rừng nguyên sinh có thể trở thành các điểm du lịch sinh thái, điển hình như khu vực Pu Canh và khu vực Núi Biều - Lỗ Làn Hiền Lương. Đà Bắc còn có đủ điều kiện tự nhiên để phát triển kinh tế nông, lâm, ngư nghiệp, công nghiệp chế biến lâm thủy sản, du lịch dịch vụ. Để đánh thức được những tiềm năng trên, phát triển kinh tế - xã hội, đoạn tuyệt với đói nghèo, tiến lên giàu có, Đà Bắc không thể thực hiện những giải pháp


Digitized by Google

nhất thời hoặc thụ động trông chờ cứu trợ, mà phải tìm những bước đi thích hợp với sự nỗ lực của tất cả các cấp lãnh đạo, chính quyền và từng hộ gia đình ở đây. Cụ thể là:

- Đổi mới và nâng cao nhận thức, trình độ cho đồng bào, trước hết cần tìm nguyên nhân, những nhân tố gây nên đói nghèo của từng gia đình, biện pháp khắc phục đói nghèo để nhanh chóng đoạn tuyệt sự tái đói nghèo. Trên cơ sở điều tra thực trạng đói nghèo, đi sâu tìm nguyên nhân từ đó giúp cho từng gia đình xóa đói nghèo thích hợp, có hiệu quả. Để làm được việc đó, điều quan trọng là phải nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn cho đồng bào, trước hết nâng cao trình độ cho cán bộ chủ chốt và các cán bộ ở các ban ngành của xã, các hộ sản xuất kinh doanh giỏi.

- Tạo điều kiện cho đồng bào tiếp cận với thị trường, tiếp cận với kinh nghiệm sản xuất, kinh doanh mới và giúp họ phát triển kinh tế, đồng thời bảo đảm để họ được hưởng những thành quả lao động. Muốn làm được vấn đề này, Nhà nước cần tăng cường xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là mạng lưới giao thông, điện sản xuất và sinh hoạt, mạng thông tin liên lạc. Nhà nước cần tập trung xây dựng trục đường quốc lộ nối liền các xã với huyện và các tỉnh khác. Phát triển chợ, các thị tứ cụm gồm vài ba xã như cụm xã Tân Minh, cụm xã Cao Sơn, cụm xã Đồng Nghê và phát triển mạng điện thoại ở 100% số xã.

- Thực hiện mục tiêu trong phương hướng nhiệm vụ đến năm 2005: Mường Chiêng gồm 7 xã vùng cao phát triển rừng phòng hộ, thâm canh cây ngô, lúa và chăn nuôi gia súc; các xã vùng Yên Hòa trồng luồng, bương, tre, xoan, cây chè tuyết, khai thác cá vùng hồ; phát triển những mô hình đạt từ 45 đến 50 triệu đồng/ha ở các vùng thấp; phát triển các điểm du lịch sinh thái ở Hiền Lương, tiểu - thủ công nghiệp và công nghiệp chế biến; tỉnh và huyện cần đầu tư vốn hoặc cho vay dài hạn với lãi suất thấp cho các chủ hộ sản xuất kinh doanh giỏi. ❑

# ĐÀ NẴNG XÂY DỰNG...

*(Tiếp theo trang 59)*

*kiên cường"* trong đấu tranh cách mạng và truyền thống cần cù, hiếu học, ý chí vươn lên dám nghĩ, dám làm trong công cuộc đổi mới.

***Năm là,*** đẩy mạnh thực hiện chủ trương xã hội hóa các hoạt động văn hóa, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ... Coi đây là phương thức để nhân dân có được nhận thức đúng về văn hóa, khơi dậy sức dân trong sáng tạo, tiếp nhận, nâng cao trình độ hưởng thụ văn hóa vật chất và tinh thần của nhân dân, để văn hóa thực sự là hoạt động của dân, do dân, vì dân.

***Sáu là,*** công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ văn hóa phải trở thành nhiệm vụ thường xuyên của các cấp ủy, chính quyền các cấp. Đặc biệt là chúng ta phải tập trung xây dựng kế hoạch đào tạo cho được một đội ngũ gắn bó sâu sắc, tự nguyện với sự nghiệp cách mạng cao đẹp của Đảng và của nhân dân, có tài, có phẩm chất, biết làm văn hóa trong những điều kiện mới. Chú ý bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, quan điểm sáng tạo đúng đắn cho đội ngũ văn nghệ sĩ, cán bộ văn hóa trẻ tuổi. Xây dựng cơ quan chuyên trách về văn hóa, văn học - nghệ thuật, báo chí đủ tầm để quản lý, xây dựng và phát triển văn hóa trong thời kỳ mới.

Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là một bộ phận quan trọng của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, là sự nghiệp to lớn và lâu dài, đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân phải phấn đấu với ý chí cách mạng kiên trì, với trí tuệ sáng tạo và tính tự giác cao. Trên tinh thần đó, các cấp ủy, chính quyền các cấp, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội từ thành phố đến cơ sở phải nhận thức đúng đắn vị trí, tầm quan trọng của mặt trận văn hóa, khắc phục những lệch lạc, yếu kém về nhận thức tư tưởng, phấn đấu xây dựng sự nghiệp văn hóa đạt được những thành quả cao hơn, góp phần xây dựng và phát triển Đà Nẵng giàu đẹp, văn minh, xứng đáng với mong muốn của Đảng bộ và nhân dân thành phố. ❑


Digitized by Google

# QUÂN ĐOÀN 4: Ba mươi năm chiến đấu, xây dựng và lớn mạnh

TRẦN VĂN NĂM*

TRONG giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, tháng 7-1974, **Binh đoàn Cửu Long** (Quân đoàn 4 ngày nay) ra đời, trở thành *quả đấm chủ lực mạnh ở chiến trường B2* (gồm các tỉnh Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ, có diện tích bằng gần một nửa và dân số chiếm 70% của miền Nam thời đó). Binh đoàn Cửu Long là nòng cốt của lực lượng vũ trang gồm ba thứ quân và là chỗ dựa cho cuộc đấu tranh chính trị của quần chúng. Trong chiến đấu, xây dựng và phát triển lực lượng, vấn đề luôn được coi trọng hàng đầu và có ý nghĩa sống còn là phải ***dựa vào dân***. Trong suốt cuộc chiến tranh gian khổ chống Mỹ xâm lược, phát huy thế trận chiến tranh nhân dân, bám dân, bám đất ở vùng sông nước miền Nam, đứng trong thế xen kẽ và giành giật quyết liệt giữa ta và địch, được nhân dân cả hai miền Nam - Bắc luôn dành cho sự quan tâm, giúp đỡ cao nhất, Binh đoàn đã lập nên những chiến công vẻ vang, làm nức lòng nhân dân cả nước và bè bạn gần - xa: Bình Giã, Đồng Xoài, Bầu Bàng, Bình Long, Long Khánh, Xuân Lộc... Thời kỳ sau giải phóng, đã hoàn thành tốt nhiệm vụ quân quản thành phố Sài Gòn - Gia Định, góp phần xây dựng chính quyền cách mạng và lực lượng vũ trang cơ sở, trấn áp bọn phá hoại, ổn định đời sống nhân dân, bảo vệ thành quả cách mạng.

***Quân đoàn 4*** ngày nay là *một trong những lực lượng nòng cốt, cơ động sẵn sàng chiến đấu* góp phần bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược mà Đảng và nhân dân giao phó là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh huấn luyện và sẵn sàng chiến đấu, trong mọi thời điểm, cả thời chiến cũng như thời bình.

Trong giai đoạn hiện nay, yêu cầu đặt ra là phải xây dựng Quân đoàn không chỉ tinh nhuệ về quân sự mà cả về chính trị; không chỉ giỏi trên mặt trận đấu tranh vũ trang mà trên cả mặt trận đấu tranh chính trị, tư tưởng; thông qua giáo dục chính trị, tư tưởng khẳng định sự đúng đắn của công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước mà Đảng và nhân dân ta đang tiến hành. Là đơn vị chủ lực đứng chân trên địa bàn chiến lược trọng yếu, có biển, đảo, biên giới, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam phát triển rất năng động, song cũng tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp (kẻ địch lợi dụng tôn giáo; tranh chấp, khiếu kiện đất đai; đình công của công nhân các khu công nghiệp, gia tăng tệ nạn xã hội...), Quân đoàn xác định *lấy xây dựng chính trị, tư tưởng làm cơ sở cho việc nâng cao sức chiến đấu trong tình hình mới;* phòng chống có hiệu quả chiến lược "diễn biến hòa bình - bạo loạn lật đổ" của các thế lực thù địch; giáo dục quan điểm đổi mới của Đảng trong lĩnh vực quốc phòng và xây dựng lực lượng vũ trang; xây dựng khu vực phòng thủ và thế trận quốc phòng toàn dân. Để giữ vững mối quan hệ giữa lãnh đạo và chỉ huy, gắn bó với nhân dân nơi làm việc và nơi cư trú, nâng cao sức chiến đấu

* *Đại tá, Phó Tư lệnh Chính trị, Quân đoàn 4*



Digitized by Google

và xây dựng các tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, Quân đoàn đã triển khai nhiều hoạt động cụ thể: thực hiện Chỉ thị 02 của Thường vụ Đảng ủy Quân đoàn về Quy trình ra nghị quyết; tự phê bình và phê bình, phân tích chất lượng đảng viên hằng tháng gắn với thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 203 về Cơ chế xử lý kỷ luật và Chỉ thị 205 về Quy chế thưởng, phạt..., thực hiện đúng chế độ giao ban, báo cáo công tác định kỳ theo khối kết hợp với kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả cụ thể công việc. Công tác giáo dục chính trị, nêu cao truyền thống vẻ vang của Quân đội nhân dân Việt Nam và đơn vị Anh hùng Lực lượng Vũ trang nhân dân cho các thế hệ cán bộ, chiến sĩ được đổi mới bằng nhiều hình thức sinh động nhằm gắn với thực tiễn, kết hợp lý thuyết với thực hành. Truyền thống 30 năm của Quân đoàn từ khi mới thành lập, gìn giữ và phát huy qua những năm tháng ác liệt của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã được đúc kết, biên soạn thành tài liệu, đưa vào các chương trình giáo dục chính trị cho các thế hệ cán bộ, chiến sĩ, nhất là chiến sĩ trẻ theo các nội dung: Trung thành vô hạn với Đảng, với Tổ quốc và nhân dân, sẵn sàng xả thân hoàn thành nhiệm vụ trong mọi hoàn cảnh; tích cực, chủ động, anh dũng, kiên cường, mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu; chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, tự lực, tự cường trong xây dựng, huấn luyện, công tác và sẵn sàng chiến đấu; đoàn kết chặt chẽ nội bộ, gắn bó với nhân dân, chung sức, chung lòng bảo vệ và xây dựng Tổ quốc; coi giúp bạn là tự giúp mình, làm tròn nhiệm vụ quốc tế vẻ vang.

Không chỉ phổ biến những kiến thức chung trong nội dung các chương trình, các khóa huấn luyện chính trị, các bài giảng còn đi sâu về đặc trưng địa lý, lịch sử, văn hóa các vùng, miền của Tổ quốc và các quốc gia khác nhằm giúp học viên dễ hiểu, dễ nhớ, nắm vững bài giảng, tuỳ theo từng đối tượng (tuổi tác, vùng miền, trình độ...) sáng tạo vận dụng các kiến thức đạt hiệu quả cao. Vào các ngày lễ, tết, các ngày kỷ niệm lớn trong năm, phát động các phong trào, các chương trình đa dạng với nội dung giáo dục như thi tìm hiểu truyền thống, ôn lại lịch sử hào hùng của dân tộc, của quân đội và của Quân đoàn: ngày Tết ôn lại những bài học về nghệ thuật tấn công thần tốc của vua Quang Trung, tận dụng sự chủ quan của địch để thắng địch; vào dịp Lễ Nô-en tìm hiểu thêm về Đạo Thiên chúa nhằm gắn bó hơn với địa bàn giáo dân, nhận rõ những thủ đoạn mượn danh Chúa thực hiện âm mưu chia rẽ dân tộc; gặp mặt với các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, các anh hùng trong kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ; kể chuyện về truyền thống giữ nước, về kinh nghiệm đánh giặc. Các cơ quan, đoàn thể địa phương - nơi Quân đoàn đóng quân - các gia đình quân nhân, những cán bộ, chiến sĩ lâu năm... đều được mời tham gia vào các hoạt động giáo dục truyền thống cho cán bộ, chiến sĩ của Quân đoàn. Các buổi giao lưu, liên hoan văn nghệ giữa Quân đoàn với các đơn vị thanh niên, học sinh, sinh viên được thường xuyên tổ chức không chỉ góp phần củng cố, tăng cường mối đoàn kết quân - dân mà còn là những cơ hội quý báu để gặp gỡ, trao đổi kinh nghiệm, học hỏi lẫn nhau, tìm hiểu về đặc sắc văn hóa các vùng đất. Đây cũng là những hình thức vui chơi, giải trí lành mạnh, góp phần nâng cao sức chiến đấu cho bộ đội.

Sức khỏe của cán bộ, chiến sĩ là yếu tố quan trọng hàng đầu quyết định sự thành bại của công việc, vì thế, chất lượng bữa ăn, hàm lượng dinh dưỡng luôn được lãnh đạo các cấp, ngành quan tâm và đặc biệt chú ý. Trong mọi điều kiện, mọi thời điểm, từ nhiều năm nay, các đơn vị trong Quân đoàn luôn hăng hái tăng gia sản xuất, tự túc về rau xanh, thịt, cá. Công việc này không chỉ nhằm bảo đảm đủ nguồn dinh dưỡng cho bữa ăn, an toàn vệ sinh thực phẩm mà còn có ý nghĩa cao hơn là giáo dục, rèn luyện ý thức lao động, ý thức tự lực, tự chủ của quân đội trong mọi tình huống.


Digitized by Google

Những nỗ lực trong rèn luyện, giáo dục tư tưởng, vận động xây dựng môi trường văn hóa, xây dựng lực lượng đã có tác dụng thiết thực góp phần xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện: tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh, tỷ lệ đảng viên loại I ngày càng tăng; tình hình vi phạm kỷ luật ngày càng giảm; tình trạng đào, bỏ ngũ của chiến sĩ được giảm thiểu.

Đứng chân trên vùng đất quan trọng bao gồm các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh - nơi có tốc độ công nghiệp hóa, đô thị hóa nhanh, có đông dân nhập cư và đông đồng bào theo đạo (Thiên Chúa giáo, Phật giáo, Cao Đài, Tin Lành), công tác vận động, giúp đỡ nhân dân luôn được chú trọng đặc biệt. Năm 1990, Thường vụ Đảng ủy Quân đoàn đã ra Nghị quyết chuyên đề *Về công tác dân vận trong tình hình mới*, xác định xây dựng cơ sở chính trị địa phương là khâu then chốt và là nhiệm vụ chiến lược cơ bản, lâu dài và cấp bách của mọi cấp, mọi ngành trong đơn vị, trọng tâm là công tác dân vận vùng tôn giáo, vùng sâu, vùng xa và vùng địa bàn có những vấn đề phức tạp. Các cán bộ, chiến sĩ ngày càng nhận thức sâu sắc hơn về vị trí, vai trò, yêu cầu của công tác dân vận. Do nhận thức đúng nên công tác dân vận đã được triển khai trên cả diện rộng và chiều sâu. Cùng với các đảng bộ, chính quyền các cấp, các đoàn thể quần chúng trên địa bàn nơi Quân đoàn đứng chân, cán bộ, chiến sĩ của Quân đoàn tham gia vận động nhân dân thực hiện tốt chủ trương, chính sách; giữ vững an ninh, trật tự; tham gia nhiệt tình các phong trào: "Xóa nạn mù chữ"; "Xóa đói, giảm nghèo"; xây dựng "Nhà tình nghĩa", "Nhà tình thương"; phụng dưỡng các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng... Làm tốt sứ mệnh của "Anh bộ đội cụ Hồ", Quân đoàn đã tham gia cùng nhân dân phát triển kinh tế, xây dựng các công trình phúc lợi, tiến hành khám chữa bệnh miễn phí, huấn luyện dân quân tự vệ. Nhân dân các địa phương gặp thiên tai, hoạn nạn đều được sự hỗ trợ tích cực, kịp thời của bộ đội để nhanh chóng khắc phục hậu quả, ổn định đời sống. Mối quan hệ quân - dân ngày càng được thắt chặt hơn nhờ những hoạt động kết nghĩa, giao lưu, giao hữu các hoạt động văn nghệ, thể dục - thể thao, thi tìm hiểu truyền thống. Năm 2003, thực hiện nghiêm chỉnh lệnh huấn luyện dã ngoại làm công tác dân vận, các đơn vị đã tham gia xây dựng 33 xã, phường, trong đó có 5 xã vùng sâu, vùng xa; 12 xã, phường vùng tôn giáo; 4 xã vùng kháng chiến. Trong mọi hoạt động, ở mọi lúc, mọi nơi, Quân đoàn luôn giáo dục, quản lý bộ đội chấp hành nghiêm chính sách tôn giáo, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng và Nhà nước; đặt vấn đề tôn trọng tự do tín ngưỡng, tôn giáo trên cơ sở pháp luật, tăng cường đoàn kết lương - giáo lên hàng đầu. Nhờ vậy, đã nhận được sự tin yêu và ủng hộ không chỉ của các vị chức sắc mà của cả đông đảo bà con giáo dân. Các Sư đoàn S 9, Đoàn B 09 đã được tặng thưởng *Huân chương Chiến công hạng Ba* về thành tích dân vận trong thời kỳ đổi mới. Với các hoạt động phong phú, đa dạng, thiết thực, công tác dân vận đã góp phần củng cố mối quan hệ máu thịt quân - dân; hình ảnh "Bộ đội Cụ Hồ" được khẳng định trong lòng dân. Đối với những vấn đề phức tạp như lấn chiếm đất quốc phòng, Quân đoàn chủ động phối hợp với chính quyền địa phương giải quyết theo đúng pháp luật, không để xảy ra những sự cố đáng tiếc.

Đánh giá kết quả đạt được trong những năm gần đây, Thường vụ Đảng ủy Quân sự Trung ương đã ghi nhận: "... Đảng ủy Quân đoàn đã có nhiều cố gắng khắc phục khó khăn, tập trung lãnh đạo đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao". "... Quân đoàn có bước phát triển tiến bộ trên nhiều mặt, giữ được ổn định về tư tưởng, không khí đoàn kết dân chủ ngày một tốt hơn, nội bộ đoàn kết nhất trí, quan hệ tốt với các cấp ủy, chính quyền địa phương nơi đóng quân, vai trò lãnh đạo của các tổ chức đảng được tăng cường, Quân đoàn có sức chiến đấu


Digitized by Google

cao, có khả năng sẵn sàng nhận và hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao".

Năm nay, hướng tới kỷ niệm 30 năm ngày thành lập, Quân đoàn phát động đợt thi đua lớn trong toàn đơn vị. Nhiều hoạt động sôi nổi, nhất là công tác giáo dục truyền thống; xây dựng môi trường xanh, sạch đẹp, đơn vị chính quy... đang được các đơn vị triển khai đồng bộ. Công tác chuẩn bị cho ngày lễ trọng đại bằng những việc làm cụ thể, hiệu quả cũng đang được khẩn trương. Về lâu dài, Quân đoàn sẽ tập trung mọi cố gắng xây dựng cảnh quan môi trường, trồng cây xanh, cây lấy gỗ, cây ăn quả; quy hoạch khu vực tăng gia sản xuất bảo đảm cả về kỹ thuật và mỹ quan. Coi trọng việc rèn luyện nếp sống chính quy trong sinh hoạt, sắp xếp ngăn nắp nơi ăn, ở, làm việc. Đầu tư cơ sở vật chất để xây dựng củng cố, đưa các thiết chế văn hóa vào hoạt động.

Trong các giai đoạn tiếp theo, Quân đoàn tiếp tục triển khai các hoạt động nhằm thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 8, khóa IX về "Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới"; Nghị quyết của Đảng ủy Quân sự Trung ương về "Nhiệm vụ Quân sự - Quốc phòng năm 2004"; Nghị quyết Đại hội VI của Đảng bộ Quân đoàn và nghị quyết lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ năm 2004 của Đảng ủy Quân đoàn. Đẩy mạnh phong trào Thi đua quyết thắng, tiến tới Đại hội Thi đua quyết thắng toàn quân lần thứ VII. Tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết về "Tăng cường công tác dân vận thời kỳ mới", thực hiện nghiêm chỉnh lệnh huấn luyện, kế hoạch dã ngoại làm công tác dân vận, chú trọng khảo sát nắm chắc tình hình trên các địa bàn; phối hợp tốt với các địa phương về nội dung, chương trình hoạt động; phối hợp với các ban, ngành chức năng địa phương bảo đảm tốt an ninh trật tự, an toàn trên địa bàn đóng quân.

Quân đoàn chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo cốt cán, cán bộ đầu ngành và chỉ huy cấp chiến dịch tương xứng với chức năng chủ lực, cơ động. Có kế hoạch đào tạo và tăng cường đội ngũ quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên chức quốc phòng; trung đội trưởng chuyên nghiệp, trung đội phó và tiểu đội trưởng. Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ dân vận đủ năng lực, phẩm chất, đáp ứng được yêu cầu của tình hình mới. Làm tốt việc tạo nguồn và phát triển Đảng.

Hiện tại, *giáo dục hướng nghiệp* được Quân đoàn chú ý nhằm đáp ứng nguyện vọng rất bức thiết của chiến sĩ, nhất là quân chủ lực. Mọi người cần học nghề không chỉ trong thời gian phục vụ trong quân ngũ mà cả cho sau này, khi họ phục viên trở về địa phương. Tuy nhiên, công tác này hiện nay còn bị hạn chế do không có những cơ sở trường lớp, các trung tâm dạy nghề. Đây là vấn đề cấp bách rất cần sự quan tâm giải quyết kịp thời của các cấp, ngành. Trước mắt, để đáp ứng yêu cầu của cuộc sống, nội dung giảng dạy cần được *tăng thêm dung lượng đào tạo quân nhân cử tuyển;* đưa thêm những nội dung liên quan đến đặc trưng vùng miền, địa bàn để tăng cường kiến thức về mọi mặt cho quân nhân.

Chặng đường 30 năm phấn đấu, trưởng thành của Quân đoàn là chặng đường nỗ lực không mệt mỏi bám dân, bám đất, *vì nhân dân quên mình, vì nhân dân phục vụ.* Lịch sử của Quân đoàn là biểu hiện sống động của tình đoàn kết quân - dân, tình hữu nghị quốc tế, xứng đáng với các danh hiệu vẻ vang mà Nhà nước ta và bạn bè quốc tế trao tặng: Quân đoàn 4, bốn sư đoàn, 47 tập thể và 31 cá nhân là *Anh hùng Lực lượng Vũ trang nhân dân; 2 Huân chương Hồ Chí Minh; 2 Huân Chương Quân công hạng Nhất; Huân chương Ăng-Co.* Truyền thống vẻ vang của Quân đoàn: "Trung thành, đoàn kết, anh dũng, sáng tạo, tự lực, quyết thắng" từ khi thành lập đã và đang được các thế hệ cán bộ, chiến sĩ kế tục xứng đáng. ❑


Digitized by Google

# THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP VỀ DÂN SỐ VÀ KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH Ở VIỆT NAM

DOÃN ĐÌNH HUỀ

## I

Dân số là một trong những yếu tố quyết định sự phát triển bền vững của đất nước. Bên cạnh tiềm lực về kinh tế, yếu tố con người giữ vai trò vô cùng quan trọng. Nó quyết định con đường đi lên của một đất nước. Vì vậy, công tác dân số luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm, coi đó là nhiệm vụ quan trọng của chiến lược phát triển đất nước. Nghị quyết Đại hội IX của Đảng chỉ rõ: "Chính sách dân số nhằm chủ động kiểm soát quy mô và tăng chất lượng dân số phù hợp với những yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Nâng cao chất lượng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản - kế hoạch hóa gia đình; giải quyết mối quan hệ giữa phân bố dân cư hợp lý với quản lý dân số và phát triển nguồn nhân lực"(1).

Nhìn lại thời gian qua, công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình ở nước ta đã thu được những thành tựu to lớn, được Đảng và Nhà nước cũng như cộng đồng quốc tế đánh giá cao. Mục tiêu của Chiến lược dân số và Kế hoạch hóa gia đình đến năm 2000 (được Thủ tướng phê duyệt ngày 3-6-1993) là giảm tổng tỷ suất sinh xuống mức 2,9 con, quy mô dân số dưới 82 triệu người. Kết quả giảm sinh đã đạt được sớm hơn so với mục tiêu đề ra. Từ năm 1993 đến nay, tổng tỷ suất sinh đã giảm nhanh từ 3,8 con (năm 1989) xuống 2,67 con (trong những năm 1992 - 1996) và còn khoảng 2,3 con (năm 1999). Quy mô dân số ở mức 69,6 triệu người (năm 1993) lên 76,5 triệu người (năm 1999), 77,6 triệu người (năm 2000); 78,6 triệu người (năm 2001); 79,7 triệu người (năm 2002) và 80,8 triệu người (năm 2003). Kết quả này đã tạo điều kiện để đạt mức sinh thay thế chậm nhất vào năm 2005, sớm hơn 10 năm so với mục tiêu mà Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4, khóa VII, đề ra. Tốc độ gia tăng dân số quá nhanh về cơ bản đã được khống chế, nhờ đó áp lực của quy mô dân số đối với sự phát triển kinh tế - xã hội đã được giảm nhẹ. Do giảm tốc độ gia tăng dân số, chúng ta đã tiết kiệm được một khối lượng lớn các nguồn lực mà lẽ ra phải chi cho ăn, mặc, ở, đi lại, giáo dục, chữa bệnh và việc làm.

Nhận thức và hành động của toàn xã hội về dân số - kế hoạch hóa gia đình cũng được nâng lên rõ rệt. Các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể từ trung ương đến địa phương đã coi công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình là một bộ phận quan trọng của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; là một yếu tố cơ bản để nâng cao chất lượng cuộc sống của từng người, từng gia đình và xã hội. Mục tiêu chính sách dân số là duy trì mỗi cặp vợ chồng có một hoặc hai con để ổn định quy mô dân số, bảo đảm cơ cấu dân số và

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 107


Digitized by Google

phân bố dân cư hợp lý, nâng cao chất lượng dân số. Kế hoạch hóa gia đình là biện pháp chủ yếu để điều chỉnh mức sinh, góp phần bảo đảm cuộc sống ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc. Nhờ có nhận thức đúng nên quan niệm về hôn nhân và sinh đẻ của nhân dân đã chuyển biến tích cực, ngày càng có nhiều người kết hôn muộn, đẻ muộn, đẻ thưa, đẻ ít để có điều kiện kinh tế nuôi con khỏe và dạy con ngoan. Hầu hết phụ nữ hiện nay đều hiểu rằng, thực hiện kế hoạch hóa gia đình sẽ tạo điều kiện giúp họ giữ gìn và bảo vệ sức khỏe, phát triển tài năng, tham gia vào các hoạt động kinh tế - chính trị - xã hội nhằm nâng cao địa vị của chính họ trong gia đình và xã hội. Sự chuyển biến về nhận thức dẫn đến sự thay đổi lớn về hành vi thực hiện kế hoạch hóa gia đình trong nhân dân. Các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ sử dụng các biện pháp tránh thai tăng nhanh từ 53,7% (năm 1993) lên 75,31% (năm 1997), bình quân mỗi năm tăng 5,4%, vượt kế hoạch đề ra là tăng 2%/năm.

Hệ thống tổ chức làm công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình bước đầu được kiện toàn. Tổ chức bộ máy làm công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình được hình thành từ cơ sở và từng bước được hoàn thiện về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và phương thức hoạt động. Đáng chú ý là, cơ quan chuyên trách dân số - kế hoạch hóa gia đình các cấp thực sự trở thành một tổ chức tham mưu tích cực cho các cấp ủy và chính quyền các cấp về công tác dân số. Đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình trong toàn hệ thống được tăng cường cả về số và chất lượng. Mạng lưới cộng tác viên dân số được bố trí đến tận thôn, xóm, bản, làng, buôn, sóc, phum, tổ dân phố, cụm dân cư... theo phương thức quản lý đến tận hộ gia đình.

Việc cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đã cơ bản đáp ứng nhu cầu đa dạng của người sử dụng vừa thuận tiện và an toàn. Hệ thống y tế tư nhân và các tổ chức phi chính phủ được huy động và tạo điều kiện tham gia vào việc cung cấp dịch vụ sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình.

Nhiều chính sách kinh tế - xã hội được ban hành nhằm phục vụ sự nghiệp đổi mới đã tạo môi trường thuận lợi và tác động mạnh mẽ đến việc thực hiện mục tiêu dân số và kế hoạch hóa gia đình. Các chính sách khuyến khích lợi ích trực tiếp cho những người tự nguyện kế hoạch hóa gia đình và những người cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, các chế độ bồi dưỡng khuyến khích đối với cán bộ làm công tác dân số... ngày càng phát huy hiệu quả. Nhờ các biện pháp trên đã thúc đẩy sự tham gia ngày càng đông đảo và tích cực của nhân dân thực hiện chiến lược dân số - kế hoạch hóa gia đình ở nước ta quyết tâm đạt mục tiêu: Thực hiện gia đình ít con khỏe mạnh, tiến tới ổn định quy mô dân số ở mức hợp lý để có cuộc sống ấm no, hạnh phúc; từng bước nâng cao chất lượng dân số, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Thành công của chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình ở nước ta trong thời gian qua là do:

***Một là,*** chính sách hợp lòng dân đã tạo nên sức mạnh to lớn. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4, khóa VII, về chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình phù hợp với nguyện vọng của nhân dân, thực sự đem lại lợi ích kinh tế, tinh thần và sức khỏe cho mỗi cá nhân, gia đình, xã hội và các tầng lớp nhân dân do đó được toàn xã hội đồng tình hưởng ứng, tích cực tham gia thực hiện có hiệu quả. Các cấp uỷ, chính quyền các địa phương nhất là cấp cơ sở đã trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, đầu tư nguồn lực và kiện toàn bộ máy làm công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình. Chính phủ đã cam kết và tạo điều kiện để chương trình dân số, kế hoạch hóa gia đình đi vào thực tiễn cuộc sống có hiệu quả tốt nhất.

***Hai là,*** triển khai chương trình trong bối cảnh đất nước tiến hành công cuộc đổi mới. Những thành quả của cơ chế mới đã tác động làm tăng


Digitized by Google

trưởng kinh tế, phát triển xã hội, nhất là kết quả của chương trình xóa đói giảm nghèo trong những năm qua đã tạo tiền đề cơ bản cho việc cải thiện đời sống, chăm sóc sức khỏe và nâng cao trình độ dân trí cho nhân dân ở hầu hết các vùng trong cả nước, đặc biệt là những vùng khó khăn. Những chương trình kinh tế - xã hội được lồng ghép ở các vùng, địa bàn dân cư là những tiền đề khách quan cho việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu của chương trình dân số, kế hoạch hóa gia đình.

***Ba là,*** mục tiêu và giải pháp của Chiến lược Dân số, Kế hoạch hóa gia đình đến năm 2000 phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước. Công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình bước đầu được xã hội hóa với sự tham gia của nhiều ngành, đoàn thể cùng đông đảo các tổ chức xã hội, các tổ chức phi chính phủ. Những yếu tố trên càng làm cho chương trình dân số ăn sâu, bám rễ trong cộng đồng dân cư. Cơ chế quản lý thông qua các chương trình mục tiêu quốc gia về nâng cao năng lực quản lý, thông tin giáo dục truyền thông và cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình bước đầu có hiệu quả, tạo được sự tập trung nguồn lực cho cơ sở, thắt chặt sự phối hợp của các ngành, đoàn thể.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, việc thực hiện chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình còn những hạn chế sau:

1 - Trong các giải pháp của Chiến lược Dân số và Kế hoạch hóa gia đình còn một số nội dung chưa thích hợp với vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Thực tế cho thấy, những thành tựu đạt được trong thời gian qua chủ yếu là ở vùng thành thị và vùng nông thôn có nền kinh tế - xã hội phát triển. Những vùng nghèo, vùng kinh tế chậm phát triển, vùng sâu, vùng xa còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế trong triển khai thực hiện. So với mức bình quân của cả nước, mức sinh ở các khu vực này cao hơn gấp từ 1,7 đến 1,9 lần, trong khi tỷ lệ sử dụng các biện pháp tránh thai thấp, chỉ bằng 60%. Có tới 56,3% số phụ nữ có thai chưa được khám thai lần nào trong suốt thời kỳ mang thai và chỉ có 42% sản phụ được các nhân viên y tế chăm sóc khi sinh nở. Đáng lưu ý là, tỷ lệ mắc bệnh viêm nhiễm đường sinh sản lên đến 70,6%(2).

Ở những vùng này, công tác thông tin, giáo dục, truyền thông chưa đáp ứng được yêu cầu cả về số lượng và chất lượng. Hệ thống cung cấp dịch vụ sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình chưa bảo đảm về tiện ích, an toàn, đa dạng và chất lượng cao. Cộng đồng dân cư chưa nhận thức hết khó khăn đối với việc bùng nổ gia tăng dân số, còn thờ ơ với công tác này.

2 - Chương trình dân số trong thời gian qua còn có sự mất cân đối về cơ cấu dân số và phân bổ dân cư. Do quá bức xúc về sự gia tăng dân số với tốc độ nhanh gây ảnh hưởng xấu đến sự phát triển kinh tế - xã hội và cải thiện đời sống nhân dân nên chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình mới chỉ tập trung vào giảm mức sinh nhằm hạn chế gia tăng dân số chứ chưa chú trọng đến các khía cạnh khác của vấn đề dân số như cơ cấu và phân bổ dân cư. Thực tế cho thấy, hiện nay, có vùng mức sinh giảm sẽ tiềm ẩn nguy cơ thiếu lao động, nếu không được điều chỉnh kịp thời. Các nội dung khác của chăm sóc sức khỏe sinh sản cũng chưa được chú trọng thích đáng nên chương trình dân số còn dừng lại mức độ nhất định.

3 - Bộ máy tổ chức làm công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình ra đời muộn và chưa ổn định. Nhìn chung đội ngũ cán bộ do xuất thân từ nhiều ngành, chưa được đào tạo một cách có hệ thống về chuyên môn, nghiệp vụ lại mới làm công tác dân số nên chưa có kinh nghiệm trong việc thực thi nhiệm vụ. Hơn nữa, số lượng cán bộ nói chung không đủ để đáp ứng nhu cầu công việc, đặc biệt là những tỉnh, thành phố có số dân lớn hoặc diện tích quá rộng, địa hình phức tạp, khó khăn. Mức trợ cấp công tác hằng tháng cho

(2) Theo số liệu của Bộ Y tế


Digitized by Google

cán bộ chuyên trách dân số ở cơ sở quá thấp, họ không được hưởng chế độ bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội. Do đó, họ thiếu an tâm công tác.

Mỗi năm có khoảng 25 đến 30% số cán bộ chuyên trách dân số ở cơ sở bỏ việc hoặc chuyển công tác. Thực tế cho thấy, Nhà nước vẫn chưa có chính sách cụ thể đối với những cán bộ làm công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình. Việc lồng ghép các yếu tố dân số vào quá trình lập kế hoạch và xây dựng chính sách kinh tế - xã hội chưa được chú trọng và thực hiện hiệu quả. Một số chính sách kinh tế - xã hội chưa đồng bộ với chính sách dân số. Mức đầu tư cho chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình chưa đáp ứng nhu cầu kinh phí cho mở rộng nội dung hoạt động. Mặc dầu trong những năm qua, Nhà nước đã tăng ngân sách cho chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình, nhưng vẫn thấp so với nhu cầu thực tế. Chính vì vậy, ở nhiều địa phương còn lúng túng trong việc mở rộng nội dung hoạt động của chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình.

## II

Chiến lược Dân số 2001 - 2010 là một bộ phận của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010. Căn cứ vào bối cảnh kinh tế - xã hội của đất nước, của tiến trình hội nhập kinh tế thế giới và khu vực, Chiến lược Dân số 2001 - 2010 tập trung giải quyết các vấn đề sau:

- Tiếp tục giảm sức ép của sự gia tăng dân số nhằm sớm ổn định quy mô dân số ở mức hợp lý.

- Giải quyết đồng bộ, từng bước và có trọng điểm từng yếu tố của chất lượng, cơ cấu dân số và sự phân bố dân cư để nguồn nhân lực trở thành thế mạnh và tài sản vô giá của đất nước cho cả hiện tại và tương lai.

- Xây dựng và kiện toàn hệ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư nhằm tận dụng thế mạnh của yếu tố dân số và lồng ghép yếu tố dân số trong việc hoạch định chính sách và lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Các chỉ tiêu cơ bản cần đạt được vào năm 2010 là: Tổng tỷ suất sinh đạt mức sinh thay thế (năm 1998 là 2,5 con); giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên xuống 1,1%; dân số cả nước là 88 triệu người; tăng tỷ lệ sử dụng các biện pháp tránh thai hiện đại lên khoảng 70%; hạ tỷ suất chết sơ sinh xuống còn 25‰... Phấn đấu nâng chỉ số phát triển con người (HDI) từ 0,664 điểm (năm 1998) lên mức trung bình tiên tiến của thế giới khoảng 0,700 - 0,750 điểm. Nâng tuổi thọ trung bình của dân số từ 66,4 tuổi (năm 1998) lên 71 tuổi. Nâng chỉ số phát triển liên quan đến giới (GDI) từ 0,668 điểm (năm 1998) lên 0,700 điểm. Hạ tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi từ 36,7% (năm 1998) xuống còn 25%...

Để thực hiện được các mục tiêu trên, cần tập trung thực hiện hiệu quả các giải pháp sau:

***Thứ nhất:*** *Cần có các chính sách đồng bộ để thực hiện Chiến lược Dân số đến 2010.* Trên cơ sở chương trình dân số của mỗi giai đoạn có chính sách đãi ngộ cán bộ làm công tác dân số và tài chính phục vụ cho các đề án dân số để bảo đảm đúng tiến độ và thực hiện được các mục tiêu đề ra. Thực tế cho thấy, thời gian qua các chính sách về dân số và các vấn đề liên quan đến dân số còn thiếu, còn chưa đồng bộ, thậm chí còn vướng mắc trong quá trình thực hiện. Bởi vậy, cần rà soát lại các chính sách hiện hành, đầu tư đủ mạnh các nguồn lực vào phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Văn kiện Đại hội IX của Đảng chỉ rõ: "Các chính sách xã hội được tiến hành theo tinh thần xã hội hóa, đề cao trách nhiệm của chính quyền các cấp, huy động các nguồn lực trong nhân dân và sự tham gia của các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội"(3). Trong quá trình xây dựng chính sách dân số, cần chú trọng vào yếu tố khách quan của từng vùng, từng miền để có các văn bản hướng dẫn thực thi cho sát hợp. Đi sâu phân tích, nghiên cứu vùng sâu, vùng xa, vùng nghèo

(3) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 108


Digitized by Google

để có các chính sách sát hợp với cuộc sống. Nắm bắt tình hình thực tế các địa phương và tổng kết thực tiễn để xây dựng cơ chế, chính sách cho thích hợp. Nhà nước có chính sách nhằm loại trừ mọi hình thức phân biệt giới đối xử giữa con trai và con gái, bảo đảm phụ nữ và nam giới có quyền lợi, nghĩa vụ như nhau. Có chính sách khuyến khích duy trì gia đình nhiều thế hệ; mở rộng các dịch vụ xã hội phù hợp với các hình thái gia đình.

***Thứ hai:*** *Xây dựng các mô hình thực hiện tốt chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình.* Xây dựng và hoàn thiện mô hình lồng ghép hoạt động dân số với phát triển gia đình bền vững. Kinh nghiệm cho thấy, việc xây dựng mô hình này cần tham khảo các mô hình kinh tế, văn hóa để vận dụng cho thích hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương, cơ sở. Việc xây dựng mô hình dân số và kế hoạch hóa gia đình cần chú trọng các yếu tố về điều kiện tự nhiên, xã hội cụ thể. Không thể đưa mô hình dân số ở đồng bằng áp dụng cho miền núi. Hiện nay, ở miền núi, nhiều vùng có nguy cơ trường học sẽ bỏ trống vì thiếu học sinh do tỷ lệ giảm sinh. Vấn đề đặt ra là, cần điều chỉnh chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình ở những nơi này cho sát hợp. Tỷ lệ phụ nữ sinh con thứ 3 trở lên ở nước ta vẫn còn khá cao (trên 1/5 số phụ nữ); tỷ lệ này của khu vực nông thôn cao gần gấp đôi khu vực thành thị (24% so với 13%).

***Thứ ba:*** *Cần xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác dân số đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.* Khắc phục tình trạng cán bộ ở cấp xã, huyện bỏ nghề hoặc xin chuyển sang làm việc khác vì phụ cấp chưa thỏa đáng, chưa tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ. Mặt khác, tăng cường đội ngũ làm công tác dân số ở những nơi đông dân, địa bàn rộng. Có biện pháp khắc phục những khó khăn đối với cán bộ chuyên trách làm công tác dân số như trang thiết bị, phương tiện đi lại, làm việc ở những nơi có điều kiện khó khăn. Đương nhiên, tuỳ theo từng địa phương mà đầu tư trang thiết bị cho thích hợp. Hiện nay, ở đô thị, đồng bằng do trình độ dân trí cao, đời sống nhân dân được nâng rõ rệt nên việc tuyên truyền dân số cũng cần phải đổi mới cho thích hợp. Ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng nghèo nên chọn phương thức đơn giản, gọn nhẹ nhưng hiệu quả. Vấn đề đặt ra là, cần lồng ghép các chương trình, dự án kinh tế - xã hội để công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình đạt hiệu quả cao. Mặt khác, để nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ làm công tác dân số, cần đào tạo và đào tạo lại để họ có nghiệp vụ tinh thông đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ trong tiến trình hội nhập quốc tế. Để xây dựng và quản lý dự án dân số có hiệu quả, cần tăng cường bồi dưỡng năng lực cho các cán bộ ở các cấp từ trung ương đến địa phương dưới nhiều hình thức như mở lớp học, tập huấn, tham quan mô hình, thăm quan học tập kinh nghiệm ở nước ngoài...

***Thứ tư:*** *Xây dựng hệ thống mạng lưới cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.* Cần coi trọng phát triển các cơ sở dịch vụ kế hoạch hóa gia đình. Khuyến khích các loại hình dịch vụ y tế kế hoạch hóa gia đình phát triển ở các cấp. Theo dõi và kiểm tra hoạt động của các cơ sở này thường xuyên nhằm hạn chế các tiêu cực nhằm xây dựng các cơ sở dịch vụ y tế kế hoạch hóa gia đình bảo đảm thuận tiện, an toàn, đáp ứng nhu cầu đa dạng của nhân dân. Nâng cao chất lượng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản - kế hoạch hóa gia đình; giải quyết tốt mối quan hệ giữa phân bố dân cư hợp lý với quản lý dân số và phát triển nguồn nhân lực. Xây dựng hệ thống mạng lưới cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình một trong những tiền đề cho việc thực hiện thành công Chiến lược Dân số 2001 - 2010 ở nước ta.

Để Chiến lược dân số và kế hoạch hóa gia đình phát triển cả bề rộng và bề sâu đòi hỏi sự chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền các cấp trong việc tổ chức thực hiện, đòi hỏi bộ máy làm công tác dân số năng động, sáng tạo trong thực tiễn để công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. ❑


Digitized by Google

# PHÁT HUY SỨC MẠNH CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, GIÁO DỤC, LÀM TỐT HƠN NỮA CÔNG TÁC DÂN SỐ - KẾ HOẠCH HOÁ GIA ĐÌNH

NGHIÊM HOÀNG

Có thể nói, công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình ở nước ta trong những năm qua đã đạt kết quả tốt. Việc kiểm soát được sự gia tăng dân số đã góp phần phát triển kinh tế - xã hội, giữ ổn định chính trị, đưa đất nước tiến lên. Đó chính là kết quả của quá trình đổi mới đúng đắn, sáng tạo của Đảng và Nhà nước, sự nỗ lực to lớn của nhân dân. Vấn đề quan trọng hiện nay là phát huy thành quả đã đạt được, tiếp tục đưa công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình tiến lên đạt thành tựu mới trong tương lai.

Nhìn lại những năm 80 của thế kỷ trước, tình hình gia tăng dân số ở nước ta rất đáng lo ngại với những cảnh báo về sự "bùng nổ dân số" hay "quả bom dân số" cùng những hậu quả xấu của nó đối với sự phát triển của đất nước. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề, được sự giúp đỡ tận tình và hiệu quả của các tổ chức quốc tế và các quốc gia, Đảng và Nhà nước ta đã quyết tâm giải quyết vấn đề này một cách hiệu quả. Xuất phát từ đường lối đúng đắn, các bước đi linh hoạt chắc chắn, với nội dung chương trình thích hợp, đội ngũ cán bộ có quyết tâm cao, nhiệt tình lớn, sáng tạo và năng động, lại tập hợp được sức mạnh của các cấp, các ngành, nhiều tổ chức xã hội cùng đoàn kết nhất trí hành động, Việt Nam đã giải quyết vấn đề dân số với kết quả rất tốt.

Với sự tiến hành nghiêm túc như vậy, thực hiện Nghị quyết Trung ương 4, khóa VII, của Đảng về chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình giai đoạn 1993 -2003, công tác dân số của chúng ta thu được nhiều thành quả quan trọng, tổng kết được nhiều kinh nghiệm hay, đưa công việc đi dần vào nền nếp và hoạt động khá hiệu quả. Chúng ta đã hạn chế đáng kể tỷ lệ tăng dân số. Việc xây dựng quy mô dân số thích hợp đã góp phần tích cực đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Đáng chú ý là, tỷ lệ sinh giảm từ mức 30‰ xuống 19‰. Mức sinh đã tiến gần mức sinh thay thế. Tương ứng tỷ suất sinh (số con trung bình của một cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ) đã giảm từ 3,8 con xuống gần mức sinh thay thế (2,2 -2,1). Tỷ lệ phát triển dân số từ 2,3% hằng năm giảm xuống còn 1,32%. Ước tính 10 năm qua đã hạn chế sinh được hơn 4 triệu người. Số người sinh con thứ 3 đã giảm một cách đáng kể. Những kết quả trên tiết kiệm được khoản ngân sách đáng kể chi cho văn hóa, giáo dục, y tế, xã hội... để tập trung nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho


Digitized by Google

người dân, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Những thành tích đó của công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình đã khẳng định, Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VII) của Đảng về chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình là hoàn toàn đúng đắn và thực sự đi vào cuộc sống.

Thành tích lớn đó là sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, trong đó có sự đóng góp rất quan trọng của các ban, ngành, các địa phương nhất là trong việc thường xuyên tuyên truyền, giáo dục cộng đồng nâng cao nhận thức, tự giác điều chỉnh hành vi, thực hiện chính sách dân số.

Công tác kế hoạch hóa gia đình ở nước ta là một việc tế nhị và phức tạp. Tâm lý quý trọng con người có truyền thống lâu đời: "Con người quý hơn của cải", "còn người còn của" hoặc "đa tử đa tôn đa phú quý"... ăn sâu bám rễ qua nhiều đời nhiều thế hệ. Bên cạnh đó tư tưởng trọng nam khinh nữ vẫn còn chưa triệt để khắc phục. Nhất là, qua mấy cuộc chiến tranh lâu dài, sự hy sinh mất mát về người rất lớn nên tâm lý muốn có nhân lực "dự trữ" là lẽ đương nhiên trong xã hội. Tâm lý đó trở thành áp lực hết sức to lớn, nặng nề đối với công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình của chúng ta. Mặt khác, việc sinh đẻ đối với người Á Đông nói chung và người Việt Nam nói riêng (nhất là vùng ảnh hưởng của Nho giáo) là rất tế nhị và kín đáo, khiến việc kiểm soát dân số đối với nước ta lại càng phức tạp và khó khăn.

Một nhân tố nữa phải kể đến là trình độ phát triển kinh tế - xã hội của chúng ta còn ở mức rất thấp, cùng với đó là trình độ dân trí còn hạn chế. Do vậy, sự gia tăng dân số có nguy cơ càng tiềm ẩn, càng gây áp lực đối với nhịp độ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Trong khi đó, các nước trong khu vực và trên thế giới đang có những bước tiến mạnh mẽ, khiến chúng ta phải xem xét vấn đề kiểm soát quy mô và tốc độ tăng dân số một cách nghiêm túc, nếu không muốn bị tụt hậu. Đứng trước thực trạng cấp bách đó, công tác tuyên truyền, giáo dục của chúng ta đã đi tiên phong, trở thành đột phá của công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình.

Xuất phát từ đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, các ngành, các cấp mở chiến dịch tuyên truyền một cách đồng loạt, rộng khắp và sâu sắc trên cả nước. Nội dung cơ bản của chiến dịch tuyên truyền này là: Mỗi cặp vợ chồng chỉ nên có một hoặc hai con để tập trung nuôi dạy tốt con cái; không đẻ mau, đẻ dày (dưới 5 năm giữa hai lần sinh); tăng cường chăm sóc sức khỏe cho sản phụ, nuôi con theo phương pháp khoa học hiện đại, giới hạn tuổi sinh đẻ cho phù hợp (không quá trẻ và không quá già, tốt nhất từ 20 đến 35 tuổi). Với nội dung cơ bản như vậy, các phương tiện thông tin đại chúng chủ động tham gia với tinh thần trách nhiệm cao bằng nhiều hình thức rất đa dạng, phong phú và quy mô rộng lớn. Hệ thống báo chí, đài phát thanh, truyền hình từ trung ương đến địa phương, dựa vào nội dung cơ bản, đề ra nhiều phương pháp, cách thức tuyên truyền, vận động toàn dân thấm nhuần, tự giác thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng. Các loại hình báo chí đều thể hiện cao nhất vai trò, tính ưu việt của mình để chuyển tải thông tin đến đông đảo quần chúng nhân dân qua các thể loại báo chí đa dạng như phóng sự điều tra, tin tức, chuyên luận, bình luận, tập trung tuyên truyền mặt tốt, mặt tích cực, phê phán mặt xấu, mặt tiêu cực trong nhận thức và hành động. Nhất là, với các thủ pháp sáng tạo, cách làm năng động, báo chí đã hoàn thành nhiệm vụ và mục đích tuyên truyền của mình với hiệu quả tuyên truyền cao nhất. Các thế hệ phóng viên, biên tập viên, lãnh đạo các cơ quan thông tin đại chúng đã hết sức nhiệt tình thực hiện trách nhiệm của mình một


Digitized by Google

cách bền bỉ, kiên nhẫn. Có thể nói, báo chí cách mạng với đội ngũ hùng hậu, kinh nghiệm dày dạn đã từng trải trong chiến tranh, kết hợp với đội ngũ trẻ tuổi được đào tạo cơ bản, sát vai nhau dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, cũng như được nhân dân giúp đỡ ủng hộ, đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình.

Một bộ phận không kém phần quan trọng trong chiến dịch tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình thời gian qua, là sự nỗ lực của hệ thống các nhà xuất bản, các nhà in trong việc in ấn, xuất bản sách, báo, tài liệu. Các loại sách tuyên truyền với các kích cỡ, kiểu dáng khác nhau, các loại ấn phẩm có tranh, ảnh, áp-phích, pa-nô, tờ rơi, tờ bướm phát hành rộng khắp, đã giới thiệu, tuyên truyền nội dung theo các mức độ phù hợp với các vùng, miền, đối tượng nên hiệu quả ngày càng tốt hơn.

Trong chiến dịch tuyên truyền này còn phải kể đến mặt trận văn học - nghệ thuật. Từ văn, thơ đến sân khấu, điện ảnh, hội họa, âm nhạc, điêu khắc... tất cả đều sôi nổi tham gia với trách nhiệm cao, nhiệt tình lớn. Có thể nói, các loại hình nghệ thuật truyền thống cũng như hiện đại đều chuyển tải nội dung tuyên truyền về dân số - kế hoạch hóa gia đình hết sức sôi động, nhuần nhuyễn và thiết thực.

Đội ngũ văn nghệ sỹ đã đồng lòng, dốc sức thi đua hưởng ứng chủ trương, đường lối của Đảng. Họ đi sâu đi sát cuộc sống thường nhật, tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân một cách không mệt mỏi. Chính sự đóng góp to lớn của văn học - nghệ thuật, với sự cố gắng vượt bậc của đội ngũ văn nghệ sỹ đã góp phần không nhỏ vào thắng lợi của công tác này. Với các tác phẩm đủ mọi thể loại, một mặt họ góp công vào sự nghiệp tuyên truyền nhân dân, mặt khác lưu giữ lại một khối lượng các tác phẩm có giá trị về mặt nghệ thuật, đóng góp đáng kể vào việc xây dựng một nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm bản sắc dân tộc. Đây là điều đáng quý và đáng trân trọng, không chỉ cho hôm nay mà cả mai sau.

Điều rất đáng nói ở đây là, trong việc tuyên truyền vận động quần chúng nhân dân thực hiện công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình ở nước ta, có một đội quân mà công lao của họ là hết sức lớn lao và rất độc đáo, thể hiện đặc sắc của đất nước ta. Đó là đội ngũ tuyên truyền viên, cộng tác viên ở cơ sở trên khắp cả nước. Đội ngũ đông đảo đến hàng chục vạn người, từ thành thị đến nông thôn, từ đồng bằng đến miền núi, ven biển, hải đảo xa xôi, hoạt động không mệt mỏi, không ngại nắng mưa. Phần lớn trong số họ dù chỉ qua một vài lớp tập huấn ngắn hạn, nhưng với bầu nhiệt huyết và trách nhiệm cao, họ đã có mặt khắp mọi miền, đến từng nhà, gặp từng người, kiên trì, nhẫn nại, giải thích cho từng đối tượng, giúp họ hiểu rõ tình hình, động viên họ làm tốt công tác kế hoạch hóa gia đình và thực hiện nếp sống mới... Và dù cho thù lao, phụ cấp còn rất khiêm tốn nhưng với nhiệt tình, trách nhiệm, các tuyên truyền viên, cộng tác viên đã làm nên một kỳ tích rất đáng khâm phục. Chúng ta đánh giá rất cao công lao của họ, biết ơn họ và đề xuất với Đảng và Nhà nước nên có cơ chế, chính sách phù hợp nhằm tiếp tục khuyến khích cả về vật chất và tinh thần để họ thực hiện ngày càng tốt hơn nhiệm vụ của mình.

Thành quả có được hôm nay, bên cạnh sự lãnh đạo của cấp ủy từ trung ương đến cơ sở, sự quản lý nhà nước của các ngành, các cấp, còn cần phải kể đến sự đóng góp của các đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị nước ta trong suốt mấy thập kỷ qua. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân, Hội Cựu


Digitized by Google

chiến binh và các hiệp hội ngành nghề khác... đã góp phần rất lớn vào thành tích của sự nghiệp tuyên truyền giáo dục về dân số và kế hoạch hóa gia đình. Mỗi một tổ chức, theo chức năng, nhiệm vụ của mình, tùy theo đối tượng, hoàn cảnh của từng vùng, miền đã đưa ra những loại hình hoạt động tuyên truyền phù hợp và có hiệu quả khá cao. Đây chính là một trong những nét đặc sắc về hoạt động của hệ thống chính trị Việt Nam, thể hiện tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa của chúng ta.

Cũng cần phải nói thêm rằng, thành công này còn có sự đóng góp của đội ngũ già làng, trưởng bản, những người uy tín trong cộng đồng dân cư, cũng như đội ngũ chức sắc trong các tôn giáo ở Việt Nam. Ở đây, phải nhấn mạnh một điều, sự tham gia của tầng lớp này vào công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình là biểu hiện tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc theo đường lối của Đảng, cùng nhau đưa đất nước tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Riêng đối với bộ phận đồng bào có đạo và chức sắc, việc tham gia hoạt động này chứng minh cho tình đoàn kết giữa đồng bào theo đạo và không theo đạo cùng nhau xây dựng xã hội ta tốt đẹp. Đây cũng là sự tiếp nối truyền thống tốt đẹp của dân tộc từ xưa đến nay cùng nhau chung sống hòa bình và phát triển.

Không thể không khẳng định một lực lượng quan trọng khác đã góp phần to lớn vào sự thành công của công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình trong những thập kỷ sôi động vừa qua. Đó là sự giúp đỡ hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, của các quốc gia trên thế giới. Thật cảm động, khi tiến hành cuộc kháng chiến giành độc lập dân tộc chúng ta đã nhận được sự ủng hộ tận tình và có hiệu quả của nhiều chính phủ và các tổ chức quốc tế, thì nay trong cuộc chiến chống đói nghèo vì sự phát triển đất nước, chúng ta lại nhận được sự ủng hộ quý báu và ngày càng to lớn của các tổ chức và chính phủ nước ngoài. Sự đóng góp, giúp đỡ này không chỉ bằng các khoản ngân sách, mà còn thể hiện ở tình hữu nghị, ở phương pháp, kỹ năng và sự hỗ trợ kỹ thuật của họ đối với chúng ta. Ở đây, phải kể đến "công nghệ" hiện đại trong việc quản lý, điều hành các dự án, kế hoạch về công tác này. Chúng ta đánh giá cao sự giúp đỡ này và phấn đấu giữ vững, phát huy hiệu quả sự giúp đỡ của họ trong giai đoạn mới.

So với vài thập kỷ trước, tình hình đất nước ta và thế giới đã thay đổi rất nhiều. Điều đó đòi hỏi sự nỗ lực của chúng ta trong công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình không ngừng đổi mới. Chúng ta tuy gặp nhiều khó khăn mới nhưng cũng có không ít thuận lợi mới. Đặc biệt, chúng ta đã ban hành Pháp lệnh dân số, và đây là cơ sở pháp lý căn bản để điều chỉnh hoạt động của mỗi cá nhân, tập thể. Để phát huy kết quả đạt được trong những thập kỷ qua, cần nhanh chóng thực hiện tốt việc tuyên truyền, phổ biến nội dung và thực hiện tốt Pháp lệnh dân số.

Chúng ta cần hoàn thiện và bổ sung cơ chế, chính sách cho phù hợp, nhằm phát huy tốt thành quả của công tác giáo dục tuyên truyền, cũng như nâng cao không ngừng hiệu quả hoạt động của các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội. Vấn đề quan trọng hiện nay là, thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, các cấp, các ngành cùng tổng kết thực tiễn, đúc rút kinh nghiệm, tìm ra những bài học kinh nghiệm tốt, thẳng thắn đánh giá những yếu kém, khuyết điểm, tìm ra cách khắc phục, tháo gỡ một cách hiệu quả. Chỉ có trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm, rút ra bài học bổ ích trong chỉ đạo và thực hiện công tác này trong tình hình mới, mới đưa công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình tiến lên vững chắc, góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. ❑


Digitized by Google

# ĐÔNG Á PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ TRONG QUÁ TRÌNH TOÀN CẦU HÓA

TRẦN VĂN TÙNG*

ĐÔNG Á đã đạt được tỷ lệ tăng trưởng cao trong suốt hai thập kỷ 1970, 1980. Tuy nhiên, điều đó chủ yếu do giá lao động rẻ, vốn vật chất tạo nên, trong khi vai trò của năng suất nhân tố tổng cộng (TFP) lại thấp. Vì thế, sự tăng trưởng không thể duy trì trong tầm dài hạn; và cuối thập kỷ 1990, Đông Á đã rơi vào khủng hoảng. Các kết quả tính toán của Cra-phơ năm 1998 cho thấy, trong thời kỳ 1960 - 1994, tốc độ tăng trưởng hằng năm của Hàn Quốc là 8,3%, trong đó vốn vật chất đóng góp là 4,3%, lao động đóng góp 2,5%, và TFP đóng góp chỉ 1,5%. Tương tự các số liệu của Xin-ga-po là 4,4%, 2,2% và 1,5%; của Ma-lai-xi-a là 3,4%, 2,5% và 0,9%; của Thái Lan là 3,7%, 2% và 1,8%(1). Ở các nước phương Tây, các con số này phản ánh xu hướng ngược lại: Đức, Pháp và I-ta-li-a trong thời kỳ 1950 - 1973, TFP đã đóng góp cho tăng trưởng tới 3%. Kết quả phát triển nguồn nhân lực tại Đông Á là rất ấn tượng, nhưng các chính sách phát triển nhân lực chủ yếu tập trung khắc phục những hậu quả của chiến tranh.

Đã đến lúc các nước Đông Á phải thực hiện một cuộc cách mạng chuyển đổi. Lợi thế cạnh tranh từ lao động rẻ và vốn vật chất trước đây không còn nữa, vì đã có những nơi khác cung cấp lao động rẻ hơn. Bằng việc sao chép công nghệ, một số nước đang phát triển đã sản xuất ra hàng hóa xuất khẩu có chất lượng và giá rẻ, hậu quả là những nước đi sau đã loại bỏ các đối thủ Đông Á đi trước ở một số thị trường thế giới. Trong thời đại mới, lợi thế cạnh tranh là do con người tạo ra. Khi rào cản về công nghệ đang bị các nước công nghiệp kiểm soát chặt chẽ, muốn tạo ra yếu tố quyết định cho lợi thế cạnh tranh mới, các quốc gia Đông Á một mặt phải phát triển giáo dục để có đủ lực lượng lao động có kỹ năng; mặt khác, đầu tư ở mức cao hơn cho nghiên cứu và phát triển (R & D) để sản sinh ra công nghệ mới.

**1 - Các chính sách phát triển nhân lực có kỹ năng**

Hệ thống giáo dục đào tạo đã tạo ra lực lượng lao động hoạt động trong các lĩnh vực kỹ thuật cao, và chính họ đã tạo ra công nghệ mới. Nhận thức được vai trò của nhân lực, nhiều quốc gia Đông Á đã tập trung đầu tư nhiều hơn cho giáo dục và đào tạo. Tuy nhiên, so với các thập kỷ 1960 và 1970, chiến lược phát triển giáo dục của các quốc gia này đã thay đổi. Trọng tâm của chiến lược được thể hiện ở bốn

* PGS, TS, Viện Kinh tế và chính trị thế giới

(1) Cra-phơ (1998): *East Asian Growth befor and after the crisis*. IMF, Staff paper 139 - 66


Digitized by Google

điểm cơ bản. *Một là*, định hướng giáo dục phục vụ cho phát triển, chuyển đổi công nghệ. *Hai là*, chú ý nhiều hơn tới chất lượng giáo dục. *Ba là*, tạo môi trường học tập suốt đời. *Bốn là*, tiến tới phổ cập giáo dục đại học và cao đẳng.

Các nước Đông Á đều có cùng một số đặc điểm là trình độ lao động khá cao và đồng đều. Chính phủ chú ý tới việc đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho thời kỳ đầu công nghiệp hóa. Do đó, đầu thập kỷ 1970, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng về công nghiệp, toán, tin học đã tương đương với các nước thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD). Các nghiên cứu của Ngân hàng thế giới cho thấy, quá trình tăng năng suất, chuyển dịch hiệu năng giữa các ngành đã được thúc đẩy mạnh mẽ nhờ sự đóng góp của lực lượng lao động có trình độ chuyên môn cao. Đặc biệt, nếu dựa vào mô hình công nghệ trung tính của Giôn Hích, thì tăng trưởng kinh tế có phần đóng góp của lao động có học vấn được thể hiện rõ nét. Cụ thể hơn, theo kết quả nghiên cứu của Sun-tơ năm 1975, giáo dục đã mang lại hiệu quả trong thời kỳ Đông Á mở cửa và môi trường công nghệ có thay đổi.

Để công nghệ mới xâm nhập vào cuộc sống, mọi người phải có kỹ năng công nghệ và chính phủ phải đầu tư để phát triển các công nghệ này. Quá trình thay đổi công nghệ đang làm tăng thêm các giá trị của kỹ năng công nghệ, đồng thời cũng làm thay đổi yêu cầu về các kỹ năng công nghệ đó, dẫn đến phải đổi mới tư duy về chính sách giáo dục đào tạo. Sau thời kỳ khủng hoảng, Đông Á đã đánh giá lại toàn bộ hệ thống giáo dục, tìm tòi trong việc tập trung ưu tiên cho mục tiêu nào, phương pháp giáo dục thay đổi theo mô hình nào, để phát huy năng lực sáng tạo của người học. Đó là những lựa chọn rất khó khăn. Tuy nhiên, gần đây các quốc gia Đông Á tập trung nhiều hơn cho giáo dục - đào tạo các lĩnh vực công nghệ cao như công nghệ thông tin, công nghệ sinh học và công nghệ vật liệu mới. Trong lĩnh vực sản xuất linh kiện máy tính, Hàn Quốc đã có những tiến bộ vượt bậc. Thí dụ, các bộ nhớ động ngẫu nhiên DRAM của Hàn Quốc - một loại sản phẩm có sức cạnh tranh không thua kém bất cứ đối thủ nào trên thế giới.

Nếu như một nền giáo dục chỉ có hai yếu tố là số lượng học sinh tăng lên và nguồn đầu tư cho giáo dục cứ tiếp tục tăng, thì chưa thể nói rằng nền giáo dục đó có hiệu quả. Chất lượng giáo dục và định hướng giáo dục ở mỗi cấp học gắn chặt với kỹ năng làm việc mới và để người lao động tiến đến làm chủ công nghệ đang trở thành yêu cầu cấp bách. Nhiều nước Đông Á đạt được mức phổ cập phổ thông trung học. Nhưng phải thừa nhận rằng, trình độ đại học hoặc sau đại học mới đóng vai trò quan trọng cho việc phát triển công nghệ. Đặc điểm nổi bật là giáo dục đại học tạo ra năng lực đổi mới, cải tiến công nghệ cho phù hợp với hoàn cảnh cụ thể và tránh được các rủi ro từ sự thay đổi công nghệ ở bên ngoài. Nếu chỉ tăng số lượng học sinh ở các bậc học phổ thông thì chưa đủ. Chất lượng mới là khâu quan trọng. Ở Nhật Bản, Hàn Quốc, Xin-ga-po, nhờ chất lượng bậc học phổ thông tốt nên tỷ lệ sinh viên đại học cao. Vấn đề đặt ra là, chất lượng giáo dục phụ thuộc vào những yếu tố nào ? Có phải đầu tư ở mức cao thì chất lượng sẽ cao? Các kết quả nghiên cứu ở Đông Á của Chương trình phát triển Liên hợp quốc trong *Báo cáo phát triển con người năm 2001* cho thấy, định hướng giáo dục vào công nghệ có vai trò không kém so với đầu tư cho giáo dục. Như vậy, định hướng mục tiêu giáo dục và phương pháp giáo dục đang trở thành yêu cầu quan trọng, thậm chí có khi quan trọng hơn cả đầu tư.

Học tập suốt đời được coi là chìa khóa để phát triển kỹ năng của con người trong điều kiện công nghệ luôn thay đổi. Kinh tế Đông Á đang phát triển trước áp lực cạnh tranh kinh tế quốc tế gay gắt, các công ty lớn cần có nhiều nhân lực trình độ công nghệ cao. Tại Hàn Quốc, sau khi Luật Đào tạo nghề được

ban hành năm 1967, Chính phủ đã thành lập các trung tâm dạy nghề cung cấp nhân lực cho các ngành công nghiệp nặng trong thập kỷ 1970, do đó các ngành đóng tàu, chế tạo máy, sản xuất thép, công nghiệp điện tử phát triển rất mạnh. Tiếp đó, Chính phủ đã thành lập các viện nhà nước và các trung tâm nhà nước thực hiện chức năng đào tạo cán bộ khoa học - công nghệ. Chính phủ Xin-ga-po cũng đưa ra một chương trình giáo dục kỹ năng công nghệ, triển khai từ năm 1983 và chương trình đào tạo kỹ năng thiết yếu triển khai từ năm 1987. Từ năm 1990, do nhận thức rõ vai trò quan trọng của công nghệ thông tin, nên sự hỗ trợ các trường đại học của Xin-ga-po thực hiện chương trình đào tạo các chuyên ngành thuộc lĩnh vực này chuyển theo hướng chuyên môn hóa.

Hiện tại, tỷ lệ học sinh vào đại học và cao đẳng của Đông Á là khá cao. Nhật Bản đạt hơn 30%, cao hơn cả là Hàn Quốc với 60%. Trong sự chuyển đổi từ nền kinh tế hậu công nghiệp sang kinh tế tri thức, lao động trong các ngành phần đông phải là người có tri thức. Theo Li-xtơ Thơ-râu - một trong những nhà kinh tế học hàng đầu của Hoa Kỳ - quốc gia nào muốn phát triển công nghệ sinh học thì phải đào tạo đủ số lượng tiến sĩ sinh học tương đương số công nhân trong một số ngành công nghiệp. Phổ cập giáo dục đại học, cao đẳng đang trở thành yêu cầu tất yếu của các quốc gia Đông Á. Để mở rộng quy mô giáo dục đại học, các nước Đông Á đã huy động mọi nguồn lực từ nhà nước, công ty, hiệp hội, các nhà đầu tư nước ngoài và từ người học.

**2 - Đầu tư cho hoạt động R & D**

Bước vào thiên niên kỷ mới, tầm quan trọng của khoa học - công nghệ đối với việc phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, môi trường sinh thái thu hút sự quan tâm đặc biệt của nhiều quốc gia. Sở dĩ gần đây nhiều nhà hoạch định chính sách chú ý tới vai trò của khoa học - công nghệ là do họ nhận thức được mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau giữa toàn cầu hóa và sự thay đổi mau chóng của khoa học - công nghệ. Điều này đang thực sự tiếp sức cho cuộc cách mạng công nghiệp mới, và sự thay đổi công nghệ đang tạo ra nền sản xuất có giá trị gia tăng cao hơn.

Xem xét các số liệu về tỷ trọng của các sản phẩm có hàm lượng công nghệ xuất khẩu trong thời kỳ 1985 - 1998 ở các nước trên thế giới, ta thấy mức tăng trung bình hằng năm của các hàng hóa chế tạo có hàm lượng công nghệ cao tại các nước đang phát triển là 21,4%, hàng hóa có hàm lượng công nghệ trung bình tăng 14,3% và các sản phẩm sơ chế tăng 1,3%. So sánh với các nước OECD, các tỷ lệ tương ứng trong cùng thời kỳ là 11,3%; 8,5% và 4,4%. Như vậy, nhờ tiếp thu công nghệ mà giá trị gia tăng của hàng xuất khẩu qua chế biến ở các nước đang phát triển có tỷ lệ tăng cao. Trong thời gian tới, muốn khai thác công nghệ toàn cầu một cách hiệu quả, các nước Đông Á nhận thấy rằng, phải đầu tư ở mức cao hơn cho hoạt động R & D.

Trong các cơ chế khuyến khích, một số hoạt động R & D phải do khu vực nhà nước thực hiện, đặc biệt là những khu vực hoạt động vì mục tiêu phát triển con người. Do đó, trong thời kỳ 1987 - 1997, Đông Á đã đầu tư tỷ lệ thích đáng cho hoạt động R & D bằng ngân sách nhà nước. Hàn Quốc đầu tư 2,8% GDP, ngang bằng với Mỹ và cao hơn Pháp; Xin-ga-po hiện tại là 1,1% GDP và Ma-lai-xi-a là 0,3% GDP. Tuy nhiên, nhà nước không thể bảo đảm đủ ngân sách cho các hoạt động R & D, do đó phải khuyến khích các thành phần kinh tế khác thực hiện. Có thể thấy các quốc gia Đông Á đã thực hiện thành công hai cơ chế khuyến khích. *Một là,* tạo mối liên hệ giữa các trường đại học với các cơ sở sản xuất công nghiệp. *Hai là,* khuyến khích các công ty, tư nhân đầu tư cho hoạt động R&D.

Sự khuyến khích liên kết giữa các trường đại học và các ngành công nghiệp có tác dụng tích cực ở chỗ thúc đẩy đổi mới công nghệ. Trường đại học là nơi sản sinh ra các ý tưởng và sản


Digitized by Google

phẩm công nghệ mới, các cơ sở sản xuất công nghiệp đưa ra yêu cầu mới. Hình thức thuyết trình, trao đổi đan xen giữa giới học thuật và giới công nghiệp được thực hiện thường xuyên. Các công ty, thông qua đó, có thể hỗ trợ vốn cho những dự án lớn, thiết thực, giúp cho nhiều thành quả khoa học có nơi ứng dụng đích thực. Điều đáng mừng ở chỗ hình thành được một thị trường các sản phẩm khoa học công nghệ, và các kết quả nghiên cứu mau chóng được thương mại hóa. Nhiều trường đại học lớn của Nhật Bản, Hàn Quốc, Xin-ga-po... rất thành công trong việc triển khai các kết quả nghiên cứu vào các ngành công nghiệp.

Tại các nước công nghiệp nói chung, tỷ lệ đầu tư của tư nhân cho hoạt động R & D chiếm tới 60% tổng vốn đầu tư. Các nước Đông Á như Hàn Quốc, Xin-ga-po và lãnh thổ Đài Loan đã đưa ra nhiều cơ chế khuyến khích tư nhân đầu tư cho khoa học - công nghệ. Thực tế cho thấy, Hàn Quốc thu được nhiều kết quả hơn và trình độ công nghệ ở mức cao hơn các quốc gia khác trong khu vực này (trừ Nhật Bản) là do các tập đoàn kinh tế lớn như Sam Sung, Deawoo, LG, Hyundai... đã đầu tư nguồn tài chính lớn cho R&D. Những động lực chính khuyến khích các nhà đầu tư tư nhân cho hoạt động R&D xuất phát từ chiến lược chung, là hình thành các tập đoàn lớn, giảm sự phụ thuộc công nghệ nhập khẩu từ bên ngoài và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Cơ chế khuyến khích được bảo đảm thông qua việc giảm thuế, cho vay với lãi suất thấp, hoặc miễn thuế nhập khẩu đối với các thiết bị phục vụ cho hoạt động R&D, miễn thuế lợi tức, nếu cơ sở nghiên cứu dùng vốn đó đầu tư trở lại cho hoạt động R&D, khấu hao nhanh các thiết bị... Do đó, tại Hàn Quốc, Xin-ga-po, Đài Loan, mức đầu tư của khu vực tư nhân cho hoạt động khoa học công nghệ chiếm 50%, ngang bằng với sự đầu tư của nhà nước. Sự đầu tư của tư nhân sẽ tăng nhanh hơn trong những năm tới, trong khi mức đầu tư của nhà nước đang có xu hướng giảm dần.

Đầu tư mạo hiểm cũng là một hình thức thúc đẩy khoa học - công nghệ phát triển. Không có gì đáng ngạc nhiên khi Hoa Kỳ là quốc gia đi đầu trong lĩnh vực này. Bởi nguồn vốn đầu tư đó đã giúp cho các thung lũng Xi-li-côn sản sinh ra nhiều công nghệ mới, góp phần cho các công ty của Hoa Kỳ luôn kiểm soát và giữ vị trí độc tôn trên thị trường công nghệ cao của thế giới. Ở một số quốc gia đi sau như Ấn Độ, I-xra-en, thị trường vốn mạo hiểm cũng phát triển mạnh. Tại Ấn Độ, năm 1999, vốn đầu tư mạo hiểm chỉ là 350 triệu USD, theo dự báo vào năm 2008, vốn đầu tư mạo hiểm có thể đạt tới 10 tỉ USD, chủ yếu là đầu tư cho công nghệ thông tin, và xuất khẩu được 50 tỉ USD các sản phẩm phần mềm cho máy tính. Đông Á đang tăng dần nguồn vốn đầu tư mạo hiểm. Nếu trước đây, thường tập trung vào những ngành công nghiệp chủ lực truyền thống như đóng tàu, khai khoáng, chế tạo máy... thì gần đây các quốc gia Đông Á chuyển vốn đầu tư mạo hiểm vào các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông, công nghệ sinh học với hy vọng thu được nguồn lợi cao. So với Hoa Kỳ, khu vực Đông Á ít có sự thay đổi về hành vi đầu tư, vì các quốc gia Đông Á bị ràng buộc nhiều bởi nền văn hóa Khổng giáo. Đầu tư mạo hiểm có thể tăng, nhưng không thể có bước bứt phá.

Một thực tế là, toàn cầu hóa kinh tế đang làm cho khoảng cách về công nghệ giữa các quốc gia, khu vực tăng. Bằng cách nào Đông Á có thể thu hẹp khoảng cách công nghệ đối với các nước phương Tây? Nếu chỉ có tiền thì chưa đủ, vì như thế Đông Á có thể lặp lại con đường nhập khẩu công nghệ đã từng diễn ra. Đông Á cần có con đường khác trước, một mặt nhằm tranh thủ tiếp thu công nghệ toàn cầu, mặt khác tự mình tiến tới đường giới hạn về công nghệ. Các bước đi quan trọng đã được khẳng định trong các chiến lược phát triển dài hạn bằng cách nâng cao năng lực nội sinh thông qua phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng và khai thác tiềm năng, sự tiến bộ của khoa học - công nghệ. ❑


Digitized by Google

# CÔNG TY DA GIẦY HẢI PHÒNG

## HAIPHONG LEATHER PRODUCTS AND FOOTWEAR COMPANY

Địa chỉ: 276 Hàng Kênh - Hải Phòng * ĐT: 84.31 940 873 - 940 914 * Fax: 84.31 940 716 * Email: ctdagiayhp@hn.vnn.vn

Giám đốc: NGUYỄN NGỌC LÂM

Công ty Da giầy Hải Phòng (Tên giao dịch quốc tế: "Sholega") được thành lập năm 1959. Từ đó đến nay, Công ty liên tục phát triển.

Hiện nay, Sholega đã có mối quan hệ hợp tác kinh doanh với 7 công ty của Đài Loan và 2 Công ty của Nhật Bản.

TRONG NHỮNG NĂM QUA, CÔNG TY DA GIẦY HẢI PHÒNG ĐÃ ĐƯỢC NHÀ NƯỚC, CHÍNH PHỦ, CÁC BỘ, BAN NGÀNH CỦA TW, THÀNH ỦY, HĐND, UBND, CÁC ĐOÀN THỂ CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI THÀNH PHỐ GHI NHẬN VÀ KHEN THƯỞNG. ĐẶC BIỆT NĂM 2004, ĐƯỢC NHÀ NƯỚC TẶNG THƯỞNG HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP HẠNG BA

NĂNG LỰC SẢN XUẤT HIỆN NAY

Giầy thể thao: 8 triệu đôi, 5 nhà máy sản xuất, 15 dây chuyền.
Giầy nữ: 2,5 triệu đôi/nhà máy, 4 dây chuyền.
Giầy vải: 1,3 triệu đôi/ nhà máy, 2 dây chuyền.
Bóng đá: 700 000 quả/ nhà máy.
Găng tay: 300 000 đôi/ nhà máy.
Mút xốp và các sản phẩm từ mút xốp: 30 000m$^3$/1 nhà máy.
Giày, dép đi trong nhà: 1 triệu đôi/ nhà máy.
Giày da chuyên dùng: 500 000 đôi/ nhà máy.

*Sholega luôn mong muốn được hợp tác kinh doanh với các bạn trong nước và nước ngoài dưới mọi hình thức hợp tác kinh doanh, liên doanh, góp cổ phần*

## SỞ GIAO THÔNG CÔNG CHÍNH HẢI PHÒNG

# CÔNG TY BẾN XE KHÁCH

Địa chỉ: 273 Trần Nguyên Hãn - Hải Phòng * Điện thoại: 031 781 076; 781 077

**Công ty Bến xe khách Hải Phòng với truyền thống cần cù lao động, sáng tạo, vượt khó, đổi mới đi lên cùng nhịp độ phát triển Thành phố, năm sau cao hơn năm trước từ 12 - 25%, thực hiện tốt mục tiêu "Hoàn thành nhiệm vụ được giao, nâng cao chất lượng phục vụ vận tải, quan hệ chặt chẽ với các ngành chức năng, đảm bảo trật tự an toàn giao thông, trật tự xã hội. Giữ vững chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế hàng năm, phát triển, mở rộng, nâng cấp các bến xe. Đảm bảo ổn định đời sống và việc làm cho người lao động".**

Để thực hiện tốt công việc được giao, Công ty đã:

* Triển khai ký hợp đồng với các thành phần kinh tế tham gia vận tải khách, đón nhận trên 385 xe khách hoạt động thường xuyên liên tục vào bến phục vụ hành khách đi lại trên 75 tuyến đường liên tỉnh và nội tỉnh trong cả nước với 380 chuyến xe/ngày.

* Đưa vào sử dụng Bến Xe khách Cầu Rào từ tháng 5 - 2003, toàn bộ sân bãi và tầng 1 nhà ga đã thu hút các thành phần kinh tế tham gia phục vụ đi 18 tuyến xe liên tỉnh và nội tỉnh với tổng số 60 chuyến/ngày.

* Thường xuyên kết hợp chặt chẽ với lực lượng cảnh sát giao thông, các trạm cảnh sát bến xe, trạm cửa ô ra vào Thành phố, công an các phường, quận nơi có bến xe để đảm bảo trật tự an toàn.

* Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và mở rộng các bến xe, nâng cấp và xây dựng mới các bến.

* Phong trào thi đua xây dựng con người phục vụ tốt với tinh thần thái độ lễ độ, lịch sự khi giao dịch với chủ phương tiện; thi đua làm đúng, đầy đủ chức trách, nhiệm vụ là người lễ tân hướng dẫn khách, tiếp thị, đón nhận, điều hành xe bình đẳng, an toàn, thuận tiện, lịch sự; thi đua học tập chuyên môn ...

**NĂM 2003, CÔNG TY ĐƯỢC ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TẶNG BẰNG KHEN; NGÀNH GIAO THÔNG CÔNG CHÍNH TẶNG CỜ ĐƠN VỊ QUẢN LÝ SẢN XUẤT GIỎI, CÔNG ĐOÀN XUẤT SẮC.**

# CẢNG HẢI PHÒNG - PORT OF HAIPHONG

## ĐƠN VỊ ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN ANH HÙNG LAO ĐỘNG

Trụ sở: 8A Trần Phú - Ngô Quyền - Hải Phòng * Tel: 031 859 824 - 859 945 - 859 953 - 550 354 * Fax: 031 859 973 - 859 942 - 827 396

Email: haiphongport@hn.vnn.vn - thuct-chp@hn.vnn.vn * Website: www.haiphongport.com.vn

CBCNV Cảng Hải Phòng luôn phát huy truyền thống đoàn kết kiên cường sáng tạo, dưới sự lãnh đạo của Đảng đã đóng góp vào công cuộc cách mạng của dân tộc, lập nhiều thành tích xuất sắc, được tặng nhiều phần thưởng cao quý:

- Kỷ niệm chương vì Bằng có công với nước (năm 1960).
- Anh hùng Lực lượng Vũ trang nhân dân (năm 1973).
- Huân chương Chiến công hạng Nhất (năm 1968).
- Huân chương Quân công hạng Ba (năm 1972).
- Huân chương Lao động hạng Nhì (năm 1972).
- Huân chương Kháng chiến hạng Ba (năm 1972).
- Huân chương Độc lập hạng Ba (năm 1984).
- Huân chương Lao động hạng Nhì (năm 1994).
- Danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới (năm 1998).
- Giải thưởng Hồ Chí Minh "Công trình khoa học kỹ thuật rà phá thủy lôi từ tính và bom từ trường đảm bảo giao thông thời kỳ 1967 1972" (năm 1998).
- Huân chương Lao động hạng Nhất (Công đoàn cảng năm 1998).
- Huân chương Lao động hạng Nhì (năm 2003).
- 5 Huân chương Lao động hạng Ba cho 3 tập thể và 2 cá nhân (các năm 1998-1999-2000-2001-2003).
- Liên tục nhiều năm liền được Bộ Giao thông vận tải, UBND Thành phố Hải Phòng tặng cờ thi đua và bằng khen. Đặc biệt 3 năm liền (1999-2000-2001), được Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ thi đua xuất sắc.
- Năm 2001, được UBND Thành phố Hải Phòng tặng Cờ đơn vị thi đua xuất sắc, Cờ doanh nghiệp tiêu biểu xuất sắc của Thành phố, Bộ Công an tặng Cờ thi đua đơn vị dẫn đầu phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen về thành tích hoàn thành xuất sắc nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tặng Cờ thi đua xuất sắc trong công tác bảo hộ lao động...
- Năm 2002, được Thành phố tặng Cờ đơn vị thi đua xuất sắc, Bộ Công an tặng Cờ thi đua đơn vị dẫn đầu phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, Bộ Giao thông vận tải tặng Cờ thi đua xuất sắc.
- Năm 2003, được Nhà nước tặng Huân chương Độc lập hạng Nhì, Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ thi đua xuất sắc, UBND thành phố Hải Phòng tặng Cờ 10 doanh nghiệp tiêu biểu.

*Cần trục dàn CC sức nâng 42 tấn xếp dỡ hàng công-ten-nơ tại XN Xếp dỡ Chùa Vẽ - Cảng Hải phòng*

Digitized by Google

## BỘ CÔNG NGHIỆP
## TỔNG CÔNG TY ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

# TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ VIETTRONICS

**Địa chỉ: số 16 đường Cát Bi, quận Hải An, thành phố Hải Phòng**
**ĐT: 031 726 899 * Fax: 031 726 972 * Email: Viettronicscollege@hn.vnn.vn**

**Hiệu trưởng**
**PGS.TSKH.NGƯT THÂN NGỌC HOÀN**

Trường Cao đẳng Công nghệ Viettronics trực thuộc Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam, thuộc Bộ Công nghiệp. Trường thành lập ngày 29 tháng 5 năm 2003, theo Quyết định số 2445/QĐ-BGD-ĐT-TCCB, của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đây là trường cao đẳng chính quy công lập.

📖 Sinh viên Trường Cao đẳng Công nghệ Viettronics có quyền lợi và nghĩa vụ của sinh viên các trường đại học, cao đẳng trong hệ thống giáo dục quốc dân.

📖 Với phương châm: "Đạo đức, ý chí vững vàng, nghề nghiệp sáng tạo linh hoạt", sinh viên của Trường Cao đẳng Công nghệ Viettronics khi tốt nghiệp sẽ:

- Có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, yêu nước, yêu CNXH, có tinh thần trách nhiệm, ý thức pháp luật, hòa đồng, khoan dung, tôn trọng các giá trị nhân văn và xã hội.

- Nắm vững kiến thức ngành nghề được đào tạo, tự tin vững vàng, thích nghi nhanh với hoạt động sản xuất, kinh doanh, kinh tế-xã hội của đất nước cũng như khu vực và quốc tế.

- Có khả năng đánh giá, phân tích, tổng hợp và tổ chức một cách sáng tạo mọi hoạt động về nghề nghiệp.

📖 Các khoa và ngành đào tạo:

1. Tin học
2. Điện tử
3. Điều khiển học kỹ thuật (tự động hóa)
4. Quản trị kinh doanh (quản trị mạng)

📖 Năm 2004-2005 Trường tiếp tục tuyển sinh khóa 2 (chỉ tiêu 500), với các chuyên ngành trên bằng hình thức xét tuyển theo nguyện vọng 2 và 3 (đối tượng là tất cả những thí sinh đã được dự thi khối A theo đề thi chung của Bộ GD & ĐT).

📖 Trường nhận đào tạo theo yêu cầu riêng của các cơ quan xí nghiệp với 4 chuyên ngành trên.

📖 Trường có đào tạo hệ B:
-Tin học.
-Ngoại ngữ.

Digitized by Google

# Huyện Vụ Bản

Toàn cảnh khai mạc lễ hội Phủ Dầy

Thả rồng bay trong đám rước trong lễ hội Phủ Dầy

Thi múa rồng trong lễ hội Phủ Dầy

Kéo chữ (Hoa trượng hội) trong lễ hội Phủ Dầy

Đồng chí Triệu Huy Phi,
Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch HĐND huyện Vụ Bản,
đọc Lời chào mừng Hội thảo

*Quần thể di tích Phủ Dầy gồm hơn 20 đền, phủ, chùa, lăng trải đều trên một không gian đẹp với cảnh quan thiên nhiên phong phú, có núi, có sông xen kẽ ruộng đồng màu mỡ, thuộc xã Kim Thái, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, đã được Nhà nước cấp bằng công nhận di tích lịch sử văn hoá theo quyết định số 09/QĐ - VHTT, ngày 21-2-1975.*

*Quần thể di tích Phủ Dầy gắn liền với sự tích về Mẫu Liễu Hạnh, một trong biểu tượng "Tứ bất tử" thuộc tín ngưỡng dân gian Việt Nam. Truyền thuyết về Mẫu Liễu Hạnh đã và đang được các nhà nghiên cứu xã hội nhân văn làm sáng tỏ để khẳng định tục thờ Mẫu là tín ngưỡng - tôn giáo của dân tộc Việt. Mười năm qua, đã có 3 cuộc hội thảo (2 cuộc hội thảo quốc gia, 1 cuộc hội thảo quốc tế) về Mẫu Liễu Hạnh. Chính những huyền thoại về Bà, về công đức của Bà đối với nhân dân đã tạo ra sự hấp dẫn kỳ lạ đối với khách thập phương về với Phủ Dầy.*

*Hằng năm, có trên một triệu lượt người từ hơn 50 tỉnh, thành phố cả nước và nhiều khách quốc tế về dự chợ Phủ Dầy (Chợ Viếng Xuân) được tổ chức vào ngày mồng Bảy và mồng Tám tháng Giêng; và lễ hội Phủ Dầy được tổ chức từ mồng Ba đến mồng Tám tháng Ba âm lịch. Tại đây, du khách được tham quan, chiêm ngưỡng một quần thể kiến trúc độc đáo, được dự một lễ hội truyền thống lớn về quy mô, tính chất, địa vực và các hình thức sinh hoạt lễ hội phong phú, đậm đà bản sắc dân tộc và sắc thái văn hoá của địa phương.*

*Lễ hội Phủ Dầy đã được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là một trong năm lễ hội lớn của đất nước.*

*Năm Giáp Thân 2004 là năm thứ Mười lễ hội Phủ Dầy mở trở lại, và đã thành công rất tốt đẹp.*

Địa chỉ: Thị trấn Gôi - huyện Vụ Bản - tỉnh Nam Định * ĐT: 0350 820 010 * Bí thư: TRIỆU HUY PHI

# TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1

MEKONG VIETNAM

# CÔNG TY MÊ KÔNG

Địa chỉ: Km 7, Xa lộ Hà Nội, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 8 960 029 *Fax: 8 966 099

## Nhà sản xuất bê-tông thương phẩm chuyên nghiệp đầu tiên tại Việt Nam

TÜV TÜV Rheinland Berlin Brandenburg | TÜV CERT ISO 9001

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP Ô-TÔ VIỆT NAM

# NHÀ MÁY Ô-TÔ HÒA BÌNH

Địa chỉ: km9 Nguyễn Trãi Thanh Xuân Hà Nội * Điện thoại: 04 8 545 987 5 523 257 8 541 032

Fax: 04 8 541 035 * E-mail: otohoabinh@hn.vnn.vn

Ra đời tại chiến khu Việt Bắc để vận tải và sửa chữa phương tiện phục vụ Chiến dịch Tây Bắc, Mặt trận Thượng Lào và tiếp đến Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ, Xưởng V202 là một trong những đứa con đầu lòng của ngành cơ khí non trẻ, tiếp nối truyền thống cách mạng của giai cấp công nhân, của ngành giao thông vận tải. Hòa bình lập lại, Xưởng V202 trở thành Xưởng Ô-tô Hòa Bình (1995) và mang tên Nhà máy Ô-tô Hòa Bình từ năm 1960.

Bước vào công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước thần kỳ của nhân dân ta, Nhà máy Ô-tô Hòa Bình ngoài nhiệm vụ chủ yếu sửa chữa ô-tô vận tải, đóng mới và sửa chữa xe ca còn sản xuất phụ tùng ô-tô, rơ-moóc, cầu phao LPP và tham gia hoàn thành các công trình phục vụ chiến đấu như đóng xe lội nước, rơ-moóc hạng nặng và cử hàng trăm CBCN phục vụ tuyến lửa Quảng Bình-Vĩnh Linh, gia nhập lực lượng vũ trang để chi viện cho chiến trường.

Vào dịp Tết Quý Mão cách đây đúng 41 năm (24-1-1963), Nhà máy được đón Bác Hồ về chúc Tết CBCNV. Niềm vinh dự và tình cảm thân thương ngày ấy vẫn được trân trọng gìn giữ trong lịch sử truyền thống của đơn vị.

Sau ngày thống nhất đất nước, Nhà máy Ô-tô Hòa Bình cùng với các đơn vị cơ khí trong ngành tập trung vào phát triển ngành nghề kinh doanh, chăm lo sản xuất đáp ứng nhu cầu vận tải hành khách ngày một tăng cao.

Bước sang thời kỳ đổi mới, trước nhu cầu mở cửa của nền kinh tế và đòi hỏi hộ nhập của thị trường, Nhà máy đã chia sẻ phần lớn lực lượng và cơ sở vật chất kỹ thuật để lập Liên doanh sản xuất ô-tô (VMC).

Nhà máy Ô-tô Hòa Bình đã giành được sự tin cậy của đông đảo khách hàng các sở GT-VT tỉnh, thành phố và đơn vị vận tải hành khách gần xa. Nhờ quyết tâm cao, đồng lòng chung sức, mạnh dạn sáng tạo xây dựng thương hiệu để sản phẩm đứng vững và ghi danh trong những sản phẩm có uy tín ở thị trường.

Nhà máy được trao tặng Huy chương Vàng của Hội trợ quốc tế hàng công nghiệp Việt Nam Hà Nội, thành phố Cần Thơ tặng cho sản phẩm ô-tô khách 50 chỗ ngồi (10-2001), ô-tô khách 27 chỗ, 32 chỗ và bằng khen các loại của Bộ trưởng Bộ GT-VT về xe ô-tô khách chất lượng cao là minh chứng cho quá trình khởi sắc, bước vào những năm đầu của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

# CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THUẬN LÂM

Địa chỉ: Km 39 - KP 4, đường ĐT 768 - thị trấn Vĩnh An - huyện Vĩnh Cửu - Đồng Nai
Điện thoại: VP- 061.860 686 * DĐ: 0913 108 696

*Vườn vật liệu cây keo lai*

## CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

- Mua bán hạt giống nông lâm nghiệp.
- Sản xuất cây keo lai giâm hom, thông Ca-ri-bê, cây kiểng, cây ăn trái và cây công nghiệp.
- Liên doanh thi công trồng rừng nguyên liệu giấy.
- San ủi mặt bằng khai hoang bằng cơ giới.

*Vườn giâm hom cây keo lai trên bể cát*

*Giâm hom cây keo lai trên bầu đất*

*Khu vườn huấn luyện cây keo lai giâm hom*

# CÔNG TY DỊCH VỤ XNK TTCN CÁC TỈNH PHÍA NAM - COOPIMEX CO

**(THUỘC LIÊN MINH HTX VIỆT NAM)**

Địa chỉ: 25 Hàn Thuyên, quận I, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 84.8.8 258 662 - 8 273 173 * Fax: 84.8.8 294 306
Email:coopimex@hcm.vn.vnn
Giám đốc: **TRẦN VĂN TRƯỜNG**

## NHIỆM VỤ:

**1. Xuất nhập khẩu hàng thủ công mỹ nghệ, thực phẩm, máy móc thiết bị, nguyên liệu, hàng tiêu dùng. Kim ngạch xuất nhập khẩu đạt: 5 triệu USD/năm.**

**2. Xuất khẩu lao động: 5 000 người/năm, đi Đài Loan, Ma-lai-xi-a.**

**3. Du lịch: 1 000 người/năm.**

Digitized by Google

# CHI NHÁNH QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN

# SƠN LA

## CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH

1. Cho vay đầu tư trung và dài hạn với lãi suất ưu đãi.
2. Hỗ trợ lãi suất sau đầu tư.
3. Bảo lãnh tín dụng đầu tư.
4. Cho vay lại các dự án đầu tư sử dụng vốn ODA.
5. Tín dụng hỗ trợ xuất khẩu ngắn hạn.
6. Cấp phát cho vay vốn ủy thác của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam và Tổng Công ty Bảo hiểm Xã hội Việt Nam.
7. Thực hiện nhiệm vụ do tỉnh Sơn La giao.

## NHIỆM VỤ CHÍNH, TRỌNG TÂM NĂM 2004

1. Thực hiện tốt các hoạt động được giao (7 nhiệm vụ).
2. Chuẩn bị thực hiện nhiệm vụ cấp phát, cho vay tái định cư và xây dựng Nhà máy thủy điện Sơn La khi được Chính phủ giao.
3. Đầu tư các dự án phát triển công nghiệp: Dự án nhà máy xi măng lò quay 1,5 triệu tấn/năm. Các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, khu đô thị mới: Chiềng Ngần, Huổi Hin, Bản Buổn....phục vụ chương trình đưa thị xã Sơn La thành thành phố vào năm 2008.

Địa chỉ: 17 đường Tô Hiệu thị xã Sơn La
Điện thoại: 022 852 863
Fax: 022.853 060
Giám đốc: Vũ Duy Tiên

Digitized by Google

Digitized by Google

# VIỆN VỆ SINH DỊCH TỄ TÂY NGUYÊN

Địa chỉ: 59 - Hai Bà Trưng, TP. Buôn Ma Thuật, Đắc Lắc
Điện thoại: 050.852 694Fax: 050.852 423 * Email:vsdttn@dng.vnn.vn

Viện trưởng
PGS.TS **ĐẶNG TUẤN ĐẠT**

Viện Vệ sinh Dịch tễ Tây Nguyên tiền thân là Viện Vệ sinh Dịch tễ Sốt rét Tây Nguyên, được thành lập tại Quyết định số 480/QĐ-BYT ngày 22/10/1975, được Chính phủ xác định là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Y Tế tại Nghị định số 49/2003/NĐ-CP ngày 15/05/2003.

## CHỨC NĂNG:

Nghiên cứu chỉ đạo tuyến về vệ sinh, dịch tễ trong phạm vi Viện phụ trách để đề xuất với Bộ Y tế các biện pháp phòng chống dịch bệnh phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế, xã hội trong từng giai đoạn của các tỉnh Tây Nguyên.

## NHIỆM VỤ:

**1. Nghiên cứu khoa học.**

**2. Chỉ đạo tuyến**: Giúp Bộ trưởng Bộ Y tế chỉ đạo các tỉnh trong khu vực về y tế dự phòng; tổ chức triển khai phòng chống dịch bệnh, tổ chức thực hiện các chương trình quốc gia, quốc tế về y tế dự phòng trong khu vực.

**3. Đào tạo**: Tham gia đào tạo các chuyên khoa, đào tạo nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn kỹ thuật chuyên ngành cơ sở, tham gia đào tạo cán bộ sau đại học về các chuyên ngành y tế dự phòng.

**4. Giáo dục truyền thông**: Tổ chức thực hiện việc truyền thông giáo dục sức khỏe và kiến thức về phòng chống dịch trong khu vực.

**5. Hợp tác quốc tế**: Thiết lập và duy trì mối quan hệ với các nước, các tổ chức của chính phủ và phi chính phủ trên thế giới để đào tạo cán bộ, hợp tác nghiên cứu khoa học và triển khai các dự án trong lĩnh vực y tế dự phòng.

**6. Quản lý đơn vị.**

*Nhận thức đúng vai trò, vị trí đặc biệt của Tây Nguyên trong chiến lược phát triển đất nước, Viện đã khắc phục mọi khó khăn thử thách, phối hợp chặt chẽ với y tế các tỉnh Tây Nguyên hoàn thành mọi nhiệm vụ do Bộ Y tế giao; củng cố và phát triển mạng lưới y tế dự phòng, phấn đấu liên tục giảm tỷ lệ mắc và chết do các bệnh truyền nhiễm gây dịch xuống hàng chục lần so với năm 1975, đặc biệt khống chế được các dịch bệnh tối nguy hiểm; 8 năm liền không có dịch tả; số mắc dịch hạch thấp nhất trong vòng 50 năm cuối thế kỷ XX và tiến tới thanh toán vào năm 2005 sau 110 năm bệnh xuất hiện và xảy ra liên tục tại Việt Nam; hạ thấp nhanh các bệnh có vắc-xin tiêm chủng...góp phần làm thay đổi hẳn tình hình dịch tễ trong khu vực. Đồng thời, hằng năm, tác động hạ thấp tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em, nâng cao chăm sóc về sức khỏe môi trường, sức khỏe người lao động, sức khỏe trường học trong cộng đồng các dân tộc anh em ở Tây Nguyên. Vị trí, vai trò của Viện trong mối quan hệ với các tỉnh Tây Nguyên, với các viện, các trung tâm nghiên cứu, trường đại học trong nước và nước ngoài ngày càng nâng cao. Với 60% số cán bộ có trình độ đại học, 52,6% số cán bộ quản lý, 36,7% số cán bộ nghiên cứu khoa học có trình độ sau và trên đại học, Viện đã thực hiện thành công 6 đề tài cấp Nhà nước, 12 đề tài cấp Bộ và 4 đề tài cấp tỉnh và tương đương, 102 đề tài cấp cơ sở.*

Hoạt động chuyên môn trong labô

ĐÁNH GIÁ SỰ ĐÓNG GÓP CỦA VIỆN VÀO THÀNH TỰU PHỤC VỤ VÀ PHÁT TRIỂN CỦA Y TẾ DỰ PHÒNG Ở TÂY NGUYÊN, TỪ NĂM 1995 ĐẾN NĂM 2000, VIỆN ĐÃ ĐƯỢC NHÀ NƯỚC TẶNG THƯỞNG: HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG 3 - 1996; HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG 2 - NĂM 2000.

Digitized by Google

# Hãy cùng nhau hành động vì một ngày mai tốt đẹp hơn!

Đầu tư cho sức khỏe sinh sản là tạo nguồn nhân lực có chất lượng, góp phần thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và cải tạo giống nòi Việt Nam.

Công tác Thông tin, giáo dục, truyền thông về sức khỏe sinh sản và tình dục lành mạnh nhằm cung cấp thông tin, chia sẻ những kinh nghiệm tình cảm và các kỹ năng, nhằm nâng cao nhận thức hiểu biết về sức khỏe sinh sản và tình dục lành mạnh, để mọi người tự quyết định thay đổi hành vi có hại, duy trì hành vi có lợi cho sức khỏe sinh sản.

Trong thời gian qua, truyền thông giáo dục đã tạo được dư luận xã hội rộng rãi ủng hộ thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình: tỷ lệ các cặp vợ chồng hiểu biết về các biện pháp tránh thai là 99% (năm 1997) và tỷ lệ sử dụng các biện pháp tránh thai tăng từ 53,75% (1993) lên 75,5% (2001).

**Tuy nhiên, công tác TT - GD - TT còn một số hạn chế:**

- Chưa chú trọng nhiều đến thành tố khác của chăm sóc sức khỏe sinh sản mà chỉ tập trung vào thực hiện kế hoạch hóa gia đình nhằm giảm sinh là chính.
- Chưa quan tâm thích đáng đến nhóm tuổi vị thành niên nam giới, người có khuyết tật mà chỉ tập trung vào phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ.
- Chương trình truyền thông chưa cung cấp thông tin đầy đủ, chưa tiếp cận tốt với các nhà lãnh đạo, đại biểu dân cử để tranh thủ sự hỗ trợ của họ cho chương trình sức khỏe sinh sản.
- Chưa xây dựng được các mô hình điểm, tài liệu tuyên truyền chưa phong phú, chưa phù hợp với nhóm đối tượng.

UNFPA

**QUỸ DÂN SỐ LIÊN HIỆP QUỐC**

Digitized by Google

# BỘ QUỐC PHÒNG

# CÔNG TY TÂN CẢNG SÀI GÒN

## SAIGON NEWPORT COMPANY

Đường Điện Biên Phủ, P.22, Q.Bình Thạnh, TP.HCM, VN
Tel : 84.8.8 911 395 - 84.8.5 122 099
Fax : 84.8.8 994 388 - 84.8.5 120 591
E-mail: saigonnewport@hcm.vnn.vn
Wesbsite: http://www.saigonnewport.com.vn

*Đại tá* **LÊ VĂN ĐẠO**
*Giám đốc Công ty*

**CÔNG TY TÂN CẢNG SÀI GÒN** được thành lập ngày 15-3-1989, theo Quyết định số 352/TTg của Thủ tướng Chính phủ. Sau 14 năm thành lập, Công ty Tân Cảng Sài Gòn đã không ngừng phát triển và trở thành cảng công-tai-nơ hiện đại và lớn nhất Việt Nam. Hiện nay, với cơ sở chính là cảng Tân Cảng, cảng Cát Lái và ICD Sóng Thần, Công ty Tân Cảng Sài Gòn đang chiếm trên 41% sản lượng công-tai-nơ thông qua các cảng khu vực thành phố Hồ Chí Minh, góp phần to lớn trong việc giải phóng hàng hóa xuất nhập khẩu, phục vụ cho sự phát triển nền kinh tế đất nước.

### NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Dịch vụ cảng biển
- Cảng trung chuyển
- Xây dựng sửa chữa công trình
- Dịch vụ nạo vét cứu hộ trên biển, trên sông
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa, cung cấp nước ngọt
- Dịch vụ vận tải hàng hóa đường bộ, đường sông, lai dắt tàu biển

*Xếp dỡ, vận chuyển hàng quân sự*

**CẢNG CÁT LÁI:**
Đường liên tỉnh số 25 (Nguyễn Thị Định),
phường Cát Lái, quận 2, TP.HCM
Tel : 84.8.7420 176
Fax : 84.8.8976 394

*Phương tiện hiện đại giải phóng hàng nhanh*

**ICD SÓNG THẦN:**
ĐT743, phường Bình Hòa, Thuận An,
tỉnh Bình Dương
Tel : 84.650.730 887
Fax : 84.650.742 918

*Khai trương tuyến xe vận chuyển hành khách trong cảng*

Digitized by Google

# TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI

## HANOI HOUSING DEVELOPMENT AND INVESTMENT CORPORATION

**Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội** được thành lập theo Quyết định số 78/1999 QĐ-UB ngày 21 - 9 - 1999 của UBND thành phố Hà Nội

**CHỦ TỊCH HĐQT: VŨ HUY HÙNG**

**Q.TỔNG GIÁM ĐỐC: NGUYỄN VĂN KIÊN**

**Số đơn vị thành viên:**
25 công ty thành viên, 3 ban quản lý dự án, 3 trung tâm và các chi nhánh

**Số cán bộ chuyên môn, công nhân:**
- Trên 18 000 người.

Khu Đô thị mới Cầu Bươu - Thanh Trì - Hà Nội: 521 5650m²

Khu Đô thị mới Sài Đồng - Gia Lâm - Hà Nội: 56ha

### BIỂU ĐỒ SẢN LƯỢNG

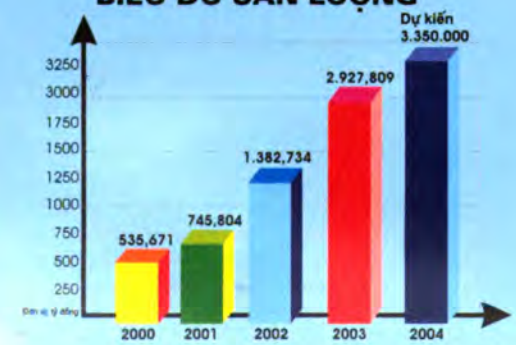


### CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CHÍNH

★ **Đầu tư:**

-Lập, quản lý, thực hiện đầu tư các dự án xây dựng phát triển nhà, khu dân cư và đô thị mới.

- Liên doanh, liên kết bỏ vốn đầu tư phát triển nhà và đô thị.

★ **Tư vấn:**

- Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng.
- Cung cấp thông tin về văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách đầu tư và xây dựng về nhà đất.
- Tư vấn và dịch vụ cho các chủ đầu tư về công tác giải phóng mặt bằng.

★ **Xây dựng:**

- Xây dựng các công trình dân dụng, thể thao, vui chơi giải trí.
- Xây dựng các công trình giao thông, kết cấu hạ tầng kỹ thuật (cấp nước, thoát nước, chiếu sáng...).
- Xây dựng các công trình công nghiệp.
- Xây dựng và lắp đặt các công trình đường dây và trạm biến áp.
- Xây dựng các công trình thuỷ lợi
- Xây dựng các công trình bưu điện, viễn thông, sân bay, cầu cảng.

★ **Kinh doanh:**

- Mua bán nhà cửa, dịch vụ chuyển đổi quyền sở hữu.
- Sản xuất - kinh doanh cấu kiện vật liệu xây dựng các loại.
- Kinh doanh xuất nhập hàng hóa, vật tư máy móc thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ chuyển giao công nghệ xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng.
- Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ.
- Kinh doanh nhà, khách sạn, dịch vụ du lịch và vui chơi giải trí...
- Xuất khẩu lao động.
- Liên doanh liên kết với các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước để phát triển sản xuất kinh doanh theo quy định pháp luật./.

**Địa chỉ: 34 Hai Bà Trưng - Hoàn Kiếm - Hà Nội**

**Tel: (04) 8 241 032/8 241 034/8 245 990 * Fax: (04) 8 241 032/ 8 243 997**

**E-mail: handico@hn.vnn.vn**

Digitized by Google

HX
9
H68
B

# Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

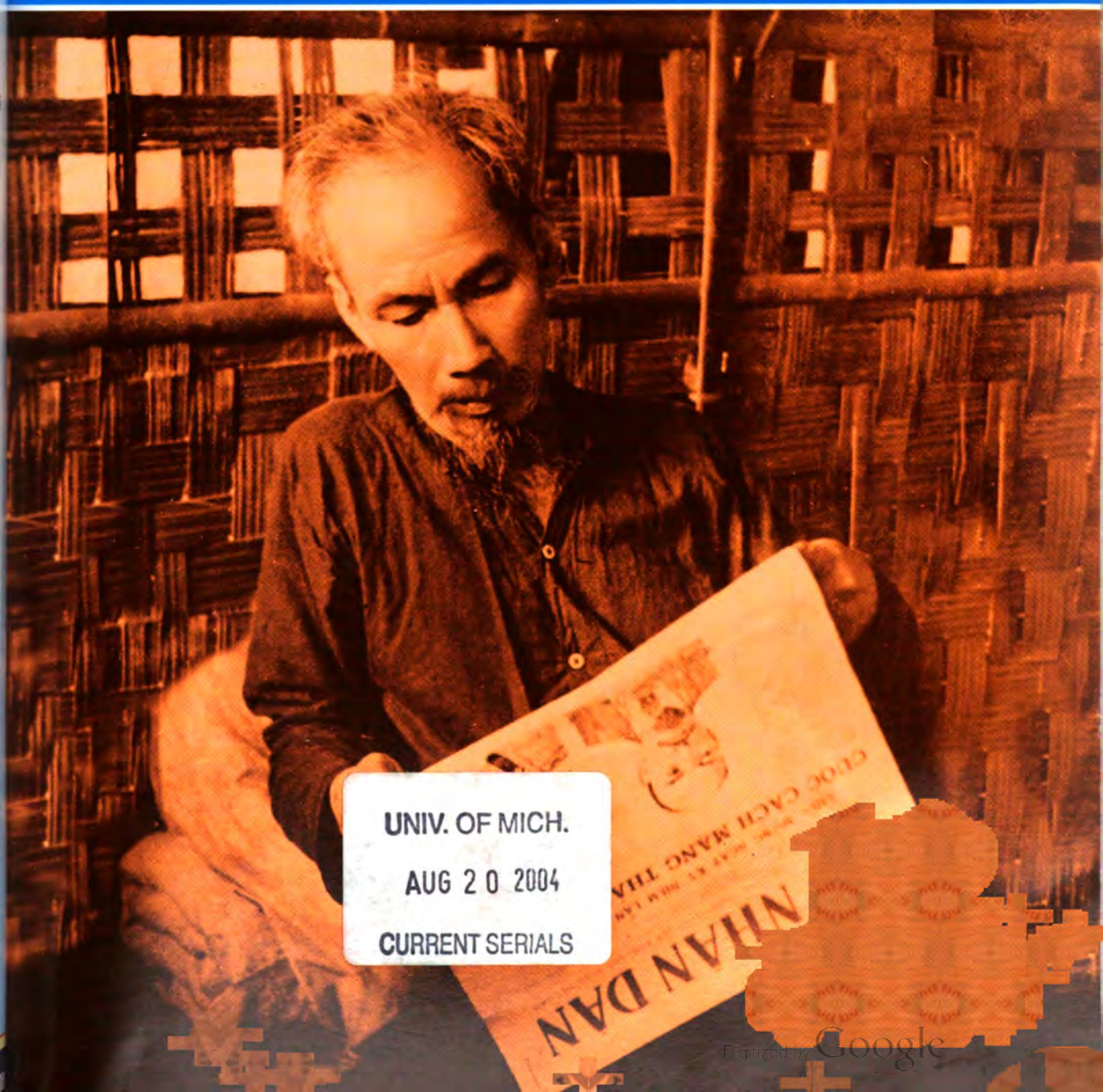


UNIV. OF MICH.
AUG 20 2004
CURRENT SERIALS

Digitized by Google

# TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1
BUILDING MATERIALS CORPORATION Nº 1

FICO

FICO
Luôn ở hàng đầu

SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG – KINH DOANH ĐỊA ỐC

VITALY
tt
THIEN THANH CERAFACT
NSU
BMT
COTEC
PHUDACO
DMCO
CBMS
FICO-TA
TAN DINH
HOME

Trụ sở chính: 9-19 Hồ Tùng Mậu - lầu 4 - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 8212809/8212960 * Fax: (84.8) 8211383 * Email: tctvlx1@hcm.vnn.vn * Website: www.fico.com

**THÁNG RA 2 KỲ**

RA NGÀY 1 VÀ 16 HẰNG THÁNG

**SỐ 711**

**12**

**6-2004**



- **BỘ BIÊN TẬP :**
  52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
  Điện thoại : (04) 7 753 605
  Fax : (04) 7 753 633
  Email: bbttccs@hn.vnn.vn
- **Cơ quan thường trú tại miền Trung :**
  26 Trần Phú,
  Thành phố Đà Nẵng
  Điện thoại : (080) 51301
  Fax : (080) 51303
- **Cơ quan thường trú tại miền Nam :**
  19 Phạm Ngọc Thạch,
  Thành phố Hồ Chí Minh
  Điện thoại : (08) 8 274 638
  Fax : (08) 8 231 664
- **Tạp chí Cộng sản điện tử :**
  http://www.tapchicongsan.org.vn
- **Tổng Biên tập :**
  **LÊ HỮU NGHĨA**

*Bìa 1: Giờ nghỉ trưa của Bác Hồ ở chiến khu Việt Bắc*

*Ảnh: TL*


# Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM


## MỤC LỤC


**ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG**

NGUYỄN SINH HÙNG - Phát triển thị trường tài chính, nâng cao hiệu quả tài chính đối ngoại và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế 3

LÊ HỮU NGHĨA - Đánh giá cán bộ - khâu quan trọng trong công tác cán bộ của Đảng 7

**NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH**

NGUYỄN VIẾT THÔNG - Nghiên cứu, tuyên truyền giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay 12

ĐINH XUÂN LÝ - Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đối ngoại trong thời kỳ đổi mới 16

**NHÂN KỶ NIỆM 79 NĂM NGÀY BÁO CHÍ CÁCH MẠNG VIỆT NAM (21-6-1925 - 21-6-2004)**

HỒNG VINH - Nhiệm vụ của báo chí trước yêu cầu mới của đất nước 21

HÀ ĐĂNG - Tính chiến đấu của báo chí cách mạng 26

HÀ KHANH - Báo chí cách mạng đi con đường của V.I. Lê-nin 32

**NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI**

LÊ XUÂN LỰU - Xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân 37

NGUYỄN PHƯƠNG HỒNG - Đổi mới tổ chức bộ máy của Đảng gắn với xây dựng đội ngũ cán bộ trước yêu cầu mới 41

**THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM**

NGUYỄN THÁI BÌNH - Phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc Khơ Me ở tỉnh Trà Vinh 45

ĐOÀN THẾ HÙNG - Sức vươn lên của một đơn vị anh hùng 50

**SINH HOẠT TƯ TƯỞNG**

NHỊ LÊ - Vỡ lòng nghiệp báo 55

**DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN**

TRẦN QUANG NHIẾP - Chiến lược Dân số và phát triển kinh tế 57

ĐỖ MAI THÀNH - Dân số và vấn đề bảo vệ môi trường 61

VŨ MINH TÂM - Giáo dục văn hóa sinh thái - nhân văn trong nhà trường nhằm nâng cao chất lượng dân số 66

**THẾ GIỚI: VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN**

PHI-ĐEN CA-XTƠ-RÔ RU-DƠ - Tuyên bố của một đối thủ với Chính phủ Mỹ 70

NGUYỄN HOÀNG GIÁP - NGUYỄN THỊ QUẾ - EU mở rộng và một số vấn đề đặt ra trong quan hệ Việt Nam - EU 73

NGUYỄN VĂN THỤY - Về cuộc đấu tranh chống tham nhũng ở Trung Quốc 77


Digitized by Google

## СОДЕРЖАНИЕ

НГУЕН ШИНЬ ХУНГ: Развивая рынок финансов, повышать эффективность внешних финансов и инициативно осуществлять международную экономическую интеграцию. ЛЕ ХЫУ НГИА: Оценка кадров – важное звено в кадровой работе Партии. НГУЕН ВЬЕТ ТХОНГ: Изучение, пропаганда и воспитание идей Хо Ши Мина на данном этапе. ДИНЬ СУАН ЛИ: Применение идей Хо Ши Мина о внешней политике в период обновления. ХОНГ ВИНЬ: Задачи прессы перед новыми требованиями страны. ХА ДАНГ: Боевой дух революционной прессы. ХА КХАНЬ: Революционная пресса идёт по пути В. И. Ленина. ЛЕ СУАН ЛЫУ: Построение правового государства народа, созданного народом и во имя народа. НГУЕН ФЫОНГ ХОНГ: Обновление организации партийного аппарата связано с устройством отряда кадров перед новыми требованиями. ДОАН ТХЕ ХУНГ: Сила стремления одного героического подразделения. ЧАН КУАНГ НИЕП: Стратегия о народонаселении и экономическое развитие. ДО МАЙ ТХАНЬ: Население и проблема охраны окружающей среды. НГУЕН ХОАНГ ЖАП – НГУЕН ТХИ КУЭ: Расширение ЕС и некоторые поставленные проблемы во взаимоотношениях между Вьетнамом и ЕС. НГУЕН ВАН ТХУ: О борьбе с коррупцией в Китае.

## CONTENTS

NGUYỄN SINH HÙNG: Developing finance market, enhancing efficiency of foreign diplomatic finance and initiatively merging into World economy. LÊ HỮU NGHĨA: Cadres' estimation – an important chain in the cadres' matter of the Party. NGUYỄN VIẾT THÔNG: Studying, propagandizing, and teaching Hồ Chí Minhs' ideas in the present period. ĐINH XUÂN LÝ: Applying Ho Chi Minh's ideas regarding foreign diplomacy in the renovation period. HỒNG VINH: Tasks of the press in the face of the country's new demands. HÀ ĐĂNG: Fighting efficiency of revolutionary press. HÀ KHANH: Revolutionary press is going on the path of V. I. Lenin. LÊ XUÂN LỰU: Building the law-governed state of the people, by the people and for the people. NGUYỄN PHƯƠNG HỒNG: Organisational renovation of the Party apparatus connected with strengthening of the cadres' contingent in the face of new demands ĐOÀN THẾ HÙNG: The vital aspiration for higher achievements of a heroic unit. TRẦN QUANG NHIẾP: Population strategy and economic development. ĐỖ MAI THÀNH: Population and the problem of environment protection. NGUYỄN HOÀNG GIÁP – NGUYỄN THỊ QUẾ: EU enlargement and some problems put forward in Vietnam – EU relations. NGUYỄN VĂN THỤY: Regarding the struggle against corruption in China.

## SOMMAIRE

NGUYỄN SINH HÙNG : Développer le marché financier, rehausser l'efficacité des finances extérieurs et prendre l'initiative de l'intégration à l'économie internationale. LÊ HỮU NGHĨA : Evaluer le cadre – un maillon clé du travail à l'intention des cadres au sein du Parti. NGUYỄN VIẾT THÔNG : Etudier, propager et éduquer la pensée de Hồ Chí Minh dans l'étape actuelle. ĐINH XUÂN LÝ : Mettre en œuvre la pensée de Hồ Chí Minh sur les relations extérieures dans la période de renouveau. HỒNG VINH : La tâche de la presse devant les exigences de renouveau du pays. HÀ ĐĂNG : La combativité de la presse révolutionnaire. HÀ KHANH : La presse révolutionnaire sur la voie tracée par V.I Lénine. LÊ XUÂN LỰU : Edifier un Etat de droit du peuple, par le peuple et pour le peuple. NGUYỄN PHƯƠNG HỒNG : Restructurer l'organisation de l'appareil du PCV en édifiant un contingent des cadres devant les nouvelles exigences. ĐOÀN THẾ HÙNG : La force d'avancer d'une unité héroïque. TRẦN QUANG NHIẾP : La stratégie démographique et de développement économique. ĐỖ MAI THÀNH : La démographie et la protection de l'environnement. NGUYỄN HOÀNG GIÁP – NGUYỄN THỊ QUẾ : Union européenne et des problémes posés dans les relations Vietnam-EU. NGUYỄN VĂN THỤY : Sur la lutte contre la corruption en Chine.

## SUMARIO

NGUYỄN SINH HÙNG: Desarrollar el mercado financiero, elevar la eficiencia de la finanza exterior y activar en la integración económica internacional. LÊ HỮU NGHĨA: La apreciación de cuadros – eslabón importante en el trabajo de cuadros del Partido. NGUYỄN VIẾT THÔNG: El estudio, la propaganda y la educación sobre la ideología de Hồ Chí Minh en la etapa actual. ĐINH XUÂN LÝ: La aplicación del pensamiento de Hồ Chí Minh sobre las relaciones exteriores en el tiempo de renovación. HỒNG VINH: Tareas de prensa ante las nuevas demandas del país. HÀ ĐĂNG: La combatividad de la prensa revolucionaria. HÀ KHANH: La prensa revolucionaria sigue el camino de V.I. Lenin. LÊ XUÂN LỰU: Construir un Estado de derecho del pueblo, por el pueblo y para el pueblo. NGUYỄN PHƯƠNG HỒNG: Renovar la organización del aparato del Partido en ligazón con la formación del cuerpo de cuadros ante las nuevas demandas. ĐOÀN THẾ HÙNG: El avance de una unidad heroica. TRẦN QUANG NHIẾP: La estrategia demográfica y el fomento económico. ĐỖ MAI THÀNH: La población y la cuestión de protección del medio ambiente. NGUYỄN HOÀNG GIÁP – NGUYỄN THỊ QUẾ: UE amplia y ciertos problemas planteados en las relaciones Vietnam-UE. NGUYỄN VĂN THỤY: A cerca de la lucha contra las malversaciones en China.

## 目录

• 阮生雄: 发展财政市场，提高对外财政效益并主动融入国际经济• 黎友义: 评价干部—党干部工作中的重要关键• 阮曰通: 现阶段有关胡志明思想的研究、宣传和教育• 丁春里: 运用胡志明思想于革新阶段中的对外工作• 宏荣: 新闻报刊面临国家新的要求• 何登: 革命新闻报刊的战斗性• 何卿: 革命新闻报刊沿着列宁的道路前进• 黎春榴: 建设民有、民治、民享的法制国家• 阮芳红: 革新党组织机构与建立在新要求之前的干部队伍• 段世雄: 一个英雄单位的崛起• 陈光摄: 人口战略与发展经济• 杜梅成: 人口与环保问题• 阮黄甲、阮氏桂: 欧盟的扩大与越南—欧盟的关系所面临的一些问题• 阮文瑞: 在中国的反腐败斗争。

Digitized by Google

# PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH, NÂNG CAO HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH ĐỐI NGOẠI VÀ CHỦ ĐỘNG HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

**NGUYỄN SINH HÙNG** *

QUÁN triệt tư tưởng đổi mới theo tinh thần Đại hội IX của Đảng và đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 9, khóa IX, chúng ta đã, đang tạo lập và phát triển đồng bộ các loại thị trường để tăng tính cạnh tranh và lành mạnh thị trường tài chính. Văn kiện Đại hội IX của Đảng chỉ rõ: "Hình thành đồng bộ và tiếp tục phát triển, hoàn thiện các loại thị trường đi đôi với xây dựng khuôn khổ pháp lý và thể chế, để thị trường hoạt động năng động, có hiệu quả, có trật tự, kỷ cương trong môi trường cạnh tranh lành mạnh, công khai, minh bạch, hạn chế và kiểm soát độc quyền kinh doanh. Có giải pháp hữu hiệu chống buôn lậu và gian lận thương mại"(1). Việc tạo lập đồng bộ các yếu tố thị trường, đổi mới và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước đang là vấn đề được xã hội quan tâm. Trong điều kiện thực hiện nền kinh tế mở, từ thực tiễn hội nhập của nền kinh tế nước ta với các nước khác trong khu vực và thế giới, vấn đề xây dựng một số giải pháp về phát triển thị trường tài chính, nâng cao hiệu quả tài chính đối ngoại và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế có ý nghĩa quan trọng.

**I - Giải pháp đẩy mạnh phát triển thị trường tài chính ở nước ta**

Về tổng thể, hệ thống thị trường tài chính ở nước ta đã hình thành và bước đầu đạt được kết quả nhất định trong việc phát huy các nguồn lực cho đầu tư phát triển kinh tế. Thị trường chứng khoán sau gần 4 năm hoạt động đang có bước chuyển động theo hướng phát triển lành mạnh. Thị trường tiền tệ cũng đang từng bước vận động phù hợp với cơ chế thị trường. Thị trường dịch vụ tài chính, kế toán, kiểm toán đã từng bước mở rộng quy mô, phát triển với tốc độ cao, đạt 15 - 18%/năm. Thị trường bảo hiểm tăng nhanh về quy mô và tốc độ phát triển đạt trên 30%/năm, gần gấp 4 lần tốc độ phát triển chung của khu vực dịch vụ giai đoạn 2001 - 2003. Khung pháp lý cho thị trường bất động sản bước đầu được thiết lập.

Nhiệm vụ trọng tâm trong 2 năm tới và giai đoạn tiếp theo là phải có chính sách tài chính đủ mạnh nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho sự phát triển đồng bộ các thị trường như thị trường vốn, thị trường chứng khoán, thị trường khoa học - công nghệ, thị trường lao động, thị trường bất động sản để vừa có thể huy động thêm được nhiều nguồn lực, vừa nâng cao hiệu quả sử dụng các khoản tiền tiết

---

* TS, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Tài chính

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 192


Digitized by Google

kiệm và vốn nhàn rỗi trong nhân dân. Đồng thời, có biện pháp để từng bước thu hẹp và xóa bỏ sự chia cắt giữa thị trường tài chính ngắn hạn và thị trường tài chính dài hạn. Thực hiện phát triển thị trường tài chính có cơ cấu hoàn chỉnh, có quy mô và phạm vi hoạt động rộng, có chất lượng hoạt động an toàn, được quản lý, giám sát chặt chẽ, lợi ích hợp pháp của mọi đối tượng tham gia được bảo vệ và có khả năng cạnh tranh, chủ động hội nhập thị trường tài chính quốc tế. Mục tiêu đề ra là phấn đấu đạt bằng được một số chỉ tiêu: Mở rộng quy mô của thị trường chứng khoán tập trung, đưa tổng số giá trị thị trường năm 2005 đạt mức 5 - 7% GDP và đến năm 2010 đạt trên 15% GDP; đưa quy mô của thị trường dịch vụ bảo hiểm đến năm 2005 tăng 2,8 - 3 lần, đầu tư trở lại nền kinh tế đạt trên 1,5% GDP.

Để thực hiện tốt mục tiêu trên, cần khẩn trương nghiên cứu hoàn thiện khung pháp lý đối với thị trường tài chính, sớm ban hành Luật Chứng khoán và Thị trường chứng khoán, Pháp lệnh về kiểm toán, tổ chức thực hiện tốt Luật Kinh doanh bảo hiểm. Điều quan trọng là, tập trung phát triển thị trường trái phiếu; nhanh chóng mở rộng quy mô hoạt động của thị trường cổ phiếu trên cơ sở lựa chọn, cổ phần hóa một số doanh nghiệp nhà nước có quy mô lớn, kinh doanh có hiệu quả để niêm yết bán cổ phiếu. Xúc tiến nhanh việc chuẩn bị các điều kiện để thành lập thị trường cổ phiếu của các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Hà Nội trong năm 2004 và phát triển Trung tâm Giao dịch chứng khoán thành Sở Giao dịch chứng khoán trong giai đoạn 2005 - 2007.

Tổ chức thực hiện tốt chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm đến năm 2010. Nhanh chóng tổ chức lại Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam theo hướng thành lập hai "công ty con" có chức năng kinh doanh dịch vụ bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm phi nhân thọ để tạo tiền đề cho việc thành lập Tập đoàn Tài chính Bảo Việt. Kiên quyết chấm dứt việc thành lập các công ty bảo hiểm chuyên ngành. Mặt khác, có chính sách khuyến khích thành lập các công ty cổ phần với sự tham gia của mọi thành phần kinh tế trong lĩnh vực bảo hiểm. Phát triển các công ty môi giới bảo hiểm với mức độ cần thiết để hỗ trợ thị trường bảo hiểm phát triển. Nghiên cứu mở rộng giới hạn và phạm vi tham gia của nước ngoài vào hệ thống thị trường bảo hiểm Việt Nam phù hợp với yêu cầu hội nhập kinh tế thế giới và khả năng cạnh tranh của thị trường trong nước.

Nâng cao chất lượng của dịch vụ kế toán, kiểm toán nhằm đáp ứng cho nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Xúc tiến nhanh việc sắp xếp lại và thực hiện nghiêm chỉnh kế hoạch chuyển đổi hình thức tổ chức của một số công ty kiểm toán độc lập sang chế độ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoặc công ty hợp danh, bảo đảm phù hợp với môi trường pháp lý của Việt Nam. Thực hiện việc chuyển đổi hình thức sở hữu nhà nước đối với một số công ty kiểm toán để mở rộng sự tham gia của mọi thành phần kinh tế. Khẩn trương đào tạo các chuyên gia kế toán, kiểm toán để tiến tới thực hiện quốc tế hóa tiêu chuẩn, trình độ và quy trình nghiệp vụ dịch vụ kế toán, kiểm toán, bảo đảm nâng cao khả năng cạnh tranh, mở rộng thị phần của các công ty kiểm toán trong nước và tiến tới xuất khẩu các dịch vụ kế toán, kiểm toán ra nước ngoài.

Tiếp tục tập trung hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho hoạt động của thị trường bất động sản. Trong đó, cần chú trọng xây dựng các thể chế tạo thị trường như hệ thống các công ty định giá, thẩm định giá bất động sản,


Digitized by Google

tư vấn, môi giới kinh doanh bất động sản. Nhanh chóng nghiên cứu thành lập một số trung tâm đấu giá, đăng ký giao dịch, mua bán bất động sản ở các khu vực có tốc độ đô thị hóa nhanh, các thành phố lớn. Xúc tiến nhanh việc cấp "Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất" cho nhân dân, cho các cơ quan, đơn vị. Đồng thời, có chính sách và cơ chế quản lý tài chính phù hợp với mức độ phát triển và quy mô hoạt động của thị trường bất động sản, bảo đảm môi trường hấp dẫn, thông thoáng, thu hút mọi đối tượng.

**II - Giải pháp mở rộng và nâng cao hoạt động của tài chính đối ngoại và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế**

Quán triệt chủ trương do Đại hội IX của Đảng đề ra là: *"Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực* theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của dân tộc, an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường"(2), trong 3 năm qua, Nhà nước ta đã kịp thời đổi mới các chính sách tài chính có tác dụng mở đường cho việc thúc đẩy các hoạt động kinh tế đối ngoại như: hỗ trợ xuất khẩu, hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường; tăng hỗ trợ tài chính, đầu tư phát triển công nghiệp chế biến để tăng tỷ trọng hàng hóa xuất khẩu qua chế biến. Nhờ đó đã nâng giá trị gia tăng theo kim ngạch xuất khẩu. Thực hiện giảm thuế để tạo điều kiện cho doanh nghiệp tăng tích lũy, tăng tái đầu tư, tăng khả năng cạnh tranh với các mặt hàng nhập khẩu trên thị trường nội địa; đồng thời sản xuất ra nhiều sản phẩm hàng hóa có sức cạnh tranh cao trên thị trường quốc tế, góp phần đem lại nhiều ngoại tệ mạnh, tăng dự trữ ngoại hối cho đất nước.

Với chủ trương đa phương hóa, đa dạng hóa và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, ngành tài chính đã triển khai thực hiện nhiều giải pháp, cơ chế, chính sách tài chính quan trọng nhằm củng cố hoạt động tài chính trong nước, mở rộng quan hệ tài chính đối ngoại và từng bước đưa nền kinh tế nước ta hội nhập với kinh tế khu vực và thế giới. Chú trọng việc đẩy mạnh hợp tác với các nước ASEAN để phát triển thị trường trái phiếu, dịch vụ bảo hiểm và thực hiện cơ chế giám sát ASEAN. Mở rộng quan hệ tài chính với các nước APEC, các chương trình hợp tác đầu tư của các nước lưu vực sông Mê Công; đa dạng hóa các quan hệ song phương về hợp tác tài chính, hải quan, thuế. Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế thông qua việc xây dựng các phương án về dịch vụ tài chính, thuế để đàm phán về khu vực mậu dịch tự do ASEAN + Trung Quốc, Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ, Hiệp định về hàng dệt may với Hoa Kỳ và EU, đàm phán gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Tiến hành công khai hóa các nội dung cam kết cắt giảm thuế quan và thực hiện nghiêm túc các cam kết hội nhập về cắt giảm thuế cũng như mở cửa các dịch vụ tài chính. Tính đến hết năm 2003, đã đưa 10 144 dòng thuế (chiếm 95%) trong biểu thuế nhập khẩu vào chương trình cắt giảm thuế theo CEPT/AFTA nhưng vẫn bảo đảm ổn định giá, ổn định tài chính vĩ mô. Công tác hải quan đã đổi mới tiến bộ theo Luật Hải quan, các thủ tục được cải tiến tích cực đáp ứng yêu cầu thông qua hàng hóa xuất nhập khẩu, hội nhập trên nhiều mặt, lĩnh vực với hải quan khu vực và thế giới.

Mục tiêu trong thời gian tới là, phải tiếp tục củng cố vững chắc hệ thống tài chính

(2) *Văn kiện đã dẫn*, tr 120


Digitized by Google

trong nước, chủ động thực hiện kế hoạch hành động triển khai Nghị quyết 07/NQ-TW, của Bộ Chính trị, ngày 27-11-2001, *Về hội nhập kinh tế quốc tế* và mở rộng hoạt động tài chính đối ngoại trên cơ sở bảo đảm ổn định tài chính vĩ mô, giữ vững an ninh kinh tế - tài chính. Tuy nhiên, để thực hiện được mục tiêu trên, cần tập trung nghiên cứu để có các biện pháp khai thông và mở rộng sự tham gia của Việt Nam vào hoạt động của thị trường vốn quốc tế. Đồng thời, tiếp tục tham gia các chương trình hợp tác phát triển thị trường trái phiếu châu Á, xây dựng chiến lược tổng thể về hội nhập để làm căn cứ đàm phán hiệp định song phương và đa phương, trước mắt là phục vụ cho việc gia nhập WTO sớm nhất. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện khung pháp lý và thể chế tài chính theo chuẩn mực quốc tế; đổi mới bảo hộ đối với sản xuất trong nước và các định chế tài chính có trọng tâm, trọng điểm, có lộ trình điều chỉnh hệ thống hàng rào thuế quan phù hợp với tiến trình gia nhập các tổ chức quốc tế và khu vực, nhằm thúc đẩy sản xuất trong nước phát triển, tăng năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và nền kinh tế. Đồng thời, cần đẩy mạnh đào tạo cán bộ làm công tác hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng hình thức tuyên truyền cho các doanh nghiệp về lộ trình cắt giảm thuế quan, lộ trình về mở thị trường để doanh nghiệp điều chỉnh cơ cấu đầu tư, phát huy lợi thế so sánh, nâng cao khả năng cạnh tranh.

Về quản lý nợ nước ngoài, trong 3 năm qua, chúng ta đã từng bước hoàn thiện công tác quản lý nợ nước ngoài theo hướng thống nhất quản lý nợ trong nước, nợ nước ngoài của Chính phủ và khu vực công. Hoàn thành việc xử lý nợ với các nước, các tổ chức quốc tế và đang thực hiện có hiệu quả thanh toán nợ với nước Nga. Cơ cấu lại nợ quốc gia, đưa chỉ số nợ quốc gia xuống mức an toàn, khoảng 34,5% GDP vào cuối năm 2003. Đáng lưu ý là, thành lập và vận hành có hiệu quả Quỹ Tích lũy trả nợ nước ngoài; phương thức trả nợ nước ngoài đa dạng, linh hoạt hơn thông qua các hình thức trả bằng hàng, xuất khẩu lao động, chuyển đổi nợ...

Mục tiêu đến năm 2005 là, phải bảo đảm tổng dư nợ quốc gia không quá 50% GDP, nghĩa vụ trả nợ nước ngoài dưới 20% kim ngạch xuất khẩu, trong đó nghĩa vụ trả nợ nước ngoài của Chính phủ dưới 12% thu ngân sách nhà nước. Để đạt được mục tiêu trên, cần xây dựng chiến lược vay nợ và trả nợ đến năm 2010 và 2015, tiếp tục tăng cường quản lý chặt chẽ và sử dụng có hiệu quả các khoản vay thông qua việc thiết lập và vận hành hệ thống giám sát nợ quốc gia; kiểm soát các nguồn vốn vay nước ngoài, đặc biệt là các khoản vay ngắn hạn; bảo đảm an ninh tài chính trong hội nhập và phát triển. Mặt khác, nâng cao hiệu quả quản lý và điều hành Quỹ Tích lũy trả nợ nước ngoài, chủ động thực hiện các biện pháp giảm nghĩa vụ nợ quốc gia để từng bước đưa nền kinh tế đi lên, thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Giải pháp tiếp tục phát triển thị trường tài chính, nâng cao hiệu quả tài chính đối ngoại và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế là hai nhóm giải pháp để thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010. Để thực hiện tốt hai nhóm giải pháp này, đòi hỏi sự chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền các cấp trong việc tổ chức thực hiện nhằm đưa đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước vào thực tiễn cuộc sống, nhanh chóng đưa nền kinh tế nước ta vận hành theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tiến nhanh, tiến vững chắc trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập hiệu quả kinh tế khu vực, quốc tế và thế giới, hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội do Đại hội IX của Đảng đề ra. ❑


Digitized by Google

# ĐÁNH GIÁ CÁN BỘ - KHÂU QUAN TRỌNG TRONG CÔNG TÁC CÁN BỘ CỦA ĐẢNG

LÊ HỮU NGHĨA

DƯỚI sự lãnh đạo của Đảng, thực tiễn cách mạng nước ta đã khẳng định một chân lý: Sau khi có đường lối đúng, cán bộ là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Cán bộ là cái gốc của mọi công việc... công việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hay kém"(1). Từ đó chúng ta cũng có thể nói, công tác cán bộ là *cái gốc* của công tác đảng, vì cán bộ tốt hay xấu một phần quan trọng phụ thuộc vào công tác cán bộ.

Trong cách mạng và kháng chiến chống ngoại xâm, do làm tốt công tác cán bộ, Đảng ta có được đội ngũ cán bộ có đạo đức cách mạng và bản lĩnh chính trị vững vàng, có năng lực tổ chức thực tiễn ngang tầm nhiệm vụ. Cán bộ đã đưa chủ trương, đường lối của Đảng thâm nhập quần chúng, tổ chức lãnh đạo quần chúng vượt qua mọi khó khăn, thách thức, chiến đấu gian khổ, làm nên thắng lợi lịch sử của Cách mạng Tháng Tám và hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, giành độc lập tự do, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Gần mười tám năm qua, theo đường lối đổi mới, nhất là trong giai đoạn đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, Đảng ta chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong quá trình toàn cầu hóa kinh tế, đòi hỏi chúng ta phải chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực, khéo kết hợp nội lực và ngoại lực, bảo đảm xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ phát triển nhanh và bền vững trên cơ sở giữ vững sự ổn định tình hình trong nước và chủ động ứng phó với những diễn biến phức tạp trên thế giới. Mặt khác, những tác động tiêu cực do sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu; chủ nghĩa bá quyền với tham vọng thống trị thế giới của đế quốc Mỹ, đang gây tình hình căng thẳng trên thế giới; mặt tiêu cực của kinh tế thị trường và của toàn cầu hóa mang bản chất tư bản chủ nghĩa và chiến lược "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch hằng ngày, hằng giờ tác động vào tư tưởng cán bộ, đảng viên, làm nảy sinh những hiện tượng tiêu cực, như chúng ta đã biết.

Trước tình hình đó, để nâng sự lãnh đạo của Đảng lên ngang tầm với nhiệm vụ chính trị nhằm chủ động nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức và nguy cơ, thực hiện thắng lợi mục tiêu chiến lược và đường lối của Đảng do Đại hội Đảng lần thứ IX đề ra, công tác cán bộ của Đảng càng trở nên *cực kỳ quan trọng*. Mục tiêu của công tác cán bộ là nhằm "Xây dựng đội ngũ cán bộ, trước hết là cán bộ lãnh đạo và quản lý

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t 5, tr 273


Digitized by Google

ở các cấp, vững vàng về chính trị, gương mẫu về đạo đức, trong sạch về lối sống, có trí tuệ, kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn, gắn bó với nhân dân"(2).

Công tác cán bộ gồm nhiều khâu như: đánh giá, quy hoạch, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí, sử dụng cán bộ. Mỗi khâu có một vị trí nhất định và các khâu có quan hệ mật thiết với nhau, trong đó đánh giá là khâu tiền đề đầu tiên, có ý nghĩa quan trọng và là cơ sở của các khâu khác. Cụ thể là, nếu đánh giá đúng thì sẽ có cơ sở cho lựa chọn, quy hoạch, bố trí cán bộ đúng; ngược lại, nếu đánh giá sai thì sẽ lựa chọn, quy hoạch, bố trí sai cán bộ và hậu quả thật khôn lường.

Trong những năm qua, nhìn chung công tác cán bộ đã có chuyển biến cả về nhận thức và cách làm, trong đó công tác đánh giá cán bộ có những mặt tiến bộ. Tuy vậy, đánh giá cán bộ vẫn là khâu yếu kém nhưng chậm được khắc phục, chất lượng đánh giá cán bộ còn hạn chế.

Vừa qua, chúng ta đã đưa ra xét xử nhiều vụ án hình sự có quy mô lớn, liên quan tới nhiều nơi, nhiều đối tượng, trong đó có nhiều cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ lãnh đạo thuộc diện Trung ương quản lý đã phạm tội do tham nhũng, cố ý làm sai chính sách, pháp luật, nguyên tắc quản lý, thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng hoặc dính líu đến bọn "xã hội đen"... Từ đây có thể rút ra nhiều bài học đau xót về công tác cán bộ, trong đó có bài học về đánh giá cán bộ. Do đánh giá cán bộ không chuẩn xác nên chúng ta đã bố trí những người đó vào những cương vị quan trọng, giữ chức vụ lãnh đạo nhiều năm, thậm chí có người đã tham gia cấp ủy nhiều khóa. Khi đã có chức quyền trong tay, họ càng có điều kiện để thực hiện mưu đồ cá nhân của mình, gây tác hại lớn cho Đảng, cho xã hội, gây mất lòng tin, sự bất bình trong nhân dân. Điều đó chứng minh rất đúng đắn nhận định trong Báo cáo kiểm điểm nửa đầu nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX là: "Đánh giá cán bộ là khâu rất yếu, do chưa xây dựng được phương pháp đánh giá cán bộ thật sự công tâm, khách quan và đáng tin cậy"(3). Vì vậy, Hội nghị Trung ương 9, khóa IX đã nhấn mạnh nhiệm vụ tiếp tục đổi mới công tác cán bộ, trong đó "cần tập trung đổi mới phương pháp đánh giá cán bộ thông qua việc xây dựng và thực hiện hệ thống các quy chế đánh giá cán bộ"(4).

Cũng phải thừa nhận rằng, đánh giá đúng cán bộ là một việc khó, thậm chí rất khó. Bởi vì cán bộ cũng là con người bằng xương bằng thịt, mà con người, - như C. Mác viết, - "trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội" (5). Người cán bộ chịu sự quy định của một loạt các mối quan hệ xã hội như: quan hệ với đường lối của Đảng, với chính sách, pháp luật của Nhà nước, quan hệ với tổ chức, cơ quan, quan hệ đồng chí, đồng nghiệp, bè bạn, quan hệ gia đình, khu dân cư... *Đánh giá cán bộ* chính là *quá trình nhận thức nhằm tìm ra và phản ánh đúng đắn bản chất của cán bộ* theo tiêu chuẩn cán bộ của Đảng trong từng giai đoạn lịch sử nhất định. Vì vậy, đánh giá cán bộ không phải một lần, mà bao hàm cả *một quá trình nhận thức*. Nó là khâu đầu tiên của công tác cán bộ đồng thời cũng là yếu tố *thường xuyên* trong quá trình quy hoạch, luân chuyển, đào tạo và bố trí sử dụng cán bộ, tức là quá trình đánh giá và đánh giá lại cán bộ.

Để đánh giá đúng cán bộ, *trước hết* chủ thể đánh giá (gồm các cấp ủy, cơ quan, tổ chức và cá nhân người đánh giá) phải *thật sự công tâm, khách quan, trung thực*. Bởi vì, đánh giá là sự phản ánh người cán bộ thông qua lăng kính chủ

(2) *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 141

(3) (4) *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, tr 65 - 66, 110

(5) C. Mác - Ph. Ăng-ghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t 3, tr 11


Digitized by Google

quan của người đánh giá. Nếu người đánh giá mắc phải những sai lầm như chủ nghĩa cá nhân, tiêu cực, vụ lợi, cơ hội, thực dụng, bè phái, địa phương chủ nghĩa... thì chắc chắn khi đánh giá sẽ làm méo mó, xuyên tạc người cán bộ, đánh giá cán bộ không chuẩn xác, dẫn đến tình trạng như người ta thường nói "yêu nên tốt, ghét nên xấu". Điều đó đòi hỏi cấp ủy, người lãnh đạo, người làm công tác cán bộ phải có *động cơ trong sáng*, vì lợi ích của Đảng, của cách mạng, tránh phạm phải sai lầm chủ quan.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, biết người cố nhiên là khó, tự biết mình cũng không phải là dễ. Nếu không tự biết mình thì khó mà biết người. Vì vậy, muốn biết đúng sự phải trái ở người ta thì trước hết phải biết đúng sự phải trái của mình. Nếu không biết sự phải trái ở mình, thì chắc không thể nhận rõ người cán bộ tốt hay xấu. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng nêu lên bốn căn bệnh mà người lãnh đạo thường hay mắc phải là: tự cao tự đại; ưa người ta nịnh mình; do lòng yêu ghét của mình đối với người; đem một cái khuôn khổ nhất định, chật hẹp mà lắp vào tất cả mọi người khác nhau. Theo Người, phạm một trong bốn bệnh đó thì cũng như mắt đang mang kính có màu, không bao giờ thấy rõ cái mặt thật của những cái mình trông. Cho nên muốn biết rõ cán bộ, muốn đối xử một cách đúng đắn với các hạng người, trước hết phải sửa những khuyết điểm của mình. Mình càng ít khuyết điểm thì cách xem xét cán bộ càng đúng.

Nhân đây, rất nên nhắc lại một chuyện của người xưa để có thể rút ra bài học tham khảo cho chúng ta ngày nay. Tô Hiến Thành là vị quan đầu triều đời nhà Lý. Ông nổi tiếng là người thanh liêm, đức độ. Lúc ông lâm bệnh nặng, Thái hậu tới thăm và hỏi, ai là người có thể thay ông, khi ông qua đời. Lúc bấy giờ, có hai người là Vũ Tán Đường và Trần Trung Tá. Ai cũng biết, Vũ Tán Đường là người thân cận của ông, có tài giúp ông công việc "tề gia". Không cần suy nghĩ, ông trả lời ngay: Bẩm Thái hậu, Thành tôi chọn Trần Trung Tá. Có người hỏi tại sao ông không tiến cử Vũ Tán Đường? Ông đáp rằng, nếu chọn người giỏi về việc hầu hạ thì tôi chọn Vũ Tán Đường, nhưng nếu chọn người có tài giúp nước, xứng đáng là bậc lương đống (trụ cột) của triều đình thì tôi chọn và tiến cử Trần Trung Tá. Rõ ràng, Tô Hiến Thành đã chí công vô tư trong việc đánh giá, lựa chọn cán bộ thời bấy giờ.

Để đánh giá đúng cán bộ, một điều rất quan trọng nữa là cần phải có *phương pháp khoa học*. Trước hết, phải quán triệt các quan điểm khách quan, toàn diện, phát triển, thực tiễn và lịch sử - cụ thể của *phương pháp biện chứng* duy vật.

Cần xem xét người cán bộ *một cách toàn diện* về phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị, lối sống, tác phong công tác, các mối quan hệ xã hội của cán bộ, những ưu khuyết điểm, sở trường sở đoản của cán bộ, quan hệ công tác của cán bộ và quan hệ xóm giềng, khu dân cư, bạn bè... của cán bộ. Từ đó tổng hợp lại mới hiểu được bản chất của cán bộ. Hồ Chí Minh viết: "Xem xét cán bộ, không chỉ xem ngoài mặt mà còn phải xem tính chất của họ. Không chỉ xem một việc, một lúc mà phải xem toàn cả lịch sử, toàn cả công việc của họ"(6).

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong thế giới cái gì cũng biến hóa, tư tưởng con người cũng biến hóa, vì vậy cách xem xét cán bộ cũng không thể cứng nhắc, định kiến. Một cán bộ khi trước có sai lầm, không phải vì thế mà sai lầm mãi. Cũng có cán bộ đến nay chưa bị sai lầm, nhưng chắc gì sau này không bị sai lầm? Quá khứ, hiện tại và tương lai của mọi người không phải luôn giống nhau. Người nói: "Có thể những người khi kháng chiến thì rất anh dũng, trước bom đạn địch không chịu khuất phục, nhưng đến khi về thành thị lại bị tiền bạc, gái đẹp quyến rũ, mất lập trường, sa vào tội lỗi"(7).

---

(6) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 5, tr 278

(7) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 7, tr 346


Digitized by Google

Vì vậy, muốn đánh giá đúng cán bộ phải nắm vững sự diễn biến tư tưởng của cán bộ qua các thời kỳ khác nhau, nhất là qua những biến động của lịch sử tạm thời bất lợi cho cách mạng hoặc trong thời kỳ thoái trào của cách mạng. Chính những thời điểm đó giúp cho Đảng nhìn được rõ hơn cán bộ nào giữ vững lập trường cách mạng, kiên định, cán bộ nào hoang mang dao động, giúp cho việc đánh giá cán bộ càng đúng hơn.

Đánh giá ưu, khuyết điểm của cán bộ cũng cần phân tích một cách khách quan, nhất là khuyết điểm. Khuyết điểm nào thuộc về lập trường quan điểm, khuyết điểm nào thuộc về đạo đức, khuyết điểm nào thuộc tác phong, sinh hoạt, để có sự cân nhắc nặng, nhẹ một cách đúng đắn, ưu điểm của cán bộ đó là căn bản hay khuyết điểm là căn bản.

Muốn hiểu rõ cán bộ và đánh giá đúng cán bộ, vấn đề quan trọng hiện nay là phải **đổi mới công tác quản lý cán bộ**. Tiếp tục khắc phục những mặt yếu kém hiện nay của công tác quản lý cán bộ như việc buông lỏng quản lý, tệ quan liêu. Chính những điều đó khiến cho cấp ủy hoặc cơ quan quản lý không hiểu được cán bộ, không theo dõi kịp thời những diễn biến tư tưởng và hành động của cán bộ, nên đã bố trí một số cán bộ kém phẩm chất, đạo đức vào những cương vị lãnh đạo và quản lý quan trọng. Khi họ bị sa ngã dẫn đến tham nhũng, ăn hối lộ, dung túng bao che cho bọn tội phạm trong một thời gian khá dài mà vẫn ngoài vòng kiểm soát, cho đến khi bị phát hiện họ mới bị xử lý kỷ luật, khai trừ khỏi Đảng và truy tố trước pháp luật, phải lãnh án tù... Tất cả điều đó làm ảnh hưởng đến uy tín của Đảng, chính quyền và chúng ta mất cán bộ. Do đó, phải xây dựng chế độ quản lý cán bộ một cách khoa học với những quy định cụ thể, nhất là việc lập hồ sơ cán bộ của các cơ quan quản lý. Hồ sơ cán bộ không chỉ có lý lịch của cán bộ để giúp cơ quan quản lý hiểu lịch sử của cán bộ mà còn gồm: Những báo cáo của cán bộ, tiến hành tự phê bình và phê bình trong cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng; những bản tổng kết cuối năm của mỗi cán bộ về ưu, khuyết điểm các mặt trong công tác; những báo cáo tổng kết của cán bộ trong quá trình học tập ở trong nước hay ngoài nước hoặc đi công tác ở nước ngoài; những báo cáo tự kiểm điểm của cán bộ khi được điều động, thuyên chuyển công tác (tất nhiên phải được đồng chí thủ trưởng cơ quan và người phụ trách tổ chức đảng ở đó xác nhận để đưa vào hồ sơ cán bộ); những bệnh án của cán bộ, của cơ quan y tế, v.v..

Nếu chúng ta thiết lập hồ sơ cán bộ một cách đầy đủ và liên tục sẽ giúp cho cơ quan quản lý nắm được cán bộ và hiểu được cán bộ do mình quản lý. Đó là điều kiện cần tuy chưa phải đủ.

Để đánh giá đúng cán bộ, Đảng cần phải xác định một cách khoa học **tiêu chuẩn cán bộ**. Tiêu chuẩn này phụ thuộc vào nhiều yếu tố như yêu cầu thực tiễn cách mạng trong từng giai đoạn, nhiệm vụ chính trị của Đảng, mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ của Đảng... Nhiều nghị quyết của Đảng ta thường nêu ra tiêu chuẩn chung nhất của người cán bộ cách mạng là phẩm chất và năng lực, đức và tài, trong đó theo Bác Hồ "đạo đức là cái gốc của người cách mạng". Có đức mà không có tài, theo Bác Hồ, chẳng khác nào như ông bụt trong chùa, vô dụng, còn có tài mà không có đức thì có khi gây tác hại cho Đảng, cho dân. Tiêu chuẩn chung đó cần được cụ thể hóa cho từng loại cán bộ (cán bộ lãnh đạo chính trị, cán bộ quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, cán bộ khoa học, giáo dục, cán bộ quân đội, công an, cán bộ ngoại giao...), từng chức danh cán bộ, từng lĩnh vực công tác của cán bộ...

Đánh giá cán bộ phải căn cứ vào tiêu chuẩn chung song cần gắn với chức trách được giao, nhiệm vụ được phân công, gắn với kết quả hoàn thành nhiệm vụ chính trị, gắn với phong trào, qua đó mà xem xét đức - tài. Không thể có tình trạng cán bộ được đánh giá là tốt mà phong trào ở đó lại kém, kết quả hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị không tốt, cũng như không thể có đảng


Digitized by Google

bộ được công nhận danh hiệu "trong sạch, vững mạnh" mà công việc ở đó lại kém, hiệu quả thấp, thậm chí đơn vị có nhiều tiêu cực. Trong những năm qua, một số cấp ủy và tổ chức Đảng đã thực hiện đánh giá cán bộ trên cơ sở tiêu chuẩn là lấy hiệu quả công tác thực tế và sự tín nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân làm thước đo chủ yếu. Chẳng hạn, có cấp ủy địa phương xác định tiêu chuẩn đánh giá cán bộ ở địa phương mình là: 1 - Nơi đó kinh tế phải tăng trưởng (tăng cả giá trị sản xuất và thu ngân sách); 2 - Phải đoàn kết nội bộ tốt (cán bộ phải gương mẫu, tận tụy, kỷ cương...); 3 - Phải yên dân (không có khiếu kiện, đơn thư vượt cấp).

Chung quanh vấn đề này, khi nói về cán bộ tốt và không tốt, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại một bài học lớn. Theo Người, ai mà hay khoe công việc, hay a dua, trước mặt thì theo mệnh lệnh, sau lưng thì làm trái mệnh lệnh, hay công kích người khác, hay tự tâng bốc mình,... những người như thế, tuy họ làm được việc, cũng không phải cán bộ tốt. Ngược lại, ai cứ cắm đầu làm việc, không ham khoe khoang, ăn nói ngay thẳng, không che dấu khuyết điểm của mình, không ham việc dễ, tránh việc khó, bao giờ cũng kiên quyết làm theo mệnh lệnh của Đảng, vô luận hoàn cảnh thế nào, lòng họ cũng không thay đổi. Những người như thế, dù công tác kém một chút cũng là cán bộ tốt [8].

Để bảo đảm tính khách quan, trung thực trong đánh giá cán bộ trong công tác cán bộ của Đảng hiện nay, cần thực hiện một *quy chế dân chủ và công khai thật sự* theo một trình tự hợp lý:

- Trước hết phải căn cứ vào hồ sơ cán bộ.

- Tiến hành trưng cầu ý kiến của cán bộ và nhân viên của đơn vị và của tổ chức đảng ở địa bàn dân cư nơi cán bộ cư trú.

- Trên cơ sở hồ sơ cán bộ và ý kiến của cán bộ, nhân viên và của tổ chức đảng ở địa bàn dân cư (ý kiến đa số hay thiểu số) ban lãnh đạo và đại diện tổ chức đảng ở đơn vị, trao đổi, thảo luận một cách dân chủ. Nếu đối tượng được đánh giá, được đa số cán bộ, nhân viên trong đơn vị và tổ chức đảng ở địa bàn dân cư công nhận đó là cán bộ tốt, phù hợp với hồ sơ cán bộ của đối tượng thì tập thể lãnh đạo của đơn vị tôn trọng ý kiến của đa số và chấp nhận. Trừ trường hợp đặc biệt nếu thấy đối tượng được đánh giá có vấn đề cần phải cân nhắc và không thể chấp nhận được thì mới có quyết định trái ý kiến của đa số. Kết quả phải thông báo công khai cho đương sự và cho cán bộ, nhân viên trong đơn vị biết và báo cáo lên lãnh đạo cấp trên xem xét. Cũng cần lưu ý: việc thực hiện quy chế dân chủ trong việc đánh giá cán bộ chỉ bảo đảm tính khách quan, trung thực khi cán bộ, nhân viên và lãnh đạo đơn vị không mắc phải thành kiến cá nhân, tư tưởng bè phái và các "căn bệnh" của lãnh đạo như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu. Nếu có hiện tượng như thế thì trước khi đánh giá cán bộ phải có biện pháp khắc phục những hiện tượng lệch lạc đó. Nếu không thì việc đánh giá cán bộ chẳng những không đem lại kết quả tích cực (chọn đúng người tốt, thực sự có đức có tài) mà còn làm cho nội bộ mất đoàn kết nghiêm trọng.

Trong việc đánh giá cán bộ, lãnh đạo cấp trên cần quan tâm kiểm tra, uốn nắn, sửa chữa kịp thời những hiện tượng lệch lạc để việc đánh giá cán bộ được chính xác, khỏi bỏ sót người tốt, chọn nhầm kẻ xấu. Nhất là việc đánh giá để sắp xếp đề bạt, cất nhắc cán bộ lên vị trí công tác cao hơn, điều đó càng quan trọng. Việc đánh giá cán bộ không chỉ làm một lần mà phải làm thường xuyên theo định kỳ hằng năm để đưa vào hồ sơ cán bộ, giúp cơ quan quản lý cán bộ nắm và hiểu được cán bộ, và cũng giúp cho bản thân người cán bộ hiểu đúng mình hơn nhằm phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm (nếu có), giúp cho công tác cán bộ của Đảng ngày càng hoàn thiện. ❑

(8) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 5, tr 278


Digitized by Google

# NGHIÊN CỨU, TUYÊN TRUYỀN GIÁO DỤC TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

**NGUYỄN VIẾT THÔNG** *

Hồ Chí Minh am hiểu sâu sắc rất nhiều nền văn hóa trên thế giới. Người đã tiếp thu những tinh hoa văn hóa của nhân loại để bồi đắp làm giàu trí tuệ của mình, đồng thời làm nên một nhân cách văn hóa Hồ Chí Minh rất phong phú và độc đáo, song rất đỗi gần gũi, quen thuộc với mọi dân tộc, mọi lớp người. Vì vậy, cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng của Hồ Chí Minh trở thành đối tượng nghiên cứu của nhiều ngành khoa học, nhiều giới nghiên cứu, cả ở trong và ngoài nước.

Càng nghiên cứu về Hồ Chí Minh, ta càng nhận ra nhiều điều mới mẻ, nhiều điều chưa biết và còn biết rất ít về Người.

1 - Từ những năm 20 thế kỷ XX, Nguyễn Ái Quốc trên diễn đàn Hội nghị của các cường quốc, đến khi Cách mạng Tháng Tám, năm 1945, thành công ở Việt Nam, Người xuất hiện với tên gọi Hồ Chí Minh - vị đứng đầu nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á, thế giới và giới nghiên cứu cũng mới chỉ biết Người với tư cách nhà cách mạng - lãnh tụ của dân tộc Việt Nam, chiến sĩ của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, lãnh tụ của phong trào giải phóng dân tộc chống ách áp bức của chủ nghĩa thực dân.

Tại Đại hội II của Đảng, năm 1951, *đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh* được ghi nhận như một giá trị văn hóa, ngọn cờ tập hợp quần chúng và động lực tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta. Lúc đó, chúng ta chưa có điều kiện nghiên cứu tư tưởng, lý luận như là những đóng góp của Người vào kho tàng lý luận và kinh nghiệm thực tiễn của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và phong trào cách mạng thế giới.

Đến cuối những năm 80, đầu những năm 90 của thế kỷ XX, Hồ Chí Minh được thế giới đánh giá cao, được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận và tôn vinh là "anh hùng giải phóng dân tộc - danh nhân văn hóa thế giới". Đồng thời, tại Đại hội VII (1991), Đảng ta đề ra Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và xác định, *cùng với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh trở thành nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam.*

2 - Từ đầu những năm 90 của thế kỷ XX đến nay, Trung ương Đảng và Chính phủ đã có nhiều chương trình, đề tài cấp Nhà nước, cấp bộ, ngành, đoàn thể... nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh. Có thể nói, việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh từ lúc này mới thật sự đi sâu. Đến Đại hội IX của Đảng, năm 2001, trên cơ sở các kết quả nghiên cứu, Đảng ta đã đưa ra một quan niệm tương đối đầy đủ về tư tưởng Hồ Chí Minh: "*Tư tưởng Hồ Chí Minh* là một hệ

* TS. Phó trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương



Digitized by Google

thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Đó là tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người; về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; về sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc; về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân; về quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; về phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau; về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, cán bộ, đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân"(1).

Việc xác định tư tưởng Hồ Chí Minh là hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, gồm chín vấn đề có liên hệ hữu cơ với nhau đã đánh dấu một bước tiến quan trọng của công tác nghiên cứu lý luận nói chung, nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng ở nước ta, đáp ứng đòi hỏi cấp thiết của công cuộc đổi mới đất nước và tình cảm, nguyện vọng của nhân dân ta. Tuy nhiên, những kết quả nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh tại thời điểm này và cho đến hiện nay, cũng mới chỉ dừng lại ở việc định lượng và xác định những nội dung, giá trị cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh. Bản chất khoa học và cách mạng, tinh thần độc lập, tự chủ, đổi mới và sáng tạo, rất độc đáo của tư tưởng Hồ Chí Minh chưa được nghiên cứu một cách thật sâu sắc, có hệ thống, hoàn chỉnh. Tất cả những sản phẩm nghiên cứu của chúng ta chưa thật tương xứng với tầm vóc tư tưởng và sự nghiệp vĩ đại của Hồ Chí Minh. Vì vậy, ngày 27-3-2003, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị số 23-CT/TW về "Đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới", nhằm đẩy mạnh việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh một cách toàn diện hơn, sâu rộng hơn; kết quả nghiên cứu được tuyên truyền, giáo dục trong toàn Đảng, toàn dân; đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức tác phong Hồ Chí Minh làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân ta thấm nhuần sâu sắc tư tưởng của Người và từng bước hình thành tố chất Hồ Chí Minh trong mỗi con người Việt Nam.

3 - Qua một năm thực hiện Chỉ thị số 23-CT/TW của Ban Bí thư, tư tưởng Hồ Chí Minh đã đi vào đời sống thực tiễn, được xã hội đón nhận như những giá trị lý luận - tư tưởng - văn hóa rất sống động và thực sự là kim chỉ nam cho hoạt động của Đảng và nhân dân ta. Nhiều băn khoăn, vướng mắc, thậm chí hoài nghi của cán bộ, đảng viên và quần chúng về nền tảng tư tưởng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta, về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, về mối quan hệ dân tộc - giai cấp - nhân loại đã được giải đáp sáng tỏ hơn.

Đứng ở góc độ tuyên truyền, giáo dục và tổ chức việc học tập tư tưởng Hồ Chí Minh cho cán bộ, đảng viên và nhân dân ta, nhất là qua cuộc thi báo cáo viên về tư tưởng Hồ Chí Minh vừa qua, có thể thấy rằng nhiều nội dung tư tưởng được cán bộ, đảng viên, quần chúng rất tâm đắc vì đã được nghiên cứu khá sâu sắc và gắn chặt với đời sống, với thực tiễn nước ta hiện nay. Đó là các nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng "cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư"; về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân; về chăm lo, bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau; về đại đoàn kết toàn dân tộc; về xây dựng nền quốc phòng toàn dân và mối quan hệ con người - vũ khí trong xây dựng và chiến đấu của lực lượng vũ trang nhân dân; về giải phóng con người... Tuy nhiên, nhiều vấn đề nghiên cứu chưa đạt tới mức độ sâu sắc và có tính thuyết phục với sự phong phú, sinh động cần thiết. Tuy

(1) *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 83 - 84


Digitized by Google

là các vấn đề rất thời sự hiện nay, song chưa được cán bộ, đảng viên và nhân dân thật sự đón nhận, học tập một cách chuyên tâm, hứng khởi, như các nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng; xây dựng đội ngũ cán bộ; xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, tiên tiến, hiện đại; xây dựng nền văn hóa, giáo dục xã hội chủ nghĩa; các vấn đề về chính sách xã hội, dân tộc, tôn giáo, xây dựng giai cấp công nhân, nông dân và nông thôn, xây dựng đội ngũ trí thức...

Hầu hết các nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh đã được nghiên cứu và đưa vào tuyên truyền, giáo dục trong các nhà trường, cũng như trong Đảng và nhân dân; người nghe, người học, người thuyết trình, chưa thấy hết sự độc đáo, sáng tạo của tư duy khoa học Hồ Chí Minh, chưa thấy hết tầm cao văn hóa Hồ Chí Minh. Không chỉ nêu các quan điểm tư tưởng của mình về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, Người còn luận giải một cách rất khoa học và giàu chất nghệ thuật những vấn đề có tính quy luật và con đường vận động, phát triển tất yếu của từng vấn đề, từng lĩnh vực cụ thể của cách mạng Việt Nam. Việc phát triển và khái quát các vấn đề cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh được chúng ta thực hiện khá công phu, nghiêm túc, song việc nghiên cứu thật sâu sắc, đầy đủ, toàn diện về cơ sở lý luận và thực tiễn, quá trình hình thành, tính khoa học, độc lập, sáng tạo, mới mẻ của từng nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh vẫn đang là những yêu cầu phía trước đối với các nhà nghiên cứu. Đó là chưa kể đến những tư tưởng chưa được diễn đạt thành văn còn ẩn chứa trong những việc làm hằng ngày của Người với bạn bè, đồng chí, với nhân dân, với bộ đội, với thiên nhiên, với chính mình và với cả kẻ thù của dân tộc, của nhân loại. Ở Hồ Chí Minh, dường như mọi lời nói, mọi việc làm, dù bình thường nhất, dù giống như mọi người, cũng đều ẩn chứa một chân lý, một triết luận sâu sắc cần được nghiên cứu, lý giải một cách đầy đủ. Ngay cả giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh của Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và tài liệu của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương về các chuyên đề tư tưởng Hồ Chí Minh cũng cần tiếp tục được nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện thêm.

4 - Tìm tòi, thử nghiệm các phương pháp tiếp cận nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh khác nhau là rất cần thiết hiện nay. Việc đẩy mạnh nghiên cứu tư tưởng của Người sẽ không thể tiến triển được nếu các nhà nghiên cứu không tìm ra các phương pháp tiếp cận phù hợp với từng vấn đề cụ thể trong hoàn cảnh cụ thể.

Trong thực tế, đã nảy sinh một số khuynh hướng nghiên cứu chưa mấy thuyết phục. Như đặt ra giả thiết trước rồi tìm câu chữ trong các tác phẩm của Hồ Chí Minh để chứng minh một cách gò ép cho giả thiết đưa ra. Thực chất đây là sự hạ thấp và tầm thường hóa tư tưởng của Người theo kiểu "kê đơn, bốc thuốc". Cũng có khuynh hướng muốn nhấn mạnh cái gọi là tính độc đáo, sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh để cố gắng tìm sự khác biệt giữa Người với C. Mác, Ph. Ăng-ghen, V.I. Lê-nin nên đã rơi vào siêu hình, đơn giản, xơ cứng. Có khuynh hướng suy diễn, lý giải một chiều trong nghiên cứu dẫn đến thần thánh hóa Người.

Cũng đã xuất hiện dấu hiệu không bình thường trong nghiên cứu. Có người muốn chứng minh rằng tư tưởng Hồ Chí Minh thoát ly Mác - Lê-nin, thậm chí còn cao hơn cả chủ nghĩa Mác - Lê-nin (!).

Muốn đẩy mạnh việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh sâu hơn, rộng hơn, phải đứng trên lập trường, quan điểm và phương pháp biện chứng khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin; xem toàn bộ tư tưởng Hồ Chí Minh là một bộ phận của hệ tư tưởng của giai cấp công nhân, là sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam. Hồ Chí Minh là nhà mác-xít lỗi lạc, Người thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lê-nin và đứng vững trên lập trường mác-xít, dùng thế giới quan và phương pháp luận mác xít để phân tích, lý giải, dự báo sự vận động, phát triển của thực tiễn cách mạng Việt Nam. Người không "tách mình" ra khỏi C. Mác, Ph. Ăng-ghen, V.I. Lê-nin để đưa ra các quan điểm của riêng mình. Phải thấy


Digitized by Google

được phương pháp tư duy Hồ Chí Minh, phương pháp luận giải và diễn đạt rất độc đáo của Người mới có thể hiểu đúng và hiểu rõ tư tưởng của Người. Ở Người, chất mác-xít hòa quyện làm một với chất Á đông hiền triết và Người có phong cách diễn đạt tư tưởng riêng, rất ngắn gọn, hàm súc, vừa chính xác, vừa có tính biểu cảm rất đa dạng. Nếu chỉ trích dẫn một số câu chữ mà suy ra tư tưởng là chưa đủ để hiểu hết, thậm chí có thể hiểu sai tư tưởng của Người. Người rất ít khi dùng thuật ngữ lý luận để trình bày quan điểm lý luận. Bởi vì Người nói lý luận là để cho quần chúng nhân dân, cho cán bộ, bộ đội ta nghe được, hiểu được, để nhớ và làm theo đúng lý luận.

Vì vậy, Người ít khi trích dẫn kinh điển Mác - Lê-nin, ít dùng các khái niệm, phạm trù, trừu tượng. Người sử dụng nhiều ca dao, tục ngữ, ngạn ngữ, và các sự việc, sự kiện dễ thấy, dễ hiểu trong đời sống xã hội để biểu đạt nội dung tư tưởng lý luận. Do vậy, phải tôn trọng nguyên tác của Người và đặt vào hoàn cảnh cụ thể để hiểu được cả chất lý luận và ý tưởng sâu xa của Người được ẩn chứa trong câu chữ.

Hồ Chí Minh là nhà cách mạng vĩ đại, lãnh tụ thiên tài, là chiến sĩ đấu tranh không mệt mỏi trên mọi mặt trận. Từ đấu tranh chính trị, quân sự, ngoại giao, đến báo chí, văn hóa, nghệ thuật... lĩnh vực nào Người cũng đứng ở vị trí hàng đầu với tư tưởng và tài năng kiệt xuất. Người đi khắp năm châu, bốn biển, đã từng lăn lộn trong giới cần lao và cũng đã từng đấu trí, đấu lý với các nhà ngoại giao, các chính khách phương Tây cực kỳ thâm hiểm, xảo quyệt; đã từng sống giữa đồng chí, đồng bào, bạn bè quốc tế với rất nhiều nỗi vui, buồn được chia sẻ, cảm thông... Với bất cứ tầng lớp xã hội, dân tộc, tôn giáo, lứa tuổi, nghề nghiệp nào Người cũng đều để lại những kỷ niệm không bao giờ quên, những lời căn dặn, nhắc nhở, và cả lời phê bình rất nhẹ nhàng, thấm thía, chứa đựng những nguyên lý sống, làm việc, suy nghĩ, ứng xử giàu chất lý luận, nhân văn. Vì vậy, nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh là công việc mang tính quần chúng rộng rãi của toàn Đảng, toàn dân, của mọi cấp, mọi người, mọi giới.

5 - Để học tập thấm nhuần và biến tư tưởng Hồ Chí Minh thành hiện thực cần phải mở rộng phạm vi nghiên cứu học tập. Mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi lĩnh vực cần chủ động triển khai nghiên cứu, xây dựng các bộ sách, tài liệu về tư tưởng Hồ Chí Minh và tổ chức học tập, làm theo lời dạy của Người đối với ngành, lĩnh vực của mình, với hình thức và phương pháp nghiên cứu tiếp cận phù hợp; không nên dừng lại ở việc trích dẫn câu chữ một cách cứng nhắc, thô thiển. Cần tiếp tục xây dựng các chương trình nghiên cứu khoa học về tư tưởng Hồ Chí Minh cấp Nhà nước. Tập trung đội ngũ các chuyên gia nghiên cứu đầu ngành, có kinh nghiệm, tâm huyết và tài năng, có sự đầu tư thích đáng, để có những công trình khoa học tương xứng với tầm tư tưởng và nhân cách văn hóa Hồ Chí Minh. Đó chính là xây dựng, củng cố nền tảng tư tưởng của Đảng và của chế độ ta một cách tích cực và vững chắc.

Mỗi cơ sở xã, phường, thị trấn, trường học, bệnh viện, khu dân cư... cần từng bước xây dựng tủ sách tuyên truyền, giáo dục về tư tưởng Hồ Chí Minh, để đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, học tập ngày càng cao của cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Trong hệ thống giáo dục quốc dân, cần nghiên cứu để đưa tư tưởng Hồ Chí Minh vào giảng dạy một cách có hệ thống từ thấp đến cao, phù hợp với tâm lý lứa tuổi và nhận thức của học sinh, sinh viên,.

6 - Để tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh đến được với mỗi người Việt Nam từ trẻ đến già, từ miền xuôi đến miền núi, ở trong nước và nước ngoài và đến được khắp thế giới, cần đầu tư để có những công trình nghệ thuật có giá trị về nội dung và nghệ thuật khắc họa, phản ánh thân thế và tư tưởng Hồ Chí Minh. Hiện nay, còn quá ít những công trình như thế.

Hằng năm, có thể lấy ngày 19-5 - Ngày sinh của Hồ Chí Minh và ngày 2-9 - Ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần làm ngày toàn Đảng, toàn dân học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh để tổ chức các hình thức sinh hoạt chính trị phù hợp và có tác dụng giáo dục cao. ❑


Digitized by Google

# Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đối ngoại trong thời kỳ đổi mới

ĐINH XUÂN LÝ*

1 - Tư tưởng Hồ Chí Minh về đối ngoại là hệ thống quan điểm về quốc tế, về chiến lược, sách lược cách mạng Việt Nam trong quan hệ với thế giới. Hệ thống quan điểm đó được thể hiện ở những nội dung: Mục tiêu đối ngoại, tập hợp và mở rộng lực lượng, các phương châm đối ngoại, phương pháp và nghệ thuật đấu tranh ngoại giao nhằm giành thắng lợi cho cách mạng Việt Nam.

*Thứ nhất, mục tiêu đối ngoại.*

Mục tiêu đối ngoại nhằm bảo đảm lợi ích của quốc gia dân tộc, bao gồm các quyền dân tộc cơ bản như: Độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, thống nhất đất nước, tự do hạnh phúc cho nhân dân. Điều đó được khẳng định trong *Tuyên ngôn Độc lập* của Nhà nước Việt Nam mới: "Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy"(1). Thông qua *Tuyên ngôn Độc lập*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ của dân tộc Việt Nam trong quan hệ chính trị quốc tế. Bởi vì, chỉ những quốc gia độc lập, tự do mới có quyền quyết định đường lối đối ngoại của dân tộc mình.

Đấu tranh cho hòa bình và cùng tồn tại hòa bình là một nội dung quan trọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh về đối ngoại. Người nhấn mạnh nguyện vọng của dân tộc Việt Nam là mong muốn một nền hòa bình hợp công lý. Nhân dân Việt Nam rất yêu chuộng hòa bình, nhưng đó phải là hòa bình thật sự, hòa bình trong độc lập tự do, chứ không phải là thứ hòa bình giả hiệu.

Trong khi ra sức phấn đấu thực hiện mục tiêu đối ngoại của dân tộc, Hồ Chí Minh rất tôn trọng lợi ích chính đáng của các quốc gia dân tộc khác. Phát biểu nhân dịp Quốc khánh lần thứ 10 của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, ngày 2-9-1955, Hồ Chí Minh tuyên bố rõ ràng: "Trong quan hệ đối với các nước khác, chính sách của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là rõ ràng và trong sáng: đó là một chính sách hòa bình và quan hệ tốt... tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và chủ quyền của nhau, không xâm phạm, không can thiệp vào các công việc nội bộ, bình đẳng và hai bên cùng có lợi, chung sống hòa bình"(2).

Giữ vững mục tiêu và nguyên tắc, đồng thời sẵn sàng thực hiện chính sách đối ngoại rộng mở là nét độc đáo trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Ngay từ năm 1946, trong *Lời kêu gọi Liên hợp quốc*, Người đã nêu rõ chính sách đối ngoại của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa: Đối với các nước dân chủ, Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực; dành sự tiếp nhận thuận lợi cho đầu tư của các nhà tư bản, nhà kỹ thuật nước ngoài trong tất cả các

* TS. Đại học Quốc gia Hà Nội

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t 4, tr 4

(2) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 8, tr 58

ngành kỹ nghệ của mình; sẵn sàng mở rộng các cảng, sân bay và đường sá giao thông cho việc buôn bán và quá cảnh quốc tế; chấp nhận tham gia mọi tổ chức hợp tác kinh tế quốc tế dưới sự lãnh đạo của Liên hợp quốc; sẵn sàng ký kết với các lực lượng hải quân, lục quân trong khuôn khổ của Liên hợp quốc những hiệp định an ninh đặc biệt và những hiệp ước liên quan...

*Thứ hai, về tập hợp và mở rộng lực lượng.*

Xác định đối ngoại là một mặt trận, Hồ Chí Minh chủ trương mở rộng quan hệ với tất cả các nước, tranh thủ mọi lực lượng và hình thức đấu tranh nhằm đạt hiệu quả cao nhất về đối ngoại.

Người cho rằng, thắng lợi ngoại giao tùy thuộc vào sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, sức mạnh về kinh tế, chính trị, quân sự và văn hóa của đất nước. Với bên ngoài, Hồ Chí Minh chủ trương mở rộng lực lượng theo phương châm "thêm bầu bạn, bớt kẻ thù", tránh đối đầu, "không gây thù oán" với bất cứ nước nào; khai thác những điểm tương đồng và mọi khả năng có thể nhằm tập hợp lực lượng, hình thành mặt trận đoàn kết ủng hộ Việt Nam một cách rộng rãi và sâu sắc nhất.

Hồ Chí Minh là người Việt Nam đầu tiên nhận thức được tầm quan trọng và giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới. Trong tác phẩm *Đường Cách mệnh* (năm 1927), Chủ tịch Hồ Chí Minh (khi đó với tên gọi Nguyễn Ái Quốc) đã xác định "Cách mệnh An Nam cũng là một bộ phận trong cách mệnh thế giới. Ai làm cách mệnh trong thế giới đều là đồng chí của dân An Nam cả"(3). Đây chính là cơ sở để xác lập tình hữu nghị, đoàn kết, hợp tác với nhân dân các nước, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo nên thắng lợi cho cách mạng Việt Nam.

Để thực hiện thành công chính sách đối ngoại rộng mở, tập hợp các lực lượng đoàn kết với Việt Nam, vấn đề quan trọng hàng đầu là phải làm cho nhân dân thế giới hiểu rõ về Việt Nam, về cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân ta. Và, muốn tăng cường đoàn kết phải thông qua đấu tranh, vì đoàn kết mà phải tranh đấu.

*Thứ ba, về phương châm đối ngoại và phương pháp đấu tranh ngoại giao.*

Nhấn mạnh quan điểm độc lập tự chủ, tự lực, tự cường, Người nói: "Độc lập nghĩa là chúng tôi điều khiển lấy mọi công việc của chúng tôi, không có sự can thiệp ở ngoài vào"(4). Điều đó có nghĩa là dân tộc Việt Nam phải tự mình vạch ra đường lối, chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ trên cơ sở lợi ích quốc gia và phù hợp với chuẩn mực quốc tế, thích ứng với xu thế thời đại. Tuy nhiên, Người cũng nhấn mạnh rằng không thể hạn chế những hoạt động đó trong khuôn khổ dân tộc thuần túy, bởi những hoạt động đó "có muôn ngàn sợi dây liên hệ" với cuộc đấu tranh chung của thế giới tiến bộ.

Trong chỉ đạo thực tiễn, Hồ Chí Minh thường xuyên căn dặn cán bộ phải giữ vững lập trường, vững vàng, khôn khéo, chủ động, tích cực; tự lực cánh sinh. Trong mối quan hệ dân tộc và quốc tế, Hồ Chí Minh coi yếu tố quốc tế có ý nghĩa quan trọng cho thắng lợi của cách mạng, nhưng yếu tố độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường luôn giữ vai trò quyết định mọi thắng lợi. Người viết: "Sự giúp đỡ của các nước bạn là quan trọng, nhưng không được ỷ lại... Một dân tộc không tự lực cánh sinh mà cứ ngồi chờ dân tộc khác giúp đỡ thì không xứng đáng được độc lập"(5).

Hồ Chí Minh yêu cầu cán bộ ngoại giao phải nắm vững phương châm kiên trì về nguyên tắc, giữ vững chiến lược, nhưng mềm dẻo, linh hoạt về sách lược. Người nói: "*Mục đích* bất di bất dịch của ta vẫn là hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ. *Nguyên tắc* của ta thì phải vững chắc, nhưng *sách lược* của ta thì linh hoạt"(6).

Đối ngoại là một mặt trận quan trọng, có ý nghĩa chiến lược. Trong hoạt động đối ngoại phải luôn thể hiện tính chiến đấu cao và tinh thần "kiên quyết không ngừng thế tiến công", nhưng phải biết chọn thời cơ để giành thắng lợi từng

(3) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 2, tr 301
(4) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 5, tr 136
(5) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 6, tr 522
(6) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 7, tr 319


Digitized by Google

bước, giành thắng lợi từng bộ phận. Để tăng cường sức mạnh tổng hợp của đất nước, hoạt động đối ngoại phải: phối hợp chặt chẽ giữa ngoại giao chính trị, ngoại giao kinh tế, ngoại giao văn hóa...

Thực tế cho thấy, tư tưởng Hồ Chí Minh về đối ngoại không những đã phát huy hiệu quả to lớn trong đấu tranh bảo vệ chính quyền sau cách mạng Tháng Tám năm 1945, trong hai cuộc kháng chiến chống xâm lược... mà còn tiếp tục soi sáng quá trình mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập khu vực và quốc tế trong thời kỳ đổi mới của đất nước ta.

2 - Trong thời kỳ đổi mới hiện nay, dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh, hơn bao giờ hết, lĩnh vực đối ngoại tiếp tục đòi hỏi chúng ta phải *nhất quán mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kiên định về nguyên tắc, nhưng linh hoạt điều chỉnh mục tiêu đối ngoại trong từng thời kỳ, giai đoạn phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam và thích ứng với xu thế quốc tế, theo tinh thần "dĩ bất biến, ứng vạn biến".*

Tình hình mới đặt ra trước cách mạng Việt Nam hai nhiệm vụ quan trọng và cấp bách:

*Một là,* giải tỏa tình trạng căng thẳng, đối đầu của các thế lực thù địch, phá thế bị bao vây, cấm vận, nhằm tiến tới thiết lập và mở rộng quan hệ với các nước, tạo môi trường khu vực thuận lợi, tăng cường hợp tác với bên ngoài để xây dựng, phát triển đất nước. *Hai là,* giải quyết những khó khăn về kinh tế, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa Việt Nam với các quốc gia trong khu vực khi các nguồn viện trợ, đầu tư từ Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu không còn.

Xuất phát từ những nhiệm vụ trên, Đại hội VI (12-1986) của Đảng đã đề ra đường lối và chính sách đối ngoại đổi mới đáp ứng nhiệm vụ thực tiễn cách mạng Việt Nam, phù hợp với xu thế phát triển của khu vực và thế giới. Nghị quyết số 13 của Bộ Chính trị khóa VI (tháng 5-1988) *Về nhiệm vụ và chính sách đối ngoại trong tình hình mới,* nhấn mạnh: "Lợi ích cao nhất của Đảng và nhân dân ta là phải củng cố và giữ vững hòa bình để tập trung sức xây dựng và phát triển kinh tế"; tiến hành điều chỉnh chiến lược đối ngoại "lấy mục tiêu hòa bình và phát triển làm chuẩn mực trong mọi hoạt động quốc tế của mình"; chủ động chuyển sang giai đoạn đấu tranh mới dưới hình thức cùng tồn tại hòa bình với các nước láng giềng, khu vực và quán triệt ý nghĩa chính trị quan trọng của "con đường thi đua về kinh tế" giữa các nước có chế độ chính trị - xã hội khác nhau; kiên quyết mở rộng quan hệ quốc tế; quyết tâm tạo chuyển biến cơ bản trong quan hệ với các nước lớn; chuyển mạnh hoạt động ngoại giao từ quan hệ chính trị là chủ yếu sang quan hệ chính trị - kinh tế, mở rộng quan hệ kinh tế, phục vụ cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước; thực hiện mở rộng liên kết, hợp tác và thu hút đầu tư nước ngoài phục vụ sự nghiệp xây dựng đất nước. Chủ trương đổi mới của Đảng về quan hệ quốc tế đã mở ra một trang mới trong hoạt động đối ngoại của Việt Nam.

Sự điều chỉnh chiến lược và mục tiêu đối ngoại kể từ Đại hội VI thể hiện rõ nét sự kế thừa sáng tạo phương châm tư tưởng đối ngoại Hồ Chí Minh là, sách lược thì linh hoạt, nhưng nguyên tắc phải vững chắc, mục đích phải bất di bất dịch theo tinh thần "dĩ bất biến, ứng vạn biến". Mục đích đó là xây dựng một nước Việt Nam độc lập, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới.

*Mặt khác, quán triệt phương châm "thêm bạn, bớt thù"; chủ động, tích cực mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác phát triển với tất cả các nước vì hòa bình, độc lập và phát triển; nhận thức đúng vai trò, vị trí của từng đối tác, để lựa chọn phương cách và thế ứng xử phù hợp, hiệu quả trong hoạt động đối ngoại.*

Trên cơ sở nhận thức sâu sắc tình hình đất nước và bối cảnh quốc tế, Đại hội VI của Đảng chủ trương tăng cường kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới; sử dụng tốt mọi khả năng mở rộng quan hệ thương mại, hợp tác kinh tế và khoa học, kỹ thuật với các nước.


Digitized by Google

Hội nghị Trung ương 8, khóa VI, (tháng 3-1990), coi việc mở rộng quan hệ đối ngoại theo phương châm "thêm bạn, bớt thù" là một trong những nhiệm vụ cấp bách và quán triệt không để các vấn đề cục bộ, tạm thời, thứ yếu cản trở việc thực hiện nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam.

Đến Đại hội VII (tháng 6-1991), tư duy của Đảng ta về quan hệ quốc tế tiếp tục được đổi mới. Đó là việc nhận thức trong đời sống chính trị - kinh tế quốc tế, quan hệ giữa các quốc gia, dân tộc, bên cạnh lợi ích mang tính giai cấp, mang tính ý thức hệ còn có những lợi ích mang tính phổ biến, tính toàn cầu và, trong một thế giới mà sự phụ thuộc lẫn nhau ngày càng chặt chẽ thì nhu cầu cần có sự phối hợp, hợp tác giữa các nước để giải quyết những vấn đề quốc tế là một nhu cầu khách quan đối với tất cả các quốc gia. Trong điều kiện như vậy, tư duy xác định "bạn, thù" trên cơ sở tiêu chí ý thức hệ đơn thuần không còn phù hợp nữa, mà đòi hỏi phải mềm dẻo và linh hoạt hơn. Đại hội VII chủ trương: Hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị - xã hội khác nhau, trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình, với phương châm "Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển". Hội nghị Trung ương 3, khóa VII (6-1992), đã nhấn mạnh việc mở rộng, đa dạng hóa và đa phương hóa quan hệ đối ngoại cả về chính trị, kinh tế, văn hóa và khoa học - kỹ thuật, cả về Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân, các tổ chức phi chính phủ, trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi; bảo vệ, phát triển kinh tế, giữ gìn và phát huy những truyền thống và bản sắc tốt đẹp của nền văn hóa dân tộc; mở rộng cửa để tiếp thu vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý của nước ngoài; tiếp cận thị trường thế giới, nhưng phải bảo đảm an ninh quốc gia, bảo vệ tài nguyên, môi trường; hạn chế đến mức tối thiểu những mặt tiêu cực phát sinh trong quá trình mở cửa.

Đại hội VIII của Đảng (tháng 6-1996) xác định rõ hơn quan điểm đối ngoại với các đối tác cụ thể như: tăng cường quan hệ với các nước láng giềng và các nước trong tổ chức ASEAN; củng cố quan hệ với các nước bạn bè truyền thống; coi trọng quan hệ với các nước phát triển và các trung tâm kinh tế - chính trị thế giới; đoàn kết với các nước đang phát triển, với phong trào không liên kết; tham gia tích cực và đóng góp cho hoạt động của các tổ chức quốc tế, các diễn đàn quốc tế.

Trên cơ sở "thế" và "lực" của đất nước sau 15 năm đổi mới, Đại hội IX của Đảng chủ trương: "Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển". Trong khi khẳng định nhất quán quan điểm tích cực, chủ động hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế, Đại hội IX cũng xác định thứ tự các mối quan hệ ưu tiên trong chiến lược đối ngoại: Coi trọng và phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa và các nước láng giềng; nâng cao hiệu quả và chất lượng hợp tác với các nước ASEAN; tiếp tục mở rộng quan hệ với các nước bạn bè truyền thống, các nước độc lập dân tộc, các nước đang phát triển, các nước trong Phong trào Không liên kết; các nước phát triển và các tổ chức quốc tế; tích cực tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu; ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới bảo vệ hòa bình, chống nguy cơ chiến tranh và chạy đua vũ trang; góp phần xây dựng trật tự chính trị, kinh tế quốc tế dân chủ, công bằng.

Như vậy, sự khẳng định chủ trương mở rộng quan hệ hợp tác song phương, đa phương với cộng đồng quốc tế được nêu rõ trong các văn kiện được thông qua các kỳ đại hội Đảng, là hoàn toàn phù hợp với tư tưởng Hồ Chí Minh về chính sách đối ngoại của Nhà nước Việt Nam mới: "Làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai" đã được Người nêu ra từ năm 1947.

*Đồng thời, phải quán triệt quan điểm độc lập, tự chủ, dựa vào sức mình là chính để mở rộng*


Digitized by Google

*quan hệ đối ngoại, đa dạng hóa, đa phương hóa mang lại hiệu quả cao, bền vững và không làm phương hại đến chủ quyền quốc gia, bản sắc văn hóa dân tộc, "hội nhập mà không hòa tan", mở cửa nhưng không đánh mất mình, độc lập nhưng không đóng cửa biệt lập với hành trình phát triển của nhân loại.*

Thấm nhuần và quán triệt quan điểm độc lập tự chủ, tự lực, tự cường gắn liền với đoàn kết, hợp tác quốc tế trong tư tưởng Hồ Chí Minh về đối ngoại, các văn kiện, nghị quyết của Đảng, kể từ Đại hội lần thứ VI, đều khẳng định sức mạnh quyết định cho thành công của sự nghiệp đổi mới là ở dân tộc ta, nhân dân ta. Sức mạnh ấy bắt nguồn từ trí tuệ, ý chí của con người Việt Nam và tiềm năng của đất nước. Tuy nhiên, trong thời đại ngày nay, không một quốc gia nào tự khép kín, cô lập mình với thế giới mà phát triển được. Đặc biệt là với Việt Nam, một nước đang phát triển, nền kinh tế lạc hậu thì càng cần phải tranh thủ nguồn lực bên ngoài, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu của công cuộc đổi mới. Hội nghị Trung ương 4, khóa VIII (tháng 12-1997), đề ra chủ trương: Trên cơ sở phát huy nội lực, thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách thu hút các nguồn lực bên ngoài. Trong Văn kiện Đại hội IX của Đảng (tháng 4-2001), lần đầu tiên Đảng ta đã làm rõ thuật ngữ xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ trong bối cảnh toàn cầu hóa, khu vực hóa: Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, trước hết là độc lập tự chủ về đường lối, chính sách, đồng thời có tiềm lực kinh tế đủ mạnh. Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ phải đi đôi với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại, kết hợp nội lực với ngoại lực thành nguồn lực tổng hợp để phát triển đất nước. Ngày 27-11-2001, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 07-NQ/TW *Về hội nhập kinh tế quốc tế*, yêu cầu tiếp tục quán triệt chủ trương đã được xác định tại Đại hội IX. Yêu cầu đó là chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập, tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường.

Việc vận dụng sáng tạo quan điểm của Hồ Chí Minh về coi trọng xây dựng thực lực mọi mặt của đất nước trong quá trình hợp tác với bên ngoài đã tạo nền tảng cho quá trình hội nhập kinh tế quốc tế trong thời gian qua đạt hiệu quả cao.

Thực tế cho thấy, qua hơn 17 năm thực hiện công cuộc đổi mới đất nước, đường lối đối ngoại dựa trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh đã đem lại những thành công to lớn cho hoạt động đối ngoại: Phát triển qua kênh đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) với 71 nước và vùng lãnh thổ; bình thường hóa quan hệ với các tổ chức tài chính - tiền tệ quốc tế, như Ngân hàng thế giới (WB), Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF); Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB); gia nhập Hiệp hội Đông Nam Á (ASEAN) và Khu vực Mậu dịch tự do ASEAN (AFTA); tham gia sáng lập Diễn đàn Á - Âu (ASEM); trở thành thành viên của Diễn đàn Hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC); trở thành quan sát viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và đang tiến hành đàm phán để gia nhập tổ chức này; ký Hiệp định khung về hợp tác kinh tế với Liên minh châu Âu (EU); ký Hiệp định Thương mại song phương Việt Nam - Hoa Kỳ... Đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam, tính từ năm 1988 đến tháng 6-2003 gồm 4 883 dự án, với tổng số vốn đăng ký 43 497 triệu USD, trong đó vốn đầu tư thực hiện là 26 892 triệu USD [7]. Nhìn tổng quát, thành tựu hoạt động đối ngoại thời kỳ đổi mới đã góp phần phá được thế bị bao vây, cấm vận, mở rộng được quan hệ song phương và đa phương với các nước và các tổ chức quốc tế, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế; thu hút một khối lượng khá lớn vốn đầu tư bên ngoài cùng nhiều công nghệ và kinh nghiệm quản lý tiên tiến; góp phần đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, tạo bước phát triển mới cho nền kinh tế đất nước. Thế và lực của Việt Nam được nâng cao trên trường quốc tế. ❑

(7) Tạp chí *Lý luận chính trị*, số 1-2004, tr 52 - 53

# NHIỆM VỤ CỦA BÁO CHÍ TRƯỚC YÊU CẦU MỚI CỦA ĐẤT NƯỚC

**HỒNG VINH** *

THỪA hưởng truyền thống tốt đẹp của nền báo chí cách mạng, lại được sống trong bầu sinh khí mới của công cuộc đổi mới, báo chí nước ta trong thời gian qua đã có bước trưởng thành và phát triển về nhiều mặt. Nội dung thông tin đa dạng và phong phú hơn trước, ngày càng làm tốt hơn vai trò là tiếng nói của Đảng, Nhà nước, đồng thời là diễn đàn tin cậy của nhân dân. Nhân dịp tròn 50 năm ngày thành lập Hội Nhà báo Việt Nam (6-1950 - 6-2000), Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đã tặng Hội Nhà báo Việt Nam, bức trướng với dòng chữ vàng: *Báo chí cách mạng Việt Nam trung thành, đoàn kết, trí tuệ, đổi mới vì sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.*

Chúng ta không thể hình dung được, nếu sự nghiệp đổi mới thiếu sự tham gia của đội ngũ các nhà báo, càng không thể hình dung sự phát triển của đời sống chính trị, văn hóa tinh thần xã hội, nâng cao dân trí khi không có vai trò của báo chí. Đặc biệt, đất nước ta đang bước vào thời kỳ phát triển mới, đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước thì càng cần thiết phải có sự tham gia và tham gia tích cực của báo chí.

Báo chí khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng; đường lối của Đảng thể hiện sự vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cách mạng nước ta; khẳng định những thành tựu to lớn của sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước; sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng. Báo chí góp phần tổng kết thực tiễn, làm sáng tỏ những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cũng như đường lối đổi mới của Đảng, chính sách đổi mới của Nhà nước ta.

Các cơ quan, báo, đài ở trung ương và địa phương đã tổ chức thực hiện tốt các đợt tuyên truyền triển khai Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, phản ánh sinh động các phong trào hành động cách mạng trong cả nước như: "Xóa đói giảm nghèo", "Toàn dân thi đua làm kinh tế giỏi", "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", "Cả nước hướng về Trường Sa", "Tháng thanh niên"... Báo chí đã có hàng loạt bài phản bác luận điệu sai trái, phản động của các thế lực thù địch về cái gọi là Việt Nam vi phạm "nhân quyền", "tự do tôn giáo", "tự do báo chí"...

Trước những sự kiện có tính đột xuất như dịch SARS, cúm gà..., báo chí thông tin nhanh, đúng định hướng, góp phần nâng cao nhận thức, vận động toàn dân phòng dịch, đồng thời biểu dương gương tận tụy vì người bệnh,

* Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Chủ tịch Hội Nhà báo Việt Nam



Digitized by Google

tinh thần dũng cảm trong khi làm nhiệm vụ của cán bộ y tế; coi trọng việc thông tin kết quả cũng như kinh nghiệm phòng chống dịch của các ngành, các cấp và địa phương. Báo chí đã triển khai kịp thời công tác tuyên truyền phục vụ bầu cử Hội đồng nhân dân 3 cấp nhiệm kỳ 2004 - 2009, giúp người dân nhận thức sâu sắc về vai trò, trách nhiệm công dân, tham gia bầu cử, tổ chức vận động bầu cử đúng pháp luật, bảo đảm dân chủ, làm cho ngày bầu cử thực sự là ngày hội của toàn dân. Báo chí đã phản ánh đậm nét công tác chuẩn bị các hoạt động kỷ niệm 50 năm chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, những thành tựu của Đảng bộ và nhân dân Điện Biên, Lai Châu và vùng Tây Bắc đạt được trong những năm đổi mới.

Báo chí bám sát nội dung các nghị quyết Hội nghị Trung ương 3, Trung ương 5 về kinh tế, với tinh thần "Phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt"; biểu dương và cổ vũ mạnh mẽ tinh thần lao động sáng tạo, ý thức làm chủ khoa học - kỹ thuật, việc áp dụng các quy trình công nghệ tăng năng suất lao động, tiết kiệm, đẩy nhanh tiến trình xây dựng với chất lượng cao các công trình trọng điểm của đất nước.

Nhiều báo, đài có chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về văn hóa - xã hội gắn với sự phát triển kinh tế, kết quả đổi mới, xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở và thực hiện các chính sách xã hội; cổ vũ mạnh mẽ chương trình "xóa đói, giảm nghèo", xóa nhà tạm, tặng nhà tình nghĩa, phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn, giải quyết việc làm.

Khối tạp chí cố gắng phản ánh nội dung nghiên cứu, tuyên truyền những sự kiện lớn của đất nước; những vấn đề lý luận và thực tiễn trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhất là cuộc đấu tranh chống "diễn biến hòa bình", vạch trần các quan điểm sai trái, xuyên tạc phản động của các thế lực thù địch. Với chức năng chuyên sâu, các tạp chí đã có nhiều bài nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn góp phần tuyên truyền sâu đậm nội dung Nghị quyết Trung ương 5, khóa VIII; Nghị quyết Trung ương 5, Trung ương 6, Trung ương 7, Trung ương 8 (khóa IX); chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa theo tinh thần Chỉ thị số 23 CT/TW của Ban Bí thư và Chỉ thị số 18 CT/TW ngày 24-1-2003; cố gắng tham gia tổng kết thực tiễn chỉ ra những bài học kinh nghiệm, những giải pháp, dự báo mang tính lý luận góp phần phục vụ việc hoàn thiện các chủ trương, chính sách...

Nắm vững các quan điểm và định hướng lớn trong hoạt động báo chí theo tinh thần Chỉ thị số 22-CT/TW của Bộ Chính trị khóa VIII và Thông tri số 01-TT/TW của Ban Bí thư khóa IX, từ năm 1997 đến nay, trên các số báo đã bớt đi nhiều thông tin giật gân, câu khách, hạn chế bài, ảnh trái với thuần phong, mỹ tục, tập quán, truyền thống văn hóa của dân tộc, thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của tờ báo.

Nhìn chung các báo của đảng bộ địa phương vừa qua có nhiều khởi sắc cả về nội dung và hình thức. Cùng với việc tuyên truyền những sự kiện chính trị, kinh tế, xã hội thường xuyên và đột xuất của đất nước, các báo, đài còn tập trung tuyên truyền phản ánh hoạt động của địa phương mình về triển khai nghị quyết của Đảng, chính sách của Nhà nước, những bất cập nảy sinh trong quá trình thực hiện; kinh nghiệm công tác xây dựng Đảng; tình hình sản xuất, kinh doanh trên địa bàn...

Về lãnh đạo quản lý báo chí, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương đã phối hợp với Bộ Văn hóa - Thông tin cùng các cơ quan có liên quan, tiếp tục tổng kết thực tiễn, góp phần nghiên cứu xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, chế độ, chính sách, kịp thời giải quyết những vướng mắc trong quản lý, góp phần bảo đảm tính chính trị, nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội của hoạt động báo chí. Đã tham mưu cho Ban Bí thư


Digitized by Google

ra Thông báo ý kiến chỉ đạo về công tác giao ban báo chí, về hoạt động và trách nhiệm của các cơ quan chủ quản báo chí - xuất bản.

Bộ Văn hóa - Thông tin đã ban hành Quy chế Phỏng vấn báo chí, dự thảo Quy chế hoạt động của phóng viên trong các đại hội, hội nghị và các buổi lễ lớn... Đình bản tạm thời, ngừng xuất bản đối với một vài tạp chí có những sai phạm cũng như xử lý nghiêm với những ấn phẩm xuất bản không có giấy phép. Thu hồi một số phụ san có nội dung thông tin không có lợi cho quan hệ đối ngoại. Phê bình nhắc nhở một số trường hợp và yêu cầu cải chính, kiểm điểm về nội dung thông tin không chính xác; quyết định thu hồi một số Thẻ Nhà báo của phóng viên vi phạm Luật Báo chí.

Nhìn tổng thể, *hoạt động báo chí trong thời gian qua có nhiều khởi sắc cả về hình thức và chất lượng thông tin. Trình độ nghiệp vụ và chính trị của đội ngũ cán bộ tham gia hoạt động báo chí đã nâng lên rõ rệt. Nhiều cơ quan báo, đài đã tham gia tích cực hơn trong bảo vệ cái đúng, phê phán cái sai, mở rộng diện thông tin đến vùng sâu, vùng xa, coi trọng hơn việc thông tin đến người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Một số công trình khoa học nghiên cứu về hoạt động báo chí đã được xuất bản.*

Đạt được những thành tựu nêu trên là nhờ sự quan tâm lãnh đạo thường xuyên của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, của các cơ quan chủ quản; sự quan tâm theo dõi, ủng hộ và phê bình của toàn xã hội cùng với cố gắng rất lớn của đội ngũ cán bộ, phóng viên báo chí. Mặt khác, cơ quan chỉ đạo, quản lý tư tưởng - văn hóa ở trung ương và các tỉnh, thành phố đã thể hiện rõ hơn vai trò làm tham mưu cho cấp ủy trong chỉ đạo, quản lý hoạt động báo chí, có cố gắng hơn trong việc thực hiện chế độ thanh tra, kiểm tra thường xuyên và đột xuất về nội dung và kinh tế, tài chính của các đơn vị báo chí có những biểu hiện vi phạm pháp luật, kiên quyết xử lý kỷ luật những đơn vị mắc sai phạm kéo dài, hoặc phát hành những ấn phẩm có nội dung sai trái.

Tuy nhiên, *hoạt động của báo chí nước ta trong thời gian qua vẫn còn những yếu kém, khuyết điểm,* có vấn đề mới nảy sinh, có khuyết điểm kéo dài chậm được sửa chữa, gây bức xúc trong xã hội, ảnh hưởng tới chất lượng công tác và uy tín của báo chí.

Nét nổi bật là khuynh hướng xa rời tôn chỉ mục đích, chạy theo thị hiếu của một bộ phận độc giả để bán được nhiều báo, thu nhiều lãi, coi báo chí như mọi hàng hóa thông thường. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến việc thông tin sai sự thật, giật gân câu khách, hoặc phản ánh sai bản chất sự việc. Nội dung tuyên truyền có lúc còn một chiều, nặng về phản ánh tình hình, đôi khi còn để mặt tiêu cực chi phối đời sống dư luận, nêu các điển hình tiên tiến chưa được đậm nét. Công tác cổ động nhiều khi còn chung chung, chưa được sâu rộng đến cơ sở. Khả năng dự báo tình hình, kiến nghị và đề xuất các giải pháp khả thi hiệu quả chưa cao. Tính tích cực của báo chí trong đấu tranh với các thế lực thù địch, cơ hội, bất mãn còn hạn chế. Thông tin có lúc không chính xác, còn sơ hở, lộ bí mật...; nhiều khi còn đưa tin tình hình quốc tế theo quan điểm báo chí nước ngoài không phù hợp với ta. Một bộ phận cán bộ làm báo không thường xuyên rèn luyện, trau dồi nâng cao đạo đức nghề nghiệp, do đó đã có biểu hiện thoái hóa biến chất. Công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ chưa đáp ứng yêu cầu phát triển mạnh mẽ của báo chí, của khoa học - công nghệ thông tin, đặc biệt sự phát triển của công nghệ tin học, truyền hình và công nghệ in; chưa có giáo trình chuẩn, mô hình đào tạo chưa phù hợp thực tế... Công tác chỉ đạo, quản lý báo chí nhìn chung chưa theo kịp đà phát triển của thực tiễn. Chưa kiên quyết khắc phục các xu hướng "thương mại hóa", xa rời tôn chỉ, mục đích và các biểu hiện tiêu cực khác trong hoạt động báo chí. Vai trò của


Digitized by Google

Hội Nhà báo trong việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho phóng viên báo chí còn mờ nhạt... Năng lực lãnh đạo và quản lý của các cấp ủy, các cơ quan chủ quản và cơ quan báo chí còn nhiều điều bất cập, nhất là quản lý báo chí điện tử, công tác quy hoạch báo chí...

*

* *

Trong những năm tới, tình hình chính trị thế giới và khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp. Xu thế toàn cầu hóa tiếp tục mở rộng, cuộc cạnh tranh kinh tế trên thế giới ngày càng gay gắt. Nước ta đang đứng trước nhiều sức ép lớn khi đã đến gần thời hạn phải thực hiện đầy đủ cam kết AFTA và lộ trình gia nhập WTO. Các thế lực phản động quốc tế đẩy mạnh chiến lược "diễn biến hòa bình" kết hợp với gây bạo loạn, lật đổ, mưu đồ thực hiện "tự diễn biến", lợi dụng các vấn đề "dân chủ", "nhân quyền", "dân tộc", "tôn giáo" để cản trở sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta.

Ở trong nước, quá trình đẩy nhanh nhịp độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, với nhiều dự án, công trình được triển khai, tốc độ đô thị hóa càng nhanh hơn. Từ đó nảy sinh nhiều phức tạp mới trong quản lý đất đai, giải phóng mặt bằng, thực hiện tái định cư, giải quyết việc làm, bảo đảm chính sách xã hội, bảo vệ môi trường và giải quyết các tệ nạn xã hội.

Bởi vậy, hơn bao giờ hết, báo chí nước nhà tiếp tục quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội IX, Nghị quyết Trung ương 5, khóa IX, về "Nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới", Nghị quyết Trung ương 9, khóa IX, về chủ trương, chính sách và giải pháp lớn nhằm thực hiện thắng lợi toàn diện Nghị quyết Đại hội IX và các nghị quyết khác của Đảng, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống và truyền thống vẻ vang của Đảng, của dân tộc, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam; đề cao tinh thần cảnh giác cách mạng, nâng cao bản lĩnh hội nhập, giao lưu quốc tế; phát huy cao độ sự thống nhất về chính trị và hành động trong Đảng và nhân dân, sự đồng thuận xã hội, cổ vũ tinh thần tự lực, tự cường, năng động sáng tạo, bồi đắp ý chí kiên trì phấn đấu đạt mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Căn cứ nhiệm vụ trọng tâm của đất nước, tình hình trong nước và thế giới và nhiệm vụ của công tác tư tưởng - văn hóa hiện nay, báo chí nước ta cần tập trung vào những nội dung chính sau đây:

1 - Tuyên truyền kịp thời và sâu rộng các sự kiện lớn như hội nghị Trung ương, kỳ họp Quốc hội, góp phần tổ chức thực hiện các nghị quyết của Trung ương khóa IX. Tiếp tục tuyên truyền những nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh; khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng và Bác Hồ, đường lối đổi mới toàn diện do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo; khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta và vị thế Việt Nam trên trường quốc tế; nâng cao tình cảm cách mạng, tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc; củng cố ý chí xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức để đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững trong thời kỳ mới.

2 - Tiếp tục phát hiện, cổ vũ, nhân rộng những điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua yêu nước, động viên mọi tầng lớp nhân dân, mọi thành phần kinh tế, tích cực hưởng ứng các cuộc vận động "Toàn dân thi đua làm kinh tế giỏi, từng nhà làm giàu cho mình, cho cộng đồng và cho đất nước", "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", phong trào "Phát huy sáng kiến, đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng và hiệu quả kinh tế" trong công nghiệp, v.v.. Tuyên truyền đậm nét phong trào chuyển dịch cơ cấu kinh tế của các địa phương


Digitized by Google

trên cơ sở có quy hoạch và kế hoạch... Cổ vũ mạnh mẽ truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy cao độ tinh thần tự lực tự cường, năng động, sáng tạo, vượt qua khó khăn, kiên trì phấn đấu thực hiện thắng lợi mục tiêu kinh tế - xã hội năm 2004.

3 - Tăng cường giáo dục về truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc, về giá trị cao đẹp của nền văn hóa qua hàng nghìn năm lịch sử, về tính thống nhất và đa dạng trong nền văn hóa của các dân tộc Việt Nam, về chính sách đoàn kết tôn giáo của Đảng và Nhà nước theo Nghị quyết của Bộ Chính trị. Qua đó, khơi dậy và phát huy cao độ chủ nghĩa yêu nước, ý thức tự hào, tự tôn dân tộc, tinh thần quật cường không cam chịu tụt hậu, đói nghèo, quyết tâm xây dựng nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020.

4 - Tuyên truyền 10 biện pháp đã nêu trong Kết luận của Hội nghị Trung ương 4 (khóa IX) nhằm tiếp tục thực hiện có hiệu quả Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng; đồng thời đẩy mạnh việc tuyên truyền giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, khơi dậy và thúc đẩy phong trào rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống theo gương Bác Hồ vĩ đại.

5 - Tiếp tục phản ánh, cổ vũ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc theo Nghị quyết Trung ương 7 (khóa IX); kiên quyết phản bác các luận điệu xuyên tạc, vu cáo Đảng và Nhà nước ta. Chủ động tiến công, triển khai có hiệu quả cuộc đấu tranh làm thất bại âm mưu "diễn biến hòa bình" của kẻ địch trên mặt trận tư tưởng - văn hóa. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục về nhiệm vụ xây dựng kinh tế và chủ quyền quốc gia đối với vùng biển đảo.

6 - Tạo bước chuyển mới trong công tác thông tin đối ngoại, làm cho đồng bào ta ở nước ngoài, bạn bè và nhân dân thế giới hiểu rõ hơn về những quan điểm, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước ta; những thành tựu to lớn mà nhân dân ta đạt được; những đóng góp xứng đáng của cách mạng Việt Nam đối với phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và phong trào giải phóng dân tộc, góp sức thúc đẩy cuộc đấu tranh vì hòa bình, phát triển và tiến bộ xã hội trên thế giới; tạo sự đồng tình và tích cực ủng hộ, giúp đỡ của chính phủ và nhân dân các nước đối với Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

7 - Tiếp tục quán triệt sâu sắc và triển khai có hiệu quả Chỉ thị số 22 của Bộ Chính trị (khóa VIII), Thông tri số 01, Thông báo số 33 về Kết luận của Ban Bí thư (khóa IX) tại Hội nghị lãnh đạo các cơ quan chủ quản báo chí - xuất bản. Tăng cường quản lý chỉ đạo, quy hoạch lại hệ thống báo chí, kiên quyết chống các khuynh hướng và biểu hiện tiêu cực; mở rộng thông tin đi liền với kỷ cương, giữ nghiêm định hướng tuyên truyền trong hoạt động báo chí; đề cao trách nhiệm của cơ quan chủ quản theo Thông báo của Thường trực Ban Bí thư. Tăng cường cung cấp thông tin, định hướng kịp thời việc thông tin các sự kiện chính trị, kinh tế... "nhạy cảm".

8 - Tuyên truyền và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 37 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, ngày 18-3-2004, về *Tiếp tục nâng cao vai trò, chất lượng hoạt động của Hội Nhà báo Việt Nam trong thời kỳ mới*. Một trong những nhiệm vụ mang tính chính trị - thời sự đối với báo giới cả nước - đó là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng nhân dịp kỷ niệm 114 năm ngày sinh Bác Hồ và 79 năm Ngày báo chí cách mạng Việt Nam nhằm quán triệt sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về báo chí cách mạng; qua đó nâng cao nhận thức về nhiệm vụ vẻ vang của báo chí, về trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân của người làm báo cách mạng, tạo nên bước chuyển mới về chất trong việc rèn luyện, nâng cao kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp báo chí theo phong cách báo chí Hồ Chí Minh. ❑


Digitized by Google

# TÍNH CHIẾN ĐẤU CỦA BÁO CHÍ CÁCH MẠNG

HÀ ĐĂNG

NHÂN ngày Báo chí cách mạng Việt Nam 21-6 năm nay, chúng ta có dịp ôn lại tư tưởng Hồ Chí Minh về báo chí cách mạng, trong đó, quan điểm của Người về tính chiến đấu của báo chí là một trong những quan điểm lớn, rất cơ bản. Vậy tính chiến đấu của báo chí cách mạng là gì? Và đâu là những đặc trưng và biểu hiện chủ yếu của tính chiến đấu ấy?

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Bác Hồ luôn luôn coi báo chí cách mạng là một bộ phận quan trọng của cuộc chiến đấu cách mạng của Đảng và dân tộc. Cuộc chiến đấu ấy - trải qua các thời kỳ khác nhau, nhất là sau khi đã giành được chính quyền và liên tiếp tiến hành hai cuộc kháng chiến cứu nước, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội - là một cuộc chiến đấu vô cùng gay go, quyết liệt, đòi hỏi sự hy sinh, phấn đấu rất cao của các chiến sỹ cách mạng. Đó là một cuộc chiến đấu toàn diện, diễn ra trên tất cả các mặt trận - quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, ngoại giao, mà báo chí là một mặt trận cụ thể trong mặt trận tư tưởng và văn hóa nói chung. Nói chuyện tại Đại hội lần thứ ba Hội Nhà báo Việt Nam (8-9-1962), Bác Hồ chỉ rõ: "Cán bộ báo chí cũng là chiến sĩ cách mạng. Cây bút, trang giấy là vũ khí sắc bén của họ" (1). Trong điện mừng Hội nhà báo Á - Phi (24-4-1965), Bác Hồ viết: "Đối với những người viết báo chúng ta, cái bút là vũ khí sắc bén, bài báo là tờ hịch cách mạng để động viên quần chúng đoàn kết đấu tranh..." (2).

Về tính chiến đấu của báo chí cách mạng, tại Đại hội lần thứ II Hội Nhà báo Việt Nam tháng 4-1959, Bác Hồ chỉ rõ: "Báo chí chúng ta cần phải phục vụ nhân dân lao động, phục vụ chủ nghĩa xã hội, phục vụ cho đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà, cho hòa bình thế giới. Chính vì thế cho nên tất cả những người làm báo (người viết, người in, người sửa bài, người phát hành...) phải có lập trường chính trị vững chắc. Chính trị phải làm chủ. Đường lối chính trị đúng thì những việc khác mới đúng được. Cho nên các báo chí của chúng ta đều phải có đường lối chính trị đúng". Bác nói tiếp: "Báo chí ta không phải để cho một số ít người xem, mà để phục vụ nhân dân, để tuyên truyền giải thích đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ, cho nên phải có *tính chất quần chúng và tinh thần chiến đấu*" (3).

Như vậy, chính bản chất chiến đấu của cách mạng quyết định tính chiến đấu của báo chí cách mạng. Và, đến lượt nó, tính chiến đấu của báo chí cách mạng lại phản ánh và làm sâu sắc thêm bản chất chiến đấu của cách mạng. Một tờ báo không có đường lối chính trị đúng và không có tính chiến đấu cao là một tờ báo không có linh hồn.

Tính chiến đấu của báo chí cách mạng, qua các tác phẩm báo chí và những lời chỉ dạy của Bác Hồ, được đặc trưng và biểu hiện dưới những dạng thức và nội dung chủ yếu như sau:

---

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t 10, tr 616

(2) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 11, tr 441

(3) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 9, tr 414



Digitized by Google

**1 - Lên án mạnh mẽ kẻ thù và thức tỉnh toàn dân tộc đứng lên làm cách mạng**

Kẻ thù lớn nhất của cách mạng nước ta, khi đất nước còn trong vòng nô lệ, là chủ nghĩa thực dân và chế độ thuộc địa của Pháp.

Bằng một loạt bài báo đầu tiên của mình như *Tâm địa thực dân, Đông Dương, Nền văn minh thượng đẳng, Tội ác của chủ nghĩa thực dân, Sự quái đản của công cuộc khai hóa, Vực thẳm thuộc địa*... Nguyễn Ái Quốc đã căn cứ vào những tài liệu và sự việc cụ thể để tố cáo bản chất ăn cướp và giết người của chủ nghĩa thực dân, đế quốc, vạch trần cái gọi là *"khai hóa văn minh"* của chúng. Người viết: "Để che đậy sự xấu xa của chế độ bóc lột giết người, chủ nghĩa tư bản thực dân luôn luôn điểm trang cho cái huy chương mục nát của nó bằng những châm ngôn lý tưởng Bác ái, Bình đẳng.. [4]. Người lên án mạnh mẽ chế độ cai trị hà khắc, sự bóc lột tàn bạo của thực dân Pháp ở Đông Dương trên các lĩnh vực chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, giáo dục, đồng thời bóc trần bộ mặt phản dân hại nước của bọn vua chúa, quan lại đã vì quyền lợi và danh vọng, cá nhân mà chống lại đồng bào. Tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* - một tập hợp các bài báo Người đã viết trước đó - thực sự vừa là cáo trạng, vừa là bản án tử hình đối với chế độ thực dân Pháp ở Đông Dương.

Tố cáo và lên án kẻ thù của cách mạng không chỉ có ý nghĩa ở sự tố cáo và lên án, mà cao hơn nữa là thức tỉnh các dân tộc bị áp bức đứng lên làm cách mạng nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng xã hội, là thôi thúc các tổ chức cách mạng đứng ra nhận lãnh sứ mệnh lãnh đạo cuộc đấu tranh cách mạng ấy. Trong bài báo *Đông Dương*, Người viết: "Đằng sau sự phục tùng tiêu cực, người Đông Dương giấu một cái gì đang sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm, khi thời cơ đến. Bộ phận ưu tú có nhiệm vụ phải thúc đẩy cho thời cơ đó mau đến" [5]. Người chỉ rõ: "Chủ nghĩa tư bản là một con đỉa có một cái vòi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc, và một cái vòi khác bám vào giai cấp vô sản ở các thuộc địa. Nếu người ta muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả hai vòi". Từ đó, Người kêu gọi giai cấp công nhân các nước phương Tây phải đẩy mạnh việc ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của các nước thuộc địa.

Sau này khi cách mạng thành công, hết thực dân Pháp đến đế quốc Mỹ tiến hành chiến tranh xâm lược, nhân dân ta buộc phải cầm súng chống lại chúng. Bác Hồ, dưới nhiều bút danh khác nhau, với hàng loạt bài báo, vừa bóc trần bản chất của các cuộc chiến tranh xâm lược và thủ đoạn của những kẻ cầm đầu vừa làm sáng tỏ cuộc chiến đấu chính nghĩa của nhân dân ta nhằm động viên và cổ vũ sự đồng tình và ủng hộ rộng rãi. Mở đầu *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*, Bác viết: "Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa" [6]. Đến cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, trong *Lời kêu gọi "Không có gì quý hơn độc lập, tự do"* để vạch trần trò bịp bợm "hòa bình đàm phán của Giôn-xơn", Bác viết: "Này, Tổng thống Giôn-xơn, ngươi hãy công khai trả lời trước nhân dân Mỹ và nhân dân thế giới: Ai đã phá hoại Hiệp định Giơ-ne-vơ, là Hiệp định bảo đảm chủ quyền, độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam? Phải chăng quân đội Việt Nam sang xâm lược nước Hoa Kỳ và giết hại người Hoa Kỳ? Hay là Chính phủ Mỹ đã đem quân đội Hoa Kỳ đến xâm lược nước Việt Nam và giết hại người Việt Nam?" [7].

Trong cả hai cuộc kháng chiến, noi gương Bác Hồ, báo chí nước ta đã mở nhiều chuyên mục, viết nhiều chuyên đề để vạch trần các cuộc chiến tranh xâm lược của địch, tố cáo tội ác chiến tranh của chúng, phát động toàn dân căm thù địch; coi đó như là một vũ khí sắc bén để đánh vào chỗ yếu nhất của địch là nhân tố chính trị và tinh thần.

---

(4) (5) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 1, tr 75, 28

(6) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 4, tr 480

(7) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 12, tr 108


Digitized by Google

**2 - Đề cao chính nghĩa của cuộc chiến đấu. Làm sáng tỏ mục tiêu cách mạng, đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước ta**

Tính chất chiến đấu của báo chí cách mạng còn thể hiện ở việc đề cao chính nghĩa cuộc chiến đấu, làm sáng tỏ mục tiêu của cách mạng, đường lối, chủ trương và chính sách của Đảng và Nhà nước ta nhằm động viên quần chúng tự giác, tự nguyện tham gia cách mạng.

Trong tác phẩm *Đường kách mệnh*, Nguyễn Ái Quốc đã chỉ rõ rằng giải phóng gông cùm nô lệ cho đồng bào là việc to tát, không làm hết sức thì không làm nổi. Người viết: "Mục đích sách này là để nói cho đồng bào ta biết rõ: 1) Vì sao chúng ta muốn sống thì phải cách mệnh. 2) Vì sao cách mệnh là việc chung cả dân chúng chứ không phải việc một hai người. 3) Đem lịch sử cách mệnh các nước làm gương cho chúng ta soi. 4) Đem phong trào thế giới nói cho đồng bào ta rõ. 5) Ai là bạn ta? Ai là thù ta? 6) Cách mệnh thì phải làm thế nào?" (8).

Kêu gọi Tổng khởi nghĩa, Người viết: "Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta" (9).

Cách mạng Tháng Tám thành công, Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa thành lập, trong *Tuyên ngôn Độc lập*, Người viết: "Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!" (10).

Mở đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, trong *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*, Người viết: "Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ" (11).

Thời kỳ kháng chiến chống đế quốc Mỹ, trong *Lời kêu gọi* ngày 17-7-1966, Bác nói: "Giôn-xơn và bè lũ phải biết rằng: chúng có thể đưa 50 vạn quân, 1 triệu quân hoặc nhiều hơn nữa để đẩy mạnh chiến tranh xâm lược ở miền Nam Việt Nam. Chúng có thể dùng hàng nghìn máy bay, tăng cường đánh phá miền Bắc. Nhưng chúng quyết không thể lay chuyển được chí khí sắt đá, quyết tâm chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam anh hùng. Chúng càng hung hăng thì tội của chúng càng thêm nặng. Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! *Không có gì quý hơn độc lập, tự do.* Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn!" (12).

Những lời phát biểu chính thức trên đây, khi được đăng lên báo chí, đã trở thành những tác phẩm báo chí mẫu mực về tính chiến đấu cao.

Sức mạnh của chính nghĩa, trong điều kiện Đảng cầm quyền, có Nhà nước của nhân dân, được thể hiện ngay trong đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước. Đường lối, chủ trương, chính sách càng đúng, càng đi nhanh vào cuộc sống và càng tạo ra sức mạnh vật chất to lớn. Bác Hồ rất coi trọng việc giải thích cho quần chúng hiểu rõ được những chủ trương và chính sách mới để nhân dân thực hiện. Kêu gọi nhân dân học tập văn hóa, xóa bỏ nạn mù chữ, Bác nói: "Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu". Mở cuộc vận động *Đời sống mới*, Bác chỉ rõ: Đời sống mới là Cần, Kiệm, Liêm, Chính. Đời sống mới không phải cái gì cũ cũng bỏ hết, không phải cái gì cũng làm mới. Cái gì cũ mà xấu thì phải bỏ. Cái gì cũ mà không xấu, nhưng phiền phức thì phải sửa đổi lại cho hợp lý. Cái gì cũ mà *tốt* thì phải phát triển thêm. Cái gì *mới* mà hay thì ta phải làm... Trong *Di chúc*, Người căn dặn lại nhân dân ta: *Cuộc kháng chiến chống Mỹ* có thể sẽ kéo dài mấy năm nữa. Đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của,

(8) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 2, tr 261 - 262
(9) (10) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 3, tr 554, 557
(11) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 4, tr 480
(12) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 12, tr 108


Digitized by Google

nhiều người. Dù sao, chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn.

*Còn non, còn nước, còn người,*
*Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay!*

Học tập Bác Hồ, báo chí chúng ta đã coi việc tuyên truyền sâu rộng và có tính thuyết phục đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước là một nhiệm vụ chính trị chủ yếu, là một biểu hiện tính chiến đấu của báo chí.

**3 - Biểu dương cái đúng, cái tốt, cái mới; phê phán cái sai, cái xấu, cái lạc hậu**

Xây dựng xã hội mới, cuộc sống mới là một cuộc chiến đấu vẻ vang, tuy không nhất thiết phải đổ máu nhưng lại vô cùng gian khổ và phức tạp. Nó cũng đòi hỏi sự hy sinh phấn đấu không kém gì trong chiến tranh. Xã hội mới là tốt đẹp, nhưng con đường để xây dựng cho được xã hội ấy - xã hội xã hội chủ nghĩa hiện thực, tuyệt nhiên không chỉ là con đường đầy hoa thơm quả ngọt. Trong cuộc chiến đấu để xây dựng xã hội mới ấy, cái mới và cái cũ, cái tốt và cái xấu, cái đúng và cái sai, luôn luôn đan xen nhau, đấu tranh và chế ngự lẫn nhau, nhưng cuối cùng, thắng lợi phải thuộc về cái mới, cái tốt và cái đúng. Trong cuộc đấu tranh ấy, những nhân tố tích cực, điển hình tiên tiến không ngừng nảy nở và phát triển, nhưng những nhân tố tiêu cực, những lực cản cũng không ngừng xuất hiện.

Tính chiến đấu của báo chí cách mạng phải thể hiện mạnh mẽ trong việc biểu dương các nhân tố tích cực, biểu dương cái đúng, cái tốt, cái mới, nhằm nhân rộng thành phong trào; đồng thời, cũng phải phê phán mạnh mẽ các nhân tố tiêu cực, phê phán cái sai, cái xấu và cái lạc hậu, nhằm đẩy lùi, thu hẹp và khắc phục chúng. Xây và chống luôn luôn là hai mặt của một vấn đề. Phải lấy xây để chống, chống để xây, trong đó xây dựng là cái cơ bản nhất.

Bác Hồ nói: Muốn có chủ nghĩa xã hội, phải có con người xã hội chủ nghĩa. Bác phát động phong trào thi đua trong toàn dân, trong tất cả các ngành, các giới. Bác cổ vũ các gương "người tốt, việc tốt". Bác căn dặn báo chí phải tham gia vào việc biểu dương và cổ vũ các phong trào thi đua, các gương "người tốt, việc tốt" ấy. Nói chuyện với một số cán bộ Ban Tuyên huấn Trung ương Đảng, đầu tháng 6-1968, về việc xuất bản loại sách "người tốt, việc tốt", Bác Hồ nói: "Các chú vẫn thường nói: nhân dân ta rất anh hùng, ra ngõ gặp anh hùng. Điều đó rất đúng. Có thể nói trong mỗi nhà đều có anh hùng, như thế ra ngõ mới gặp anh hùng chứ!". Người cho rằng, những người làm nên sự tích oanh liệt được Đảng và Nhà nước tuyên dương là những bông hoa rất đẹp trong vườn hoa chung của dân tộc. Nhưng dù sao, số người và những tập thể được công nhận là anh hùng, dũng sĩ, chiến sĩ thi đua, được tặng huân chương, huy chương vẫn là số ít so với hàng triệu, hàng chục triệu con người hằng ngày góp gió thành bão, đang gánh vác mọi việc nước, việc nhà để đánh thắng giặc Mỹ và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cho nên Bác nghĩ cần có những phần thưởng để khuyến khích, động viên, cổ vũ mọi người làm tròn nhiệm vụ. Phần thưởng ấy, như chúng ta đã biết, là Huy hiệu Bác Hồ.

Biểu dương đi đôi với phê phán là một động lực của sự phát triển .

Trong bài *Đạo đức cách mạng*, Bác viết: "Làm cách mạng để cải tạo xã hội cũ thành xã hội mới là một sự nghiệp rất vẻ vang, nhưng nó cũng là một nhiệm vụ rất nặng nề, một cuộc đấu tranh rất phức tạp, lâu dài, gian khổ. Sức có mạnh mới gánh được nặng, đi được xa. Người cách mạng phải có *đạo đức cách mạng* làm nền tảng mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang". Bác phê phán mạnh mẽ chủ nghĩa cá nhân, coi đó "là một thứ rất gian giảo, xảo quyệt, nó khéo dỗ dành người ta đi xuống dốc. Mà ai cũng biết rằng xuống dốc thì dễ hơn là lên dốc".

Trong bài *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân*, một lần nữa, Bác chỉ ra rằng những người mang nặng chủ nghĩa cá nhân thì việc gì cũng nghĩ đến lợi ích riêng của mình trước hết. Họ không lo "mình vì mọi người " mà chỉ muốn "mọi người vì mình". Do cá nhân chủ nghĩa mà ngại gian khổ, khó khăn, sa vào tham ô,


Digitized by Google

hủ hóa, lãng phí, xa hoa. Họ tham danh, trục lợi, thích địa vị, quyền hành. Họ tự cao, tự đại, coi thường tập thể, xem khinh quần chúng, độc đoán, chuyên quyền, họ xa rời quần chúng, xa rời thực tế, mắc bệnh quan liêu, mệnh lệnh... Cũng do chủ nghĩa cá nhân mà mất đoàn kết, thiếu tính tổ chức, tính kỷ luật, kém tinh thần trách nhiệm, không chấp hành đúng chính sách của Đảng và Nhà nước, làm hại đến lợi ích của cách mạng, của nhân dân. Từ sự phân tích đó, Bác nêu lên mối quan hệ giữa việc nâng cao đạo đức cách mạng với việc quét sạch chủ nghĩa cá nhân: "Mỗi cán bộ, đảng viên phải đặt lợi ích của cách mạng, của Đảng, của nhân dân lên trên hết, trước hết. Phải kiên quyết quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng, bồi dưỡng tư tưởng tập thể, tinh thần đoàn kết, tính tổ chức và kỷ luật,...".

Học tập và tuân theo lời dạy của Bác Hồ, báo chí của chúng ta thường xuyên nêu lên trang báo và trên các làn sóng phát thanh và truyền hình các tấm gương về các anh hùng, chiến sĩ thi đua, "người tốt, việc tốt". Trong kháng chiến cũng như trong hòa bình xây dựng, nhiều phong trào thi đua đã ghi đậm dấu ấn sâu sắc trên báo chí, trước đây như các phong trào Đại Phong, Duyên Hải, Ba Nhất, Thanh niên ba sẵn sàng, Phụ nữ ba đảm đang và ngày nay là các phong trào cánh đồng 50 triệu đồng/ha, phong trào xóa đói giảm nghèo, phong trào thanh niên lập thân, lập nghiệp, phong trào phụ nữ giỏi việc nước, đảm việc nhà, phong trào toàn dân đoàn kết, xây dựng đời sống văn hóa... Đồng thời báo chí cũng phê phán mạnh mẽ những hiện tượng tiêu cực, những sai lầm khuyết điểm cả trong xây dựng Đảng và trong quản lý kinh tế, xã hội. Tệ tham nhũng, lãng phí, quan liêu đang là một nguy cơ lớn. Nó làm xói mòn phẩm chất đạo đức của cán bộ và công chức, gây hư hỏng trong bộ máy lãnh đạo và quản lý, làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Cuộc vận động tự phê bình và phê bình, thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, nhằm mục tiêu xây dựng Đảng ta vững mạnh về tư tưởng chính trị, về phẩm chất đạo đức và cả về phong cách công tác, đặc biệt chú trọng đến việc chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, đến nay đã thu được những kết quả bước đầu tích cực. Đó là nhờ sự cố gắng chung, trong đó có sự đóng góp của báo chí nước ta. Trên báo chí, cuộc đấu tranh này được tiến hành đồng thời với cuộc đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực trong xã hội, chống buôn lậu, gian lận trong kinh doanh, chống mại dâm, ma túy và các tệ nạn khác. Đã xuất hiện nhiều bài báo viết sâu sắc, có nhiều giá trị phát hiện; có những ngòi bút tỏ ra sắc sảo, thể hiện tính chiến đấu cao của người cầm bút. Tuy vậy, không phải không có hiện tượng tiêu cực, đứng ngoài cuộc đấu tranh hoặc hăng hái đấu tranh nhưng thông tin không chính xác, gây khó khăn cho quá trình điều tra và xét xử, nhất là đối với một số vụ án phức tạp. Cũng đã có những nhà báo bị gục ngã.

**4 - Đấu tranh chống các quan điểm sai trái và các hoạt động chống phá của các thế lực thù địch**

Sự nghiệp cách mạng càng tiến lên, các thế lực thù địch bên ngoài và bên trong càng tìm cách chống lại, tập trung chĩa mũi nhọn vào sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước, vào đường lối, chủ trương và chính sách của ta.

Khi Bác Hồ nói cán bộ báo chí cũng là chiến sĩ cách mạng, cây bút, trang giấy là vũ khí của họ, Người không chỉ nói đến việc báo chí phải tham gia vào cuộc đấu tranh cách mạng, phải tuyên truyền và giáo dục đường lối, chủ trương của Đảng cho nhân dân, mà còn nói đến việc báo chí phải góp sức bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, chống lại các hoạt động chống phá của các thế lực thù địch. Chính trên lĩnh vực này báo chí thể hiện rõ rệt nhất tính chiến đấu của mình.

Nguyễn Ái Quốc từ lúc mới bắt đầu tham gia cách mạng, đã cùng các nhà sáng lập Đảng Cộng sản Pháp thông qua báo chí và các diễn đàn khác, đấu tranh chống lại các khuynh hướng của chủ nghĩa cải lương, đưa Đảng vào con đường cách mạng chân chính của Quốc tế Cộng sản. Người phê phán báo chí của Đảng thời đó ít chú ý đến phong trào đấu tranh của nhân dân các nước thuộc địa.


Digitized by Google

Trong quá trình xây dựng Đảng, Bác Hồ và các nhà lãnh đạo khác của Đảng ta đã kiên quyết đấu tranh chống lại các khuynh hướng "tả" và "hữu" khuynh trong Đảng, xác lập đường lối chính trị đúng đắn. Thông qua *Chánh cương vắn tắt và Sách lược vắn tắt* của Bác Hồ và *Luận cương năm 1930* do đồng chí Trần Phú khởi thảo, Đảng ta đã hoạch định con đường đấu tranh giải phóng dân tộc, làm cách mạng thổ địa, tiến lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa. Tác phẩm báo chí *Tự chỉ trích* của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ là một mẫu mực về tinh thần tự phê bình và phê bình trong Đảng. *Đề cương văn hóa Việt Nam* của Tổng Bí thư Trường Chinh là sự mẫu mực về tinh thần đấu tranh chống lại các quan điểm sai lầm trong văn hóa cũ và đề ra đường lối văn hóa mới Việt Nam: dân tộc, khoa học, đại chúng. Trong Cách mạng Tháng Tám, trong kháng chiến và trong xây dựng hòa bình sau này, những cuộc đấu tranh về chính trị và tư tưởng để bảo vệ cái đúng; chống lại cái sai, nhất là chống lại luận điệu thù địch không ngừng diễn ra. Trong cuộc đấu tranh này, báo chí cách mạng nước ta đã có những đóng góp tích cực.

Thành tựu đổi mới là to lớn và có ý nghĩa rất quan trọng. Song con đường đổi mới cũng đã vấp phải các lực cản. Báo cáo của Bộ Chính trị trình Hội nghị Trung ương 3, khóa VIII, chỉ rõ: "Để chống phá cách mạng Việt Nam, các lực lượng chống đối, thù địch đã sử dụng nhiều hình thức và phương tiện khác nhau nhằm thực hiện "diễn biến hòa bình" và bạo loạn lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa. Cùng với việc phá hoại trên các phương tiện khác, chúng rất quan tâm đến mặt trận tư tưởng - văn hóa. Mũi nhọn quan trọng và thâm độc nhất mà chúng tiến hành trên mặt trận này là tiến công vào nền tảng tư tưởng, Cương lĩnh của Đảng, Hiến pháp năm 1992 để phủ định chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chế độ xã hội chủ nghĩa và sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, chia rẽ nội bộ Đảng, chia rẽ Đảng với nhân dân". Bộ Chính trị cũng nhận định rằng, đấu tranh chống "diễn biến hòa bình" nói chung và trên mặt trận tư tưởng - văn hóa nói riêng, đấu tranh để bảo vệ nền tảng tư tưởng, Cương lĩnh và đường lối của Đảng, chống lại các luận điểm sai trái và thù địch là cuộc đấu tranh quan trọng, quyết liệt và lâu dài.

Mấy năm nay, tham gia vào cuộc đấu tranh này, báo chí nước ta, nhất là báo chí của Đảng và các đoàn thể, chẳng những đã có đóng góp tích cực mà còn rèn luyện được cho mình một phong cách viết các bài tranh luận và bút chiến có giá trị nâng cao thêm tính chiến đấu của báo chí.

Có người băn khoăn rằng, trong khi chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng giao lưu về văn hóa, khoa học và công nghệ, liệu chúng ta có quá cường điệu cuộc đấu tranh chống "diễn biến hòa bình" và chống các luận điệu sai trái, chống đối không?

Sự thật thì chúng ta không cường điệu mà ngược lại chính các thế lực thù địch đã điên cuồng chống lại chúng ta. Sự thật là, các thế lực đó đã không ngừng dùng các chiêu bài dân chủ và nhân quyền, dân tộc và tôn giáo để can thiệp vào công việc nội bộ của chúng ta. Họ đã thò bàn tay hiểm độc vào những cuộc gây rối trật tự an ninh ở nơi này hay nơi khác. Sự thật là, một số phần tử cơ hội về chính trị và chống đối đã tiếp tay cho các thế lực bên ngoài. Vì vậy, báo chí cách mạng và các nhà báo của chúng ta không bao giờ được mất cảnh giác.

*

* *

Nâng cao chất lượng và hiệu quả của báo chí là nhiệm vụ chung của báo chí chúng ta hiện nay. Trong đó nâng cao tính chiến đấu của báo chí là một nhiệm vụ cụ thể nhưng có ý nghĩa rất quan trọng, bởi tính chiến đấu vừa là cái thần, vừa là cái sắc của báo chí. Để làm được điều đó, mỗi cơ quan báo chí, mỗi người làm báo đều nâng cao nhận thức về tính chiến đấu của báo chí cách mạng, đồng thời không ngừng rèn luyện nghiệp vụ báo chí và tổ chức tốt các cuộc vận động tuyên truyền giáo dục và đấu tranh trên báo chí như các nghị quyết của Trung ương đã chỉ rõ. ❑


Digitized by Google

# Báo chí cách mạng đi con đường của V.I. Lê-nin

HÀ KHANH

V.I.LÊ-NIN- nhà lý luận thiên tài, nhà báo cách mạng vĩ đại và là người lãnh đạo kiệt xuất của giai cấp công nhân và nhân dân lao động thế giới. Tư tưởng của Người mãi mãi soi sáng trên con đường chúng ta đi tới dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Một trong những nội dung của tư tưởng ấy là *hệ thống quan điểm về báo chí cách mạng.*

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng và trực tiếp làm báo của V.I. Lê-nin, chúng ta thấy Người đã vận dụng và phát triển xuất sắc tư tưởng của C. Mác và Ph. Ăng-ghen về báo chí cách mạng trong thời đại đế quốc chủ nghĩa. Báo chí nằm trong tay ai, phản ánh những quyền lợi nào và phản ánh như thế nào, có lợi cho ai, là những vấn đề hết sức hệ trọng. Vì vậy, ngay khi thành lập Quốc tế I, C. Mác và Ph. Ăng-ghen đã đề ra nhiệm vụ: *phải lập tờ báo cộng sản.* Tờ báo đó phải là đại biểu cho lợi ích của giai cấp vô sản, là phương tiện tuyên truyền, cổ động mạnh mẽ, là cơ quan ngôn luận cách mạng có tính chiến đấu sắc bén của Đảng. Phát triển tinh thần đó của C. Mác và Ph. Ăng-ghen, khi đề cập nhiệm vụ của báo chí cách mạng, V.I. Lê-nin đã yêu cầu: *tờ báo không những chỉ là người tuyên truyền tập thể và cổ động tập thể, mà còn là người tổ chức tập thể;* kiên quyết đấu tranh để thoát khỏi sự khống chế tư tưởng thô bạo và nô dịch của chủ nghĩa tư bản, phục vụ lợi ích của nhân dân lao động và thực hiện bằng được trong thực tế lý tưởng của chủ nghĩa xã hội.

Báo chí thuộc lĩnh vực hoạt động ý thức của con người, vì thế không thể không mang tính khuynh hướng chính trị khác nhau. Báo chí thuộc giai cấp nào thì chỉ phản ánh tư tưởng, tình cảm, nguyện vọng của giai cấp ấy. V.I. Lê-nin vạch ra rằng: báo chí tư sản phục vụ lợi ích của giai cấp tư sản và bọn phản động, dùng thủ đoạn để nói dối, bịa đặt, bóp méo sự thật nhằm bôi nhọ giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các lực lượng cách mạng chân chính, các lực lượng dân chủ và tiến bộ, để làm suy yếu các lực lượng này trong cuộc đấu tranh vì hòa bình, tiến bộ xã hội. Còn bản chất của báo chí vô sản là phục vụ giai cấp công nhân và nhân dân lao động, phục vụ hòa bình hữu nghị và hạnh phúc của các dân tộc trên thế giới, nâng cao giác ngộ trong nhân dân, tạo ra một phong trào quần chúng mạnh mẽ, đấu tranh xây dựng xã hội mới tiến bộ. Báo chí vô sản có những thuộc tính mà nhờ đó có thể phát huy cao độ bản chất cách mạng, sức mạnh và hiệu lực của nó. Những thuộc tính đó là: tính đảng, tính chân thật, tính tư tưởng, tính lý luận và tính chiến đấu; trong đó, *biểu hiện tập trung nhất của báo chí vô sản là tính đảng.*

Trong cuộc đấu tranh không khoan nhượng với chế độ tư bản chủ nghĩa, C.Mác và Ph.Ăng-ghen coi *nguyên lý tính đảng chân chính là yêu cầu chủ yếu phải giữ vững của báo chí vô sản.* Luận chiến với những người theo phái dân chủ tiểu tư sản Các Xen-ghen ở Đức, năm 1842, Ph.Ăng-ghen cho đăng trên báo"Đức-Bỉ" bài "Những người Cộng sản và Các Xen-ghen" trình bày nhiệm vụ đặt ra trước báo chí của Đảng. Ph.Ăng-ghen nhấn mạnh: *Báo chí đó cần phải bảo vệ và giải thích rõ yêu cầu của Đảng, thể hiện sâu sắc những ý kiến, quan điểm của*



Digitized by Google

*Đảng. Đồng thời, báo chí phải đấu tranh với kẻ thù của Đảng, bác bỏ ý kiến và tham vọng của chúng.* Phát triển luận điểm đó, về sau V.I. Lê-nin vạch rõ, *báo chí phải trở thành một bộ phận khăng khít của công tác tổ chức, có kế hoạch, thống nhất của Đảng*... Tất cả các sách báo của Đảng - kể cả các cơ quan trung ương và địa phương - phải phục tùng Đại hội Đảng thông qua sự lãnh đạo của cấp ủy. Mang tính đảng cộng sản, báo chí phản ánh tình hình và sự kiện một cách trung thực, đúng với bản chất, với quy luật và quá trình phát triển khách quan; thấy rõ những thuận lợi và khó khăn, những cái đã làm được và chưa làm được; phân tích sâu sắc các loại nguyên nhân để cho Đảng và quần chúng có cái nhìn đúng đắn về bước tiến của cách mạng, động viên quần chúng vươn lên, khắc phục mọi khó khăn, thử thách, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Trong bài báo "Tổ chức của Đảng và văn học đảng", V.I. Lê-nin khẳng định: "Sự nghiệp văn học phải trở thành một *bộ phận* trong sự nghiệp của toàn thể giai cấp vô sản, phải thành "một cái bánh xe nhỏ và một cái đinh ốc" trong một bộ máy dân chủ - xã hội vĩ đại, thống nhất, do toàn đội tiên phong giác ngộ của toàn bộ giai cấp công nhân điều khiển. Sự nghiệp văn học phải thành một bộ phận khăng khít của công tác tổ chức, có kế hoạch, thống nhất của Đảng dân chủ - xã hội"(1). Cả báo chí và văn học nghệ thuật đều phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng. Mối quan hệ đó được thể hiện và thực hiện cả về mặt tư tưởng và tổ chức. Sự thống nhất của hai mặt đó trong quá trình hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng sẽ bảo đảm cho báo chí hoạt động đúng hướng.

Chính V.I. Lê-nin trong suốt thời kỳ hoạt động cách mạng và trực tiếp làm báo đã góp phần tích cực vào việc thể hiện và thực hiện nguyên tắc tính đảng của báo chí. Người đòi hỏi *báo chí vô sản phải có một tính đảng thẳng thắn, trung thực, công khai và triệt để.* Điều đó thể hiện trong việc báo chí phải tự giác và kiên quyết đứng trên lập trường của giai cấp công nhân, trở thành tiếng nói thể hiện quyền lợi của mọi tầng lớp nhân dân, đồng thời chịu sự lãnh đạo và tuyên truyền, tổ chức thực hiện đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản.

Từ trong di sản của V.I. Lê-nin về báo chí cách mạng, *người sáng tư tưởng tự do báo chí.* Trong thư gửi G. Mi-a Xni-cốp, V.I. Lê-nin viết: "Tự do báo chí"... Hay lắm! Nhưng... hãy xem đó là thứ tự do báo chí nào? Để *làm gì?* Cho *giai cấp nào?*"(2). Trong xã hội tư sản, "tự do báo chí" tức là tự do cho bọn giàu có dùng mỗi ngày hàng triệu bản báo để lừa bịp, làm đồi trụy và phỉnh phờ một cách có hệ thống và không ngừng những quần chúng nhân dân bị bóc lột, bị áp bức, những người nghèo khổ. Đó là thứ "quyền tự do cho bọn nhà giàu mua chuộc báo chí, tự do cho chúng dùng tiền để tạo ra và giả mạo cái gọi là dư luận xã hội"(3). Thực chất, đó là thứ tự do báo chí cho thiểu số bóc lột, tự do lệ thuộc vào tiền của giai cấp tư sản, tự do giả dối và lừa bịp mà giai cấp tư sản đưa ra lôi kéo bọn hám danh, hám lợi để tự họ trở thành những tên bồi bút cho bọn chủ báo. "Tự do báo chí" của chúng chẳng có gì khác hơn là tự do tuyên truyền mọi thứ có lợi cho chúng, tự do truyền bá những tư tưởng phản động nhất, đồi bại nhất, truyền bá chủ nghĩa ngu dân và bênh vực cho bọn bóc lột.

Cho đến nay, ở các nước tư bản, báo chí vẫn nằm trong tay một số ít công ty tư bản độc quyền, có thế lực nhằm bảo vệ đến cùng quyền lợi của giai cấp tư sản. Ai trả tiền, người ấy thổi còi - đó là bản chất của tự do trong chủ nghĩa tư bản. Cho dù tờ báo hay tạp chí ấy là của tư nhân, nhưng không thể viết gì cũng được. Mục đích cao nhất của các ông chủ là lợi nhuận, vì thế mọi việc đưa tin đều phải hướng tới lợi nhuận từ những nhà tư bản đang nắm trong tay quyền lực kinh tế và chính trị. Từ lâu, giai cấp công nhân và những người xã hội chủ nghĩa ở khắp các nước trên thế giới đã lên tiếng hàng triệu lần rằng: "thứ "tự do báo chí" của bọn tư bản kếch sù là điều lừa bịp, chừng nào những nhà in tốt nhất và những kho giấy to nhất còn nằm trong tay bọn

---

(1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, t 12,tr 123

(2) V.I. Lê-nin: *Sđd*, t 44, tr 95 - 96

(3) V.I. Lê-nin: *Sđd*, t 37, tr 604


Digitized by Google

tư bản và chừng nào còn tồn tại quyền lực của giai cấp tư bản đối với báo chí"(4).

Khi Nhà nước Xô-viết non trẻ vừa mới ra đời, bộ máy tuyên truyền của giai cấp tư sản đã không từ một thủ đoạn nào để bóp chết nó. V.I. Lê-nin đã nhiều lần cảnh tỉnh những người cộng sản rằng: "Tự do báo chí" của giai cấp tư sản là tự do tổ chức chính trị chống lại Nhà nước Xô-viết. V.I. Lê-nin nhấn mạnh: "giai cấp tư sản quốc tế sẽ mua chuộc ngay lập tức hàng trăm và hàng nghìn nhà văn dân chủ - lập hiến, xã hội chủ nghĩa - cách mạng và men-sê-vích, có nghĩa là tổ chức sự tuyên truyền và cuộc đấu tranh của chúng chống lại chúng ta"(5). Đó là thứ "tự do báo chí" nhằm làm tăng cường lực lượng của giai cấp tư sản thế giới, phản công lại giai cấp vô sản, chống lại Nhà nước Xô-viết non trẻ lúc đó. V.I. Lê-nin nhắc nhở những người cộng sản phải tỉnh táo trước cái bánh vẽ "tự do báo chí" của bọn nhà giàu đã chiếm đoạt báo chí, mua chuộc báo chí ở khắp mọi nơi, trong tất cả các nước, kể cả những nước từng tự hào là tự do nhất. Và, cho đến ngày nay, giai cấp tư sản đó vẫn chưa chết, vẫn còn sống, "nó ở cạnh chúng ta và đang rình chúng ta", tự do báo chí sẽ trở thành một vũ khí trong tay bọn tư bản, phản động chống lại giai cấp vô sản.

Sau khi giành được chính quyền giai cấp vô sản có điều kiện thuận lợi để *phát huy vai trò của báo chí vô sản trong sự nghiệp cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới*. Trong *Đề cương về tuyên truyền sản xuất* (dự thảo), V.I. Lê-nin đã chỉ rõ: công tác tuyên truyền sản xuất lại cần phải đặt lên hàng đầu, phải được tăng cường và phải được củng cố về mặt tổ chức, làm cho tờ báo trở thành một cơ quan chiến đấu. Theo V.I. Lê-nin, sứ mệnh quan trọng của báo chí trong suốt thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội là phải tổ chức, cổ động, tuyên truyền cho nhân tố mới. Người nhấn mạnh: "Hãy bớt những nghị luận kiểu trí thức đi. Hãy gần gũi đời sống hơn nữa. Hãy chú ý nhiều hơn nữa xem trong công việc thường ngày của họ, quần chúng công nông đang *thực tế* sáng tạo *cái mới* như thế nào. Hãy *kiểm nghiệm kỹ* hơn xem cái mới đó có tính chất *cộng sản* đến mức độ nào"(6). Trong tác phẩm *Sáng kiến vĩ đại*, sau khi phê phán báo chí chưa quan tâm đầy đủ đến những mặt quan trọng nhất của sự nghiệp kiến thiết chủ nghĩa xã hội, V.I. Lê-nin yêu cầu cần phải nghiên cứu cẩn thận những mầm non của cái mới, hết sức chú ý đến chúng, giúp bằng đủ mọi cách cho chúng trưởng thành và "chăm sóc" những mầm non còn yếu đó. Trong số những mầm non ấy, có một số nào đó sẽ không tránh khỏi bị tiêu vong, vì theo Người: "... những tàn dư của quá khứ, trong một thời gian nào đó sau cách mạng, tất nhiên vẫn còn thắng những mầm non của cái mới. Trong lúc cái mới vừa nảy sinh ra, thì cái cũ, trong một thời gian nào đó, vẫn còn cứ mạnh hơn cái mới; trong giới tự nhiên cũng như trong đời sống xã hội, đều luôn luôn có hiện tượng như thế"(7). Chỗ dựa của cái mới chính là dư luận xã hội thông qua báo chí, thông qua người làm báo có dũng khí, có lòng can đảm *phát hiện và bảo vệ những mầm non của cái mới*.

Bên cạnh ủng hộ và cổ vũ cho nhân tố mới, V.I. Lê-nin yêu cầu báo chí phải là phương tiện thứ nhất và chủ yếu để nâng cao kỷ luật tự giác của những người lao động và để thoát khỏi lối làm việc "cổ xưa" "chây lười" trong chủ nghĩa tư bản. V.I. Lê-nin đòi hỏi: "Báo chí phải vạch ra những khuyết điểm trong đời sống kinh tế của mỗi công xã lao động, phê phán một cách thẳng tay những khuyết điểm đó, công khai vạch trần tất cả những ung nhọt trong đời sống kinh tế của chúng ta và do đó dựa vào dư luận xã hội của quần chúng lao động để chữa những ung nhọt đó"(8). Người khuyên báo chí hãy bớt "huyên thuyên về chính trị" để "nói thêm về kinh tế". Nhưng, không nên nói theo kiểu những nghị luận "chung chung", "nói bằng một giọng hành chính quan liêu", mà báo chí phải đi sâu vào cuộc sống lao động của quần chúng công nông, giới thiệu tỷ mỷ những thành công của các đơn vị kinh tế kiểu mẫu, nghiên cứu những nguyên nhân thành

(4) V.I. Lê-nin: *Sđd*, t 37, tr 603
(5) V.I. Lê-nin: *Sđd*, t 44, tr 97
(6) V.I. Lê-nin: *Sđd*, t 37, tr 109
(7) V.I. Lê-nin: *Sđd*, t 39, tr 23
(8) V.I. Lê-nin: *Sđd*, t 36, tr 181, 182


Digitized by Google

công, những phương pháp làm việc và quản lý của họ; mặt khác, phải đưa lên "bảng đen" những đơn vị kinh tế lạc hậu để quần chúng so sánh những kết quả thiết thực của việc quản lý kinh tế ở những đơn vị kinh tế khác nhau. Khi việc tổ chức lao động trở thành "vấn đề chủ yếu nhất, căn bản nhất và nóng hổi nhất của toàn bộ đời sống xã hội", thì theo V.I. Lê-nin, vấn đề nâng cao kỷ luật tự giác của người lao động, thực hành tiết kiệm, chống xa hoa, lãng phí phải là "đại bộ phận những bài vở đăng trên báo chí"; mặt khác, báo chí vẫn tạo ra một cuộc chiến tranh thật sự, thẳng tay và chân chính cách mạng chống lại những kẻ đại biểu cụ thể cho những hành vi xấu xa... Chỉ có như vậy, mới có thể xây dựng và phát triển những thành quả bước đầu của chủ nghĩa xã hội.

Trong quá trình đấu tranh cách mạng và xây dựng chủ nghĩa xã hội, V.I. Lê-nin rất *coi trọng đội ngũ những người viết báo.* Vấn đề này đã được C. Mác và Ph. Ăng-ghen - những người sáng lập ra báo chí cách mạng - đặc biệt quan tâm. Hai ông cho rằng, những nhà báo cách mạng phải có kiến thức sâu rộng, lý luận khoa học, chính xác, có tư tưởng rõ ràng, phong cách tốt. Những người làm báo của Đảng phải là những chiến sĩ cách mạng, tự nguyện khép mình vào đội ngũ những chiến sĩ hết lòng, hết dạ phục vụ sự nghiệp của giai cấp công nhân. Mỗi người làm báo phải có kiến thức rộng và sâu về lý luận, phải có một số tài năng nhất định về văn học. Đồng thời, hai ông cũng chỉ ra rằng, những phẩm chất đó chưa đủ để làm việc có kết quả tốt, mà người làm báo cách mạng phải biết gắn mình với cuộc sống, hiểu biết cuộc sống một cách sâu sắc, chính xác và phải được trải qua thử thách đức tính chân thật và kiên định với bản lĩnh chính trị vững vàng. Kế tục và thấu suốt tinh thần xây dựng và phát triển đội ngũ các nhà báo cách mạng của C. Mác và Ph. Ăng-ghen, khi đề cập đến phẩm chất hàng đầu của người làm báo, V.I. Lê-nin nhấn mạnh: *Tất cả các cơ quan báo chí của Đảng phải do những người cộng sản đáng tin cậy đã tỏ rõ lòng trung thành đối với sự nghiệp của cách mạng vô sản biên soạn.* Ngoài đội ngũ những người "biên soạn" báo chí chuyên nghiệp, V.I. Lê-nin đặc biệt coi trọng sự tham gia tích cực và thường xuyên của đông đảo nhân dân vào các hoạt động báo chí. Người nói: "cơ quan báo sẽ sinh động, đầy sinh lực, khi nào cứ 5 nhà văn lãnh đạo và thường xuyên viết sách báo thì lại có năm trăm và năm nghìn nhân viên công tác không phải là nhà văn"(9). Sự tham gia của quần chúng nhân dân làm cho báo chí thực sự trở thành diễn đàn dân chủ để người dân phát biểu tâm tư, tình cảm của mình, trực tiếp đóng góp ý kiến vào việc hoạch định đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Quần chúng cũng chính là đội ngũ cộng tác viên đông đảo, cung cấp thông tin, trực tiếp làm ra sản phẩm báo chí. V.I. Lê-nin yêu cầu những người viết báo (kể cả chuyên nghiệp và cộng tác viên) phải biết dùng báo chí làm công cụ để xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Thực tế cho thấy, *nếu lãng quên hoặc xa rời những di huấn của V.I. Lê-nin sẽ phải trả ngay một giá đắt.* Cuộc "động đất chính trị" ở Liên Xô trước đây có nguyên nhân bắt đầu từ những phát súng lệnh "công khai", "dân chủ", "không có vùng cấm"... được hàng ngàn tờ báo (chính thức và không chính thức) của Liên Xô với sự "tung hứng", "tiếp sức" của cả một rừng báo chí phương Tây, ồ ạt bôi nhọ lịch sử, bôi nhọ Đảng và Nhà nước Xô-viết, ca ngợi xã hội theo kiểu Mỹ, tung ra một hệ thống thông tin méo mó, thiên lệch, thiếu khách quan, tạo ra những "vụ nổ dây chuyền" trong ý thức hệ con người, làm mục ruỗng chỗ dựa tinh thần từ bên trong cốt tủy, từ bên dưới nền móng và cuối cùng lật nhào cả Liên bang Xô-viết - một cường quốc hùng mạnh đã từng tồn tại trong suốt ba phần tư thế kỷ.

Trung thành với những nguyên lý của V.I. Lê-nin, Đảng ta và Bác Hồ hết sức *coi trọng vai trò của báo chí trong cuộc đấu tranh cách mạng và xây dựng đất nước.* Bác căn dặn: "Cán bộ báo chí cũng là chiến sĩ cách mạng. Cây bút, trang giấy là vũ khí sắc bén...", "ngòi bút của các bạn cũng là vũ khí sắc bén trong sự nghiệp phò chính, trừ tà", "cho nên phải có

(9) V.I. Lê-nin: *Sđd.* t 9, tr 131


Digitized by Google

*tính chất quần chúng và tinh thần chiến đấu*"[10]. Theo tư tưởng đó của Người, Đảng ta yêu cầu báo chí phải là đội quân xung kích, góp phần tăng cường sự nhất trí về tư tưởng, sự thống nhất về chính trị và tinh thần trong nhân dân, thúc đẩy mạnh mẽ phong trào cách mạng trong cả nước. Nhiệm vụ đó đòi hỏi báo chí phải không ngừng nâng cao chất lượng chính trị, văn hóa, khoa học, công nghệ, nghề nghiệp, từng bước hiện đại hóa. Làm được như vậy, báo chí cách mạng nước ta mới có khả năng vươn lên ngang tầm thời đại, thật sự xứng đáng là đội quân tiên phong trong giai đoạn phát triển mới của sự nghiệp cách mạng.

Trong những năm qua, cùng với sự nghiệp đổi mới, *báo chí nước ta đã phát triển nhanh chóng cả về số lượng, chất lượng và đội ngũ* những người làm báo. Đến nay, chúng ta đã có hơn 500 tờ báo và tạp chí với gần 12 000 nhà báo chuyên nghiệp và hàng vạn người viết nghiệp dư đã và đang có những đóng góp to lớn trong đời sống tinh thần của xã hội, trong công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế, tăng cường an ninh và quốc phòng của đất nước.

Tuy nhiên, bên cạnh mặt tích cực đó, thời gian qua báo chí nước ta vẫn còn không ít *những thiếu sót, khuyết điểm.* Một bộ phận báo chí bị khuynh hướng thương mại hóa và cơ chế thị trường chi phối chạy theo thị hiếu tầm thường, đăng tải những chuyện giật gân, tình dục, bạo lực, mê tín dị đoan hoặc những chuyện vụn vặt. Một số báo, tạp chí, nhất là các số phụ, số chuyên đề xa rời tôn chỉ, mục đích và đối tượng phục vụ, nhất là đối với công nhân, nông dân; tính chiến đấu và định hướng chưa rõ nét. Coi nhẹ việc biểu dương, cổ vũ người tốt việc tốt, những nhân tố mới trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Có trường hợp phủ nhận truyền thống và thành tựu cách mạng, xa rời định hướng xã hội chủ nghĩa, làm lộ bí mật quốc gia, coi nhẹ công tác đấu tranh tư tưởng, đấu tranh lý luận hoặc chịu ảnh hưởng luận điệu chiến tranh tâm lý của các thế lực thù địch, khai thác tin tức, tư liệu, bài vở báo chí nước ngoài thiếu chọn lọc. Có những vụ việc thông tin thiếu chính xác, thiếu khách quan, gây nhiễu thông tin, vi phạm đạo đức nghề nghiệp làm ảnh hưởng tới uy tín đội ngũ các nhà báo. Có tình trạng để cho tư nhân chi phối một số hoạt động báo chí. Một số người làm báo bị ảnh hưởng bởi quan niệm không đúng về "tự do báo chí", về vị trí, chức năng của người làm báo...

Những thiếu sót nêu trên có nhiều nguyên nhân, nhưng *nguyên nhân cơ bản nhất* vẫn là do một bộ phận các nhà báo còn non yếu về trình độ, bản lĩnh chính trị và phẩm chất "người chiến sĩ" trên mặt trận tư tưởng. Trước thực tế bức xúc đó, Chỉ thị số 37-CT/TW, ngày 18-3-2004, của Ban Bí thư *Về tiếp tục nâng cao vai trò, chất lượng của Hội Nhà báo Việt Nam trong thời kỳ mới* nhấn mạnh: "Hội Nhà báo các cấp cần thường xuyên tổ chức cho các nhà báo - hội viên nghiên cứu, quán triệt sâu sắc lý luận chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tích cực, chủ động bằng nhiều hình thức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, nghiệp vụ, kỹ năng làm báo cho các hội viên, xây dựng đội ngũ những người làm báo Việt Nam ngang tầm đòi hỏi của nhiệm vụ cách mạng"[11]. Do đó, trở lại với tư tưởng V.I. Lê-nin về báo chí cách mạng theo tinh thần Chỉ thị của Ban Bí thư trong điều kiện hiện nay là hết sức cần thiết, giúp chúng ta củng cố lập trường tư tưởng, chính trị vững chắc, nâng cao đạo đức nghề nghiệp, nhìn nhận đúng đắn hoạt động của báo chí trong tình hình mới, đập tan mọi luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, bảo vệ và phát huy bản sắc, truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc, tăng cường ổn định chính trị, tạo ra bầu không khí dân chủ, cởi mở trong xã hội, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Đối với mỗi người làm báo chúng ta, việc làm có ý nghĩa thiết thực nhất trong dịp kỷ niệm "Ngày Báo chí cách mạng Việt Nam" là nghiên cứu lại một cách có hệ thống tư tưởng của V.I. Lê-nin về báo chí cách mạng. Nó không chỉ tạo cho chúng ta niềm tin có cơ sở khoa học mà còn là kim chỉ nam cho mọi hoạt động trong sự nghiệp xây dựng và phát triển báo chí vì sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. ❑

---

(10) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, t 9, tr 414

(11) *Tạp chí Cộng sản*, số 8 (4-2004), tr 4


Digitized by Google

# XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN CỦA DÂN, DO DÂN VÀ VÌ DÂN

LÊ XUÂN LƯU*

CHÚNG ta đang xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân trong hệ thống chính trị của đất nước. Hệ thống chính trị của nước ta bao gồm Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Mỗi thành phần trong hệ thống chính trị có vai trò riêng của mình trong sự nghiệp cách mạng.

Với tư cách là đội tiên phong của giai cấp công nhân, là đại biểu trung thành với lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc, Đảng Cộng sản Việt Nam là chủ thể lãnh đạo toàn bộ quá trình cách mạng Việt Nam. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là bộ máy quyền lực của nhân dân, có chức năng định ra luật pháp và tổ chức quản lý mọi lĩnh vực của đời sống đất nước bằng luật pháp. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tập hợp các tổ chức chính trị của nhân dân, đại diện cho lợi ích và vị trí của từng cộng đồng xã hội khác nhau, tham gia vào công việc bảo vệ lợi ích thiết thực của người lao động và động viên cộng đồng nỗ lực trong cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lấy liên minh công nông với đội ngũ trí thức làm nền tảng và là cơ sở chính trị của chính quyền nhà nước. Giữa các bộ phận của hệ thống chính trị có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với nhau, và mỗi bộ phận có vai trò riêng của mình. Vai trò đó thể hiện ở chức năng của từng bộ phận: Đảng lãnh đạo - Nhà nước quản lý - Nhân dân làm chủ.

Nhân dân là người chủ của đất nước. Nhân dân lập ra bộ máy nhà nước thay mặt mình xây dựng pháp luật và quản lý đất nước thực hiện quyền làm chủ và bảo vệ lợi ích của nhân dân. Vì vậy, Nhà nước ta là nhà nước của dân, do dân và vì dân.

Đảng lãnh đạo là vấn đề cốt tử để Nhà nước có thể thực hiện và phát huy chức năng quản lý xã hội của mình. Đảng không làm thay công việc cụ thể của Nhà nước trong công cuộc quản lý đất nước, quản lý xã hội. Đảng chỉ lãnh đạo Nhà nước và sự lãnh đạo đó được thực hiện thông qua đường lối, cương lĩnh, chiến lược, các định hướng... Sự lãnh đạo của Đảng không hề đối lập với việc tăng cường hiệu quả quản lý của Nhà nước và chính sự lãnh đạo đó là cội nguồn của sức mạnh và hiệu quả hoạt động quản lý của Nhà nước. Và Nhà nước ta cũng chỉ có thể làm được chức năng của mình một khi có mối liên hệ gắn bó với nhân dân, biết dựa vào dân, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân.

Bộ máy của Nhà nước ta gồm có: Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp, Tòa án nhân dân các cấp và Viện kiểm sát nhân dân các cấp. Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất và là cơ quan duy nhất có quyền lập pháp, cử ra cơ quan hành pháp, tư pháp và thực hiện việc giám sát theo đúng pháp luật.

Nhà nước tư sản lấy phân chia quyền lực của ba cơ quan: nghị viện, chính phủ, tòa án - lấy tam

* Trung tướng, Giáo sư


Digitized by Google

quyền phân lập (lập pháp, hành pháp, tư pháp) làm nguyên tắc tổ chức bộ máy nhà nước. Các lý luận gia tư sản hết lời ca tụng nguyên tắc tổ chức này và coi đó là biểu hiện ưu việt của nền dân chủ tư sản... Đây chỉ là điều bịa đặt để lừa mị quần chúng nhân dân vì thực chất cách tổ chức này là lấy quyền lực để hạn chế quyền lực nhằm chống lại quyền lực độc đoán, tùy tiện trong bộ máy nhà nước mà thực chất là để chế ngự lẫn nhau và bảo vệ quyền lợi của những phe cánh khác nhau của giai cấp tư sản trong bộ máy nhà nước.

Quan điểm của chúng ta cho rằng, vấn đề bản chất của Nhà nước là nhà nước của ai, do ai và vì ai. Và từ đó mà lựa chọn cách tổ chức. Nhà nước ta thực hiện sự thống nhất ba quyền: lập pháp, hành pháp và tư pháp, và có sự phân công rành mạch giữa ba quyền đó. Cách tổ chức này bảo đảm cho việc nâng cao tính hiệu quả quản lý, tăng cường pháp quyền, xây dựng một hệ thống hành pháp và quản lý hành chính thông suốt từ trung ương đến cơ sở có đủ năng lực và quyền lực để quản lý có hiệu quả mọi lĩnh vực của đời sống đất nước.

Nhà nước ta được xây dựng trên nguyên tắc tập trung dân chủ. Không nhận thức đúng đắn nguyên tắc này thì không thể xây dựng được Nhà nước ta. Vì vậy, để xây dựng bộ máy nhà nước và quản lý có hiệu quả công cuộc xây dựng xã hội mới cần nhận rõ mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa với kỷ cương, luật pháp xã hội chủ nghĩa. Những yếu tố này chẳng những không loại trừ nhau mà còn làm tiền đề cho nhau hợp thành một chỉnh thể thống nhất và là một tất yếu khách quan của đời sống xã hội.

Không có dân chủ thì không có chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội là chế độ xã hội trong đó người dân làm chủ xã hội, làm chủ đất nước. Quyền làm chủ đó được thực hiện thông qua bộ máy nhà nước do dân cử ra. Vì vậy, bộ máy này phải lấy dân làm gốc, phải biết dựa vào dân, trung thành với lợi ích của nhân dân, biết phát huy trí tuệ của nhân dân, biết tôn trọng và lắng nghe ý kiến của nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân. Dân chủ là bản chất của các mối quan hệ trong xã hội xã hội chủ nghĩa.

Đồng thời, cũng phải thấy rằng, không có kỷ cương, luật pháp thì cũng không có chủ nghĩa xã hội. Không có kỷ cương, luật pháp thì cũng không có nhà nước pháp quyền, không có xã hội ổn định, xã hội trở thành vô chính phủ. Chỉ có dân chủ mà không có luật pháp thì không sao chống được tệ quan liêu cửa quyền, độc đoán, tham nhũng và từ đó làm sao có được nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, và làm sao giải quyết được mối quan hệ giữa nghĩa vụ và quyền lợi, giữa con người với con người, con người với cộng đồng, giữa cấp trên và cấp dưới, giữa lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể, lợi ích xã hội và bảo vệ được tính công bằng xã hội.

Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa phải đi đôi với luật pháp xã hội chủ nghĩa. Xã hội xã hội chủ nghĩa là một xã hội được tổ chức trên cơ sở luật pháp. Pháp luật là cái thể hiện và là cái bảo đảm cho quyền làm chủ của nhân dân lao động và là công cụ để quản lý xã hội. Thiếu pháp luật sẽ không có dân chủ và một xã hội càng dân chủ bao nhiêu thì lại càng phải có luật pháp, kỷ cương và trật tự bấy nhiêu.

Rõ ràng, nguyên tắc tập trung dân chủ định hướng cho sự phát triển của Nhà nước ta và xã hội ta. Nó còn là yếu tố để hình thành nhân cách của con người xã hội chủ nghĩa, hình thành bầu không khí chính trị đạo đức xã hội chủ nghĩa là dân chủ và kỷ luật.

Trong những năm đổi mới vừa qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng và qua rèn luyện trong thực tiễn quản lý sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Nhà nước ta đã trưởng thành về nhiều mặt, đã thể hiện rõ bản chất của một Nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân. Nổi bật nhất là những thành tựu về xây dựng hệ thống pháp luật để quản lý đất nước, về xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhất là dân chủ ở cơ sở. Hoạt động của Nhà nước thể hiện được tư tưởng lấy dân làm gốc, biết dựa vào dân, thực hiện việc dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra. Nhà nước cũng đã tích cực đấu tranh chống các tệ nạn xã hội, xử lý nghiêm minh những vụ việc tiêu cực, tham nhũng.


Digitized by Google

Những thành tựu, những tiến bộ trên đây đã tạo nền tảng cho công tác quản lý đất nước. Nhờ vậy, đất nước được ổn định và về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội có bước phát triển tốt, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt, định hướng xã hội chủ nghĩa được giữ vững. Tuy vậy, vẫn còn hai vấn đề cơ bản sau đây cần được tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng lên một trình độ mới để đáp ứng kịp thời yêu cầu của sự phát triển của cách mạng trong tình hình mới: tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao chất lượng giáo dục và quản lý việc thực hiện pháp luật; chăm lo bồi dưỡng phẩm chất và năng lực của đội ngũ cán bộ, viên chức nhà nước.

1 - Sự nghiệp cách mạng hiện nay đang đòi hỏi một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh để làm cơ sở cho sự thống nhất quản lý của nhà nước và hành vi của công dân. Việc xây dựng luật pháp vừa qua tuy đã có nhiều cố gắng nhưng luật pháp vẫn chưa bao trùm hết các lĩnh vực hoạt động của xã hội.

Cùng với sự phát triển của khoa học và công nghệ, nhiều lĩnh vực của sản xuất, kinh doanh ngày càng được chia nhỏ và toàn cầu hóa đưa lại việc mở rộng giao lưu kinh tế, văn hóa, xã hội thì luật pháp cũng phải được mở rộng để làm cơ sở cho quá trình quản lý xã hội. Hơn thế, sự nghiệp cách mạng không ngừng biến đổi và phát triển. Những biến đổi và phát triển đó cũng đòi hỏi những sửa đổi, bổ sung những quy định của luật pháp đã bị thực tiễn vượt qua. Vì thế, bên cạnh việc tiếp tục xây dựng luật pháp thì sửa đổi, hoàn thiện luật pháp là công việc thường xuyên của Nhà nước. Điều đó đòi hỏi phải xây dựng một đội ngũ cán bộ có phẩm chất và năng lực thường xuyên bám sát đời sống của từng đạo luật đã ban hành trong xã hội, thường xuyên rút kinh nghiệm và đề xuất những sửa đổi, hoàn thiện pháp luật trước những biến đổi của tình hình.

Điều cơ bản nhất trong xây dựng pháp luật là, phải thể hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng, phải hướng vào việc bảo đảm cho việc thực hiện mục tiêu của cách mạng là: độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Để làm được điều đó thì luật pháp phải bảo đảm cho việc chống lại các nguy cơ mà Đảng ta đã xác định: tụt hậu xa hơn về kinh tế, chệch hướng xã hội chủ nghĩa, "diễn biến hòa bình", quan liêu, tham nhũng. Ví dụ: chúng ta đang thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần nhằm phát triển lực lượng sản xuất, phát triển nền sản xuất xã hội, nâng cao đời sống của nhân dân. Nhưng vai trò của các thành phần kinh tế lại khác nhau trong nền kinh tế quốc dân trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân và là lực lượng vật chất, là công cụ để Nhà nước định hướng và điều tiết vĩ mô nền kinh tế quốc dân. Kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể là nền tảng của nền kinh tế quốc dân. Tùy theo từng chặng đường phát triển của cách mạng mà những điều đó phải được thể hiện trong Luật Doanh nghiệp nhà nước, Luật Hợp tác xã. Bỏ quên, xa rời điều đó thì không thể nói tới con đường xã hội chủ nghĩa.

Để luật pháp thực sự là cơ sở pháp lý cho quản lý của Nhà nước và hành vi của công dân thì phải giáo dục rộng rãi luật pháp cho toàn dân. Cần sử dụng có hiệu quả các phương tiện thông tin đại chúng để tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật cho nhân dân. Đặc biệt, cần tùy theo đối tượng mà lựa chọn luật pháp để đưa vào giáo dục trong các nhà trường, các đoàn thể chính trị, các tổ chức xã hội, các đơn vị sản xuất kinh doanh, các sinh hoạt chính trị của nhân dân.

Việc quản lý thực hiện pháp luật phải chặt, xử lý các vi phạm phải nghiêm. Chúng ta không ảo tưởng có thể xây dựng một xã hội hoàn toàn trong sạch, loại trừ hoàn toàn mọi tiêu cực một khi các điều kiện kinh tế - xã hội khách quan với tư cách là nguồn gốc sinh ra tiêu cực còn tồn tại. Tuy nhiên, việc ngăn chặn các tệ nạn xã hội kém hiệu quả lại chính là do thiếu sót chủ quan của bộ máy nhà nước. Đó là do luật pháp chưa đầy đủ, cơ chế có nhiều sơ hở, ngay cả những vấn đề đã có luật pháp nhưng quản lý việc thi hành luật pháp không chặt chẽ và xử lý những vụ vi phạm luật pháp không nghiêm, thậm chí,


Digitized by Google

còn có cả tiêu cực trong việc xử lý các vi phạm luật pháp.

2 - Vấn đề cơ bản nhất để xây dựng một Nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân là phải ra sức xây dựng một đội ngũ cán bộ viên chức nhà nước có đầy đủ phẩm chất và năng lực.

Trong công cuộc xây dựng đất nước, chúng ta đang thực hiện một nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nền kinh tế thị trường chứa đựng cả mặt tích cực và tiêu cực. Kinh tế thị trường thúc đẩy chủ nghĩa cá nhân phát triển, thúc đẩy xu hướng "thương mại hóa" các quan hệ xã hội, thúc đẩy con người chạy theo đồng tiền bằng mọi giá.

Chủ nghĩa cá nhân, như Hồ Chí Minh đã chỉ rõ là "bệnh mẹ" đẻ ra muôn vàn bệnh tật khác. Một khi con người rơi vào chủ nghĩa cá nhân thì đặt lợi ích cá nhân lên trên lợi ích tập thể, cộng đồng, xa rời phẩm chất cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, lâm vào tham ô, hối lộ, xa dân, dối trá, lời nói không đi đôi với việc làm, phá vỡ đoàn kết, phá hoại kỷ cương của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Trong môi trường kinh tế - xã hội hiện nay, chủ nghĩa cá nhân trong hàng ngũ cán bộ, viên chức nhà nước đang có cơ hội phát triển. Tình trạng tham nhũng trong bộ máy Đảng, Nhà nước đang trở nên bức xúc. Tham nhũng đã được Đảng đánh giá là quốc nạn. Nó lại gắn liền với quan liêu cửa quyền, hách dịch, lãng phí... Nhiều hiện tượng sa sút phẩm chất, chạy theo quyền lực bằng mọi cách như xu nịnh, tạo phe cánh để ngoi lên, lừa đảo về bằng cấp, chứng chỉ, thành tích... thậm chí có cả việc đút lót, mua quan bán tước cũng đã diễn ra.

Thực trạng này đang phá hoại nghiêm trọng mối quan hệ máu thịt giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Vì nhân dân gắn bó máu thịt với Đảng không phải chỉ bằng đường lối, chủ trương đúng đắn của Đảng mà bằng cả tấm gương đạo đức, lối sống trong sáng hàng ngày của đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Vấn đề xây dựng đạo đức đang trở thành vấn đề hàng đầu của công cuộc xây dựng bộ máy nhà nước. Trong công cuộc xây dựng này, việc chống chủ nghĩa cá nhân, xây dựng tinh thần tập thể, cộng đồng phải là phương hướng cơ bản của công tác tư tưởng. Chống chủ nghĩa cá nhân không có nghĩa là chà đạp lên cá nhân con người, phủ nhận vai trò to lớn của cá nhân trong đời sống xã hội mà là chống cái ác, cái xấu của chủ nghĩa cá nhân, làm cho cá nhân con người phát triển lành mạnh luôn luôn hành động vì lợi ích của tập thể, của cộng đồng và của bản thân. Phải hết sức coi trọng giáo dục đạo đức nhưng cũng không biến quá trình giáo dục thành một quá trình đạo đức đơn thuần mà đi đôi với giáo dục phải xử lý nghiêm minh mọi sự vi phạm luật pháp của bất cứ ai.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội là một việc làm mới mẻ. Mô hình cũ của chủ nghĩa xã hội đã sụp đổ, mô hình mới đang được khai phá, thử nghiệm và chưa phải mọi vấn đề đã sáng tỏ.

Kẻ thù đang ra sức xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa và đang thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình", gây bạo loạn lật đổ.

Sự phát triển của khoa học và công nghệ đã đưa lại sự xuất hiện kinh tế tri thức và "chính phủ điện tử". Để việc quản lý nền kinh tế tri thức cũng như các lĩnh vực khác của đời sống xã hội trong thời đại ngày nay được nhạy bén, kịp thời và thực sự khoa học thì sự quản lý đó phải được thực hiện với năng lực, trí tuệ cao và phương tiện kỹ thuật hiện đại.

Việc thực hiện nhiệm vụ từng bước phát triển kinh tế tri thức như Đại hội IX của Đảng đã đề ra cũng như việc chống lại các nguy cơ nêu trên, đòi hỏi đội ngũ cán bộ, viên chức nhà nước có một tầm cao về năng lực trí tuệ, phẩm chất tư duy và năng lực nghiệp vụ.

Chúng ta hiểu quản lý một cách khoa học công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước là sự

*(Xem tiếp trang 49)*


Digitized by Google

# Đổi mới tổ chức bộ máy của Đảng gắn với xây dựng đội ngũ cán bộ trước yêu cầu mới

NGUYỄN PHƯƠNG HỒNG*

TRONG suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, nhất là từ khi đổi mới, Đảng ta luôn chăm lo củng cố, tăng cường hệ thống tổ chức bộ máy các cấp của Đảng, bảo đảm cho sự lãnh đạo của Đảng ngày càng phát huy hiệu lực và hiệu quả, góp phần vào thắng lợi của sự nghiệp đổi mới đất nước.

Trong đổi mới xây dựng, kiện toàn tổ chức bộ máy, Đảng đã tiến hành đồng bộ ở tất cả các cấp và các tổ chức của hệ thống chính trị. Đến nay, Đảng ta đã có một đội ngũ cán bộ được rèn luyện, thử thách trong quá trình đấu tranh cách mạng lâu dài, gian khổ. Trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp từ trung ương đến cơ sở tuyệt đại đa số có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu, con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân đã lựa chọn. Họ là những cán bộ năng động, sáng tạo, hăng hái thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước với trình độ, kiến thức và năng lực quản lý kinh tế, quản lý xã hội ngày càng được nâng cao.

Tuy nhiên, thực tế hiện nay cho thấy, sự chỉ đạo các công việc đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy còn chưa thực sự gắn với sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng về xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Việc tự phê bình và phê bình của các cấp ủy, các ban cán sự đảng, đảng đoàn ở các cấp, các ngành được chỉ đạo cụ thể nhưng chưa thực sự kết hợp chặt chẽ với việc thúc đẩy, tạo chuyển biến mạnh về chỉnh đốn, đổi mới bộ máy nhà nước.

Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị được đổi mới, tăng cường là một nhân tố bảo đảm sự thống nhất ý chí và hành động, tạo nên sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị thực hiện thắng lợi đường lối và nhiệm vụ chính trị của Đảng. Báo cáo chính trị tại Đại hội IX của Đảng nhấn mạnh: "Tiếp tục đổi mới công tác cán bộ. Xây dựng đội ngũ cán bộ, trước hết là cán bộ lãnh đạo và quản lý ở các cấp, vững vàng về chính trị, gương mẫu về đạo đức, trong sạch về lối sống, có trí tuệ, kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn, sáng tạo, gắn bó với nhân dân. Có cơ chế và chính sách phát hiện, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; trọng dụng người có đức, có tài. Thực hiện đúng đắn nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đi đôi với phát huy trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác cán bộ. Làm tốt công tác quy hoạch và tạo nguồn cán bộ. Đánh giá, bồi dưỡng, lựa chọn, sử dụng cán bộ trên cơ sở tiêu chuẩn, lấy hiệu quả công tác thực tế và sự tín nhiệm của nhân dân làm thước đo chủ yếu. Đổi mới, trẻ hóa đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý, kết hợp các độ tuổi, bảo đảm tính liên tục, kế thừa và phát triển".

Trong giai đoạn cách mạng mới, số lượng công việc và độ phức tạp tăng lên rất nhiều, đòi hỏi người đứng đầu tổ chức từ trung ương đến cơ sở phải nâng cao chất lượng toàn diện. Trong

* TS. Ban Tổ chức Trung ương


Digitized by Google

thể chế, tiêu chuẩn công tác cán bộ của chúng ta hiện nay có những điểm không còn phù hợp với giai đoạn cách mạng mới, nhưng lại chậm được chuyển đổi, cụ thể hóa, dẫn đến việc tuyển chọn, bố trí người đứng đầu các cấp, các ngành hiện nay ở một số trường hợp còn chưa đạt yêu cầu. Chất lượng của không ít cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu trong hệ thống chính trị từ trung ương đến cơ sở chưa ngang tầm với nhiệm vụ.

Hiện nay, ở các cơ quan trung ương, số cán bộ lãnh đạo quản lý có trình độ đại học và trên đại học là 72,2%; ở cấp tỉnh, thành phố trực thuộc là 55,9%; ở cấp quận, huyện và tương đương có trình độ trung cấp và đại học là 46%. Trong khi yêu cầu kiến thức của người đứng đầu ở các ngành, các cấp hiện nay từ huyện, quận trở lên là phải có trình độ đại học chuyên ngành, trình độ lý luận cao cấp, sử dụng thành thạo tin học và ít nhất là một, ngoại ngữ... mới có thể đảm nhiệm được công việc.

Trong công tác xây dựng hệ thống tổ chức bộ máy các cấp của Đảng, phải đặc biệt coi trọng xây dựng hệ thống cấp ủy, đồng thời với việc kiện toàn hệ thống cơ quan tham mưu giúp việc. Nếu không xây dựng hệ thống cơ quan tham mưu giúp việc tốt không thể đổi mới và nâng cao chất lượng lãnh đạo của các cấp ủy. Trong khi kiện toàn hệ thống các cơ quan tham mưu giúp việc, yếu tố quyết định là phải làm rõ chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, hệ thống quy chế làm việc và xây dựng được đội ngũ cán bộ thực sự có năng lực. Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) đã đề ra mục tiêu: "Phấn đấu đến năm 2005, cán bộ lãnh đạo quản lý từ cấp quận, huyện trở lên ít nhất phải có trình độ đại học về chuyên môn, cao cấp về trình độ lý luận chính trị". Người đứng đầu tổ chức các cấp trong giai đoạn mở cửa hội nhập, thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước cần phổ cập thêm một số kiến thức như: khoa học tổ chức, quản lý kinh tế, quản lý nhà nước, khoa học lãnh đạo, tin học, ngoại ngữ. Các quy định trên phải được Trung ương quy định thống nhất cho cả hệ thống chính trị, tránh để từng cấp xây dựng và vận dụng một cách tùy tiện.

Trong những năm qua, Đảng ta đã đào tạo và bồi dưỡng hàng vạn cán bộ cả về lý luận chính trị, quân sự, về quan điểm, đường lối của Đảng, về quản lý hành chính, quản lý kinh tế, khoa học... Đội ngũ này được rèn luyện, thử thách trong đổi mới và ngày càng phát huy tài năng, sức lực của mình cho sự phát triển của đất nước.

Trong công tác cán bộ, gắn liền với xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) của Đảng, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đã có những chuyển biến tích cực. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn liền với cải cách và hoàn thiện Nhà nước, bảo đảm Nhà nước thực sự trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu lực và có hiệu quả. Những năm đổi mới vừa qua, Nhà nước ta thực hiện nhiều biện pháp về cải cách hành chính, tăng cường pháp chế, phát huy dân chủ, quyết tâm chống quan liêu, tham nhũng và tiêu cực; tăng cường và nâng cao hiệu quả kiểm tra, giám sát của nhân dân đối với các hoạt động của Nhà nước. Các cơ sở đào tạo từ trung ương đến địa phương đã có bước đổi mới quan trọng về nhận thức, mục tiêu, nội dung, kế hoạch đào tạo. Hệ thống trường bồi dưỡng cán bộ được kiện toàn về cơ cấu và tổ chức. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng sát với tình hình thực tế, nhiệm vụ chính trị, phục vụ yêu cầu phát triển của địa phương. Các cấp ủy đã xác định và quan tâm giải quyết đúng mối quan hệ giữa đào tạo, bồi dưỡng và bố trí, sử dụng cán bộ. Nhờ vậy, trình độ kiến thức và năng lực lãnh đạo của đội ngũ cán bộ nói chung ngày càng được nâng cao.

Ở đây, chúng tôi tập trung vào nội dung đổi mới tổ chức bộ máy của Đảng với xây dựng đội ngũ cán bộ ở cơ sở xã, phường, thị trấn.

Cơ sở xã, phường, thị trấn là nơi tuyệt đại bộ phận nhân dân sinh sống và làm việc. Bởi vậy, hệ thống chính trị ở cơ sở có vai trò rất quan trọng trong việc tổ chức và vận động nhân dân


Digitized by Google

thực hiện đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, huy động mọi khả năng để phát triển kinh tế - xã hội, tổ chức cuộc sống của cộng đồng dân cư. Việc phát huy vai trò của hệ thống chính trị ở cơ sở luôn gắn chặt với vai trò của đội ngũ cán bộ cơ sở. Trong những năm qua, đội ngũ cán bộ của các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở nước ta không ngừng trưởng thành về mọi mặt.

Tuy nhiên, hệ thống chính trị và việc xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở hiện nay "còn rất nhiều mặt yếu kém, bất cập trong công tác lãnh đạo và quản lý, tổ chức thực hiện và vận động quần chúng. Tình trạng tham nhũng, quan liêu, mất đoàn kết nội bộ, vừa vi phạm chủ quyền của dân, vừa không giữ đúng kỷ cương, phép nước xảy ra ở nhiều nơi, có những nơi nghiêm trọng. Chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận trong hệ thống chính trị chưa được xác định rành mạch, trách nhiệm không rõ; nội dung và phương thức hoạt động chậm đổi mới, còn nhiều biểu hiện của cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp. Đội ngũ cán bộ cơ sở ít được đào tạo, bồi dưỡng; chính sách đối với cán bộ cơ sở còn chắp vá". Đó chính là những nguyên nhân chủ yếu làm cho hệ thống chính trị ở cơ sở yếu kém.

Cán bộ chính quyền ở cơ sở là bộ phận quan trọng trong đội ngũ cán bộ của hệ thống tổ chức bộ máy chính quyền nước ta. Họ vừa là người đại diện của dân trong quản lý nhà nước, vừa là người trực tiếp lãnh đạo, tổ chức thực hiện quyền hành pháp và quản lý cũng như tiến hành các chương trình kinh tế - xã hội ở địa phương. Phần đông họ giữ được bản lĩnh chính trị vững vàng, có kinh nghiệm trong chỉ đạo và thực hiện các nhiệm vụ chính trị; trình độ học vấn, chuyên môn nghiệp vụ và quản lý có sự chuyển biến và được nâng lên một bước. Nhìn chung đội ngũ này năng động, sáng tạo hơn trong việc thực thi nhiệm vụ và đóng vai trò tích cực trong quá trình cải cách hành chính, mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa tại cơ sở.

Đứng trước những nhiệm vụ to lớn của thời kỳ đổi mới, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đội ngũ cán bộ cơ sở đang bộc lộ nhiều yếu kém. Đó là:

- Mâu thuẫn giữa số lượng ngày càng tăng nhưng chất lượng lại thấp nên không đủ sức đảm đương được những công việc trong những điều kiện và tình hình mới. Bên cạnh những yếu kém về trình độ, năng lực, nhiễm tệ quan liêu, cửa quyền, thiếu dân chủ, thiếu kỷ cương, tham ô, lãng phí; mắc những biểu hiện tiêu cực trong đạo đức, phong cách làm việc, còn có tình trạng thoái hóa biến chất của một bộ phận cán bộ, đảng viên mà những tệ nạn đó không những không bị đẩy lùi mà còn gia tăng ngày một nghiêm trọng

- Hội đồng nhân dân cấp xã thực chất vẫn là cơ quan nặng về hình thức và không thực quyền tuy đã được Hiến pháp, Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân khẳng định là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân. Điều này được thể hiện rõ trên phương diện tổ chức và hoạt động. Về tổ chức, Hội đồng nhân dân xã không có cơ cấu tổ chức thích hợp, có khả năng và điều kiện để thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Mặc dù có chủ tịch, phó chủ tịch nhưng lại không hình thành bộ phận thường trực, không có các ban như cấp huyện và tỉnh. Về hoạt động, chỉ là các kỳ họp. Ngoài ra, tính chất hình thức của các nghị quyết do Hội đồng nhân dân xã thông qua đã không tạo ra được sức mạnh đối với việc chấp hành của Ủy ban nhân dân. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ cơ sở hiện nay ở nước ta rất đông nhưng không mạnh, vừa thừa vừa thiếu. Hiện nay cả nước ta có khoảng 2 triệu cán bộ ở xã, phường, thị trấn. Trung bình có khoảng 190 cán bộ/xã, trong đó có 90 cán bộ trong diện quy định của Chính phủ, 100 cán bộ do các bộ, ngành ở trung ương và tỉnh quy định. Có 44,26% số cán bộ chủ chốt xã là bộ đội xuất ngũ, 6,05% là cán bộ về hưu. Số cán bộ chủ chốt ở xã có trình độ văn hóa tiểu học và trung học


Digitized by Google

phổ thông cơ sở chiếm tới 50%, hầu hết chưa được đào tạo cơ bản về chính trị, chuyên môn nghiệp vụ quản lý hành chính nhà nước. Đặc biệt, ở một số xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, cán bộ không biết xây dựng các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

- Việc thanh tra, xử lý những vi phạm pháp luật như tham ô, lãng phí, vô trách nhiệm của cán bộ, công chức nói chung, cán bộ chính quyền cơ sở nói riêng chưa kịp thời. Nhiều vụ xử lý chưa nghiêm, còn bị che giấu hoặc mới chỉ đem ra xử lý nội bộ, nên không có khả năng răn đe, ngăn chặn sự sai phạm của cán bộ chính quyền ở cơ sở.

- Việc tổ chức công sở một cách khoa học và sự trang nghiêm trong thực thi công vụ còn chưa tốt. Nhiều địa phương, trụ sở ủy ban còn quá sơ sài, các điều kiện cần thiết cho công việc còn thiếu thốn, thậm chí nhiều nơi ở những vùng cao, vùng sâu, vùng xa còn chưa có trụ sở làm việc.

Cuối cùng là, sự yếu kém trong việc tu dưỡng, rèn luyện, học tập, phê bình và tự phê bình của cán bộ chính quyền cơ sở. Chính sự yếu kém này làm cho người cán bộ không nâng cao được trình độ, năng lực và bị chủ nghĩa cá nhân ích kỷ chi phối.

Tình hình trên do những nguyên nhân sau:

*Một là, nguồn cán bộ chính quyền cơ sở còn mỏng.* Trừ một số cán bộ được tăng cường từ quận, huyện, còn phần lớn cán bộ cơ sở đều là bộ đội xuất ngũ trở về. Phần đông trong số họ còn trẻ nhưng không được đào tạo về chuyên môn, thiếu kiến thức về quản lý hành chính nhà nước. Trong khi đó, số lượng học sinh, sinh viên tốt nghiệp các trường trung học, cao đẳng và đại học trở về địa phương rất ít do không có chính sách thu hút cụ thể nên không bổ sung được lực lượng này vào đội ngũ cán bộ chính quyền ở cơ sở.

*Hai là, đội ngũ cán bộ biến động nhiều qua các kỳ bầu cử.* Số tái cử thường chiếm một tỷ lệ nhỏ. Kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân khóa 1994 - 1999 cho thấy, số đại biểu tái cử chỉ chiếm trên 40%, số thành viên Ủy ban nhân dân được bầu mới chiếm trên 50%. Những thay đổi đó mang lại những gương mặt mới cho đội ngũ chính quyền cơ sở, làm trẻ hóa đội ngũ này, nhưng nếu làm không tốt công tác tạo nguồn thì việc thay đổi này lại là nguyên nhân dẫn tới những thay đổi bất cập trong việc chỉ đạo, thực thi nhiệm vụ của chính quyền cơ sở.

*Ba là, công tác đào tạo, bồi dưỡng chưa thành quy chế bắt buộc đối với từng loại cán bộ chính quyền ở cơ sở.* Việc điều tra về trình độ, nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và việc quy hoạch cho những người đương chức cũng như công tác tạo nguồn cán bộ còn chưa được quan tâm đúng mức. Bởi vậy, trong những năm qua, việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng vẫn chưa đủ, chưa kịp thời, số lượng chưa nhiều, chất lượng chưa cao, chưa đáp ứng được đòi hỏi của công việc.

Để đội ngũ này thực sự phát triển trong thời gian tới, đáp ứng tốt những yêu cầu, nhiệm vụ trong điều kiện, tình hình mới, công tác huấn luyện, đào tạo cán bộ, đảng viên, trước hết là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt ở cơ sở cần tiến hành đồng bộ những giải pháp cơ bản như: Xác định rõ hơn vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của bộ máy chính quyền ở cơ sở trong điều kiện mới; xác định rõ khối lượng các công việc ở cơ sở, từ đó xác định phương hướng xây dựng cơ cấu, số lượng chức danh của bộ máy chính quyền vừa bảo đảm được hiệu quả của công việc, vừa không làm bộ máy phình to; quy định rõ chức danh, từ đó xác định rõ theo hướng mở rộng hơn các chức năng, nhiệm vụ mà chức danh đó phải đảm nhiệm phù hợp với những yêu cầu hoạt động của chính quyền ở cơ sở.

Thực hiện tốt những giải pháp trên sẽ là những điều kiện cần thiết để cán bộ gần dân, hiểu dân và thuyết phục dân, làm cơ sở để dân tin, dân yêu, dân tự giác, tích cực thực hiện những chủ trương, đường lối của Đảng, nhiệm vụ chính trị ở địa phương. ❑


Digitized by Google

# PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC KHƠ ME Ở TỈNH TRÀ VINH

NGUYỄN THÁI BÌNH *

ĐỒNG bào dân tộc Khơ Me chiếm gần 30% dân số tỉnh Trà Vinh, sống xen kẽ với đồng bào Kinh, Hoa trên hầu hết các địa bàn của tỉnh. Hiện tại, Trà Vinh vẫn còn là tỉnh nghèo nhất ở khu vực Tây Nam Bộ, thu nhập và mức sống bình quân của nhân dân còn thấp, đặc biệt là đồng bào Khơ Me còn nhiều khó khăn hơn so với đồng nào Kinh và Hoa. Chính đây là điểm yếu mà các thế lực thù địch luôn hướng vào, khoét sâu, làm lung lạc nhận thức tư tưởng, kích động, chia rẽ khối đoàn kết dân tộc nhằm làm suy yếu vai trò lãnh đạo của Đảng, làm mất ổn định chính trị và xã hội. Cũng cần thấy rằng, ngay từ thuở đất nước còn nô lệ cho đến khi giành được độc lập, đồng bào Khơ Me ở Nam Bộ nói chung và Trà Vinh nói riêng luôn bị các thế lực thù địch lợi dụng, phân hóa với nhiều thủ đoạn thâm độc, xảo quyệt... *Vì thế, phải tiếp tục thực hiện tốt hơn chính sách dân tộc của Đảng "về phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc Khơ Me"* là vấn đề cấp thiết trước mắt và lâu dài ở tỉnh Trà Vinh, góp phần quan trọng để giữ vững ổn định chính trị và xã hội ở vùng Tây Nam Bộ.

Để làm tốt chính sách phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc Khơ Me, trước hết cần chú ý một số đặc điểm tình hình kinh tế - xã hội và con người trong vùng đồng bào dân tộc. Trên phương diện địa lý kinh tế và tâm lý dân tộc, đồng bào Khơ Me thường cư trú tập trung ở các vùng giồng đất cao, đa số thuộc thành phần lao động sản xuất nông nghiệp, mặt bằng dân trí thấp.

Đặc tính của người đân tộc Khơ Me là cần cù lao động, thật thà, giàu tình thương, có tinh thần đoàn kết tương trợ, thích sinh hoạt cộng đồng (ca múa, lễ hội), tôn trọng thực tế. Tuyệt đại đa số người Khơ Me theo Phật giáo Tiểu thừa, con trai đến tuổi phải vào chùa tu học như là nghĩa vụ và đạo đức làm người. Toàn tỉnh có 141 chùa Khơ Me với khoảng 3 657 sư sãi tu học. Người Khơ Me ở tỉnh Trà Vinh có truyền thống đoàn kết gắn bó lâu đời với người Kinh và người Hoa, có nhiều thành tích trong kháng chiến chống ngoại xâm và trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Ngoài những đặc điểm kinh tế văn hóa riêng, đồng bào Khơ Me ở Trà Vinh và Tây Nam Bộ còn có quan hệ cùng tộc người và có cả quan hệ huyết thống, thân tộc với người Khơ Me ở Vương quốc Cam-pu-chia. Đây là yếu tố rất nhạy cảm, phức tạp, vì thế những thay đổi theo hướng tích cực hoặc tiêu cực ở quốc gia này đều có tác động nhất định đến đồng bào Khơ Me các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và khu vực Trà Vinh.

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Trà Vinh


Digitized by Google

Xuất phát từ đặc điểm tình hình trên, ngay từ rất sớm Tỉnh ủy Cửu Long (tỉnh cũ) đã đặc biệt quan tâm chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở vùng đồng bào dân tộc Khơ Me. Kế thừa những kinh nghiệm quý báu ấy và trên cơ sở quán triệt sâu rộng Chỉ thị số 68 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VI), Tỉnh ủy Trà Vinh đã xây dựng Nghị quyết số 01 - Nghị quyết chuyên đề về công tác dân tộc. Nội dung của nghị quyết này là nhằm động viên, khơi dậy phong trào hành động cách mạng và tinh thần đoàn kết gắn bó giữa các dân tộc trong tỉnh. Tập trung huy động mọi nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế kết hợp với giải quyết các vấn đề cấp bách về văn hóa và xã hội, nhất là giải quyết việc làm cho người lao động. Nâng cao mặt bằng dân trí, nâng cao năng lực xóa đói giảm nghèo, khôi phục và phát triển văn hóa, văn nghệ và những truyền thống tốt đẹp của dân tộc Khơ Me; thường xuyên kiểm tra, bổ sung nhiều chủ trương và giải pháp cụ thể phù hợp với diễn biến tình hình thực tế ở cơ sở.

Kết quả sau hơn 11 năm thực hiện các chủ trương, chính sách của Trung ương Đảng, Chính phủ và Nghị quyết của Tỉnh ủy, kinh tế Trà Vinh đã liên tục phát triển với mức tăng trưởng GDP bình quân hằng năm trên 9%; riêng năm 2003 tăng 12,06%, kết cấu hạ tầng được đầu tư xây dựng khá, văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội cơ bản được giữ vững, hệ thống chính trị được củng cố, tăng cường. ***Riêng vùng có nhiều đồng bào dân tộc Khơ Me sinh sống đã đạt được những thành tựu quan trọng:***

***Thứ nhất:*** *Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được xây dựng khá, bộ mặt nông thôn được đổi mới rõ nét.*

Phần lớn diện tích đất nông nghiệp có hệ thống thủy lợi tương đối hoàn chỉnh, đưa diện tích thủy lợi hóa lên hơn 70%, sản xuất từ 1 vụ lúa lên 2 vụ lúa - 1 vụ màu hoặc 1 vụ lúa - 2 vụ màu, hiệu quả trên một đơn vị diện tích ngày càng tăng.

Hệ thống giao thông nông thôn từ chỗ chỉ với 23 km đường trải nhựa khi mới tách tỉnh, nay đã có hơn 500 km đường trải nhựa và hàng ngàn km đường giao thông nông thôn liên ấp được bê-tông hóa, bảo đảm ô-tô đến được trung tâm xã. Mạng lưới điện quốc gia được tập trung đầu tư phát triển, toàn tỉnh có 55 xã và 1 thị trấn được điện khí hóa, có 146 106 hộ sử dụng điện, chiếm 72,26% tổng số hộ, trong đó có nhiều hộ đồng bào Khơ Me. Đáng mừng là, đồng bào ở nhiều vùng sâu và vùng xa, vùng kháng chiến cũ đã có điện sử dụng.

***Thứ hai:*** *Thực hiện chủ trương xóa đói giảm nghèo đạt kết quả tốt.*

Từ năm 1997 đến nay, thực hiện Kế hoạch số 01 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy *Về giải quyết đất đai, củng cố và phát triển kinh tế hợp tác, xóa đói giảm nghèo*, tỉnh đã hỗ trợ 872 triệu đồng cho 338 hộ Khơ Me nghèo chuộc lại 112 ha đất đã cầm cố để sản xuất, vận động được trên 1 000 hộ có nhiều đất cho 1 400 hộ quá ít đất, hoặc không có đất mượn trên 660 ha đất để sản xuất 1 vụ lúa hoặc 1 vụ màu trong năm. Riêng từ năm 2001 đến nay, đã thực hiện chính sách hỗ trợ cho 6 459 hộ Khơ Me nghèo đặc biệt khó khăn với số tiền là 1 950 triệu đồng để đồng bào giải quyết khó khăn trong cuộc sống và hỗ trợ sản xuất cho 1 050 hộ với số tiền là 1 050 triệu đồng.

Chương trình 135 phát huy tác dụng tốt, đã đầu tư cho 38 xã đặc biệt khó khăn - phần lớn là các xã có đông đồng bào Khơ Me sinh sống - gần 85,5 tỉ đồng, xây dựng được 236 công trình các loại như: đường giao thông, thủy lợi nhỏ, điện, nước, sinh hoạt, trạm y tế, trường học, chợ,...

Nhờ sự tập trung đầu tư của Đảng và Nhà nước, sự hỗ trợ của cộng đồng và sự nỗ lực khắc phục khó khăn vươn lên của chính đồng bào Khơ Me, đến nay cuộc sống của bà con không ngừng được cải thiện, khoảng cách chênh lệch giữa các vùng được rút ngắn dần, số hộ giàu, hộ khá tăng lên, hộ nghèo ngày càng giảm đi. Hiện nay, hộ Khơ Me nghèo còn 18 286 hộ, chiếm


Digitized by Google

29,3% so với tổng số hộ Khơ Me toàn tỉnh, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh từ 45% (năm 1992, theo tiêu chuẩn cũ), xuống còn 17,4% (năm 2003, theo tiêu chuẩn mới), trong đó đồng bào Khơ Me chiếm khoảng 40%, không còn hộ thiếu đói lúc giáp hạt.

***Thứ ba:** Mặt bằng dân trí vùng dân tộc Khơ Me được nâng lên một bước, bản sắc văn hóa dân tộc được bảo tồn và phát huy.*

Sự nghiệp giáo dục vùng đồng bào Khơ Me luôn được các cấp ủy và chính quyền các cấp quan tâm hàng đầu. Số lượng học sinh dân tộc Khơ Me ở các cấp học hằng năm đều tăng. Năm học 1992 - 1993, toàn tỉnh chỉ có 30 864 học sinh Khơ Me thì đến năm học 2003 - 2004, số học sinh phổ thông ở các cấp học lên đến 67 543 em; đại học, cao đẳng: 167 em; dự bị đại học: 40 em và trung học chuyên nghiệp: 94 em. Hiện tại, cứ 5 người Khơ Me có 1 người đi học.

Cuộc *Vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa* ở khu dân cư được đồng bào Khơ Me tích cực hưởng ứng. Toàn tỉnh hiện có 1 phường, 2 thị trấn, 2 xã và 438/751 ấp, khóm được xét công nhận là ấp, khóm, xã, phường, thị trấn văn hóa; trong đó, có 312 ấp, khóm có đông đồng bào Khơ Me và có 29 chùa Khơ Me được công nhận cơ sở tôn giáo văn minh. Phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao trong đồng bào Khơ Me cũng được đầu tư đúng mức, tạo điều kiện phát triển. Bên cạnh Đoàn Nghệ thuật *Ánh Bình Minh* phục vụ tốt nhu cầu văn nghệ cho đồng bào Khơ Me trong và ngoài tỉnh, được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Anh hùng Lao động* trong thời kỳ đổi mới; hằng năm, tỉnh đều tổ chức hội diễn văn hóa, văn nghệ quần chúng Khơ Me, tổ chức thi đấu các môn thể thao truyền thống dân tộc, nhất là tổ chức đua ghe ngo trong lễ hội Ok-Om-Bốk; các năm qua, tỉnh đã đầu tư đóng mới 8 chiếc ghe ngo với kinh phí gần 500 triệu đồng.

Công tác chăm sóc sức khỏe cho đồng bào được quan tâm phục vụ ngày càng tốt hơn. Các trạm y tế, phòng khám đa khoa khu vực trong vùng đồng bào Khơ Me được đầu tư xây dựng mới, trang bị thêm thiết bị, dụng cụ, được tăng cường thêm y, bác sĩ, thuốc men điều trị bệnh cho đồng bào. *Chỉ tính riêng* Chương trình 135, trong các năm qua, đã cấp cho các xã đặc biệt khó khăn một khối lượng thuốc điều trị bệnh miễn phí trị giá gần 6,5 tỉ đồng. Các chương trình y tế quốc gia cũng được triển khai thực hiện tốt, đã đẩy lùi được các dịch bệnh nguy hiểm. Đội ngũ cán bộ y tế là người Khơ Me được tập trung đào tạo, bồi dưỡng. Hiện, toàn tỉnh có 28 bác sĩ, 87 y sĩ, 17 dược sĩ và 50 y tá là người dân tộc Khơ Me.

***Thứ tư:** Tăng cường xây dựng hệ thống chính trị, bảo vệ an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong vùng dân tộc Khơ Me ngày càng vững chắc.*

Trước hết, trong công tác xây dựng Đảng, Tỉnh ủy rất quan tâm chỉ đạo phát triển Đảng và đào tạo cán bộ là người dân tộc Khơ Me. Năm 2003, có 2 559 đảng viên là người dân tộc Khơ Me chiếm 12% trong tổng số đảng viên toàn tỉnh. Đội ngũ cán bộ là người Khơ Me được chú trọng đào tạo, đề bạt và bố trí ở các ngành, các cấp. Toàn tỉnh có 2 296 cán bộ, công chức người Khơ Me, chiếm 18% tổng số cán bộ công chức của tỉnh. Tỉnh ủy thường xuyên củng cố và phát triển đoàn viên, hội viên, các đoàn thể trong vùng dân tộc Khơ Me, từng bước nâng cao chất lượng sinh hoạt của các tổ chức đoàn thể ở cơ sở. Hiện nay, có 7 762 đoàn viên Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và 80 678 hội viên thuộc các đoàn thể là người dân tộc Khơ Me.

Những thành tựu đạt được trong thời gian qua đã góp phần tăng cường khối đoàn kết gắn bó giữa đồng bào Kinh - Khơ Me - Hoa, đoàn kết lương - giáo, đại bộ phận sư sãi và đồng bào Khơ Me trong tỉnh đều thể hiện niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Tuy nhiên, còn một số mặt yếu kém và khó khăn: Việc triển khai kế hoạch chuyển dịch cơ cấu sản xuất ngành trong vùng đồng bào Khơ Me nhiều nơi còn chậm. Tâm lý trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước còn khá phổ biến. Sự


Digitized by Google

nghiệp giáo dục - đào tạo có bước phát triển nhưng chưa tương xứng với yêu cầu, mặt bằng dân trí trong đồng bào Khơ Me còn thấp, mức hưởng thụ văn hóa cộng đồng còn hạn chế. Tình hình an ninh trật tự tuy ổn định nhưng các thế lực thù địch và các tổ chức phản động lưu vong, nhất là các hội, nhóm *"Khơ Me Krôm"* ở Cam-pu-chia đang tìm mọi cách chống phá quyết liệt. Chúng đã thực hiện nhiều thủ đoạn mới, tinh vi và thâm độc hơn, đưa người, tài liệu, băng đĩa, sách báo phản động và dùng đài phát tiếng Khơ Me chuyển vào nước ta các nội dung xuyên tạc lịch sử, gây chia rẽ dân tộc, tôn giáo, kích động chống chế độ xã hội chủ nghĩa..., gây tác động tiêu cực đến nhận thức, tư tưởng của sư sãi và đồng bào dân tộc Khơ Me. Đội ngũ cán bộ hoạt động trong vùng đồng bào Khơ Me có nơi còn bất cập về nhiều mặt, nhất là về trình độ năng lực, về ngôn ngữ, chữ viết Khơ Me. Bộ máy làm công tác dân tộc chưa được đầu tư, kiện toàn tốt từ tỉnh đến cơ sở. Cán bộ chủ chốt là người Khơ Me ở các cấp, các ngành trong hệ thống chính trị còn ít, chưa tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ mới.

Những hạn chế, yếu kém và khuyết điểm đó, *trước hết* là do một số cấp ủy và chính quyền nhận thức việc thực hiện chính sách dân tộc trong tình hình mới còn đơn giản; *hai là*, phần lớn cán bộ công tác ở vùng dân tộc và cán bộ đoàn thể ở tỉnh, huyện còn hạn chế về nói và viết chữ Khơ Me, về bản lĩnh chính trị, về kiến thức khoa học - kỹ thuật trong lĩnh vực nông nghiệp, nhất là năng lực cụ thể hóa tổ chức thực hiện các nghị quyết của Trung ương và của tỉnh ủy; *ba là*, Tỉnh ủy chậm có sự định hướng đúng tầm nhằm *phát triển toàn diện*, và huy động sức mạnh tổng hợp của cả xã hội, của tất cả các ngành, các cấp làm chuyển biến cơ bản vùng dân tộc Khơ Me; *bốn là*, nhiều chủ trương của Trung ương Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc, công tác dân vận, công tác dân tộc, tôn giáo chưa được thể chế hóa đồng bộ thành cơ chế, chính sách, pháp luật.

Có thể nói, hiện nay nổi bật có 3 mâu thuẫn trong vùng đồng bào Khơ Me cần phải được tập trung tháo gỡ. Trước hết, là *mâu thuẫn giữa nền sản xuất nhỏ (tiểu nông) chịu ảnh hưởng triết lý Phật giáo (tiểu thừa) mang tính hướng nội với những tác động và chuyển biến ngày càng mạnh mẽ của kinh tế thị trường*. Tiếp nữa là, *mâu thuẫn giữa mặt bằng dân trí còn thấp với yêu cầu ngày càng cao của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*. Và cuối cùng là, *mâu thuẫn giữa yêu cầu giữ vững ổn định chính trị, định hướng xã hội chủ nghĩa với sự phá hoại của các thế lực thù địch*.

Xuất phát từ tình hình trên, để các mục tiêu phát triển toàn diện vùng đồng bào Khơ Me, trước hết cần quán triệt một số phương hướng cơ bản mang tính nguyên tắc sau:

***Một là:*** Quán triệt sâu sắc *các quan điểm về công tác dân tộc* của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và của Đảng ta, nhất là các quan điểm trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7, khóa IX, *Về công tác dân tộc*. Đồng thời, tăng cường *công tác giáo dục chính trị tư tưởng* trong vùng đồng bào Khơ Me, theo hướng củng cố, xây dựng niềm tin vào Đảng và chế độ bằng sự khẳng định những thành tựu của quá trình đổi mới đất nước, nhất là thành tựu đạt được sau 11 năm tái lập tỉnh Trà Vinh.

***Hai là:*** Xác định *nhiệm vụ cơ bản* làm chuyển biến đời sống kinh tế - văn hóa - xã hội của đồng bào dân tộc Khơ Me hiện nay là tập trung *phát triển sản xuất, xóa đói giảm nghèo; rút ngắn khoảng cách chênh lệch về mức sống*; đồng thời *nâng cao trình độ dân trí* và xây dựng *ý chí tự lực, vươn lên* của bản thân bà con dân tộc.

***Ba là:*** Tiếp tục *đổi mới nội dung, phương thức công tác dân tộc*, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng gắn liền với nhiệm vụ *xây dựng hệ thống chính trị* ở cơ sở trong vùng đồng bào Khơ Me, *xây dựng đội ngũ cán bộ* làm công tác dân tộc và đội ngũ cán bộ dân tộc; nâng cao *chất lượng hoạt động của Hội Đoàn kết sư sãi yêu nước* tỉnh Trà Vinh.


Digitized by Google

***Bốn là:*** Phải *phối hợp đồng bộ* nhiều giải pháp về kinh tế, văn hóa, xã hội,... đồng thời, tập trung đầu tư toàn diện của các cấp, các ngành từ cơ sở đến trung ương và toàn thể xã hội.

***Năm là:*** Lấy *hiệu quả kinh tế - xã hội* gắn liền với *bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc Khơ Me và sự ổn định chính trị* làm tiêu chuẩn đánh giá các giải pháp chuyển biến đời sống đồng bào dân tộc Khơ Me.

Nắm vững phương hướng trên, Tỉnh ủy Trà Vinh xác định các mục tiêu phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc Khơ Me (vùng đồng bằng Khơ Me) đến 2005 và đến 2010 như sau:

1 - Đến năm 2005, phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo trong vùng còn dưới 16%; 100% các trạm y tế xã đều có bác sĩ; 80% số hộ được sử dụng nước sạch; 75% số hộ được sử dụng điện và đảng viên là người Khơ Me đạt 15%. Theo đó, phấn đấu đến năm 2010 không còn hộ tái đói trong vùng đồng bào dân tộc Khơ Me, số hộ nghèo giảm xuống dưới 10%; không còn xã đặc biệt khó khăn; 90% số hộ dân được sử dụng điện và nước sạch trong sinh hoạt; 100% số thanh, thiếu niên trong độ tuổi được phổ cập trung học cơ sở; 90% - 100% số hộ được xem truyền hình, nghe đài phát thanh; phấn đấu phát triển Đảng trong đồng bào Khơ Me đạt tỷ lệ từ 20% trở lên trong tổng số đảng viên; nghiêm trị bọn phản động lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, vu cáo phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

2 - Phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc Khơ Me. Đây là một chủ trương lớn của Tỉnh ủy Trà Vinh. Sự thành công của chủ trương này không chỉ dừng lại ở chỗ bảo đảm lợi ích kinh tế - xã hội cho bản thân người dân tộc Khơ Me, mà với tính chất đặc thù trên, trong bối cảnh phức tạp của tình hình khu vực và thế giới hiện nay, nó góp phần bảo đảm sự ổn định về chính trị của địa phương và cả nước. Với ý nghĩa đó, chủ trương *"phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc Khơ Me ở tỉnh Trà Vinh"* cần và chỉ có thể phát huy tốt khi nó được đặt trong chiến lược phát triển chung của đất nước, với sự quan tâm đặc biệt của Trung ương Đảng và Chính phủ. ❑

# XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC...

*(Tiếp theo trang 40)*

tác động có ý thức, có mục đích, có kế hoạch đối với xã hội nói chung cũng như đối với từng lĩnh vực riêng lẻ của đời sống xã hội trên cơ sở nhận thức và vận dụng các quy luật khách quan và các xu thế tiến bộ của sự phát triển xã hội vì lợi ích của quần chúng nhân dân lao động.

Từ những vấn đề trên đây của công tác quản lý cũng như những đặc điểm của tình hình đất nước và đội ngũ cán bộ viên chức nhà nước hiện nay, công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, viên chức nhà nước phải được hướng vào quán triệt các vấn đề sau: bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, kế hoạch xây dựng đất nước trên từng lĩnh vực: kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng... và quán triệt tính quy luật phổ biến của quản lý là hướng một cách tự giác sự phát triển của tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội vào quỹ đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ. Đặc biệt là, phải quán triệt tính giai cấp công nhân của công tác quản lý. Công tác quản lý có hai mặt, một mặt, nó đáp ứng nhu cầu khách quan của sản xuất, của đời sống xã hội; mặt khác, nó biểu hiện lợi ích giai cấp của giai cấp đang quản lý đất nước. Điểm này có ý nghĩa cực kỳ quan trọng trong khi học tập kinh nghiệm quản lý của các nước tư bản. Nghĩa là, phải phân định và tỉnh táo cái gì nên học và cái gì không nên học.

Công tác đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, đảng viên phải hướng vào việc chống các hiện tượng tiêu cực của bản thân người cán bộ, tiêu cực trong xã hội; phải xây dựng dân chủ và kỷ luật làm hai yếu tố cơ bản để hình thành nhân cách con người; hình thành bầu không khí chính trị đạo đức xã hội chủ nghĩa và đặc biệt là xây dựng tính gương mẫu về đạo đức của người cán bộ, viên chức nhà nước. ❑


Digitized by Google

# SỨC VƯƠN LÊN của một đơn vị anh hùng

ĐOÀN THẾ HÙNG *

ĐOÀN Phòng không B75 (còn gọi là Sư đoàn 375) thuộc Quân chủng Phòng không - Không quân, thành lập ngày 7-2-1968, tại chân núi Đại Huệ, xã Nam Xuân, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Ngay sau khi thành lập, Đoàn B75 nhanh chóng triển khai nhiệm vụ, ổn định tổ chức, cơ động đội hình ra quân chiến đấu đánh địch bảo vệ các mục tiêu trọng điểm trên chiến trường Quảng Bình, Vĩnh Linh và các điểm nút giao thông quan trọng như: các bến phà Xuân Sơn, sông Gianh, Long Đại, Quán Hàu, cửa khẩu các đường 12, 14, 20... Chỉ sau một tuần ra quân chiến đấu, ngày 14-2-1968, Tiểu đoàn 19, đơn vị Pháo cao xạ H14 của Đoàn B75 đã nêu cao tinh thần cảnh giác, chiến đấu dũng cảm bắn rơi tại chỗ máy bay A-6A của đế quốc Mỹ tại thôn Khương Hà, xã Hưng Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình lập chiến công đầu, xây dựng truyền thống ra quân đánh thắng . Từ đó đến nay, ngày 14 tháng 2 hằng năm trở thành ngày truyền thống vẻ vang của đơn vị.

Hơn 35 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của Đoàn B75 là chặng đường gian khổ, ác liệt và chiến thắng vẻ vang. Với ba lần thành lập và tái thành lập đều vào những giai đoạn gay go, phức tạp, quyết liệt nhất của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước vĩ đại và cuộc chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. Với bản lĩnh chính trị vững vàng, ý chí quyết tâm cao, tinh thần chiến đấu dũng cảm kiên cường, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp trên, sự giúp đỡ tận tình, to lớn của các cơ quan, đơn vị bạn, chính quyền và nhân dân trên các địa bàn đóng quân, Đoàn B75 đã luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Đoàn B75 đã tham gia 3 654 trận chiến đấu, bắn rơi 492 máy bay các loại của đế quốc Mỹ. Đoàn B75 có 7 tập thể và 4 cá nhân được Nhà nước tuyên dương danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Đoàn còn được tặng thưởng 1 Huân chương Quân công hạng Nhất, 2 Huân chương Chiến công hạng Nhất, 1 Huân chương Chiến công hạng Nhì, 1 Huân chương Chiến công hạng Ba, 15 Huân chương Quân công, 590 Huân chương Chiến công, Huân chương Giải phóng cho các đơn vị và cá nhân cùng nhiều phần thưởng cao quý khác. Do có thành tích đặc biệt xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Đoàn Phòng Không B75 đã được Nhà nước ta phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, ngày 1-2-2002.

Phát huy truyền thống anh hùng của đơn vị, trong những năm qua, Đoàn Phòng không B75 luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ trên giao, được Tư lệnh Quân chủng tặng cờ ***"Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua khối các Sư đoàn Phòng không"*** vào các năm 1999, 2001, 2002. Có được kết quả trên là do tập thể lãnh đạo, chỉ huy đơn vị đã tập trung tiến hành tốt một số nội dung chủ yếu sau:

***Thứ nhất,*** *tập trung xây dựng đơn vị ổn định, vững mạnh về chính trị tư tưởng.*

Nhận rõ tầm quan trọng của việc lấy xây dựng đơn vị vững mạnh về chính trị làm cơ sở, những năm qua lãnh đạo, chỉ huy các đơn vị đã

* Thượng tá, Chủ nhiệm Chính trị Sư đoàn 375, Quân chủng Phòng không - Không quân



Digitized by Google

thường xuyên coi trọng công tác tư tưởng, tăng cường giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, giáo dục truyền thống tốt đẹp của dân tộc, của Đảng, của quân đội, quân chủng, sư đoàn, giáo dục về chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tạo thế ổn định về chính trị, thống nhất về ý chí và hành động, thực sự là lực lượng chính trị, chiến đấu trung thành và tin cậy của Đảng, Nhà nước và nhân dân, là lực lượng nòng cốt trong quản lý và bảo vệ vững chắc vùng trời Tổ quốc.

Sư đoàn đã tập trung xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch vững mạnh gắn với xây dựng đơn vị, xây dựng các tổ chức quần chúng vững mạnh. Qua bình xét, tổng kết hằng năm, có 87,5 đến 100% số tổ chức cơ sở đảng đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh; 94,9 đến 96,2% số chi bộ đạt trong sạch, vững mạnh; 90 đến 92,87% số đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ; 89 đến 93,5% số cán bộ hoàn thành chức trách khá. Tiến hành tốt công tác phát triển Đảng trong đoàn viên thanh niên, hơn 3 năm toàn đảng bộ đã kết nạp được 306 đoàn viên ưu tú vào Đảng, vượt 27% chỉ tiêu đặt ra. Bằng nhiều biện pháp, đã xây dựng được 21 chi bộ chiến đấu, nâng số các chi bộ như vậy trong toàn đảng bộ lên 91%, tăng 21% so với năm 2000. Thường xuyên chăm lo xây dựng tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ và Hội đồng quân nhân vững mạnh, hoạt động đúng chức năng, phát huy vai trò xung kích sáng tạo và quyền làm chủ của bộ đội trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Hằng năm, đều phát triển được 85 đến 90% số thanh niên có 1 năm tuổi quân vào Đoàn, từ năm 2000 đến nay, kết nạp được 756 thanh niên tiên tiến vào Đoàn. Coi trọng củng cố mối quan hệ gắn bó máu thịt với cấp ủy, chính quyền và nhân dân các địa phương, các đơn vị lực lượng vũ trang trên địa bàn, tích cực hưởng ứng các phong trào *"Xóa đói giảm nghèo"; "Đền ơn đáp nghĩa"*. Đơn vị đã nhận phụng dưỡng suốt đời Bà mẹ Việt Nam Anh hùng Võ Thị Mẫu ở xã Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam; xây dựng được 12 nhà tình nghĩa giúp đỡ các gia đình hưởng chính sách, gia đình có công với cách mạng. Hằng năm, tổ chức 2 đến 3 đợt hành quân dã ngoại tham gia lao động giúp dân xây dựng kết cấu hạ tầng của địa phương như củng cố, làm mới đường liên thôn, xã; đào đắp kênh mương nội đồng, đào giếng, làm cầu nhỏ, cống thoát nước; thu hoạch mùa màng, xoá nhà tạm... Tổ chức được nhiều đợt tuyên truyền vận động cán bộ, chiến sỹ trong đơn vị quyên góp, ủng hộ đồng bào bị bão lụt, nạn nhân bị nhiễm chất độc màu da cam, quỹ xóa đói giảm nghèo... tổng cộng được hơn 800 triệu đồng.

Trong 3 năm, có 9 lượt đơn vị được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam tặng bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong lao động giúp dân và tham gia xây dựng cơ sở chính trị ở địa phương vững mạnh. Đoàn B75 liên tục được Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân tặng bằng khen về công tác dân vận, là điển hình toàn diện về công tác dân vận của toàn quân chủng. Do tiến hành tốt các nội dung trên, tình hình chính trị toàn sư đoàn ổn định, cán bộ, chiến sĩ xác định tốt trách nhiệm, sẵn sàng nhận và hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao, không để bị bất ngờ với các tình huống.

***Thứ hai,** hoàn thành nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, quản lý vùng trời.*

Đảng ủy, chỉ huy sư đoàn thường xuyên tiến hành tốt công tác giáo dục, nâng cao nhận thức cho cán bộ, chiến sĩ về vị trí, ý nghĩa của nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, quản lý vùng trời, nhận thức âm mưu thủ đoạn của kẻ thù trong tình hình mới. Tăng cường giáo dục truyền thống chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu vẻ vang của các thế hệ cán bộ, chiến sĩ đi trước, phổ biến, truyền thụ kinh nghiệm chiến đấu cho đội ngũ cán bộ, chiến sĩ tại ngũ. Tổ chức nhiều phong trào thi đua nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, quản lý vùng trời như: *"Giành cờ phân đội trực ban khá nhất", "Kíp ban chiến đấu giỏi", "Kíp ban thanh niên quyết thắng"*... Bên cạnh đó, còn thường xuyên duy trì nghiêm chế độ, quy định trực ban sẵn sàng chiến đấu, tăng cường kiểm tra của cán bộ, chỉ huy, của cơ quan đối


Digitized by Google

với đơn vị nhất là vào các dịp cao điểm, quán triệt và thực hiện tốt quy định "4 biết" trong quản lý vùng trời (biết kế hoạch dự báo bay, biết máy bay đã bay hay chưa bay, bay đến đâu biết đến đó, biết được hành động bay trên không).

Thường xuyên bổ sung và kiện toàn hệ thống văn kiện chiến đấu, tổ chức luyện tập thuần thục các phương án. Bảo đảm hệ thống thông tin liên lạc từ Sở Chỉ huy sư đoàn đến các phân đội thường xuyên thông suốt, tỷ lệ phát hiện, thông báo và quản lý mục tiêu đạt 100%, cho nên 98,3% - 100% phân đội làm nhiệm vụ trực ban chiến đấu được nhận cờ *"Đơn vị trực ban khá"*. Qua thực tiễn triển khai chiến đấu và qua các lần kiểm tra đánh giá của cấp trên, có thể khẳng định sư đoàn hoàn thành được nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, quản lý vùng trời trong điều kiện tương đối phức tạp. Điều đó thể hiện sự nỗ lực, phấn đấu cao độ của toàn đơn vị, nhất là các đồng chí cán bộ, chiến sĩ ở phân đội, những người trực tiếp biến nghị quyết của cấp ủy, kế hoạch của người chỉ huy thành hiện thực.

***Thứ ba,*** *nâng cao chất lượng huấn luyện, xây dựng đơn vị nền nếp, chính quy, rèn luyện kỷ luật.*

Xác định chỉ có huấn luyện tốt mới có cơ sở để nâng cao chất lượng, trình độ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu cho bộ đội. Là quân chủng kỹ thuật, công tác huấn luyện, nhất là huấn luyện nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật cho các pháo thủ, trắc thủ, nhân viên chuyên môn có ý nghĩa quan trọng. Vì đây chính là những người trực tiếp quan sát phát hiện mục tiêu, thông báo, báo động kịp thời và cũng là những người trực tiếp tiêu diệt máy bay địch.

Trước khi bước vào mùa huấn luyện hằng năm, Đoàn B75 đều quan tâm mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ, thống nhất giáo án cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảng dạy. Củng cố, hoàn thiện hệ thống thao trường, bãi tập, làm tốt công tác chuẩn bị vật chất cho huấn luyện như: mô hình, tranh vẽ, sách bút cho người dạy, người học, xăng dầu đảm bảo cho huấn luyện. Sau mỗi mùa huấn luyện, đều tổ chức hội thao, hội thi, diễn tập, bắn đạn thật để đánh giá trình độ, kỹ năng của chỉ huy và khả năng thực hành của bộ đội. Bằng nhiều biện pháp, lãnh đạo chỉ huy các cơ quan, đơn vị đã làm cho các lần tổ chức hội thao, hội thi, diễn tập, bắn đạn thật trở thành những *ngày hội* của toàn đơn vị. Kết quả hội thao, hội thi, bắn đạn thật là thước đo, là tiêu chí để đánh giá kết quả của cả một năm huấn luyện. Tiêu biểu cho công tác huấn luyện của Đoàn B75 trong những năm vừa qua là các đơn vị H24, H90 và các phân đội như: Tiểu đoàn 66 - Đơn vị H75; Tiểu đoàn 177 - Đơn vị H82; Tiểu đoàn 10, Tiểu đoàn 11 thuộc Phòng Tham mưu.

Ngoài việc tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ huấn luyện chiến đấu - giáo dục chính trị, Đoàn B75 còn gắn việc huấn luyện với xây dựng nền nếp chính quy và duy trì kỷ luật. Quán triệt sâu sắc Chỉ thị số 37/CT-ĐU của Thường vụ Đảng ủy Quân sự Trung ương, Chỉ thị số 85/CT-TM của Tổng Tham mưu trưởng, toàn sư đoàn đã đẩy mạnh xây dựng chính quy lên một bước mới và ngày càng vững chắc. Đã đầu tư hàng trăm triệu đồng để củng cố các chi tiết nội vụ, xây dựng, nâng cấp nơi ăn, ở, sinh hoạt của bộ đội. Giáo dục cho bộ đội ý thức chính quy trong trang phục, đi lại, xưng hô chào hỏi, tính khoa học, kế hoạch trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ. Trong công tác duy trì quản lý kỷ luật, đơn vị đã luôn phát huy vai trò gương mẫu của đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ chủ trì ở đơn vị cơ sở, bởi hành động gương mẫu của đội ngũ cán bộ chính là mệnh lệnh không lời, là chuẩn mực để bộ đội hành động theo lãnh đạo, chỉ huy các cấp đã quan tâm giáo dục, xây dựng ý thức tự giác, chấp hành pháp luật, kỷ luật quân đội, chế độ quy định của đơn vị cho mọi quân nhân. Với thực tế ở đơn vị cơ sở hiện nay, hầu hết các đơn vị đều không có tường rào cơ bản, việc xây dựng ý thức tự giác chấp hành pháp luật, kỷ luật của từng quân nhân là cực kỳ quan trọng. Nhờ tiến hành đồng bộ nhiều biện pháp nên từ năm 2000 đến nay, sư đoàn không để xảy ra vụ việc nào nghiêm trọng, 3 năm liên tục đơn vị không có chiến sĩ đào ngũ, bỏ ngũ.


Digitized by Google

*Thứ tư, bảo đảm công tác kỹ thuật góp phần phục vụ tốt nhiệm vụ huấn luyện và sẵn sàng chiến đấu.*

Muốn nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu - quản lý vùng trời, nâng cao chất lượng huấn luyện thì phải bảo đảm tốt công tác kỹ thuật. Thực tế là, hiện nay hầu hết vũ khí trang bị kỹ thuật của đơn vị đã qua sử dụng nhiều năm nên đã xuống cấp, vật tư linh kiện thay thế khan hiếm. Khâu đột phá mà đơn vị xác định là, phải giáo dục cho mọi cán bộ, chiến sĩ quán triệt sâu sắc quan điểm *"giữ tốt, dùng bền"*, làm cho mọi người nhất là đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn làm công tác kỹ thuật quán triệt và thực hiện có hiệu quả cuộc vận động *"quản lý khai thác vũ khí trang bị kỹ thuật tốt, bền, an toàn, tiết kiệm và an toàn giao thông"*. Trong quá trình thực hành làm công tác đảm bảo hệ số kỹ thuật cho vũ khí khí tài, từ cơ quan kỹ thuật từ sư đoàn đến các trung đoàn và mỗi cán bộ, kỹ thuật viên thường xuyên làm tốt cả 4 khâu: quản lý, khai thác, bảo quản, sửa chữa và đăng ký thống kê tình trạng kỹ thuật của vũ khí khí tài. Các phong trào *"5 tốt kỹ thuật"*, *"lái xe giỏi, giữ xe tốt"*, *"đơn vị bảo quản niêm cất khá"*... được khởi xướng, phát huy tính năng động, sáng tạo trong nghiên cứu khoa học, cải tiến trang bị, sửa chữa hỏng hóc vũ khí khí tài. Nhiều năm qua, hệ số kỹ thuật của khí tài tên lửa, ra đa, cao xạ và của xe máy các loại đều vượt từ 3 đến 12%, đội ngũ cán bộ kỹ thuật, kỹ thuật viên của từng phân đội tự sửa chữa được từ 75 đến 80% số hỏng hóc thông thường, chế độ bảo quản ngày, tuần, định kỳ tháng, năm được duy trì nghiêm túc và có chất lượng. Sư đoàn luôn được quân chủng đánh giá là đơn vị bảo đảm tốt công tác kỹ thuật phục vụ đắc lực cho nhiệm vụ huấn luyện và sẵn sàng chiến đấu.

***Thứ năm,** thường xuyên chăm lo bảo đảm đời sống vật chất tinh thần cho bộ đội, thực hiện tốt phong trào thi đua "Ngành hậu cần quân đội làm theo lời Bác Hồ dạy".*

Với đặc điểm đóng quân phân tán, nhỏ lẻ, địa hình trải rộng gần khắp các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên, nhiều đơn vị ở trên đồi cao, điều kiện bảo đảm phục vụ cho sinh hoạt của bộ đội gặp nhiều khó khăn... nhưng với tinh thần tích cực, chủ động, phát huy cao độ ý thức tự lực, tự cường của mọi cấp, mọi ngành nên công tác bảo đảm hậu cần của toàn sư đoàn đã đạt được nhiều thành tích đáng khích lệ. Trên cơ sở tiền ăn bảo đảm cho các đối tượng, sư đoàn đã kết hợp với tăng gia, chăn nuôi, chế biến, cải tiến món ăn nên bếp ăn đã thường xuyên bảo đảm về định lượng từ 3 300 - 3 500 Kca-lo/người/ngày. Tiến hành tốt công tác chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh cho bộ đội, tỷ lệ quân số khỏe đạt 98,84% vượt 0,34% so với chỉ tiêu. Thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền vệ sinh phòng dịch, phòng chống HIV/AIDS cho cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị và nhân dân trên địa bàn đóng quân, tổ chức nhiều đợt khám chữa bệnh, cấp thuốc miễn phí cho các đối tượng chính sách. Phát huy tốt hệ thống vườn thuốc nam tại các đơn vị điều trị tại chỗ cho bộ đội. Toàn sư đoàn đã cơ bản giải quyết được khó khăn về điện công nghiệp và nước sinh hoạt cho bộ đội. Trên cơ sở số doanh trại được xây dựng cơ bản và hệ thống nhà cấp 4 được nâng cấp, tu sửa nhất là việc tổ chức chặt chẽ, chu đáo khâu chống dột, chống sập, tổ chức hội thi doanh trại *"xanh, sạch, đẹp"*. Qua mỗi lần hội thi doanh trại, trận địa, khuôn viên của mỗi phân đội như được khoác trên mình bộ cánh mới, góp phần làm cho bộ đội thêm yêu mến, gắn bó với đơn vị, thực sự coi đơn vị là nhà.

Tuy vậy, bên cạnh những kết quả đã đạt được, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Đoàn B75 không tránh khỏi một số hạn chế như: công tác xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, đơn vị vững mạnh toàn diện của sư đoàn chưa thực sự đồng đều, vững chắc; kết quả hoàn thành nhiệm vụ ở một số đơn vị chưa cao, phong trào thi đua có phát động nhưng công tác sơ - tổng kết chưa trở thành nền nếp, việc nhân điển hình, tạo phong trào thi đua đuổi và vượt điển hình chưa mạnh.


Digitized by Google

Với truyền thống của một đơn vị anh hùng, tin tưởng rằng trong thời gian tới đơn vị tiếp tục phấn đấu nhiều hơn nữa, giữ vững và phát huy những thành tích đã đạt được, quyết tâm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, quản lý vùng trời trên địa bàn miền Trung và Tây Nguyên trong giai đoạn cách mạng mới. Đảng ủy, chỉ huy của sư đoàn thường xuyên quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 8, khóa IX, *"Về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới"*; Nghị quyết của Đảng ủy Quân sự Trung ương về công tác quốc phòng năm 2004; Nghị quyết Đại hội VI của Đảng bộ Quân chủng Phòng không - Không quân; Nghị quyết Đại hội IX của Đảng bộ Sư đoàn với tư tưởng chỉ đạo là: "Hướng về cơ sở, lấy xây dựng đơn vị vững mạnh về chính trị, tư tưởng làm cơ sở để nâng cao chất lượng tổng hợp, xây dựng Sư đoàn vững mạnh toàn diện...", với các giải pháp như sau:

***Một là,*** *hoàn thành tốt nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, quản lý vùng trời không bị bất ngờ trong mọi tình huống.*

Lãnh đạo, chỉ huy sư đoàn chú trọng công tác giáo dục nâng cao nhận thức cho bộ đội về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, xác định rõ đối tượng tác chiến và vai trò, trách nhiệm của bộ đội phòng không - không quân đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Xây dựng ý chí, quyết tâm, bản lĩnh chính trị, hành động cách mạng cho bộ đội. Duy trì chặt chẽ, nghiêm túc các quy định trực ban sẵn sàng chiến đấu, nhất là đối với sở chỉ huy các cấp, các phân đội làm nhiệm vụ trực ban chiến đấu, các đài quan sát phòng không. Phấn đấu 100% số phân đội trực ban chiến đấu đạt tiêu chuẩn phân đội trực ban khá.

***Hai là,*** *tập trung xây dựng sư đoàn vững mạnh về chính trị làm cơ sở nâng cao chất lượng tổng hợp, năng lực chiến đấu.*

Sư đoàn chú trọng nguyên tắc lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt, tổ chức tốt các lớp nghiên cứu, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Xây dựng bản lĩnh chính trị kiên định, vững vàng, không dao động trước những khó khăn, kết hợp chặt chẽ công tác tư tưởng, công tác tổ chức và công tác cán bộ, chăm lo xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh có năng lực lãnh đạo toàn diện và sức chiến đấu cao. Tổ chức các hoạt động thi đua nhân những ngày kỷ niệm lớn của đất nước cũng như của Quân đội nhân dân Việt Nam. Thực hiện công tác vận động quần chúng, xây dựng trận địa lòng dân vững chắc.

***Ba là,*** *nâng cao chất lượng huấn luyện, tạo bước chuyển biến vững chắc về xây dựng chính quy, rèn luyện kỷ luật.*

Quán triệt và thực hiện tốt phương châm huấn luyện "cơ bản, thiết thực, vững chắc, an toàn, tiết kiệm", coi trọng huấn luyện đồng bộ, chuyên sâu, sát thực tế chiến đấu; thực hiện đúng 3 quan điểm, 8 nguyên tắc và 6 mối kết hợp, phấn đấu đạt mục tiêu: thuần thục động tác cá nhân, hiệp đồng chặt chẽ trong kíp chiến đấu, giỏi xử lý tình huống tác chiến thông thường, tương đối phức tạp và phức tạp. Chú trọng huấn luyện cơ động, huấn luyện đêm và thu hồi triển khai nhanh vũ khí, trang bị kỹ thuật, đổi mới phương pháp, hình thức, nội dung huấn luyện sát với từng đối tượng, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của đơn vị. Phấn đấu toàn sư đoàn không để xảy ra những vụ việc nghiêm trọng, không có tai nạn giao thông.

***Bốn là,*** *chủ động khắc phục khó khăn, bảo đảm công tác hậu cần, kỹ thuật, phục vụ nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, huấn luyện và các nhiệm vụ khác của sư đoàn.*

Duy trì nền nếp chế độ công tác kỹ thuật, phát huy vai trò trách nhiệm của đội ngũ cán bộ kỹ thuật đến từng phân đội, nâng cao khả năng tự bảo đảm về vũ khí, trang bị kỹ thuật của đơn vị cơ sở, tự sửa chữa được 75% số hỏng hóc thông thường, hệ số kỹ thuật các loại vũ khí trang bị kỹ thuật đạt và vượt chỉ tiêu được giao. Tổ chức tốt hậu cần thường xuyên và hậu cần sẵn sàng chiến đấu, duy trì đúng, đủ lượng dự trữ sẵn sàng chiến đấu, phấn đấu đạt và vượt chỉ tiêu về tăng gia, chăn nuôi, thực hiện chủ trương tiết kiệm trong mọi hoạt động của đơn vị. ❑


Digitized by Google

# VỠ LÒNG NGHIỆP BÁO

NHỊ LÊ

MỘT ai đó đã khiến tôi kính trọng và ngưỡng vọng, khi đọc mấy điều ông viết rất chí lý, như là kết tụ từ sự trải nghiệm gan ruột, máu thịt về nghề: Nhà báo mà không có công luận cũng như cá không có... nước. Ngược lại, công luận mà thiếu báo chí, mà thiếu nhà báo sẽ rất dễ lạc đường... và nói chung, sẽ như nước dễ bị ô nhiễm do không... cá. Chính "cá" góp phần kiểm định độ trong sạch của "nước" và cùng góp phần làm trong sạch "nước". Ở những hồ nước của những nhà máy nước, người ta thường thả cá, nhưng không cho ăn những thức ăn tạp, mà để cá ăn rong, tảo và làm sạch hồ chứa nước. Nhà báo cũng phải sống như các "nhà" khác, nhưng nếu "ăn" tạp, thì... chính họ không những làm ô nhiễm nguồn nước, hỏng "nước" mà có khi còn tự mình... làm chết mình.

Tôi xem đó như là *bài học vỡ lòng khai tâm* đầu tiên cách đây tròn 20 năm về *cái tâm* của người viết báo, trên ngưỡng cửa bước vào nghề. Và nỗ lực tự răn mình theo hướng đó với một sự yên trí lớn về cái gọi là cái chí khí mà mình có.

Rồi mười năm sau đó, tôi lại đọc được một bầu tâm sự của một nhà báo lão thành: Phải chăng vì thế, hơn ai hết, nhà báo phải "sạch" một cách dấn thân, thậm chí hy sinh để vì một công luận đúng đắn, một xã hội trong sạch. Hẳn phải vậy, nếu nhà báo xem nghề nghiệp là điều sống chết với mình, là lẽ vinh quang của mình. Sẽ có ai đó cho rằng, như thế là thiệt thân. Nhưng nếu anh là nhà báo chân chính, chắc chắn, thì tịnh không một ai thấy mình bị thiệt thòi cả. Vì đến lượt chúng, một công luận đúng đắn, một xã hội trong sạch lại nâng đỡ, nuôi dưỡng nhà báo sống trong sạch hơn, sống dấn thân hơn, sống xứng đáng hơn với mình, với công luận, với xã hội; do đó, làm nghề một cách tự tin hơn, quả cảm hơn, bất chấp sự vẩn đục nào. Điều đó thúc ép một cách vô hình khiến tôi phải lần đọc lại tất cả những trước tác của ông trong sự kính trọng của công luận đằng đẵng chí ít đã dăm chục năm trời nay.

Tôi giật mình, lại một bài *học vỡ lòng... thứ hai về cái chí khí* của người cầm bút tạo nên công luận, sống trong công luận và chịu trách nhiệm trước công luận về ngòi bút của mình, mà bấy lâu nay cứ ngỡ tưởng là mình quá đủ rồi.

Và mới cách đây ba tháng, tôi hý hửng đem chuyện nghe được về cái điều người ta đang và hay nói một cách đại ngôn rằng, "báo chí là quyền lực thứ tư" và đòi phải tự do báo chí theo kiểu tư nhân hóa báo chí ở phương Tây ra khoe với họ hàng bạn tôi y như là mình mới phát kiến. Một ông cụ, chắc là phải tới 75 năm tuổi đọc, thủng thẳng nói với tôi rằng: Chuyện đó là nhăng cuội. Tôi cố ý cãi lại cụ. Chẳng phật ý, cụ bảo lại tôi một cách nền nã: Thì ở phương Tây, người ta có cho cá nhân ai nói đâu và có chỗ nào nói đâu, mà chả thích tư nhân hóa, mà chả có chuyện báo chí là của các ông chủ. Nhưng đừng tưởng bở về cái gọi là dân chủ của họ, ai có tiền người đó có quyền thổi còi đấy. Tôi sống dưới mấy chế độ, thuộc Pháp có, thuộc Mỹ ngụy có, nên chả lạ gì những chuyện đại loại như thế. Cậu còn trẻ người non dạ, tưởng thế là hay. Này nhé, tôi hỏi cậu: Nước ta có mấy thứ quyền lực mà tin có "quyền lực thứ tư" rồi sấn sổ ấn cho báo chí của ta? Tôi ít học, nên chỉ biết rằng, ở nước ta, mọi quyền lực thuộc về nhân dân, mà nhân dân lại đang thức tỉnh từng ngày, đang ý thức từng ngày về quyền hạn và trách nhiệm của mình trong việc hướng về mục


Digitized by Google

tiêu dân chủ và xây dựng một xã hội thật sự dân chủ. Ai muốn bày tỏ gì, có báo của Đảng, của Nhà nước, của đoàn hội mình. Đến như tôi - một lão nông chi điền, ở xó quê mùa này - còn được báo Nhân Dân đăng ý kiến về tệ trù úm bà con của những "đầy tớ nhân dân" ở xã này, thì thử hỏi ai không có quyền nói, không có quyền giãi bày trên báo chí của ta, miễn trừ bọn phản động, bọn mất giống, mất nòi thôi. Nói đoạn, cụ ấn tờ báo vừa đăng ý kiến của cụ vào tay tôi, khiến tôi thất thần, ngú ngớ, ngẩn ngơ... chả dám nhìn cụ.

Tôi ngậm ngùi ngộ ra, xấu hổ và thấm thía *bài học vỡ lòng... thứ ba về cái trí* tức *là cái tầm* của người cầm bút cụ dạy, mà bấy lâu nay tôi vẫn tự mãn cho là mình đã có quá đủ, rồi dương dương tự đắc học đòi cái thói "mục hạ vô nhân" của mấy người mà tôi từng được cùng làm việc.

Thì ra, thế mới biết, đời người ta cầm bút, *thói tự mãn* chính là kẻ thù khủng khiếp nhất của chính mình, và ai không biết xấu hổ thì không lớn thành người được, như các bậc tiền nhân thường dạy. Thiển nghĩ, nhà báo chân chính, không thể khác, phải *nói* tiếng nói của nhân dân và báo chí là *nơi* để nhân dân bày tỏ ý kiến của mình, mà tư cách nhà báo *là "bà đỡ"* cho họ. Khi đó, công luận sẽ đứng về phía những sự thật mà nhà báo bảo vệ, và chính công luận cũng sẽ bảo vệ nhà báo, khi cần thiết. Không gì hạnh phúc hơn, khi tiếng nói, bài viết của nhà báo được công luận hưởng ứng một cách tỉnh táo và đầy trách nhiệm. Hãy tin vào nhân dân mình. Và hãy sống với tất cả cái tâm, cái chí khí, cái lương tri của mình, nhà báo sẽ luôn đi cùng công luận, sẽ luôn được sống giữa nhân dân và được nhân dân ủng hộ.

Với riêng mình, giờ đây, thì tôi tự nhủ: Muốn nên việc to phải nghiêm khắc bắt đầu từ những việc nhỏ. Suốt đời chỉ cần học thuộc và nỗ lực làm theo *những bài học vỡ lòng ấy từ đồng nghiệp, từ nhân dân* cũng đã là đáng sống và làm nghiệp báo lắm rồi, nhất là khi mình còn non nớt, nông nổi và dốt nát lắm lắm. ❑

## VỀ CUỘC ĐẤU TRANH...

*(Tiếp theo trang 80)*

xả thân vì sự nghiệp cao cả chống tham nhũng. Trước hết, người đứng đầu phải thực sự *trong sáng, liêm chính, là tấm gương sáng* về đạo đức lối sống, không chấp nhận tham nhũng. Sự trong sáng, liêm chính đó bắt đầu từ bản thân, tới tập thể những người thân xung quanh, gần nhất: vợ, chồng, con, bố, mẹ, anh, chị, em, tạo thành tấm gương tập thể, chiếu vào cộng đồng xung quanh, tạo những vùng sáng liêm chính liên tục trong toàn xã hội. Chấn chỉnh một cách căn bản công tác cán bộ: từ đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ đến kiên trì xây dựng các thế hệ công dân của xã hội mình vì mọi người, mọi người vì mình. Xử lý nghiêm, dứt điểm những vi phạm, dù vi phạm đó là của ai, ở bất kỳ cương vị nào.

*Ba là, đa dạng hóa các hình thức kiểm tra, thanh tra,* đưa việc kiểm tra, thanh tra thành một nếp sống xã hội. Ngoài việc tăng cường vai trò, hiệu lực cho các tổ chức kiểm tra, thanh tra truyền thống, cần thực hiện các hình thức kiểm tra, giám sát, thanh tra nhân dân, coi việc dựa vào nhân dân để chống tham nhũng, tiêu cực là giải pháp đột phá, là động lực góp phần khắc phục những trì trệ trong tự phê bình và phê bình. Mạnh dạn thí điểm và nhân rộng các hình thức động viên nhân dân tham gia đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực; *xử lý mọi thông tin* của nhân dân cung cấp; nâng cao trình độ hiểu biết, ý thức trách nhiệm và tinh thần tự giác của nhân dân đối với sự nghiệp lành mạnh hóa, trong sạch hóa đội ngũ cán bộ, đảng viên và trong sạch xã hội. Có những quy định, cơ chế bảo vệ nhân dân trong cuộc đấu tranh này. Tổ chức tốt việc thanh tra nhân dân, việc giám sát của nhân dân đối với cán bộ, đảng viên.

*Bốn là, tiếp tục nghiên cứu kỹ hơn, cụ thể hơn,* cập nhật hơn các kinh nghiệm của Trung Quốc trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng để vận dụng sáng tạo trong điều kiện cụ thể của Việt Nam. Tăng cường mối quan hệ phối hợp, thường xuyên trao đổi kinh nghiệm với một số nước trong khu vực, nhất là Trung Quốc, Thái Lan, Ma-lai-xi-a... nghiên cứu từng bước làm trong sạch các lĩnh vực cụ thể, nhất là các lĩnh vực mà chúng ta đang có nhiều bức xúc, như trong quản lý và sử dụng đất đai, trong quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý sử dụng ngân sách công, quản lý và đổi mới các doanh nghiệp nhà nước. ❑



Digitized by Google

# CHIẾN LƯỢC DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

TRẦN QUANG NHIẾP

DÂN số và kinh tế là hai phạm trù khác nhau, nhưng chúng có mối liên hệ chặt chẽ với nhau ở nhiều khía cạnh cùng những nội dung thiết yếu của nó. Chính vì vậy, trong sự phát triển của dân số, của cộng đồng dân cư, cộng đồng quốc gia dân tộc, trước hết và cơ bản phải tính đến sự phát triển kinh tế. Cho nên, việc làm rõ và phát triển mối liên hệ biện chứng giữa dân số và phát triển kinh tế là yêu cầu khách quan trong thực hiện mục tiêu chiến lược dân số và chiến lược phát triển kinh tế ở nước ta.

Mối quan hệ này thể hiện ngay ở mục tiêu tổng quát của Chiến lược Dân số Việt Nam thời kỳ 2001 - 2010 và định hướng đến năm 2020 nhằm: *khuyến khích thực hiện gia đình ít con, khỏe mạnh để có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, tạo điều kiện nâng cao chất lượng dân số, phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tiến tới ổn định quy mô dân số ở mức hợp lý, từng bước giải quyết có hiệu quả việc phân bố dân cư, cơ cấu và chất lượng dân số.*

Như vậy Chiến lược Dân số được triển khai trên các mặt: Quy mô dân số; chất lượng dân số, cơ cấu dân số và phân bổ dân cư hợp lý nhằm không ngừng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước một cách bền vững.

Nhận rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của vấn đề dân số và phát triển, ngay từ những năm 60 của thế kỷ XX, công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình ở nước ta đã được triển khai rộng khắp với sự tham gia tích cực của các cấp bộ đảng, chính quyền, các tổ chức và cộng đồng trong cả nước.

Từ khi đất nước ta tiến hành công cuộc đổi mới, chủ trương xã hội hóa công tác dân số đã làm thay đổi nếp nghĩ và hành vi của nhiều người, khiến cho việc giải quyết các vấn đề xã hội nói chung, công tác dân số nói riêng đạt nhiều kết quả thiết thực. Tỷ lệ sinh đã giảm đáng kể, trung bình hằng năm đạt 1%, bằng mức của một số quốc gia trên thế giới đã thực hiện thành công chương trình dân số. Cuộc vận động xây dựng quy mô gia đình nhỏ và mỗi cặp vợ chồng dừng ở 2 con để nuôi dạy cho tốt nhanh chóng đi vào cuộc sống, được nhân dân đồng tình hưởng ứng .

Hiện nay, nước ta có khoảng 80 triệu người, là nước đông dân thứ 2 ở Đông Nam Á (sau In-đô-nê-xi-a) và thứ 14 trong các nước trên thế giới. Song để xem xét sự phát triển của một quốc gia, không chỉ dựa trên quy mô dân số, mà còn căn cứ nhiều tiêu chí khác, cùng các nguồn lực cần thiết cho sự phát triển của con người mà mấu chốt và cơ bản là tiềm lực kinh tế. Thực tế mối quan hệ giữa dân số và kinh tế được thể hiện ở trong nhau, tác động và chi phối lẫn nhau.


Digitized by Google

Trong xu hướng vận động, phát triển, dân số và kinh tế có nhiều mối quan hệ, chúng ta tiếp cận ở mấy khía cạnh chính sau.

***1 - Sự thống nhất của mục tiêu dân số và phát triển kinh tế***

Ở nước ta, Đảng và Nhà nước luôn coi công tác dân số là một bộ phận quan trọng trong chiến lược phát triển toàn diện đất nước, là một trong những vấn đề kinh tế - xã hội hàng đầu, là một yếu tố cơ bản góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống con người, cuộc sống mỗi gia đình, cuộc sống của cộng đồng và của toàn xã hội.

Công tác dân số nhằm mục đích điều chỉnh nhận thức, hành vi của mỗi con người trong xã hội, hướng tới một cộng đồng có số lượng dân số, cơ cấu dân cư hợp lý; có chất lượng dân số khỏe mạnh, cân đối, toàn diện cả về thể lực lẫn trí tuệ, tâm hồn, là nguồn lực mạnh mẽ tạo ra nền kinh tế phát triển bền vững. Mặt khác, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta nhằm mục đích phát huy mọi nguồn lực, giải phóng sức sản xuất, tăng sức cạnh tranh lành mạnh, khai thác tối đa các tiềm năng, thế mạnh để công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Rõ ràng CON NGƯỜI ở nước ta được coi là trung tâm, là điểm xuất phát và là đích cuối cùng; là mục tiêu chung của công tác dân số và phát triển kinh tế. Quy mô, cơ cấu dân số hợp lý, chất lượng dân số cao là nhân tố bảo đảm và quyết định cho kinh tế phát triển. Đồng thời, một quốc gia có nền kinh tế phát triển ổn định, bền vững thì tạo điều kiện cho dân số có cơ cấu hợp lý và chất lượng cao. Sự thống nhất và gặp gỡ ở mục đích của công tác dân số và phát triển kinh tế chính là chất lượng cuộc sống con người.

Trong điều kiện ở nước ta, sự thống nhất mục tiêu này trước hết là xóa bỏ tình trạng đói nghèo, lạc hậu của người dân, đặc biệt là một bộ phận dân cư không nhỏ ở nhiều nơi, nhất là nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa. Phấn đấu để người dân trong độ tuổi có điều kiện học tập bảo đảm phổ cập giáo dục tiểu học, từng bước nâng cao dân trí toàn xã hội. Thực hiện các chính sách chăm sóc sức khỏe, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng và tử vong trẻ em, người ốm được chữa bệnh, tăng sức khỏe bà mẹ, phòng chống HIV/AIDS và các bệnh khác trong cộng đồng. Bảo vệ môi trường trong sạch, lành mạnh để thực sự là cái nôi trong lành nuôi dưỡng con người phát triển. Thực hiện lồng ghép các nguyên tắc phát triển bền vững về dân số và kinh tế trong các chính sách, các chương trình quốc gia. Hạn chế tối đa và đẩy lùi các hoạt động tiêu cực làm tổn hại đến tài nguyên và môi trường. Bảo vệ và cung cấp nguồn nước sạch cho sản xuất và sinh hoạt của mọi người dân ở khắp các vùng miền của đất nước. Trên những cơ sở đó, chúng ta không ngừng xây dựng đất nước phồn vinh, gia đình hạnh phúc.

Cơ sở của sự thống nhất mục tiêu trên là sự liên kết, khả năng tham gia và trình độ điều hành của mọi thành viên; là nâng cao quyền tự do, bình đẳng, đoàn kết, khoan dung, tinh thần trách nhiệm của mỗi con người trong cộng đồng trên khắp đất nước ta.

***2 - Những yếu tố thống nhất giữa dân số và phát triển kinh tế ở nước ta hiện nay***

Việc nhận thức đúng đắn những yếu tố thống nhất giữa dân số và phát triển kinh tế có ý nghĩa thiết thực trong công cuộc đổi mới xây dựng đất nước ta hiện nay. Những yếu tố ấy có thể gồm:

*Một là, xác định đúng quy mô, chất lượng dân số, cơ cấu dân cư hợp lý là yếu tố quan trọng bảo đảm kinh tế phát triển.*

Ở nước ta, do thực hiện tốt công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình nên những năm qua mức sinh giảm nhanh so với kế hoạch đề ra đã tạo điều kiện thuận lợi để đạt được mục tiêu hạ tỷ lệ phát triển dân số từ 2,1% (1992) xuống còn trên 1,3% (2002); quy mô dân số là



Digitized by Google

80 triệu người (2002); số con trung bình của một phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ là 2,28 con.

Đây là một tiến bộ vượt bậc so với mục tiêu đề ra. Theo tính toán của Tổng cục Thống kê dựa trên Tổng Điều tra dân số và Nhà ở năm 1999, lẽ ra dân số nước ta là 80 triệu người vào năm 1999, nhưng tới năm 2002 chúng ta mới đạt con số này. Kết quả ấy đã góp phần giảm ngân sách chi cho các dịch vụ xã hội như giáo dục, y tế, trực tiếp góp phần xóa đói giảm nghèo, nâng cao mức sống của người dân. Chất lượng dân số nhờ đó được nâng cao, là nhân tố bảo đảm cho nguồn lực lao động phát triển, trực tiếp thúc đẩy sự tăng trưởng nền kinh tế quốc dân.

Thực tế cho thấy, sự tăng trưởng kinh tế là nhờ nhân tố con người - nhân tố có tính quyết định đối với mọi thời đại, mọi nền kinh tế. Con người không chỉ là con người riêng lẻ, mà là chất lượng, quy mô dân số của một cộng đồng quốc gia dân tộc thống nhất, chất lượng giống nòi của cả dân tộc.

*Hai là, kinh tế phát triển bền vững là cơ sở bảo đảm cho quy mô, chất lượng, cơ cấu dân số ổn định, hợp lý.*

Một nước có nền kinh tế phát triển bền vững sẽ bảo đảm cho dân số phát triển tốt về chất lượng, ổn định, hợp lý về quy mô và cơ cấu dân cư. Người dân có mức sống cao, họ sẽ tự ý thức đầy đủ về việc lựa chọn xây dựng quy mô gia đình thích hợp để tập trung nuôi dạy con cái, nâng cao chất lượng sống gia đình.

Mặt khác, qua thực tế cho thấy, nếu tính tỷ lệ tăng GDP đầu người sẽ phụ thuộc trực tiếp vào tỷ lệ tăng tổng sản phẩm quốc nội và tỷ lệ tăng dân số, trong đó tỷ lệ tăng sản phẩm quốc nội là tử số và tỷ lệ tăng dân số là mẫu số. Để tăng GDP bình quân đầu người thì tổng sản phẩm quốc nội phải tăng nhanh hơn tỷ lệ tăng dân số. Việc hạ thấp tỷ lệ tăng dân số sẽ góp phần làm tăng GDP thông qua việc tăng số lượng và chất lượng lao động và giảm các khoản chi trên để tăng cho đầu tư phát triển kinh tế.

Kinh nghiệm của các nước trên thế giới cho thấy, hầu hết các nước đang phát triển có sự nhảy vọt về kinh tế, trước đó họ đã thực hiện có kết quả cao về công tác dân số. Các nhà kinh tế học đã thừa nhận việc giảm sinh ở ba thập kỷ qua đã góp phần quan trọng vào việc tăng trưởng kinh tế của những nước như: Hàn Quốc, Thái Lan, Xin-ga-po, v.v..

Ở nước ta, những kết quả thực hiện công tác dân số đối với phát triển kinh tế những năm qua cũng khá rõ nét, góp phần vào việc tăng trưởng kinh tế tương đối cao.

Đặc biệt, các năm gần đây, khi chúng ta tiến hành công cuộc đổi mới, thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần đã thúc đẩy các hộ gia đình với tư cách là chủ thể của thành phần kinh tế tư nhân, cá thể, tiểu chủ... đã chủ động điều chỉnh nhận thức, hành vi làm cho công tác dân số ổn định về quy mô, phù hợp dần về cơ cấu, tăng nhanh về chất lượng. Kinh tế, vì thế đã tác động trực tiếp và gián tiếp đến công tác dân số ở nước ta.

*Ba là, giải quyết tốt các vấn đề xã hội là nhân tố thúc đẩy công tác dân số và phát triển kinh tế.*

Con người làm ra kinh tế, song con người tồn tại trong xã hội và cả con người và nền kinh tế đều chịu sự chi phối nhiều mặt bởi các yếu tố xã hội.

Công tác dân số và phát triển kinh tế vì thế chịu sự tác động trực tiếp và gián tiếp từ phía các yếu tố xã hội. Cho nên giải quyết tốt các vấn đề xã hội là yếu tố thúc đẩy công tác dân số và phát triển kinh tế.

Từ ý nghĩa đó, việc đưa ra các định hướng phát triển kinh tế và chiến lược dân số phải xuất phát từ những điều kiện lịch sử, tự nhiên, phong tục, tập quán, truyền thống văn hóa, đặc thù của dân tộc. Đảng và Nhà nước có chính sách cụ thể, thiết thực chăm lo giải quyết việc làm cho


Digitized by Google

người lao động để họ tự nuôi sống và làm giàu cho gia đình mình và cho xã hội. Có biện pháp xóa đói giảm nghèo cho bộ phận dân cư ở nông thôn, miền núi trong những thời hạn nhất định. Khắc phục tình trạng chênh lệch giàu nghèo, sự cách biệt về mức sống giữa thành thị và nông thôn, giữa miền xuôi và miền núi, giữa các bộ phận dân cư. Ngăn chặn đi tới đẩy lùi các tiêu cực và tệ nạn xã hội làm cho môi trường xã hội lành mạnh, ổn định, mọi người yên ổn làm ăn sinh sống. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ thiết thực cho sản xuất, đời sống của mọi người dân nói chung, của đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng nông thôn nói riêng. Đổi mới cơ chế quản lý làm cho các yếu tố của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phát triển thông thoáng, năng động. Nhà nước hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách phù hợp, làm cho người dân có hành lang pháp lý ổn định, chủ động trong sản xuất đời sống, đem hết sức lực, tài năng để làm giàu chính đáng cho gia đình và cho xã hội. Có cơ chế thích hợp giúp cho người nghèo cũng có cơ hội tham gia đầy đủ vào các hoạt động của đời sống xã hội và được hưởng thụ những thành quả của phát triển kinh tế - xã hội đem lại.

***3 - Phương hướng, biện pháp để làm tốt công tác dân số và phát triển kinh tế hiện nay***

*Một là*, thống nhất việc thực hiện mục tiêu chiến lược dân số 2001 - 2010 với mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế của đất nước trong chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội chung của đất nước cũng như từng ngành, từng địa phương.

*Hai là*, phải tiến hành đồng bộ công tác dân số, nhằm thực hiện nhất quán các mục tiêu về quy mô, chất lượng dân số và cơ cấu dân cư để hướng tới xây dựng nguồn nhân lực có sức khỏe, có trí tuệ bảo đảm cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

*Ba là*, tăng trưởng kinh tế đồng thời với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Sự tăng trưởng của nền kinh tế hướng vào phục vụ con người, vì con người, thực sự làm nền tảng cho xã hội công bằng, văn minh, tiến bộ, phát triển bền vững.

*Bốn là*, đổi mới phương thức và nâng cao năng lực quản lý của Nhà nước đối với việc thực hiện các mục tiêu chiến lược dân số và phát triển kinh tế. Phân cấp và nâng cao năng lực của các địa phương cùng với trung ương bảo đảm tính bền vững trong thực hiện các mục tiêu chiến lược dân số và phát triển kinh tế hiện nay.

*Năm là*, giải quyết tốt các mâu thuẫn đang đặt ra trên những vấn đề cụ thể nổi cộm như: Ổn định quy mô dân số, cơ cấu dân cư với nâng cao chất lượng dân số, trong quá trình mở rộng sản xuất, sắp xếp lại các vùng kinh tế; chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xử lý quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường với bảo vệ môi trường, xóa đói giảm nghèo, khắc phục sự chênh lệch giữa các tầng lớp nhân dân; giữa nâng cao chất lượng cuộc sống với ngăn chặn, đẩy lùi các tệ nạn xã hội...

*Sáu là*, chủ động vượt qua những thách thức trên đường thực hiện Chiến lược Dân số và phát triển kinh tế để tạo ra thế và lực mới trong cộng đồng.

*Bảy là*, tăng cường công tác truyền thông, đổi mới các hình thức, biện pháp tuyên truyền nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả, giáo dục phù hợp với từng loại đối tượng ở nước ta về dân số và phát triển kinh tế hiện nay...

Dân số và phát triển kinh tế thực sự là vấn đề lớn, có ý nghĩa quan trọng đối với quá trình ổn định, phát triển bền vững của mỗi quốc gia.

Việc thực hiện chiến lược dân số trong thời gian tới, vì thế, cần được các tầng lớp nhân dân nhận thức sâu sắc, đúng đắn, đầy đủ và toàn diện hơn để thực hiện nó một cách có hiệu quả, tạo cơ sở cho đất nước ta phát triển bền vững. ❑



Digitized by Google

# Dân số và vấn đề bảo vệ môi trường

ĐỖ MAI THÀNH

DÂN số và môi trường có mối quan hệ mật thiết với nhau trong sự phát triển bền vững toàn cầu. Đây cũng là mối quan tâm hàng đầu của cộng đồng quốc tế hiện nay.

Dân số thế giới hiện nay ước tính khoảng 6,5 tỉ người. Ba mươi năm qua (1972 - 2002), mặc dù cộng đồng thế giới đã có rất nhiều nỗ lực để giảm bớt tốc độ tăng dân số, nhưng số dân thế giới vẫn tăng thêm 2 220 triệu người. Những năm tới, dân số thế giới có xu hướng tiếp tục gia tăng và ước tính sẽ lên tới khoảng 15 tỉ người vào năm 2050. Điều đó đã không góp phần làm cho môi trường sống trên trái đất tốt đẹp lên như mong muốn, trái lại còn làm hủy hoại nghiêm trọng đến môi trường. Vấn đề môi trường đã trở thành vấn đề toàn cầu, không quốc gia nào có thể không quan tâm, nếu muốn phát triển bền vững. Chẳng hạn, nhằm đáp ứng nhu cầu lương thực do tăng nhanh dân số, đất đai trên trái đất đã bị khai thác một cách kiệt quệ. Độ màu mỡ của đất ngày càng bị giảm sút không chỉ do sự khai thác quá mức của con người, mà còn do sự kém hiểu biết trong việc áp dụng những phương thức canh tác không thích hợp. Diện tích rừng nhiệt đới của thế giới hằng năm bị mất đi khoảng 1%, do con người mở rộng diện tích đất nông nghiệp, khai thác gỗ và các sản phẩm khác của rừng. Tính đa dạng sinh học trên phạm vi toàn cầu cũng bị suy giảm tốc độ lớn bởi những hành động phá hủy môi trường. Ước tính trong thời gian nói trên đã có 24% loài vật có vú, 21% loài chim bị đe dọa tuyệt chủng, các nguồn lợi thủy sản cũng bị giảm sút nhanh chóng. Những hoạt động kinh tế như phát triển các ngành công nghiệp, nông nghiệp,... cùng với hoạt động sinh hoạt hằng ngày của loài người đã tạo ra một lượng chất thải, khí thải khổng lồ, tác động xấu đến môi trường, gây nên tình trạng nóng lên của trái đất, hiệu ứng nhà kính, mưa a-xít, các hiện tượng En Ni-nô, En Ni-la, sa mạc hóa nhiều vùng lãnh thổ và tầng ô-zôn bị phá hủy tới mức kỷ lục (vào tháng 9-2000, lỗ thủng tầng ô-zôn tại Nam Cực đã rộng tới 28 triệu $km^2$). Do môi trường sống bị tàn phá, nhiều loài động, thực vật bị mất dần, có nguy cơ tuyệt chủng, hiện tượng san hô bị chết trắng xảy ra ở nhiều nơi trên thế giới.

Môi trường trên trái đất bị tàn phá nghiêm trọng bởi những hoạt động sống của con người lại tác động xấu trở lại đối với chính con người. Nhiều vùng trên thế giới đã bị ảnh hưởng nặng nề của các dòng chảy, lũ lụt, hạn hán và các hiện tượng thời tiết bất thường khác làm thiệt hại nhiều về người cũng như về kinh tế ở các quốc gia. Theo thống kê, số người bị ảnh hưởng của các thiên tai đã tăng từ 147 triệu người/năm (vào những năm 1980) lên tới 211 triệu người/năm (vào những năm 1990). Cũng do sự khai thác quá mức các nguồn nước mặt và nước ngầm đã dẫn đến tình trạng con người bị thiếu nước nghiêm trọng. Vào giữa những năm 90 thế kỷ trước, có khoảng 80 quốc gia (chiếm 40% dân số thế giới) thiếu nước trầm trọng; tới nay còn khoảng 1,2 tỉ người thiếu nước sạch, 2,4 tỉ người thiếu


Digitized by Google

các dịch vụ vệ sinh và hằng năm có tới 3 đến 5 triệu người chết vì các bệnh liên quan đến nước. Sự phát thải các khí gây ô nhiễm môi trường sống cùng với tác động tổng hợp của nồng độ ô-zôn, khói, bụi ở tầng không khí mặt đất gây nhiều mối nguy cơ về sức khỏe, tăng các bệnh đường hô hấp, tim mạch đối với con người, đặc biệt tại các đô thị và ở các nước đang phát triển.

Lo ngại trước những thực trạng đó, cộng đồng thế giới ngày càng cố gắng với nhiều hành động thiết thực nhằm bảo vệ môi trường. Ở cấp quốc tế, đó là các hội nghị như Hội nghị Liên Hợp Quốc về môi trường con người (năm 1972), Hội nghị thượng đỉnh trái đất về môi trường và phát triển (năm 1992), Hội nghị thượng đỉnh thế giới về phát triển bền vững (năm 2002)... Tại các hội nghị này, các quốc gia tham gia đã chỉ ra những thách thức đối với vấn đề môi trường toàn cầu như khoảng cách giàu nghèo giữa các nước, quá trình toàn cầu hóa, các cuộc xung đột vũ trang, buôn bán vũ khí...; đồng thời, đề ra những mục tiêu xóa nghèo đói, thay đổi mô hình sản xuất, tiêu thụ không bền vững, bảo vệ và quản lý tài nguyên thiên nhiên. Hàng loạt văn bản, chính sách, những cam kết quốc tế đã được nhiều nước tham gia hợp tác, đồng thuận trong việc bảo vệ môi trường. Ở cấp quốc gia, nhiều nước đã thành lập Bộ Môi trường, và vấn đề phát triển bền vững, các tiêu chuẩn về môi trường đã trở thành đề tài được thường xuyên đề cập trong các chương trình nghị sự, tại các hội thảo, hội nghị, các khóa học...Tuy nhiên, môi trường vẫn còn là vấn đề nóng bỏng đối với nhiều quốc gia.

Ở Việt Nam, theo số liệu của Tổng cục Thống kê, dân số cả nước năm 2002 là 79,7 triệu người, trong đó nam có 39,2 triệu người (chiếm tỷ lệ 49,2%), nữ có 40,5 triệu người (chiếm tỷ lệ 50,8%), dân số thành thị là 20 triệu người (chiếm 25,1%), nông thôn là 59,7 triệu người (chiếm 74,9%). Tỷ lệ tăng dân số năm 2002 so với năm 2001 là 1,32% (giảm so với tỷ lệ của năm 2000 là 1,35%). Do đẩy mạnh công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình nhằm giảm tỷ lệ sinh đẻ, nên Việt Nam đã đẩy lùi mốc đạt tổng dân số 80 triệu người (tính đến tháng 10 năm 2002) trước 3 năm so với tính toán của các chuyên gia nhân khẩu học (nếu tỷ lệ tăng dân số vẫn giữ ở mức 2,2% như trước đây). Tuy nhiên, quy mô dân số của Việt Nam vẫn lớn, đứng thứ 2 ở Đông Nam Á, thứ 14 trên thế giới, và là một trong những nước có mật độ dân số cao trên thế giới (242 người/km$^2$), chỉ đứng sau Xin-ga-po, Phi-líp-pin ở khu vực Đông Nam Á.

Dân số được phân bổ không đồng đều, có sự khác biệt khá lớn theo vùng địa lý kinh tế. Ví dụ, hai vùng đồng bằng sông Hồng và sông Cửu Long có số dân đông nhất (chiếm 43% dân số cả nước), trong khi diện tích chỉ bằng 17% diện tích đất cả nước. Trái lại, vùng Tây Bắc và Tây Nguyên chiếm 27% diện tích đất lại chỉ có 8,4% dân số.

Di cư và đô thị hóa cũng có nhiều tác động đến môi trường. Trong 8 vùng địa lý - kinh tế trên toàn quốc chỉ có 2 vùng (đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ) nhân dân nhập cư thuần túy từ các vùng khác đến, 6 vùng còn lại là xuất cư thuần túy đi các vùng khác. Vùng Tây Nguyên và Đông Bắc có tỷ suất xuất cư lớn nhất (1,97‰ và 1,75‰); vùng Tây Bắc có tỷ suất xuất cư nhỏ nhất (0,98‰); tiếp theo là vùng Bắc Trung Bộ (0,99‰).

Trình độ học vấn của lực lượng lao động giữa các vùng và giữa thành thị và nông thôn có sự chênh lệch khá lớn. Trên 80% số người thuộc lực lượng lao động hoạt động kinh tế thường xuyên đã tốt nghiệp tiểu học trở lên; 48% đã tốt nghiệp từ phổ thông cơ sở trở lên; số chưa biết chữ là 3,74%. Tỷ lệ lao động làm việc trong các nhóm ngành nông, lâm, ngư nghiệp khá cao. Tỷ lệ thất nghiệp chung của cả nước cũng còn ở mức cao. Công tác xóa đói giảm nghèo tuy được đánh giá là thực hiện tốt, nhưng hiện nay vẫn còn 29% dân số trong tình trạng nghèo đói.


Digitized by Google

Bức tranh khái quát về dân số nêu trên đã phần nào cho thấy tác động của vấn đề dân số đến môi trường ở nước ta có nhiều điều rất đáng lo ngại. Có thể thấy rõ điều đó qua một vài phân tích dưới đây:

*- Tác động của sự phát triển đô thị đến môi trường*

Cùng với sự gia tăng dân số và phát triển kinh tế xã hội, mạng lưới đô thị ở nước ta ngày càng được mở rộng. Đến năm 2003, cả nước đã có 656 đô thị, trong đó có 4 thành phố loại I; 10 đô thị loại II; 13 đô thị loại III; 59 đô thị loại IV; 570 đô thị loại V. Dân số đô thị tăng nhanh từ 11,87 triệu người (năm 1986) lên 18 triệu người (năm 1999) và khoảng 22 triệu người (năm 2002), tỷ lệ đô thị hóa tương ứng từ 19,3% lên trên 25%. Không gian đô thị cũng ngày càng được mở rộng. Nếu năm 1999 đất đô thị chỉ chiếm 0,2% diện tích đất tự nhiên cả nước, thì đến năm 2000 đã tăng lên 0,35% và năm 2003 con số này đạt xấp xỉ 1%.

Quá trình đô thị hóa nhanh đã góp phần nâng cao đời sống của nhân dân nhưng lại kéo theo những ảnh hưởng đáng kể đến môi trường. Tài nguyên đất, nước đã bị khai thác phục vụ cho việc xây dựng đô thị, làm giảm diện tích đất trồng cây xanh và mặt nước. Do nhu cầu nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt tăng, trong khi khả năng cung cấp còn thấp (nguồn nước ngầm khai thác hiện nay chỉ đáp ứng được 30% nhu cầu nước cho các đô thị; mới 45 - 50% dân số được cấp nước) nên đã dẫn đến sự khai thác quá mức, không có quy hoạch của các giếng nước ngầm tự phát trong dân, tạo ra các "cửa sổ "thủy văn, làm suy giảm chất lượng và trữ lượng tầng nước ngầm trong các đô thị. Nguồn nước mặt ngày càng bị ô nhiễm bởi ở hầu hết các đô thị hiện đều không có trạm xử lý nước thải tập trung nên nước thải sinh hoạt, công nghiệp chỉ được xử lý một cách sơ bộ. Tầng nước ngầm cũng đang có nhiều dấu hiệu ô nhiễm, hậu quả của sự rò rỉ nước thải bề mặt, và do hệ thống thu gom rác làm chưa tốt. Rõ ràng, khi dân số đô thị càng lớn thì áp lực của dân số thực sự trở thành tác nhân gây nên tình trạng ô nhiễm môi trường nước ở Việt Nam càng rõ.

Tốc độ đô thị hóa nhanh chóng còn gây ô nhiễm môi trường không khí và tiếng ồn đô thị. Hầu hết các đô thị trong cả nước đều bị ô nhiễm bụi với nồng độ trung bình/giờ trong khu dân cư và dọc các trục đường chính vượt chỉ tiêu cho phép từ 1,5 - 3 lần, cá biệt có nơi còn lên tới trên 10 lần. Cường độ tiếng ồn có xu hướng tăng bởi lượng ô-tô, xe máy tăng nhanh và còn nhiều phương tiện giao thông cũ vẫn đang được sử dụng. Lượng xe quá nhiều đã gây ùn tắc giao thông (nhất là ở các đô thị vừa và lớn) ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường giao thông đô thị.

Đô thị hóa nhanh, lượng dân cư đô thị lớn cũng đồng nghĩa với khối lượng chất thải ra là rất lớn. Theo số liệu của Bộ Tài nguyên và Môi trường, mỗi năm các thành phố thải ra từ 29 000 đến 200 000 tấn chất thải rắn, các thị xã thải ra từ 11 000 đến 92 000 tấn/năm, các thị trấn thải từ 5 đến 5 000 tấn/năm; trong đó tỷ lệ chất thải rắn từ sinh hoạt chiếm 80-90% tổng lượng chất thải rắn. Điều đáng lo ngại là, cùng với sự gia tăng về khối lượng chất thải rắn sinh hoạt thì tính độc hại của các chất thải cũng tăng. Ví dụ ở Hà Nội, năm 1995, thành phần ni-lon, chất dẻo trong chất thải sinh hoạt là 1,7%; năm 1997 tăng lên là 4,1%; năm 1999 là 6,9%; năm 2000 là 9,15%; đến năm 2001 tăng lên tới 9,8%. Cùng với chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn y tế tuy chiếm tỷ lệ nhỏ nhưng đáng lo ngại, bởi nhiều bệnh viện hiện nay tuy có hệ thống xử lý chất thải nhưng hoạt động không thường xuyên, không hiệu quả sẽ gây lên tác động có hại rất lớn cho môi trường.

*- Tác động của các hoạt động kinh tế đến môi trường*

Do dân số tăng cao và nhằm mục tiêu phát triển kinh tế nhiều hoạt động kinh tế đã được


Digitized by Google

diễn ra, song điều đáng nói là vì nhiều lý do khác nhau các hoạt động này lại đang gây tác động tiêu cực nghiêm trọng đến môi trường, nhất là một số hoạt động công nghiệp, nông nghiệp, thương mại... Chẳng hạn, việc khai thác than trong công nghiệp khai khoáng làm phá vỡ địa mạo, địa tầng. Tại vùng mỏ Hòn Gai - Cẩm Phả, do hệ quả sụt lở trôi lấp đất và than thải sau các trận mưa lớn làm cho diện tích vùng bùn bờ biển tăng từ 11 đến 12 lần sau gần 40 năm khai thác, đã tác động lớn đến đa dạng sinh học, các dải san hô vịnh Hạ Long - khu du lịch và di sản thiên nhiên của thế giới. Hoạt động khai thác than đã gây ô nhiễm môi trường không khí, nước với nguồn nước thải từ các mỏ có độ nhiễm bẩn lớn và độ a-xít đạt gần 16 triệu $m^3$/năm. Việc đốt than cung cấp nhiệt điện cũng có tác động đến môi trường, tuy chỉ mang tính cục bộ, nhưng lại tập trung ở các khu dân cư đông đúc nên đã làm ảnh hưởng rất nhiều đến sức khỏe người dân (với sự phát triển của các bệnh đường hô hấp, bệnh mắt, thần kinh do tiếng ồn, bệnh tim mạch...tăng lên). Hoạt động khai thác dầu khí ở nước ta tuy chưa gây ra tác động môi trường lớn, song cũng đã có một số sự cố tràn dầu, vỡ đường ống dầu khí vào bờ,... là những cảnh báo đáng lưu tâm.

Trong nông nghiệp, hoạt động du canh, độc canh, quảng canh, phá rừng (nhất là của dân di cư từ miền xuôi lên khai hoang miền núi), và canh tác không hợp lý đã làm độ phì nhiêu của đất bị suy giảm bởi sự rửa trôi, xói mòn. Rất nhiều nơi vì thiếu nước ngọt nên nhân dân sử dụng nước mặn hoặc nước nhiễm phèn để tưới, làm lây lan phèn mặn ra vùng đất không mặn. Việc sử dụng quá mức các chất hóa học trong sản xuất nông nghiệp cũng gây ô nhiễm lớn cho đất.

Hoạt động khai thác thủy sản quá giới hạn cho phép đã làm cho sản lượng khai thác hằng năm giảm, chỉ còn 30 đến 40% so với trước năm 1990 và gây nên những biểu hiện thay đổi về cấu trúc quần xã thủy sinh vật ở hầu hết các vùng biển, đặc biệt ở khu vực có độ sâu dưới 30 m thuộc Vịnh Bắc Bộ, Đông và Tây Nam Bộ, dưới 50 đến 100 m thuộc ven biển miền Trung. Hiện tượng vi phạm các quy định của Nhà nước trong khai thác thủy sản dẫn đến nguy cơ tàn phá môi trường sống tự nhiên, một số loài hải sản quý hiếm bị cạn kiệt, có thể bị tuyệt chủng, làm giảm tính đa dạng sinh học, làm tổn hại lợi ích kinh tế của đất nước. Theo số liệu của Bộ Tài nguyên và Môi trường, hiện có 17 loài hải sản đang bị đe dọa tuyệt chủng, 20 loài có thể bị đe dọa tuyệt chủng, 39 loài hiếm có thể bị suy cấp, 9 loài đang bị đe dọa (mức độ T), 80% số dải san hô và thảm cỏ biển Việt Nam nằm trong tình trạng rủi ro, trong đó 50% ở tình trạng rủi ro cao. Thủy sản nước ngọt cũng có tới 57 loài đang bị đe dọa tuyệt chủng. Hoạt động nuôi trồng thủy sản phát triển một cách ồ ạt, thiếu quy hoạch những năm gần đây với quy mô và các phương thức nuôi khác nhau cũng phá hủy phần lớn nơi cư trú của các loài ở vùng ven biển, đẩy môi trường vào tình trạng khắc nghiệt hơn về mặt sinh thái. Hiện tượng nuôi tôm trên cát đã gây cạn kiệt nguồn nước ngọt, nước ngầm, gây ô nhiễm biển, gây mặn hóa đất, nước ngầm, làm tăng hoạt động cát bay và bão cát.

Hoạt động thương mại và du lịch cũng có những tác động xấu đến môi trường. Việc khai thác, chế biến với tốc độ nhanh, thiếu chiến lược bảo vệ lâu dài những loại hàng khoáng sản và hàng có nguồn gốc sinh học đã làm cạn kiệt nguồn tài nguyên quốc gia. Việc nhập khẩu những công nghệ lạc hậu cũng là nguyên nhân góp phần gây ô nhiễm môi trường của đất nước. Ngoài ra, các hoạt động thương mại nội địa do thiếu những quy định, sự kiểm soát chặt chẽ của các cơ quan chức năng đưa đến tình trạng các hộ gia đình kinh doanh bừa bãi, gây ô nhiễm nặng trong môi trường sống của cộng đồng.

Tại các trung tâm du lịch lượng chất thải trung bình từ sinh hoạt của khách du lịch tới


Digitized by Google

khoảng 0,67 kg chất thải rắn và 100 lít chất thải lỏng/khách/ngày. Hoạt động du lịch còn gây nên một số dịch bệnh trong cộng đồng, cần phải có những biện pháp xử lý kịp thời.

Ô nhiễm môi trường do các hoạt động sống của con người gây ra và bởi áp lực của sự gia tăng dân số đã tác động rất bất lợi đến sức khỏe cộng đồng, đồng thời gây nhiều thiệt hại kinh tế cho nước ta. Theo nhận định của Bộ Y tế, nước không bảo đảm vệ sinh và vệ sinh môi trường kém dễ gây nên các bệnh tả, thương hàn, ly, tiêu chảy và giun sán. Việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật gây nhiễm trùng hoặc ngộ độc do ăn phải thức ăn ô nhiễm. Những sự cố về môi trường cũng dẫn đến nhiều thiệt hại kinh tế và đe dọa đến đời sống hàng ngày của nhân dân. Chẳng hạn, như mưa lớn chỉ trong 3 ngày vào tháng 8 năm 2003 đã gây ra lũ quét ở hai huyện của tỉnh Đắc Lắc làm 7 người chết, 1 000 ha hoa màu bị lũ cuốn trôi, 1 công trình thủy lợi bị hư hại hoàn toàn, thiệt hại ước tính lên tới 12 tỉ đồng.

Để bảo đảm mối quan hệ giữa dân số và môi trường, cần tập trung làm tốt một số vấn đề sau:

- Quán triệt sâu rộng tới các tầng lớp nhân dân, các ngành, các cấp những quan điểm, mục tiêu, giải pháp của Nghị quyết Trung ương 4, khóa VII, về chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình; định hướng về chính sách dân số của Nghị quyết Đại hội IX và tiếp tục thực hiện Chiến lược Dân số 2001 - 2010.

- Tăng cường quản lý hạ tầng kỹ thuật và môi trường đô thị nhất là trong các lĩnh vực cấp nước, quản lý rác thải, nghĩa trang... Cần quan tâm đến các yếu tố liên vùng, liên tỉnh hoặc liên đô thị. Tiến hành rà soát, xây dựng và ban hành các quy trình kỹ thuật, quy phạm, tiêu chuẩn trong các lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật đô thị.

- Nâng cao ý thức của các đơn vị kinh tế, người dân trong việc bảo vệ môi trường khi thực hiện các hoạt động kinh tế. Đồng thời tổ chức thường xuyên công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện những quy định bảo vệ môi trường, có thưởng, phạt đúng mức.

- Xây dựng và hoàn chỉnh quy hoạch các hoạt động khai thác khoáng sản, hải sản. Hướng dẫn nhân dân nuôi trồng cây, con vừa trên cơ sở khoa học vừa bảo vệ được môi trường. Nhà nước có thể nên có những hỗ trợ nhất định cho nông dân trong việc hoàn thiện các hệ thống kết cấu hạ tầng liên quan nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Khuyến khích nông dân áp dụng tiêu chuẩn quốc tế trong việc nuôi trồng thủy sản để bảo vệ môi trường tốt hơn.

- Tăng cường phối hợp các cơ quan, ban ngành chức năng giải quyết vấn đề ô nhiễm tại các đô thị, trung tâm thương mại, du lịch, các chợ, nơi tập trung nhiều hộ sản xuất, kinh doanh. Nghiên cứu sửa đổi, hoàn thiện các tiêu chuẩn về kinh doanh hàng hóa nhất là đối với những hàng hóa có nguồn gốc độc hại, các sản phẩm, thực phẩm chế biến, các khoáng sản, phế thải... Yêu cầu các doanh nghiệp phải tính đến những quy định môi trường trong chiến lược kinh doanh của mình, như đổi mới công nghệ cũ, lạc hậu, sử dụng công nghệ sạch, kiểm soát môi trường nuôi trồng, loại trừ các nguy cơ ô nhiễm kim loại nặng, dư lượng kháng sinh, thân thiện hơn với môi trường, áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo ISO 14 000... Hoàn thiện các quy định về thu và sử dụng phí bảo vệ môi trường phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp.

- Hoàn thiện hệ thống chính sách, luật pháp bảo vệ môi trường, cùng với kiện toàn hệ thống quản lý môi trường ở các cấp. Phát triển khoa học công nghệ phục vụ công tác bảo vệ môi trường. Tăng cường hơn nữa hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường, tham gia tích cực vào các hoạt động của khu vực, xem xét và phê chuẩn các công ước quốc tế nhằm bảo vệ môi trường. ❑


Digitized by Google

# Giáo dục văn hóa sinh thái - nhân văn trong nhà trường nhằm nâng cao chất lượng dân số

VŨ MINH TÂM *

HOẠT động giáo dục văn hóa sinh thái - nhân văn trong nhà trường xã hội chủ nghĩa không chỉ nhằm mục đích tạo ra mối quan hệ hợp lý, hài hòa giữa con người và môi trường sinh thái, mà còn có ý nghĩa đặc biệt tích cực là xây dựng con người mới, con người có nhân cách phù hợp với sự phát triển của một xã hội công nghiệp, hiện đại định hướng xã hội chủ nghĩa.

Như mọi hình thái giáo dục khác, giáo dục văn hóa sinh thái - nhân văn là một quá trình giáo dục về nhận thức khoa học, về tư duy chính trị, về đạo đức, về thẩm mỹ, về văn hóa nói chung trong lĩnh vực "sinh thái - nhân văn", cùng với những phương thức, biện pháp giáo dục tương ứng, thích hợp.

Trong phạm vi nhà trường, giáo dục văn hóa sinh thái - nhân văn là một phương diện của sự chuẩn bị, trang bị cho mỗi cá thể - con người tham gia tích cực vào hoạt động bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái mang tính nhân văn của toàn cộng đồng xã hội.

Giáo dục văn hóa sinh thái - nhân văn trong nhà trường xã hội chủ nghĩa gồm những nội dung cơ bản sau:

*Trước tiên*, văn hóa sinh thái - nhân văn là tổng thể những đối xử của con người, của xã hội nói chung mang tính tích cực, phù hợp với toàn bộ giới tự nhiên, "hệ thống Tự nhiên - Con người - Xã hội", nhằm bảo đảm mối quan hệ hòa hợp, luôn được cải thiện, phát triển giữa Con người - Xã hội và Tự nhiên với tính cách là điều kiện quy định sự tồn tại bền vững của con người và xã hội.

*Thứ hai*, cơ sở trực tiếp của văn hóa sinh thái - nhân văn chính là nội dung và hệ thống nhận thức, tri thức của con người và cả xã hội nói chung về bản chất, về tổ chức và hệ thống, về các biểu hiện cụ thể, đa dạng của toàn bộ giới tự nhiên cùng với cơ chế, vận hành và những điều kiện tồn tại, phát triển của nó. Chỉ khi nào con người đã nhận thức, nhận diện tự nhiên, môi trường sống đầy đủ, toàn diện, khoa học thì con người mới có ý thức đúng đắn và hành động thực tiễn mang tính tự giác trong việc đối xử trước giới tự nhiên. "Giáo dục môi trường là làm cho từng người và cộng đồng hiểu được bản chất của môi trường tự nhiên và nhân tạo; hiểu được quan hệ tương tác của các mặt sinh học, vật lý, hóa học, xã hội, kinh tế và văn hóa; có được tri thức, thái độ và kỹ năng thực tế để tham gia có hiệu quả và có trách nhiệm vào việc dự báo và giải quyết các vấn đề môi trường và quản lý chất lượng của môi trường" (như Văn bản Hội nghị Tbi-li-xi, 1977) phân tích.

Đồng thời, nhận thức, tri thức môi trường sinh thái - nhân văn bao gồm cả yêu cầu đối xử mang tính khoa học, thực tiễn và nhân văn trước thực trạng môi trường sinh thái hiện nay. Từ việc cung cấp những thông tin về tác động của con người đối với môi trường sinh thái hiện nay, giáo dục môi trường sinh thái - nhân văn đòi hỏi phải giáo dục những kỹ năng tư duy và kỹ thuật -

* PGS. TS. Đại học Sư phạm Hà Nội



Digitized by Google

công nghệ khoa học hiện đại nhằm ứng xử, quản lý và nghiên cứu môi trường sinh thái, môi trường tự nhiên nói chung có hiệu quả, có giá trị xã hội.

*Thứ ba,* giáo dục ý thức, tình cảm có tính nhân văn trong quan hệ của con người với môi trường tự nhiên. Việc bảo vệ và phát triển bền vững môi trường tự nhiên phụ thuộc vào tinh thần nhân văn, ý thức cộng đồng, phẩm chất đạo đức và thái độ thẩm mỹ của con người đối với tự nhiên. Mỗi học sinh, sinh viên, thanh niên, cũng như mỗi cá nhân con người là chủ thể tích cực, chủ động của mối quan hệ giữa con người và môi trường sinh thái. Chính "tính chất người" trên đây sẽ quy định sự tồn tại - được cải thiện - phát triển bền vững của môi trường tự nhiên.

Ở đây, "tính chất người" trong quan hệ với môi trường tự nhiên được thể hiện trên ba mặt: *Một là,* con người thừa nhận, tôn trọng, yêu quý, gìn giữ những cái mà "tạo hóa đã ban tặng cho con người" (từ khí trời trong lành đến cây cỏ xanh tươi, từ sông nước đến chim chóc, muông thú); phẩm chất này được chuyển thành ý thức, lý trí, tình cảm của nhân cách nói chung, trong đó đặc biệt là nhân cách văn hóa; *hai là,* con người tham gia tích cực, tự giác vào hoạt động thực tiễn xã hội nhằm cải thiện hợp lý môi trường sinh thái - tự nhiên, đặc biệt là hoạt động thực tiễn khoa học và hoạt động thẩm mỹ; các hoạt động này vừa có tính sáng tạo của cá nhân, vừa có tính nghĩa vụ của toàn cộng đồng xã hội (từ các cơ quan chức năng, quản lý xã hội, nhà nước, đến mỗi người dân, mỗi thành viên, mỗi công dân trong cộng đồng, quốc gia); *ba là,* con người tự giác khắc phục, loại trừ mọi hành động, hành vi đối xử không hợp lý, gây ô nhiễm, làm mất tính cân bằng, tính tự điều chỉnh của tự nhiên; ngăn ngừa mọi nguyên nhân tác động tiêu cực đến môi trường sinh thái - tự nhiên.

Quá trình giáo dục nói trên, về thực chất, là quá trình hình thành nhân cách tích cực, tự chủ mang tính nhân văn cho chủ thể xã hội - thế hệ trẻ trong nhà trường hiện nay. Bởi vì, nhân cách văn hóa là một tổng thể phức hợp cùng với chất lượng sống của con người bao giờ cũng hình thành và phát triển trên cơ sở các điều kiện tự nhiên cụ thể và sinh hoạt đa diện của con người. "Ý thức sinh thái", "đạo đức môi trường", "thẩm mỹ thiên nhiên"..., một cách tất yếu, đã và đang trở thành các thành tố tham gia, quy định quá trình hình thành nhân cách và phát triển con người.

*Thứ tư,* giáo dục hoạt động, hành động thực tiễn khoa học - kỹ thuật - công nghệ trong giáo dục môi trường. Giáo dục văn hóa sinh thái - nhân văn, như tất cả các hình thái giáo dục khác, là một quá trình thống nhất giữa nhận thức và hoạt động thực tiễn. Trong bối cảnh của sự "bùng nổ như vũ bão" khoa học - kỹ thuật - công nghệ hiện đại, hành động thực tiễn nhằm bảo vệ, phát triển bền vững môi trường sinh thái - tự nhiên không thể không nắm vững và sáng tạo công cụ trí tuệ đó của nhân loại ngày nay. Điều này đòi hỏi nhà trường phải chuẩn bị cho thế hệ trẻ một năng lực thực hành, một khả năng quản lý, tổ chức trong việc ứng dụng, thực thi các thành tựu khoa học - kỹ thuật - công nghệ vào trong lĩnh vực cải thiện môi trường sinh thái - tự nhiên.

Giáo dục hoạt động thực tiễn khoa học - kỹ thuật - công nghệ trong giáo dục môi trường đòi hỏi phải đáp ứng được những yêu cầu có tính nguyên tắc sau: *Một là,* học sinh, sinh viên có năng lực tổ chức, quản lý, hướng dẫn những hoạt động ứng dụng, thực hiện khoa học - kỹ thuật - công nghệ vào tất cả các hình thức thực tế cải thiện môi trường sinh thái - tự nhiên trong phạm vi nhà trường cũng như ngoài xã hội. *Hai là,* học sinh, sinh viên phải nắm vững mọi kỹ năng, thành thạo "tay nghề" chuyên môn trong quá trình thực hiện các hình thức thực tế nói trên. *Ba là,* học sinh, sinh viên phải thường xuyên tiếp cận được những thông tin cập nhật, những thành tựu mới trong lĩnh vực khoa học về môi trường sinh thái, nắm được những nhu cầu và những định hướng cụ thể trong việc giải quyết những vấn đề về môi trường sinh thái - tự nhiên đang đặt ra.

Hiện nay, nước ta đang trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước với cơ chế


Digitized by Google

kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Vì nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan trong điều kiện cơ chế kinh tế thị trường, các hoạt động công nghiệp - công nghệ cũng như các sinh hoạt tiêu dùng sản phẩm công nghiệp - công nghệ đang tạo ra sức ép phá vỡ cân bằng sinh thái và ổn định môi trường tự nhiên. Do đó, nhà trường không chỉ cung cấp những tri thức và kỹ năng bảo vệ môi trường sinh thái - tự nhiên, mà còn cần tạo ra những chủ thể xã hội có năng lực khoa học - kỹ thuật trong hoạt động ngăn ngừa, khắc phục, điều chỉnh những tác hại, hậu quả tiêu cực đối với môi trường sống do chính quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa gây ra. Năng lực khoa học - kỹ thuật này phải tạo ra được sự cân đối, hài hòa giữa một bên là nhu cầu, lợi ích của công nghiệp hóa, hiện đại hóa và một bên là nhu cầu, lợi ích của việc bảo vệ, cải thiện một môi trường sinh thái - tự nhiên bền vững, phát triển.

*Thứ năm*, giáo dục "điển hình", "khuôn mẫu", "người tốt làm việc tốt" của văn hóa sinh thái - nhân văn. Đo chức năng, vị trí của nhà trường đối với xã hội, việc giáo dục học sinh, sinh viên trở thành "điển hình", "khuôn mẫu", "người tốt làm việc tốt" trong hoạt động bảo vệ, cải thiện môi trường sinh thái - tự nhiên là một yêu cầu cần thiết, cấp bách. Nhờ ưu thế và thuận lợi nhiều mặt của nhà trường, học sinh, sinh viên hoàn toàn có khả năng trở thành những chủ thể xã hội tích cực nhất trong mọi quan hệ giữa con người và tự nhiên, giữa con người với xã hội và môi trường sinh thái - tự nhiên. Chủ thể này là "con người toàn diện": có ý thức trách nhiệm đối với môi trường; có năng lực tổ chức, quản lý, vận động bảo vệ và cải thiện môi trường; có trình độ khoa học - kỹ thuật - công nghệ trong hoạt động "vì môi trường bền vững"; có năng lực "nhân bản", xã hội hóa các chủ thể cộng đồng trong bảo vệ, cải thiện môi trường.

Nói cách khác, nhà trường cần tạo ra các "hạt giống đỏ" cho xã hội trong lĩnh vực "cải thiện môi trường sống", các "mẫu mực" làm chủ môi trường và cũng là các tác nhân chủ yếu trong hoạt động bảo vệ, cải thiện môi trường sinh thái - tự nhiên.

Để tiếp tục giáo dục văn hóa sinh thái - nhân văn trong nhà trường, trước mắt, cần giải quyết hiệu quả một số phương hướng và biện pháp sau:

*Một.* Hoạt động giáo dục văn hóa sinh thái - nhân văn trong nhà trường là một loại hoạt động *phức hợp*, mang *tính tổng thể* với những đặc điểm, đặc trưng riêng biệt. Để có thể có hiệu quả giáo dục nhà trường cần xây dựng và thực thi một *hệ thống* hoàn chỉnh, đồng bộ về giáo dục môi trường sinh thái - nhân văn. Hệ thống này được xác lập từ mục tiêu, nội dung, kế hoạch, chương trình hoạt động, thời gian thực thi, phạm vi đối tượng thực hiện đến hoạt động chỉ đạo, quản lý; các thành viên, các chủ thể tiến hành hoạt động và sự liên kết giữa các thành phần nhân sự, các lĩnh vực hoạt động chuyên môn, các lực lượng trong nhà trường và ngoài xã hội.

Hệ thống nói trên vừa là "định hướng chỉ đạo" vừa là "chương trình hành động", vừa là "pháp quy" của toàn bộ phạm vi và quá trình giáo dục môi trường.

*Hai.* Mọi hoạt động nói chung, mọi phương pháp giáo dục môi trường sinh thái - nhân văn đều cần bảo đảm tính thống nhất chặt chẽ, hữu cơ giữa các bộ phận, các lĩnh vực: Nhận thức khoa học (lý thuyết, lý luận) về môi trường sinh thái - tự nhiên; quan điểm chính trị - xã hội đúng đắn, tư tưởng và tình cảm mang tính nhân văn, đạo đức mới và thẩm mỹ tích cực trong quan hệ đối với môi trường sinh thái - tự nhiên; hoạt động thực tiễn bảo vệ, cải thiện môi trường sinh thái - tự nhiên (hành động, kỹ năng, tổ chức, quản lý v.v..); quan hệ giữa môi trường tự nhiên và môi trường xã hội, giữa môi trường hẹp (của cá nhân, của nhà trường, của gia đình) và môi trường rộng (của cộng đồng xã hội như làng xã, khu phố, quốc gia, quốc tế...); quan hệ giữa môi trường sinh thái - tự nhiên hiện thời và môi trường sinh thái - tự nhiên lâu dài.

*Ba.* Huy động mọi chủ thể trong nhà trường tham gia vào toàn bộ quá trình giáo dục môi trường sinh thái - nhân văn. Các chủ thể ở đây bao gồm cả thầy và trò, cả các tổ chức, đoàn thể


Digitized by Google

trong nhà trường và ngoài nhà trường (các cấp chính quyền, đoàn thể và người dân địa phương, phụ huynh và gia đình của học sinh, sinh viên).

*Bốn.* Các phương pháp - biện pháp giáo dục và môi trường sinh thái - nhân văn không bó hẹp trong "môn học môi trường", mà là một hệ thống giáo dục "mở". Mọi hoạt động giảng dạy, mọi bộ môn khác nhau đều nằm trong một hệ thống tổ chức hoạt động giáo dục môi trường. Sự tham gia của các bộ môn, các hình thức giáo dục chuyên môn khác nhau vừa thực hiện mục tiêu giáo dục chung về môi trường vừa theo chức năng, đặc thù của mình. "Giáo dục môi trường là kết quả của một sự định hướng lại và sắp xếp lại những bộ môn khác nhau và những kinh nghiệm giáo dục khác nhau (của khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, văn hóa, nghệ thuật...). Nó cung cấp một nhận thức toàn diện về môi trường" (Tuyên ngôn Tbi-li-xi - UNESCO - UNEP - 1978).

*Năm.* Tổ chức, thực hiện mọi hình thức sinh hoạt cộng đồng (nhà trường và xã hội) nhằm giáo dục môi trường như "Du lịch sinh thái", "Tết trồng cây", tham gia phong trào "Xanh - Sạch - Đẹp", sáng tác nghệ thuật "ngôi nhà chung", nghiên cứu khoa học theo đề tài "Văn hóa sinh thái", tham gia tình nguyện viên "Văn hóa sinh thái, nếp sống vệ sinh làng quê", v.v..

*Sáu.* Thông tin khoa học về môi trường sinh thái - tự nhiên, về thực trạng và dự báo "môi trường trái đất". Tham gia vào "mạng môi trường" và tiếp nhận thông tin môi trường qua mạng. Liên kết với địa phương trường đóng để có được những hoạt động cụ thể nhằm cải thiện môi trường sinh thái - nhân văn.

*Điều cần nhấn mạnh là, nhà trường và hoạt động xã hội hóa giáo dục không ngừng chủ động nâng cao chất lượng văn hóa sinh thái - nhân văn.* Đây là một quá trình đưa văn hóa sinh thái - nhân văn vào đời sống xã hội, trong đó mỗi thành viên cộng đồng là một chủ thể tích cực của hoạt động bảo vệ, cải thiện môi trường sống của con người và xã hội.

Để có một nhân cách mang ý thức văn hóa sinh thái - nhân văn, trước hết, xã hội cần tạo ra các điều kiện, cơ sở khách quan cho lĩnh vực giáo dục này. Trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta hiện nay, vai trò của quản lý xã hội, của hệ thống giáo dục đối với môi trường sống có tính chất quyết định ở "tầm vĩ mô". Đồng thời, trên phạm vi toàn xã hội cần có một đời sống sinh hoạt thường nhật coi trọng thói quen, tập quán, phong tục, lối sống "môi trường sống sạch".

Giải quyết một cách tích cực, hợp lý, hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế, khoa học - kỹ thuật, công nghệ và môi trường sinh thái. Hiệu quả của việc giải quyết trên sẽ là tấm lá chắn cho môi trường sống trước những hậu quả "chết người" khôn lường do chính mặt trái của sản xuất công nghiệp, kinh tế thị trường gây ra.

Ý thức văn hóa sinh thái - nhân văn còn liên quan đến năng lực nhận thức và hoạt động thực tiễn thể hiện văn hóa hệ tư tưởng - chính trị đối với môi trường sinh thái, văn hóa pháp luật đối với môi trường sinh thái, văn hóa đạo đức - thẩm mỹ đối với môi trường sinh thái, văn hóa tín ngưỡng - tôn giáo đối với môi trường sinh thái. Do đó, cần làm cho nhà trường và xã hội có được ý thức văn hóa kể trên, trong đó nhà trường là hạt nhân, tác nhân trung tâm, cơ bản.

Quá trình xây dựng văn hóa sinh thái - nhân văn không tách rời yêu cầu nâng cao dân trí, trong đó cần tạo dựng một nền giáo dục ở mọi cấp học của nhà trường có nội dung giáo dục văn hóa sinh thái - nhân văn. Xem nhà trường là cơ sở, nền tảng và trung tâm của giáo dục văn hóa sinh thái - nhân văn toàn cộng đồng, nhân cách thế hệ thanh niên và nhân cách con người nói chung trong toàn xã hội sẽ được phát triển hài hòa, hoàn thiện, toàn diện. Mỗi chủ thể xã hội (học sinh, sinh viên, thanh niên, thành viên xã hội khác) trong cộng đồng sẽ trở thành tế bào trong hệ thống cơ thể văn hóa sinh thái - nhân văn. Vấn đề giáo dục văn hóa sinh thái - nhân văn không nhằm mục tiêu nào khác là làm cho mỗi thành viên cộng đồng xã hội trở thành chủ thể tích cực, tự giác, sáng tạo trong quan hệ, ứng xử đối với môi trường sống, môi trường sinh thái - tự nhiên của con người. ❑


Digitized by Google

# TUYÊN BỐ CỦA MỘT ĐỐI THỦ VỚI CHÍNH PHỦ MỸ *

PHI-ĐEN CA-XTƠ-RÔ RU-DƠ

*Sáng 14-5, trước khi dẫn đầu cuộc tuần hành chống Mỹ với hơn một triệu người tham gia, Chủ tịch Cu-ba Phi-đen Ca-xtơ-rô Ru-dơ đã đọc diễn văn nhan đề "Tuyên bố của một đối thủ với Chính phủ Mỹ", tại Diễn đàn chống đế quốc "Giô-sê Mác-ti", đối diện Phòng Đại diện Quyền lợi Mỹ ở thủ đô La Ha-ba-na. Sau đây là toàn văn bài phát biểu của Chủ tịch Phi-đen Ca-xtơ-rô Ru-dơ:*

"Thưa ngài G.U. Bu-sơ, hôm nay, hàng triệu người Cu-ba chúng tôi tập hợp tuần hành trước Phòng Đại diện Quyền lợi Mỹ. Đây chỉ là một phần nhỏ của cả một dân tộc dũng cảm và anh hùng, những người cũng muốn trực tiếp có mặt ở đây với chúng tôi nếu có thể được.

Chúng tôi tập hợp ở đây không phải để bày tỏ thái độ thù địch với nhân dân Mỹ, một dân tộc mà chúng tôi biết có cội nguồn đạo lý từ thời những người hành hương đầu tiên đến bán cầu này. Chúng tôi cũng không muốn làm phiền các công chức, nhân viên và những người canh gác Phòng Đại diện Mỹ, mà trong khi làm nhiệm vụ họ luôn được đảm bảo an ninh mà một dân tộc có văn hóa và văn minh như Cu-ba có thể dành cho họ. Đây là một cuộc phản đối và lên án mạnh mẽ các biện pháp tàn bạo, không thương tiếc và dã man mà Chính phủ Mỹ vừa thông qua chống lại nhân dân chúng tôi.

Chúng tôi biết trước điều mà ngài suy nghĩ hoặc mưu tính sẽ làm để người ta nghĩ về những người tham gia tuần hành tại đây. Theo ngài thì đây là những tầng lớp nhân dân bị áp bức và đang mong mỏi tự do bị Chính phủ Cu-ba đuổi xuống đường. Vậy thì ngài đã hoàn toàn không hiểu, rằng đối với một dân tộc trọng danh dự và kiêu hãnh, đã đương đầu 45 năm với sự thù địch, cấm vận và xâm lược của một thế lực hùng mạnh nhất Trái đất, thì không một sức mạnh nào trên thế giới có thể lôi kéo họ như một đàn gia súc, mỗi người bị buộc một sợi dây vào cổ (Phi-đen Ca-xtơ-rô Ru-dơ ám chỉ cảnh tù nhân I-rắc bị Mỹ tra tấn - TTXVN).

Một nhà lãnh đạo hay bất kỳ một ai có ý đồ làm lãnh đạo nên biết quá trình lịch sử đã chứng minh rằng các lý tưởng công bằng và thật sự nhân đạo mạnh hơn nhiều so với sức mạnh; sức mạnh có thể dần dần trở thành tro bụi, nhưng những lý tưởng thì sáng mãi không ai có thể dập tắt được. Mỗi thời đại đều có đặc điểm riêng của nó, có cả tốt, xấu và tất cả đều được tích lũy. Nhưng thời đại mà chúng ta đang sống ngày nay, trong một thế giới tàn bạo, thiếu

* Nguồn: Thông tấn xã Việt Nam: *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, số ra ngày 21-5-2004, tr 5 - 9



Digitized by Google

văn minh và toàn cầu hóa, mang những đặc tính tồi tệ nhất, tối tăm và mờ mịt nhất.

Trong cái thế giới mà ngài đang muốn áp đặt hoàn toàn không có một ý niệm tối thiểu về đạo lý, sự tin cậy và các chuẩn mực về công bằng, tình cảm nhân đạo cũng như những nguyên tắc cơ bản nhất về tình đoàn kết và lòng vị tha.

Tất cả những điều mà người ta viết về nhân quyền trong thế giới của ngài và thế giới của các đồng minh cùng chia sẻ sự cướp bóc trên thế giới với ngài chỉ là sự dối trá. Hàng chục triệu người đang sống nghèo đói, không có đủ lương thực, thuốc men, quần áo, giày dép, nhà ở, trong điều kiện bần hàn, không có một sự hiểu biết tối thiểu và không có thông tin đầy đủ để hiểu về bi kịch của chính mình và của thế giới mà họ đang sống.

Chắc chắn không ai thông báo cho ngài biết là hằng năm có hàng chục triệu trẻ em, thanh, thiếu niên, bà mẹ, những người trung niên và già cả có thể được cứu sống, nhưng lại đang phải chết trong "Vườn địa đàng lãng mạn trong mơ" là Trái đất này. Chắc cũng chẳng ai thông báo cho ngài biết về mức độ hủy diệt điều kiện sống và sự lãng phí tài nguyên thiên nhiên, và trong một thế kỷ rưỡi qua người ta đã lãng phí nguồn dầu mỏ, với những hậu quả độc hại khủng khiếp, mà Trái đất đã phải cần đến 300 triệu năm mới tạo nên được.

Có lẽ ngài thấy quá đầy đủ khi yêu cầu các cộng sự của ngài cung cấp các tư liệu chính xác về hàng chục nghìn vũ khí hạt nhân, hóa học, sinh học, máy bay ném bom, tên lửa tầm xa và chính xác, tầu chiến, tầu sân bay có trong kho vũ khí của ngài, cũng như các loại vũ khí thông thường và không thông thường đủ để chấm dứt cuộc sống trên hành tinh này.

Ngài cũng như không một ai có thể ngủ yên được, kể cả các đồng minh đang đua nhau phát triển kho vũ khí của mình cũng vậy. Các ngài thấy rất ít hy vọng khi thảo luận - với sự lúng túng và thờ ơ - về nền chính trị thế giới mà thật sự đã biến thành trại điên này, nếu như chúng ta xét đến hệ số thấp kém về tinh thần trách nhiệm và tài năng chính trị, sự mất cân đối giữa các nhà nước của các ngài và sự kém phân tích, thiếu tinh thần suy xét của các lễ nghi, các cuộc họp cũng như của các ngài cố vấn, những người nắm trong tay vận mệnh của nhân loại.

Mục đích của bài này không phải để xúc phạm hoặc lăng mạ ngài nhưng vì ngài đã quyết định đe dọa nhân dân chúng tôi để cuối cùng phá hoại chế độ kinh tế - xã hội và nền độc lập của Cu-ba và thậm chí là sự tồn tại của Cu-ba, nên tôi thấy cần phải lưu ý ngài một vài sự thật.

Ngài không có đạo đức và không hề có quyền nói đến tự do, dân chủ và quyền con người khi định dùng sức mạnh để hủy diệt loài người, để áp đặt một nền độc tài thế giới, phớt lờ và phá hoại Tổ chức Liên hợp quốc, vi phạm quyền của bất kỳ nước nào, tiến hành các cuộc chiến tranh chiếm đoạt để giành lấy các thị trường và tài nguyên trên thế giới, áp đặt các hệ thống chính trị và xã hội suy tàn và lỗi thời, đưa loài người đến vực thẳm.

Vì những lý do khác nữa, ngài không thể nói đến từ dân chủ vì cả thế giới biết rõ là ngài đã lên chức Tổng thống Mỹ bằng con đường gian lận. Ngài không thể nói đến tự do bởi ngài không hề biết đến một thế giới nào khác ngoài đế chế tàn bạo của các loại vũ khí giết người mà đôi tay thiếu kinh nghiệm của ngài có thể ném lên đầu nhân loại.

Ngài không thể nói đến môi trường vì ngài hoàn toàn phớt lờ rằng loài người đang có nguy cơ bị diệt vong.

Ngài buộc tội là độc tài đối với một chế độ kinh tế và chính trị đã đưa nhân dân Cu-ba đến trình độ cao nhất về xóa nạn mù chữ, về tri thức văn hóa trong số các nước phát triển nhất trên thế giới; một chế độ đã hạ tỷ lệ trẻ sơ sinh chết yểu thấp hơn so với Mỹ và một chế độ mà người dân được hưởng miễn phí mọi dịch vụ về y tế, xã hội, giáo dục và một số dịch vụ mang đậm tính xã hội và nhân đạo khác.

Thật rỗng tuếch và nực cười khi nghe ngài nói về quyền con người ở Cu-ba. Thưa ngài


Digitized by Google

G.U. Bu-sơ, nước Cu-ba là một trong số rất ít nước trên thế giới này mà 45 năm qua không hề có tra tấn, không giết chóc, không có án nào không được xét xử và không hề có vị lãnh đạo nào trở thành triệu phú nhờ có quyền hành.

Ngài không có tư cách đạo đức để nói về Cu-ba, một đất nước mà 45 năm qua đã kiên cường chống lại cuộc cấm vận tàn bạo, chiến tranh kinh tế và các cuộc tấn công khủng bố làm chết hàng nghìn người và làm thiệt hại về kinh tế hàng chục tỉ đô-la Mỹ.

Ngài tấn công Cu-ba vì những lý do chính trị hèn mọn nhằm tìm kiếm sự ủng hộ trong cuộc bầu cử từ một nhóm ngày càng ít những kẻ bị chối bỏ và những tên lính đánh thuê không hề có đạo lý và nguyên tắc nào. Ngài không có đạo đức để nói về chủ nghĩa khủng bố vì xung quanh ngài là một nhóm những tên sát nhân, mà hành động của chúng đã gây ra cái chết của hàng nghìn người Cu-ba.

Ngài không giấu giếm sự coi thường mạng sống con người bởi đã không ngần ngại ra lệnh thủ tiêu nhiều người trên thế giới mà không cần xét xử.

Ngài không hề có quyền, kể cả bằng sức mạnh bạo tàn, can thiệp vào công việc nội bộ của Cu-ba và ngang ngược tuyên bố về sự chuyển tiếp từ chế độ này sang chế độ khác, cũng như áp dụng các biện pháp để thực hiện sự chuyển tiếp đó.

Ngài cũng cần phải biết rằng, dân tộc Cu-ba có thể bị hủy diệt, bị xóa sạch khỏi Trái đất này, nhưng sẽ không bao giờ một lần nữa chịu sự kìm kẹp và trở lại nỗi nhục nhã là thuộc địa kiểu mới của Mỹ.

Cu-ba đấu tranh vì sự sống trên thế giới; ngài đấu tranh vì cái chết. Trong khi ngài giết vô số người với những cuộc tấn công phòng ngừa hoặc bất ngờ bừa bãi, thì Cu-ba cứu hàng trăm nghìn trẻ em, bà mẹ, người bệnh và người già trên thế giới.

Cái duy nhất mà ngài biết về Cu-ba là những điều dối trá từ miệng lưỡi độc địa của bọn ma-phi-a thối nát và tham lam của Chính quyền Ba-ti-sta cũ và con cháu của họ. Chúng là những chuyên gia trong các cuộc bầu cử gian lận từng có khả năng để đưa được người không có đủ phiếu để thắng cử lên chức Tổng thống nước Mỹ. Ở chế độ mà ngài là người đại diện, con người không biết và không thể biết thế nào là tự do. Không một người nào sinh ra được bình đẳng tại nước Mỹ. Trong những khu ổ chuột của những người gốc châu Phi và Mỹ La-tinh, cũng như ở những bộ tộc thổ dân da đỏ ở Mỹ đã bị hủy diệt không hề có quyền bình đẳng nào khác là nghèo đói và bị bỏ rơi.

Nhân dân chúng tôi, được giáo dục trong tình đoàn kết và chủ nghĩa quốc tế, không căm thù nhân dân Mỹ, cũng không mong muốn nhìn thấy các lính Mỹ trẻ bị chết. Họ là những thanh niên da trắng, da đen, da đỏ, da lai và nhiều khi là Mỹ La-tinh, mà nạn thất nghiệp đã khiến họ phải đi lính để rồi bị gửi sang bất kỳ nơi nào trên thế giới trong các cuộc tấn công phản bội hoặc phòng ngừa hoặc các cuộc chiến tranh chiếm đoạt.

Những vụ ngược đãi không thể tin được đối với các tù nhân I-rắc đang làm cả thế giới phải sửng sốt.

Như tôi đã nói, tôi không có ý xúc phạm ngài bằng những lời lẽ này. Tôi chỉ mong lúc nhàn rỗi nào đó trợ lý của ngài sẽ đặt trước mặt ngài những sự thật này cho dù ngài hoàn toàn không vừa ý.

Vì ngài đã quyết định rằng số phận chúng tôi đã an bài, nên tôi hân hạnh từ biệt ngài như các đấu sĩ La Mã thường làm trước khi bước vào trận đấu ở nhà tròn: "Hỡi Xê-da, những kẻ quyết tử xin chào ngài".

Tôi chỉ tiếc không thể giáp mặt ngài vì trong trường hợp đó ngài sẽ ở cách xa hàng nghìn cây số, còn tôi sẽ ở tuyến đầu để quyết tử chiến đấu bảo vệ Tổ quốc tôi.

Nhân danh nhân dân Cu-ba.

Phi-đen Ca-xtơ-rô Ru-dơ". ❑



Digitized by Google

# EU MỞ RỘNG VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG QUAN HỆ VIỆT NAM - EU

NGUYỄN HOÀNG GIÁP* - NGUYỄN THỊ QUẾ**

ĐƯỢC chuẩn bị bởi những tiền đề của tiến trình hợp tác, liên kết diễn ra hơn 3 thập niên trong khuôn khổ Cộng đồng châu Âu (EC), quá trình nhất thể hóa châu Âu bước sang giai đoạn phát triển mới về chất khi các nước thành viên ký Hiệp ước Ma-xtơ-rích, khai sinh Liên minh châu Âu (EU) vào năm 1991- một trong những trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa lớn của thế giới; được đánh giá là tổ chức liên kết khu vực và nhất thể hóa ở trình độ cao và thành công nhất hiện nay. Cho đến nay, nhờ nỗ lực của các nước EU, quá trình nhất thể hóa châu Âu sau những khởi động ban đầu, đang mạnh bước tiến đến mục tiêu đã lựa chọn: Xây dựng một châu Âu thống nhất, trước hết về kinh tế và chính trị; thiết lập nền an ninh và phòng thủ chung; tăng cường mở rộng ảnh hưởng quốc tế, xây dựng trật tự thế giới mới dưới sự "lãnh đạo" chung của phương Tây. Theo hướng này, EU đang đẩy mạnh việc hoàn tất Liên minh Chính trị (EPU) và Liên minh Kinh tế - Tiền tệ (EMU) được thỏa thuận tại Hiệp ước Ma-xtơ-rích.

Trên phương diện kinh tế, EU đã ban hành đồng ơ-rô từ ngày 1-1-1999 và đồng tiền chung này chính thức được lưu hành từ ngày 1-1-2001. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử kinh tế thế giới và quan hệ quốc tế, mười hai trong tổng số 15 thành viên EU tự nguyện từ bỏ chủ quyền quốc gia đối với đồng tiền riêng của mình để sử dụng đồng tiền chung duy nhất. Việc lưu hành đồng ơ-rô trở thành một cột mốc có ý nghĩa lịch sử, trở thành chất kết dính về chính trị và là cơ sở kinh tế tạo nên một "bản sắc châu Âu, tạo điều kiện cho EU mở rộng sang các nước Trung và Đông Âu". Sự kiện này tác động mạnh mẽ đến đời sống kinh tế, chính trị, xã hội không chỉ các nước EU, mà cả nền kinh tế thế giới nói chung.

Về chính trị, EU lập ra một hệ thống thể chế, cơ quan siêu quốc gia, trong đó 5 cơ quan chủ chốt là: Hội đồng châu Âu, Hội đồng Bộ trưởng; Ủy ban châu Âu, Nghị viện châu Âu, Tòa án châu Âu. Đồng thời, EU cũng thường xuyên tiến hành cải tổ, hoàn thiện và mở rộng chức năng của các cơ quan này nhằm tăng cường tính cơ động và hiệu quả của chúng. Hiệp ước Nai-xơ (tháng 2-2000) xác định rõ cơ cấu Ủy ban châu Âu, phân định số phiếu bầu trong Hội đồng Bộ trưởng, đưa ra nguyên tắc đa số đủ thẩm quyền, cải tổ Nghị viện châu Âu, v.v.. Đây là một bước đi có tính quyết định cho sự phát triển EU, tạo tiền đề để EU có thể vận hành với tư cách nhà nước hợp bang trong tương lai. Nhờ vậy, EU có thể trở thành một thực thể năng động, đủ sức đối phó với các thách thức mới; đồng thời trở thành một trung tâm quyền lực trong thế giới đa cực.

Cùng với những biện pháp đi tới nhất thể hóa về kinh tế và chính trị, EU từng bước tiến tới tự chủ về an ninh - quốc phòng; tăng cường khả năng đối phó với những khủng hoảng trong và ngoài khu vực. Nhằm độc lập hơn với NATO, bớt lệ thuộc Mỹ về quân sự - an ninh, EU đã quyết định thành lập lực lượng phản ứng nhanh (RRF) với khoảng 60 nghìn quân thường trực. Bước đi này báo hiệu sự hình thành hai cơ chế an ninh song song tại Tây Âu, qua đó sự chi phối của Mỹ sẽ giảm đi.

* TS. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ chí Minh
** ThS. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ chí Minh


Digitized by Google

Hướng tới xây dựng một châu Âu ổn định, có thực lực mạnh, gắn kết, mở cửa với thế giới và trở thành nhân tố toàn cầu có vai trò chính trị tương xứng với sức mạnh kinh tế, EU, một mặt, tăng cường củng cố liên kết nội bộ trên các lĩnh vực; mặt khác chú trọng mở rộng tổ chức, kết nạp thêm các thành viên mới, đẩy mạnh liên kết với các khu vực khác thông qua các hình thức hợp tác đa dạng như hợp tác Á - Âu (ASEM), khu vực mậu dịch tự do Địa Trung Hải, hợp tác EU - Nam Mỹ v.v.. Quá trình nhất thể hóa châu Âu tạo cơ hội cho EU phát triển trên nhiều phương diện, nhất là về kinh tế do các rào cản về thị trường được gỡ bỏ, thúc đẩy dòng lưu chuyển vốn, hàng hóa, dịch vụ, tài nguyên và lao động giữa các nước thành viên. Đồng thời, thế và lực của EU được tăng cường giúp họ có thể tạo ra cục diện so sánh lực lượng có lợi hơn trong cạnh tranh quốc tế, nhất là với hai trung tâm chủ chốt khác của chủ nghĩa tư bản hiện nay là Mỹ và Nhật Bản.

Bên cạnh những thuận lợi, quá trình nhất thể hóa châu Âu cũng vấp phải hàng loạt khó khăn nan giải không dễ vượt qua. Không phải tất cả các nước thành viên EU có thể dễ dàng tìm được tiếng nói chung cho sự đồng nhất chính trị, nhất là khi quyền quyết định và các thiết chế sẽ được tập trung hóa. Mặt khác, tiến trình nhất thể hóa đang bộc lộ rõ sự phân chia, tranh giành quyền lực diễn ra ngày càng gay gắt giữa các nước lớn với nhau, giữa các nước lớn và nước nhỏ, giữa nước giàu và nghèo, giữa thành viên cũ và mới. Việc lưu hành đồng ơ-rô cũng là một thách thức lớn đối với EU do trình độ phát triển khác nhau và những bất cập trong việc làm hài hòa các chính sách kinh tế vĩ mô, các chính sách xã hội và thuế giữa các nước thành viên, v.v..

Với những kết quả đạt được trong quá trình phát triển, EU tích cực thực hiện kế hoạch mở rộng tổ chức của mình, hướng mạnh tới mục tiêu là tạo lập một châu Âu ổn định, mạnh, gắn kết, mở cửa với thế giới để trở thành nhân vật toàn cầu có vai trò chính trị tương xứng với sức mạnh kinh tế. Sau lần mở rộng năm 1995, EU bao gồm 15 thành viên là Pháp, Đức, Bỉ, I-ta-li-a, Hà Lan, Ai Len, Anh, Đan Mạch, Lúc-xăm-bua, Phần Lan, Na Uy, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Áo, Thụy Điển với diện tích 3 337 triệu $km^2$ và số dân hơn 370 triệu người, quy mô GDP chiếm 15%, thương mại chiếm 25% của thế giới. Năm 2002, EU đã tiến thêm một bước chưa từng thấy trên lộ trình nhất thể hóa, quyết định sẽ mở rộng tổ chức, kết nạp thêm 10 thành viên mới vào tháng 5-2004. Trong số 13 quốc gia - ứng cử viên đang tiến hành đàm phán gia nhập EU - thì chỉ có 10 quốc gia được Hội nghị Thượng đỉnh của EU nhóm họp tại Ba-cơ (Thụy Điển) vào tháng 12-2001 công nhận có nhiều khả năng trở thành thành viên đầy đủ vào thời điểm tổ chức bầu cử Nghị viện châu Âu trong năm 2004. Mười nước này gồm 4 nước Trung Âu (Hung-ga-ri, Ba Lan, Séc và Xlô-va-ki-a), 3 nước thuộc Liên Xô cũ (E-xtô-ni-a, Lát-vi-a và Lít-va), 1 nước thuộc Nam Tư cũ (Xlô-vê-ni-a) và hai quốc đảo trên Địa Trung Hải (Síp và Man-ta). Bun-ga-ri và Ru-ma-ni chưa đủ điều kiện gia nhập vì lý do kinh tế . Thổ Nhĩ Kỳ cũng bị gạt lại đằng sau vì đàm phán gia nhập bị bế tắc do vấn đề nhân quyền và ảnh hưởng của giới quân sự trong đời sống chính trị nước này. Nhìn chung, việc mở rộng EU có nhiều khó khăn nhưng đây là điều hoàn toàn cần thiết đối với sự phát triển và tăng cường thế lực của EU trong tương lai.

Và ngày 1-5 vừa qua, mười nước kể trên đã chính thức trở thành thành viên của EU. Với bước đi táo bạo này, bản đồ địa - chính trị châu Âu đã đổi thay diện mạo một cách cơ bản. Liên minh châu Âu trở thành một khối thống nhất bao gồm 25 nước. Vậy những động cơ nào dẫn đến việc mở rộng EU trong năm 2004 này? Trước hết có thể thấy hai lý do cơ bản sau:

*Một là:* Về lợi ích kinh tế, việc mở rộng sẽ tạo ra một EU với thực lực kinh tế hùng mạnh hơn và một thị trường 500 triệu dân lớn nhất thế giới. Tự do thương mại không chỉ đem lại lợi ích cho các nước mới gia nhập EU, mà còn cho chính các thành viên cũ EU. Các nước Trung, Nam và Đông Âu là thị trường rộng lớn mới trỗi dậy và đầy tiềm năng. Những thị trường này sẽ tạo ra động lực cho các thành viên EU xuất khẩu hàng hóa có hàm lượng sử dụng vốn cao, xuất khẩu tư bản và nhập khẩu lao động rẻ.

Tuy nhiên, EU mở rộng cũng dẫn tới nhiều vấn đề nan giải như: làn sóng di chuyển lao động từ Đông sang Tây Âu sẽ tăng lên nhanh chóng do chênh lệch về tiền lương, chi phí kinh tế lớn cho việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế ở các nước Trung và


Digitized by Google

Đông Âu, trình độ và chủng loại mặt hàng không tương thích... Trong đó, hai chi phí cơ bản đối với các nước Trung, Đông và Nam Âu là chi phí cho nông nghiệp và điều chỉnh cơ cấu sẽ là vấn đề khó khăn, gay cấn nhất hiện nay.

*Hai là:* Trong xu hướng mở rộng, có thể thấy lợi ích chính trị của EU luôn chiếm một trong những vị trí hàng đầu. Bởi vì, châu Âu là nơi có vị trí địa - chính trị quan trọng, đặc biệt trong bối cảnh quốc tế hiện nay. Các nhà phân tích quốc tế vẫn đánh giá rất cao vị trí địa - chiến lược của châu Âu. Theo họ, vị trí địa lý vẫn có xu hướng quyết định những ưu tiên trước mắt của một quốc gia và khi sức mạnh quân sự, kinh tế, chính trị của nó mạnh lên thì lợi ích địa - chính trị và ảnh hưởng của nước đó càng lớn. Quan điểm này không phải là một ý tưởng mới mẻ mà ngay từ xa xưa đã được minh chứng thông qua các cuộc chiến tranh nhằm giành giật các địa bàn xung yếu có vị trí chiến lược quan trọng. Trung - Đông Âu từ sớm vốn được coi là thuộc "vùng đất trung tâm" - một bàn đạp thiết yếu để kiểm soát châu Âu và toàn cầu. Vậy nên, xét trên phương diện địa chính trị, việc mở rộng sang phía Đông sẽ tăng cường được vị thế chiến lược cho EU do có khả năng kiểm soát được "vùng đất trung tâm" đặc biệt quan trọng này.

Việt Nam và EU chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao từ tháng 11-1990. Gần một thập kỷ rưỡi trôi qua, mối quan hệ giữa hai bên đã nhanh chóng phát triển trên nhiều lĩnh vực từ kinh tế, chính trị đến văn hóa, giáo dục, khoa học - kỹ thuật... và đã đạt được những thành tựu quan trọng, đóng góp thiết thực đối với sự phát triển của mỗi bên. Các nguyên thủ của các nước thành viên EU và các quan chức cấp cao nhất của EU đã sang thăm Việt Nam. Nhiều đoàn đại biểu cấp cao của Việt Nam đã sang thăm các nước EU, trong đó đặc biệt quan trọng là cuộc đi thăm Ủy ban châu Âu và một số nước EU của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu vào năm 2000 và của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh trong tháng 3-2004 vừa qua. Trên lĩnh vực kinh tế, một sự kiện có ý nghĩa quan trọng là việc hai bên ký Hiệp định khung ngày 17-7-1995, theo đó hai bên cam kết dành cho nhau quy chế tối huệ quốc trong quan hệ kinh tế - thương mại, thúc đẩy đầu tư, mở rộng hợp tác về môi trường... Hiệp định đã tạo khuôn khổ pháp lý, làm cơ sở cho sự phát triển ổn định quan hệ hợp tác Việt Nam - EU, đưa hai bên trở thành những đối tác tin cậy của nhau.

Hiện nay, EU là một trong số đối tác hàng đầu của Việt Nam trên nhiều lĩnh vực. Tổng kim ngạch thương mại hai chiều Việt Nam - EU trong năm 2003 đạt hơn 5 tỉ USD , các nước EU đã đầu tư vào Việt Nam trên 500 dự án với tổng số vốn đạt gần 7 tỉ USD. Nguồn vốn viện trợ phát triển (ODA) của các nước EU cho Việt Nam gần 300 triệu ơ-rô, tập trung vào các dự án phát triển nông nghiệp, nông thôn, góp phần xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, cải thiện dịch vụ y tế, hỗ trợ cải cách kinh tế và hành chính, hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực, hỗ trợ bảo vệ môi trường và nguồn tài nguyên thiên nhiên... Nhiều mặt hàng của Việt Nam có chỗ đứng khá ổn định trên thị trường EU như hàng thủy, hải sản, hàng dệt may, giày dép, v.v..

Trong quan hệ với các nước EU, gần đây vị thế của Việt Nam đã ngày càng được củng cố và nâng cao do những thành tựu đạt được trong quá trình phát triển của Việt Nam thời kỳ đổi mới. Mặt khác, Việt Nam tích cực đẩy mạnh thực hiện chính sách đối ngoại rộng mở, độc lập tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa trên tinh thần "Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển", nhờ vậy vị trí quốc tế của Việt Nam được nâng cao, nhất là trong ASEAN. Thông qua diễn đàn ASEAN và các hiệp ước song phương và đa phương, Việt Nam đã góp phần tạo thế cân bằng chiến lược chung và cơ hội thuận lợi hơn cho các quốc gia Đông Nam Á trong quan hệ với các nước EU, nhất là hợp tác Á - Âu (ASEM). Đối với Việt Nam, việc mở rộng EU vào tháng 5-2004 có một ý nghĩa quan trọng. Nó sẽ tạo ra những thuận lợi nhất định, song đồng thời cũng làm nảy sinh cả những khó khăn mới, ảnh hưởng đến quan hệ Việt Nam - EU trên rất nhiều lĩnh vực.

*Về thuận lợi,* EU mở rộng là cơ hội để các nhà sản xuất, xuất - nhập khẩu Việt Nam có thể tiếp cận một thị trường rộng lớn và đa dạng, có sức hấp dẫn hơn với quy mô dân số là 500 triệu người, lớn gấp gần 5 lần Nhật Bản và 2 lần Hoa Kỳ. EU hiện sản xuất tới 41% tổng sản phẩm thế giới, số lượng đầu tư trực tiếp nước ngoài chiếm 46% của thế giới


Digitized by Google

hằng năm. Là một thị trường lớn nhất thế giới, EU chắc chắn sẽ là nơi có nhiều cơ hội để Việt Nam khai thác tiềm năng đó một cách hiệu quả, góp phần làm tăng nhanh tốc độ phát triển kinh tế đất nước.

Mặt khác, EU là một thị trường chung thống nhất, với chính sách và quy định chung cho cả 25 nước thành viên, do vậy Việt Nam chỉ cần quan tâm nắm "một luật chơi chung" cho quan hệ với tất cả các thành viên của EU và có điều kiện được hưởng môi trường tự do cạnh tranh lành mạnh. Bên cạnh đó, thị trường EU là thị trường đẳng cấp cao với các đòi hỏi nghiêm ngặt về tiêu chuẩn chất lượng, cho nên việc Việt Nam tiếp cận thị trường EU mở rộng có ý nghĩa như được cấp "chứng chỉ" cho việc tiếp cận các thị trường khác trên thế giới, tạo điều kiện có thể hội nhập kinh tế quốc tế thuận lợi và hiệu quả.

EU mở rộng sẽ tạo lợi thế cho phát triển quan hệ thương mại của Việt Nam, bởi vì nhiều nhóm hàng xuất khẩu của nước ta sẽ được hưởng hệ thống ưu đãi thuế phổ cập (GSP) mới của EU áp dụng từ ngày 1-7-1999. Theo đó, tùy theo nhóm hàng, mức thuế bằng 35%, 70%, 85% mức thuế nhập khẩu thông thường, thậm chí có nhóm hàng như hạt điều, cao-su... được miễn thuế nhập khẩu, riêng giày dép của Việt Nam được hưởng mức thuế nhập khẩu thấp hơn một số nước. Đặc biệt, từ tháng 2-2004, các nước Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam được hưởng quy chế mua sắm trong lĩnh vực giao thông vận tải, viễn thông và trợ giúp các mặt hàng theo quy chế của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD). Hơn nữa, EU mở rộng, Việt Nam cũng sẽ được lợi từ các khoản ưu đãi và miễn trừ trong nội khối.

Ngoài ra, gia nhập EU lần này của những nước vốn trước đây là nước xã hội chủ nghĩa là điều kiện mới thuận lợi để Việt Nam mở cửa phát triển giao lưu kinh tế, thương mại, văn hóa với thị trường truyền thống vốn gần gũi và quen thuộc.

*Về khó khăn,* việc EU mở rộng sẽ phát sinh nhiều vấn đề mới phức tạp, như cải cách thể chế, chính trị, kinh tế, xã hội, đầu tư, luật pháp, thương mại, tài chính... trong từng thành viên và toàn bộ EU. Trong khung cảnh đó, việc trụ vững và từng bước mở rộng thị phần trên thị trường thống nhất châu Âu, trở thành nhiệm vụ vô cùng khó khăn mà các nhà kinh doanh Việt Nam phải vượt qua và thực hiện có kết quả.

Thị trường EU tràn ngập hàng hóa sản xuất trong nước có chất lượng cao và hàng hóa nhập khẩu rất đa dạng và có sức cạnh tranh lớn. Vì vậy, sự thâm nhập của hàng hóa Việt Nam vào thị trường EU sẽ tùy thuộc vào sức cạnh tranh và hoạt động có hiệu quả của một cơ chế xúc tiến thương mại ở trong và ngoài nước. Đây vừa là cơ hội vừa là thách thức trong việc nâng cao hơn nữa kim ngạch buôn bán hai chiều giữa Việt Nam và EU.

Để thâm nhập thị trường EU rộng lớn, Việt Nam phải thực hiện đúng các quy định, cơ chế, tiêu chuẩn mà EU đề ra về thuế quan, hạn ngạch, kiểm chuẩn chất lượng hàng hóa và vệ sinh an toàn thực phẩm...

Các doanh nghiệp Việt Nam còn đứng trước khó khăn không nhỏ trong việc phải tiến hành những thay đổi về thủ tục, môi trường và điều kiện kinh doanh thích hợp. Việt Nam phải "tự nâng cấp chính mình" một cách toàn diện bằng việc thúc đẩy cải cách kinh tế, hành chính và pháp luật; phải cải tiến và thúc đẩy mạnh mẽ việc cải cách môi trường đầu tư trong nước, đưa được các đạo luật vào cuộc sống, loại bỏ các văn bản dưới luật đang quá nhiều, chồng chéo nhằm thu hút nhiều vốn đầu tư từ EU.

Trên thực tế, một số chính phủ thuộc EU một mặt chủ trương đẩy mạnh mở cửa giao lưu kinh tế, văn hóa... với nước ta, nhưng mặt khác, lại tăng cường gây sức ép về kinh tế, thương mại và các vấn đề xã hội. Vì vậy, để các nước hiểu Việt Nam, chúng ta phải làm tốt công tác thông tin đối ngoại, đặc biệt chúng ta cần có chính sách ưu đãi, hỗ trợ hơn nữa cộng đồng người Việt Nam ở EU, họ sẽ là cầu nối quan trọng thúc đẩy mối quan hệ Việt Nam với các nước thành viên của EU ngày càng phát triển tốt hơn.

Như vậy việc mở rộng EU tuy đặt ra những khó khăn nhất định trong quan hệ Việt Nam - EU, nhưng cũng đưa lại nhiều thuận lợi mới thúc đẩy mối quan hệ Việt Nam - EU phát triển một cách ngày càng toàn diện và lên một bước mới, đáp ứng lợi ích thiết thực của mỗi bên, đóng góp vào sự nghiệp hòa bình, ổn định, phát triển ở khu vực cũng như trên thế giới. ❑



Digitized by Google

# Về cuộc đấu tranh chống tham nhũng ở Trung Quốc

NGUYỄN VĂN THỤY *

1 - Trung Quốc có số dân đứng đầu thế giới (1,3 tỉ người), là một trong ba nước có diện tích đất tự nhiên lớn thứ nhất thế giới với 9 597 000 km², có lịch sử lâu đời nhất thế giới, có nền văn minh và truyền thống được kế thừa bền vững nhất thế giới; có nền kinh tế 20 năm qua phát triển năng động và tốc độ cao nhất thế giới.

Trung Quốc còn là nước có nền hành chính rất ổn định, duy trì 22 tỉnh, 5 khu tự trị và 4 thành phố lớn từ nhiều năm không thay đổi. Quy mô đơn vị hành chính (tỉnh, khu, thành phố) rất lớn, tương đương với một nước trung bình của thế giới, với diện tích bình quân khoảng 300 000 km², số dân khoảng 42 triệu người.

Đông dân, nhưng do đất rộng nên mật độ dân cư của Trung Quốc không quá cao, chỉ bằng 2/3 nước ta. Tỉnh lớn, nhưng đơn vị hành chính cấp huyện không lớn lắm, nhỏ hơn tỉnh của ta một chút. Tỉnh Quảng Đông, trung bình diện tích tự nhiên một huyện chỉ khoảng 1 300 km², với số dân khoảng 600 000 người.

Những đặc điểm trên cùng nhiều đặc điểm kinh tế, xã hội khác đã góp phần làm cho tệ tham nhũng và cuộc đấu tranh chống tệ tham nhũng ở Trung Quốc không hề đơn giản.

2 - Tệ tham nhũng ở Trung Quốc được nhìn nhận ở các góc độ khác nhau, nhưng góc độ nào cũng thấy rất phức tạp.

Theo góc độ của giới nghiên cứu, tệ tham nhũng ở Trung Quốc được khái quát như sau: Lãnh đạo, đảng viên tham nhũng lan tràn làm cho đạo đức xã hội bị xói mòn. Đảng xa rời quần chúng, cơ sở đảng yếu kém, có nơi rệu rã. Trị an xã hội ngày càng xấu, quần chúng kém tin tưởng vào Đảng Cộng sản; tình trạng chạy theo lợi ích vật chất trong xã hội (trong đó có đảng viên) làm cho lý tưởng cộng sản bị lu mờ, tệ tham nhũng cùng một số biến đổi xã hội khác làm cho xã hội Trung Quốc mất ổn định.

Theo số liệu thống kê, hằng năm chỉ riêng khoản tiền nhà nước do cán bộ, đảng viên dùng vào việc ăn chơi xa xỉ cũng mất khoảng 200 tỉ nhân dân tệ (tương đương 400 000 tỉ đồng Việt Nam, bằng 2/3 GDP của nước ta), riêng tiền mát-sa, trên 100 tỉ nhân dân tệ. Tham nhũng kìm hãm khoảng 0,5% tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế [1]. Theo đánh giá năm 2001, tham nhũng làm thất thoát 10% GDP, bằng 2 lần tổng thu nhập quốc nội của nước này những năm sáu mươi của thế kỷ trước.

Với cách nhìn dân gian, tình trạng tham nhũng tràn lan, gây bức xúc trong xã hội Trung Quốc thể hiện bằng việc lưu truyền nhiều châm ngôn chua xót. Thí dụ, như: "Có quyền phải lộng quyền"; "Lừa gạt được chừng nào hay chừng ấy"; "Có xác bán xác, có hồn bán hồn"; "Phạm pháp lớn mới giàu to, phạm pháp nhỏ kiếm đôi chút, không phạm pháp thì nghỉ xơi"; "Có lợi mới có nghĩa, lấy nghĩa để mưu lợi"; "Quan to ăn to, quan nhỏ ăn nhỏ, không ai không ăn". Từ truyền thống tôn sùng triết lý "Yên phận với bần hàn", một số kẻ chuyển sang triết lý "Quân tử ham tiền mới tìm được lối đi".

Người ta đã tổng kết 6 đặc điểm của tệ tham nhũng ở Trung Quốc, như sau: 1 - Quy mô tham nhũng trong quan chức đảng có xu hướng phát triển; 2 - Những kẻ tham nhũng phần lớn là những cán bộ chủ chốt trong đảng và chính quyền;

---

* Vụ trưởng, Bộ phận thường trực Trung ương 6 (2)

(1) *Tài liệu tham khảo*, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, số 9/2003



Digitized by Google

3- Phần lớn các vụ án tham nhũng là "xuyên án", "ổ án"; 4 - Những vụ án về thoái hóa biến chất, suy đồi đạo đức ngày càng tăng; 5 - Quan chức tham nhũng "người trước ngã, người sau tiến"; 6 - Chợ đen quyền lực, bán quan có giá.

3 - Tuy nhiên, thực trạng nêu trên ở Trung Quốc hiện đang lùi về quá khứ. So với năm 1992, được coi là mốc thời gian Trung Quốc chính thức có chiến lược chống tham nhũng, khi Chu Dung Cơ tuyên bố thành lập Ban Chỉ đạo chống tham nhũng do Ôn Gia Bảo làm Trưởng Ban, đến nay tệ tham nhũng ở Trung Quốc đã bị kiềm chế đáng kể. Theo cách đánh giá của tổ chức Trong sáng thế giới, Trung Quốc hiện đã được xếp vào một trong 20 nước ít tham nhũng nhất thế giới.

Đến nay tệ tham nhũng ở Trung Quốc đã không còn quá bức xúc và không còn là mối quan tâm hàng đầu của dư luận như trước, nhường chỗ cho vấn đề việc làm đang nổi lên bức xúc nhất. Nhân dân Trung Quốc đã yên lòng hơn về kết quả đấu tranh chống tham nhũng. Theo số liệu công bố năm 2003 (2), có 74,44% số người được hỏi thừa nhận việc chống tham nhũng ở Trung Quốc có kết quả; 69,36% cho là tệ tham nhũng đã được hạn chế với mức độ nhất định; 68,86% tin tưởng vào sự thắng lợi của cuộc đấu tranh chống tham nhũng. Nếu năm 1996 chỉ có 30% dư luận đánh giá cao kết quả chống tham nhũng, thì năm 2003 đã tăng lên 51%.

4 - Trong những năm qua Trung Quốc đã tiến hành cuộc đấu tranh chống tham nhũng như thế nào?

*Trước hết,* Trung Quốc đã kiên trì triển khai *chiến lược chống tham nhũng một cách bài bản,* hành động có chủ thuyết, mang đậm truyền thống và bản sắc chính trị Trung Hoa.

*Từ ngàn năm trước,* đất nước này còn lưu truyền đến nay những chủ thuyết nổi tiếng khi thực hiện những mục tiêu chiến lược cụ thể, với những danh nhân được nhân loại tôn vinh. Thí dụ, chủ thuyết của Quản Di Ngô giúp Tề Hoàn Công, Thương Ưởng giúp Tần Hiếu Công giành nghiệp bá; chủ thuyết của Lý Tư giúp Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Hoa...

*Thời kỳ cải cách,* Đặng Tiểu Bình đã đưa ra những chủ thuyết độc đáo, đầy sáng tạo, thực hiện sách lược "vu hồi" (quay lại sau), bỏ qua nhiều cản trở không cơ bản để đạt mục tiêu lớn, không mất thời gian dừng lại giải quyết. Chẳng hạn, thuyết: "Họ Xã, họ Tư", "mèo trắng, mèo đen". Để thực hiện mục tiêu xa là đổi mới, phát triển kinh tế, chủ thuyết này đã tạm bỏ qua, chưa cần quan tâm đến vấn đề không cơ bản là thành phần kinh tế, hợp tác xã hay tư nhân. Chủ thuyết "một quốc gia hai chế độ", vì mục tiêu tối thượng là thống nhất đất nước Trung Hoa, vấn đề chế độ xã hội chỗ này, chỗ khác tạm thời được giữ nguyên, coi đó là sách lược.

*Với chống tham nhũng,* theo thực tiễn cải cách, chủ thuyết được xây dựng từng bước uyển chuyển, được điều chỉnh, hoàn thiện không ngừng.

Lúc đầu, Đặng Tiểu Bình chủ trương "dùng luật trị nước" để kiềm chế tham nhũng. Nhưng, thực tế là Trung Quốc mới từ quan liêu, hành chính chuyển sang kinh tế thị trường, hệ thống pháp luật chưa hoàn chỉnh, dân lại chưa có thói quen tuân theo luật pháp, nên tệ tham nhũng, tiêu cực đã không bị kiềm chế mà vẫn phát triển ngày càng nghiêm trọng. Vì thế, tháng 1-1995, Giang Trạch Dân đã điều chỉnh chủ thuyết này và đưa ra lý luận: "Ba chú trọng" - tam giảng, (giảng học tập, giảng chính trị, giảng chính khí), nghĩa là chú trọng học tập nâng cao trình độ, năng lực công tác; chú trọng chính trị, nâng cao lập trường tư tưởng chính trị (chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Mao Trạch Đông, lý luận Đặng Tiểu Bình), và chú trọng về đạo đức, lối sống và đức liêm chính. Chủ thuyết này thực hiện từ 1997 cũng vẫn chưa đủ mạnh, chưa đem lại chuyển biến theo yêu cầu. Tiến thêm một bước, tháng 2-2000, Giang Trạch Dân đã bổ sung, đưa ra tư tưởng "ba đại diện" làm cơ sở trong việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng, chống tham nhũng của Trung Quốc. Một lần nữa chưa tạo được sự chuyển biến cần thiết, tệ tham nhũng chưa bị ngăn chặn và vẫn nghiêm trọng, "đe dọa sự sống còn của Nhà nước Trung Quốc".

Vì thế, tháng 10-2000, Giang Trạch Dân lại chủ trương thực hành chủ thuyết "đức trị" song hành với "pháp trị". Theo đó, để chống tham nhũng, nếu chỉ theo luật pháp thì chưa đủ. Thứ nhất, vì Trung Quốc mặc dù có hệ thống cả ngàn luật, nhưng vẫn chưa thể hoàn chỉnh. Thứ hai, dù luật pháp có hoàn chỉnh, nhưng con người đạo đức không tốt, không có thói quen tôn trọng và sống theo pháp luật thì cũng không thể kiềm chế được tham nhũng. Ông đã khai thác mối quan hệ biện chứng

(2) *Sách xanh* năm 2003 của Trung Quốc



Digitized by Google

giữa đức trị và pháp trị trong đấu tranh chống tham nhũng như sau: "Pháp luật và đạo đức là hai bộ phận hợp thành trong thượng tầng kiến trúc, đều là biện pháp quan trọng bảo vệ trật tự xã hội và quy phạm tư tưởng, hành vi của con người".

Ở đây, đức trị là sự thuyết phục, giáo dục, còn pháp trị thể hiện quyền uy và cưỡng chế. Ông nêu mục tiêu mang tính bản chất khách quan: "Lấy pháp trị gần, lấy đức trị xa"; "lấy pháp trị thân, lấy đức trị tâm". Theo ông, phải nắm chắc và thực thi tốt cả đức trị và pháp trị, pháp trị trên nền tảng đức trị, "nắm hai tay, hai tay đều phải rắn".

*Thứ hai,* coi trọng những phương châm hành động cụ thể.

Triển khai chủ trương đức trị, Trung Quốc chỉ rõ, coi quan đức (đạo đức cán bộ) giữ vị trí chủ đạo trong hệ thống tổ chức xã hội. Lấy sức mạnh đạo đức, nhân cách liêm chính của cán bộ, đảng viên để thúc đẩy, giáo huấn đạo đức toàn xã hội. Trên cơ sở đó, nêu chủ trương: "muốn trị dân, trước hết phải trị quan, muốn trị quan nhỏ trước hết phải trị quan to, quan đứng đầu".

Để thực hiện đức trị, Trung Quốc tập trung xây dựng chuẩn mực đạo đức mới, cụ thể để chỉ đạo lời nói và hành động, coi trọng kinh nghiệm của các nước (chẳng hạn, Mỹ khi xây dựng "Luật Đạo đức chính quyền" (năm 1978), đã quy chuẩn đạo đức từ Tổng thống đến nhân viên cấp thấp nhất hoặc "Luật Đạo đức" của I-ta-li-a, quy định những chuẩn mực chỉ đạo mọi hành động của các công vụ viên). Các chế độ, cơ chế, chính sách, pháp luật hiện hành về chuẩn mực đạo đức cũng được sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới để phù hợp, đồng bộ điều chỉnh hành vi và đạo đức cho cán bộ, đảng viên.

Để thực hành pháp trị, Trung Quốc coi trọng kiện toàn hệ thống pháp quy nhằm hạn chế quyền lực cán bộ và cơ quan chấp pháp tương ứng. Trên cơ sở yêu cầu và thực tiễn trong nước, họ tham khảo rộng rãi kinh nghiệm của nhiều nước đi trước như Nhật, Đức, Pháp, Áo, Thụy Sĩ với "Luật công vụ viên", của Anh, Ấn Độ với "Các quy định quan chức phải tuân theo"; của Hà Lan với "Luật Công vụ"; của Ca-na-đa với "Điều lệ xung đột lợi ích"...

Khi cho rằng, hiện tượng tham nhũng trong cán bộ lãnh đạo hoàn toàn có thể giải quyết bằng việc tăng cường quyền lực giám đốc, để trừng trị quan chức tham nhũng, Trung Quốc đã cho xây dựng thêm nhiều rào cản pháp luật và áp dụng các biện pháp phòng ngừa, đồng thời, kiện toàn cơ chế quyền lực giám đốc.

*Thứ ba,* tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý các vụ án lớn, xử lý kỷ luật đảng, kỷ luật hành chính.

Đánh giá kết quả việc tự phê bình và phê bình, Trung Quốc đã nhận định: Chỉ qua tự phê bình và phê bình thì không tìm ra được tham nhũng, tình trạng phổ biến vẫn là, "anh không tố tôi, tôi không tố anh; anh tố tôi thì tôi tố anh. Rốt cuộc chẳng ai tố ai, và mọi chuyện như nước đổ lá khoai, làm cho qua chuyện". Vì thế, để nâng cao chất lượng tự phê bình và phê bình, Trung Quốc đã tăng cường công tác giám sát cán bộ, đảng viên. Giám sát trong nội bộ Đảng, giám sát từ bên ngoài Đảng, bao gồm cả dư luận xã hội. Ngày 18-2-2004, Trung Quốc đã chính thức ban hành và thi hành thử "Điều lệ giám sát nội bộ của Đảng Cộng sản Trung Quốc", gồm 41 điều, 5 chương. Cùng ngày cũng công bố "Điều lệ xử lý kỷ luật Đảng Cộng sản Trung Quốc", gồm 3 phần, 15 chương, 178 điều [3]. Cán bộ tiến hành kê khai tài sản, quà cáp, con cái, người thân liên quan, chủ yếu là tự kê khai, tự đánh giá.

Phương châm chung "Hai mươi bốn chữ" được quán triệt trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực: "Thống nhất tư tưởng, kiên định lòng tin, bình tĩnh đối phó, giành lợi tránh hại, chuyển biến tác phong, thực sự làm việc". Việc đẩy mạnh chỉnh đốn tác phong Đảng chú trọng hơn vào tìm nguyên nhân và xử lý tận gốc các nguyên nhân tham nhũng, cải cách thể chế, xóa bỏ dần môi trường phát sinh tham nhũng.

Thực hiện giám sát dân chủ, lấy phiếu tín nhiệm cán bộ khi bổ nhiệm. Tăng cường kiểm tra từ trên xuống do Ủy ban Kiểm tra các cấp của Đảng và của Nhà nước thực hiện. Riêng năm 2003, thành lập 11 đoàn kiểm tra của Đảng để kiểm tra các đầu tỉnh. Mỗi năm chọn 10 tỉnh để kiểm tra toàn diện. Việc kiểm tra của cấp trên đối với cấp dưới cũng được coi trọng, thông qua việc lập ra nhiều đoàn kiểm tra.

Từ tháng 10-1992 đến tháng 10-2002 (10 năm) đã xử 1 590 000 vụ án, xử lý 176 thứ, bộ trưởng (trong đó có những tội tham nhũng). Đẩy mạnh

(3) Trong khi đó ta mới ban hành 19 điều cấm đảng viên không được làm, mà thực hiện cũng đầy khó khăn


Digitized by Google

việc chỉnh đốn tác phong Đảng. Từ 1997, đã xóa bỏ chế độ làm kinh tế trong quân đội, là một trong những khâu phát sinh tham nhũng; thực hiện cải cách hành chính, cải cách công tác cán bộ, thực hiện đấu thầu đất đai.

*Thứ tư*, chống tham nhũng với ý chí kiên quyết, nhưng bình tĩnh, chủ động.

Mặc dù đã đạt được những bước tiến rõ rệt trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng, nhưng Đảng và Nhà nước Trung Quốc vẫn coi đây là nhiệm vụ trọng tâm ở vị trí hàng đầu trong 6 vấn đề lớn của đất nước này. Trung Quốc tuyên bố: Tham nhũng là kẻ thù đối mặt trực tiếp của Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa, nó không thể hòa nhập vào tính chất và tôn chỉ của Đảng được. Chống tham nhũng, xây dựng tác phong liêm chính là bảo đảm quan trọng cho sự nghiệp vĩ đại xây dựng chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc.

Trong Hội nghị Ủy ban Kiểm tra, Kỷ luật Đảng của Trung Quốc mới họp vào đầu tháng 1-2004, Tổng Bí thư Hồ Cẩm Đào đã biểu lộ ý chí quyết tâm đấu tranh chống tham nhũng đó qua lời tuyên bố: *"Đảng không được mềm lòng trước những cán bộ tham nhũng"*.

Trung Quốc cho rằng, muốn chống tham nhũng, tiêu cực có hiệu quả phải đồng thời coi trọng cả 4 mặt: giáo dục tư tưởng, đạo đức liêm chính; tăng cường giám sát cán bộ trên cơ sở qui phạm các hành vi của cán bộ lãnh đạo (quy định trách nhiệm và những điều không được làm); xử lý và trừng trị kịp thời, nghiêm minh các vi phạm; xây dựng và thực hiện các cơ chế và pháp chế.

Cuối tháng 12-2003, Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã họp đánh giá lại tình hình tham nhũng trong cán bộ, đảng viên đã nhận định: việc kiểm soát quyền lực, đặc biệt là với các bí thư đảng và quan chức chính quyền tới nay vẫn còn yếu. Nhiều người trong số các quan chức bị kỷ luật đã không hề bị kiểm tra, thanh tra khi họ đương chức. Tổng Bí thư Hồ Cẩm Đào khẳng định, trong thời gian tới, Trung Quốc sẽ có bước đột phá mới mạnh mẽ hơn trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng, trọng tâm hướng vào đội ngũ cán bộ cấp cao, cấp lãnh đạo, sẽ không có tình trạng "nhẹ trên, nặng dưới".

5 - Qua thực tiễn chống tham nhũng ở Trung Quốc, đối với Việt Nam, chúng tôi nêu một số kiến nghị sau:

*Một là, xây dựng chủ thuyết chống tham nhũng* mang tính chiến lược. Nghiên cứu kinh nghiệm này của Trung Quốc, chủ thuyết chống tham nhũng của Việt Nam cần kết hợp biện chứng giữa xây và chống, lấy mục tiêu *"xây dựng" làm nền móng*, hướng đến pháp trị, trên nền tảng đức trị. Đức là bản chất truyền thống của dân tộc ta, phải lấy đạo đức truyền thống để định hướng đạo đức, lối sống và hành động cho hiện tại. Không ngừng hoàn thiện chủ thuyết; rà soát, đánh giá lại các chủ trương, cơ chế, biện pháp,... và cách tổ chức việc triển khai thực hiện cuộc đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực vừa qua, tổng kết thành lý luận, từ đó bổ sung chủ thuyết. Phải thể hiện được thái độ kiên trì, xác định rõ tính chất gian khổ, lâu dài không có điểm dừng, trong mọi điều kiện không được phép chủ quan, lơi lỏng cảnh giác.

Cần xem xét tính hiệu quả để *đổi mới việc thực hiện một số nguyên tắc đã có* như: tự phê bình và phê bình, dựa vào nhân dân để ngăn chặn và kiềm chế tham nhũng, mối quan hệ giữa tập trung và dân chủ, giữa vai trò, trách nhiệm tập thể và cá nhân... chống tham nhũng, tiêu cực. Cũng cần xem xét, đánh giá đúng việc tổ chức thực hiện qui định về những điều đảng viên không được làm, tìm tòi những cách làm mới, giải pháp mới bổ sung để đem lại sức sống cho những biện pháp này.

Quan tâm đặc biệt đến *đặc điểm truyền thống nhân văn*, đạo lý nhân nghĩa, truyền thống văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc, mà đặc trưng là một xã hội vốn căm ghét, không chấp nhận tham nhũng. Vì vậy, trong quá trình tiến đến pháp trị, cũng như Trung Quốc, chiến lược của chúng ta luôn phải dựa trên nền đức trị để thực hiện pháp trị. Đức trị là chiến lược lâu bền, thể hiện đặc biệt trong *giáo dục, đào tạo, trong văn hóa, văn nghệ, trong việc tạo dựng một xã hội lành mạnh*, không có chỗ dành cho tệ tham nhũng. Tất cả các lĩnh vực xã hội, nhân văn quyết định một xã hội liêm chính, nhất là có các lĩnh vực vừa nêu, cần được xem xét lại, có sự điều chỉnh một cách cơ bản, định hướng trở về nhân văn truyền thống.

*Hai là, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức mẫu mực*, trước hết là người đứng đầu, nhất là người đứng đầu bộ máy của Đảng và Nhà nước các cấp cần phải là hiện thân cụ thể và thuyết phục của ý chí quyết tâm chống tham nhũng, dám

*(Xem tiếp trang 56)*



Digitized by Google

# TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM

## VIETNAM MARITIME UNIVERSITY

Địa chỉ: 484 Lạch Tray - Ngô Quyền - Hải Phòng * ĐT: (031) 735 930; 735 931; 829 109 * Fax: (031) 735 282; 625 175
Website: http://www.vimaru.edu.vn * Email: vimaru@hn.vnn.vn

*Trường Đại học Hàng hải Việt Nam thành lập ngày 1 - 4 - 1956. Trải qua 48 năm xây dựng và trưởng thành, Nhà trường đã đào tạo cho đất nước hàng vạn cán bộ khoa học - kỹ thuật, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp bảo vệ chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc, xây dựng và phát triển ngành hàng hải, nền kinh tế nước nhà.*

*Hiện nay, Trường đang đào tạo 19 chuyên ngành: Điều khiển tàu biển (ĐH & CĐ), khai thác máy tàu biển (ĐH & CĐ), điện tự động tàu thủy, điện tử viễn thông, điện tự động dân dụng và công nghiệp, thiết kế và sửa chữa máy tàu thủy, thiết kế tàu thủy, đóng và sửa chữa tàu thủy, máy xếp dỡ, công trình thủy, bảo đảm an toàn đường thủy, xây dựng dân dụng và công nghiệp, công nghệ thông tin (ĐH & CĐ), kỹ thuật môi trường, kinh tế vận tải biển (ĐH & CĐ), kinh tế ngoại thương, quản trị doanh nghiệp, quản trị tài chính kế toán, quản trị kinh doanh bảo hiểm.*

CÁC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO:

*** Cao đẳng tập trung.**

*** Đại học: Tập trung, tại chức, chuyên tu, chuyển cấp, văn bằng II.**

*** Sau đại học:**

**- Thạc sĩ gồm 6 chuyên ngành: An toàn hàng hải, thiết bị năng lượng, kinh tế vận tải thủy, tự động điện, thiết kế đóng mới tàu thủy, công trình thủy.**

**- Tiến sĩ gồm 3 chuyên ngành: Thiết bị năng lượng, đóng tàu, kinh tế vận tải.**

*** Đào tạo các khóa bồi dưỡng cập nhật và thi bằng sĩ quan quản lý, sĩ quan vận hành tàu thủy, thủy thủ trưởng, thợ cả, các khóa huấn luyện cấp chứng chỉ thuyền viên theo tiêu chuẩn quốc tế STCW 78/95.**

QUY MÔ ĐÀO TẠO: **hơn 13 000 sinh viên.**

CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY: **50 đơn vị, gồm 10 khoa, 10 bộ môn, 11 trung tâm, 04 công ty, 14 phòng ban và 01 trường PTTH Dân lập hướng nghiệp hàng hải.**

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ CNV: **940 người.**

ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN: **485, trong đó phó giáo sư: 09; NGND: 01; NGƯT: 16; tiến sĩ: 40; thạc sĩ: 227.**

QUAN HỆ QUỐC TẾ:

***Quan hệ song phương với nhiều trường đại học, nhiều quốc gia và các tổ chức quốc tế: Nga, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Hà Lan, Thụy Điển, Na Uy, Ba Lan, Bỉ, ASEAN, EURO, ODA...**

***Liên doanh với Nhật Bản về huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ hàng hải, với Liên bang Nga về vận tải biển.**

THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU:

*** Huân chương Độc lập hạng Nhì.**

*** Huân chương Độc lập hạng Ba.**

*** Huân chương Chiến công và Kháng chiến hạng Ba.**

*** 6 Huân chương Lao động hạng Nhì.**

*** 16 Huân chương Lao động hạng Ba và nhiều phần thưởng cao quý khác.**

*** Đảng bộ nhà trường liên tục nhiều năm liền đạt Đảng bộ trong sạch, vững mạnh.**

Digitized by Google

HUONG GIANG TOURIST COMPANY

Hue - Vietnam

# CÔNG TY DU LỊCH HƯƠNG GIANG

## HUONG GIANG TOURIST COMPANY

Add: 02 Nguyễn Công Trứ, Huế - Việt Nam
Tel: 84. 54. 826 070 - 846 368 * Fax: 84.54. 846 370
E-mail: hgtourist@dgn.vnn.vn * Website: www.huonggiangtourist.com

Festival Huế 2004
Di sản văn hoá với hội nhập và phát triển
12/6 -> 20/6/2004

PATA

## Một trong những đơn vị chính thức phục vụ Festival Huế 2004

*Công ty Du lịch Hương Giang là một doanh nghiệp nhà nước hoạt động với các chức năng: lữ hành quốc tế, khách sạn nhà hàng, hướng dẫn, vận chuyển du lịch, xuất nhập khẩu, thương mại, liên doanh, liên kết hợp tác đầu tư với các đối tác trong và ngoài nước để phát triển du lịch.*

*Đến nay, Công ty đã có một hệ thống tổ chức sản xuất kinh doanh gồm 20 đơn vị thành viên, trong đó có 6 công ty liên doanh trong nước và 6 công ty liên doanh nước ngoài (trong đó có 2 liên doanh với đối tác Nhật Bản: tại TP Ma-chi-da, Tô-ky-ô, Nhật Bản và Công ty LDDVDL Ky-ô-tô - Huế tại Việt Nam*

Đơn vị Anh hùng Lao động

KHÁCH SẠN HƯƠNG GIANG ★★★★
(Tọa lạc ở Trung tâm TP bên dòng Hương thơ mộng)
51 Lê Lợi - Huế - E-mail: hghotel@dng.vnn.vn
Tel: 84.54.822122 - Fax: 84.823102

TRUNG TÂM DVDL NƯỚC KHOÁNG NÓNG MỸ AN
(Cách trung tâm TP 6 km trên đường về biển Thuận An)
Mỹ An, Phú Dương - TT.Huế: hgtourist@dgn.vnn.vn
Tel: 84.54.859 704 - Fax: 84.54.846 368

Đến với ***Khách sạn Hương Giang***, Quý khách sẽ được nghỉ ngơi trong những căn phòng đầy đủ tiện nghi hiện đại của một khách sạn đạt tiêu chuẩn quốc tế 4 sao, mang sắc màu của chốn hoàng cung xưa của một khách sạn bên sông nằm ngay trung tâm thành phố. Không những vậy, để tạo cho Quý khách cảm nhận được không gian "sống" của đất đế đô xưa, chỉ cách Hoàng cung 3 phút đi bộ, ***Khách sạn Thành Nội*** đã được chọn vị trí bên cạnh khu phố cổ lục bộ - Đại Nội, thuận tiện để tham quan các di tích lịch sử và giao lưu với cảnh sống thanh bình của người dân xứ Huế xung quanh của một Hoàng cung xưa. Một nét đặc biệt đầy ấn tượng, ***Trung tâm DVDL nước khoáng nóng Mỹ An***. Với trữ lượng nước khoáng lớn có nhiệt độ 52°C, đặc trưng bởi hàm lượng chất lưu huỳnh có tác dụng phục hồi sức khỏe rất hiệu quả bằng phương pháp khoáng truyền liệu pháp kết hợp cùng một không gian tựa chốn bồng lai tiên cảnh, lung linh sắc màu thiên nhiên của cỏ cây hoa lá đã biến nơi đây thành một Mỹ An - thiên đường cho du lịch. Và để mang lại cho Quý khách những giây phút tận hưởng hương sắc thiên nhiên thật thú vị, bên bờ biển Lăng Cô tuyệt mỹ còn mang đậm nét nguyên sơ, ***Khu nghỉ mát Lăng Cô*** đã được đưa vào phục vụ từ năm 2002. Một kỳ nghỉ biển thú vị sẽ đến với Quý khách ở Lăng Cô Beach Resort.

*Nhân dịp Festival 2004, Công ty Du lịch Hương Giang*
*Rất hân hạnh được phục vụ Quý khách!*

Mọi chi tiết xin liên hệ

**TRUNG TÂM LỮ HÀNH QUỐC TẾ HƯƠNG GIANG**
17 Lê Lợi - Huế - Việt Nam - Tel: (84.54) 832221 ; Fax: (84.54)821426
E-mail:hgtravel@dng.vnn.vn; Website: www.huonggiangtourist.com

KHÁCH SẠN THÀNH NỘI
(ở Trung tâm TP bên cạnh Đại Nội - Hoàng Cung Triều Nguyễn)
57 Đặng Dung - TP. Huế - E-mail: thanhnoi@dng.vnn.vn
Tel: 84.54.522478 - Fax: 84.54.527211

KHU NGHỈ MÁT LĂNG CÔ
(Nằm bên cạnh quốc lộ 1A, gần đường hầm bộ Hải Vân)
Thị trấn Lăng Cô - Phú Lộc - Huế - E-mail: langco@dng.vnn.vn
Tel: 84.54.873555 - Fax: 84.54.873564

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN

REX HOTEL ★★★★

*Miếng Ngon Đất Việt*

**BUFFET MÓN ĂN BA MIỀN**
100 000 đồng (người lớn)
50 000 đồng(trẻ em)
+ 01 thức uống nhẹ
Với chương trình biểu diễn nhạc dân tộc đặc sắc
*19g00-21g00 Thứ Bảy & Chủ Nhật hàng tuần từ 10/05/2003*

**CƠM TRƯA VĂN PHÒNG**
Từ 11:00 - 14:00 Thứ Hai đến Thứ Sáu
Thực đơn Âu-Á
30 000 đến 50 000 đồng/người

**BỮA TỐI GIA ĐÌNH**
Từ 17:30 - 20:30 Thứ Hai đến Thứ Sáu
Thực đơn năm món
79 000 đồng/người

# NHÀ HÀNG CUNG ĐÌNH REX

*146 Pasteur - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh*

Digitized by Google

# CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT
## TỈNH TÂY NINH

Địa chỉ: 167 Đại lộ 30/4-Thị xã Tây Ninh ĐT: 822327 - 827536

KÍNH CHÚC QUÝ ĐỒNG BÀO
THAM GIA XỔ SỐ KIẾN THIẾT
TỈNH TÂY NINH
*May Mắn Và Hạnh Phúc*

Giám đốc
Nguyễn Hữu Tài

Digitized by Google

# CÔNG TY THIẾT KẾ BƯU ĐIỆN

## P&T ENGINEERING DESIGN COMPANY

230 Hai Bà Trưng, Q.1, TP.HCM - ĐT: 8271439 - 8206377 - Fax: (84.8) 8292464
E-mail : thietkebd@hcm.vnn.vn

- *Tư vấn - Khảo sát*
- *Lập Dự án Đầu tư*
- *Thiết kế Dự toán*

**Các công trình chuyên ngành**

**BƯU CHÍNH - VIỄN THÔNG**

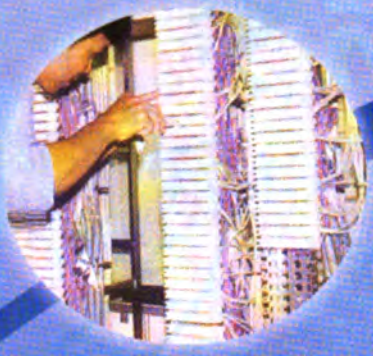

*Với chúng tôi*

Trước hết là **UY TÍN & CHẤT LƯỢNG**

Digitized by Google

# PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN THUẬN THÀNH

ĐỊA CHỈ: PHỐ HỒ - THỊ TRẤN HỒ - HUYỆN THUẬN THÀNH - TỈNH BẮC NINH * ĐT: 0241 865218

*Đồng chí Lê Đình Thanh - Trưởng Phòng (người bên trái) trong Lễ Đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì*

## QUY MÔ PHÁT TRIỂN

Năm học 2003 - 2004, hệ thống các trường, lớp tiếp tục ổn định và phát triển, các loại hình học tập được đa dạng hóa, có nhiều mặt tiến bộ so với cùng kỳ năm học trước.

*Mầm non (20 trường)*

+ Nhà trẻ: 2 452 cháu, với 381 nhóm, so với KH đạt 100%, so với độ tuổi đạt 44,9%, so với năm 1999 - 2000 tăng 6,5% độ tuổi, so với năm 2002 - 2003 tăng 2,5% độ tuổi.

+ Mẫu giáo: 5 756 cháu, với 221 lớp, so với KH đạt 99,8%, so với độ tuổi đạt 86,3%, so với năm 1999 - 2000 tăng 8,5% độ tuổi, so với năm 2002 - 2003 tăng 2,4% độ tuổi.

*Tiểu học (23 trường, 452 lớp, 14 328 HS)* đạt 100% so với KH. Việc theo dõi quản lý HS chặt chẽ, không có HS bỏ học.

Tổ chức 2 lớp bán trú với 70 HS, số lớp học 2 buổi/ngày là 392/452 lớp (86,7%), so với năm học 2002 - 2003 tăng 51 lớp với 1 234 HS.

Duy trì 2 lớp tiền hòa nhập (Trường TH Trí Quả và Đại Đồng Thành 2) với 30 HS. Vận động 90% số trẻ khuyết tật ra học lớp hòa nhập, so với năm 2002 - 2003 tăng 3,8% với 17 HS, so với năm học 1999 - 2000 tăng 16,5% với 138 HS.

*Trung học cơ sở (19 trường, 323 lớp, 13 843 HS)* đạt 100% so với KH, so với năm học 2002 - 2003 tăng 13 lớp với 664 HS. Tuyển sinh vào lớp 6 là 3 425 đạt 99,85%, tăng 0,25% so với năm học 2002 - 2003. Số HS bỏ học 0,06%, tỉ lệ lưu ban 0,2% giảm nhiều so với trước.

## KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHỔ CẬP GIÁO DỤC TIỂU HỌC, THCS, CHỐNG MÙ CHỮ

*Phổ cập tiểu học:* Tiếp tục thực hiện phổ cập đúng độ tuổi đạt vững chắc: Huy động 100% trẻ 6 tuổi đến lớp 1, duy trì sỹ số 100%.

*Công tác phổ cập THCS:* Tháng 11 - 2003 Bộ Giáo dục và Đào tạo đã kiểm tra và ra quyết định công nhận đạt chuẩn phổ cập THCS năm 2003.

*Công tác phổ cập bậc THPT:* Đã được triển khai, quán triệt các văn bản đến các nhà trường và các địa phương, chuẩn bị xây dựng đề án phổ cập bậc THPT đến năm 2008.

Toàn ngành tiếp tục phấn đấu để giữ vững danh hiệu đơn vị dẫn đầu năm thứ 3 cấp tỉnh.

Được sự chỉ đạo sâu sát của các cấp lãnh đạo địa phương, cùng với truyền thống cần cù và hiếu học của nhân dân, Phòng Giáo dục và Đào tạo Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã và đang thực hiện tốt chức năng giáo dục của toàn huyện, thực hiện tốt các chương trình, mục tiêu mà Đảng, Nhà nước đã đề ra.

## MỘT SỐ THÀNH TÍCH NỔI BẬT

* 14 năm liền đạt danh hiệu xuất sắc cấp tỉnh, 2 năm 2002, 2003 đạt đơn vị dẫn đầu ngành GD-ĐT Bắc Ninh

* Được nhà nước tặng Huân chương Lao động hạng Ba (năm 1995), Huân chương Lao động hạng Nhì (năm 2001)

* 5 trường được nhận Huân chương Lao động, nhiều đơn vị cá nhân được tặng bằng khen và cờ thi đua của Chính phủ, bộ, UBND tỉnh

* 3 nhà giáo được phong tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú

* 100% số trường tiểu học, 1 trường mầm non, 2 trường THCS được côngnhận trường chuẩn quốc gia; 2 trường mầm non và 2 trường THCS đang chuẩn bị để nghị trường chuẩn quốc gia

*Thứ trưởng Bộ GD và ĐT về thăm và kiểm tra thực hiện thí điểm giáo dục THCS*

Digitized by Google

# SỞ GIAO THÔNG - VẬN TẢI BẮC NINH

Địa chỉ: Khu 6 Thị Cầu, thị xã Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh * Điện thoại: 0241 822 416

Sau hơn 7 năm tái lập, tuy có nhiều khó khăn nhưng ngành giao thông vận tải tỉnh Bắc Ninh đã có những bước phát triển mạnh mẽ. Cụ thể là: Đầu tư nâng cấp một số tuyến đường như QL1, QL18, QL38, công trình Cầu Hồ (nâng cấp, rải nhựa được 113 km đường tỉnh, 131 km đường huyện và đường xã). Trong năm 2002, toàn tỉnh đã huy động và đầu tư trên 110 tỉ đồng phục vụ cho nhiệm vụ phát triển đường giao thông nông thôn (gấp 2 lần so với năm 2001); năm 2003, đầu tư trên 180 tỉ đồng (gấp 1,6 lần so với năm 2002). Kết quả đó đã góp phần quan trọng làm thay đổi đáng kể kết cấu hạ tầng GT-VT trên địa bàn tỉnh, phục vụ tốt công cuộc phát triển kinh tế - xã hội chung của toàn tỉnh.

## MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN GT-VT CỦA TỈNH BẮC NINH TỪ 2001 ĐẾN NĂM 2010

*** Đối với hệ thống đường do trung ương quản lý**

**+ Phối hợp hoàn thành việc nâng cấp cải tạo các quốc lộ; xây dựng QL1 mới đoạn Hà Nội - Bắc Ninh chiều dài 20 km với quy mô đường cao tốc**

**+ Đầu tư nâng cấp QL18 đoạn Bắc Ninh - Hạ Long và hoàn thành trong giai đoạn 2005 - 2010**

**+ Hoàn thành nâng cấp QL38 chiều dài 23 km**

**+ Phối hợp cải tạo để nâng cao năng lực khai thác các tuyến đường sông, đường sắt, xây dựng mới đoạn đường sắt Hà Nội - Hạ Long, các cảng hiện có và một số cảng nhỏ của địa phương theo quy hoạch.**

*** Đối với các tuyến đường địa phương**

**Phấn đấu đến năm 2005, nhựa hoá các tuyến tỉnh lộ còn lại (78km) với quy mô đường từ cấp 4 đến cấp 3; nhựa hoá khoảng 40% - 50% các tuyến đường huyện và đường đô thị (90 - 100 km)**

*** Đối với các tuyến đường xã và liên thôn:**

**Phấn đấu cứng hoá mặt đường bằng nhựa hoặc bê-tông khoảng 50% (khoảng 300km)**

*** Đối với các tuyến đường thôn xóm:**

**Phấn đấu đến năm 2005 cứng hóa mặt đường khoảng 50% (800 - 900km).**

# TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG QUẾ VÕ 1

Hiệu trưởng
**LÊ ĐỨC VĨ**

Địa chỉ: Phố Mới, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh * Điện thoại: 0241 [illegible]

*Trường Trung học phổ thông Quế Võ 1 được thành lập năm 1965 tại xã Quế Tân, huyện Quế Võ - mảnh đất có bề dày truyền thống ham học với nhiều tiến sĩ, trạng nguyên.... Tiếp nối truyền thống cao đẹp đó, tập thể cán bộ, giáo viên Nhà trường đã không ngừng vươn lên, quyết tâm xây dựng Nhà trường trở thành một đơn vị vững mạnh toàn diện*

## MỘT SỐ KẾT QUẢ ĐÁNG GHI NHẬN CỦA NHÀ TRƯỜNG

Hiện nay, Trường THPT Quế Võ số 1 có 64 lớp với tổng số 3 300 học sinh. Trường có cơ sở vật chất đáp ứng tốt nhu cầu dạy, học, thực hành của giáo viên và học sinh.

Tỷ lệ học sinh thi đỗ tốt nghiệp hằng năm luôn đạt từ 96% đến 98%.

Tỷ lệ học sinh thi đỗ đại học hằng năm đạt 15% - 20%, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp đạt 35% - 40%.

Đội ngũ giáo viên luôn phát triển mạnh mẽ cả về số lượng và chất lượng (năm 1998, Nhà trường có 75 giáo viên và đến năm 2003 có 115 giáo viên, 100% giáo viên được chuẩn hoá. Đến hết năm 2005, sẽ có 16 thạc sĩ và 1 tiến sĩ).

Năm 1998 có 7 đảng viên và 3 giáo viên giỏi đến năm 2003 có 19 đảng viên và 16 giáo viên giỏi.

Hằng năm, Nhà trường tuyển từ 250 đến 270 học sinh ngoại tuyến (đây là sự khẳng định về uy tín và chất lượng giảng dạy của Nhà trường)

Với những thành tích trên, Nhà trường được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen (năm 2003), Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tặng bằng khen (năm 2003) và Tỉnh ủy Bắc Ninh tặng bằng khen (năm 2000, 2003), Chi bộ Nhà trường nhiều năm liền được công nhận là chi bộ trong sạch, vững mạnh.

Digitized by Google

Giám đốc: **NGUYỄN ĐỨC LÊ**

# SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ BẮC NINH

ĐỊA CHỈ: SỐ 6 LÝ THÁI TỔ, TX. BẮC NINH * ĐT: 0241 852 546

**VỚI PHƯƠNG CHÂM "KHÔNG ĐỂ CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI ĐẾN BẮC NINH TÌM KIẾM CƠ HỘI ĐẦU TƯ PHẢI RA ĐI KHÔNG TRỞ LẠI", SỞ KẾ HOẠCH - ĐẦU TƯ ĐÃ THAM MƯU CHO UBND TỈNH TẠO MỌI ĐIỀU KIỆN VỀ KẾT CẤU HẠ TẦNG, CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VỀ ĐẦU TƯ NHẰM TẠO MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ THÔNG THOÁNG NHẤT CHO CÁC DOANH NGHIỆP ĐẾN ĐẦU TƯ TẠI TỈNH.**

Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối giúp UBND tỉnh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đầu tư trên địa bàn tỉnh. Tại đây, các nhà đầu tư nước ngoài sẽ được cung cấp các thông tin, giải quyết mọi việc liên quan đến đầu tư với thủ tục đơn giản và nhanh nhất.

UBND tỉnh đã ban hành quy định ưu đãi, khuyến khích đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh để tăng sức hấp dẫn cũng như đẩy mạnh việc đầu tư xây dựng và phát triển các khu, cụm công nghiệp.

Các nhà đầu tư nước ngoài vào khu công nghiệp Bắc Ninh sẽ được hưởng thêm một số ưu đãi về tiền thuê đất, vốn, kinh phí đào tạo nghề. Cụ thể: các doanh nghiệp có vốn đầu tư trong và ngoài nước (Quyết định số 60/2001/QĐ-UB và Quyết định số 104/2002/QĐ-UB) khi đầu tư vào KCN được miễn tiền thuê đất trong 10 năm đầu và giảm 50% những năm tiếp theo. Nếu doanh nghiệp đầu tư vào các cụm công nghiệp hay địa bàn khác trong tỉnh được miễn 8 năm đầu và được giảm 40% cho những năm tiếp theo.

Doanh nghiệp còn được hỗ trợ vốn từ 20% đến 30% số thuế giá trị gia tăng thực nộp ngân sách trong 2 năm đầu (từ lúc bắt đầu sản xuất) và 50% kinh phí đào tạo nghề cho lao động địa phương được tuyển dụng.

Các nhà đầu tư nước ngoài khi vào Bắc Ninh còn có thể tận dụng thế mạnh về nguồn lao động dồi dào sẵn sàng đáp ứng nhu cầu tuyển dụng; giao thông thuận tiện gần Thủ đô Hà Nội.

Chính quyền địa phương tại nơi có dự án đầu tư cam kết tạo mọi điều kiện giúp đỡ. Trình độ quản lý kinh tế của cán bộ được nâng cao, có thể đáp ứng nhu cầu liên doanh với nước ngoài.

Nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế đối ngoại, chủ động tìm kiếm và tiếp cận cơ hội đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư Bắc Ninh đã ban hành danh mục các dự án ưu tiên gọi vốn đầu tư nước ngoài.

Chủ động xây dựng chiến lược đưa các dự án ra chào mời, khuyến khích đầu tư theo hình thức BOT, BTO, BT để phát triển nhanh kết cấu hạ tầng.

Hai khu công nghiệp Tiên Sơn và Quế Võ, cùng các cụm công nghiệp làng nghề đang được xây dựng và tiếp tục kêu đầu tư sẽ tạo môi trường thu hút vốn đầu tư nước ngoài của tỉnh trở nên sôi động, góp phần không nhỏ trong tiến trình thực hiện CNH - HĐH tỉnh Bắc Ninh.

Digitized by Google

Báo **Phụnữ**

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA HỘI LHPN TP HỒ CHÍ MINH

188 Lý Chính Thắng-Q.3-TP.HCM
ĐT: 9316160 - 9316629 - 9316854
Fax: (84.8) 9316723

**Văn phòng đại diện tại Hà Nội:**
224 Kim Mã, Q. Ba Đình, Hà Nội - ĐT: (04) 8464206
Fax: (84.4) 8464192

*Tờ báo của mọi thành viên trong gia đình*

**Chúc Bạn đọc**
*An Khang - Thịnh Vượng*
**21/6/2004**

**Phát hành 3 kỳ/tuần:**
***Phụnữ*** Thứ tư
***Phụnữ*** Thứ bảy
***Phụnữ*** Chủ nhật

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG**

# MINH LONG

Địa chỉ: 124 Nguyễn Trung Trực, phường 2, thị xã Tân An, tỉnh Long An
Điện thoại: (072) 832 339 - (072) 834 369 * Fax: (072) 826 620 * Giám đốc: Kts. Nguyễn Văn Tánh

**NGÀNH NGHỀ KINH DOANH**

1. Lập dự án đầu tư xây dựng
2. Thiết kế quy hoạch đô thị nông thôn
3. Thiết kế các công trình dân dụng và công nghiệp
4. Thiết kế kết cấu hạ tầng kỹ thuật, giao thông, cấp nước...
5. Tư vấn giám sát kỹ thuật, quản lý dự án
6. Các dịch vụ khác

*Phạm vi hoạt động trên cả nước*

Digitized by Google

# ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH

# TỈNH HÀ TÂY

Địa chỉ: 45 Bà Triệu - thị xã Hà Đông - tỉnh Hà Tây * ĐT: (034) 824 401 * Bí Thư: ĐỖ NGỌC AN

Năm 2004 là năm đầu tiên Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết định lấy tháng 3 hằng năm là Tháng Thanh niên Việt Nam. Ngay từ ngày 28-02-2004, 18/18 huyện, thị đoàn và tổ chức đoàn trực thuộc trên địa bàn tỉnh Hà Tây đã tổ chức ra quân Tháng Thanh niên và phát động đợt thi đua cao điểm lập thành tích chào mừng 73 năm ngày thành lập ĐTNCSHCM (26-3-1931 - 26-3-2004). Cụ thể kết quả của Tháng Thanh Niên là:

★ Trên phạm vi toàn tỉnh các cấp bộ đoàn đã tổ chức được 320 buổi mít-tinh kỷ niệm, 450 trận thi đấu TDTT, treo gần 2 000 băng rôn khẩu hiệu và hơn 500 buổi biểu diễn giao lưu văn hóa Việt Nam.

★ Triển khai cuộc thi tìm hiểu "Âm vang Điện Biên" - một cuộc thi được phát động trong toàn thể cán bộ, đoàn viên, thanh niên và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh do Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn phối hợp cùng một số đơn vị khác phát động, có trên 494 885 bài dự thi gửi về Ban Tổ chức.

★ Hướng dẫn triển khai học tập quán triệt 6 bài học lý luận chính trị cho đoàn viên, thanh niên ở 100% cơ sở đoàn trong toàn tỉnh.

★ Các cấp bộ đoàn đã đảm nhận và hoàn thành 2 815 công trình, trị giá gần 20 tỉ đồng.

★ Đoàn viên, thanh niên đã tích cực tham gia các phong trào, các cuộc vận động như: "Thanh niên xung kích giữ gìn trật tự an toàn giao thông", "Thanh niên với nhiệm vụ bảo vệ môi trường", "Thanh niên với cuộc sống cộng đồng", "Uống nước nhớ nguồn", " Vì đàn em thân yêu"... góp phần tạo nên không khí phấn khởi, tin tưởng trong đời sống chính trị và tạo động lực thi đua trong phong trào hành động cách mạng của tuổi trẻ toàn tỉnh.

★ Phát triển được hơn 20 000 đội viên, 3 200 Đoàn viên, phát 3.710 thẻ đoàn viên, giới thiệu 230 đoàn viên ưu tú cho Đảng xem xét và kết nạp được 150 đoàn viên vào Đảng.

★ Sau khi phối hợp chặt chẽ trong việc tổ chức Hội khoẻ Phù Đổng các huyện, thị xã, BTV Tỉnh Đoàn tiếp tục phối hợp với Sở TDTT và Sở GD - ĐT Hà Tây tổ chức thành công Hội khoẻ Phù Đổng lần thứ 9, Cuộc thi: "Hình ảnh anh bộ đội Cụ Hồ trên con tem bưu chính" đã thu được 115 425 bài dự thi Chào mừng 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, Ban Chấp hành Tỉnh Đoàn phối hợp với hội CCB, Sở GD-ĐT, Sở VH-TT, Bộ CHQS tỉnh tổ chức chùm hoạt động lớn với chủ đề "Ngày hội tuổi thơ Hà Tây- Mừng 50 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ". Trong 2 ngày, 1000 em đội viên đã được tham gia các hoạt động: Thi vẽ tranh, nặn tượng; thi Nghi thức Đội; thi Giáo viên - Tổng phụ trách giỏi; Liên hoan Chiến sĩ nhỏ Điện Biên.

★ Tặng 6 giải thưởng Lý Tự Trọng cho cán bộ đoàn, 6 giải thưởng Sao Tháng Giêng cho 6 sinh viên của tỉnh Hà Tây; ba giải thưởng Vừ A Dính cho 3 học sinh trường dân tộc nội trú Ba Vì.

*Đoàn viên thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh huyện Quốc Oai ra quân làm thuỷ lợi*

**Thông qua các hoạt động trong Tháng Thanh niên, Đoàn Thanh niên từ tỉnh tới cơ sở tiếp tục khẳng định tinh thần xung kích, tình nguyện của tuổi trẻ trong việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của tỉnh và các địa phương, góp phần không nhỏ trong việc thực hiện các mục tiêu kinh tế của tỉnh đặt ra trong năm 2004.**

Đoàn viên, thanh niên xã An Phú, huyện Mỹ Đức tham gia công tác vệ sinh môi trường và bàn giao nhà tình nghĩa cho cựu thanh niên xung phong

Digitized by Google

# BAN QUẢN LÝ VỊNH HẠ LONG

166 Lê Thánh Tông - TP. Hạ Long - Quảng Ninh
ĐT: 033 824 867 * Fax: 033 821 307 * Email: btsthalong@hn.vnn.vn

**LÀ CƠ QUAN TRỰC THUỘC CỦA UBND TỈNH CÓ CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, BẢO TỒN, KHAI THÁC VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ CỦA VỊNH HẠ LONG - KHU DI SẢN THIÊN NHIÊN THẾ GIỚI ĐÃ ĐƯỢC UNESCO CÔNG NHẬN.**

## THÀNH TÍCH ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC:

- Trực tiếp nghiên cứu, đề xuất với Tỉnh ủy, UBND tỉnh và các cơ quan ở TW ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật và cơ chế chính sách điều chỉnh các vấn đề liên quan đến công tác quản lý Vịnh Hạ Long.
- Thường xuyên phối hợp với các ngành, địa phương có liên quan kiểm tra, phát hiện ngăn chặn và xử lý kịp thời nhiều vụ vi phạm những quy định bảo tồn Vịnh Hạ Long.
- Triển khai thực hiện thường xuyên các hoạt động tuyên truyền quảng bá về Vịnh Hạ Long. Tổ chức nghiên cứu, xuất bản 12 đầu sách, 3 loại bản đồ, nhiều tài liệu, băng đĩa, ấn phẩm, phục vụ cho công tác tuyền truyền, tham quan du lịch Vịnh Hạ Long.
- Thực hiện các dự án đầu tư tôn tạo, khai thác hang động, khu vui chơi giải trí trên Vịnh Hạ Long như: Động Thiên Cung, hang Sửng Sốt, hang Đầu Gỗ, đảo Soi Sim, đảo Ti-tốp... đạt hiệu quả cao về kinh tế - xã hội.
- Tổ chức quản lý, phục vụ tốt việc đón khách tham quan hang động và các điểm thắng cảnh trên vịnh. Từ 1996 đến nay, đón tiếp và phục vụ trên 6 triệu lượt khách, tổng doanh thu lệ phí tham quan vịnh đạt trên 100 tỉ đồng.
- Được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba.

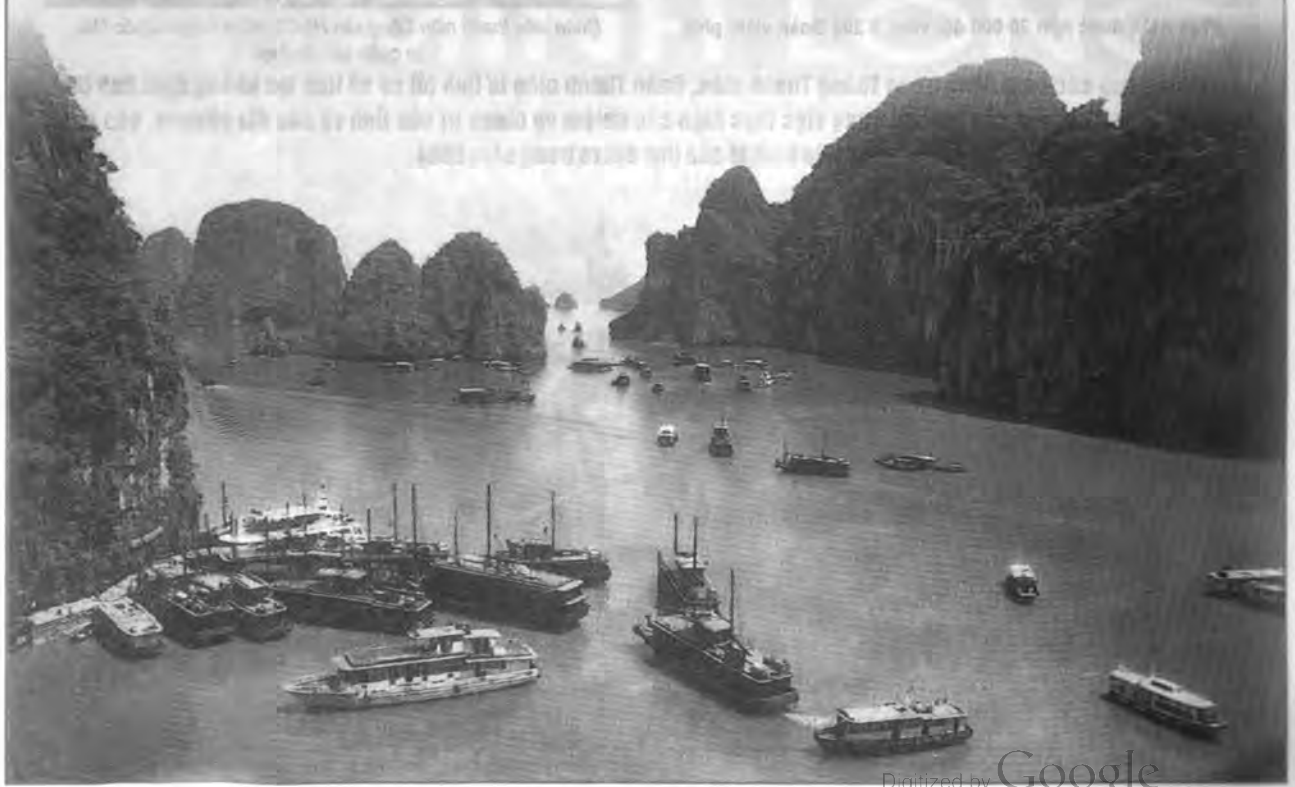

Digitized by Google

# TỔNG CÔNG TY XI-MĂNG VIỆT NAM

XIMANG POOCLANG HONHOP
VIỆT NAM SẢN XUẤT
BỈM SƠN

QMACERT
ISO9002

HÀNG VIỆT NAM
CHẤT LƯỢNG CAO

## CÔNG TY XI-MĂNG

# BỈM SƠN

**BIMSON CEMENT COMPANY**

## ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG

**TRỤ SỞ CHÍNH: THỊ XÃ BỈM SƠN - THANH HOÁ**
**ĐIỆN THOẠI: 037.824 242 FAX: 037.824 046**
**XI-MĂNG BỈM SƠN CÓ CÔNG SUẤT THIẾT KẾ 1,8 TRIỆU TẤN/NĂM**

**SẢN PHẨM CÓ CÁC LOẠI:**
- Xi-măng PCB30; PCB40 TCVN 6260-1997
- Clinker PC30; PC40
- Xi-măng PC40; PC 50 TCVN 2682-1989 (Sản xuất theo đơn đặt hàng)

**NHỮNG THÀNH TÍCH ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC:**
- Từ năm 1988 được cấp dấu Chất lượng Nhà nước.
- Từ năm 1994 được cấp Chứng nhận sản phẩm hợp chuẩn.
- Được tặng thưởng giải thưởng Vàng Chất lượng Việt Nam năm 2000.
- Được tặng thưởng giải thưởng Quả cầu Vàng năm 2003.
- Được cấp chứng nhận "Hàng Việt Nam chất lượng cao" từ 1997 đến nay.
- Được cấp chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2000.
- Được phong tặng danh hiệu "Đơn vị Anh hùng Lao động" trong thời kỳ đổi mới.
- Được tặng giải thưởng quốc gia "Cúp vàng vì Sự nghiệp xanh Việt Nam - 2003".

**CHI NHÁNH TRỰC THUỘC:**

| | | |
|---|---|---|
| * Trung tâm GDTT - TX Bỉm Sơn - Thanh Hoá | Tel: (037) 824 214 | Fax: (037) 824 092 |
| * Chi nhánh Thanh Hoá | Tel: (037) 852 180 | Fax: (037) 858 525 |
| * Chi nhánh Nghệ An | Tel: (038) 853 107 | Fax: (038) 853 662 |
| * Chi nhánh Hà Tĩnh | Tel: (039) 855 492 | Fax: (039) 856 826 |
| * Chi nhánh Ninh Bình | Tel: (030) 871 002 | Fax: (030) 873 433 |
| * Chi nhánh Nam Định | Tel: (0350) 847 317 | Fax: (0350) 839 857 |
| * Chi nhánh Thái Bình | Tel: (036) 836 570 | Fax: (036) 838 506 |
| * Chi nhánh Hà Tây | Tel: (034) 824 656 | Fax: (034) 825 236 |
| * Chi nhánh Hoà Bình | Tel: (018) 852 299 | Fax: (018) 852 415 |
| * Văn phòng đại diện tại Lào | Tel: 0085 654 341 371 | Fax: 0085 654 341 370 |

**CÁC ĐƠN VỊ TIÊU THỤ SỐ LƯỢNG LỚN XI-MĂNG BỈM SƠN:**

- Công ty Vật tư kỹ thuật xi-măng: Tel: (048) 642 315
- Tổng Đại lý tại Đà Nẵng: Tel: (0511) 821 491

Xi-măng Bỉm Sơn "Nhãn hiệu Con Voi" niềm tin của người sử dụng, sự bền vững của những công trình

UNFPA

# DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN

Digitized by Google

# Huyện

# ĐỊNH HÓA

BÍ THƯ
PHÙNG ĐÌNH THIỆU

*Chùa Hang Bảo Cường - một danh thắng và là nơi làm việc của Bác Hồ năm xưa*

*Lễ hội Lồng tồng mồng 10 tháng Giêng*

*Thác 7 tầng ở Tìn Keo, Phú Đình*

Trụ sở Huyện ủy: Thị trấn Chợ Chu - huyện Định Hóa - tỉnh Thái Nguyên * ĐT: (0280) 878 445

Định Hóa là một huyện miền núi của tỉnh Thái Nguyên, cách thành phố Thái Nguyên 50 km về phía tây - tây bắc. Huyện lỵ là thị trấn Chợ Chu diện tích khoảng 520 km², có 23 xã và một thị trấn; dân số 9 vạn người, với 8 dân tộc anh em.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946-1954), huyện Định Hóa được Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh chọn làm An toàn khu (ATK) của Trung ương. Đặc biệt, ngày 06-12-1953, tại Tìn Keo (xã Phú Đình - Trung tâm ATK Định Hóa), Bộ Chính trị, TW Đảng đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ, đưa cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc ta tới chiến thắng lịch sử Điện Biên - lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu.

Trên địa bàn huyện có trên 100 điểm di tích lịch sử kháng chiến, trong đó có 6 di tích được xếp hạng quốc gia. Năm 1996, huyện được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ trang nhân dân (thời kỳ chống Pháp); 24/24 xã, thị trấn trong huyện đều công nhận là xã ATK, trong đó có 7 xã được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ trang nhân dân.

## MỘT SỐ THÀNH QUẢ KINH TẾ, XÃ HỘI:

### VỀ KINH TẾ

Sản xuất nông - lâm nghiệp

Diện tích gieo cấy lúa cả năm là 7 735 ha; tổng sản lượng lương thực cây có hạt đạt 36 700 tấn.

Cây chè có gần 3 000 ha, sản lượng đạt trên 13 ngàn tấn chè búp tươi/ năm.

Lâm nghiệp: Có 26 960 ha đất rừng; trong đó 18.802 ha đất có rừng tự nhiên, hằng năm trồng mới trên 400 ha rừng.

Công nghiệp -TTCN

Giá trị sản xuất CN và TTCN đạt trên 30 tỉ đồng. Trên địa bàn huyện có 2 nhà máy chế biến chè.

Xây dựng kết cấu hạ tầng

100% số xã, thị trấn có điện lưới quốc gia và 85% số hộ dân được sử dụng điện. 100% số xã có thông tin liên lạc đến trung tâm xã, toàn huyện có1 500 máy điện thoại (bình quân 60 người dân /máy). Các xã đều có đường ô-tô đến trung tâm xã.

### VĂN HÓA- XÃ HỘI

* Sự nghiệp giáo dục- đào tạo tiếp tục có bước phát triển ổn định. Toàn huyện có 24/24 đơn vị cơ sở đã tiến hành hoàn thành việc phổ cập bậc tiểu học cơ sở, có 5 trường đạt chuẩn quốc gia.

* Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân và chất lượng khám, điều trị bệnh nhân tại các tuyến y tế được nâng lên.

* Phong trào thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" tiếp tục được đẩy mạnh và đạt kết quả khá tốt.

* Chương trình xóa đói giảm nghèo được tập trung chỉ đạo thực hiện, tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện giảm đáng kể.

### CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG

* Công tác giáo dục chính trị tư tưởng được cấp ủy các cấp quan tâm, coi đây nhiệm vụ hàng đầu trong công tác xây dựng Đảng, việc triển khai quán triệt chỉ thị, nghị quyết của Đảng được tiến hành kịp thời, nghiêm túc trong toàn đảng bộ.

* Toàn đảng bộ có 46 TCCS đảng trực thuộc với 4 486 đảng viên; 31/46 TCCS đảng đạt TSVM, không có TCCS đảng yếu kém. Hệ thống tổ chức bộ máy các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể luôn được củng cố, kiện toàn.

* Công tác phát triển Đảng: Hằng năm kết nạp được trên 300 đảng viên mới.

* Công tác kiểm tra đảng được các cấp ủy quan tâm, chú trọng. Việc tiếp nhận và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo được chỉ đạo giải quyết dứt điểm, không để vụ việc tồn đọng, kéo dài.

Q30

# Thế Giới
## ngày càng thêm ưa chuộng

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google